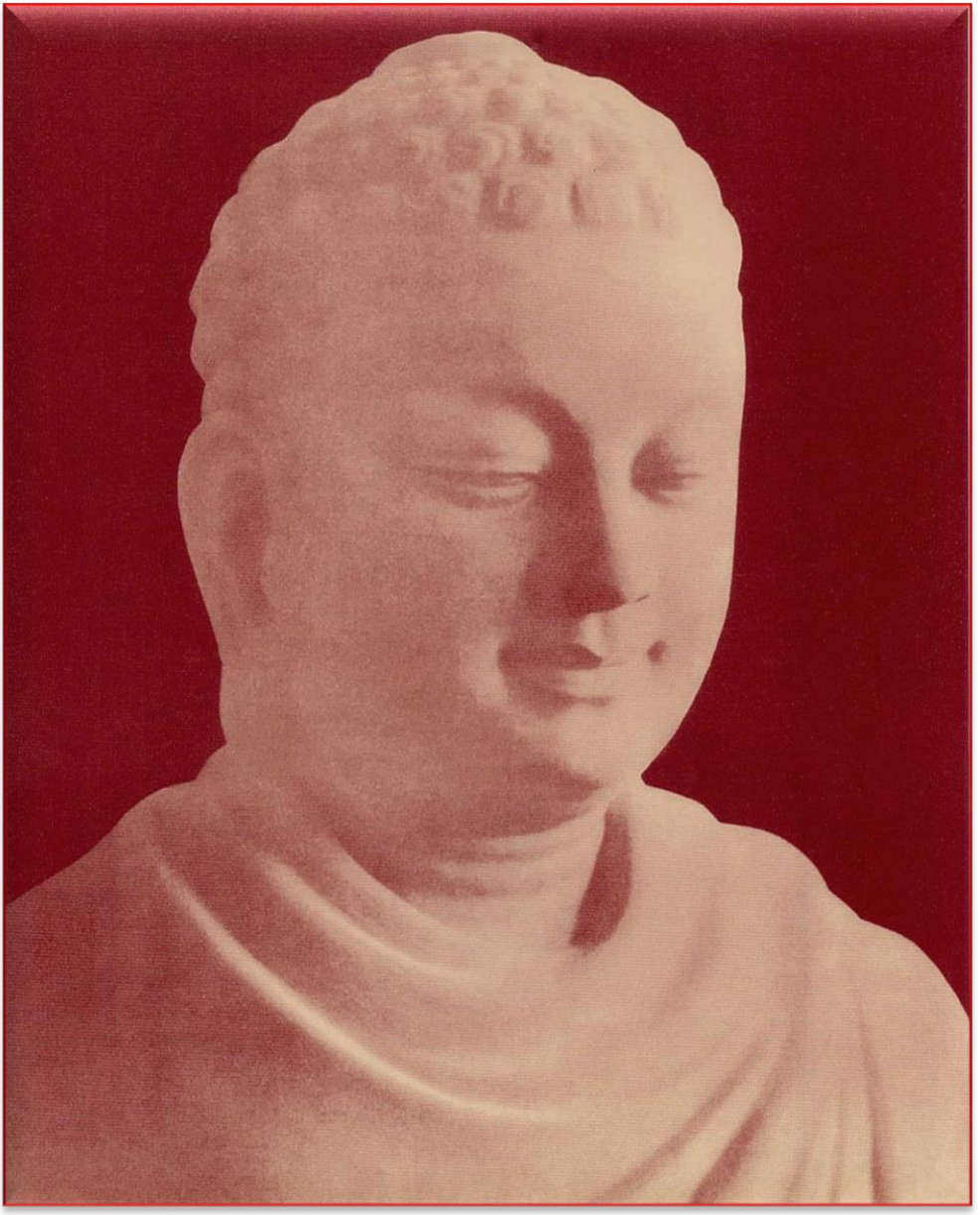


NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 66

BỘ KINH TẬP XIII

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 66

BỘ KINH TẬP XIII

SỐ 721

(QUYỂN 1 → 50)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ KINH TẬP 13 – T066

SỐ 721 3
KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ 3
Quyển 1 3
Phẩm 1: Mười con đường thiện nghiệp (Phần 1) 3
Quyển 2 21
Phẩm 1: Mười con đường thiện nghiệp (Phần 2) 21
Quyển 3 39
Phẩm 2: Sinh tử (Phần 1) 39
Quyển 4 58
Phẩm 2: Sinh tử (Phần 2) 58
Quyển 5 78
Phẩm 2: Sinh tử (Phần 3) 78
Phẩm 3: Địa ngục (Phần 1) 89
Quyển 6 97
Phẩm 3: Địa ngục (Phần 2) 97
Quyển 7 115
Phẩm 3: Địa ngục (Phần 3) 115
Quyển 8 132
Phẩm 3: Địa ngục (Phần 4) 132
Quyển 9 151
Phẩm 3: Địa ngục (Phần 5) 151
Quyển 10 168
Phẩm 3: Địa ngục (Phần 6) 168
Quyển 11 184
Phẩm 3: Địa ngục (Phần 7) 184
Quyển 12 202
Phẩm 3: Địa ngục (Phần 8) 202
Quyển 13 218
Phẩm 3: Địa ngục (Phần 9) 218
Quyển 14 241
Phẩm 3: Địa ngục (Phần 10) 241
Quyển 15 263
Phẩm 3: Địa ngục (Phần 11) 263
Quyển 16 280
Phẩm 4: Ngạ quỷ (Phần 1) 280
Quyển 17 301

Phẩm 4: Ngạ quỷ (Phần 2)..... 301
Quyển 18 321
Phẩm 5: Súc sinh (Phần 1)..... 321
Quyển 19 339
Phẩm 5: Súc sinh (Phần 2)..... 339
Quyển 20 356
Phẩm 5: Súc sinh (Phần 3)..... 356
Quyển 21 374
Phẩm 5: Súc sinh (Phần 4)..... 374
Quyển 22 392
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 1)..... 392
TỨ THIÊN VƯƠNG (Phần 1) 392
Quyển 23 408
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 2)..... 408
TỨ THIÊN VƯƠNG (Phần 2) 408
Quyển 24 431
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 3)..... 431
TỨ THIÊN VƯƠNG (Phần 3) 431
Quyển 25 449
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 4)..... 449
TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 1) 449
Quyển 26 469
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 5)..... 469
TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 2) 469
Quyển 27 485
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 6)..... 485
TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 3) 485
Quyển 28 502
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 7)..... 502
TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 4) 502
Quyển 29 519
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 8)..... 519
TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 5) 519
Quyển 30 537
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 9)..... 537
TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 6) 537
Quyển 31 560
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 10)..... 560
TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 7) 560

Quyển 32 578
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 11) 578
TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 8) 578
Quyển 33 599
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 12) 599
TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 9) 599
Quyển 34 616
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 13) 616
TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 10) 616
Quyển 35 631
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 14) 631
TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 11) 631
Quyển 36 649
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 15) 649
DẠ-MA THIÊN (Phần 1) 649
Quyển 37 664
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 16) 664
DẠ-MA THIÊN (Phần 2) 664
Quyển 38 678
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 17) 678
DẠ-MA THIÊN (Phần 3) 678
Quyển 39 695
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 18) 695
DẠ-MA THIÊN (Phần 4) 695
Quyển 40 713
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 19) 713
DẠ-MA THIÊN (Phần 5) 713
Quyển 41 729
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 20) 729
DẠ-MA THIÊN (Phần 6) 729
Quyển 42 746
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 21) 746
DẠ-MA THIÊN (Phần 7) 746
Quyển 43 762
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 22) 762
DẠ-MA THIÊN (Phần 8) 762
Quyển 44 783
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 23) 783
DẠ-MA THIÊN (Phần 9) 783

Quyển 45 805
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 24) 805
DẠ-MA THIÊN (Phần 10) 805
Quyển 46 822
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 25) 822
DẠ-MA THIÊN (Phần 11) 822
Quyển 47 843
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 26) 843
DẠ-MA THIÊN (Phần 12) 843
Quyển 48 859
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 27) 859
DẠ-MA THIÊN (Phần 13) 859
Quyển 49 877
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 28) 877
DẠ-MA THIÊN (Phần 14) 877
Quyển 50 896
Phẩm 6: Quán thiên (Phần 29) 896

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 66

BỘ KINH TẬP

13

SỐ 721

(QUYỂN 1 → 50)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 721

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Đại sư Cù-đàm Bát-nhã-lưu-chi.

QUYỂN 1

Phẩm 1: Mười con đường thiện nghiệp (Phần 1)

Kính lạy tất cả chư Phật và Bồ-tát.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ở tại thành Vương xá, du hành đến thôn của Bà-la-môn Na-la-đà.

Vào sáng sớm, Tuệ mạng Xá-lợi-phất cùng chúng Tỳ-kheo vào thành Vương xá khất thực. Bấy giờ, chúng Tỳ-kheo tách rời Tuệ mạng Xá-lợi-phất đi khất thực và lần lần đến chỗ ngoại đạo Già-la-ca-ba-ly-bà-xà-ca, rồi cùng nhau thăm hỏi. Tất cả ai nấy đều vui vẻ bàn luận về giáo pháp và đối đáp qua lại.

Ngoại đạo Già-la-ca-ba-ly-bà-xà-ca hỏi các Tỳ-kheo:

–Sa-môn Cù-đàm Thích-ca của các ông nói pháp như vầy: "Dục là bất thiện, không đáng ưa thích, không an vui, không vừa ý. Đối với tham dục của người khác cũng không tùy hỷ."

Tôi cũng nói như vầy:

–Thân nghiệp không đáng ưa thích, không an vui, không vừa ý. Đối với tham dục của người khác cũng không tùy hỷ.

Sa-môn Cù-đàm Thích-ca của các ông nói:

–Khẩu nghiệp không đáng ưa thích, không an vui, không vừa ý, không tùy hỷ với dục của người khác.

Tôi cũng nói như vầy:

–Khẩu nghiệp không đáng ưa thích, không an vui, không vừa ý, không tùy hỷ với dục của người khác.

Sa-môn Cù-đàm Thích-ca của các ông nói:

–Ý nghiệp không đáng ưa thích, không an vui, không vừa ý, không tùy hỷ với dục của người khác.

Tôi cũng nói như vầy:

–Ý nghiệp không đáng ưa thích, không an vui, không vừa ý, không tùy hỷ với dục của người khác.

Pháp luật nơi Sa-môn Cù-đàm Thích-ca của các ông cũng như vậy, có khác gì đâu? Có ý gì khác và có gì hơn không? Nếu pháp luật theo Sa-môn Cù-đàm Thích-ca của các ông cũng như vậy thì có gì khác với tôi? Vậy mà Sa-môn Cù-đàm Thích-ca tự xưng mình là Bậc Nhất Thiết Trí.

Ngoại đạo Già-la-ca-ba-ly-bà-xà-ca hỏi như vậy xong, tâm của các vị Tỳ-kheo không tùy hỷ và không trả lời được vì các vị mới xuất gia nên chưa hiểu rõ về pháp của Tỳ-kheo.

Bấy giờ, chúng Tỳ-kheo tách rời Tuệ mạng Xá-lợi-phất trước đây, khất thực xong rồi đến thôn Na-la-đà để thọ trai và nghỉ ngơi. Lúc này, Tuệ mạng Xá-lợi-phất cũng vừa khất thực xong và cũng đi đến thôn Na-la-đà. Khi ấy, các Tỳ-kheo đến chỗ Tuệ mạng Xá-lợi-phất thưa hết các việc ở trên.

Tuệ mạng Xá-lợi-phất bảo chúng Tỳ-kheo:

–Nếu Tuệ mạng tôi cùng với các vị vào thành Vương xá khất thực, cùng với các vị đi ra ngã tư, ngã ba để đến chỗ ngoại đạo Già-la-ca-ba-ly-bà-xà-ca thì tôi có thể dùng chánh pháp để phá họ, nhưng tôi đi khất thực ở ngã tư, ngã ba khác nên không nghe những điều mà ngoại đạo Già-la-ca-ba-ly-bà-xà-ca cật vấn trước đây. Đức Thế Tôn có trí tuệ thấy biết tất cả nghiệp quả ở hiện tại. Nay Đức Thế Tôn đang ở đây rất là tôn thắng. Nếu tất cả ngoại đạo gặp Phật sẽ bị hàng phục ngay. Đức Thế Tôn đang khéo nói rõ tất cả pháp nghiệp báo cho các Thanh văn, Ưu-bà-tắc, Trời, Người. Đức Thế Tôn ở cách đây không xa lắm, các vị có thể đến đó để hỏi ắt sẽ được nói rõ về tất cả pháp nghiệp báo cho các vị nghe. Còn như chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian đều không thể nói rõ được, chỉ có Đức Như Lai mới có thể nói cho các vị hiểu. Đối với pháp kia tôi chưa thông tỏ, chỉ có Đức Thế Tôn thông hiểu bậc nhất về pháp nghiệp báo mới có thể vì các vị mà giảng nói.

Thế rồi, chúng Tỳ-kheo đi đến chỗ Đức Thế Tôn.

Bấy giờ, vào buổi thuyết pháp ban ngày, Đức Thế Tôn giống như núi Tu-di, hào quang tỏa khắp như ánh sáng mặt trời, như trăng thanh mát trong đêm, như ao nước trong lành, sâu rộng như biển. Đức Thế Tôn an trú bất động giống như núi Tu-di, tâm không sợ sệt như sư tử chúa và làm chỗ

nương tựa cho tất cả chúng sinh. Cũng như cha mẹ luôn có tâm từ và hết thảy chúng sinh là người thân yêu tối thượng, luôn có lòng Từ, Bi, Hỷ, Xả để làm chỗ dựa, lấy ba mươi bảy pháp thù thắng vi diệu của phần Bồ-đề lớn lao để trang nghiêm thân, làm cho mắt của tất cả chúng sinh thanh tịnh, nhìn không nhàm chán. Vương tử Thích-ca Thắng Nhật Nguyệt Quang nói kệ:

Mắt Thế Tôn nhìn khắp
Mắt tịnh không ba cấu
Hay khéo nói Nhị đế
Biết rõ ba thứ khổ.
Như vậy, Phật Thế Tôn
Đã tu hai thứ tu
Hiện chứng được đạo quả
Trí Diệt đế đầy đủ.
Xa lìa khỏi ba cõi
Giảng nói vượt ba cõi
Biết rõ mười tám giới
Quán biết đế giải thoát.
Mười tám nhóm công đức
Tương ưng công đức mình
Tháo gỡ chín trói buộc
Đầy đủ mười thứ Lực.
Thành tựu bốn Vô úy
Và thành tựu đại Bi
Tâm đại Bi thấm nhuần
Thành tựu ba Niệm xứ.

Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo gặp Đức Thế Tôn rồi, trịch áo bày vai, chân phải quỳ sát đất như pháp, lạy Đức Thế Tôn rồi lui qua một bên và giữ oai nghi đứng cúi đầu cung kính. Chúng Tỳ-kheo cử ra một vị đến gần lạy Đức Thế Tôn, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vào sáng sớm nay con ôm bát, đắp y đi vào thành Vương xá khất thực *(thưa hết mọi việc ở trên cho đến cùng ngoại đạo Già-la-ca-ba-ly-bà-xà-ca cật vấn và vấn đề ngoại đạo hỏi về thân, khẩu, ý nghiệp… như trước đã nói)*.

Đức Thế Tôn sau khi quán xét rồi bắt đầu nói pháp cho các Tỳ-kheo thôn Na-la-đà và các Bà-la-môn:

–Này các Tỳ-kheo! Những lời ta nói ra ban đầu, chặng giữa và rốt

sau đều thiện, ý nghĩa và lời lẽ đều thiện. Chỉ có một pháp là đầy đủ thanh tịnh, tốt đẹp, phạm hạnh khai sáng. Đó là pháp môn Chánh pháp niệm xứ. Hãy khéo lắng nghe và suy nghĩ kỹ, ta sẽ vì các ông mà giảng nói.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con xin lắng nghe.

Ngay lúc đó, các Tỳ-kheo chí tâm lắng nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thuyết pháp cho các vị Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo! Thế nào là pháp môn Chánh pháp niệm xứ? Đó là pháp thấy là pháp, phi pháp thấy là phi pháp. Thường niệm pháp môn đó tâm không nghi ngờ, ưa thích nghe pháp, đêm ngày cúng dường, biết được thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp, đối với sự sinh diệt của nghiệp quả không thấy một cách điên đảo, không thực hành pháp khác.

Này các Tỳ-kheo! Thân nghiệp có ba, đó là sát sinh, trộm cắp và tà dâm.

Thế nào là sát sinh? Đối với chúng sinh khác, khởi tưởng về chúng sinh nên có tâm sát hại, cắt đứt mạng sống của chúng. Tạo tác nghiệp sát sinh có ba: thượng, trung, hạ.

1. Thượng là giết các bậc A-la-hán… *(bị đọa vào địa ngục A-tỳ)*.

2. Trung là giết người phàm phu.

3. Hạ là giết kẻ ác và súc sinh.

Lại có ba: Quá khứ, hiện tại và vị lai.

Lại có ba: Hành động tham, hành động sân và hành động si.

1. Hành động tham như hạng săn bắn.

2. Hành động sân như tánh thấp hèn.

3. Hành động si như những trai giới của ngoại đạo.

Lại có ba: Mình làm, bảo người khác làm và thấy người khác làm sinh tâm vui mừng.

Tuy sát sinh nhưng có năm trường hợp không bị nghiệp tội sát sinh.

1. Người đi đường vô tâm mà làm tổn thương, giết hại những mạng sống nhỏ bé, mọn mạy như trùng, kiến

2. Nếu ném cây sắt, vô tâm sát hại mà làm đứt mạng sống loài vật.

3. Thầy thuốc trị bệnh, vì lợi ích mà cho người bệnh uống thuốc. Nhân nơi thuốc đó làm người bệnh chết, nhưng thầy thuốc ấy không có tâm ác.

4. Cha mẹ vì tâm từ dạy con mà đánh, nhân đánh mà người con chết.

5. Khi đốt lửa những con trùng bò vào, vì trùng bò vào mà chết, nhưng người kia không có tâm giết trùng.

Năm trường hợp trên đây, tuy đoạn mạng sống của chúng sinh nhưng không mắc tội sát sinh.

Lại có ba loại sát sinh: Mình làm, bảo người khác làm và thấy người khác làm thì sinh tâm vui mừng.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là tạo nghiệp trộm cắp trọn vẹn? Trộm cắp thế nào là chịu quả báo ít? Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Vật của người khác thuộc về của họ mà mình tự ý trộm lấy. Như vậy là tạo tác đầy đủ nghiệp trộm cắp. Nếu là ba điều: vì làm lợi ích cho các bậc tôn trưởng, cha mẹ và người bệnh, các bậc Duyên giác, La-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm và Tu-đà-hoàn; hoặc vì bệnh nặng; vì đói khát, người kia vì làm lợi ích mà trộm cắp. Trộm cắp như vậy thì chịu quả báo ít vì nghiệp trộm cắp chưa hội đủ.

Lại nữa, trộm cắp bị quả báo ít nghĩa là sau khi trộm cắp, luôn sám hối trong lòng. Sám hối rồi sau không dám tái phạm nữa, ngăn cản người khác trộm cắp, chỉ bảo họ giới không trộm cắp và nêu con đường thiện để họ trú trong pháp lành, xa lìa nghiệp trộm cắp. Như vậy là nghiệp trộm cắp không đầy đủ.

Thế nào là nghiệp đầy đủ? Nếu người trộm cắp, khi trộm cắp dối trá làm mê hoặc người khác. Ở chỗ vắng suy nghĩ tính toán làm những việc dối trá, đong cân đổi vật tạo những nghiệp ác. Những hành động như vậy là nghiệp đầy đủ.

Thế nào thì thành nghiệp? Vật thuộc của người khác, mình biết rồi mà vẫn trộm cắp. Như vậy là thành nghiệp.

Thế nào là nghiệp đầy đủ? Làm rồi tùy hỷ, lại ưa thích làm và làm nhiều, rồi đến chỗ người khác ca ngợi việc trộm cắp.

Lại nữa, bảo người giữ giới thiện khác trộm cắp, đó là nghiệp đầy đủ.

Ba nghiệp như vậy đầy đủ thì quả báo không mất, còn những nghiệp trộm cắp khác thì mắc quả báo ít, chứ không nhất thiết phải chịu.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là tà dâm? Kẻ tà dâm ở đây, nếu với vợ mình hành trái đạo,

đối với vợ người hành đúng đạo hoặc trái đạo. Nếu người khác làm mà sinh tâm tùy hỷ, hoặc cố bày phương tiện, khuyên bảo người khác làm. Đó là tà dâm.

Tà dâm thế nào mắc quả báo ít? Tà dâm xong luôn sám hối trong lòng, không tùy hỷ, ngăn cản người khác tà dâm, chỉ họ con đường thiện. Đó là nghiệp tà dâm không đầy đủ. Nếu lìa bỏ ý tà dâm, giữ giới tu hành. Tà dâm như vậy là mắc quả báo ít, không nhất định phải chịu.

Như vậy, ba thứ nghiệp bất thiện của thân, mắc quả báo ít, quả báo nhẹ là những điều mà ngoại đạo Già-la-ca-ba-ly-bà-xà-ca không thể hiểu biết được, vì không phải cảnh giới của họ. Ngay cả các hàng Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian không ai có thể hiểu biết được. Trừ những vị Thanh văn theo ta nghe pháp, nên biết quả báo của nghiệp chứ không ai dạy cả.

Lại nữa, người tu hành biết quả báo của nghiệp.

Thế nào là khẩu nghiệp, hạnh ác bất thiện?

Khẩu nghiệp có bốn: Vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu và ỷ ngữ.

Thế nào là vọng ngữ? Nghĩa là mình suy nghĩ, rồi đến chỗ người khác nói lời không chân thật. Hoặc thề rủa, ở trước nhà vua nói dối, khiến người khác đau khổ, bị đánh đập, bị trói, hoặc bị thâu hết tài sản. Người kia đã tạo tác đầy đủ nghiệp vọng ngữ. Ai tạo tác đủ nghiệp vọng ngữ sẽ bị đọa vào địa ngục.

Thế nào là lưỡng thiệt? Đối với những người đang hòa thuận, cùng nhau làm việc mà người kia đến nói lời phá hoại. Nói như vậy là tạo tác nghiệp lưỡng thiệt.

Thế nào là lưỡng thiệt mắc quả báo ít? Sau khi nói lời phá hoại rồi, luôn ăn năn trong lòng: Vì ta ngu si nên nói như vậy. Người ấy luôn sám hối nơi tâm, lại ngăn cản người khác nói lời phá hoại, chỉ rõ cho họ con đường thiện. Vì không đầy đủ nên nghiệp này không nặng.

Thế nào là nghiệp này không đầy đủ? Nếu lời nói phá hoại ấy vì phiền não, vì say rượu, đem tâm phân biệt sai đến người kia nói khác. Cho nên nghiệp này không đầy đủ.

Thế nào là nghiệp đạo tương ưng thành lời nói phá hoại? Vì tâm ác mà phá hoại người khác, rồi tùy hỷ khen ngợi. Như vậy là nghiệp đạo tương ưng thành lời nói phá hoại.

Thế nào là nghiệp này quyết định tạo thành lời nói phá hoại? Nghĩa là làm rồi tùy hỷ, lại bảo người khác làm, tùy hỷ khen ngợi, hỷ lạc tham

đắm không rời khỏi tâm. Người kia thường ôm lòng ác nên bị mọi người xa lánh không lui tới. Khi bị mọi người chê bai thì không có tâm xấu hổ nhục nhã, không tự biết mình. Đó là nghiệp của lời nói phá hoại.

Lại nữa, người tu hành quan sát tập khởi của nghiệp.

Thế nào là hành nghiệp ác khẩu? Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn:. Ác khẩu khiến người kia khổ não, không vui tai, không chịu người khác chê bai nhưng bắt họ phải tin mình. Nếu ai trọng mình thì đùa giỡn, còn khinh thì nổi giận. Người ấy sẽ mắc vô lượng quả báo, vô lượng thứ quả báo. Ai ác khẩu nặng sẽ bị đọa vào địa ngục, còn ác khẩu nhẹ thì không nhất thiết phải chịu quả báo. Đây là khẩu nghiệp thứ ba, nghĩa tương ưng đầy đủ với khẩu nghiệp đã nói ở trên.

Lại nữa, người tu hành biết rõ pháp nghiệp báo. Thế nào là khẩu nghiệp thứ tư? Nghĩa là lời nói thêu dệt vô nghĩa, trước sau trái ngược nhau, nói không ăn khớp. Không quyết định hoặc quyết định mắc quả báo cũng như những nghiệp trước. Đây gọi là khẩu nghiệp thứ tư.

Lại nữa, người tu hành quan sát pháp nghiệp báo.

Thế nào là ý nghiệp? Và có mấy loại? Người kia nghe, thấy, biết ý nghiệp có ba: Tham, sân và tà kiến.

Thế nào là tham? Như thấy người khác giàu có, nhiều của cải mà người kia sinh tâm mong muốn để được tài vật đó. Đó là nghiệp tham của ý.

Lại nữa, ý nghiệp nếu thấy người khác giàu có, của cải nhiều, mình sinh tâm ganh ghét. Đó là nghiệp ganh ghét của ý. Nếu sinh tà kiến, sinh kiến chấp điên đảo. Đó là nghiệp tà kiến. Tà kiến có hai loại: Thất *(lỗi lầm)* và bất tín.

Thế nào là bất tín? Là nghĩ rằng: Không bố thí, không cúng tế, không trai hội, không có nghiệp thiện và nghiệp bất thiện, không có quả báo của nghiệp. Nói về bất tín thì nhiều vô lượng.

Thế nào là Thất *(lỗi lầm)*? Người kia cho tất cả khổ vui đều do trời tạo, chứ không có quả báo của nghiệp. Hai loại này gọi là tà kiến.

Lại nữa, người tu hành quan sát pháp nghiệp báo. Thế nào là thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp? Mười thứ như thế ai ưa thích làm và làm nhiều thì người đó chắc chắn nhận lấy quả báo.

Nghĩa này như thế nào? Thế nào là phải chịu quả báo của nghiệp trong hiện tại? Thế nào là mắc nghiệp quả ở đời sau vì bị nghiệp quả nơi đời khác? Đời sau sinh ở đâu? Và sống ở chỗ nào?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Về thân nghiệp, ai ưa thích làm và tạo nhiều sát sinh thì bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh làm người thì bị chết yểu. Vì tâm tham lam mà kẻ săn bắn kia sát sinh, về sau những người đó phải chịu làm thân heo, nai, gà, vịt, ca-tân-xà-la, bị đám săn bắn bao vây, giết hại. Cho đến làm thân cá thì bị chết nơi lưỡi câu. Đời trước người kia đã tạo nghiệp gì thì nhân duyên tương tự như vậy, luôn ở trong sinh tử. Nếu được làm người thì bị chết yểu. Giả sử được sinh vào cõi trời thì không được ở chỗ tốt đẹp mà phải ở nơi có nhiều sợ hãi không bao lâu sẽ bị người giết hại.

Quả báo của sát sinh có thượng, trung, hạ. Kệ rằng:

Có kẻ chết trong thai
Hoặc chết mới lọt lòng
Hoặc chết khi biết đi
Hoặc chết khi biết chạy.

Người sát sinh kia tạo thành nghiệp ấy và do sức mạnh của quả báo nên nói người kia bị đọa vào địa ngục, hoặc phải chịu quả báo trong đời hiện tại, hoặc đời khác.

Lại nữa, người tu hành quan sát quả báo của nghiệp. Thế nào là ưa thích làm và làm nhiều việc trộm cắp? Quả báo trộm cắp có ba: đọa trong địa ngục, chịu quả báo trong hiện tại, hoặc chịu quả báo tàn dư. Ai ưa thích làm và tạo nhiều nghiệp trộm cắp thì người đó bị đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu được làm người thì thường nghèo túng. Nếu có của cải thì sợ vua, nước, lửa, giặc cướp cướp mất tất cả, chưa từng được chút an vui. Nghiệp trộm cắp kia có ba thứ quả báo như vậy.

Lại nữa, người tu hành quan sát quả báo của nghiệp. Thế nào là ưa thích hành và hành nhiều tà dâm, chịu ba thứ quả báo?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Nếu người nào ưa thích hành và hành nhiều nghiệp tà dâm thì bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu được sinh làm người thì chịu quả báo tàn dư: vợ không thuận hợp, hoặc bị hai căn và thế gian chê ghét. Đây là ba loại quả báo của ba thứ thân nghiệp mà ngoại đạo Già-la-ca-ba-ly-bà-xà-ca không thể hiểu rõ được. Nói về thân nghiệp thì nhiều vô lượng, không thể hiểu hết. Vì sao? Vì người kia bị pháp si huân tập sâu vào trong tâm mình, chỉ có ta mới hiểu rõ. Thật ra, ta không thấy người nào hiểu thấu triệt, lại không có ai thấy rõ về pháp nghiệp báo như thế. Như ta thấy, pháp mà đệ tử của ta tu hành là do theo ta mà nghe, cho nên có thể hiểu rõ.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp,

quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là khẩu nghiệp? Và có mấy loại? Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn. Khẩu nghiệp có bốn: vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu và ỷ ngữ. Nếu người kia ưa thích tạo và tạo nhiều nghiệp vọng ngữ thì bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu được sinh làm người thì tất cả chúng sinh không ai tin vào lời nói của mình. Các hội chúng thiện, chúng thiện trưởng giả, chúng Sát-lợi và vợ con không ai tin vào lời nói của là người ấy, miệng luôn lở lói, hôi thối, răng không đều, da mặt xấu xí, bị mọi người nói dối, chê bai và thường sinh lòng lo sợ. Tình thân hữu anh em, Thiện tri thức không được vững bền. Làm ra những gì đều không đạt được kết quả và không tạo lợi ích cho ai cả. Như vậy, vọng ngữ không đáng ưa thích, không an vui, không vừa ý. Đó là gây tạo quả của nghiệp bất thiện.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là tạo thành nghiệp quả do ưa thích tạo và tạo nhiều nghiệp lưỡng thiệt?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Ai ưa thích tạo và tạo nhiều nghiệp lưỡng thiệt thì bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu được làm người thì bị câm, điếc, miệng thường lở lói, hôi thối, không ai tin tưởng và bị mọi người chê cười, không có sắc đẹp, không ở một chỗ, tâm động không định, thường làm việc ác. Đó là quả báo của nghiệp lưỡng thiệt.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là tạo thành nghiệp quả do ưa thích tạo và tạo nhiều nghiệp ác khẩu?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Ai ưa thích tạo và tạo nhiều nghiệp ác khẩu thì bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu được làm người thì ở chỗ nào cũng lo sợ, bị mọi người làm cho đau khổ không ai an ủi. Đối với vợ con thì không một lời ái ngữ, giống như nai hoang sợ tất cả mọi người. Xa lánh bạn lành, gần gũi bạn ác. Đó là ba thứ quả báo của ác khẩu.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là ưa thích tạo và tạo nhiều nghiệp ỷ ngữ?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Nếu ai ưa thích tạo và tạo nhiều nghiệp ỷ ngữ thì bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc

sinh. Nếu được làm người thì không ai yêu mến, làm oan gia của vua, anh em thân thiết khinh khi coi thường. Đó là quả báo của nghiệp ỷ ngữ.

Lại nữa người tu hành, trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là ba loại bất thiện của ý nghiệp do ưa thích tạo và tạo nhiều ý nghiệp bất thiện?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Nếu người kia ưa thích tạo và tạo nhiều tâm tham thuộc ý nghiệp bất thiện thì bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu được làm người tuy có của cải nhưng bị vua, giặc, lửa, nước cướp mất tất cả một cách vô lý, luôn chịu cảnh nghèo túng.

Lại nữa người tu hành, trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là ưa thích tạo và tạo nhiều tâm sân của ý nghiệp bất thiện?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Nếu ai ưa thích tạo và tạo nhiều tâm sân của ý nghiệp bất thiện thì bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu được làm người thì làm dân mọi rợ sống nơi biên địa, hẻo lánh, chỗ nhiều sợ hãi, chỗ có nhiều đao kiếm, ma quỷ, rơi vào sườn núi nguy hiểm, tâm người đó không bao giờ được an ổn thường bị chê bai và chịu những thứ xấu ác như vậy.

Lại nữa người tu hành, trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là ưa thích tạo và tạo nhiều tà kiến của ý nghiệp bất thiện?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Ai ưa thích tạo và tạo nhiều tà kiến của ý nghiệp thì bị đọa vào địa ngục A-tỳ chịu tất cả khổ sở. Nếu bị đọa vào loài súc sinh thì xoay chuyển mãi trong trăm ngàn vạn ức vô lượng đời. Cảnh giới ngạ quỷ cũng như vậy. Nếu được làm người như pháp đã nói thì cứ theo chủng tánh của mình hành theo đạo nghiệp thiện, không làm đúng pháp. So với chủng tánh của tổ tiên từ trước đến nay rất là thấp kém.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp, đối với các pháp khác quán xét rất kỹ càng.

Thế nào là do mười pháp bất thiện như thế lưu chuyển theo sinh tử nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh trong thế gian?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn:

Thế nào là sát sinh? Thế nào là ưa thích làm? Và thế nào là làm nhiều? Nói về sát sinh, người sát sinh gần gũi với bạn ác. Nếu ai ở gần, sống với bạn ác, theo họ, tùy hỷ với họ, cùng đùa giỡn, đi chung, ở chung, sinh tín tâm đối với họ, cho là có công đức. Nếu ai làm theo người ác kia và cũng đi chung với họ, như vậy người kia gần với bạn ác. Người sát sinh ấy lại gần gũi với người sát sinh rồi dùng mọi phương cách lý do sát sinh chỉ bảo khiến cho sát sinh, hoặc người giữ giới ngoại đạo, hoặc kẻ đồ tể săn bắn, hoặc tham mùi vị mà nói việc sát sinh, như kẻ oan gia nói việc sát sinh, như giặc cướp tham lam của cải nói việc sát sinh, hoặc chiến đấu nói việc sát sinh, hoặc tham danh lợi nói cái lợi của việc sát sinh. Người kia nghe rồi sinh tâm tín, đồng ý làm và sát sinh một cách thích thú. Ai vui thích như vậy, đã sát sinh rồi bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, ở chỗ không ưa thích, chỗ không an vui, nơi luôn bị mọi người thiện chửi mắng. Do nhân duyên này, nếu được làm người thì bị chết yểu. Đó là do hạt giống sát sinh gần gũi bạn ác.

Thế nào là ưa thích làm? Người bất thiện kia, sau khi sát sinh thì sung sướng vui mừng, tâm ý phân biệt thấy công đức của việc sát sinh. Phân biệt như thế có nhiều loại: Khi cắt đứt mạng sống của vật khác rồi, không sinh lòng đau khổ ăn năn, còn khen ngợi cho đó là thiện. Tâm không buông bỏ mà còn xoay lại làm tiếp. Dạy bảo người khác làm, bảo họ làm rồi khen tất cả công đức của việc sát sinh ấy, với mỗi lý do khác nhau đã nói ở trên. Đó là ưa thích tạo nghiệp sát sinh.

Thế nào là làm nhiều? Sát sinh rồi làm những việc như trên đã nói, gần gũi với bạn ác tập làm nghề sát sinh, làm nhiều dụng cụ để sát sinh, đào những hầm hố nguy hiểm, làm hàng rào tên độc, nuôi chó, nuôi chim để giết. Gần gũi người đồ tể, làm những khí cụ chiến đấu như giáp sắt, đao, gậy, mâu, giáo, cung tên, xe chiến đấu. Những khí cụ đó là các dụng cụ sát sinh. Như vậy tất cả đều có đủ hết. Đó là người ác tạo nhiều nghiệp sát sinh. Vì lý do đó người kia bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chịu khổ báo rất khổ não. Nghiệp sát sinh có thượng, trung, hạ, khi mắc quả báo cũng có thượng, trung, hạ. Đã tạo nghiệp thì phải chịu quả báo. Tự mình tạo nghiệp ác thì chính mình chịu ác báo. Người có trí tuệ bỏ ác làm lành. Ở trong thế gian, người kia đã sát sinh, ưa thích làm và làm nhiều nghiệp sát sinh.

Thế nào là ưa thích làm và làm nhiều trộm cắp? Thế nào là ưa thích làm và làm nhiều? Ai trộm cắp rồi thì bị đọa vào địa ngục. Người theo giới ác này tánh tự ăn trộm, gần gũi với bạn ác và theo họ để đi trộm cắp. Trộm cắp có thượng, trung, hạ.

Thế nào là hạ? Là do pháp vua như đã nói ở trước.

Thế nào là trung? Chẳng phải phước điền mà trộm cắp tài vật kia.

Thế nào là thượng? Là vật của Phật, Pháp, Tăng mà trộm cắp một ít.

Đối với vật của Phật, Pháp, Tăng, nếu trộm vật của Tăng thì Phật Pháp có thể thanh tịnh. Nếu trộm cắp vật của Phật Pháp thì Tăng không thanh tịnh. Nếu trộm đồ dùng và thức ăn của chúng Tăng hiện tiền thì bị đọa vào địa ngục lớn, đầu mặt ở phía dưới. Nếu lấy vật thuộc chúng Tăng thường ăn thì bị đọa vào địa ngục vô gián A-tỳ, ở tầng tối tăm rộng lớn. Do ruộng phước dày, trộm cắp chút ít, nhưng có tâm ưa thích làm và làm nhiều, người trộm cắp chút ít kia cũng bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sau biết sám hối, không sinh tùy hỷ, luôn ăn năn trong lòng thì người ấy không nhất định phải chịu quả báo. Nếu người trộm cắp dùng mọi cách để trộm cắp, vì lý do như vậy gọi là trộm cắp.

Thế nào là ưa thích trộm cắp vật của người khác? Nghĩa là trộm cắp xong rồi vui mừng, đi theo bọn cướp trong lòng lấy làm vui thích. Sau khi được thì sắm quần áo thức ăn. Sắm xong trong lòng vui mừng, còn khen ngợi công đức của việc trộm cắp. Lại bảo người khác trộm cắp rồi khen ngợi họ. Như vậy gọi là ưa thích trộm cắp.

Thế nào là tạo nhiều nghiệp trộm cắp? Nghĩa là trộm cắp xong, sắm nhiều giường chiếu, ngọa cụ, mền mùng, thức ăn uống, bánh, thịt, áo quần đẹp đẽ, cùng với dâm nữ vui chơi đánh bạc, đánh cờ tướng. Trong lòng vui sướng, nói: "Ta nay rất vui sướng. Trong tất cả thứ vui, trộm cắp là hơn hết. Nhờ trộm cắp mà ta có đầy đủ giường chiếu, ngọa cụ, mềm mùng, thức ăn uống, có y phục để làm đẹp cho thân, có dâm nữ để vui chơi, đánh bạc, đánh cờ. Đó là thú vui hơn hết. Nay ta nên thường xuyên trộm cắp để sau này làm tăng sự giàu sang vui sướng cho ta". Như trước đã nói như vậy, tạo nhiều nghiệp trộm cắp chắc chắn bị đọa trong địa ngục.

Thế nào là ưa thích làm và làm nhiều tà dâm? Kẻ tà dâm kia tâm không quan sát, bị dâm dục che lấp. Nếu ai ở đời trước từ chỗ dâm dục mà đến, đó là uyên ương, ca-tân-xa-ca, khổng tước, anh vũ, cá, chim trĩ, chim yến, A-tu-la. Vì từ chỗ dâm dục mà đến nên sinh vào trong cõi này, thường hay theo kẻ đa dục và bạn xấu ác. Hai loại người này ưa thích dâm dục, tâm không quán xét, không nhàm chán, không lìa dục và không quan sát việc làm. Chỗ nào có dục thì tìm đến. Vì từ chỗ dâm dục đến nên sinh vào chỗ dục này, vui thích hành dâm dục, nên không quan sát được và bị dâm dục che lấp. Như vậy, người tà dâm bất thiện, do sức mạnh của xúc nhiễm nên đối với tất cả đều hỷ lạc. Như vậy là còn hơn tà dâm vì tâm ưa thích làm.

Ưa thích làm là cảm xúc ác của tà dâm.

Thế nào là ưa thích tà dâm? Tuy không thường làm nhưng luôn vui thích, người ấy có tâm phân biệt, đối với chỗ khác không hỷ lạc như đối với việc dâm dục. Như vậy gọi là cảnh giới ưa thích tà dâm.

Thế nào là làm nhiều? Kẻ phàm phu ngu si tâm không quan sát nên bị tà dâm che lấp. Người kia lại nói công dụng dâm dục là thú vui bậc nhất, nói rằng dâm dục chẳng phải bất thiện, lại dạy bảo nhiều người nên ưa thích dâm dục. Do đó mà kẻ phàm phu ngu si ưa thích làm nhiều tà dâm, đó là ba thứ nghiệp bất thiện của thân.

Khẩu nghiệp có bốn: Vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu và ỷ ngữ.

Thế nào là vọng ngữ? Nghĩa là trước tự có tâm dối trá, sau đó lừa gạt người khác, như vậy thành ra lừa dối mình và người.

Lại có năm trường hợp làm phát sinh vọng ngữ, chúng thuộc vào tham, sân, tà pháp, bị tâm dục làm cho sợ hãi.

Thế nào là vọng ngữ do tâm sân? Nếu trước mặt vua, hoặc trong đại chúng, trong chúng trưởng giả, nếu Thiện tri thức, oan gia, khi tranh chấp, làm lợi ích cho Thiện tri thức, gây đau khổ cho oan gia. Cho nên nói dối.

Thế nào là vọng ngữ do tâm tham? Nghĩa là thấy tài sản của người khác, mình dùng mọi cách để lấy vật đó. Cho nên nói dối.

Thế nào là vọng ngữ thuộc vào tà pháp? Như trong pháp Bà-la-môn nói: "Vì tạo lợi ích cho các bậc tôn trưởng, vì tạo lợi ích cho trâu bò, sợ mình chết, vì cưới vợ thì vọng ngữ không mắc tội". Lời nói của người đó thuộc tà pháp. Vọng ngữ như vậy là lời thuộc tà kiến của người ngu si. Lời nói này chắc chắn bị đọa trong địa ngục, cho nên sẽ đưa đến nhân duyên mất mạng, thế nên không được vọng ngữ. Vọng ngữ này là chủng tử bậc nhất của địa ngục. Nói vì cưới vợ mà vọng ngữ thì không có tội, đó là do tâm dục khởi lên nên cũng thuộc tà pháp.

Thế nào là vọng ngữ do sợ hãi? Nghĩa là chỗ nào có sợ hãi, vì người ở nơi đó mà tạo lợi ích, cho nên vọng ngữ. Nếu có tâm như vậy mà không vọng ngữ lại nói: Người kia không có tạo nhiều lợi ích cho ta, để người kia sợ đến chết. Cho nên vọng ngữ.

Năm trường hợp người ngu si vọng ngữ thì tất cả đều ở trong pháp si.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

Nếu có những kẻ nào
Khởi một pháp vọng ngữ

Thì không sợ đời sau
Không ác nào không làm.
Nếu sinh nơi thế gian
Trong miệng có búa lớn
Để chặt mình và người
Vì nói ra lời ác.
Như vậy nên nói thật
Không nên chém người khác
Dù nghèo, có người xin
Nên cho nhiều hay ít
Ai làm ba việc này
Xả thân được sinh Thiên.

Như vậy tất cả nhân duyên, tất cả việc làm chớ có vọng ngữ. Người khác có vọng ngữ, tâm mình chớ tùy hỷ, cũng không đi theo người đó và cũng không ngồi chung với họ. Nếu ai cùng đi, ngồi chung với người vọng ngữ mà người khác thấy được tất cũng cho mình là người vọng ngữ. Như vậy nếu ai theo người có nghiệp cấu uế thì cũng sẽ ưa thích nghiệp cấu uế. Nếu mình cùng đi chung, ngồi chung với người nghiệp cấu uế đó thì dù không có nghiệp cấu uế nhưng người khác cũng cho mình là nghiệp cấu uế. Như vậy nên quan sát, không theo kẻ ác. Kẻ ác này bị trói chặt trong sinh tử, bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh là do làm việc với người ác. Nếu ai theo Thiện tri thức thì sẽ được giải thoát. Nói về vọng ngữ thì nhiều vô lượng, ở đây chỉ nói sơ lược mà thôi.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là lưỡng thiệt? Và có mấy loại? Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn:

Lưỡng thiệt nghĩa là những người đang sống hòa thuận mà mình có ý phá hoại, rồi nói ra bằng lời. Lưỡng thiệt có hai: Tự mình nói và bảo người khác nói. Bảo người khác nói để người kia gây oán thù nhau. Giống như kẻ oan gia sai đi phá hoại: "Ngươi hãy đến phá hoại người kia". Đó là nhân duyên khác. Có lúc người khác không sai mà tự mình phá hoại, khiến cho người kia buồn khổ.

Thế nào là lưỡng thiệt do sân? Nghĩa là mình không yêu thích người kia nên dùng lời ác nói với người, làm cho người nghe không vui.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là ác khẩu? Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Người ác khẩu do tham, sân, si mà phát sinh ra. Tất cả kẻ phàm phu ngu si luôn làm những việc đó không lìa bỏ. Như vậy ác khẩu có vô lượng thứ, vin theo vô lượng duyên, vô lượng nhân duyên, vô lượng tâm ý phát khởi, có vô lượng quả báo. Lời nói ác khẩu này có thể phá hoại vô lượng việc làm thiện. Lời nói ấy giống như những người xấu, oan gia trong thế gian. Người tốt không gần gũi, mọi người không ai tin tưởng. Lời nói này như đồ độc. Như vậy ác khẩu là cái nhân của đường ác. Lời nói dơ bẩn ấy, người tu hành phạm hạnh nên xa lìa, không làm. Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

Người trí không ác khẩu
Chánh ngữ, sống an vui
Ai nói lời tốt đẹp
Thì trụ gần Niết-bàn.
Thường nói lời tốt đẹp
Xa lìa lời ác, uế
Đem lời ác nhục người
Sẽ dẫn đến địa ngục.
Lời ác mạ nhục người
Thì người đó không tốt
Ác như rắn, sư tử
Sẽ không được sinh Thiên.
Những người nói hòa nhã
Khéo an ủi người khác
Được người đời mến yêu
Và đời sau sinh Thiên.
Ai không nói lời ác
Dứt bỏ sự dua nịnh
Làm người nhưng giống trời
Người đó đáng lễ lạy.
Nói thật thường phải nhẫn
Ngay thẳng không dua nịnh
Không làm khổ cho ai
Người kia dựng cờ pháp.
Mạng người không lâu dài
Nhanh như tiếng vỗ tay
Người sống không đúng pháp
Ngu si luống một đời.

Ai không yêu chính mình
Ai không thích sướng vui
Nếu người gây nghiệp ác
Không tạo nhân thương mình.
Vợ con và tài sản
Bạn tốt hoặc anh em
Đều tách rời ta cả
Chỉ có nghiệp thiện ác.
Nghiệp thiện, nghiệp bất thiện
Thường đi theo bên ta
Như chim bay trên không
Bóng theo không tách rời.
Như người thiếu lương thực
Đi đường sẽ bị khổ
Ai không tạo nghiệp thiện
Chúng sinh kia cũng vậy.
Ai đầy đủ hành trang
Đi đường được an vui
Chúng sinh cũng như vậy
Làm phước đến chỗ lành.
Người đi xa rất lâu
Bình an được trở về
Các thân hữu tri thức
Gặp được rất vui mừng.
Người tạo phước cũng vậy
Chết đây sinh chốn kia
Tạo được nhiều phước đức
Người thân gặp vui mừng.
Như vậy tạo phước đức
Làm hành trang vị lai
Có phước đức về sau
Tất được ở chỗ lành.
Có phước đức trời khen
Ai làm việc bình đẳng
Thân này không khuyết tật
Vị lai được sinh Thiên.
Quán sự việc ấy rồi
Người có trí học giới

Đạt Thánh kiến đầy đủ
Hạnh thiện được vắng lặng.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp, quan sát đạo nghiệp bất thiện thứ tư là ỷ ngữ của khẩu nghiệp.

Thế nào là ỷ ngữ? Và có mấy loại? Ỷ ngữ nghĩa là lời nói trước sau không hợp nhau. Tâm xoay chuyển mau lẹ làm cho lời trước sau hợp nhau cũng gọi là ỷ ngữ. Ỷ ngữ là do tâm ngã mạn mà ra, do nhân duyên coi thường nên khiến mọi người không tin, thân trong hiện tại mà như sống trong đường ác, làm nhân cho tất cả mọi người trong thế gian khinh chê, không được lợi ích. Đó là lời nói ỷ ngữ cấu uế. Như vậy ỷ ngữ chẳng phải là nghiệp đạo thiện, chớ có ỷ ngữ, cũng đừng tùy hỷ với ỷ ngữ. Nếu ai ỷ ngữ thì chẳng phải là người tốt.

Tham, sân và tà kiến là đạo bất thiện của ý.

Thế nào là tham? Là vật thuộc người khác, mà đem tâm phân biệt muốn lấy, không quan sát chân chánh. Như vậy người kia ưa thích vật của người khác. Đối với vật sở hữu của người khác, không có lý do, không có phần mà mình tự làm quấy nhiễu, trông mong để lấy được vật của họ. Do đó gọi là ý tham. Nghiệp đạo bất thiện không đáng ưa thích, không an vui. Mắc quả báo đó không hợp với ý, ý không tịch tĩnh, chẳng an vui. Người ngu si do hư vọng mà sinh lòng tham lam. Vật của người khác lấy không được mà hư vọng phân biệt, sinh lòng tham đắm, tâm ý chuyển động thường sinh lòng mong muốn để đoạt lấy. Thấy tài vật của người khác thì mình cảm thấy buồn khổ. Cho nên gọi là tham. Đây là tâm tham thứ nhất nơi nghiệp đạo bất thiện thứ nhất của ý.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là tâm sân, nghiệp đạo bất thiện thứ hai?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Nếu không có nguyên do gì mà ở trước người khác khởi ý ác, sân giận. Lại nữa, đối với người nghèo hoặc giàu, không có lý do gì mà thấy họ rồi ý sinh tâm giận ghét. Do nhân duyên sân giận mà bị đọa vào địa ngục. Lúa pháp thiện đã được chín vàng, tâm sân như trận mưa đá phá hoại những hạt lúa thiện vừa chín kia. Chỉ có mắt chánh trí mới đối trị sự mờ ám tối tăm ấy. Tâm sân giống như lửa, thiêu đốt tất cả giới. Khi nổi sân thì sắc mặt biến đổi, đó là nhân của sắc ác. Sân như cái búa có thể chặt đứt cầu chánh pháp. Sân ở trong tâm ta như giặc oán vào nhà. Nếu đời này và cả đời sau chuyên tâm

chánh hạnh thì có thể phá trừ được sân. Muốn xả bỏ tâm sân phải lấy Từ bi và bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo để đối trị. Đường vào địa ngục thì sân là kẻ dẫn đầu. Chỉ có người thiện, bậc Thánh Thanh văn, người nghe nghĩa kinh pháp mới có thể xa lìa tâm sân.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là tà kiến làm chướng ngại chánh pháp? Tất cả ác kiến làm cho tâm đen tối. Người kia thấy do nghe biết, hoặc dùng Thiên nhãn để xem xét. Do từ vô thỉ đến nay tạo nhân tà kiến, cho nên bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, nên gọi là hắc ám. Ai ham thích tà kiến là người đó làm chướng ngại chánh pháp. Giống như chỗ ác, chỗ có đao, lửa, rắn độc, núi cao hiểm trở, chỉ có người ngu si tham đắm mới đi về chỗ đó. Do điên đảo kiến nên gọi là tà kiến.

Tà kiến có hai:

1. Tin nhân tà.

2. Không tin quả báo của nghiệp.

Tin nhân tà là cho rằng vui, khổ của thân, khẩu, ý đều do trời tạo, chẳng phải là quả báo của nghiệp.

Không tin quả báo của nghiệp là người không tin bố thí… gọi là tà kiến.

Như vậy mười thứ nghiệp bất thiện, không tạo lợi ích, tất cả đều do tà kiến làm gốc.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 2

Phẩm 1: Mười con đường thiện nghiệp (Phần 2)

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp. Như vậy thế nào là dùng mười đạo nghiệp thiện để tu hành đối trị nghiệp lậu và vô lậu?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Do nhân duyên này mà bị buộc trong thế gian, các pháp lành đều bị tiêu diệt hết là nhân của sự trói buộc, là đạo nghiệp bất thiện. Thiện là nhân giác ngộ, là nhân giải thoát. Nói đến thiện là nói đến không sát sinh, bảo vệ tất cả chúng sinh trong thế gian, bố thí sự không sợ sệt. Ở trong đời hiện tại, những người đó được mọi người khen ngợi, sắc mặt, các căn đoan nghiêm đẹp đẽ và sống lâu. Nếu ai không sát sinh thì được quỷ La-sát, Cưu-bàn-trà… tất cả quỷ ác hay giết người, những người ác khác hay giết hại người ủng hộ người kia trong đêm tối và chư Thiên thường theo dõi để hộ trì. Sau khi qua đời, người đó được sinh vào đường lành nơi hàng trời, người, thọ quả báo tốt đẹp. Nếu siêng năng cố gắng phát nguyện cầu ba loại Bồ-đề thượng, trung, hạ thì người ấy được như sở nguyện. Người kia nguyện muốn được Thanh văn Bồ-đề thì chứng A-la-hán nhập Niết-bàn. Nếu muốn được Duyên giác Bồ-đề thì người ấy chứng Bích-chi-phật. Như vậy nếu nguyện Vô thượng Bồ-đề thì chứng đắc đạo quả Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Trong tất cả các pháp mạng sống là căn bản. Mọi người ai cũng giữ mạng sống của mình. Người không sát sinh thì cho họ mạng sống. Nếu cho mạng sống là bố thí tất cả sự an vui. Đệ nhất bố thí là bố thí mạng sống. Nên suy nghĩ như vậy mà tạo nhân về cõi trời. Giới tối thắng là bố thí thân mạng. Nếu muốn sự an vui thù thắng nơi cảnh giới ái nhiễm thì lấy bất sát làm nhân. Như thế người kia được sinh vào hàng vua, ma, Phạm, Đế Thích. Nếu người đó muốn sinh vào chỗ thù thắng trong cõi người thì được làm Chuyển luân vương có đầy đủ bảy báu và thống lãnh bốn cõi thiên hạ. Nếu muốn làm thân A-tu-la cao lớn, khi xả thân được làm

A-tu-la vương. Nếu muốn làm thân Dạ-xoa cao lớn thì được làm Dạ-xoa vương. Như vậy, không sát sinh là chủng tử của chánh pháp trong đại nghiệp. Đi trong sinh tử chỉ có không sát sinh là được trở về, được cứu khỏi. Vào nơi nhà tối tăm, lấy bất sát làm đèn. Ai không sát sinh gọi là Từ bi. Chánh niệm tư duy về điều tốt lành của không sát sinh thì luôn sinh tâm vui vẻ. Nếu ngăn cản người khác sát sinh mà không thể ngăn cản được thì nên hành xả. Người kia làm như vậy là hành bốn Phạm hạnh, đem nó huân tập vào trong thân tâm. Căn lành của không sát sinh là không thể nghĩ bàn rất là chân thật. Bất cứ người nào có những lời phát nguyện như vậy đều được như sở nguyện. Giống như người thợ vàng thiện xảo luyện vàng thật tốt trong thế gian, ông ta có thể dùng vàng ấy làm ra bất cứ những món trang sức nào cũng được. Nếu muốn làm những cái bình, tạo tượng người, tượng Phật, làm ra vật thế này, thế nọ. Người không sát sinh kia cũng đều được tất cả như mong muốn, không thiếu sót, không thất thoát, không trống rỗng. Bất cứ người nào không sát sinh thì được gần Niết-bàn. Người kia thường sống chung với bạn lành thì người ấy là chúng sinh ưu tú, ai khéo bảo hộ phước đức của mình và người khác thì người ấy là ruộng phước trong thế gian, không bao giờ đi vào đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Người hành thiện này thành tựu được pháp thiện, được tất cả những gì có được đều rất lâu bền không có những mối lo sợ về vua, giặc cướp, nước lửa, người ấy tự ý thọ dụng, là hàng tôn quý trong cõi người, kẻ khác không thể vượt qua được, do pháp đầy đủ, do đó người trí không nên sát sinh.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là không trộm cắp thì đạt được pháp thiện?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Người không trộm cắp được thoát ra khỏi lưới tham lớn. Ngay trong hiện tại người ấy được những người tốt tin tưởng. Nếu làm vua hay các vương hầu thì được dân chúng tin tưởng. Tất cả các vua, các trưởng giả, chúng Sát-đế-lợi, chúng Sa-môn, Bà-la-môn đều tin tưởng, thương xót yêu mến, tin nhận lời nói và những của cải sở hữu của người ấy đều được lâu bền không bị mất mát, không hư hoại, không ai có thể cướp đoạt được. Xa lìa các nỗi lo sợ về vua, giặc cướp, nước, lửa. Hơn nữa người kia không cần dùng phương tiện nhưng lại được của cải rất dễ. Được của cải rồi người ấy đúng như pháp mà tiêu dùng, đem cúng dường vào ruộng phước của người trì giới, người hành đạo. Trong thế gian nơi nào thiếu thốn thì đem đến cho. Sau khi qua đời, người ấy sinh vào thế giới của hàng trời thuộc đường lành. Nếu

muốn xuất thế, làm Phạm vương, Đế Thích, vua chuyển luân thống lãnh bốn cõi thiên hạ, đầy đủ bảy báu, thì theo lời nguyện đều đạt được. Nếu ai ham thích trì giới thì sẽ chứng đắc đạo quả Bồ-đề, như trên đã nói.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là xa lìa tâm tà dâm, chứng được đạo quả?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Người kia xa lìa tà dâm làm theo đường nghiệp thiện, người ấy được người tốt ca ngợi cùng được mọi người tin tưởng. Không phải thuộc vợ, con gái của mình thì người ấy không sinh tâm lo nghĩ, được vua, các vương hầu đều tin tưởng, không ai có thể xâm đoạt vợ mình, tùy thuận cúng dường không trái ý. Giả sử có bị suy tổn nhưng vợ không trách mắng, tâm không ganh ghét, không có tâm ngoại tình, mọi người thấy người vợ kia như mẹ, chị, em, không bị người đời mắng chửi. Người không tà dâm luôn được người vợ như vậy. Sau khi qua đời, người ấy được sinh vào đường lành nơi cõi trời, như trước đã nêu.

Vị trời kia thoái chuyển, vị trời khác sinh. Nếu là người tà dâm sắp thoái chuyển mà chưa thoái chuyển. Vị trời khác sống giữa các Thiên nữ. Bấy giờ, Thiên nữ kia ở trước mặt người sắp thoái chuyển cùng với vị trời khác đùa giỡn vui chơi. Người sắp thoái chuyển nơi cõi trời kia đã thấy Thiên nữ cùng vị trời khác đùa giỡn vui chơi, bị trói buộc vào tâm ganh tỵ nên bị đọa vào địa ngục. Như vậy, ưa thích làm và làm nhiều tà dâm là lỗi lớn. Bất cứ người nào có thể lìa bỏ tà dâm theo con đường thiện lớn thì người đó là căn tánh Niết-bàn.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Làm sao đối trị tất cả pháp bất thiện, xa lìa vọng ngữ, thâu giữ phần thiện lớn để được quả báo trong đời hiện tại?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Ai xa lìa vọng ngữ thì được những người có mắt thấy, hoặc có tai nghe trong thế gian tin tưởng. Giả sử người ấy bị nghèo túng không có của cải thì được mọi người đem đến cho giống như đem dâng lên vua. Như trăng sáng giữa các vì sao. Trong tất cả mọi người thì người nói chân thật, sự sáng tỏ cũng như vậy. Nơi tất cả vật quý báu, lời nói thật là quý báu nhất. Trong tất cả con thuyền vượt qua biển sinh tử, thì thuyền lời nói thật là hơn hết. Nếu muốn thoát khỏi tất cả hạnh ác, thì lời nói thật là sự xa lìa hơn hết. Trong tất cả đèn, đèn thật ngữ là sáng hơn hết. Trong tất cả người giỏi hướng dẫn nơi đường

ác thì lời nói thật là người dẫn dắt giỏi nhất. Tất cả vật thọ dụng trong thế gian, lời nói thật là hơn hết. Trong tất cả cỏ thuốc trị bệnh, lời nói thật là thuốc hay nhất. Tất cả sự mạnh mẽ của uy lực, lời nói thật là mạnh mẽ nhất. Trong tất cả chỗ nương về, lời nói thật là chỗ nương về an ổn nhất. Trong tất cả tri thức thì thật ngữ là hơn hết. Nếu ai giữ gìn của cải là lời nói thật thì ở nơi thế gian chưa từng làm ác, không rơi vào cảnh nghèo túng, gần sánh bằng với trời, luôn luôn qua lại, muốn ở bất cứ chỗ nào người ấy đều được sinh đến chốn đó, thường làm thân nam, sinh vào dòng họ tôn quý, ai cũng thương yêu, tin tưởng nơi lời nói của người đó. Người ấy không bị các loài Dạ-xoa, Tỳ-xá-già giết hại. Đi vào quốc độ nào cũng đều có giường nằm, chỗ nghỉ ngơi, giả sử bị ốm đau thì có thuốc thang, thức ăn đầy đủ, không cần suy nghĩ nhưng đều được tất cả, người ấy được sự an vui thù thắng đệ nhất trong thế gian. Sau khi qua đời, người ấy được sinh vào đường lành nơi cõi trời, mạng sống rất lâu, nơi chốn có thần thông lớn, cao quý, thù thắng. Nếu nguyện tu tập đạo thù thắng, thanh tịnh, vô lậu, thì chứng được Niết-bàn, như trên đã nói.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, luôn quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là xa lìa nghiệp ác lưỡng thiệt *(nói hai lưỡi)*, thực hành nghiệp đạo thiện được quả báo trong hiện tại và vị lai?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Người xa lìa lưỡng thiệt thì được nghiệp báo ngay trong đời hiện tại, bạn bè thân thiết, anh em, vợ con, nô tỳ đều lâu bền, không ai có thể hủy hoại. Từ vua cho đến oan gia, anh em hung ác cũng không thể nào phá hoại. Nếu người kia không có của cải thì họ cũng không rời bỏ. Giả sử gặp lúc mất mùa người kia đi đến chỗ nguy hiểm trong núi rừng, đồng vắng, họ đều không lìa bỏ luôn luôn vui vẻ không lìa nhau. Nếu có ai dùng mọi phương cách nói lời phá hoại, tuy họ nghe nhưng không chấp nhận. Đối với người đó vua có tâm tốt, lâu bền. Nước, giặc cướp, đao gậy, oán thù không thể làm cho người kia lo sợ, đó là nhờ xa lìa nghiệp bất thiện lưỡng thiệt. Nhờ công đức xa lìa như vậy, sau khi qua đời, người kia được sinh vào đường lành nơi cõi trời. Ở trong chúng trời có nhiều Thiên nữ vây quanh đi theo thương mến vui vẻ. Hình dáng Thiên nữ kia rất đẹp, tóc óng mượt, xoa dầu thơm, Thiên nữ xinh đẹp đệ nhất luôn luôn hoan hỷ. Nếu từ bỏ lưỡng thiệt nguyện đạt pháp thanh tịnh vô lậu thì người kia chứng được đạo thiền vô lậu, đạt đến Niết-bàn như trên đã nêu.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp,

quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là xa lìa nghiệp đạo bất thiện ác khẩu *(nói lời thô ác)* được quả báo của nghiệp nơi đời hiện tại? Đời sau sinh nơi nào? Sống chốn nào?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Người xa lìa ác khẩu được thân tướng đẹp đẽ thù thắng, được người trung thực tin tưởng, tất cả mọi người đều ưa thích viếng thăm. Lời nói lưu loát, lời nói hòa nhã, an ủi hết thảy mọi người, không làm cho họ phải sợ hãi. Tất cả người đời từ xa trông thấy đều chạy đến gần, có được nhiều Thiện tri thức. Giả sử người ấy không có của cải, thì chỉ trong phút chốc được mọi người cung kính đem tới giống như đối với cha. Nếu từ chỗ nghiệp ác nơi đời trước sinh đến mà bị khổ não thì mọi người không lìa bỏ, của cải có được rất dễ dàng. Người ấy không có nỗi lo sợ về kẻ oán thù, vua, nước, lửa… Sau khi qua đời được sinh vào đường lành nơi cõi trời. Sinh vào cõi trời rồi nhờ vào lời nói lưu loát làm lợi ích, lời nói khiêm tốn, lời nói hợp nhau mà người kia được thân tướng tốt đẹp, có đại thần thông. Nếu nguyện xuất gia ngồi thiền, ưa thích thực hành pháp vô lậu, thì người ấy tu tập chứng được ba loại Bồ-đề, như đã nói ở trên.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là xa lìa nghiệp đạo bất thiện ỷ ngữ *(lời nói thêu dệt)*, nơi đời hiện tại được quả báo của nghiệp thiện? Và sau sinh vào nơi chốn nào?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Ai xa lìa ỷ ngữ thì ngay đời hiện tại được người đời tôn trọng, được người tốt nhớ nghĩ. Lời nói trước sau không trái nhau, được tất cả mọi người yêu mến, không ai khủng bố, dọa nạt, tìm kiếm tội lỗi. Lời nói thiện, lời nói chân thật, được người đời tôn trọng, lời nói nhỏ nhẹ, lời nói hòa nhã khiến cho người đều dễ hiểu. Lời nói hợp với pháp, lời nói không hung ác, lời nói có nhân thâm diệu, lời nói có nghĩa lý sâu xa không trái ngược với pháp. Tất cả mọi người trong thế gian trông thấy đều rất tôn trọng, được của cải, vật báu lâu bền, thọ dụng xứng với ý. Đối với người không có đức thì nói họ có công đức. Người ấy không có công đức thì nói về công đức của họ. Sau khi qua đời được sinh vào đường lành nơi cõi trời. Sinh vào cõi trời được chư Thiên cung kính yêu mến, có thần thông lớn, hưởng phước lạc của cõi trời không thể nói hết. Người ấy nếu nguyện được an vui trong thiền thanh tịnh, vô lậu chứng đắc ba loại Bồ-đề thì sẽ được như sở nguyện như đã nêu ở trước.

Như vậy ba nghiệp bất thiện của thân và bốn nghiệp bất thiện của

miệng nếu theo thứ lớp mà lìa bỏ, cho đến đạt được giải thoát. Người kia nhân nơi nghiệp thiện được mọi người khen ngợi, sau sinh lên cõi trời, cuối cùng chứng được Niết-bàn. Thân khẩu nghiệp của vị kia đạt được kết quả đúng như nghiệp thật. Người tu hành, trong tâm suy nghĩ, tùy thuận với chánh pháp, quan sát như vậy và thấy biết một cách như thật.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là thực hành nghiệp đạo thiện nơi ý?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Ý nghiệp có ba: Tham, sân và tà kiến. Đối trị được chỗ bất thiện thì trong hiện tại được an vui. Sau khi qua đời được sinh vào đường lành nơi cõi trời. Nếu nhàm chán sinh tử, người kia nhập vào cảnh giới Niết-bàn Vô dư.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là xa lìa nghiệp đạo bất thiện tham để được quả báo của nghiệp thiện?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Người nào lìa bỏ tham thì ngay trong đời hiện tại, tất cả của cải, châu báu đều được đầy đủ, dồi dào, không ai xâm đoạt. Nếu là vua hay các vương hầu hãy còn không sinh khởi tâm, huống chi là bị trộm cắp, cướp giựt. Nếu gặp trường hợp đánh rơi mất của cải mà người khác lượm được thì họ xem như quen thân liền hoàn trả lại. Người kia luôn giàu có của cải, không bị ly tán. Sau khi qua đời được sinh vào đường lành nơi cõi trời. Sinh lên cõi trời chiến đấu với A-tu-la, thì A-tu-la kia không thể nào thắng nổi, không sao giết hại và làm cho khiếp sợ. Người đó không bao giờ sợ ai, được chư Thiên yêu mến, sinh tâm gần gũi, có thanh, xúc khả ái, các thứ sắc, vị, hương thực không thể nói hết. Nếu nguyện xuất gia tu tập đạo quả thiền định thanh tịnh, vô lậu, chứng đắc ba thứ Bồ-đề thì được y theo sở nguyện như đã nói ở trước.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là xa lìa nghiệp đạo bất thiện sân đạt được quả báo của nghiệp thiện?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Người xa lìa sân thì ngay trong đời hiện tại này được quả báo theo việc làm của nghiệp mà được giàu có lớn, mọi người yêu mến, tâm ý luôn thương tưởng. Người ấy vĩnh viễn xa lìa tất cả những chỗ nguy hiểm nhất, chỗ sợ hãi, chỗ không

thuận tiện, cho đến những lo sợ về vua, giặc cướp, rơi vào sườn núi nguy hiểm, lửa, nước, đám người dua nịnh, dối trá… Người ấy được mọi người trong thế gian yêu mến. Những người ác cũng sinh lòng mến yêu. Tất cả người thiện rất yêu thương, họ coi người kia như con, anh, em. Sau khi qua đời, người kia được sinh vào đường lành nơi cõi trời, có thần thông lớn, thân tướng đẹp đẽ, thường được hết thảy những sắc, thanh, hương, vị, xúc đáng ưa, tùy ý mà thọ hưởng. Có vườn Hoan hỷ, rừng cây tươi tốt, xe gắn vật báu. Trong rừng có chúng Thiên nữ vây quanh, làm cho những vị trời khác không thể sinh tâm, không thể dùng thân, khẩu, ý khiến cho người kia sợ hãi, mà lại có hàng trăm ngàn vị trời với tâm ý thương mến, gần gũi quý nhớ, được vua trời Đế Thích mến yêu. Khi đánh với chúng A-tu-la, người ấy không yếu hèn, không có tâm sợ hãi. Nếu muốn lìa bỏ phiền não cấu uế ra khỏi thế gian, người kia thoái chuyển về thế gian sinh trong cõi người làm Chuyển luân vương. Qua lại như vậy trải qua vô lượng đời làm vua, cai trị bốn cõi thiên hạ có đầy đủ bảy báu: Một là ngọc nữ báu. Thân ngọc nữ kia làm bằng hương chiên-đàn, trong miệng thường tỏa ra mùi thơm Ưu-bát-la, chạm vào thân rất mềm mại giống như tiếp xúc với Ca-lăng-già. Ca-lăng-già là một loài chim sống trên bãi biển. Ai chạm vào thân chim giống như chạm vào thân người, khiến không còn mệt mỏi, xa lìa đói khát, ưu bi, khổ não. Người trên bãi biển xúc chạm vào thân chim thì đối với ngọc nữ báu kia cũng giống như vậy. Nếu Chuyển luân vương trông thấy hoặc chạm vào ngọc nữ báu thì được khoái lạc. Mùa lạnh thì thân ngọc nữ báu ấm, mùa nóng thì mát mẻ. Như vậy, lực xúc chạm của ngọc nữ báu chẳng phải là người khác đạt được. Do xa lìa sân mà được nghiệp thiện có sức mạnh thuận theo hành động. Tất cả người nam thấy ngọc nữ báu này thì tâm khéo phân biệt giống như đối với mẹ, chị, em gái của họ. Nếu một lòng với vua thì được vua kính trọng, một lòng với vua thường làm vua vui thích, xa lìa năm thứ tội lỗi của người nữ: Đó là chẳng trinh thuận vì hành động với người nam khác, tâm ganh tỵ, tham ác, ưa thích ở chỗ xấu nhiều dục, muốn chồng chết để sống một mình. Như vậy ngọc nữ báu kia lại có năm thứ công đức tương ưng, ấy là: Hành động theo ý chồng, sinh nhiều con trai, dòng họ tôn quý, ưa thích người tốt không sinh tâm đố kỵ, khi chồng cùng với người nữ khác vui chơi thì tâm không ganh ghét. Lại có ba thứ công đức lớn, thù thắng tương ưng của người nữ. Đó là không nói nhiều, tâm không tà kiến, nếu chồng chết không ham các sắc, thanh, hương, vị, xúc… tâm ý chẳng động. Do nhân duyên này, sau khi qua đời, người nữ ấy được sinh vào đường lành nơi cõi trời. Đó là món ngọc nữ báu quý giá vi diệu chỉ Chuyển luân vương mới có được.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là xa lìa tâm sân nhiều cấu uế được quả báo của nghiệp thiện như Chuyển luân vương?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Do xa lìa nghiệp ác bất thiện là sân với kẻ khác, nên nhờ nghiệp thiện còn lại mà được làm Chuyển luân vương với món báu thứ hai là châu báu có đầy đủ tám công đức.

Công đức thứ nhất là ở trong đêm tối nó rất sáng giống như trăng tròn mùa thu không bị mây che. Như vậy châu báu ấy có thể chiếu sáng hết tối tăm khắp cả một trăm do-tuần. Lại nữa, ban ngày trời nóng bức dữ dội, châu báu ấy tỏa ánh sáng lạnh, dứt trừ nóng bức đạt được mát mẻ. Đây là công đức thứ nhất của châu báu.

Công đức thứ hai là khi Chuyển luân vương đi vào nơi đồng trống, hoang vắng không có nước uống, binh lính đói khát nước thì châu báu khiến có nhiều dòng nước trong mát, trừ hết sự khát. Đây là công đức thứ hai của châu báu.

Công đức thứ ba: Khi Chuyển luân vương nghĩ đến nước uống, thì châu báu theo ý vua mà hiện ra. Đấy là công đức thứ ba của châu báu.

Công đức thứ tư: Châu báu có tám cạnh, mỗi cạnh phát ra nhiều màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, tía, đậm nhạt. Đây là công đức thứ tư của châu báu.

Công đức thứ năm: Diệu lực của châu báu kia, người sống trong khoảng một trăm do-tuần đều lìa khỏi bệnh, tâm hành ngay thẳng mong muốn gì đều y như nghiệp mà được kết quả. Đây là công đức thứ năm của châu báu.

Công đức thứ sáu: Uy lực của châu báu khiến cho các rồng ác không thể giáng xuống những trận mưa dữ. Đây là công đức thứ sáu của châu báu.

Công đức thứ bảy: Đối với nơi chốn không có nước, vùng núi cao hoang vắng, không có cây cỏ, thì châu báu ấy có thể tạo ra nhiều cây cối, ao nước hoa sen, cỏ cây um tùm, tươi tốt, tất cả đều được đầy đủ. Đây là công đức thứ bảy của châu báu.

Công đức thứ tám: Nhờ uy lực của châu báu nên không ai bị chết yểu, chết oan, lại được sống lâu, có thể khiến cho loài súc sinh không sát hại lẫn nhau, không oán ghét nhau. Oán ghét lẫn nhau là loài rắn chuột, lang sói. Đó là tám công đức thù thắng tương ưng đầy đủ.

Chuyển luân vương nhờ xa lìa tâm sân, tạo nghiệp thiện mà được quả báo. Vua có một ngàn người con, tất cả đều tráng kiện là bậc nhất trong loài người, thân tướng đẹp đẽ, có thể phá trừ được các quân khác. Tùy theo tâm ý của Chuyển luân vương mà hành động theo, đoan nghiêm vui vẻ. Người thiện theo như pháp, tùy thuận với pháp mà làm, thực hành giống với dòng họ của Chuyển luân vương. Tất cả xóm làng, chỗ đại chúng tụ hội đều kính trọng, yêu mến, khen ngợi về tâm hành của người đó.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là lìa bỏ sân, tu hành nghiệp thiện được làm Chuyển luân vương, có món báu thứ ba là luân báu xuất hiện trong thế gian?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Luân báu kia có đầy đủ năm công đức tương ưng. Đó là luân báu có một ngàn căm, thể của nó bằng vàng Diêm-phù-đàn, rộng năm trăm do-tuần, như mặt trời thứ hai chiếu khắp thế gian. Đây là công đức thứ nhất của luân báu.

Công đức thứ hai của luân báu là đi lại không chướng ngại, bay trên không mà đi một ngày có thể đi trăm ngàn do-tuần.

Công đức thứ ba của luân báu là tùy theo ý của nhà vua, bất cứ nơi chốn nào vua nghĩ tới, muốn đến: Cù-đà-ni hay Phất-bà-đề, Uất-đan-việt, Tứ Thiên vương… Ở tất cả mọi nơi ấy, bánh xe một ngàn căm bay lên không trung mà đến. Nhờ sức mạnh của luân báu khiến cho bốn bộ binh: Voi, ngựa, xe, cộ đều bay trên không mà tới nơi.

Công đức thứ tư của luân báu: Nếu bề tôi của Chuyển luân vương không tuân theo thì kim luân bảo vương cùng đi theo hộ vệ có thể ra lệnh, khiến đám bề tôi kia phải quy phục ngay.

Công đức thứ năm của luân báu là không ai địch lại kim luân báu kia. Nếu vua hoặc các vương hầu trông thấy thì bị hàng phục ngay. Nhờ vào oai lực của Chuyển luân vương mà luân báu luôn đi theo cho nên có thể hiện bày sức mạnh như thế.

Trên đây là năm thứ công đức tương ưng đầy đủ của luân báu. Như vậy là đã nói xong về báu lớn thứ ba.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là lìa sân, tu hành nghiệp thiện được làm Chuyển luân vương với báu lớn thứ tư là voi báu xuất hiện ở thế gian.

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Chuyển luân

vương này do tu hành đúng pháp, tùy thuận theo pháp mà thực hành nên được voi điều thuận. Voi điều thuận bậc nhất là có thể vượt thắng các thành khác, bảy chi vững vàng, đó là bốn chân, đuôi, căn và ngà. Bảy chi ấy luôn vững chắc. Nếu có đủ tướng như thế thì voi ấy rất mạnh, gấp hơn một ngàn lần sức mạnh của những con voi thường khác. Thân voi mềm mại, trắng như tuyết, giống như voi Y-la-bà-na của vua Đế Thích. Các voi khác nghe hơi của nó liền nằm mọp không dám nhìn thẳng. Voi ấy có thể chiến đấu ba chỗ: Dưới nước, trên đất và trên không. Nó đi rất nhanh: Trong một ngày có thể đi quanh Diêm-phù-đề ba vòng. Điều phục voi ấy bằng cách lấy một sợi dây cột vào yết hầu rồi kéo đi. Khi Chuyển luân vương cỡi thì voi điều thuận kia luôn đồng lòng với vua. Nếu Chuyển luân vương muốn đi đến chỗ nào, không cần chỉ bảo, voi ấy sẽ đi nhanh đến đó. Nó rất oai vệ không dao động, không lắc lư, bước đi chậm rãi, bước đều, không đi quanh co hoặc phóng nhanh, cũng không cố gắng. Những cử chỉ khéo léo đó, dù em bé thấy nó cũng không sinh sợ sệt. Đi ra ngã tư hoặc lên lầu cao để đi tới chỗ kia, người phụ nữ có thể nắm bắt, tay chạm được nó. Lúc chiến đấu voi rất mạnh mẽ, nhưng khi đi thì nó luôn tuân phục không vượt qua dây trói. Trong mười nẻo thiện của Chuyển luân vương, chỉ thực hành một chủng tử của nghiệp đạo là đạt được, huống chi tu hành đủ cả mười đạo nghiệp thiện. Do thuận với chánh pháp người tu hành dùng Thiên nhãn thấy voi báu là báu lớn thứ tư của Chuyển luân vương.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là Chuyển luân vương được ngựa báu? Ngựa báu ấy có những công đức hòa hợp tương ưng gì?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Ngựa báu giống, như hoa nga-câu-vật-đầu, toàn thân đều có những tướng lông xoáy của trời rất đẹp. Đó là tướng thứ nhất. Trọng lượng, màu sắc, hình thể xứng hợp với các tướng. Chỗ điều thuận bậc nhất của nó là trong một ngày có thể đi vòng quanh Diêm-phù-đề ba vòng mà thân không mỏi mệt. Đây là công đức của voi báu, là báu lớn thứ năm của Chuyển luân vương.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là Chuyển luân vương có được chủ binh báu?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Chủ binh báu kia có công đức gì? Nghĩa là khi Chuyển luân vương nhớ nghĩ điều gì, không đợi ra lệnh nhưng chủ binh báu liền biết được ý vua. Vua cần làm

điều gì thì chủ binh báu hoàn tất việc đó. Xa lìa phi pháp, thực hành chánh pháp. Cần lúc nào, chỗ nào, chủ binh báu đều thực hiện không hề trái ý, lại không buồn không than. Y vào chánh pháp mà giữ. Nếu ý vua nhớ nghĩ cần làm gì thì những việc làm ấy không trái ý với nghĩa của pháp. Tùy theo cảnh giới của vua cần, chủ binh báu đều hoàn tất cả thảy. Do Chuyển luân vương lìa bỏ sân, tạo nghiệp thiện mà được chủ binh báu như thế. Phải luôn luôn tu hành mười nghiệp đạo thiện, tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh trong thế gian giống như cha mẹ.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là Chuyển luân vương được báu lớn thứ bảy là đại thần chủ kho tàng, trưởng giả giàu có. Trưởng giả báu ấy có công đức gì?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Đại thần chủ kho tàng báu thuộc Chuyển luân vương, có công đức gì để có thể đem kim cương và các thứ châu báu: Ma-ca-la-đa, Nhân-đà-la, bảo châu ma-ca-la-đa màu xanh và báu đẹp mâu-sai-la-ca-la-bà, lấp đầy hết tất cả hố, khe, núi sâu, hang tối, chỗ xấu đất hiểm, chốn không bằng phẳng. Không đợi vua ra lệnh mà của báu nhiều vô tận, huống chi là vàng bạc. Trưởng giả này là người giữ pháp luật bậc nhất, không dối trá, không dua nịnh, không làm cho người khác đau khổ, mọi người thấy đều vui vẻ mến yêu. Đây là trưởng giả giàu, báu của Chuyển luân vương.

Như vậy Chuyển luân vương có đầy đủ bảy báu, làm chủ bốn cõi thiên hạ, có thể ngồi chung với chúng rồng và trời, được Tứ Thiên vương và Thiên vương trời Tam thập tam là Đế Thích chia tòa mà ngồi. Đó là gồm đủ bảy loại báu tốt đẹp mà Chuyển luân vương đã có được.

Lại nữa, còn có bảy thứ báu tương tự. Đó là kiếm báu, da báu, giường báu, cung điện báu, y báu và giày báu.

Kiếm của Chuyển luân vương giống như những thứ báu kia có công đức gì? Nếu dân nơi cõi nước nào khởi tâm phản nghịch thì kiếm báu liền bay nhanh đến đó. Dân chúng nơi các cõi nước trông thấy kiếm báu liền hàng phục ngay, không bị chết một người nào. Kiếm báu có công đức như vậy nên không chinh phạt, không giết hại mà dân chúng nơi các cõi nước tự nhiên hàng phục. Đây là công đức của kiếm báu, là loại báu tương tự thứ nhất.

Thế nào là Chuyển luân vương được da báu, là loại báu tương tự thứ hai? Báu ấy có công đức gì? Da báu kia được sinh từ nơi biển cả, người đi buôn tìm được đem về dâng lên vua. Da báu rộng năm do-tuần, dài mười

do-tuần. Da của rồng biển nước mưa không thể làm mục nát, gió không làm cho lay động, lửa không thể đốt cháy. Da báu có thể đẩy lùi lạnh nóng. Mùa lạnh thì ấm áp, mùa nóng thì mát mẻ. Bất cứ chỗ nào mà Chuyển luân vương đi đến có quân binh đi theo vua thì chư binh báu kia dẫn đi, da báu có thể dựng nhà dung chứa hết thảy quân binh và vua. Mỗi mỗi căn nhà cách biệt nhau, không cho ở lẫn lộn với đám vợ con, tất cả đều không thấy nhau. Màu sắc của da báu tươi đẹp như ánh sáng mặt trời. Đây là công đức của da báu, là loại báu tương tự thứ hai.

Thế nào là Chuyển luân vương được giường báu, là loại báu tương tự thứ ba? Báu này có công đức gì? Giường báu mềm mại, trơn láng, ngồi lên thì nó lún xuống, đứng dậy thì trở lại như cũ. Nếu vua ngồi lên giường đó để thiền định tư duy thì tâm được tịch tĩnh trong giải thoát. Nếu ngồi nơi giường ấy tâm vua nghĩ đến dục thì liền xa lìa dục, như vậy cho đến sân, si cũng thế. Từ trên giường kia, vua ra khỏi thiền định nhỏ, nếu có các phụ nữ sinh nhiễm tâm với vua, nhưng khi thấy giường báu thì tâm họ không còn tham nhiễm nữa. Đây là công đức của giường báu, là loại báu tương tự thứ ba.

Lại nữa, thế nào là Luân vương được rừng báu, là loại báu tương tự thứ tư? Báu thứ tư ấy có công đức gì? Nếu vua suy nghĩ, muốn đi chơi trong rừng thì vua đến khu rừng đó. Công đức của rừng báu là do diệu lực nơi nghiệp thiện của vua, nên khiến cho trời, người hoan hỷ, trong rừng trổ hoa quả, có chim xa cư ni, ao sen. Bên bờ ao sen có thể nữ trời múa hát, đùa giỡn, tất cả Thiên nữ đều tụ tập đông đảo, vua kia như vị trời có đầy đủ công đức nơi năm dục, luôn có phụ nữ theo bên, du hành vui chơi đó là nhờ uy lực của nghiệp thiện. Người tu hành kia quán xét tất cả. Đây là công đức của rừng báu, là loại báu tương tự thứ tư.

Lại nữa, thế nào là Luân vương được cung điện báu, là loại báu tương tự thứ năm? Báu thứ năm ấy có công đức gì? Khi Chuyển luân vương nằm nghỉ trong cung điện, muốn thấy trăng thì có trăng sao hiện lên ngay nơi ấy, thấy rồi vui mắt nói đó là viên ngọc. Thiên nữ ngâm thơ, ca hát, vua nghe sẽ hết lo lắng, ngủ yên ổn. Khi ngủ, vua thấy mộng lành, thấy những việc tốt đẹp. Mùa lạnh thì có gió ấm thổi đến, mùa nóng thì được tiếp xúc với sự mát mẻ. Một đêm có ba phần. Ngủ hai phần và thức một phần, hưởng mọi pháp lạc trong đời sống. Đây là công đức của cung điện báu, là loại báu tương tự thứ năm mà Chuyển luân vương được thọ hưởng nhờ phước báo.

Thế nào là y báu? Nó có công đức gì? Y được may bằng chỉ tơ thật

kỹ lưỡng chặt chẽ, rất mềm mại, bụi đất không làm dơ. Vua mặc vào thì không còn bị các thứ lạnh nóng, đói khát, đau ốm, mệt mỏi chi phối, lửa không thể thiêu đốt, dao kiếm cũng không thể cắt được. Đây là công đức của y báu, là loại báu tương tự thứ sáu.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là Chuyển luân vương được loại báu tương tự thứ bảy là giày báu? Nó có công đức gì?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Nếu vua mang giày báu thì đi trong nước như đi trên đất. Lúc dạo chơi thì đi từ từ chậm rãi, có thể băng qua một trăm do-tuần mà không tổn mất oai nghi, thân không mỏi mệt. Đó là Chuyển luân vương có đầy đủ bảy báu tương tự.

Lại nữa, có bảy báu tương tự như vậy, tùy theo tâm vua mà thọ dụng. Bốn cõi thiên hạ cùng hai cõi trời tiếp theo là chỗ của vua ăn. Vua có đầy đủ ngàn người con, tất cả đều tráng kiện, có thể phá trừ được các quân khác. Chuyển luân vương được tất cả mọi người kính trọng, được nghiệp thiện xa lìa sân đạt mọi an vui như vậy là nhờ nơi diệu lực của mười đạo nghiệp thiện.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp. Vì sao tất cả thế gian từ vô thỉ đến nay đều lấy tà kiến cùng u minh, tăm tối làm hạt giống? Tất cả kết sử cũng lại như vậy.

Lại nữa, làm sao để xa lìa tà kiến, tu hành theo chánh kiến, được giải thoát khỏi sinh tử trong thế gian?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Người tu hành, tùy thuận với chánh pháp, quan sát hành pháp. Nếu lìa bỏ tà kiến, tu tập chánh kiến thì tất cả kết sử, những pháp không lợi ích đều được đoạn diệt, sẽ đạt đến Niết-bàn xa lìa sinh tử. Người xa lìa tà kiến thì năm căn không chướng ngại. Như vậy người thiện vui thích với chánh pháp là do ban đầu lãnh hội công đức nơi Đức Phật, quán xét sinh tử trong năm đường. Quán những khổ não trong năm nơi đó rất là kinh hãi.

Trong cõi trời thì có khổ của phóng dật, về sau lúc bị thoái đọa lại khổ.

Trong cõi người thì có những cái khổ như phải canh tác.

Trong địa ngục thì có khổ bị người khác não hại.

Trong ngạ quỷ là khổ não về đói khát.

Trong súc sinh thì có khổ là ăn nuốt lẫn nhau.

Năm chốn như vậy, nếu nói rõ từng nơi thì có vô lượng thứ khổ. Quán xét như vậy rồi thì đối với sinh tử sinh tâm nhàm chán, xa lìa. Giống như ánh sáng, người thông đạt chánh pháp, phát tâm xuất gia. Do sinh tâm như thế nên pháp thiện hiện bày rõ. Nếu người hòa hợp sinh tâm ấy thì quỷ Dạ-xoa sống trên đất sẽ hoan hỷ khen ngợi, vô cùng xúc động sinh tâm như vầy: Thiện nam kia họ, tên… phát tâm muốn đoạn trừ tham, sân, si từ vô thỉ đến nay, muốn phá bỏ cảnh giới của ma, không ưa thích cảnh giới của phiền não, dục nhiễm, tâm không ham muốn về nẻo nhiễm đắm, ái dục.

Lại nữa, xa lìa tà kiến, thiện nam kia có tâm xuất gia, luôn luôn ưa thích tu tập thực hành nhiều, gần gũi với Thiện tri thức, thích nghe chánh pháp, tâm thường thanh tịnh, lễ lạy pháp Phật, khéo làm thanh tịnh, tịch tĩnh nơi thân, khẩu, ý nghiệp. Khẩu ý của người kia vắng lặng đó là người làm thiện. Dạ-xoa sống trên đất biết được nên hoan hỷ, sinh tâm như vầy: Thiện nam ấy với tâm thiện như vậy, tâm thanh tịnh như vậy, không ham thích nhà cửa tại gia, vì nó giống như cái lờ, cái lồng. Đối với tham dục, sân hận, ngu si có từ vô thủy, cũng như cảnh giới của ma đó, không sinh tâm vui thích, không ái nhiễm, muốn chiến đấu với ma, muốn đoạn trừ phiền não.

Lại nữa, thiện nam kia quán xét các thứ khổ của sinh tử rồi, tâm xuất gia tăng cao nên xa lìa sát sinh, trộm cắp, tà dâm, uống rượu và vọng ngữ. Thọ trì đầy đủ giới của hàng Ưu-bà-tắc. Dạ-xoa sống trên đất thấy vậy lại càng hoan hỷ lần lượt hướng lên trên nói với Dạ-xoa nơi hư không: "Trong nước… thôn… xóm… có thiện nam… họ… tên… đầy đủ chánh tín, có thể xuất gia, muốn cạo bỏ râu tóc, mang pháp y, chánh tín xuất gia, tu tập theo sự tin tưởng chính đáng làm suy giảm quân ma, tăng trưởng bạn chánh pháp, cắt đứt dây trói buộc của ma, đoạn trừ tham, sân, si. Tất cả các thứ kết sử, thì tà kiến là gốc. Niết-bàn xuất thế thì chánh tín là gốc. Tùy thuận với chánh pháp, quán xét tất cả các pháp thì đầu tiên người tu hành phải quán như vầy: Ca ngợi chánh kiến, không hiềm khích, không chê bai, không khinh, không ghét, chỉ dạy người khác trụ trong chánh kiến, không khen ngợi tà kiến chê nó là thấp hèn xấu xa. Thường nói rõ chánh kiến, tà kiến là hai nghiệp báo đối nhau, không khiến cho chúng sinh trụ trong tà kiến. Dây trói buộc căn bản của chúng sinh phàm phu ngu si nơi thế gian chính là tà kiến. Tất cả chúng sinh do tà kiến mà bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Thiện nam kia xả bỏ tà kiến tất sẽ được vô lượng pháp lành.

Lại nữa, thiện nam kia quán xét về nhà cửa có vô lượng sự trói buộc,

bức bách, khổ não. Quán xét rồi, sinh tâm nhàm chán, xa lìa, vui thích xuất gia, muốn chiến đấu với ma. Bậc Chánh sĩ như thế thì Dạ-xoa sống trên đất tất biết được nên hoan hỷ, chuyển nói với Dạ-xoa trên hư không, Dạ-xoa nơi hư không hoan hỷ tâu với Tứ Thiên vương: Trong nước… thôn… xóm… có thiện nam… họ… tên… đầy đủ chánh tín như vậy, có thể xuất gia, muốn cạo bỏ râu tóc, mang pháp y, xuất gia tu tập theo sự tin tưởng đúng đắn làm tổn giảm quân ma, tăng trưởng bạn chánh pháp. Tứ đại Thiên vương nghe như vậy rồi rất vui mừng.

Bậc Chánh sĩ nghe pháp rồi, nhàm chán tham dục, xa lìa trần cấu. Thiện nam kia cung kính các vị Hòa thượng Thánh Thanh văn, cạo bỏ râu tóc, mang pháp y ca-sa, thọ Ba-la-đề-mộc-xoa giới. Dạ-xoa sống trên đất và Dạ-xoa nơi hư không biết được nên hoan hỷ, tâu với Tứ Đại vương: Ở cõi Diêm-phù-đề trong nước… thôn… xóm… có thiện nam… họ… tên… xả bỏ tà kiến, tu nghiệp chánh kiến hành đúng như pháp, cạo bỏ râu tóc, mang pháp y, thọ Ba-la-đề-mộc-xoa giới. Những chỗ không lợi ích trong thế gian, nhà cửa, vợ con ràng buộc người ấy đều xa lìa. Xuất gia theo chánh tín, xa lìa tất cả nghiệp, tâm tại gia, muốn chiến đấu với ma, muốn đoạn trừ vô minh. Khi ấy Tứ Đại vương nghe vậy thì rất hoan hỷ, hướng lên tâu với Tứ Thiên vương: Ở cõi Diêm-phù-đề, trong nước… thôn… xóm… có thiện nam… họ… tên… lìa bỏ tà kiến, tu tập theo chánh kiến, cạo bỏ râu tóc, mang pháp y, xuất gia theo niềm tin chân chánh. Tỳ-kheo… nhận vị ấy làm đệ tử. Thiên vương nghe rồi tâm hoan hỷ, nói: "Quân ma bị tổn giảm, bạn chánh pháp được tăng trưởng". Tứ Đại vương đã tâu như vậy, Tứ Thiên vương nghe tâu thì rất vui mừng.

Lại nữa, thiện nam kia cho đến thấy một mảy trần pháp ác bất thiện đều rất sợ hãi, không dám tạo. Tâm hành chánh trực, không thích nói nhiều, không cầu theo lễ gia đình, không lui tới nhà cửa cũ, không gần gũi bạn ác, không muốn thấy chỗ nhiều người tụ tập ồn ào, không đi đến chỗ những người xấu ác, không đến chỗ đông người đùa giỡn, không ham thích cao lương mỹ vị, đồ đựng to lớn với nhiều thức ăn, không thường đến thăm thân hữu. Ở trong mọi hoàn cảnh nào cũng luôn thực hành chánh niệm, siêng năng tinh tấn. Ăn uống như pháp, đối xử, hành động như pháp. Siêng năng cắt đứt mọi sợi dây ma, nỗ lực tu hành theo chánh kiến. Người thiện như vậy làm lợi ích cho tất cả chúng sinh trong thế gian.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Không giết hại chúng sinh
Tâm từ thường hành nhẫn

Chúng sinh như cha mẹ
Người kia quán thế gian.
Từ bỏ nghiệp trộm cắp
Người trí thường hộ căn
Thân nghiệp thường làm thiện
Có thể vượt cõi ác.
Cho đến ảnh người nữ
Mắt còn không muốn nhìn
Phá dục được tuệ sáng
Nên gọi đạt giải thoát.
Thấy vàng, đất như nhau
Chánh hạnh bỏ sầu não
Rắn phiền não không cắn
Được vô lượng an vui.
Lợi, suy tâm bình đẳng
Được, mất ý cũng vậy
Khổ, vui tâm không đổi
Nên gọi là Tỳ-kheo.
Oán, thân không thấy khác
Giữ căn không phóng dật
Không bị cảnh làm hại
Nên gọi bậc Phạm hạnh.
Thấy cảnh giới như độc
Xa lìa như tránh oán
Thì Niết-bàn không xa
Bậc Chánh Giác đã dạy.
Thấy như thật sinh diệt
Chánh kiến tâm không tham
Tâm bất động như núi
Người kia thoát sinh tử.
Chiên-đàn và loài cỏ
Ngon dở tâm bình đẳng
Ca-sa bỏ lụa vải
Dục ái không trói buộc.
Không tham đắm lợi dưỡng
Biết đủ, cỏ làm tòa
Thấy lợi dưỡng như lửa
Đó mới là chánh kiến.

Cảnh giới như sông ái
Nhận chìm không thể nổi
Biết rõ do nghiệp quả
Phật gọi là Tỳ-kheo.
Việc đã qua không buồn
Không cầu mong vị lai
Hiện tại theo pháp làm
Tâm ý không cấu nhiễm.
Không có ý hoại pháp
Thường trú trong chánh pháp
Thì không vào sinh tử
Người ấy đủ pháp lành.
Nếu ai dùng lửa trí
Thiêu phiền não trong tâm
Cảnh giới như tôi tớ
Người kia không có khổ.
Nếu người căn tịch tĩnh
Căn không hề buông lung
Tâm không đắm sắc hương
Lìa phiền não như Phật.
Ai chế ngự các căn
Năm căn không tác dụng
Sắc… không thể cướp đoạt
Lìa phiền não, tịch tĩnh.
Tâm ai luôn ái, niệm
Hành nhẫn cũng như vậy
Người thấy, tâm tỉnh ngộ
Sáng như trăng Mâu-ni.
Ai thích ở chỗ vắng
Không thích chốn lầu gác
Chuộng gốc cây đất trống
Được gọi là Tỳ-kheo.
Dõng, tịnh, đủ trí tuệ
Như thật rõ khổ, vui
Tất đến chốn vô thượng
Vĩnh viễn lìa ưu sầu.
Tâm Từ bi chánh trực
Luôn tu tập thiền định

Hơn, thua, tâm bình đẳng
Như vậy là kiến đạo.

Do lìa bỏ tà kiến nên đạt được pháp như vậy.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là người kia xa lìa tà kiến, tu hành theo chánh kiến, lìa bỏ tâm ngu si mê lầm? Theo thứ lớp như vậy tu tập thiền vô lậu. Quỷ Dạ-xoa sống trên đất, Dạ-xoa nơi hư không cho đến Tứ Đại vương nghe thấy đều hoan hỷ?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Tứ Đại vương, Tứ Thiên vương cho đến Thiên chủ Đế Thích đều nói như vầy: Trong cõi Diêm-phù-đề, ở nước… thôn… xóm… có thiện nam… họ… tên… đã cạo bỏ râu tóc, mang pháp y, xuất gia theo chánh tín, giữ trọn giới theo chánh hạnh, nói năng lưu loát, đầy đủ biện tài, luôn giữ chánh niệm, cho đến một tội nhỏ cũng rất sợ hãi, làm tổn giảm quân ma, tăng trưởng bạn chánh pháp. Tứ Thiên vương tâu với Đế Thích, Đế Thích và chư Thiên ở cõi trời Tam thập tam đều rất vui mừng.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 3

Phẩm 2: Sinh tử (Phần 1)

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Tỳ-kheo tuần tự bỏ lậu hoặc như thế nào? Đầu tiên xả bỏ pháp bất thiện, tiếp đến tu hành pháp thiện, tư duy chánh quán, giữ tâm theo chánh niệm.

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Vị Tỳ-kheo kia đầu tiên quán như vầy: Căn trần đối nhau nhưng lại làm nhân duyên cho nhau. Vì thế mà tất cả thế giới từ vô thỉ đến nay luân hồi trong sinh tử. Người kia quán như vầy: Tất cả đều do duyên sinh, cảnh giới đại hải đều vô ngã, chỉ có nhân duyên của nội tâm và ngoại cảnh lưu chuyển trong thế gian. Như vậy đầu tiên phải tu tập hạnh xa lìa, phải xa lìa nơi ồn náo, ưa thích chốn thanh vắng, nơi A-lan-nhã, trong vùng núi rừng, đồng rộng, bên gốc cây, nơi đất trống, gò mả… thì có thể chế ngự được cái tâm khỉ vượn. Nhờ vào sự tu tập nên tâm được tịch tĩnh, không ưa thích ca múa, đùa giỡn, ồn ào trong xóm làng, cũng không thích nhìn phụ nữ già, trẻ, không thích nói nhiều. Có hai loại kết hủy hoại phạm hạnh. Một là dâm nữ; hai là nói nhiều. Hai kết này phải nên lìa bỏ. Lìa bỏ chúng rồi tâm mới được hoàn toàn tịch tĩnh, người ấy theo đấy mà an trụ.

Thế nào là chánh quán? Đầu tiên quán pháp gì? Đầu tiên người kia quán mười tám hành của ý, khi quán có thể khởi lên căn thiện, căn bất thiện và căn vô ký.

Mười tám hành của ý là gì? Tỳ-kheo quan sát đúng đắn về ý:

Khi mắt thấy sắc, nếu bị nhiễm do ý hỷ thì mắc quả báo bất thiện, nếu khởi ý ưu, lìa bỏ ý nhiễm dục thì được quả báo thiện, còn khởi ý xả thì đưa đến quả báo vô ký.

Lại nữa, khi tai nghe âm thanh, nếu bị nhiễm do ý hỷ thì mắc quả báo bất thiện, nếu khởi ý ưu, lìa bỏ ý nhiễm dục thì được quả báo thiện, còn khởi ý xả thì đưa đến quả báo vô ký.

Lại nữa, khi mũi ngửi mùi hương, nếu bị nhiễm do ý hỷ thì mắc quả báo bất thiện, nếu khởi ý ưu, xa lìa ý nhiễm dục thì được quả báo thiện, còn khởi ý xả thì đưa đến quả báo vô ký.

Lại nữa, khi lưỡi nếm mùi vị, nếu bị nhiễm do ý hỷ thì mắc quả báo bất thiện, nếu khởi ý ưu, xa lìa ý nhiễm dục thì được quả báo thiện, còn khởi ý xả thì đưa đến quả báo vô ký. Lại nữa, khi thân xúc chạm, nếu bị nhiễm do ý hỷ thì mắc quả báo bất thiện, nếu khởi ý ưu, xa lìa ý nhiễm dục thì được quả báo thiện, còn khởi ý xả thì đưa đến quả báo vô ký.

Lại nữa, khi ý biết pháp, nếu bị nhiễm do ý hỷ thì mắc quả báo bất thiện, nếu khởi ý ưu, xa lìa ý nhiễm dục thì được quả báo thiện, còn khởi ý xả thì đưa đến quả báo vô ký.

Do ba quả báo thuộc mười tám hành của ý làm cho chúng sinh luôn sinh tử trong thế gian. Nếu Tỳ-kheo kia quan sát mười tám hành của ý như vậy thì đạt được Sơ địa.

Bấy giờ, Dạ-xoa sống trên đất thấy sự việc như vậy trở nên hoan hỷ, tuần tự nói cho Dạ-xoa nơi hư không nghe. Dạ-xoa sống trên đất và Dạ-xoa nơi hư không hoan hỷ hướng đến tâu với Tứ Đại vương, Tứ Đại vương hướng đến Tứ Thiên vương hoan hỷ nói:

–Trong cõi Diêm-phù-đề, ở nước… thuộc thôn… xóm… có thiện nam… họ… tên… đã cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y, xuất gia theo chánh tín, lìa bỏ chỗ ồn ào, ở nơi tịch tĩnh. Nay lại quan sát mười tám hành của ý đã chứng được Sơ địa.

Tứ Đại vương tâu như vậy, Tứ Thiên vương lại vô cùng hoan hỷ, nói:

–Quân ma bị tổn giảm, bạn chánh pháp được tăng trưởng.

Tứ Thiên vương lại hướng đến cõi trời Tam thập tam, hoan hỷ tâu với Thiên vương Đế Thích:

–Trong cõi Diêm-phù-đề, ở nước… thuộc thôn… xóm… có thiện nam… họ… tên… đã cạo bỏ râu tóc, đắp pháp y, xuất gia theo chánh tín, lìa xa nơi ồn ào, cho đến… ở chốn gò mả, đã quán mười tám hành của ý, đúng như pháp chứng được Sơ địa, như pháp mà chánh quán.

Tứ Thiên vương tâu với vua Đế Thích như vậy. Vua Đế Thích Kiều-thi-ca ở cõi trời Tam thập tam nghe xong tâm rất vui mừng.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp. Tỳ-kheo kia đúng như pháp đã quán mười tám hành của ý chứng được Sơ địa. Sau đó làm sao chứng được nhị địa?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Tỳ-kheo kia tuần tự quan sát bằng bốn thứ. Bốn thứ là Tuệ, Đế, Xả và Xuất.

Thế nào là Tỳ-kheo trú trong Tuệ gia? Nghĩa là Tỳ-kheo kia quan sát tự thân theo chánh pháp, nhận biết đúng như thật rõ ràng về từng phần. Trong thân này có địa giới, thủy giới, phong giới, hỏa giới, không giới và thức giới.

Thế nào gọi là địa giới? Địa giới có hai là nội địa giới và ngoại địa giới.

Sao gọi là nội địa giới? Các bộ phận hiện có trong thân thể gọi là nội địa. Nội địa đó có cảm giác.

Vị ấy có cảm giác như thế nào? Nghĩa là khi chúng hòa hợp với da, thịt thì có cảm giác. Đó là lông, tóc, móng, răng… các căn, chúng thuộc về chất cứng và nhám, cảm giác ấy thuộc nội nhập.

Nội địa còn gì nữa? Đó là lông, tóc, móng, răng, da, thịt, gân, mạch, cốt, tủy, thận, tim, phổi, dạ dày, lá lách, đàm, sinh tạng, thục tạng, đại trường, tiểu trường, đầu não. Như vậy tất cả vật gì thuộc phần bên trong thân, thuộc chất cứng và nhám, có cảm giác thì gọi là nội địa giới.

Sao gọi là ngoại địa giới? Tất cả phần địa hiện có bên ngoài thuộc chất cứng và nhám, không có cảm giác thì gọi là Ngoại địa giới. Nếu nội địa giới và ngoại địa giới hòa hợp lại thì địa giới chỉ là địa giới. Quán địa giới không có người tạo tác và không có người thọ nhận. Tất cả đều do nhân duyên, vô thường, không vui thích, vô ngã, bất tịnh. Tỳ-kheo quan sát bằng trí tuệ như vậy sẽ được giải thoát. Tất cả đều không phải là ngã, không phải là ngã sở, cũng không phải là tự ngã của ngã. Thấy, biết đúng như thật về địa giới như vậy, tâm lìa được dục. Đó là Tỳ-kheo bằng trí tuệ mà được giải thoát.

Thế nào là thủy giới? Thủy giới có hai là nội thủy giới và ngoại thủy giới.

Thế nào là nội thủy giới? Tất cả các loại nước đều thuộc về tướng của thủy giới. Nghĩa là tướng hòa tan thấm ướt trong thân như nước mắt, nước dãi, não, máu, mỡ, tủy mật, tiểu tiện, mồ hôi… Tất cả các loại nước bên trong thân thể thuộc về cảm giác nên gọi là nội thủy giới.

Sao gọi là ngoại thủy giới? Các loại nước bên ngoài thuộc về chất ẩm ướt. Chúng bất giác tức là không cảm giác. Vì không có cảm giác nên gọi là ngoại thủy giới.

Nếu nội thủy giới và ngoại thủy giới hòa hợp làm một thì thủy giới chỉ là thủy giới. Quan sát thủy giới này tất cả không phải là ngã, cũng không

phải là ngã sở, lại cũng không phải là tự ngã của ngã. Thấy, biết đúng đắn như thật về thủy giới thì tâm lìa được dục. Đó là Tỳ-kheo trú trong trí tuệ.

Thế nào là hỏa giới? Hỏa giới có hai là nội hỏa giới và ngoại hỏa giới.

Thế nào là nội hỏa giới? Tất cả những phần nóng hiện có thuộc hơi nóng nơi thân thể, bên trong có cảm giác, nghĩa là hơi ấm trong thân nhưng không thiêu đốt và có thể tiêu hóa.

Sao gọi là có thể tiêu hóa? Khi ăn uống những thức ăn đồ uống, những thức ngon lưu chuyển, tiêu hóa. Đó là nội và nội phần nơi thân, nóng thuộc về hơi nóng, bên trong có cảm giác nên gọi là nội hỏa giới.

Thế nào gọi là ngoại hỏa giới? Tất cả những loại lửa bên ngoài thuộc về sự nóng, không cảm giác. Vì không có cảm giác nên gọi là ngoại hỏa giới. Nếu nội hỏa giới và ngoại hỏa giới hòa hợp làm một thì hỏa giới chỉ là hỏa giới. Quán hỏa giới tất cả đều không phải là ngã, không phải là ngã sở, cũng không phải tự ngã của ngã. Thấy biết đúng đắn, như thật về hỏa giới thì tâm lìa được dục. Như vậy hỏa giới không có người tạo tác, không có người thọ nhận.

Thế nào là phong giới? Phong giới có hai là nội phong giới và ngoại phong giới.

Thế nào là nội phong giới? Nội và nội phần bên trong thân thuộc về phong giới, chuyển động nhẹ, có cảm giác. Còn như thế nào nữa? Nghĩa là gió thổi lên, gió thổi xuống, gió thổi bên. Những thứ gió phát sinh giống như kim chích, như bị dao chặt. Gió nghiêng, gió xoáy, những thứ gió như vậy có tám mươi loại, chúng chuyển động giống như trùng bò. Tám mươi thứ gió phân chia đi khắp tám mươi chỗ. Như vậy, từng phần, từng chỗ bên trong thân thể thuộc về phong giới, chuyển động nhẹ có cảm giác nên gọi là nội phong giới.

Thế nào gọi là ngoại phong giới? Có những loại gió bên ngoài thuộc sự động nhẹ, hòa hợp không có cảm giác. Đó là ngoại phong giới. Nếu nội phong giới và ngoại phong giới hòa hợp làm một thì phong giới chỉ là phong giới. Quán phong giới tất cả không phải là ngã, không phải là ngã sở, cũng không phải tự ngã của ngã. Thế thì phong giới không có người tạo tác, không có người thọ nhận. Thấy biết đúng đắn như thật về phong giới thì tâm lìa được dục. Đó là Tỳ-kheo đạt được trí tuệ.

Thế nào là hư không giới? Hư không giới cũng có hai là nội hư không giới và ngoại hư không giới.

Thế nào là nội hư không giới? Nghĩa là nội phần trong thân. Hư không của nội phần thuộc về hư không giới, chỗ có cảm giác và có khắp

mọi nơi. Chỗ sắc chuyển động, như những thứ thức ăn đưa xuống tiêu hóa bài tiết, chỗ ruột phồng lên. Hư không ở trong cổ họng, trong tai, trong mắt, trong mũi, hư không nơi lưỡi, hư không nơi miệng… hư không khi lưỡi trong miệng hoạt động, đều gọi là nội hư không giới.

Thế nào gọi là ngoại hư không giới? Nghĩa là tất cả hư không mà không thuộc về cảm giác, có trong tất cả khắp nơi. Hư không trong thân cây, cành, nhánh, lá. Trong các lỗ hang đều có hư không, núi sông, ao rạch đều có hư không như hang lỗ bên ngoài. Đó là ngoại hư không giới. Nếu hư không giới thuộc nội sắc và hư không giới thuộc ngoại sắc hòa hợp làm một thì giới này chỉ là giới. Quán hư không giới này tất cả đều không phải là ngã, không phải là ngã sở, cũng không phải tự ngã của ngã. Như vậy thấy biết đúng đắn như thật về hư không giới thì tâm lìa được dục. Quán như vậy rồi tâm không còn buông lung thấy rõ không giới này đều không phải là ngã, không phải là ngã sở, cũng chẳng phải tự ngã của ngã không có tác giả, cũng không có người thọ nhận. Biết vậy rồi thì tâm lìa bỏ dục.

Thức giới là gì? Nghĩa là mười hai nhập do trong và ngoài hòa hợp lại với nhau. Như nhãn thức thấy vật, ý thức phân biệt. Như vậy, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức gọi là thức giới, trong đó ý là căn bản. Nên tất cả đều do ý thức nhận biết.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ý dẫn đầu các pháp
Ý có sức nhanh chóng
Đầu tiên ý chuyển động
Đưa đến nói và làm.
Rũ sạch các nghiệp ác
Có thể biết chuyển sinh
Biết rõ quả báo nghiệp
Thì đạt chỗ bất tử.
Hay chế ngự các căn
Thích làm lợi chúng sinh
Giữ các căn tịch tĩnh
Là Tỳ-kheo an ổn.
Cỡi chiếc xe sáu căn
Giết được giặc tâm dục
Trí dũng hành lan-nhã (tịch tĩnh)
Đến được nơi tịch tĩnh.

Chỗ thanh vắng biết đủ
Nằm đất cảm thấy vui
Hay dứt sạch pháp ác
Như gió tan mây mù.
Thân khẩu nghiệp đều thiện
Ưa thích tạo điều lành
Thấy rõ nhiệt tâm làm
Có thể phá quân ma.
Các dục không thể trói
Tâm thiện không tham đắm
Có nhiều tâm Từ bi
Xuất gia làm Tỳ-kheo.
Cảnh giới là nhân trói
Ai không ưa thích sắc
Được tịch tĩnh thù thắng
Đến chốn không khổ não.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Suy nghĩ như vậy rồi, người kia quán mười tám hành của ý và đã thành tựu được Sơ địa. Biết rõ về sáu giới thì chứng được Địa thứ hai. Lại phải niệm pháp gì để đạt được Địa thứ ba?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Nhận biết đúng như thật, rõ ràng về năm thọ căn, nên đạt được Địa thứ ba.

Thế nào là biết đúng về lạc thọ do dục sinh?

Người kia nhận biết đúng như thật, tuần tự biết về khổ thọ sinh, biết hỷ thọ sinh, biết ưu thọ sinh, biết xả thọ sinh, tất cả những thứ vui đều biết. Biết do xúc làm nhân mà sinh lạc thọ. Biết lạc thọ rồi, người kia nhận biết đúng như thật: Tôi biết lạc thọ. Tỳ-kheo kia biết do xúc làm nhân duyên mà sinh lạc thọ. Khi tiếp xúc với lạc thọ thì không sinh tham dục, biết lạc thọ do xúc sinh rồi thì lạc thọ diệt. Lạc thọ diệt rồi, người kia nhận biết đúng như thật: Ta đã diệt lạc thọ.

Người kia nghĩ như vầy: Khổ thọ của ta sinh, do nhân duyên mà sinh. Người kia biết khổ thọ sinh cũng giống như lạc thọ. Người kia biết rõ cũng như lạc thọ do xúc với nhân duyên mà sinh. Ở trong khổ thọ nói rộng ra như vậy.

Thế nào là Tỳ-kheo nhận biết hỷ thọ? Do nhân duyên với xúc là sinh hỷ thọ.

Thế nào là Tỳ-kheo nhận biết ưu thọ? Do nhân duyên là xúc mà sinh ưu thọ.

Nếu tùy thuận quán hỷ thọ ấy thì hỷ thọ diệt. Thấy hỷ thọ diệt thì lìa bỏ được dục hỷ thọ. Nếu hỷ thọ của ta mới sinh ra thì liền diệt ngay, thấy nó diệt rồi thì nhận biết đúng như thật về thọ, người kia lìa được dục. Như vậy nói rộng ra về ưu thọ và xả thọ cũng như thế.

Người kia thấy biết đúng như thật nên đạt được Địa thứ ba. Dạ-xoa sống trên đất biết được nên hoan hỷ, tuần tự hướng lên nói với Dạ-xoa nơi hư không. Dạ-xoa nơi hư không tâu với Tứ Đại vương, Tứ Đại vương tâu với Tứ Thiên vương, Tứ Thiên vương lại tâu với vua Đế Thích Kiều-thi-ca:

–Ở cõi Diêm-phù-đề, trong nước… thôn… xóm… có thiện nam… họ… tên… đã cạo bỏ râu tóc, đắp pháp y, xuất gia theo chánh tín chứng được Địa thứ ba muốn cùng ma chiến đấu, làm suy yếu quân ma và tăng trưởng bạn chánh pháp.

Vua Đế Thích nghe như vậy tâm rất hoan hỷ. Vua Đế Thích Kiều-thi-ca liền cỡi voi lớn là Yên-la-bàn-na, từ chỗ Thiên chúng thần thông lớn bậc nhất đến Diệm-ma thiên hoan hỷ nói:

–Ở cõi Diêm-phù-đề, trong nước… lần lượt cho đến đạt được Địa thứ ba, muốn chiến đấu với ma, làm tổn giảm quân ma, tăng trưởng bạn chánh pháp.

Diệm-ma thiên nghe vua Đế Thích nói như vậy tâm rất vui mừng.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Tỳ-kheo kia đạt được Địa thứ ba rồi, phải tu như thế nào để chứng đắc Địa thứ tư?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Tỳ-kheo ấy muốn đạt được Địa thứ tư phải quan sát như vầy: Do xúc làm nhân duyên mà sinh lạc thọ. Nếu nhân duyên của lạc thọ diệt, tịch tĩnh vắng lặng thì không còn lạc thọ. Do xúc làm nhân duyên mà sinh khổ thọ. Như vậy người kia xa lìa các khổ, khổ do xúc sinh, khổ do thọ sinh, khổ do tập sinh. Nguyên nhân của các khổ, người kia nhận biết thọ do xúc làm nhân duyên. Thọ của ta trong mỗi niệm cùng với xúc sinh khởi. Do xúc sinh người kia đối với lạc thọ tâm không sinh hoan hỷ, không sinh hỷ lạc, không khen ngợi thọ ấy, cũng không tạo tác nhiều, không tham đắm. Như thế người ấy không bị khổ thọ bức bách, không buồn, không loạn, hành xả như vậy, ức niệm, biết đúng về hành xả và ba thọ các tâm còn lại đều không bị nhiễm, tất cả

đều được lìa bỏ như vậy là được thanh tịnh, trong sạch.

Tỳ-kheo kia nghĩ như vầy: Ta nay đối với xả này đã được thanh tịnh như vậy, trong sạch như vậy, nay ta làm sao đạt được hư không xứ? Người kia hy vọng muốn được sống ở hư không xứ: Làm sao ta đạt được tâm của xứ đó? Ta đã hiểu rốt ráo, chắc chắn về xả. Nay ta đã xả hoàn toàn về hỷ lạc, luôn thâu giữ không lìa bỏ. Ta nhờ vào xả này mà được vào hư không xứ, nhờ vào xả này ta được thanh tịnh như vậy, trong sạch như vậy. Ta rất hy vọng đạt đến Thức xứ vô sở hữu xứ. Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Ta rất mong được vào xứ ấy. Với chánh hạnh như vậy, người kia hành đúng đắn theo Phi tưởng phi phi tưởng xứ và nghĩ: Nay ta nhờ vào xả này mà được ở xứ kia, giúp ta đạt được pháp của xứ đó. Ta nhờ vào xả này mà đạt hỷ lạc trong xứ đó, chánh hạnh Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Ví như người thợ vàng khéo léo, hay học trò của ông ta đem khối vàng sống, đẹp đặt vào lửa, dùng ống bễ thổi, tay cầm kềm vừa thổi vừa đập một cách điêu luyện thành thạo. Vàng sống ấy trở thành mềm mại, sáng sủa, rực rỡ tùy ý dùng. Vàng ấy được làm ra bất cứ vật gì đều đáng khen ngợi. Đem nó đi bất cứ phương nào, nơi nào cũng không ai chê bai, vì mài nó không còn vết nhơ, không uế tạp, không rít nhám là vật sáng mềm bậc nhất. Những vật được làm ra đều đẹp đẽ, bóng láng, sáng rỡ. Ánh sáng của nó che lấp những thứ vật báu khác. Vì người thợ vàng thiện xảo ấy và những học trò của ông ta đã biết cách mài dũa khéo léo khối vàng thật ấy nên biết đó là vật báu đích thực. Biết như vậy rồi, tùy theo sự nhớ nghĩ mà có thể làm bất cứ vật gì khiến cho ai trông thấy đều hoan hỷ. Như làm cái linh, hoặc để trang nghiêm thân, chỗ thấy hoặc không thấy, dùng làm hoa tai để trang nghiêm nơi tai, làm chuỗi anh lạc để trang nghiêm nơi cổ, hoặc để trang nghiêm cúng dường kinh luận. Hoặc làm nhẫn đeo tay, vòng nhẫn khắc chữ để trang nghiêm nơi ngón tay, hoặc làm vòng hoa, mão báu để trang nghiêm nơi tóc. Vật báu đích thực ấy trang nghiêm bất cứ chỗ nào, những vật trên đều tương ứng hoàn hảo. Đạt trí tuệ, Tỳ-kheo giữ giới nghĩ: Ta nay nhờ nơi xả này mà được thanh tịnh như vậy, trong sạch như vậy, chánh hạnh như vậy để vào hư không xứ, được tương ứng. Ta dựa vào xả ấy mà buộc niệm vào xứ ấy, hỷ lạc trong xứ ấy, trụ vào xứ ấy. Ta nhờ vào xả này mà hội nhập nơi Hư không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Lại suy nghĩ: Ta trụ vào xả này, làm sao để nó luôn luôn không động, không hoại, không diệt trong từng niệm.

Người kia suy nghĩ như vậy rồi, sau đó duyên dựa vào bốn xứ Vô sắc. Xả kia chẳng phải là thường, chẳng phải là vô thường; chẳng phải là động, hay bất động; chẳng phải là thường hay vô thường. Người kia biết

duyên vào Hư không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ kia, chẳng phải là thường hay vô thường, ở trong xứ đó tâm không hỷ lạc, biết nó không tịch tĩnh, là vô thường, động chuyển.

Người kia lại quán về thọ, biết thọ do dục sinh. Biết thọ do dục sinh rồi thì biết thọ cũng do dục diệt. Biết thọ diệt rồi thì biết thọ do nhãn xúc sinh, tuần tự biết thọ do nhĩ xúc sinh, biết thọ do tỷ xúc sinh, biết thọ do thiệt xúc sinh, biết thọ do thân xúc sinh, biết thọ do ý xúc sinh. Người kia đã nhận biết rõ về thọ rồi, lại từ thọ ấy quán xét thật kỹ: Thọ do nhãn xúc sinh, dục sinh, đã sinh rồi cùng với thọ ấy trụ ta đều biết rõ, biết thọ của ta diệt, dục diệt đều đã diệt.

Lại nữa, biết thọ do nhĩ xúc sinh thì thọ do nhãn xúc sinh bị diệt, đều đã diệt nên nhàm chán và vứt bỏ không trở lại nữa.

Thọ này đã diệt theo thứ lớp quán thọ do nhĩ xúc sinh làm duyên cho khổ, vui và không khổ, không vui. Thọ do nhĩ xúc sinh như vậy tùy thuận mà quán xét. Biết như thế rồi thì khi thọ thuộc nhĩ xúc không sinh hỷ lạc. Biết rõ về thọ ấy rồi thì lìa bỏ dục và được giải thoát.

Trên nói về thọ do nhĩ xúc sinh, thọ ấy đã diệt rồi, lại quán thọ do tỷ sinh và nhân duyên của tỷ xúc. Thọ này của ta sinh nếu duyên vui thì sinh vui, duyên khổ thì sinh khổ, duyên không khổ không vui thì sinh không khổ không vui.

Như vậy tùy thuận quan sát: Thọ do tỷ xúc sinh, nhận biết đúng như thật thì thọ sẽ diệt. Biết thọ diệt thì thọ do tỷ xúc sinh cũng diệt luôn. Biết thọ do tỷ làm duyên sinh khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Về sau thọ do duyên của tỷ sinh, quan sát như vậy, cũng sinh như vậy, sinh rồi lại diệt.

Thọ do tỷ xúc sinh đã diệt, bây giờ quán thọ do thiệt sinh. Khi thọ sinh cũng có ba loại như đã nói ở trên. Tuần tự cho đến quán thọ do ý sinh cũng có ba loại.

Người kia nhận biết đúng như thật về thọ rồi, chứng được Địa thứ tư, vị ấy tinh tấn dũng mãnh muốn thoát khỏi sự ràng buộc của quân ma. Dạ-xoa sống trên đất biết được nên rất hoan hỷ lại hướng lên nói với Dạ-xoa nơi hư không. Dạ-xoa nơi hư không hướng đến Tứ Đại vương tâu như vậy. Tứ Đại vương hướng đến tâu với Tứ Thiên vương. Tứ Thiên vương hướng đến tâu với vua Đế Thích. Vua Đế Thích lại hướng đến Diệm-ma thiên, nói:

–Ở cõi Diêm-phù-đề, trong nước… thôn… làng… có thiện nam… họ… tên… đã cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y, xuất gia theo chánh tín, trì giới,

tinh tấn, theo thứ tự mà nhận biết đúng như thật về thọ và đã chứng được Địa thứ tư. Ta nay hướng lên trời mà nói rõ khiến cho quân ma tổn giảm, bạn chánh pháp được tăng trưởng.

Diệm-ma thiên thấy vua Đế Thích cỡi voi trắng Yên-la-bàn-na, tâm sinh hoan hỷ nói với vua Đế Thích:

–Này Đế Thích, con người trong cõi Diêm-phù-đề tùy thuận theo pháp mà thực hành, phải nên yêu mến người ấy, đó là điều ông phải làm.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Tỳ-kheo kia làm sao lìa bỏ được sự trói buộc của ma, quan sát về xả thọ.

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Tỳ-kheo kia quan sát kỹ về thọ: Do nhân duyên của nhãn thức mà sinh thọ bất thiện. Thọ ấy muốn khởi lên thì duyên nơi thiện thứ hai làm cho thọ bất thiện diệt, thọ thiện được sinh. Duyên ký kia diệt thì thọ ký diệt, thọ vô ký sinh. Tuần tự thọ do nhĩ xúc sinh, thọ do tỷ xúc sinh, thọ do thiệt xúc sinh, thọ do thân xúc sinh, thọ do ý xúc sinh. Nếu biết rõ về thọ như vậy thì pháp thiện được đầy đủ, phiền não tiêu trừ. Người kia tu hành như thế rồi lại quán kỹ về thọ. Người kia muốn quán về pháp của thọ, pháp của thọ đều bị che lấp. Như ánh sáng đèn thì bị ánh sáng mặt trời, mặt trăng che lấp. Hai thọ ấy ngăn che cũng như vậy. Thọ thiện đã sinh rồi thì ngăn che thọ bất thiện. Nên biết như ánh sáng đèn, nếu có ánh sáng đèn thứ hai thì không thể làm chướng ngại nhau. Lại, suy xét về thọ. Thọ nào và cùng với thọ nào ngăn che nhau một cách rốt ráo? Người kia thấy thọ thiện ngăn che thọ bất thiện một cách rốt ráo. Còn như ánh sáng đèn thì ánh sáng của sao không ngăn che nhau.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia suy xét quan sát: Thọ cái gì? Và đối với thọ nào có thể hủy hoại? Người kia quan sát về thọ duyên vô lậu hủy hoại thọ duyên hữu lậu. Ví như ánh sáng lửa có thể che lấp ánh sáng của tuyết.

Thọ nào thắng thọ nào? Người kia lại quán xét: Thọ bất thiện kia ngăn che thọ thiện, sau đó sinh trở lại. Giống như ban ngày, ánh sáng mặt trời che lấp ánh sáng mặt trăng. Vào ban đêm ánh sáng mặt trăng không bị che lấp.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia suy xét đúng đắn về thọ: Nhiều thọ hòa hợp lại thì một thọ có thể che lấp, vượt hơn nhiều thọ kia. Quán nhiều thọ kia là thọ thế gian. Một thọ là thọ của tâm vô lậu xuất thế gian. Thọ này thù thắng có thể che lấp thọ hữu lậu. Giống như trong đêm tối có rất nhiều sao, nhưng chỉ một ánh sáng của trăng là có thể che lấp tất cả vì sao kia.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia tùy thuận quan sát về thọ vi tế kia.

Thế nào là nhiều thọ? Nghĩa là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân khởi lên đó là thọ hữu lậu.

Thế nào là thiện phát sinh? Người kia quán xét về các thọ trong thế gian có nhiều thọ hữu lậu, không có thọ vô lậu, vì thế gian không có diệu lực. Như ánh sáng của sao trong đêm tối, khi có trăng thì nó không thể chiếu sáng hoàn toàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quán xét về thọ ấy: Thọ này của ta trụ được bao lâu? Người kia quan sát thọ của ta sinh diệt tương tục, giống như ánh sáng của điện chớp.

Tỳ-kheo quan sát: Nghĩa này như thế nào? Nhân duyên của nhãn thọ có sinh ra tỷ thọ không?

Người kia quan sát đúng đắn do duyên của ý căn sinh thọ, thọ ấy hủy hoại thọ của tất cả căn khác. Giống như bò, trâu, ngựa, lạc đà đều có chung một tướng hoại, nhưng nhân duyên đưa đến cái hoại thì khác nhau. Từ vô thỉ đến nay, năm căn khởi lên đều duyên dựa do hỷ lạc, nhưng cảnh giới của hỷ lạc lại khác nhau. Nếu hủy hoại cảnh giới của tướng ý lạc thì cảnh giới của căn hoại theo. Ví như trâu, ngựa, lạc đà, heo…

Tỳ-kheo kia quán về thọ như vậy thì được trí tuệ vi tế.

Tỳ-kheo kia đối với trí ấy ưa thích tu tập và thực hành nhiều. Quán xét về lạc thọ rồi, tùy thuận quán thọ một cách rốt ráo. Tỳ-kheo kia suy nghĩ: Thọ này của ta do nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý mà khởi lên. Nó từ đâu sinh và diệt thì đi về đâu?

Tỳ-kheo kia tùy thuận quan sát thì biết thọ đã diệt sạch, do tư duy về đạo lý. Quán như vậy rồi, Tỳ-kheo kia biết thọ không từ đâu sinh và diệt thì cũng không đi về đâu. Nhãn thọ này của ta xưa không, nay có, có rồi lại hoàn không. Nhãn này của ta không từ đâu đến, giống như nước biển. Diệt rồi thì không đi về đâu như nước các sông đều chảy về biển cả. Thọ thuộc về nhãn của ta xưa không, nay có, có rồi lại hoàn không, nó do nhân duyên sinh. Thọ thuộc về nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng đều như vậy. Giống như người thợ gốm hoặc đệ tử của ông ta nhờ vào các duyên: Bánh quay, khối đất, sức lực và kỹ thuật, nước, khúc cây của con người mà làm ra cái bình. Như vậy cái bình không từ đâu đến và diệt thì cũng không đi về đâu, nhưng cái bình ấy nhờ vào các nhân duyên mà có. Như vậy, nhãn nhờ duyên với sắc, ánh sáng, hư không, sự nhớ nghĩ mà sinh ra nhãn thọ là khổ, vui hay không khổ không vui.

Giống như cái bình kia nếu nhân duyên tốt thì được cái bình tốt, còn

nhân duyên xấu thì có cái bình xấu. Như vậy, duyên vào duyên thiện thì sinh nhãn thọ thiện. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng đều như vậy.

Nếu hợp những thọ thiện lại, thuận theo thứ lớp mà tu hành thì đạt đến Niết-bàn. Nếu nhân duyên bất thiện thì nhãn thọ bất thiện sinh dục, sân, si. Luôn luôn sinh tử bị đọa vào cảnh giới của đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Tất cả việc làm thiện, quả báo thiện của Tỳ-kheo kia, nếu tùy thuận chuyên tâm quan sát về thọ ấy thì không có chỗ nương dựa, không có người tạo tác, không có nhân khởi, không phải là không có nhân khởi, không có nhóm họp, phi thường, phi sắc, luôn luôn thay đổi trong từng niệm, chẳng phải là pháp điên đảo.

Tỳ-kheo thấy thọ ấm như vậy thì diệt hữu ái, hỷ lạc sinh. Ái dục xấu ác, tất cả sinh tử đều thấy là vô thường, người kia lại ưa thích tu tập và tu tập nhiều về đạo xuất thế gian đoạn trừ tất cả kết, xa lìa hết thảy sử.

Thế nào là kết? Là kết của ái, kết của chướng ngại, kết của vô minh, kết của kiến giải, kết của sinh, kết của kiêu mạn, phải đoạn trừ hết các kết này.

Thế nào là sử? Là sử của dục nhiễm, sử của hữu nhiễm, sử của kiến giải, sử của chướng ngại, sử của mạn, sử của vô minh. Kết của hành trang, kết của chướng ngại, kết của ganh ghét, kết của đố kỵ, sử của nghi hoặc do các nhân duyên này mà luân hồi trong ba cõi, đi trong ba cõi, quay tròn nơi ba đường ác, đi dài qua ba thời gian. Đối với ba phẩm huân tập theo ba thọ, là nhân duyên luân chuyển sinh tử trong ba đời.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Tỳ-kheo kia làm sao nhận biết về nhân duyên của nhãn? Người kia quán nhãn do nhân gì duyên gì mà sinh?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Nghiệp là nhân của nhãn, nhãn nhân nơi nghiệp mà sinh. Chúng xoay tròn như thế. Giống như hạt ni-cư-đà trong thế gian, từ hạt mà mọc ra cây ni-cư-đà. Cây ấy lại sinh ra hạt. Chúng bị trói buộc trong nhân duyên như vậy. Biết do nghiệp sinh, nghiệp lại chuyển sinh. Có sinh thì có già, chết, lo buồn, than khóc, khổ não. Do nghiệp nhân bị trói chặt trong lưới ái, khiến cho hết thảy kẻ phàm phu ngu si luân chuyển trong biển sinh tử mà tưởng là đến chỗ tất cả ái. Do không tạo nghiệp nên không có ái, do không có ái nên không có thọ. Nhân duyên đó giống như ngọn đèn: Nhờ có tim đèn, bầu đèn, dầu, lửa mà có ánh sáng đèn phát ra liên tục. Tỳ-kheo kia quán xét nguyên nhân của thọ, quán kỹ tất cả thọ sinh ra do nghiệp nhân, nghiệp pháp và nghiệp lực.

Bầu đèn dụ cho thân, dầu dụ cho căn, tim đèn dụ cho thọ, dục, sân si dụ cho lửa luôn luôn phát sinh, lửa dụ cho từng niệm trí phát sinh, ánh sáng dụ cho trí tuệ.

Người tu hành kia thấy biết tất cả nơi ba cõi đều có thọ này. Giống như người thợ vàng hoặc đệ tử của ông ta được vàng ròng thì có thể tạo thành những vật trang sức tốt đẹp. Người thợ thiện xảo kia dụ cho người tu hành, vàng ròng dụ cho duyên dựa theo điều thiện. Nếu duyên dựa theo thiện thì được nghiệp thiện đạt đến đạo Niết-bàn, còn duyên dựa theo điều bất thiện thì đưa đến nghiệp bất thiện. Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Biết rõ nhân và duyên
Định rõ nghĩa vi tế
Luôn hỷ lạc giải thoát
Không bị ái sai khiến.
Chúng sinh theo dòng nghiệp
Rồi theo nghiệp mà sinh
Quả nghiệp trói buộc rồi
Đi trong cõi hiểm ác.
Ai lìa nghiệp bất thiện
Thường hỷ lạc nghiệp thiện
Người tu hành như thế
Như trăng sáng trong lành.
Người kia đốt nghiệp ác
Như lửa đốt cỏ khô
Chói sáng trong ba cõi
Giải thoát các pháp ác.
Nếu ai cầu giải thoát
Tâm không thích sinh tử
Không bị sinh tử trói
Như chim bay trên không.
Biết rõ nguyên nhân thọ
Biết rõ quả báo thọ
Thì sẽ được giải thoát
Biết rõ về ba cõi.
Khổ vui không lay động
Tốt xấu không để tâm
Thấy thế gian như lửa
người tu hành từ bi.
Ý không bị lỗi lầm

Thích thực hành chánh pháp
Tâm thích pháp Tỳ-kheo
Thế gọi là Tỳ-kheo.
Không thích gặp thân ái
Thích gặp bậc Hiền thiện
Xuất gia lìa nhà cấu
Như vậy là Tỳ-kheo.
Giữ các căn tịch tĩnh
Không tham đắm cảnh giới
Đi nhìn đất một tầm
Như vậy là Tỳ-kheo.
Không mắng nhiếc người khác
Nhất định không mua bán
Không thích đến ngã tư
Như vậy là Tỳ-kheo.
Không thích xem ca múa
Không ưa chốn người giàu
Thích ở nơi gò mả
Như vậy là Tỳ-kheo.
Ngày chỉ ăn một bữa
Không cất để ngày mai
Ăn vừa đủ hai phần
Như vậy là Tỳ-kheo.
Xả bỏ áo quần đẹp
Ưa thích y phấn tảo
Ăn khế hợp với tu
Như vậy là Tỳ-kheo.
Không tạo nghiệp thế tục
Không mong quả thế gian
Không khổ cầu vật dụng
Như vậy là Tỳ-kheo.
Giải thoát khỏi dục, sân
Lìa bỏ tâm bùn si
Pháp ác không làm dơ
Như vậy là Tỳ-kheo.
Vượt qua tất cả kiết
Xả ly tất cả sử
Giải thoát mọi trói buộc

Như vậy là Tỳ-kheo.
Đi đường tám Chánh đạo
Hướng đến thành Niết-bàn
Lìa ý ác phiền não
Như vậy là Tỳ-kheo.
Ý vững, căn vắng lặng
Lìa bỏ vũng bùn dục
Thường nhất tâm chánh niệm
Như vậy là Tỳ-kheo.
Đã chứng được trí địa
Tâm tịch tĩnh thấy rõ
Biết thiện, ác các địa
Như vậy là Tỳ-kheo.
Pháp lậu, pháp vô lậu
Đều do duyên mà sinh
Biết tất cả mọi pháp
Như vậy là Tỳ-kheo.
Chánh trực tu phạm hạnh
Tịch tĩnh lìa biếng trễ
Dạy sớm, tịnh, cung kính
Như vậy là Tỳ-kheo.
Ưa thích tu định, huệ
Lại ưa thích tứ thiền
Ưa thích chốn vắng lặng
Như vậy là Tỳ-kheo.
Như chim bay trên không
Bóng nó luôn theo bên
Như ý thuận chánh pháp
Như vậy là Tỳ-kheo.
Hay diệt các phiền não
Quán thiện ác bình đẳng
Khéo biết thở ra vào
Như vậy là Tỳ-kheo.
Nếu biết theo thứ tự
Thấy rõ pháp mình tu
Biết rõ đạo, phi đạo
Như vậy là Tỳ-kheo.
Được lạc, tâm không hỷ

Gặp khổ, lòng không ưu
Hỷ, ưu, tâm bình đẳng
Như vậy là Tỳ-kheo.
Nếu biết rõ sinh tử
Thiên, Tu-la kính lạy
Biết chúng sinh thiện ác
Như vậy là Tỳ-kheo.
Y bát thường biết đủ
Không chứa của cải quý
Thiểu dục và phạm hạnh
Như vậy là Tỳ-kheo.
Nhất thực lìa cấu uế
Không tham đắm mùi vị
Thường xả bỏ lợi dưỡng
Như vậy là Tỳ-kheo.
Hành tâm Xả, tâm Bi
Lìa bỏ ác ganh tỵ
Thiêu đốt mọi lỗi lầm
Như vậy là Tỳ-kheo.

Tỳ-kheo kia trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát thọ như vậy. Quán thọ được trí vi tế rồi, vị ấy lại quan sát sâu xa: Biết thọ do xúc sinh, do duyên mà hoạt động. Như vậy quán chỗ duyên dựa thứ hai của nhãn tác hợp lại thì diệt thọ do xúc sinh. Duyên dựa nơi thọ do nhãn xúc sinh đã diệt thì duyên dựa với âm thanh, ta sinh ái thọ. Nếu không ái thọ thì tâm không cùng diệt. Tỳ-kheo kia dùng dây chẳng sầu cột tâm vào cây cột duyên dựa. Thọ kia đã diệt thì chỗ duyên dựa của âm thanh và thọ thuộc về nhĩ đều diệt.

Tỷ duyên với hương mà sinh tỷ thọ. Tỳ-kheo kia quán thọ do tỷ xúc sinh. Vị ấy tư duy: Tỷ của ta cùng với hương mà sinh thọ thuộc tỷ là thiện hay bất thiện, ký hoặc vô ký? Tỷ này của ta thọ thì tâm không diệt. Tỳ-kheo quán xét sự hoại diệt của tâm với chỗ duyên dựa luôn luôn hoạt động. Như vậy thì phải điều phục tâm, lấy pháp thiện huân tập tâm để trở thành pháp thiện vô lậu. Bấy giờ được bất động.

Thiệt duyên hợp với vị, duyên hợp này là thiện hay bất thiện, ký hoặc vô ký. Tỳ-kheo biết rõ sự duyên dựa này rồi, tiếp tục quan sát về thọ khổ, vui, không khổ, không vui. Quán như vậy và tư duy: Tâm này của ta hoại hay không hoại?

Lại quan sát thọ do duyên hợp với vị mà sinh, nó có thể phá hoại tâm. Quán xét như vậy rồi, dùng sợi dây chẳng sầu cột tâm kia vào cây cột duyên hợp, phải giữ gìn như vậy do sự tu hành. Nếu tâm như thế thì các sự ưa thích của vị do thiệt thọ không bị cướp mất.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quán thân xúc, như vậy thân xúc cùng với thọ của xúc cột vào nơi cây cột duyên dựa thiện hay bất thiện, ký hoặc vô ký. Quán thọ của thân xúc, nếu tâm động hay hoại thì lấy dây cột vào trụ duyên hợp để điều phục nó, tất nó sẽ không hủy hoại.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quán thọ do ý buộc vào pháp mà sinh thiện hay bất thiện, ký hoặc vô ký? Thấy thọ của ý hoại, Tỳ-kheo kia lấy dây chẳng sầu cột tâm kia vào cây cột duyên hợp để điều phục thì nó không hủy hoại. Tỳ-kheo kia đã quán thọ của sáu trần với sáu căn rồi, biết rõ năm thọ nên được xứ bất tận. người kia lấy đèn trí, quán thọ do nhãn xúc sinh, nhận biết thọ gì để sinh?

Người kia quán ý thức do duyên sinh ra thọ ấy mà tâm ý bị cột giữ. Tất cả kẻ phàm phu ngu si trong thế gian do lửa phân biệt mà tự thiêu đốt mình. Như vậy không có người thọ chỉ do các hành nhóm họp lại mà sinh, chỉ do các hành nhóm họp lại mà diệt. Tất cả đều bị trói buộc vào nhân duyên. Tùy thuận quán thọ do nhãn xúc sinh rồi, tùy thuận mà hoạt động, không thể nắm bắt, tâm không thay đổi, không chết, không loạn.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quan sát thọ thuộc về nhĩ.

Thế nào là thọ thuộc về nhĩ? Thọ này ai nhận biết? Người kia thấy rõ ý thức tùy thuận chỗ trói buộc. Thọ thuộc nhĩ trói buộc với ý, nương nhờ vào ý. Thọ này không có người tạo tác, không có người thọ nhận, chỉ do nhân duyên mà sinh. Như vậy thọ thuộc nhĩ không có người tạo tác, không có người thọ nhận chỉ do các hành tụ họp, nhân duyên và sức mạnh mà sinh hoặc diệt.

Tỳ-kheo quan sát thọ thuộc tỷ. Thọ này ai nhận biết? Người kia quan sát thọ trói buộc với ý thức, duyên dựa theo ý ấy, nương nhờ vào ý ấy, nhờ nhân duyên ấy tùy thuận mà sinh, chỉ do các hành tụ họp, không có người tạo tác, không có người thọ nhận, nó lưu chuyển tương tục. Ai quán thọ thuộc tỷ rồi thì xa lìa sự thọ nhận.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quán thọ thuộc thiệt. Thọ này ai nhận biết? Người kia quan sát thọ trói buộc với ý thức, như vậy thiệt thọ nương vào ý ấy, cột vào sự duyên dựa ấy. Nó do duyên sinh nên không có người tạo tác, không có người thọ nhận, không có vật nào riêng biệt, chỉ do các hành nhóm họp và năng lực của nhân duyên mà sinh.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quán thọ do thân xúc sinh. Thọ này ai nhận biết? Thọ này là của ai? Tỳ-kheo kia quan sát sự trói buộc của ý như vậy, thì thọ thuộc thân này không có người tạo tác, không có người thọ nhận, không phải một vật riêng biệt, chỉ do các hành tụ họp và năng lực của nhân duyên chuyển biến.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quan sát thọ thuộc ý. Thọ này ai nhận biết? Quan sát thọ thuộc ý duyên với pháp trần mà sinh ý thức, do ba sự hòa hợp mà sinh xúc, xúc cùng với thọ sinh. Giống như hòa hợp tất cả vật thơm lại thì có một hương thơm đặc biệt. Hương thơm đặc biệt này chẳng do một nhân duyên, mà do nhiều nhân duyên hợp lại. Như vậy, tất cả thọ sinh ra không có người tạo tác, không có người thọ nhận. Giống như tên hoa sen là nhờ vào thân, lá, nhụy, mùi thơm hợp nên. Như vậy, hoa sen chẳng phải do một duyên mà có được. Như vậy thọ do nhãn xúc sinh là nhờ con mắt, sắc, hư không, niệm, ánh sáng. Nó nhờ vào con mắt mà sinh thọ. Như vậy, thọ không chỉ có một điều kiện mà sinh ra được, không phải do một vật mà sinh, không phải hòa hợp làm một loại mà sinh, chẳng phải cùng một tướng mà sinh, chẳng phải nhóm họp sinh, chẳng phải hóa sinh.

Tỳ-kheo kia hiểu kỹ về thọ như vậy nên sinh pháp thanh tịnh. Giống như nước mía bỏ trong nồi nấu. Đầu tiên gạt bỏ chất dơ gọi là phả-ni-đa, nấu lần thứ hai đặc dần gọi là cự-lữ, nấu lần thứ ba biến thành màu trắng gọi là thạch mật. Như vậy nước mía càng nấu, gạt bỏ chất bẩn, đặc dần cho đến thành màu trắng. Tỳ-kheo kia lấy nồi duyên với lửa trí để nấu, hầm liên tục. Đầu tiên thiền quán như phả-ni-đa, thứ hai như cự-lữ, thứ ba như thạch mật trắng. Như vậy tâm Tỳ-kheo tương tục nơi pháp dùng lửa trí để nấu, tức thành pháp vô lậu trong sạch, xa lìa trần cấu, không còn xen tạp, sinh pháp xuất thế để ra khỏi sinh tử, xa lìa trần cấu giống như giặt áo.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia lại dùng pháp khác quán xét thật kỹ về thọ do nhãn xúc sinh có thô có tế, cấu uế nặng không nhẹ đi theo với si. Thọ của chúng sinh… thọ… ấy có thể hủy hoại, còn lại chút ít không chỗ nương dựa. Như vậy thọ thuộc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, Tỳ-kheo kia đã tu tập, đã quan sát thành tựu về thọ, quân ma sẽ bị hoại diệt. Dạ-xoa ở trên đất trở nên vui mừng nói cho Dạ-xoa nơi hư không. Dạ-xoa sống trên đất, Dạ-xoa nơi hư không nói với Tứ Đại vương, Tứ Đại vương tâu với Tứ Thiên vương, Tứ Thiên vương tâu với vua Đế Thích.

Bấy giờ, vua Đế Thích liền cỡi voi trắng Yên-la-bàn-na hoan hỷ nói với Diệm-ma thiên. Nói đầy đủ như trên. Diệm-ma thiên nghe Đế Thích nói càng sinh tâm hoan hỷ, đem những thứ trang sức bằng báu trời đan kết

đẹp đẽ đủ thứ màu sắc để trang nghiêm thân, cỡi đủ thứ xe, có thanh, hương, vị, xúc, đáng ưa thích. Những thứ đáng ưa thích, tất cả những thứ vui đó nhiều không thể nói hết. Thiên chúng Diệm-ma thiên rất hoan hỷ, hướng đến Đâu-suất thiên khoảng bốn vạn do-tuần có cung điện bằng bảy báu, lầu gác tươi sáng đẹp đẽ, tất cả cung thất, thành do ý phân biệt một vạn do-tuần, gọi là nơi chốn của Bồ-tát Vô Lậu Lạc. Di-lặc Thế Tôn đang trú nơi ấy, có đầy đủ năm trăm Bồ-tát. Diệm-ma thiên đến chỗ Đức Thế Tôn, tâm rất vui mừng, mặc thiên y hở bày vai, gối phải sát đất, lễ lạy rồi chắp tay nơi trán, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Các Thiên chúng của con nay biết nơi đất nghiệp của cõi Diêm-phù-đề, trong nước… thôn… làng… có thiện nam… họ… tên… đã cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y, xuất gia theo chánh tín, trì giới tu hành, cung kính các bậc tôn trưởng, chứng được Địa thứ tư, cầu pháp thiện vô lậu, thấy rõ về thọ phá trừ chúng quân ma, khéo làm chắc chắn cây cầu chánh pháp, mở bày bạch pháp, khiến cho ma vương không còn sức lực, chư Thiên được tăng trưởng có uy lực lớn, như con hôm nay đã nói.

Di-lặc Thế Tôn nghe xong nói với Diệm-ma thiên:

–Chư Thiên có sức mạnh, ma vương yếu kém, bạn chánh pháp tăng trưởng, phiền não bị chế ngự, quân ma thất bại, ta nghe rất vui mừng.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 4

Phẩm 2: Sinh tử (Phần 2)

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Về thọ ấm, Tỳ-kheo kia đã thấy biết lược qua giống như ở Lục dục thiên *(sáu cõi trời thuộc Dục giới)*. Bây giờ làm sao đạt được Địa thứ năm?

Tỳ-kheo kia đã thấy rõ về thọ của Thiên chúng ở Lục dục thiên đã tạo nghiệp, nên quán về tướng của tưởng ấm. Vị ấy phân biệt suy nghĩ: "Làm sao trong địa này, ta cùng với tưởng kia thực hành pháp thiện?" Chánh tư duy như vậy rồi thực hành trong phần đó, lại quan sát tướng bạch pháp của tưởng, hành kia, pháp ban đầu như vậy nên biết rõ từng phần.

Thế nào là duyên với hữu kiến, hữu đối sinh ra tưởng bất kiến, vô đối?

Tỳ-kheo kia lại quan sát rộng về tưởng. Tưởng ấy duyên hợp với mười một sắc trần. Đó là dài, ngắn, vuông, tròn, ba góc, một nắm, vàng, đỏ, xanh, trắng, đỏ tía… dựa vào tướng dài mà khởi tướng dài. Cho nên kẻ ngu si thiếu trí trong thế gian bị sinh tử vô biên, quả nghiệp sinh trở lại bị các hoạn nạn về yêu, ghét, lạnh, nóng, đói, khát sai khiến giống như nô tỳ. Lại ăn nuốt lẫn nhau, tập hợp những việc hư vọng không thật, tất cả những việc không lợi ích, như thế có nhiều vô lượng không thể chịu nổi. Tất cả vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha việc làm do thân, khẩu, ý tạo ra nghiệp khổ não để trang sức thân. Kẻ phàm phu ngu si theo nẻo hư vọng dối trá luôn tạo ra như vậy.

Trong cõi người có các thứ khổ như canh tác… dối gạt lẫn nhau, đong cân không đều, tranh chấp kiện tụng, kinh doanh cầu lợi, hầu hạ, gần gũi vua…, vào biển, đi xa, làm ruộng, chăn trâu, sinh nơi chốn hạ tiện, biên địa ưa thích tà kiến, các căn không đầy đủ, không được nghe chánh pháp, sinh vào chỗ không có Phật pháp, không có điều kiện tốt, nếu không bị các nạn như trên thì tâm thường ưa thích uống rượu, dâm dục, trộm cắp, tham dục, sân hận, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ. Những người như vậy là

sinh tử mãi. Duyên vào tướng dài ấy mà khởi lên tưởng dài.

Trong cõi trời, tướng sinh tử dài duyên vào tướng kia mà tưởng. Như vậy, trong cõi trời cảnh giới không thể nắm bắt nhưng cảnh giới hỷ lạc với sắc, thanh, hương, vị tham dục, sân si, luôn phóng dật, huân tập gần gũi với người nữ trong vườn Hoan hỷ, trang sức đủ loại, treo vật báu nơi cung điện, rừng cây, ao sen rất đẹp, đùa giỡn, hoan lạc, lấy bột cây chiên-đàn, hoa mạn-đà-la để rải, âm thanh ca hát tất cả đều của hàng trời, khiến tâm hỷ lạc, xa lìa chánh pháp. Đó là sinh tử dài. Nếu sinh vào nơi cõi trời thì có những việc như vậy. Do duyên vào tướng dài ấy mà sinh tưởng dài.

Trong loài ngạ quỷ, tướng sinh tử dài duyên vào tướng của nó mà tưởng. Do tạo nghiệp ác nên loài ngạ quỷ bị đói khát, đau đớn, thân dầm mưa chịu nắng, cổ nhỏ như cây kim, hông cao như vách núi, giống cái ống bi. Do tâm ganh tỵ mà chúng dùng dao, kiếm… chém giết lẫn nhau. Ở trong chỗ tối tăm, rơi vào sườn núi nguy hiểm, chạy vội vàng đến sông ngòi, ao vũng, rồi bị đám Diêm-ma-la cầm dao gậy, hoặc những vật sắc bén chặt, đánh, chém, bị khổ não cùng cực, ăn những thứ ói mửa của người, những thức ăn ghê tởm ấy nhiều vô lượng không thể chịu nổi. Còn những khổ như: nước mắt chảy ra, đầu tóc rối bù che cả thân mặt, có trăm ngàn con trùng bò đầy khắp thân, nơi thân mang tất cả thứ bệnh, sống dài trong sinh tử, thường bị quạ sắt dùng móng vuốt, mỏ nóng đỏ như lửa, cào mổ vào mắt, miệng. Ngạ quỷ như cây bị thiêu rụi, chúng ăn nuốt lẫn nhau, đi trong đồng trống ba trăm sáu mươi ức do-tuần nhưng không có chủ, không có người hướng dẫn, bị đói khát hành hạ, thân nó bị lửa đốt, vào trong chỗ tối tăm. Ngạ quỷ như vậy bị tà kiến dối gạt, không được nghe chánh pháp. Đó là sinh tử dài, duyên vào tướng kia mà tưởng.

Nơi loài súc sinh cũng ăn nuốt lẫn nhau, dâm dục không có luân lý, không biết ứng hợp. Nếu sinh trong nước thì đi trong nước, tâm nóng bức, luôn đói, thường sợ người khác bắt như rùa, ba ba, rái cá… Cá đề-di, đề-di-nghê-la có tên là cá ông, cá kim-tỳ-la, cá na-ca-la, gọi là cá đại khẩu, loài trùng, ốc, hến, con lớn luôn ăn con nhỏ, thường sợ bị lưới chài… ngăn chận để bắt.

Đi trên đất là những loài hươu, nai, trâu, heo, voi, bò, ngựa, lừa, gấu bị trói buộc khổ não, bị dao nhọn đâm giết, bị bệnh già chết não hại lẫn nhau, có trăm ngàn thứ thống khổ.

Đi trên không là chim quạ, chồn bay, thiên nga, khổng tước, oanh vũ, bồ câu, gà, chim trĩ, tu hú, nhạn nước, chim xanh giữ đầm, chim quán, chim sẻ, đó là những loại được người nuôi, còn những loại chim khác bị giết, bị

nhốt, đói khát ăn nuốt lẫn nhau, bị lạnh nóng bức bách khổ não, súc sinh các loại như vậy ở dưới nước, trên đất, trên hư không ba nơi đều sợ hãi. Đó là sinh tử dài duyên vào tướng kia mà tưởng.

Trong địa ngục, như địa ngục Hoạt, địa ngục Hắc thằng, địa ngục Chúng hợp, địa ngục Khiếu hoán, địa ngục Đại khiếu hoán, địa ngục Tiêu nhiệt, địa ngục A-tỳ là khổ não bậc nhất, có vô lượng trăm ngàn chẳng thể nghĩ bàn nỗi sợ hãi về đao, lửa… Rơi trong các sông ác, thân máu chảy lai láng, vào rừng đao kiếm, trong lửa dữ, chìm trong sông tro, đi trên đất lửa nóng, chịu khổ não vì lửa thiêu đốt, bị vô lượng loại khổ não, các thứ ác dữ bức bách không thể chịu nỗi. Như vậy, địa ngục là sinh tử dài duyên vào tướng kia mà tưởng.

Tỳ-kheo kia vận dụng trí tuệ quán xét: Hữu kiến hữu đối duyên vào nhân duyên, nghiệp quả của sắc dài, duyên vào Tứ đế để quan sát các hoạt động của chúng sinh trong trăm ngàn do-tuần. Hành đạo như vậy, suy nghĩ theo từng phần, người ấy quan sát về nhân duyên, nhàm chán sinh tử.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Tỳ-kheo kia làm sao tư duy từng phần để quán về tướng ngắn?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Tỳ-kheo kia muốn chiến đấu với quân ma, làm sao tư duy từng phần để quán về tướng ngắn của sinh tử? Nghĩa là thọ giới hạnh đầu-đà, tinh tấn bố thí, giữ giới tu trí tuệ, cung kính bậc tôn trưởng, tâm ngay thẳng hoan hỷ, theo chánh kiến kính trọng cha mẹ, gặp Phật nghe pháp, cung kính cúng dường, không dua nịnh, không ngã mạn, không dối trá, gần gũi Thiện tri thức, giữ niềm tin theo chánh hạnh, hành động theo tâm ngay thẳng, thân, khẩu, ý thanh tịnh, người như thế thì sinh tử ngắn duyên vào tướng kia mà tưởng.

Nếu sinh trong cõi trời thì buông lung nơi vườn Hoan hỷ, xe cộ gắn châu báu, rừng cây, ao sen, có chiên-đàn quý giá, anh lạc thù thắng, đẹp đẽ đoan nghiêm, có cây kiếp-ba. Trong rừng có suối chảy, vui chơi thọ lạc. Hoặc xả bỏ những thú vui ấy, thọ trì giới cấm, ăn uống du hành, tất cả thiền tư đọc tụng, vui gặp người thiện, chỉ dạy người khác đọc tụng, bố thí thuận hợp, tu hành Phạm hạnh, các căn tịch tĩnh, nói ít, thích nghe chánh pháp, ăn uống như pháp. Nếu cõi trời hành hóa như vậy là sinh tử ngắn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Vô số các khổ não
Miệng đói khát, khô nóng
Lửa thiêu đốt khắp thân

Như lửa đốt cây khô.
Khổ ấy nhiều vô lượng
Căn tĩnh trong một niệm
Tạm nương Phật, Pháp, Tăng
Người đó sinh tử ngắn.

Như vậy Tỳ-kheo duyên vào tướng mà tưởng.

Thường lo sợ đánh đập
Bị mưa và lạnh, nóng
Và ăn nuốt lẫn nhau
Những khổ não như thế.
Không thể nào tính nổi
Tâm tĩnh trong một niệm
Tạm nương Phật, Pháp, Tăng
Súc sinh sinh tử ngắn.

Tỳ-kheo duyên vào tướng mà tưởng.

Trong địa ngục Hắc thằng
Hoạt, Hợp và Khiếu hoán
Đại khiếu hoán, A-tỳ…
Những khổ bức cùng cực.
Không thể nào lường nổi
Nếu ở trong một niệm
Tâm tịch tĩnh giữ giới
Địa ngục sinh tử ngắn.

Như vậy là Tỳ-kheo duyên vào tướng mà tưởng.

Tỳ-kheo kia tư duy về tướng sinh tử ngắn như vầy:

Thế nào là bốn cạnh? Người kia quan sát đúng đắn về loài người ở châu Uất-đan-việt, đối với tất cả các vật đều không có tâm ngã sở, quyết định đi lên. Người ấy quán xét về sinh tử nơi bốn cạnh như vậy, Tỳ-kheo duyên vào tướng mà tưởng.

Thế nào là tròn? Trong ba đường dữ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh là sinh tử tròn. Vì chúng sinh vô trí nên luân chuyển, tâm không chủ động được. Đó là sinh tử tròn, Tỳ-kheo như vậy là duyên vào tướng ấy mà tưởng.

Thế nào là ba góc? Người hành các nghiệp lẫn lộn giữa thiện, bất thiện, vô ký nên sinh lẫn lộn vào các chỗ địa ngục, trời, người. Nghiệp bất thiện sinh trong địa ngục. Nghiệp thiện sinh vào cõi trời, nghiệp lẫn lộn sinh vào cõi người. Nếu tạo ba nghiệp thì sinh vào ba chỗ ấy. Như vậy gọi là sinh tử ba góc. Tỳ-kheo duyên vào tướng đó mà tưởng.

Thế nào là một nắm? Nghĩa là Tứ đại Thiên vương, trời Tam thập tam, trời Dạ-ma, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại tạo nghiệp tương tự. Nơi cõi trời mà thoái đọa thì sinh trong cõi trời, trong cõi người chết đi thì sinh trong cõi người, nơi không có tai nạn, đó là sinh tử một nắm. Tỳ-kheo duyên vào tướng ấy mà tưởng.

Thế nào là xanh? Nghĩa là thuộc về nghiệp bất thiện, người ở cõi địa ngục thì vào trong địa ngục tối tăm. Đó là sinh tử xanh, Tỳ-kheo duyên vào tướng đó mà tưởng.

Thế nào là vàng? Nghĩa là thuộc nghiệp màu vàng, sinh trong loài ngạ quỷ hung ác với nhau, hủy hoại lẫn nhau. Ngạ quỷ như thế là sinh tử vàng. Tỳ-kheo duyên vào tướng ấy mà tưởng.

Thế nào là đỏ? Nghĩa là thuộc về nghiệp đỏ, sinh trong loài súc sinh ăn nuốt lẫn nhau, ưa thích máu me. Đó là sinh tử đỏ, Tỳ-kheo duyên vào tướng đó mà tưởng.

Thế nào là trắng? Nghĩa là thuộc về nghiệp màu trắng sinh trong cõi trời. Nghiệp trắng của người kia do cái quý giá của nẻo thiện mà sinh vào hàng trời, người. Khi sắp thoái chuyển nơi cõi trời có các trời khác nói: "Đường lành của ông đi vào thế giới loài người". Trong cõi người, lúc sắp chết, bà con, bạn bè, vợ con khóc lóc, nước mắt giàn giụa đầy mặt nói như vầy: "Thật đáng thương tiếc! Nay bỏ chúng tôi đi mong sinh vào chỗ tốt đẹp trong cõi người. Trời, người như thế là sinh tử trắng. Tỳ-kheo duyên vào tướng đó mà tưởng như vậy.

Tỳ-kheo kia tư duy như vầy: Được làm thân người, nếu không tạo điều lành, tu tập bố thí, trì giới, trí tuệ thì người ấy tự lừa gạt mình, lưu chuyển trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, đi nơi đồng trống vắng, kẻ phàm phu ngu si tụ tập đông đủ. Như vậy về nghiệp đạo, Tỳ-kheo kia quán xét kỹ nơi thọ, quan sát về tưởng ấm dựa theo duyên mà hoạt động, thấy rõ, hiểu rõ nhãn thức do nhãn duyên với sắc, do ba sự hòa hợp sinh ra xúc. Cần phải quán tưởng nhiều, quán xét từng thứ sắc đẹp hay xấu, gần hay xa, dài hay ngắn, vuông hoặc tròn, trắng, ba góc, đó là hình tướng của sắc. Người kia lại quan sát riêng biệt nơi tưởng của các tướng. Quán nhân duyên của tưởng, quán ấm-giới-nhập, quán tưởng của tướng nhân duyên, tuần tự quán xét từng cái riêng biệt. Nếu nghiệp báo ác thì phải hiểu rõ đúng đắn từng phần duyên tương ưng, biết được do tương ưng sau đó mới lìa bỏ. Nếu có lợi ích hoặc không lợi ích mỗi loại đều có tướng riêng biệt. Tưởng biết về quá khứ ở trong nghiệp này, ta được quả báo thiện lại bị quả báo ác như trước đã nói. Biết tưởng như vầy: Nếu có tưởng thì nó giống như nhớ nghĩ.

Nhớ nghĩ duyên với tưởng kia mà sinh. Như ánh sáng của đèn, nhờ đèn duyên với đèn, phối hợp với đèn mà có ánh sáng. Như vậy, nhân nơi tưởng duyên với tưởng, do sức mạnh của tưởng mà có nghĩ nhớ. Tỳ-kheo kia đạt được Địa thứ năm.

Tỳ-kheo kia nhận biết xúc của tưởng rồi, đối với các thú vui của cõi trời không sinh tâm tham đắm, đối với khổ trong địa ngục không lo sợ. Vị ấy có nhận thức bình đẳng. Tưởng thuần thục giống như vàng ròng. Tưởng của Tỳ-kheo kia đã phá tưởng như vậy, lại quán xét tưởng của pháp khác và giải thoát tưởng kia. Lại quán tưởng của người khác là hư vọng không thật. Ta nay quán xét: Do nhân gì? Do duyên gì? Do nhân duyên gì mà sinh ra tưởng? Người kia quán xét tưởng do các nhân duyên hòa hợp lại mà sinh ra. Nếu nhân diệt thì tưởng kia cũng diệt. Giống như viên nguyệt châu. Viên nguyệt châu do duyên của nguyệt, duyên của châu mà làm cho nước trong. Tưởng cũng vậy, do nhân duyên mà sinh. Như vậy, tưởng chẳng phải là không có nhân duyên, nên không có người tạo tác, không có người thọ, nó không tự nhiên sinh. Tỳ-kheo kia quán kỹ về tưởng ấm. Vị ấy đã quán kỹ về tưởng ấm rồi nên biết rõ sự sinh diệt.

Lại quan sát vi tế giống như nước của dòng sông luôn chảy. Tưởng cũng như vậy, tưởng về thiện phát sinh thì do sức mạnh của nhân duyên khác chuyển làm bất thiện. Tưởng bất thiện sinh thì sức mạnh của nhân duyên còn lại chuyển làm tưởng thiện. Tâm kia như khỉ vượn. Đầu tiên phá vô ký thành ký. Người kia quán tưởng vui thì không sinh tham đắm vui. Trong cái vui vô lậu sinh tưởng vui, trong cái vui sinh tưởng khổ. Đó là biết vui. Như vậy làm sao thấy được ấm giới nhập thiện, hoặc sinh hoặc diệt? Không hỷ lạc thọ, không lạc thì tưởng diệt, không giữ lấy thì tưởng diệt, sau đó hành sinh, chẳng phải trụ chẳng phải diệt, tâm không mong cầu vì nhận thức rõ về sinh trụ diệt. Tỳ-kheo biết rõ ấm này cho nên không trụ vào cảnh giới của ma, không bị dục tham, sân, si trói buộc, không thấy có các thường, lạc, ngã, tịnh, vô minh không thể chi phối trong sinh tử, không bị thất niệm do sự trói buộc của lưới ái nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc. Người kia sinh nhớ nghĩ nên có thể diệt hết các lậu, đạt đến Niết-bàn. Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Bất cứ Tỳ-kheo nào
Thân cận người biếng nhác
Không siêng năng tinh tấn
Thì chẳng phải Tỳ-kheo.
Ai không thích giường chiếu
Phật nói là Tỳ-kheo

Ai ưa thích biếng trễ
Không thích làm điều thiện.
Một loại phiền não gốc
Đó chính là biếng trễ
Ai có một biếng nhác
Người đó không đắc pháp.
Chẳng phải mặc pháp phục
Mà được gọi Tỳ-kheo
Ai không thích tụng kinh
Không thiền, lậu chưa diệt.
Chỉ có tướng Tỳ-kheo
Chẳng phải là Tỳ-kheo
Chỉ thích dạo trong rừng
Không ưa cảnh giới đạo.
Ý tham vui rượu sắc
Chẳng phải là Tỳ-kheo
Ai cắt dây ma trói
Đoạn trừ các nghiệp ác.
Phật nói là Tỳ-kheo
Không trộm thức ăn tăng
Thà ăn loài rắn độc
Và uống nước đồng sôi.
Trọn không phá giới cấm
Ăn uống vật của tăng
Như vậy không nên làm
Ăn vật không nên ăn.
Ai ăn các phiền não
Thì đọa vào địa ngục
Người xả bỏ phiền não
Như ra khỏi hang rắn.
Tỳ-kheo kia nên ăn
Không thích nhìn người nữ
Đem thân làm chất liệu
Để thỏa mãn tâm ác.
Làm nhơ nhớp Tăng bảo
Sao gọi là Tỳ-kheo!
Ai tham ái, lợi dưỡng
Hỷ lạc nơi cảnh giới

Thấy người nữ đắm nhiễm
Không phải đạo người đời.
Ai thiêu đốt phiền não
Như lửa đốt núi rừng
Là hàng phạm hạnh thiện
Không tham đắm ăn uống.
Ưa thích đến xóm làng
Luôn luôn thích tắm rửa
Ngu si dối mình, người
Tất bị mất đạo pháp.
Tâm tĩnh, chốn thanh vắng
Thường luôn giữ tu thiền
Thế gọi hàng phạm hạnh
Vào cảnh giới đường thiện.
A-lan-nhã chốn tĩnh
Cùng người đó ở chung
Người lìa dục đã trọn
Không hỷ lạc các dục.
Ai ưa thích nói nhiều
Yêu thích các cảnh ác
Không hướng thành Niết-bàn
Chốn bất sinh, bất diệt.
Gần vua ăn món ngon
Uống rượu rồi khởi sân
Chỉ có tên Tỳ-kheo
Vọng ngữ dối tín thí.
Dối trá nói đủ thứ
Thường đến cửa triều đình
Làm người khác đau khổ
Hủy hoại chỗ thanh vắng.
Nếu ai bỏ vợ con
Ở rừng sâu tịch tĩnh
Mà vẫn còn luyến nhớ
Như nhổ ra ăn lại.

Tỳ-kheo kia làm tịch tĩnh các thứ lỗi trên, quan sát về ấm đúng như thật để thấy rõ, siêng năng tu giải thoát, luôn học hỏi các bậc tôn trưởng về đạo hay phi đạo. Vì thấy biết kỹ về tám Thánh đạo mà cầu đến thành giải thoát, siêng năng hành đạo, chánh kiến bình đẳng, tâm không bị cấu nhiễm,

nên tâm người ấy tịch tĩnh. Đối với việc hành đạo người ấy ưa thích tu tập và tu nhiều.

Tỳ-kheo kia được pháp thiện nơi nghiệp đạo vô lậu như vậy, hòa hợp mà tu hành làm tổn giảm quân ma, tăng trưởng bạn chánh pháp. Dạ-xoa sống trên đất biết sự việc này nói với Dạ-xoa nơi hư không. Dạ-xoa nơi hư không tuần tự tâu với Tứ Đại vương, Tứ Đại vương lại tâu với Tứ Thiên vương cho đến trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, Đức Thế Tôn Di-lặc như đã nói ở trên.

Nơi cõi trời Đâu-suất-đà có một vị Bồ-tát hết sức hoan hỷ hướng đến trời Hóa ứng nói như vầy:

–Trong cõi Diêm-phù-đề có thiện nam… đã cạo bỏ râu tóc, đắc pháp y, như trước đã nêu rõ.

Trời Hóa ứng trở nên vui mừng như trước đã nói.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Làm sao Tỳ-kheo kia đạt được Địa thứ năm?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Người ấy quán mười sắc nhập.

Mười sắc nhập là nhãn nhập, sắc nhập, nhĩ nhập, thanh nhập, tỷ nhập, hương nhập, thiệt nhập, vị nhập, thân nhập, xúc nhập.

Quán xét mười sắc nhập này như thế nào? Do nhân duyên của nhãn nhập, do nhân duyên của sắc nhập mà ta sinh tưởng ấy. Người kia quán như vầy: Do nhân duyên của nhãn, nhân duyên của sắc mà sinh ra nhãn thức. Do ba sự hòa hợp mà sinh xúc, xúc cùng với thọ tưởng tư cùng sinh.

Nếu Tỳ-kheo kia khi thọ biết thọ, khi tư biết tư, khi tưởng biết tưởng: như sắc này dài, sắc này ngắn, sắc này đáng ưa thích, sắc này không đáng ưa thích, sắc này đáng nhìn, sắc này không đáng nhìn, sắc này hữu đối, sắc này vô đối cho đến như vậy.

Ý ấy gọi là sắc, có mười một thứ, phân biệt như vầy: Do ba sự hòa hợp sinh súc, xúc cùng với thọ tưởng tư cùng sinh. Biết nhãn xúc kia sinh ra thọ, tưởng, tư. Nghĩa đó như thế nào? Giác tri gọi là thọ, thọ biết về thời tiết, đó là nghĩa của tưởng gọi là ý chuyển. Như vậy các pháp sinh ra đều có mỗi tướng riêng biệt, có mỗi thể riêng biệt, nghĩa khác của nó là mười pháp đại địa. Như vậy dị tướng là tướng riêng biệt của mỗi pháp: Niệm, tuệ, giải thoát, thọ, tưởng, tư, xúc, nhằm đạt đến Tam-muội. Như thế một duyên dựa thì có tướng riêng biệt. Thế thì tướng của thọ, tướng của tưởng,

có khác chứ không phải một. Ví như ánh sáng mặt trời, khi duyên với một thể khác thì thọ của tự thể có khác, tư của tự thể có khác. Biết rõ nhãn xúc sinh thọ, tưởng, tư rồi, người kia quan sát đúng đắn mắt là không, chẳng phải là vật, không bền vững. Tỳ-kheo như thế là nhận thức thật đúng về mắt, biết rõ về đạo, xa lìa tà kiến, chánh kiến được hiện tiền. Người kia xả cả sự ngu si, ô trược. Tưởng của mắt bất tịnh, tưởng không chân thật, quán kỹ về mắt này chỉ là cục thịt, do các vật bất tịnh là máu, mỡ, nước mắt, hợp lại mà có. Biết như vậy rồi, thì có thể đoạn trừ được dục. Người kia biết mắt này là vô thường nên thấy tất cả đều vô thường. Người kia biết mắt này chỉ là cục thịt dính trong xương mà thôi, nên tâm lìa được dục. Lại biết mắt này do các gân bao phủ. Biết nhãn nhập này tự, tha trái nhau, tất cả đều không tương ưng, tất đều không bền vững, đều vô ngã.

Tóm lại, nhãn chỉ là vật gây đau khổ. Quán được như vậy thì lìa được dục thuộc nhãn nhập. Đã quán nhãn nhập và biết rõ như thế nào rồi tuần tự quán về sắc.

Về sắc thì có ưa thích và không ưa thích, là pháp vô ký vì phân biệt không đúng. Sắc này có gì là bền chắc, có gì là tịnh, có gì là thường? Có gì là ngã? Có gì là lạc? Quán sắc như vậy, tư duy rồi biết tất cả sắc đều không bền chắc, chỉ có phân biệt mà có sắc này ưa thích và không ưa thích. Ưa thích, không ưa thích ấy không có tự thể, chỉ do phân biệt thâu lấy chỗ yêu ghét của thế gian rồi nhớ nghĩ lại chỗ yêu ghét ấy. Tỳ-kheo kia đã quán sắc nhập của nhãn *(mắt)* rồi, lại quán tiếp về thanh nhập của nhĩ *(tai)*.

Người kia quan sát thanh do đâu mà sinh? Căn trần đối nhau mà sinh ra thanh ấy. Người kia quán như vầy: Do nhân duyên của nhĩ và nhân duyên của niệm mà sinh ra nhĩ thức, do ba sự hòa hợp sinh xúc, xúc cùng với thọ, tưởng, tư cùng sinh. Biết được xúc này cùng sinh với thọ, tưởng, tư. Nếu biết xúc này cùng với tư sinh thì giác tri được tư tưởng. Đó là tướng dài. Do các nhân duyên như xa… khi nghe được âm thanh ấy thì làm tăng thêm nghiệp vi tế ưa thích hoặc không ưa thích. Tỳ-kheo kia biết về thanh như vậy, biết tư, biết tưởng và suy xét từng phần do ý thức mà biết được, do tư biết, do thọ biết, nhớ nghĩ tư duy. Thanh nhập của nhĩ kia do tư duy mà chọn lựa. Sau đó giác tri rằng thanh không có tự thể. Ưa thích hay không ưa thích là do phân biệt mà thanh này có. Như vậy thanh không có tự thể, không thường còn, không phải một vật, bị hủy hoại, không bền vững, không vui thích, không phải là ta và không phải là của ta, chỉ do âm thanh ưa thích hay không ưa thích của tham, sân, si. Quán xét đúng về thanh nhập của nhĩ như vậy rồi, thì khi nghe âm thanh không bị mê hoặc, không sinh hỷ lạc,

không chấp giữ, không đắm nhiễm, không cho là lâu bền. Quán xét về thanh nhập của nhĩ như vậy rồi nên không ưa thích nhĩ thức, lìa bỏ dục của nhĩ thức. Nhĩ thức không phải ta, ta không phải nhĩ thức. Xúc, thọ, tưởng, tư cũng đều như vậy.

Tỳ-kheo kia lại quán hương nhập của tỷ *(mũi)*. Do nhân duyên của tỷ, nhân duyên của hương, nhân duyên của niệm mà sinh ra tỷ thức hoặc gần hoặc xa, ưa thích hoặc không ưa thích, thơm hoặc hôi, do gió thổi hòa hợp lại, nhờ gió mà nghe mùi. Tỷ là nội nhập, hương là ngoại nhập, do ba sự hòa hợp mà sinh xúc, xúc cùng với thọ, tưởng, tư cùng sinh. Biết tướng của nó rồi, quan sát tướng của hương nhập nơi tỷ, biết tướng của nội xúc thì biết tướng của xúc, tướng của tư đều bình đẳng. Đối với pháp này duyên dựa vào một tướng nhờ vào nhân duyên khác. Khác đó nghĩa là mỗi pháp có mỗi tướng khác nhau, mỗi pháp có mỗi thể khác nhau. Tướng khác do như đã nói ở trong mười pháp đại địa. Như vậy tất cả các pháp đều có mỗi tướng riêng biệt, không phải là một tướng, một nhân duyên mà tạo ra được. Tỳ-kheo kia biết rõ về hương nhập của tỷ như vậy, biết rõ tìm hiểu kỹ thì vật này có gì lâu bền? Vật này có gì là thường còn? Có vật nào không bị hư hoại? Nhập này là vô thường, khổ, không, vô ngã. Người kia biết hương nhập của tỷ đều không phải là ta, không phải là của ta. Chánh tri như vầy: Do phân biệt mà có hương nhập của tỷ, nó là sợi dây trói buộc những chúng sinh ngu si, không phải là người có trí tuệ. Tỳ-kheo quán xét về một loại như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán vị nhập của thiệt *(lưỡi)*. Do các duyên như niệm… mà sinh thiệt thức. Do ba sự hòa hợp sinh xúc, xúc cùng với thọ, tưởng, tư cùng sinh. Nó tùy thuận cảm giác gọi là tưởng của thọ, tri là tướng của tưởng, đối là tướng của xúc, tưởng là tướng của tư. Tưởng lại duyên dựa với tướng, nhưng pháp đó mỗi mỗi đều có tướng riêng của nó, lại tướng bình đẳng chỉ do các nhân duyên khác nhau tạo thành, tất cả nhân duyên ấy cộng lại thành một việc. Giống như có ống bễ, kềm, bột, nước, vò và người thợ vàng mà làm ra chiếc nhẫn hoặc chiếc xuyến. Như vậy pháp không do một tướng mà thành. Vị nhập của thiệt này cũng như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quán kỹ về thiệt nhập cùng với vị nhập. Quán như vậy rồi thì biết vị nhập của thiệt kia không thiếu một pháp nào. Thường, lạc, ngã, tịnh, tất cả pháp đó, tư duy một cách vi tế thì không phải do một pháp, một tướng nào tương ưng cả. Nên người kia xa lìa nhiễm về thiệt nhập, vị nhập. Còn tất cả chúng sinh đều chìm đắm trong biển ấy, biển vị hỷ lạc làm chướng ngại lẫn nhau, cho nên chúng sinh bị

trói buộc trong biển lớn của năm đường thiên, nhân, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Tỳ-kheo kia đối với vị nhập của thiệt mà lìa dục và được giải thoát. Thiệt nhập không phải là ta, ta không phải thiệt nhập. Nó là vô thường, chẳng phải là vật độc lập, cũng chẳng phải không động, chẳng phải là không bị hủy hoại, chẳng phải là vị nhập của thiệt. Tỳ-kheo kia như thế là lìa được nhiễm dục.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quán xúc nhập của thân. Do nhân duyên thân, nhân duyên xúc mà sinh thân thức. Do sự hòa hợp mà sinh xúc, xúc cùng với thọ, tưởng, tư cùng sinh. Như trước đã nói về nhập của nhãn căn, thì xúc nhập của thân này cũng nên biết như vậy.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Tỳ-kheo kia đã quan sát về mười sắc nhập rồi, làm sao quán pháp nhập?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Thấy trong pháp nhập kia bao gồm ba loại pháp. Đó là diệt, do các duyên, diệt không do các duyên và pháp hư không. Vô vi pháp cũng thuộc vào pháp nhập. Quan sát như vậy thì pháp hư không kia cũng là pháp nhập.

Diệt do các duyên pháp này gọi là trí, vô lượng vô số pháp đều đã chứng đắc. Thuận hành với các duyên với sự chứng đắc đó để đoạn trừ các phiền não, làm cho phiền não kia diệt tận, đều bị hủy hoại. Tất cả pháp vô lậu chẳng phải là các duyên. Chúng không do các duyên nên gọi là trí, chứ chẳng phải thọ, chẳng phải tri, chẳng phải là giác, cũng chẳng phải là nghi. Thức của người khác có trong trăm ngàn đời, tất cả đều không có các thức của nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, chúng đã bị hủy hoại rồi không còn sinh lại nữa. Như vậy gọi là diệt không do các duyên, không phải do các duyên ấy là hư không thứ ba. Biết ba pháp này không sinh là thường, chẳng phải thuộc về ba đời. Nó không phải là đang sinh, không phải là đã sinh và cũng chẳng phải là sắp sinh.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia đối với hai loại pháp nhập, phân biệt từng loại là sắc hay vô sắc. Sắc là mười sắc nhập.

Thế nào là nhãn thức phi kiến, phi đối, kiến, đối thấy sắc?

Như vậy, nhĩ thức, phi kiến, phi đối làm sao giữ lấy âm thanh?

Như vậy, tỷ thức, phi kiến, phi đối làm sao giữ lấy mùi hương?

Như vậy, thiệt thức, phi kiến, phi đối làm sao giữ lấy mùi vị?

Như vậy, thân thức, phi kiến, phi đối làm sao giữ lấy sự tiếp xúc?

Năm nhập bên ngoài kia, năm nhập bên trong này, phi kiến, phi đối mà cùng với kiến, đối làm sao hợp nhau?

Tỳ-kheo kia quan sát như vầy: Khi nhãn thức sinh có hai loại duyên dựa ấy, cho đến ý thức đều có hai loại. Như vậy, thức sinh giống như con dấu in trên vật, vật không giống ấn. Ấn mềm mà vật cứng thì không thể in được. Ấn cứng vật mềm thì mới in ra chữ. Như vậy, thức không có kiến, đối, nó duyên lấy kiến, đối của tất cả các pháp, nếu in lần thứ ba thì vật không giống nhau, hiện ra không giống nhau các pháp cũng vậy, các vật không giống nhau, sinh ra không giống nhau. Đạt đến chỗ thứ nhất, đạt đến chỗ thứ hai thì hai pháp này giống nhau, hiện sinh trở lại giống nhau. Nghĩa là chỉ trắng thì may thành áo trắng. Đạt đến chỗ thứ ba thì không tương ưng với hai loại đầu nên sinh không tương ưng. Giống như bó đuốc đang cháy, do lửa và cây mà tạo nên nhưng thấy chúng không tương ưng. Đạt đến chỗ thứ tư, thấy từ vật lỏng mà sinh vật đặc. Giống như sữa sinh ra sữa chua. Sữa thì lỏng mà sữa chua lại đặc. Pháp kia như vậy là không tương ưng. Như vậy như vậy, pháp không tương tự tức như nhãn thức… các thức do nhân riêng, duyên riêng mà sinh ra nhãn thức…

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ai thích giác tri pháp
Mà hành thiền trong rừng
Chánh giác biết rõ tướng
Đạt đến chốn Vô thượng.
Thường thích hành từ bi
Siêng năng nơi cõi pháp
Biết rõ tướng của thân
Gọi là chân Tỳ-kheo.
Ai chánh ý quan sát
Không bị dục, sân phá
Người đó là Tỳ-kheo
Ngược lại thì không phải.
Ai thương xót chúng sinh
Xả bỏ những tham luyến
Gỡ bỏ các dây trói
Gọi là chân Tỳ-kheo.
Ai điều phục được tâm
Cảnh giới không hủy hoại
Tinh khiết như vàng ròng
Là Tỳ-kheo biết đủ.

Ai với yêu hay ghét
Không làm bẩn tâm ý
Nên biết làm thiện kia
Xả ly tất cả lỗi.
Oai nghi không bị chê
Theo pháp điều phục căn
Ý dũng mãnh thanh tịnh
Như thế là Tỳ-kheo.
Ai luôn luôn hỷ lạc
Biết nghĩa trong kinh luận
Không đắm nhiễm ăn uống
Là Tỳ-kheo tịch tĩnh.
Sống trong rừng thanh vắng
Gò mả, cỏ làm tòa
Cho đó là an vui
Như vậy là Tỳ-kheo.
Biết rõ lỗi nghiệp tội
Đạt thấu các quả nghiệp
Biết rõ nhân và duyên
Là Tỳ-kheo lìa ác.
Phá đồng trống sinh tử
Diệt ác, điều phục căn
Gần gũi bạn tri thức
Là Tỳ-kheo tịch tĩnh.
Được khen, lòng không mừng
Bị chê, tâm không buồn
Sâu xa như biển cả
Là Tỳ-kheo tu hành.
Ý vững, giấu lỗi người
Không ưa lời trau chuốt
Nói năng khéo cung kính
Là Tỳ-kheo tịch tĩnh.
Biết nhân nghiệp Dục giới
Lại biết nhân sắc giới
Biết cả nhân vô sắc
Là Tỳ-kheo thông luận.
Không thích lời thế tục
Thích đoạn trừ các lỗi

Thấy cảnh giới như độc
Phật nói là Tỳ-kheo.
Coi dục như bùn nhơ
Làm theo như ý nghĩ
Người trí mở tâm ý
Thoát khỏi dây sinh tử.
Ai lo chuyên thiền tụng
Xa lìa ma biếng trễ
Làm lợi cho chúng sinh
Là Tỳ-kheo vắng lặng.
Ai trả lời vấn nạn
Biện tài, điều phục căn
Biết đó là Pháp sư
Nếu không như cây cỏ.
Ai thân hành, ý hành
Tất cả không mỏi mệt
Công việc của chúng Tăng
Có thể làm hết thảy.
Mà không cầu của cải
Không ham giàu, ham danh
Chỉ làm lợi ý tăng
Giải thoát các trói buộc.
Trì giới không mong Thiên
Cũng không cầu danh lợi
Trì giới vì Niết-bàn
Là Tỳ-kheo tịch tĩnh.
Nên xa lìa các ác
Chỉ thích làm điều lành
Không gần gũi bạn ác
Là Tỳ-kheo Phật pháp.
Lấy từ để tu tâm
Ý cung kính chân thật
Học giới không khiếm khuyết
Cách Niết-bàn không xa.
Thường sợ già bệnh chết
Không ham vui thế gian
Tu thiền không phóng dật
Cách Niết-bàn không xa.

Người nào biết vô thường
Mình người đều vô ngã
Tu thiền, trí thượng, thượng
Cách Niết-bàn không xa.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Tỳ-kheo kia đạt được Địa thứ năm rồi và làm sao để chứng đắc Địa thứ sáu?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Thấy Tỳ-kheo kia hiểu rõ về chỗ đạt đến thứ tư.

Pháp này vì sao có nhân tương tự được quả tương tự? Không có nhân tương tự thì không có quả tương tự? Nhân không tương tự thì quả không tương tự, có nửa tương tự và nửa không tương tự?

Thế nào là có nhân tương tự được quả tương tự? Ví như nhân lúa lại sinh ra lúa. Như vậy, nội tương tự thì nghiệp thiện tương tự. Được quả ấy thì ở trong hàng trời, người là đạt đến chỗ đầu tiên.

Thế nào là không có nhân tương tự thì không có quả tương tự? Ví như sữa ngọt sinh ra sữa chua, không thể ưa thích. Như vậy, nội không tương tự, nghĩa là do ái nhiễm vào sắc, thanh, hương, vị, xúc… ở nơi đời này mà đưa đến cái quả không ưa thích ở địa ngục. Quả không đáng ưa thích giống như sữa chua. Đây là đạt đến chỗ thứ hai.

Thế nào là nhân không tương tự, quả không tương tự? Giống như màu xanh hợp với màu khác thì màu ấy không tương tự. Như vậy, nội không tương tự nghĩa là quả báo, nghiệp đều không giống nhau, chẳng phải nghiệp quả của nó, đó là tà kiến, trai pháp của ngoại đạo giết dê để trông mong sinh lên cõi trời, nên bị đọa vào địa ngục. Đây là đạt đến chỗ thứ ba.

Thế nào là nửa tương tự và nửa không tương tự? Giống như chỉ trắng thì may thành áo màu trắng. Chỉ nhỏ áo thô là không tương tự. Như vậy, nội nửa tương tự nửa không tương tự. Nghiệp bất thiện tế mà mắc quả báo bất thiện thô trong đại địa ngục. Đây là đạt đến chỗ thứ tư.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia trong tâm tư duy rồi, không giữ lấy nghiệp quả, lại tư duy tiếp và quán nghiệp quả khác hoạt động, trong đó như bánh xe quay tròn. Có bốn chỗ đạt đến:

Có nghiệp chưa đến, mọi người cùng tạo mới có thể gây bức não. Đây là đạt đến chỗ thứ nhất.

Có nghiệp đến rồi mới có thể gây bức não. Đây là đạt đến chỗ thứ

hai.

Có nghiệp đến hoặc chưa đến đều có thể gây bức não. Đây là đạt đến chỗ thứ ba.

Có nghiệp chẳng phải là đến, cũng chẳng phải là chưa đến. Đây là đạt đến chỗ thứ tư.

Có nghiệp chưa đến, mọi người cùng tạo mới có thể gây bức não. Như pháp thế gian: Sao tuy chưa hiện ra mà đất nước bị tai ương. Pháp xuất thế gian: như nhãn thức chưa đến mà biển nghiệp có thể gây bức não. Đó là những bức não của tâm dục, ưu bi. Đây là đạt đến chỗ đầu tiên.

Có nghiệp đến rồi mới có thể gây bức não, giống như pháp thế gian: Lửa đến mới đốt, dao đến mới cắt. Như pháp xuất thế gian: Nghiệp bất thiện đến, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh gây bức não. Đây là đạt đến chỗ thứ hai.

Có nghiệp đến hoặc chưa đến đều có thể gây bức não. Như pháp thế gian: Thế lực của chú độc hại đến hoặc chưa đến đều có thể gây bức não. Như pháp xuất thế gian: Khi người sắp chết có tướng trông mong đừng đến địa ngục. Đây là đạt đến chỗ thứ ba.

Có nghiệp chẳng phải là đến hoặc chẳng phải là chưa đến. Giống như những cây thuốc trong thế gian, chẳng phải là có sức sinh, chẳng phải là chưa có sức sinh. Còn xuất thế gian cũng lại như vậy. Tỳ-kheo La-hán quyết định thọ nghiệp, lượng như Tu-di. Vị A-la-hán kia nhập Niết-bàn hoặc chưa nhập Niết-bàn, nghiệp ấy cũng không thể gây bức não vị La-hán. Đây là đạt đến chỗ thứ tư.

Có nghiệp thọ đời hiện tại mà không thọ đời vị lai. Đây là đạt đến chỗ đầu tiên.

Có nghiệp thọ đời sau mà không thọ đời hiện tại. Đây là đạt đến chỗ thứ hai.

Có nghiệp thọ đời sau cũng thọ đời hiện tại. Đây là đạt đến chỗ thứ ba.

Có nghiệp không thọ đời hiện tại, cũng không thọ đời sau. Đây là đạt đến chỗ thứ tư.

Nghiệp nào thọ đời hiện tại mà không thọ đời vị lai? Như ở thế gian: Phạm phép vua bị luật pháp của vua trị phạt. Nghiệp này thọ đời hiện tại mà không thọ đời vị lai. Như xuất thế gian: Tu hành bố thí được người thiện tán thán. Nghiệp này thọ đời hiện tại mà không thọ đời vị lai. Đây là đạt đến chỗ thứ nhất.

Nghiệp nào thọ đời vị lai và không thọ đời hiện tại? Như thế gian: Vào lửa được sinh Thiên. Như xuất thế gian: Đời này hành thiện hoặc hành bất thiện thì đời khác bị quả báo. Điều này có thể thấy ở đời hiện tại. Đây là đạt đến chỗ thứ hai.

Nghiệp nào thọ đời hiện tại cũng thọ đời vị lai? Như ở thế gian: Thọ đời hiện tại mà đời sau cũng thọ. Xuất thế gian cũng vậy. Đây là đạt đến chỗ thứ ba.

Nghiệp nào không thọ đời hiện tại cũng không thọ đời vị lai? Như thế gian: Không nói trì giới, không nói bố thí. Xuất thế gian: Nghĩa là nghiệp vô ký chẳng phải thọ đời hiện tại, không thọ đời vị lai. Đây là đạt đến chỗ thứ tư.

Tỳ-kheo kia ngồi nơi am tranh mà quán như vầy: Có vô lượng mạng lưới của nghiệp, quả báo trùm khắp trong các cõi: Trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Thấy, biết như vậy rồi tùy thuận theo pháp mà thực hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Làm sao Tỳ-kheo kia biết được quả báo của nghiệp?

Nghĩa là biết nghiệp như vậy thì biết quả của nghiệp như vậy. Biết thiện, bất thiện, biết chúng sinh này đã tạo tác hạnh ác về thân, tạo tác hạnh ác về khẩu, tạo tác hạnh ác về ý, hủy báng bậc Hiền thánh, đó thuộc về tà kiến. Người kia vì nhân duyên của nghiệp mà khi qua đời bị đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu có chúng sinh nào thành tựu hạnh thiện về thân, thành tựu hạnh thiện về khẩu, thành tựu hạnh thiện về ý, ca ngợi bậc Hiền thánh, đó thuộc về chánh kiến. Người kia do nhân duyên của nghiệp mà sau khi qua đời được sinh vào đường lành nơi cõi trời.

Tỳ-kheo kia quan sát như vầy: Tất cả đều từ pháp nghiệp báo. Tỳ-kheo kia quan sát rồi không cùng hoạt động chung với chúng sinh nơi ma giới, cuối cùng đạt đến Niết-bàn.

Như vậy, hành theo pháp là tu hạnh xa lìa nhàm chán, siêng năng hành nẻo thiện, cuối cùng chấm dứt sinh tử, cứu giúp người khác khiến họ vượt qua sinh tử. Tự độ rồi độ người khác. Tỳ-kheo biết pháp của nghiệp báo, quan sát các pháp của các nẻo nghiệp báo nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người. Giống như viên ngọc Tỳ-lưu-ly thanh tịnh, vì trang sức mà lấy dây xỏ xuyên qua tùy theo màu sắc nơi sợi dây xanh, vàng, đỏ, trắng, tía… thì thấy màu sắc của nó hiện lên. Như vậy, viên ngọc nghiệp bị dây quả báo xâu vào. Tỳ-kheo kia thấy, nghe, biết hoặc thấy bằng Thiên nhãn một cách thanh tịnh, sáng suốt.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia thấy hoặc nghe biết về pháp nghiệp báo giống như viên ngọc kia. Ví như có một viên ngọc báu màu trắng tinh khiết, thanh tịnh không có tỳ vết. Dùng vật thanh tịnh xâu vào mài giũa khéo léo, hoàn toàn là thù thắng, được tất cả người đời khen ngợi. Vua và các vương hầu sử dụng. Công đức của viên ngọc thanh tịnh đó chỉ có vua, các vương hầu mới biết giá trị của nó, dùng nó làm những vật trang sức. Như vậy, Tỳ-kheo kia có mười nghiệp đạo thiện là viên ngọc báu trong lành, hoàn toàn tinh khiết thanh tịnh, lìa bỏ những cấu bẩn, không còn tỳ vết, dùng vật thanh tịnh xâu vào có pháp đối trị, có uy lực lớn để trả lời các vấn nạn về pháp, đó chính là Pháp sư, lấy dùi pháp xuyên vào mài giũa khéo léo. Như vậy nguyện bố thí, trì giới, tu trí tuệ, tu sửa viên ngọc mười nghiệp đạo thiện rồi, thì theo sở nguyện làm Chuyển luân thánh vương, hoặc làm Thiên vương, Ma vương, Phạm thiên, tu thiền vô lậu đạt được Tam-muội tự tại. Người kia khéo léo tu sửa viên ngọc chánh pháp gọi là phổ môn. Phổ môn này gọi là cửa trời, người. Viên ngọc chánh pháp kia gọi là phổ môn, ra khỏi thành thế gian rồi nhập vào cửa Niết-bàn, được tất cả thế gian ca ngợi, được người chánh kiến, học nhân ca ngợi. Vua và các vương hầu sử dụng, vào chánh pháp chánh ứng với đạo tâm. Nếu mọi người tin viên ngọc Tỳ-lưu-ly kia có đầy đủ công đức thì ngọc báu ấy tương tự giống với viên ngọc chánh pháp.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quan sát về pháp nghiệp báo giống như viên ngọc kia. Ví như có viên ngọc, viên ngọc ấy có tỳ vết, không thanh tịnh hoàn toàn, không tinh khiết hoàn toàn, không thể lấy dùi xuyên qua, không thể mài giũa, mọi người thấy nó không khen ngợi, chẳng phải vật được vua sử dụng. Tám đạo hạnh chánh pháp Phú-ca-la là vua của tâm. Viên ngọc ngoại đạo kia không ứng hợp với tám Thánh đạo. Các pháp ấy tương đối giống nhau, viên ngọc phi pháp có tỳ vết nếu cột vào cổ người, viên ngọc tương tự kia vì cột vào cổ người nên từ vô thỉ đến nay chúng sinh luân chuyển theo sinh tử mãi trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Tỳ-kheo kia quan sát viên ngọc giống với viên ngọc. Ví như thế gian có viên ngọc lưu ly giống với viên ngọc Tỳ-lưu-ly, có người trông thấy nói đó là viên ngọc Tỳ-lưu-ly. Kẻ phàm phu ngu si cũng như vậy.

Tỳ-kheo kia biết rõ về pháp và phi pháp rồi, đạt được Địa thứ bảy. Dạ-xoa sống trên đất thấy Tỳ-kheo kia trì giới thanh tịnh đạt được Địa thứ bảy, sinh tâm vui mừng, nói với Dạ-xoa nơi hư không. Dạ-xoa nơi hư không tâu với Tứ Đại vương, Tứ Đại vương tâu với Tứ Thiên vương, Tứ Thiên vương tâu lại trời Tam thập tam, trời Tam thập tam nói với vua Đế Thích,

vua Đế Thích tuần tự nói với trời Diệm-ma, trời Diệm-ma nói với Thiên chủ Đâu-suất-đà, Thiên chủ Đâu-suất-đà thưa đầy đủ với Thế Tôn Di-lặc, Thế Tôn Di-lặc nói với trời Hóa ứng, trời Hóa ứng nói với trời Tha hóa tự tại:

–Trong cõi Diêm-phù-đề có thiện nam... tuần tự như trước đã nêu rõ.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Tỳ-kheo quan sát về pháp nghiệp báo như thế nào?

Pháp thứ mười một gọi là vô tác, thuộc về sắc, trong tất cả các pháp nó tương ưng với sắc. Nếu người nào thọ giới, khi trao giới mà buồn ngủ, hoặc xỉu, hoặc thất niệm, cuồng loạn nhưng các pháp thiện đó vẫn chuyển hành liên tục, giống như dòng sông chảy liên tục không gián đoạn. Người kia cũng vậy, buồn ngủ, xỉu, thất niệm, cuồng loạn như thế mà vô tác vẫn hoạt động không gián đoạn. vô tác là sắc nhưng không thể kiến và đối, thế thì tại sao thuộc về của nghiệp sắc. Sắc vô tác này chính là cây trụ của tất cả pháp thiện. Đây là sắc thứ mười một.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 5

Phẩm 2: Sinh tử (Phần 3)

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quan sát như vầy: Vì sao chúng sinh có các loại sắc, có các loại đạo, có các loại hình tướng, các loại nương dựa. Người kia quan sát có các loại tâm, các loại nương dựa, các loại tin hiểu, các loại nghiệp. Như vậy, các loại sắc, các loại hình tướng, các loại đạo, các loại nương dựa ví như người họa sĩ khéo léo có đầy đủ trí tuệ hoặc đệ tử của ông ta quan sát nền tốt, bằng, cứng, láng, đẹp. Được nền như thế rồi với tất cả màu sắc rực rỡ, các màu đều khác nhau, đẹp hoặc xấu, ông ta vẽ tùy ý. Hình tướng kia là tâm nghiệp nơi họa sĩ và đệ tử của ông ta. Cũng như vậy, tốt, bằng, cứng, láng là nền của quả báo nơi nghiệp. Cảnh giới sinh tử tùy theo sự hiểu biết của ông ta mà vẽ ra các loại hình tướng, các loại đạo, các loại nương dựa. Tâm nghiệp nơi họa sĩ là chúng sinh tạo nghiệp.

Lại nữa, các màu sắc rực rỡ kia, nếu lấy màu trắng thì làm màu trắng, lấy màu đỏ làm màu đỏ, lấy màu vàng làm màu vàng, lấy màu bồ câu làm màu bồ câu, lấy màu đen làm màu đen. Tâm nghiệp nơi họa sĩ cũng như vậy. Duyên với trắng thì nắm lấy màu trắng, đối với cõi trời, người thì thành màu trắng.

Sao gọi là màu trắng? Nghĩa là không bị các dục lậu cấu uế làm ô nhiễm nên gọi là màu trắng.

Lại nữa, tâm nghiệp nơi họa sĩ nắm lấy màu đỏ, đối với cõi trời, người có thể làm màu đỏ. Sao gọi là màu đỏ? Nghĩa là ái nhiễm vào sắc, thanh, hương, vị, xúc mà vẽ và quan sát về bức tranh.

Lại nữa, tâm nghiệp nơi họa sĩ nắm lấy màu vàng, đối với hàng súc sinh có thể làm màu vàng. Sao gọi là màu vàng? Kia đây trái ngược nhau, ăn thịt uống máu lẫn nhau, tham dục, sân, si sát hại lẫn nhau. Cho nên gọi là màu vàng.

Lại nữa, tâm nghiệp nơi họa sĩ nắm lấy màu bồ câu, duyên dựa mà quan sát. Ở trong đường ngạ quỷ mà vẽ làm màu bồ câu. Sao gọi là màu bồ câu? Nghĩa là thân người kia giống như lửa đốt cây rừng, bị tất cả khổ não

bức bách, đói khát dằn vặt. Tâm nghiệp nơi họa sĩ bị trói buộc do ganh tỵ, bị si ám che lấp.

Lại nữa, tâm nghiệp nơi họa sĩ nắm lấy màu đen. Ở trong địa ngục mà vẽ màu đen. Sao gọi là màu đen? Do nghiệp đen nên sinh trong địa ngục có tường sắt đen, bị thiêu, bị cột khiến cho thân trở thành màu đen, gây nên các loại bệnh, thân bị đói khát. Bị vô lượng khổ não bức bách đó đều do mình tạo nghiệp chứ chẳng phải người khác tạo.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quan sát về bức tranh sinh tử đầy màu sắc của năm đường nơi tam giới. Trụ trong ba địa, đó là Dục giới địa, Sắc địa và Vô sắc địa. Tâm nghiệp nơi họa sĩ huân tập gần dâm dục, duyên dựa theo Dục giới mà vẽ nhiều màu sắc, duyên vào chỗ dựa của sắc mà chia ra có hai mươi loại. Tứ thiền ly dục làm cây bút vẽ, y vào mười sáu địa để làm chỗ vẽ, mà vẽ thành Sắc giới. Xa lìa duyên Sắc giới mà chứng Tam-ma-bạt-đề. Duyên vào Vô sắc giới mà vẽ là bốn xứ. Tâm nghiệp nơi họa sĩ vẽ rộng như vậy thành chiếc áo lớn về tam giới.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quan sát tâm nghiệp nơi họa sĩ như vầy: Nếu lấy pháp khác vẽ thành chúng sinh. Tâm giống như họa sĩ, thân như màu sắc và đồ vẽ, tham dục, sân, si cho là sự kiên cố, tâm duyên dựa giống như cái thang, căn như bút vẽ, các cảnh giới bên ngoài là sắc, thanh, hương, vị, xúc giống như tất cả màu sắc, sinh tử như cái nền, trí như ánh sáng, siêng năng tinh tấn dũng mãnh như cái tay, chúng sinh như bức tranh, thần thông như vô lượng hình tướng của sắc phục kia, bị vô lượng các loại quả báo, nghiệp như bức tranh đã hoàn tất.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia dựa vào thiền mà quan sát tâm nghiệp nơi họa sĩ và các pháp khác. Nếu họa sĩ không bị mỏi mệt, khéo sửa lại các màu sắc để cho tất cả đều sáng sủa, thanh tịnh, khéo biết cây bút tốt để vẽ màu sắc cho đẹp. Tâm nghiệp nơi họa sĩ cũng như vậy, không sinh mỏi mệt mà tu thiền định, khéo tu sửa lại màu thiền, duyên dựa với sự sáng suốt thanh tịnh như ánh sáng của màu sắc rực rỡ kia. Vị tu tập đạo giống như cây bút tốt đẹp. Biết thiền cao, thấp giống như khéo biết ý thức được cái nào giữ cái nào xả, không mỏi mệt như thiền định, tâm nghiệp nơi họa sĩ vẽ các tầng thiền giống như các màu sắc rực rỡ kia. Tâm nghiệp nơi họa sĩ ấy nếu bị mỏi mệt thì vẽ chỗ bất thiện: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Cùng một nhân duyên của nghiệp như vậy: Chày sắt làm cây bút vẽ màu sắc bất thiện, vẽ không phải là vật dụng cho con người đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Những màu sắc như vậy không thể thành bức tranh tốt đẹp, nói rộng như trên.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia tuần tự quan sát cái tâm khỉ, vượn, như thấy con khỉ vượn. Con khỉ, vượn kia nhảy nhót lung tung, quấy phá không chịu đứng yên. Hết thảy cành, lá, hoa quả, rừng cây, những nơi hốc núi, hang sâu ngoằn nghèo nó đi đều không bị chướng ngại. Tâm khỉ, vượn cũng lại như vậy, đi nơi năm đường sai khác như các loại cây. Các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh giống như rừng cây kia. Vô lượng chúng sinh như các cành. Ái như hoa lá. Phân biệt yêu mến sắc, thanh, hương, vị, xúc… cho là các quả, đi trong núi ba cõi, thân như hang sâu, đi không bị chướng ngại đó là tâm khỉ, vượn. Tâm khỉ, vượn ấy thường đi trong vùng đất sinh tử của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia dựa vào thiền mà quan sát ca kỹ của tâm, như thấy ca kỹ kia cầm các nhạc khí, diễn các trò chơi trên sân khấu. Ca kỹ của tâm cũng lại như vậy. Sự thay đổi của nghiệp giống như thay đổi áo quần, sân khấu là nơi chốn của năm đường, hết thảy đồ trang sức là tất cả nhân duyên, các loại nhạc khí là cảnh giới, trò chơi của ca kỹ, là trò chơi nơi sinh tử. Tâm là ca kỹ. Do tạo tất cả những vui chơi mà từ vô thủy vô chung mãi chạy dài trong sinh tử.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia dựa vào thiền mà quan sát tâm cá di-nê, như thấy cá di-nê. Ví như cá di-nê ở dưới sông, nếu nước sông có sóng lớn, sâu và chảy xiết khó vượt qua, có thể cuốn trôi vô lượng cây cối, sức mạnh của nước sông dữ dội không thể nào ngăn chận, hoặc nước từ trong khe núi chảy cuồn cuộn ra suối sông, thế mà cá di-nê có thể ra vào, bơi đi hoặc ở một chỗ an nhiên. Tâm cá di-nê cũng lại như vậy. Ở trong sông Dục giới sóng lớn dữ dội mà tâm có thể ra vào, đi ở mặc sức. Trong địa ngục có sông tên Tỳ-đa-la-nê. Sông ấy rất sâu, sóng lớn dữ dội dâng cao khủng khiếp, không lúc nào dừng, thật là đáng sợ chính là dòng nước chảy nhanh xoáy vòng. Nghiệp thiện, bất thiện tức là dòng nước khó có thể qua. Tất cả kẻ phàm phu ngu si trong thế gian không thể vượt qua. Sông năm đường này thường cuốn trôi chúng sinh trong vô lượng kiếp, dòng nước chảy nhanh xiết của cảnh giới không gián đoạn, thế lực bạo ác khó có thể ngăn chận, liên tục không thường, bị thế lực của nó kéo lôi không thể cưỡng lại được. Sông ái dữ dội nhưng tâm cá di-nê vẫn có thể ra vào, đi đứng mặc sức. Đi ra là hàng trời, người, đi vào là các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Ở trong sông ái, tâm cá di-nê ra vào cũng lại như vậy.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Tỳ-kheo kia quan sát như vầy: Làm sao tu thiền niệm trụ để biết về

pháp nghiệp báo, quan sát tâm của tất cả chúng sinh, thường hành động phóng túng, do tâm sai khiến, do tâm trói buộc.

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Tất cả tâm nghiệp của chúng sinh đều phóng túng, lại dựa vào tâm nghiệp mà hành động nên bị tâm sai khiến.

Người kia lại quan sát tiếp: Vì sao chúng sinh từ vô thỉ vô chung bị trói buộc xoay chuyển trong vô lượng kiếp theo vòng sinh tử?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Do tâm bị nhiễm dục nên chúng sinh bị trói buộc, do tâm thanh tịnh nên chúng sinh được giải thoát. Như vậy tâm có vô lượng tướng hoại của duyên dựa, tướng hoại của tự thể, tướng hoại của đồng nghiệp. Tâm có năm thứ, tức là trong năm đường luôn bị giam cầm, hòa hợp tương ưng với tâm kết sử, thường ở trong sinh tử, lìa chỗ dựa bậc nhất là ba pháp vô vi như hư không… tướng hoại của năm căn đều có năm loại tâm là chỗ nương dựa của vô lượng vô biên tâm ái là tất cả tướng hoại.

Tóm lại, đây là phần nhiễm. Vậy dùng phương pháp gì để lìa bỏ nhiễm thuộc ba phiền não căn bản? Có ba cách đối trị. Tất cả chư Phật Chánh Biến Tri ở quá khứ, vị lai đã giảng nói về chánh đạo như vậy. Tham lam dùng quán bất tịnh, sân dùng quán Từ bi, si dùng quán nhân duyên.

Người kia quán dục trong thân như vầy: Tỳ-kheo duyên vào thân, hành quán từng phần trong thân từ móng chân… cho đến đỉnh đầu, quan sát từng phần. Thân thô này có gì là ta, có gì là của ta? Trong phần của tự thân móng chân là như thế. Lìa thân quan sát, móng chẳng phải là thân. Ngón chân chẳng phải là thân, cái gì là thân? Cái gì là ta? Cái gì là của ta? Tay chân chẳng phải là thân, tâm khởi lên chỗ nào mà nói là của ta? Mắt cá này chẳng phải là thân của ta, gót chân chẳng phải là thân của ta, bắp chân chẳng phải là thân của ta, đầu gối chẳng phải là thân của ta, mặt chẳng phải là thân của ta, âm căn chẳng phải là thân của ta, cái đầu lâu này cũng chẳng phải là thân của ta, chỗ tiểu tiện chẳng phải là thân của ta, sau lưng có bốn mươi lăm đốt xương đều chẳng phải là thân của ta, đầu chẳng phải là thân của ta, xương mặt cũng chẳng phải là thân của ta, xương đầu chẳng phải là thân của ta.

Tỳ-kheo kia quan sát từng phần trong thân thể không có cái nào là thân của ta, trong mỗi mỗi phần đều không thấy có thân. Từng phần như vậy đều không thấy thân, cũng lại không thấy phần phần như thế. Người kia lại quan sát nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý đều không thấy gì là thân. Lại quan sát trong ngã không có cái ta. Tất cả những vật kia chỉ là vi trần. Như

vậy, người kia quan sát từng phần trong thân giống như hạt cải, cho đến nhỏ như vi trần. Rồi người kia quan sát từng phần nơi các đại, cái gì là ngã? Cái gì là địa giới? Như vậy tuần tự cái gì là ngã? Cái gì là thủy giới? Cái gì là ngã? Cái gì là hỏa giới? Cái gì là ngã? Cái gì là phong giới? Người kia quan sát giới như vậy thì không có giới, không có ngã, không có ngã riêng biệt, không có giới riêng biệt, không có giới và ngã riêng biệt, ngoài ngã, giới không có vật. Tất cả như vậy đều là Đệ nhất nghĩa đế. Ví như có vô lượng cây hòa hợp lại thì thấy một khu rừng. Cây không phải là rừng, ngoài cây ra thì không có rừng, đó là Đệ nhất nghĩa đế. Như vậy, nếu ngoài cây ra thì không có gì riêng biệt là rừng. Lại quán về cây: Nếu lìa gốc, thân, cành, lá của nó ra riêng biệt thì không phải là cây. Đó là Đệ nhất nghĩa đế. Như vậy là không có cây nhưng dựa vào thế đế mà có rừng, có cây. Thân này cũng như vậy, chân tay… hòa hợp lại chỉ là cái tên. Vì dựa vào thế đế mà nói có thân.

Tỳ-kheo kia biết pháp của thân rồi thì lìa bỏ được dục của thân, lìa bỏ dục nơi từng phần trong thân, lìa bỏ được tất cả dục của căn, thọ, giới. Đã lìa dục rồi thì hỷ, dục, ái không thể trói buộc được nữa. Như vậy phải siêng năng quán cách đối trị tâm dục.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia làm sao dốc sức quán cách đối trị tâm sân? Người kia trú trong tâm từ, thường nỗ lực quan sát chúng sinh vì làm điều ác nên mãi sinh tử trong năm đường luôn luôn bị sợ hãi, giống như sợ chết không khác. Tỳ-kheo quán chúng sinh như mẹ thương con. Các chúng sinh kia bị khổ như vậy thì sao có thể sân giận họ? Nếu ta sân giận họ thì như trên mụt nhọt lại thêm một mụt nhọt nữa. Bản tánh chúng sinh đã khổ não như thế thì không nên sân giận họ. Sân là đại phiền não thứ hai, phải siêng năng quán cách đối trị tâm sân.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia làm sao dốc sức quán cách đối trị đại phiền não thứ ba? Chúng sinh vì si mê nên bị che lấp, thân tạo nghiệp bất thiện, khẩu tạo nghiệp bất thiện, ý tạo nghiệp bất thiện. Sau khi qua đời, bị đọa vào năm đường ác sinh trong địa ngục. Nếu người nào lìa bỏ ngu si, tu hành chánh kiến, thân làm điều lành, miệng nói điều lành, ý nghĩ điều lành, biết rõ pháp thiện và pháp bất thiện, biết rõ tâm đúng pháp và phi pháp thì diệt được đại phiền não thứ ba. Như vậy dốc sức quán về cách đối trị tâm si.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia siêng năng quán ba loại phiền não, ba cách đối trị và ba loại phiền não ấy diệt rồi thì tất cả kết sử phiền não đều diệt luôn. Giống như gốc cây bị chặt thì tất cả các phần như vỏ, thân, cành, lá, hoa, quả đều khô héo. Như vậy, nếu chặt đứt ba loại phiền não này thì tất cả

phiền não đều diệt luôn.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Tỳ-kheo kia làm sao ở trong Địa thứ bảy, tu tập Địa thứ tám đạt được Địa thứ tám.

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn:

Tỳ-kheo kia đầu tiên quán đúng như thật về nhãn. Vì sao kẻ phàm phu ngu si trong thế gian khi mắt thấy sắc thì khởi lên tâm tham, sân, si? Kẻ phàm phu kia thấy tri thức hoặc phụ nữ thì sinh tâm tham, nếu thấy khác thì sinh tâm sân. Thấy đầy đủ đối tượng thì bị tham sân che lấp. Do nhãn thức đối với sắc không như thật nên tâm bị che lấp. Kẻ phàm phu ngu si do phân biệt nên khi nhãn thấy sắc thì bị tham, sân, si che lấp. Người tham ái tự ý phân biệt. Đây là ta, đây là cái của ta. Ái dục cấu nhiễm giống như con chó gặm cục xương. Do nước miếng, nước dãi chảy ra để mong ăn được chất tủy, mà con chó tham lam kia răng lợi bị chảy máu, rồi liếm mùi vị ấy, cho là trong cục xương. Nó không biết đó là máu của mình có mùi vị như vậy. Do tham đắm mùi vị nên nó không biết mình đã lần lượt cắn lưỡi của mình rồi lại tham đắm nơi mùi vị ấy. Do tham lam che lấp nên nó cho đó là mùi vị của nước trong xương. Kẻ phàm phu ngu si kia cũng lại như vậy. Do hư vọng phân biệt nên khi nhãn thức thấy sắc thì tham đắm hỷ lạc. Suy nghĩ, phân biệt lấy xương khô là sắc, bỏ trong miệng là đắm nhiễm nơi mắt. Cảnh giới giống như răng cắn xé. Ý cấu nhiễm giống như nước miếng. Máu ái chảy ra rồi lại tham đắm vào mùi vị của máu ái đó, cho sắc là ngon, được mùi vị của sắc, giống như con chó kia. Kẻ phàm phu ngu si khi nhãn thức thấy sắc, giống như sắc của cục xương, hư vọng phân biệt giống như con chó gặm cục xương. Quán như vầy: Mắt thấy sắc giống như thấy xương khô. Tất cả kẻ phàm phu ngu si do bị mê lầm mà phân biệt hư vọng.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia tư duy như vầy: Vì sao Tỳ-kheo kia sợ ái mà nhàm chán, xa lìa sinh tử, xả bỏ tất cả dục? Giống như con voi quý sống đến sáu mươi năm mà sức lực vẫn mạnh mẽ. Người khác điều phục voi, bắt cột năm chỗ của nó và bỏ trong chuồng. Sau đó mới dùng các thức ăn ngon, những thứ khiến nó vui vẻ, như mía ngọt và rượu mía ngọt… dùng các nhạc khí tấu lên ca hát để làm cho nó vui, không muốn nó buồn, không để nó nhớ đến những thứ vui trong rừng, lại khiến nó quên bẳng đi. Lại nhốt chung với những con voi thường, điều phục cho thật tốt, tạo sự hệ thuộc vào người khác. Con voi ấy tuy được nuôi dưỡng như vậy, lo lắng như vậy

nhưng không thể nào khiến nó không còn sầu muộn, nó không thể nào quên cái vui lúc dạo chơi tự do trong rừng, không quên cây cối, hoa quả ở nơi chốn kia, các thứ tiếng chim hót, hoặc lúc vui đùa bên bờ sông. Suy nghĩ như vậy, nó liền giựt dây buộc bỏ chạy vì nó nhớ lại những cái vui thích kia, không sợ người điều phục, voi liền phá chuồng, rồi chạy về rừng, tâm không thèm nhớ lại đường cát, thức ăn ngon, mía ngọt và rượu mía ngọt, các âm thanh đàn hát. Những thứ ấy không thể nào điều phục được tâm nó, không thể dối gạt được voi, vì nó không quên những sự vui thích trong rừng, không thích ở chung với những con voi thường nên nó quyết trở lại chốn núi rừng.

Tỳ-kheo tu hành cũng lại như vậy. Từ vô thỉ đến nay lưu chuyển mãi trong thế gian, bị cột vào năm thứ trói buộc, đó là tham ái nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc. Người khéo điều thuận là sáu thức: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân. Nhà giam *(chuồng)* là sự yêu mến vợ con, quyến thuộc, chỗ nương ở. Nô bộc, tôi tớ, giàu sướng là sự ngăn che của phiền não cấu nhiễm. Những thức ăn uống, các thứ tạo sự vui vẻ, rượu mía ngọt, vô số những mùi vị ngon… Tâm phân biệt chính là các thứ tạo sự hoan hỷ. Dâm dục là thức ăn uống. Lưới ái nơi tâm là các thứ âm thanh ca nhạc, đùa giỡn. Kẻ phàm phu tà kiến giống như con voi thường. Cùng ở chung là lưới nghi thân kiến, giới cấm thủ và nghi. Chất ngọt trong miệng là ưa thích tà kiến. Hệ thuộc vào người khác là lệ thuộc vào dục, tham, sân, si. Voi được điều phục là người tu hành. Tất cả nhiễm, si, là sự cúng dường. Nhớ nghĩ, xuất ly tức là thiền trong núi. Tam-ma-đề là hang núi. Tâm sinh tám Chánh đạo đây gọi là hoa, Niết-bàn là quả. Âm thanh của các loài chim là Pháp sư, trí tuệ là sông, bờ sông là nhất tâm. Địa phận là bốn phạm hạnh Từ, Bi, Hỷ, Xả. Người tu hành giống như con voi mạnh mẽ, tùy thuận nơi hành trang an vui trong thiền định, hướng về Tăng-già-lam là trở lại với rừng. Như vậy người tu hành đạo cũng như con voi mạnh mẽ. Còn người không tu hành thì cũng như con chó không khác.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là Tỳ-kheo kia ở Địa thứ tám tu tập Địa thứ chín và chứng được Địa thứ chín.

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Tất cả sự vật nơi tam giới đều là vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh. Quán tất cả dục cũng lại như vậy. Ví như cây cổ thụ cao to tên Khư-thù-lê ở tận rừng sâu đầy hiểm trở, có rất nhiều gai góc, trái ở đầu ngọn cây đã ít mà cũng

khó hái. Nếu lấy được trái ấy thì có nhiều tai họa: Sợ trái rơi xuống chỗ nguy hiểm, lại sợ mất mạng. Bụng cây có lỗ hổng, lỗ hổng ấy bị mục nát lõm vô. Ai leo lên cây đều sợ lỗ hổng mục nát ấy làm mất mạng. Cây ấy rất cao, nếu rớt xuống thì sẽ chết ngay, huống chi rớt xuống từ sườn núi cao hiểm ác. Kẻ phàm phu ngu si mắt mù không có trí, vì tham đắm các mùi vị, mong được nhìn thấy quả của cây kia, mà không xem cây ở nơi sườn núi cao lại có lỗ hổng mục nát. Người ngu si kia do tham đắm mùi vị của quả ấy mà leo lên cây, chưa tới gần quả thì bị rớt xuống đất chết ngay. Lại cũng có người khác biết chút ít về cách hái trái, hoặc có mạng sống lâu nên không bị rớt xuống, được chút ít mùi vị của quả đó nhưng cũng chịu nhiều khổ não.

Tỳ-kheo tu hành kia quán rừng năm đường ở giữa có lỗ hổng. Sườn núi cao vút hiểm trở kia là tất cả thứ bệnh hoạn. Cây Khư-thù-lê là tâm tham dục. Vô số gai góc là vô lượng trăm ngàn thứ phiền não. Cầu khó nhọc để được quả kia gọi là khổ. Trái ở ngọn cây là tất cả ý dục. Tham ái về sắc, thanh, hương, vị, xúc khó mà có được là quả dục. Gọi là đi biển hoặc là sợ đao, gần gũi với vua, làm giặc để sống, chịu các khổ như vậy mới đạt được chỗ ham muốn của mình như người kia bị khổ. Có nhiều lỗi lầm là tham dục, sân, si. Rơi từ trên sườn núi cao là rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Chết ngay lập tức là mạng sống của chánh pháp bị diệt tận. Lỗ hổng mục nát nơi cây là sự trống không, không có một vật, tất cả đều không bền chắc. Người ngu si đến là đám người tà kiến ngu si. Bị vô lượng tội lỗi như vậy còn lại tạo thêm nhiều lỗi lầm. Như vậy quả dục mùi vị ít mà tai họa nhiều.

Tỳ-kheo kia quán xét tất cả tâm dục như vậy không sinh phân biệt.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quan sát tâm dục giống như ngọn lửa, ngọn đèn. Màu sắc ánh sáng rất đáng ưa thích, nhưng chạm vào thì rất nóng. Đám phù du ngu, dại thấy ánh sáng của ngọn đèn tham đắm ái lạc nên bay vào liền bị chết ngay. Kẻ phàm phu ngu si cũng lại như vậy, bị dục, sân, si che lấp, tâm sinh đắm nhiễm với tất cả dục, giống như đám phù du kia thấy màu sắc ánh sáng của ngọn đèn. Nếu lao vào đèn dục tức là đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, giống như con phù du kia bay vào đèn mà chết.

Tỳ-kheo kia quan sát như vậy tâm lìa được dục.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp. Tất cả chúng sinh trong thế gian này bị trói buộc do loại dây nào mà luôn luôn phải sinh tử luân hồi?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Thấy chúng

sinh bị hai sợi dây buộc chặt trong thế gian:

1. Dây ăn

2. Dây xúc.

Dây ăn có bốn:

1. Đoàn thực.

2. Tư thực.

3. Thiền thực.

4. Xúc thực.

Đoàn thực là chỗ của bốn châu thiên hạ, sáu cõi trời ở Dục giới, tám đại địa ngục và một phần thuộc ngạ quỷ.

Tư thực là trong loài cá.

Thiền thực là hành thiền của các cõi trời thuộc Sắc giới.

Xúc thực là các loài chim.

Thế nào là xúc? Xúc nghĩa là dục. Có cái cầm lấy, có cái vui chơi, có cái mắt thấy được tất cả đều bị dục xúc gạt lừa. Tất cả kẻ phàm phu ngu si cũng như vậy. Nghĩa là trong Dục giới, người, ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục những cõi này đều làm theo dục cho nên gọi là Dục giới. Lại như Tam-ma-bạt-đề ở Vô sắc giới lấy sự duyên dựa làm thức ăn. Do hai sợi dây này mà luôn ở mãi trong thế gian, không lìa được dục, thường bị tất cả các kết sử trói buộc.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia, quán như thật về nhãn. Khi nhãn thức thấy sắc nếu sinh xúc vui thì duyên dựa theo vui, mà nghiệp báo không vui.

Lại quán như thật khi nhãn thức thấy sắc là chỗ không vừa ý. Nếu nhãn xúc sinh, duyên hợp với khổ đó là nghiệp báo vui. Người kia nhận biết như thật vì sao nói nhãn thức thấy sắc duyên hợp với vui nhưng không phải nghiệp báo vui? Ở trong pháp này tùy thuận quan sát: Nhãn thấy sắc rồi tư duy bất thiện, quan sát duyên dựa theo sự quan sát đó nhớ nghĩ về mùi vị rồi tham đắm mà sinh tâm vui thích, hiện tại tuy vui nhưng về sau chịu khổ báo, tạo nên địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Vì nghiệp gì mà trong hiện tại không được quả báo vui, về sau mới được quả báo vui? Nhãn thức thấy sắc sinh nhãn xúc, tư duy tâm thiện, quan sát duyên hợp đời hiện tại tâm không tham đắm, hiện tại tâm không hỷ lạc nên không bị nghiệp báo khổ. Sau sinh vào cõi trời, người được an vui thắng diệu, cuối cùng đạt Niết-bàn. Các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng đều như vậy.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp,

quan sát sự hoạt động của các pháp.

Thế nào là Tỳ-kheo kia khi nhãn thức thấy sắc thì tâm hành xả?

Nghĩa là Tỳ-kheo kia khi mắt thấy sắc rồi, tâm không hỷ lạc, không phải là không hỷ lạc, không tham, không ghét, tâm không hy vọng, không phải là không hy vọng, không nhớ nghĩ, cũng không phải là không nhớ nghĩ, cũng không bị sự quan sát bất thiện che lấp. Hành xả như vậy gọi là xứ xả, chẳng phải là xứ khổ lạc.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia chứng được Địa thứ mười, hành từ Địa thứ sáu gọi là A-na-hàm trong địa Sơ thiền cho đến Tứ thiền. Đạt được Địa kia, người ấy quán các pháp sinh diệt còn, mất, thường siêng năng tu hành tám Chánh đạo, muốn giác ngộ, muốn đạt đến giải thoát.

Tỳ-kheo kia tinh tấn như vậy, cung ma sẽ bị che lấp. Dạ-xoa sống trên đất biết sự việc như thế rất hoan hỷ, nói với Dạ-xoa nơi hư không. Dạ-xoa nơi hư không tâu với Tứ Đại vương. Tứ Đại vương tâu với Tứ Thiên vương. Tứ Thiên vương tâu lại trời Tam thập tam. Trời Tam thập tam nói với trời Diệm-ma. Trời Diệm-ma nói với Thiên chủ Đâu-suất. Thiên chủ Đâu-suất nói với trời Hóa lạc. Trời Hóa lạc nói với trời Tha hóa tự tại. Trời Tha hóa tự tại nói với Phạm thiên.

–Trong cõi Diêm-phù-đề có thiện nam... nói rộng như trước, cho đến tám địa thâu giữ sáu địa.

Phạm thiên nghe xong rất vui mừng. Phạm-ca-di thiên xuất thiền đi dạo, nghe sự thật như vậy rồi trở nên vui mừng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Làm thiện hoặc bất thiện
Nhất định chịu nghiệp quả
Nghiệp ai gây nấy hưởng
Đều bị nghiệp trói buộc.
Như vậy đất phiền não
Ban đầu ngọt sau đắng
Lìa cảnh giới như độc
Vì nó không lợi ích.
Người trí không phiền não
Thuộc vào cảnh giới trí
Đời này hoặc đời sau
Luôn luôn được an lạc.
Người trí đốt phiền não
Như lửa đốt cỏ khô

Phiền não che trí, phạm
Nên Phật nói Tam bảo.
Ai thích cảnh giới trí
Tịch tĩnh như Mâu-ni
Rắn phiền não cắn ai
Người đó mất tất cả.
Người nào biết nhị đế
Dũng mãnh, thấy biết rõ
Là hành Đệ nhất đạo
Xả ly chốn sinh tử.
Nếu ai thích sinh tử
Hỷ lạc giặc phiền não
Người đó thường bị trói
Lưu chuyển nơi nguy hiểm.
Ai có tâm xuất ly
Thường hành hạnh tịch tĩnh
Chết sinh vào cõi trời
Đạt đến cõi Phạm thiên.
Ai không hỷ lạc dục
Cúng dường Phật, Pháp, Tăng
Người đó bỏ sinh tử
Như gió thổi cỏ khô.
Ai không bị tâm sai
Lại điều khiển được tâm
Có thể trừ phiền não
Như trời mọc trừ tối.
Tâm oán là thứ nhất
Không có oán nào hơn
Tâm thường đốt chúng sinh
Như phóng lửa đốt cây.
Ai tâm hành buông lung
Ngu si không hộ căn
Bị khổ, không tịch tĩnh
Cách Niết-bàn rất xa.
Biết khổ, quả báo khổ
Lại biết nhân của khổ
Thoát khỏi các trói buộc
Lìa hết các phiền não.

Trí là sáng bậc nhất
Si là tối tăm nhất
Có ánh sáng như vậy
Gọi là người trí tuệ.
Si là ác hơn hết
Người trí tuệ xả bỏ
Ai để si hoành hành
Thì khó được tịch tĩnh.
Ai muốn mình an ổn
Thà chạm vào lửa dữ
Hoặc ở chung rắn độc
Trọn không gần phiền não.
Trí: Cam lồ bậc nhất
Trí: An ổn bậc nhất
Trí: Người thân thứ nhất
Trí: Quý báu hơn hết.
Có lửa trí như vậy
Sẽ thiêu núi phiền não
Đốt núi phiền não kia
Được đến chỗ an lạc.
Nếu ai không trí tuệ
Như mù vào chỗ tối
Không nhàm chán tử sinh
Phi pháp luôn chế ngự.
Ai thường niệm chánh pháp
Thành con người lương thiện
Không bị tâm lừa gạt
Đáng được người cúng dường.

Tỳ-kheo kia biết pháp, phi pháp như vậy rồi, y theo chánh pháp mà hành trì. Tâm tịnh như vậy thì có thể phá trừ vô lượng trăm ngàn núi cao sinh tử, không còn sót gì cả, không sinh trở lại, lìa dao phiền não, gần với Niết-bàn.

-oOo-

Phẩm 3: Địa ngục (Phần 1)

Lại nữa, Tỳ-kheo kia tùy thuận tư duy về pháp quả báo của nghiệp,

quán chánh pháp và phi pháp.

Thế nào là nghiệp ác? Vô lượng đủ loại nghiệp đều nhân nơi tâm mà lưu chuyển liên tục, như dòng sông chảy xiết lôi cuốn các chúng sinh, khiến họ mắc quả báo của nghiệp ác bị đọa vào địa ngục chịu khổ não cùng cực.

Tỳ-kheo kia quán nghiệp thiện, nghiệp bất thiện, ý tư duy tận tường: Các chúng sinh này vì sao bị tâm lừa dối, bị ái lừa dối phải rơi vào nơi chốn xấu ác, sinh trong địa ngục: Hoạt, Hắc thằng, Hợp, Khiếu hoán, Đại khiếu hoán, Tiêu nhiệt, Đại tiêu nhiệt, A-tỳ. Các địa ngục này có từng khu riêng biệt, đều có người giữ ngục, theo nghiệp tương tự, mỗi mỗi đều biết rõ.

Những nơi chốn địa ngục kia gọi là những gì? Chúng sinh do nghiệp gì, đến địa ngục gì và rơi trong chỗ nào?

Tỳ-kheo kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Có đại địa ngục tên địa ngục Hoạt. Địa ngục này có các chỗ riêng biệt. Có bao nhiêu chỗ riêng biệt và chúng được gọi tên là gì?

Có mười sáu chỗ riêng biệt:

1. Thỉ nê.
2. Đao luân.
3. Công thục.
4. Đa khổ.
5. Ám minh.
6. Bất hỷ.
7. Cực khổ.
8. Chúng bệnh.
9. Vũ thiết.
10. Ác trượng.
11. Hắc sắc thử lang.
12. Dị dị hồi chuyển.
13. Khổ bức.
14. Bát-đầu-ma-man.
15. Pha trì.
16. Không trung thọ khổ.

Đây là mười sáu chốn trong địa ngục Hoạt. Chúng sinh do tạo nghiệp gì mà rơi vào địa ngục này?

Tỳ-kheo kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Ai vui thích tạo, tạo nhiều và phổ biến về nghiệp sát sinh, tạo nghiệp sát sinh này tương

ưng hòa hợp thì bị đọa vào chốn căn bản của địa ngục Hoạt. Nghiệp sát sinh có thượng, trung, hạ và thọ khổ ở địa ngục cũng có thượng, trung, hạ.

Nghiệp ở địa ngục kia sao gọi là thượng? Người sát sinh nếu giết người hiền lành, giết người thọ giới hoặc người hành thiện, có tưởng về chúng sinh, về chúng sinh khác, có tâm sát sinh mà đoạn mạng căn của họ, tạo nên việc này, tâm không hối hận, còn đi đến chỗ người khác khen ngợi việc làm ấy rồi tiếp tục tạo tác. Người sát sinh còn chỉ dạy người khác sát sinh, khuyến khích việc sát sinh, theo đấy mà tùy hỷ, ca ngợi việc sát sinh hoặc sai người khác sát sinh. Người ngu si cũng như vậy, tự mình làm hoặc bảo người khác làm, nghiệp của tội đã thành hình, khi qua đời sinh trong địa ngục Hoạt.

Như vậy, năm mươi năm trong cõi người là một ngày đêm ở cõi Tứ Thiên vương. Số kia cũng như thế, ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm. Năm ngàn năm ở cõi Tứ Thiên vương là một ngày đêm ở địa ngục Hoạt. Vì nghiệp ác có thượng, trung, hạ nên thọ mạng ở đại địa ngục Hoạt cũng có thượng, trung, hạ, cũng có người chết nửa chừng, tùy theo chủng tử của nghiệp nhiều hay ít, nặng hay nhẹ. Trong địa ngục Hoạt, có người thọ khổ một chỗ, có người thọ khổ hai chỗ, hoặc ba chỗ, bốn chỗ, năm chỗ, sáu chỗ. Như vậy, chịu khổ đến mười sáu chỗ mà nghiệp ác vẫn chưa hết, chưa chết, tập khí của nghiệp vẫn còn.

Sống trong địa ngục ấy năm trăm năm, là dựa vào số năm của cõi trời chứ không dựa vào cõi người.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp.

Tỳ-kheo kia quán như thế nào để biết các chốn riêng biệt trong địa ngục Hoạt? Tâm nghiệp nơi họa sĩ theo nghiệp mà vẽ ra địa phận của nghiệp quả. Có vô số tâm khác nhau thì sự thọ khổ cũng khác nhau. Có trăm ngàn ức na-do-tha việc ác đáng sợ, tất cả những việc ác ấy không giống nhau, không thể ví dụ được.

Đây là quan sát kỹ từng chỗ riêng biệt trong địa ngục Hoạt.

Chúng sinh vì nghiệp gì mà sinh vào chốn Thỉ nê?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Do chủng tử của nghiệp ác nào mà sinh vào chốn ấy? Đó là sát sinh. Như tâm muốn sát hại, sai khiến chim giết hại thì thả chim cắt, chim điêu. Lại có những cách giết khác như bao vây bắt nai, săn bắn nai mà không biết hối hận. Các nghiệp được thực hiện đều khắp, nghiệp sát đã thành hình hòa hợp tương ưng, như trước đã nói.

Người kia vì nhân duyên của nghiệp ác nên sau khi qua đời, sinh vào địa ngục này ở chốn thứ nhất (Thỉ nê) chịu tất cả các khổ. Nghĩa là trong chốn Thỉ nê *(phân bùn)*, thiêu đốt phân cực nóng, mùi vị của nó rất đáng sợ. Lấy nước đồng sôi hòa với phân, trong phân có trùng, mỏ cứng như kim cương, bò khắp trên phân. Những tội nhân kia ăn những phân ấy bị những trùng đó đi vào trong thân, đầu tiên chúng ăn môi, rồi ăn lưỡi, ăn răng, ăn yết hầu, tim, thận, phổi, lá lách, dạ dày, tiểu trường, đại trường, thục tạng, gân mạch, tất cả các phần mạch và thịt máu. Người kia ở trong địa ngục bị cực khổ cùng tận như vậy và phải trải qua vô lượng trăm ngàn năm. Những người sát sinh tạo nghiệp ác như bao vây giết nai, săn bắn nai, nuôi chim bắt mồi như quạ, ưng, điêu, bảo chúng giết rồi mình đến đoạt lấy ăn thì người kia do quả báo của nghiệp ác này nên trong phân kia có nhiều trùng, mỏ cứng như kim cương, xâm nhập vào thân thể của tội nhân để rúc rỉa. Người kia bị quả báo thiện hay bất thiện là theo nghiệp tương tự. Nếu nghiệp ác của tội nhân kia hết thì mới thoát khỏi chốn Thỉ nê này. Thoát khỏi địa ngục nghiệp tâm của kẻ ấy dứt, cũng như tâm nghiệp nơi họa sĩ vẽ màu sắc xong rồi, kẻ ấy như thế là thoát khỏi chốn đó, nếu hậu báo của nghiệp nơi người kia chưa thành thục sẽ sinh vào hàng súc sinh, thọ thân là chim bay bị các loài chim khác ăn thịt. Nếu làm thân nai thì bị bao vây săn bắt. Nếu đời trước ai giết chim, giết nai thì người đó bị quả báo trong địa ngục. Nghiệp còn sót lại thì sinh trong hàng súc sinh. Nghiệp hết được sinh trong cõi trời hoặc trong cõi người. Vì đã tạo nghiệp sát sinh nên người kia sinh nơi cõi người thường bị chết yểu.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quán biệt xứ thứ hai trong địa ngục Hoạt tên là Đao luân, là quả báo của nghiệp đã tạo, chúng sinh do tạo nghiệp gì mà sinh vào chốn ấy?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Người nào có tâm tham của cải, vì nhân duyên như vậy mà giết hại chúng sinh, hoặc nhằm để nuôi mạng sống mà dùng dao sát sinh. Người kia làm như vậy nhưng không hề sám hối, lại dạy cho người khác giết, nghiệp nghiệp phổ biến, như trước đã nói. Vì người kia đã tạo nhân là nghiệp ác nên sau khi qua đời, đọa vào chốn Đao luân trong địa ngục Hoạt. Chốn này luôn bị lửa thiêu đốt, bốn bên là tường bằng sắt cao mười do-tuần. Nơi chốn thứ hai của địa ngục đó lửa luôn bốc cháy dữ dội. Lửa nơi thế gian đối với lửa ở đây giống như mây. Ở chốn này thường có lửa sắt ập đến bám vào thân của tội nhân. Lửa sắt nóng ấy bằm thân của họ nát vụn như hạt cải, cháy tan tơi tả.

Những trận mưa sắt giống như mưa mùa hạ trong cõi Diêm-phù-đề.

Mười phương của chốn thứ hai ấy, chỗ nào cũng có mưa sắt nóng rất là khổ não. Người trong địa ngục này tuy bị bằm vụn ra nhưng không chết, đó là do quả báo của nghiệp ác. Vừa bị bằm nát vụn ra như vậy thì người kia liền sống trở lại. Chốn Đao luân kia có rừng lá đao, lưỡi đao rất bén, lại có hai đầu nhọn hoắt quay trở xuống. Từ xa trông thấy rừng ấy như màu xanh và có nhựa như nước. Các tội nhân trong đó luôn bị đói khát bức bách, do cùng nghiệp khổ nên la hét chạy ùa vào trong rừng ấy. Vì nhân tạo nghiệp nên bị mưa đao phủ khắp chặt bằm thân thể họ.

Lại nữa, người kia vì tham đắm mạng sống của mình mà nuôi dưỡng chúng sinh thì đó là lừa gạt họ. Quả báo của nghiệp kia là như vậy. Tâm nghiệp nơi họa sĩ vẽ nên cảnh địa ngục, như vậy địa ngục là bức tranh của nghiệp bất thiện. Thọ báo trong địa ngục thuộc về nghiệp bất thiện. Chúng sinh ở trong địa ngục này thường bị bằm nát, trải qua vô lượng trăm ngàn năm mà nghiệp ác vẫn chưa tan hoại, tập khí của nghiệp chưa dứt sạch, như tâm nghiệp nơi họa sĩ vẽ văn hoa không mất. Nói rộng như trước.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quan sát chốn riêng biệt thứ ba thuộc địa ngục Hoạt tên là Công thục, là quả báo của nghiệp kia. Chúng sinh do nghiệp gì mà sinh vào chốn ấy?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Kẻ sát sinh kia giết lạc đà, giết heo dê, giết các loài chim, ngựa, thỏ, gấu. Loài súc sinh có lông thì ăn thịt, lại nhằm lột lấy lông. Người kia đem đốt, đem nấu, hoặc bỏ trong nước sôi. Người kia do nhân duyên tạo nghiệp ác nên khi qua đời bị đọa vào chốn Công thục thuộc địa ngục Hoạt. Ai gây hạt giống nghiệp ác thế nào thì mắc quả báo tương tự như thế. Tội nhân bị bỏ trong nồi sắt, luộc nấu chín nhừ giống như đậu nấu chín. Chúng sinh ở trong địa ngục này bị lửa dữ đốt nấu, trải qua vô lượng trăm ngàn năm. Bức tranh do tâm nghiệp nơi họa sĩ vẽ khi nào bị hủy hoại tan nát thì mới thoát khỏi địa ngục này. Tiếp đến thọ nghiệp còn sót lại, lần lượt đến tập khí của nghiệp, như đã nói ở trước. Nếu sinh trong cõi trời, cõi người thì luôn bị chết yểu.

Người tu hành kia ở trong nội pháp tùy thuận với chánh pháp, quan sát sự hoạt động của các pháp và suy nghĩ như vầy: Tỳ-kheo kia đã quán xét chốn riêng biệt thứ ba là Công thục trong địa ngục Hoạt rồi, thì vị ấy làm gì?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Tỳ-kheo kia là vị dũng mãnh bậc nhất, có thể phá trừ quân ma, vượt qua biển sinh tử, có thể lấy nước giới để dập tắt lửa tâm dục, dùng nước Từ bi để diệt lửa tâm sân, có thể dùng ánh sáng của ngọn đèn nhân duyên thâm diệu để trừ

tâm si tối tăm, Tỳ-kheo như vậy tức có thể vượt qua biển sinh tử.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quán biệt xứ thứ tư trong địa ngục Hoạt tên là Đa khổ. Chúng sinh vì nghiệp gì mà sinh vào chốn này? Do chủng tử của nghiệp nhân như thế nào thì đưa đến quả báo tương tự thế đó. Như người tạo vô số khổ bức bách chúng sinh nhưng mạng sống của chúng sinh kia vẫn không diệt. Đó là bị cây đè nặng khiến người kia bị khổ. Hoặc dùng dây treo lên, dùng lửa thiêu đốt, cột tóc họ rồi kéo lên cao. Hoặc hun bằng khói, hoặc kéo chạy mau trên đường, hoặc bỏ trong gai gốc trên đất khiến cho khổ não. Hoặc đánh nhào xuống đất, hoặc từ trên sườn núi cao nguy hiểm xô xuống. Hoặc lấy kim chích, lấy dây cột, khiến cho voi đạp, hoặc quăng lên hư không để rơi chưa tới đất, lại dùng dao hứng lấy khiến tội nhân chịu khổ não. Hoặc vùi trong cát, hoặc lấy đá đè lên, lấy gậy đánh đập, hoặc kẹp đầu, hoặc cho lũ trẻ trêu chọc xô đánh, làm cho khổ não. Hoặc bỏ trong chỗ nóng phỏng, hoặc bỏ trong nước đá băng, hoặc lấy nước ngâm, nhận chìm trong nước. Hoặc lấy áo nước bịt mặt nhét vào miệng. Hoặc cột dính vào cây, hoặc treo lên cành cây, khiến cho khổ não. Hoặc làm cho sợ hãi, từ sườn núi cao nguy hiểm rớt xuống chỗ sâu thẳm. Hoặc giao cho giặc oán khiến họ dùng những phương cách trị phạt rất khổ sở. Hoặc cắt âm căn, rút móng tay, nhổ lông, dùng bánh xe sắt lăn cắt đầu khiến thọ khổ não. Hoặc lấy nước chì, thiếc, đồng, sắt nung sôi rưới lên thân thể tội nhân. Hoặc cắt mũi, hoặc lấy lưỡi sắt bén, mũi cây nhọn… đâm xuyên qua chỗ đại tiện khiến bị khổ não. Hoặc ngâm trong nước, hoặc lấy dây cột từ trên cao kéo xuống. Hoặc lấy lửa đốt xung quanh râu, hoặc nhổ tóc, hoặc bỏ trùng dữ vào thân để chúng cắn. Hoặc lột da, hoặc xô hoặc kéo, hoặc khiến cho thân thể lắc lư ngã nghiêng, hoặc bỏ vào trong nồi dùng lửa nấu khiến cho khổ não. Hoặc đánh đập rồi lấy muối xát vào người. Hoặc lấy bụi, lấy đất, bột… nhét vào miệng, mặt. Hoặc lấy ống tre đặt trong chỗ đại tiện, thổi cho nó phồng lên. Hoặc dùng dao bén cắt ngón chân. Hoặc bắt dùng hơi thổi nhưng không cho phát ra tiếng. Hoặc lấy đá nổi mài mạnh lên thân thể. Hoặc chặt cả tay chân, hoặc đuổi chạy dài, ngăn cản việc cần làm. Hoặc cột vào cổ họng kéo qua lại trong đám hoa hoàng lam. Hoặc lấy thứ mỡ béo pha tạp đủ loại rót vào miệng. Hoặc lấy tất cả của cải, bằng vàng, vật báu. Hoặc đánh, hoặc đè, hoặc làm các thứ để mua vui. Hoặc đánh, bắn, hoặc đánh cho sưng lên, sưng rồi đánh tiếp. Hoặc lấy dây cột từ trên chỗ rất cao xô rơi xuống đất khiến bị khổ não. Bị vô lượng các thứ khổ não như vậy vì đã tạo những bức bách khổ nạn cho chúng sinh. Người kia do nhân tạo nghiệp ác, sau khi qua đời, bị đọa vào chốn Đa khổ thuộc địa ngục Hoạt. Theo nghiệp ác tương tự thế nào thì chịu quả báo tương tự thế

đó. Chốn thứ tư của địa ngục này có vô lượng trăm ngàn các loại quả báo không thể nói hết.

Tất cả khổ não kia do mình tạo thì chính mình nhận quả báo. Cảnh giới địa ngục kia tâm nghiệp nơi họa sĩ dùng bút ái mà vẽ, do phân biệt bất thiện mà thành tất cả màu sắc. Yêu thương vợ con, cho là thứ đẹp đẽ, chấp trước vào đó cho nó là lâu bền. Mình tạo nghiệp thì chính mình chịu khổ, chẳng phải do cha mẹ tạo. Nghiệp ác chưa hoại, chưa tan, tập khí của nghiệp chưa dứt, ở trong các thời luôn bị khổ não không dừng nghỉ. Chốn ấy thoái chuyển, nếu ở đời quá khứ từ xa xưa về trước có nghiệp thiện thành thục thì không bị đọa vào ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh trong cõi người ở nơi đồng nghiệp thì thọ nghiệp còn sót lại, thường bị pháp vua trị phạt, hoặc đánh, trói, lo sợ, tranh giành, bị mọi người vu khống, thường bị khổ não, bị hàng Thiện tri thức, vợ con, quyến thuộc, bạn thân oán ghét.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quán biệt xứ thứ năm trong địa ngục Hoạt tên là Ám minh, là quả báo của nghiệp kia. Chúng sinh vì tạo nghiệp gì mà sinh vào chốn ấy?

Người kia thấy, nghe, biết, hoặc thấy bằng Thiên nhãn: Vì chúng sinh theo tà kiến nên bị nghiệp quả điên đảo. Nghĩa là trong các buổi tế lễ, trai hội của ngoại đạo, họ bịt miệng mũi dê để giết, hoặc kẹp rùa giữa hai khối đá đè khiến nó chết. Người kia vì nhân duyên tạo nghiệp ác mà sau khi qua đời bị đọa vào chốn Ám minh thuộc địa ngục Hoạt, bị lửa dữ thiêu đốt. Do nghiệp ác nên có gió dữ dội thổi, như núi kim cương hợp lại nghiền nát thân tội nhân vụn ra như rải cát, không bao giờ được chút vui. Tội nhân trong chốn ấy không hề thấy nhau, bị gió nóng bức thổi đến, như bị dao bén cắt khiến thân lìa từng phần. Thân bị nóng bức, đói khát, hết sức kêu gào nhưng không sao phát ra tiếng, như miệng con dê bị nhét, con rùa bị đè, thường bị lửa lớn thiêu đốt, luôn bị đè nặng trải qua vô lượng trăm ngàn năm, thường ở chỗ tối tăm, cho đến không có chút ánh sáng nhỏ như lỗ hổng của đầu ngọn kim. Từ khắp lỗ chân lông trên thân, cùng một lúc lửa khắp thân phát ra trở lại thiêu đốt thân. Thọ khổ như vậy cho tới khi nghiệp hết đều là do tâm khỉ vượn tạo ra. Tâm khỉ vượn kia đi trong núi kết sử. Núi kết sử là chỗ ẩn núp cao nhất của tâm kiêu mạn huyễn hoặc cho là bền chắc. Núi ác tà kiến là chỗ nó hoạt động, chỗ đi lại của nó là trong rừng kiêu căng phóng dật. Trong hang núi sân là chỗ nó ở. Công đức của tâm ganh ghét cho là các quả, bị trôi nổi trong sông ái, bị nghiệp bất thiện nhận chìm, cho đến khi nghiệp ác bị hủy hoại, ly tán mới thoát khỏi chốn Ám minh của địa ngục ấy. Nếu ở quá khứ từ đời trước lâu xa có nghiệp thiện

thành thục thì không sinh vào hàng ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh trong loài người thì luôn bị trói buộc do nghiệp quả còn sót lại nên thân mạng hay bị chết yểu.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 6

Phẩm 3: Địa ngục (Phần 2)

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quan sát biệt xứ thứ sáu của địa ngục Hoạt, gọi là Bất hỷ *(không vui)* là quả báo của nghiệp. Do nghiệp gì chúng sinh sinh vào nơi đó? Tỳ-kheo ấy thấy, nghe, biết: Người làm ác, tâm thường nhớ nghĩ muốn giết hại chúng sinh. Vì săn bắn để giết hại nên đi vào rừng, thổi kèn, đánh trống, dùng nhiều phương tiện tạo ra âm thanh rất xấu ác, âm thanh rất đáng sợ, để những chúng sinh trong rừng như các loại: Nai, chim, sư tử, hổ, báo, gấu, vượn, khỉ ra đi không sợ sệt. Người tạo nghiệp ác, vì muốn giết hại nên bày ra âm thanh đáng sợ kia, vì muốn săn bắn để giết hại, nhằm cung phụng vua, hoặc cung phụng những bậc ngang vua nên đi vào rừng. Người kia vì nhân duyên tạo tác nghiệp ác ấy, nên khi thân hoại mạng dứt, bị đọa vào địa ngục Hoạt, sinh nơi chốn Bất hỷ, chịu quả báo tương tợ như nghiệp nhân kia, giống như lúc tạo ra nghiệp khiến cho tâm của các chúng sinh khác không vui nên bị đọa ở địa ngục, vào chốn lửa cháy rực. Có loài chim mỏ nóng, âm thanh rất đáng ghét, khiến đám cáo, quạ, thứu, chó, chồn, ăn tai tội nhân, khiến tâm không vui, loài ấy có âm thanh cực ác, không thể ưa thích, tâm không ưa nghe. Trong tất cả loại âm thanh, loại âm thanh này là đáng kinh sợ nhất. Lại có loài trùng miệng cứng như kim cương đi vào trong xương tội nhân quanh quẩn ở đấy rúc rỉa, ăn tai tội nhân. Như vậy, cho đến khi nghiệp ác chưa hết, tâm mờ mịt như cá di-nê lội trong sông ái, tâm sân đeo bám bị sóng lớn xô đẩy nổi trôi, thường dừng nghỉ trong núi sinh tử, dục, sân, si chi phối, tham chút ít vị dục, bị lưỡi câu móc kéo, mãi bơi lội trong chốn nước sâu tà kiến ở trong ba cõi, hoặc chết đi hoặc sinh ra, thân mạng nối tiếp thường khao khát sắc, thanh, hương, vị, xúc… Nghiệp tạo tội như vậy, lúc làm thì vui cười, lúc chịu quả báo thì gào khóc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

Tâm si cá di-nê
Ở trong nhà ái dục

Lúc tạo nghiệp vui cười
Khi chịu khổ gào khóc.

Nếu các nghiệp ác đã tạo, ở chốn thứ sáu thuộc địa ngục Hoạt thọ nhận quả khổ hết khi ấy mới được ra khỏi, lại sinh trong loài ngạ quỷ, súc sinh. Nếu đời trước về thời quá khứ lâu xa có ít nghiệp thiện, thì sinh trong loài người, thường ôm sầu khổ, bất cứ lúc nào cũng đều nghe tiếng không lành, tâm chẳng từng vui, nghĩa là từng nghe việc không lợi ích, vợ con chết mất, của cải tiêu tan, quyến thuộc bị tai ương, hoặc bị giết, hoặc bị trói, luôn mang nỗi lo phiền, tâm không chút vui. Những kẻ tạo nghiệp bất thiện kia, quả luôn theo nhân tương tợ.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quan sát biệt xứ thứ bảy của địa ngục Hoạt, gọi là chốn Cực khổ. Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi ấy? Tỳ-kheo thấy, nghe, biết: Người tạo nghiệp ác, lúc làm nghiệp ác kết sử sâu dày, oán, ác quá nặng, giết nhiều chúng sinh, làm việc phóng dật, người kia vì nhân duyên của nghiệp ác ấy nên khi thân hoại mạng dứt, bị đọa vào địa ngục Hoạt, sinh nơi Cực khổ, chịu lửa sắt nóng, khổ não khốc liệt, rơi xuống vực núi, móc sắt đốt tóc, chịu khổ như vậy, không khi nào nghỉ, ngày đêm không dừng.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết chắc nghiệp quả, cầu đến thành Niết-bàn, biết chắc khổ não nơi sinh tử ở thế gian, quan sát đại địa ngục Hắc thằng, nơi đại địa ngục ấy còn có chốn nào khác? Tỳ-kheo thấy, nghe, biết: Địa ngục Hắc thằng có chỗ gọi là Đẳng hoán thọ khổ, bị thiêu đốt khủng khiếp, chịu khổ không có thời gian dừng nghỉ. Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi ấy? Tỳ-kheo thấy do nghe biết: Nếu người nói pháp, nương theo ác kiến mà bàn luận, dùng nhân thí dụ, tất cả đều không thực, không kể gì hết như đâm đầu vào sườn núi tự sát, không đúng với giới thiện. Người kia vì nhân duyên của nghiệp ác ấy, nên khi thân hoại mạng dứt, bị đọa vào đại địa ngục Hắc thằng, sinh chốn Đẳng hoán, chịu đại khổ não. Người kia chịu khổ quá sức, toàn chốn hiểm ác ấy rộng vô lượng do-tuần, bị dây đen nóng trói buộc, sau đó xô tội nhân nằm trên nền nóng có dao sắt bén, bị chó răng sắt cắn ăn, tất cả các bộ phận trên thân, từng phần phân lìa, cất tiếng gào thét, không có ai giúp, không có người bảo vệ, không có chỗ quay về để cầu cứu, không có người an ủi để được vơi khổ. Bị tâm mình lừa dối ở trong vòng sinh tử, thường lưu chuyển mau chóng, si ám mờ tối, thân bị thiêu khắp, giống như rừng bị cháy đen. Cảnh giới địa ngục kia, thấy người của Diêm-la vương nói kệ thống thiết trách tội nhân:

Người tà kiến ngu si

Lưới si trói buộc người
Nay đọa địa ngục này
Ở trong biển khổ lớn.
Ác kiến thiêu hết phước
Sinh làm người xấu xí
Người sợ địa ngục trói
Đó là nhà của ngươi.
Nếu người theo tà kiến
Người đó chẳng phải trí
Lưu chuyển tất cả ngục
Tâm oan gia lừa dối.
Tâm là oán thứ nhất
Oán này rất là ác
Oán này hay trói người
Đưa đến chỗ Diêm-la.
Tâm theo đuổi các cảnh
Chẳng từng hành đúng pháp
Mê lầm nẻo chánh pháp
Đưa vào địa ngục giết.
Tâm không thể điều phục
Còn hơn là lửa dữ
Chuyển mau khó chế ngự
Dẫn người đến địa ngục.
Tâm khó điều phục nhất
Lửa này hơn lửa thường
Khó điều, chuyển rất mau
Địa ngục trong Địa ngục.
Nếu người tâm buông lung
Thì vào nơi địa ngục
Nếu người điều phục tâm
Thì không chịu khổ não.
Dục là lửa thứ nhất
Si là tối tăm nhất
Sân là oán thứ nhất
Ba thứ nắm thế gian.
Đời trước, lúc làm ác
Tự tâm suy nghĩ làm
Người làm theo tâm si

Nay chịu ác báo này.
Tâm ưa lấy vật người
Lén hành dâm vợ người
Thường giết hại chúng sinh
Bị tâm mình lừa dối.
Như vậy nghiệp tự tạo
Đưa người đến nơi này
Là nghiệp ác của ngươi
Cớ gì lại than thở?
Nếu người làm ác rồi
Sau buồn khổ nên si
Họ không bị quả báo
Như gieo giống đất mặn.
Người ham muốn chút lợi
Chịu khổ báo rất nhiều
Người si, tham đắm dục
Như từ tối vào tối.
Người si tạo các ác
Vì lợi ích vợ con
Riêng chịu khổ địa ngục
Bị nghiệp mình lừa dối.
Nếu chỉ vì vợ con
Tạo ra các nghiệp ác
Thì đến địa ngục này
Nay chịu khổ não ấy.
Chẳng phải vợ, con, vật
Tri thức có thể cứu
Nơi người lúc sắp chết
Không ai cứu giúp được.
Nếu người tâm nhiễm dục
Bị ái dục dối lừa
Cùng theo đuổi bên nhau
Nay bị khổ như vậy.
Vốn bị hoàn cảnh ép
Đã bị ái dối lừa
Tự làm nghiệp ác ấy
Nay cớ sao kêu than?

Ở chốn kêu than chịu khổ não kia, chịu khổ như vậy, người Diêm-

ma-la trị tội như thế, kẻ ở địa ngục kia phải chịu khổ, trải qua vô lượng trăm ngàn năm, chịu khổ cùng cực như thế cho đến khi nghiệp ác lìa tan, hủy hoại tiêu hết, khi ấy họ mới được ra khỏi. Nếu ở đời trước trong quá khứ lâu xa, có nghiệp thiện thành thục thì sinh trong loài người, không có nghiệp thiện thì sinh nơi biên địa, như nước Đà-tỳ-la, nước Bà-bà-la, chốn ven biển, chốn tân-đầu, chốn hải đảo, bị người khác cướp giật ức hiếp, lấy hết tài vật, ở chỗ rất nghèo khổ, làm nô tỳ. Nếu làm lính gác cửa thì thân gù, tàn tật, tất cả phần thân xấu xí không đầy đủ, bị đói khát thiêu đốt, lạnh nóng bức bách, như tên bắn vào ụ đất, chịu khổ cùng cực, thường bị vu oan, bị các trẻ nhỏ lấy cây đá gạch đánh ném, bị mọi người ghét bỏ, không vợ không con, so với mọi người thì làm người thấp hèn, chịu khổ cùng cực. Quả báo của nghiệp ác còn lại cùng với nhân tương tợ, nhân duyên tương tợ giống như trước đã tạo nên sau phải chịu như vậy. Nếu Tỳ-kheo kia quan sát nghiệp ở địa ngục chịu tăm tối khổ não như thế, thì trong nẻo sinh tử lìa được sự trói buộc của dục.

Lại nữa, người tu hành quán như Tỳ-kheo kia, luôn siêng năng tinh tấn, thấy chắc nghiệp quả, khéo thực hành chánh hạnh, nhàm chán xa lìa tất cả sinh tử của thế gian, dứt hẳn sự trói buộc của ma trong lao ngục cứng chắc nhất, không chịu ở cảnh giới của ma, tại chốn phiền não chẳng ưa ở chung, tâm không ưa thích đắm nhiễm nơi ái dục cấu bẩn. Dạ-xoa ở đất, thấy Tỳ-kheo kia có công đức tương ưng như vậy, chuyển lại cho Dạ-xoa ở trên hư không nghe, như trước đã nói, thứ lớp cho đến cõi trời Đại phạm, rộng nêu như trên. Lại nữa, Tỳ-kheo kia quan sát đại địa ngục Hắc thằng, còn có chốn khác, Tỳ-kheo thấy có chốn tên là Địa ngục Chiên-đồ hắc thằng. Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi kia? Tỳ-kheo thấy có người nằm trên giường có trải đồ nằm, bệnh cần có thuốc, chẳng phải đòi hỏi cho mình nhiều thức ăn vật dùng. Người đời do ngu si che giấu nghiệp ác, hoặc tự mình giết dê, hoặc bảo người khác giết, như những điều lừa dối của Bà-la-môn, ngoại đạo để cầu khẩn. Người kia vì nhân duyên của nghiệp ác ấy, nên khi thân hoại mạng dứt, bị đọa vào nơi ác trong địa ngục Hắc thằng, sinh vào chốn Chiên-đồ chịu đại khổ não. Đó là chim ác, như quạ, như thứu, như heo ác… móc mắt của họ. Chủ địa ngục ấy, hoặc dùng chày đánh, hoặc dùng rìu lớn, hoặc dùng lửa dữ rất sân giận, đủ các thứ thống khổ bức bách. Đã sinh vào địa ngục như thế, lại chịu tất cả khổ não dữ dội, đó là móc mắt, hoặc cắt lưỡi, tất cả thân hình bị cắt ra từng phần từng phần, uống nước đồng sôi, đủ thứ sắt nóng khác lạ đâm khắp vào thân, chặt đứt thân để quạ, chim ăn, tất cả bệnh tật dồn lại, khóc kêu gào thét, không chủ không bạn. Người Diêm-ma-la sân giận đánh đập, ở chốn địa ngục Hắc thằng cho

đến vô lượng trăm ngàn năm như vậy, khi nghiệp ác tiêu tan, lúc ấy họ mới được ra khỏi. Nếu đời trước, trong quá khứ lâu xa, nghiệp thiện chưa thành thục thì sinh trong ngạ quỷ, súc sinh, nếu sinh trong loài người thì lưng gù, mắt mù, mạng sống ngắn ngủi, làm người chết rồi lại rơi vào đường ác, nghiệp chúng sinh ràng buộc như vậy. Người làm việc thiện thì được quả báo thiện, người tạo nghiệp ác thì chịu quả báo ác, nghiệp quả trói buộc luôn ở trong sinh tử.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quan sát chốn Úy thứu của đại địa ngục Hắc thằng. Chúng sinh do nghiệp gì, sinh vào chốn kia? Tỳ-kheo thấy có người vì nhân duyên tham tài vật mà giết người khác, hoặc trói buộc, hoặc bỏ đói, hoặc chiếm đoạt đồ ăn uống. Người kia vì tạo ra nhân duyên của nghiệp ác ấy, khi thân hoại mạng dứt, đọa vào chốn ác Úy thứu trong địa ngục Hắc thằng, chịu đại khổ não. Nơi địa ngục ấy, nền sắt thiêu đốt, khắp nơi đều là màu nước, rộng mười ngàn do-tuần, bốc cháy khắp chốn. Có cỏ Cật-lê sắt, người trong địa ngục kia, nổi giận cầm gậy đánh, ngày đêm luôn chạy, đao gông, xe, cung, nỏ tên hực cháy đuổi theo sau, chùy sắt tìm đâm khiến kẻ tội nhân luôn luôn tháo chạy. Người Diêm-ma-la tay cầm đao sắt, gông sắt, tên sắt bốc cháy chém, đập, bắn họ, chỉ có sự hành hạ ở nơi ấy, đói khát bức bách, mạng sống hầu như chấm dứt, không ai cứu vớt, không chỗ quay về, hơi thở muốn dứt, chỉ có thân mạng mà thôi, bị người khác nắm giữ chịu đủ các khổ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Nhiều người cùng theo nhau
Gây ra nghiệp bất thiện
Sau, lúc nghiệp ác chín
Có sinh chịu quả báo.
Các lửa, đao, oan độc
Tuy hại còn chịu được
Nếu tự tạo nghiệp ác
Sau chịu khổ hơn thế.
Thân thuộc đều chia lìa
Chỉ nghiệp là không bỏ
Thiện ác đời vị lai
Lúc nào cũng theo đuổi.
Hoa nở ở nơi nào
Mùi hương tỏa nơi đó
Nếu gây nghiệp thiện, ác
Theo đuổi cũng như vậy.

Loài chim nương cây rừng
Sáng đi chiều tụ về
Chúng sinh cũng như vậy
Đời sau gặp trở lại.
Hủy việc tốt người khác
Tự lấy, lấn hiếp người
Tùy tạo nghiệp ác gì
Người kia bị si dối.
Nếu không hướng Niết-bàn
Lại không hướng cõi trời
Nhân ngu si thứ nhất
Từ tối lại vào tối.

Người kia tự tạo nghiệp ác như vậy, chịu khổ nơi địa ngục, trải qua vô lượng trăm ngàn năm, lưu chuyển trong địa ngục, đến khi nghiệp ác tiêu trừ họ mới được ra khỏi. Sau đó lại sinh trong loài súc sinh, sinh trong cõi ngạ quỷ, nếu sinh trong loài người, thì làm người chăn nuôi, như giữ lạc đà và giữ các loại súc vật khác, như trâu, lừa, ngựa, làm việc của voi của chó, thường đuổi lừa, lạc đà, nơi nào cũng chăn súc vật để nuôi mạng sống của mình. Nếu làm vi binh, thì làm chủ soái vi binh, bần cùng chết yểu, tạo nghiệp xấu ác, những nghiệp nhân còn lại nên chịu quả báo tương tự.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quan sát chốn đại địa ngục Hắc thằng, quan sát khắp mười sáu biệt xứ giống như trong địa ngục Hoạt.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quan sát địa ngục Hoạt, quan sát địa ngục Hắc thằng. Đã quan sát rồi, biết pháp nghiệp báo, tất cả nghiệp ác, quả báo luôn chắc chắn, có làm có nhóm tụ, có nhóm tụ mà không làm, làm mà không nhóm tụ. Có làm có nhóm tụ thì quyết định chịu quả báo. Có nhóm tụ mà không làm thì không quyết định chịu quả báo. Làm mà không nhóm tụ thì không quyết định chịu quả báo. Tỳ-kheo ấy thấy nghe biết về ba loại nghiệp ác và quả báo của nghiệp. Biết như thật rồi, lại càng nhàm chán xa lìa, quan sát sự trói buộc của nghiệp, lần lượt trói buộc với nhau, lại quan sát vô lượng các thứ chuyển động duyên dựa của tâm. Tỳ-kheo kia quan sát thấy các chúng sinh tâm được tự tại rồi, lại quan sát tiếp các địa ngục khác, Tỳ-kheo thấy, nghe, biết: Địa ngục thứ ba tên là địa ngục Hợp. Chúng sinh do nghiệp gì mà sinh ở nơi ấy? Đó là làm tích tụ nghiệp ác bất thiện như thiêu nấu chúng sinh. Tỳ-kheo thấy, nghe, biết: Chúng sinh tạo tác ba loại nghiệp ác, nên phải sinh vào chốn địa ngục Hợp để chịu quả báo ác. Ba loại ấy là sát sinh, trộm cướp, tà hạnh. Ba loại nghiệp ác bất thiện như vậy nên sinh

nơi địa ngục Hợp. Do nghiệp ác kia là loại thượng nên sinh vào địa ngục căn bản như thế. Nghiệp ác bậc trung, bậc hạ thì sinh vào chốn khác. Có ba loại quả chịu khổ là thượng, trung, hạ. Do lúc tạo nghiệp vì tâm lực có khác, nên khi thọ mạng có thượng, trung, hạ. Lại lúc tạo nghiệp, tâm lực duyên dựa có thượng, trung, hạ, nên ở chốn kia chịu khổ cũng có thượng, trung, hạ. Có ba loại định nghiệp: thân có ba loại nghiệp; khẩu, ý cũng có ba loại, đó là thượng, trung, hạ. Lại có ba loại, đó là sinh nơi cõi Dục, sinh nơi cõi Sắc, sinh nơi cõi Vô sắc. Lại có ba loại, đó là quá khứ, hiện tại và vị lai. Lại có ba loại, đó là hiện thọ, sinh thọ và hậu thọ. Lại có ba loại, đó là thiện, bất thiện và vô ký. Lại có ba loại, đó là hiện phược, trung phược, dị sinh xứ phược. Lại có ba loại, đó là nhân phi nhân phược, phi nhân-nhân phược, tự xứ tự phược, nghĩa là bỏ thân người trở lại được thân người. Tạo nghiệp địa ngục uy lực của nghiệp ấy tương tự với việc đã làm sinh ra nghiệp tương tự. Như Tỳ-kheo được thần thông giải thoát, cũng có ba loại: Một là làm; hai là không làm; ba là bị ràng buộc làm. Gọi là làm là từ lúc đầu làm Sa-môn. Nói bị ràng buộc làm là về sau tiếp tục bị ràng buộc làm. Nói không làm là cho đến chứng quả A-la-hán. Lại nữa, làm là làm Sa-môn, rồi thực hành hạnh Sa-môn. Lại bị ràng buộc làm là ở chốn này chết rồi sinh ở chốn khác. Lại có ba loại: Một là sự ràng buộc của Thiền; hai là chẳng phải sự ràng buộc của Thiền; ba là không bị ràng buộc của quả báo. Sự ràng buộc của Thiền là bị Sơ thiền, Nhị thiền ràng buộc, chẳng bị bậc Tam thiền, chẳng bị bậc Tứ thiền ràng buộc. Chẳng chịu sự ràng buộc của thiền là Thí, Giới…. Không bị ràng buộc vào quả báo là A-la-hán, các lậu đã hết, quyết định thọ nghiệp, không bị quả báo. Tỳ-kheo kia quan sát lưới nghiệp ràng buộc nơi biển thế gian, lần lượt làm nhân sinh ra hành nghiệp, quả báo, không có người tạo ra, không có người thọ nhận, chẳng phải là không có nhân duyên, chỉ có nghiệp lực. Tỳ-kheo kia tư duy như vậy, phá trừ ma quân, tu tập pháp thiện. Lại hơn phần trên, quán nghiệp nhân, quả báo nơi địa ngục Hợp. Tại sao chúng sinh sinh nơi đại địa ngục Hợp căn bản? Tỳ-kheo thấy có người thích làm, làm nhiều việc: Sát sinh, trộm cướp, tà hạnh. Các nghiệp như vậy đều ưa làm, làm nhiều, tạo nghiệp đó nên sinh trong địa ngục Căn bản và các nơi khác. Người kia ở trong địa ngục Căn bản chịu đại khổ não như lúc trước đã tạo nghiệp. Nếu người trộm cướp và tà hạnh, thì người đó đều gọi là người tà hạnh. Thế nào gọi là tà? Làm sai sự thật, lại phân biệt sai, nếu người tà hạnh đối với vợ của bậc tôn quý thì người kia sinh vào chốn đại địa ngục Hợp chịu nhiều khổ não. Nói là khổ tức như mỏ sắt nóng của chim thứu móc ruột của họ, rồi treo lên ngọn cây để chim mổ ăn. Địa ngục đó có con sông lớn tên Thiêu thiết câu, nơi ấy có móc sắt

đều đỏ rực, người Diêm-ma-la bắt tội nhân ném xuống sông, rơi trên móc sắt. Lại, trong sông kia có đao nóng hực, tội nhân ở đó chịu đủ loại khổ não không gì sánh bằng, không thể thí dụ. Nơi kia chịu khổ do móc sắt thiêu đốt, đó là dùng móc sắt thiêu đốt đánh đâm vào thân. Người Diêm-ma-la bắt tội nhân nơi địa ngục ném vào sông kia, đè xuống cho chìm, lần lượt chìm hết, đã chìm rồi kêu la gào thét. Trong sông chẳng phải là nước mà là nước đồng sôi, làm nổi tội nhân kia cũng như làm nổi khúc cây, lưu chuyển không dừng, thiêu nổi như vậy, chịu mọi khổ não. Nơi sông móc sắt kia đã thiêu nổi rồi, tội nhân ở địa ngục hoặc có người thân đỏ rực như mặt trời mới mọc. Hoặc có người thân chìm mất như tảng đá nặng. Hoặc có người mắc vào bờ sông không chìm. Hoặc có tội nhân thân như áo nhúng nước vào nước. Hoặc có người bị mỏ sắt chim thứu nóng mổ ăn như ăn cá. Hoặc có người thân như biển lớn. Hoặc thân họ cũng như một khối sinh tô. Có người bị gạch sắt đánh vào. Hoặc có người thân bị bổ ra trăm ngàn mảnh như cát tung tóe. Hoặc có người ở trong sông như nước đồng sôi. Hoặc có người bị tro nóng thiêu đốt thân. Hoặc có người bị kềm sắt liên tục đâm vào thân. Hoặc có người bị chẻ thân hình ra như sợi tơ nhỏ, hoặc bị kéo lại mà đánh. Hoặc có người bị kéo đầu, khiến đầu họ lúc chúc xuống, lúc ngước lên rồi cứ bị đánh. Hoặc có người bị bỏ vào trong vạc nước sôi, lửa nấu họ như nấu đậu. Hoặc có người ở trong vạc lần lượt đảo lộn lên xuống mau chóng. Hoặc có người bị bỏ vào bên hông vạc nóng, đưa tay lên trời mà gào thét. Hoặc có người chạm sát nhau gào thét chịu khổ não dữ dội rất lâu, không chủ không ai cứu, trong đó có nhiều quạ, chim thứu mỏ nóng, chồn, chó… ở trên nền đất nóng, không giết mà ăn, chịu khổ nơi chỗ vắng vẻ không cùng thấy nhau. Tất cả nhân duyên chịu khổ gồm đủ loại, họ chịu vô lượng trăm ngàn loại khổ, tự tâm lừa dối. Mười điều bất thiện vốn do tà hạnh mà ra, do nhân duyên sát sinh mà ra, do nhân duyên trộm cắp mà ra.

Lại nữa, người Diêm-ma-la dùng chày sắt lửa cháy hực, đánh đập tội nhân kia, tội nhân sợ bỏ chạy, quay nhìn bốn hướng, mong người đến cứu, nói lớn: "Người nào cứu tôi! Tôi sẽ về nơi đâu?" Chạy nhìn khắp bốn hướng, chày lửa cháy rực vẫn tiếp tục đánh rồi bỏ vào sông lửa hực cháy, như cây bị thiêu đốt. Hoặc ở nơi núi cao, kẽ đá, trong hang động… chốn rất hiểm ác, chịu đủ loại khổ. Đó là treo trên ngọn cây, ném xuống biển, rơi vào chỗ móc sắt, thân họ bị cắt xẻ đến trăm ngàn lần như vậy. Người Diêm-ma-la bắt tội nhân nơi địa ngục, bỏ vào rừng lá đao, lá đao vô số, lửa cháy hừng hực thiêu đốt nhưng tội nhân này chợt thấy trên cây kia có người nữ xinh đẹp, thấy như vậy liền sinh ái nhiễm. Người nữ kia xõa tóc óng mượt lộng lẫy, dùng hương bột xoa thân, hương thơm xông thân, hình sắc trang

điểm rất đẹp lại yểu điệu, ngón tay nhỏ dài, vui vẻ mỉm cười, lại dùng các loại châu báu trang sức nơi thân, đủ loại quyến rủ. Tất cả kẻ phàm phu ngu si thấy thế thì tâm say mê. Người nơi địa ngục kia đã thấy người nữ xinh đẹp trên cây như vậy rồi, tất sinh tâm tham ái suy nghĩ: Người đó ta vốn đã thấy trong cõi người, người đó vốn lúc trước đã có! Người trong địa ngục bị chính mình lừa dối, cho nên thấy như vậy. Thấy như vậy rồi liền trèo lên cây, lá cây như đao, cắt thịt nơi thân của họ. Đã cắt thịt rồi, lại cắt gân của họ. Đã cắt gân rồi, lại chặt xương của họ. Đã chặt xương của họ rồi, lại phá tủy của họ. Bị cắt khắp tất cả thân hình mới lên được trên cây, sắp gần người nữ thì tâm chuyển, luôn suy nghĩ rằng bị tâm mình lừa dối, ở trên cây kia phải chịu khổ như vậy. Đã ở trên cây lại thấy người nữ ở dưới đất. Người kia thấy vậy nhưng người nữ lại dùng đôi mắt quyến rũ nhìn lên người kia, âm thanh ngọt ngào, trước dùng lời dịu dàng nói: Nhớ nhân duyên của ông nên tôi đến nơi này, nay ông vì sao không đến gần tôi, vì sao không ôm lấy tôi? Địa ngục như vậy là do nghiệp hóa hiện. Tội nhân thấy rồi, tâm dục bừng cháy, ở trên cây lá đao, lại lần trở xuống, người kia trèo xuống lá đao lại hướng lên, lửa cháy hừng hực, bén như dao cạo. Dao bén như vậy, trước cắt thịt của tội nhân, tiếp đó cắt gân, chặt xương, rồi cắt mạch, phá tủy, khắp thân đều bị cắt xẻ, người ở địa ngục ấy bị cắt như vậy, bị phanh xẻ như vậy, các mạch đứt rồi, nhìn người nữ kia ái dục lại thiêu đốt tâm. Khi nhìn như thế lại bị chim thứu có mỏ sắt nóng liền mổ mắt để ăn. Lá đao hực nóng trước cắt tai tội nhân. Bị cắt như vậy nên cất tiếng gào thét, tiếp đó lại cắt lưỡi, cắt mũi. Tuy bị cắt khắp tất cả phần thân như thế nhưng do ái dục dắt dẫn tâm, nên phải trèo xuống đất. Đã xuống đất, lại thấy người nữ ở trên cây. Người ấy thấy rồi lại tiếp tục trèo lên nữa, như trước đã nói. Do nghiệp lực nên trải qua vô lượng trăm ngàn ức năm, luôn bị tâm mình lừa dối, luôn di chuyển như vậy. Người trong địa ngục bị thiêu đốt như thế là do nhân duyên gì? Do nhân là tà dục, bị thiêu đốt cắt xé nhưng người ấy vẫn không bỏ dục. Tâm từ vô thỉ đến nay luôn chuyển đi như vậy. Nơi các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh luôn thọ khổ mà tâm của chúng sinh không thể điều phục được. Trong địa ngục mà vẫn còn ái nhiễm như vậy, nên biết tâm đó là không đáng tin.

Lại, đại địa ngục Hợp, ở đấy có núi tên là Thứu biến. Tội nhân kia bị thiêu thân, đói khát nên chạy đến núi ấy, trên núi chỗ nào cũng có chim thứu mỏ sắt nóng, thân mạnh, bụng lớn, trong bụng của nó có người ở địa ngục, gọi là người lửa. Người nơi địa ngục luôn mong được cứu vớt, mong được trở về, nên chạy ào đến núi, đến rồi liền bị chim thứu mỏ sắt, trước hết mổ đầu tội nhân cho bể ra, banh xương đầu lâu mà ăn não. Tiếp theo là

móc mắt khiến tội nhân kêu la gào thét, nhưng không ai cứu. Đã mổ đầu tội nhân bể ra, ăn hết não rồi thì ném đầu tội nhân đi nơi khác. Người ở địa ngục lúc này không đầu, không mắt, lại chạy đến địa ngục Minh, do nghiệp lực của tội đã tạo nên lại có chim thứu sắt thân lớn, nơi bụng của chim, chưa có người lửa, bay đến chỗ tội nhân, đến liền nuốt họ. Tội nhân bị nuốt vào bụng liền trở thành người lửa, vốn do tội nghiệp xâm phạm vợ người khác, nên đưa đến quả báo như vậy.

Người kia do ưa gây nhiều nhân sát sinh, nên trải qua vô lượng trăm ngàn năm thường bị thiêu đốt, nhưng không chết. Người kia ưa gây nhiều nhân tà hạnh, nên thấy người nữ nơi rừng lá đao. Người kia ưa gây nhiều nhân trộm cướp, nên bị đọa vào một chốn khác trong địa ngục, chỗ ấy là sông, tên là Vô biên bỉ ngạn, trong sông chứa đầy nước đồng sôi, tội nhân thấy nơi bờ sông có nhiều và đủ loại thức ăn ngon cứng, mềm, lại còn bày biện tòa ngồi đẹp đẽ có rừng cây xanh tươi với những bóng râm, lại có ao, có sông nước trong. Người ở địa ngục thấy như thế rồi, liền cất tiếng kêu lớn, cùng gọi nhau: "Các ngươi hãy đến đây! Các ngươi hãy đến đây! Nay ta được vui, có đủ loại thức ăn cứng, mềm, lại có cả chỗ ngồi" như trước đã nói. Nghe gọi kêu như vậy, người ở địa ngục khác bèn cùng nhau chạy đến, cho là có thể được cứu giúp, cho là có thể quay về, họ nhóm lại một chỗ, cùng nhau hỏi: "Ta nay nên ở chỗ nào để được vui? Làm sao cứu giúp? Làm sao quay về? Lại có người khác không gọi mà đến, chỉ cho họ thấy và bảo: "Các ngươi nay xem đây, nơi bờ của sông lớn Vô biên bỉ ngạn kia có nhiều thức ăn cứng, mềm, lại có bày chỗ ngồi nơi gốc cây, bóng cây rất mát mẻ", như trước đã nói. Hết thảy tội nhân cùng nhau chạy đến bờ bên kia của sông lớn ấy. Nơi sông toàn là nước bạch lạp nóng, nước chì sắt nóng, bọt nổi lên trên. Người ở địa ngục chạy tới liền bị rơi xuống sông, đã rơi xuống sông rồi, thân thể của họ có người như cục sinh tô, có người tiêu tan ra nước, có người bị chim mỏ sắt ăn, có người rơi vào miệng cá dự miệng nóng, có người từng phần thân tan tác ra nước. Những người ở địa ngục ấy đều bị khổ não như vậy, là do uy lực nơi nhân duyên tạo tác, tích tụ nghiệp ác đưa đến. Các tội nhân đó chịu khổ như thế, trải qua vô lượng trăm ngàn năm, bị thiêu nấu nát nhừ, phân tán tiêu ra nước, cho đến khi nghiệp ác đã tạo tác, đã tịch tụ tiêu hết, không còn mảy may tập khí nào thì họ mới ra khỏi chốn đó. Người Diêm-ma-la trách tội nhân bằng kệ:

Lưới vợ con ràng buộc
Dẫn đến nhà địa ngục
Cớ gì bị tâm dối
Tạo tác nghiệp ác kia?

Ông vốn vì vợ con
Tri thức và quyến thuộc
Tạo tác các nghiệp ác
Chẳng phải người trí tuệ.
Ngươi thật không thương mình
Nay đến chốn địa ngục
Cớ gì vì con cái
Tạo nghiệp ác đến đây?
Nếu bị vợ con dối
Tạo tác các nghiệp ác
Sau tâm không hối cải
Người kia vào địa ngục.
Riêng ngươi bị ngục đốt
Bị nghiệp ác hành hạ
Vợ con cùng anh em
Thân quyến không thể cứu.
Nếu bị ngu si dối
Mà không làm việc thiện
Đời sau không được vui
Ngươi nay nên hối hận.
Nếu thuận theo dục, sân
Tâm si, dối thứ nhất
Vì vui thích vợ con
Làm các việc thấp kém.
Nghiệp mình mình chịu quả
Nghiệp chúng sinh tới đây
Tạo nghiệp thiện lên trời
Làm ác đến chốn này.

Người Diêm-ma-la trách mắng người ở địa ngục như thế. Rồi lại trách: "Nếu tự thân ngươi tạo ra nghiệp ác, nay muốn ai chịu theo nghiệp ác ngươi đã tạo? Nếu tự mình tạo nghiệp thiện thì tự mình lại được điều tốt đẹp, nếu tạo điều bất thiện thì mình chịu điều xấu. Không làm thì không chịu, làm thì không mất, người vốn tạo nghiệp ác nay phải chịu quả báo này". Người nơi địa ngục, ở lâu trong đại địa ngục Hợp như vậy, trải qua vô lượng trăm ngàn năm luôn bị thiêu nấu, cho đến khi nghiệp ác chưa hoại, chưa tiêu, nghiệp khí chưa chấm dứt, do thích làm nhiều việc sát sinh, trộm cướp, tà hạnh như vậy thì phải chịu quả báo, chịu khổ không lúc nào dừng nghỉ. Nếu nghiệp ác hết, các tội nhân mới được ra khỏi. Nếu ở đời trước

trong quá khứ lâu xa, có nghiệp thiện được thành thục thì không sinh vào đường ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh trong loài người thì bần cùng, chết yểu, có vợ thấp hèn, giả như có vợ đẹp thì cũng tư thông với kẻ khác; nếu không có vợ thì có thân thô xấu, bị người khác sai khiến. Do sức mạnh của nghiệp kia, nên quả báo còn sót lại, phải chịu nhiều nghiệp ác như vậy, có thể lừa dối mê hoặc người khiến vào địa ngục.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia đã biết quả báo của nghiệp, thứ đến lại quan sát mười sáu biệt xứ trong đại địa ngục Hợp. Những gì là mười sáu?

1. Đại lượng thọ khổ não.
2. Cát khô.
3. Mạch mạch đoạn.
4. Ác kiến.
5. Đoàn.
6. Đa khổ não.
7. Nhẫn khổ.
8. Chu tru chu tru.
9. Hà hà hề.
10. Lệ hỏa xuất.
11. Nhất thiết căn diệt.
12. Vô bỉ ngạn thọ khổ.
13. Bát-đầu-ma.
14. Đại Bát-đầu-ma.
15. Hỏa bồn.
16. Thiết mạt hỏa.

Đại địa ngục Hợp có mười sáu biệt xứ như vậy. Chúng sinh do nghiệp gì sinh ở nơi ấy? Tỳ-kheo kia tư duy quan sát: Nếu người thích làm, làm nhiều việc như là ba loại nghiệp ác bất thiện: Sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, thì người ấy nhất định bị đọa vào đại địa ngục Hợp, chịu mọi khổ não. Chúng sinh do nghiệp gì sinh vào chốn đầu tiên nơi địa ngục là Đại lượng thọ khổ não? Người kia thấy có người không nên hành dâm, mà kẻ ấy quán bất chánh, thích làm việc tà dục, thì sinh trong chốn Đại lượng thọ khổ não của đại địa ngục Hợp, chịu khổ não dữ dội. Đó là dùi sắt bén, nhọn, nóng đâm cho xuyên thủng, dùng dùi sắt ấy, từ dưới đâm lên lưng mà ra, lại đâm giữa eo mà ra, lại đâm lên bụng mà ra, lại đâm lên vai mà ra, lại đâm từ sườn mà ra, lại đâm từ cổ họng, miệng mà ra, lại đập bể đầu lâu từ đầu lâu

mà ra, lại đâm từ tai mà ra. Người ở địa ngục ấy, bị dùi sắt đâm như vậy, tất cả các phần thân đều bị xuyên phá, chịu khổ não ác liệt như thiêu như nấu. Tội nhân chịu các khổ não như vậy, lại chuyển sang chịu khổ não rất nặng hơn nữa. Đó là dùng kềm sắt nóng hực gắp kẹp bìu dái họ, hoặc chim thứu sắt mổ đứt bìu dái của họ ăn, như vậy cho đến khi sự tạo tác tích tụ nghiệp chưa hoại, chưa tiêu, nghiệp khí chưa dứt, thì phải chịu khổ không lúc nào dừng nghỉ. Khi nghiệp ác hết thì họ mới được ra khỏi địa ngục. Nếu ở đời trước trong quá khứ lâu xa, có nghiệp thiện đã thành thục thì không sinh vào cõi ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh trong loài người nơi tương ưng với nghiệp thì làm hạng người thứ ba, như nội quan… là do quả báo của nghiệp bất thiện còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết quả báo của nghiệp, tiếp đó quan sát đại địa ngục Hợp còn có nơi nào khác? Tỳ-kheo thấy, nghe, biết lại có nơi khác tên là Cát khô, là biệt xứ thứ hai trong địa ngục Hợp. Chúng sinh do nghiệp gì mà sinh vào chốn ấy? Tỳ-kheo thấy có người thích làm, làm nhiều việc sát sinh, trộm cướp, tà hạnh nên bị đọa vào địa ngục Hợp, sinh đến chốn Cát khô. Nghiệp sát sinh, trộm cắp và quả báo của nó như trước đã nói. Thế nào là tà hạnh? Nghĩa là đối với phụ nữ, chỗ không nên hành dâm mà hành dâm, như hành dâm nơi miệng... Vì nhân duyên của nghiệp ác ấy, nên khi thân hoại mạng dứt, bị đọa vào đại địa ngục Hợp, sinh nơi chốn Cát khô, chịu đủ thứ khổ não. Đấy là người Diêm-ma-la dùng đinh sắt nóng đóng vào miệng tội nhân, từ đầu mà ra, ra rồi liền đóng lại vào miệng, từ nơi tai mà ra. Lại dùng bát sắt nóng chứa đầy nước đồng sôi, rót vào miệng họ. Nước đồng sôi ấy thiêu cháy môi tội nhân, tiếp đó thiêu lưỡi, đã thiêu lưỡi rồi lại thiêu mắt, thiêu cổ họng, rồi lại thiêu tim, thiêu bụng, lần lượt như vậy xuống đến hậu môn và chảy ra. Người thích làm, làm nhiều việc tà hạnh như thế nên bị quả báo nghiệp ác ở địa ngục và chịu tất cả quả khổ dữ dội, trải qua vô lượng trăm ngàn ức năm thường bị thiêu nấu, cho đến khi nghiệp ác chưa hoại, chưa tiêu, nghiệp khí chưa hết, thì vẫn chịu khổ không lúc nào dừng nghỉ. Khi nghiệp ác đã hết thì họ mới được ra khỏi chốn địa ngục. Nếu ở đời trước, trong quá khứ lâu xa có nghiệp thiện đã thành thục thì không sinh vào đường ngạ quỷ, súc sinh. Được sinh chốn tương ưng với nghiệp nơi cõi người thì trong miệng thường có mùi hôi thối, xông vào mũi người khác, bị tất cả người chung quanh ghét bỏ, đó là quả báo còn sót lại của nghiệp ác kia.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia đã biết quả báo của nghiệp, thứ đến lại quan sát đại địa ngục Hợp, còn có nơi nào khác nữa? Tỳ-kheo thấy, nghe, biết: Lại có chốn khác tên là Mạch mạch đoạn, là biệt xứ thứ ba của địa ngục Hợp.

Chúng sinh do nghiệp gì mà sinh ở chốn đó? Tỳ-kheo thấy có người thích làm, làm nhiều việc sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, nên bị đọa vào chốn Mạch mạch đoạn trong địa ngục Hợp. Nghiệp sát sinh, trộm cướp và quả báo của chúng như trước đã nói. Thế nào là tà hạnh? Nghĩa là đối với phụ nữ, hành dâm một cách phi đạo lý người kia không tùy thuận mà tự dùng sức mạnh của mình để cưỡng bức. Người ấy, vì nhân duyên của nghiệp ác đó nên khi thân hoại mạng dứt, bị đọa vào chốn ác trong đại địa ngục Hợp, sinh vào chốn Mạch mạch đoạn, chịu vô số khổ não. Đó là ống tre chứa đầy nước đồng sôi, đổ vào cho đầy miệng. Tội nhân đau đớn kêu la gào thét: "Tôi nay cô độc!". Trải qua vô lượng trăm ngàn năm như thế, nếu nghiệp ác chưa hoại, chưa tiêu, nghiệp khí chưa dứt, thì vẫn chịu khổ không lúc nào dừng nghỉ. Khi nghiệp ác đã hết thì họ mới được ra khỏi địa ngục. Ở đời trước, trong quá khứ lâu xa, nếu có nghiệp thiện đã thành thục thì không sinh vào đường ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh nơi cõi người thì tuy có vợ, nhưng vợ lại yêu mến người khác, người kia thấy vợ như vậy nhưng không thể ngăn chận được. Đó là quả báo còn sót lại của nghiệp ác đã tạo, người kia tạo tác nghiệp ác, quả báo không mất nên phải gánh chịu mọi quả báo.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia đã nhận biết quả báo của nghiệp, kế tiếp lại quan sát đại địa ngục Hợp còn có nơi nào khác nữa? Tỳ-kheo thấy, nghe, biết: Lại có chốn khác tên Ác kiến, là biệt xứ thứ tư của địa ngục Hợp. Chúng sinh do nghiệp gì mà sinh ở chốn đó? Tỳ-kheo thấy có người thích làm, làm nhiều việc sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, nên bị đọa vào chốn Ác kiến trong địa ngục Hợp. Nghiệp sát sinh, trộm cắp và quả báo của chúng như trước đã nói. Thế nào là tà hạnh? Nghĩa là có người lấy con trẻ của người khác, cưỡng bức thực hiện tà hạnh, ỷ mình nhiều sức mạnh khiến trẻ kia than khóc khổ sở. Người ấy vì nhân duyên của nghiệp ác đó nên khi thân hoại mạng dứt, bị đọa vào chốn ác trong địa ngục Hợp, sinh vào chốn Ác kiến, chịu đủ loại khổ não. Đó là tự thấy con mình, do nghiệp ác đã tạo nên thấy con mình ở trong địa ngục, đối với đứa con ấy lại sinh tâm yêu mến như lúc ở cõi người. Thấy như vậy rồi, người Diêm-ma-la hoặc dùng gậy sắt, hoặc dùng dùi sắt đâm vào âm bộ, hoặc dùng móc sắt đóng nơi âm bộ. Đã thấy con mình chịu khổ như vậy, từ mình sinh ra đau đớn, lòng yêu mến thương xót không nguôi, không thể chịu nổi nỗi khổ tâm vì yêu mến ấy còn hơn cái khổ bị lửa thiêu đốt, trong mười sáu phần không bằng một phần. Người kia khổ tâm bị bức bách như thế vậy rồi, lại chịu cái khổ của thân. Đó là tội nhân bị Diêm-ma-la bắt lấy chúc đầu mặt vào trong bát sắt nóng đựng đầy nước đồng sôi, rót đầy nước đồng sôi vào hậu môn của họ, lại rót vào trong thân, thiêu chín thục tạng. Thiêu chín thục tạng rồi lại thiêu

ruột già. Thiêu ruột già rồi, lại thiêu ruột non. Thiêu ruột non rồi, lại thiêu dạ dày. Đã thiêu dạ dày rồi, lần lượt như vậy, lại thiêu cổ họng. Đã thiêu cổ họng rồi, lại thiêu yết hầu. Đã thiêu yết hầu rồi, lại thiêu thiệt căn. Đã thiêu thiệt căn rồi, lại thiêu lưỡi. Đã thiêu lưỡi rồi, lại thiêu thịt chân răng. Thiêu thịt chân răng rồi, lại thiêu đầu. Đã thiêu đầu rồi, lại thiêu não. Thiêu đốt như vậy rồi thì mọi thứ đều chảy xuống dưới mà ra. Người tạo tà hạnh kia phải chịu khổ não như vậy, trải qua hàng trăm ngàn năm, do nghiệp hóa hiện, nên luôn thấy con mình, thân tâm luôn đau khổ chịu đủ hai loại khổ cùng cực, trải qua vô lượng trăm ngàn năm cho đến khi nghiệp ác chưa hoại, chưa tiêu, nghiệp khí chưa dứt, thì vẫn phải chịu khổ không lúc nào dừng nghỉ. Khi nghiệp ác hết thì họ mới được ra khỏi chốn đó. Nếu ở đời trước trong quá khứ lâu xa, có nghiệp thiện đã thành thục thì không sinh vào đường ngạ quỷ, súc sinh. Được sinh trong cõi người thì không có con cái, tuy có làm việc bất tịnh nhưng không có con. Người đời đều nói: "Người này không phải đàn ông". Tất cả đều nghi ngờ, khinh rẻ, đó là do nghiệp ác của người kia, phải chịu quả báo còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia đã nhận biết quả báo của nghiệp, thứ đến lại quan sát đại địa ngục Hợp còn có nơi nào khác không? Tỳ-kheo thấy, nghe, biết: Lại có chốn khác tên là Đoàn, tương tợ cấp đoàn, là biệt xứ thứ năm trong địa ngục Hợp. Chúng sinh do nghiệp gì mà sinh ở chốn ấy? Tỳ-kheo thấy có người thích làm, làm nhiều việc sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, nên bị đọa vào địa ngục Hợp, sinh ở chốn Đoàn. Nghiệp sát sinh, trộm cướp cho đến quả báo của chúng như trước đã nói. Thế nào là tà hạnh? Nghĩa là có người thấy nơi đường dâm của trâu cái, ngựa cái… rồi tâm sinh phân biệt, cho đấy là chỗ giống với người phụ nữ không khác. Suy niệm như vậy, liền sinh tâm tưởng nghĩ như người nữ mà hành dâm dục. Người kia vì nhân duyên của nghiệp ác ấy, nên khi thân hoại mạng dứt, bị đọa vào chốn ác trong địa ngục Hợp, sinh ở chốn Đoàn, chịu mọi thứ khổ não. Nghĩa là do nhân duyên của nghiệp ác nên thấy trâu hoặc ngựa trong địa ngục, cũng thấy tự tâm phân biệt như vậy, nhớ tưởng về người phụ nữ như trước, thấy rồi liền sinh tâm tưởng, nghĩ tới người phụ nữ, tâm dục bừng dậy, liền chạy đến chỗ trâu ngựa ấy. Lúc này có sắt nóng hừng hực đầy nơi thân trâu ngựa, người kia đã đến gần, do nhân duyên của nghiệp ác nên chui vào căn môn của loài vật. Rồi vào trong bụng, nơi đó đầy lửa nóng. Ở chốn ấy chịu khổ, trải qua vô lượng trăm ngàn năm thường bị thiêu nấu, thân chín rã, không thể kêu ra tiếng. Nơi bụng tối tăm kia bị khổ bức bách, cho đến khi nghiệp ác chưa hoại, chưa tiêu, nghiệp khí chưa dứt thì lúc nào cũng bị thiêu đốt. Khi nghiệp ác hết thì họ mới ra khỏi địa ngục kia. Nếu ở đời trong quá khứ

lâu xa, có nghiệp thiện đã thành thục thì không sinh vào cõi ngạ quỷ, súc sinh, được sinh chốn tương ưng với nghiệp nơi cõi người thì sinh đến nước không có lễ nghĩa, không có nhân từ, tuy vợ của mình bị người khác xâm chiếm, gần gũi, nhưng không sinh ganh ghét. Đó là do nghiệp nhân của tà hạnh phải chịu quả báo còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia đã nhận biết quả báo của nghiệp, tiếp đến lại quan sát đại địa ngục Hợp còn có nơi nào khác không? Tỳ-kheo thấy, nghe, biết: Lại có chốn khác tên là Đa khổ não, là biệt xứ thứ sáu trong địa ngục Hợp. Chúng sinh do nghiệp gì mà sinh vào chốn đó? Tỳ-kheo thấy có người thích làm nhiều việc sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, nên bị đọa vào chốn Đa khổ não trong địa ngục Hợp. Nghiệp sát sinh, trộm cướp và quả báo của chúng như trước đã nói. Thế nào là tà hạnh? Nghĩa là người nam hành dâm với người nam. Người ấy vì nhân duyên của nghiệp ác đó nên khi thân hoại mạng dứt, bị đọa vào chốn ác trong địa ngục Hợp, sinh ở chốn Đa khổ não, chịu vô số khổ não ác liệt. Do nghiệp lực đã tạo tác tích tụ nên ở trong địa ngục, lại thấy người nam trước kia, đầu tóc nóng hực, tất cả thân thể cũng đều nóng, thân ấy cứng chắc như kim cương chạy đến ôm lấy tội nhân. Đã bị ôm rồi, tất cả phần thân của tội nhân đều bị tiêu tan như cát tung tóe, chết rồi sống lại, do nhân nơi nghiệp ác bất thiện đã tạo từ trước nên ở chỗ người nóng kia rất kinh sợ phải chạy chốn bị rơi xuống sườn núi, chưa đến đất còn ở giữa chừng, thì bị quạ mỏ nóng phanh xẻ từng mảnh, nhỏ như hạt cải, lại tụ hợp, sau đó rơi đến đất, lại có chồn miệng nóng ăn tội nhân, chỉ còn lại xương, rồi thịt sinh trở lại. Thịt đã sinh rồi, người Diêm-ma-la bắt bỏ vào trong đỉnh nóng nấu nhừ, trải qua vô lượng trăm ngàn năm như vậy nấu họ, ăn họ, phân tán họ, cho đến khi nghiệp ác chưa hoại, chưa tan, nghiệp khí chưa dứt thì vẫn chịu khổ không lúc nào dừng nghỉ. Khi nghiệp ác hết thì họ mới ra khỏi chốn nhiều khổ kia. Nếu ở đời trước, trong thời quá khứ lâu xa có nghiệp thiện đã thành thục thì không sinh vào đường ngạ quỷ, súc sinh, được sinh chốn tương ưng với nghiệp ở cõi người thì mất hết vợ, không có vợ nào, rốt cuộc đều vậy. Giả sử có vợ thì nhàm chán xa lìa vợ, vui thích tà hạnh với người khác, đó là quả báo còn sót lại của nghiệp nhân đã tạo.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia đã nhận biết quả báo của nghiệp, tiếp đến lại quan sát đại địa ngục Hợp còn có nơi nào khác nữa? Tỳ-kheo thấy, nghe, biết: Còn có nơi khác tên là Nhẫn khổ, là biệt xứ thứ bảy của địa ngục Hợp. Chúng sinh do nghiệp gì mà sinh ở chốn đó? Tỳ-kheo thấy có người thích làm, làm nhiều việc sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, nên bị đọa vào chốn Nhẫn khổ trong địa ngục Hợp. Nghiệp sát sinh, trộm cướp và quả báo của chúng

như trước đã nói. Thế nào là tà hạnh? Nghĩa là có người đi chinh phục nước khác, bắt được đàn bà, con gái rồi, hoặc tự mình tạo tà hạnh, mình tạo tà hạnh rồi, lại cấp cho người khác, hoặc y theo âm đạo hành dâm, hoặc không theo âm đạo hành dâm. Người kia vì nhân duyên của nghiệp ác ấy, nên khi thân hoại mạng dứt bị đọa vào chốn ác trong địa ngục Hợp, sinh ở chốn Nhẫn Khổ, chịu đủ loại khổ não. Đó là người Diêm-ma-la treo tội nhân trên cây, đầu mặt chúc xuống, chân ngược lên, ở dưới là lửa dữ thiêu đốt khắp thân, từ mặt mà đốt lên. Lửa dữ trong địa ngục ấy luôn cháy rất mãnh liệt, thân hình của tội nhân xương giòn thịt nát, mắt thì tiêu rã, bị thiêu hết không sót. Thân thể của tội nhân bị thiêu hết thì sinh trở lại. Người ấy chịu khổ não cùng cực như vậy đến không thể chịu nổi, cất tiếng gào thét, miệng vừa mở ra thì lửa địa ngục ùa vào trong miệng. Lửa đã vào miệng rồi, trước hết thiêu đốt tim. Đã thiêu hết tim rồi lại thiêu phổi, lần lượt như vậy, cho đến sinh tạng, thục tạng, căn và hậu môn. Thiêu đốt như thế rồi, lại thiêu chân, đã chịu cái khổ bị thiêu đốt, lại có quạ bay đến mổ ăn thân họ. Người kia chịu hai loại khổ lớn như thế, cất tiếng kêu gào, nhưng sự thiêu đốt vẫn không dừng. Trải qua vô lượng trăm ngàn năm, ở trong địa ngục chịu khổ não cùng cực không gì bằng, cho đến khi nghiệp ác chưa tiêu, chưa hoại, nghiệp khí chưa dứt, thì vẫn phải chịu khổ không lúc nào dừng nghỉ. Khi nghiệp ác hết thì họ mới được ra khỏi địa ngục kia. Nếu ở đời trước, trong quá khứ lâu xa, có nghiệp thiện đã thành thục thì không sinh vào đường ngạ quỷ, súc sinh, được sinh nơi tương ưng với nghiệp nơi cõi người, giả sử có vợ đẹp, đoan chánh không ai bằng thì lại bị quan quân hủy hoại, chiếm đoạt. Do sức nơi nghiệp ác đã tạo nên cất tiếng gào thét, tâm như tan nát, đau đớn. Người ấy như vậy là ở trong địa ngục nơi cõi người, hai lúc, hai nơi, chịu nhiều khổ não, cất tiếng kêu gào áo não, thảm khốc. Đó là quả báo còn sót lại do nhân tà hạnh tạo ra.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 7

Phẩm 3: Địa ngục (Phần 3)

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp, lại quan sát địa ngục Hợp xem còn có nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết có nơi khác tên là Chu tru chu tru là vùng thứ tám của địa ngục Hợp.

–Chúng sinh do nghiệp gì mà sinh vào nơi này?

–Vị ấy thấy, nghe, biết rằng ai thích và thường làm việc sát sinh, trộm cướp, tà hạnh sẽ bị đọa vào vùng Chu tru chu tru thuộc địa ngục Hợp. Nghiệp sát sinh, trộm cướp và quả báo của nó như đã nói ở trước, còn tà hạnh là: Có người không khéo quan sát, vì không có người nữ nên hành dâm với dê, hoặc lừa. Người ấy không kính trọng Phật, làm việc bất tịnh ở nơi thờ Phật, hoặc là gần nơi thờ Phật.

Do nghiệp ác ấy, khi chết người đó bị đọa vào vùng Chu tru chu tru thuộc đại địa ngục Hợp, chịu khổ não dữ dội, thường bị kiến sắt ăn tất cả thân thể. Lửa của địa ngục đầy trong bụng người ấy, thiêu nấu cả trong lẫn ngoài. Do gây nghiệp ác nên họ phải chịu quả báo ác, trong vô lượng năm thường bị trùng dữ Chu tru chu tru thuộc địa ngục Hợp ăn thịt, uống máu, rỉa gân, đục xương, rúc tủy, ăn ruột già, ruột non, bị thiêu, nướng, ăn như vậy, tội nhân nơi địa ngục kêu gào la khóc, nói năng điên loạn. Trải qua vô lượng năm, hễ nghiệp ác còn thì họ còn thường xuyên bị nấu nướng cho chín và bị ăn thịt. Nghiệp ác còn là họ còn chịu khổ không dứt trong mọi lúc. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát được cõi địa ngục đó.

Nếu nhờ nghiệp lành trong thời xa xưa, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, nơi tương ưng với nghiệp thì họ có nhiều kẻ thù oán, tuy ở trong cung vua nhưng không có quyền thế, thường nghèo khổ, thiếu thốn, chết yểu. Đó là do sức mạnh của nghiệp ác nên họ phải chịu quả báo còn sót lại ở trong loài người.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết quả báo của nghiệp tiếp tục quan sát đại địa ngục Hợp xem còn có vùng nào nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có vùng khác tên Hà hà hề là vùng thứ chín của địa ngục Hợp. Do tích tụ nghiệp gì

mà cuối cùng bị đọa vào địa ngục này? Vị ấy thấy, nghe, biết: Ai thích và thường sát sinh, trộm cướp, tà hạnh thì bị đọa vào vùng Hà hà hề thuộc địa ngục Hợp. Nghiệp sát sinh, trộm cướp và quả báo đã nói ở trước.

Còn tà hạnh là: Người mọi rợ ở biên địa hành dâm với đối tượng không nên hành dâm là hành dâm với chị, em ruột của mình. Pháp luật nước đó cũng là tội ác. Do nghiệp ác ấy, sau khi chết người này sinh vào vùng Hà hà hề ở địa ngục Hợp chịu khổ não lớn, thường bị thiêu nấu, bị quỷ coi ngục đánh đập khiến gào rống dữ dội, vang khắp năm ngàn do-tuần.

Lúc còn ở giai đoạn trung hữu, chưa vào địa ngục nghe tiếng rống. Tiếng rống đó rất ghê rợn, không thể chịu được, nhưng do điên đảo, người ấy nghe tiếng la khóc thành tiếng ca, tiếng vỗ tay, đủ loại tiếng ngọt ngào. Do nghiệp ác, nghe xong, họ sinh ưa thích muốn đến nơi phát ra tiếng kia và họ ngay lập tức đến nơi đó.

–Cái gì là nhân duyên của hữu?

–Thủ là nhân duyên của hữu. Ở trong thân trung hữu hễ muốn sinh nơi nào thì liền sinh nơi ấy. Vì vậy, họ vừa khởi ý muốn liền sinh đến nơi đó và ngay lập tức chịu khổ ở địa ngục, nghe âm thanh rùng rợn cùng chịu khổ não dữ dội không gì có thể ví dụ. Nghe âm thanh ấy rồi, họ thất kinh hồn vía, nhận chịu khổ não lớn. Có núi sắt tên Ô khâu, núi này bốc lửa cao đến năm ngàn do-tuần, lên tận hư không, có cây bằng sắt, trên khắp cây có chim quạ sắt thân bốc lửa. Núi ấy phực lửa ở khắp nơi và không có chỗ hở, nhưng do nghiệp ác, các tội nhân ở địa ngục thấy đó là rừng hoa sen đầy khắp núi nên gọi nhau: "Trên núi có nhiều rừng cây sum suê, lặng lẽ chúng ta có thể cùng nhau lên".

Ngục tốt đánh tội nhân, bên trên mưa xuống dao và đá. Do sợ hãi, tội nhân chạy trốn lên núi, mong được cứu thoát như nô lệ tìm chủ, như mong trở về nhà. Khi đã lên núi, tội nhân thấy khắp núi ấy đều có lửa nóng, nhiều quạ lửa mỏ bằng sắt rất bén, chúng đi rất mau về phía tội nhân. Mỗi con làm một việc như mổ vỡ đầu, lấy não, lấy mắt, hoặc mũi, má, da, hông, chân, lưỡi, cổ, da đầu, cổ họng, tim, phổi, ruột già, ruột non, da bụng, phần kín đáo ở dưới da bụng, xương đầu gối, bắp chân, da gót chân, ngón chân của tội nhân. Có con đến lấy từng phần để ăn. Có con đến lấy xương sườn hoặc xương hông, một phần xương cánh tay, hoặc lấy đầy đủ tất cả các bộ phận của thân, hoặc lấy tủy. Các con chim này ăn tất cả các bộ phận của tội nhân. Do nghiệp lực khi chúng ăn xong, tội nhân liền sống trở lại. Vì sợ quạ lửa và ngục tốt, tội nhân chạy khắp nơi trên núi Ô khâu để mong được

cứu vớt.

Lên núi rồi, do nghiệp ác, lửa cháy đầy khắp và phủ lên thân tội nhân, trải qua vô lượng năm, họ cứ bị thiêu rụi rồi sống trở lại. Do sức của nghiệp ác nên họ phải chịu khổ não lớn. Nếu họ lên đến đỉnh núi thì đỉnh núi lại có ngọn lửa cao năm ngàn do-tuần, nhấc bổng tội nhân lên không để thiêu như thiêu con thiêu thân. Họ chịu nỗi khổ lớn đó trong vô lượng năm mà vẫn không dứt, trong mọi lúc. Đến khi nghiệp ác hết thì họ mới được thoát khỏi cõi ấy.

Nếu lâu xa về trước có nghiệp lành chín mùi thì không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người ơ nơi tương ưng với nghiệp thì tất cả các bộ phận trong thân đều bị thối rữa, hôi hám, mắc bệnh hủi hoặc bệnh điên, có nhiều kẻ thù, thường nghèo khổ, sinh ra ở nước dữ. Đó là quả báo của nghiệp còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp, quan sát địa ngục Hợp xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết có nơi khác tên Lệ hỏa xuất, là vùng thứ mười của địa ngục Hợp. Chúng sinh do nghiệp gì mà sinh ở đó? Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, nên bị đọa vào vùng Lệ hỏa xuất ở địa ngục Hợp. Nghiệp và quả báo của sát sinh, trộm cướp đã nói ở trước, còn tà hạnh là Tỳ-kheo-ni cùng người khác làm việc bất tịnh, phá hủy giới cấm hoặc là người xâm phạm tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni. Do nghiệp ác, khi chết người này bị đọa vào vùng Lệ hỏa xuất của đại địa ngục Hợp chịu khổ não lớn. Nỗi khổ này tương ưng với nghiệp, nó rất chắc chắn và do nghiệp đáng ghét tạo ra. Đó là bị lửa lớn thiêu đốt ở khắp nơi. Mắt chảy ra nước mắt lửa thiêu đốt thân. Tội nhân ở địa ngục chịu khổ não này rồi lại phải chịu các khổ não khác. Ngục tốt khoét mi mắt họ và đặt đầy than Khư-đà-la vào, chẻ xương mắt như là chẻ tre. Địa ngục ấy đáng sợ như vậy.

Ngục tốt lại dùng móc sắt, chày sắt, gông sắt để móc, cắt, đánh đập tội nhân khiến thân tan rã. Dùng kềm sắt khoét hậu môn tội nhân ra, rót đầy nước chì, thiếc sôi vào để thiêu đốt bên trong, lại có lửa dữ thiêu ở ngoài thân. Bị hai loại lửa thiêu đốt dữ dội cả trong lẫn ngoài, tội nhân bị đau đớn, khổ não cùng cực. Khi tội nhân đã chịu đầy đủ các loại khổ đau, ngục tốt mới nói kệ trách họ:

Trong đầy chì thiếc sôi
Ngoài bị lửa lớn đốt
Tội nhân trong địa ngục
Bị thiêu nướng rất khổ.

Nếu nghiệp sinh quả khổ
Chịu quả báo khổ đau
Ở trong cả ba cõi
Không gì thí dụ được.
Ba loại nghiệp, ba quả
Sinh ở trong ba cõi
Ba lỗi ba tâm khởi
Chịu khổ ở ba nơi.
Nghiệp báo này như vậy
Sinh ở trong ba cõi
Do nhân duyên hòa hợp
Pháp khác khởi như vậy.
Theo tâm làm như thế
Thì xoay vòng như vậy
Người lành làm việc lành
Người ác tạo việc ác.
Tâm tự do tạo nghiệp
Nghiệp dắt đến các cõi
Nghiệp của tâm phát khởi
Bị tham ái lừa dối.
Tâm ác tạo nghiệp ác
Người ấy đến nơi này
Ai bị địa ngục thiêu
Người đó bị ái lừa.
Ai gây ra nhân ác
Người ấy chịu quả khổ
Nghiệp mình mình phải chịu
Chúng sinh đều như vậy.
Tâm các ông tự tạo
Tất cả sự lừa dối
Nay bị lửa lớn thiêu
Vì sao lại than khóc?

Ngục tốt quở trách tội nhân ở địa ngục:

–Ngươi tự tạo nghiệp nay tự chịu quả báo không thể thoát được. Như vậy tất cả là chỗ trói buộc của nghiệp quả khiến người phải chịu quả báo đó.

Trải qua vô lượng năm, ngục tốt thiêu nấu tội nhân trong địa ngục

như vậy. Hễ còn nghiệp ác là tội nhân còn phải chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp hết thì họ mới thoát khỏi địa ngục đó. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ lâu xa không sinh vào hàng ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, nơi tương ưng với nghiệp thì thường bị bệnh cam tích trong bụng, thân thể khô đét, hình dạng xấu xí, nếu đứng giữ cửa thì hình dáng thân thể giống như cái cây bị thiêu cháy. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp, quan sát đại địa ngục Hợp xem còn có nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết lại có vùng khác tên Nhất thiết căn diệt là vùng thứ mười một của địa ngục Hợp. Do nghiệp gì chúng sinh sinh vào nơi đây?

Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cướp, tà dâm nên sinh vào vùng Nhất thiết căn diệt của địa ngục Hợp. Nghiệp và quả báo của việc sát sinh, trộm cắp đã nói ở trước.

Nay nói về việc tà hạnh. Có người ham dâm dục, hành dâm với phụ nữ ở nơi miệng hoặc hậu môn chớ không phải tại nữ căn. Do nghiệp ác ấy khi chết người đó bị đọa vào vùng Nhất thiết căn diệt của địa ngục Hợp chịu khổ não lớn, bị bỏ đầy lửa vào miệng, bị lấy chìa sắt khoét miệng cho rộng ra rồi dùng bát sắt nóng đựng nước đồng sôi rót vào. Nơi ấy còn có trùng đen bằng sắt nóng, thân trùng bốc lửa. Mười một chốn thuộc địa ngục ấy đều bốc lửa tạo thành một vành đai lửa thiêu tội nhân ở bên trong. Tuy bị thiêu nhưng họ vẫn sống lại và thường xuyên bị thiêu. Có kiến sắt thân có lửa nóng đục mắt tội nhân để ăn. Tội nhân bị rót nước chì, thiếc sôi vào đầy tai, bị dao lửa nóng bén cắt mũi, cắt lưỡi, bị mưa dao nóng bén cắt thân, tất cả các căn đều chịu khổ não lớn. Sự khổ não cùng cực mà tội nhân nơi địa ngục phải chịu không gì có thể ví dụ được. Nay chỉ nói một chút ít về nó như là đem đèn so sánh với mặt trời, nỗi khổ phải chịu dưới địa ngục cũng vậy, không gì có thể sánh. Như niềm vui thù thắng ở cõi trời không gì có thể so sánh, nỗi khổ mà tội nhân chịu dưới địa ngục cũng không gì có thể so sánh, vì niềm vui trên cõi trời là thù thắng, nỗi khổ dưới địa ngục thì nặng nề. Nay chỉ nói một phần nhỏ về nỗi khổ, vui này.

Khổ não mà tội nhân phải chịu đựng dưới địa ngục là rất chắc chắn và nặng nề, hễ còn nghiệp ác là còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, người ấy mới thoát được cõi địa ngục đó. Nếu trong quá khứ lâu xa có nghiệp lành chín mùi, không sinh vào hàng ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, gặp phải người vợ không trinh tiết, thông dâm với người khác, bàn mưu với kẻ khác để giết chồng, hoặc là vu khống để quan trên giết, hoặc pha thuốc độc giết, hoặc đợi người chồng

ngủ rồi dùng dao giết. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại. Nghiệp ác chưa hết thì phải nhận chịu không thể thoát được.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp, lại quan sát địa ngục Hợp xem còn xứ nào nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có vùng tên Vô bỉ ngạn thọ khổ là vùng thứ mười hai của địa ngục Hợp. Chúng sinh do nghiệp gì mà sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cướp, tà hạnh nên bị đọa vào vùng Vô bỉ ngạn thọ khổ ở địa ngục Hợp.

Nghiệp và quả báo của việc sát sinh, trộm cướp đã nói ở trước. Còn tà hạnh là có người khởi tâm dâm dục nhớ nghĩ đến vợ mình nên hành dâm với phụ nữ khác. Do nghiệp ác ấy, khi chết người này bị đọa vào vùng Vô bỉ ngạn thọ khổ ở địa ngục Hợp, chịu các khổ não lớn, như bị lửa đốt, dao cắt, vùi tro nóng, bị bệnh đau. Ở bờ ấy, họ không kiếm được một nơi an ổn mà phải chịu các khổ não không thể ví dụ như đã nói ở trước.

Tội nhân nơi địa ngục bị tâm lừa dối nên thọ khổ như vậy, trong vô lượng trăm ngàn năm thường bị thiêu nướng, hoặc nấu, hoặc đánh. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi cõi địa ngục ấy. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín muồi, không sinh làm ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp thì thường nghèo thiếu, làm nô lệ, mọi rợ ở nơi nguy hiểm, vắng vẻ trong đồng hoang hoặc trên núi và thường bị bệnh khổ.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quan sát địa ngục Hợp tìm xem còn có vùng nào nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết có vùng khác tên Bát-đầu-ma, là vùng thứ mười ba của địa ngục Hợp.

Chúng sinh do nghiệp gì mà sinh ở nơi này? Vị ấy thấy có người tích tụ nghiệp sát sinh, trộm cướp, tà hạnh nên bị đọa vào vùng Bát-đầu-ma thuộc địa ngục Hợp.

Nghiệp và quả báo của việc sát sinh, trộm cướp như đã nói ở trước, còn tà hạnh là gì?

Đó là Sa-môn, tự biết là Sa-môn, lúc còn ở đời đã từng hành dâm cùng phụ nữ và nếm vị hấp dẫn của dục, nay tuy là Tỳ-kheo nhưng vẫn còn nhớ nghĩ đến việc ấy, lúc ngủ nằm mộng thấy phụ nữ ấy, vì không khéo quan sát vị ngọt của dục nên hành dâm với người nữ ấy, khi thức dậy, người đó tham đắm nhớ nghĩ đến việc phi phạm hạnh rồi sinh vui sướng, ca ngợi công năng của dâm dục với người khác, cười đùa vui vẻ, thích và thường làm như vậy. Do nghiệp ác đó, khi chết người ấy bị đọa vào vùng Bát-đầu-ma của địa ngục Hợp chịu khổ não lớn. Nỗi khổ đó là tất cả những thứ ở

địa ngục này đều tạo ra màu hoa sen hồng, hoặc là tương tợ như vậy. Tất cả vùng đó đều có màu đỏ và phát ra ánh sáng đỏ. Ngục tốt bắt tội nhân đem nấu trong vạc, hoặc bỏ vào cối sắt rồi dùng chày sắt giã. Nếu thoát khỏi sự khổ đau ở vạc nước sôi và cối giã, từ xa người ấy thấy hoa sen hồng ở trong ao nước trong, liền vội vàng đến đó hy vọng sẽ được cứu giúp che chở. Họ nghĩ rằng đến nơi ấy sẽ được an lạc.

Tội nhân đó đói khát, khổ não, trông cậy vào hoa sen hồng nên tăng tốc độ lên cả trăm ngàn lần, trong khi chạy đến ao sen và bị trăm ngàn móc sắt ở trên đường đi làm chân bị thương, bày quả tim trên đất, móc sắt lại móc rách quả tim, nếu lưng đụng đất móc sắt liền cào lưng, nếu hông đụng đất móc sắt liền phá hông, nếu tội nhân ngồi móc sắt liền đâm thủng lên. Họ bị thiêu, nấu, đói khát, thân thể khô đét, buồn rầu la khóc, than thở với nhau. Tâm trạng như vậy, tất cả tội nhân đều nhìn hoa sen hồng. Ngục tốt đứng sau lưng cầm dao bén, búa hoặc gông để cắt, chặt và đánh tội nhân. Tội nhân làm đủ cách để được cứu giúp che chở, đến ao hoa sen hồng, leo lên hoa sen mong được mát mẻ, nhưng hoa sen ấy giống như cây Khư-đà-la phát ra lửa cùng khắp và có lá cứng như kim cang, tội nhân vừa lên liền bị lá hoa sen móc và cuốn lại. Do nghiệp ác nên trải qua vô lượng năm, ở trong vùng Bát-đầu-ma của địa ngục Hợp, tội nhân bị nấu mà không chết. Hễ còn nghiệp ác là họ còn bị khổ không dứt. Đến khi hết nghiệp mới thoát khỏi địa ngục đó. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào cõi ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì đôi mắt gồm một trống, một mái, nhìn ngó không ngay thẳng, nghèo thiếu vô cùng, tuổi thọ ngắn ngủi, đều do nghiệp ác mà ra.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp, lại quan sát địa ngục Hợp xem còn có vùng nào nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Ma-ha Bát-đầu-ma, là vùng thứ mười bốn của địa ngục Hợp.

Chúng sinh do nghiệp gì mà sinh vào nơi này?

Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cướp, tà hạnh nên bị đọa vào vùng Đại Bát-đầu-ma ở địa ngục Hợp. Nghiệp và quả báo của sát sinh, trộm cướp đã nói ở trước. Còn tà hạnh là: Thật sự chẳng phải là Sa-môn, tự cho là Sa-môn, giới luật không đầy đủ vì tuy sống phạm hạnh nhưng không cầu Niết-bàn, giống như tiếng ốc, chê cười hạnh Niết-bàn và tâm niệm rằng: "Tôi xin nhờ việc sống phạm hạnh này được sinh lên cõi trời, hoặc nơi tương tợ, hãy cho tôi sinh giữa chúng Thiên nữ ở trong cõi trời". Sa-môn này tuy sống phạm hạnh nhưng ước nguyện phi phạm hạnh, sống theo tham ái, tạo nhân sinh tử, gây nhân tham ái, hành động phàm tục

như lửa. Phạm hạnh đó không thể thoát khỏi những việc xấu như bệnh, lão, tử, buồn rầu, than khóc, vò đầu đấm ngực, khổ sở rầu rĩ… Do nghiệp ác, khi chết người đó bị đọa vào địa ngục Hợp ở vùng Đại Bát-đầu-ma, nhận chịu khổ não. Nơi đó có sông tên Khôi rộng năm do-tuần dài trăm do-tuần, thường chảy không dừng, bên trong chứa đầy tro không có chỗ hở bằng lỗ chân lông. Ở nơi sông ấy, tội nhân chịu khổ não cùng cực, dai dẳng bậc nhất. Rơi xuống sông ấy rồi, thân liền tan nát, xương biến thành đá, tóc biến thành nước, thịt biến thành bùn, nước sông là nước chì, thiếc sôi, thân tội nhân tan rã rồi hợp trở lại, biến thành cá trong sông bị nước sông cuốn trôi và làm chín rục. Hai bên bờ sông có quạ mỏ phát lửa mổ tội nhân ăn. Nếu ai muốn cầu sự cứu giúp che chở, chạy khỏi sông liền bị ngục tốt cầm cây giáo bằng sắt phát ra lửa khều xuống sông trở lại. Nếu họ muốn ra, chân liền bị thối rã, gân, đầu gối, bắp chân, mông, xương mông, da mông, thịt mông đều chín nhừ, thịt lưng, thịt đầu, xương đầu, đầu lâu cũng đều chín nhừ và rơi rụng. Trải qua vô lượng năm, tội nhân bị thiêu đốt, nấu nướng ở trong sông, chịu khổ cùng cực rồi mới thoát được. Thoát nơi ấy rồi, họ lại thấy ao Thanh bi có hoa sen nở, vì mong được cứu giúp che chở và an ổn nên tội nhân chạy đến rừng hoa sen hồng. Hoa sen sắt ấy cũng như dao bén, nếu tội nhân đụng vào liền bị hoa sen chặt băm nát, rơi rụng dần dần. Vì muốn tội nhân chịu nhiều khổ não, ngục tốt xua đuổi tội nhân leo lên hoa sen. Trong rừng sen ấy lửa cháy hừng hực, cánh sen bằng sắt, tội nhân vừa lên, liền bị các cánh sen cuốn lại, nhốt vào bên trong và bị lửa hừng thiêu đốt suốt vô lượng năm. Do nghiệp ác của chính họ, trong ấy còn có quạ mổ mắt tội nhân ăn, rút lưỡi, cắt tai, xé nát thân. Tội nhân thường bị thiêu đốt, nấu ở địa ngục Đại Bát-đầu-ma. Hễ còn nghiệp ác là họ còn khổ não nơi ấy. Nếu nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp thì bị bệnh tật, thường đói khát, nhiều sân hận. Đó là quả báo còn sót lại của nghiệp ác.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp, lại quan sát địa ngục Hợp tìm xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết có nơi khác tên là Hỏa bồn là vùng thứ mười năm của địa ngục Hợp.

Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở vùng này?

Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh nên bị đọa vào vùng Hỏa bồn của địa ngục Hợp. Nghiệp và quả báo của sát sinh, trộm cướp đã nói ở trước. Còn tà hạnh là Phật sự chẳng phải là Sa-môn, tự cho là Sa-môn, đã là Sa-môn, lại nghĩ đến lúc còn là bạch y, gần

gũi, cười giỡn, ca múa với phụ nữ. Người ấy không khéo quan sát, nhớ nghĩ rồi vui thú, thường suy nghĩ phân biệt, không suy nghĩ điều lành, không có chánh niệm, không tư duy để chứng đắc, pháp không tư duy về chánh pháp diệt, khổ, tập, không tư duy về các điều đã học, không thực hành các điều đã tư duy sau khi học, không tư duy về việc điều phục tâm bằng cách nhớ nghĩ chân chánh, không tư duy về việc niệm Phật, Pháp, Tăng, không quán niệm về tướng chết, không tư duy về việc sinh tử, lìa dục, không lo sợ khi thấy những tội nhỏ như hạt bụi.

Lẽ ra người ấy không nên nhận nhiều tọa cụ, ngọa cụ, thuốc men, đồ ăn uống và đồ dùng dành cho người bệnh, nhưng thật tế người ấy đã nhận nhiều tọa cụ, ngọa cụ, thuốc men, đồ ăn uống, đồ dùng cho người bệnh. Do nghiệp ác ấy, khi chết người đó bị đọa vào xứ Hỏa bồn của địa ngục Hợp chịu khổ não lớn. Nỗi khổ đó là lửa nóng đầy khắp vùng Hỏa bồn ấy không có một kẻ hở bằng đầu sợi lông. Hình dạng của tội nhân ở địa ngục đó giống như cây đèn phát ra ngọn lửa nóng. Tội nhân kêu gào, than khóc, khi mở miệng, lửa nóng đầy miệng, khiến họ khổ sở vô cùng nên lại càng than khóc, kêu gào, lửa ngọn lại vào tai, họ tiếp tục kêu gào than khóc, lửa lại vào mắt, họ càng kêu gào, than khóc, khắp thân đều phừng lửa, họ mặc áo sắt phát lửa nóng. Lửa lại thiêu lưỡi vì họ đã phá giới, lại ăn đồ ăn thức uống của người. Vì đã phạm giới cấm, không khéo quan sát nhìn ngó phụ nữ nên họ bị thiêu mắt, do không giữ giới, ca hát với phụ nữ, kêu gọi cười đùa với nhau, lắng nghe tiếng phụ nữ ca với tâm tham ái nên bị đổ nước chì, thiếc sôi vào đầy trong tai. Do phạm giới cấm tham đắm mùi hương nên bị cắt mũi và bị lửa thiêu. Vì năm căn phạm giới nên người ấy bị đọa vào địa ngục tương ưng với nghiệp chịu quả báo khổ. Do nghiệp ác, trải qua vô lượng trăm ngàn năm luôn bị thiêu nấu có nhiều đám lửa đầy khắp vùng Hỏa bồn của địa ngục Hợp. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết mới thoát khỏi địa ngục ấy. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp thì thân mạng nhỏ, thấp, mắt mù, tai điếc, nghèo khổ chết sớm, thường bị đói khát. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp, lại quan sát địa ngục Hợp xem còn vùng nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết lại có vùng khác tên Thiết mạt hỏa là vùng thứ mười sáu của địa ngục Hợp.

Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy, nghe, biết nếu ai thích và thường sát sinh, trộm cướp, tà

hạnh sẽ bị đọa vào vùng Thiết mạt hỏa ở địa ngục Hợp. Nghiệp và quả báo của việc sát sinh, trộm cướp đã nói ở trước. Còn tà hạnh là có người thật chẳng phải Sa-môn tự cho là Sa-môn, nghe tiếng phụ nữ ca múa, vui cười với âm thanh êm tai, nghe xong, không khéo quan sát sinh tâm ái nhiễm và rỉ chảy bất tịnh, tâm thích thú và tham đắm. Do nghiệp ác ấy, người đó sau khi chết bị đọa vào vùng Thiết mạt hỏa ở địa ngục Hợp chịu khổ não lớn. Đó là địa ngục bốn phía đều bằng sắt nóng, tường vách bao vây rộng năm trăm do-tuần, thường có sắt phát lửa không dứt, thiêu đốt tội nhân. Do nghiệp của họ nên từ bên trên, lửa phun xuống không có lúc tạm dừng. Do mưa sắt, tất cả thân thể tội nhân tan rã ra như bột. Do mưa lửa tội nhân thường bị thiêu nấu, tội nhân dưới địa ngục thường chịu hai loại khổ này. Chỉ có tội nhân dưới địa ngục mới chịu nỗi khổ không thể ví dụ như vậy. Họ chịu nỗi khổ chắc chắn, cùng cực. Tất cả những nỗi khổ đó đều đáng sợ, không đáng ưa, không chút vui thú, do tự nghiệp tạo ra. Hễ còn nghiệp là họ còn chịu khổ không dứt. Nếu nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín mùi, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp thì thường sống nơi đưa đò ở sông lớn, luôn lo sợ, thân thường bệnh đau, tuy dáng dấp dữ tợn như voi nhưng thường sợ chết. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy quan sát từng vùng một ở địa ngục Hợp, chỉ thấy có mười sáu vùng, không thấy vùng thứ mười bảy.

Mười sáu vùng khác nhau của địa ngục Hợp có nhiều quả báo của nghiệp để quan sát như vậy. Tỳ-kheo ấy quan sát đủ loại nghiệp ác và quả báo khác nhau của chúng sinh nên nhàm chán sinh tử.

Lại nữa, người tu hành tư duy thuận theo chánh pháp quan sát pháp hành, quan sát kỹ càng rồi Tỳ-kheo ấy thông đạt nghiệp và quả báo, biết rõ nghiệp và quả báo của từng vùng khác nhau ở ba địa ngục lớn. Quan sát rồi, vị ấy đã thông các vướng mắc, không thích sống trong cảnh giới ma.

Dạ-xoa ở nơi đất thấy Tỳ-kheo tinh tấn như vậy liền thưa với Dạ-xoa nơi hư không. Nghe xong, Dạ-xoa trên không thưa với Tứ Đại vương như đã nói ở trước. Họ lần lượt tâu như vậy cho đến trời Vô Lượng Quang. Họ tâu như thế này: "Ở thôn đó, nước đó, trong cõi Diêm-phù-đề có Tỳ-kheo cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y, xuất gia với lòng tin chân chánh…, Tỳ-kheo ấy… cho đến chứng đắc Địa thứ chín." Trời Vô lượng quang nghe việc ấy rồi đều vui vẻ. Chư vị cùng bảo nhau: "Chư Thiên nên biết, tà ma đã giảm bớt, chánh pháp tăng thêm".

Tỳ-kheo ấy đã quan sát ba địa ngục rồi, lại quan sát đại địa ngục thứ tư là Khiếu hoán. Chúng sinh do nghiệp gì mà sinh nơi này?

Vị ấy thấy, nghe, biết có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu. Họ gây và tích tụ bốn nghiệp này rất nhiều nên khi chết liền sinh vào địa ngục Khiếu hoán. Nghiệp và quả báo của sát sinh, trộm cướp, tà hạnh đã nói ở trước. Nay nói về uống rượu, bị sinh vào địa ngục này. Người nào đem rượu đưa cho chúng Tăng hoặc Tỳ-kheo xuất gia giữ giới, hoặc người tịch tĩnh, có tâm vắng lặng, người có thú vui thiền định. Họ uống vào và bị rối tâm trí. Do nghiệp ác này, khi chết người ấy bị đọa vào địa ngục Khiếu hoán chịu khổ não lớn. Đó là bị kềm sắt banh miệng ra đổ nước đồng sôi vào cho uống. Nước đồng sôi lần lượt thiêu các phần như môi, răng, lưỡi, cổ họng, bao tử, ruột non, ruột già, sinh tạng, thục tạng rồi đi ra ngoài. Người ấy do nghiệp bất thiện về rượu nên chịu quả báo như vậy, luôn kêu gào la khóc. Thấy vậy, ngục tốt liền nói kệ quở trách:

Đã tạo nghiệp bất thiện
Nay chịu quả báo khổ
Chính tâm si tạo ra
Về sau bị thiêu, nấu.
Nghiệp bất thiện như vậy
Do tâm ác tạo ra
Nay chịu nhớ la khóc
Than thở để làm gì.
Người nào tạo nghiệp ác
Đều chịu quả báo ác
Nếu muốn được quả vui
Thì chớ có gần ác.
Nếu tạo chút nghiệp ác
Thì chịu khổ vô cùng
Do tâm si quá độ
Được thoát lại tạo ác.
Nghiệp ác không đáng tin
Khiến người vào địa ngục
Chút lửa thui rụi núi
Và tất cả cây rừng.
Người ngu làm việc ác
Không ưa thích pháp lành
Thấy quả báo nghiệp ác

Đều sinh theo nhân duyên.
Vì sao không thích pháp
Và không bỏ nghiệp ác
Ai lìa bỏ nghiệp ác
Thì không thấy địa ngục.
Người nào tâm ngu si
Không biết quả báo ác
Người ấy nhận quả xấu
Nay ông chịu như vậy.
Tạo ác đọa địa ngục
Bị nghiệp ác thiêu đốt
Không đến được Niết-bàn
Nghiệp ác, kẻ thù lớn.
Đã bị nghiệp ác lừa
Nay bị nghiệp ác thiêu
Nếu không gây nghiệp ác
Trọn không chịu khổ não.
Người nào chế ngự ái
Là đi đường tịch tĩnh
Người xả bỏ ái dục
Thì ở gần Niết-bàn.
Đã tạo nghiệp ác rồi
Chưa từng tạo nghiệp lành
Bị nghiệp ác thiêu đốt
Tâm đừng tạo nghiệp ác.
Người gây ra nghiệp ác
Không thể được an lạc
Ai muốn được an lạc
Phải nên ưa thích pháp.
Người nào ưa thích ác
Chịu khổ trong các khổ
Ai không chịu được khổ
Thì đừng gây nghiệp ác.
Người thiện làm lành dễ
Người ác làm lành khó
Người ác tạo ác dễ
Người thiện tạo ác khó.

Quở trách tội nhân rồi, ngục tốt bày ra đủ loại khổ, đó là hai trái núi

bằng sắt rất chắc chắn phát ra lửa. Hai quả núi đó đang ở thế tiến tới cùng một lúc ép và mài xát tội nhân khiến thân rã hết không còn thấy gì. Mài xong, tội nhân sống lại và tiếp tục bị hai quả núi ép vào mài xát tiếp. Trải qua vô lượng trăm ngàn năm họ cứ sống lại rồi bị ép, sống lại rồi bị mài. Khi nghiệp ác chưa hết, nếu họ thoát khỏi địa ngục đó, chạy đến nơi khác để mong được cứu thoát, che chở, ngục tốt liền bắt họ trở lại, chúc ngược đầu xuống và đặt vào vạc sắt. Người ấy ở trong vạc sắt, đầu mặt ở phía dưới, trải qua trăm ngàn năm bị đun, bị nấu mà nghiệp ác vẫn chưa hết. Thoát khỏi vạc nước sôi, họ chạy đến nơi khác mong được cứu giúp che chở, được an lạc thì trước mặt người ấy có con quạ sắt lớn, thân bốc lửa. Quạ chộp lấy thân người ấy mổ xé cho tan rã thành trăm ngàn mảnh vụn. Trải qua vô lượng năm, tội nhân bị quạ xé ăn và tan rã thành nhiều mảnh như vậy mà nghiệp ác vẫn chưa hết. Nếu thoát được nạn quạ sắt, để mong được cứu giúp, che chở, tội nhân chạy đến nơi khác, do bị đói khát khổ não, thấy từ xa như có vũng nước trong liền vội chạy đến nhưng nơi đó chỉ có chì, thiếc nóng chảy đầy khắp ao. Họ muốn tắm bèn lội vào. Do nghiệp ác, có con giải lớn bắt họ dìm xuống nước chì, thiếc sôi khiến họ chín rục. Trải qua vô lượng năm như vậy, cho đến khi nghiệp ác đã hết, con giải lớn đó mới thả tội nhân. Được thoát rồi, người ấy khổ não, mong được cứu giúp che chở, chạy đến nơi khác thì thấy ở trước mặt có ngục tốt cầm chỉa sắt phát ra lửa đâm xuyên qua đầu tội nhân, có người bị rách lưng, có người bị toét hông, có người bị nát đầu. Tội nhân ở địa ngục chịu khổ não lớn, kêu gào thảm khiết, do nghiệp lực những tội nhân khác nghe tiếng kêu ấy lại cho là tiếng ca, đều cùng nhau chạy đến mong được cứu giúp, che chở thì bị ngục tốt bắt lại và dùng chỉa, đao, búa sắt để đâm, cắt, chặt họ. Trải qua vô lượng năm như vậy cho đến khi nghiệp ác tích tụ đã chấm dứt, họ mới thoát khỏi vùng địa ngục đó. Vì mong được cứu giúp, che chở họ lại chạy đến nơi khác, thấy có thôn ấp ở đàng xa đầy đủ nhà cửa, có nhiều sông ao, họ gom hết tâm trí, mau chóng chạy thẳng tới và muốn vào thôn. Tất cả thôn ấy đều có lửa cháy, có trùng đen, răng bén, miệng bằng kim cang toàn thân phát lửa ở khắp mọi nơi. Người ấy vừa vào cửa thôn liền đóng kín. Tội nhân bị trùng ấy ăn nuốt. Họ chịu như vậy trong vô lượng năm đến khi hết nghiệp ác mới thoát khỏi biển lớn khổ não. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín muồi, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì tâm hay quên lửng nghèo nàn, thường đi trên đường phố bán các vật tầm thường kiếm lời để sống và bị các đứa trẻ theo chọc ghẹo, răng miệng xấu xí, cẳng chân cong quẹo, nứt nẻ, thường bị đói khát bức bách, không có vợ, con, cha, mẹ và anh, chị, em.

Đó là quả báo còn sót lại của nghiệp uống rượu và cho người khác uống rượu. Phải nên biết tội cho người giữ giới uống rượu khiến ta đọa vào đại địa ngục Khiếu hoán chịu quả báo khổ.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp, lại quan sát địa ngục Khiếu hoán xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết lại có nơi khác tên Đại Hống.

Chúng sinh do nghiệp gì mà sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu nên sinh vào vùng Đại hống ở địa ngục ấy. Nghiệp và quả báo của sát sinh, trộm cướp, tà hạnh đã nói ở trước. Còn nghiệp uống rượu là lấy rượu cho người trai giới, thanh tịnh uống. Do nghiệp ác ấy, khi chết người đó bị đọa vào vùng Đại hống của địa ngục Khiếu hoán chịu khổ não lớn. Nỗi khổ đó là trước hết bị ngục tốt dùng bát sắt nóng đựng chì, thiếc sôi đổ vào miệng. Đó là do nghiệp ác đem rượu cho người trai giới và người thanh tịnh uống. Bị khổ não cùng cực, tội nhân rống rất to. Các địa ngục khác không có tiếng rống như vậy. Tiếng rống vang khắp hư không. Vốn sẵn tánh sân hận, cộng thêm nghiệp lực của tội nhân, ngục tốt nghe tiếng rống ấy càng sân lên gấp bội. Những người uống rượu không biết tránh điều ác, không biết hổ thẹn khi làm việc bất thiện, do đó nếu đưa rượu cho người là đưa tất cả những điều bất thiện cho họ. Do uống rượu tâm bị rối loạn không ngay thẳng, không thể giữ gìn pháp lành. Người loạn tâm không biết tốt xấu, không biết hổ thẹn khi làm các việc bất thiện. Vì vậy người nào đưa rượu cho người là tạo điều kiện cho họ làm những việc bất thiện. Nhân nào thì tạo ra quả nấy. Do nhân ấy, tội nhân chịu vô lượng khổ não đủ loại trong thời gian lâu dài.

Nơi ấy vì sao được gọi là vùng Đại hống?

Do tội nhân chịu vô lượng khổ não, đủ loại như vậy phát ra tiếng rống lớn cho nên gọi là địa ngục Đại hống. Chúng sinh ở tại nơi ấy cho đến khi hết nghiệp ác mới thoát được. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì rất ngu đần, tâm không sáng suốt, hay quên. Người tối tăm ngu dốt này không có của cải, mọi người không kính trọng, nghèo khổ, tuy tìm cầu của cải nhưng không có. Nếu bị bệnh nhẹ liền chết. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp, lại quan sát địa ngục Khiếu hoán xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy địa ngục Khiếu hoán có mười sáu vùng lần lượt có các tên là: Đại hống, Phổ thanh, Phát hỏa lưu,

Hỏa mạt trùng, Nhiệt thiết hỏa chử, Vũ diệm hỏa thạch, Sát sát, Thiết lâm khoáng dã, Phổ ám hỏa, Diêm-ma-la Già-ước-khoáng-dã, Kiếm lâm, Đại kiếm lâm, Ba tiêu yên lâm, Hữu yên hỏa lâm, Hỏa vân vụ, Phân biệt khổ. Đây là mười sáu vùng khác nhau của địa ngục Khiếu hoán.

Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi ấy?

Tỳ-kheo kia đã quan sát vùng Đại hống của địa ngục Khiếu hoán rồi, lại quán vùng thứ hai tên Phổ thanh. Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu nên bị đọa vào vùng Phổ thanh thuộc địa ngục Khiếu hoán. Nghiệp và quả báo của sát sinh, trộm cướp, tà hạnh đã nói ở trước, còn uống rượu là người nào thích và thường uống rượu hoặc đem rượu cho người mới thọ giới uống. Do nghiệp ác ấy, khi chết người đó sinh vào vùng Phổ thanh của địa ngục Khiếu hoán chịu khổ não lớn, bị ngục tốt dùng chày nện, tội nhân kêu rống vang khắp chốn ấy. Nếu như núi Thiết vi, tất cả các sông, bốn xứ thiên hạ nơi cõi Diêm-phù-đề mà ở gần chốn này thì khi tiếng kêu rống phát ra tất phải tiêu tan. Do nghiệp của chính mình, tội nhân la khóc, kêu gào thảm thiết. Hễ còn nghiệp ác là còn khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì sinh ở quốc độ hoang vu, thiếu nước.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp, lại quan sát địa ngục Khiếu hoán xem còn có nơi nào khác. Vị ấy thấy, nghe, biết có nơi khác tên Phát hỏa lưu là vùng thứ ba của địa ngục ấy.

Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu nên khi chết bị đọa vào vùng Phát hỏa lưu của địa ngục Khiếu hoán. Nghiệp và quả báo của sát sinh, trộm cướp, tà hạnh đã nói ở trước. Còn nghiệp uống rượu là nói công năng của rượu đối với người Ưu-bà-tắc thọ năm giới, bảo rằng rượu không phải là giới, hãy uống đi. Do nghiệp ác ấy, khi chết người này bị đọa vào vùng Phát hỏa lưu thuộc địa ngục Khiếu hoán chịu khổ não lớn, đó là mưa lửa thường thiêu nấu tội nhân, lửa đốt cháy từ đầu tóc cho đến chân cẳng, có con chó sắt nóng ăn chân họ, có chim cắt sắt mỏ phát lửa mổ vỡ sọ để ăn não, có con chồn bằng sắt nóng ăn thân họ. Do nghiệp ác, họ thường bị thiêu và bị ăn như vậy, buồn khổ kêu khóc, nói kệ hờn trách ngục tốt:

Sao ông không thương xót
Lại không có tịch tĩnh?

Tôi đáng được thương xót
Sao ông không thương tôi?

Ngục tốt đáp:

Ngươi bị si che lấp
Tự gây nhiều nghiệp ác
Nay chịu khổ nặng nề
Chẳng phải tôi gây ra.
Người ngu không học giới
Gây tạo nhiều nghiệp ác
Đã có nhiều nghiệp ác
Nay chịu quả như vậy.
Đó là do ông tạo
Chớ chẳng phải do tôi
Người nào tạo nghiệp ác
Nghiệp ấy chính là nhân.
Đã bị lưới ái lừa
Nên tạo ra nghiệp ác
Nay nhận quả báo ác
Vì sao tức giận tôi.
Không tạo, không chịu khổ
Đừng nói ác không nhân
Ý người nào nghĩ ác
Người ấy liền chịu khổ.
Chớ ưa thích uống rượu
Rượu là thứ rất độc
Thường ưa thích uống rượu
Thì phá hỏng pháp lành.
Ai ưa thích uống rượu
Người ấy ý bất chánh
Ý động không đắc pháp
Vì vậy nên bỏ rượu.
Rượu là tội lỗi lớn
Bậc trí nói như vậy
Chớ nên ưa thích rượu
Gây họa mình lẫn người.
Thường ưa thích uống rượu
Sẽ nhận lãnh pháp ác
Như vậy gọi là ác

Vậy nên bỏ uống rượu.
Người hết của hèn hạ
Biếng nhác vào bậc nhất
Uống rượu liền có lỗi
Vì vậy nên bỏ rượu.
Rượu thường kích thích dục
Tâm sân cũng như vậy
Si tăng trưởng theo rượu
Vì vậy nên bỏ rượu.

Như vậy, địa ngục Phát hỏa lưu là do nghiệp của chính tội nhân mà có. Đến khi hết nghiệp ác mới thoát được chốn ấy. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, người ấy sinh ở nơi không có rượu, tất cả vật dụng cho đời sống đều xấu xí và hôi hám. Đó là quả báo còn sót lại của nghiệp ác.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 8

Phẩm 3: Địa ngục (Phần 4)

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp, lại quan sát địa ngục Khiếu hoán xem còn nơi nào nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Hỏa mạt trùng là vùng thứ tư của địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cướp, tà hạnh nên khi chết bị đọa vào chốn Hỏa mạt trùng thuộc địa ngục Khiếu hoán. Nghiệp và quả báo của chúng đã nói ở trước.

Có người bán rượu, thêm nước lã vào rượu và bán bằng giá rượu nguyên chất nên mắc tội ăn trộm. Do nghiệp ác này, khi chết người đó bị đọa vào ngục Hỏa mạt trùng thuộc địa ngục Khiếu hoán chịu khổ não lớn, mắc bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh, bao gồm một trăm lẻ một bệnh gió, một trăm lẻ một bệnh vàng, một trăm lẻ một bệnh lạnh và một trăm lẻ một bệnh xen tạp. Tội nhân phải chịu quả báo tương ưng với nghiệp. Ở các cõi Diêm-phù-đề, Uất-đan-việt, Cù-dà-ni, Phất-bà-đề, có bao nhiêu người mắc một trong số bốn trăm lẻ bốn bệnh nói trên thì đều chết hết trong một ngày đêm, thế mà địa ngục có đủ bốn trăm lẻ bốn bệnh như vậy, ngoài ra còn có các khổ não khác. Đó là tự thân tội nhân sinh ra trùng phá hủy da thịt, mỡ, máu, xương, tủy cùng ăn uống các thứ ấy. Bị khổ, tội nhân kêu rống rất to nhưng không ai cứu nên lại càng sợ hãi ngục tốt vô cùng, lại bị lửa lớn thiêu đốt cháy hết thân, chịu đủ loại khổ. Cho đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục đó. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì nghèo đói, khổ não, Đó là quả báo còn sót lại của nghiệp ác bán rượu trong đời trước.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Khiếu hoán xem còn vùng nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết có vùng khác tên Nhiệt thiết hỏa chử là vùng thứ năm thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cướp, tà hạnh nên bị đọa vào ngục Nhiệt thiết hỏa chử thuộc địa ngục Khiếu hoán. Nghiệp và quả báo của chúng đã nói ở trước. Nay nói về nghiệp rượu. Người nào dối trá đem rượu cho các loại chim thú như sư tư, hổ, gấu, chim sáo, mạng mạng, khiến chúng uống vào và bị say không còn sức lực, không thể chạy, rồi người đó bắt chúng hoặc giết, hoặc không giết. Do nghiệp ác này, khi chết người đó bị đọa vào ngục Nhiệt thiết hỏa chử thuộc địa ngục Khiếu hoán chịu khổ não lớn, bị chày sắt phát lửa đập vào thân khiến cho nát thành cát bụi, tất cả các phần của thân đều bị tan rã. Bị đau khổ cùng cực, tội nhân kêu la, gào khóc chạy đến với nhau. Lúc chạy họ bị các chày sắt phát lửa đuổi theo đánh ở phía sau, đau khổ vô cùng. Ngục tốt bắt họ lại và dùng dao sắt bén gọt thân thể họ, gọt rồi lại cắt, cắt rồi lại khứa, khứa rồi bổ ra. Hễ nghiệp ác chưa hết là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết họ mới thoát khỏi địa ngục đó. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp thì mắc bệnh phong huyết, sinh ở quốc độ xấu không có thầy thuốc, nghèo nàn khốn khổ, có đủ loại cỏ độc, gai gốc, ở nơi sa mạc khô khan thiếu nước, nóng nực, thường lo sợ. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Khiếu hoán xem còn nơi nào nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Vũ diệm hỏa thạch là vùng thứ sáu thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cướp, tà hạnh nên bị đọa vào ngục Vũ diệm hỏa thạch thuộc địa ngục Khiếu hoán. Nghiệp và quả báo của chúng đã nói ở trước.

Nếu có người nghĩ như vầy: "Nếu voi say rượu thì có thể giết nhiều người và ta sẽ chiến thắng", nghĩ như vậy rồi, họ đem rượu cho voi uống và xua nó ra chiến trận. Do nghiệp ác ấy, khi chết họ bị đọa vào ngục Vũ diệm hỏa thạch thuộc địa ngục Khiếu hoán chịu khổ não lớn. Nỗi khổ đó là, do nghiệp lực trong ngục ấy có voi lớn toàn thân bốc lửa, bắt tội nhân và phá hủy hoàn toàn các bộ phận nơi thân khiến tan nát, rơi rụng. Quá sợ hãi, tội nhân kêu gào, than khóc, thân thể tan hết. Nếu thoát được nạn đó, lại bị ngục tốt bắt bỏ vào vạc nước đồng sôi. Trải qua vô lượng năm, họ thường bị thiêu, nấu, thân thể tan rã. Hễ nghiệp ác chưa hết là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết họ mới thoát khỏi địa ngục đó. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc

sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì sinh trong gia đình thợ săn voi và bị voi giết chết, người ấy thường nghèo nàn, khổ cực, sắc mặt xấu xí, tay chân thô cứng, da dẻ sù sì. Đó là quả báo còn sót lại của nghiệp ác.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp, lại quan sát địa ngục Khiếu hoán xem còn có vùng nào nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có vùng khác tên Sát sát là vùng thứ bảy của địa ngục ấy.

Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cướp, tà hạnh nên bị đọa vào ngục Sát sát thuộc địa ngục Khiếu hoán. Nghiệp và quả báo của chúng đã nói ở trước.

Nếu có người đem rượu cho phụ nữ trinh bạch uống khiến họ say, tâm trí rối loạn không còn giữ gìn tiết hạnh, rồi hành dâm cùng với người ấy, thì do nghiệp ác này, khi chết bị đọa vào ngục Sát sát thuộc địa ngục Khiếu hoán chịu khổ não lớn, bị móc sắt phát lửa móc đứt nam căn, sau đó nó sinh trở lại và tiếp tục bị móc đứt ngay khi mới sinh ra còn non yếu, bị khổ sở cực độ, tội nhân kêu gào ầm ĩ, thoát khỏi nơi ấy, tội nhân chạy đến nơi khác, trên đường chạy họ thấy có bờ hiểm ở trước mặt, có quạ, chim thứu, cáo hoang, chim cắt thân bằng sắt, mỏ móng phát lửa ở khắp bờ hiểm đó. Thấy thế, tội nhân rất sợ hãi nhăn mặt, méo miệng, mong được cứu giúp, che chở và bị rớt xuống bờ hiểm, bị các chim thú nói trên mổ xẻ, ăn thịt. Bị ăn xong, họ sống trở lại. Trải qua vô lượng năm, hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết họ mới thoát được địa ngục đó. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì bị phép vua trói buộc, thân thể thô kệch, mặt mày xấu xí, bị nhốt trong ngục mà chết. Đó là quả báo còn sót lại của nghiệp ác.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp, lại quan sát địa ngục Khiếu hoán xem còn vùng nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có vùng khác tên Thiết lâm khoáng dã là vùng thứ tám của địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cướp, tà hạnh nên bị đọa vào ngục Thiết lâm khoáng dã thuộc địa ngục Khiếu hoán. Nghiệp và quả báo của chúng đã nói ở trước.

Nếu có người đem thuốc độc hòa với rượu cho kẻ thù uống thì do nghiệp ác này, khi chết người đó bị đọa vào ngục Thiết lâm khoáng dã thuộc địa ngục Khiếu hoán chịu khổ não lớn, bị ngục tốt dùng dây sắt buộc

vào bánh xe sắt nóng đang chuyển động rất nhanh. Ngục tốt dùng tên sắt nóng bắn khắp thân thể tội nhân khiến không còn chỗ nào nguyên vẹn, nhưng do nghiệp ác họ vẫn không chết. Nếu nghiệp phải trả nơi bánh xe sắt đã hết, thì họ đến nơi khác và bị rắn sắt quấn ăn trong suốt trăm ngàn năm. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Nếu trong quá khứ có nghiệp lành đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì sinh trong gia đình bắt rắn, thích nắm đầu rắn và bị rắn cắn chết. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Khiếu hoán xem còn vùng nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có vùng khác tên Phổ ám hỏa là vùng thứ chín của địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cướp, tà hạnh nên bị đọa vào ngục Phổ ám hỏa thuộc địa ngục Khiếu hoán. Nghiệp và quả báo đã nói ở trước. Nếu có người bán rượu để sinh sống, thấy người mua rượu không biết giá nên bán với giá cao hơn giá trị thật của nó rất nhiều để kiếm lời, thì do nghiệp ác này, khi chết người ấy bị đọa vào ngục Phổ ám hỏa thuộc địa ngục Khiếu hoán, chịu khổ não lớn, bị ngục tốt ở trong địa ngục ấy đánh đập trong bóng tối, bị đau đớn quá nhưng không biết ai đánh, tội nhân chạy vào trong lửa tối. Lửa ấy không có một chút ánh sáng bằng đầu sợi lông. Tội nhân bị lửa ấy thiêu nấu tan rã, rồi lại bị cưa sắt cưa xẻ thân thể từ đầu trở xuống thành hai phần. Quá đau khổ, tội nhân kêu gào inh ỏi. Hễ nghiệp ác chưa hết là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì thường bị đói khát làm khổ sở, không có của cải, sinh ở nơi hiểm trở, thiếu thốn, nơi không có người chân chánh. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Khiếu hoán xem còn nơi nào nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có vùng khác tên Diêm-ma-la Già-ước-khoáng-dã là vùng thứ mười thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cướp, tà hạnh nên bị đọa vào vùng Diêm-ma-la Già-ước-khoáng-dã thuộc địa ngục Khiếu hoán. Nghiệp và quả báo của chúng đã nói ở trước.

Nếu có người đem rượu ép bệnh nhân hoặc phụ nữ mới sinh con uống

để lấy của cải, y phục, hoặc đồ ăn uống thì do nghiệp ác này, khi chết người đó bị đọa vào ngục Diêm-ma-la Già-ước-khoáng-dã thuộc địa ngục Khiếu hoán, chịu khổ não lớn, bị thiêu đốt từ chân đến đầu, bị ngục tốt dùng dao sắt bốc lửa chặt hoặc đâm từ chân tới đầu. Sau khi chặt, đâm, ngục tốt lại làm cho tội nhân thêm khổ não cùng cực bằng cách dùng kích sắt bén phát lửa thiêu, chặt và phanh thây tội nhân trong suốt trăm ngàn năm. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết họ mới thoát khỏi địa ngục đó. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì người ấy sinh ở biên địa, nơi độc ác của nước hung dữ, làm người chăn heo hèn hạ. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Khiếu hoán xem còn nơi nào nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Kiếm lâm là vùng thứ mười một của địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cướp, tà hạnh nên bị đọa vào ngục Kiếm lâm thuộc địa ngục Khiếu hoán. Nghiệp và quả báo đã nói ở trước. Nay lại nói về nghiệp rượu.

Người nào đem rượu lừa dối người sắp đi vào nơi đồng trống, bảo rằng: "Đây là rượu bổ dưỡng nhất, không làm người say", nhưng lại đưa rượu xấu cho người ấy. Người kia đem rượu vào đồng vắng hiểm trở và uống nó. Uống rồi, họ say mèm, không còn hay biết gì và bị ăn cướp lấy hết của cải, hoặc bị giết.

Rượu bổ dưỡng có vị giống như sữa được làm bằng nước ngọt, sữa ngựa hòa với thuốc hay. Vậy mà người ấy không đưa loại rượu này lại đưa rượu xấu khiến người kia bị say.

Người đời đều bảo người đưa rượu ấy như kẻ cướp nắm cổ họng của thân chủ, là kẻ cướp ác nhất. Do nghiệp ác ấy, khi chết người đó bị đọa vào ngục Kiếm lâm thuộc địa ngục Khiếu hoán, chịu khổ não lớn, bị mưa lửa, đá lửa dày đặc thiêu cháy toàn thân, bị xẻ, bị chặt, bị lộn đầu xuống đất, thè lưỡi ra ngoài. Nơi ấy có sông tên Nhiệt phí, máu nóng chảy mênh mông khiến tội nhân lo sợ. Sông Nhiệt phí gồm nước đồng sôi hòa trộn với nước chì, thiếc sôi, suốt trong vô lượng năm tội nhân thường bị thiêu nấu, bị ngục tốt dùng dao và gông phát lửa chặt hoặc đánh. Hễ nghiệp ác chưa hết là họ còn chịu khổ không dứt. Nếu nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Nếu trong quá khứ có nghiệp lành đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì làn da đen

giống như mực, hay sân hận, keo kiệt, nghèo khổ. Đó là quả báo còn sót lại của nghiệp ác.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Khiếu hoán xem còn vùng nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có vùng khác tên Đại kiếm lâm là vùng thứ mười hai thuộc địa ngục ấy.

Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này? Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cướp, tà hạnh nên bị đọa vào ngục Đại kiếm lâm thuộc địa ngục Khiếu hoán. Nghiệp và quả báo đã nói ở trước. Nay nói về nghiệp rượu.

Nếu người nào đem rượu bán để kiếm lời nơi đồng trống không có người ở, chỉ có con đường nhiều người qua lại, thì do nghiệp ác đó, khi chết người này bị đọa vào ngục Đại kiếm lâm thuộc địa ngục Khiếu hoán chịu khổ não lớn. Nỗi khổ đó là có nhiều rừng kiếm rất bén, cao một do-tuần, có lá như dao bén, thân cây bốc lửa, khói độc đầy trong đó. Rừng này do nghiệp ác tạo ra. Tội nhân chưa đụng vào cây thì thân đã chín rục nhưng không chết. Rừng ấy rộng ba ngàn do-tuần, khi tội nhân đến gần có trăm ngàn loại lửa khói chất độc, dao khiến tội nhân chịu khổ não lớn, nhưng vẫn không chết. Tội nhân đến rừng Đại kiếm lâm liền bị ngục tốt đánh dữ dội để đuổi họ vào rừng.

Người nào đứng dưới gốc cây thì bị mưa dao rưới xuống khắp nơi băm nát tất cả thân thể, gân mạch, xương tủy.

Lại có ngục tốt cầm dao, gông, bao vây rừng kiếm. Tội nhân chạy ra thấy liền trở vào. Tội nhân trong rừng kiếm sắt ấy rất sợ hãi khi thấy ngục tốt. Có người núp trong bóng cây, có người leo lên cây, có người bị bắt, bắt được tội nhân ngục tốt dùng dao chặt khiến có người rơi đầu. Đó là do quả báo của nghiệp bán rượu.

Người nào núp trong bóng cây thì bị chim thứu sắt mổ mắt uống máu.

Người nào núp trên cây thì bị té nhào xuống đất, thân bị đứt ra làm trăm ngàn đoạn. Đó là quả báo của nghiệp bán rượu.

Người nào không nương vào cây thì rơi vào sông tro nóng và bị tro cuốn trôi, xương rã nát.

Suốt vô lượng năm họ chịu khổ não lớn, ở đây chỉ nói một phần nhỏ nỗi khổ đó. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết họ mới thoát khỏi địa ngục đó. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì tâm tánh bất chánh, mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh tim, bệnh chỉ-la-ta, bệnh phù chân, bệnh mù mắt. Đó là do quả báo của nghiệp

ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Khiếu hoán xem còn nơi nào nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Ba tiêu yên lâm là vùng thứ mười ba thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy, nghe, biết người nào thích và thường sát sinh, trộm cướp, tà hạnh thì bị đọa vào ngục Ba tiêu yên lâm thuộc địa ngục Khiếu hoán. Nghiệp và quả báo đã nói ở trước. Nay nói về nghiệp rượu.

Người nào do tâm tham dục nên đem rượu lén bán cho phụ nữ trinh bạch uống, vì muốn cô ta say sưa không còn giữ gìn tiết hạnh, tâm rối loạn và mong làm việc phi pháp, thì do nghiệp ác đó, khi chết người này bị đọa vào ngục Ba tiêu yên lâm thuộc địa ngục Khiếu hoán, chịu khổ não lớn.

Nỗi khổ đó là địa ngục này dài rộng năm ngàn do-tuần, khói đầy trong đó, có lửa rất nóng mà lại tối om, trong lửa tối ấy có một khối sắt phát lửa dày ba cư-xa, chỉ toàn là than lửa, bị che kín không thấy gì cả. Tội nhân nhanh chóng chạy vào, chỗ lửa tối tăm ấy trùm lên tội nhân, không thể kêu la. Tất cả các căn của tội nhân đều đầy lửa. Đó là quả của nghiệp ác đưa rượu cho người uống.

Nếu thoát được nơi ấy thì bị khói ở rừng Ba tiêu ùa vào đầy các căn. Đã chịu khổ về khói rồi, họ nhớ lại cái khổ phải chịu về lửa lúc trước. Sức mạnh của khói rất dữ dội. Nếu thoát khỏi nơi đó thì bị chim sắt tên Yên-diệp-man mỏ rất bén mổ vỡ xương họ để uống tủy. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết họ mới thoát khỏi địa ngục đó. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì mắc bệnh đau ở hông, nghèo nàn, tuổi thọ ngắn. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Khiếu hoán xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có vùng khác tên Yên hỏa lâm là vùng thứ mười bốn thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

–Nhờ vào thấy nghe vị ấy biết người nào thích và thường sát sinh, trộm cướp, tà hạnh thì bị đọa vào ngục Yên hỏa lâm thuộc địa ngục Khiếu hoán. Nghiệp và quả báo đã nói ở trước. Nay nói về nghiệp rượu.

Người nào muốn cho kẻ thù suy yếu, khổ não nên đem rượu cho giặc hoặc quan uống để họ làm cho kẻ thù kia đau khổ, thì do nghiệp ác đó, khi chết người ấy bị đọa vào vùng Yên hỏa lâm thuộc địa ngục Khiếu hoán, chịu khổ não lớn, bị gió nóng như đao, như lửa thổi vào người, bị đánh đập

ở trên hư không, không được tự do, thân thể tan rã giống như nắm cát, sau đó sống trở lại. Suốt vô lượng năm như vậy, hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu tất cả các khổ như khổ về lửa và dao, khổ bị dao bén phanh thây, khổ vì bệnh, khổ về sắt và tro nóng. Suốt vô lượng năm, họ chịu nỗi khổ cùng cực nhất, dữ dội nhất và gấp rút nhất. Hễ nghiệp ác chưa hết là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết họ mới thoát khỏi địa ngục đó. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì trên cổ nhô lên ba cục u cao và thường bị gù lưng. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Khiếu hoán xem còn vùng nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có vùng khác tên Vân hỏa vụ là vùng thứ mười lăm thuộc địa ngục ấy.

Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này? Vị ấy thấy, nghe, biết người nào thích và thường sát sinh, trộm cướp, tà hạnh thì sinh vào ngục Vân hỏa vụ thuộc địa ngục Khiếu hoán. Nghiệp và quả báo đã nói ở trước. Nay nói về nghiệp rượu.

Nếu người nào đem rượu cho người giữ giới hoặc người ngoại đạo uống khiến họ say rồi đùa cợt, trêu chọc khiến họ hổ thẹn để vui đùa, thì do nghiệp ác ấy, khi chết người đó bị đọa vào ngục Vân hỏa vụ thuộc địa ngục Khiếu hoán, chịu khổ não lớn. Nỗi khổ đó là lửa tràn ngập trong địa ngục ấy, dày đến hai trăm khuỷu tay. Ngục tốt bắt tội nhân đi trong lửa khiến từ chân đến đầu đều tan chảy. Khi được đem ra khỏi lửa, họ liền sống trở lại. Do nghiệp ác, nơi ấy có gió lớn thổi khiến tội nhân như lá cây họp lại rồi bay tứ tung, xoay vần trong mười phương giống như quấn sợi dây. Tội nhân bị thiêu chưa kịp có tro thì đã sống trở lại. Suốt vô lượng năm, họ thường bị thiêu như vậy. Hễ nghiệp ác chưa hết là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết họ mới thoát khỏi địa ngục đó. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì người ấy sinh ở nước Diêm-ma-la, hoặc nước Bà-ly-ca. Do thường cõng người khác nên cổ thường sưng. Đó là quả báo còn sót lại của nghiệp ác về rượu.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Khiếu hoán xem còn vùng nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có vùng khác tên Phân biệt khổ là vùng thứ mười sáu thuộc địa ngục Khiếu hoán.

–Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy, nghe, biết người nào thích và thường sát sinh, trộm cướp, tà hạnh thì bị đọa vào ngục Phân biệt khổ thuộc địa ngục Khiếu hoán.

Nghiệp và quả báo đã nói ở trước. Nay nói về nghiệp rượu.

Có người muốn được việc nên đem rượu cho nô lệ hoặc người làm công uống để họ dốc sức lực ra làm việc, nếu đi săn thì có thể chạy nhanh và giết được nai. Do nghiệp ác ấy, khi chết người này bị đọa vào ngục Phân biệt khổ thuộc địa ngục Khiếu hoán, chịu khổ não lớn. Tội nhân chịu vô lượng loại khổ khác nhau, bị ngục tốt gây khổ não cùng cực, bị xô ngã, lăn lộn trăm ngàn ức lần. Nỗi khổ này khó chịu hơn tất cả những nỗi khổ nơi các địa ngục đã nói ở trước gấp bội.

Ngục tốt mới nói kệ trách tội nhân:

Do ba loại nghiệp ác
Thiêu đốt khắp chín chốn
Bốn mươi lần chịu khổ
Do nghiệp ác gây ra.
Rượu là gốc của ác
Bị chê, đọa địa ngục
Mất hết thảy các căn
Không có nhân lợi ích.
Nói nhiều, vui quá độ
Tăng tham, khiến người sợ
Tự khoe khoang nói láo
Và nói lời hai lưỡi.
Rượu làm rối loạn tâm
Khiến người giống như dê
Chẳng biết điều đáng làm
Do đó nên bỏ rượu.
Ai mà bị say rượu
Thì không khác người chết
Nếu muốn được sống mãi
Thì nên xả bỏ rượu.
Rượu là nơi gây họa
Thường không được lợi ích
Bắt thang cho việc ác
Là nơi chốn tối tăm.
Uống rượu đọa địa ngục
Hoặc đọa vào ngạ quỷ
Gây ra nghiệp súc sinh
Là do rượu lừa dối.
Rượu là độc trong độc

Địa ngục trong địa ngục
Bệnh nặng trong các bệnh
Bậc trí nói như vậy.
Rượu làm mất căn trí
Khiến diệt hết Pháp bảo
Rượu chính là bào thai
Sinh giặc phá phạm hạnh.
Uống rượu bị người khinh
Dù đó là vua quan
Huống gì là dân thường
Mà đùa giỡn với rượu.
Búa lớn của các pháp
Khiến người không hổ thẹn
Ai mà ham uống rượu
Sẽ bị mọi người khinh.
Không trí tuệ phương tiện
Thân miệng đều vô dụng
Không biết một thứ gì
Do rượu cướp mất tâm.
Người nào mà uống rượu
Không do đâu được vui
Mà lại hay nổi sân
Và thường làm việc ác.
Mờ mịt về Phật pháp
Hỏng cả đời lẫn đạo
Thiêu cháy đường giải thoát
Chính là do pháp rượu.
Người nào bỏ được rượu
Là người sống đúng pháp
Sẽ đến nơi bậc nhất
Nơi không sinh không tử.
Người xả bỏ việc lành
Là bị rượu lừa dối
Đọa vào địa ngục dữ
Còn than khóc làm gì.
Rượu mới uống tuy ngọt
Sau chịu khổ bậc nhất
Độc như kim-ba-ca

Bậc trí nói như vậy.
Người trí không ưa rượu
Nên rượu không hại được
Ngoài lạnh mà trong nóng
Rượu dẫn đến địa ngục.
Người nào gây nghiệp ác
Coi thường và vui vẻ
Chịu nỗi khổ lớn nhất
Người ngu sau hối hận.
Ý tham dục đáng ghét
Thường hay lừa dối người
Buộc vào đường sinh tử
Là nhân của địa ngục.
Người nào ưa thích dục
Người ấy khổ vô cùng
Bị tham dục cắn xé
Không thể được an vui.
Người vốn thích dục lạc
Đến chốn địa ngục này
Chịu khổ não cùng cực
Nay sao lại hối tiếc?
Xưa ngươi gây nghiệp ác
Bị tham dục lừa dối
Sao không hối lúc ấy
Nay hối tiếc sao kịp!
Gây ra nghiệp sâu dày
Nay gặp quả báo ác
Nếu xưa không làm ác
Thì nay đâu có khổ.
Nghiệp ác sinh quả ác
Người làm ác tự chịu
Ác không hại người lành
Vì vậy nên bỏ ác.
Người nào xả bỏ ác
Thì không còn lo sợ
Chính mình làm mình chịu
Chẳng phải do người khác.

Quở trách tội nhân xong, ngục tốt lại tạo ra vô lượng loại khổ não.

Hễ nghiệp ác chưa hết là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết họ mới thoát được địa ngục đó. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì thân thể khô gầy, thường hay sân hận, khó dạy bảo. Đó là quả báo còn sót lại của nghiệp ác.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Khiếu hoán thì không còn thấy thêm nơi nào khác nữa. Địa ngục chỉ có mười sáu vùng như vậy. Địa ngục này có đầy đủ tất cả sự khổ não, mà tội nhân ở các địa ngục Hoạt, Hắc thằng, Hợp phải chịu. Ngoài ra, nỗi khổ nơi địa ngục này lớn gấp mười so với tất cả khổ não mà tội nhân nơi những địa ngục kia phải chịu, vì tội nhân ở đây gây nghiệp ác nặng nề hơn tội nhân ở các địa ngục trước. Nghiệp ác đó là sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, cho người trì giới uống rượu. Tội nhân ở địa ngục này chịu đủ loại quả báo sâu dày, thọ mạng cứ kéo dài.

Quan sát và tư duy về bốn loại nghiệp ác và quả báo khổ não rồi, Tỳ-kheo ấy càng chán đường sinh tử gấp mười lần.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, thuận theo chánh pháp, quan sát pháp hành. Đã quan sát về địa ngục rồi, Tỳ-kheo ấy càng thêm sợ đường sinh tử và chứng đắc Địa thứ mười.

Biết điều ấy, Dạ-xoa nơi đất hoan hỷ nói với Dạ-xoa nơi hư không, như đã nói ở trước. Họ tâu lần lượt như vậy cho đến trời Phạm chúng, trời Phạm phụ và trời Đại phạm. Nghe xong, các vị Phạm thiên vui vẻ nói với nhau: "Ma sinh tử đã giảm bớt, chánh pháp tăng thêm".

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát về các địa ngục lớn khác. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có địa ngục tên Đại khiếu hoán.

Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh trong địa ngục ấy? Vị ấy thấy, nghe, biết người nào thích và thường sát sinh, trộm cướp, tà hạnh uống rượu, vọng ngữ thì sinh vào địa ngục Đại khiếu hoán. Nghiệp và quả báo của sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu đã nói ở trước. Nay nói về vọng ngữ. Nó là thứ gây ra đầy đủ việc ác độc nhất, bị tất cả những người hiền thiện khinh ghét, là cửa ngõ của tất cả đường ác.

Nghiệp đó là có người hoặc vua, hoặc đại thần, hoặc quân lính tự cho là trung thực làm nhân chứng cho hai người kiện tụng nhau, bảo: "Tôi biết việc ấy, tôi đã lường xét, việc ấy đúng như vậy. Sau khi hai người kiện tụng nhau nói xong, người làm chứng nói không đúng sự thật mà mình biết, để được của cải, hoặc vì bạn bè, hoặc do dục nhiễm, họ bị sự lừa dối làm hại như đã nói ở trước."

Người làm chứng này nghĩ: "Lúc trước, người kia nói như vậy, nay ta nói khác đi, tức là nói láo. Nói láo như vậy mắc tội gì? Người ấy cho nói láo không có tội và nghĩ: "Ta không có tội".

Vì người ấy nói sai với sự thật nên trong hai người kia có một người mắc tội vọng ngữ và bị phạt theo pháp luật đương thời, hoặc bị xử tử, hoặc sợ hãi mà chết, hoặc bị đánh đập, hoặc là bị tịch thu nhà cửa.

Do nghiệp ác nói láo, khi chết người ấy bị đọa vào địa ngục Đại khiếu hoán, có thọ mạng rất lâu. Thọ mạng ấy lấy gì để so lường. Như tuổi thọ của trời Hóa lạc là tám ngàn năm. Một ngày một đêm ở cõi trời ấy là tám ngàn năm ở cõi người. Ở nơi đó ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Vậy mà tám ngàn năm ở cõi trời ấy thì ở địa ngục này chỉ mới là một ngày đêm.

Địa ngục Đại khiếu hoán ấy là nơi của người gây nghiệp ác nói láo. Do lừa dối cả mình lẫn người nên họ hủy hoại hết thảy căn lành. Họ như bóng mờ ám lớn không được mọi người tin tưởng.

Người hiền thiện thì không nói láo, tất cả các bậc Thánh nhân, Thanh văn, Duyên giác, Chánh Biến Tri đều quở trách người nói láo. Nó không tương ưng với cả đường thế gian lẫn xuất thế gian. Nó là búa lớn chặt gãy tất cả cầu thiện căn, thường làm rối trí người khác như là xác chết thúi, hư rã, không chắc chắn, như là chất độc. Nó là nhân duyên của đường ác sinh tử ở thế gian, làm cho miệng hôi thối giống như phân, thường sinh lưới khổ không đáng ưa thích, là địa ngục lớn rất đáng sợ.

Lúc sắp chết, người ấy rất sợ ngục tốt và bị lệ thuộc vào cảnh giới. Nói láo là tên giặc lớn khiến ta đọa vào cõi ngạ quỷ, súc sinh, bị nghèo thiếu, khiến ta bị đọa vào địa ngục đáng sợ, hoặc làm súc sinh ăn nuốt lẫn nhau, gieo hạt giống sinh tử từ vô thỉ đến nay. Do quả báo của việc nói láo nên họ sinh ở xứ ấy.

Địa ngục này có mười tám khu lần lượt có các tên:

1. Hống hống.
2. Thọ khổ vô số lượng.
3. Thọ kiên khổ não bất khả nhẫn nại.
4. Tùy ý áp.
5. Nhất thiết ám.
6. Nhân ám yên.
7. Như phi trùng đọa.
8. Tử hoạt đẳng.

9. Dị dị chuyển.

10. Mất hy vọng.

11. Song bức não.

12. Điệt tương áp.

13. Kim cang chủy ô.

14. Hỏa man.

15. Thọ phong khổ.

16. Thọ vô biên khổ.

17. Huyết tủy thực.

18. Thập nhất viêm.

Đó là mười tám nơi khác nhau thuộc địa ngục Đại khiếu hoán.

Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh vào nơi đó? Ai thích và thường tạo nghiệp ác cùng khắp thì bị đọa vào địa ngục Đại khiếu hoán, chịu khổ não lớn ở trong địa ngục rất đáng sợ.

Nỗi khổ đó là lưỡi họ dài ba cư-xa, mềm mại như cánh sen, thè ra khỏi miệng. Ngục tốt cầm cày sắt nóng phát lửa cày thành đường và đem nước đồng sôi màu đỏ thẫm tưới lên lưỡi.

Trong lưỡi sinh ra trùng có miệng phát lửa ăn trở lại lưỡi. Do nghiệp lực, lưỡi của người nói láo chịu khổ lớn, không thể rút vào miệng.

Trong miệng tội nhân ấy có trùng tên Đối nhổ răng họ, có gió phân chia lợi răng và nghiền nát như cát, có gió đao bén cắt rạch cổ họng, có trùng sắt mỏ lửa ăn nuốt tim họ. Địa ngục Đại khiếu hoán thiêu đốt dữ dội thân của người nói láo. Do nghiệp ác, trong thân sinh trùng, trở lại ăn thân, thân trùng bốc lửa.

Tội nhân bị trùng ăn bên trong thân, chịu bệnh khổ nguy cấp, chịu hai loại khổ não trong ngoài như vậy.

Ngục tốt lại cho tội nhân chịu đủ loại khổ não như lấy móc sắt móc gân, mạch, xương, tủy, phá tan nát hết tất cả các bộ phận của thân. Tội nhân lại chịu các khổ não khác là bị rìu búa chặt bằm tất cả các bộ phận của thân, kể cả xương.

Người nói láo ấy bảo:

–Không dựa vào tất cả cầu pháp mà hành. Đó là cửa ngõ của tất cả những điều không lợi ích, chính là mưa đá dội xuống đồng lúa tốt tươi, là cửa ngõ của tất cả đường ác, cũng là kho chứa tất cả khổ não. Người ấy bị tất cả chúng sinh nghi ngờ, tất cả Thánh nhân lìa bỏ như phẩn, bị các vị

Phật Thế Tôn, Thanh văn, Duyên giác, A-la-hán xả bỏ như xả bỏ chất độc. Nếu đi trên đường thế gian và xuất thế gian thì họ giống như bóng tối lớn, không được người yêu thích. Đó chính là nhân duyên thứ nhất của địa ngục. Nó gây đủ việc xấu như vậy.

Như đã nói, đang nói và sẽ nói, nghiệp nhân nào thì tương ưng với quả báo nấy. Ngục Đại khiếu hoán ấy lại có lửa thiêu tội nhân như thiêu đầu, có cưa sắt phát lửa cưa xẻ thân thể khiến thân tâm khổ não, bị lửa lớn trong địa ngục thiêu đốt. Người nào thấy cảnh ấy đều rất thương xót.

Họ còn mắc các bệnh nặng đến nỗi không biết gọi là bệnh gì. Người mắc bệnh này bị đau khổ cùng cực.

Hai loại khổ như đã nói bao gồm vô lượng khổ não. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết họ mới thoát được địa ngục đó. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì nghèo khổ, tuổi thọ ngắn, loạn trí, bán nam bán nữ, bị tất cả khinh ghét, mọi người không tin tưởng. Đó là quả báo còn sót lại của nghiệp sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, nói dối, uống rượu.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Người nào mắc một lỗi
Là nói láo như vậy
Phá hỏng đời vị lai
Tạo hết thảy việc ác.
Chớ có nói vọng ngữ
Nhân của tất cả ác
Trói buộc trong sinh tử
Không thể thấy đường lành.
Không lợi ích hai đời
Bị tất cả ghét bỏ
Người vọng ngữ hay khiến
Hết thảy pháp trống rỗng.
Con người vừa sinh ra
Miệng đã sẵn búa lớn
Có thể tự chặt mình
Đó là nói vọng ngữ.
Cờ của hết thảy ác
Dây trói buộc ác độc
Nơi cất chứa ngu tối

Đó là nói vọng ngữ.
Người nào không nói thật
Những người lành đều lánh
Đời này giống như cỏ
Sau bị thiêu nơi ác.
Người mạnh chớ nói láo
Nói láo là rất xấu
Hơi hôi hám trong miệng
Về sau sẽ hối tiếc.
Ai bỏ lời chân thật
Người ấy không đắc pháp
Người lìa pháp như vậy
Cuộc sống khổ vô cùng.
Nói thật là đèn pháp
Báu vật của người lành
Thù thắng trong cõi trời
Xa lìa sự nóng bức.
Nói thật được sinh Thiên
Nói thật được giải thoát
Người nào mà nói láo
Thì không khác gì chó.
Người nào không nói thật
Tiểu nhân trong tiểu nhân
Nói thật, thềm thang pháp
Sáng nhất trong tự sáng.
Nói thật là giải thoát
Của cải trong của cải
Sự giúp đỡ bậc nhất
Bậc trí nói như vậy.
Sáng nhất trong ánh sáng
Là đôi mắt tinh nhất
Không của mà vẫn giàu
Xinh đẹp vào bậc nhất.
Nói thật kho tàng lớn
Vua không thể chiếm đoạt
Người nào chuyên nói thật
Đi con đường bậc nhất.
Người trang điểm đủ cách

Xinh đẹp cũng không bằng
Người nào thường nói thật
Xinh đẹp như chư Thiên.
Cha mẹ và tài sản
Bạn bè và bà con
Không cứu giúp đời sau
Nói thật thì cứu được.
Thánh nhân bảo vọng ngữ
Là lửa lớn trong lửa
Chất độc nhất trong độc
Là thềm thang đường ác.
Vọng ngữ thiêu đốt người
Là sự thiêu lớn nhất
Như chất độc, như lửa
Vậy nên bỏ vọng ngữ.
Hết thảy ác như vậy
Cẩn thận đừng nói láo
Tất cả điều đáng sợ
Đó chính là vọng ngữ.

Tỳ-kheo ấy quan sát kỹ nghiệp quả của vọng ngữ, quan sát công đức của việc nói thật, quan sát nghiệp lành, dữ. Quan sát địa ngục Đại khiếu hoán, vị ấy thấy có một vùng tên Hống hống là vùng thứ nhất thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi ấy?

–Vị ấy thấy, nghe, biết người nào sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu thì sinh ở nơi ấy. Nghiệp và quả báo đã nói ở trước.

Còn vọng ngữ là: "Khi bà con, bè bạn có việc kiện tụng với người khác, người ấy nói dối để bênh vực họ, sau đó không sám hối, không chừa bỏ". Do nghiệp ác ấy, khi chết người này bị đọa vào ngục Hống hống thuộc địa ngục Đại khiếu hoán, chịu khổ não lớn.

Nỗi khổ đó là: Do lưỡi nói láo nên lưỡi chịu hình phạt, bị ngục tốt dùng dao sắt bén đâm thủng dưới cằm kéo lưỡi ra, dùng nước bùn dơ bôi lên lưỡi, trong miệng bốc lửa làm lưỡi bị thối rửa, có loài trung đen miệng bốc lửa ăn lưỡi khiến thân chịu khổ lớn.

Trong đời trước gây ra nghiệp gì thì nay phải chịu khổ não tương ưng với nó ở trong địa ngục. Đến khi nghiệp vọng ngữ hết thì họ mới thoát khỏi địa ngục Đại khiếu hoán. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không

sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp thì nghèo khổ, điên dại, loạn tâm, tuổi thọ ngắn, các căn không đầy đủ, bị người đời khinh chê, thường gặp sự tổn hại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Đại khiếu hoán xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Thọ khổ vô số lượng là vùng thứ hai thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy, nghe, biết người làm và tích tụ nghiệp sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu thì bị đọa vào ngục Thọ khổ vô số lượng thuộc địa ngục Đại khiếu hoán. Nghiệp và quả báo của chúng đã nói ở trước. Nay nói về vọng ngữ. Người nào vì tham dục hoặc vì sân hận, hoặc vì người khác sai khiến nên nói láo như vầy:

–Người ấy là bạn thân nhất của tôi, là người tôi yêu mến, nếu ông yêu tôi thì người ấy là bạn tôi, có thể giúp tôi gây tai họa cho kẻ thù của ông.

Người nói láo như vậy khi chết sẽ bị đọa vào ngục Thọ khổ vô số lượng thuộc địa ngục Đại khiếu hoán, chịu khổ não lớn như đã nói ở trước.

Tất cả các khổ mà tội nhân ở các địa ngục trước như địa ngục Hoạt… phải chịu, thì ở địa ngục này đều có đầy đủ. Vì sao? Vì nghiệp nặng nên khổ não cũng nặng. Nghiệp và quả báo như vậy nên họ chịu khổ không dứt. Nghiệp và phiền não khiến ta lưu chuyển trong đường sinh tử không có biên vực giống như là xoay cái vòng. Hết thảy nghiệp ác do nhân duyên khác nhau thì chịu quả báo khác nhau, gây đủ loại nghiệp ác, chịu đủ loại quả khổ đều là do vọng ngữ.

Vọng ngữ có thể cắt đứt trụ cột thiện căn. Do nhân duyên đó, ngục ấy tên là Thọ khổ không có số lượng. Các khổ ấy không thể kể hết, không thể ví dụ. Tất cả tội nhân trong địa ngục Đại khiếu hoán chịu khổ não dữ dội như là bị sinh trùng, bị đói khát, bị nạn lửa lớn, bị thất vọng, bị bất an, bị tối tăm, phải gặp người mình không thích, phải tiếp xúc với sắc, thanh, hương, vị, xúc đáng ghét, phải gặp kẻ thù cũ, bị đao sắt cắt, phải lội qua sông tro, bị móc sắt cấu xé, bị rớt từ bờ hiểm, bị lửa dữ thiêu, bị nhổ cỏ. Nhổ cỏ vì sao lại khổ? Đó là bị chặt, đánh, gây ra vết thương rồi đem cỏ trồng trên vết thương, đợi đến khi cỏ bén rễ rồi nhổ lên. Ngoài ra còn có các khổ như bị kim cang ép mài cho nát, bị lửa bao vây thiêu nướng, chịu khổ não vô cùng.

Sau đó họ bị đọa vào nơi rất nguy hiểm tương ưng với địa ngục ấy để chịu khổ.

Hễ nghiệp ác nói láo chưa hết thì người nói láo ấy chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết họ mới thoát được địa ngục đó. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì thường bệnh hoặc đau cổ, hoặc lở miệng, nghèo thiếu, khổ sở, thường đi theo người giàu có hay bố thí để xin, nhưng không xin được gì. Mọi người đều biết và nói: "Người là kẻ nói láo nên tôi không cho" và người ấy bị bệnh nặng mà chết. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 9

Phẩm 3: Địa ngục (Phần 5)

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Đại khiếu hoán xem còn vùng nào khác nữa. Vị ấy thấy nghe, biết còn vùng khác tên "Thọ khổ não kiên cố không thể nào chịu nổi" là vùng thứ ba thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở vùng này?

–Vị ấy thấy, nghe, biết người nào thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu thì bị đọa vào ngục "Thọ khổ não kiên cố không thể nào chịu nổi" thuộc địa ngục Đại khiếu hoán. Nghiệp và quả báo đã nói ở trước. Nay nói về vọng ngữ.

Vọng ngữ là: Mượn lệnh của vua, quan, hoặc vì người khác hay chính mình mà nói láo, hoặc nói láo để được của cải, để khỏi lo sợ, hoặc làm chứng cho người một cách hư dối, hoặc nói láo để mưu sinh, do nghiệp ác ấy, khi chết, người này bị đọa vào ngục "Thọ khổ não kiên cố không thể nào chịu nổi" thuộc địa ngục Đại khiếu hoán, chịu khổ não lớn. Nỗi khổ đó là: Do nghiệp ác, thân sinh ra rắn bò khắp trong thân, rút gân tội nhân, ăn hết các bộ phận của thân như lá lách, ruột… chúng bò lổm ngổm nơi thân. Tội nhân ở ngục ấy chịu nỗi khổ do rắn và chất độc gây ra còn khó chịu hơn nỗi khổ về lửa. Nỗi khổ ấy không có giới hạn, không thể chịu đựng, không thể nói đủ. Vậy mà tội nhân lại không chết và chịu khổ cùng cực trong mọi lúc. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi nơi ấy. Nếu trong quá khứ có nghiệp lành đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì khi vừa thọ thai người mẹ liền đau bệnh, từ lúc thọ thai đến lúc sinh, bệnh người mẹ không hề thuyên giảm, khi vừa sinh ra, người ấy đã mang bệnh, tất cả thầy thuốc không thể chữa trị. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Đại khiếu hoán xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên

Tùy ý áp là vùng thứ tư thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy, nghe, biết người nào thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói láo nên bị đọa vào ngục Tùy ý áp thuộc địa ngục Đại khiếu hoán. Nghiệp và quả báo của việc sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu đã nói ở trước. Nay nói về vọng ngữ. Có người biết ruộng đất của người khác nhưng tìm cách chiếm đoạt, đến lúc tranh cãi thì nói láo, nói quanh co, nói không ngay thẳng để cướp đoạt ruộng đất của người. Người ấy dùng lý lẽ đàn áp người kia để giành phần thắng. Do nghiệp ác ấy, khi chết người đó bị đọa vào ngục Tùy ý áp thuộc địa ngục Đại khiếu hoán chịu khổ bị ép. Nỗi khổ đó đã nói ở trước. Tất cả những nỗi khổ ở các địa ngục trước đều có ở địa ngục này. Thấy địa ngục này, tất cả các tội nhân ở những địa ngục trước thảy đều chỉ mà nói "ấy là địa ngục".

Nỗi khổ ở đây là: Có hai túi thổi lửa bằng sắt, bên trong đựng đầy gió. Ngục tốt bỏ tội nhân vào lò lửa như là bỏ sắt, rồi dùng túi thổi mạnh, sau đó chúng dùng kềm gắp tội nhân bỏ lên đe sắt và dùng chày sắt nện. Nện rồi lại bỏ vào lò, dùng hai túi sắt thổi tiếp như trước. Do nghiệp ác, lửa dữ bùng cháy, ngục tốt càng thổi mạnh, rồi lấy kềm gắp họ ra đặt trên đe, dùng chùy sắt nện hết sứt và liên tục, vậy mà tội nhân vẫn không chết. Ngục tốt gắp họ bỏ vào vạc nước sôi cho họ chết đứng trong đó. Tội nhân chịu nỗi khổ không dứt như vậy. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì thường khát, hay sân hận, không được người khác tin tưởng. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Đại khiếu hoán xem còn vùng nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có vùng khác tên Nhất thiết ám là vùng thứ năm thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu và nói láo nên bị đọa vào ngục Nhất thiết ám thuộc địa ngục Đại khiếu hoán. Nghiệp và quả báo của việc sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu đã nói ở trước. Còn vọng ngữ là: Có người gian dâm với phụ nữ của người khác, nhưng nói dối với mọi người hoặc với vua là không có xâm phạm người phụ nữ ấy, khiến gia đình người phụ nữ đó bị phạt oan. Do nghiệp ác ấy, khi chết người đó bị đọa vào ngục Nhất thiết ám thuộc địa ngục Đại khiếu hoán chịu khổ não lớn, chẻ đầu kéo lưỡi ra rồi lấy dao cắt,

cắt xong, lưỡi mọc trở lại, ngục tốt lại dùng dao lửa cắt lưỡi khiến tội nhân rất đau đớn. Trải qua vô lượng năm, hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì mắt mù, tai điếc, thường đi ăn xin ở đầu đường, xó chợ, người ấy nhận người ăn xin như vậy làm cha mẹ, tuổi thọ ngắn, không có vợ con. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Đại khiếu hoán xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết lại có nơi khác tên Nhân ám yên là vùng thứ sáu thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy biết người nào thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu và nói dối thì bị đọa vào ngục Nhân ám yên thuộc địa ngục Đại khiếu hoán. Nghiệp và quả báo của việc sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu đã nói ở trước. Nay nói về vọng ngữ. Có người hùn vốn, đốt hương cam kết và thề hẹn với người khác để làm ăn sinh sống. Người ấy làm ăn ở nơi khác kiếm được nhiều của cải nhưng nói dối là không kiếm được gì và không chia cho người kia. Như vậy người ấy là tên giặc ăn cướp của cải của người khác. Do nghiệp ác đó, khi chết người ấy bị đọa vào ngục Nhân ám yên thuộc địa ngục Đại khiếu hoán chịu khổ não lớn. Nỗi khổ đó đã nói ở trước.

Tất cả những nỗi khổ mà các địa ngục trước phải chịu đều có ở địa ngục này. Ngoài ra, địa ngục này còn có nỗi khổ ghê gớm hơn đó là tất cả các bộ phận của thân đều bị cắt hết, cắt xong, các bộ phận ấy sinh trở lại và tiếp tục bị cắt ngay khi còn non yếu. Cứ như thế, các bộ phận ấy bị cắt rồi sinh trở lại, rồi bị cắt tiếp. Đó là quả báo khổ sở của nghiệp ác. Tất cả thịt rã hết chỉ còn trơ xương.

Trong thân họ sinh trùng có mỏ bằng kim cang, thân bốc lửa, có đủ màu sắc, trùng ấy ăn thân họ. Chịu đủ loại khổ, họ kêu la rất to. Họ chịu khổ như vậy suốt vô lượng năm. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Nếu trong quá khứ có nghiệp lành đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì toàn thân đều lở lói, hôi thối, trên đầu sinh loại trùng ẩm ướt, thường không có quần áo, nghèo thiếu khốn khổ, giả sử có chút ít đồ đạc thì đều là đồ vá, có nói gì ra đều không được ai tin, không được người yêu mến, không biết làm ăn. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Đại khiếu hoán xem còn vùng nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có vùng khác tên Như phi trùng đọa là vùng thứ bảy thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói láo nên rơi vào ngục Như phi trùng đọa thuộc địa ngục Đại khiếu hoán. Nghiệp và quả báo của việc sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu đã nói ở trước. Nay nói về vọng ngữ. Có người lấy vật của chúng Tăng như là lúa hoặc y đem đi mua bán, mua rẻ bán mắc kiếm được lời, không đưa cho chúng Tăng và nói dối với chúng Tăng là không có lời. Do tâm tham người ấy nói dối là: Tôi chỉ thu được chừng này chớ không có gì khác. Việc mua bán của tôi chỉ được bao nhiêu đó thôi. Vì tham nên người ngu si ấy đã nói láo để kiếm sống. Do nghiệp ác ấy, khi chết người đó bị đọa vào ngục Như phi trùng đọa thuộc địa ngục Đại khiếu hoán chịu khổ não lớn, bị chó sắt cắn xé bụng rồi ăn ruột, ăn lưng, bị ngục tốt cầm búa rìu bốc lửa hừng hực róc thịt trên thân, bỏ lên cân cân rồi đem cho chó ăn.

Ngục tốt lại dùng búa rìa rất bén chặt xương, lấy tủy cho chó ăn, dùng móc sắt phát lửa móc rách bên dưới cằm, rồi dùng kềm sắt phát lửa rứt dứt lưỡi ra. Tội nhân bị xua đuổi đứng dậy và bị móc sắt bốc lửa móc thân thể khiến thịt đều bị rách nát, bị rút gân, tất cả các bộ phận trên thân đều bị móc.

Người gây nghiệp ác nói láo tự tạo nghiệp ác, tự chịu quả báo như vậy.

Khi được thoát khỏi cảnh khổ ấy, người mắc tội vọng ngữ lại bị ngục tốt dắt vào nơi có lửa lớn đầy khắp. Như con thiêu thân, tội nhân thường bị thiêu, thiêu rồi sống trở lại, sống rồi lại bị thiêu, suốt vô lượng năm như vậy. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì sinh trong gia đình nghèo khổ, hạ tiện, vừa sinh liền bị đốt, giả sử có nhiều người bảo vệ kỹ lưỡng thì họ vẫn bị thiêu. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Đại khiếu hoán xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Tử hoạt đẳng là vùng thứ tám thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy, nghe, biết có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu và nói dối nên bị đọa vào ngục Tử hoạt đẳng thuộc địa

ngục Đại khiếu hoán. Như đã nói ở trước, tất cả các khổ não mà những địa ngục trước có thì địa ngục này đều có đủ. Ngoài ra, ở đây còn có khổ não khác, tội nhân bị ngục tốt dùng gậy đập chết, vừa rút gậy lên liền sống trở lại. Suốt vô lượng năm, họ chết rồi sống lại, sống rồi lại chết, họ bị như vậy là do nghiệp ác.

Được thoát nỗi khổ ấy rồi, họ thấy rừng hoa sen và vội vàng chạy đến để mong được cứu giúp, che chở.

Họ thấy trong ấy đầy hoa xanh. Do nghiệp ác gì họ mắc quả báo này? Đó là có người chẳng phải người xuất gia nhưng để ăn cướp bèn mặc y phục của người xuất gia. Có nhiều người muốn đi vào vùng hoang vắng gặp người ấy và hỏi: "Nơi hoang vắng đó có cướp không?".

Người ấy biết là có cướp, nhưng đáp là không có. Những người kia đến đó và bị giặc cướp đoạt hết của cải.

Do nghiệp nói dối và người kia tin như vậy nên họ chịu quả báo tương ưng với nghiệp thấy hoa sen phát ánh sáng xanh thật ra là lửa. Ngục tốt bắt tội nhân trói trong hoa sen rồi lấy lửa đốt. Do không có chân nên họ không xuống được. Vì nghiệp ác nên tội nhân không có tay, chân, mắt. Suốt vô lượng năm, tội nhân thường bị thiêu nấu trong hoa sen đầy lửa, chết rồi sống trở lại. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì nói năng không dựa vào đạo lý, chỉ nói quanh co theo ý nghĩa của chính mình, giả sử được của cải thì bị vua tịch thu, bắt bỏ vào ngục cho đến chết. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Đại khiếu hoán xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Dị dị chuyển là vùng thứ chín thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy, nghe, biết có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu và nói láo nên bị đọa vào ngục Dị dị chuyển thuộc địa ngục Đại khiếu hoán. Nghiệp và quả báo của việc sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu đã nói ở trước. Còn vọng ngữ là gì?

Có người nói láo, nịnh hót quanh co để khiến người khác thắng hoặc thua, được lợi ích hoặc bị suy kém, được sống hoặc bị chết… Hoặc là có người làm thầy bói, giỏi việc coi bói, bói việc chi cũng đúng? Hoặc là có người có đức, thường nói lời chân thật được người đời tin tưởng. Đến một lúc nọ có người hỏi về một việc gì đó, người này mới nghĩ rằng: "Ta không

nói láo, mọi người đều biết và đều tin, nay ta nói láo chắc mọi người đều cho là thật".

Nghĩ như vậy rồi, họ liền nói láo khiến cho cả đất nước đều bị mất mát. Nếu người cầm đầu chết thì kẻ thù của họ sẽ cướp đoạt lẫn nhau, lấy hết của cải. Tuy nói láo mà người ấy được mọi người tin. Người ấy bề ngoài có vẻ chân chánh nhưng thật ra là kẻ cướp. Do nghiệp ác ấy, khi chết người đó bị đọa vào ngục Dị dị chuyển thuộc địa ngục Đại khiếu hoán, chịu khổ não lớn. Nỗi khổ đó là: Ở địa ngục ấy, từ đằng xa tội nhân thấy cha mẹ, tôi tớ, bạn bè anh em kết nghĩa là những người họ đã gặp trước kia và được những người ấy an ủi vỗ về. Nghe lời thân ái, tội nhân vội chạy mau lại mong được cứu giúp, che chở, nhưng thành ra chạy đến nơi khác, rơi vào sông tro như đá rơi xuống nước, chìm xuống rồi lại trồi lên, toàn thân chịu khổ não lớn, kêu gào thật to. Tội nhân lại thấy cha mẹ, vợ con, anh em kết nghĩa nên vội vàng chạy lại. Do có nghiệp ác, đường đi sinh ra móc sắt, móc thân thể của họ. Khi đến nơi lại bị ngục tốt bắt và dùng cưa sắt phát lửa cưa xẻ thân họ như là cưa gỗ. Thoát được nơi ấy thì tội nhân chỉ còn trơ xương, tất cả các bộ phận của thân đều bị rách nát.

Khi chạy đến nơi khác, tội nhân lại bị ngục tốt bắt bỏ vào bánh xe đao bằng sắt phát lửa. Do nghiệp ác bánh xe sắt đó được gắn đầy đao bén ở cả trên lẫn dưới, bánh xe ấy quay nhanh, lửa ngọn bùng cháy mài xát người mang nghiệp nói láo nát như cám, nát rồi họ sống trở lại. Khi thoát khỏi bánh xe đao ấy, tội nhân lại thấy cha mẹ, vợ con, bạn bè kết nghĩa nên vội vàng chạy lại để mong được cứu giúp, che chở. Trong khi họ chạy, trên đường cái sinh ra nhiều móc sắt phát lửa, có con sư tử hung dữ do nghiệp ác sinh ra, bắt tội nhân đặt giữa hai hàm răng trong miệng. Ngục tốt dùng móc sắt phát lửa móc tội nhân ra, ra rồi, họ nhớ lại và chạy tiếp khiến đôi chân bị rách nát, lửa cháy dữ dội làm toàn thân không dừng. Khắp thân họ đều có mụt nhọt, xương, mạch đều rã hết. Đó là quả báo tương ưng với nghiệp vọng ngữ.

Người ấy tự xưng: "Ta là người nói thật" mà lại nói láo với tâm quanh co nịnh hót, làm sai lệch và vu khống lời của người khác. Thấy cha mẹ, vợ con, anh em kết nghĩa nhưng người nói láo ấy bị khổ não cùng cực. Suốt vô lượng năm, họ thường bị thiêu, nấu, xẻ, đánh như vậy. Hễ nghiệp ác chưa hết là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì nghèo khổ hạ tiện, các căn thiếu hụt, thường đau ốm, mọi người đều

ghét, ganh và không tin tưởng, mọi thứ đều dơ bẩn, làm việc gì cũng đều thất bại, cầu mong gì cũng không được. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Đại khiếu hoán xem còn vùng nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có vùng khác tên Mất hy vọng là vùng thứ mười thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy, nghe, biết có người nào thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu và nói láo thì bị đọa vào ngục Mất hy vọng thuộc địa ngục Đại khiếu hoán. Nghiệp và quả báo của việc sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu đã nói ở trước. Nay nói về vọng ngữ.

Người nào đối với người đau khổ, người bệnh, người đói khát, nghèo khổ, cô độc, hạ tiện, ngu si, cùng khốn, không có lúa gạo, đồ nấu ăn, đồ ăn uống, y phục, giường nằm, nhà ở, hoặc họ xin hoặc không xin, người ấy hứa cho mà cuối cùng không cho, khiến người kia thường chờ mong trong thời gian dài, thì do nghiệp ác ấy, khi chết người đó bị đọa vào ngục Mất hy vọng thuộc địa ngục kia chịu khổ não lớn.

Vì nghiệp ác trước kia hứa cho người khác thức ăn mà không cho, nên người ấy thấy trong địa ngục có đủ loại thức ăn chính hoặc thức ăn phụ ngon lành, đặt ở nơi rất xinh đẹp. Quá đói khát, người ấy chạy vội đến chỗ để thức ăn. Từ xa, họ thấy thức ăn ấy rất là ngon lành, đáng ưa, rất sạch sẽ, nhưng khi đến nơi thì chỉ thấy nước sắt sôi bốc lửa hừng hực. Do nghiệp ác, trong lúc họ chạy đến nơi ấy, móc sắt nổi lên đầy đường móc lấy thân thể, cho đến khi họ chạy tới nơi. Đến nơi ấy rồi, thức ăn mà họ thấy đều là nước sắt sôi, bốc lửa phừng phực, hôi thối và có màu xấu xí. Đó là do nghiệp ác nói láo của họ gây ra.

Khi đến gần và thấy vậy, họ liền bị rơi vào trong ấy, nếu ngửi phải hơi ấy, mũi liền bị thiêu và rơi xuống, nếu thân đụng vào nước ấy thì toàn thân đều bốc cháy như con thiêu thân. Nước sắt sôi lần lượt thiêu các bộ phận như môi, cổ họng, tim, lá lách, ruột, sinh tạng, thục tạng rồi đi ra ngoài theo đường phía dưới.

Người nào hứa cho người khác quần áo, tọa cụ, ngọa cụ, nhưng sau đó không cho thì người nói láo ấy bị nóng lạnh công kích chịu khổ não lớn không ai cứu giúp, phải ngồi trên giường bằng đồng nóng khiến toàn thân đều tan chảy, tan rồi lại bị đốt nóng. Sau đó tội nhân sống trở lại.

Người nào hứa cho người khác nhà ở mà không cho thì do nghiệp nói láo đó bị đặt vào trong vạc hoan hỷ, vạc tùy hỷ rộng năm mươi do-tuần,

chứa đầy nước sắt sôi. Tội nhân đầu bị chúc ngược xuống đất, khi đã vào trong vạc thì bị chín rục từ trên xuống dưới, phần nào chưa chín thì chìm, phần nào chín rồi thì nổi, phần đã nổi lên lại chìm xuống dưới. Khi đã chín rục rồi, thịt trên toàn thân đều bị tróc, gân da xương đều rã rời, tất cả các bộ phận đều bị hao mòn.

Vạc ấy rất tối, bên trong chứa đầy nước sắt sôi đốt thân tội nhân khiến họ kêu gào la khóc. Sau khi bị nấu, tội nhân vào vạc khác và lại bị nấu chín, chín rồi thì nổi lên và đi ra. Quá trình thiêu nấu xảy ra trong vạc này cũng giống như ở vạc đầu tiên, tội nhân lên xuống, ra vào, lúc hợp, lúc tan.

Lúc bị bỏ vào vạc, tội nhân phải tiếp xúc với nhiệt độ rất nóng, khiến họ nhào lộn trăm ngàn lần, thân thể bị chia thành trăm ngàn khúc, rồi sống trở lại và cùng các tội nhân khác tiếp xúc với nhiệt độ rất nóng, khiến họ nhào lộn trăm ngàn lần, thân thể bị chia thành trăm ngàn đoạn. Do nghiệp ác nói dối trói buộc, nên họ chịu khổ trong mọi lúc. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì bị làm nô lệ cho người mà đời trước họ đã lừa dối, hứa mà không cho, hoặc là làm nô lệ cho người khác do nghiệp khác. Nghiệp khác là do từ vô thỉ đến nay đời đời bị trôi lăn, tạo đủ loại nghiệp ác, bị tùy thuộc vào thế gian sinh tử lưu chuyển khắp nơi, do đó khó mà gặp nhau, bị dây nghiệp ưa thích trói buộc nên trôi lăn ở các nơi khác, không thể gặp nhau, thường không có đồ ăn uống, giường nằm, nhà cửa, thuốc trị bệnh, thường bị mọi người làm nhục. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Đại khiếu hoán xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Song bức não là vùng thứ mười một thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nên bị đọa vào ngục Song bức não thuộc địa ngục Đại khiếu hoán. Nghiệp và quả báo của chúng đã nói ở trước. Nay nói về vọng ngữ. Khi tụ tập ở trong làng hoặc xã, với tâm ngã mạn hoặc sân hận, hoặc ganh ghét, hoặc tranh đua, người ấy nói láo, lừa dối, phá hoại cả mình lẫn người. Do người ấy nói láo nên những người ở đó bắt phạt người kia và người ấy lấy đó làm vui. Vì tích tụ nhiều nghiệp ác như vậy nên khi chết, người ấy bị đọa vào ngục Song bức não thuộc địa ngục Đại khiếu hoán chịu khổ não lớn. Nỗi khổ đó nặng nề hơn tất cả các nỗi khổ mà tội nhân ở các địa ngục

Hợp, Hắc thằng, Khiếu hoán phải chịu.

Do nghiệp ác, nơi đó có sư tử răng phát lửa bắt tội nhân khiến họ phải chịu đủ thứ khổ não như đã nói ở trước. Thoát được rồi, họ lại bị sư tử đưa lên ăn thịt. Khi đưa lên ăn thì họ chết, nhưng vừa bỏ xuống thì họ sống trở lại và bị ăn tất cả các bộ phận của thân. Bị ăn xong, họ sống trở lại và tiếp tục bị ăn. Bên trong hàm răng của sư tử chứa đầy lửa và sư tử dùng răng đó ăn thịt tội nhân. Ở trong miệng sư tử, tội nhân chịu hai loại khổ là bị nhai và bị thiêu. Suốt vô lượng năm, tội nhân thường bị thiêu, bị ép rất khổ não. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì do nghiệp ác nên bị rắn cắn chết, hoặc bị sư tử, cọp, gấu giết và ăn thịt. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Đại khiếu hoán xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Điệt tương áp là vùng thứ mười hai thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối nên bị đọa vào ngục Điệt tương áp thuộc địa ngục Đại khiếu hoán. Nghiệp và quả báo của việc sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu đã nói ở trước. Còn vọng ngữ là gì?

Có những người anh em hoặc gần hoặc xa tranh giành quyền lợi với nhau. Những người ấy hoặc cùng một cha, hoặc cùng một tổ tiên, hoặc là anh em chú bác tranh cãi nhau về việc chia của. Có người bà con rất xa tới những hai mươi mốt đời đến để làm chứng.

Vì muốn được lợi nên có người trong số họ nói láo, tự biết không phải sự thật mà cố thuyết phục người làm chứng chấp nhận ý sai, tìm cách nói láo. Do tích tụ nhiều nghiệp ác như vậy, khi chết, người đó bị đọa vào ngục Điệt tương áp thuộc địa ngục ấy chịu khổ não lớn. Nỗi khổ đó là: Tất cả những nỗi khổ có trong các địa ngục trước thì địa ngục này đều có đủ, ngoài ra, ở đây còn có những nỗi khổ nặng nề hơn.

Do nghiệp ác lừa dối người thân, ở địa ngục ấy có kéo sắt cắt thịt của tội nhân đem bỏ vào miệng họ rồi ép phải ăn. Do nghiệp ác thịt đó không tiêu.

Ngục tốt nói kệ trách họ:

Nói thật được an lạc
Nói thật đạt Niết-bàn

Nói dối sinh quả khổ
Nay đến đây nhận chịu.
Nếu không bỏ nói dối
Thì chịu tất cả khổ
Thật ngữ không cần mua
Có được rất dễ dàng.
Chẳng phải nước khác đến
Chẳng phải người khác cho
Sao lại bỏ thật ngữ
Và ưa thích vọng ngữ.
Thật ngữ, lời thù thắng
Nhờ nó được các pháp
Thật ngữ đèn sáng nhất
Như Lai nói như vậy.
Thật ngữ là thuốc hay
Thường dẹp trừ khổ não
Việc ác ta không dạy
Do ngu si ngươi làm.
Ngươi tự tạo nghiệp ác
Nay trở lại nhận chịu
Hết nghiệp mới thoát được
Kêu la có ích gì?
Mình bị nghiệp ác lừa
Nay đi theo kêu gào
Tự dối là ngu si
Kêu gào lại càng ngu.

Quở trách tội nhân rồi, ngục tốt lại tạo vô lượng khổ não như đã nói ở trước. Hễ nghiệp ác chưa hết là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì thường bị người khác lừa dối, thường bị người khác cướp đoạt của cải, được của cải rồi liền bị mất, không được ai tin tưởng. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Đại khiếu hoán xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Kim cang chủy ô là vùng thứ mười ba thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy, nghe, biết có người nào thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu và nói dối thì bị đọa vào ngục Kim cang chủy ô thuộc địa ngục Đại khiếu hoán. Địa ngục này đủ tất cả các khổ não có ở trong các địa ngục trước. Nghiệp và quả báo của việc sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu đã nói ở trước. Nay nói về vọng ngữ.

Có người hứa với chúng Tăng cúng dường thuốc cho người bệnh, nhưng sau đó không cúng, nên khi chết người ấy bị đọa vào ngục Kim cang chủy ô thuộc địa ngục Đại khiếu hoán chịu khổ não lớn.

Do nghiệp ác hứa mà không cho, chim quạ có mỏ bằng kim cang rỉa thịt người ấy để ăn. Khi chim mổ xong, chỗ bị mổ sinh trở lại, mềm mại giống như hoa sen. Vì chỗ ấy còn mềm nên khi bị rỉa thì rất đau đớn. Thế mà phần thịt vừa sinh ra mềm hơn lúc trước, lại bị mổ nên khổ não càng tăng thêm. Suốt vô lượng năm, tội nhân bị chim mổ ăn như vậy.

Thoát được nơi này, tội nhân lại sinh vào bãi cát sắt nóng phát lửa. Vừa giẫm chân lên cát, toàn thân tội nhân liền bị thiêu. Chưa kịp nguội thì họ đã sống lại và tự ăn lưỡi mình. Ăn rồi, lưỡi sinh trở lại. Do nói láo nên họ bị người khác ăn thịt và tự ăn lưỡi mình.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Cam lồ và thuốc độc
Đều ở trong lưỡi người
Nói thật thành cam lồ
Nói láo thành thuốc độc.
Người nào cần cam lồ
Thì phải nên nói thật
Người nào thích thuốc độc
Thì cứ việc nói láo.
Trúng độc chưa chắc chết
Nói láo nhất định chết
Người nào mà nói láo
Thì xem như đã chết.
Nói láo không lợi mình
Cũng chẳng lợi cho người
Mình người đều không ưa
Vì sao lại nói láo?
Người nào hay phân biệt
Lại ưa thích nói láo
Thì sẽ mắc khổ não

Hơn rớt trên đao lửa.
Thuốc độc tuy rất ác
Nhưng chỉ giết một thân
Còn nghiệp ác nói dối
Làm hại trăm ngàn thân.
Bậc Trí bảo thật ngữ
Là chánh pháp của người
Trang điểm người giữ giới
Chỉ bày đường giải thoát.
Chúng sinh tự tạo nghiệp
Bị nước ái cuốn trôi
Đức Phật bảo thật ngữ
Là thuyền bè tốt nhất.
Từ đầu cho đến cuối
Lưỡi ái trói thế gian
Chỉ thật ngữ cứu được
Đức Phật nói như vậy.
Thật ngữ chặt phiền não
Như búa đốn ngã cây
Búa chặt vẫn còn sống
Lời dối chặt thì chết.
Nói thật lợi hai đời
Là kho báu vô tận
Sinh ra nhiều của cải
Hơn hết thảy các pháp.
Công đức nói thật này
Sinh ra quả rất vui
Người trí bỏ vọng ngữ
Người thấy thật đều bỏ.

Người nào nói láo thì thường bị thiêu đốt, bị ăn thịt suốt vô lượng năm. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết thì họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì thường tranh cãi và thường bị thua, không có ai tin lời người ấy. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Người nào chuyên nói dối phải chịu quả báo rất cực khổ ở địa ngục.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Đại khiếu

hoán xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Hỏa man là vùng thứ mười bốn thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu nên bị đọa vào ngục Hỏa man thuộc địa ngục Đại khiếu hoán. Nghiệp và quả báo đã nói ở trước. Nay nói về vọng ngữ.

Có người vi phạm pháp chế của tập thể và bị mọi người phát hiện. Người ấy sợ bị phạt nên nói dối là mình không có phạm. Do nghiệp ác ấy, khi chết, người đó bị đọa vào ngục Hỏa man thuộc địa ngục Đại khiếu hoán chịu khổ não lớn như đã nói ở trước. Địa ngục này có đầy đủ nỗi khổ mà tội nhân ở các địa ngục trước phải chịu. Ngoài ra còn có những nỗi khổ nặng nề hơn. Tội nhân bị ngục tốt bắt bỏ lên tấm sắt nóng phát lửa rồi lấy tấm sắt khác đè lên và ra sức mài xát, khiến cho toàn thân đều nát bấy, có màu đỏ như màu của cây kim-thư-ca. Vì bị tấm sắt ép nên họ mới ra nông nổi đó. Khi ngục tốt giở tấm sắt lên thì máu, thịt, mỡ vụn bám khắp thân thể tội nhân.

Chịu nỗi khổ này xong, tội nhân rất sợ ngục tốt nên chạy đến nơi khác mong được cứu giúp, che chở và thấy có sông lớn chứa đầy tro nóng. Vì sợ ngục tốt tiếp tục hành hạ như trước, nên tội nhân nhảy xuống sông. Khi đã lội xuống sông, gân, xương và tất cả các bộ phận của thân đều tan chảy giống như là cục sữa, nhưng họ lại không chết. Do sức mạnh của nghiệp ác, ở địa ngục ấy tre mọc dày đặc và đều phát lửa.

Ở cõi người, lúc gió thổi mạnh làm cháy rừng khô nhưng không đốt chúng sinh, còn ở ngục Hỏa man thì chúng sinh đầy khắp trong đó và bị thiêu đốt không sót chỗ nào. Bị thiêu nấu, họ kêu la inh ỏi và chạy khắp bốn phía mong được cứu giúp, che chở. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì ăn nói khó khăn chậm chạp, không chân chánh, nói điều gì với vài người bà con mà cũng không nói được rõ ràng, thì làm sao có thể nói khôn khéo ở nơi đông người. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Đại khiếu hoán xem còn vùng nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có vùng khác tên Thọ phong khổ là vùng thứ mười lăm thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh,

uống rượu, nói láo nên rơi vào ngục Thọ phong khổ thuộc địa ngục Đại khiếu hoán. Nghiệp và quả báo của việc sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu đã nói ở trước. Nay nói về vọng ngữ.

Có người đã hứa cúng dường cho Phật, Pháp, Tăng vật gì đó hoặc nhiều hoặc ít, nhưng về sau lại nói là không có hứa, khiến chúng Tăng thường mong đợi mà không có nên bị trở ngại, hoặc là người ấy hứa cho người khác vật gì mà không cho làm người kia bị trở ngại.

Do nghiệp nói láo ấy, khi chết người này bị đọa vào ngục Thọ phong khổ thuộc địa ngục Đại khiếu hoán chịu khổ não lớn. Nơi ấy có tất cả những nỗi khổ mà tội nhân ở các địa ngục trước phải chịu. Ngoài ra, ở đó còn có những nỗi khổ dữ dội hơn. Nơi ấy có mũi kim nhọn bằng sắt nóng nhỏ mà dài, rất bén và phát lửa. Ngục tốt cầm kim bén ấy đâm tội nhân khiến họ rất đau khổ, kêu la ầm ĩ. Khi họ kêu la, kim vào đầy trong miệng ghim đầy lưỡi giống như là cái ống đựng tên, bên trong cắm đầy những mũi tên.

Đã chịu nỗi khổ này, tội nhân không thể kêu gào, la khóc. Nỗi khổ bị kim châm này là lớn nhất không có gì sánh bằng. Do nói láo, lừa dối cả mình lẫn người, nên nay mới chịu khổ này ở trong địa ngục, bị kim châm khắp toàn thân giống như là lông, khiến cho tất cả các bộ phận của thân đều bị hư hoại. Chịu nỗi khổ đó xong tội nhân bị nghiêng ngửa, nhào lộn. Lúc bị nghiêng ngã, các cây kim đua nhau chích tội nhân. Vì kim chích như vậy, tội nhân bị bế khí nên kêu gào hết sức mà không ra tiếng. Nếu họ nhổ hết kim thì có thể kêu được còn không thì chẳng kêu được tiếng nào.

Chịu nỗi khổ này rồi, tội nhân nằm lăn lộn, quằn quại trên đất sắt phát lửa, đứng lên rồi lại té xuống, không ngừng cử động quay cuồng. Ngục tốt cầm búa lớn, chỉa sắt, gông sắt, chày sắt để chặt, đâm, đánh, nện tội nhân. Suốt vô lượng năm họ chịu khổ não lớn do nghiệp nói láo gây ra. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì nghèo nàn, khổ sở, nói điều gì cũng không được ai tin, đi xin khắp nơi, có người hứa nhưng không cho, cuộc sống rất túng thiếu. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Đại khiếu hoán xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Thọ vô biên khổ là vùng thứ mười sáu thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh,

uống rượu, gây ra nghiệp và quả báo như đã nói ở trước. Nay nói về vọng ngữ.

Có nhiều người đi biển buôn bán và gặp phải người thông đồng với kẻ cướp, Những tên cướp bảo người dẫn đường đừng dẫn khách buôn vào đường kia mà phải đi con đường này để chúng chiếm đoạt của cải và cùng chia với nhau.

Những người lái buôn thuê người dẫn đường ấy và nói:

–Ông dẫn chúng tôi đến nơi có vật báu chúng tôi sẽ cho ông của cải.

Người dẫn đường nhận lời và họ hứa với nhau một cách chắc chắn. Thế nhưng, người dẫn đường không dắt các người lái buôn đi theo con đường đến chỗ có của báu mà lại đi đường có giặc cướp. Trước đó, giặc cướp đã bàn bạc với người dẫn đường là dựng sào treo cờ màu xanh để làm tín hiệu. Người dẫn đường thấy tín hiệu ấy nhưng không nói là có giặc cướp.

Thấy lá cờ xanh ấy, các thương nhân hỏi người dẫn đường:

–Ở chỗ lá cờ xanh chắc là có giặc cướp?

Người dẫn đường đáp:

–Không có.

Các thương nhân cho là người ấy nói thật nên không đề phòng, vì vậy khi đến chỗ giặc cướp thì bị chúng cướp hết tất cả của cải. Người dẫn đường cũng tham gia cướp bóc. Do nghiệp ác đó, khi chết người ấy bị đọa vào ngục Thọ vô biên khổ thuộc địa ngục Đại khiếu hoán chịu khổ não lớn. Ngục ấy có đầy đủ tất cả khổ não mà tội nhân ở các ngục trước phải chịu. Ngoài ra còn có những nỗi khổ khác dữ dội hơn. Ngục tốt dùng kềm sắt phát lửa rứt lưỡi tội nhân ra. Rứt xong, lưỡi sinh lại còn non yếu đã bị rứt tiếp. Ngục tốt lại dùng kềm móc mắt ra. Móc xong, mắt khác sinh ra còn non yếu đã bị móc tiếp. Ngục tốt lại dùng dao bén và mỏng róc khắp thân tội nhân. Lại có trùng tên Đoạn ăn ruột tội nhân.

Lại có nơi khác đất toàn màu xanh mà lại tối đen, tội nhân vào trong đó. Do nghiệp ác, có cá ma-kiệt, trong ngoài đều bốc lửa ăn thịt tội nhân. Cá ma-kiệt này có miệng, móng, răng bằng kim cang phát lửa. Nó chộp lấy tội nhân và nhai ngấu nghiến khiến toàn thân tội nhân nát như bột. Thoát được miệng cá, tội nhân liền lọt vào bụng chứa đầy lửa của nó. Suốt vô lượng năm, tội nhân thường ở trong bụng cá, thường bị thiêu đốt rất là đau khổ, không khí trong ấy không thông suốt và rất ít ỏi. Do chính miệng lưỡi họ gây ra nghiệp ác vọng ngữ, nên nay bị thiêu đốt dữ dội trong bụng cá, thân thể tan nát, sau đó lại bị lửa địa ngục thiêu, bị lửa xanh thiêu.

Đốt tội nhân xong, ngục tốt lại nói kệ trách họ:

Việc nói lời vọng ngữ
Là nhân của địa ngục
Trước đã tạo nhân khổ
Kêu la có ích gì?
Vọng ngữ là lửa lớn
Có thể thiêu cạn biển
Nó thiêu người nói láo
Giống như thiêu cây cỏ.
Người nào bỏ thật ngữ
Và nói lời vọng ngữ
Kẻ ngu ác như vậy
Bỏ của báu lượm đá.
Ai không tự thương thân
Lại ưa thích địa ngục
Bị ngọn lửa vọng ngữ
Đốt thân ở nơi này.
Thật ngữ rất dễ được
Tô điểm cho mọi người
Bỏ thật ngữ, nói láo
Đến nơi này do si.
Vì sao bỏ công đức
Tối thắng của nói thật
Giữa cam lồ và độc
Sao chọn lấy chất độc.
Gây họa mắc quả xấu
Thường ở trong địa ngục
Hủy bỏ công đức mình
Đến địa ngục rất ác.
Bậc trí bảo vọng ngữ
Là hạt giống gây khổ
Thật ngữ gốc của vui
Vậy không nên nói láo.
Tất cả đều yêu mến
Người nói lời chân thật
Không ưa kẻ nói láo
Vậy không nên nói láo.
Người nào nói chân thật

Thường vui sướng như trời
Kẻ nào nói vọng ngữ
Thường chịu khổ địa ngục.
Nếu không tạo nghiệp lành
Mà gây vô lượng ác
Chịu vô lượng khổ não
Nay hối tiếc sao kịp.
Làm lành được quả lành
Gây ác chịu quả ác
Người trí xả bỏ ác
Ưa thích làm việc lành.
Thật ngữ là tốt nhất
Nói dối là xấu nhất
Bỏ lỗi, giữ công đức
Là người thù thắng nhất.

Trách tội nhân xong, ngục tốt tạo ra vô lượng khổ não. Suốt vô lượng năm, tội nhân chịu khổ như vậy đến khi nghiệp ác hết thì họ mới thoát được nơi ấy. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào hàng ngạ quỷ, súc sinh mà sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì nghèo thiếu, khổ sở, thường sợ hãi tất cả mọi người, làm người nô bộc, phải làm việc cực nhọc, là người hạ tiện, nói gì cũng không ai tin, thường chịu khổ não. Đó là quả báo của việc nói dối.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 10

Phẩm 3: Địa ngục (Phần 6)

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Đại khiếu hoán xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn nơi khác tên Huyết tủy thực là vùng thứ mười bảy thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, gây ra nghiệp và quả báo như đã nói ở trước. Ngoài ra, người ấy còn tích tụ nghiệp ác vọng ngữ.

Có người làm vua hoặc đại thần, hoặc trưởng thôn, thu thuế rồi sau đó nói là chưa đủ, hoặc thu tăng thêm trái với pháp cũ của vua. Do nghiệp ác ấy, khi chết người đó bị đọa vào ngục Huyết tủy thực thuộc địa ngục Đại khiếu hoán, chịu khổ não lớn như đã nói ở trước. Nơi ấy có đủ tất cả các nỗi khổ mà tội nhân các địa ngục trước phải chịu. Ngoài ra ở đó còn có những nỗi khổ nặng nề hơn. Ở đấy, ngục tốt dùng dây sắt phát lửa treo ngược tội nhân vào cây có lá phát lửa, đầu ở dưới, chân ở trên. Có chim mỏ và móng cứng như kim cương ăn chân tội nhân. Máu từ chân chảy ra rơi vào trong miệng và tội nhân uống nó nên thường không chết.

Vì sao? Đói là khổ lớn nhất trong tất cả các khổ. Nơi nào cũng đều nói vậy và tất cả đều biết rõ. Người ấy uống máu của chính mình và chịu hai loại khổ là bị thiêu đốt và bị đói.

Khi ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

Không gì bằng bị đốt
Gió nóng thiêu rất khổ
Ai bị gió nghiệp thổi
Đói khát khổ hơn nhiều.

Suốt vô lượng năm, tội nhân ăn máu tủy của chính mình, đầu mặt ở phía dưới, bị lửa lớn nhất thiêu đốt trong mọi lúc. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ,

súc sinh mà sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp, thì nghèo thiếu, khổ sở, không được người khác tin tưởng, mũi thường chảy máu cam, lúc xỉa răng kẻ răng thường chảy máu. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Đại khiếu hoán xem còn vùng nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết lại có vùng khác tên Thập nhất viêm là vùng thứ mười tám thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì chúng sinh sinh vào nơi này?

–Vị ấy thấy, nghe, biết có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, gây ra nghiệp và quả báo đã nói ở trước. Ngoài ra, người ấy lại còn nói láo. Đó là vua, đại thần, người đáng tin, có thể quyết đoán sự việc, hoặc là làm trưởng giả quyết đoán sự việc cho hai người, hoặc hai phe nhóm đang tranh chấp với nhau mà vì muốn được của cải, hoặc vì quen biết, hoặc vì ham muốn, sân hận nên xét đoán một cách sai lệch, không đúng đạo lý, nói sai sự thật. Do nghiệp ác ấy, khi chết họ bị đọa vào ngục Thập nhất viêm chịu khổ não lớn. Nỗi khổ đó đã nói ở trước. Tất cả các nỗi khổ mà tội nhân các địa ngục trước phải chịu thì nơi đây đều có đủ và tăng gấp mười lần. Người nói vọng ngữ thì nỗi khổ tăng thêm lên. Do nghiệp ác, ngục Thập nhất viêm sinh ra những đám lửa ở mười phương, cộng với ngọn lửa đói khát thiêu đốt bên trong cả thảy là mười một ngọn. Ngọn lửa đói khát ở bên trong theo miệng phát ra. Vì nghiệp ác nói láo do lưỡi gây ra nên niệm niệm thiêu đốt lưỡi. Thiêu xong, lưỡi mọc trở lại. Nỗi khổ bị thiêu trong những đám lửa ở mười phương không bằng một phần mười sáu của nỗi khổ do lưỡi bị thiêu. Do nghiệp ác nên họ phải chịu nỗi khổ về lưỡi này.

Tội nhân ở địa ngục ấy phải chịu nỗi khổ rất nặng nề là bị mười một đám lửa thiêu suốt vô lượng năm. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh, mà sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp, thì thường bị đói khát, tất cả các bộ phận của thân thường bị thiêu chín, nghèo khổ, tuổi thọ ngắn, nói ra điều gì cũng không có ai tin, rất ngu si, đần độn, dơ bẩn, tay chân nứt nẻ, quần áo rách nát, thường đi xin ở ngã ba, ngã tư trên đường phố, hoặc thường sinh sống bằng cách buôn bán những vật hèn hạ, chịu nỗi khổ cùng cực suốt cả đời, lúc tranh cãi thường bị thua bè bạn. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Đại khiếu hoán thì thấy không còn nơi nào hết.

Lại nữa, người tu hành cần phải tư duy và hành động thuận theo chánh pháp.

Thấy Tỳ-kheo ấy sắp vào nơi tịch tĩnh không già, không chết, không bị diệt mất đường Niết-bàn, lại siêng năng tinh tấn, Dạ-xoa nơi đất rất vui mừng tâu lên Dạ-xoa hư không, Dạ-xoa hư không tiếp tục tâu lên, lần lượt cho đến trời Thiểu quang. Họ nói tóm lược từ chỗ cõi Diêm-phù-đề có người mang họ mỗ giáp lần lượt cho đến lúc người ấy thành tựu Địa thứ mười. Vị ấy không thích ở cảnh giới ma, cũng không thích đi chung với tham ái nên lìa bỏ pháp ô nhiễm.

Nghe xong trời Thiểu quang vui mừng, nói:

–Thế lực của ma đã giảm bớt, chánh pháp tăng trưởng.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy siêng năng cắt đứt dây trói sinh tử và nghĩ như vầy: "Chúng sinh chịu khổ não lớn, bị tham ái lừa dối, bị dây si trói buộc, tâm tương ưng với kết sử, bị thiêu đốt suốt ba thời vậy mà không có ý muốn đoạn trừ sinh tử. Lẽ nào các chúng sinh ấy không có tâm. Nếu họ có tâm thì phải hiểu biết. Nếu có hiểu biết sao họ không lìa tham dục".

Lại nữa, nếu chúng sinh ấy thọ hưởng dục lạc thù thắng của cõi trời trong thời gian dài mà còn phải lìa tham dục, huống chi là những chúng sinh đã chịu khổ lâu dài dưới địa ngục mà không chịu lìa tham dục sao? Chúng sinh ấy thật là ngang ngạnh đã chịu vô lượng khổ não như vậy mà không mệt mỏi, ngủ suốt đêm dài mà chưa tỉnh thức. Người mê muội như vậy sẽ chịu năm loại tai họa là lão, bệnh, tử, gặp gỡ kẻ oán, xa cách người thương.

Lại có mười loại khổ não là đói khát, xa cách người thương, chiến tranh giữa nước này và nước kia, bị thoái đọa, bị người hủy nhục, cầu cứu người khác, lạnh nóng, hai người ghét nhau và tranh chấp với nhau, mất của, mong cầu điều gì cũng không được. Tóm lại tâm có mười loại khổ não như vậy chịu nhiều loại khổ não như vậy mà chúng sinh chưa chịu xa lìa tham dục. Từ xưa đến nay, chúng sinh bị giặc tâm lừa dối. Tâm này thường chuyển động không ngừng. Nó không có tai, không có tim, giống như kim cương, đá làm ngăn ngại nơi nhiều tốt lành. Nó không an trú trong chánh pháp, chưa từng được an vui, bị thèm khát trong mọi lúc, chưa từng biết đủ đối với các cảnh giới sắc, thanh, hương, vị, xúc. Chất độc năm cảnh giới và tên giặc lớn sáu nhập giống như dao, như lửa, như thuốc độc vậy mà họ không hay không biết. Họ cũng chưa từng an trú vào bảy phần Bồ-đề, không biết tám Thánh đạo, không biết chín nơi chúng sinh ở, không biết

suy xét về mười điều thiện và mười một pháp, không thể thấy rõ hoạt động của mười hai nhập, không thể tư duy về mười ba quán môn, thường dong ruổi theo mười bốn tâm duyên, không chịu suy xét về mười bảy sự nhơ nhớp, không thông suốt mười tám cách lưu hành thọ khổ, không thể an ổn với mười chín hành và mười lăm nhân duyên hòa hợp, tương ưng và thực hành hết thảy mười sáu điều ác, tâm thường hoạt động rối loạn ở hai mươi chỗ.

Quan sát rồi, Tỳ-kheo ấy thấy thương xót chúng sinh nên quan sát kỹ lưỡng về nghiệp và quả báo.

Tỳ-kheo ấy lại muốn đoạn trừ dây trói của ma bèn suy nghĩ: "Còn có địa ngục nào hơn thế nữa không? Vị ấy thấy, nghe, biết còn có địa ngục khác ghê rợn hơn địa ngục Đại khiếu hoán gấp mười lần. Ngục này tên là Tiêu nhiệt có thế lực rất khủng khiếp gồm mười sáu ngục nhỏ có các tên là: Đại thiêu, Phân-đồ-lê-ca, Long toàn, Xích đồng di-nê ngư toàn, Vạc sắt *(Thiết hoạch)*, Huyết hà phiêu, Nhiêu cốt tủy trùng, Nhất thiết nhân thục, Vô chung một nhập, Sen đỏ lớn, Bờ hiểm ác, Kim cương cốt, Hắc thiết thằng đao giải thọ khổ, Na-ca trùng trụ ác hỏa thọ khổ, Ám hỏa phong, Kim cương chủy phong. Đó là mười sáu ngục khác nhau thuộc đại địa ngục Tiêu nhiệt. Chúng sinh ở địa ngục này có tuổi thọ lâu dài không thể tính được.

–Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở địa ngục này?

–Vị ấy thấy, nghe, biết người nào thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, lại còn tà kiến gây nghiệp ác đầy khắp thì do nghiệp ác ấy, khi chết người đó bị đọa vào đại địa ngục Tiêu nhiệt.

Nghiệp và quả báo của việc sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối đã nói ở trước, nay nói về tà kiến. Người nào tà kiến, nói với người khác là thế gian không có hội hợp, bố thí, không thiện, không ác, không có quả báo, không có thế gian này, không có thế gian khác, không cha, không mẹ. Họ nêu bày thuyết đoạn kiến như vậy, tự mình không tin có nghiệp quả, lại thuyết phục người khác khiến họ tin và vui theo, làm tăng trưởng tà kiến của mình lẫn người bảo rằng không nhân, không nghiệp, không đạo. Người ấy tuy có bề ngoài dễ coi nhưng thật ra là giặc. Do nghiệp ác ấy, khi chết người đó bị đọa vào đại địa ngục Tiêu nhiệt chịu khổ não lớn. Tuy không tin có nghiệp và quả báo nhưng thật sự họ vẫn phải nhận lãnh nghiệp và quả báo. Khi người không tin nhân quả ấy sắp chết, chưa đến thân trung hữu thì tướng dữ đã hiện. Lúc họ bị bệnh, trong mắt hiện ra nơi tối tăm, hiểm ác, có nhiều sư tử, hổ rắn, gấu cao lớn như núi. Thấy thế, họ rất sợ hãi. Họ thấy các thú dữ ấy chạy rất mau lẹ, không dừng nghỉ về phía họ và

áp sát thân họ. Người bệnh nặng ấy nghe tiếng sư tử và hổ rống thì rất lo sợ, buồn khổ rầu rĩ.

Lại thấy có người kỳ dị, mặt nhăn miệng méo, phía bên trên có lửa màu đen và nghe cáo kêu đủ loại tiếng.

Thấy ngục tốt có nhiều hình dạng đáng sợ, người ấy rất kinh hãi.

Người nêu bày tà kiến là người gây nhân ác, tạo bè đảng ác, là người có ác kiến nói pháp ác, thích thuyết phục người khác đừng tin nghiệp quả. Người này nói những điều khiến ta rớt xuống từ bờ hiểm, lừa dối cả mình lẫn người tạo ra nghiệp ác rất lớn.

Do thích và thường tích tụ nghiệp ác như vậy nên nay họ phải chịu quả báo là thấy cảnh tượng ghê rợn khiến họ rất sợ hãi, toàn thân run rẩy, biểu hiện rõ rệt ra ngoài là rớt phân và nước tiểu, hoặc rên rỉ nhưng không ra tiếng, hoặc nhăn mặt, há miệng, hoặc lấy tay chà dưới giường, hoặc thấy mình bị rơi từ đỉnh núi xuống đất nên giơ tay chống đỡ.

Thấy thế người trông coi bệnh nhân nói:

–Bệnh nhân xoa vuốt hư không, cảm thấy thân mình sắp rớt, bệnh nhân dùng tay xoa nắn tất cả các bộ phận của thân. Người có nghiệp ác tà kiến không tin nghiệp quả thì sẽ nhận chịu quả báo. Giống như đống phân, tuy chưa đến đã nghe mùi thối, cũng vậy tuy chưa đến địa ngục họ đã thấy tướng địa ngục phát sinh rất rùng rợn. Tất cả những người tà kiến không tin nhân quả đều kinh sợ như vậy.

Người ngu tích tụ nghiệp ác đủ để mua của cải là sự khổ não dưới địa ngục và chịu quả báo ở nơi ấy.

Địa ngục này có rất nhiều gió độc là gió tà và gió Tỳ-ba-la. Gió ấy rất bén, khi chạm vào thân liền bị gió đánh hoặc bửa ra. Gió ấy thật là dữ dội.

Bị chịu hai loại khổ về thân và tâm như vậy, nên khi sắp chết, chưa đến thân trung hữu, người ấy không thể nghĩ nhớ đến pháp lành. Người tà kiến ấy không có một chút lợi ích đối với thế gian, khi ở thân trung hữu, chưa vào địa ngục mà tướng địa ngục đã hiện. Do nghiệp ác tà kiến nên tâm họ rung động, phải tiếp xúc sắc, thanh, hương, vị, xúc không đáng ưa, phải nghe tiếng la khóc rùng rợn của các tội nhân, bị xúc chạm với gió dữ như dao bén, phải nếm vị rất đắng, thấy lửa dữ và phải ngửi mùi hôi thối. Người ấy ghê sợ hãi hùng tất cả các cảnh giới.

Do nghiệp ác nói pháp điên đảo, nên người ấy thấy cảnh tượng địa ngục một cách điên đảo, họ thấy địa ngục rất xinh đẹp nên sinh tâm ưa thích và phát khởi ý mong cầu được sinh vào nơi ấy.

Lúc ở giai đoạn hữu phần, người tà kiến ấy chưa phải chịu khổ nhưng lại muốn sinh vào địa ngục. Do nhân duyên chấp thủ nên người ấy sinh vào địa ngục. Tâm chấp thủ thì liền sinh vào địa ngục, không có giai đoạn trung gian.

Đã sinh về nơi ấy rồi, thì ngay lúc sinh phải chịu khổ đã nói ở trước. Địa ngục này có đủ loại khổ não mà tội nhân các địa ngục trước phải chịu và tăng lên gấp mười lần. Nơi này có bốn trăm lẻ bốn bệnh rất dữ dội không thể ví dụ.

Trong tất cả các nỗi sợ, nỗi sợ này là hơn hết. Vì quả báo của nghiệp ác nên chúng sinh chịu khổ như nhau. Có một loại lửa sinh ra giống như được đốt bằng dầu mè. Nếu đem lửa này đặt vào rừng núi, quốc độ hoặc châu lục thì có thể mau chóng thiêu rụi toàn cõi Diêm-phù-đề huống gì là thân thể tội nhân. Lửa dữ này thiêu thân tội nhân như thiêu cục bơ.

Tan chảy rồi, tội nhân sống trở lại ở nơi tối tăm không có ngày và đêm, nơi biển khổ não suốt vô lượng năm. Trong tất cả các sự tối tăm, tà kiến là tối nhất. Do đó, ai tích tụ và phô diễn tà kiến thì chịu quả báo bị thiêu nấu suốt vô số năm, chịu những khổ não không thể ví dụ. Trong mọi lúc, họ chịu khổ như vậy, đến khi nghiệp ác hết thì họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Thoát nơi ấy rồi, họ sinh làm ngạ quỷ trong năm trăm đời, có tên là ngạ quỷ sắc vàng.

Thoát khỏi nơi ấy, trong năm trăm đời, họ làm súc sinh chịu nhiều khổ não. Thoát nơi này rồi, họ khó mà được thân người giống như rùa mù khó mà chui vào lỗ tấm ván khi tình cờ nổi lên mặt nước giữa biển cả mênh mông. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, được sinh làm người thì thường sinh ở biên địa làm người mọi rợ, thường nghèo khổ, bệnh tật, mắt mù, tuổi thọ ngắn, có nói điều gì thì không được ai tin. Đó là quả báo của nghiệp ác tà kiến còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Tiêu nhiệt xem còn nơi nào khác. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Đại thiêu là vùng thứ nhất thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy, nghe, biết người nào thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối gây nên nghiệp và quả báo đã nói ở trước. Nếu thích và thường tà kiến thì lãnh nghiệp quả xấu. Tà kiến là gì?

Đó là, có người cho rằng nhờ sát sinh mà được sinh lên cõi trời, do nghiệp ác này họ mắc quả báo ác. Vì sao? Vì chết là nỗi khổ nhất trong các khổ, thú vui cõi trời là thú vui lớn nhất trong các thú vui. Nghiệp sát sinh

không phải là nhân của thú vui đó, vì sát sinh là khiến chúng sinh khổ nên không phải là nhân của sự vui sướng.

Đã gây ra nhân xấu là nói với người khác về tà kiến này nên họ chịu nghiệp quả báo xấu nhưng không chịu sám hối. Do nghiệp ác ấy, khi chết họ bị đọa vào ngục Đại thiêu thuộc địa ngục Tiêu nhiệt chịu khổ não lớn. Các khổ não mà tội nhân ở các địa ngục trước phải chịu, ở đó đều có đủ và tăng gấp mười lần.

Lại có nỗi khổ hơn hẳn, do nghiệp ác, thân sinh ra lửa thiêu đốt dữ dội nóng gấp mười sáu lần so với lửa ở các địa ngục khác. Tội nhân ở địa ngục này thấy lửa ở các địa ngục khác giống như là sương tuyết. Tội nhân bị lửa thiêu đốt trong ngoài, lại còn có ngọn lửa thứ ba đó là tâm hối tiếc sinh ra và thiêu đốt tội nhân.

Tội nhân tự biết tà kiến sinh ra quả khổ, báo khổ và vị khổ. Do tà kiến ấy nên người đó bị lửa thiêu đốt, không được an vui dù chỉ trong một niệm. Người thực hành nghiệp ác tà kiến ấy bị thiêu đốt lâu dài ở ngục Đại thiêu thuộc đại địa ngục Tiêu nhiệt không ai biết được người ấy sẽ bị thiêu trong bao lâu. Tội nhân ấy bị thiêu nấu tan rã trong mọi lúc. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Đã thoát rồi họ phải sinh làm ngạ quỷ trong ba trăm đời, làm súc sinh trong hai trăm đời.

Thoát khỏi nơi ấy rồi, nếu sinh làm người, ở nơi tương ưng với nghiệp, thì người ấy không kính trọng cha mẹ, không biết hổ thẹn ăn phân của người, đi rong khắp các nước, không được nghe chánh pháp, bị mọi người khinh ghét, ăn và đi chung với chó, tay chân cong vẹo, thường ăn bám người khác, suốt cả cuộc đời không có chút phước đức, khi bỏ thân đó rồi lại đi vào con đường không đáng ưa, tương ưng với nghiệp tà kiến ở phía trước. Quan sát rồi, bằng cách nhìn và cách nghĩ chân chánh, đi theo con đường chánh, Tỳ-kheo ấy thành tựu hạnh Niết-bàn tương ưng với sự quan sát.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát đại địa ngục Tiêu nhiệt xem còn có nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết có nơi khác tên Phân-đồ-lê-ca là vùng thứ hai thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy, nghe, biết người nào thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, gây nên nghiệp và quả báo đã nói ở trước, người ấy còn mắc tà kiến nữa. Có người tự nhịn đói mà chết để mong được sinh Thiên. Người ấy lại dạy cho người khác hoặc vui theo người khác

khiến họ chấp chặt tà kiến và bị nhân ác trói, tâm suy nghĩ ác tạo ra lý luận ác, lại dạy bảo người khác khiến họ tin theo lý luận ác và tự nhịn đói mà chết.

Do nghiệp ác ấy, khi chết người này bị đọa vào ngục Phân-đồ-lê-ca thuộc địa ngục Tiêu nhiệt chịu khổ não lớn. Nỗi khổ như đã nói ở trước. Địa ngục này có đủ các khổ não mà tội nhân ở các địa ngục trước phải chịu và tăng lên gấp hai lần.

Nơi ấy lại có nỗi khổ lớn hơn là các phần của thân đều phát lửa không dứt và không hở chỗ nào. Người ấy chịu quả báo tương tợ với nghiệp, lửa thiêu rất mạnh không thể thí dụ, không có thứ tương tợ. Trong tất cả các nghiệp, tà kiến ấy là ác vào bậc nhất, tương ưng với nghiệp ác ấy, lửa ở nơi đó cũng rất nóng. Trong tất cả các loại lửa, lửa này là nóng nhất. Tất cả nghiệp ác đều có quả báo tương ưng vì vậy không gì có thể thí dụ cho lửa ở nơi ấy, vì không có gì lớn bằng nghiệp lực đó. Tội nhân thường bị đốt trong mọi lúc.

Bị thiêu như vậy xong, tội nhân lại thấy ao sen trắng nở rộ với vô số chim đang vui đùa trong đó, nước ao trong vắt và đầy ngập. Nơi ấy có tội nhân khác nói với người đó:

–Ông hãy mau đến đây, ông hãy mau đến đây, chỗ tôi có rừng và ao hoa sen trắng trong sạch và mềm mại, có loại nước uống được. Rừng cây in bóng lấp lánh ở gần đó.

Tội nhân gọi người tà kiến an ủi họ rồi dắt chạy đến rừng và ao sen trắng. Khi họ chạy, lửa than đầy đường. Trên đường có hầm bên trong đầy lửa. Lọt vào đó rồi, toàn thân tội nhân đều bị cháy rụi, cháy rồi tội nhân sống trở lại và bị đốt tiếp. Vì khát muốn uống nước nên họ vẫn phải chạy không ngừng. Khi họ chạy, trên đường sinh ra gậy Tỳ-đa-la bên trên phát lửa đánh đập tội nhân khiến toàn thân đều bị lở lói, xương tủy tan nát, tan hết rồi, họ sống trở lại.

Do vừa khát, vừa nóng người ấy vẫn tiếp tục chạy đến rừng cây và ao sen trắng. Do nghiệp ác, có loại trùng ăn thịt ở đầy trong thân thể, mổ cặp mắt người đó để ăn. Mổ xong, mắt sinh trở lại và bị mổ tiếp. Lúc ấy người đó không có mắt, lại bị nóng khát nên tiếp tục chạy đến rừng cây và ao sen trắng.

Lại có loại trùng khác sống ở trong thân. Tất cả các bộ phận trong thân thể người ấy đều bị trùng ăn nên người ấy kêu gào thật to. Mắt vừa sinh lại bị trùng mổ ăn.

Suốt vô lượng năm các bộ phận ấy cứ bị trùng ăn rồi sinh trở lại. Khi

đã đến vườn cây và ao sen trắng, người ấy mong được mát mẻ nên lội xuống. Khi người ấy đã lội vào ở nơi đó liền phát lửa cao năm trăm do-tuần.

Do nghiệp ác lừa dối, mỗi tội nhân leo lên một cành sen trắng khác nhau. Đã lên cành sen rồi, tội nhân bị nhiều đám lửa phủ hết toàn thân khiến tội nhân chịu khổ não nặng nhất, bị đói khát hành hạ, chỗ lửa hừng ở nơi ấy có màu giống như hoa sen trắng. Lửa ấy thiêu đốt tội nhân chết đi sống lại, tất cả các bộ phận của thân đều bị thiêu hết khiến nó có màu giống như màu cây chân-thúc-ca. Họ chịu khổ trong mọi lúc. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy.

Đã thoát được rồi, họ làm ngạ quỷ trong bốn trăm đời chịu khổ đói khát, được thoát khỏi rồi, họ lại làm súc sinh trong ba trăm đời. Hết nghiệp đó họ khó mà được thân người như rùa mù khó mà chui được vào lỗ hổng khi nổi lên mặt nước bao la. Nếu được sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp thì sinh ở nơi thường xảy ra đâm chém, nơi hiểm trở có giặc và có nhiều người ác sống trong nước ấy. Nơi người ấy sinh sống thường nghèo khổ bệnh tật làm kẻ nô lệ hạ tiện và không có đầy đủ các căn. Đó là quả báo của nghiệp ác tà kiến còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Tiêu nhiệt xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Long toàn là vùng thứ ba thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy, nghe, biết người nào thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, gây ra nghiệp và quả báo đã nói ở trước, lại còn tà kiến thì sẽ bị đọa vào địa ngục ấy.

Tà kiến là có người mang hình tướng không ngay thẳng, thường ngồi chồm hổm chớ không ngồi ngay ngắn, khi chắp tay các ngón tay bị so le, khi ăn thường hay liếm tay, khi gặp những người ngoại đạo người này thường nói ai trừ bỏ tham, sân, si để cầu Niết-bàn là không đúng, người nào làm thanh tịnh các căn cũng không thể chứng đắc Niết-bàn". Do nghiệp ác ấy, khi chết người đó bị đọa vào ngục Long toàn thuộc địa ngục Tiêu nhiệt chịu khổ não lớn. Nơi ấy có nhiều rồng dữ đầu phát lửa hừng hực, giận dữ phun độc. Thân nó dài một cư-xa hoặc một do-tuần. Chúng có nhiều chất độc ở khắp thân thể. Có con truyền độc bằng cách nhìn ngó, có con truyền độc khi đụng chạm, có con truyền độc bằng răng. Chúng ở đầy khắp địa ngục.

Tội nhân sống ở giữa bầy rồng, các con rồng lăn lộn mài ép khiến tội nhân nát như nắm cát. Có người sống trong miệng rồng bị rồng dùng răng có lửa và chất độc nhai liên tục khiến họ chết đi sống lại đến vô lượng lần. Cứ sống lại là họ bị nhai, nhai rồi lại chết, chết rồi sống lại. Tội nhân bị ba loại lửa thiêu đốt. Đó là lửa độc, lửa địa ngục và lửa đói khát. Sống trong ba loại lửa đó các tội nhân chịu khổ não cùng cực tương ưng với nghiệp.

Lại có ngọn lửa thứ tư là lửa bệnh tật thiêu nấu tội nhân. Sự khổ não của bệnh rất nặng nề không thể nói hết. Tội nhân này tạo nghiệp ác nên phải sống trong lửa, bị lửa thiêu nấu, mài ép sấy khô nát vụn trong mọi lúc. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Thoát được nơi này rồi họ sinh làm ngạ quỷ có cổ họng nhỏ như cây kim trong một trăm năm mươi đời và hai trăm đời làm súc sinh, bị đói khát thiêu đốt thân, sống ở nơi xa nguồn nước hoặc không có nước, làm sư tử, hổ, gấu ở nơi hoang vắng cách nguồn nước đến mười hai do-tuần.

Thoát được nơi ấy rồi, họ khó được làm thân người như con rùa gặp lỗ hổng. Nếu được làm người thì làm dã nhân, mắt không thấy thức ăn thì làm sao được ăn, chỉ ăn rau cỏ và các loại trái cây để sống. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát đại địa ngục Tiêu nhiệt xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Xích đồng di-nê ngư toàn là vùng thứ tư thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy, nghe, biết người nào thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, lại còn nói rằng tất cả các vật có mạng sống hoặc không mạng sống đều do trời tạo ra chớ chẳng phải là do nghiệp quả. Do nghiệp ác này, khi chết người ấy bị đọa vào ngục Xích đồng di-nê ngư toàn thuộc địa ngục Tiêu nhiệt chịu khổ não lớn. Nỗi khổ đó là nơi địa ngục ấy có nước đồng đỏ sôi đầy ngập như biển, bên trong có nhiều cá di-nê bằng sắt. Do nghiệp ác, ở nơi ấy có loại cây lá bén như dao cạo.

Tội nhân sống rồi lại chết, chết rồi sống lại, toàn thân đều bị hư nát, chín rục và nổi lên trên mặt nước đồng sôi, nổi rồi lại chìm chịu khổ não lớn, cùng nhau chạy và kêu gọi nhau. Do nghiệp ác, khi những người tà kiến và truyền bá tà kiến đã kêu gọi nhau chạy, cá di-nê hung dữ há to miệng lội đến chỗ tội nhân, dùng màng lưỡi bắt tội nhân ngậm vào miệng, dùng hàm răng nghiền nát họ. Thân tội nhân một nửa nằm trong miệng cá thường bị nhai nghiến, một nửa ở bên ngoài thường bị nước đồng sôi thiêu nấu. Họ chịu hai loại khổ cùng cực trong thời gian rất lâu.

Thoát được nơi ấy rồi, họ lại vào trong biển nước đồng sôi khác. Nơi đó có nhiều trùng dữ mỏ như kim cương, răng rất bén và rất độc, ở tại nơi tối tăm trong nước đồng sôi bắt và nhai tội nhân nát, như cát rồi mới ăn. Đau đớn quá, tội nhân muốn kêu gào nhưng vừa há miệng thì nước đồng sôi tràn đầy trong đó nên họ kêu không ra tiếng. Nước đồng sôi ấy đầy khắp chín lỗ trong thân, thiêu nấu dữ dội khiến tất cả các bộ của thân đều tan chảy.

Trong một thời gian lâu dài, tội nhân bị nấu và chìm xuống, chìm rồi lại nổi lên. Khi họ đã nổi lên, do nghiệp ác, có nhiều đao gió rất bén và độc cắt nát thân họ. Người tà kiến không tin nghiệp quả, không nói lời chân thật thường bị thiêu nấu, tan rã trong mọi lúc. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Đã thoát khỏi nơi ấy rồi, trong ba trăm đời họ thường làm ngạ quỷ tên là Hy Vọng, Hy Vọng thoát khỏi nghiệp làm quỷ, họ lại làm súc sinh trong ba trăm đời, làm voi, gấu, kiến thường bị đói khát nóng lạnh làm khổ, bị gió thổi và bị mặt trời thiêu nướng khó mà chịu được. Thoát được thân súc sinh, họ khó được làm thân người như con rùa mù khó chui đầu vào lỗ hổng của tấm ván khi nổi lên mặt đại dương mênh mông. Nếu trong quá khứ có nghiệp lành đã chín, được sinh làm người thì ở nơi nguy hiểm đáng sợ, nơi thường chặt cây, thường bắt cá, thường lo sợ. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát đại địa ngục Tiêu nhiệt xem còn vùng nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có vùng khác tên Vạc sắt *(Thiết hoạch)* là vùng thứ năm thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, gây ra nghiệp và quả báo đã nói ở trước, lại còn mắc tà kiến, trong ngày trai hội của ngoại đạo tà kiến, kẻ ấy giết người nam và nói:

–Ta tổ chức trai hội và giết người. Người ấy sẽ được sinh Thiên, ta cũng sinh Thiên. Nếu người ấy được sinh Thiên sẽ làm chứng cho ta.

Hoặc có người giết rùa để làm chứng cho mình sau này sinh Thiên, hoặc dạy người khác làm việc ấy.

Suốt đời, người đó giữ bản tánh như vậy làm ngăn ngại chánh đạo ở yên trong tà đạo. Khi chết, người có nghiệp ác tà kiến ấy bị đọa vào ngục Vạc sắt của địa ngục Tiêu nhiệt chịu khổ não lớn. Nỗi khổ đó đã nói ở trước. Tất cả nỗi khổ trong các địa ngục trước phải chịu thì nơi này đều có đủ và tăng gấp mười lần.

Lại có nỗi khổ nặng hơn hết là có sáu vạc sắt rộng mười do-tuần. Sáu vạc đó lần lượt có tên là Bình đẳng thọ khổ, Vô lực vô cứu, Hỏa thường nhiệt phí, Cứ diệp thủy sinh, Cực lợi đao man, Cực nhiệt phí thủy, Đa nhiêu ác xà.

Ở vạc Bình đẳng thọ khổ, Vô lực vô cứu tội nhân vào bên trong, nhóm lại một chỗ tạo thành một thân giống như nắm cám. Họ bị nấu, không còn sức lực và lại bị nấu, dần dần mất sức. Ở nơi hiểm ác này thân không thể cứu, tâm không thể cứu, không có pháp gì có thể cứu người ở đường ác đó. Do không cứu được nên trong thời gian lâu dài họ thường bị thiêu nấu.

Ở nơi vạc sắt nóng Hỏa thường nhiệt phí tội nhân vào đó bị nấu trong nước đồng sôi khiến thân tan rã, chưa kịp nguội thì sống trở lại và thường bị nấu.

Ở vạc sắt Cứ diệp thủy sinh tội nhân vào trong ấy bị nước màu đồng đỏ cưa cắt thân thể. Nơi ấy phát lửa, tội nhân chui vào trong đó đầu chúc xuống đất, hoặc chìm, hoặc nổi, thường bị cưa cắt. Nước đồng sôi cắt thân thể tội nhân khiến cho gân mạch đều tan rã.

Bị cắt xé như vậy họ chìm xuống, chìm xong lại nổi lên, nổi rồi lại chìm. Loại cưa nước này thường cưa xẻ khiến tất cả đều chín rục như đậu hũ, thân thể tan nát, hoặc nổi hoặc chìm, trong thời gian dài họ thường bị nấu, cắt, xẻ.

Ở vạc sắt nóng Cực lợi đao man tội nhân vào trong ấy chịu khổ não. Nỗi khổ đó là ở trong vạc có một rừng dao bén như dao cạo xẻ các bộ phận ở trên thân.

Ở hai vạc Cực nhiệt phí thủy và Đa nhiêu ác xà, tội nhân vào đó chịu nỗi khổ là trong đó có nước sôi làm nổi bọt cao nửa do-tuần. Trong bọt ấy có rắn răng rất bén, thường phát lửa đốt tội nhân khi họ nhìn hoặc chạm vào nó.

Tội nhân nào đụng hoặc nhìn rắn ấy thì giống như bị dao cắt, thịt rớt hết chỉ còn trơ xương. Tội nhân bị nấu trong bọt nước sôi nên các bộ phận của thân đều tan chảy. Người nào ở trong nước bị chất độc đau khổ thiêu nấu thì chịu nỗi khổ nặng nề nhất.

Lúc đến chỗ tội nhân, ngục tốt suy nghĩ: "Làm cách nào để đóng kín cửa vạc này khiến tội nhân không thể ra được". Ngục tốt nghĩ phải dùng kim cương bịt miệng vạc lại và lật úp xuống khiến tội nhân không thể chạy thoát và chịu đủ loại khổ đau.

Ngục tốt nghĩ xong, tất cả vạc sắt đều bị lật úp và các đám lửa cháy mạnh gấp đôi. Tội nhân chịu khổ như vậy.

Ngục tốt nổi giận nên lại suy nghĩ: "Làm cách nào để cho tội nhân chịu thêm nỗi khổ khác?".

Suy nghĩ xong, ngục tốt lấy củi sắt cháy mạnh gấp hai lần. Tội nhân nào muốn hướng lên thì bị nước đồng sôi bám theo làm người bị tan nát thân thể, có con rắn rất độc phóng lửa đốt thân tội nhân. Đã chín rục rồi, họ chịu đủ loại khổ trong tất cả các thời. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi vạc sắt nóng đó.

Đã được thoát rồi, trong ba trăm đời họ sinh làm ngạ quỷ ăn khí hôi. Thoát được nơi ấy họ sinh làm súc sinh trong ba trăm đời. Thoát khỏi nghiệp súc sinh, nếu được sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp thì làm luận sư ngu si, bàn luận về nhân ác, tâm ý điên đảo, hoặc mong giàu có sung sướng nên không ăn một tháng, hoặc mong sinh Thiên nên không ăn một ngày, bị kết sử tham ái trói buộc. Người ấy bị khổ trói buộc để rồi lại chịu khổ. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát đại địa ngục Tiêu nhiệt xem còn vùng nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có vùng khác tên Huyết hà phiêu là vùng thứ sáu thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

–Chúng sinh nào có nghiệp ác tà kiến thì sinh ở nơi đó.

Vị ấy thấy có người vi phạm giới cấm, nhiều lần phạm giới rồi mới suy nghĩ: "Nếu ta sống nhờ khổ hạnh thì tội sẽ tiêu hết và sẽ có nhiều phước đức".

Nghĩ xong người ấy vào rừng, cột chân treo lên ngọn cây, thòng đầu xuống đất, dùng dao cắt mũi, hoặc tự cắt trán gây thương tích khiến máu chảy ra rồi dùng lửa đốt máu để mong được sinh Thiên. Đó là người đi theo đường ác. Giống như có người tìm dầu trong cát thì không thể được dầu, người ấy bị chảy hết máu và chết. Do nghiệp ác ấy, khi chết họ bị đọa vào ngục Huyết hà phiêu thuộc địa ngục Tiêu nhiệt chịu khổ não lớn. Nỗi khổ ấy như đã nói ở trước. Tất cả những nỗi khổ mà tội nhân ở các địa ngục trước phải chịu thì ở nơi này đều có đủ và còn tăng gấp năm lần.

Lại có nỗi khổ hơn hết đó là ở nơi ấy ngục tốt cầm lửa, gông, dao, chỉa đá nghiền nát tội nhân thành bột, máu chảy thành sông. Sông đó chảy rất xiết cuốn theo nhiều xương và tóc của các tội nhân khác.

Lại có sông đồng đỏ thứ hai có tên là sông Dữ đáng sợ. Sông ấy có trùng tên Cữu chạm vào nó như chạm vào lửa. Trùng ấy bám vào tội nhân thiêu đốt rồi ăn thịt họ. Tội nhân ở địa ngục này bị sông máu cuốn trôi thường chịu khổ não lớn trong thời gian rất lâu. Hễ còn nghiệp ác là họ còn

chịu khổ không dứt. Nếu nghiệp ác hết họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Đã thoát rồi, trong năm trăm đời họ sinh làm ngạ quỷ ăn khói để sống. Thoát khỏi kiếp ngạ quỷ trong bốn trăm đời họ sinh làm súc sinh, làm chim biển sống ở bờ biển hoặc cửa sông. Chim ấy có đầu đỏ. Nếu sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp thì nghèo khổ, nhiều bệnh. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Tiêu nhiệt xem còn nơi nào khác. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Nhiêu cốt tủy trùng là vùng thứ bảy thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy, nghe, biết người nào tạo nhiều nghiệp ác về thân, khẩu, ý, lại không nghe chánh pháp. Người ngu này mong sinh lên cõi Phạm thiên mà lại làm việc ác lìa bỏ giới cấm, tánh vốn buông lung, dua nịnh quanh co, gây khổ não cho người, xa lìa giới luật chân chánh, dùng phân bò khô để thiêu thân, hiện đời người ấy bị khổ vì thiêu thân, khi chết đọa vào ngục Nhiêu cốt tủy trùng lại chịu khổ não lớn.

Nỗi khổ đó là bị chùy sắt đánh từ đầu cho đến chân kêu la rất to, các bộ phận của thân giập nát như nắm mật hoặc sáp ong, không còn có thể phân biệt từng thứ, nhưng người ấy lại không chết. Đó là do quả báo nghiệp ác tà kiến gây ra.

Địa ngục ấy rộng ba do-tuần, cao năm do-tuần, thân tội nhân cũng dài rộng như vậy, làm thành núi thịt đầy khắp địa ngục. Địa ngục ấy có rất nhiều trùng ẩm ướt đều là chúng sinh. Do nghiệp gì mà các trùng đó đến đây?

Nếu người đàn ông hoặc đàn bà nào đã bắt giết rận trên thân của mình hoặc người khác, hoặc giết kiến, côn trùng, nhền nhện… thì do nghiệp ác đó, người ấy làm trùng nơi cơ quan, sống ở núi ấy. Ai gây nghiệp thì người đó phải chịu quả báo. Do nghiệp ác nơi ngục Nhiêu cốt tủy trùng lại có các ngục tốt khác lấy lửa thiêu đốt tội nhân.

Lúc làm người, kẻ tà kiến ấy lấy phân bò khô đốt thân nên nay cùng bị thiêu với trùng cơ quan, chịu khổ não lớn. Khi núi ấy đã bị thiêu, ngọn lửa bốc lên cao mười do-tuần. Do nghiệp của chính mình, tội nhân cùng con trùng cơ quan bị lửa thiêu đốt thân thể, trùng có thân nhỏ nên chịu khổ ít. Tội nhân có thân rất lớn nên chịu khổ nhiều. Các đám lửa ấy thiêu đốt lẫn nhau trong vô số năm mà vẫn không dứt. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy.

Thoát nơi đó rồi, trong năm trăm đời họ làm ngạ quỷ có cổ họng nhỏ

như cây kim, sống bên cạnh núi. Thoát khỏi nghiệp quỷ, trong năm trăm đời, họ làm súc sinh: làm cá sống ở biển cả có sóng lớn, nước rất lạnh và có chứa tro.

Đã thoát khỏi nơi đó, họ khó được lại thân người như rùa mù khó chui đầu vào tấm ván khi nổi lên mặt nước giữa biển cả mênh mông. Nếu được sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp thì thường đi trong rừng, sống trong rừng hoặc sinh sống ở nơi hoang vu rậm rạp, nghèo nàn, khổ sở. Ở nơi ấy, người đó bị lửa thiêu đốt. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Tiêu nhiệt xem còn nơi nào khác. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Nhất thiết nhân thục là vùng thứ tám thuộc địa ngục ấy.

–Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

–Vị ấy thấy, nghe, biết người nào thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối gây ra nghiệp và quả báo đã nói ở trước.

Còn tà kiến là có người ngu si tà kiến nghe pháp tà. Ba nghiệp thân, khẩu, ý của người ấy thường điên đảo. Người tà kiến ấy tu hạnh tà kiến phóng lửa thiêu đốt rừng núi, vùng đất ở giữa hai thôn, hoặc cồn cát.

Người ấy nghĩ: "Nếu lửa cháy liên tục, chư Thiên sẽ hoan hỷ và ta sẽ được sinh Thiên".

Do nghe pháp ác, người ngu ấy bị pháp ác lừa dối, tìm cách giữ lửa cháy mạnh để được sinh Thiên nên đã phóng lửa như vậy. Do nghiệp ác đó khi chết người ấy bị đọa vào ngục Nhất thiết nhân thục chịu khổ não lớn. Nỗi khổ đó đã nói ở trước. Tất cả những nỗi khổ mà tội nhân ở các địa ngục trước phải chịu ngục này đều có đủ và tăng gấp năm lần.

Lại có nỗi khổ nặng nề hơn là khi đã sinh vào nơi ấy họ thấy con trai, con gái, thê thiếp, bạn bè, cha mẹ và tất cả những người thân quen của mình lúc làm người đều bị thiêu đốt. Tất cả những người đó đều do nghiệp hóa hiện ra nên ta thấy họ bị nấu trong địa ngục. Thấy cảnh đó, tội nhân rất buồn rầu, đau khổ cùng cực.

Thấy tất cả những người mà mình thương yêu kính trọng bị thiêu nấu bằng lửa tham ái của chính mình, ở địa ngục đó tội nhân buồn rầu đau khổ gấp mười sáu lần khi bị lửa địa ngục thiêu. Trong tất cả các khổ não của tội nhân, nỗi khổ do lửa tham ái gây ra là hơn hết. Lửa tham ái là lửa trong lửa. Lưới tham ái là lưới trong lưới. Dây trói tham ái là dây trói trong dây trói. Nó trói buộc tất cả những kẻ phàm phu ngu si.

Do nghiệp tà kiến, bất thiện nên họ thấy những người mà họ thương

yêu kính trọng bị thiêu nấu trong địa ngục. Tội nhân ấy bị lửa tham ái của chính mình, thiêu đốt. Lửa địa ngục so với lửa của tâm tham ái ấy thì giống như là sương tuyết.

Nghe vợ con cha mẹ kêu la thảm thiết: "Hãy đến cứu tôi với". Nhưng tội nhân bị lửa địa ngục thiêu nấu không được tự do thì làm sao cứu được? Ở địa ngục ấy, trong thời gian lâu dài, tội nhân thường bị lửa thiêu cả thân lẫn tâm. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Đã thoát khỏi nơi ấy rồi, trong ba trăm đời họ thường làm ngạ quỷ chỉ ăn đồ vứt bỏ. Năm trăm đời làm súc sinh, thường làm con trùng nước có nhiều con và thường bị người đánh cá giết hại.

Thoát được nơi ấy rồi, họ khó được thân người, như con rùa mù khó chui đầu vào lỗ hổng của tấm ván khi nổi lên giữa mặt biển mênh mông. Nếu sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp thì nghèo khổ, tuổi thọ ngắn, các căn không đủ, không có vợ con, thường làm người hèn hạ, hoặc làm tôi tớ trong đền thờ trời. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 11

Phẩm 3: Địa ngục (Phần 7)

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Tiêu nhiệt xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Vô chung một nhập là vùng thứ chín thuộc địa ngục đó. Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, gây ra nghiệp và quả báo đã nói ở trước. Ngoài ra họ còn mắc tà kiến nơi thân, miệng, ý, gây nên đủ các nghiệp đã chín mùi. Do nghiệp ác, họ bị đọa vào ngục Vô chung một nhập thuộc địa ngục Tiêu nhiệt chịu khổ não lớn, như đã nói ở trước. Tất cả các khổ não có trong các địa ngục trước thì địa ngục này đều có đủ và tăng gấp năm lần.

Do không nghe người khác dạy chánh pháp, họ mới có tâm tà kiến là: "Nếu đem trùng, kiến, rắn, trăn, nai, ngựa bỏ vào lửa đốt, lửa sẽ hoan hỷ và ta sẽ được phước lớn, sinh vào nơi tốt đẹp, con vật cũng được sinh lên cõi trời Ma-hê-thủ-la. Người nào dùng lửa đốt chúng sinh sẽ được phước đức rất lớn. Người ngu si tà kiến như vậy, khi chết sẽ bị đọa vào ngục Vô chung một nhập chịu khổ não lớn. Nỗi khổ đó là có núi sắt lửa cháy rất mạnh, rộng năm do-tuần, nó bị lửa địa ngục đốt cháy cùng khắp. Ngục tốt đuổi tội nhân lên núi làm cho các phần như thân, hông, xương hông, lưng, cánh tay, đầu, cổ, tay, chân, tai, mắt cho đến não đều bị thiêu rụi. Thiêu xong, chúng sinh trở lại và bị thiêu tiếp. Trong thời gian rất lâu, hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Đã thoát khỏi nơi ấy rồi, họ sinh làm loài ngạ quỷ ăn phân trong năm trăm đời, toàn thân đều bừng lửa, đi trong đêm tối mọi người đều thấy. Thoát khỏi kiếp quỷ, họ sinh làm súc sinh, làm con đom đóm thân có ánh lửa, bay trong đêm ai cũng thấy, ban ngày bị gió thổi, bị ánh sáng thiêu nướng, thân bị cháy, đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết nghiệp và quả báo, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Tiêu nhiệt

xem còn có vùng nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có vùng khác tên Sen đỏ lớn *(Đại Bát-đầu-ma)* là vùng thứ mười thuộc địa ngục ấy.

Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, tích tụ đủ các nghiệp về thân, khẩu, ý. Do nghiệp ác, khi chết họ bị đọa vào ngục Sen đỏ lớn thuộc địa ngục Tiêu nhiệt nhận nghiệp và quả báo đã nói ở trước. Họ lại mắc tà kiến, suy nghĩ như vầy: "Nếu giết người đàn ông trong ngày trai hội thì sẽ đạt được điều mình ưa thích". Do gây nghiệp ác tà kiến như vậy, nên khi chết, họ bị đọa vào địa ngục Sen đỏ lớn chịu khổ não. Địa ngục giống như hoa sen có tua gai cứng như kim cương, dài năm trăm do-tuần. Tội nhân ở bên trong hoa sen và bị các gai kim cương phá nát toàn thân, không có chỗ nào dù chỉ bằng đầu cây kim là không bị đâm hoặc không bị lửa địa ngục thiêu đốt, các vết lở trên thân đều bốc cháy. Trong thời gian lâu dài, họ thường bị thiêu nấu, hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Thoát được nơi ấy rồi, trong hai trăm đời họ làm loài quỷ đói ăn phân. Tiếp đó, họ làm súc sinh trong năm trăm đời, làm chim công thường ăn chất độc.

Thoát khỏi nghiệp súc sinh, họ khó được thân người, như con rùa gặp lỗ hổng. Nếu sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp thì thường nghèo khổ, lệ thuộc vào người khác, hoặc làm đào kép, làm trò để sinh sống và bị thế gian khinh rẻ cho đến chết. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Tiêu nhiệt xem còn nơi nào khác. Vị ấy thấy, nghe, biết còn nơi khác tên Bờ hiểm ác là vùng thứ mười một thuộc địa ngục ấy. Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, gây ra nghiệp và quả báo đã nói ở trước. Nay nói về tà kiến, có người cho rằng: Xuống nước chết thì tất cả tội đều sạch hết và sẽ sinh lên thế giới có tám cánh tay, không bị thoái chuyển. Người ngu này mong được đến nơi đó, lại dạy bảo người khác, tùy hỷ với người khác khiến họ chết dưới nước. Sau khi vào nước bị chết, người ấy bị đọa vào ngục Bờ hiểm ác thuộc địa ngục Tiêu nhiệt chịu khổ não lớn. Do các nghiệp về thân, khẩu, ý hủy hoại nên phải sinh vào đó chịu khổ não lớn. Như đã nói ở trước, tất cả các khổ não có trong các địa ngục trước, địa ngục này đều có đủ, vả lại còn có thứ nặng nề hơn.

Địa ngục này có đá rất bén nhọn, có nhiều núi dữ, chỗ nào cũng có

những ngọn núi hiểm trở cao đến mười do-tuần, chim bay còn không thể tới huống gì là tội nhân làm sao có thể đến được. Lửa dữ cháy lan khắp núi, thiêu đốt hết tất cả. Có một tội nhân nói với tất cả tội nhân khác: "Các ông hãy vượt qua ngọn núi này sẽ không còn địa ngục nào nữa. Nếu vượt qua núi chúng ta sẽ an vui!"

Các tội nhân nghe người đó nói như vậy, nghe xong họ đều chạy lên núi. Do nghiệp ác, họ đến vùng núi hiểm trở, lửa bùng cháy khắp nơi. Họ chạy đến rồi nhưng không thể vượt qua, có người bị rơi xuống, vực hiểm, có người bị lửa thiêu dữ dội, có người sợ ngã nên ôm đá lửa và bị đốt, có người kinh sợ nên mong được cứu giúp, che chở, nên chạy ngược trở xuống và bị ngục tốt cầm chày sắt ra sức đánh liên tục.

Do nghiệp tà kiến của thân, khẩu, ý nên trong thời gian rất lâu, tội nhân bị thiêu, nấu. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Đã thoát rồi, trong ba trăm đời họ làm loài ngạ quỷ ăn máu, kế đó trong ba trăm đời họ làm thân súc sinh có nọc độc. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại. Nếu họ sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp, thì nghèo nàn, nhiều bệnh, sinh ở nước ác, các căn không đầy đủ, ở trong nước ác thường bị lo sợ.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Tiêu nhiệt xem còn vùng nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có vùng khác tên Kim cương cốt là vùng thứ mười hai thuộc địa ngục này. Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi đây?

Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, gây ra nghiệp và quả báo như đã nói ở trước. Họ lại còn mắc tà kiến. Có người cho rằng tất cả các vật trên thế gian dù có hay không có mạng sống đều tự nhiên sinh ra và tự nhiên mất đi, như cây kim bằng gai, như màu lông công, như dợn nắng khiến nai ưa thích, như thành Càn-thát-bà không do đâu mà có, cũng không do đâu mà diệt, tất cả các pháp cũng đều như vậy, không có nguyên nhân sinh, không có nguyên nhân diệt, chỉ là tự nhiên.

Họ lại dạy người khác khiến người kia tin như vậy, phá hoại các nghiệp về thân, khẩu, ý. Do nghiệp ác, khi chết họ bị đọa vào ngục Kim cương cốt thuộc địa ngục Tiêu nhiệt chịu khổ não lớn. Nỗi khổ đó như đã nói ở trước. Tất cả các khổ mà tội nhân ở các địa ngục trước chịu ở đây đều có đủ. Ngoài ra còn có những nỗi khổ nặng nề hơn. Ngục tốt bắt tội nhân, dùng dao bén róc hết thịt trên thân, khiến chỉ còn trơ xương.

Lại thấy kẻ thù ngày xưa cầm các bộ xương, lấy bộ này đánh bộ kia,

lấy bộ kia đánh bộ này. Do nghiệp ác, xương biến thành kim cương khiến cho các bộ vỡ đầu, có bộ nát thân, có bộ hư hoại hoàn toàn, có bộ bị vỡ thành lỗ hổng, có bộ xương đã khô, hoặc có tội nhân mất hết các bộ phận trên thân, hoặc có người cầm xương đánh lẫn nhau, có người dùng đá phát lửa đánh. Do nghiệp ác trong vô số năm, tội nhân bị những kẻ thù cũ cầm và đánh nhau như vậy. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy.

Đã thoát rồi, trong năm trăm đời, họ sinh làm ngạ quỷ ăn não của chính mình, kế đó làm thân súc sinh trong ba trăm đời, làm loài bọ cạp, hổ, cù-đà. Thoát được nơi đó rồi họ khó được thân người như con rùa mù gặp lỗ hổng. Nếu được sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp, thì họ sinh ở biên địa của quốc độ rừng rú, ở trong các nước dữ như Đà-la-tỳ-la, An-đà-la… nghèo nàn, nhiều bệnh, lệ thuộc vào người khác. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Tiêu nhiệt xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Hắc thiết thằng đao giải thọ khổ là vùng thứ mười ba thuộc địa ngục này.

Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, gây ra nghiệp và quả báo đã nói ở trước. Ngoài ra, họ còn mắc tà kiến. Họ nghĩ như vầy: Tất cả tội phước đều ở trong nhân duyên, ngay ở trong nhân đã có tội phước. Họ thích nói cho người khác nghe điều đó, ưa thích làm và làm nhiều. Do nghiệp ác này, khi chết họ bị đọa vào ngục Hắc thiết thằng đao giải thọ khổ thuộc địa ngục Tiêu nhiệt chịu khổ não lớn. Nỗi khổ đó đã nói ở trước.

Tất cả các nỗi khổ có trong các địa ngục trước, địa ngục này cũng đều có đủ và tăng năm lần. Lại có nỗi khổ nặng nề hơn nữa, là ngục tốt dùng dây sắt đen trói thân thể tội nhân, rồi dùng mũi nhọn bén bằng sắt và lửa thiêu đốt, cắt xẻ từ đầu đến chân.

Bị trói và bị cắt xẻ, tội nhân kêu gào, la khóc nhưng lại bị dây sắt trói thêm, bị sắt bén băm nát, nhỏ hơn hột cải. Sau đó tội nhân sống trở lại để rồi tiếp tục bị cắt đi cắt lại.

Ở địa ngục trong thời gian dài, tội nhân phải chịu khổ não lớn. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Đã thoát khỏi nơi ấy rồi, họ phải làm ngạ quỷ trong năm trăm đời, ăn đồ người ta vứt bỏ và uống nước dơ bẩn. Kế đến làm súc sinh trong một trăm đời, làm đỉa, mọt, bọ hung, đủ các loại trùng. Đó là quả

báo của nghiệp ác còn sót lại.

Nếu sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp thì thường bị đói khát làm khổ. Nếu có người khác vi phạm pháp vua thì họ bị người nói dối vu oan tội cho họ. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Tiêu nhiệt xem còn vùng nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có vùng khác tên Na-ca trùng trụ ác hỏa thọ khổ là vùng thứ mười bốn thuộc địa ngục ấy.

Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, gây ra nghiệp và quả báo như đã nói ở trước. Họ lại còn mắc tà kiến, bảo rằng: Không có đời này, không có đời kia, thế gian này là thường còn, tất cả các pháp là thường còn, không bị hủy hoại. Đã mắc tà kiến điên đảo như vậy, người ấy còn dạy người khác chấp chặt nơi tà kiến, thường đem ví dụ về nhân ác nói với nhiều người, khiến họ chấp chặt theo tà kiến ác. Người ấy lại còn thuyết các pháp tương tợ hoặc chẳng phải là chánh pháp.

Do nghiệp ác ấy, khi chết họ bị đọa vào ngục Na-ca trùng trụ ác hỏa thọ khổ thuộc địa ngục Tiêu nhiệt chịu khổ não lớn. Tất cả các nỗi khổ có trong các địa ngục trước ngục này đều có đủ. Lại có nỗi khổ nặng nề hơn, đó là bị cây cọc sắt đâm từ trên đầu xuyên xuống phía dưới, một nửa cắm xuống đất, một nửa ló trên đầu.

Sau đó, có trùng na-ca sinh ra ở da, thịt mỡ và tất cả các bộ phận của thân tội nhân, ăn uống hết thảy các bộ phận. Trước tiên chúng mổ thủng mạch, uống hết máu, kế đó chúng lần lượt ăn thịt, đục xương, uống tủy, nhấm gân, làm đứt mạch, đốt các lỗ trên thân, nhổ lông, lột da.

Kế đó, chúng chui vào trong thân ở nơi có nhiều gân để phá hủy tim rồi uống nước dịch. Tiếp theo chúng phá lá phổi rồi vào lưng uống nước dịch, sau đó chúng phá bụng rồi dùng kềm lửa phá bên dưới hàm, rứt đứt lưỡi ra đem cho chó ăn, vì lưỡi đã nói lời ác độc, nói nhân điên đảo, nói những thí dụ phi pháp.

Vì tội ác do lưỡi gây ra nên tội nhân đã chịu tất cả lưới khổ như vậy. Do đem tà kiến dạy cho người khác với tâm rất độc ác, khiến họ chấp chặt theo tà kiến, bị các nghiệp thân, khẩu, ý hủy hoại, nên trong thời gian lâu dài, người ấy bị thiêu đốt trong địa ngục. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Nếu nghiệp ác hết họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Thoát được nơi đó rồi, trong ba trăm đời, họ làm ngạ quỷ ăn thây chết. Thoát được kiếp quỷ, họ khó được làm người như con rùa mù chui đầu vào lỗ hổng.

Nếu sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp, thì tuy người khác phạm phép vua nhưng họ lại mắc tai họa, nghèo nàn, nhiều bệnh, lệ thuộc vào người khác, không được tự do, ăn nuốt thịt người, nhưng lại được gọi là người. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Tiêu nhiệt xem còn vùng nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có vùng khác tên Ám hỏa phong là vùng thứ mười lăm thuộc địa ngục ấy.

Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, gây ra đủ thứ nghiệp chín muồi. Do nghiệp ác, họ bị đọa vào ngục Ám hỏa phong, nghiệp và quả báo đã nói ở trước. Họ lại mắc tà kiến cho rằng: Tất cả các pháp có cái thường còn, có cái không thường còn. Cái không thường còn là thân, cái thường còn là bốn đại.

Người tà kiến như vậy, đem nhân sai lầm, ví dụ sai lầm nói với người khác khiến họ chấp chặt theo tà kiến và tùy hỷ. Họ đem pháp tương tợ và phi pháp nói với nhiều người. Do nghiệp ác này, khi chết họ bị đọa vào ngục Ám hỏa phong chịu khổ não lớn. Tất cả các khổ não có trong các địa ngục trước ngục này đều có đủ và tăng gấp năm lần.

Lại có nỗi khổ nặng nề hơn. Đã thoát khỏi khổ não khó thoát do ngục tốt gây ra, sau đó lại vào ngục Ám hỏa cấp phong thọ khổ bị gió dữ thổi, tội nhân ở trên hư không không có nơi nương tựa, quay mau như bánh xe, không thể thấy thân. Sau khi thân đã xoay tròn, có đao gió phát sinh băm thân nát như là nắm cát, phân tán khắp mười phương. Kế đó, tội nhân sống lại, bị phân tán tiếp và sống trở lại. Trong vô số năm tội nhân thường chịu khổ não cùng cực như vậy. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết thì họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Thoát rồi, trong năm trăm đời họ sinh làm loài ngạ quỷ ăn đồ mửa. Kế đó, họ sinh làm loài súc sinh đói khát. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Tiêu nhiệt xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có vùng khác tên Kim cương chủy phong là vùng thứ mười sáu thuộc địa ngục ấy.

Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, gây ra nghiệp và quả báo như đã nói ở trước.

Người ấy lại mắc tà kiến cho rằng: Thế gian sinh ra có nhân duyên ban đầu, có vật thường còn, có vật vô thường, tất cả đều là nhân duyên ấy tạo ra. Họ nói không đúng sự thật, dùng ví dụ tà vạy, nói lời phi pháp mà

giống như là pháp, khiến cho người khác chấp chặt nơi tà pháp, bỏ mất chánh pháp, ngăn trở chánh pháp, làm theo tà kiến. Họ đã sai lầm khi nói các pháp là thường còn, không có nhân duyên, không chuyển động, không đổi khác, không thể tạo ra giống như hư không. Người tà kiến đó không phân biệt đúng đắn.

Do nghiệp ác này, khi chết người kia bị đọa vào ngục Kim cương chủy phong thuộc địa ngục Tiêu nhiệt chịu khổ não lớn. Người tà kiến bị các nghiệp thân, khẩu, ý phá hoại, làm người hèn kém, ngăn trở chánh pháp, sống theo pháp bất thiện.

Do ngu si nên họ đi theo đường ác, tự cho là có trí nên sinh tâm ngã mạn, tự ý phân biệt, không nói lời chân thật, chịu khổ não lớn. Tất cả các khổ não có ở các địa ngục trước, ngục này đều có đủ và còn tăng gấp năm lần. Ngoài ra, còn có nỗi khổ nặng nề hơn, đó là ngục tốt dùng kềm rất nhỏ rứt từng chút thịt bằng lỗ chân lông, rứt đi rứt lại liên tục rồi bỏ vào miệng tội nhân bắt họ phải ăn. Có nhiều con ong, vòi cứng như kim cương bám vào thân tội nhân, có máu nóng chảy ra, vị mặn như muối. Ngục tốt bỏ máu đó vào miệng tội nhân bắt phải uống. Ăn uống xong đói khát tăng lên gấp mười lần, thiêu đốt thân tâm, bị nghiệp ác lừa dối nên họ tự ăn thịt. Ăn xong thịt sinh trở lại. Do nghiệp ác lừa dối nên họ chịu khổ não lớn trong vô số năm. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Nếu nghiệp ác hết họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Thoát nơi ấy rồi họ sinh làm ngạ quỷ trong bốn trăm đời, ăn đồ bất tịnh. Kế đó, trong năm trăm đời sinh làm súc sinh, làm con lươn, con bọ hung… bị đói khát thiêu đốt thân. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Tiêu nhiệt. Quan sát xong vị ấy không thấy vùng thứ mười bảy. Như vậy, đại địa ngục Tiêu nhiệt không còn có vùng nào khác nữa. Người tà kiến tạo nghiệp ác như vậy phải ở nơi tương ưng với nghiệp ác.

Quan sát mười sáu ngục nơi đại địa ngục kia xong, Tỳ-kheo ấy hiểu biết như thật.

Người tu hành trong tâm tư duy, thuận theo chánh pháp, quan sát pháp hành, thấy như vậy rồi mọi người liền hoan hỷ nói: "Tỳ-kheo này siêng năng bậc nhất chứng Địa thứ mười một, có thể chấm dứt đường sinh tử".

Biết được điều đó, Dạ-xoa nơi đất vui mừng báo cho Dạ-xoa hư không. Như đã nói ở trước, họ lần lượt tâu cho đến trời Bất thiểu, thưa rằng ở thôn đó, nước nọ, có thiện nam kia chứng đắc được Địa thứ mười một

như đã nói ở trước, không ở cùng chỗ với ma vương, tâm không thích vui đùa với phiền não, xa lìa tham dục và sinh tử, nơi chẳng phải cảnh giới, không chịu dừng ở với vô biên khổ não trong tất cả các cõi.

Tỳ-kheo ấy quan sát địa ngục Hoạt, Hắc thằng, Hợp, Khiếu hoán, Đại khiếu hoán, Tiêu nhiệt với các vùng khác nhau, xong lại quan sát xem còn có địa ngục nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có địa ngục khác tên là Đại tiêu nhiệt.

Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy có người thích và thường sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối và tà kiến, nên họ bị đọa vào địa ngục Đại tiêu nhiệt. Nghiệp và quả báo đã nói ở trước. Đối với người giữ giới không vi phạm giới cấm, giữ giới đầy đủ không bị thiếu sót, người thiếu nữ trinh bạch, Tỳ-kheo-ni đứng đắn chưa từng hành dâm, chưa từng phạm giới, người thực hành theo đúng chánh pháp, người ấy khiến họ bị thoái lùi hư hỏng. Họ không tin Phật pháp và nghĩ: "Phật chẳng phải là bậc Nhất thiết trí, huống gì là Tỳ-kheo Tăng, Ni. Đệ tử của Phật làm sao có hạnh thanh tịnh, tất cả đều là nói dối, giả dối không thật. Phật pháp chẳng phải là nơi bố thí để được phước đức, bố thí để được Niết-bàn, kẻ phàm tăng này cùng Tỳ-kheo-ni phá hủy giới cấm thì không mắc tội".

Suy nghĩ ác độc như vậy rồi, họ xâm phạm đồng nữ, làm cho Tỳ-kheo-ni giữ giới đánh mất đức hạnh của người tu, vi phạm giới cấm.

Do các nghiệp ác về thân, khẩu, ý, họ bị đọa vào ngục Đại Tiêu Nhiệt chịu khổ não lớn, có thân dài một do-tuần, rất mềm mại, mịn hơn cả bơ. Con mắt còn mềm hơn, năm căn đều rất mềm mại, ngay cả sắc, thanh, hương, xúc còn có thể giết họ huống gì là các khổ khác.

Do nghiệp ác quá nặng nên thân tâm họ đều mềm yếu. Vì nghiệp ác, nên tội nhân chịu khổ não cùng cực. Lúc sắp chết, họ thọ nhận quả báo hiện tiền chịu đủ các khổ não mà tội nhân ở các địa ngục trước phải chịu.

Ba ngày trước khi chết, cho đến lúc chết, tội nhân phải chịu nỗi khổ như vầy: Họ bị mất tiếng, không nói được, tư tưởng rất hoảng hốt, tâm ý phân liệt, các thức hoảng loạn.

Lần lượt như vậy, sắc thân bốn đại chống trái hết sức khổ não. Địa đại càng cứng chắc, thân thể càng thêm xung khắc, tất cả các bộ phận của thân như gân, mạch, xương, tủy đều bị bế tắc và hư hoại, sinh khổ não lớn như sữa cục mới bị vò, ép, chà, nện. Địa đại là như vậy.

Thủy đại tăng lên thì các bộ phận của thân: gân, mạch ràng rịt vốn khô nay đều có thể chín rục, làm chết trùng và bốc ra mùi hôi. Tất cả các

cửa bài tiết đều bị lấp, cổ họng không thông, lưỡi thụt sát yết hầu, các khiếu chịu khổ, chất dơ bẩn chảy khắp cơ thể.

Lúc hỏa đại tăng lên, tất cả các bộ phận trên thân, gân mạch đều bị thiêu nấu, chịu khổ não lớn, da có màu đỏ như đồng, trong ngoài đều nóng, miệng khô và rất khát, tim bị bốc cháy.

Khi phong đại tăng lên thì có trạng thái nhẹ nhàng, vì thân khô nên giống bay lên hư không, rồi rơi xuống trở lại, tất cả các bộ phận của thân đều khô, bên trong hết thảy các bộ phận của thân, các mạch, gió lay động không dừng, có gió tên là Kim-tất-ba-la, giống kim lửa đâm vào khắp cho đến khi tinh tủy khô, gió Tỳ-ba-la cắt đứt da, thịt, mỡ, xương, tinh tủy như là chặt bằng búa rìu, thổi tất cả các căn, tất cả các bộ phận của thân đều bị bế tắc, đường đại tiểu tiện bị nghẽn không thông, hơi thở cạn không điều hòa, cổ họng không thẳng, mắt mờ dần, tai nghe âm thanh không đáng ưa, mũi không biết được mùi, lưỡi không nếm được vị, sống mũi xiêu vẹo, nhân căn teo lại, hậu môn đau rát như bị lửa liếm chịu khổ não lớn, da bị phồng lên, lông tóc giòn dễ rụng.

Ở đây chỉ nói về giai đoạn ba ngày đêm trước khi người gây nghiệp ác chết, bốn đại xung khắc dữ dội, khổ não dồn ép. Lúc thọ mạng chấm dứt, thế giới khác hiện ra, họ tự thấy tất cả nhà cửa như một cái màn đen và thấy ngọn lửa màu đen, như màu được thấy trong giấc mộng. Tướng ác như vậy chưa từng tạm dừng, lại thấy sư tử, hổ với hình sắc dữ tợn, thấy đầy đủ những hiện tượng cực ác, lại nghe tiếng hổ gầm dữ dội nên họ rất sợ hãi. Da bị sắt mài mòn gần hết, gió chuyển động lên phía trên, bắt đầu từ móng chân, rồi đến bàn chân, kế đó lần lượt đến các phần như bắp chân, đầu gối, đùi, hông, bao tử, tim, cổ họng bị sưng, miệng khô cạn nước miếng, một mắt bị mù, thấy trong hư không có ngục tốt cầm gậy sắt, tội nhân giơ tay chống đỡ. Thấy thế bà con bạn bè đều nói: "Người này xoa vuốt hư không".

Trước khi bế tắc, hơi thở thổi khắp thân rồi chấm dứt như củi hết lửa tắt, bỏ thế gian này, sinh trong thân trung hữu, nhận quả báo tương ưng với nghiệp đã tạo. Ở trong thân trung hữu, tội nhân chịu nỗi khổ của thân ấy. Họ thấy thân mình như thân của đứa bé tám tuổi nơi thời kỳ con người thọ tám vạn bốn ngàn tuổi, chỉ riêng họ là tự thấy thân của mình, còn tất cả những người khác đều không thấy. Thân tứ đại của họ nhỏ bé đến độ không thấy, không bị đối kháng, có thể đi xuyên qua núi Tu-di mà không gặp trở ngại, tự thân không ngăn ngại, núi Tu-di không ngăn ngại huống gì là núi khác.

Ở trong thân trung hữu, người ấy tự thấy thành sắt tối đen và tự chui vào đó. Do nghiệp ác, họ thấy tất cả lông trên thân đều cháy, lại thấy ngục tốt lấy dây sắt đen trói tay rồi trói chân họ. Dây sắt đen rất độc, cứng và có màu đáng sợ.

Kế đó, họ bị dây trói quấn khắp thân, không sót chỗ nào, thấy mình bị dây sắt trói quanh và chắc như vậy.

Tội nhân thọ nhận cảnh giới sắc, thanh, hương, vị, xúc không đáng ưa. Do nghiệp ác, mắt họ thấy hình ảnh dữ dằn đáng sợ. Đó là hình ảnh ngục tốt với con mắt phát lửa thiêu đốt, tạo ra nhiều màu sắc xấu xí, giơ tay ra vẻ giận dữ, tâm không vui thích.

Lại nữa, tai nghe lời không đáng ưa nên tâm không thích thú. Lời đó như vầy: "Người này chính là người tạo nhiều nghiệp ác, các nghiệp thân, khẩu, ý không tốt tạo ra hành vi ác ở những vùng đất quý báu là cõi người, tự lừa dối mình, không tư duy chân chánh về mười nghiệp thiện, làm việc bất thiện, thường làm việc hư dối, không được của báu tốt đẹp. Tất cả dục lạc đều giống như dao, lửa, chất độc, như rơi xuống từ bờ hiểm. Họ bị tham dục lừa dối, bị phụ nữ khác đánh lừa nên có hành động ác.

Họ không khéo quan sát, tạo ra ba loại nghiệp ác. Người ngu ấy tự gây nghiệp ác, nên nay ta bắt vào địa ngục Đại tiêu nhiệt cho chịu đầy đủ vô lượng loại khổ não, để sau này họ không dám tạo nghiệp ác nữa. Để quở trách người ở trong thân trung hữu đang buồn rầu vô hạn vì xa vợ con, ngục tốt nói kệ:

Nữ sắc là người bạn
Như giặc không lợi ích
Làm hư hỏng con người
Dẫn đến địa ngục tối.
Trong hết thảy giặc ác
Không gì bằng giặc nghiệp
Ba nghiệp ác trói buộc
Khiến ta vào địa ngục.
Một mình tạo nghiệp ác
Chịu quả xấu một mình
Một mình đến chỗ ác
Không bạn bè cùng đi.
Người nào thường làm ác
Rồi nhờ người khác cứu
Tự mình làm mình chịu

Người kia không thể cứu.
Vì sao ông ngu si
Bị vợ con lừa dối
Đối với Tỳ-kheo-ni
Do si nên làm ác.
Đời này và đời sau
Kẻ thù thường đi theo
Kẻ thù hung dữ nhất
Hiện hết thảy chỗ ác.
Tự mình gây nghiệp ác
Như độc, đao và lửa
Ngươi tự gây nghiệp ác
Nay phải tự nhận chịu.
Người nào mà tạo nghiệp
Người ấy chịu quả báo
Không kể đầu, giữa, cuối
Không đời này, đời sau.
Người nào tán loạn ý
Không quan sát chân chánh
Do tham đắm lạc thú
Tạo ra nghiệp bất thiện.
Người ngu si loạn tâm
Tăng trưởng pháp bất thiện
Không quan sát chân chánh
Tạo ra các nghiệp ác.
Tâm hay lừa chúng sinh
Khiến con người tham lam
Khiến ta vào địa ngục
Đến chỗ rất tối tăm.
Bị tối tăm che lấp
Khó thành tựu chánh pháp
Người nào không ưa pháp
Thì sẽ luôn chịu khổ.
Người nào tâm vắng lặng
Cảnh giới không hủy hoại
Người ấy đến cõi lành
Còn ngươi thì đến đây.

Người tạo nghiệp ác thì thân, khẩu, ý đều tạo nghiệp bất thiện. Quở

trách xong, ngục tốt tống tội nhân vào địa ngục Đại tiêu nhiệt ngửi mùi phân hôi thối, cấu uế, lưỡi nếm vị nóng cứng bẩn thỉu, có hương vị đáng chán. Thân tiếp xúc với vật rất sù sì, có gió dữ thổi đến như dao, lửa chạm vào thân.

Năm cảnh giới rất đáng sợ. Do lo sợ nên tội nhân bị khiếp vía đối với tướng địa ngục đã thấy lúc trước và bị ngục tốt cột chặt cổ họng, bị gió nghiệp thổi dắt đến địa ngục, không được tự do.

Ngục tốt có diện mạo dữ dằn, tay chân rất nóng, vặn vẹo thân hình. Thấy vậy, tội nhân rất hoang mang, lo sợ.

Ngục tốt rống như sấm, làm cho tội nhân càng thêm sợ hãi. Ngục tốt cầm dao bén, bụng rất lớn có màu như mây đen, mắt phát lửa như đèn, răng như móc bén, cánh tay rất dài, múa may tạo thế, khuỳnh rộng vai giơ vuốt như mũi nhọn bén, phát lửa, cánh tay thô cứng, mạch phình trương, tất cả các bộ phận của thân đều thô tháo. Ngục tốt mang đủ loại hình dạng đáng sợ, bắt tội nhân đem đi qua sáu mươi tám trăm ngàn do-tuần đất liền, biển cả, châu lục, thành ấp, bên cạnh bờ biển, lại đi ba mươi sáu ức do-tuần, từ từ hạ xuống mười ức do-tuần.

Do gió nghiệp thổi họ mới đi xa như thế. Sức mạnh của gió nghiệp, tâm không thể lường xét, không thể ví dụ được. Cảnh giới ở nơi đó, sức của mặt trăng, mặt trời và gió không thể đến được, chỉ có gió nghiệp, thứ gió hơn hết các loại gió là có thể dẫn tội nhân đến nơi ấy. Đến nơi rồi, tội nhân bị ngục tốt quở trách như trước.

Quở trách xong, do nghiệp ác trói buộc nên tội nhân hướng tới địa ngục, nơi ấy có ngục tốt dắt tội nhân đến địa ngục Đại tiêu nhiệt.

Ở trong bóng tối, tội nhân ấy thấy trong địa ngục Đại tiêu nhiệt lửa cháy phừng phực khắp nơi. Địa ngục rộng năm ngàn do-tuần không tăng, không giảm.

Cách địa ngục ba ngàn do-tuần đã nghe tiếng tội nhân la khóc nên họ buồn rầu, hoảng sợ và khổ não. Đã chịu vô lượng khổ đau dữ dội, khó chịu đựng, lại nghe tiếng tội nhân la khóc nên họ lo sầu, sợ hãi và vô cùng khổ não. Đã chịu vô lượng khổ đau dữ dội, khó chịu đựng, lại nghe tội nhân nơi địa ngục gào khóc suốt vô lượng năm, họ càng sợ hãi gấp bội.

Sau khi dắt tội nhân đến địa ngục Đại tiêu nhiệt, để quở trách tội nhân, ngục tốt đã nói kệ:

Ngươi nghe tiếng địa ngục
Đã sợ hãi như vậy
Huống gì bị thiêu cháy

Như là thiêu cỏ khô.
Lửa thiêu chẳng đáng sợ
Nghiệp ác thiêu mới lo
Lửa thiêu có thể dập
Nghiệp thiêu không thể tắt.
Lửa không đến địa ngục
Lửa không có đi theo
Ngươi châm lửa nghiệp ác
Bị thiêu từng phút giây.
Ai gây lửa nghiệp ác
Bị thiêu ở địa ngục
Nếu dập lửa nghiệp ác
Thì không sợ địa ngục.
Người nào tự thương thân
Lại sợ hãi địa ngục
Người ấy liền bỏ ác
Không chịu khổ não lớn.
Người xả bỏ nghiệp ác
Tâm thường khéo quan sát
Thân, miệng, ý đều thiện
Cách Niết-bàn không xa.
Ai thường có tâm ác
Luôn luôn bị si mê
Thì phải đọa địa ngục
Còn rơi lệ làm gì?
Gây khổ mắc quả khổ
Diệt khổ được quả vui
Nghiệp ác đầu, giữa, sau
Gây khổ cho chúng sinh.
Làm người, ngươi gây ác
Tạo ra nhiều nghiệp ác
Nên nay sắp nhận chịu
Quả báo ác như vậy.
Người nào gây nghiệp ác
Thì sẽ đến nơi ác
Còn ai tạo nghiệp lành
Thì đi đến chỗ lành.
Đâu có chuyện tạo ác

Mà lại hưởng quả vui
Quả vui chỉ có được
Khi không sống điên đảo.
Từ đời xưa đến nay
Làm lành được quả vui
Người nào gây nghiệp ác
Thì nhận lấy quả khổ.
Nhân duyên thì tương tợ
Điên đảo không thích hợp
Đã tạo nhân từ trước
Nên nhận quả báo này.

Ngục tốt quở trách tội nhân đã tạo nghiệp ác hiện hữu trong thân trung hữu sắp vào địa ngục. Chỉ nghe quở trách, tội nhân đã sợ nổi da gà, huống gì là nhìn thấy cảnh địa ngục. Khi đã thấy lửa địa ngục cháy hừng hực năm ấm của tội nhân đều lạnh run. Họ thấy khó chịu đối với lửa hừng hực ở đấy.

Do tham nên khởi tâm chấp thủ, thủ là nhân duyên của hữu, ở tất cả các cõi đều như vậy. Hữu là nhân duyên của sinh. Vì tội nhân có nghiệp ác là sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, tà kiến, lại có tà hạnh là cưỡng bức Tỳ-kheo-ni làm việc dâm dục, trong khi họ là người hiền thiện không có tâm tham dục, giữ giới trong sạch. Do làm và tích tụ nghiệp ác này khiến thế lực của nó rất cứng chắc, nên họ chịu quả báo sau: Có đám lửa lớn cao năm trăm do-tuần, rộng hai trăm do-tuần, bốc cháy dữ dội. Người ấy bị sức mạnh của nghiệp ác ném thân họ vào lửa một cách nhanh chóng, như bị ném ở bờ biển ven núi lớn, không có chỗ để bám víu, tội nhân rơi thẳng vào khối lửa lớn.

Sức mạnh ở nơi địa ngục kéo tội nhân vào bên trong chốn có lửa cháy hừng hực. Do nghiệp ác, có móc sắt nóng trước tiên móc chân họ khiến lộn đầu vào lửa. Khi tội nhân đã vào trong lửa địa ngục rồi thì lần lượt bị thiêu các bộ phận như mắt, da đầu, xương đầu, xương mặt, răng, xương hàm, xương cổ, xương cột sống, xương sọ, cuống họng, tim, bao tử, ruột già, ruột non, xương hông, căn, xương đầu gối, bắp chân, cổ chân, ngón chân.

Do nghiệp ác, trước hết tội nhân vào trong bồn lửa lớn, tất cả các bộ phận của thân bị thiêu dữ dội. Bị thiêu xong, họ sống lại chịu khổ không dứt. Nỗi khổ đó rất lớn, tương ưng với nghiệp rất nặng mà họ đã gây khi làm người.

Sau khi bị thiêu dữ dội trong bồn lửa, tội nhân bị rơi xuống đất kim

cương phát lửa. Vì lo sợ họ giơ tay chống đỡ, khi vừa chạm đất liền bị bồng lên, như là trái cầu lên xuống không dừng, nảy lên rơi xuống một cách mau chóng. Họ đưa tay chống đỡ, gào rống la khóc, rơi xuống rồi nảy lên, kêu la liên tục.

Những lưới lửa lớn phủ kín thân họ, nên lúc bị nảy lên hư không họ cũng bị thiêu như khi vào trong lửa.

Qua vô lượng năm, họ bị bồn lửa lớn của địa ngục thiêu đi, đốt lại không ngừng, tất cả các bộ phận của thân bị thiêu rồi sinh trở lại.

Đến khi hết hạn được ra khỏi bồn lửa, do nghiệp ác, ngục tốt chẳng phải là chúng sinh, nhưng tội nhân thấy và cho đó là chúng sinh. Ngục tốt cầm kềm sắt phát lửa nóng gấp hai lần đám lửa nói ở trước.

Vì sao kềm lại nóng như vậy?

Do sát sinh nên bị bồn lửa thiêu. Do hai nghiệp ác là sát sinh và trộm cướp nên kềm nóng gấp hai lần. Ngục tốt không phải là chúng sinh đã dùng kềm kẹp tội nhân ngồi lên móc sắt phát lửa trên đất sắt nóng, móc sắt phát lửa đi vào theo đường đại tiện và đi ra bên lưng, hoặc đi ra trên ngoài thân, nói rộng như trước.

Khi họ đã ngồi, nỗi khổ tăng lên gấp ba, bị sắt bén, nóng cắt nhân căn và ngoại thân. Vì sao nỗi khổ lại tăng gấp ba lần? Đó là sát sinh, trộm cắp và tà hạnh, do nhân duyên này họ phải chịu khổ gấp ba.

Giống như người thợ rèn hoặc học trò của anh ta dùng bễ rèn thổi vào lò, hút gió đầy vào trong túi da và thổi ra làm lửa cháy hừng hực. Cũng như vậy, người tạo nghiệp ác do tích tụ đầy nghiệp ác nên gọi là người ác.

Người tạo nghiệp ác và đệ tử anh ta tích chứa đầy nghiệp nên gọi là gió nghiệp; hành dâm với phụ nữ là nước nóng trong lò rèn; việc tội nhân kêu gào thật to là thổi và đốt dữ dội; chứa nhiều nghiệp bất thiện là người bị nhiều nghiệp bất thiện thiêu đốt chịu khổ não cùng cực. Do nhân duyên ấy ở trong địa ngục họ chịu nỗi khổ gấp ba. Đó là quả báo của việc sát sinh, trộm cắp, tà hạnh.

Ngục tốt hỏi người có nghiệp chẳng lành nên bị lửa lớn đốt, đang nhăn mặt lo sợ trong địa ngục:

–Cái gì làm ông lo, việc gì làm ông khổ.

Người chịu khổ liền trả lời:

–Nay tôi đang chịu nỗi khổ lớn tuy vậy vẫn có thể chịu đựng nổi, nhưng nỗi khổ vì khát thì không chịu đựng được.

Nghe vậy, ngục tốt lại đưa họ đến sông dữ có tên Sóng đáng sợ. Sông

có đầy nước đồng sôi, trộn với nước chì, thiếc sôi rất nóng, ngoài ra còn có nhiều cục sắt nóng phát lửa. Bờ sông rất hiểm trở. Ai thấy sông ấy cũng đều rất lo sợ. Nếu nghe tiếng của nó thì càng khiếp vía. Ngục tốt lấy bát sắt nóng đựng đầy nước đồng và chì, thiếc nóng đưa cho tội nhân rồi nói:

–Ngươi có thể uống.

Do khát, tội nhân đưa hai tay bưng uống vì tưởng là nước.

Do nghiệp ác, nước đó lần lượt thiêu môi, lưỡi, cuống họng và toàn thân rồi đi ra ngỏ dưới.

Lại có thứ lửa nóng gấp bội. Do nghiệp gì mà có quả báo như vậy? Đó là sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, là người đã thọ giới mà tự uống rượu, lại đưa cho người xuất gia giữ giới uống. Quả báo của nghiệp khiến họ chịu nóng và khát nước, ở trong địa ngục phải uống nước đồng sôi.

Tỳ-kheo giữ giới ở trong chúng Tăng không biết là rượu, cho đó là thức uống trong sạch nhưng thật ra đó là rượu, rượu là chất độc, khi đã cầm rồi thì không thể xả bỏ, vì sợ chúng Tăng biết nên họ lén uống.

Do nghiệp ác này, họ không thể bỏ nước đồng sôi ở trong địa ngục và vội vàng uống vì khát. Đó là quả báo của nghiệp uống rượu.

Lúc ở nhà Đàn-việt, do sợ mất lòng thí chủ, thầy Sa-môn không đổ đi mà uống rượu. Quả báo của nghiệp này là ngục tốt lại hỏi tội nhân:

–Ngươi lo sợ điều gì?

Tội nhân đáp:

–Nay tôi sợ đói, trong các thứ khổ mà tôi đang chịu, nỗi khổ vì đói là hơn hết.

Nghe xong, ở trong sông nóng có những ngọn sóng đáng sợ đang bốc lửa, ngục tốt lấy sắt vò lại cho bùng cháy gấp năm lần và nói với tội nhân:

–Đây là thức ăn.

Do nghiệp ác làm si mê, tội nhân nghĩ: "Nay thức ăn đã đến" và lấy ăn ngay.

Như đã nói rộng ở trước, đầu tiên cục sắt đó thiêu môi tội nhân, xong lần lượt thiêu các bộ phận khác rồi đi ra theo ngả dưới.

Do sức của nghiệp ác, họ thường không chết, lưỡi sinh trở lại, mềm mại hơn cánh hoa sen, thân sinh trở lại và non nớt. Đó là quả báo của nghiệp ác.

Vị Tỳ-kheo quan sát do quả báo gì mà người kia sinh trở thành còn non nớt? Vị ấy thấy, nghe, biết Như Lai như ngọn đèn đã nói như vầy:

–Người nào sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, đưa rượu cho người khác uống, lại còn nói láo thì mắc quả báo. Người nào phạm giới, hành động trống rỗng, lại bảo là: "Tôi trì giới và ăn đồ ăn của chúng Tăng thì mắc quả báo như vậy".

Ngục tốt lại hỏi tội nhân:

–Lưỡi ngươi đã bị thiêu phải không?

Tội nhân ngu si gây nghiệp ác thè lưỡi cho ngục tốt xem. Lưỡi rất mềm mại như cánh hoa sen, rộng nửa do-tuần. Do nghiệp nói láo, ngục tốt dùng cày cày vô lượng lần trên lưỡi tội nhân khiến nó bị phá nát. Đau đớn quá tội nhân rên la inh ỏi. Do nghiệp nói láo, tội nhân chịu khổ lớn trong thời gian rất lâu đến vô lượng năm. Đó là quả báo của nghiệp ác mà họ tích tụ.

Sau khi chịu khổ như vậy, họ vẫn chưa thoát khỏi địa ngục. Ngục tốt lại nói kệ trách họ:

Như ngươi tiếc thân mạng
Người khác cũng như vậy
Ngươi sát sinh như vậy
Thì nghiệp ác phải đến.
Người đời thà bỏ mạng
Để tích chứa của cải
Sao lại lấy của người
Làm vật riêng của mình.
Mọi người đều yêu vợ
Hơn chính bản thân mình
Ngươi si mê nhiễm dục
Sao xâm phạm vợ người?
Người nào mà uống rượu
Không thể nào giác ngộ
Lỗi lớn nhất trong pháp
Vì sao ngươi uống rượu.
Trong lưỡi phát chất độc
Mọi người đều không tin
Sao ngươi không xả bỏ
Thói xấu vọng ngữ ấy.
Năm loại ác nghiệp này
Tâm người rất ưa thích
Nên nay phải nhận chịu

Sự buồn khổ phát sinh.
Nghiệp ái như chất độc
Nơi lửa cháy đáng sợ.

Ngục tốt quở trách tội nhân như thế. Quở trách xong, do nghiệp của chính họ tạo ra như dấu ấn khiến cả ngày lẫn đêm họ thường chịu khổ lớn, gồm vô lượng loại rất cứng chắc. Như vô lượng hành vi bất thiện, họ chịu vô lượng loại khổ não. Quả mà họ lãnh tương tự như nhân đã gây.

Quả khổ này là do hạt giống chứa đầy nghiệp ác. Ở trong địa ngục Đại tiêu nhiệt gồm đủ nghiệp ác. Người gây nghiệp ác thì chịu quả báo khổ. Người chứa nhiều nghiệp thiện thì hưởng đầy đủ quả vui.

Tội nhân chịu khổ như vậy trong vô lượng năm, nghiệp ác như là kẻ thù gây ra nhiều tai họa, thiêu nấu như vậy.

Nếu thoát được nơi đó, vì muốn được cứu giúp, che chở tội nhân chạy đến nơi khác, thấy ở đằng xa có rừng cây rất tốt. Nơi tối tăm đó có nhiều chó lớn, tên Trương khẩu đại lực chạy rất mau, miệng bằng kim cương, tiếng sủa nghe rất ghê rợn, sống đầy khắp rừng.

Thấy rừng cây, tội nhân mau chóng chạy vào. Tất cả các chó dữ đều đuổi theo tội nhân. Đầu tiên chúng ăn ngoại thận, rồi ăn thịt, da, gân, nam căn, mạch và các huyệt, xương và đốt xương, tất cả các phần của thân đều bị ăn hết không còn sót một chút gì dù bằng hạt cải.

Sau đó tội nhân sống lại làm thức ăn cho chó dữ trong một thời gian lâu dài. Do giết chúng sinh để ăn thịt nên họ chịu quả báo như vậy.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 12

Phẩm 3: Địa ngục (Phần 8)

Lại nữa, quả báo của việc trộm cắp là: Do nghiệp ác, ở trong địa ngục thấy tài sản của mình bị người khác cướp đoạt, liền đuổi theo và bị ngục tốt dùng dao sắt bén tóm lấy, chặt, cắt, khiến cho từng đường mạch đều bị đứt, đứt rồi sinh trở lại. Lại có những tội nhân khác chay vội đến, bị ngục tốt bắt, dùng dao, kích, chày, gông phát lửa chặt, đâm, giã, đánh. Đó là quả báo của nghiệp trộm cắp. Họ chịu như vậy trong vô lượng năm, đến khi nghiệp báo hết mới thoát khỏi địa ngục đó.

Người tà hạnh thì thấy vợ mình bị trôi trong sông tro, kêu la rất lớn, bị sóng dữ xô đẩy, có người trồi lên, có người chìm xuống. Họ kêu gọi tội nhân: Tôi đang ở trong sông tro ác hiểm này, không ai cứu giúp, anh có thể cứu tôi thoát khỏi tai nạn này không?

Bị nghiệp ác làm tâm si mê, nghe la khóc, tội nhân lội xuống sông tro và tất cả các bộ phận của thân đều lập tức bị tro làm thối rã không còn sót một chút bằng hạt cải, chỉ còn trơ xương. Sau đó thịt sinh trở lại. Thịt đã sinh rồi, tội nhân lại thấy người vợ lúc trước đang kêu cứu trong sông tro. Tội nhân chạy về phía trước và người phụ nữ ấy cũng chạy vội về phía tội nhân. Khi đã đến sát nhau, tội nhân muốn ôm người phụ nữ, người nữ cũng ôm lấy anh ta.

Nhưng người phụ nữ có thân bằng sắt nóng lửa cháy hừng hực, có móng bằng sắt bén nhọn. Khi ôm được tội nhân rồi, cô ta liền cấu xé khiến thân thể tội nhân tan nát hết chỉ còn trơ xương, khắp thân thể tội nhân toàn là máu và lưới gân. Do tâm tham dục che lấp, tội nhân thấy phụ nữ và lại chạy vào sông tro. Suốt vô lượng năm, họ bị cuốn trôi, bị thiêu đốt dữ dội. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi nơi đó. Khi sinh trở lại, họ bị đói khát thiêu đốt, chạy rong khắp nơi, thấy có sông và ao nước rất trong. Vì muốn được nước mát, họ vội chạy đến. Sông và ao chứa đầy nước chì, thiếc sôi và có nhiều rắn độc đầy khắp trong đó.

Quá khát và nóng, tội nhân liền uống nước chì, thiếc sôi ấy và rắn độc, rắn độc này là do nghiệp ác tạo ra. Rắn rất nhỏ, có thể chui vào miệng tội nhân. Khi đã vào bụng rồi, chúng lớn dần lên, bao tử của tội nhân cũng to lên.

Rắn ác ở trong thân và cắn hết mọi thứ trong đó. Trước tiên nó cắn ruột non và mổ ăn. Đó là do lỗi phá giới uống rượu.

Do nghiệp ác lừa dối, suốt vô lượng năm, họ bị rắn cắn, bị nước chì, thiếc thiêu, bị thiêu bị cắn chết rồi sinh trở lại. Đó là do đã thọ giới không uống rượu mà lại phá giới.

Lại nữa, do nghiệp ác nói láo, họ bị rắn cắn, chịu khổ não lớn trong vô lượng năm. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi nơi đó.

Thoát khỏi nơi đó rồi, họ chạy bủa khắp nơi và gặp quả báo không có tâm Từ bi. Nghiệp ác tạo ra chúng sinh nói với tội nhân: Vì sao không có tội và bị thiêu, không còn nơi nào khác hay sao mà sống ở đây, ta sẽ chỉ cho ngươi một nơi khiến ngươi được vui.

Nói xong, ngục tốt tóm tội nhân đem đến nơi khác trong địa ngục. Nơi ấy khác biệt và tội nhân nhận được nhiều khổ não khác.

Ngục tốt gây cho tội nhân đủ loại khổ não, ở tất cả các nơi lửa lớn thiêu đốt, tội nhân chịu đủ loại khổ, bị bờ hiểm bao quanh, khi thiêu đốt khắp chốn.

Kế đó, tội nhân lại vào vùng Đại thân ác hống đáng sợ, thường bị thiêu nấu, chịu khổ như vầy: Thân mềm và lớn đến mười do-tuần.

Sau đó họ lại vào vùng Hỏa kế, chịu khổ não lớn. Vùng Hỏa kế có lửa nóng nhất trong tất cả các loại lửa. Vùng này thường có mưa cát lửa thiêu nấu tội nhân. Cát dày đặc như mưa mùa hạ.

Có nơi khác tên Hội phí nhiệt. Nơi đây thường bị lửa tối tăm thiêu nấu, khiến thân thể tội nhân phồng to giống như túi da.

Lại có vùng tên Trá-trá-trá-tê, tất cả tội nhân ở nơi ngục đó dùng các bộ phận của thân cọ xát, cắt cứa lẫn nhau, chịu khổ não lớn.

Có nơi khác tên Phổ thọ nhất thiết từ sinh khổ não. Tội nhân bị nấu dữ dội, chịu khổ não cùng cực. Nơi này có nhiều chó, sư tử, chim thứu, heo, rắn rất hung dữ đáng sợ. Tất cả đều gây khổ cho tội nhân.

Lại có sông dữ tên Bì-đa-la-ni, ác thiêu ác phiêu, thiêu nấu tội nhân chín rục. Sông có tro nóng, đồng đỏ, chì, thiếc phát lửa sôi sùng sục. Các thứ đó gồm trăm ngàn loại. Tội nhân bị cuốn trôi và thiêu nấu dữ dội.

Có nơi khác tên Vô gián ám, tội nhân vào trong đó bị lửa tối thiêu nấu, chịu đủ loại khổ.

Lại có nơi tên Khổ man, tội nhân vào trong đó bị thiêu nấu khổ sở, bánh xe sắt nóng phát lửa quay ở trên đầu, cưa, cắt, mổ, xẻ tất cả các bộ phận của thân.

Thoát được rồi, họ lại đến nơi khác tên là Vũ lũ man đẩu tẩu và lại bị thiêu, nấu, toàn thân đều bốc cháy, thiêu xong họ bị ngục tốt dùng dao lửa, đâm, chặt đến trăm ngàn lần.

Thoát được rồi, họ lại đến vùng Man khối ô và lại bị thiêu đốt, thân và xương của tội nhân ở nơi ấy giống như tuyết, trong thân sinh ra lửa. Các tội nhân cầm dao bén chặt, róc lẫn nhau cả trăm ngàn năm.

Kế đó, họ lại vào vùng Bi khổ hống và thường bị thiêu nấu, khi bị nấu họ kêu rống rất to. Tất cả các địa ngục khác không có tiếng rống như vậy.

Được thoát nơi đó rồi, họ lại vào vùng Đại bi. Họ là người tà kiến, khen ngợi việc phi pháp, pháp ác cho là pháp.

Do nghiệp ác, người tà kiến thấy hình ảnh của người thân, hoặc cha con, hoặc anh em, ở vùng Đại bi, bị thiêu nấu, quằn quại đau khổ, than khóc: "Tôi nay cô độc quá, xin hãy đến cứu tôi!". Người cha, người con đều rất buồn khổ, giơ tay lên trên kêu gọi rất to. Tội nhân thấy vậy, lửa buồn rầu phát sinh, thiêu đốt củi ân ái. Sức nóng của lửa buồn rầu so với lửa địa ngục thì lửa sau cũng giống như băng tuyết. Bị hai loại lửa thiêu, tội nhân khổ não cùng cực nên kêu gào rất to.

Ngục tốt liền nói kệ trách họ:

Lửa ái nóng hơn lửa
Lửa khác chỉ như băng
Lửa địa ngục ở đây
Lửa ái khắp ba cõi.
Như vậy lửa địa ngục
Rất ít không đáng kể
Lửa do tham ái sinh
Cháy hừng độc và nóng.
Người ấy đọa địa ngục
Hết nghiệp mới thoát được
Lửa ái thiêu ba cõi
Chưa biết chừng nào thoát.
Tham ái trói buộc người

Sinh tử mãi không thôi
Ái sinh lửa địa ngục
Địa ngục không sinh lửa.
Lửa địa ngục tuy nóng
Chỉ có thể đốt thân
Lửa ái thiêu chúng sinh
Thân tâm đều bị đốt.
Lửa do tham ái sinh
Hơn hết mọi thứ lửa
Lửa địa ngục không khắp
Lửa ái ở cùng khắp.
Ba độc từ ba căn
Gây ra ba loại nghiệp
Sinh trưởng trong ba thời
Đều do lửa tham ái.
Lửa dục thiêu chư Thiên
Lửa sân đốt súc sinh
Lửa si thiêu địa ngục
Lửa ái thiêu tất cả.
Như vậy lửa tham ái
Thiêu đốt hết ba cõi
Vì sao không thích pháp
Nay lại sinh hối tiếc.

Quở trách tội nhân ở vùng ngục Đại bi xong, ngục tốt lại gây cho họ đủ loại khổ não. Thoát được nơi đó rồi, tội nhân lại bị nấu ở ngục Vô bi ám, lửa cháy khắp nơi, lại thiêu đốt tội nhân. Lửa có màu giống như cây chân-thúc-ca.

Thoát được nơi này, tội nhân lại bị nấu ở địa ngục Mộc chuyển. Tội nhân bị thiêu nấu ở mười sáu vùng khác nhau thuộc địa ngục ấy. Họ do bị lệ thuộc vào tà kiến, xâm phạm Tỳ-kheo-ni, vì tội ác này, trong vô số năm họ thường bị thiêu. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Thoát được rồi, họ lại sinh làm ngạ quỷ, súc sinh trong vô lượng đời bị đói khát thiêu nấu, ăn nuốt lẫn nhau, ăn trăm ngàn thân.

Do tà kiến, lại xâm phạm Tỳ-kheo-ni giữ giới thanh tịnh, họ khó được thân người, như rùa mù gặp lỗ hổng. Nếu được sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp, thì họ làm người "không đủ yếu tố nam nhân" trong năm

trăm đời. Đó là quả báo còn sót lại của nghiệp ác xâm phạm Tỳ-kheo-ni tịnh hạnh.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát đại địa ngục Đại tiêu nhiệt. Vị ấy thấy, nghe, biết người nào sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, tà kiến thì gây ra nghiệp và quả báo như đã nói ở trước.

Lại nếu người nào hủy phạm Ưu-bà-di giữ giới thanh tịnh thì chết sẽ bị đọa vào địa ngục, sinh ở nơi nóng bức, chịu khổ não cùng cực. Ở địa ngục đó, tất cả mọi thứ, kể cả hư không đều bốc cháy không có chỗ hở. Tội nhân ở trong lửa, giơ tay lên trời kêu la dữ dội. Họ bị loại lửa dữ tợn và mạnh mẽ nhất thiêu đốt, chưa kịp nguội đã sinh trở lại. Suốt vô lượng năm họ thường bị thiêu không dứt.

Thoát khỏi nơi ấy, mong được cứu giúp che chở, họ chạy đến nơi khác, bị ngục tốt bắt lại, dùng dây sắt phát lửa trói từ chân đến đầu. Bị trói gấp nên máu chảy lên tập trung nơi đầu. Sau đó lại bị ngục tốt dùng móc sắt phát lửa đóng từ trên đầu xuyên qua dưới cằm vặn xoay rất nhanh và kéo ra khiến máu tội nhân chảy như đồng đỏ, bốc lửa hừng hực tưới lên thân thể.

Suốt vô lượng năm, máu tưới lên thân và thiêu nấu nó, chết rồi sinh trở lại. Do nghiệp ác, tội nhân bị thiêu nấu trong mọi lúc. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi nơi đó và sinh làm ngạ quỷ, súc sinh suốt vô lượng năm. Nếu sinh làm ngạ quỷ thì chịu nỗi khổ đói khát, nếu sinh làm súc sinh thì chịu nỗi khổ ăn nuốt lẫn nhau. Trong vô số năm chúng bị người khác giết hại ăn thịt.

Chịu khổ xong, họ khó được thân người như rùa mù gặp lỗ hổng. Nếu sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp thì nghèo khổ nhiều bệnh, thường gây buồn phiền cho người khác, tâm bị loạn động không dứt, tuổi thọ ngắn, làm người chẳng ra người nam suốt bốn trăm đời. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát đại địa ngục Đại tiêu nhiệt. Vị ấy thấy, nghe, biết người nào sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, tà kiến thì gây ra nghiệp và quả báo như đã nói ở trước.

Lại như người nào hủy phạm giới Sa-di thanh tịnh thì khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục, sinh ở vùng Đại thân ác hống rất đáng sợ, chịu khổ não không kể xiết. Nỗi khổ đó đã nói ở trước. Tất cả các nỗi khổ trong các địa ngục trước đều có ở địa ngục này, ngoài ra còn có nỗi khổ hơn hẳn. Thân tội nhân lớn một do-tuần, rất mềm giống như cục bơ, bị ngục tốt nắm giữ, dùng kềm nhỏ nhổ hết lông, rứt luôn cả thịt. Từ chân đến đầu đều bị rứt

hết, không sót một chỗ nhỏ bằng hạt cải. Tội nhân chịu khổ cùng cực vì bị rã nát nên kêu gào rất to. Tội nhân nơi các địa ngục khác nghe tiếng la đó thì tim bị vỡ nát.

Do giặc tâm lừa dối họ đã tạo nghiệp ác. Bị nghiệp của chính mình đánh lừa, nên tội nhân chịu khổ và phát ra âm thanh ấy. Để quở trách tội nhân, ngục tốt nói kệ:

Tâm dục sinh lời ngọt
Nghe lời ngọt dục sinh
Lời dâm dục rất ác
Nay chịu quả báo này.
Lời dục mũi nhọn bén
Tự cắt thân chúng ta
Thà cắt lưỡi bỏ đi
Không nói lời dâm dục.
Dục lừa dối chúng sinh
Tâm sân cháy rất mau
Do tâm si cầm cương
Nói lời ngọt dâm dục.
Dâm dục được vui ít
Tạo nghiệp ác rất nhiều
Tâm dục sai người ngu
Từ khổ đi đến khổ.
Dục vui trong chốc lát
Chẳng vui, cũng chẳng thường
Đời sau chịu khổ cực
Vì vậy nên bỏ dục.
Người bị dục che lấp
Sống trong nhà địa ngục
Ai không lệ thuộc dục
Thì chẳng sợ địa ngục.
Người nào tạo nghiệp ác
Quyết định chịu khổ não
Kẻ hèn hạ buồn khổ
Vì sao lại kêu la.
Gây ác đọa địa ngục
Hết nghiệp mới được thoát
Không phải kêu la nhiều
Mà được giải thoát đâu.

Người nào muốn tự tại
Lại gây ra nghiệp ác
Kẻ ngu nay chịu khổ
Kêu la có ích gì.
Nếu thấy quả vị lai
Hiện tại ưa làm thiện
Người ấy không kêu la
Như ngươi trong ngày nay.

Quở trách tội nhân xong, ngục tốt lại gây ra đủ loại khổ não. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi nơi ấy và sinh làm ngạ quỷ, súc sinh trong vô lượng đời.

Thoát khỏi nơi đó, họ khó được làm thân người như rùa mù gặp lỗ hổng. Nếu sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp thì chết yểu, bần cùng, tâm loạn, không chân chánh, nói ra điều gì cũng không ai tin, làm người "không ra người nam" trong bốn ngàn đời. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát đại địa ngục Đại tiêu nhiệt. Vị ấy thấy, nghe, biết có nơi khác tên Hỏa kế, là vùng thứ ba thuộc địa ngục ấy. Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở đây?

Vị ấy thấy có người sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, tà kiến gây ra nghiệp và quả báo đã nói ở trước.

Lại nữa, nếu người nào làm việc trái đạo lý đối với người nữ giữ oai nghi, nết hạnh chân chánh thì khi chết sẽ sinh vào ngục Hỏa kế chịu khổ não lớn. Nỗi khổ đó đã nói ở trước. Tất cả các nỗi khổ ở các địa ngục trước đều có đủ nơi địa ngục này và tăng gấp mười.

Ở đây lại có nỗi khổ dữ dội hơn. Do nghiệp ác, ngục Hỏa kế có nhiều trùng dữ, tên Tợ kế, trương lên như dây cung, trùng có nọc độc cực mạnh và răng rất bén.

Ngục tốt bắt tội nhân, trói tay chân, bày thân thể trên đất sắt nóng, có nhiều móc sắt nóng. Đau đớn quá, tội nhân la khóc kêu gào. Trước hết lửa thiêu lưng, khiến tội nhân chịu khổ cùng cực. Ngục tốt bắt trùng Tợ Kế đặt vào hậu môn tội nhân. Trùng có hình như dây cung, chui vào thân, phun độc và gây khổ dữ dội. Chỗ trùng chạm vào giống như có lửa. Đầu tiên, trùng đốt hậu môn, đốt xong liền ăn. Ăn hậu môn xong, lần lượt đi lên các bộ phận như thục tạng, sinh tạng, ruột non, ruột già, đến đâu chúng cũng thiêu đốt rồi cắn ăn. Ăn xong chúng chạy khắp thân thể. Trong thân tội nhân giống như con chim bồ câu trắng mới ra ràng nhưng vẫn không chết.

Trùng dữ lại chạy lên cổ họng. Trên đường đi, nó thiêu đốt quả tim rồi ăn. Đau đớn quá, tội nhân kêu gào than khóc, vì phải chịu hai loại lửa thiêu đốt, bên trong thân bị trùng Tợ kế ăn, bên ngoài bị lửa địa ngục đốt.

Ăn cuống họng xong, trùng Tợ kế chạy lên mặt. Khi đã chạy đến mặt, trước hết trùng thiêu và cắn ăn cuống lưỡi, ăn xong chạy vào tai và ăn tai, kế đó chúng chạy lên sọ não và ăn não.

Ăn xong, trùng phá đầu chui ra ngoài, thế mà tội nhân vẫn không chết. Do sức mạnh của nghiệp ác, khắp thân đều có lỗ hổng, trùng dữ lại vào trong ấy, tội nhân lại bị lửa địa ngục thiêu, cả trong lẫn ngoài đều bốc lửa. Do nghiệp ác, suốt vô lượng năm, họ bị ăn rồi lại bị ăn, bị ăn xong họ sinh trở lại để rồi bị ăn tiếp, chết đi sống lại. Tội nhân chịu khổ não lớn là do sức mạnh của nghiệp ác.

Thoát khỏi nơi đó, tội nhân chạy đến chốn khác và thấy đàn rắn đến cùng một lúc. Thấy thế, họ rất sợ, chạy tới nơi khác. Các con rắn do nghiệp ác tạo ra chạy nhanh như gió về phía tội nhân. Đến nơi, chúng quấn khắp thân tội nhân, dùng răng rất bén và có nọc rất độc cắn tội nhân khiến họ chịu trăm ngàn loại khổ não thảm khốc.

Tội nhân chịu ba loại lửa thiêu đốt là lửa đói khát, lửa rắn độc, lửa địa ngục. Trong vô lượng năm, họ thường bị thiêu không biết đến bao giờ, hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Được thoát rồi, họ sinh làm ngạ quỷ, súc sinh trong vô lượng đời. Lúc làm ngạ quỷ, bị đói khát thiêu đốt dữ dội, khi làm súc sinh thì thường bị loài khác giết hại ăn thịt.

Thoát khỏi nơi đó rồi, họ khó được làm thân người như rùa mù gặp lỗ hổng. Nếu sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp thì làm người chẳng ra người nam trong trăm năm đời. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát địa ngục Đại tiêu nhiệt xem còn vùng nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có vùng khác tên Vũ sa hỏa *(Mưa cát lửa)* là vùng thứ tư thuộc địa ngục ấy.

Do nghiệp gì mà chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy có người sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, tà kiến, gây ra nghiệp và quả báo đã nói ở trước.

Lại có người làm việc tà hạnh, gây hạnh ác đối với Sa-di-ni rồi sinh vui mừng, khi hồi tưởng lại vẫn còn vui mừng.

Do nghiệp ác ấy, khi chết họ bị đọa vào ngục Vũ sa hỏa thuộc địa ngục Đại tiêu nhiệt chịu mọi khổ não như đã nói ở trước. Ngục này có đủ

tất cả các nỗi khổ mà tội nhân các ngục trước phải chịu. Ngoài ra, nó còn có nỗi khổ vượt trội hơn, ở đó lửa tràn ngập năm trăm do-tuần, mọi thứ đều phát lửa, có cát kim cương đầy trong đó, cát mềm mại như nước. Người điều khiển việc thiêu đốt còn sợ bị chìm, huống gì là tội nhân nghiệp nặng. Tội nhân vào trong đó liền bị chìm xuống như vào trong nước. Do nghiệp ác, tội nhân chìm xuống lại trồi lên, cát kim cương có ba góc cạnh như mũi nhọn rất bén phát ra lửa mài vào thân tội nhân cho đến xương mòn hết. Mòn rồi, chúng sinh trở lại, sinh rồi lại bị mài, hết rồi sinh trở lại. Tội nhân bị chết đi sống lại nhiều lần nhưng không ai có thể cứu. Bị rơi vào trong cát lửa, họ la khóc kêu gào, rơi nước mắt thở than.

Do nghiệp ác, họ không thể tự thoát khỏi nơi khổ sở ấy trong một thời gian dài. Nếu nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi ngục ấy. Tuy thoát nơi ấy, trong vô lượng đời họ làm quỷ đói, súc sinh. Khi làm quỷ đói thì bị đói khát thiêu đốt, lúc làm súc sinh thì ăn nuốt lẫn nhau, trong một ngàn đời thường bị loài khác giết hại. Nếu thoát được nơi ấy, họ khó được làm thân người như rùa mù gặp lỗ hổng. Nếu sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp, thì luôn nghèo, thường bệnh, không được mọi người tin tưởng, làm người chẳng ra người nam. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát đại địa ngục Đại tiêu nhiệt xem còn nơi nào khác. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Nội nhiệt phí là vùng thứ năm thuộc địa ngục ấy.

Do nghiệp gì chúng sinh sinh vào nơi này?

Vị ấy thấy có người sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, tà kiến, gây ra nghiệp và quả báo như đã nói ở trước.

Lại có người tà kiến, tà hạnh, cưỡng ép Ưu-bà-di đang giữ năm giới làm việc phi pháp, gây ô uế tiết hạnh của cô ta, khiến giới bị sứt mẻ. Vị ấy nghĩ rằng, phá giới không có tội và không tin nghiệp quả.

Do nghĩ ác, làm ác, khi chết họ bị đọa vào ngục Nội nhiệt phí chịu nhiều khổ não, như đã nói ở trước. Ngục này có đủ tất cả các nỗi khổ mà tội nhân ở các địa ngục trước chịu. Ngoài ra còn có nỗi khổ hơn hẳn. Nơi đó có năm núi lửa, bên trong sôi sùng sục. Năm ngọn núi này khiến cả địa ngục đều sôi sùng sục. Ngọn thứ nhất tên Thiêu khắp, ngọn thứ hai tên Sâu không đáy, ngọn thứ ba tên Ám hỏa tụ xúc, ngọn thứ tư tên Cắt tiệt, ngọn thứ năm tên Nghiệp chướng.

Địa ngục ấy rộng một ngàn do-tuần, năm ngọn núi cách núi Phổ luân và Đại luân rất xa. Tội nhân thấy năm ngọn núi có sen xanh, trên ngọn núi có nhiều cây cối, đầy đủ ao nước, hy vọng tới đó sẽ được an lạc nên chạy

mau đến.

Do nghiệp ác, lửa ở trong núi bị gió dữ thổi, bừng cháy thiêu đốt tội nhân khiến họ quằn quại. Bị thiêu xong, họ lại thấy có ngọn núi lớn và xanh nên chạy lên để mong được ẩn náu, khỏi bị thiêu. Vừa tới nơi, họ liền rơi vào trong đó như tên bắn cắm vào mục tiêu trên tấm bia. Vào rồi, họ không biết mình đang ở đâu. Nơi núi Nội nhiệt phí, tội nhân bị chìm không xác định được phương hướng, nơi chốn.

Sau khi bị thiêu nướng, họ lại rơi vào núi dữ Ám hỏa tụ xúc, các căn bị bế tắc, chịu hết thảy khổ, như mũi tên đã nạp vào lẩy nỏ, họ chịu đủ hết thảy quả báo của nghiệp ác.

Do tích tụ nghiệp ác nên tội nhân chịu khổ não cùng cực trong núi Ám hỏa tụ xúc, không ai cứu được, không có bè bạn, chịu quả báo do nghiệp của chính họ gây ra, chịu khổ cùng cực trong thời gian lâu dài, thường bị thiêu, thường bị nấu, bị gió nghiệp thổi, tất cả thân thể ở vùng Nội nhiệt phí đều chín.

Khi ra khỏi nơi ấy, do không đủ sức nên họ không thể chạy. Ngục tốt bắt bỏ trên núi Cắt tiệt, dùng cưa sắt phát lửa cắt nhân căn. Cắt rồi, nó sinh trở lại còn non mềm và lại bị cắt tiếp. Họ bị cưa, cắt vô lượng lần, chịu khổ não lớn. Kế đó họ đến núi Nghiệp chướng chịu khổ não cùng cực, kêu la nói kệ:

Như ta tự gây nghiệp
Nay chịu quả như vậy
Do giặc tham dục thiêu
Nay đến địa ngục này.
Phóng dật là không tốt
Lửa dục đốt thân người
Lưới dục trói buộc ta
Khiến ta đến nơi này.
Trước đây ta không biết
Dục gây khổ như vậy
Bị ngu si lừa dối
Tự làm nay tự chịu.
Kẻ ác là tâm dục
Dắt ta đến nơi này
Biển khổ não không bờ
Làm sao có thể thoát?
Nghiệp là nỗi khổ nhất

Nay ta đang chịu đựng
Chưa từng có lúc vui
Địa ngục khổ không dứt.

Người ở trong địa ngục tro lửa chịu khổ bậc nhất kêu la như vậy. Trong tất cả các thời, tội nhân thường chịu mọi thống khổ, hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt, đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Kế đó, họ làm quỷ đói, súc sinh trong vô lượng đời. Khi làm quỷ đói thì nhìn lẫn nhau và bị đói khát thiêu đốt, khi làm súc sinh thì ăn nuốt lẫn nhau, chết đi sống lại suốt trăm ngàn đời.

Thoát được nơi đó, họ khó được làm thân người như rùa mù gặp lỗ hổng. Nếu sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp thì do sức mạnh của nghiệp ác cũ họ nghèo nàn, nhiều bệnh, các căn thiếu, đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát đại địa ngục Đại tiêu nhiệt xem còn nơi nào khác. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Trá-trá-trá-tê là vùng thứ sáu thuộc địa ngục ấy. Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy có người sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, tà kiến, gây ra nghiệp và quả báo như đã nói ở trước.

Lại có người tà hạnh làm việc phi phạm hạnh với phụ nữ đã thọ giới, chánh hạnh, từ một đến hai, ba, bốn, năm lần. Họ làm việc không nên làm, lừa dối, dụ dỗ chị em, dòng họ, bà con, vợ người bà con, vợ bạn bè, làm việc tà hạnh.

Do nghiệp ác ấy, khi chết họ bị đọa vào ngục Trá-trá-trá-tê thuộc địa ngục Đại tiêu nhiệt chịu mọi thống khổ, như đã nói ở trước. Tất cả các khổ não mà tội nhân các địa ngục trước chịu đựng thì ngục này đều có đủ. Ngoài ra còn có nỗi khổ lớn hơn, như có gió dữ, va chạm mạnh bậc nhất, cuốn trôi và thổi dữ dội khiến các bộ phận trong thân của tội nhân đều bị tan rã như lông kiếp-bối, bay lả tả như lông dê bị búng.

Gió lớn mạnh dữ dội thổi vào thân tội nhân khiến từng chòm lông đều bị phân tán, giống như lông măng, không thấy được, không phân biệt được, như lông kiếp-bối-sa, sau khi phân tán thì hợp trở lại. Thân của tội nhân cũng như vậy, bị gió dữ thổi phân tán khắp mười phương.

Ở trong địa ngục, thân tội nhân bị gió dữ bén như dao cắt xẻ rã rời, tan nát như cát, đến nỗi không thể thấy một mẩu nào còn sót, ngay cả sợi lông cũng không thể thấy. Do nghiệp ác, tất cả các bộ phận của thân sinh trở lại, rồi bị tan rã. Do sức mạnh của nghiệp tham dục nên họ bị như vậy.

Tai hại của tham dục như đã nói ở trước. Suốt vô lượng năm, hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Nếu thoát khỏi khổ này thì bị chuột dữ bằng kim cương ăn nhân căn, nhai cho nát như hạt cải khiến tội nhân đau khổ kêu la. Ăn nhân căn xong, nó lần lượt ăn ruột, thục tạng, rồi bò ra sau lưng. Kế đó nó ăn lưng và xương lưng. Do nghiệp ác, trong vô lượng năm, tội nhân chịu mọi nỗi khổ ở địa ngục.

Sau thời gian dài họ mới thoát được nơi khổ não đó và chạy đến nơi khác. Họ bị trùng đen quấn quanh thân. Trước tiên nó quấn thiêu và ăn nhân căn, khiến tội nhân chịu khổ não cùng cực, kêu la rất to. Trùng đen này thường quấn, thường ăn. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi nơi ấy. Sau đó, họ sinh làm loài ngạ quỷ tự ăn thịt mình trong vô lượng đời, tuy tự ăn thịt trên thân mình mà vẫn không chết. Đó là do nghiệp làm việc phi phạm hạnh đối với chị em ruột của mình, tự thọ hưởng lạc thú nên nay phải tự ăn thịt nơi thân.

Thoát kiếp quỷ đói, họ lại sinh làm loài súc sinh, thường làm heo nái, tự ăn con mình như lúc làm người hành dâm với người thân. Thoát được nơi ấy, họ khó được thân người như rùa mù gặp lỗ hổng. Nếu được làm người ở nơi tương ưng với nghiệp, thì nhân căn thường bị bệnh hiểm nghèo. Do nhân căn bị bệnh hành hạ nên họ tự cắt nhân căn, nếu có vợ thì bị người hèn hạ xâm phạm và bản thân thì hành dâm với người không tương ưng. Đó là do nghiệp xâm phạm vợ người khác mà ra.

Trong tất cả các điều ác, tà kiến, tà hạnh là sâu nặng nhất. Nghiệp bất thiện này không tương ưng với đường thế gian lẫn xuất thế gian.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát đại địa ngục Đại tiêu nhiệt xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Nhận chịu hết tất cả khổ não về đời sống là vùng thứ bảy thuộc địa ngục ấy.

Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy có người sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, tà kiến, gây ra nghiệp và quả báo như đã nói ở trước. Nay nói về tà hạnh.

Có Tỳ-kheo tham đắm nên làm việc không nên làm, dùng rượu dụ dỗ lừa người phụ nữ giữ giới uống khiến họ mất hết tâm trí rồi cùng hành dâm hoặc chiếm lấy của cải. Do nghiệp ác này khi chết họ bị đọa vào ngục "Nhận chịu hết tất cả khổ não về đời sống" thuộc địa ngục Đại tiêu nhiệt chịu khổ não vô lượng, như đã nói ở trước.

Tất cả các khổ não trong các địa ngục trước đều có trong ngục này. Người thường xuyên tu tập giới lành mà bỏ đường lành tu theo đường ác,

làm theo nghiệp ác, thích làm việc bất thiện, thì do nghiệp ác đó sẽ chịu khổ nặng hơn ở địa ngục. Khổ đó rất là nặng nề, bền chắc dữ dội hết mực.

Nơi đây có đủ tất cả các nỗi khổ mà tội nhân các địa ngục trước phải chịu. Từ ngón chân đến đầu đều bị đao lửa cắt gọt hết da nhưng không phạm vào thịt. Bị cắt gọt tất cả các phần của thân nên tội nhân chịu khổ não thảm thiết. Lóc da xong, ngục tốt đem tội nhân đặt trên đất nóng, rồi lấy lửa đốt.

Thân đã không có da, lại bị ngục tốt dùng bát sắt đựng nước tro sôi tưới lên, bị thiêu nấu như vậy, tội nhân chịu khổ não dữ dội, kêu la thất thanh, than thở, gào khóc.

Trong vô lượng năm, họ chịu mọi nỗi khổ não, không thể thoát được. Họ thường chịu khổ não dữ dội như vậy suốt một thời gian dài. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Nếu có nghiệp lành trong quá khứ đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh, thì cũng khó sinh làm người, như rùa mù gặp lỗ hổng. Nếu sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp, thì thường nghèo, thường bệnh, mắc bệnh hiểm ác, làm người sống bên bờ biển, hình thể không đầy đủ, chỉ có một chân, một mắt, hoặc một tay, thân lùn thấp, tuổi thọ ngắn, hoặc chỉ sống một ngày, sinh ở nơi như vậy. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát đại địa ngục Đại tiêu nhiệt xem còn nơi nào khác. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Tỳ-đa-la-ni thiêu đốt và cuốn trôi dữ dội, là vùng thứ tám thuộc địa ngục ấy.

Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy có người sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, tà kiến, gây ra nghiệp và quả báo như đã nói ở trước.

Nay nói về tà hạnh: Có người đốt hương cầu khẩn với phụ nữ, nắm tay cam kết, người phụ nữ ấy không có lỗi, sinh tâm chê hèn hạ, kẻ ấy cố gây lỗi cho cô ấy. Sau khi gây lỗi, lại thích thú như cũ và cùng nhau hành dục.

Do nghiệp ác ấy, khi chết kẻ ấy bị đọa vào ngục sông lớn Tỳ-đa-la-ni đốt, cuốn trôi dữ dội, chịu khổ não lớn, như đã nói ở trước. Tất cả khổ não mà tội nhân ở các địa ngục trước phải chịu, trong ngục này đều có đủ. Ngoài ra, còn có nỗi khổ hơn hết, là ở trong hư không tối tăm, mưa xuống gậy sắt nóng. Do nghiệp ác, gậy rất bén, chui vào thân tội nhân thiêu đốt dữ dội, tất cả các bộ phận của thân đều bị lủng lỗ, bị bửa, cắt, thiêu, nấu,

chia xẻ, bị thiêu đốt cả trong lẫn ngoài chịu khổ não cùng cực.

Bị gậy sắt phát lửa đánh đập, tội nhân chịu khổ não cùng cực, nỗi khổ ấy rất kiên cố không thể ví dụ được.

Chịu khổ xong, tội nhân chạy khắp nơi, rơi xuống bờ hiểm, phía dưới bờ có sông Tỳ-đa-la-ni thiêu đốt và cuốn trôi, trong sông chứa đầy rắn dữ. Thấy rắn, tội nhân rất lo sợ, bị rắn dữ có răng phát lửa và nọc độc nghiền nát thân thể ra như bụi, rồi ăn thịt. Quá đau khổ họ kêu gào, la khóc. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt.

Trải qua nhiều năm, nếu nghiệp ác hết thì họ mới thoát được địa ngục. Nếu không đọa vào loài ngạ quỷ, súc sinh thì họ cũng khó được thân người, như rùa mù gặp lỗ hổng. Nếu được sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp, thì thường nghèo khó, thường bệnh, luôn buồn khổ, làm tôi tớ cho người khác, các căn không đầy đủ, sinh ở biên địa, vùng núi băng tuyết phủ, mặt mày xấu xí giống mặt ngựa cỏ, chỉ ăn rễ cây, ngọn cỏ để sống, chưa từng biết các thức ăn bằng lúa gạo. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát đại địa ngục Đại tiêu nhiệt xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Vô gián ám là vùng thứ chín thuộc địa ngục ấy.

Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy có người sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, tà kiến, gây ra nghiệp và quả báo như đã nói ở trước.

Lại có người sai phụ nữ dụ dỗ người đang khéo tu tập, xa lìa tham, sân, si và sự trói buộc của cảnh giới bên ngoài khiến họ bị thoái lui. Do nghiệp ác ấy, khi chết người đó bị đọa vào ngục Vô gián ám chịu mọi thứ khổ não, như đã nói ở trước. Tất cả các khổ não dữ dội mà tội nhân các địa ngục trước phải chịu đều có đủ trong ngục này. Lại còn có nỗi khổ hơn nữa. Địa ngục ấy có trùng Địa bồn, mỏ rất bén, có thể phá hủy kim cương tan thành bọt nước. Do nghiệp ác tội nhân lại bị trùng dữ làm khổ não, hơn cả nỗi khổ ở địa ngục. So với nỗi khổ do trùng gây ra thì nỗi khổ ở địa ngục là rất vui.

Trùng Địa bồn phá xương tội nhân để ăn tủy. Tất cả nỗi khổ trong địa ngục hợp lại cũng không bằng một phần trăm nỗi khổ do trùng gây ra. Họ không thể thoát nạn trùng dữ dù có chạy khắp nơi. Suốt vô lượng năm, họ thường bị thiêu, nấu. So với nỗi khổ mà tội nhân nơi tất cả các địa ngục khác phải chịu thì nỗi khổ này dữ dội nặng nề nhất.

Chịu nỗi khổ như vậy, bị thiêu nấu trong mọi lúc, ở địa ngục nhưng

tội nhân vẫn không chết. Do sức của nghiệp ác, họ thường bị thiêu nấu ở địa ngục. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Nếu trong quá khứ có nghiệp thiện đã chín, không sinh vào loài ngạ quỷ, súc sinh thì họ cũng khó được thân người, như rùa mù gặp lỗ hổng. Nếu sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp, thì sinh vào nhà dâm nữ, làm tôi tớ cho người, nhan sắc xấu xí, tay chân lở lói, thường phải gánh nước. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát đại địa ngục Đại tiêu nhiệt xem còn nơi nào khác. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên là Khổ man là vùng thứ mười một thuộc địa ngục ấy. Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy có người sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, tà kiến, gây ra nghiệp và quả báo như đã nói ở trước.

Lại có người phụ nữ dâm dục, gặp vị Tỳ-kheo trì giới, chánh hạnh, không phạm giới luật, khi dòng họ có việc, vì lo sợ nên đi vào nhà thân tín, nhưng chủ nhà là người phụ nữ tà dâm, nói với Tỳ-kheo: "Hãy cùng hành dâm với tôi, nếu không tôi sẽ kiện cáo khiến thầy bị vua phạt, hoặc tôi sẽ bảo với chồng tôi là thầy xâm phạm tôi. Nếu cùng hành dâm thì tôi sẽ cho thầy nhiều thức ăn phụ và đủ loại thức uống thơm ngon, tôi và thầy rất vui lại không ai biết. Tôi nói với mọi người biết đây là Tỳ-kheo tốt, trì giới bậc nhất, khiến thầy có nhiều ngọa cụ và đầy đủ thuốc chữa bệnh, tôi sẽ bảo cho Đàn-việt cung cấp cho thầy đủ thứ!"

Do lừa dối khiến vị Tỳ-kheo hiền thiện thoái lui trên đường chánh, nên khi chết người phụ nữ đó bị đọa vào ngục Khổ man chịu khổ não cùng cực, như đã nói ở trước. Tất cả các khổ não trong các địa ngục trước đều có đủ ở địa ngục này. Ngoài ra, còn có nỗi khổ nặng nề hơn nữa. Ngục tốt bắt người phụ nữ, lấy bàn chải sắt bén chà lên da thịt, khiến thịt rớt hết chỉ còn trơ xương. Sau đó, thịt sinh trở lại, còn non mềm và lại bị chà, chà rồi lại sinh, sinh rồi lại chà. Ngục tốt bắt người phụ nữ ấy, thịt sinh ra càng nhiều và non mềm hơn, lại dùng bàn chải sắt chà khắp thân thể tội nhân, rồi dùng lửa thiêu đốt. Đau khổ cực độ, người phụ nữ kêu gào la khóc. Do tích tụ nghiệp ác tội nhân phải chịu khổ trong mọi lúc và chạy đi khắp nơi.

Do nghiệp ác, thấy vị Tỳ-kheo trước đây đi về phía mình, cô ta liền bị ý dâm dục lừa dối nên chạy mau về phía đó. Giặc nghiệp thật khó lìa bỏ, ở nơi dữ ác mà tâm dâm dục vẫn còn tồn tại, vừa thấy vị Tỳ-kheo ôm thân

thể mình, cô ta liền chui vào bồn lửa, bị lửa thiêu cháy cùng khắp. Suốt vô lượng năm chịu nỗi khổ cứng chắc, dữ dội nhất. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Nếu nghiệp ác hết họ mới thoát được địa ngục đó. Tuy thoát được nơi ấy, nhưng suốt năm trăm đời, họ sinh làm súc sinh và sau đó khó được thân người, như rùa mù gặp lỗ hổng. Nếu sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp thì phải làm phụ nữ, thường hốt dọn phân và nước tiểu trong thành, là người hèn hạ nhất, nghèo nàn, xấu xí, bệnh hoạn, tay chân lở lói, môi miệng sứt lở, sắc mặt rất xấu, không có cha mẹ và anh chị em thân thích, thường đi xin ăn để sống, áo quần rách rưới, dơ bẩn, thân thiếu hết một phần, bị thương ở bên ngoài, bị các đứa trẻ đánh và ném đá, chịu khổ cực trong cuộc sống. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 13

Phẩm 3: Địa ngục (Phần 9)

Lại nữa, biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát đại địa ngục Đại tiêu nhiệt xem còn nơi nào khác? Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Vũ lũ man đầu tẩu là vùng thứ mười một thuộc địa ngục ấy. Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy có người sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, tà kiến, gây ra nghiệp và quả báo như đã nói ở trước. Lại có người tà dâm, xâm phạm Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, hoặc là nhân lúc loạn lạc, đất nước không yên, nên cưỡng bức xâm phạm Tỳ-kheo-ni giữ giới chân chánh còn là con gái, làm nhơ nhuốc tịnh hạnh của cô ta. Do nghiệp ác ấy, khi chết họ bị đọa vào ngục Vũ lũ man đầu tẩu chịu nhiều thứ khổ não, như đã nói ở trước. Tất cả khổ não mà tội nhân các địa ngục trước phải chịu ngục này đều có đủ.

Ngoài ra, ở đây còn có nỗi khổ hơn hẳn. Có vô lượng đao bén bằng kim cương làm thành lưới đao che phủ khắp mọi nơi. Khi tội nhân di động thân tới lui, khắp thân thể liền bị cắt, lưới đao và lưới mũi nhọn kim cương trói tội nhân. Giống như con ruồi bị dính lưới, tội nhân ở trong lưới đó sống rồi lại chết, chết rồi sống lại, bị ngục tốt dùng tên sắt phát lửa bắn vào khắp thân, bị lưới kim cương trói và tên lửa bắn, tội nhân chịu khổ não vào bậc nhất, kêu la rên rỉ, buồn rầu, gào khóc, toàn thân rã nát và bị trói rất chặt.

Nếu thoát được nơi đó, do nghiệp ác khiến phải chịu khổ cực nên họ chạy khắp nơi và lại chui vào đống than đang cháy hừng, thân thể tan chảy, bị thiêu đốt nên họ kêu la nhưng không có bạn bè cứu giúp, an ủi. Thấy đàng xa có cánh cửa lớn phát ánh sáng, họ chạy vội đến. Đến nơi, có con trăn lớn còn độc hơn lửa và họ chui vào miệng nó, ở trong đó, tội nhân bị thiêu đốt không thể kêu la. Do nghiệp ác, con trăn lăn lộn làm tội nhân tan nát như cát, tất cả gân mạch đều bị dập nát. Suốt vô lượng trăm ngàn vạn ức a-tăng-kỳ năm, tội nhân bị thiêu, bị vặn bẻ tan nát. Khi thoát khỏi miệng trăn, gân mạch trong thân đều rã rời, tội nhân chạy khắp nơi và lại gặp ngục

tốt đến bắt. Ngục tốt dùng dao bén bằng sắt cắt tất cả các bộ phận của thân khiến thân giống con cá bị làm thịt. Suốt vô lượng năm họ thường chịu khổ như vậy. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Tuy thoát khỏi địa ngục nhưng lại phải làm quỷ đói, súc sinh trong năm trăm đời. Sau đó, họ khó được làm thân người như rùa mù gặp lỗ hổng. Nếu sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp thì nghèo nàn, thường đau bệnh, xấu xí, thân thể thường bị ghẻ lở, thường chịu khổ não. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát đại địa ngục Đại tiêu nhiệt xem còn nơi nào khác. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Phát quý ô là vùng thứ mười hai thuộc địa ngục ấy. Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy có người sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, tà kiến, gây ra nghiệp và quả báo đã nói ở trước. Lại có người tà dâm, hoặc vì say rượu, hoặc vì ý dục hừng hẫy, hành dâm với chị em. Do nghiệp ác, khi chết họ bị đọa vào ngục Phát quý ô chịu khổ não lớn, như đã nói ở trước. Tất cả các khổ não mà tội nhân ở các địa ngục trước phải chịu ngục này đều có đủ. Lại còn có nỗi khổ hơn nữa, là bị rơi vào lò đồng cháy bỏng, thân liền bị chảy tan, rồi hợp trở lại, sau đó lại tan chảy ở trong lò, sống rồi lại chết, chết rồi lại sống, thường chịu khổ cùng cực. Ngục tốt dùng hai cái bễ lò rèn thổi vào lò, khiến cho không thể phân biệt đâu là lửa trong lò, đâu là tội nhân. Suốt vô lượng năm, họ bị nấu trong lò như người ta nấu vàng. Người gây nghiệp ác bị thiêu nấu trong địa ngục như vậy, nếu được thoát khỏi lò đồng, họ bị ngục tốt bỏ lên đe và dùng chày sắt nện như thợ rèn nện cục sắt, lúc bị nện thì họ chết nhưng khi nhấc chày lên thì sống lại, trong vô số năm, tội nhân thường xuyên bị thiêu, bị nén. Nếu thoát khỏi nơi ấy, ngục tốt lại đặt họ vào bên trong cái trống. Do nghiệp ác, trống phát ra âm thanh đáng sợ, làm người nghe bị vỡ tim, nát rồi sinh lại, sinh rồi lại nát, họ cứ chết rồi lại sống, sống rồi lại chết. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục đó. Tuy thoát địa ngục nhưng họ lại sinh làm súc sinh trong sáu trăm đời, nếu sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp thì tâm thường hoảng sợ như nai hoang, tâm rối loạn không yên, thường sợ quan bắt trói, tuổi thọ rất ngắn, tâm không yên ổn. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát đại địa ngục Đại tiêu nhiệt xem còn nơi nào khác. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Bi khổ hống là vùng thứ mười ba thuộc địa ngục ấy. Do nghiệp gì chúng

sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy, nghe, biết người nào sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, tà kiến, gây ra nghiệp và quả báo như đã nói ở trước.

Nay nói về tà dâm. Có người nghe tà pháp trong buổi trai hội nên hành dâm với chị hoặc em gái. Pháp tà vạy mà Bà-la-môn thuyết giảng "Nếu người nữ thương người nam mà người nam không chịu lấy thì mắc tội nặng". Người Bà-la-môn cho rằng ai không làm vậy là phá hoại pháp, sẽ mắc tội. Vì bị pháp ác lừa dối nên họ đã làm việc tà hạnh. Do nghiệp ác, khi chết họ bị đọa vào ngục Bi khổ hống chịu khổ não đủ loại, như đã nói ở trước. Tất cả các khổ não trong các địa ngục trước, ngục này đều có đủ, ngoài ra còn có nỗi khổ hơn hẳn. Ở đây, tội nhân bị ngục tốt cầm chày sắt phát lửa giã đập rất mạnh, làm toàn thân tan nát không còn chỗ nào nguyên vẹn, giống như là gạo hoặc đậu. Toàn thân đều bị thương tích, chịu khổ nóng bức, cô đơn không bè bạn. Họ chịu nỗi khổ dữ dội trong thời gian lâu dài không thể tính được.

Nếu hết nghiệp, thoát được nạn chày sắt lửa, họ chạy khắp nơi rồi lại vào đất sắt phát lửa. Khi đã vào, họ liền té nhào xuống chịu nhiều khổ não nên kêu gào la hét. Họ lại thấy khu rừng lớn cách đó không xa, có màu như mây xanh rất là yên lặng, có nhiều tiếng chim hót, cách đó không xa có một ao nước lớn, trong sạch đáng yêu. Tội nhân nghĩ: "Đó là rừng cây yên tĩnh nhất và ao nước trong sạch nhất, ta đến đó sẽ được an vui". Vì mong được cứu giúp, che chở, họ chạy về phía rừng cây. Ở trong đất sắt nóng có nhiều đám lửa, tội nhân thấy rừng cây có nhiều chim cách đó không xa, nên chạy về phía rừng mong được an vui, mong được cứu giúp, nhưng khi đến nơi thì tất cả đều khác với điều họ đã thấy, khiến họ càng chịu khổ não. Tất cả mọi thứ đều rất đáng sợ. Nơi đó có rồng dữ, miệng rất lớn, có ngàn đầu, mắt phát lửa, phun độc dữ dội. Chúng là những cây mà trước đây họ đã thấy. Còn tiếng chim mà trước đây họ đã nghe nay chính là tiếng kêu gào của tội nhân đang bị cháy khắp thân. Tiếng mà trước đây đã nghe và cho là tiếng chim, đều là tiếng kêu gào rất lớn của tội nhân khi bị rồng bắt ăn thịt cùng gây ra đủ loại khổ đau. Sau khi bị rồng lửa ăn họ sống lại trong miệng rồng. Do nghiệp của mình, ở trong miệng rồng, họ chết rồi sống lại, sống rồi lại chết, thường xuyên bị ăn, suốt nhiều năm không thể tính hết, họ cứ bị ăn rồi sống lại. Nếu hết nghiệp được thoát khỏi miệng rồng thì họ rất nóng và khát. Họ lại thấy ao nước ở nơi khác nên chạy vội tới. Lửa tối phủ kín ao nước, lửa địa ngục đầy trong ao, sâu một do-tuần. Sau khi đến ao, tội nhân liền nhảy vào và chìm xuống, chịu khổ não dữ dội tương tợ với

nghiệp, không thể ví dụ. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Đến khi nghiệp ác hết, họ mới thoát khỏi địa ngục ấy. Tuy thoát nơi này, họ sinh làm loài ngạ quỷ, súc sinh trong bảy trăm đời. Sau đó, họ khó được thân người như rùa mù gặp lỗ hổng. Nếu sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp thì nghèo khổ, nhiều bệnh, bị người khác sai khiến, đi xin ăn trên đường phố, thân hình thấp bé. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát đại địa ngục Đại tiêu nhiệt xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Đại bi là vùng thứ mười bốn thuộc địa ngục ấy.

Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy biết người nào sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, tà kiến, gây ra nghiệp và quả báo như đã nói ở trước.

Lại có người theo người khác đọc tụng hoặc nghe giảng kinh luận, người ấy đa dâm, đã hành dâm thê thiếp của thầy. Vợ của thầy trinh tiết đã bị lừa dối, dụ dỗ làm việc dâm dục. Họ thường nói với mọi người: Đó là mẹ tôi, vì vợ của thầy cũng như mẹ mình, nhưng vì tâm si mê nên họ đã phản bội lòng tin của thầy và làm việc dâm dục như vậy. Do nghiệp ác ấy, khi chết họ bị đọa vào ngục Đại bi chịu khổ não lớn như đã nói ở trước.

Tất cả khổ não trong các địa ngục trước, địa ngục này đều có đủ. Lại còn có nỗi khổ hơn hẳn, nơi đó có giường sắt nóng, giường có dao bén giống như răng của cối xay bằng đá, tội nhân thường bị mài xát dữ dội trong đó, tất cả các bộ phận của thân, da thịt, gân mạch, xương tủy, máu, nước dịch đều bị hòa trộn, bị mài xát, họ kêu gào than khóc thảm thiết. Nghe âm thanh đó, tội nhân ở các địa ngục khác sinh khổ não lớn, không còn để ý đến nỗi khổ của chính mình. Tuy bị mài xát nhưng họ thường không chết. Suốt vô lượng năm họ bị mài như vậy mà vẫn sống hoài. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Nếu nghiệp ác hết họ mới thoát khỏi địa ngục ấy mà sinh làm loài ngạ quỷ, súc sinh trong sáu ngàn đời. Sau đó, họ khó được thân người như rùa mù gặp lỗ hổng. Nếu sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp thì hoặc là chết trong thai, hoặc chết khi vừa sinh ra, hoặc chết khi chưa ngồi được, hoặc chết khi chưa đi được, hoặc chết khi mới biết đi, biết chạy, sinh ra ở đâu các căn đều không đầy đủ. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát đại địa ngục Đại tiêu nhiệt xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết lại có nơi khác tên Vô bi ám là vùng thứ mười lăm thuộc địa ngục ấy. Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy, nghe, biết người nào sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, tà kiến, gây ra nghiệp và quả báo như đã nói ở trước.

Lại có người hành dâm với con dâu của mình. Do nghiệp ác đó, khi chết họ bị đọa vào ngục Vô bi ám chịu khổ não thảm khốc, như đã nói.

Tất cả những nỗi khổ ở các địa ngục trước đều có đầy đủ nơi địa ngục này, lại còn có nỗi khổ hơn hẳn. Đất ở nơi này bằng sắt, bốc lửa sôi sùng sục. Ngục tốt bắt tội nhân bỏ trên đất sắt nóng, làm tội nhân bị lật lên, rơi xuống đến trăm ngàn lần. Họ hợp thành một khối khít đến độ không chứa được đầu sợi lông và đều bị nấu. Ngục tốt dùng chày nện tội nhân làm thành khối khác kín hơn khối trước. Họ bị giã nhuyễn và hợp lại chặt kín không thể phân biệt. Suốt vô lượng năm, họ chịu nỗi khổ như vậy. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Nếu nghiệp ác hết họ mới thoát khỏi địa ngục và sinh làm loài ngạ quỷ, súc sinh trong chín trăm đời. Sau đó, họ khó được thân người như rùa mù gặp lỗ hổng. Nếu sinh làm người ở nơi tương ưng với nghiệp thì nghèo nàn, thường bệnh, thường bị kẻ thù phá hoại, sinh vào nước ác, làm người mọi rợ ở biển, là người hèn hạ nhất, tuổi thọ ngắn. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát đại địa ngục Đại tiêu nhiệt xem còn nơi nào khác nữa. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có nơi khác tên Mộc chuyển là vùng thứ mười sáu thuộc địa ngục ấy. Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy, nghe, biết người nào sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, uống rượu, nói dối, tà kiến, gây ra nghiệp và quả báo như đã nói ở trước.

Lại có người được người khác cứu mạng, hoặc là có bệnh sắp chết được người cứu, hoặc sắp bị giết và được người khác cứu, người ấy mang ơn mà không biết ơn, lại hành dâm với vợ của người đã cứu giúp mình. Do nghiệp ác đó, khi chết họ bị đọa vào địa ngục Mộc chuyển chịu vô số khổ não như đã nói.

Tất cả các khổ não trong các địa ngục trước đều có đủ trong địa ngục này, lại còn có nỗi khổ hơn hẳn. Nơi ấy có sông tên Kêu gào lớn chứa chì, thiếc sôi, thiêu nấu và cuốn trôi tội nhân. Có vô lượng tội nhân bị thiêu nấu và cuốn trôi dưới sông. Tội nhân ấy cũng bị sông cuốn trôi. Do bị cuốn quá mau nên đầu họ nhào xuống trước, khi đã vào họ bị chìm và cùng với các tội nhân khác luân phiên chèn ép lẫn nhau, không thể phân biệt. Bị các tội nhân ở trên đè ép, lại bị nước chì thiếc sôi thiêu nấu nên họ kêu gào, chịu khổ không dứt. Do nghiệp ác, tội nhân chịu khổ như vậy. Lại có cá lớn Ma-kiệt-thọ ăn các bộ phận của thân, bị ăn xong, họ sống trở lại và tiếp tục chịu

khổ như vậy. Hễ còn nghiệp ác là họ còn chịu khổ không dứt. Nếu nghiệp ác hết họ mới thoát khỏi địa ngục ấy mà sinh làm loài ngạ quỷ, súc sinh trong năm trăm đời. Sau đó, nếu được làm người ở nơi tương ưng với nghiệp thì bị tất cả người nữ đều khinh ghét, cha mẹ, vợ con, anh em đều chán ghét, trong năm trăm đời không thể làm việc dâm dục. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy lại quan sát đại địa ngục Đại tiêu nhiệt thì thấy chỉ có mười sáu vùng, không thấy vùng thứ mười bảy. Vị ấy quán khắp mọi nơi thì cũng chỉ thấy có mười sáu vùng. Địa ngục rất lớn, rất nóng, rất dữ này không có bờ bến, ở trong địa ngục, tội nhân bị thiêu nấu, chịu khổ não lớn là do nghiệp của chính mình, chẳng phải do người này mà người khác chịu khổ. Hễ có làm thì có chịu, không làm thì không chịu, ta phải nhận quả báo tương tợ với nghiệp đã tạo.

Sau khi tư duy về quả báo và hành nghiệp của địa ngục, Tỳ-kheo ấy nhàm chán sinh tử, không thấy có vui, thường, ngã, tịnh, chỉ thấy tất cả đường sinh tử đều vô thường, khổ, không, vô ngã. Đã thấy như vậy, vị ấy lìa bỏ tất cả tham dục, thoát khỏi sự trói buộc của dục, không còn làm việc dâm dục, lìa bỏ ý dâm dục, chấm dứt nguyên nhân tham dục. Thấy sự lầm lỗi tai hại của tham dục, vị ấy càng thêm lo sợ nên thu giữ ba nghiệp thân, khẩu, ý một cách chân chánh tu tập các hạnh thù thắng, không bị lệ thuộc và không bị ma sai khiến. Nhờ tu tập như vậy vị ấy thoát khỏi sinh tử và phá tan chiếc cùm ác tương tục.

Lại nữa, người tu hành tư duy, thuận theo chánh pháp, quan sát pháp hành và nghĩ: Tỳ-kheo ấy thật là hiếm có, có sức tăng thượng, thành tựu Địa thứ mười một.

Thấy Tỳ-kheo ấy siêng năng, không mệt mỏi, có sức tăng thượng, Dạ-xoa nơi đất hoan hỷ tâu lên Dạ-xoa hư không. Dạ-xoa hư không tâu lên trời Tứ Thiên vương. Như đã nói ở trước, họ lần lượt tâu lên cho đến Đại phạm thiên. Họ tâu: Ở thôn ấy, nước ấy, thuộc cõi Diêm-phù-đề có thiện nam tên đó, họ đó, cạo bỏ râu tóc, đắp pháp y, xuất gia chân chánh, không thích ở cảnh giới ma, không ưa tâm tham ái, không thích rắn phiền não, thấy người khác bị phiền não liền sinh nhàm chán đối với tất cả thế gian sinh tử.

Sau khi nghe, Phạm thiên hoan hỷ nói:

–Thế lực của ma đã giảm bớt, bè bạn chánh pháp tăng thêm.

Người tu hành dùng Thiên nhãn quan sát thấy Tỳ-kheo ấy đã thành tựu Địa thứ mười một, xem kỹ con đường chánh, biết được pháp nghiệp

báo, thấy rõ các nghiệp nơi thân, miệng, ý. Các Tỳ-kheo biết tường tận, chi tiết về ba loại nghiệp thân, khẩu, ý. Hoặc là trời, hoặc là ma, hoặc các vị trời cõi sắc, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn còn không thể biết rõ về chi tiết, huống gì là ngoại đạo Già-la-ca-ba-lợi-bà-xà-ca làm sao có thể biết được. Nếu đệ tử ta nghe ta dạy thì có thể biết về ba loại nghiệp vi tế, biết hết từng phần nhỏ.

Này các Tỳ-kheo! Nếu có người khác hoặc là ngoại đạo Già-la-ca-ba-lợi-bà-xà-ca hỏi như vậy, các ông đáp như vậy. Nếu bị hỏi như thế thì các ngoại đạo đó không thể trả lời. Vì sao?

Này các Tỳ-kheo! Chúng sinh bị lệ thuộc vào sinh tử.

Do chẳng phải là việc làm của họ, chẳng phải là cảnh giới nên họ chỉ biết sơ sài, không thể biết đầy đủ, chỉ biết thoáng qua, biết một cách lệch lạc, chỉ biết chút ít. Sự trình bày về ba nghiệp thân, khẩu, ý của họ chỉ làm hại người khác, không thể dứt trừ sinh, lão, bệnh, tử, buồn rầu than khóc và tất cả khổ não, không thể chứng Thánh pháp, không đến được Niết-bàn, chẳng phải là đạo rốt ráo, chẳng phải là pháp tịch tĩnh, chẳng phải là pháp an lạc, chẳng phải là đường sinh Thiên.

Ba loại thân, khẩu, ý mà họ tư duy chỉ có tâm ngã mạn. Này các Tỳ-kheo! Ngoại đạo Già-la-ca-ba-lợi-bà-xà-ca tự ý vui vẻ, không tư duy về công đức của sự vượt qua. Ba loại nghiệp thân, khẩu, ý của họ rất ác. Họ không giống ta được chút xíu, ví như đem Niết-bàn so với sinh tử thì không có giống nhau chút nào, như lý và tướng cách xa nhau. Sự hiểu biết về ba nghiệp của họ và của ta không giống nhau một chút nào.

Này các Tỳ-kheo! Các ông nên biết, các ngoại đạo đến hỏi thì chỉ có ngôn ngữ, còn Phật có chánh đạo, Niết-bàn tịch diệt, tất cả sinh tử đều vô thường hư hoại, đều khổ không vui. Các Tỳ-kheo nên biết, không có vật gì là thường còn, không có vật gì là đứng yên, không có vật gì là không biến động, không có vật gì là không đổi khác.

Này các Tỳ-kheo! Người tu hành thấy Tỳ-kheo ấy, biết rõ từng loại thân, khẩu, ý nghiệp và đạt đến thành Niết-bàn.

Lại nữa, người tu hành lại quan sát bằng cách nào Tỳ-kheo ấy thành tựu Địa thứ mười hai và thấy vị ấy siêng năng không mệt mỏi, quan sát nhân quả nơi nghiệp ác của bảy địa ngục lớn và các nơi khác.

Sau khi quán kỹ về nghiệp báo vị ấy biết lại có địa ngục rất lớn tên A-tỳ. Bảy địa ngục lớn và các vùng khác kia chỉ bằng một phần ngàn địa ngục A-tỳ.

Do nghiệp gì chúng sinh sinh ở nơi này?

Vị ấy thấy, nghe, biết người nào cố tâm giết cha, giết mẹ, lại có tâm ác làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng, giết A-la-hán, thì do nghiệp ác họ sinh vào đại địa ngục A-tỳ, trải qua một kiếp trụ, đến kiếp giảm thì nghiệp đã gần hết nhưng họ vẫn ở địa ngục A-tỳ, vì trong kiếp trung gian họ đã tạo nghiệp ác đọa vào ngục ấy. Họ bị thiêu nấu ở ngục A-tỳ trong kiếp giảm. Vì sao? Thời gian đã qua không thể kéo trở lại, vì vậy ở trong kiếp giảm họ bị thiêu nấu chịu khổ dữ dội, do phải trả quả báo của nhiều nghiệp ác trong thời gian ngắn. Người nào tạo nghiệp đọa vào ngục A-tỳ một cách miễn cưỡng thì chịu khổ không nặng lắm. Người nào tạo nghiệp vào địa ngục A-tỳ một cách cố tâm thì sẽ chịu nỗi khổ nặng nề. Tất cả nghiệp và quả báo của nghiệp đều là pháp do tâm và tâm sở tạo ra, đều là tâm tự tại, tâm hòa hợp, tâm tùy thuận.

Lại có sáu kết sử trói buộc chúng sinh, nếu tâm tịch tĩnh chúng sinh được giải thoát. Theo thứ tự, ở địa ngục A-tỳ, do gây nhân khác nhau nên khổ não mà họ phải chịu là có thân lớn và nhỏ khác nhau. Người nào mắc năm tội nghịch thì có thân dài lớn đến năm trăm do-tuần ở trong địa ngục. Người nào phạm bốn tội nghịch thì có thân dài bốn trăm do-tuần. Người nào phạm ba tội nghịch có thân dài ba trăm do-tuần. Người nào phạm hai tội nghịch có thân dài hai trăm do-tuần. Người nào phạm một tội nghịch có thân dài một trăm do-tuần.

Biết quả báo của nghiệp, Tỳ-kheo ấy quan sát đại địa ngục A-tỳ ở đây gọi là Mao khởi là địa ngục lớn nhất gồm bao nhiêu vùng?

Vị ấy thấy, nghe, biết khắp địa ngục này có mười sáu vùng mang các tên là:

1. Mỏ quạ *(Ô khẩu)*.
2. Nhất thiết hướng địa.
3. Vô bỉ ngạn thường thọ khổ não.
4. Cáo rống *(Dã can hống)*.
5. Thiết dã can thực.
6. Bao tử đen *(Hắc đỏ)*.
7. Thân dương.
8. Mộng kiến úy.
9. Thân dương thọ khổ.
10. Lưỡng sơn tụ.
11. Diêm-bà-phả-độ.
12. Tinh man.

13. Khổ não cấp.

14. Xú khí phú.

15. Thiết diệp.

16. Thập nhất diệm.

Khắp đại địa ngục A-tỳ có mười sáu vùng khác nhau như vậy.

Tỳ-kheo lại quan sát xem vì sao địa ngục A-tỳ là nơi người bị đọa vào đó sẽ chịu nhiều khổ não mà lúc sắp chết cho đến thân trung hữu họ lại sinh vào nơi khổ sở ấy? Vị đó thấy chúng sinh bị tham dục, sân hận, ngu si che lấp, tạo các nghiệp ác, gây nghiệp ác nên bị đọa vào vào địa ngục A-tỳ. Trong số những người gây ra nghiệp ác bị đọa vào địa ngục A-tỳ, có người do cầu sinh Thiên nên dùng lửa dữ đốt chết mẹ mình, có người xô mẹ rơi từ núi cao xuống cho chết, có người dìm mẹ xuống nước cho chết, có người bỏ mẹ mình chết đói. Do nghe điều ác nên người ngu si đi theo đường ác đã giết mẹ, do tâm tham, mong sinh Thiên nên họ giết mẹ hoặc bỏ mẹ chết đói, hoặc xô từ trên núi hiểm trở rơi xuống chết, hoặc lấy lửa đốt, hoặc nhận nước cho chết. Vì ưa thích và mong được sinh Thiên họ đã giết mẹ mình. Có người do tâm sân dùng thuốc độc giết mẹ. Có người do khinh rẻ, hoặc bị người xúi giục, hoặc tự ý mình nên giết mẹ giết cha. Do ba độc gây họa nên họ giết mẹ giết cha như vậy. Lại có người do ngu si không biết Như Lai là ruộng phước lớn nên đã giận dữ làm thân Như Lai chảy máu. Vì sân hận họ phá Tăng, giết A-la-hán. Do nghiệp ác đã tạo, hoặc phải xa lìa tất cả và sinh vào đại địa ngục A-tỳ.

Lúc sắp chết, trong số những người mang nghiệp ác, có người bị lửa lớn của địa ngục A-tỳ sinh ngay trên thân, có người lúc sắp chết, ở trong thân trung hữu đã chịu nỗi khổ của địa ngục A-tỳ khi còn ở vị trí trung gian. Dù cho họ đã tạo nghiệp ác bị đọa nơi địa ngục A-tỳ vào lúc nào đi nữa thì tất cả nghiệp thiện đều bị thiêu cháy ngay lúc ấy.

Nếu người đó xuất gia thì nhất định nhận chịu nghiệp, tất cả phần nghiệp giải thoát đều bị thiêu cháy hết, không được thọ giới. Sau khi thiêu xong, nghiệp ác thiêu đốt thân người ấy. Do tạo tội ngũ nghịch, họ không được hưởng những nghiệp tốt đẹp đã tạo trước kia. Nơi quyết định vận mệnh người ấy chính là địa ngục. Nó khiến cho tuổi thọ giảm thấp. Nếu số mạng là một trăm tuổi thì họ chỉ sống tới hai mươi tuổi, mong cầu điều gì cũng đều không được. Như là gieo giống vào ruộng muối, người gây nghiệp ác dù đã gây được nhân sinh Thiên thì ngay lập tức bị mất tất cả không được hưởng lợi ích, các căn chậm lụt, thường thấy mộng ác, thường gặp hết thảy các việc bất lợi, vợ con, nô tỳ đều bỏ đi, thường đói khát, nếu gặp

thức ăn ngon thì không được mùi vị vốn có của nó, âm thanh họ nghe đều bị hư hoại, xúc giác luôn khổ sở, sắc mặt rất dữ, tâm thường hoảng sợ, là người hèn hạ, không có lý do mà lại kinh sợ tất cả anh em, thân thích, thấy khói ở khắp nơi trên thế giới, các phần ngăn cách trên thân không đều, thấy cảnh tượng xấu ở xa, tắm rửa mau khô, thân thường bị bệnh nóng và bệnh vàng da, miệng thường mặn chát, giường nằm tuy mềm nhưng khi họ đụng vào liền cứng, nghe tiếng thổi sáo, tiếng đánh trống, tiếng đàn tỳ bà mà vẫn còn thấy khổ sở huống gì là các âm thanh khác.

Lại nữa, tỷ thức họ bị hư hỏng, ngửi vật có mùi thơm lại thành mùi thối, tất cả các bộ phận của thân đều bị rửa thối, tất cả lông tóc đều bị rơi rụng không chắc chắn, răng hư và đổi màu, tay chân nứt nẻ, quên hết mọi tính toán, ban ngày thường bị dọa nạt, nằm mộng liền hoảng hốt, do lo sợ nên thường gầy ốm, nếu dùng hoa đẹp đặt lên đầu và thân thì mau chóng khô héo, quần áo rách nát, thường sinh cấu ghét, mới tắm giặt xong liền có đất trở lại, khi đi trên đường tự nhiên bị té làm thân bị thương tích, tự thân cũng mọc nhiều mụt nhọt rất khó lành, khi ngủ cổ họng khô, thường thích uống nhiều nước, thành, ấp, thôn, xóm thật đông người mà lại thấy trống rỗng không thấy màu thật của mặt trời và trăng sao, gió nhẹ thổi đến cảm thấy đau buốt như sắt cắt thân, nếu muốn gần lửa thì thân bị đốt cháy, vừa nóng, vừa buốt, chịu đau đớn vì nóng gấp hai người khác, cảm thấy mặt trăng ấm, đối với nước rất lạnh họ cũng thấy ấm, rừng cây rất đẹp thấy thành xấu. Tiếng chim vốn đáng yêu nay nghe giống tiếng cáo kêu, thấy mọi người đều giống nhà mồ, thường nghe âm thanh đáng ghét, tuy uống rượu nhưng lại không thích, tuy không hề gây ác mà bị phạt tội, thường tiểu tiện ở ngã ba, ngã tư những phố lớn. Người đó bị chư Thiên xa lánh và thường gặp những việc không lợi ích, màu da người đó như rừng bị thiêu, mọi người đều ghét bỏ.

Người gây nghiệp ác có tướng A-tỳ ngay trong hiện đời, kế đó tướng chết hiện, mặt trời thấy thành mặt trăng, ban đêm thì thấy mặt trời, không thấy bóng mình, không có nguyên do mà lại nghe âm thanh đáng ghét, mũi nhăn và xiên xẹo, lông tóc dính nhau, thân bị sốt nóng đến chết, khắp thân bốc lên hơi nóng, có bốn trăm lẻ bốn loại bệnh thì họ mắc hết bốn trăm bệnh, khắp thân bị khổ não giày vò như bị thiêu trong hầm lửa, thân thể chứa tám mươi loại trùng, tất cả mạch, gân, da, mỡ, thịt trong thân đều có tám mươi loại gió thổi giết trùng ấy. Tám mươi loại trùng bị tám mươi loại gió giết.

Tám mươi thứ đó là:

1. Trùng Lông bị gió Mao quá giết.
2. Trùng Mỏ đen bị gió Tùy thời giết.
3. Trùng Vô lực bị gió Mộng kiến loạn giết.
4. Trùng Đại lực tác bị gió Bất nhẫn giết.
5. Trùng Mê tác bị gió Trùng sắc tự tác giết.
6. Trùng Hỏa sắc tác bị gió Vị áp giết.
7. Trùng Hoạt bị gió Thiết quá giết.
8. Trùng Hà phiêu bị gió Phẩn thỉ thượng giết.
9. Trùng Khiêu bị gió Phẩn môn hành giết.
10. Trùng Phân biệt kiến bị gió Ức niệm quá giết.
11. Trùng Ác xú bị gió Bì quá giết.
12. Trùng Cốt sinh bị gió Vị quá giết.
13. Trùng Miệng đỏ bị gió Mạch quá giết.
14. Trùng Châm thích bị gió Dục quá giết.
15. Trùng Mạch hành thực bị gió Cốt quá giết.
16. Trùng Tất-ba-la bị gió Thực lực giết.
17. Trùng Mỏ cứng bị gió Trì ngưu giết.
18. Trùng Không lông bị gió Cấu tác giết.
19. Trùng Miệng kim bị gió Thấp quá giết.
20. Trùng Vị xuyên phá bị gió Thỉ đa quá giết.
21. Trùng Bất hành bị gió Thực hòa hợp giết.
22. Trùng Thỉ tán bị gió Xỉ phá giết.
23. Trùng Ba đốt bị gió Hầu tập giết.
24. Trùng Tràng phá bị gió Hạ hành giết.
25. Trùng Tắc trương bị gió Thượng hành giết.
26. Trùng Kim bị gió Tam sương giết.
27. Trùng Phẩn môn thục bị gió Tiết tiết hành giết.
28. Trùng Bì tác bị gió Tâm quá giết.
29. Trùng Chỉ chủy bị gió Tán loạn giết.
30. Trùng Hòa tập bị gió Khai hợp giết.
31. Trùng Ác xú bị gió Tống bế giết.
32. Trùng Ngũ phong cọng vị bị gió Tàng tập giết.
33. Trùng Trúc trúc bị gió Tàng tán giết.

34. Trùng Tàng hoa bị gió Hành khứ lai trụ tẩu tác giết.

35 → 42. Trùng Đại siểm, trùng Rắn, trùng Đen, trùng Đại thực, trùng Noãn hành, trùng tai, mắt, mũi bị gió Thân giết.

43. Trùng Thỉ cốt bị gió Chiêm quá giết.

44. Trùng Chân đen bị gió Lãnh mạt quá giết.

45. Trùng Mật cát bị gió Tủy quá giết.

46. Trùng Não bị gió Y trảo giết.

47. Trùng Độc lâu hành bị gió Y túc nhất sương giết.

48. Trùng Đầu cốt hành bị gió Bất giác tác giết.

49. Trùng Phiền não dữ bị gió Phá hoại giết.

50. Trùng Nhĩ hành bị gió Hành phách giết.

51. Trùng Gia toàn thân bị gió Khối quá giết.

52. Trùng Chỉ biến hành bị gió Phá bễ giết.

53. Trùng Duyên lệ bị gió Phá tiết giết.

54. Trùng Niết xỉ cốt bị gió Bễ phá bất giác giết.

55. Trùng Duyên thực bị gió Lực lạng giết.

56. Trùng Thóa lãnh mạt bị gió Cân thôi trụ giết.

57. Trùng Thổ bị gió Thập hòa phiêu nội hành toàn giết.

58. Trùng Mật túy bị gió Mật loạn giết.

59. Trùng Lục vị hy vọng bị gió Mao trảo thỉ hoại giết.

60. Trùng Trữ khí bị gió Tinh xuất giết.

61. Trùng Tăng vị bị gió Phá hoại tác giết.

62. Trùng Mộng hy vọng bị gió Khoan trụ giết.

63. Trùng Mao sinh bị gió Càn thỉ tác giết.

64. Trùng Thiện vị bị gió Nhất sương phược giết.

65 + 66. Trùng Danh, trùng Mẫu bị gió Lục thứu giết.

67. Trùng Mao quang bị gió Nhất thiết phần thân tác giết.

68. Trùng Mao thực bị gió Kiện hoại giết.

69. Trùng Tập tập bị gió Nhất thiết động phần thân giết.

70. Trùng Tạc bị gió Nhiệt tác giết.

71. Trùng Sang sinh bị gió Hòa tập giết.

72. Trùng Chúc chúc bị gió Hạ thượng giết.

73. Trùng Cân bế bị gió Mạng giết. Khi gió Mạng đến người ấy liền vãi phân ra và chết.

74. Trùng Mạch động bị gió Bế giết.*

Tất cả chúng sinh lúc sắp chết đều có tất cả loại trùng và gió như vậy. Gió không tương ưng nên giết trùng ấy. Do nghiệp ác điên đảo, tội nhân ở địa ngục A-tỳ bị gió điên đảo thổi lên xuống như vậy.

Do nghiệp ác của họ, có gió rất mạnh thổi khắp thân thể. Tám mươi loại gió này giết tám mươi loại trùng tương ưng với nó theo sự điên đảo. Có gió tên Tất-ba-la châm có thể khiến toàn thân khô kiệt như cây mía bị máy ép, tất cả máu đều khô, tất cả mạch bị bế tắc, tất cả gân bị đứt, tất cả tủy đều cạn, chịu khổ não cùng cực.

Người tạo nghiệp ác tương ưng với người của địa ngục A-tỳ, lúc sắp mạng chung, thì trùng ấy cũng sắp chết, họ liền thấy có cảnh tượng là tướng địa ngục giống như cái nhà bị màn đen che phủ, lửa nổi lên một bên và từ từ lan khắp thiêu hết tất cả mọi thứ trong cái nhà bị màn đen che ấy. Thấy như đã bị thiêu, họ kinh sợ nhăn mặt rên la, hai tay quơ loạn xạ, mắt láo liên và chảy nước mắt, nghiến răng ra tiếng, môi mím lại.

Họ lại thấy cảnh tượng thứ hai, là một đống tối đen khổng lồ nên càng kinh hoàng, thấy nhiều sư tử, hổ, báo, gấu, trăn, rắn… nên rất lo sợ, từ trên núi cao sắp rơi xuống bờ hiểm. Vì sợ bị rơi từ trên núi xuống nên họ vãi phân làm bẩn giường và giơ tay lên trời. Thấy vậy, bà con họ đều bảo là người này xoa vuốt hư không. Người bệnh lại thấy các hang và vách núi có nhiều cây liễu bốc lửa hừng hực và họ sắp rơi xuống đó nên rất kinh sợ, kêu la ầm ĩ, rơi vãi phân nhơ, mắt láo liên, nhăn mặt sợ hãi, rơi nước mắt, lông dựng đứng khắp thân như bị gai đâm vào ngoại thân, miệng chảy nước dãi. Sau đó, bốn đại của người này càng hỗn loạn. Bốn đại là địa giới, thủy giới, hỏa giới và phong giới.

Địa giới giận dữ, thì tất cả các bộ phận của thân đều bị hư hoại như bọt nước bị ép giữa hai hòn đá, như nắm cát bị ép, tất cả xương cốt, các bộ phận của thân, đường mạch bị đứt đoạn, hư nát. Toàn thân họ chịu khổ cùng tận. Địa giới giận dữ khiến họ bị như vậy.

Do nghiệp ác, thủy giới giận dữ, cổ họng không thông, nghẹt thở muốn chết, gân thịt đều rã rời, họ thấy nước lớn bồng bềnh vào tai, mắt.

Khi hỏa giới giận dữ, họ tự thấy thân mình bị thiêu cháy trong nhà lửa, chịu mọi khổ não, tất cả các bộ phận của thân đều bị chịu khổ cùng cực. Do chịu khổ nên họ rên la, lăn lộn, tay chân quơ quào, đầu run cầm

* Khoảng 74 loại, không đủ 80.

cập.

Phong giới giận dữ thì sự tiếp xúc trở nên cứng, rít, thân nhẹ và lạnh, tất cả các phần của thân đều cứng và tắc nghẽn, gió thổi đủ cách, người nhẹ có cảm giác như bay lên hư không và rơi xuống bờ hiểm. Vì lạnh họ thu người co lại, tất cả gân xương đều bị cuốn.

Lúc sắp chết, bốn đại của họ rất loạn động. Khi rắn độc bốn đại nổi giận, họ phải chịu đủ loại khổ não không thể ví dụ, tất cả các bộ phận trên thân người ấy đều bị phá nát như đống bọt nước. Họ bị cuốn trôi, bị thiêu đốt, chịu khổ cùng cực, rờ nắm giường gối, tay xoa hư không, tâm hiện tại diệt mất, tâm trung hữu sinh ra, như từ đỉnh núi phóng mình rơi xuống đất, khi đã lìa đỉnh núi thì không có vật gì để bám víu, phải chuyển động giữa hư không.

Khi người ấy sinh vào thân trung hữu, giống như dấu ấn, tâm trung hữu phát sinh ở nơi đó, họ thấy những loài có bộ mặt và tay chân dữ tợn như heo, voi, lừa, ngựa, gấu, hổ, báo, sư tử, trăn, rắn, chồn, chó… Ngục tốt cầm đủ loại gậy và khí cụ đáng sợ đánh vào thân thể họ, chỉ có tội nhân thấy cảnh tượng đó, còn những người khác thì không thấy.

Do thấy như vậy, họ nhăn mặt, nhíu mày như dầu cạn dần, lửa cũng từ từ tắt, người gây nghiệp ác chết như vậy và sinh trong trung hữu, không thể thấy, không bị đối kháng, giống như thân của đứa bé tám tuổi. Ngay sau khi chết họ liền đến đó. Vừa đến nơi, họ đã bị ngục tốt cầm lưới sắt phát lửa thắt cổ họng, trói ngược hai tay, họ thấy lửa đầy khắp mười phương Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn góc và phương trên dưới, thấy có đủ hạng đã nói ở trước mặt mày dữ tợn, ở trong lửa nóng, cầm đủ loại gậy gộc đáng sợ đánh vào thân họ. Vừa trông thấy, họ đã bị trói ngược hai cánh tay nên sợ hãi cùng cực. Ngục tốt lại quở trách tội nhân rồi dẫn đến mặt phía Nam khiến họ rầu rĩ than khóc:

Ta lìa khỏi thế gian
Mờ mịt không bạn bè
Kẻ ác dẫn ta đi
Nhiều người ác vây quanh.
Khắp nơi đều là lửa
Không chỗ nào không có
Bốn phương và bốn hướng
Lửa đầy khắp mặt đất.
Không chọn được nơi đi
Không thể biết nơi đến

Đồng hoang cuốn ta theo
Không có một người bạn.
Không được ai an ủi
Cứu ta thoát khổ này
Không sức không tự chủ
Thân bị đốt rất khổ.
Ràng buộc đưa ta đi
Không biết đến nơi nào
Tất cả chỗ trên thân
Đều bị sắt trói buộc.
Không tài sản bạn bè
Không vợ, cũng không con
Không ai đến cứu ta
Vì ghét ta độc ác.
Mất pháp không người cứu
Khổ não phá hoại tâm
Ngục tốt trói buộc ta
Không thể đến cứu được.
Vì giận nên ngục tốt
Làm cho ta khổ não
Người nào đã ra lệnh
Trói khắp thân thể ta.
Ta đang thấy các vật
Chuyển động hoặc đứng yên
Tất cả xứ như vậy
Đều tràn ngập lửa lớn.
Mọi nơi trong địa ngục
Đều đầy ngập người ác
Ta không nơi nương tựa
Một mình không bè bạn.
Đi vào đống lửa lớn
Ở vùng ác tối tăm
Nhìn hư không chẳng thấy
Mặt trời, trăng và sao.
Mọi thứ điên đảo này
Che mờ hết tất cả
Khiến toàn thể năm căn
Đều thấy biết điên đảo.

Móc rách hết thân ta
Gây nên khổ não lớn
Ta không nơi nương tựa
Làm sao thoát khổ này.
Đống khổ não tăng thêm
Vây xung quanh con người
Khổ tăng theo từng niệm
Thân tâm đều chịu khổ.
Khổ não cưỡng bức thân
Không có một người bạn.

Sau khi nghe tội nhân nói kệ, ngục tốt giận dữ đáp:

Trước ông đã tạo ác
Nay nghĩ ngợi ích gì
Trước bị si lừa dối
Nay hối tiếc sao kịp.
Nghiệp ác ông đã tạo
Là tội ác lớn nhất
Bất thiện trong bất thiện
Khổ lớn trong các khổ.
Trong kiếp hoặc giảm kiếp
Bị lửa lớn thiêu đốt
Người ngu đã tạo ác
Nay sao lại hối hận?
Ngay cả Trời, Tu-la
Càn-thát-bà, Rồng, Quỷ
Khi ông bị nghiệp trói
Họ không thể giải cứu.
Người nào bị nghiệp trói
Buộc chặt ở địa ngục
Sẽ không được tự chủ
Chỉ làm theo nhân duyên.
Người tạo ác trong ác
Ác này là ác nhất
Gây nghiệp ác giết mẹ
Nghiệp này đã quyết định.
Người đối với cha mình
Người nuôi ngươi khôn lớn
Khi cha bị già yếu

Đã dùng dao giết cha.
Thù thắng trong ba cõi
Đã dứt hết lỗi lầm
Giải thoát mọi trói buộc
Ngươi giết hại vị ấy.
Kho tàng tất cả pháp
Mở cánh cửa giải thoát
Ngươi ác độc phá Tăng
Nay phải lãnh quả báo.
Tất cả sử đã dứt
Tất cả kết đã xả
Người ngu giết La-hán
Nay phải nhận quả báo.
Như lửa trong các pháp
Phá hoại báu thật ngữ
Ngươi thường hay nói láo
Nay phải nhận quả báo.
Gây chia rẽ lẫn nhau
Nhớ nghĩ trong từng niệm
Ngươi nói lời hai lưỡi
Nay phải nhận quả báo.
Như dao như lửa độc
Nóng nhất trong các ác
Ngươi thường nói hung ác
Nay phải nhận quả báo.
Lời điên đảo trước sau
Vô nghĩa không tương ứng
Ngươi hay nói thêu dệt
Nay phải nhận quả báo.
Chúng sinh không tự chủ
Thường lo sợ tiếc mạng
Ngươi thường giết chúng sinh
Nay chịu quả báo khổ.
Do tham xâm phạm người
Để chiếm đoạt của cải
Vì tham nên trộm cướp
Nay quả báo đã chín.
Do ngu si che lấp

Gây tội ác thứ nhì
Đã tạo nghiệp tà hạnh
Nay sao lại hối tiếc.
Muốn được vật của người
Tâm chứa đầy tham lam
Không thể được vật ấy
Nay chịu quả báo này.
Ông đã thường sân hận
Tâm chứa đầy lửa sân
Nên phải đọa địa ngục
Vì sao lại hối tiếc?
Điên đảo, tà kiến ác
Hai nghiệp này hủy hoại
Người dùng tâm tà kiến
Khiến người ôm tà kiến.
Các pháp ác độc ấy
Sinh từ thân, miệng, ý
Do tâm si nên ngươi
Tự làm bảo người làm.
Gây nhiều tội ác rồi
Chắc chắn nhận quả xấu.
Bị ta bắt ở đây
Vì sao lại hối hận?
Như chỉ lấy một vốc
Khổ sâu như biển lớn
Người nào tạo nghiệp ác
Người đó không thương mình.
Bị nấu ở địa ngục
Đừng nên gây nghiệp ác
Người ác làm việc ác
Người thiện làm việc thiện.
Người ác ghét người thiện
Nên sinh vào địa ngục
Người ngu bỏ việc thiện
Mà vào nơi bất thiện.
Người ngu bỏ châu báu
Để giữ lấy đá gạch
Phật bảo gồm vô lượng

Các loại pháp tốt đẹp.
Ông đã được thân người
Sao không thích pháp Phật
Thường xa lánh kẻ ác
Thường có tâm ý lành?
Mong thành tựu Niết-bàn
Ngoại đạo không thể được
Đầu, giữa, cuối đều thiện
Thường ưa thích chính pháp.
Đầu, giữa, cuối đều khổ
Là quả báo nghiệp ác
Thường lìa ác như vậy
Gắn bó theo việc lành.
Lìa bỏ người độc ác
Sinh nơi nào cũng vui
Từ vô thỉ đến nay
Nghiệp ác thường thiêu đốt.
Vì sao không mệt mỏi
Ngu si bám tâm si
Trước bị nghiệp ác thiêu
Sau bị lửa lớn đốt.
Nghiệp ác nhân địa ngục
Thiêu nấu người tạo ác
Nghe quả của nghiệp ác
Tâm liền được điều phục.
Huống gây nghiệp ác rồi
Bị thiêu khổ như vậy
Có đến vô số lượng
Khổ não lớn đủ loại.
Ngươi trong thời gian ngắn
Đã chịu nhiều khổ não.

Ngục tốt quở trách tội nhân như vậy. Sau khi quở trách xong, ngục tốt dẫn tội nhân đến nơi rất khổ não ở địa ngục. Trải qua thời gian rất lâu, tội nhân bị lưới nghiệp trói buộc, tất cả các bộ phận của thân đều bừng cháy như khúc cây khô, bị thiêu trong thế gian dài ở cách địa ngục không xa. Vùng địa ngục đó không thể lấy gì làm thí dụ. Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Bốn góc có bốn cửa
Dài rộng có chừng mực

Thiêu nấu không tự chủ
Tội nhân thường điên đảo.

Cách đó hai vạn năm ngàn do-tuần, đã nghe tiếng than khóc não nùng, thảm thiết, có sức hủy hoại đáng sợ không gì có thể so sánh. Chúng sinh ở các địa ngục khác khi nghe nói về khổ não của tất cả các địa ngục thì không để ý, nhưng khi nghe nói về khổ não ở địa ngục đó liền chết ngất, huống gì là người chưa sống trong địa ngục.

Sau khi tạo nghiệp ác ở thế gian, bị đủ loại khổ bao phủ ở trong thân trung hữu, lại phải nghe âm thanh ấy, tội nhân buồn rầu, tuyệt vọng gấp mười lần. Họ chịu khổ não không bờ bến cả về thân lẫn tâm, tâm lại rối loạn như là nằm mộng. Họ lại sống gần ngục A-tỳ. Do nghiệp ác họ bị gió lạnh thổi, phải sống ở vùng nước dưới đất, nơi con người chưa từng tiếp xúc, nơi ấy không có mặt trời, sức mạnh của gió đó hơn cả gió vào kiếp tận. Gió ấy rất lạnh, tuyết ở trong giống như là băng, trên mặt nước ở đấy gió lạnh càng lạnh thêm. Do nghiệp ác, gió như dao bén, sức mạnh của gió có thể thổi núi lớn cao mười do-tuần tan rã, gió dữ thổi người mang thân trung hữu khiến họ bị khổ lạnh, năm ấm chịu khổ não cùng cực không thể ví dụ. Vì quá lạnh nên họ mong cầu có được độ nóng gấp ngàn lần độ nóng vào kiếp tận, khi bảy mặt trời xuất hiện.

Ở đây, thủ làm nhân duyên cho hữu, tức là do họ mong ấm trung hữu diệt và sinh ấm khác nên có thọ ấm sinh. Giống như các vị Thiên ở cõi trời thứ hai là Tam thập tam tùy theo nghiệp lành đã tạo mà có chiều cao năm, bốn, ba, hai hoặc một do-tuần, tội nhân của địa ngục cũng có thân hình tương ưng với nghiệp, đầu mặt ở dưới, chân ở phía trên, khi sắp thoái đọa, họ bị ngọn lửa lớn tàn phá dữ dội, suốt hai ngàn năm họ đều đi xuống mà chưa đến địa ngục A-tỳ. Từ địa ngục A-tỳ mà đi xuống thì không còn nơi nào khác nữa. Địa ngục A-tỳ là nơi thấp nhất ở cõi Dục. Như từ Dục giới, Sắc giới mà đi lên đến cõi trời A-ca-nị-tra thì hết, lên nữa thì không còn cõi trời nào thuộc hai hai cõi Dục và Sắc, địa ngục A-tỳ cũng như vậy, từ đó đi xuống thì không còn nơi nào khác. Đọa nơi ấy rồi, do sức của nghiệp ác họ phải chịu khổ não cùng cực. Tội nhân ở địa ngục A-tỳ so với tội nhân ở địa ngục Đại tiêu nhiệt giống như chúng ta so với chư Thiên ở cõi Tha hóa tự tại.

Ngục A-tỳ có rất nhiều đám lửa, khi tội nhân đã vào trong đó, trước hết lửa thiêu đầu, kế đó thiêu thân, cả đầu lẫn thân của họ đều bị lửa thiêu cháy. Nay đưa ra thí dụ nhỏ này, vòng lửa ấy trong phút chốc có thể vây khắp núi Tu-di và thiêu rụi hết rừng cây, ao, sông, núi ở sáu vạn núi nhỏ

thuộc núi chúa, chỉ trừ tội nhân là bị lửa ấy thiêu hoài mà không chết.

Lại có thí dụ nhỏ khác. Giống như cái nồi bằng sắt được đốt rất nóng, bỏ một giọt mỡ vào đó, mỡ liền cháy sạch, cũng như vậy, người mang một tội nghịch, bị thiêu đốt do ngọn lửa A-tỳ, ngọn lửa này có khả năng đốt cháy tất cả biển lớn, núi rừng, hang hố, Trời, A-tu-la, Rồng và chúng sinh thuộc bốn châu. Người nào tạo hai tội nghịch thì bị thiêu do ngọn lửa có sức đốt cạn hai biển như đã nói ở trước. Người nào tạo ba tội nghịch thì bị thiêu do ngọn lửa có sức thiêu cạn ba biển. Người nào tạo bốn tội nghịch thì bị thiêu do ngọn lửa có sức thiêu cạn bốn biển. Thân của họ bị đốt nóng như là vật bằng sắt bị nung.

Lại có núi bánh xe và núi bánh xe lớn, tất cả Trời, Rồng, A-tu-la, súc sinh ở bờ biển vừa vào đó liền bị thiêu sạch.

Những chúng sinh có nghiệp lành ở sáu cõi trời thuộc dục giới thuộc bốn châu nếu ngửi mùi hôi dưới địa ngục xông lên liền bị tan chảy vì người ở địa ngục rất hôi.

Sở dĩ hơi thối ở địa ngục không bốc lên trời được là nhờ có hai ngọn núi là Xuất sơn và Một sơn ngăn chận. Hơi thối đó không gì có thể sánh được.

Do nghiệp ác nên địa ngục rất rộng. Trong địa ngục có chim mỏ lửa, mỏ rất cứng và bén, màu trắng như băng tuyết, chim dữ này ăn da, mỡ, thịt, xương, tủy trên thân của tất cả tội nhân ở địa ngục.

Lại có chim khác, sống, đi và kiếm ăn ở trong lửa, ăn tất cả thịt trên thân tội nhân, kế đó nó đục xương, khoét thịt, uống máu và uống tủy khiến tội nhân kêu la, than khóc, buồn bã, tuyệt vọng.

Lại có chim tên Hỏa kế hành không bị lửa thiêu, hết sức thích thú phá vỡ đầu tội nhân, phá xong nó liền uống máu.

Lại có chim tên Thực độc lâu dùng mỏ phát lửa mổ vỡ đầu lâu rồi uống não.

Có chim tên Thực thiệt mổ ăn lưỡi và răng lợi, bị ăn xong, lưỡi và răng lợi sinh lại non mềm như cánh sen và bị ăn tiếp, sau đó chúng sinh trở lại.

Lại có chim tên Nhổ răng có mỏ như kềm lửa. Chim này rất mạnh nhổ răng tội nhân hết sạch.

Có chim tên Chấp yết hầu, thân rất nhỏ mổ ăn yết hầu của tội nhân.

Có chim tên Khổ thống thực mổ ăn lá phổi của tội nhân.

Có chim tên Ăn sinh tạng phá vỡ tim rồi uống máu.

Lại có chim tên Bễ tụ mổ ăn xương hông.

Lại có chim tên Trường nội thực mổ ăn bên trong ruột.

Lại có chim tên Hỷ bối cốt phá hủy xương sống để uống tủy, uống xong bay ra ngoài.

Có chim tên Mạch tạng cắt đứt từng đường mạch rồi chui vào uống nước dịch khiến tội nhân đau khổ kêu la.

Lại có chim tên Chân khổng mỏ bén như cây kim theo hút máu tội nhân.

Có chim tên Cốt trung trụ phá vỡ xương mặt và ăn phần bên trong.

Lại có chim tên Ăn da thịt, ăn da bên ngoài.

Có chim tên Bạt trảo nhổ tất cả móng.

Lại có chim tên Ăn mỡ khoét da xong uống mỡ.

Có chim Hoãn gân làm đứt và ăn hết gân.

Lại có chim tên Nhổ tóc, nhổ hết chân tóc.

Vùng chim ác chiếm ba ngàn do-tuần thuộc địa ngục A-tỳ.

Địa ngục đó lại có tội nhân khác cùng bị ăn. Suốt vô lượng năm, bị ăn rồi họ sinh trở lại và rất sợ bị ăn lại.

Thoát khỏi vùng có tất cả lưới khổ trùm khắp thuộc địa ngục A-tỳ rồi, vì mong được cứu giúp, che chở, họ chạy vào vùng rơi bờ hiểm chịu khổ. Khắp địa ngục này có mười một đám lửa bao vây xung quanh, tội nhân chỉ có một mình không bè bạn, bị lưới nghiệp trói buộc, bị ngăn cản cả trong lẫn ngoài và bị lôi đi trong đồng trống. Trong tất cả khổ não ở tất cả địa ngục, nỗi khổ này là hơn hết. Vì muốn đến đó, tội nhân chạy rất mau về phía vùng rơi bờ hiểm chịu khổ. Vừa đáp chân xuống, họ liền bị tan chảy và giở chân lên liền sống lại. Mới sinh còn mềm, đụng vào rất đau nên khổ não cực độ và rất lo sợ. Vì lo sợ họ nhăn mặt, méo miệng, tay chân và tất cả các bộ phận của thân đều tan chảy. Sau đó, họ từ từ đến bờ hiểm và rơi vào bờ hiểm. Nghiệp ác tạo ra luồng gió nâng họ lên cao ba ngàn do-tuần, rơi chưa đến đất đã bị diều hâu, chim cắt, quạ, chó, cáo ăn sạch.

Có loại gió liếm vào da giống như dao như lửa nâng họ lên rồi ăn thịt. Suốt vô lượng năm họ cứ bị tung lên rồi rơi xuống như vậy. Lìa khỏi nơi đó, họ lại chạy đến địa ngục Toàn chuyển ấn không. Vừa đến nơi, liền có bánh xe ngàn căm xuất hiện ở bên dưới bánh xe có trục bằng kim cương, phát lửa và quay rất mau.

Lúc tội nhân đến, bánh xe đang quay mau, một cái phá thân, một cái phá đầu, ở nơi bị khoét mỡ chảy ra và bốc cháy, cặp mắt tan chảy. Lại có

hai bánh xe ở hai vai phá xương vai khiến tan chảy hết, ở hai cánh tay cũng có hai bánh xe quay rất mau giống như cái khoan lửa, có hai loại lửa sinh trên tay, một là lửa từ bánh xe, hai là lửa từ cái khoan thịt bị bốc cháy. Bánh xe sắt quay mau và phát lửa như vậy khiến xương trên thân đều bị tan nát như nắm cát.

Trên lưng có bánh xe phát lửa gồm ngàn căm, quay mau từ xương sống đến xương háng rồi đến nhân căn.

Lại có vòng sắt buộc vào hai đầu cái trụ và tội nhân bị kéo tới kéo lui trên xích sắt. Vòng sắt chui vào thục tạng rồi sinh tạng, phá sinh tạng xong nó phá đứt ruột. Lại có bánh xe sinh trên xương hông quay mau phá xương hông. Có bánh xe sinh trong mắt cá phá xương làm tủy chảy ra, ở dưới chân có móc sắt móc rách hai chân khiến họ chịu khổ não lớn. Suốt vô lượng năm tội nhân chịu nỗi khổ dữ dội không thể chịu đựng của địa ngục A-tỳ, nỗi khổ này do nghiệp của chính họ tạo ra.

Nếu thoát khỏi nơi đã chịu khổ não nghiệp ác đó, họ chạy vội đến nơi khác, vì mong được cứu giúp, che chở. Đang chạy họ thấy có hòn núi lớn và chạy đến đó. Có nhiều trùng thân bốc lửa ở đầy trong núi. Tội nhân đi vào vùng trùng đen, đụng vào thân trùng đen giống như đụng vào lửa, trùng đen ăn tội nhân làm từng phần đều bị tan rã, như bụi khiến họ kêu gào khổ não. Vì họ kêu gào, trùng đen phát lửa liền chui vào miệng, từ yết hầu cho tới thục tạng, vào đến bộ phận nào chúng ăn bộ phận đó, khiến tội nhân bị khổ não cùng cực.

Nếu tội nhân tạo nghiệp ác như là ngũ nghịch, A-tỳ, mười nghiệp bất thiện thì sẽ nhận quả báo tương tự với nghiệp, trong vô lượng năm họ bị trùng đen ăn nên chịu khổ não lớn. Rời khỏi nơi ấy, họ lại thấy rừng thú ăn thịt, rừng này có nhiều chó dữ, chồn, cáo, sư tử, gấu, hổ. Họ chạy mau đến nơi đó, khi đã đến nơi, họ bị các thú dữ xé từng phần ra và ăn thịt, phá đầu ăn não. Mỗi con ăn một thứ như cổ họng, đầu, vai, não, bụng, ruột, hậu môn, ruột già, ruột non, thục tạng, sinh tạng, xương hông, bắp chân, bàn chân. Bị ăn xong, các bộ phận ấy sinh trở lại còn non mềm. Do non mềm nên khi bị ăn trở lại thì càng đau đớn hơn. Bị ăn xong, thịt sinh trở lại. Do thường sát sinh, tích tụ nghiệp ác nên họ chịu quả báo đó. Suốt vô lượng năm ở địa ngục, tội nhân chịu quả báo của nghiệp ác. Hễ gây nghiệp ác thì phải lãnh quả báo ác tương ưng không thể ví dụ.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 14

Phẩm 3: Địa ngục (Phần 10)

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy quan sát những quả báo do ưa tạo và tạo nhiều nghiệp ăn trộm. Người gây nghiệp ác trộm cắp, gom góp của cải giống như vòng lửa, như thành Càn-thát-bà, như bóng nắng mà con nai ưa thích. Thấy trong địa ngục có vàng bạc, châu báu, y phục, của cải, tất cả khác nhau đều tụ tập, hòa hợp lại một chỗ. Thấy như vậy, người gây nghiệp ác kia sinh lòng tham lam. Tâm tham si lừa dối phát sinh thế này: "Của cải kia là của ta". Người si do nghiệp ác mà vượt qua đống than cháy đỏ, chạy đến chỗ của của cải kia. Do đã tạo nghiệp ác nên Diêm-ma-la *(ngục tốt)* lấy lưới dao chụp bắt người kia, chặt bằm toàn bộ thân người ấy rồi đốt, chỉ còn lại xương. Từ vô thỉ đến nay mà không bỏ lòng tham, bị khổ như vậy vẫn không quên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

Do tâm mạn ganh ghét
Phân biệt lấy vật người
Lửa tâm tham đốt người
Lửa thế gian đốt cây.
Độc tham cắn người nào
Người ấy không tịch tĩnh
Ai luôn ưa thích tham
Còn làm tham tăng trưởng.
Giống như lửa được củi
Lòng tham lớn cũng vậy
Lửa đốt có thể chạy
Tham đốt không thể tránh.
Người tham như xe chuyển
Tâm tham gạt dối người
Thế giới vô thủy chung
Tham oán càng vô thủy.

Ai bị tham lừa gạt
Thì rơi trong biển lớn
Rơi vào rừng dao nhọn
Vì lòng tham phải chịu.
Tham là vua các nhân
Nên sát hại lẫn nhau
Làm mẹ con chia ly
Tiếc của nên tranh nhau.
Nếu thoát được ái độc
Người đó xả lửa tham
Ai thấy vàng như đất
Là gần với Niết-bàn.
Giới là của tối thượng
Mặt trời sáng bậc nhất
Của cải có thể hư
Nhưng giới không giảm mất.
Trì giới sinh ba trời
Lại sinh cảnh giới thiền
Ánh sáng giới hơn hết
Soi đời này đời sau.
Muốn diệt trừ lửa tham
Phải dùng nước trí tuệ
Ai không diệt tâm tham
Thì không được giải thoát.

Người địa ngục kia bị lửa tham thiêu đốt như vậy, sau lại vào vùng thứ hai của địa ngục A-tỳ là Hỏa thiêu, tiếp theo là rơi vào chỗ đao nhọn, sườn núi nguy hiểm, bị thiêu cháy gấp ba lần. Ở trong địa ngục, việc tham lam của cải như mộng, giống như vòng lửa quay tròn, như thành Càn-thát-bà, như bóng nắng khiến loài nai ưa thích. Ngục tốt bắt kẻ địa ngục chịu khổ não cùng cực trải qua vô lượng trăm ngàn năm. Đó là do nghiệp trộm cắp.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy quan sát nghiệp quả nơi tà hạnh trong địa ngục A-tỳ và thấy người tạo nghiệp ác đã thoát ra khỏi chỗ sắc ác rồi, đã vượt qua đống lửa rồi, do bị nghiệp ác chuyển, người kia lại vào chỗ khác tên là Tà kiến. Do nghiệp ác, thấy có phụ nữ thì người kia dường như gặp người quen trong lúc làm người đã từng sống với nhau. Thấy họ, người kia do lửa dục huân tập từ vô thỉ đến nay liền bừng dậy và vội vàng chạy đến chỗ người phụ nữ. Do nghiệp ác, nên người kia thấy toàn thân người phụ nữ

đều bằng sắt. Người kia đến phía trước, bị người phụ nữ ôm lấy rồi đánh vào miệng, rồi ăn môi… làm cho người kia không còn gì cả, giống như hạt cải. Toàn thân đều bị ăn hết. Bị ăn hết rồi, người kia sống trở lại. Sống lại rồi bị ăn. Bị ăn rồi sống lại, người kia luôn chịu khổ sở như vậy, thế mà người kia không chịu bỏ lửa dục. Sau đó, sinh vào chỗ khác, thấy có phụ nữ, người kia bị lửa dục thiêu đốt, không nghĩ đến khổ não, liền vội vàng chạy đến chỗ phụ nữ. Phụ nữ ấy thân bằng kim cương, lửa sắt cháy đỏ ôm lấy tội nhân. Khi bị ôm, người kia thân nát vụn ra như nắm cát. Toàn thân tan rã, sau đó sống trở lại, sống lại rồi bị tan nát tiếp. Bị khổ não như vậy mà tâm dục của người kia cũng không chịu đứng yên.

Như vậy, Tỳ-kheo thấy nơi chốn ấy rồi và nghe biết cũng như thế bèn nói kệ:

Phụ nữ là gốc ác
Làm mất hết tất cả
Ai ưa thích phụ nữ
Không bao giờ được vui.
Là ác trong các pháp
Phụ nữ nhiều dua nịnh
Trượng phu vì người nữ
Mà phải mất hai đời.
Phụ nữ thích hành dục
Phụ nữ thường lừa dối
Trong tâm nghĩ điều khác
Miệng nói ra lời khác.
Ban đầu lời hòa nhã
Sau tâm như gỗ đá
Không ơn, không cúng dường
Coi thường, không nhớ nghĩ.
Trăm ơn không thèm nhớ
Một điều ác không quên
Tâm như nai yêu thân
Phụ nữ chứa nghiệp ác.
Trượng phu tâm nhiễm dục
Phụ nữ làm mất thân
Đời này cả đời sau
Phụ nữ lỗi bậc nhất.
Ai muốn hưởng an vui
Nên lìa bỏ phụ nữ

Ai lìa bỏ phụ nữ
Là vui nhất trong đời.
Ai muốn đoạn ái dục
Trong mong giàu, vui lớn
Muốn đến nơi tịch tĩnh
Nên xả bỏ phụ nữ.

Vì tâm si nên người kia trải qua vô lượng trăm ngàn năm bị thiêu đốt tan nát, rồi sống trở lại. Thoát ra chỗ đó rồi, người ấy lại vào đống lửa, bị thiêu đốt, bị đói khát bức bách, giong ruổi khắp nơi.

Lại nữa, Tỳ-kheo quan sát người gây nghiệp vọng ngữ bất thiện đã đầy đủ trong ngục A-tỳ, bị quả báo do ưa thích tạo và tạo nhiều. Vị ấy thấy, nghe, biết người tạo nghiệp vọng ngữ ở địa ngục luôn bị đói khát thiêu đốt. Vì nghiệp lực lớn nên tội nhân bị Diêm-ma-la bắt hỏi:

–Ngươi bị khổ điều gì?

Người kia trả lời:

–Khổ sở vì đói khát.

Diêm-ma-la bắt người tạo nghiệp đánh vào miệng và rút lưỡi của họ ra. Do sức mạnh của nghiệp ác, lưỡi nói lời ác của người kia dài khoảng năm do-tuần. Đó là quả báo của nghiệp vọng ngữ. Lưỡi của người kia bị rút ra rồi sau đó Diêm-ma-la lấy trải trên đất sắt cháy đỏ. Do nghiệp ác nên chỗ đất ấy có một ngàn lưỡi cày mũi nóng đỏ với sức trâu rất mạnh, cày qua lại trên lưỡi ấy cả trăm ngàn lần, máu chảy thành sông. Trong sông máu ấy lại có trùng. Nơi lưỡi, trùng sinh đầy tràn. Lưỡi rất mền, giống như y phục mềm mại của cõi trời. Lưỡi bị cày tan nát, sau đó mọc ra lại. Mọc lại rồi bị cày, cứ như thế trải qua trăm ngàn ức năm. Do lưỡi nói lời ác nên bị khổ não đau đớn, khổ não rùng rợn không thể chịu nổi. Người kia bị khổ não như thế, la hét kêu gào nhưng chỉ đơn độc một mình không ai cứu vớt. Nghiệp ác ấy không phải do mẹ tạo, không phải do cha gây, chẳng phải do trời làm, chẳng phải là trượng phu khác làm, cũng chẳng phải là không làm, không từ chỗ nào đến, chính mình tạo ra thì không bao giờ mất mát, không tạo thì không chịu quả báo, gây nghiệp thì bị quả. Người kia khổ não kêu gào như vậy, Diêm-ma-la quở trách, nói kệ:

Nên lìa bỏ tâm ác
Nói dối không tốt đẹp
Ai nói lời vọng ngữ
Tâm luôn luôn thay đổi.
Không ai tin điều ấy

Những người thiện lìa bỏ
Ghét nó như oan gia
Người tráng kiện đều bỏ.
Vọng ngữ dối mình trước
Sau lừa gạt mọi người
Ai không bỏ vọng ngữ
Mình, người đều hủy hoại.
Ai nói lời vọng ngữ
Phá miệng mình trước tiên
Trời lìa bỏ kẻ ấy
Chết đi vào chốn ác.
Ai ưa thích vọng ngữ
Thì ở chỗ bất thiện
Đạo thế gian xuất thế
Đều lìa bỏ vọng ngữ.
Nhân quả nơi vọng ngữ
Người trí đều lìa xa
Ai sống với vọng ngữ
Đọa vào chốn địa ngục.
Người nói thật hơn hết
Được mọi người cúng dường
Bỏ tất cả vọng ngữ
Nên nói lời chân thật.
Ai nói lời chân thật
Có lòng thương chúng sinh
Nói thật là đường trời
Thật là pháp đệ nhất.
Nếu ai vào địa ngục
Đến trước đám Diêm-ma
Nhân duyên vọng ngữ kia
Người trí nói như vầy.
Giống như độc, lưới, móc
Như đao bén, lửa dữ…
Nếu ai nói vọng ngữ
Chịu nhiều quả báo ác.
Muốn cầu nghiệp quả lành
Muốn được thấy chân đế
Phải nói lời chân thật

Lìa bỏ vọng ngữ ác.

Ở địa ngục, người kia bị khổ não rùng rợn như vậy. Lưỡi bị cày trải qua vô lượng trăm ngàn năm như thế, sau đó lưỡi trở lại vào miệng họ. Người kia sợ hãi mặt mày méo xệch và chạy trốn khắp nơi, sau rơi vào đống lửa than bị thiêu đốt. Người kia bị khổ não không được ai cứu vớt, không chỗ nương tựa. Mặt khác, Diêm-ma-la tay cầm đao, gậy chặt từ đầu đến chân tội nhân, khiến cho tan nát. Người kia kêu gào, khóc lóc không ngừng nghỉ. Ở A-tỳ lửa thường thiêu đốt dữ dội.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy quan sát người bị quả báo do ưa thích tạo và tạo nhiều nghiệp nói hai lưỡi. Vị ấy thấy, nghe, biết: Quả báo của nghiệp nói hai lưỡi của người trong địa ngục này là do gây nhân nói hai lưỡi, sau sinh vào địa ngục cực ác. Nơi đó lại có Diêm-ma-la càng bạo ác hơn, gặp tội nhân hỏi:

–Ngươi bị khổ về điều gì?

Trả lời:

–Khổ sở vì đói khát.

Diêm-ma-la liền đánh vào miệng người kia và rút lưỡi họ ra nâng trên tay, kéo hết lưỡi ra như vậy dài khoảng ba trăm do-tuần. Diêm-ma-la ác độc, không có lòng từ, lấy đao sắt bén nhọn đang cháy rực, cắt lưỡi ra từng mảnh, mỗi mảnh đều có chó, dã can, sói… đến ăn. Người kia chịu khổ não rùng rợn như vậy và kêu gào, khóc lóc không ngừng nghỉ. Kêu gào như vậy, Diêm-ma-la quở trách, nói kệ:

Ngươi đem tâm phá hoại
Mà tạo nhiều lời nói
Dơ nhất trong các pháp
Quả báo bị thiêu đốt.
Người ác nói phá hoại
Sống đâu cũng cô độc
Người nào nói hai lưỡi
Người thiện không ngợi khen.
Sinh vào chỗ hèn hạ
Sống ở chốn xấu ác
Nếu ai nói hai lưỡi
Là bị si sai khiến.
Người tạo ra nghiệp ác
Bị đốt trong địa ngục
Ai ưa thích tạo ác

Thường nói lời hai lưỡi.
Lừa dối: Ác bậc nhất
Không giữ kín lời người
Người hai lưỡi hai mặt
Ăn thịt lưng của người.
Ai xả bỏ hai lưỡi
Người ấy thường kín đáo
Tri thức hoặc anh em
Không bao giờ lìa bỏ.
Ai lìa bỏ hai lưỡi
Thường giữ kín lời vua
Bỏ hai lưỡi tịch tĩnh
Như người bỏ cấu ác.
Vì sao không hành pháp
Sao không bỏ hai lưỡi
Nay bị quả hai lưỡi
Tâm hối hận làm gì?

Diêm-ma-la quở trách tội nhân rồi, người bị khổ do lưỡi rơi vào biển khổ lớn, trải qua vô lượng trăm ngàn năm. Người gây nghiệp ác ra khỏi chỗ khổ rùng rợn ấy rồi, sau đó lưỡi mọc lại như cũ và không thấy Diêm-ma-la nữa. Ra khỏi khổ trong địa ngục, người kia dong ruổi khắp nơi, chịu mọi khổ không gì bằng, không sao chịu nổi. Do sức gió của nghiệp ác thổi, làm củi ác báo bốc cháy dữ dội. Người kia bỏ chạy khắp chốn, bị Diêm-ma-la bắt lại, hỏi:

–Ngươi khổ sở về điều gì?

Do nhân duyên của nghiệp ác, người kia trả lời:

–Tôi đang khổ vì đói.

Diêm-ma-la bèn vả mạnh vào miệng người ấy, rồi rút lưỡi ra. Người có sức mạnh lớn lấy dao cắt lưỡi rồi bắt tội nhân ăn. Vì đói sảng, người kia vội ăn lấy lưỡi của mình, máu dãi chảy ra. Như vậy, người kia tự ăn lưỡi của mình, sau đó lưỡi lại mọc ra. Mọc lại rồi bị cắt. Do sức của lưới nghiệp nên tội nhân bò lết trên đất, kêu gào khóc lóc, mắt trợn trừng chịu khổ não cùng tột, chỉ đơn lẻ một mình, không bạn bè. Tự làm thì tự chịu, bị Diêm-ma-la quở trách, nói kệ:

Lưỡi là cung để bắn
Lời nói mũi tên lửa
Ai nói lời ác độc

Quả ấy giống như đây.
Như kẻ ăn thịt người
Mọi người đều lìa bỏ
Nếu ai nói ác khẩu
Lưỡi người đó như độc.
Ác dữ: đao, lửa độc
Ác này chưa đại ác
Nếu ai nói ác khẩu
Ác ấy là ác lớn.
Lưỡi dùi hay sinh lửa
Lớn mạnh ở trong tâm
Lưỡi của người ác khẩu
Như thiêu đốt củi khô.
Ai thích nói lời ngọt
Tất cả người cúng dường
Như mẹ mình không khác
Tâm thích như cha mình.
Lời ngọt: thiện bậc nhất
Nhân vui, quả cũng vui
Trừ ác không còn gì
Lợi ích hết thế gian.
Lời ngọt là đường trời
Ngọt là kho đệ nhất
Ngọt là mắt thế gian
Ngọt như mật không khác.
Ác khẩu, ác bậc nhất
Nói rồi, đọa địa ngục
Lưỡi ngươi tạo tự chịu
Nay hối hận làm gì?

Diêm-ma-la quở trách tội nhân trong địa ngục như vậy rồi, trải qua vô lượng ngàn năm, người gây nghiệp ác kia do ưa thích tạo và tạo nhiều vọng ngữ ác khẩu, hoặc bảo người khác làm rồi tùy hỷ nên chịu khổ như vậy. Nếu thoát ra khỏi chốn ấy, người kia chạy đôn đáo khắp nơi rồi lại bị Diêm-ma-la bắt, thiêu đốt rất là khổ não.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy quan sát quả báo nơi nghiệp ác của kẻ ưa thích tạo và tạo nhiều nghiệp ỷ ngữ *(nói lời thêu dệt)*. Vị ấy thấy, nghe, biết người trong địa ngục kia do quả báo của nghiệp nên bị khổ não cùng cực, khổ bức bậc nhất. Được thoát ra chỗ ấy rồi, người kia chạy tìm khắp nơi, bị Diêm-

ma-la bắt lại, hỏi:

–Ngươi khổ sở vì điều gì?

Trả lời:

–Khổ vì đói khát.

Và người kia nói kệ:

Công đức tự thân hết
Dùi tự thân sinh ra
Lửa sắt đốt đói khát
Tôi bị lửa dữ thiêu.
Như băng tuyết với lửa
Như Tu-di, hạt cải
Đói nơi lửa địa ngục
Nó còn hơn thế nữa.
Sức mạnh lửa địa ngục
Không thể trốn chỗ khác
Như vậy lửa đói khát
Có thể đến cõi trời.
Như trong địa ngục này
Bị nhiều khổ não nặng
Khổ tuy nặng như thế
Không bằng khổ lửa khát.

Nghe xong, Diêm-ma-la liền lấy kềm sắt cháy đỏ đánh vào miệng tội nhân, lấy bát sắt nóng đựng nước đồng đỏ sôi sùng sục đổ vào miệng người kia. Do tội ỷ ngữ, nói không tương ứng, nên lưỡi người kia bị đốt tiêu, chảy ra lai láng như tuyết gặp lửa. Người ở địa ngục bị hai thứ khổ không thể nói hết được. Đốt như vậy, tội nhân kêu gào dữ dội. Do thét to nên nỗi khổ lại càng nhiều thêm. Nước đồng đỏ sôi sùng sục trong miệng thiêu đốt lưỡi người kia, rồi kế đến đốt cổ họng, đốt cổ họng rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt ruột, đốt ruột rồi đốt thục tạng, đốt thục tạng rồi chảy ra từ phía dưới . Tội nhân bị khổ càng kêu gào. Diêm-ma-la quở trách nói kệ:

Nói trước sau không khớp
Vô nghĩa, không tương ứng
Người vốn nói ỷ ngữ
Phải chịu quả như vậy.
Thường nói lời không thật
Hoặc thường không đọc tụng
Đó không phải là lưỡi

Chỉ là một thớ thịt.
Ai thường nói chân thật
Ưa thích công đức lành
Là người sánh đường trời
Mới được gọi là lưỡi.

Diêm-ma-la quở trách người trong địa ngục như vậy rồi, lại lấy nước đồng sôi sùng sục đổ vào miệng tội nhân. Người kia ở trong địa ngục như thế trải qua vô lượng trăm ngàn năm, do nói lời thêu dệt không tương ứng nên bị ác báo. Người nơi địa ngục thoát khỏi chỗ Diêm-ma-la rồi chạy tìm khắp nơi, sau đó, lại vào đống lửa thân thể tiêu tan. Trong đống lửa, tay chân, bắp đùi người kia đều tiêu ra nước giống như sữa cục. Tan ra rồi sinh trở lại, người kia chạy khắp đây đó, trong mong được cứu vớt, trong mong được chỗ nương tựa. Do nghiệp ác, từ xa người kia thấy có bức thành, trong đó chứa đầy của báu và có người khác trong coi. Vì nghiệp ác, người ngu si kia sinh tâm tham đắm, liền chạy đến chỗ của báu ấy nói là của mình. Người tâm tham kia vì ưa thích tạo và tạo nhiều nghiệp ác bất thiện, chịu quả báo trong địa ngục nên tâm thấy một cách điên đảo. Thấy vậy rồi, vì lòng tham mong muốn được thọ dụng nhiều của cải nên trong tay người ấy sinh ra cây đao, lại chạy tiếp đến chỗ của cải kia. Đến chỗ đó, người kia dùng đao chém lộn với người trong coi. Người ở địa ngục bị chém chỉ còn lại bộ xương, sau đó sống trở lại. Sống lại rồi bị chém, chém rồi sống lại, trải qua vô lượng trăm ngàn năm như vậy. Do tạo nghiệp ác, Diêm-ma-la cầm dao bén róc thịt người ở địa ngục, làm cho thân thể đều bị tan nát. Toàn thân bị băm nát vụn giống như hạt cải chỉ còn xương. Người ở địa ngục kêu gào khóc lóc, âu sầu khổ não. Bằm, róc như vậy rồi, người kia sống trở lại, Diêm-ma-la bằm, cắt, đem bỏ vào sông thì người kia sống lại. Người ở địa ngục sống lại rồi tiếp tục bị băm vằm như vậy, tội nhân quá thống khổ nên kêu gào khóc lóc, bị Diêm-ma-la quở trách nói kệ:

Tham làm hại trượng phu
Bị tham lam lừa gạt
Trông mong vật người khác
Như lửa thế gian đốt.
Lòng tham ác bất thiện
Tâm người si ưa thích
Tâm tham tự thiêu mình
Như lửa từ cây sinh.
Lòng tham rất là ác
Khiến người đọa địa ngục

Thế nên lìa bỏ tham
Thứ độc ác quả khổ.
Thấy người khác giàu có
Lòng tham muốn về mình
Tham kia sinh quả độc
Nay đến đây chịu khổ.

Diêm-ma-la quở trách người ở địa ngục như vậy, sau đó tội nhân còn phải chịu rất nhiều khổ não, trải qua vô lượng trăm ngàn năm mà nghiệp ác vẫn chưa hết, không bao giờ dừng khổ não. Nếu ra được chỗ đó, người kia chạy khắp đó đây, trông mong được cứu vớt, trông mong có chỗ nương tựa, lại rơi vào đống lửa, rơi vào chỗ đất sắt nóng cháy đỏ, rồi quằn quại đứng dậy, lại chạy trốn đến khắp chỗ, đơn lẻ một mình không có bè bạn. Người tạo nghiệp ác bị oan gia nghiệp ác dẫn vào địa ngục. Sau đó được ra khỏi, chạy đôn đáo khắp nơi. Người kia vì tâm ưa thích tạo và tạo nhiều nghiệp sân nên nay phải chịu quả báo, không ai cứu vớt, không chỗ nương thân. Các loài sư tử, hổ, rắn hung ác hiện ra trước mắt làm người kia kinh hãi, sợ sệt, lại vội vã chạy trốn. Vì nghiệp ác nên người kia không thể chạy được và bị Diêm-ma-la bắt lại, nổi sân nên ăn đầu người kia. Bị ăn đầu, tội nhân đau đớn kêu gào lăn lộn trên đất. Lại có rắn dữ nhe răng độc cắn người kia rồi lại đến ăn hông, hổ thì ăn lưng, lửa thì thiêu đốt chân. Diêm-ma-la từ xa bắn lại. Người kia phải chịu khổ như vậy, lại bị Diêm-ma-la quở trách, nói kệ:

Ngươi bị sân thiêu đốt
Xấu xa trong loài người
Sau bị đốt chỗ này
Cớ gì lại kêu gào?
Sân là nhân thứ nhất
Khiến người đọa địa ngục
Như dây trói buộc ngươi
Nay mắc khổ não này.
Tâm sân gạt người si
Luôn nghĩ sân không bỏ
Tâm không từng tịch tĩnh
Như ở trong hang rắn.
Nếu ai thân xấu ác
Lúc nào cũng nổi sân
Người ấy không được vui
Như tối giữa ban ngày.

Không nhờ pháp, của cải
Tri thức hay người thân
Tất cả không thể cứu
Người bị sân làm loạn.
Đời này và đời khác
Hay tạo quả hắc ám
Sau đọa vào đường ác
Thế nên gọi là sân.
Người không sân: đệ nhất
Người sân không thể hơn
Nếu ai lìa bỏ sân
Người đó đến Niết-bàn.
Vì ngươi có lòng sân
Đến chỗ ác: Địa ngục
Nghiệp hết mới được thoát
Quằn quại có ích gì?

Diêm-ma-la quở trách tội nhân trong địa ngục rồi, lại dùng tên bắn. Những súc sinh nhiều sân hận như sư tử, hổ…, do sân hận nên giết tội nhân và ăn thịt. Nghiệp tạo thế nào thì mắc quả báo giống như vậy. Nhân quả giống nhau. Như vậy, quả báo của nghiệp ác nơi tội nhân nên luôn bị thiêu đốt, chưng nấu ăn. Nếu thoát ra được chỗ ấy, người kia trông mong được cứu vớt, trông mong được có chỗ nương tựa nên chạy vội đến khắp nơi. Do nhân duyên là tà kiến mà mắc quả báo ngũ nghịch. Nếu theo con đường như vậy thì bị đọa vào A-tỳ. Như thế, tội ngũ nghịch chắc chắn phải chịu thiêu đốt, giống như kẻ kia trong địa ngục. Người ở địa ngục kia là ai? Là Ma-ta-ca-la, Bất-lan-na, Đề-bà-đạt-đa, Cư-ca-ly… Người ở địa ngục đọa vào đại địa ngục, chắc chắn bị thiêu đốt, ở đó bị khổ não ác liệt bậc nhất, đối với tất cả chúng sinh không thể dùng ví dụ để nói hết được. Như vậy tội nhân trong địa ngục A-tỳ chịu khổ não cùng tận. Người tạo nghiệp ác nhóm lại, tập hợp ở chỗ tối tăm. Tất cả chúng sinh ở trong địa ngục Mao khởi có mưa đao. Người trong địa ngục A-tỳ bị thiêu đốt cháy nát, sau đó thì sống lại, sống lại rồi bị phanh, xé thiêu đốt cháy nát. Mưa gông cùm bằng kim cương, mưa đá kim cương, lại mưa đá tảng khiến thân thể người kia tan nát. Người gây tội ngũ nghịch bị thiêu đốt như vậy rồi, còn có mười một đống lửa, người gây tội phải chịu khổ não tột cùng không thể nào chịu nổi. Mười phương có mười đống lửa, đống lửa thứ mười một là lửa đói khát. Do đói khát nên trong miệng người kia phát ra lửa. Mười đống lửa bao vây tội nhân khiến thân thể bị thiêu đốt, không còn một chút xíu nào

dù như lỗ chân lông mà không bị đốt cháy. Các tội nhân kia đều bị thiêu đốt như nhau, thậm chí không có chút an vui nào dù nhỏ bằng sợi lông, nên gọi là A-tỳ, không chút xíu thời gian nào được an vui nên gọi là A-tỳ. Tất cả các căn, tất cả cảnh giới thảy đều bị thiêu đốt vì tâm bất chánh, nên gọi là A-tỳ. Bỏ đời này rồi không sinh vào chỗ khác mà chỉ sinh lại chỗ đó. Trong đại địa ngục không có khổ nào hơn đó nữa, vô số hoàn cảnh phải chịu khổ nên gọi là A-tỳ. Tất cả chúng sinh thuộc về Dục giới thì đây là cõi thấp hèn nhất nên gọi là A-tỳ. Như vậy, không có gì vượt hơn đó nữa, nên gọi là A-tỳ. Như vậy, A-tỳ không có gì là tốt đẹp. Đại địa ngục kia giống như trên đầu không còn vật gì nữa. Địa ngục A-tỳ như vậy là rất nóng, không có gì vượt trên, nên gọi là A-tỳ. Đất ở đấy rất nóng, không có nóng nào bằng. Nước đồng đỏ sôi sùng sục, thiêu đốt tan xương thịt, lại không có gì hơn, nên gọi là A-tỳ. Đất tại chỗ đó kín bưng nên gọi là A-tỳ. Ở chốn địa ngục, tất cả mỡ, thịt, xương, tủy đều bị lửa thiêu đốt. Người ở địa ngục ấy bị lửa đốt cháy không thể phân biệt được người này, người nọ, vì không có kẽ hở dù là rất nhỏ nên gọi là A-tỳ. Giống như sức nước chảy từ trong núi, đêm ngày chảy xiết không gián đoạn, chốn A-tỳ kia tội nhân luôn bị khổ não dữ dội cũng không gián đoạn. Người kia bị khổ não không dừng nghỉ, cho đến kiếp tận cũng không có thời gian ngừng khổ, nên gọi là A-tỳ. Người kia chịu bao thứ khổ não không thể nào nói hết được. Ở đây nêu ra một thí dụ nhỏ: Như số giọt nước trong biển không thể nào đếm được. Cũng vậy, những khổ não phải chịu do tạo nghiệp ác trong ngục A-tỳ cũng không thể nào đếm được, không thể nào nói hết được. Tất cả mọi khổ não không có chốn nào như ở địa ngục A-tỳ. Vì nghiệp nặng nên chịu khổ cũng nặng. Nếu tạo một tội ngũ nghịch, người kia chịu khổ nhẹ. Nếu tạo hai tội ngũ nghịch thì thân người kia lớn nên chịu khổ cũng lớn. Như vậy, toàn bộ thân thể đều chuyển thành lớn, thì khổ lớn cũng thế. Vì do nhân duyên của nghiệp chồng chất nên nhân khổ không giống nhau. Như nhận lấy lạc thọ ở cõi A-ca-nị-tra, hai chỗ khổ và vui không giống nhau. Như vậy, trên dưới đều không thể ví dụ được. Như thế thì trên dưới, xung quanh đều không thể ví dụ được. Vì sao? Vì tạo nghiệp ác. Do tạo nghiệp ác nên nhân quả giống nhau. Ở trong địa ngục, xung quanh địa ngục, nêu ví dụ tương tợ không thể được. Cho nên người kia chịu một kiếp hay kiếp giảm ở chỗ bị lửa thiêu đốt, khi nào nghiệp ác hết thì mới được thoát. Do nhân duyên hết nên quả nơi người kia mới hết. Giống như lửa tàn thì độ nóng của lửa không còn nữa. Giống như hạt hư thì mầm của nó cũng hư luôn. Như vậy, người trong địa ngục A-tỳ nếu nghiệp ác chấm dứt, không còn khổ bị thiêu đốt hủy hoại nữa mới thoát ra khỏi. Nếu được thoát, do quả báo của nghiệp ác còn sót

lại thì sinh làm ngạ quỷ miệng như lỗ kim, ở nơi núi cao. Sinh vào đó lại bị đói khát thiêu đốt. Thân người ấy giống như cây bị cháy. Nếu thoát ra khỏi chốn đó thì sinh vào loài súc sinh làm Thư-thư-ma-la, làm loài sâu bất tịnh sống trong phân. Nơi loài ngạ quỷ trải qua hai trăm ngàn đời bị đói khát bức bách, lại trải qua hai ngàn năm làm loài súc sinh. Do sức mạnh còn sót lại của nghiệp ác bất thiện nên sinh ra ở chỗ nào cũng đều bị tất cả khổ não. Trong loài súc sinh, ăn những thứ dơ bẩn, tâm luôn nhớ nghĩ sinh vào chỗ sát sinh, vì ở đó luôn ăn nuốt lẫn nhau, chịu khổ não lớn. Nếu thoát ra khỏi cõi ấy, nhờ nghiệp lực ở quá khứ, được sinh làm người, trải qua năm trăm đời bị chết trong thai, lại năm trăm đời vừa sinh ra thì chết ngay hoặc bị quạ ăn, lại năm trăm đời chưa biết đi mà bị chết. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại. Nếu sau đó, quả báo của nghiệp ác tàn dư đã hết, lưới nghiệp vận hành từ nơi vô thủy sẽ mắc quả báo tương tự, có thượng, trung, hạ. Quan sát như vậy rồi, Tỳ-kheo nói kệ:

Trong sinh tử vô thủy
Lưới nghiệp phủ thế giới
Hoặc sinh, hoặc tử diệt
Đều do nghiệp mà ra.
Từ trời vào địa ngục
Địa ngục sinh lên trời
Từ trời vào ngạ quỷ
Địa ngục sinh ngạ quỷ.
Sức mạnh sinh khác biệt
Thế lực vui khác nhau
Đều do nghiệp ái sinh
Không phải tự tại tạo.
A-tăng-kỳ tạo nghiệp
Chúng sinh luôn sinh tử
Người khác không thể hiểu
Chỉ có Như Lai rõ.
Ngài biết rõ nghiệp này
Và biết rõ nhân duyên
Giải bày cho người si
Hóa độ hết chúng sinh.

Tỳ-kheo ấy đã quan sát sự khổ nơi A-tỳ rồi, với tất cả sự sinh tử tâm được lìa dục, lại lấy đại Từ bi mà tu sửa tâm, nhớ nghĩ chân chánh nên đạt được Địa thứ mười một.

Dạ-xoa ở trên đất biết được nên hoan hỷ rồi nói với Dạ-xoa hư không.

Dạ-xoa hư không tâu với Tứ Đại vương. Tứ Đại vương tâu với Tứ Thiên vương, như trước đã nói, cho đến tâu với Đại phạm Thiên vương như vầy:

–Ở cõi Diêm-phù-đề, trong nước… thôn… có thiện nam họ… tên… đã cạo bỏ râu tóc, đắp pháp y, xuất gia chân chánh, chiến đấu với quân ma, không trụ vào cảnh giới của ma, tâm không ưa thích cảnh giới nhiễm dục và đã đạt được Địa thứ mười một.

Đại phạm Thiên vương nghe như vậy, hoan hỷ nói:

–Quân ma bị tổn giảm, bạn chánh pháp tăng trưởng, phần thiện được phát triển, tùy thuận nơi pháp hành, các pháp của hàng Tỳ-kheo đã được kiến lập vững chắc.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy tùy thuận với chánh pháp, quan sát các pháp hành. Thế nào là Tỳ-kheo kia quán xét ngục A-tỳ để tùy thuận tu hành? Tỳ-kheo kia quan sát đại địa ngục A-tỳ như thế nào? Địa ngục ấy gồm có bao nhiêu chốn?

Người kia thấy, nghe, biết, cũng như những địa ngục khác gồm đủ mười sáu chỗ, ngục A-tỳ cũng lại như vậy, gồm có mười sáu chốn. Mười sáu chốn là:

1. Mỏ quạ *(Ô khẩu)*.
2. Nhất thiết hướng địa.
3. Vô bỉ ngạn thường thọ khổ não.
4. Dã can hống.
5. Thiết dã can thực.
6. Bao tử đen *(Hắc đổ)*.
7. Thân dương.
8. Mộng kiến úy.
9. Thân dương thọ khổ.
10. Lưỡng sơn tụ.
11. Hống sinh Diêm-bà-phả-độ.
12. Tinh man.
13. Khổ não cấp.
14. Xú khí phú.
15. Thiết diệp.
16. Thập nhất diệm.

Mười sáu chốn này chính là chi nhánh của địa ngục căn bản A-tỳ. Những kẻ hành theo mười nẻo nghiệp ác bất thiện và năm nghiệp ngũ

nghịch đều nhóm tụ trong đại địa ngục. Vào địa ngục A-tỳ có nội ngũ nghịch và ngoại ngũ nghịch. Tạo nghiệp đã thành thục rồi thì sinh trong đại địa ngục A-tỳ, theo nghiệp tương tự mà sinh vào trong đó. Theo nghiệp tương tự với nghiệp đã gây tạo đầy đủ, ưa thích tạo và tạo nhiều mà đối với địa ngục kia sinh vào chốn khác nhau. Nghiệp nơi A-tỳ có năm loại: Giết A-la-hán, tư duy theo tâm ác làm thân Phật chảy máu, sinh tâm tùy hỷ lại ưa thích tạo và tạo nhiều, bảo người khác làm, bảo người kia an trụ hoặc sai người khác làm. Người đó do nhân duyên của nghiệp ác nên sau khi qua đời, sinh vào chốn ác, bị đọa vào chốn Ô khẩu *(Mỏ quạ)* thuộc địa ngục A-tỳ, chịu đủ mọi khổ não. Những khổ não ấy như trước đã nói trong bảy đại địa ngục: Hoạt, Hắc thằng, Hợp… chỉ trừ khổ não phải chịu ở A-tỳ. Tất cả khổ não kia ở đây đều có đầy đủ, lại nặng nề gấp trăm lần. Lại có chỗ còn hơn thế nữa, Diêm-ma-la đánh vào miệng tội nhân giống như đánh vào miệng con quạ, sau đó, dẫn đến sông Tro đen *(Hắc hôi)* nước sâu, chảy xiết. Diêm-ma-la lấy tro nóng đổ vào miệng tội nhân. Đầu tiên đốt môi, đốt môi rồi đốt răng, đốt răng rồi đốt cổ họng, đốt cổ họng rồi đốt tim, đốt tim rồi lại đốt phổi, đốt phổi rồi đốt ruột, đốt ruột rồi đốt trường tạng, đốt trường tạng rồi đốt sinh tạng, đốt sinh tạng rồi đốt thục tạng, đốt thục tạng rồi theo phía dưới mà chảy ra. Người ở địa ngục kia bị khổ trong sông Tro toàn bộ bên trong thân thể đều bị cháy không còn gì cả, chỉ còn vật bên ngoài. Do nghiệp ác giữ lấy nên tội nhân không chết mà phải chịu khổ não cùng cực. Người kia luôn luôn bị thiêu đốt, trải qua vô số năm mà nghiệp ác vẫn chưa hết, chưa tan rã, ảnh hưởng của nghiệp chưa hết thì không lúc nào dừng khổ. Nếu nghiệp ác hết thì người kia mới thoát được địa ngục. Ra khỏi địa ngục, trải qua một ngàn đời sinh làm ngạ quỷ tên ngạ quỷ Đảnh. Thoát khỏi loài ngạ quỷ, lại sinh vào loài súc sinh, làm các loài như voi, trâu, thuần đồ, ma-la, chuột, chó sói, rắn độc, thủ cung, các loài trùng như giun, muỗi, ruồi, nhặng… sau sinh làm bò. Thoát khỏi cõi súc sinh thì sinh làm người ở nơi hợp với nghiệp sinh vào nhà đồ tể, trải qua hai trăm đời bị chết lúc còn trong thai hoặc sinh ra rồi chưa biết đi đã chết, hoặc sắp sinh ra liền bị chết. Đó là do nhân duyên của nghiệp ác còn sót lại, nên sau lại tạo tiếp nghiệp ác.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp, quan sát về nơi chốn của đại địa ngục A-tỳ. Vị ấy thấy, nghe, biết lại có chốn khác tên Nhất thiết hướng địa *(Tất cả đều hướng xuống đất)*. Đây là chốn thứ hai trong địa ngục A-tỳ. Chúng sinh vì nghiệp gì mà sinh vào chỗ ấy?

Vị ấy thấy, nghe, biết: Người nào cưỡng bức dâm dục, ưa thích tạo và tạo nhiều, với những vị do tư duy đã chứng được vô lậu, là Thánh Tỳ-

kheo-ni, bậc A-la-hán thì do nhân duyên của nghiệp ác ấy, sau khi qua đời, người kia bị đọa vào chốn Nhất thiết hướng địa, thuộc địa ngục A-tỳ chịu khổ não lớn. Những khổ não ấy như trước đã nói, trong bảy đại địa ngục: Hoạt, Hắc thằng, Hợp, Khiếu hoán, Đại khiếu hoán, Tiêu nhiệt, Đại tiêu nhiệt… Tất cả khổ não ấy, ở đây đều có đủ và nhiều gấp trăm lần.

Lại còn hơn thế nữa: Ở chỗ đất bằng sắt, đầu mặt ở dưới, thân ở trên, trên dưới lộn ngược luôn chuyển đổi. Diêm-ma-la làm cho người ở địa ngục kia khổ não rất nhiều. Tội nhân bị khổ não không thể nào kêu la, không thể phát ra tiếng, không thể phát ra hơi, nửa thân dưới lại ở phía trên. Diêm-ma-la lấy búa, rìu bén róc từ từ cho đến khi nào hết thịt chỉ còn lại xương, rồi lấy nước tro rửa xương ấy, làm cho rơi rớt cả, lúc này, người kia chỉ còn mạng sống mà thôi. Sau đó bị bỏ vào vạc nước đồng sôi sùng sục, làm cho thân lúc chìm lúc nổi, lộn lên lộn xuống, nấu cho chín nhừ giống như những hạt đậu lớn nhỏ được nấu chín, hơi bốc lên che phủ khắp nơi không thấy gì cả. Nấu trong vạc sắt như vậy trải qua vô lượng trăm ngàn ức năm mà nghiệp ác vẫn chưa hoại, chưa tan, ảnh hưởng của nghiệp vẫn chưa dứt, luôn luôn không ngừng khổ. Nếu nghiệp ác hết, người kia mới thoát khỏi địa ngục đó. Được thoát ra rồi, trong một kiếp hay một kiếp giảm, thân lại bị đốt, chịu khổ não ít hơn trong địa ngục A-tỳ. Một ngàn đời làm thân ngạ quỷ, sinh trong loài ngạ quỷ Trách sớ, bị đói khát bức bách thân. Toàn thân luôn bị cháy giống như bó đuốc. Nếu người kia được thoát khỏi kiếp ngạ quỷ, lại trải qua một ngàn đời làm súc sinh, làm loài chim sống ở đồng hoang thường khổ sở đói khát như giá-đa-ca, hoặc các loài dã can, dế, sâu, cù-đà, ngựa hoang, lừa hoang, nai… Các loài súc sinh như vậy là do quả báo của nghiệp ác còn sót lại. Ra khỏi loài súc sinh, lại sinh làm người ở nơi hợp với nghiệp thì sinh tại quốc độ mặt ngựa, ba trăm đời bị chết trong thai. Nếu có nghiệp ở quá khứ thì được sống không chết, mà bị bần cùng, bệnh hoạn, nhiều khổ não. Trong năm trăm đời không được làm thân nam. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp, quan sát nơi chốn thuộc đại địa ngục A-tỳ. Vị ấy thấy, nghe, biết lại có chỗ khác tên Vô bỉ ngạn thường thọ khổ não *(Chịu khổ mãi không thấy bờ bên kia)* là chốn thứ ba trong địa ngục A-tỳ. Chúng sinh vì nghiệp gì mà sinh vào chốn này?

Vị ấy thấy, nghe, biết: Những người do cảnh giới làm loạn, do tâm dục hay do gần bạn ác, hoặc tự uống rượu say sưa, hành dâm với mẹ. Hành dâm rồi, tâm kinh hãi. Gần bạn ác, nghe theo lời nói của họ. Người si kia ưa thích làm và làm nhiều, lại bảo người khác làm giống như vậy. Do

nghiệp ác ấy, nên khi qua đời, người kia bị đọa vào chốn ác Vô bỉ ngạn thường thọ khổ não trong địa ngục A-tỳ, chịu khổ não cùng cực. Những khổ não ấy như đã nói ở trong bảy đại địa ngục: Hoạt, Hắc thằng… Tất cả khổ não kia ở đây đều có đủ, lại nhiều gấp trăm lần. Còn có những khổ não hơn đó nữa: Diêm-ma-la dùng móc sắt cháy đỏ móc nhân căn của người kia kéo từ rốn ra, lấy gai kim chích vào, hoặc dùng đinh đóng vào rốn, vào mũi, vào tai, sau thì cắt miệng. Lại lấy móc sắt cháy đỏ rực nhét đầy miệng tội nhân, làm cho miệng đầy lửa giống như cây đuốc. Phần dưới thân của người kia phải chịu khổ dữ. Người kia bị khổ ở hai chỗ, bị thiêu, đè và chặt, đánh, nên toàn thân đều bị hư nát. Hết thảy mọi chỗ đều như vậy nên gọi là chốn Vô bỉ ngạn thường thọ khổ não. Sự khổ ở đây không thể nào ví dụ được, nhưng nghiệp ác vẫn chưa hoại, chưa tan, ảnh hưởng của nghiệp vẫn chưa hết, nên luôn luôn chịu khổ, trong một kiếp hay một kiếp giảm mãi bị thiêu đốt như vậy. Nếu nghiệp ác hết, người kia mới thoát khỏi địa ngục. Thoát rồi, trải qua bốn ngàn đời làm ngạ quỷ ăn đồ bất tịnh, đói khát đốt thân. Nếu thoát khỏi kiếp ngạ quỷ thì sinh vào loài súc sinh ở giữa đồng hoang vắng không có nước, sống trong rừng tre, miệng luôn khô khốc, sống chỗ chật hẹp trong hang núi, thường sợ bóng tối, sinh trong loài súc sinh thường sợ chim thứu. Vì nhân duyên gì mà sống trong rừng tre? Vì nơi rừng tre kia thường có gió lớn, thổi tre phát ra lửa, trải qua bốn ngàn đời luôn bị thiêu chết, chết rồi thì sinh lại chỗ ấy. Thoát được thân súc sinh được sinh làm người ở nơi hợp với nghiệp thì làm kẻ bần cùng, tật bệnh, hèn hạ nhất trong đời. Vợ không trinh tiết, hoặc đoạt vợ người, hay phạm con gái người nên bị họ bắt đem giao cho vua trị tội bằng cách nhổ nhân căn ra, không còn nhà cửa, phải ra ngã ba, ngã tư xin ăn để sống, luôn đói khát khốn khổ, sau đó phát bệnh, đau đớn rồi chết nơi đầu đường xó chợ… Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp rồi, lại quan sát nơi chốn của đại địa ngục A-tỳ. Vị ấy thấy, nghe, biết: còn có chốn khác tên Dã can hống là chốn thứ tư trong địa ngục A-tỳ. Chúng sinh vì nghiệp gì mà sinh vào chốn này?

Vị ấy thấy, nghe, biết: Người nào hủy báng Bậc Nhất Thiết Trí *(Đức Phật)*, hủy báng Bích-chi-phật, hủy báng A-la-hán, hủy báng luật pháp, phi pháp nói là chánh pháp, lại bảo người khác làm rồi ưa thích. Phi pháp mà người kia cho là chánh pháp nên thường hủy báng các bậc Thánh nhân. Do nhân duyên của nghiệp ác ấy, sau khi qua đời, người kia bị đọa vào chốn Dã can hống thuộc đại địa ngục A-tỳ chịu khổ não không kể xiết. Những khổ não ấy như trước đã nói, trong bảy đại địa ngục: Hoạt,

Hắc thằng… Tất cả khổ não kia ở đây đều có đủ, lại nhiều gấp trăm lần, còn có những thống khổ hơn thế nữa: Do nghiệp ác nên chốn đó có Dã can, miệng bằng sắt cháy đỏ đầy khắp mọi chỗ. Răng rất bén, nóng, chúng chạy vội đến chỗ người hủy báng chánh pháp, mỗi con ăn mỗi chỗ nơi người kia, con ăn đầu, con ăn cổ. Do lưỡi nói lời ác nên có con ăn lưỡi, có con ăn mũi, ăn xương ngực, con ăn phổi, con ăn tiểu trường, con ăn đại trường, con ăn bong bóng, con ăn bắp đùi, con ăn cẳng, con ăn gót chân, con ăn cánh tay, con ăn tay chân, con ăn ngón tay chân. Toàn bộ thân thể của người kia đều bị ăn tiệt. Bị ăn rồi sinh ra lại. Người gây nghiệp ác kia chịu quả báo do hành động ác nên luôn thọ khổ như vậy. Nếu được thoát ra khỏi chỗ đại khổ não này, người kia vội vã tìm chạy đến khắp nơi, trông mong được cứu vớt, trông mong có chỗ nương tựa. Lại có Diêm-ma-la bắt lại, đánh vào miệng người kia và rút lưỡi ra, dùng dao thật bén cắt tan nát lưỡi tội nhân, cắt rồi mọc ra lại. Do lưỡi hủy nhục, chê bai các bậc Thánh nhân, do bảo người khác khen ngợi phi pháp nên người kia luôn bị các thứ khổ não như thế. Nếu thoát ra được chốn đó, người kia trông mong được cứu vớt, trông mong có chỗ nương tựa, nên chạy đôn đáo khắp chỗ. Do nghiệp ác đã tạo, người kia bị Diêm-ma-la bắt, bảo:

–Người vọng ngữ này nói lời cong vạy, nói lời thô lỗ, nói lời bất tịnh, nói lời pháp ác, nói lời phi pháp, khiến cho chúng sinh thoái mất chánh đạo.

Diêm-ma-la bắt người kia lại, đánh vào miệng rồi rút lưỡi ra, lưỡi ác ấy dài một cư-xa, rất mềm, trải trên đất bằng sắt cháy rực như đồng đỏ, vẽ làm bờ ruộng rồi sai người cày lên, lưỡi cày nóng rực, dao bén nóng rực, trên chân trâu có mũi nhọn rất bén, nóng đỏ cày ngang dọc cả trăm ngàn vòng trên lưỡi ấy. Lời nói ác của kẻ ấy nơi đời khác làm chứng bậy, nói không hợp lý nên phải chịu khổ như vậy. Người kia luôn luôn bị cày, bị thiêu đốt, cắt cứa. Do lời nói ác nên người kia chịu tất cả thống khổ, kêu gào, khóc lóc ăn năn, Diêm-ma-la quở trách nói kệ:

Sáu vạn A-phù-đà
Năm ngàn sáu Phù-đà
Tâm, miệng mong điều ác
Hủy Thánh, đọa địa ngục.
Dáng đẹp, hành động ác
Phi pháp nói chánh pháp
Do xưa ngươi nói ác
Nay nơi đây bi đốt.
Chúng sinh mong muốn thật

Sao nói là pháp ác
Do người nói lời ác
Chịu quả ác tương tự.
Người vọng ngữ quyết định
Phi pháp nói chánh pháp
Đó là giặc số một
Ngoài ra là giặc nhỏ.
Người nói pháp chân chánh
Lìa bỏ tất cả ác
Được đến chỗ an lành
Chốn đó không khổ não.
Của cải nhiều không mất
Không ai trộm cắp được
Thật ngữ là đường trời
Cũng là cửa Niết-bàn.
Như vậy nên nói thật
Luôn nhớ hành theo pháp
Không sầu bi, không già
Người ấy vượt hơn hẳn.
Người lìa bỏ chánh pháp
Hủy nhục người hiền lành
Ngươi xưa gây tạo ác
Nay nơi đây thọ khổ.

Diêm-ma-la quở trách người hủy báng Thánh pháp như vậy rồi, lại còn tạo thêm nhiều khổ não. Người kia không thể biết, không thể nói được. Vì sao? Vì Đức Như Lai đã nói: "Người hủy báng Thánh pháp, tạo nhân rất nặng, nên mắc quả báo tương tự". Người kia bị thiêu đốt như vậy mà nghiệp ác vẫn chưa hoại, chưa rã, ảnh hưởng của nghiệp vẫn chưa hết, luôn luôn chịu khổ não. Nếu nghiệp ác hết, người kia mới thoát khỏi chốn đó. Thoát khỏi rồi, trải qua hai ngàn đời sinh làm ngạ quỷ ở Tần đồ. Thân quỷ một khối giống như khối thịt, không thấy, không nghe, không thể ngửi được, không nếm được và cũng không nói năng gì cả. Nếu thoát thân ngạ quỷ rồi, lại trải qua ba ngàn đời làm súc sinh, làm loài trùng trong phân. Thoát được thân súc sinh thì sinh làm người, trải qua năm trăm đời luôn bần cùng, khốn khổ. Nói ra điều gì đều không ai tin, bị bệnh phong hủi, điếc, câm. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp rồi, lại quan sát nơi chốn

thuộc đại địa ngục A-tỳ. Vị ấy thấy, nghe, biết: lại còn có chốn khác tên Thiết dã can thực *(Dã can bằng sắt ăn)* là chốn thứ năm trong địa ngục ấy. Chúng sinh vì nghiệp gì mà sinh trong chốn đó?

Vị ấy thấy, nghe, biết: Người nào tùy hỷ với tâm ác, niệm ác, đem tâm cực ác thiêu đốt chùa của chúng Tăng, đốt tượng Phật và đốt các đồ dùng của Tăng chúng như giường chiếu, áo quần, của cải, lúa gạo… Do tâm ác nên lấy lửa thiêu đốt chỗ ở của chúng Tăng, đốt rồi thích thú, không một chút hối hận. Sau đó, bảo người khác làm rồi tùy hỷ khen ngợi. Người kia tạo đủ các nghiệp ác, nghiệp tạo đã thành thục, hòa hợp, tương ưng. Do nhân duyên của nghiệp ác ấy, sau khi qua đời, người kia bị đọa vào chốn ác Thiết dã can thực trong địa ngục A-tỳ, chịu khổ não vô bờ. Nhưng khổ não này như trước đã nói trong bảy đại địa ngục: Hoạt, Hắc thằng… Tất cả khổ não kia ở đây đều có đầy đủ, lại nhiều gấp trăm lần.

Lại còn có thống khổ hơn thế nữa: Do nghiệp nặng nên chịu khổ cũng nặng. Vì sao? Vì nhân quả giống nhau, quả giống như nhân. Sinh vào chốn đó, do nhân duyên của nghiệp ác nên toàn thân đều bị lửa thiêu đốt. Toàn thân người kia cháy sáng cả mười do-tuần. Có mười một thứ khổ, khổ trên đảnh là nặng nhất. Trong các địa ngục, khổ này là dữ dội nhất. Chốn kia lại có núi giống như lửa, lửa cháy khắp nơi, tội nhân bị đói khát thiêu đốt, luôn luôn bị thiêu, bị đánh, duỗi tay hướng lên trên, cao tới năm do-tuần, lửa cháy lan khắp nơi như đốt cả góc rừng. Bị thiêu đốt khắp thân, người kia kêu gào, la hét, khóc lóc bi thảm. Khi kêu gào, miệng bị cháy cả trong lẫn ngoài hợp thành một đống lửa, không có kẽ hở. Lửa dữ thiêu đốt lớn dần. Nếu thoát khỏi chỗ đó, người kia trông mong được cứu vớt, trông mong có chỗ nương tựa, chạy khắp đó đây, mặt mày méo xệch, tìm kiếm chỗ an vui. Do tạo ra nghiệp ác nên tùy theo đó mà bị trói buộc. Từ ngục này đi đến chốn khác, đều có núi, sông khổ não càng tăng. Trên mưa gạch sắt khoảng một cư-xa, như mưa mùa hạ, gạch đánh vào người kia từ đầu đến chân khiến tan nát, chồng chất giống như làm nem khô. Toàn bộ thân thể nát bấy, không thể phân biệt được. Thường mưa sắt ác, chịu khổ não như thế, sau đó người kia sống lại, toàn thân rã rời. Dã can nhe răng lửa, ăn nuốt kẻ có tội giống như ăn nem khô. Tội nhân lại sống dậy, các phần hợp đủ, sống lại rồi bị ăn tiếp, người kia luôn bị dã can ăn, bị thiêu đốt rồi sống trở lại. Do nghiệp ác nên người kia bị ăn, chịu mọi thống khổ, tự mình tạo chứ chẳng phải do người khác tạo. Chính mình tạo ra thì không bao giờ mất quả, không làm thì không quả báo. Không có cái gì là không có nguyên nhân, không phải từ chỗ khác đem đến, không có người làm đưa đến quả báo thì không có người nhận quả báo đó, đều do nhân mà ra. Thế mà nghiệp

ác của người kia vẫn chưa hoại, chưa tan. Ảnh hưởng của nghiệp chưa hết thì không bao giờ dừng khổ. Nếu nghiệp ác hết, người kia mới thoát ra khỏi chốn cực ác trong địa ngục.

Lại một ngàn đời sinh làm ngạ quỷ, toàn thân bị đốt cháy, kêu la, gào thét. Tất cả quốc độ, tất cả thành ấp, tất cả xóm làng, người kia luôn kêu gào trong đêm. Ban đêm thì lửa đốt, ban ngày thì ánh sáng mặt trời như mưa lửa, nóng như đốt, đến nỗi phát ra lửa mà nghiệp ác vẫn chưa hoại diệt, ảnh hưởng của nghiệp không hết. Nếu thoát ra khỏi cõi này, trải qua một ngàn đời làm súc sinh, thường ở chỗ đồng hoang làm loài trùng một trăm chân, luôn khổ sở đói khát. Trùng có hai đầu, hai mặt, lại có hai miệng, luôn luôn bị khổ không bao giờ gián đoạn. Toàn bộ thân thể phần nhiều bị trùng đen rúc rỉa. Ra khỏi thân súc sinh, nhờ quá khứ lâu xa có chút nghiệp lành, nên người kia sinh làm người ở nơi hợp với nghiệp, một ngàn đời làm người đen đúa, giống như mây đen, luôn bị hủy hoại, tổn thương, bần cùng, thường đi khắp nơi, theo lạc đà đi sứ, bị người khác sai khiến, mãi khổ sở, đói khát, ăn uống khó được, chỉ còn mạng sống mà thôi. Trải qua một ngàn đời làm ngạ quỷ, một ngàn đời làm súc sinh, một ngàn đời làm người như thế là do nhân duyên của nghiệp ác nên người kia phải chịu khổ não.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 15

Phẩm 3: Địa ngục (Phần 11)

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp, rồi quan sát nơi chốn của đại địa ngục A-tỳ. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có chỗ tên Hắc đổ *(bụng đen)* là chốn thứ sáu trong địa ngục A-tỳ. Chúng sinh vì nghiệp gì mà sinh vào chốn này?

Vị ấy thấy, nghe, biết những người nào lấy tài vật của Phật để tự sử dụng mà không trả lại, không bồi thường, không tin nghiệp báo mà còn trở lại lấy tiếp, bảo người khác lấy. Hoặc như làm trụ trì có ai đến cúng dường Phật thì lấy cất về cho mình, hoặc người khác đưa phẩm vật xin cúng Phật mà tự tiện lấy dùng. Do nhân duyên của nghiệp ác như thế, sau khi qua đời, người kia bị đọa vào chốn ác Hắc đổ trong địa ngục A-tỳ chịu đủ mọi khổ não. Những khổ não này như trước đã nói, trong bảy đại địa ngục: Hoạt, Hắc thằng… tất cả các khổ não ấy ở đây đều có đủ và nhiều gấp trăm lần. Lại còn có khổ hơn nữa: Chỗ Hắc đổ, tội nhân bị đói khát thiêu đốt lấy thân nên tự ăn thân mình. Ăn rồi thì sinh ra lại, như vậy trải qua vô lượng trăm ngàn ức năm ăn rồi lại sinh ra, càng ngày càng chồng chất thêm, luôn đói khát khổ não, nhưng đối với nghiệp ác đã tạo kia thì chỗ khổ não sẽ chịu phải gấp trăm lần. Tự tạo khổ não, trở lại tự bó buộc lấy thân. Người kia tự ăn thịt của mình rồi dong ruổi khắp chỗ. Khi chạy, có loài rắn bụng đen, màu giống như mây đen quấn lấy từ đầu đến chân tội nhân, từ từ cắn mổ cùng với xương để ăn. Bị ăn rồi, người kia sống trở lại. Sống lại rồi bị ăn tiếp, cứ luôn luôn như vậy. Do nghiệp ác đã tự dùng vật phẩm cúng Phật nên người kia bị rắn ăn như thế. Trong các ruộng phước, Đức Phật là ruộng phước thù thắng nhất. Do làm tổn hại vật phẩm của Phật nên người kia phải bị thống khổ như vậy.

Ra khỏi chốn Hắc đổ rồi, tội nhân lại đi vào vùng đất bằng sắt đỏ nóng giống như đống lửa than của núi Khư-đà-la. Vào khoảng một do-tuần, người kia đi vào lửa bị thiêu đốt càng lúc càng tăng, trải qua trăm ngàn ức năm. Nếu thoát khỏi chỗ ấy, người kia chạy khắp đây đó, trông

mong được cứu vớt, được có chỗ nương tựa. Đến chỗ khác, người kia bị Diêm-ma-la bắt lại, lấy kềm sắt nóng kẹp chặt lấy thân rồi bỏ vào vạc sắt nấu cho chín nhừ, giống như những hạt đậu lớn nhỏ. Đốt nấu khuấy lên, lúc nổi, lúc chìm, thống khổ rùng rợn, là khổ ác bậc nhất không thể ví dụ. Tất cả trong tam giới, nhân quả luôn giống nhau. Chỗ thống khổ mà người phải chịu trong các địa ngục kia thì trăm phần, ngàn phần, ca-la phần, không bằng một phần của khổ ở đây. Khổ não này có trăm ngàn cách thể hiện, là khổ não bậc nhất trôi trong biển lớn. Nghiệp quả là tự mình tạo ra, nên nghiệp ác bất thiện chưa hoại, chưa tan rã, ảnh hưởng của nghiệp vẫn chưa hết thì khổ não kia không bao giờ dứt. Nếu nghiệp ác hết, người kia mới thoát ra được chốn Hắc đỗ trong địa ngục A-tỳ. Thoát rồi, người kia trải qua một ngàn hai trăm đời làm ngạ quỷ ăn phân dơ, lại trải qua bảy trăm đời làm súc sinh ăn những thứ ói mửa của người. Thoát khỏi kiếp súc sinh thì cũng khó được làm người, giống như con rùa trong biển lớn tìm lỗ hổng nơi bộng cây nổi. Nếu được làm người ở nơi hợp với nghiệp thì làm hàng tà kiến ngoại đạo ăn uống bất tịnh. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp rồi lại quan sát nơi chốn của đại địa ngục A-tỳ. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có chỗ khác tên Thân dương, là chốn thứ bảy trong địa ngục. Chúng sinh vì nghiệp gì mà sinh vào chốn này?

Vị ấy thấy, nghe, biết có người làm ác, lấy tài vật của pháp, tự tiện tiêu dùng, sau lại lấy tiếp, người kia tạo đủ các nghiệp, nghiệp tạo đã thành thục và còn chỉ bảo người khác làm. Do nhân duyên của nghiệp ác, sau khi qua đời người kia bị đọa vào chốn ác Thân dương trong đại địa ngục A-tỳ, chịu mọi thống khổ. Những khổ não này như trước đã nói trong bảy đại địa ngục: Hoạt, Hắc thằng… tất cả khổ não ở đây đều có đủ và nhiều gấp trăm lần. Lại còn có khổ não hơn nữa: Chốn Thân dương có hai cây bằng sắt cháy đỏ, gió nghiệp ác thổi đến khiến chúng ép vào nhau. Tội nhân nơi địa ngục ở giữa bị cây ép vào rất mạnh nên dẹp như lá đa-la. Các cơ quan bị đè ép lại làm cho thân thể đều tiêu ra nước, sau đó tội nhân sống trở lại, sống lại rồi bị ép tiếp, cứ như thế luôn chịu khổ não cùng cực.

Trong ngục Thân dương có loài chim sắt, mỏ cứng như kim cương và rất dễ sợ, đứng trên cây, áp xuống mổ vào đầu tội nhân rồi bay lên chỗ cũ. Cứ như vậy mãi, đầu của tội nhân bị vỡ ra, chim lại đến mổ mắt ăn khiến tội nhân kêu gào, thê thảm. Làm vỡ đầu, ăn mắt, chim ấy tiếp tục ăn

não, xé tim, uống máu, thịt, ăn ruột, ăn bao tử, ăn thục tạng, ăn bắp đùi, bắp vế, ăn gót chân, ngón chân… Người kia bị khổ sở như vậy trải qua vô số thời gian, trong một trăm năm cũng không thể đếm hết được. Ở đây chỉ nói một phần nhỏ: Giống như trong biển lớn, chỉ lấy một vốc nước đổ vào chỗ khác, tức chỉ nêu được một phần. Kẻ tạo nghiệp ác kia luôn chịu khổ dữ dội như vậy, nhưng nghiệp ác đã tạo vẫn chưa hoại, chưa tan, ảnh hưởng của nghiệp vẫn chưa dứt thì không bao giờ hết khổ. Nếu nghiệp ác hết, người kia mới thoát khỏi địa ngục. Ra được rồi, trải qua một ngàn đời làm ngạ quỷ ăn đờm dãi, chỉ có mạng sống mà thôi, vì bị đói khát bức bách thân là khổ não bậc nhất. Nếu thoát khỏi thân ngạ quỷ thì sinh làm loài cá lớn trong nước mặn ở biển cả. Những loài cá lớn trong biển cả như cá Na-ca-la, Ma-già-la, hoặc làm rùa lớn, luôn khổ vì đói khát, sống trong biển nước mặn, trải qua một ngàn đời. Nếu ra khỏi biển ấy, nơi đời quá khứ có nghiệp làm người được thành thục thì sinh vào cõi người ở vùng giữa biên giới của hai nước. Vua hai nước kia thường gây chiến với nhau, tài sản của người kia cất chứa hoặc bị người khác lấy, hoặc bị vua phạt lấy. Bị đoạt lấy rồi, người kia còn bị trói bỏ vào nhà giam, đói khát bức bách, phải đi xin ăn, chịu khổ não cùng cực, đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp rồi, lại quan sát những nơi chốn trong đại địa ngục A-tỳ. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có chỗ khác tên Mộng kiến úy là chốn thứ tám trong địa ngục A-tỳ. Vì nghiệp gì mà chúng sinh sinh vào chốn này?

Vị ấy thấy, nghe, biết người xấu ác đối với các thức ăn của chúng Tăng, các Tỳ-kheo tụ tập, hòa hợp sắp sửa thọ dụng mà lại đoạt lấy khiến cho chúng Tăng ấy không được ăn uống, thân bị đói khổ không nhớ được điều lành, không ngồi thiền, tâm không tịch tĩnh. Người ác kia đoạt lấy thức ăn của chúng Tăng hiện tiền, lấy rồi không hề sám hối, tâm không ăn năn, lại ưa thích làm công việc ấy, lại bảo người khác lấy rồi sinh tâm tùy hỷ. Người kia tạo đủ các nghiệp ác, nghiệp tạo đã thành thục, do nhân duyên của nghiệp ác ấy nên sau khi qua đời, người kia bị đọa vào chốn Mộng kiến úy trong đại địa ngục A-tỳ, chịu mọi thứ khổ não. Những khổ não này như trước đã nói trong bảy đại địa ngục: Hoạt, Hắc thằng… Tất cả khổ não ấy ở đây đều đủ, lại nhiều gấp trăm lần.

Còn có khổ hơn thế nữa: Chúng sinh không hề biết tên của mình, những khổ não ấy rất đáng sợ, đau đớn không thể chịu nổi, tất cả đều do nghiệp gây ra. Nay xin nói một ít: Giống như giọt nước nơi biển cả, như người trông mộng thấy việc không thật, nơi ngục này việc trông thấy đều

giống như mộng. Thấy có người ác rất đáng kinh hãi, người ấy cầm đủ khí cụ như gông, chày, bắt lấy tội nhân gây nghiệp ác bỏ vào chỗ đất bằng sắt, ngồi trong vạc sắt, dùng chày sắt nóng đập vào thân người kia khiến cho tan nát, giống như khối sáp ong. Sau đó, người kia sống trở lại, sống lại rồi bị đánh cho tan thây. Do thế lực của nghiệp ác nên người kia phải chịu quả báo như vậy. Nếu ra khỏi khổ não nơi vạc sắt kia, thì người ấy lại đi vào rừng sắt. Do đi theo con đường của nghiệp ác, người kia đi vào rừng sắt thì toàn bộ thân thể bị chẻ, cắt rách nát rã rời trong sắt nóng, khắp thân người tạo nghiệp ác đều bị hủy hoại. Nếu thoát khỏi chốn này, người kia chạy đôn đáo khắp nơi, trông mong được cứu vớt, được có chỗ nương tựa, nhưng lại bị hai con dao sắt cắt xẻ thân tội nhân khiến cho mọi gân mạch đều dứt hẳn, tiêu tan, chỉ còn lại xương, không còn chút thịt nào cho ruồi đậu. Xương, gân, da đều bị cắt xẻ tan, vụn phần xương còn lại cũng bị dao sắt chặt nát. Người kia đau đớn nên khóc lóc kêu gào, chạy lui tới khắp chỗ nhưng không thoát được. Tất cả đều do nghiệp ác bất thiện mà ra. Bị khổ như vậy, nhưng nghiệp ác vẫn chưa hoại, chưa tan. Nếu nghiệp ác hết thì mới thoát khỏi chốn Mộng kiến úy. Thoát được rồi trải qua một ngàn đời làm ngạ quỷ, ăn nước mụt ghẻ. Ra khỏi cõi ngạ quỷ, lại trải qua năm trăm đời làm súc sinh chịu đủ thứ thống khổ, thường ở chỗ bị đá đè ép giống như cỏ lau, cho đến chết. Thoát thân súc sinh thì được làm người nhưng luôn bần cùng, bệnh hoạn, bị người khác sai khiến, ở chốn đồng hoang, sườn núi nguy hiểm, sa mạc, chỗ ít cỏ, chỗ không có cỏ, chỗ không có nước, chỗ không có ao đầm, chỗ thường sợ hãi, sinh vào quốc độ hung dữ. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo nhận biết quả báo của nghiệp, rồi quan sát nơi chốn của đại địa ngục A-tỳ. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có chốn khác tên Thân dương thọ khổ não là chốn thứ chín trong đại địa ngục A-tỳ. Vì nghiệp gì mà chúng sinh sinh vào chốn này?

Vị ấy thấy, nghe, biết có nhà Đàn-việt hảo tâm, chánh tín thành tựu, luôn chữa trị người bị bệnh, giúp đỡ người xuất gia, bố thí của cải, tùy theo người bị bệnh để cung cấp của cải, thuốc men để trị bệnh. Nhưng có kẻ xấu ác được nhiều người biết đến, tâm ý bất thiện, xa lìa Thiện tri thức, bỏ đạo giải thoát, dù mặc ca-sa nhưng chính là đạo tặc, đoạt lấy vật dụng của người bệnh được cúng dường kia, sự dùng rồi nhưng không sám hối, tâm không hề ăn năn, không trả lại, không bồi thường, lại bảo người khác làm rồi tự thích thú, lại còn sinh tâm lấy tiếp. Do nhân duyên của nghiệp ác ấy, sau khi qua đời, người kia bị đọa vào chốn Thân dương thọ khổ não trong đại địa ngục A-tỳ, chịu mọi khổ não tột cùng. Những khổ não này như trước

đã nói trong bảy đại địa ngục: Hoạt, Hắc thằng… tất cả sự khổ ấy ở đây đều có đủ, lại nhiều gấp trăm lần.

Còn có những thống khổ hơn thế nữa: Ở ngục Thân dương thọ khổ cách khoảng một do-tuần có cây sắt nóng, luôn cháy đỏ rực là do nghiệp ác mà ra. Trong ngục còn có tảng đá lớn, luôn cháy nóng giống như kim cương, chạm vào thì cảm thấy rất đau đớn hơn trăm ngàn lần bị đốt cháy. Cây sắt ấy lửa luôn cháy dữ dội, từ dưới gốc cháy lên rất cao. Địa ngục ấy đã sinh ra bốn trăm lẻ bốn chứng bệnh làm tăng trưởng mọi thứ khổ não. Các tội nhân đơn lẻ một mình, không bạn bè, đầu mặt ở dưới thấp, chân cẳng thì chổng lên trên. Cây kia luôn cháy phừng phực, lửa nơi các địa ngục khác so với đây thì giống như băng lạnh. Nước nơi gốc cây kia là một thứ khổ não phủ lên khắp thân tội nhân khiến tan nát không chừa dù một sợi lông. Còn khổ về bệnh hoạn thì nặng gấp trăm lần so với lửa, trải qua vô số năm như vậy. Chốn ấy lại có Diêm-ma-la tay cầm dao sắt, cắt cứa mọi mạch máu nơi thân tội nhân. Ở đây có năm loại khổ: cây, lửa, sắt, đói khát, bệnh tật, trải qua vô số năm, người nghe còn dựng cả chân lông. Khổ não ấy nhiều cả hàng trăm na-do-tha, ở đây chỉ nói một phần nhỏ. Người kia bị đủ thống khổ đau đớn, nếm hết mùi khổ ác như thế mà nghiệp ác vẫn chưa hoại, chưa tan, ảnh hưởng của nghiệp chưa hết thì không bao giờ ngừng khổ. Nếu nghiệp ác hết, người kia mới thoát khỏi chốn Thân dương thọ khổ. Thoát được rồi, lại trải qua bảy trăm đời sinh làm ngạ quỷ ăn khói lửa, đói khát đốt thân, giống như đốt cây cối nhà cửa. Thoát kiếp ngạ quỷ, người đó trải qua năm trăm đời mang thân súc sinh, làm rồng phun lửa, thường tuôn mưa cát nóng rớt lại trên thân mình rồi bị đốt cháy. Khỏi thân súc sinh thì được sinh làm người, ở nơi hợp với nghiệp thì sinh vào chốn rừng rú, thường mang vác gạch, suốt đời cực khổ, chưa từng có được bữa no, không hề được ăn các món ngon, làm nô lệ cho người sai khiến, bần cùng, bệnh tật, dốt nát. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết rõ quả báo của nghiệp, lại quan sát về nơi chốn của đại địa ngục A-tỳ. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có chốn tên Lưỡng sơn tụ là chốn thứ mười trong đại địa ngục A-tỳ. Chúng sinh vì nghiệp gì mà sinh vào chốn ấy?

Vị ấy thấy, nghe, biết có người làm việc ác, trộm cắp thức ăn của bậc Bích-chi-phật. Do nhân duyên của nghiệp ác đó, nên sau khi qua đời bị đọa vào chốn Lưỡng sơn tụ trong đại địa ngục A-tỳ, chịu khổ não vô cùng tận. Những khổ não này như trước đã nói trong bảy đại địa ngục: Hoạt, Hắc thằng… tất cả các thứ khổ não ấy ở đây đều có đủ, lại nhiều gấp trăm lần.

Còn có những thống khổ hơn nữa: Chốn Lưỡng sơn tụ ấy có nhiều khổ não do gậy sắt, kích sắt, vạc sắt, nồi sắt. Trên hai ngọn núi sắt hiện bày vô số khổ bức. Chỗ đó mưa nhiều rơi từ trên cao xuống như hai cụm núi, mỗi cụm lớn bằng một do-tuần, đánh vào tội nhân kia, khiến thân thể bị tan nát giống như nắm cát. Người kia bị tan nát rồi sống trở lại, sống rồi lại bị đánh tan nát tiếp. Cứ như thế mãi.

Lại có mười một ngọn lửa bao vây đốt khắp thân tội nhân, tiếp đến là hủy phá mắt. Mắt bị hư rồi sinh ra lại. Diêm-ma-la cắt lưỡi người kia, cắt rồi thì mọc ra lại. Tiếp đến cắt mũi, lấy nước bạch lạp nóng đổ vào chỗ bị cắt ấy. Rồi cắt lỗ tai, lấy nước đồng sôi đổ đầy vào đấy. Lại dùng bát sắt nóng đựng nước tro sôi rưới vào tai người bị tội, lấy dao bén róc lột xương. Chốn ngục ấy luôn có bốn trăm lẻ bốn chứng bệnh, lửa cháy lan tràn rồi nhập lại thành một đống nóng rực gây khổ cùng cực. Trong địa ngục này thời gian là vô tận không có số năm, nhưng nếu nghiệp ác bất thiện đã tạo vẫn chưa hoại, chưa tan, ảnh hưởng của nghiệp vẫn chưa hết, thì khổ não cũng không ngừng nghỉ. Nếu nghiệp ác hết, người kia mới thoát khỏi chốn Lưỡng sơn tụ. Thoát được rồi, trải qua năm trăm đời làm thân ngạ quỷ ở chỗ vắng vẻ, ăn phân dơ. Thân ngạ quỷ có mụt nhọt, ở đó sinh các loài sâu ác nuốt các thứ uế tạp ấy, ruồi nhặng luôn bám khắp thân. Nếu thoát kiếp ngạ quỷ, lại trải qua bảy trăm đời làm thân súc sinh, ở nơi đồng hoang đáng sợ, thường làm thân nai, bị đói khát thiêu đốt. Thoát được thân súc sinh thì sinh làm người ở nơi hợp với nghiệp luôn mang vác nặng, luôn bị đánh đập khiến thân tơi tả, đêm ngày bất an, tay chân đều bị gãy, miệng khô khan, thân hình xấu xí, quần áo rách nát. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại. Tuy sinh làm người nhưng phải trải qua năm trăm đời làm người không chân chánh, giống như ngạ quỷ, thân thường khổ não, ngày đêm chẳng yên, cũng là quả báo của nghiệp ác còn lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp, lại quán nơi chốn của đại địa ngục A-tỳ. Vị ấy thấy, nghe, biết có chỗ tên Diêm-bà-phả-độ, là chốn thứ mười một trong địa ngục ấy. Chúng sinh vì nghiệp gì mà sinh vào chốn này?

Vị ấy thấy, nghe, biết có người ở thôn dã kia, nơi vùng sông, đầm, sinh sống theo bến nước. Chỗ sông, đầm ấy làm ăn rất thịnh, tất cả lúa, gạo, thức ăn, dụng cụ đều từ nơi ấy mà ra, nuôi sống vô số mạng người. Bấy giờ có kẻ tâm xấu ác tìm cách chặn đứt con sông kia. Khi sông đã bị khô dòng thì mọi sinh hoạt nơi vùng ấy đều bị phá hủy, chim thú đều chết hết, huống chi là loài người. Tất cả các Sa-môn, Bà-la-môn trong thành ấp, xóm làng

đều bị chết khát. Vì con sông kia bị chận đứt nên dân chúng trong quốc độ đều chết sạch. Do nhân duyên của nghiệp ác đó, sau khi qua đời, người kia bị đọa vào chốn Diêm-bà-phả-độ thuộc đại địa ngục A-tỳ, chịu khổ não cùng tận. Những khổ não ấy như trước đã nói trong bảy đại địa ngục: Hoạt, Hắc thằng… tất cả các khổ não đó ở đây đều có đủ, lại nhiều gấp trăm lần.

Lại còn có những khổ bức hơn thế nữa: Chốn Diêm-bà-phả-độ ấy với một vùng rộng bảy trăm do-tuần, có nào đồng hoang rộng lớn, núi cao hiểm trở, lửa dữ thiêu đốt cùng rất nhiều cây bằng sắt. Do thấy một cách điên đảo, người ở địa ngục kia trông thấy toàn là sông hồ, cây cối. Tội nhân bị đói khát, bị lửa dữ bậc nhất thiêu đốt khắp thân, khóc lóc kêu gào, bèn chạy về phía sông hồ, nghĩ: "Ta nên đến chỗ kia để uống nước!" Nhưng khi tới nơi thì trong sông chỉ toàn là tro nóng, lại có Diêm-ma-la tay cầm dao sắt bắt tội nhân rồi dùng dao đâm chém. Người kia bị hai thứ khổ bức: một là khổ vì dao cắt, hai là khổ vì đói khát. Nơi đồng hoang vắng, người kia như vậy là luôn bị dao chặt, chém đâm khắp thân, chịu khổ bức cùng tột. Nếu thoát được chỗ này, vì đói khát nên chạy khắp đây đó, lại thấy dòng sông lạnh nên vội vã chạy đến. Sông có chim thân lớn như voi, tên là Diêm-bà, mỏ chim rất bén, phát ra lửa vồ lấy tội nhân, gắp gọn rồi bay lên hư không, vỗ cánh dạo chơi khiến người kia mất hết mọi nhớ nghĩ, sau đó chim thả tội nhân ra giống như tảng đá từ trên cao rơi xuống đất. Đất có lửa cháy dữ dội, kẻ kia rơi xuống thì bị nát ra làm trăm mảnh, tiếp theo là hợp lại, hợp lại rồi bị tan nát, tan nát rồi hợp lại, chim tiếp tục vồ đến bắt tội nhân cùng với những khổ não như trên đã nói. Như vậy, trải qua vô lượng trăm ngàn năm bị những khổ bức do chim ác gây ra như thế. Nếu thoát khỏi chỗ đó thì lại bị Diêm-ma-la bắt giữ, bỏ vào sông nước đồng sôi sùng sục, khiến thân thể tội nhân tan rã giống như bọt nước, sau đấy thì sống lại. Do gây tạo nghiệp ác nên người kia luôn bị thiêu đốt hành hạ như vậy không có thời hạn. Kẻ phá hoại cả quốc độ kia, nếu thoát khỏi chốn này thì bị đói khát bức bách, nên chạy xuôi ngược khắp nơi, qua chỗ nào cũng đều có đầy móc sắt trên đường. Móc sắt ấy rất nhọn, bén, cắt phá chân tội nhân từ dưới bàn chân lên đến bắp đùi. Chân bị cắt nát rồi, thân người đó lại bị lửa thiêu đốt, khiến luôn rên rỉ, kêu gào. Tội nhân gắng gượng đứng dậy rồi lại đi tiếp, tâm loạn động, thân rã rời. Lại có loại chó dữ răng bốc lửa ùa đến cắn khắp thân tội nhân, khiến thân thể đều tan nát. Chó dữ ăn hết da, thịt, mỡ, tủy rồi lại ăn luôn cả phần nước. Người phá hoại quốc độ, gây tạo nghiệp ác kia luôn luôn chịu khổ não dữ dội, mà nghiệp ác đã tạo vẫn chưa hoại, chưa tan, ảnh hưởng của nghiệp vẫn chưa hết, nên không lúc nào ngừng khổ. Nếu nghiệp ác hết thì người kia mới thoát khỏi chốn Diêm-bà-phả-độ.

Ra được rồi, trải qua năm trăm đời sinh làm ngạ quỷ, chịu mọi thứ thống khổ bức bách. Nếu thoát kiếp ngạ quỷ, lại trải qua năm trăm đời làm thân súc sinh Xa-la-bà, nhiều đời vào lửa bị cháy, hoặc bị rắn cắn, hoặc bị thiêu đốt, hoặc chết vì trúng gió. Thoát thân súc sinh thì sinh làm người, ở chỗ hợp với nghiệp, thì sinh vào thời không có đạo đức, là kẻ ti tiện nhất trong thiên hạ. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp rồi, lại quan sát nơi chốn của đại địa ngục A-tỳ. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có chốn khác tên Tinh man, là chốn thứ mười hai thuộc đại địa ngục A-tỳ. Chúng sinh vì nghiệp gì mà sinh vào chốn này?

Vị ấy thấy, nghe, biết có người hành ác đối với hàng Tỳ-kheo đã đạt diệt định, tất cả phiền não đều được trừ sạch, vào lúc đói khát người kia liền lấy trộm thức ăn của vị Tỳ-kheo rồi sinh tâm vui mừng. Ăn rồi còn tham lam lấy cất, nói đó là việc thiện, sau lại bảo người khác làm, nghiệp gây tạo đã thành thục. Do nhân duyên của nghiệp ác ấy, nên sau khi qua đời, người kia bị đọa vào chốn Tinh Man trong đại địa ngục A-tỳ, chịu đủ mọi thống khổ. Những khổ não ấy như trước đã nói trong bảy đại địa ngục: Hoạt, Hắc thằng… Tất cả khổ não kia ở đây đều có đủ và nhiều gấp trăm lần. Lại còn có khổ não hơn thế nữa:

Hai góc của ngục này cũng như khắp cả chốn đều đầy những vạc nước sôi sùng sục, đang được nung cháy đỏ nhiều như sao trên trời. Nơi góc thứ nhất trải qua hai mươi ức, chín na-do-tha, chín ngàn Bát-đầu-ma, sáu mươi ức a-phù-đà, ba mươi ức đại bát-đầu-ma, ức trăm võng, một ức hai mươi ngàn man, bị thiêu đốt trải qua số thời gian như vậy, người kia bị đốt, nấu chín nhừ, như cá trong vạc đồng nóng đỏ. Do tạo ra nghiệp ác nên luôn bị thiêu đốt như trên đã nói.

Người kia nếu thoát khỏi chỗ khổ này thì sau lại trở vào, bị gió nóng dữ dội chạm vào thân đau đớn như dao cắt tất cả gân mạch. Bị cắt hết gân mạch rồi, bị ngục tốt ném lên cao, dời sang góc thứ hai trong ngục này. Đến góc thứ hai, người tạo nghiệp ác kia bị gió thổi xua cả ức cây kiếm bay đến cắt cứa nơi thân khiến bị tan nát, chỉ còn lại những sợi gân mạch. Sau đó, Diêm-ma-la bắt giữ, bỏ vào trong vạc Tinh man luôn có gió thổi mạnh, chân chổng lên trên, đầu mặt lộn xuống đất. Đầu mặt của tội nhân được bỏ vào trước, rồi sau đấy là đun nước đồng đỏ sôi sùng sục. Trước tiên là đốt mắt kẻ tạo nghiệp ác kia, tiếp đến đốt đầu, đốt mặt, đốt răng, đốt cổ họng, rồi dùng nước đồng đỏ sôi đổ vào trong cổ họng, tất cả đều bị thiêu đốt, người kia không thể nào kêu la được, vì có kêu la cũng

không phát thành tiếng. Diêm-ma-la tay cầm chày sắt đánh vào đầu kẻ kia, khiến toàn thân đều quằn quại, giống như con cá đang chuyển động. Tội nhân luôn bị thiêu đốt hành hạ nơi hai góc của ngục Tinh man như thế hầu như vô hạn định, nhưng nghiệp ác bất thiện đã tạo vẫn chưa hoại, chưa tan, ảnh hưởng của nghiệp vẫn chưa dứt thì không lúc nào ngừng khổ. Nếu nghiệp ác hết, người kia mới thoát khỏi chốn ấy. Thoát khỏi rồi, lại trải qua một ngàn đời làm ngạ quỷ trông mong, luôn bị khổ não, ăn uống khó được, suốt cả trăm năm có khi được ăn, có khi không được ăn. Thoát khỏi thân ngạ quỷ, lại trải qua năm trăm đời thọ thân súc sinh, làm thân nai, ở chỗ hiểm trở, tâm luôn sợ hãi, đối với mọi người, đều tránh xa vào những vùng sườn núi hẹp, hiểm, hay ốm đau, không có sắc khí, thân thể khô gầy. Do sức mạnh của nghiệp ác nên luôn bị thợ săn giết. Thoát được thân súc sinh, sau đó làm người, ở nơi hợp với nghiệp thì vì sự mưu sinh nên bị người chủ sai khiến, luôn đói khát, nghèo túng, sống ở đâu cũng bị lệ thuộc vào người khác, bị họ sai khiến nhưng vẫn nương vào đấy để sống. Tuy làm người nhưng không phải là người chân chánh, luôn bị khổ não. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp rồi, lại quan sát nơi chốn của đại địa ngục A-tỳ. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có chốn khác tên Nhất thiết khổ tuyền, là chốn thứ mười ba trong đại địa ngục A-tỳ. Chúng sinh vì nghiệp gì mà sinh vào chốn này?

Vị ấy thấy, nghe, biết có người mang tâm ác, sinh ý điên đảo, chôn giấu, tiêu diệt những sách vở văn tự do Bậc Nhất Thiết Trí nói ra, làm mất tất cả pháp thân, khiến cho tất cả chúng sinh không thể tin Phật. Nếu được nghe chánh pháp thì họ sinh tâm tin tưởng. Do không có giáo pháp nên chúng sinh không tin. Tâm ý như vậy, tà kiến như vậy, nên tạo nghiệp ác, tâm cấu uế, độc ác, hoặc bảo người khác làm rồi thích thú nên tiếp tục gây tạo điều bất thiện. Do nhân duyên của nghiệp ác ấy, nên sau khi qua đời, người kia bị đọa vào chốn Nhất thiết khổ tuyền thuộc đại địa ngục A-tỳ, chịu đủ thống khổ. Những khổ não này như trước đã nói trong bảy đại địa ngục: Hoạt, Hắc thằng… Tất cả khổ não ấy ở đây đều có đủ, lại nhiều gấp trăm lần.

Lại còn có những thống khổ hơn thế nữa ngục tốt lấy nước đồng sôi đổ đầy vào hai mắt tội nhân. Hoặc dùng kim cương vụn nóng chạm thật đau cùng mài xát vào hai mắt khiến mặt mày tội nhân như nát vụn. Sau đó thì sinh trở lại, sinh lại rồi bị mài xát tiếp. Lại dùng cưa sắt cắt đứt hai tay người kia. Bị cắt rồi lại mọc ra, lại bị cắt tiếp. Rồi bỏ tội nhân

vào vạc lửa, đầu chúc vào trong, thân ở ngoài vạc, cứ vậy mà đốt, nấu dữ dội, lại dùng đao cắt đứt nửa thân bên ngoài. Do mắt nhìn thấy pháp lại tìm cách hủy hoại pháp nên phải chịu quả báo như vậy. Vì dùng tay tiêu diệt pháp nên bị quả báo cưa đứt tay. Vì xưa có tâm ác nhằm phá hủy, triệt hạ chánh pháp nên nay phải ngồi trong vạc lửa, ở đây có chim mỏ cứng như kim cương moi tim người ác kia ăn, rồi uống máu nơi tim đó. Diêm-ma-la lại cầm búa thật bén bửa vào thân người kia, làm cho phần dưới bị đứt hẳn ra, rồi lấy nước tro nóng sôi sục rưới vào, dùng kim nhọn nóng đỏ đâm khắp thân, lại dùng bánh xe sắt nóng lăn mạnh lên đầu… Do tạo nghiệp ác nên phải chịu khổ cùng cực như vậy, mà nghiệp ác vẫn chưa hoại, chưa tan, ảnh hưởng của nghiệp chưa dứt nên không bao giờ dừng khổ. Nếu nghiệp ác hết tội nhân mới thoát khỏi chốn Nhất thiết khổ tuyền của đại địa ngục A-tỳ. Tuy ra khỏi địa ngục nhưng phải trải qua năm trăm đời làm thân ngạ quỷ ăn khói, việc làm ác luôn đeo đuổi thân, tâm chịu muôn vàn thống khổ, tâm mãi loạn động. Nếu thoát thân ngạ quỷ thì lại trải qua bảy trăm đời làm thân súc sinh, làm loài vật đi ban đêm như các thứ chồn, cáo, thỏ, cú. Thoát thân súc sinh, nhờ ở quá khứ lâu xa có tạo nghiệp người nên sinh làm người, sống trong núi tuyết, ăn những thứ xấu, kém, không ngon, luôn bần cùng, lại trải qua ba trăm đời làm dân mọi rợ. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp, lại quan sát nơi chốn của đại địa ngục A-tỳ. Vị ấy thấy, nghe, biết có chốn khác tên Xú khí phú, là chốn thứ mười bốn trong đại địa ngục A-tỳ. Chúng sinh vì nghiệp gì mà sinh vào chốn này?

Vị ấy thấy, nghe, biết có người theo tà kiến, tâm ác, nhớ nghĩ, tư duy, tùy thuận với tâm sân hận và sinh ý ưa thích. Người ấy đã phóng lửa thiêu đốt ruộng đất, ruộng mía, vườn cây ăn trái và nơi chốn thọ dụng khác của chúng Tăng. Như vậy, tất cả các vật thọ dụng của chúng Tăng đều bị hủy hoại, khiến đời sống của các Tỳ-kheo bị suy tổn, sút kém. Người kia tạo đủ các nghiệp đã thành thục, tương ưng. Do nhân duyên của nghiệp ác ấy, nên sau khi qua đời, người kia bị đọa vào chốn Xú khí phú trong đại địa ngục A-tỳ, chịu khổ bức vô cùng tận. Những khổ não ấy như trước đã nói trong bảy đại địa ngục: Hoạt, Hắc thằng… Tất cả khổ não ấy ở đây đều có đủ, lại nhiều gấp trăm lần.

Lại còn có những khổ hơn nữa: Chốn Xú khí phú còn có lưới lửa nóng tên Châm khổng võng luôn cháy rực khắp mọi nơi. Kẻ tạo nghiệp ác kia sinh vào đây liền bị Diêm-ma-la cầm đao to, bén vung chặt, lại dùng

tên bắn vào thân rồi dồn vào trong lưới Châm khổng võng cháy đỏ ấy, làm cho người kia không thể chạy được. Người tạo nghiệp ác kia bị trói chặt trong lưới ấy, không sao thoát ra. Lưới ấy lại rất bén nên cắt tay, chặt hông, lưng người kia. Toàn bộ thân thể của tội nhân đều bị cắt nát hết cả, chỉ còn lại xương mà thôi. Diêm-ma-la lại dùng gậy mía đánh ngã người kia hàng trăm ngàn lần. Tội nhân bị mọi hình phạt thống khổ như vậy mà nghiệp ác đã tạo ra chưa hoại, chưa tan, ảnh hưởng của nghiệp chưa dứt thì không bao giờ dừng khổ. Nếu nghiệp ác hết, người kia mới thoát khỏi địa ngục. Tuy ra khỏi, nhưng phải trải qua bảy trăm đời làm ngạ quỷ ăn máu, chỉ ăn máu của người sinh sản. Thoát kiếp ngạ quỷ, lại phải trải qua năm trăm đời làm thân súc sinh như gà, khổng tước, bồ câu… Thoát khỏi thân súc sinh thì được làm người ở nơi hợp với nghiệp, sinh vào nhà đồ tể, Chiên-đà-la. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy đã biết quả báo của nghiệp, lại quan sát nơi chốn của đại địa ngục A-tỳ. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có chốn khác tên Thiết diệp, là chốn thứ mười lăm trong đại địa ngục A-tỳ. Chúng sinh vì nghiệp gì mà sinh vào chốn này?

Vị ấy thấy, nghe, biết có người tâm khinh thường, dối gạt với ý ác, vào lúc mất mùa đã thưa thỉnh các Tỳ-kheo như vầy:

–Năm nay xin mời các thầy đến nhà con an cư. Tất cả thuốc men cùng các thứ cần dùng con xin cung cấp, chớ có lo lắng gì cả. Xin các thầy đừng ngại.

Các Tỳ-kheo đều sinh lòng tin. Bấy giờ vào lúc mất mùa, vì tin người kia nên các thầy không đi nơi khác khất thực. Khi đến an cư, người tâm ác kia không cung cấp vật gì cho các thầy cả, mà còn buông lời xua đuổi. Vì mất mùa đói kém, các Tỳ-kheo kia có vị bị chết, có vị mất thời gian trước an cư, có vị bị đói khát cực khổ, có vị phải đi đến nơi khác. Người có tâm ác đó đã lìa bỏ các Tỳ-kheo, còn làm trở ngại, gây não loạn họ trong việc tu tập. Do nhân duyên của nghiệp ác ấy, nên sau khi qua đời, người kia bị đọa vào chốn Thiết diệp trong đại địa ngục A-tỳ, chịu vô số thống khổ. Những khổ não này như trước đã nói trong bảy đại địa ngục: Hoạt, Hắc thằng… Tất cả khổ não ấy ở đây đều có đủ, lại nhiều gấp trăm lần.

Lại còn có những khổ bức hơn thế nữa: Chốn Thiết diệp này có mười một ngọn lửa lớn hợp vây xung quanh, thiêu đốt tội nhân, làm cho họ càng đói khát. Diêm-ma-la luôn lấy nước đồng sôi, cầm những cục sắt nóng, bắt người kia phải ăn, phải uống. Trải qua vô lượng, vô số lần bị hành hạ, sau đó tội nhân sống lại. Lại phải thọ khổ não hơn nữa, theo như nghiệp ác đã

tạo. Diêm-ma-la lấy lá đồng sắt nóng rộng năm do-tuần, đang cháy dữ dội, đốt hết tóc tội nhân, rồi lấy lá sắt ấy gói gọn thân thể người kia lại, khiến cho chín rục. Toàn thân bị thiêu đốt, người kia kêu gào, khóc lóc, luôn bị khổ bức, không có một chút vui nào dù bằng lỗ kim để làm chỗ vin dựa. Lá sắt nóng ấy cháy liên tục, dữ dội không hề gián đoạn. Thống khổ tột cùng như vậy mà nghiệp ác vẫn chưa hoại, chưa tan, ảnh hưởng của nghiệp chưa dứt, nên mọi khổ não phải chịu vẫn không gián đoạn. Nếu nghiệp ác hết, tội nhân mới thoát khỏi chốn ấy. Thoát khỏi địa ngục, lại trải qua trăm ngàn đời sinh làm ngạ quỷ ăn não. Thoát khỏi kiếp ngạ quỷ, lại phải trải qua bảy trăm đời làm thân súc sinh ăn lửa. Ra khỏi thân súc sinh thì được làm người, ở nơi hợp với nghiệp thì trải hết năm trăm đời làm kẻ bị vua không tín nhiệm, nên thường nhốt giam trong lao ngục, bị đói khát mà chết. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp, lại quan sát nơi chốn của đại địa ngục A-tỳ. Vị ấy thấy, nghe, biết còn có chốn tên Thập nhất diệm, là chốn thứ mười sáu trong đại địa ngục A-tỳ. Chúng sinh vì nghiệp gì mà sinh vào chốn này?

Vị ấy thấy, nghe, nhận biết có người tạo ác, tâm xấu ác cực độ, phá hoại, hủy diệt tượng Phật, tháp Phật, nhà cửa, chùa chiền của chúng Tăng, phá hủy cả tranh vẽ hình tượng Phật, kinh sách, trụ xứ của các bậc Thánh. Hoặc có kẻ không phải là đệ tử của Phật, đã không tin Phật, lại tự xưng mình là đệ tử của Phật, vì muốn xin trừ bỏ tội lỗi mà tìm đến nghe Phật pháp, nghe rồi không sinh tin tưởng, hội nhập, mà lại tạo nhiều hành động chê bai, hủy báng pháp. Do nhân duyên của nghiệp ác ấy, nên sau khi qua đời, người kia bị đọa vào chốn Thập nhất diệm trong đại địa ngục A-tỳ, chịu khổ bức vô cùng tận. Những khổ não ấy như trước đã nói trong bảy đại địa ngục: Hoạt, Hắc thằng… Tất cả khổ não đó ở đây đều có đủ, lại nhiều gấp trăm lần.

Còn có những thống khổ hơn nữa: Chốn Thập nhất diệm này có hơn một ngàn con rắn độc. Loài rắn ấy rất nhiều, đầy cả nơi các chốn thuộc địa ngục. Tội nhân đi qua, đi lại bị Diêm-ma-la cầm gậy đánh đập, khiến phải chạy mau nên bị rắn độc cắn, lại có khi bị lửa đốt cháy dữ dội. Người kia như thế là bị hai thứ lửa thiêu. Một là bị lửa độc, hai là bị lửa nơi địa ngục, nên kêu gào thảm thiết, rồi chạy tới lui cùng khắp. Diêm-ma-la bắt lại, quở trách nói kệ:

Ngươi bị say ái độc
Tất cả lực tâm si

Ngu độn về chánh pháp
Ngày nay phải kêu gào.
Thấy nghiệp ác ưa thích
Chỉ ham vui hiện tại
Tạo tác đầu tuy ngọt
Về sau như lửa độc.
Người gây ra nghiệp ác
Bị mọi người chê mắng
Còn tạo thiện được khen
Thế nên phải bỏ ác.
Thấy nó không ưa thích
Vì báo ác khổ não
Tạo ác, lấy quả ác
Nên người trí xả bỏ.
Tạo ác không thể mất
Tất cả có quả báo
Điều ác đã tạo ra
Do tâm nên đã tạo.
Do tâm mà tạo ác
Do tâm mắc quả báo
Tất cả do tâm tạo thành
Tất cả đều do tâm.
Tâm lừa gạt chúng sinh
Vị lai đến chỗ ác
Chốn địa ngục ác này
Là khổ ác bậc nhất.
Chớ hệ thuộc vào tâm
Nên theo pháp thực hành
Hành theo pháp thường vui
Theo ác không tịch tĩnh.
Phi pháp, quả bất thiện
Do không thọ điên đảo
Tất cả các quả báo
Theo nhân thấy tương tợ.
Quả tương tự với nhân
Tướng khác không nhân quả
Cho nên pháp vô thường
Đều do nhân duyên sinh.

Không nhân, không có quả
Hơn hết trong địa ngục
Nếu nhân quả tương ưng
Trong địa ngục đốt cháy.
Nghiệp tạo tác đã nên
Chắc chắn đọa đường ác
Nghiệp quả trói liên tục
Nấu chín trong địa ngục.
Nếu dùng cách sám hối
Thì nghiệp ác tiêu sạch
Không bị quả đáng ghét
Như Đức Phật đã nói.
Thế gian nhờ ánh sáng
Như nghiệp nhân có quả
Nghiệp, quả làm nhân nhau
Tất cả pháp cũng vậy.
Theo nhân duyên qua lại
Chúng hoạt động với nhau
Tương tự tùy thuận buộc
Như Đức Phật đã nói.
Tất cả pháp thế gian
Thảy đều có nhân quả
Không phải tự nhiên sinh
Như Đức Phật đã nói.
Sinh tử vô thỉ kiếp
Đều do nhân duyên sinh
Theo nghiệp thấy tương tự
Các pháp đều giống nhau.
Nếu biết mà ưa tạo
Nghiệp chúng sinh sẽ sinh
Người kia biết quả nghiệp
Nên gọi người tịch tĩnh.
Tự chính mình tạo ác
Thường bị lưới si trói
Đã tạo nghiệp ác rồi
Tâm hối hận làm gì.
Ác thường dựa nơi ác
Pháp thường dựa theo pháp

Người trí đều lìa bỏ
Như Đức Phật đã nói.
Đạo làm cho phi đạo
Là hiểu lầm Phật pháp
Sẽ không được tịch tĩnh
Như giữa trưa không bóng.
Ai không hiểu nhân duyên
Không hiểu pháp, phi pháp
Ngươi đến địa ngục ác
Chốn khổ não cùng cực.

Diêm-ma-la dùng lời ứng hợp quở trách, rồi nổi giận cầm giáo, mâu và vô số dụng cụ như gậy gộc, dây để trói gô tội nhân lại. Do tạo nghiệp ác nên luôn luôn bị chẻ, chặt, đánh… Bị hành hạ như vậy mà nghiệp ác, bất thiện đã tạo vẫn chưa hoại, chưa tan, ảnh hưởng của nghiệp chưa hết, nên không bao giờ ngừng khổ. Nếu nghiệp ác hết, người kia mới thoát khỏi chốn này. Thoát ra rồi, trải qua bảy trăm đời làm thân ngạ quỷ ăn phân dơ, là do sức mạnh còn lại của nghiệp ác. Nếu thoát được kiếp ngạ quỷ, lại trải qua năm trăm đời làm thân súc sinh, mang thân loài giun, cũng là sức mạnh còn lại của nghiệp ác. Thoát thân súc sinh, được sinh làm người, ở chỗ hợp với nghiệp thì sinh vào biên địa, thân đen đúa, ở chỗ ẩm ướt nơi nhà chài cá, ruộng nước mất mùa, sinh sống rất khó khăn, phải ăn những thứ trùng trong nước. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy biết quả báo của nghiệp, lại quan sát các nơi chốn của đại địa ngục A-tỳ, không thấy có chốn thứ mười bảy. Nhìn xuống phía dưới không có, bốn bên cũng đều không, tế thô cũng đều không, gần xa cũng vậy, tất cả đều không thấy. Vị ấy tư duy như vầy: Do tư duy kiến đạo mà quán xét hết cả biên vực, tám đại địa ngục đều có mười sáu nơi chốn tùy thuộc, đó là biên giới cuối cùng của người gây nghiệp ác. Tất cả kẻ phàm phu ngu si, kẻ tạo nghiệp ác gây dựng nên vùng này, chịu lấy quả báo rõ ràng. Trong tám đại địa ngục với các chốn tùy thuộc, ta không thấy có đại địa ngục nào khác nữa. Lại cũng không có nghiệp nào khác để sinh vào chỗ khác, không có chỗ ác nào khác nữa. Những chốn khổ não trong địa ngục A-tỳ nơi chúng sinh sinh vào, những khổ não đó, trong ngàn phần chưa nói được một phần. Vì sao? Vì nói không thể hết, không thể được nghe, không thể ví dụ. Nỗi khổ địa ngục vô cùng ác độc, vững chắc, là nỗi khổ lớn lao không thể nhẫn chịu. Nỗi khổ ấy không có nỗi khổ nào tương tự như vậy, không thể ví dụ được. Vì sao? Vì không có ai có thể nói ra,

không ai nghe thấy; nếu có người nói, nếu có người nghe kẻ ấy sẽ ói máu mà chết. Địa ngục ấy không thể ưa thích, không thể nhớ nghĩ. Nỗi khổ của địa ngục ấy là nỗi khổ trong các nỗi khổ.

Tỳ-kheo kia quan sát về đại địa ngục rồi thì sinh tâm nhàm chán đối với tất cả khổ não của sinh tử. Quán xét về vô thường, khổ, không, vô ngã, thấy tất cả pháp đều vô thường. Tư duy về Thánh đế thì càng sinh tâm nhàm chán nơi sinh tử. Sinh tử như vậy là rất xấu ác, tồi tệ. Tỳ-kheo kia quán xét như thế rồi sinh tâm như vầy: "Các chúng sinh này vì không có Thiên nhãn nên không biết về quá khứ mình đã lìa bỏ việc nghe chánh pháp. Khổ não trong địa ngục là khổ não bậc nhất, chốn ác bậc nhất, vậy mà chúng sinh cứ sinh vào. Kẻ phàm phu ngu si từ vô thỉ đã bị lưới ái trói buộc trong sinh tử.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, tùy thuận với chánh pháp, quan sát các pháp hành, biết Tỳ-kheo kia theo thứ tự quan sát về tất cả chốn ác, từ địa ngục Hoạt cho đến địa ngục A-tỳ. Vị ấy biết hết tất cả quả báo của nghiệp đó và chứng đắc Địa thứ mười ba, không thích cảnh giới ma. Do thoát ra khỏi lưới ái nên ái không còn chi phối nữa, không trụ ở cảnh giới ma, ưa thích vô thường. Tỳ-kheo kia muốn đoạn hết mọi thứ kết sử để nhập thành Niết-bàn. Dạ-xoa trên đất thấy vị ấy tinh tấn, sinh tâm hoan hỷ, nói với Dạ-xoa hư không như vầy:

–Trong cõi Diêm-phù-đề, thuộc nước… thôn… có thiện nam họ… tên… đã cạo bỏ râu tóc, mang pháp y, xuất gia vì có chánh tín, chánh hạnh, chánh đạo, chánh kiến, không tà, hành đạo xuất thế gian, biết quả báo của nghiệp, đạt được Địa thứ mười ba, thấy rõ tất cả biên vực của địa ngục cùng mọi khổ não ở cõi vô gián.

Dạ-xoa trên đất nói đầy đủ cho Dạ-xoa hư không nghe. Dạ-xoa hư không hướng đến tâu với Tứ đại Thiên vương như trước đã nói. Tứ Đại vương hướng đến tâu với Tứ Thiên vương. Tứ Thiên vương lại tâu lên trời Tam thập tam. Trời Tam thập tam hướng đến tâu với trời Dạ-ma. Trời Dạ-ma lại hướng đến tâu với trời Đâu-suất. Trời Đâu-suất tâu với trời Hóa lạc. Trời Hóa lạc tâu với Đệ lục thiên, cho đến tâu với trời Thiểu quang, như vầy:

–Chư Thiên nay nên lắng nghe, giữ tâm chánh niệm. Trong cõi Diêm-phù-đề, ở nước…, thôn…, có thiện nam họ…, tên…, đã cạo bỏ râu tóc, mặc pháp ý, xuất gia theo chánh tín, chân chánh hành theo pháp, chưa từng dừng nghỉ. Tâm không thích cảnh giới của ma, không ưa ái nhiễm, không ưa dục nhiễm với cảnh giới của sắc, thanh, hương, vị, xúc, đã đạt được Địa

thứ mười ba. Tất cả nghiệp báo trong tám đại địa ngục, vị ấy đều biết tường tận. Tỳ-kheo kia biết như vậy rồi, nên nhàm chán sinh tử trong vô minh tối tăm. Các vị trời nên biết, quân ma đã bị tổn giảm, bạn chánh pháp đã được tăng trưởng.

Trời Thiểu quang nghe như vậy thì vô cùng hoan hỷ. Do họ nghe quân ma tổn giảm, bạn chánh pháp tăng trưởng nên hết sức hoan hỷ. Chư Thiên ở cõi ấy được nghe chánh pháp nên vui mừng như vậy. Chư Thiên chưa nghe pháp Phật hãy còn hoan hỷ, chư Thiên nghe rồi thì cũng hoan hỷ, huống chi là người tùy thuận tín tâm mà thực hành. Các bậc Chánh sĩ đã thấy rõ chân lý nghe Tỳ-kheo kia biết pháp quả báo của nghiệp, khiến cho chánh pháp tăng trưởng mà sao lại không hoan hỷ?

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 16

Phẩm 4: Ngạ quỷ (Phần 1)

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp rồi, quan sát khắp biển khổ trong tất cả địa ngục, đều bị dòng nước ái dục cuốn xoáy nhận chìm. Trong đại địa ngục, những người bị đọa vào như Phú-lan-na, Mạt-ca-ly Câu-la-ly, Đề-bà-đạt-đa, những kẻ ấy như là loài cá bị cá ma-kiệt to lớn, nuốt ăn. Từ địa ngục Hoạt cho đến địa ngục A-tỳ rộng sâu đen ngòm cùng với các địa ngục khác, ở trong biển khổ lớn có cá đề-di, cá đề-di-nghê-la, cá na-ca-la, cá cưu-tỳ-la, cá thất-thâu-ma-la, rùa, ba ba… bị sức gió của tham dục, sân hận, ngu si đánh bạt cuốn trôi làm cho nước nổi sóng lớn cuồn cuộn đầy những bọt nước, khiến các loài cá kia chịu nhiều khổ bức, nước mắt như mưa, khóc lóc thảm khiết, đau đớn kêu gào giống như tiếng sóng lớn, sóng sầu lo phủ khắp. Sức mạnh của rồng phun ra mưa khổ não lớn đầy cả địa ngục. Địa ngục A-tỳ rất sâu, không có kẻ hở, lửa cháy dữ dội, giống như kiếp hỏa nổi lên đốt rụi đại kiếp, cháy hết núi Ca-ba-la *(đời Ngụy dịch là núi Luân, tức núi Thiết vi)*, là biển khổ não lớn trong đại địa ngục. Ai yếu đuối không có sức mạnh của điều thiện thì không thể vượt qua được. Tỳ-kheo như vậy là quán xét về sự khổ lớn rồi sinh tâm nhàm chán.

Già-tha tụng:

Chúng sinh bị ngu si lừa gạt
Bị ái nhiễm luôn trói lấy thân
Dẫn đến đường hiểm nạn thế gian
Lo sợ tại bến ác lão tử.
Ba xứ thoái đọa vào địa ngục
Ra khỏi địa ngục, sinh lên trời
Ba xứ mạng chung vào ngạ quỷ
Ra khỏi ngạ quỷ vào súc sinh.
Bị mê mờ tạo nghiệp bất thiện
Các dục tác động sai chúng sinh
Bị lưới si buộc trói lấy thân

Lưu chuyển trôi trong biển ba cõi.
Vô thỉ lâu xa chịu khổ lớn
Vô số chúng sinh khổ sinh tử
Không có tâm nhàm chán tử sinh
Vô thỉ lâu xa tạo nhân duyên.
Chư Thiên phóng dật hoại tâm mình
Cõi người tìm cầu chịu các khổ
Ngạ quỷ thường bị đói khát thiêu
Súc sinh thì ăn nuốt lẫn nhau.
Trong địa ngục, lửa cháy hừng hực
Ngạ quỷ bị khổ não vì si
Tất cả chúng sinh trong sinh tử
Không có một hào ly được vui.
Trong các khổ lại tưởng là vui
Chúng sinh bị si, hoặc, ái gạt
Không có ai chỉ dạy chánh đạo
Không thoát khỏi những khổ não này.
Nếu ai xa lìa nơi pháp thiện
Luôn hành vọng ngữ không thành tín
Không chịu tu tập pháp thiền định
Luân hồi sinh tử chịu các khổ.
Chư Phật Như Lai đã nói pháp
Nếu đời hiện tại và vị lai
Lỗi nơi cha mẹ và thân tộc
Thường theo chúng sinh không lìa bỏ.
Chúng sinh chánh, tà, bất định tụ
Ba thứ tội ác thường thao túng
Đi trong ba cõi không dừng nghỉ
Lấy ba thọ để làm bạn lữ.
Chúng sinh mê lầm do ba nghiệp
Đi trong ba đường ác hiểm nạn
Luôn luôn ưa thích trong ba hữu
Bị luân chuyển mãi trong ba cõi.
Chúng sinh nào quy y Tam bảo
Tu hành tự tại Tam-bồ-đề
Đoạn trừ, loại bỏ ba kiến chấp
Đó là người bỏ các khổ não.
Trong ba thời thích hành chánh hạnh

Quán thấy như thật ba loại ấy
Trong ăn uống phải nên biết đủ
Người ấy có thể lìa não, ưu.
Ba khối lỗi lớn: Tham, sân, si
Khéo xét ba nghiệp không tạo ác
Người hành như vậy lìa sinh khổ
Vĩnh viễn đoạn trừ mọi nhiệt não.
Người nào hiểu được đạo, phi đạo
Trong có-không phải khéo tư duy
Nên khéo tu tập tâm Từ bi
Đó là đạo tối thắng bậc nhất.
Nếu có chúng sinh không loạn, đục
Tâm thường thanh tịnh, không cấu nhiễm
Thoát, lìa hết các pháp bất thiện
Nên biết người ấy được giải thoát.
Nếu có người thường hành chánh đạo
Chánh niệm đại lực luôn kiên cố
Thường thích xa lìa khỏi các hữu
Người ấy giải thoát không còn nghi.
Nếu ai đoạn trừ hết hữu, ái
Tâm mong muốn không khởi hữu, ái
Đối với các khổ sinh, lão, tử
Người ấy không vướng chút vi trần.
Nếu có người ngu tạo nghiệp ác
Tạo rồi, còn làm tăng trưởng thêm
Ái dục như độc không nên gần
Người có trí nên phải lánh xa.
Nếu ai xa lìa khỏi ái dục
Tâm thường vui cầu quả giải thoát
Người ấy diệt sạch các bất thiện
Như ánh mặt trời trừ tối tăm.
Như vậy, người thân cận pháp thiện
Thường lìa bỏ mọi nẻo bất thiện
Nên khéo tư duy tịnh, bất tịnh
Lược nói sơ qua, ngươi nên biết.

Tỳ-kheo ấy, nhờ lợi ích của trí tuệ nên nhớ được đời này, đời khác. Tâm nghĩ như vậy nên dùng trí tuệ để tạo lợi ích cho hết thảy chúng sinh trong thế gian. Quan sát các khổ nơi địa ngục, tư duy, nhớ nghĩ đến tất cả

chúng sinh, khởi tâm thương xót tu tập Từ bi, đối với mọi nơi chốn khổ sở bức bách rất đáng sợ của địa ngục, đã quan sát đầy đủ rồi, vị ấy biết rõ quả báo của nghiệp. Biết nghiệp báo rồi, vị ấy sinh tâm nhàm chán xa lìa. Vị ấy lại quán như vầy: "Các chúng sinh này vì sao bị chìm vào những đường ác, với những nơi chốn rất đáng sợ hãi, đi trong đồng hoang sinh tử?".

Tỳ-kheo ấy tư duy như thế, liền sinh tâm Từ bi, biết nghiệp hiểm ác trong đường ngạ quỷ, do tâm tham lam, ganh ghét, khinh khi, dối gạt mọi người, tham tiếc cất giữ của cải, muốn được giàu có, tích chứa nhiều việc ác, bị tham ác che phủ, không thực hành hạnh bố thí, không cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn, không bố thí cho những người đau ốm, đui mù, nghèo khổ. Có ai đến xin thì keo kiệt, nhất quyết không cho. Không khởi công đức, không giữ gìn giới cấm. Đời này và đời khác không tạo lợi ích, mà còn làm tổn hại vợ con, nô tỳ, tham tiếc không cho, bỏn sẻn, đố kỵ, dối gạt. Do nhân duyên ấy nên bị đọa vào cõi ngạ quỷ. Người nữ thường sinh nhiều trong đường ngạ quỷ. Vì sao? Vì tánh của người nữ phần nhiều có tâm ganh tỵ, người chồng chưa thuận hợp thì đã khởi ý đố kỵ. Do nhân duyên đó nên phần nhiều người nữ bị sinh trong đường ngạ quỷ.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết rõ quả báo của nghiệp rồi lại quán xét về đường ngạ quỷ. Ngạ quỷ ở những nơi chốn nào? Vị ấy quán xét như vậy rồi, liền dùng văn tuệ quan sát các loài ngạ quỷ. Lược có hai loại:

1. Ngạ quỷ trong cõi người.

2. Ngạ quỷ ở trong cảnh giới ngạ quỷ.

Quỷ ở trong cõi người: nếu người đi ban đêm thì có khi gặp nó.

Quỷ ở trong cảnh giới ngạ quỷ tức: Ở dưới cõi Diêm-phù-đề năm trăm do-tuần, rộng ba vạn sáu ngàn do-tuần, kể cả quyến thuộc của các ngạ quỷ khác trong đường ác, ấy là vô lượng với rất nhiều nghiệp ác, ở trong cõi Diêm-phù-đề có gần, có xa.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết quả báo của nghiệp, quan sát cõi ngạ quỷ có vô lượng loại. Vị ấy dùng văn tuệ quán xét sơ lược về ba mươi sáu loại ngạ quỷ. Tất cả ngạ quỷ đó đều do tham lam keo kiệt, ganh ghét mà sinh vào chốn đó, đem vô số tâm khác nhau, tạo ra vô số các loại nghiệp khác nhau, thực hiện vô số hành động khác nhau, ở những chỗ khác nhau, với vô số sự đói khát luôn tự đốt thân mình. Lược nêu có ba mươi sáu loại như sau:

1. Ca-bà-ly: Ngạ quỷ có thân hình như cái vạc.

2. Tô-chi-mục-khư: Ngạ quỷ miệng như lỗ kim.

3. Bàn-đa-bà-xoa: Ngạ quỷ ăn các thứ ói mửa.

4. Tỳ-sư-tha: Ngạ quỷ ăn phân nhơ.
5. A-bà-xoa: Ngạ quỷ không được ăn.
6. Kiện-đà: Ngạ quỷ ăn hơi.
7. Đạt-ma-bà-xoa: Ngạ quỷ ăn pháp.
8. Bà-lợi-lam: Ngạ quỷ ăn nước.
9. A-xa-ca: Ngạ quỷ hy vọng.
10. Xí-trá: Ngạ quỷ ăn đờm.
11. Ma-la-bà-xoa: Ngạ quỷ ăn vòng hoa.
12. La-ngật-trá: Ngạ quỷ ăn máu.
13. Mông-sa-bà-xoa: Ngạ quỷ ăn thịt.
14. Tô-kiện-đà: Ngạ quỷ ăn hương khói.
15. A-tỳ-già-la: Ngạ quỷ đi nhanh.
16. Sy-đà-la: Ngạ quỷ tìm lỗi.
17. Ba-đa-la: Ngạ quỷ ở dưới đất.
18. Hy-lợi-đề: Ngạ quỷ thần thông.
19. Xà-bà-lệ: Ngạ quỷ đốt cháy.
20. Xi-đà-la: Ngạ quỷ rình lỗi em bé.
21. Ca-ma: Ngạ quỷ ưa sắc dục.
22. Tam-mâu-đà-la-đề-ba: Ngạ quỷ ở bờ biển.
23. Diêm-la Vương sứ: Ngạ quỷ cầm gậy.
24. Bà-la-bà-xoa: Ngạ quỷ ăn trẻ con.
25. Ô-thù-bà-xoa: Ngạ quỷ ăn tinh khí của người.
26. Bà-la-môn: Ngạ quỷ La-sát.
27. Quân-trà hỏa lư: Ngạ quỷ ăn chất đã thiêu đốt.
28. A-thâu-bà-la-tha: Ngạ quỷ ở bờ ruộng, ngõ hẻm ô uế.
29. Bà-di-bà-xoa: Ngạ quỷ ăn gió.
30. Ương-già-la-bà-xoa: Ngạ quỷ ăn than lửa.
31. Tỳ-sa-bà-xoa: Ngạ quỷ ăn chất độc.
32. A-trá-tỳ: Ngạ quỷ ở đồng hoang.
33. Xa-ma-xá-la: Ngạ quỷ ở gò mả ăn than, đất nóng.
34. Tỳ-lợi-sai: Ngạ quỷ ở trong cây.
35. Già-đa-ba-tha: Ngạ quỷ ở ngả tư.
36. Ma-la-ca-da: Ngạ quỷ giết thân.

Đó là nói lược về ba mươi sáu loại ngạ quỷ, nếu nói rộng ra thì có vô lượng. Có nhiều thứ tâm tạo ác, nên hành nghiệp đều khác, do nhân duyên là tâm keo kiệt, tham lam, không thực hành bố thí mà phải chịu vô số các loại thân như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết quả báo của nghiệp rồi, quan sát các loại ngạ quỷ chịu đói khát dữ dội tự đốt thân mình. Do đời trước sinh nhiều đố kỵ, tâm ác phá hoại, gây tạo nhiều ba nghiệp ác về thân, khẩu, ý với mười thứ bất thiện nên sinh trong loài ngạ quỷ. Người kia do gây nhân là tạo mười thứ nghiệp đạo bất thiện mà chịu tất cả khổ. Vì nghiệp ác nên sinh trong loài ngạ quỷ. Do nghiệp ác lôi kéo, do nghiệp làm gốc mà bị đọa vào đường ác và bị trói buộc ở đấy. Do nhân duyên đó mà người kia không thoát khỏi sinh tử. Tâm khỉ vượn từ vô thỉ đến nay luôn nhảy nhót, quấy nhiễu, không đứng yên, đi vào nơi hiểm nạn, nhiều chướng ngại, leo trèo nơi vô số mạng lưới cành nhánh, qua lại mau chóng, ở nơi núi sinh tử, ngủ trong hang sâu, đi đến đâu không hề hay biết. Quán tâm khỉ vượn mãi lăng xăng không chịu đứng yên nên làm như vầy: Ban đầu phải điều phục tâm. Nếu tâm không được điều phục thì nó sẽ dẫn chúng sinh đến chỗ rất sợ hãi, chịu khổ não lớn. Tâm giặc như vậy nên khiến chúng sinh cứ luân hồi trong sinh tử. Tư duy về tâm như vậy, Tỳ-kheo lìa bỏ được dục uế trong sinh tử, nhàm chán khổ nơi sinh tử.

Lại tư duy như vầy: "Tất cả sinh tử thảy đều khổ não". Tỳ-kheo kia như thế là tư duy phân biệt: Trong loài ngạ quỷ có vô số loại. Tư duy như vậy rồi, vị ấy phân biệt từng loại và quán các nghiệp báo, biết: đều do nhân duyên sinh ra, có khổ–vui, đẹp–xấu, tịnh–bất tịnh, thiện–ác, sang–hèn, trên–dưới, sinh–diệt… Tất cả các loại ấy không phải tự nhiên sinh ra.

Tỳ-kheo quan sát các loài ngạ quỷ như vậy, biết quả báo của nghiệp rồi, dùng văn tuệ quán ngạ quỷ Ca-bà-ly thân hình như cái vạc, nên quán xét như thế nào?

Quỷ ấy thân dài, lớn hơn người gấp hai lần, không có mặt, mắt. Tay, chân lõm vào giống như chân cái vạc, lửa cháy đầy trong đó thiêu đốt thân hình giống như thiêu đốt cây, bị đói khát bức bách. Khi bị quả báo trói buộc thì không ai có thể cứu được, không có chỗ nương tựa, không có chỗ cậy nhờ, luôn ưu sầu khổ não, không ai cứu vớt.

Vì nghiệp gì mà sinh vào loài ngạ quỷ này?

Vị ấy liền dùng văn tuệ, thấy chúng sinh kia, vào đời trước do tham lam của cải mà nhận làm người đồ tể giết thuê cho người, cắt băm mỡ, thịt, lòng không chút thương xót. Người kia do tâm tham mà sát sinh, giết rồi

lại thích thú, tạo ra nhiều nghiệp ác, tâm không hề hối hận. Sau khi qua đời, người ác ấy bị đọa vào đường ác làm thân ngạ quỷ Ca-bà-ly ở sâu dưới đất năm trăm do-tuần. Từ đây, khi qua đời, liền sinh đến chỗ tối tăm rất kinh hãi. Sau khi sinh vào đó, hai núi trên dưới hợp lại cùng một lúc đè ép thân nó, phải chịu khổ não cùng cực. Thân nó chuyển lớn lên đầy cả một do-tuần, luôn bị đói khát thiêu đốt thân. Trong đường ngạ quỷ, nó phải trải qua năm trăm năm. Một ngày đêm ở đây tính theo ngày tháng năm nơi cõi Diêm-phù-đề là mười năm. Như vậy, năm trăm năm gọi là một đời, giảm bớt ít nhiều mạng sống cũng không nhất định.

Nghiệp thứ hai bị đọa trong cõi ngạ quỷ: Có chúng sinh nào nhận giữ vật của người khác mà tìm cách khước từ, không chịu trả lại thì sinh vào loài ngạ quỷ ấy. Hoặc người nam hay nữ không thực hành ba loại bố thí: Bố thí của cải, bố thí pháp, bố thí vô úy, lại thường ôm lòng tham lam, bỏn sẻn thì sinh trong loài ngạ quỷ ấy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết quả báo của nghiệp rồi lại quan sát về ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán xét các ngạ quỷ Châm khẩu *(miệng như lỗ kim)*.

Vì nghiệp gì mà sinh vào loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ quán loài ngạ quỷ Tô-chi-mục-khư *(Tô-chi-mục-khư: Đời Ngụy dịch là miệng như lỗ kim)*, biết chúng sinh này đời trước dùng tiền của thuê người sát sinh, tham lam, keo kiệt, ganh ghét, không thực hành hạnh bố thí, không bố thí cơm áo, không bố thí pháp, không bố thí vô úy. Người ấy khi qua đời bị đọa làm thân ngạ quỷ miệng như lỗ kim. Do tạo nghiệp dối gạt, làm mê hoặc người nên thọ thân ngạ quỷ miệng như lỗ kim, bụng như núi lớn, luôn luôn đau khổ, bị đói khát đốt cháy hành hạ thân thể. Bên trong bị các khổ, bên ngoài bị lạnh, nóng, ruồi, muỗi loài trùng ác, các bệnh về nhiệt… Thân tâm như thế là chịu vô số các khổ bức. Một ngày một đêm trong địa ngục so với số ngày tháng năm của nhân gian trải qua là mười năm. Như vậy, thọ thân ngạ quỷ đủ năm trăm năm, mạng sống cũng không nhất định. Nếu người nam hoặc nữ gây tạo nghiệp thứ hai thì bị đọa vào loài ngạ quỷ miệng như lỗ kim ấy.

Hoặc có người chồng bảo vợ cúng dường một ít thức ăn cho các Sa-môn, Bà-la-môn, nhưng người vợ keo kiệt, tiếc của, có mà nói là không có, rồi nói với người chồng:

–Trong nhà không có gì cả thì lấy đâu để cúng dường Sa-môn và các đạo sĩ?

Người vợ ấy vì tham lận, tiếc của nên dối gạt chồng, không chịu cúng

dường. Sau khi qua đời, bà ta bị đọa vào loài ngạ quỷ miệng như lỗ kim, vì đã tích chứa huân tập nhiều nghiệp ác. Thế nên phần nhiều người nữ sinh trong đường ngạ quỷ. Vì sao? Vì người nữ có nhiều tham dục, đố kỵ, không bằng đàn ông. Người nữ tâm nhỏ mọn, keo kiệt, không rộng rãi như đàn ông. Vì nhân duyên đó nên sinh trong loài ngạ quỷ. Cho đến khi nghiệp ác tâm đố kỵ không mất, không hoại, không hủy, thì không thể nào thoát khỏi kiếp ngạ quỷ, nếu nghiệp hết thì mới được thoát. Từ đây, sau khi qua đời, lại sinh vào loài súc sinh, thọ thân loài quạ Già-trá-ca *(Quạ này chỉ ăn nước mưa từ trời, ngửa miệng lên hứng đón lấy nước mưa để uống; ngoài ra không được uống nước gì khác)*, thường khổ sở vì đói khát, chịu nhiều khổ bức. Thoát thân súc sinh rồi sinh làm người, do nghiệp ác còn sót lại nên thường khốn khổ, đói khát, bần cùng, phải xin ăn để sống. Vì nghiệp ác còn sót lại nên phải chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết rõ quả báo của nghiệp, lại quan sát về các ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán loài ngạ quỷ ăn các thứ ói mửa.

Chúng sinh vì nghiệp gì mà làm thân ngạ quỷ ăn các thứ ói mửa?

Vị ấy dùng văn tuệ biết chúng sinh này vào đời trước làm thân người nữ, dối gạt chồng mình, tự ăn những món ngon ngọt, tâm bỏn sẻn, tham lam, ganh ghét con mình nên không cho. Hoặc có người chồng, vợ không phản bội, lại khởi ý ganh tỵ, một mình ăn những món ngon ngọt, không cho vợ con ăn. Do nhân duyên đó nên những người kia sau khi qua đời bị đọa vào loài ngạ quỷ Bàn-đa *(Bàn-đa-bà-xoa, đời Ngụy dịch là ăn các thứ ói mửa)*. Làm thân ngạ quỷ này thường bị đói khát thiêu đốt khắp thân. Thân nó cao lớn hơn nửa do-tuần, ở trong vùng đồng hoang chạy đôn đáo khắp nơi để tìm kiếm nước uống, lớn tiếng kêu gào vì bị đói khát. Chúng sinh ấy do đời trước không đem của cải bố thí, không bố thí pháp, không bố thí vô úy, do nhân duyên ấy nên sinh trong loài ngạ quỷ này, thọ mạng lâu dài như trên đã nói. Trải qua năm trăm năm, nếu nghiệp ác chưa hết, chưa hoại thì trọn không thoát được. Loài ngạ quỷ ấy luôn tìm kiếm những thứ do ói mửa rất là khốn khổ nhưng cũng không có. Từ đấy sau khi qua đời, sinh vào loài súc sinh cũng thường ăn những thứ do ói mửa, chịu khổ vì đói khát. Thoát được thân súc sinh thì sinh làm người, do nghiệp ác còn sót lại nên luôn bị đói khát, ở bờ ruộng, ngõ hẻm, thường nhặt những thức ăn vứt bỏ của người đời để ăn. Hoặc theo các Sa-môn, Bà-la-môn xin ăn để sống. Vì nghiệp ác còn sót lại nên phải chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết quả báo của nghiệp lại quán các loài ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ nhận biết các chúng sinh này do đời trước nhiều

tham lam, ganh ghét, thường ôm lòng keo kiệt, bỏn sẻn, không thực hành bố thí, đã đem các thức ăn bất tịnh bố thí cho các Sa-môn, Bà-la-môn, khiến chư vị ấy không biết thức ăn bất tịnh nên đã thọ dụng. Do nhân duyên tạo nghiệp ác ấy, nên sau khi qua đời, người bỏn sẻn kia bị đọa vào đường ác. Sinh trong loài ngạ quỷ ăn phân nhơ, thọ mạng dài ngắn như trước đã nói. Cũng trải qua năm trăm năm đói khát đốt thân, luôn tìm kiếm những thứ phân nhơ nhưng vẫn không có. Do nghiệp lực nên luôn chẳng được vừa ý, các chỗ bất tịnh với sâu giòi phẩn uế mãi chạy xuôi ngược tìm kiếm nhưng vẫn không no đủ đến nỗi phải chết. Luôn bị khổ não như vậy mà nghiệp ác vẫn chưa hết, không hoại, không tan, nên không thoát được. Nếu nghiệp ác hết, sau khi qua đời, tùy theo nghiệp lưu chuyển thọ khổ theo sinh tử. Thân người khó được, giống như con rùa trong biển tìm lỗ hổng nơi cây nổi, thân xấu ác thọ khổ khắp nơi. Nếu sinh làm người thì bần cùng nhiều bệnh, khốn khổ vì đói khát, thường xin thức ăn dư thừa để tự nuôi sống. Vô lượng suy nghĩ ác luôn đeo đuổi nơi thân. thân tướng lở lói, bất tịnh, uế tạp, bị mọi người khinh ghét, hơi miệng hôi hám, răng nướu đen sạm. Do nghiệp ác còn sót lại nên bị quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết rõ quả báo của nghiệp, lại quan sát về nơi chốn của loài ngạ quỷ keo lận, ganh tỵ. Tất cả loài ngạ quỷ đều do keo kiệt, đố kỵ làm gốc.

Các chúng sinh ấy vì nghiệp gì mà phải sinh trong loài ngạ quỷ không ăn?

Vị ấy dùng văn tuệ biết các ngạ quỷ đó từ đời trước do bỏn sẻn, ganh tỵ, tự che lấp tâm mình, nói dối, lừa gạt, tự ỷ mình có sức mạnh, vu khống người lương thiện, cột trói họ trong nhà tù, cấm mọi người không được cho ăn, khiến người kia phải chết. Giết rồi, tâm hả hê, không hối hận mà lại sinh tâm tùy hỷ, sau còn dạy bảo người khác làm như vậy, tạo nghiệp ác rồi mà không hề cải hối. Người ác ấy, sau khi qua đời, sinh làm ngạ quỷ không ăn. Hoặc nam hoặc nữ sinh vào chốn đó luôn bị lửa đói khát đốt cháy hừng hực giống như nước trong núi được khởi thông, dòng chảy tung vọt lên cao. Lửa trong bụng bốc lên thiêu đốt thân người ác kia, không chừa một chút nào. Chết rồi thì sống trở lại, sống lại rồi bị thiêu đốt. Có hai loại khổ luôn bức bách thân họ: một là đói khát, hai là lửa đốt. Người ác ấy bị khổ bức nên kêu gào thảm thiết, chạy khắp nơi. Quả báo của nghiệp ác thật không thể lường tính như vậy, người kia bị khổ cả bên trong lẫn bên ngoài, toàn bộ thân thể bị lửa nghiệp thiêu đốt. Trong thân phát ra lửa rồi tự đốt lấy thân, cũng như trong thân cây lớn khô ráo có chỗ rỗng, người ta đem

lửa đốt, khiến cây cháy dữ dội. Ngạ quỷ này bị thiêu đốt cũng giống như thế, khắp thân đều bị cháy, kêu gào thê thảm, miệng phát ra lửa, hai ngọn lửa phát ra cùng lúc thiêu đốt thân, khiến quỷ kinh hoàng, tìm đường chạy trốn. Khi chạy, trên đất mọc đầy gai gốc, tất cả đều bị lửa cháy xuyên qua hai chân, làm nó đau đớn cùng cực không chịu nổi. Khi kêu gào thì lửa đốt lưỡi, khiến nát rã giống như nấu sữa đặc. Chết rồi, sống lại. Do nghiệp ác nên giong ruổi khắp nơi để tìm nước. Khi đến ao, suối, nơi có nước thì hết thảy đều khô cạn. Vì nghiệp ác nên chỉ thấy toàn là lửa lớn dữ dội. Cây cối, đất đai, núi rừng đều bị đốt cháy. Nó chạy đến chỗ có nước thì nơi ấy có ngạ quỷ giữ nước, tay cầm binh khí đón đánh vào đầu nó. Bị khổ não tột cùng như thế đều do đời trước tham lam, bỏn sẻn, bị giặc tâm làm cuồng loạn, thọ mạng lâu dài trải qua năm trăm năm như trước đã nói. Vì nghiệp ác ấy nên luôn không được ăn. Nghiệp ác chưa hết nên khiến không chết. Nghiệp ác chưa hết, không hoại, không hủy thì vẫn không thoát được. Nếu nghiệp ác hết thì mới thoát khỏi kiếp ngạ quỷ. Ở đây qua đời, bị gió nghiệp ác thổi, theo nghiệp mà lưu chuyển, thọ khổ nơi sinh tử. Thân người khó được, giống như con rùa trong biển tìm lỗ hổng nơi cây nổi. Nếu sinh làm người, khi ở trong thai thì làm cho mẹ không thể ăn được, khiến người mẹ thân tướng tiều tụy, xấu xí. Do nghiệp sát sinh nên bào thai bị sẩy. Giả sử thai không yểu thì lại tạo cho thân thể mẹ trở nên hôi hám, đáng ghét, lại còn thích làm điều bất thiện. Nếu được sinh ra thì mạng ngắn, nạn nhiều như nạn bị vua bắt trói, bị khổ nơi lao ngục, đói khát, chết đói… Do nghiệp ác còn sót lại nên thọ quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết rõ về quả báo của nghiệp, lại quan sát thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán xét các ngạ quỷ ăn hơi.

Vì nghiệp gì mà sinh vào loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ biết chúng sinh do đời trước tự mình ăn nhiều món ngon, không cho vợ con và quyến thuộc. Vợ con chỉ được ngửi mùi thơm chứ không hề biết đến vị ngon của thức ăn ấy. Trước vợ con, người kia chỉ ăn một mình. Do tánh bỏn sẻn đối với người thân, quyến thuộc, đã không lấy cho mà còn sai bảo người khác không được cung cấp, lại sinh tâm tùy hỷ. Tạo ra nhiều tội lỗi như vậy mà người kia không cải hối, không hề sinh tâm xấu hổ. Sau khi qua đời, người ác ấy bị đọa vào loài ngạ quỷ ăn hơi, thường bị đói khát đốt thân, giong ruổi khắp chốn, kêu gào khóc lóc, chỉ nương vào tháp miếu. Khi có người tin tưởng cúng tế trời đất bày biện các món cúng thì quỷ nhờ vào mùi thơm của thức ăn và ngửi lấy các mùi khác để sống.

Lại có các ngạ quỷ khác cũng ngửi mùi: Khi người đời bị nhiều bệnh hoạn, sắp bày các món tế lễ ở bên sông, trong rừng, bờ ruộng, các ngả đường, thì quỷ đó nhờ vào những mùi thơm này để sống. Như vậy, các ngạ quỷ ăn hơi có vô lượng khổ não. Vì nghiệp ác chưa hết nên khiến nó không chết. Bị khổ như thế nhưng nghiệp ác chưa hết, không hoại, không hủy thì vẫn không thoát được. Nếu nghiệp ác hết thì mới thoát khỏi kiếp ngạ quỷ. Ở đây qua đời, tùy theo nghiệp mà lưu chuyển thọ khổ theo sinh tử. Thân người khó được, giống như con rùa trong biển tìm kiếm lỗ hổng nơi cây nổi. Nếu sinh làm người thì nghèo khốn, nhiều bệnh hoạn, thân thể hôi dơ, do nghiệp ác còn sót lại nên bị quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết quả báo của nghiệp, lại quán về thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán xét loài ngạ quỷ ăn pháp. Nhờ nhân duyên của pháp, khiến chúng đứng vững và có thể lực.

Vì nghiệp gì mà sinh vào loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ quán thấy các ngạ quỷ ấy lúc làm người tánh nhiều tham lam, đố kỵ. Vì để nuôi sống thân mạng, vì cầu tài lợi, nói pháp cho người mà tâm không kính trọng, phạm giới, không có lòng tin, không vì mục đích giáo hóa, điều phục các chúng sinh mà lại nói pháp bất tịnh. Nói: Sát sinh được sinh Thiên, hưởng phước. Cưỡng bức đoạt của cải, cho là không có tội báo. Đưa con gái cho người khác để được phước đức cũng như thả một con trâu chúa… Đem những pháp bất tịnh ấy thuyết giảng cho người, được của cải thì tự mình thọ dụng, không chịu làm bố thí, lại đem chôn giấu, tích trữ. Do bỏn sẻn, ganh tỵ che lấp tâm, sau khi qua đời, người kia sinh vào đường ác, làm thân ngạ quỷ ăn pháp, mạng sống trải qua năm trăm năm, ngày tháng dài ngắn như trước đã nói. Ở các chỗ hiểm nạn cứ chạy xuôi ngược khắp nơi, tìm kiếm ăn uống, bị đói khát đốt thân, không ai cứu vớt, giống như cây khô. Quỷ ấy bị lửa thiêu đốt, đầu tóc rối bời, lông trên thân rất dài, thân thể gầy ốm, yếu ớt, mạch máu như sớ lưới, thịt mỡ tiêu tan, chỉ còn da bọc xương, đơ cứng, cao lớn, thô lậu, móng chân móng tay dài, bén. Do tạo nghiệp ác là lừa dối, nên mặt nhăn, mắt quầng sâu, nước mắt chảy như mưa, thân hình đen sạm giống như mây đen, toàn thân đều bị sâu ác khoét ăn, ruồi muỗi, trùng đen theo lỗ chân lông mà vào rúc rỉa thịt, làm cho nó sợ hãi, kinh hoàng bỏ chạy. Nếu đến chùa của chư Tăng, hoặc có người đến trụ xứ của chúng Tăng, thực hành hai loại bố thí, nhân đấy mà Thượng tọa thuyết pháp và được mọi người khen ngợi. Quỷ này nhờ đấy mà được sống còn, có sức lực, thân mạng được tồn tại, nhưng nghiệp ác vẫn chưa hết, chưa hoại, thì vẫn không

thoát được kiếp ngạ quỷ. Nếu nghiệp dứt thì mới thoát khỏi. Ở đây mạng chung, do đời trước đem tâm tạo các nghiệp nên bị sinh vào các chốn. Thân người khó được, giống như con rùa trong biển tìm lỗ hổng nơi cây nổi. Nếu sinh làm người thì thường làm Bà-la-môn giữ đền thờ, giết dê để tế trời, làm thầy chú thuật, không được tự tại, thường theo người khác xin ăn để sống. Do nghiệp ác nên trở lại đọa vào địa ngục. Đó là quả báo của nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán xét các ngạ quỷ ăn nước.

Vì nghiệp gì mà sinh vào loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ biết các ngạ quỷ ấy do đời trước bị tham ái che tâm, nấu rượu lừa gạt thế gian, thêm nước hòa than, hoặc ngâm loài giun, loài ngài để làm mê hoặc người ngu, không thực hành bố thí, không tu phước đức, không giữ giới cấm, không nghe chánh pháp, không hành theo chánh pháp, lại bảo người khác làm những việc tham ác, thấy họ làm rồi thì thích thú, làm rồi không hối hận. Do nghiệp ác ấy, sau khi qua đời, sinh trong loài ngạ quỷ ăn nước, thường bị đói khát thiêu đốt thân, buồn bã chạy đến đồng hoang, vùng hiểm nạn để tìm nước, rất khốn khổ, nhưng không được. Thân tướng quỷ ấy cứng rít, đáng ghét, giống như đất khô mặn. Thân thể lở loét, cựa thân thì bị đốt cháy, tóc dài che cả mặt mày, không thấy gì cả, luôn bị đói khát bức bách, chạy đến bên sông. Nếu có người qua sông, nơi chỗ chân họ đi qua còn sót lại chút nước dính đất bùn thì quỷ liền chạy nhanh đến ăn để sống. Hoặc có người nào ở bên sông lấy nước cúng cho cha mẹ đã qua đời thì nó được chút phần. Nhờ nhân duyên đó mà mạng sống của quỷ được tồn tại. Nếu tự lấy nước thì bị các ngạ quỷ giữ nước dùng gậy đánh đập, lột hết da trên thân, đau đớn không chịu nổi, kêu la khóc lóc chạy trốn. Do tạo nghiệp ác tự dối gạt, thân bị nghiệp trói buộc bất tận nên khiến không chết, nhưng mà nghiệp ác chưa hết, chưa hoại, chưa tan, thì vẫn chưa thoát được. Nếu nghiệp hết thì mới thoát khỏi. Ở đây qua đời, bị gió nghiệp thổi lưu chuyển trong sinh tử. Thân người khó được, giống như con rùa trong biển tìm lỗ hổng nơi cây nổi. Nếu sinh làm người thì sinh nơi biên địa, bần cùng, khốn khổ, nơi không có cây cối, nước non để trú, thường bị khô hạn, luôn khốn khổ vì bệnh nóng, ngày đêm khát nước. Do nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán các ngạ quỷ A-xa-ca *(đời Ngụy dịch là ngạ quỷ Hy vọng)*.

Vì nghiệp gì mà sinh vào loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ biết các chúng sinh ấy do ganh tỵ, tham lam tự che tâm mình. Thấy người thiện được chút ít của cải, người ác kia mua bán với giá cả không theo đạo lý, lại dối gạt họ để lấy của. Làm rồi thích thú, không sinh tâm hối hận, lại bảo người khác làm việc ác như mình. Không thực hành bố thí, không tu phước đức, không giữ giới cấm, tâm không thành tín, không thuận với chánh pháp, tánh tình thô bạo, không thể điều phục được, không gần gũi bạn lành, thường ôm lòng ganh tỵ. Người ác ấy, sau khi qua đời bị đọa vào loài ngạ quỷ Hy vọng. Nếu người đời vì cha mẹ, tiên linh mất mà bày biện cúng tế thì ngạ quỷ này được ăn. Ngoài ra, những thức ăn khác thì không được ăn, nên luôn bị đói khát thiêu đốt lấy thân, giống như cây bị cháy, không ai cứu vớt. Sắc mặt đen sạm, nước mắt chảy ròng, tay chân đều bị rách nát, đầu tóc che trùm cả mặt, thân thể đáng ghét, giống như mây đen. Quỷ đau đớn kêu gào thảm thiết và nói kệ:

Không thí, không quả báo
Không thí quả, cũng không
Đèn không cháy thì tối
Không thí, không quả vui.
Như người mù không mắt
Không thể thấy gì cả
Không thí cũng như vậy
Vị lai không quả vui.
Hoặc sinh đường ngạ quỷ
Làm người luôn nghèo khổ
Luân hồi chịu khổ não
Là do tâm ganh tỵ.
Không thí tức không quả
Tạo nghiệp trọn không mất
Theo nghiệp dẫn đến quả
Chúng sinh theo nghiệp ăn.
Ta bị nghiệp ác thiêu
Sinh trong loài ngạ quỷ
Bị đói khát lớn này
Lửa dữ thường thiêu đốt.
Khi nào hết đói khát?
Khi nào được an vui?
Bị khổ rất đau đớn
Khi nào thoát ra được?

Không biết đạo, phi đạo
Không biết quả nghiệp thiện
Đói khát như lửa đốt
Chịu khổ não như vậy.
Tóc rối che cả mặt
Không ai cứu giúp được
Gân hiện như lưới bọc
Mạng sống khổ vô cùng.
Buồn bã vào đồng hoang
Thường bị các khổ bức
Đơn độc không ai cứu
Chịu đủ các thống khổ.

Ngạ quỷ hy vọng rên rỉ bỏ chạy, trốn núp khắp nơi. Tỳ-kheo quán như vậy rồi tư duy: Sinh tử luôn đốt cháy dữ dội làm cho Dục giới tăng thêm. Ngạ quỷ ấy nếu có người nào bày biện vật phẩm cúng tế người chết thì mới được ăn để sống, chỉ được ăn thức ăn này còn các thức ăn khác thì không được ăn. Vì nghiệp ác chưa hết nên khiến không chết. Bị khổ như vậy mà nghiệp ác chưa hết, chưa hoại, chưa tan thì vẫn không thoát khỏi. Nếu nghiệp ác hết, ở đây qua đời, bị gió nghiệp thổi lưu chuyển trong thế gian, thọ khổ nơi sinh tử. Thân người khó được, giống như con rùa trong biển tìm kiếm lỗ hổng nơi cây nổi. Nếu sinh làm người thì sinh trong gia đình làm công, làm đầy tớ hèn hạ, bị người đánh đập, sai khiến. Do nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết quả báo của nghiệp, lại quán xét về thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán các ngạ quỷ ăn đờm.

Vì nghiệp gì mà sinh vào loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ biết các chúng sinh kia có người nam hay nữ bị tâm bỏn sẻn, ganh tỵ che lấp, đem thức ăn bất tịnh lừa gạt các đạo sĩ Sa-môn xuất gia, nói đó là thức ăn thanh tịnh, khiến họ tin dùng rồi lấy ăn. Hoặc có khi lấy những món không nên ăn đem bố thí cho người tịnh hạnh. Người kia luôn làm các việc như vậy rồi còn bảo người khác làm những việc lừa dối như thế nữa. Người kia không thực hành bố thí, không giữ giới cấm, không thân cận bạn lành, không thuận theo chánh pháp, lại thích lấy vật bất tịnh đem cho người. Sau khi qua đời, người ác kia sinh trong đường ác, làm thân ngạ quỷ Xí-trá *(Xí-trá, đời Ngụy dịch là ngạ quỷ ăn đờm)*, bị lửa đói khát thiêu đốt khắp thân, ở những chốn bất tịnh như tường vách đất đá để tìm kiếm đờm dãi của người, ăn những thứ đó để sống, còn những

thức ăn khác đều không được ăn. Nếu nghiệp ác chưa hết, chưa hoại, chưa tan thì vẫn không thoát được. Khi nghiệp ác hết thì mới thoát khỏi kiếp ngạ quỷ. Ở đây qua đời, tùy theo nghiệp mà lưu chuyển thọ khổ theo sinh tử. Nếu sinh làm người thì sinh vào nhà dọn phân, bần cùng, hạ tiện, nhiều bệnh hoạn, gầy ốm, lở loét, chảy máu, hôi hám, hoặc đi xin thức ăn còn thừa của chúng Tăng để sống. Do nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết rõ quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán loài ngạ quỷ Ma-la là ngạ quỷ Ăn vòng hoa.

Vì nghiệp gì mà sinh vào loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ biết chúng sinh kia do đời trước trộm vòng hoa của Phật và các bậc sư trưởng đáng tôn trọng. Lấy trộm hoa đó vì hoa thanh khiết, dùng để tự trang sức chứ không vì tâm ác. Do tâm của người kia tham lam, ganh tỵ, nên sau khi qua đời thì sinh nơi tháp Phật, hoặc sinh nơi tế lễ trời và có thần lực. Nếu người nào giận dữ hay tranh cãi, đi đến tháp cung kính tức được thuận hợp, thì quỷ có thể hiện ra các mộng ác để khủng bố mọi người. Nếu có người khác gặp các việc dữ ác mà cầu sức ân huệ của những quỷ thần này, thì có Dạ-xoa với oai đức và thần thông lấy vòng hoa dâng lên, nhờ dịp này mà được ăn vòng hoa, ít đói khát, không bị lửa đói khát thiêu đốt, người đời khen ngợi, quỷ thường vui vẻ. Quỷ ăn vòng hoa ấy nếu nghiệp ác chưa hết, chưa hoại, chưa tan thì vẫn không thoát được. Nếu nghiệp ác hết mới được thoát khỏi kiếp ngạ quỷ. Ở đây qua đời, theo nghiệp mà lưu chuyển trong thế gian thọ khổ theo sinh tử. Nếu được sinh làm người thì làm người giữ vườn bán hoa để sống. Do nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết quả báo của nghiệp, lại quán xét về thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán các ngạ quỷ ăn máu để sống.

Vì nghiệp gì mà sinh vào loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ quán các ngạ quỷ kia lúc xưa làm người ưa thích những thức ăn có máu thịt, tâm người ấy bỏn sẻn, ganh tỵ, vui cười tạo ác, sát sinh, ăn máu, không bố thí cho vợ con. Người ác ấy sau khi qua đời bị đọa vào đường ác, vì ưa thích ăn máu nên sinh trong loài ngạ quỷ La-ngật-trá *(La-ngật-trá đời Ngụy dịch là Ăn máu)*. Khi thọ thân quỷ này rồi, mọi người đều gọi nó là Dạ-xoa. Người ta dùng máu bôi phết khắp để cúng tế. Ăn máu rồi quỷ còn làm cho người sợ hãi để luôn cầu tìm sự cúng tế. Mọi người đều cho là thần linh, cứ làm như thế để được sống. Thọ mạng của

quỷ lâu dài như trước đã nói trải qua năm trăm năm. Ngạ quỷ ấy tạo các thứ yêu nghiệt nhưng nếu nghiệp ác chưa hết, chưa hoại, chưa tan thì vẫn không thoát được. Nếu nghiệp ác hết thì mới thoát khỏi kiếp ngạ quỷ. Ở đây qua đời rồi theo nghiệp mà lưu chuyển trong thế gian thọ khổ theo sinh tử. Nếu được làm người thì sinh vào nhà dòng Chiên-đà-la, ăn nuốt thịt người. Do nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán các ngạ quỷ ăn thịt.

Vì nghiệp gì mà sinh trong loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ biết chúng sinh này do ganh tỵ tham ác tự che lấy tâm mình. Lấy thịt của chúng sinh làm thành từng khúc rồi bằm thái, đem cân, mua bán lừa gạt, ít nói nhiều, cho dở là ngon. Người ác ấy sau khi qua đời bị đọa vào đường ác, sinh vào loài ngạ quỷ ăn thịt. Quỷ Dạ-xoa ấy ở nơi ngã tư hoặc ngõ hẻm, bờ ruộng, chợ búa, quán xá, hoặc ở trong thành phố, chỗ chúng Tăng, sống nơi chỗ tế trời, hình tướng xấu ác, ai thấy đều hoảng sợ. Nhưng quỷ ấy có thần thông, tánh mềm dịu, không làm nhiều điều ác, hành thí bất tịnh, do nhân duyên đó nên được thần thông, dùng thịt lộn xộn của các chúng sinh như bò, dê, nai… để thiết đãi cho người, do nghiệp duyên này nên có thần lực. Nhưng nếu nghiệp ác chưa hết, chưa hoại, chưa tan thì vẫn không thoát được. Nếu nghiệp ác hết thì mới thoát khỏi kiếp ngạ quỷ. Ở đây qua đời, tùy theo nghiệp mà lưu chuyển thọ khổ theo sinh tử. Thân người khó được, giống như con rùa trong biển tìm kiếm lỗ hổng nơi cây nổi. Nếu có chút ít nghiệp thiện thì được sinh làm người, ở nơi biên địa, thuộc hàng Chiên-đà-la-man-di ăn thịt người. Do nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán các ngạ quỷ ăn khói hương.

Vì nghiệp gì mà sinh vào loài ngạ quỷ ấy?

Vị ấy dùng văn tuệ biết các chúng sinh này bị tâm đố kỵ, tham ác che lấp, đi buôn bán hương, thấy người cần mua hương gấp để cúng dường, kẻ kia không lấy hương tốt đưa cho họ, mà lại đưa hương tầm thường, bán không đúng giá, tâm không có tịnh tín, nói không có báo ác, không biết chư Phật là ruộng phước chân thật. Người ác ấy sau khi qua đời, sinh trong loài ngạ quỷ Dạ-xoa ăn khói hương nhưng có thần thông. Thân nó đeo vòng hoa thơm, ướp hương xoa, hương bột, ca múa để tự vui, hoặc sống trong các ngả tư, miếu thần, chùa chiền, nhà cửa, núi rừng, nơi vui chơi, lầu cao đẹp đẽ. Nó đều đi đến khắp. Người ngu

trong thế gian thấy nó liền cung kính lễ bái, đốt các loại hương trầm thủy… để cúng dường. Do đời trước buôn bán hương bảo người cúng dường vào ruộng phước tối thắng, nhưng không phải là ruộng tâm. Nếu trong Phật, Pháp, Tăng mà thực hành một chút bố thí thì được quả báo lớn, giống như cây Ni-câu-đà, hạt rất nhỏ nhưng nếu trồng vào đất tốt thì thành cây rất cao lớn, cành lá sum suê. Nếu trong ruộng phước Phật, Pháp, Tăng có người hành bố thí thì được quả báo lớn. Cũng vậy, do sức lực của ruộng phước nên Dạ-xoa ấy có thần lực và được quả báo an vui, thoát ra khỏi thế giới quỷ. Ở đây qua đời rồi thì tùy theo nghiệp là lưu chuyển, thọ khổ theo sinh tử. Thân người khó được, giống như con rùa trong biển tìm kiếm lỗ hổng nơi cây nổi. Nếu được làm người thì sinh vào nhà bần cùng, thân người ấy có mùi thơm giống như xoa ướp hương thơm. Do nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán các ngạ quỷ đi nhanh.

Vì nghiệp gì mà sinh vào loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ biết chúng sinh này bị tham lam bỏn sẻn che tâm, hoặc làm Sa-môn phá bỏ giới luật đã thọ, lại đắp pháp y đi vào các xóm làng để lừa gạt mọi người tìm cầu của cải, nói xin vì người bệnh. Thí chủ tùy theo bệnh mà cung cấp, nhưng khi được rồi không đem cho mà tự lấy ăn. Vì để có y phục trang sức mà xin cầu nơi các thành ấp, tìm đủ các vật cần dùng nhưng không cho người bệnh. Do nhân duyên đó, sau khi qua đời, người ấy sinh trong loài ngạ quỷ Tỳ-già-la *(Tỳ-già-la đời Ngụy dịch là Đi nhanh)*. Thọ thân ngạ quỷ này, luôn ở chỗ bất tịnh, ăn đồ bất tịnh, thường bị đói khát thiêu đốt lấy thân. Nếu có chúng sinh làm điều bất tịnh thì ngạ quỷ đó gây não loạn cho họ, tự hiện thân ngạ quỷ khiến họ sợ hãi để tìm chỗ sơ hở của họ, hoặc hiện trong mộng ác khiến họ hoảng sợ. Ngạ quỷ ấy qua lại trong vùng gò mả, thích gần thây chết, thân nó bị lửa cháy, khói và lửa phát ra một lúc. Nếu thấy bệnh dịch lan tràn trong thế gian, số người tử vong rất nhiều thì tâm nó vui mừng. Nếu có thần chú ác gọi mời thì nó lại ngay, có thể tạo những điều không lợi ích cho chúng sinh. Quỷ đi rất nhanh, trong một niệm có thể đi trăm ngàn do-tuần, cho nên gọi là ngạ quỷ đi nhanh. Kẻ phàm phu ngu si cùng nhau cúng dường nên gọi đó là Dạ-xoa có đại thần lực. Như thế gây vô số tai ương cho con người, khiến người phải lo sợ. Nếu nghiệp ác chưa hết, chưa hoại, chưa tan thì vẫn không thoát được. Nếu nghiệp ác hết thì mới thoát khỏi kiếp ngạ quỷ. Ở đây qua đời, tùy theo nghiệp mà lưu chuyển chịu khổ nơi

sinh tử. Nếu sinh làm người thì sinh trong nhà thầy pháp, thuộc về các quỷ thần, giữ miếu quỷ thần. Vì nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán các ngạ quỷ ăn rình mò, thường tìm khuyết điểm của mọi người.

Vì nghiệp gì mà sinh vào loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ biết chúng sinh kia bị tham lam, ganh tỵ che lấp tâm, vu khống, chê bai chúng sinh khác để lấy của cải. Hoặc tranh giành khủng bố cưỡng bức người để đoạt lấy của cải. Hoặc ở thành ấp, xóm làng cướp giật của cải người khác. Thường tìm kiếm chỗ sơ hở của người để cướp giật, không thực hành bố thí, không tu phước đức, không gần gũi bạn lành, thường ôm lòng ganh tỵ, tham lam trộm cắp, đoạt lấy của cải người khác, thấy của cải của họ thì ôm lòng ác độc, đối với các bạn lành tri thức, anh em quyến thuộc thì thường oán ghét, ganh tỵ. Mọi người thấy, cùng nhau chỉ rõ, nói là người xấu ác. Sau khi qua đời, người ấy bị đọa vào đường ác làm thân ngạ quỷ Sy-đà-la *(Sy-đà-la đời Ngụy dịch là Tìm kiếm chỗ sơ hở)* chân lông khắp thân tự nhiên phát lửa thiêu đốt lấy thân. Giống như lúc cây Chân-thúc-ca nở đầy hoa *(Cây này hoa đỏ, giống màu đống lửa, cho nên lấy nó làm thí dụ)*. Quỷ bị lửa đói khát thiêu đốt lấy thân, rên rỉ, kêu gào thảm thiết, luôn chạy đây đó tìm kiếm thức ăn để sống. Đời có người ngu đi ngược tháp, nếu thấy miếu trời thì thuận hành cung kính. Người như vậy bị quỷ kia tìm được chỗ sơ hở, vào trong thân người đó để ăn khí lực. Hoặc lại có người ở gần phòng dơ bẩn, quỷ ấy tìm được chỗ sơ hở, vào trong thân người đó ăn khí lực để sống. Còn tất cả thứ khác đều không được ăn. Nếu nghiệp ác chưa hết, chưa hoại, chưa tan thì vẫn không thoát được. Nếu nghiệp ác hết mới thoát khỏi kiếp ngạ quỷ. Ở đây qua đời, tùy theo nghiệp mà lưu chuyển trong thế gian thọ khổ theo sinh tử. Nếu được sinh làm người thì gặp nhiều hoạn nạn, như nạn ma, nước, lửa, giặc, đói, mất mùa. Thường sinh vào chỗ bần cùng, hạ tiện, nhiều bệnh khổ, thân thể yếu gầy. Vì nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết quả báo của nghiệp, lại quán xét về thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán các ngạ quỷ ở chỗ tối tăm dưới đất. Vì nghiệp gì mà sinh vào loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ biết các chúng sinh này do ngu si mà tạo nghiệp, bị tham lam, ganh tỵ che lấp tâm, chê bai pháp để cầu tài, trói cột người bỏ trong lao ngục khiến họ tối tăm, mắt không thấy gì cả, tiếng kêu dội lại

nghe như ai oán. Bị trói trong ngục chịu ưu não gấp bội, không ai cứu vớt. Người ác ấy sau khi qua đời, sinh trong loài ngạ quỷ ở chỗ tối tăm dưới đất. Nơi ấy có rắn đại ác, thân lớn dài hai mươi dặm, bò đầy khắp chốn. Người kia bị gió lạnh run rẩy, đói khát đốt thân, đầu tóc rối bù, thân thể ốm yếu. Gió đánh vào thân người kia, làm cho tất cả thân thể đều bị phá hoại, đi vào chỗ tối tăm đại hiểm nạn, chịu khổ rất rùng rợn. Người ấy buồn bã chạy trốn một mình, không bạn bè. Gió độc cắt mạnh giống như dao cắt. Vì nghiệp ác mà có cầu chết cũng không được. Nhưng nếu nghiệp ác đã tạo chưa hết, không hoại, không tan thì không thoát được. Khi nào nghiệp ác hết mới có thể thoát khỏi kiếp ngạ quỷ. Ở đây qua đời, tùy theo nghiệp mà lưu chuyển trong thế gian, thọ khổ nơi sinh tử. Thân người khó được, giống như con rùa trong biển tìm kiếm lỗ hổng nơi cây nổi. Nếu được làm người thường ở chỗ núi sâu, tối tăm, hiểm nạn, ở bên bờ biển không thấy mặt trời, mặt trăng. Sinh vào cõi nước này, mắt người đó bị mù, không thấy biết gì cả, bần cùng, hạ tiện, đi xin ăn để sống. Vì nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết quả báo của nghiệp, lại quán xét về thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ thấy có ngạ quỷ tên Thần thông đại lực quang minh. Vì nghiệp gì mà sinh vào loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ biết các chúng sinh này do vọng ngữ dối gạt người, tham lam, ganh ghét, phá hoại, trộm cắp tài vật của người khác, lừa đảo người để lấy của, hoặc ỷ mình có thế lực, cưỡng đoạt người lấy của đem cho bạn ác. Không bố thí vào ruộng phước, tạo thí bất tịnh vì cầu ân nghĩa, vì cầu cứu, vì tiết hội, vì nạn gấp, vì xu phụ… vì những điều như vậy gọi là thí bất tịnh. Sau khi qua đời, người ấy sinh trong loài ngạ quỷ đại lực thần thông. Thọ thân quỷ rồi có nhiều ngạ quỷ bị vô lượng khổ não vây quanh, ở trong núi sâu hoặc nơi đầm bể, được sinh vào chỗ ấy thì có thần thông tự tại. chỉ có một ngạ quỷ này là được vui bậc nhất, còn các quyến thuộc khác, thân như cây bị đốt, lửa đói khát bức bách, đều cùng nhau nhìn ngắm. Quỷ thọ lạc ấy là quả báo của việc thí bất tịnh, nếu khi nào nghiệp ác hết thì mới được thoát. Ở đây qua đời, tùy theo nghiệp mà lưu chuyển thọ các khổ nơi sinh tử. Thân người khó được, giống như con rùa trong biển tìm kiếm lỗ hổng nơi cây nổi. Nếu được làm người thì thống lãnh quốc độ, hoặc làm đại thần vào thời đói nghèo. Vì nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết quả báo của nghiệp, lại quán xét về thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán các ngạ quỷ đốt cháy vào ban đêm,

từ nơi thân lửa phát ra, kêu gào thảm thiết, vụt bỏ chạy đến các xóm làng, thành ấp, núi rừng, thân như đống lửa, bị đói khát thiêu đốt. Vì nghiệp gì mà sinh trong loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết chúng sinh này do tham lam, ganh tỵ che lấp tâm, phá hoại người khác, nói dối, lừa gạt người, cướp đoạt của cải người, phá thành quách của người, giết hại dân chúng, khiến cho thân tộc, quyến thuộc của họ tan nát. Cướp được của cải rồi đem dâng vua, đại thần hoặc cho người hào quý. Dựa vào thế lực của vua, vua khen là có tài năng, được vua khen ngợi kẻ ấy càng hung bạo thêm nữa, như trước đã nói. Người ác ấy sau khi qua đời bị đọa trong loài ngạ quỷ Xà-bà-lệ *(Xà-bà-lệ đời Ngụy dịch là Đốt cháy dữ dội)*. Do đời trước, người ác kia cướp giật vào ban đêm, trói cột người lại để tra khảo, đánh đập khiến họ phải khổ sở. Vì nhân duyên đó mà nay vào ban đêm thì toàn thân bị lửa bốc cháy. Do đời trước từng trói cột người làm họ kêu gào, khóc lóc, nên nay bị lửa thiêu đốt khắp thân, kêu la đau đớn. Vì nghiệp ác chưa hết nên khiến quỷ không chết. Nếu nghiệp ác chưa hết, chưa hoại, chưa tan thì vẫn không thoát được. Ở đây qua đời, tùy theo nghiệp mà lưu chuyển trong thế gian, thọ khổ nơi sinh tử. Thân người khó được, giống như con rùa trong biển cả tìm kiếm lỗ hổng nơi cây nổi. Nếu được làm người thì thường bị người khác phá hoại. Giả sử có của cải thì bị vua, giặc xâm chiếm cướp giật. Nếu đến chỗ cao nguy hiểm, hoặc leo lên cây cối thì bị rơi xuống làm tổn thương đến thân. Vì nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết rõ quả báo của nghiệp, lại quán xét về thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ thấy các ngạ quỷ thường tìm kiếm chỗ sơ hở của người, rình kiếm chỗ dở của người, giết hại trẻ con.

Vì nghiệp gì mà sinh vào loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia đời trước bị kẻ bạo ác giết trẻ con mình nên nổi giận, thề rằng: "Đời sau ta sẽ làm Dạ-xoa giết con ngươi để trả thù". Người ác ấy sau khi qua đời, bị đọa vào đường ác làm ngạ quỷ Xi-đà-la *(Xi-đà-la đời Ngụy dịch là Quỷ rình mò chỗ sơ hở),* luôn nhớ oan gia, sân giận, ác độc, đi tìm nơi nào có đàn bà sinh đẻ thì rình cướp mạng sống của đứa trẻ đó. Quỷ này có thần thông thế lực, nghe có mùi máu, trong khoảnh khắc, nó liền đi đến chỗ đó và còn có khả năng đi trăm ngàn do-tuần. Nếu có phụ nữ sinh con thì quỷ dùng thân vi tế để tìm chỗ sơ hở. Với tâm sân hận, đi tìm chỗ sơ hở của người khác, nên tìm kiếm khắp nơi, cốt yếu muốn giết đứa con, nhưng tìm không có. Nếu mẹ phạm lỗi nuôi nấng con không đúng pháp thì quỷ tìm được chỗ sơ hở của đứa

con. Nếu bất tịnh, ô uế thì quỷ tìm được chỗ sơ hở… Như trước đã nói, nếu tìm được chỗ sơ hở thì quỷ có thể hại đứa trẻ. Nếu không được thì đến mười năm, tìm nhiều cách để giết hại chứ không bỏ ý định kia. Kẻ bất thiện như thế tự trói lấy tâm mình, bị đói khát đốt thân nên không thể giết hại. Nếu đứa trẻ này có nhiều nghiệp lành, hoặc được thiện thần ủng hộ thì không thể giết nó được. Quỷ kia nổi sân hận và qua đời, tùy theo nghiệp mà lưu chuyển thọ khổ nơi sinh tử. Thân người khó được, giống như con rùa trong biển tìm kiếm lỗ hổng nơi cây nổi. Nếu được sinh làm người, do tập khí sân giận từ đời trước oán kết trói buộc nhau, nên sinh vào chỗ không đủ thuận duyên, tất cả giống như oan gia, dùng những phương tiện muốn người khác phải chết yểu, khuyết tật. Vì nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 17

Phẩm 4: Ngạ quỷ (Phần 2)

Lại nữa, Tỳ-kheo biết rõ quả báo của nghiệp, lại quán xét về thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán các ngạ quỷ Ca-ma *(Ca-ma-lưỡng-lô-ba, đời Ngụy dịch là Ham sắc)*. Vì nghiệp gì mà sinh trong loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết chúng sinh kia hoặc là nam nữ, hoặc là hoàng môn, mặc các thứ y phục để tự tạo vẻ đẹp đẽ, mặc y phục người nữ, làm theo việc dâm nữ. Có kẻ ham dục liền kết hợp với người đó, nhân việc ấy mà được của cải đem cho kẻ phàm phu, chẳng phải chỗ ruộng phước, người đem bố thí với tâm bất tịnh. Do nhân duyên đó, sau khi qua đời, sinh trong loài ngạ quỷ ham sắc. Làm thân quỷ rồi, trang sức đủ cách, muốn gì được nấy. Muốn đẹp được đẹp, muốn xấu thì xấu, muốn tạo ra màu sắc đáng ưa hay không đáng ưa, đều có thể làm được. Như làm đàn ông thì dung mạo tuấn tú, hoặc làm người nữ thì đẹp đẽ, dịu dàng, hay làm súc sinh thì thân tướng nổi bật. Nó có thể làm ra đủ các thứ trang sức thượng diệu, có thể du hành đến khắp cả mọi nơi. Nếu được đồ ăn uống thì quỷ ăn không bị bệnh, nên ít bố thí, có thể dùng thân nhỏ nhắn để lẻn vào nhà người tìm kiếm thức ăn uống. Người đời bắt được, nói:

–Quỷ Tỳ-xá-già kia! Mi trộm cắp thức ăn uống của ta?

Hoặc làm thân người, tham dự vào các buổi lễ hội của người khác, hay làm thân chim, ăn cơm cúng tế của người. Thân nó rất nhỏ, người đời không thể thấy được. Loài quỷ này là như thế, tùy theo ý muốn mà có thể hiện ra vô số hình sắc. Người đời gọi chúng là Dạ-xoa Như Ý. Hoặc làm thân nữ giao kết với người, trang sức đủ cách như vậy là để lừa gạt mọi người. Sống trong đường ngạ quỷ, đi lại nơi nhân gian, nếu nghiệp ác chưa hết, không hoại, chưa tan thì vẫn không thoát được. Nếu nghiệp ác hết thì mới thoát khỏi kiếp ngạ quỷ. Sau khi ra khỏi thân ngạ quỷ, tùy theo nghiệp mà lưu chuyển, chịu khổ trong sinh tử. Thân người khó được, giống như con rùa trong biển tìm kiếm lỗ hổng nơi cây nổi. Nếu được làm người thì

sinh trong hạng đào hát, mặc đủ loại y phục, tạo ra mọi sự phóng túng vui đùa để nuôi sống, tự đem vợ mình theo hầu người khác để được của cải. Vì nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết rõ quả báo của nghiệp, lại quán xét về thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán các ngạ quỷ ở bãi biển. Vì nghiệp gì mà sinh trong loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia ở đời trước thấy người định qua vùng đồng trống nhưng bị bệnh mỏi mệt. Người kia lấy đồ vật của những người bị bệnh đó vốn có giá trị cao rồi đưa lại tiền thì rất ít không tương xứng. Do tham ác, xảo quyệt, lừa gạt người đi xa đang bị đói khổ nơi đồng trống hoang vắng mà người ác kia sinh nơi vùng bãi biển thọ thân ngạ quỷ. Vùng ấy không có cây cối, sông, ao và nóng nực, kể cả mùa đông cũng rất nóng, lại có nhiều độc hại. Nóng gấp mười lần cái nóng mùa hè ở các nơi khác, nên quỷ dùng sương mai để sống. Tuy ở bãi biển nhưng quỷ không được uống nước, do nghiệp ác nên thấy biển đều khô cạn, còn như thấy cây cối thì thấy toàn là lửa dữ cháy hừng hực, không chút hy vọng, bị những thứ ác bao vây, không được an ổn, đói khát luôn thiêu đốt thân, kêu la thảm thiết. Do tâm tự lừa gạt nên chạy trốn khắp nơi, gào đến tắt tiếng mà chẳng được cứu vớt, không chỗ nương nhờ, đầu tóc rối bù, thân thể gầy còm, tất cả gân mạch đều hiện lên giống như võng lưới. Quỷ đi tới đâu cũng đều khô kiệt, không ai cứu giúp, không chốn nương tựa, không nơi nhờ cậy. Nhưng nếu nghiệp ác ấy chưa hết, không hoại, không tan thì nó vẫn không chết. Nếu nghiệp hết thì mới thoát khỏi kiếp ngạ quỷ. Thoát khỏi thân ngạ quỷ rồi, tùy theo nghiệp mà lưu chuyển, chịu khổ trong sinh tử. Thân người khó được, giống như con rùa trong biển cả tìm kiếm lỗ hổng nơi cây nổi. Nếu được sinh làm người, thì sống nơi vùng bãi biển, hoặc chỉ có một chân, hoặc bị chân ngắn, khốn khổ vì thiếu nước. Vì nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết rõ quả báo của nghiệp, lại quán xét về thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán ngạ quỷ Diêm-la cầm gậy. Vì nghiệp gì mà sinh trong loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia do tham lam, bỏn sẻn, ganh tỵ, tự hủy hoại tâm mình, được gần gũi quốc vương, đại thần hoặc hạng người hào quý để chuyên quyền, làm điều bạo ác, không có lòng Từ bi, không thực hành đúng lý nên bị các hiền sĩ khinh chê. Người ác ấy, sau khi qua đời, bị đọa làm ngạ quỷ diêm la cầm gậy, ở thế giới của quỷ bị vua Diêm-la xua đuổi, sai khiến. Nếu có chúng sinh gây ra các nghiệp xấu ác

thì vua Diêm-la liền sai quỷ này đoạt lấy tinh thần của chúng sinh đó. Thân tướng của quỷ ấy xấu xí, đáng sợ, đầu tóc rối bù, dài che cả thân. Môi xệ xuống, tai dài lòng thòng, bụng lớn, kêu la to tiếng, thường dùng đao bén đánh đập các tội nhân, rồi nắm tay họ lấy dây buộc trói lại dẫn đến chỗ Diêm-la vương, tâu:

–Đại vương! Người này ở đời trước gây tạo nghiệp bất thiện thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp đều bất thiện. Xin vua xử trí hắn!

Vua Diêm-la liền dùng kệ quở trách:

Ngươi là kẻ ngu trong cõi người
Tự kết buộc bằng các nghiệp ác
Trước kia sao ngươi không tu thiện
Như đến ao báu trở về không!
Do làm nghiệp thiện được quả vui
Có quả vui nên sinh tâm thiện
Hết thảy các pháp theo tâm chuyển
Luân hồi sinh tử không gián đoạn.
Tất cả các hành đều vô thường
Giống như bọt nước không lâu bền
Ai chuyên tu chánh pháp như vậy
Đương lai người ấy được thắng báo.
Nếu người nào chuyên tu điều thiện
Lìa bỏ tất cả các nghiệp ác
Người ấy sẽ không đến chỗ ta
Đi lên bậc trên, thọ báo trời.
Nếu người ngu si, không giác ngộ
Ưa thích nghiệp ác, đến chỗ ta
Ai bỏ được nghiệp ác, bất thiện
Là người thực hành đạo bậc nhất.
Nếu thấy các nghiệp quả thế gian
Lại thấy những thú vui trên trời
Vậy mà vẫn còn tâm phóng dật
Người ấy không gọi: Tự yêu mình.
Vì lợi gạt nên tạo nghiệp ác
Buông lung tất cả thân, khẩu, ý
Người ấy gây nhiều nghiệp khác nhau
Ngươi nay đối nghiệp đến chỗ ta.
Ngươi bị các nghiệp ác lừa gạt
Nhất định đi đến đường hiểm ác

Nếu ai ưa thích tạo nghiệp ác
Vị lai, thân người rất khó được.
Nếu ai xa lìa các nghiệp ác
Thích làm pháp thiện, tâm ái lạc
Hiện tại người ấy luôn an vui
Ắt được Niết-bàn quả giải thoát.
Nếu người nào huân tập hạnh thiện
Là người thù thắng trong thế gian
Nếu ai học, tạo nghiệp bất thiện
Là kẻ ác nhất trong thế gian.
Người có trí tuệ hành việc thiện
Đều bỏ pháp ác đầu, giữa, cuối
Nếu ai tạo tập các nghiệp ác
Thì vào địa ngục chịu khổ báo.
Dùng pháp thiện điều phục các căn
Được pháp thù thắng, tịnh, thế gian
Sau khi người ấy đã qua đời
Sinh lên cõi trời thọ diệu lạc.
Nghiệp trói buộc ngươi rất bền chặt
Bị sứ giả Diêm-la bắt giữ
Đưa đến đường ác đầy sợ hãi
Thế giới Diêm-la rất khổ não.
Đời trước ngươi tạo nhiều nghiệp ác
Nghiệp này nay ngươi tự gánh lấy
Mình làm mình chịu không ai khác
Người khác làm, mình không chịu quả.

Vua Diêm-la quở trách kẻ tội nhân rồi sai sứ giả dắt đi. Vì tội nhân này tự mình tạo ra nghiệp ác, do nghiệp tự dối gạt dẫn đến phải chịu các quả báo khổ não: Trừng trị, tra khảo, bị đói khát bức bách, chỉ ăn hơi gió mà thôi. Vì nghiệp ác chưa hết nên khiến tội nhân không chết. Thoát được thân ngạ quỷ rồi, theo nghiệp mà lưu chuyển, chịu các khổ não nơi sinh tử. Nếu được làm người thì sống nơi biên địa hay trong hang tối, núi thẳm, bờ cao, sông sâu, đầy nguy nan, sợ hãi. Có người quyền hành đi qua vùng này thì sai những người ấy dẫn đường.

Vì nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, người tu hành trong tâm tư duy, quán xét các pháp. Tỳ-kheo kia làm thế nào để quán năm địa?

Vị ấy dùng văn tuệ với minh nhãn, quan sát về mười loại sắc nhập. Mười sắc nhập là:

1. Nhãn nhập.
2. Sắc nhập.
3. Nhĩ nhập.
4. Thanh nhập.
5. Tỷ nhập.
6. Hương nhập.
7. Thiệt nhập.
8. Vị nhập.
9. Thân nhập.
10. Xúc nhập.

Tỳ-kheo quán nhãn *(mắt)* duyên với sắc tướng như thế nào? Tỳ-kheo quán nhãn duyên với sắc sinh ra thức, do ba pháp hòa hợp mà sinh xúc. Xúc cùng với thọ, tưởng, tư, thức. Xúc đưa đến xúc giác, giác đưa đến cảm thọ. Tư đưa đến tưởng tượng như: dài, ngắn; ưa thích hay không ưa thích. Chúng hiện có với tư tưởng tương đối. Thức nhận biết về một duyên nhưng chúng đều có tướng khác và có mỗi tự thể khác, giống như mười pháp của đại địa. Mười pháp của đại địa:

1. Thọ.
2. Tưởng.
3. Tư.
4. Xúc.
5. Tác ý.
6. Dục.
7. Giải thoát.
8. Niệm.
9. Định.
10. Tuệ.

Một duyên nhưng mỗi mỗi tướng nơi thức… khác nhau.

Mười một pháp cũng như vậy. Giống như ánh sáng của mặt trời xuất hiện là một thì tự thể của ánh sáng đều khác nhau. Như tự thể của thức thì khác, cho đến tư cũng như vậy.

Tỳ-kheo kia nhận biết đúng như thật về sắc nhập, quán về nhãn là không, không thật có, không bền vững, không thật. Như vậy, Tỳ-kheo biết

đúng như thật về đạo và đã xa lìa được tà kiến, tâm an vui trong chánh kiến, mắt lìa được si-cấu. Vị ấy thấy đúng như thật về mắt mình chỉ là cục thịt, nhưng vì ngu si nên không biết. Nó chỉ là chỗ để nước mắt chảy ra. Nhận biết đúng như thật như vậy rồi thì sẽ xa lìa lòng tham muốn. Quán mắt là vô thường, biết vô thường rồi vì nó chỉ là cục thịt ở trong hốc mắt. Nhận biết đúng như thật về mắt có gân, mạch bao xung quanh, nên biết do các duyên hòa hợp mà có nhãn nhập. Như vậy mắt là không thật có, là vô ngã, vô tri, cho đến khổ cũng như vậy. Quán nhãn nhập rồi, vị ấy lìa được lòng ham muốn.

Tỳ-kheo ấy quan sát đúng như thật về nhãn nhập rồi thì phân biệt quán sắc. Sắc ấy dù ưa thích hay không ưa thích đều là vô ký, do phân biệt mà có. Pháp nào có thể thấy được? Cái gì là tịnh, cái gì là thường, cái gì là đáng tham? Tỳ-kheo ấy tư duy, quán xét như vậy rồi, thì nhận biết đúng như thật về sắc. Nó là phi hữu, phi lạc. Như thế là tư duy quan sát về sắc tướng thì biết rằng sắc không lâu bền, không thật có, chỉ do phân biệt sinh ra mà thôi. Ưa thích hay không ưa thích đều không thật có. Do tham đắm hư vọng mà chúng sinh ưa thích hay không ưa thích. Sắc này không có tự thể, là vô thường, không thực có, không chân thật, không vui thích. Không một pháp nào là không bị hư hoại, đều không lâu bền, không có ngã, chỉ do tham, sân, si che lấp tâm mình mà sinh ưa thích hay không ưa thích, chứ không phải sắc vốn có ưa thích hay không ưa thích. Tất cả đều do nhớ nghĩ sinh ra. Tỳ-kheo quán sắc nhập như vậy thấy danh sắc rồi thì không tham đắm, không đắm nhiễm, không mê muội, không chấp giữ, biết sắc là không bền chắc. Tỳ-kheo ấy quán xét nhãn như vậy, quán sắc nhập rồi nên không đắm nhiễm vào nhãn thức, lìa bỏ được dục uế. Nhãn thức ấy không phải là ta, ta không là nhãn thức. Xúc, thọ, tưởng, tư cũng đều như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết rõ quả báo của nghiệp, lại quán xét về thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán các ngạ quỷ ăn trẻ con. Vì nghiệp gì mà sinh trong loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia dùng chú thuật của rồng ác để trừ tai họa mưa đá, dối gạt, mê hoặc người bệnh, dùng chú thuật Dạ-xoa để lấy của cải người, hoặc lại giết dê. Người ấy sau khi qua đời bị đọa vào địa ngục Hoạt chịu vô lượng khổ. Ra khỏi địa ngục, lại sinh trong loài ngạ quỷ Bà-la-bà-xoa *(Bà-la-bà-xoa đời Ngụy dịch là Ăn trẻ con)*. Lại có chúng sinh có dư báo về sát sinh thì khi làm người bị ngạ quỷ này bắt trộm để ăn, hoặc đến chỗ sản phụ bắt đứa trẻ mới biết bò hay mới biết đi. Ngạ quỷ ấy bắt trộm đứa trẻ rồi ăn từ từ. Nếu gặp thuận tiện thì nó giết luôn.

Nếu ai không có nghiệp sát sinh thì không bị hại.

Kệ tụng nêu:

Nghiệp ác trói buộc chịu quả khổ
Nếu tạo nghiệp thiện được quả vui
Dây nghiệp cứng, dài trói buộc người
Trói chặt chúng sinh không thoát được.
Không được an ổn đến Niết-bàn
Trôi dài ba cõi chịu các khổ
Hãy dùng dao trí chặt nghiệp ấy
Ắt được giải thoát khỏi khổ bức.
Do dứt nên nghiệp không trói buộc
Được đến chốn tịch diệt, vô vi
Như cá vào lưới bị người bắt
Ái buộc chúng sinh chết cũng vậy.
Như nai hoang trúng mũi tên độc
Nai ấy kinh hoàng chạy khắp nơi
Thuốc độc đã thấm, không sao thoát
Ái cột chúng sinh cũng như vậy.
Luôn theo chúng sinh không lìa bỏ
Quán ái như độc, cần xa lìa
Kẻ ngu si kia bị ái đốt
Giống như lửa dữ đốt cây khô.
Ái ấy ban đầu nhiễm khó biết
Quả báo như lửa tự đốt mình
Nếu muốn được vui, tâm an ổn
Nên bỏ dây ái, lìa đắm vướng.
Như cá nuốt câu, chết không lâu
Dây ái trói người cũng như thế
Đẩy các chúng sinh vào đường ác
Đọa làm ngạ quỷ, đói bức bách.
Thế giới ngạ quỷ nhiều khổ não
Trốn tránh và bỏ chạy khắp nơi
Người trong địa ngục chịu các khổ
Đều do dây ái làm nhân duyên.
Có các chúng sinh nghèo bệnh khổ
Tự sống bằng cách kiếm sương mai
Đều do ái kết làm nhân duyên
Bậc Thánh nói chịu khổ báo này.

Quán xét đầy đủ về mọi quả báo đều do tham lam, ganh tỵ làm nhân duyên, vị ấy sinh tâm nhàm chán, lìa bỏ các dục.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết rõ quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán các ngạ quỷ ăn tinh khí của người. Vì nghiệp gì mà sinh trong loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia đời trước xảo quyệt lừa gạt người, dối trá với bạn thân, nói:

–Tôi sẽ đến cứu giúp bạn.

Người bạn nghe vậy, lòng thêm phấn chấn, dũng mãnh. Lúc đó, kẻ xảo quyệt bảo người bạn vào chỗ có kẻ địch, nhưng khi người bạn sắp tan thân, mất mạng thì kẻ xảo quyệt kia bỏ đi, không cứu giúp, lại muốn vua lấy hết tài sản của bạn và người bạn bị hắn lừa gạt đành chết nơi chiến trận. Do nhân duyên bất thiện này mà kẻ xảo quyệt kia, sau khi qua đời bị đọa làm ngạ quỷ ăn tinh khí người, chịu mọi sự đói khát tự thiêu đốt thân, bị đao cắt cứa thân thể cho tan nát. Mưa đao từ trên không trung rớt xuống, ngạ quỷ kia phải bỏ chạy khắp mọi nơi, không chỗ trốn tránh. Nếu gặp người làm ác, không có lòng tin, không phụng thờ Tam bảo, thì quỷ tìm được cơ hội đó để vào trong thân kẻ ác kia, ăn nuốt tinh khí để sống. Nhưng tìm kiếm điều đó là rất khó, đến nỗi chịu nhiều khốn khổ cũng không được, cho đến mười năm hoặc hai mươi năm mới được một cơ hội. Nó luôn chịu khốn khổ, đói khát, vì tự tạo nghiệp ác thì phải chịu báo ác. Nhưng nếu nghiệp ác chưa hết, thì quỷ không chết. Nghiệp ác chưa hết, không hoại, không tan nên không được thoát. Nếu nghiệp ác hết thì mới thoát kiếp ngạ quỷ. Thoát được thân ngạ quỷ, sinh làm người thì thường giữ việc cúng tế trời, phải chịu bần cùng, nguy khốn, không được tự tại, ăn những thức ăn cúng tế dư thừa. Vì nghiệp ác còn sót lại nên phải sống nhờ vào người khác.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết rõ quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ thấy có ngạ quỷ tên Phạm La-sát. Vì nghiệp gì mà sinh trong loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia đời trước do giết hại sinh mạng để tổ chức hội lớn, nói rằng thức ăn uống mua bán rất hiếm, lấy cái dở để đãi, còn cái ngon đem bán, bị tâm tham lam hủy hoại. Chúng sinh ấy khi qua đời bị đọa vào loài ngạ quỷ tên ngạ quỷ La-sát Bà-la-môn, luôn bị lửa đói khát thiêu đốt, luôn giong ruổi rất mau, rồi hiện lên tướng người để giết hại chúng sinh. Hoặc ở đầu đường, ngả tư, vệ đường, ngõ hẻm để chờ đợi cơ hội. Các Bà-la-môn sát sinh để thết đãi thì phần nhiều sinh vào loài

này, hoặc giấu thân để giết hại người, hoặc vào trong thân người để cướp mạng sống họ. Người chú thuật nói:

–Quỷ thần bám vào người và đã nhập vào thân người rồi, thì làm cho người ấy điên loạn, mê cuồng, không biết gì cả.

Gây nghiệp ác như vậy nên luôn bị đói khát đốt thân, chịu vô số khổ não, ở trong cảnh giới của ngạ quỷ, nhưng nếu nghiệp ác không hết, không hoại, không tan thì vẫn không thoát được. Khi nghiệp ác hết, qua đời, do nhân duyên của nghiệp còn lại, nên được sinh làm người, thường ăn thịt người hoặc uống máu người. Vì nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết rõ quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán các ngạ quỷ ăn trong lò lửa. Vì nghiệp gì mà sinh vào loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia xa lìa bạn lành, bị tham lam ganh tỵ che lấp tâm, thích ăn thức ăn của chúng Tăng. Người này sau khi qua đời bị đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Ra khỏi địa ngục thì sinh vào loài ngạ quỷ Quân-trà *(Quân-trà đời Ngụy dịch là Lò lửa)*, luôn bị đói khát thiêu đốt thân, giống như cây bị cháy phải chạy trốn khắp nơi để tìm kiếm thức ăn. Do tạo nghiệp dối gạt nên ở trong chùa lớn, bị thiêu đốt, lấy thức ăn dư thừa trộn chung với lửa để ăn, tâm luôn nhớ nghĩ đến lò lửa và thức ăn dư thừa, luôn bị đói khát bức bách. Hai thứ lửa phát ra cùng một lúc khiến phải rên rĩ kêu la. Do tạo các nghiệp ác nên phải chịu quả báo. Thế nhưng nghiệp ác ấy không hết, không hoại, không tan thì vẫn không thoát. Nếu nghiệp hết thì mới thoát kiếp. Do nghiệp còn lại nên được sinh vào cõi người làm người bần cùng, nhiều bệnh, sống ở đâu cũng bị lửa đốt, ở nơi đồng trống cũng bị lửa thiêu đốt. Vì nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ thấy người gây nhiều hành động ganh tỵ, tạo đủ các nghiệp, nghiệp đã thành thục nên bị đọa vào đường ngạ quỷ, sống trong ngõ hẻm nhơ nhớp. Vì nghiệp gì mà sinh trong loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ, thấy các chúng sinh kia do keo kiệt, tham lam ganh tỵ che lấp tâm, lấy thức ăn bất tịnh cho người phạm hạnh thanh tịnh. Do nhân duyên này, sau khi qua đời, sinh trong loài ngạ quỷ bất tịnh La-tha *(La-tha đời Ngụy dịch là Ngõ hẻm)*. Ban ngày người ta không thấy nó, nhưng ai đi đêm thì thường gặp. Sống ở đám đông nơi xóm làng, thành ấp, hoặc ở đồng trống, hay sống nơi hầm xí nhơ nhớp, đầy

sâu giòi hôi thối, bất tịnh, nếu ai thấy đều gớm ghiếc không muốn nhìn, nhổ nước miếng bỏ đi. Ngạ quỷ này do đời trước lấy thức ăn bất tịnh đem cho chúng Tăng, do nhân duyên ấy mà sinh vào chỗ bất tịnh, chịu nhiều thứ khổ não. Tuy ở trong các chỗ đó nhưng thường không được ăn, vì có các loại quỷ ác khác tay cầm dao nhọn, mũi phát ra lửa sáng rực đứng giữ một bên. Quỷ kia luôn chịu đói khát, khốn khổ, một tháng hay nửa tháng mới được ăn một bữa, cũng không được no, giả sử được ăn no thì bị quỷ dữ phân kia đánh mạnh khiến mửa ra hết. Nó luôn bị đói khát bức bách nên rên rĩ, kêu la, chạy rông khắp nơi, sầu não khóc than, nói kệ:

Do nhân duyên chủng tử bất thiện
Mà bị quả báo sầu khổ não
Tánh tướng của nhân quả giống nhau
Tạo ra nghiệp ác chịu khổ báo.
Bị nghiệp ác móc kéo dẫn đi
Như cá nuốt câu vào đường ác
Cá nuốt câu còn mong ra khỏi
Nhưng người không sao thoát nghiệp ác.
Sức mạnh các nghiệp kéo chúng sinh
Bị dây nghiệp bất thiện trói chặt
Dẫn đến cảnh giới của ngạ quỷ
Chịu đủ các khổ, đói khát dữ.
Khổ đói khát trong loài ngạ quỷ
Quá hơn lửa, dao và thuốc độc
Như vậy đói khát có sức lớn
Vô lượng đói khát hại chúng sinh.
Không một chút nào được dừng nghỉ
Khổ não ngày đêm không gián đoạn
Cho đến chút vui cũng không có
Thường chịu vô số các khổ dữ.
Vì đã tạo nhiều nhân nghiệp ác
Mà đọa đường ác chịu khổ báo
Khổ báo ở đây khó thoát được
Khi nào mới hưởng được an vui.
Nếu thấy các suối thì không nước
Tất cả ao hồ đều khô kiệt
Chạy khắp các nơi tìm nước uống
Chạy đến các sông không thấy nước.

Chỗ ta sống cần phải có nước
Đi khắp núi rừng cùng đồng trống
Đến chỗ nào đều mong nước uống
Tìm kiếm chút nước cũng không ra.
Lửa đói khát thiêu đốt thân ta
Thọ khổ lớn không ai cứu giúp.

Ngạ quỷ ấy do nghiệp tự dối gạt mà rên rĩ, kêu la, sầu khổ, thế nhưng nghiệp ác không hết, không hoại, không tan thì vẫn không thoát được. Lúc quả báo hết, do nghiệp còn lại, sau khi qua đời được sinh làm người, làm thân đàn bà dâm nữ. Nếu được làm thân nam thì sinh trong nhà dọn phân, mặc áo quần người nữ, làm việc người nữ. Do nghiệp ác còn sót lại nên mắc quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết rõ quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của ngạ quỷ. Vì nghiệp gì mà sinh trong loài ngạ quỷ ăn gió?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia đời trước thấy các Sa-môn, Bà-la-môn, người bần cùng, bệnh tật đến xin thì hứa cho các vị ấy thức ăn. Nhưng khi các vị ấy đến thì người kia nhất định không cho, khiến cho các Sa-môn, Bà-la-môn, người bần cùng, tật bệnh ấy đói khát, thiếu thốn, giống như gió lạnh chạm vào thân. Người vọng ngữ kia sau khi qua đời bị đọa vào ngạ quỷ Bà-di-bà-xoa *(Bà-di-bà-xoa đời Ngụy dịch là Ăn gió)*, luôn bị đói khát khổ não, giống như trong các địa ngục Hoạt… phải giong ruổi khắp nơi không chút hy vọng, không người cứu giúp, không chỗ nương thân. Do tâm mê cuồng nên chỉ thấy thức ăn uống ở đằng xa, ở trong rừng, nơi chúng Tăng ở, khốn khổ mệt mỏi, đói khát bội phần, há miệng muốn ăn thì gió thổi vào miệng để làm thức ăn uống. Vì nghiệp ác nên khiến quỷ không chết. Do nghiệp ác giữ lấy thân nên vọng tưởng thấy thức ăn giống như con nai khát thấy dợn nắng cho đó là nước, nhưng thật ra là trống không, hoàn toàn không có nước, giống như vòng lửa quay tròn. Vì đời trước dối gạt, hứa cho người thức ăn, nhưng cuối cùng không cho nên bị quả báo này, tuy thấy thức ăn nhưng không thể ăn được.

Kệ tụng:

Đức Phật nói nhân quả giống nhau
Nhân thiện thì đưa đến quả thiện
Nhân thiện thì không thọ quả ác
Nhân ác không đưa đến quả thiện.
Nhân duyên tùy thuận trói chúng sinh
Sinh tử nối nhau như móc xích

Sinh tử trói buộc hết muôn sinh
Luân hồi các nẻo không thể thoát.
Nếu ai chặt dứt các dây trói
Móc xích nghiệp phiền não cứng chắc
Người ấy sẽ đến nơi tịch tĩnh
Dứt trừ tất cả mọi ưu não.

Khi người ấy bị khổ não giống với nhân như vậy thì tâm bị cuồng loạn, giong ruổi khắp nơi, thường ăn hơi gió để sống. Nếu nghiệp ác không hết, không hoại, không tan thì vẫn không thoát được. Nếu nghiệp hết thì sau khi qua đời, được sinh nơi cõi người, làm người bần cùng, hạ tiện, bị người khác khinh thường, nếu được mọi người hứa cho nhà cửa, thức ăn uống, áo quần, nhưng cuối cùng thì không cho. Khi nghe người ta hứa cho thì tâm vui mừng, mong muốn được những vật đó, đến khi không được thì trở lại sầu não. Bị hai thứ khổ: một là đói khát, hai là sầu não, nên luôn chịu thống khổ. Vì nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Kệ tụng:

Như vậy, chúng sinh gây nghiệp ác
Chịu đủ tất cả các khổ não
Như bị phân dính rất gớm ghiếc
Cho nên cần xả bỏ nghiệp ác.
Huân tập pháp lành rất tối thắng
Vĩnh viễn xa lìa khổ đường ác
Như hoa Chiêm-bặc ướp mùi thơm
Tuy hoa héo nhưng thơm còn mãi.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán các ngạ quỷ ăn than lửa. Vì nghiệp gì mà sinh vào loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia đời trước làm chủ hình ngục. Do tham lam, ganh ghét, che lấp tâm mà đánh trói chúng sinh, cấm không cho ăn uống, khiến họ bị đói khát, phải ăn bùn đất để sống. Người chủ ngục này do nhân duyên ấy nên sau khi qua đời bị đọa làm ngạ quỷ Ăn than lửa, thường tới vùng gò mả ăn nuốt lửa thiêu tử thi nhưng vẫn không đủ. Người tạo nghiệp ác ấy khi tạo nhân thì thích chí, vui thú, đến khi mắc quả báo thì rất khổ não, không ưa thích, bất tịnh, đáng ghét. Do sức mạnh của ái độc hòa hợp với nhân duyên mà làm thân ngạ quỷ ăn lửa. Nếu được ăn lửa thì trừ đi chút khổ não đói khát, giống như người thế gian lấy nước để dập tắt lửa. Khi Tỳ-kheo quán xét như vậy thì đối với nhiễm dục ở thế

gian sinh tâm nhàm chán, lìa bỏ, tất đều không ưa thích, liền nghĩ như vầy: "Kẻ phàm phu ngu si bị ái dục sai khiến nên không tự tại, phải ăn lửa để trừ đói khát, không có gì để ví dụ được. Làm thân ngạ quỷ như vậy mà nghiệp ác nếu không hết, không hoại, không tan thì vẫn không thoát được. Nếu nghiệp hết, khi qua đời sinh làm người thì sinh nơi biên địa, bị đói khát, ăn các thứ thô xấu không chút ngon ngọt, không biết mùi vị của muối. Vì nghiệp ác còn sót lại nên mắc quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán các ngạ quỷ Ăn chất độc. Vì nghiệp gì mà sinh vào loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia do tham lam, ganh ghét che lấp tâm, dùng thuốc độc bắt người khác ăn, khiến họ chết để đoạt lấy của cải. Do nhân duyên đó, nên sau khi qua đời, kẻ ác kia bị đọa vào địa ngục Hoạt,… chịu đủ các khổ. Ra khỏi địa ngục, lại sinh vào loài ngạ quỷ Ăn chất độc, ở trong hang núi Dân-đà, hoặc trong núi tối tăm, hiểm trở Ba-lê-da-đa, hoặc sinh trong núi băng lạnh, hoặc núi Ma-la-da nhiều hiểm nguy, nạn dữ, nhiều chỗ không có nước uống, nhiều chất độc. Mùa lạnh thì đóng băng, mùa nóng thì rất độc, đáng sợ. Những tảng đá cao vút là chỗ ở của sư tử, mãnh hổ, nhưng loài quỷ này cũng sống ở đấy. Khổ về lạnh lẽo hoặc nóng bức đều hơn thế giới bên ngoài hàng trăm lần. Có năm ngày nóng nhất của mùa hè, trời thì mưa lửa thiêu đốt thân quỷ, mùa đông có năm ngày mưa đao lại rất lạnh. Do nghiệp ác mà trời có mưa lửa, mưa dao, ở chỗ hiểm nạn luôn bị đói khát bức bách, kêu gào bi thương, lấy viên thuốc độc để ăn, ăn rồi chết ngay, vì nghiệp ác nên sống trở lại thì bị đói khát gấp đôi lúc trước, lại kêu gào thảm thiết. Có con chim mỏ nhọn đến mổ vào mắt quỷ sau đó mắt lại sinh ra. Chịu khổ như vậy nhưng nếu nghiệp ác không hết, không hoại, không tan thì vẫn không thoát được. Nếu nghiệp hết, qua đời được sinh làm người thì sống ở ngã tư để tự kiếm sống. Do nghiệp ác làm thuốc độc nên trở lại bị đọa vào các đại địa ngục: Hoạt… nghiệp ác còn sót lại nên phải chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán các ngạ quỷ ở đồng hoang. Vì nghiệp gì mà sinh trong loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia do đời trước ở chỗ đồng hoang đầy hiểm nạn, không có nước, khí hậu rất nóng, có người cầu phước đã trồng cây cối và đào ao hồ để cung cấp bóng mát, nước uống cho khách qua đường. Nhưng rồi có bọn giặc tháo nước nơi ao hồ, khiến người qua

đường mỏi mệt bị đói khát, sức lực yếu ớt, nhân đấy mà cướp bóc, chiếm đoạt của cải họ. Do ganh tỵ che lấp tâm nên không chịu bố thí, người ác như vậy, sau khi qua đời bị đọa vào loài ngạ quỷ A-trá-tỳ *(A-trá-tỳ đời Ngụy dịch là Đồng hoang)*, luôn bị lửa dữ thiêu đốt, thân giống như cây bị cháy. Ánh nắng rất nóng, quỷ phải chạy vào đồng hoang kêu gào tìm nước và thức ăn để sống rất khốn khổ. Ngạ quỷ ấy do nghiệp ác nên từ xa thấy sóng nắng cho là vũng nước, trong suốt, phẳng lặng, vội vàng chạy tới mong được uống, không kể gì mệt mỏi, nhưng đến nơi thì chỉ là khoảng đất trống, hoàn toàn không có nước. Vì sao? Vì trong sóng nắng ấy tự tánh nó không phải là nước thì làm sao có nước được! Quỷ ấy kinh hoàng chạy vào đồng hoang, bị gai gốc bén nhọn đâm thủng cả chân. Vì sức mạnh của nghiệp ác nên chết rồi thì sống trở lại, bị đói khát bức bách gấp mười lần lúc trước. Lúc chưa kịp đứng dậy thì có các loài quạ, kênh kênh tranh giành mổ mắt quỷ để ăn thịt. Chúng xé rách thân thể ra từng mảnh, phá tan cả xương cốt, phải chịu khổ não tột cùng không người cứu vớt, không chỗ nương thân, đau đớn nói kệ:

Các loài diều hâu, kên kên ác
Mỏ cứng bén nhọn mổ thân ta
Xé tan nát hết cả thân thể
Chịu đủ các khổ, không ai cứu.
Các nghiệp như bóng không rời thân
Theo nghiệp ác xưa, nay chịu quả
Chúng ta trước hại người đi đường
Cho nên nay phải chịu khổ lớn.
Lưới nghiệp cột, quấn, trói lấy nghiệp
Không chỗ nào có thể trốn tránh
Chỉ có khi nào nghiệp ác hết
Mới thoát được đại khổ não này.
Nghiệp ác thường dắt các chúng sinh
Lôi kéo vào chỗ đầy sợ hãi
Nghiệp ác dù có đi đến đâu
Đến khi nghiệp chín chịu quả ác.
Nghiệp trói chúng sinh trong ba cõi
Luân chuyển vô cùng không dừng nghỉ
Ai làm nghiệp thiện, bỏ nghiệp ác
Lìa được các khổ không lợi ích.
Nếu ai không ưa các nghiệp ác
Quán nó như lửa, không tham đắm

Người ấy không đọa vào ngạ quỷ
Không bị lửa đói khát đốt thân.
Ở trong chốc lát luôn tăng trưởng
Đói khát thống khổ niệm niệm sinh
Thân thể cháy sáng cả hang sâu
Giống như lửa dữ đốt núi rừng.
Lửa hoang thiêu đốt cả núi rừng
Rồng lớn phun mưa có thể tắt
Kiếp hỏa khởi lên nước biển khô
Lửa cháy thân ta không diệt được.
Vì do củi nghiệp sinh lửa này
Bị gió ái dục thổi bùng lên
Lửa nghiệp ác này đốt thân ta
Bao phủ khắp thân không chỗ trống.
Dùng bình bố thí để mà đựng
Nước trì giới, tinh tấn, trí tuệ
Bậc đại tịch diệt dùng nước ấy
Để dập tắt lửa nghiệp ba cõi.
Nếu ai bị ba nghiệp sai khiến
Ba nghiệp quay tròn khắp các chốn
Người ấy luân hồi trong ba cõi
Và bị ba pháp này dối gạt.
Bị ba mươi sáu nghiệp sai khiến
Không thể xa lìa bốn mươi hành
Chín mươi tám các thứ kết sử
Vì các pháp ấy trôi ba cõi.
Dùng một trăm lẻ tám minh trí
Tư duy nghĩa sâu mười hai duyên
Nếu ai biết pháp và phi pháp
Thì người ấy được vô lượng vui.
Nếu ai biết được hai loại tướng
Tư duy hai tám hạnh thù thắng
Tư duy mười sáu pháp thắng rồi
Người ấy xa lìa các đường ác.
Nếu ai thấy được hai loại đạo
Là người am hiểu về bốn pháp
Được rồi vượt qua bốn biển Hữu
Là người giác ngộ hết phiền não.

Ai khéo tu hành tám Thánh đạo
Thấy biết hoàn toàn nghĩa mười lực
Biết rõ nhân duyên của hai khổ
Là người đạt đến nẻo vô sinh.
Nếu ai khéo đạt nghĩa nhị đế
Và khéo tư duy bốn Niệm xứ
Hay quán đời quá khứ, vị lai
Không bị lưới ma làm chướng ngại.
Ta bị nghiệp ác luôn sai khiến
Xa lìa các pháp thiện thanh tịnh
Đọa vào thế giới loài ngạ quỷ
Đều do nghiệp ác si mê hoặc.

Như thế, các ngạ quỷ có lợi căn hiểu biết, có chút nghiệp thiện, nhớ nghĩ đến những việc làm trước kia, luôn quở trách các loài ngạ quỷ kia. Tuy bị quở trách nhưng do nghiệp ác nên các ngạ quỷ vẫn không thoát được. Vì nghiệp ác chưa hết, không hoại, không tan, nên vẫn không được thoát kiếp. Nếu nghiệp ác hết thì sau khi qua đời sinh làm người, thường theo bầy nai đi vào núi hiểm nạn. Vì nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ thấy các ngạ quỷ ở nơi gò mả. Vì nghiệp gì mà sinh trong loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia do tham lam, ganh tỵ che lấp tâm, thấy người có lòng tin đem hoa cúng Phật, người ấy lấy trộm đem bán, hoặc đem về nhà cúng. Do nhân duyên này, nên sau khi qua đời, người ác ấy bị đọa vào loài ngạ quỷ ở nơi gò mả, bị đau khổ vì đói khát, thường ăn đất nóng, than nóng nơi chỗ thiêu đốt tử thi. Mỗi một tháng mới được ăn một lần, nhưng có lúc không được ăn. Đầu quỷ đội vòng hoa bằng sắt, lửa phát ra cùng lúc làm cho đầu, mặt đều bị cháy sém. Bị đốt rồi, quỷ sống trở lại, vòng hoa sắt tròng tiếp lên cổ, lửa phát ra thiêu đốt cổ, hông và ngực. Toàn bộ thân thể, từ bên trong phát ra lửa đốt cháy khắp thân. Do đời trước trộm cắp vòng hoa Phật cho nên nay bị quả báo thọ thân xấu ác ấy. Trên thân lửa phát ra và bị các trùng ăn nuốt. Có loài La-sát khác đi đến cầm gậy đánh đập, lấy dao chặt vào thân quỷ làm nó hết sức đau đớn, kêu gào. Nó bị ba thứ khổ:

1. Bị đói khát.
2. Đeo vòng hoa sắt.

3. Bị La-sát cầm dao gậy đánh, chém.

Do tạo nghiệp ác nên chịu quả báo như vậy. Nó khổ não, ưu sầu, nói kệ:

Ta bị các nỗi khổ đói khát
Vòng sắt tròng thân, lửa đốt cháy
Dao chặt, gậy đánh là ba khổ
Chịu đủ các ưu não như thế.
Ta bị tâm ta lừa gạt ta
Và các nghiệp si làm mê hoặc
Ta nay chịu khổ ngạ quỷ này
Xa lìa bạn tốt và dòng họ.
Chẳng phải bạn lành và vợ con
Cũng chẳng phải quyến thuộc trai, gái
Mà cứu được ta khỏi nghiệp này
Nghiệp ấy rất mạnh, không thể đoạt.
Khổ, vui do nghiệp, chẳng ai làm
Nay ta chịu khổ ba nghiệp này
Bố thí, trì giới và nghe pháp
Ta được nghe rồi không chịu tu.
Vì ta bị lưới si che lấp
Gây ra tất cả các nghiệp ác
Nhân duyên nghiệp ác là thứ nhất
Nay ta chịu quả khổ dữ này.
Nếu ta thoát được ra khỏi đây
Chốn khổ dữ thế giới ngạ quỷ
Thế nên đời sau các nghiệp ác
Dù có mất mạng thề không làm.

Nói như vậy rồi, tâm ngạ quỷ nhàm chán, hối hận về những nghiệp đã tạo xưa kia. Vậy mà nghiệp ác chưa hết, không hoại, không tan thì vẫn không thoát được. Nếu nghiệp hết, sau khi qua đời được sinh làm người, sinh vào nhà đồ tể Chiên-đà-la, mang vác thây chết. Vì nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét về thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ quán các ngạ quỷ ở trong cây. Vì nghiệp gì mà sinh vào loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia vào đời trước thấy người trồng cây cối để tạo phước đức, vì người đi xa và cho những người bệnh

khốn khổ. Do tâm tham lam, ganh tỵ nên người ác kia chặt cây lấy củi, trộm cắp cây cối, hoặc cây cối của chúng Tăng. Do nhân duyên bất thiện ấy, nên sau khi qua đời bị đọa vào loài ngạ quỷ Tỳ-lợi-sai *(Tỳ-lợi-sai đời Ngụy dịch là Cây)* sống trong cây. Vì nghiệp ác đã tạo nên lạnh thì rất lạnh, nóng thì rất nóng, luôn bức bách khắp thân quỷ giống như sâu mọt đục cây, chịu khổ não dữ dội. Thân thể rã rục, bị loại sâu kiến rúc rỉa, nếu ai muốn cho thức ăn thì quăng vào cây để nó ăn, tự nuôi sống. Chịu nhiều thống khổ cùng cực nhưng nếu nghiệp ác chưa hết, không hoại, không tan thì vẫn không được thoát kiếp. Nếu nghiệp hết, sau khi qua đời được sinh làm người, thường bán dược thảo, cây cối, hoa lá để sống, bị người khác sai khiến nên không được tự do, chịu nhiều khổ cực. Vì nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của ngạ quỷ thấy có loài ngạ quỷ ở ngã tư đường. Vì quỷ ở nơi ấy nên nhân đó mà đặt tên. Do nghiệp gì mà sinh vào loài ngạ quỷ này?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia do tham lam, ganh tỵ che lấp tâm mà trộm cắp lương thực của người đi đường, lấy rồi cùng nhau cười đùa rồi bỏ đi. Người mất lương thực kia phải đi vào vùng đồng hoang vắng phải chịu đói khát dữ dội. Do nghiệp ác ấy nên kẻ trộm cắp kia sau khi qua đời bị đọa vào ngạ quỷ Già-đa-ba-tha *(Già-đa-ba-tha đời Ngụy dịch là Ngã tư)*. Do nghiệp ác nên bỗng nhiên có cưa sắt cưa ngang dọc thân thể quỷ làm bốn đường, bị đói khát đốt thân. Nếu ở thế gian có nhiều bệnh tật, ngã tư đường thường bày biện các đồ cúng tế, kẻ phàm phu ngu si không biết nhân quả, do ác kiến mà cúng tế ở những nơi ấy như vậy, về sau bệnh hết thì cho là nhờ ân của quỷ. Quỷ ở ngã tư đường nhờ đó mà được ăn đồ cúng tế để sống, còn những thức ăn khác thì không được ăn. Do nghiệp ác chưa hết nên khiến quỷ không chết, nên nếu nghiệp ác chưa hết, không hoại, không tan thì vẫn không thể thoát kiếp. Nếu nghiệp hết, sau khi qua đời được sinh làm người thì làm kẻ bần cùng, hạ tiện, sinh vào nhà đồ tể giết dê. Vì nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ thấy các chúng sinh làm những việc ác theo đạo tà, dua nịnh, gây nhiều nhân ác, cho pháp của đạo tà là chân đế, không tin chánh pháp. Người như vậy sau khi qua đời bị đọa vào loài ngạ quỷ Ma-la, làm thân quỷ dữ. Khi các Tỳ-kheo đi kinh hành, ngọ trai hay ngồi thiền thì quỷ Ma-la ấy làm trở ngại khiến tâm loạn, hoặc phát ra âm thanh rùng rợn khiến các vị ấy sợ hãi, hoặc tạo những mộng ác. Loài ngạ quỷ này

được ma giúp đỡ, oán ghét chánh pháp, làm điều bạo ác, gây ra các hiện tượng ấy. Do nghiệp ác đang tạo đó nên nó bị thỏi sắt nóng chạy ùa vào miệng giống như tội nhân nơi địa ngục không khác. Nuốt hòn sắt nóng, quỷ phải chịu khổ não dữ dội không bao giờ dừng nghỉ. Từ trong loài quỷ Ma-la-ca-da, qua đời lại bị đọa vào địa ngục chịu thống khổ trải qua đủ mười kiếp hay hai mươi kiếp. Như vậy, phải chịu quả báo nơi ba đường ác như bị thiêu đốt, bị đánh đập, bị người khác ăn nuốt. Thân người khó được, giống như con rùa trong biển tìm kiếm lỗ hổng nơi cây nổi. Nếu được sinh làm người thì bị đui mù, câm điếc, không biết gì, tất cả đều suy sụp, có vô lượng bệnh khổ vây chặt lấy thân, bần cùng, hạ tiện. Vì nghiệp ác còn sót lại nên chịu quả báo như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của ngạ quỷ. Vị ấy dùng văn tuệ để quán xét nên tóm lược về chỗ ở của các ngạ quỷ, nếu nói riêng biệt thì có vô lượng ngạ quỷ quyến thuộc. Có ngạ quỷ ở trong biển, ở bãi biển, ở cõi Diêm-phù-đề, cõi Cù-đà-ni, cõi Phất-bà-đề hay cõi Uất-đan-việt. Ngạ quỷ ở giữa hai châu thì chỉ dùng một tên gọi để nói về vô số tên. Ngoài ra, còn có nhiều tên, như có quỷ La-sát, quỷ Cưu-bàn-trà, quỷ Tỳ-xá-già. Vị ấy đã biết rõ về hành nghiệp vi tế của các quỷ thần kia, đều do nghiệp gì mà sinh vào chốn đó? Chúng ăn gì? Sống bằng cách nào? Ham thích gì?

Những ngạ quỷ như vậy là nhân duyên gì mà sinh vào nơi này? Tất cả đều do không điều phục được tâm khỉ vượn, các hành động không thuận hợp, giống như tai voi không bao giờ đứng yên, như chim trên cây bị người bắn, phải chuyền từ cành này qua cành khác, từ chỗ này sang chỗ khác. Đối với tất cả các cảnh giới luôn rình rập, không dứt, giống như gió lớn thổi động làm tung cát bụi. Tâm ấy thật đáng sợ. Các loài thú như sư tử, hổ, beo, rắn độc… còn có thể điều phục được, nhưng tâm khỉ vượn thì khó chế ngự, lại còn quá hơn đấy nữa. Theo nghiệp đã tạo thì thọ nhận quả báo cũng như vậy. Tâm ấy như thế là khó nhận biết. Tâm nhiễm ấy trói buộc các chúng sinh. Nếu ai với tâm thanh tịnh thì người đó được giải thoát. Tâm như vua, các căn vây quanh như quyến thuộc. Do tâm tạo nghiệp, do nghiệp làm nhân sinh ra quả. Vì nhân duyên của quả mà có năm đường. Tâm như máy dệt, các căn như chỉ tơ. Tâm và năm căn không khéo chế ngự thì sẽ đi vào đường ác. Nếu khéo điều phục mà tạo các nghiệp thiện thì được sinh vào cõi trời, người, cho đến chứng đắc được quả Niết-bàn bất động. Tỳ-kheo quán xét về tâm hành vi tế, tùy thuận quan sát rồi, nên đối với sinh tử vô cùng nhàm chán, quyết lìa bỏ. Tỳ-kheo ấy trước quán xét về khổ trong địa ngục nên nhàm chán sinh tử rồi, tiếp đến quán các khổ não nơi thế giới của

ngạ quỷ, đã hội nhập khổ thánh đế, chứng được hành vô ngại của khổ đế nhưng chưa chứng đạo vô ngại.

Lại nữa, người tu hành trong tâm quán các pháp, tùy thuận theo pháp mà tu hành. Tỳ-kheo kia quán đúng như thật về quả báo của nghiệp. Trước tiên phân biệt, sau đó quán xét các địa ngục, tiếp đến quán từng trú xứ riêng biệt của ngạ quỷ. Vị ấy thấy đúng như thật về các hoạn nạn nơi sinh tử rất là ác, dữ. Quán như vậy rồi, vị ấy lìa được cảnh giới ma, nhàm chán xả bỏ sinh tử, khởi sức tinh tấn để cầu đạt Niết-bàn, thành tựu đầy đủ, chứng được Địa thứ mười lăm. Đã thành tựu rồi, bấy giờ các Dạ-xoa trên đất biết được nên rất vui mừng, nói với Dạ-xoa hư không. Dạ-xoa hư không nghe được lại rất vui mừng tâu với Tứ đại Thiên vương. Tứ đại Thiên vương vui mừng tâu với trời Tam thập tam. Quyến thuộc của Đế Thích nghe vậy, hoan hỷ nói với trời Dạ-ma, trời Dạ-ma hoan hỷ nói với trời Đâu-suất, trời Đâu-suất vui mừng nói với trời Hóa lạc, trời Hóa lạc vui mừng nói với trời Tha hóa tự tại. Ở cõi dục, tuần tự nói với nhau như vậy. Âm thanh ấy lần lượt từ trời Phạm cho đến trời Quang âm như vầy:

–Trong cõi Diêm-phù-đề, ở nước…, thôn…, ấp… thuộc dòng họ… có thiện nam đã cạo bỏ râu tóc, đem lòng tin xuất gia, lìa xa cảnh giới ma, nhằm phá trừ quân ma, khiến sứ giả của ma sinh lòng sợ hãi, có thể làm lay động tất cả núi phiền não, vào chánh đạo, sắp phóng ánh sáng, nay đã chứng được Địa thứ mười lăm.

Khi nghe nói như vậy, trời Quang âm rất vui mừng, nói với các chư Thiên khác:

–Này chư Thiên! Phải nên sinh lòng vui mừng, chánh pháp được tăng trưởng, quân ma và quyến thuộc của chúng bị tổn giảm, khiến sông chánh pháp chảy suốt không gián đoạn, ao tà kiến bị khô kiệt, điều phục được tham dục, sân hận, ngu si, tiêu diệt mọi thứ tà kiến, nối dõi và làm hưng thịnh chánh pháp, muốn phá tan sinh tử.

Thiên tử nơi Dục giới nghe vậy nên rất vui mừng. Tiếng khen ngợi lần lượt truyền cho nhau đến tất cả thiên chúng trời Quang âm. Tỳ-kheo như thế là nên siêng năng tinh tấn, tâm không dừng nghỉ, ngay thẳng, không dua nịnh, xa lìa nẻo tà để cầu đạt thành Niết-bàn.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 18

Phẩm 5: Súc sinh (Phần 1)

Lại nữa, Tỳ-kheo biết rõ về quả báo của nghiệp, quán đúng như thật về các địa ngục, biết quả báo của nghiệp trong một trăm ba mươi sáu địa ngục và biết như thật về thọ mạng dài ngắn, tăng giảm của các chúng sinh nơi cõi ấy. Vị ấy lại quán về đường thứ hai có vô lượng loài ngạ quỷ, lược nói về ba mươi sáu loại, cũng đã nhận biết đúng như thật về các hành nghiệp của chúng.

Vị ấy dùng văn tuệ quán xét về cõi súc sinh có từng chủng loại riêng biệt gồm ba mươi bốn ức, tất cả đều do tâm gây tạo nên sinh vào năm đường. Trong năm đường ấy, chủng loại súc sinh về số lượng rất là nhiều, mỗi loại có mỗi tướng mạo màu sắc riêng biệt, các đi đứng, ăn uống chẳng đồng. Loài bay thì mỗi loài mỗi khác. Thương-ghét, nghịch-thuận, đi có bạn, đi một mình, cùng sống chung, cùng dạo chơi, đó là các loài chim bay và các loài thú chạy. Các loài ô thước, thiên nga, chim nhạn, hồng… đi chơi từng đàn riêng biệt, chúng không oán ghét, giết hại lẫn nhau, còn các loài cáo, chó, dã can, thì oán ghét nhau. Quạ với cú mèo, ngựa với trâu bò, rắn độc với chuột… chúng tàn hại nhau. Hình tướng chẳng đồng, sự sinh hoạt và ăn uống cũng đều khác biệt.

Vì nghiệp gì mà mỗi loài có hình tướng khác nhau? Cách sinh hoạt, ăn uống cũng không giống nhau?

Vị ấy dùng văn tuệ quán chúng sinh này bị các tâm sai khiến, gây ra vô số nghiệp, đi vào vô số cảnh giới, ăn thức ăn khác nhau.

Vị ấy quán xét về các loài kia, do nhân duyên gì mà mỗi loại khác nhau, oán ghét, ganh tỵ nhau? Vị ấy liền dùng văn tuệ, biết các chúng sinh này, ở đời trước do tà kiến mà học theo pháp tà. Lại có chúng sinh cũng học theo pháp tà rồi sinh tà mạn, lấy những lý luận và ví dụ của tà kiến để cùng nhau tranh cãi. Tuy cùng bàn luận nhưng rốt cuộc không đưa đến lợi ích, không tạo được an lạc, cũng không phải là đường lành. Hai loại người ấy, sau khi qua đời, bị đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Vì xưa kia oán

ghét nhau nên khi thoát khỏi địa ngục, sinh vào loài súc sinh, trở lại oán ghét, sát hại lẫn nhau, như rắn độc với chuột vàng, quạ với cú mèo, ngựa với trâu…

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp rồi, lại quan sát các loài súc sinh, do nghiệp gì mà có loài súc sinh thuận hợp, không sát hại lẫn nhau?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia khi còn làm người, vì sinh tử mà bố thí đã cùng nhau phát nguyện: "Đời vị lai, chúng ta thường làm vợ chồng với nhau". Sau khi qua đời, những người ấy sinh trong loài súc sinh, vui ít nhưng không bị khổ nhiều như các loài chim mạng mạng, uyên ương, bồ câu, phần nhiều chúng ưa thích ái dục, đó là nguyên nhân của nghiệp.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quan sát các loài súc sinh chó, cáo, dã can. Vì nghiệp gì mà tánh chúng ghét bỏ giết hại nhau?

Vị ấy liền dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia lúc làm người, đã làm bẩn thức ăn thanh tịnh của những người thiện và người xuất gia, lại thường thích tranh chấp. Do tâm tham, nên sau khi qua đời, người ấy bị đọa vào súc sinh, làm thân chó, cáo, dã can, luôn oán ghét, ganh tỵ nhau.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét các loài hươu, nai, do nghiệp gì mà sinh vào loài này?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia đời trước ưa thích làm giặc hùng mạnh, đã đánh trống, thổi ốc, đến các thành ấp, xóm làng, thôn doanh để phá hủy hàng rào của người khác, gây những âm thanh lớn để tăng thêm sự sợ hãi. Người như vậy, sau khi qua đời bị đọa vào địa ngục, chịu đủ thứ khổ. Ra khỏi địa ngục, lại sinh vào loài hươu, nai, tâm luôn sợ sệt. Do đời trước phá xóm làng của người, khiến họ phải lo sợ nên nay phải sinh vào chốn núi rừng, đồng hoang, luôn luôn kinh hãi. Do nghiệp lực đã gây ra nên sinh làm người thì tâm luôn sợ sệt, nhỏ mọn, nhu nhược, mãi lo sợ. Đó là duyên của nghiệp còn lại.

Như vậy, vị ấy quán xét một phần nhỏ về các loài súc sinh, oán ghét, sát hại lẫn nhau, đó là do nghiệp đã tạo trước kia.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét các loài súc sinh, vì nghiệp gì mà thọ thân theo Hóa sinh?

Vị ấy liền dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia đời trước vì nhằm lấy chỉ tơ nên nuôi tằm, giết kén, hoặc đem đun nấu, hoặc lấy nước ngâm, sinh ra vô lượng trùng tên là Hỏa man. Có những ngoại đạo thọ pháp trai tà, lấy trùng còn nhỏ này bỏ trong lửa để cúng dường chư Thiên cầu phước

đức. Sau khi qua đời, người ấy bị đọa vào địa ngục, chịu đủ các khổ. Ra khỏi địa ngục, lại sinh vào loài hóa sinh, ở trong đồ vật chứa đựng nước, đủ các loại khác nhau.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét các loài súc sinh, vì nghiệp gì mà đọa vào loài Thấp sinh?

Vị ấy liền dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia khởi ác tà kiến, giết hại rùa, ba ba, cá, ngao, ốc, hến và những loài trùng nhỏ trong ao, bể, hoặc trùng nhỏ trong men rượu. Hoặc có người ác, vì tham của cải mà giết các loài sâu nhỏ, hoặc vì tà kiến thờ trời, giết trùng để cúng tế. Sau khi qua đời, những người ấy bị đọa vào địa ngục, chịu đủ các thứ khổ không thể tính kể. Ra khỏi địa ngục, lại làm thân súc sinh trong loài Thấp sinh như muỗi, bọ chét…

Quán hai loại sinh ấy rồi, vị ấy tuần tự dùng tâm vi tế quán xét về quả báo của nghiệp trong các loài chúng sinh thuộc Noãn sinh. Vì nghiệp gì mà sinh vào loài này?

Nếu người nào chưa đoạn trừ tham, sân, si, nhờ tu học thiền định, chứng được thần thông thế gian. Nhưng do nhân duyên gì đó mà người kia sinh tâm sân giận, phá hoại quốc độ, nên sau khi qua đời, người ấy bị đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Ra khỏi địa ngục, lại làm thân trong loài noãn sinh như chim điêu, chim thứu… Thoát thân này rồi, lại sinh làm người luôn có nhiều sân hận. Đó là do nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết rõ về quả báo của nghiệp. Vị ấy dùng văn tuệ quán các súc sinh, vì nghiệp gì mà thọ thân Thai sinh?

Như có chúng sinh, đem tâm ái dục hòa hợp với loài bò, ngựa, bắt chúng giao hợp để tự thỏa thích. Hoặc bắt người khác làm tà hạnh, phi lễ. Sau khi qua đời, người ấy bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng. Ra khỏi địa ngục, lại làm thân súc sinh thuộc Thai sinh. Nếu sinh làm người thì làm thân hoàng môn, đó là do nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quán mười một loại súc sinh rồi, tiếp đến quán bốn loại chúng sinh, khi ra khỏi địa ngục lại thọ bốn loại thức ăn:

1. Đoàn thực *(Thức ăn phải nhai).*

2. Ý tư thực *(Thức ăn bằng ý tư duy).*

3. Xúc thực *(Thức ăn bằng sự tiếp xúc).*

4. Ái thức thực *(Thức ăn bằng thức).*

Tỳ-kheo lại tư duy, quan sát về quả báo của bốn loại thức ăn.

Vị ấy dùng văn tuệ, quán các chúng sinh lấy các Đoàn thực cho người

phá giới hoặc lũ giặc. Sau khi cho ăn, người kia bảo lũ giặc này giết hại kẻ oán thù. Kẻ giặc ấy nhận lời liền giết kẻ oán thù kia. Sau khi qua đời, kẻ sai giết hại người ấy bị đọa vào địa ngục, chịu đủ các khổ báo. Ra khỏi địa ngục, đọa vào loài súc sinh thuộc Đoàn thực như: trâu, bò, dê, lạc đà, lừa, ngựa, heo, chó…; các loài chim như: chim cắt, thứu, ngỗng, vịt, khổng tước, mạng mạng, chim hồng và các loài chim khác. Phần nhiều chúng sống trong vùng đồng hoang, núi rừng hiểm trở. Đó là một ít loài súc sinh thuộc Đoàn thực.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán các loài súc sinh thuộc Xúc thực ở trong bọc trứng, hoặc vừa ra khỏi trứng, lấy sự tiếp xúc làm thức ăn. Lại có nhiều loại chim sống trong nước, lấy bờ hồ làm tổ, hoặc đào bờ sông để làm hang ổ để đẻ trứng. Còn các loài rồng, rắn vì nghiệp gì mà ăn bằng sự tiếp xúc?

Tỳ-kheo quan sát, liền dùng văn tuệ biết các chúng sinh này đời trước trong tâm hứa làm việc bố thí, sau đó suy nghĩ, tính toán, hối hận không làm. Do tạo nghiệp bất thiện mà người kia bị đọa làm súc sinh. Do tâm xưa suy nghĩ mà nay mắc quả báo phải ăn bằng sự tiếp xúc.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán các loài súc sinh ăn bằng nhớ nghĩ. Vì nghiệp gì mà làm thân súc sinh ăn bằng sự nhớ nghĩ?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các súc sinh như cá đỏ, cá đề-di, cá thố… cho đến ngao, ốc… đều lấy tâm nhớ nghĩ làm thức ăn. Nếu nhớ nghĩ thì không đói khát, thân thể càng phát triển.

Vì nghiệp gì mà sinh vào các loài này?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh này do ngu si thiếu trí, không biết quả báo của nghiệp, đã hứa đem đồ vật cho người, nói rằng:

–Một tháng, hoặc nửa tháng sau, tôi sẽ lấy của cải thức ăn uống, vàng bạc, châu báu cho ông.

Nghe hứa như vậy, người nghèo ấy rất vui mừng, khen ngợi, trông mong mau đến nửa tháng hay một tháng để có được của cải. Sau đó, người nghèo kia tới nhà người giàu, nhưng ông ta nói khác đi, không giống như lời đã hứa trước đây. Người giàu ác ấy, sau khi qua đời bị đọa vào địa ngục Ưu hỷ, chịu đủ khổ não. Ở đây sau khi qua đời lại bị đọa vào súc sinh, lấy nhớ nghĩ làm thức ăn. Do đời trước hứa cho người nghèo của cải, khiến họ vui mừng, nhưng cuối cùng không cho. Vì nhân duyên ấy, nếu được làm người thì làm kẻ nô tỳ cho người sai khiến. Đó là do nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết quả báo của nghiệp và quán các súc sinh ăn bằng loại thứ tư là Ái thức thực.

Vị ấy dùng văn tuệ quán thấy có súc sinh do Ái thức thực làm khổ

não, thường nhớ đến sự ăn uống, sinh trong vùng đồng hoang, làm thân trăn lớn, rắn, thằn lằn, chỉ hút hơi gió. Lại có trời Quang minh cũng gọi là Ái thức ức thực, nhưng không bị khổ não, thấy thức ăn thì nhớ nghĩ đến liền được no. Súc sinh ăn bằng thức ái thì vì nghiệp gì mà phải chịu quả báo như vậy?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia vì có nhiều sân giận, nhiều ngu si mà sát hại chúng sinh. Sau khi qua đời, người ấy sinh trong đường ác, làm thân trăn lớn. Do đời trước vì ưa thích oán kết nên tự quấn trói tâm mình. Vì nhân duyên đó mà sinh trong loài súc sinh chịu khổ não, ưa thích ăn gió. Nếu sinh làm người thì hay sân giận, dấy khởi tranh cãi, kiện tụng với những việc vô cớ. Đó là do nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét về vô lượng vô biên thế giới của súc sinh. Vì lý do gì có những chúng sinh làm thân loài trùng trong nước?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia do ngu si thiếu trí, không có tâm tuệ, khi sắp chết rất khổ sở vì bệnh khát, hay ưa nghĩ nhớ đến nước. Khi qua đời, người ấy bị đọa trong đường ác, làm thân các loài vật ở trong nước như các loài cá. Khi còn thân trung ấm, người ấy thấy các thứ nước liền sinh tâm chạy đến đó. Do thủ làm nhân duyên cho hữu, nên thân trung ấm ấy có một phần trong đó. Vì đời trước không thực hành bố thí, trì giới, nên người ấy sinh trong nước, miệng luôn khô khan, giống như chạm vào tro lửa. Đó là do nghiệp ác gây ra từ đời trước.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết rõ quả báo của nghiệp, lại quán xét các loài súc sinh thuộc chim bay? Vì nghiệp gì mà chúng bay trên không trung, không bị chướng ngại?

Vị ấy dùng văn tuệ, quán ba loại thần thông:

1. Thần thông giải thoát.

2. Thần thông thân hành.

3. Thần thông tâm tự tại.

Người giải thoát, theo sự nhớ nghĩ của tâm, hoặc là chim đi trên đất, hoặc bay trên không cũng như đi trên đất, đều không phải là pháp giải thoát. Sức thần thông của chư Phật Như Lai đi đâu tùy ý với ba loại ấy. Ba loại ấy là sức thần thông thù thắng vi diệu của bậc Thánh.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét về các loài súc sinh. Thế nào là quán về địa ngục, súc sinh, trời, người, các loài chim bay thú chạy đi dưới nước, đi trên không, đi trên đất?

Vị ấy dùng văn tuệ, quán xét trong địa ngục với vô số khổ não. Có hai loại súc sinh: Có loại thuộc chúng sinh, có loại không thuộc chúng sinh.

Loại thuộc chúng sinh, nghĩa là sinh vào chốn ngục kia bị thiêu đốt khổ não.

Loại không thuộc chúng sinh, là những tội nhân trong địa ngục do tâm điên đảo thấy trên hư không có các loại chim lớn đang bay liệng, vui chơi, tâm liền sinh nhớ nghĩ, muốn sinh vào chốn ấy. Theo tâm niệm đó mà được sinh, làm thân chim bay, chịu đủ khổ não trong địa ngục như trên. Do quả báo của nghiệp ác mà sinh trong địa ngục, thấy những con sư tử hình dáng rất đáng sợ cùng các loài hổ, báo, chim lớn, trùng dữ, trăn, rắn, những con có hình dáng đáng sợ ấy là loại không thuộc về chúng sinh, dùng các sự khủng bố để hại người nơi địa ngục. Loại không thuộc về chúng sinh ấy, do nghiệp đã tạo khiến các tội nhân chịu khổ não cùng tột. Ở trong địa ngục, các súc sinh không chịu khổ não ấy là: sư tử, hổ, báo, trăn, rắn tạo sự não hại.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán về đường của các ngạ quỷ, có những súc sinh bị khổ về đói khát. Vị ấy liền dùng văn tuệ thấy trong đường ngạ quỷ có ba mươi sáu loại sinh trong loài chim bay. Từ trong cõi người chết đi sinh vào loài chim bay thọ thân các loài chim sát hại như chim cắt, cú, dứu, chim ưng. Từ loại chim, chết rồi, sinh vào thế giới của ngạ quỷ, làm thân chim đói, bị đói khát thiêu đốt thân, hay mổ vào mắt ngạ quỷ, móc mắt ra, hoặc phá cho bể đầu để ăn não. Mắt, não, tủy của ngạ quỷ nóng như đồng nung, bị các chúng sinh này cùng nhau đến giành ăn. Đó là do nghiệp ác.

Tỳ-kheo như vậy, quán chim trong cõi ngạ quỷ rồi, liền dùng kệ quở trách:

Nghiệp nóng bị quả nóng
Chịu các khổ não lớn
Thế nên phải lìa bỏ
Nghiệp ác bất thiện ấy.
Chớ nên tạo nghiệp ác
Tham, ganh hủy hoại mình
Nếu ai tạo tham, ganh
Đọa súc sinh, ngạ quỷ.
Cùng sát hại lẫn nhau
Hoặc đánh đập, trói nhốt
Làm súc sinh, ngạ quỷ

Nên xả bỏ ngu si.
Ngu si hoại tâm mình
Bỏ trì giới, bố thí
Bị ái dối mê hoặc
Đọa vào đường súc sinh.
Không biết việc đúng sai
Ăn vật không nên ăn
Làm điều không nên làm
Không hiểu pháp, phi pháp
Năm căn si không hiểu
Chỉ tạo nghiệp súc sinh.

Như vậy là Tỳ-kheo quán xét các loài súc sinh chỉ có một nghiệp. Khi bị trói buộc theo thời gian trong nẻo luân hồi sinh tử, trải qua vô lượng trăm ngàn năm làm thân súc sinh, bị vô lượng trăm ngàn lưới khổ vây bủa cũng là một nghiệp. Nói là một nghiệp súc sinh nhưng có vô số nhân duyên, nối tiếp bị tham dục ràng buộc không gián đoạn. Sinh trong biển lớn sâu mười do-tuần, làm thân loài cá lớn ma-kiệt, hoặc loài ốc, trai, sò, cá đề-di-nghê-la, cá na-ca-thố… chúng đều sợ hãi lẫn nhau, thường đe dọa tạo mọi sợ sệt làm nhiều dâm dục. Vì ngu si nên làm theo những điều phi pháp, tà hạnh, không biết việc nào nên làm, chỗ nào không nên đi. Sống trong biển lớn bị khổ về nước nóng, luôn lo ngại về đói khát, tàn hại lẫn nhau, khủng bố lẫn nhau. Nếu ai gây nhiều ngu si thì sinh trong biển lớn sâu vạn do-tuần, làm thân độc long sân giận, gây khổ lẫn nhau. Vì tâm sân, tâm loạn mà phun độc tàn hại nhau tạo ra nhiều nghiệp ác. Thành của rồng ở tên là Hý lạc. Thành ấy ngang dọc ba ngàn do-tuần, trong đó có rất nhiều Long vương. Có hai loại Long vương:

1. Long vương hành theo pháp.

2. Long vương hành theo phi pháp.

Loại một thì ủng Hộ thế gian. Loại hai thì phá hoại thế gian.

Trong thành đó, chỗ ở của Long vương hành theo pháp không có mưa cát nóng. Còn chỗ ở của Long vương hành theo phi pháp thì thường có mưa cát nóng. Nếu cát nóng dính nơi đỉnh đầu thì nóng như lửa cháy, thiêu đốt cả cung điện và hết thảy quyến thuộc của chúng đều chết sạch. Chết rồi thì sống trở lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét về khổ não do mưa cát nóng của thế giới loài rồng. Vì nghiệp gì mà thọ quả báo này?

Vị ấy liền dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia khi làm người là

một kẻ ngu si, do tâm sân hận mà thiêu đốt phòng xá của chúng Tăng và xóm làng, thành ấp của người khác. Kẻ ác này sau khi qua đời bị đọa vào địa ngục chịu vô lượng thống khổ. Ra khỏi địa ngục, sinh vào loài rồng, do đời trước dùng lửa đốt xóm làng người, đốt phòng xá của Tăng mà nay làm thân súc sinh bị cát nóng nung đốt.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thế giới của loài rồng, vì nghiệp gì mà sinh vào chốn đó? Vì nhân duyên gì mà không bị cát nóng đốt, hại?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia do đời trước học các giới tà nơi ngoại đạo thế gian, làm việc bố thí mà không thanh tịnh, tạo bảy thứ bất tịnh như trên đã nói, do tâm sân giận mà nguyện sinh vào loài rồng. Người ấy sau khi qua đời bị đọa vào thành Hý lạc, làm thân Long vương. Sinh vào thành ấy rồi thì tâm sân bớt dần, nhớ nghĩ đến phước đức, tùy thuận thực hành theo chánh pháp, nên thân của Long vương ấy không bị khổ vì cát nóng.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quan sát thế giới của loài rồng. Vì nghiệp gì mà Long vương hành theo pháp sinh vào thành Hý lạc. Thành này hình tướng ra sao?

Vị ấy dùng văn tuệ, quan sát thành Hý lạc, chỗ ở của Long vương hành theo pháp có thành quách bằng bảy báu, với ánh sáng của châu báu bảy màu. Trong những ao nước có đủ các loại hoa như hoa Ưu-bát-la… với thức ăn tô-đà, hưởng đủ hoan lạc, có vòng hoa hương, chuỗi anh lạc, hương bột, hương thoa dùng trang sức nơi thân, có nhiều thần thông, nhớ nghĩ điều gì đều được như ý muốn. Nơi đỉnh đầu của rồng có đầu hình long xà. Các Long vương hành theo pháp ở trong thành ấy gồm: Long vương bảy đầu, Long vương mặt voi, Long vương Bà-tu-cát, Long vương Đắc-xoa-ca, Long vương Bạt-đà-la *(đời Ngụy dịch là Hiền long)*, Long vương Lô-hê-đa *(đời Ngụy dịch là Xích Long)*, Long vương Bát-ma-thê, Long vương Vân Man, Long vương A-bạt-đa, Long vương Nhất Thiết Đạo, Long vương Bát-bà-ha *(đời Ngụy dịch là Nhẫn Long)*. Nhờ tâm thiện tùy thuận hành theo chánh pháp mà các loài rồng này có phước đức như vậy. Chúng mưa đúng thời khiến cho năm thứ lúa thóc hoa màu *(ngũ cốc)* trong thế gian luôn được mùa dồi dào, an ổn, sung túc, không có những trận mưa đá. Do tin Phật, Pháp, Tăng, thuận hành theo đúng pháp, giữ gìn xá-lợi Phật, nên các Long vương ấy không bị khổ não cát nóng, lại được an vui bậc nhất. Chúng tuôn những trận mưa lành xuống bốn cõi thiên hạ là Diêm-phù-đề, Cù-đà-ni, Phất-bà-đề và Uất-đan-việt. Nếu mọi người thuận theo pháp, hiếu dưỡng cha mẹ, cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn, tu hành theo chánh pháp thì

khiến cho Long vương hành theo pháp tăng thêm sức mạnh lớn, nhờ pháp vượt hơn nên tuôn xuống những cơn mưa nhẹ, giúp cho ngũ cốc tốt tươi, có đủ sắc, hương, vị, không có các tai họa, hoa quả dồi dào, các loại hoa tốt đẹp, ánh sáng mặt trời, mặt trăng trong suốt, oai đức sáng sạch. Long vương ấy có phước đức như vậy nên không phun gió độc.

Người ở cõi Diêm-phù-đề có bốn lý do khiến bị chết nhiều:

1. Đói khát.

2. Chiến tranh.

3. Gió độc.

4. Mưa dữ.

Nếu các thế gian tùy thuận theo đúng pháp mà thực hành, tu các phước đức, thì Long vương hành theo pháp tăng thêm sức mạnh lớn, không bủa mây dữ, tuôn mưa dữ, không có gió độc, các sông nước chảy điều hòa, lúa gạo tốt, nhiều, trái to vị ngọt, đủ sắc hương vị, ăn vào không bệnh, xa lìa các khổ não, đói khát, đầy đủ sắc, lực, bốn đại an ổn, tu hành các nghiệp thiện. Do hành nghiệp thiện nên giữ gìn quả thiện ấy, ruộng vườn xanh tươi, Long vương hành theo pháp tuần tự ủng hộ những chúng sinh thuận theo chánh pháp tu tập nghiệp thiện.

Quán cõi Diêm-phù-đề rồi, vị ấy quán cõi Cù-đà-ni. Long vương thuận theo pháp đã ủng hộ người Cù-đà-ni như thế nào?

Tâm của chúng sinh ở cõi Cù-đà-ni mềm dịu, chỉ có một nghiệp ác là lấy nước đục uống nên bị chết yểu. Long vương thuận theo pháp không mưa nước đục vào cõi này. Người cõi Cù-đà-ni được uống nước trong sạch nên không có bệnh. Đó là nhờ uy lực của rồng.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét Long vương hành theo pháp ở cõi Phất-bà-đề đã đem lại an vui như thế nào?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia ở cõi Phất-bà-đề, nếu nghe tiếng sấm hoặc thấy ánh sáng của sấm, do tâm mềm yếu nên đều bị bệnh khổ. Long vương hành theo pháp ở thế giới ấy không tạo ra tiếng sấm, không phóng ánh sáng của sấm chớp, khiến cho người cõi Phất-bà-đề không gặp bệnh khổ. Đó là uy lực của rồng.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét người ở cõi Uất-đan-việt vì sao bị suy não?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết người ở cõi Uất-đan-việt, nếu gặp mây đen, gió lạnh thổi làm cho hoa thơm không nở. Khi thấy hoa khép lại, người nơi cõi ấy ưu não vì biết mây đen nổi lên. Núi Tăng-già-xa có tiếng chim kêu

ghê tợn, các thứ tiếng nơi âm nhạc đều nghe rất dở, ở chỗ của rồng ác đều bị suy não như vậy. Long vương hành theo pháp không dùng mây đen gió lạnh thổi dạt vào bốn cõi thiên hạ. Long vương hành theo pháp lấy việc an lạc để làm lợi ích cho chúng sinh.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của loài rồng, những rồng ác nào không tùy thuận hành theo pháp?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các rồng ác trong thành Hý lạc không hành theo pháp. Tên của chúng là Long vương Ba-la-ma-thê *(đời Ngụy dịch là Não loạn)*, Long vương Tỳ-khám-lâm-bà *(đời Ngụy dịch là Phấn Tấn)*, Long vương Ca-la *(đời Ngụy dịch là Hắc Sắc)*, Long vương Hầu-lâu-hầu-lâu *(đời Ngụy dịch là Đa Thanh)*, sống nơi thành Hý lạc trong biển.

Vì sao những rồng ác hành theo phi pháp này tăng trưởng sức mạnh? Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia do hành pháp bất thiện, không hiếu thuận cha mẹ, không kính các Sa-môn, Bà-la-môn, nên những rồng ác như vậy tăng trưởng sức mạnh, sống trong cõi Diêm-phù-đề mang thân hung tợn, vì tâm ác mà chúng nổi lên mây mưa dữ. Chỗ nào có mưa thì sinh cây độc dữ, gió dữ thổi vào cây, khí độc thì nhập vào nước khiến nước hòa lẫn với chất độc, làm cho tất cả ngũ cốc đều bị thấm độc. Nếu ai ăn vào đều bị bệnh khổ, chất dinh dưỡng của ngũ cốc bị tiêu dần nên con người bị chết yểu. Long vương ác ấy do tâm ác mà giáng xuống những tai họa sát hại lẫn nhau. Vì ác ấy nên người cõi Diêm-phù-đề đều bị hủy diệt. Đó là do rồng hành theo phi pháp tạo ra các điều ác.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét Long vương có sức mạnh lớn tự tại. Vì sao Long vương hành theo ác phi pháp dùng các thứ suy nạn làm khổ người cõi Cù-đà-ni?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết rồng ác phi pháp ở chốn hiểm trở, núi cao nơi cõi Cù-đà-ni, chúng tuôn những trận mưa lớn làm cho các sông đều ngập, đục. Người cõi Cù-đà-ni nếu ai uống vào thì do nhân duyên này mà bị suy tổn nặng, bị nhiều khổ não. Tỳ-kheo ấy đã thấu rõ đúng như thật khi quán về cõi Cù-đà-ni.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét cõi Phất-bà-đề. Vị ấy dùng văn tuệ, biết mọi người ở thế gian không tu theo chánh pháp, khiến cho thế lực của rồng ác tăng trưởng, tạo sấm sét dữ dội, giống như núi lớn sụp đổ. Người cõi Phất-bà-đề do tâm mềm yếu nên gặp nhiều bệnh khổ. Ánh sáng của sấm chớp tỏa khắp thế giới, giống như lửa đốt cháy dữ dội. Từ trong mây, rồng hiện ra với đôi mắt giống như bánh xe, thân đen, xấu, giống như núi đen. Cổ nó có ba đầu, trổ ra các hoa giống như tướng

ngựa, hoặc thân rắn. Hiện ra những thân hung dữ như vậy, khiến cho người ở cõi Phất-bà-đề trông thấy đều bị suy não lớn.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét cõi Uất-đan-việt như cõi trời thứ hai. Vì sao rồng ác tạo suy não cho người ở cõi Uất-đan-việt?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết núi Tăng-già-xa ở cõi Uất-đan-việt như trước đã nói. Hoa sen thường nở, mùi thơm tỏa khắp, màu rất tươi đẹp. Người nước ấy ngửi nó, cảm thấy thích thú. Nếu người ở thế gian bất hiếu với cha mẹ, không cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn, bấy giờ Long vương ác do tâm tùy tiện, tăng trưởng thế lực, nổi những đám mây lớn giống như núi đen phủ khắp, che lấp ánh sáng mặt trời, thì hoa sen liền khép lại, không có mùi thơm, mất đi ánh sáng màu vàng ròng. Người cõi Uất-đan-việt thấy hoa khép lại thì buồn rầu lo sợ. Trong mây phát ra gió, thổi các âm thanh loạn xạ không đáng ưa thích. Thế lực của rồng ác trong bốn cõi thiên hạ đã làm suy não người nơi cõi Uất-đan-việt như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét trong bốn cõi thiên hạ có hơn, có kém. Vị ấy dùng văn tuệ quán sự hoan lạc, an ổn của cõi Uất-đan-việt vượt hơn ba cõi kia. Người cõi Diêm-phù-đề hành theo pháp và phi pháp, do đó đối với sự khổ vui có tăng giảm so với ba cõi thiên hạ kia, làm tăng trưởng đất nghiệp, tu hành mười đạo thiện, có Phật ra đời, vì nhân duyên của cõi Diêm-phù-đề nên có bốn thiên hạ. Người cõi Diêm-phù-đề tư duy, tu hành mười đạo nghiệp thiện, lại có thể tu tập phạm hạnh. Trong thế giới ấy, phần nhiều thường tư duy, quan sát về sinh diệt. Nơi tòa kim cương của kim cương ấy, tất cả quốc độ thuộc cõi Diêm-phù-đề và ở thế gian đều không có. Chỗ tòa kim cương ấy rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, Đức Phật đã an tọa nơi tòa này mà sinh tâm giác ngộ. Vì nhân duyên ấy, Đức Như Lai đã xuất hiện ở cõi Diêm-phù-đề, không ở cõi thiên hạ khác. Vì sao? Vì căn lành đã thành tựu, chứng Phật Bồ-đề. Núi chúa Tu-di hãy còn không thể giữ được, huống chi là đất ở chỗ khác. Vì nhân duyên này mà Phật ở cõi Diêm-phù-đề, không ở cõi khác. Thân người khó được, mà trong cõi Diêm-phù-đề nhờ tạo nghiệp lành nên được sinh nơi cõi người, do đấy mà cõi Diêm-phù-đề là tối thắng bậc nhất trong thiên hạ, chẳng phải cõi thiên hạ khác.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của loại rồng. Vì nghiệp gì mà Long vương hành theo phi pháp đã ăn nuốt loài tôm tép, ăn đất cát, hít thở bằng gió?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết chúng sinh kia, khi làm người hay khinh khi,

nhục mạ vợ con, một mình ăn món ngon vật lạ, vợ con rất thèm thuồng nhưng người kia vẫn ăn một mình no nê, còn lại thức ăn thừa thải mới đem cho vợ con. Người ác ấy, sau khi qua đời bị đọa làm loài rồng, ăn nuốt tôm tép, ăn cát và thở bằng gió, chịu quả báo tương tự với nghiệp đã tạo.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của loài rồng. Vì nghiệp gì mà các loài rồng tuôn mưa? Lại vì nghiệp gì lại giáng xuống các tai họa mưa đá?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết rồng ác này ngậm độc sân giận, không tùy thuận hành theo pháp. Mỗi khi hai Long vương sân giận, tranh chấp thì nổi lên mây mưa dữ tợn, gió độc, giáng tai họa mưa đá khiến cho ngũ cốc tan nát, hư hoại, không thu hoạch được. Cũng do các chúng sinh hành theo phi pháp, khiến rồng ác sân giận cho nên xảy ra tai biến ấy.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của loài rồng. Vì sao chúng tuôn mưa đúng mùa xuống cõi Diêm-phù-đề làm thấm nhuần, tạo lợi ích cho lúa thóc, mía, mè, cây cối, núi rừng, đậu, đại mạch, tiểu mạch, khiến cho mọi hoa màu lúc thóc đều tươi tốt, dồi dào?

Vị ấy dùng văn tuệ thấy Long vương hành theo pháp, tuôn mưa đúng mùa để tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh. Cũng do các chúng sinh tùy thuận hành theo chánh pháp mà Long vương hành pháp mưa hợp thời khiến cho đất nước được phồn vinh, an vui.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét tất cả loài rồng ở cung điện, có bao nhiêu rồng sống trong biển và sông nơi các dòng nước?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết cõi Diêm-phù-đề, nếu loài người không thuận hành theo chánh pháp thì có vô lượng rồng ở các dòng nước. Nếu loài người ở cõi Diêm-phù-đề tùy thuận hành theo pháp thì có năm mươi bảy ức rồng ở các dòng nước.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của loài rồng. Vị ấy quán thành Hý lạc và rồng ở các dòng nước rồi, lại quán nơi đáy của biển lớn có bao nhiêu chúng sinh hiện sống ở đó.

Vị ấy liền dùng văn tuệ, biết nơi mặt đất trong biển lớn có loài oán địch của chư Thiên là A-tu-la. A-tu-la lược nói có hai loại:

1. Thuộc về quỷ.

2. Thuộc về loài súc sinh.

A-tu-la thuộc quỷ là ngạ quỷ thân ma có sức thần thông. Còn A-tu-la thuộc loài súc sinh thì ở nơi đáy biển lớn, cạnh núi Tu-di, nơi vùng thấp của biển rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần. Lược nói có bốn vùng:

Vùng thứ nhất có hai vạn một ngàn do-tuần, là chỗ của A-tu-la vương La-hầu. A-tu-la vương La-hầu này ở trong Dục giới có thể hóa thân lớn nhỏ tùy ý, là do uy lực của người hành thiện hay bất thiện. Bấy giờ, A-tu-la suy nghĩ: "Ta sẽ đến quan sát chỗ vui chơi trong vườn rừng của kẻ địch, cùng các thể nữ dạo xem, tha hồ thọ lạc". Nghĩ như vậy rồi, A-tu-la liền dùng các loại châu ngọc đại thanh, ngọc Ba-đầu-ma, ngọc quang minh uy đức, hoặc dùng vàng ngọc năm màu, ngọc đỏ, cùng những y phục đủ màu sắc nào xanh, vàng, đỏ, đen, tất cả để tạo vẻ oai nghiêm đẹp đẽ nơi thân, cũng là áo giáp, ánh sáng rực rỡ. Lúc này thân tướng của A-tu-la vương cao lớn như núi chúa Tu-di. Ngọc báu khắp thân phát ra ánh sáng lớn xen đủ màu sắc, nên sinh tâm đại kiêu mạn, cho rằng không ai sánh bằng, muốn các Thiên nữ, các nữ A-tu-la yêu kính thân mình. A-tu-la vương từ trong thành đi ra, thành ấy tên là Quang minh, ngang dọc tám ngàn do-tuần, có vô lượng rừng báu, sông suối, ao hồ, cỏ cây, các loại hoa sen để tạo sự trang nghiêm. Đầu A-tu-la vương đội vòng hoa, thân xoa đủ loại hương thoa, hương bột, từ nơi đây nghĩ đến chốn vui chơi trong vườn rừng của cõi trời. Nếu người nơi cõi Diêm-phù-đề không thực hành theo chánh pháp, không hiếu dưỡng với cha mẹ, không kính các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các bậc tôn trưởng, không dựa theo pháp để tu tập, không phụng thờ Tam bảo, không quán các pháp thiện và bất thiện thì uy lực của chư Thiên đều bị giảm sút.

Trời Tứ Thiên vương lần lượt nói với nhau:

–Tất cả hãy chạy tránh xa, coi chừng A-tu-la vương La-hầu là sư tử con đến giết chúng ta.

Nếu người ở cõi Diêm-phù-đề tu hành theo chánh pháp, hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ sư trưởng, cúng dường các vị Sa-môn, Bà-la-môn, tôn kính bậc trưởng lão, thì uy lực chư Thiên được tăng trưởng.

Bấy giờ, Tứ Thiên vương lấy các thứ y phục quý giá mặc vào người, xoa hương thoa, hương bột, lập tức đến chống cự với A-tu-la vương La-hầu sư tử con. Trong hư không tuôn xuống trận mưa đao kiếm, tất cả chúng trời đều sinh tâm vui mừng, đi đến cạnh núi Tu-di la to. Nếu vua trời không xuất hiện mà A-tu-la vương muốn xem vườn rừng vui chơi, thì hàng trăm ngàn tia ánh sáng mặt trời tỏa chiếu lên những vật trang sức nơi thân càng chói lòa, che lấp mắt A-tu-la vương, nên không sao thấy được chốn chư Thiên vui chơi, thọ lạc trong vườn kia.

Lúc này A-tu-la vương La-hầu suy nghĩ: "Mặt trời che mắt ta, khiến ta không thể nhìn thấy các thể nữ ở cõi trời. Ta sẽ dùng tay che vòng ánh sáng của mặt trời, như thế mới có thể thấy các Thiên nữ được!".

A-tu-la vương liền giơ tay phải che vòng ánh sáng của mặt trời, mong muốn được thấy sắc đẹp dịu dàng, đáng yêu của các Thiên nữ. Nơi tay phát ra bốn loại ánh sáng, như trước đã nói. A-tu-la vương đang đứng trong biển thì nước ngập tới eo lưng. Ánh sáng của các thứ châu báu đủ màu xanh, vàng, đỏ, đen cùng chiếu khắp. Khi A-tu-la vương dùng tay che mặt trời thì các Luận sư theo tà kiến trong thế gian đều có những dị thuyết nói là: "A-tu-la vương La-hầu ăn mặt trời". Nếu mặt trời có màu đỏ, màu đen thì họ lấy hiện tượng ấy mà xem tướng thọ mạng của con người. Các nhà xem tướng không biết quả báo của nghiệp nên nói: "Hoặc là được mùa, sung túc, hoặc sẽ mất mùa, hoặc cho là có họa dữ, tai ương đến vua, hoặc nói là tốt đẹp vui vẻ.

Khi A-tu-la vương lấy tay che mặt trời rồi, thì thấy rõ chỗ vui chơi, ao hồ, vườn cây của chư Thiên. Thiên vương Đế Thích thấy vậy bèn lệnh cho chúng trời lo trang nghiêm cung điện, các Thiên tử thì dùng những vật báu trang sức nơi thân, đi đến chỗ A-tu-la vương La-hầu để chiến đấu. Thấy chúng trời, A-tu-la vương La-hầu liền trở về cung thành.

Lại nữa, Tỳ-kheo làm thế nào để quán về nguyệt thực? Vị ấy dùng văn tuệ biết các vị quan quyến thuộc của A-tu-la vương La-hầu đi trên biển, thấy mặt trăng thường dạo chơi trên đỉnh núi Ưu-đà-diên, trong cõi Diêm-phù-đề. Trăng sáng trong như Tỳ-lưu-ly, tươi đẹp dịu dàng, vượt hơn ánh sáng bình thường cả trăm lần. Các quan quyến thuộc trông thấy rồi, liền đến chỗ A-tu-la vương La-hầu, thưa:

–Bạch đại vương! Mặt trăng tròn đầy, tươi đẹp giống như mặt của Thiên nữ.

Khi đó, nghe nói vậy, A-tu-la vương La-hầu liền sinh tâm ái dục, muốn thấy Thiên nữ nên lập tức đứng dậy, khao khát muốn thấy cho bằng được, A-tu-la vương La-hầu bèn dùng tay che lấy mặt trăng để mong thấy Thiên nữ. Lúc này, A-tu-la vương trang sức nơi thân mình với vô lượng các vật báu, như trên đã nói. Các vị thầy chú thuật trong cõi Diêm-phù-đề chú nguyện:

–Tất cả những thứ xấu ác nơi các xóm làng, thành ấp trong quốc độ sẽ mau diệt trừ, tất cả các thứ xấu ác nơi đất đai trong thế gian sẽ mau được diệt trừ. Tất cả những điều xấu ác trong hàng Bà-la-môn sẽ mau được diệt trừ.

Nếu mặt trăng có màu đen, màu vàng thì các thầy xem tướng trong thế gian nói:

–Sẽ được mùa hoặc sẽ mất mùa. Vua sẽ bị hung nguy hoặc được vui

vẻ. Binh đao nổi lên dữ dội hoặc không nổi lên, bình yên.

Các cõi Cù-đà-ni, Uất-đan-việt, Phất-bà-đề thì tùy theo vùng thấy mặt trăng bị ăn chứ không phải nói theo tà kiến.

Do nhân duyên này nên mặt trời, mặt trăng bị ngăn che, cho là "Mặt trăng bị ăn". Lại nữa, nhân duyên thứ hai che lấp mặt trời, mặt trăng: Khi trời tuôn ra những âm thanh lớn vang động khắp A-tu-la vương La-hầu đang ở nơi biển cả.

Bấy giờ, các quan quyến thuộc tâu:

–Đại vương! Thiên chủ Kiều-thi-ca có các công đức của chư Thiên, đầy đủ năm dục, với các quyến thuộc vây quanh, vui vẻ thọ lạc. Ông ta hiện đang ở Thiện pháp đường, trong thành Thiện kiến, trên đỉnh núi Tu-di. Thiên chủ Kiều-thi-ca là chủ của chư Thiên. Đại vương nay được chúng tôi tôn kính, ngài có sức mạnh lớn, thần thông vượt trội hơn Kiều-thi-ca và có thể thống lãnh các quan quyến thuộc đến đánh Thiên chủ, tiêu diệt thành Thiện kiến ấy.

A-tu-la vương nghe lời tâu ấy liền phấn chấn, ra vẻ oai vệ, nổi giận đi ra khỏi thành Quang minh, gầm lên như tiếng sấm sét. Các vị thầy tướng nơi các nước trong cõi Diêm-phù-đề cho là loài thú của cõi trời rồng. Họ cho hiện tượng như vậy là phồn vinh, vui vẻ, an ổn không ai bằng; hoặc cho là tai họa bị mất mùa, ngũ cốc hiếm hoi; hoặc bảo là vua sẽ chết; hoặc nói là điều vui, linh ứng tốt đẹp; hoặc cho là binh đao nổi lên, không nổi lên trong cõi nước; hoặc bảo là dân chúng an lạc, không có biến đổi gì; hoặc nói phải trai giới thanh khiết, phải lễ bái thần để cầu phước.

Khi ấy, A-tu-la vương La-hầu suy nghĩ: "Ta lưu giữ các châu báu này lại trong thành để chiếu sáng cho các con ta. Nếu không có châu báu thì không có ánh sáng. Trên trời cũng vậy, có mặt trời, mặt trăng mới có ánh sáng. Nếu không có mặt trời, mặt trăng thì thế gian sẽ tối tăm. Ta nay hãy che mặt trời, mặt trăng lại, khiến cho cả trời đất đều đen tối". Suy nghĩ như vậy xong, A-tu-la vương đi ra khỏi thành, lấy một tay che lấp vòng ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Những người ngu, các thầy xem tướng trong thế gian đều nói về tai ương và tốt lành, như trước đã nêu. A-tu-la vương lại dùng một tay sờ vào đỉnh núi Tu-di, muốn cùng với chư Thiên chiến đấu một mất một còn.

A-tu-la ấy là súc sinh thiếu trí, thấy các hiện tượng quang minh oai đức, trang nghiêm thù thắng của cõi trời thì tâm sinh nghi ngờ, hối hận, trở về chỗ cũ ở thành Quang minh. Đó là nhân duyên thứ hai khiến mặt trời, mặt trăng bị che lấp, khiến chúng gọi là bị ăn, âm thanh nơi cõi trời gầm

vang chấn động.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét dục lạc mà đại vương A-tu-la La-hầu thọ hưởng. Vị ấy dùng văn tuệ, quán bên trong thành nơi A-tu-la ở. Thành được trang nghiêm bằng vô số thứ châu báu, nằm bên cạnh sườn núi Tu-di, sâu hai vạn một ngàn do-tuần, rộng tám ngàn do-tuần, có ao hồ, hoa sen, cây cối tươi tốt, đất bằng vàng ròng, màu giống ánh sáng điện chớp. Cung điện, nhà cửa, lầu gác đều bằng vàng, cây bằng san hô báu treo các linh quý phát ra âm thanh vi diệu, có các thứ âm nhạc tạo mọi vui thích thọ lạc. Trong mỗi mỗi ao đều có những hoa bằng vàng để tôn vẻ trang nghiêm. Có các loài chim như: chim nhạn, chim uyên ương… đều trang sức bằng vàng ròng, ai thấy cũng đều ưa thích, giống các loài chim của chư Thiên. Mỏ chim bằng ma-ni, chúng vui vẻ dạo chơi khắp chốn, có đủ thứ màu sắc của bảy báu có cánh bằng tỳ-lưu-ly xanh, vui đùa vô cùng đáng yêu giữa các lầu gác, lan can; phát ra những âm thanh vi diệu, ai nghe cũng đều vui thích. Tất cả các loại chim khác cũng vậy, đều sạch sẽ, đẹp đẽ. Thành ấy có rất nhiều cây, hoa, hoa sen để tạo sự tươi đẹp và có bốn khu vườn rừng, cây cỏ hoa lá đều bằng vàng ròng, mỗi mỗi khu vườn rừng ngang dọc cả trăm do-tuần. Bốn khu vườn rừng là:

1. Du hý.
2. Đam lạc.
3. Nga trú.
4. Câu-chỉ-la.

Bốn khu vườn rừng này luôn sáng rỡ tô điểm cho thành. Mỗi khu vườn rừng có ba ngàn loại cây, như cây Theo ý nguyện, màu vàng ròng, như mây như ảnh, cành mềm dẻo, là chỗ của chim đậu, các hoa nở rộ, mùi thơm phảng phất khắp cả do-tuần, có nhiều đàn ong chứa đầy mật ngọt. Hoặc cây kim sắc, cây xuất ra suối rượu, cây Ngưu đầu chiên-đàn hương có màu như mây, cây Thất diệp hương, cây Chỉ-đa-ca, cây Tất-lị-ca, gió thổi nhẹ lay động, cây Mặc trầm thủy, cây Phổ nhãn hương, cây Minh đăng hương, cây Ma-ni hương, cây Hỏa sắc hương… Có đủ loại cây thơm như vậy, hoa luôn nở rộ, lúc nào cũng như mới nở. Lại có nhiều cây ăn quả… Ánh sáng tỏa ra từ là soi bóng xuống các dòng nước để làm tăng vẻ đẹp nơi ao suối, ai trông thấy cũng đều thích thú. Các loại cây ấy có loại mọc ở cõi Diêm-phù-đề, có loại mọc ở cõi Uất-đan-việt, có loại mọc ở thành Quang minh của A-tu-la vương. Cây có hoa, cây có trái, cây có rượu. A-tu-la vương đi dạo khắp nơi, vui vẻ thọ lạc, có các thể nữ vây quanh để mua vui. Đây là phiền não vì nhiễm đắm cái vui vô thường, không lâu bền, mau hư

hoại mà lại cho là đất cam lồ, không chết.

A-tu-la vương có bốn thể nữ, tất cả đều do nhớ nghĩ mà có:

1. Như ảnh.

2. Chư hương.

3. Diệu lâm.

4. Thắng đức.

Bốn thể nữ này có mười hai na-do-tha thị nữ làm quyến thuộc, vây quanh A-tu-la vương, vui vẻ tình tứ, tha hồ thọ lạc, không thể ví dụ được. Do từ chỗ tạo nghiệp đã thành tựu mà A-tu-la vương có vô lượng ức chúng thể nữ vây quanh vui vẻ dạo chơi. Cung điện ngàn cột, phòng xá thẳng hàng, đều bằng châu báu.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp rồi, lại quán xét về A-tu-la vương La-hầu. Do nghiệp báo nào mà có được cảnh giới của A-tu-la? Tạo nghiệp gì mà đạt được quả báo như vậy?

Kệ tụng:

Không nhân, thì không quả
Tạo nghiệp ắt hưởng báo
Như trồng cây được trái
Nghiệp lành sinh trời, người.
Nghiệp lành được quả vui
Thường ở trong trời, người
Nghiệp ác đọa ba đường
A-tu-la thì sao?
Nó đọa đường súc sinh
Vì sao thọ báo vui?
Thiếu trí không hiểu nổi
Vì sao lại như vậy?

Tỳ-kheo tư duy rồi, liền dùng văn tuệ quán xét về kiếp quá khứ xa xưa của A-tu-la. Vị ấy biết A-tu-la tu tập theo pháp của Bà-la-môn nên có trí tuệ thông minh bậc nhất, rành rõ các kỹ thuật của thế gian, thích thực hành bố thí, ở nơi giữa đồng hoang bố thí các thức ăn uống, cây trái, suối mát, nước ngọt, phòng xá, giường chiếu. Lại ở ngã tư đường bố thí cho người bệnh, người đi đường, khách buôn, kẻ đui mù, bần cùng; bố thí nhà cửa, thức ăn uống, giường chiếu, tất cả đều đầy đủ, nhưng không chánh kiến. Bấy giờ, ở rừng Di-thê-la có ngôi Tăng-già-lam ngang dọc hai mươi do-tuần, trong chùa ấy có vô lượng trăm ngàn tháp Phật, trang nghiêm bằng bảy báu. Chùa do năm trăm vua lớn như vua Nê-di… cùng nhau xây dựng

để tạo phước, ở đó có một tháp, dùng vàng ròng, anh lạc, những vòng hoa đẹp, bảy báu để tôn vẻ nghiêm trang. Các vị vua này đã từng nghe danh hiệu của chư Phật nên vẽ ra hình ảnh Như Lai có nhiều vườn cây, ao hồ, suối mát tươi đẹp, như trên đã nói. Trong cõi Diêm-phù-đề bấy giờ cũng có rừng cây như của vua La-hầu A-tu-la và trang nghiêm tháp Phật, các dòng nước, hoa sen vi diệu, các chim… đều như trên đã nói.

Bấy giờ, có Bà-la-môn tên Bà-lợi, chuyên tụng luận Tỳ-đà, tạo nhiều phước đức. Bà-la-môn ấy dùng bốn ngàn cỗ xe chở các thứ thức ăn uống đến vùng đồng hoang để bố thí cho những người đi đường cần dùng. Ông ta liền thấy một tháp Phật cao hai do-tuần, rộng năm mươi dặm, có kẻ ác dùng lửa đốt tháp rồi bỏ đi. Thấy tháp bị đốt, Bà-la-môn suy nghĩ: "Nay ta hãy gác việc bố thí cầu phước đức này lại để cứu tháp của Như Lai rất là trang nghiêm kỳ diệu, chạm trổ tinh xảo, rộng lớn hiếm có. Ta nên dập tắt ngọn lửa này để tháp không bị cháy hư hoại. Nếu ta không cứu tháp, vua biết được thì sẽ phạt nặng, cho là không có lòng tin chân thật, không có tâm tôn kính". Suy nghĩ như vậy, ông ta liền dùng bốn ngàn cỗ xe chở nước đến dập tắt ngọn lửa kia. Khi lửa tàn rồi ông ta mỉm cười nói:

–Ta cứu tháp này là có phước đức hay không phước đức? Nếu có phước đức, nguyện đời sau ta được thân tướng cao lớn, trong cõi dục không ai sánh bằng.

Tuy nguyện như thế nhưng ông ta vẫn không tin, không chánh tư duy, cứ thích tranh chấp, không tin nơi chánh nghiệp. Do diệu lực của ruộng phước mà ông ta sinh làm A-tu-la vương trong thành Quang minh.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 19

Phẩm 5: Súc sinh (Phần 2)

Lại nữa, Tỳ-kheo quán chỗ ở thứ hai của A-tu-la vương La-hầu như thế nào?

Vị ấy dùng Thiên nhãn với trí tuệ, quán xét chỗ ở thứ hai của A-tu-la vương ngang dọc một vạn ba ngàn do-tuần, có vườn cây, ao tắm với rất nhiều hoa sen, nơi vui chơi có đủ các loại chim khác nhau để tạo sự trang nghiêm. Thành của A-tu-la đất bằng vàng ròng, chỗ nào cũng đầy châu báu ma-ni, ngọc kha bối, nên oai nghiêm, tráng lệ. Có nhiều thể nữ đẹp đẽ, thùy mị đi dạo. Nơi chốn A-tu-la vương La-hầu thống lãnh không có tranh chấp, kiện tụng, theo ý nhớ nghĩ đều có thể đạt được. Cảnh giới của A-tu-la ở có mười ba chốn:

1. Già mê.
2. Dũng tẩu.
3. Ức niệm.
4. Châu anh.
5. Phong tuyền.
6. Xích ngư mục.
7. Chánh tẩu.
8. Thủy hành.
9. Trụ không.
10. Trụ sơn quật.
11. Ái trì.
12. Ngư khẩu.
13. Cộng đạo.

Nếu mọi người trên thế gian không hiếu dưỡng cha mẹ, không cúng dường các vị Sa-môn, Bà-la-môn, không hành theo chánh pháp, thì chúng các cõi trời tổn giảm, còn chúng A-tu-la thì tăng trưởng. Còn nếu mọi người trên thế gian cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn, hiếu dưỡng cha mẹ, hành

theo chánh pháp thì chúng A-tu-la tổn giảm, chúng trời tăng trưởng. Vì hai nhân duyên là chánh pháp và phi pháp nên khiến cho chư Thiên và A-tu-la tăng trưởng hoặc tổn giảm.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét cảnh giới của A-tu-la vương La-hầu ở, cùng quán các pháp quả báo của nghiệp nơi A-tu-la.

Vị ấy dùng văn tuệ biết chúng sinh kia thấy người bắt cá, đặt lưới bủa vây, ngăn bắt. Vì tạo lợi ích cho chúng sinh, muốn chúng được sống, người kia phá bỏ bờ đập ngăn cá, hoặc dùng uy lực bắt mọi người phải phóng sinh, hoặc vì lợi ích cho mình, hoặc cầu tiếng khen, hoặc vì vua, đại thần mà ngăn chận việc sát sinh, hoặc vì bảo vệ chủng tộc, do đời trước đã học tập, tu hành theo pháp bất sát, nhưng lại không làm những việc thiện. Sau khi qua đời, người kia sinh vào đường A-tu-la, làm thân A-tu-la, thọ mạng lâu dài, trải qua năm ngàn năm. Một ngày đêm của cõi A-tu-la đối với nhân gian là năm trăm năm. Làm thân A-tu-la như vậy đủ năm ngàn năm, thêm ít nhưng giảm nhiều, cũng có những người chết yểu nửa chừng vì tâm ở bậc hạ, bậc trung. Nhờ năng lực của nhân duyên đó mà có thân tướng oai đức, theo nghiệp dẫn đến việc thọ quả báo. Tỳ-kheo nên biết, quán tâm của chúng sinh có nhiều sự tin hiểu khác nhau.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét cõi của A-tu-la vương La-hầu sống nơi đáy biển lớn.

Vị ấy dùng văn tuệ với trí lanh lợi, thanh tịnh bậc nhất, quán vùng thứ hai nơi đất thấp có vùng tên Nguyệt man, dưới chỗ A-tu-la vương La-hầu khoảng hai vạn một ngàn do-tuần, có A-tu-la vương tên Đà-ma-hầu *(đời Ngụy dịch là Cốt yết)*, A-tu-la vương tên Hoa Man, cũng có thành lớn tên Song du hý, ngang dọc tám vạn do-tuần, có vườn rừng tươi tốt, ao tắm trong mát đầy hoa sen để tăng vẻ trang nghiêm, có núi vàng cao vút, thung lũng tối sâu, với nhiều chim thú, xung quanh đều được tô điểm đẹp đẽ. Đất bằng lưu ly xanh, trên đất cỏ mọc xanh rờn, tiếng chim hót phát ra âm thanh hòa nhã. Tất cả chúng A-tu-la đều ở trong thành ấy. Cõi nước phồn vinh, giàu có, an lạc. Cảnh quan xung quanh đều đặc biệt, rất vừa ý. Có rừng cây bảy báu, khu vườn lầu gác đều xinh xắn, như trước đã nói. Các loại cây ở đây đều kỳ lạ, gấp bội ở trước, như cây Na-già-long, cây Vô-ưu-long, cây Đà-bà, cây Khư-đề, cây Vô-ưu-lực. Lại có các loại cây vượt hơn các cây trên, như: cây Dạ quang, cây Dạ khai phu, cây Bà-cứu-tra, cây Ni-đơn-đa, cây Trùng hoa, cây Phổ ái, cây Tập hoa, cây Phần hoa, cây Nhu nhuyến hoa, cây Ngũ tuế hoa, cây Phong ái lạc hoa, cây Cù-lưu-cù-lưu-âm-thanh,

cây Chúng điểu du hý, cây Bạch xỉ, cây Na-la-diệp. Nơi thành Song du hý có bốn ngọn núi màu vàng ròng:

1. Núi Hoan hỷ.
2. Núi Kim diễm quang.
3. Núi Bất kiến đảnh.
4. Núi Khả ái quang.

Các núi ấy cao rộng năm ngàn do-tuần, có nhiều loại cây, có suối chảy, ao tắm, nước sông trong mát, có nhiều bầy thú khác nhau với đủ thứ màu sắc, tùy theo màu sắc ấy mà cùng nhau dạo chơi, cũng như nhiều thể nữ vui vẻ đi dạo thọ lạc. Nhiều nhà cửa lầu gác đều dùng các vật báu để tô điểm, cùng với các loại cây như ngưu đầu chiên-đàn, gió thổi tỏa mùi thơm lạnh mát, chạm vào thân cảm thấy dễ chịu. Các Thiên nữ thường dạo chơi trong rừng thơm, đùa giỡn để tự vui. Châu báu phát ra ánh sáng không vật gì ngăn che được. Có nhiều loại hoa tươi đẹp dùng để trang sức trên thân, lại có vô lượng trăm ngàn âm thanh của chim khổng tước. Chỗ đại A-tu-la vương thống lãnh, lạnh-nóng luôn thích hợp, điều hòa, mọi người luôn vui vẻ, sống an lạc. Các thứ âm thanh của kỹ nhạc thường hòa tấu cùng với ca múa, vui đùa để tự tạo mọi vui thích. Trong thành Tinh man có con sông lớn rộng năm trăm do-tuần, là sông trong sạch bậc nhất, nước ngọt hơn hết, không có bùn nhơ, không cấu uế ngầu đục, luôn tràn đầy, không hề vơi, xinh đẹp đáng yêu, giống như mặt trăng rằm. Thành Tinh man còn có ao tên Nhất thiết quán kiến có nhiều uy lực, như A-tu-la vương Đà-ma-hầu muốn chiến đấu để biết được thắng bại thì A-tu-la vương này trang bị binh khí, đao gậy đến đứng xung quanh bờ ao, tự nhiên hiện lên thân tướng mình trong ao thì sẽ biết được cuộc chiến đấu thắng hay bại. Ao ấy giống như mặt gương trong sáng, tự thấy rõ mình sẽ bỏ chạy, chư Thiên chắc chắn thắng. Nếu ao ấy hiện lên tướng mình nằm nghiêng thì biết là tướng chết. Lúc này A-tu-la vương Đà-ma-hầu, A-tu-la vương Dũng Kiện, tự thấy thân mình hiện ra trong ao với tướng bỏ chạy, hoặc ngã xuống. A-tu-la vương suy nghĩ: "Sự việc này như thế nào mà trong ao hiện lên tướng như vậy? Ta chiến đấu với chư Thiên mà ta lại thoái chạy và ngã xuống?". A-tu-la vương liền trở về trú xứ của mình.

Đến mười năm, một trăm năm hay năm trăm năm sau, bấy giờ A-tu-la vương Dũng Kiện đem các binh khí như mâu, giáp… cùng những thứ hương xoa, hương bột, vòng hoa… trang sức nơi thân, đến ao Nhất thiết quán kiến để xem lại mình, vì sao mà phải bị hủy hoại? Khi đó, A-tu-la vương liền thấy trong ao hiện lên cảnh người trong cõi Diêm-phù-đề hiếu

dưỡng cha mẹ, cung kính các Sa-môn, Bà-la-môn, tu hành theo chánh pháp, thích sinh lên cõi trời, sau khi mạng chung, họ đều sinh vào các cõi trời, cho nên chúng trời được tăng trưởng, còn chúng A-tu-la thì bị tổn giảm dần, do đấy trong ao đã hiện ra lên tướng như vậy.

Bấy giờ, A-tu-la vương Đà-ma-hầu, A-tu-la vương Dũng Kiện suy nghĩ: "Do loài người tu hành, hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính các Sa-môn, Bà-la-môn, làm theo chánh pháp, nhờ uy lực đó nên trời đã có sức mạnh hơn cả. Nay ta sẽ tạo những việc không an lạc, không lợi ích cho loài người ở thế gian, để cho chư Thiên giảm kém, còn chúng ta thì được tăng trưởng".

A-tu-la vương Đà-ma-hầu và Dũng Kiện lại suy nghĩ: "Nhờ vào con người nên chúng trời có được sức mạnh thù thắng. Nay ta phải làm thế nào để cho người ở thế gian mất hết các thức ăn uống, khiến cho cõi trời kia cũng bị hủy hoại, vì con người nhờ ăn uống mà được tồn tại, tu tập hành theo chánh pháp. Nay ta sẽ tìm cách để đoạn mất các thứ thức ăn của họ?".

Suy nghĩ như vậy xong, hai A-tu-la vương liền đi đến chỗ Long vương xấu ác trong biển. Long vương ác này không tùy thuận hành theo chánh pháp, ngậm độc, nhiều sân, thường gây ra những suy tổn lớn, làm việc gì cũng đều không đem lại lợi ích cho ai cả. Vì thế hai A-tu-la vương tìm tới trú xứ của Long vương Não Loạn, Long Vương Phấn Tấn, Long vương Ca-la… Các Long vương này không tùy thuận hành theo chánh pháp. A-tu-la vương Đà-ma-hầu và Dũng Kiện đã đến chỗ các vua rồng, nói như vầy:

–Ngươi đối với người ở thế gian thích thú nhất là được tự do. Nay con người đã giúp đỡ chúng trời khiến ta bị tổn giảm. Con người nhờ ăn mà được sống, nay ngươi hãy vì ta mà hủy hoại các thức ăn của họ. Nếu ngươi làm như vậy thì con người không còn nữa, khi đã không có dân chúng thì chư Thiên sẽ bị tổn giảm. Cũng như các Long vương Bà-tu-cát, Đức-xoa-ca, là oán thù lớn của ngươi, ta đối với chư Thiên cũng vậy, họ là thù địch của ta, ngươi có thể vì ta mà tiêu diệt loài người?

Lúc ấy, nghe hai A-tu-la vương Đà-ma-hầu và Dũng Kiện nói như vậy rồi, Long vương ác nói:

–Tốt lắm! Tôi sẽ kết bạn với ông, giống như hai cánh giúp đỡ nhau.

Thế rồi Long vương ác vào cung điện, nổi giận làm chấn động cả vùng nước lớn hàng trăm do-tuần, hai trăm do-tuần, ba trăm do-tuần, khiến đất nổi lên trên nước. Do nước chấn động nên mặt đất cũng chấn động. Long vương hành theo phi pháp làm chấn động đại địa như vậy, thì các Luận sư theo tà kiến trong thế gian đều nói:

–Hiện tượng này là đất nước sẽ bị tai họa về mất mùa, hoặc nói là sẽ giàu, vui, hoặc bảo là vua băng hà, đại thần bị tai ương, hoặc nói là điềm lành của vua, hoặc cho là sẽ có đao binh, hoặc nói sẽ được an ổn, hoặc sẽ bị tai họa về lũ lụt, hạn hán.

Các thầy xem tướng nơi thế gian giảng nói về hiện tượng đất bị chấn động như vậy, nhưng họ không biết nguyên nhân của sự chấn động ấy. Lại có một nguyên nhân khác khiến đại địa chấn động, đó là do các chúng sinh hành nghiệp thiện hay nghiệp bất thiện cũng khiến cho đại địa chấn động. Dưới đất có gió gọi là Trì phong, vì Trì phong động cho nên nước động. Vì nước động nên đại địa động từ năm mươi do-tuần đến một trăm do-tuần, hoặc hai trăm, ba trăm, bốn trăm do-tuần, tùy chỗ gió rộng hẹp thì nước động cũng như thế. Theo nước rộng hẹp thì đất bị chấn động cũng thế. Vì sao? Vì gió nên nước động, nước động nên đất động.

Vị ấy dùng văn tuệ, Thiên nhãn quán xét: gió giữ nước, nước giữ đất. Vì gió động nên nước động, vì nước động nên đại địa động. Đó là hai nhân duyên khiến cho đại địa động. Tỳ-kheo quán hai loại động như vậy, nếu nhân duyên thiện gây động thì chúng sinh được giàu, vui, không bị suy hoạn. Nếu chúng sinh tạo ra nhân duyên bất thiện gây động thì chúng sinh có việc bất thiện nổi lên. Thiện hay bất thiện, tất cả nghiệp ấy đều do nhân duyên sinh ra, đều từ nhân mà sinh, chứ không có ai tạo ra cả. Nhân quả giống nhau nên mắc quả báo cũng như vậy. Các thầy tướng theo tà kiến không biết nhân quả nên nói như vầy: Vua trời làm chấn động đất, hoặc nói gió động, hoặc bảo là tai họa hay giàu vui, mất mùa, đói khát, điềm lành, xấu của vua, gió mưa, lũ lụt, hạn hán, binh đao nổi lên hoặc không nổi lên. Bà-la-môn Thiên Ngưu hoặc thiện hoặc ác. Các thầy tướng nơi thế gian xem tướng tốt xấu hay xem tinh tú đều không biết nhân quả, chỉ nói những lời như vậy, nói cả trăm tai họa nhưng không trúng chút nào. Người ngu si đều nói sách vở ấy của ta là hơn hết, không ai sánh bằng.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét các A-tu-la vương Đà-ma-hầu, A-tu-la vương Dũng Kiện, các Long vương: Phi Pháp, Não Loạn… Quán xét đầy đủ rồi, vì tạo lợi ích cho tất cả thế gian, vị ấy tư duy: "Vì sao Long vương ác giúp A-tu-la? Do nhân duyên gì mà bị tổn hại không thắng, không làm cho các thế gian suy tổn, hư hoại được?".

Vị ấy dùng văn tuệ biết người trong cõi Diêm-phù-đề hành theo chánh pháp, hiếu dưỡng cha mẹ, cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn và bậc trưởng lão, hoặc vua và đại thần đều hành theo chánh pháp. Lúc này địa thần và các Dạ-xoa… thấy Long vương ác và các A-tu-la vương kia

muốn hành theo phi pháp để hủy hoại các thế gian, bèn đi đến biển lớn, chỗ ở của các Long vương Bà-tu-cát, Đức-xoa-ca, nói lại sự việc như vậy. Lại nói với các Dạ-xoa trên không về những sự việc như trên. Các Dạ-xoa hư không nghe địa thần nói rồi, liền vận dụng sức đại thần thông với thân to lớn, giận dữ, miệng phun ra khói, nương hư không đi đến chỗ Tứ Thiên vương, tâu:

–Thiên vương Đề-bà: Long ác Não Loạn đã giúp A-tu-la, nay chúng muốn phá hoại người trong cõi Diêm-phù-đề đang thuận theo chánh pháp tu hành, hiếu dưỡng cha mẹ…. Các Luận sư theo tà kiến nơi cõi Diêm-phù-đề thấy từ miệng của Dạ-xoa kia phun ra khói cho là sao chổi mọc, cho là một trăm lẻ một người con của Diêm-la vương, không biết đó chính là một trăm lẻ một Dạ-xoa đại lực.

Khi ấy, ở thế gian có người thấy, có người không thấy. Các thầy tướng thì nói: "Đó là một trăm lẻ một người con của vua Diêm-la". Vì họ không nhận biết đúng như thật nên vọng sinh phân biệt như vậy, cho là sao chổi mọc, hoặc nói giàu vui, đói khát, hoặc bảo là điềm xấu - tốt của vua, hoặc cho rằng vua sẽ băng hà, hoặc nói chiến tranh phát khởi, hoặc không phát khởi, hoặc nói: "Bà-la-môn Thiên Ngưu tốt hay không tốt, hoặc cho là tai họa về lũ lụt, hạn hán, hoặc bảo đất nước kia bị suy sụp, hoặc nói đất nước nọ được an lạc. Tuy giải thích đủ kiểu như vậy nhưng đó chỉ là hư vọng, không thật.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét hành động của rồng ác, A-tu-la ác. Vị ấy dùng văn tuệ quán các Dạ-xoa hư không hiện bày sức đại thần thông với thân tướng to lớn tâu với chúng trời về các việc như trên.

Khi ấy, Tứ Thiên vương nói với Dạ-xoa:

–Ngươi đừng lo sợ! Ngươi đừng lo sợ! Chư Thiên chắc chắn sẽ thắng. Chúng A-tu-la yếu đuối, thấp hèn, đâu có thể làm gì được. Vì sao? Vì người nơi cõi Diêm-phù-đề đã tu hành theo chánh pháp, hiếu dưỡng cha mẹ, cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn, cung kính các bậc trưởng lão… vì ý nghĩa ấy nên chư Thiên chúng tôi tăng trưởng, A-tu-la tổn giảm sẽ không làm gì được.

Các đại Dạ-xoa hư không có thần thông lớn nghe Tứ Thiên vương nói thì vô cùng vui mừng, còn các rồng ác, A-tu-la ác thì sinh giận dữ. Các Dạ-xoa ấy muốn hạ xuống để đến chỗ Long vương hành theo pháp, Long vương Bà-tu-cát, Long vương Đức-xoa-ca… nói rõ nguyên nhân trên. Đám các Dạ-xoa từ hư không hạ xuống, toàn thân sáng rực. Những người thấy

tướng ấy đều nói là Ưu-lưu-ca hạ xuống *(đời Ngụy dịch là chó trời)*. Nếu nó hạ xuống vào ban đêm thì người đời đều thấy, còn hạ xuống vào ban ngày thì có khi thấy, có khi không thấy. Dạ-xoa hư không hạ xuống rồi liền vào biển, đến chỗ đại Long vương hành theo pháp nói rõ về nhân duyên trên. Thấy hiện tượng này, các thầy chú thuật theo tà kiến ở thế gian đều có những cách giải thích: Hiện tượng ấy xuất hiện là điềm của sự giàu vui hoặc đói khát. Hoặc cho là vua gặp vận tốt, xấu, hoặc bảo binh đao sẽ nổi lên, hay không nổi lên. Hoặc nói dân chúng chết hay không chết. Hoặc cho Bà-la-môn Thiên Ngưu là thiện hay bất thiện. Tuy giải thích như vậy nhưng không biết về nghiệp quả, theo những thuyết tương tợ đều không chân thật.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán ánh lửa của trời Ưu-lưu-ca hạ xuống, lại có nhân duyên. Ưu-lưu-ca hạ xuống là chư Thiên sắp xuất hành, khi ấy cung điện đều theo bên thân, chúng đi rất mau, hai cung điện đều đi nhanh sát vào nhau, khiến lửa bốc cháy, ánh sáng đỏ rực từ trên xuống. Người đời thấy thế thì các nhà chú thuật, chiêm tinh nói như vầy: Thế gian đói khát, hoặc giàu vui. Hoặc cho là vua tốt xấu, tai họa, an lành. Hoặc nói là quốc độ được an ninh, hay bị tiêu hoại. Hoặc bảo các súc vật bị bệnh dịch lưu hành, dân chúng gặp phải bệnh trầm trọng. Hoặc nói người, súc vật đều an ổn, tốt lành. Các nhà tà luận nơi thế gian tuy nói như vậy nhưng không thể biết nhân duyên của hiện tượng ấy, chỉ dựa theo đấy mà nói chứ không biết đến quả báo của nghiệp. Vì sao? Vì tất cả các Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian, hoặc Thiên, Ma, Phạm, hoặc A-tu-la đều không loài nào biết rõ về nhân duyên quả báo của nghiệp rất vi tế như vậy, không thể nào tư duy tận tường về mười nghiệp đạo thiện trong pháp luật của ta. Ngoài Đức Như Lai, không ai có thể hiểu nổi về những điều ấy.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét Dạ-xoa đại lực đi trên hư không. Làm sao có được uy lực lớn để lên cõi trời, có thể đến biển lớn, chỗ của Long vương hành theo pháp?

Vị ấy dùng văn tuệ thấy Dạ-xoa hư không dùng sức thần thông lớn để vào biển, đến chỗ Long vương Bà-tu-cát, Long vương Đức-xoa-ca là các Đại Long vương tùy thuận Pháp hành, nói như vầy: "A-tu-la vương Đà-ma-hầu, A-tu-la vương Dũng Kiện đã đi đến ao Nhất thiết quán kiến để xem thân tướng của mình", như trên đã nêu đầy đủ.

Lúc ấy, các Long vương Bà-tu-cát, Đức-xoa-ca, các đại Long vương nghe Dạ-xoa nói như vậy rồi, bảo các Dạ-xoa:

–Ta sẽ quở trách Long vương hành theo phi pháp, bắt nó phải hàng phục. Ta sẽ tuôn mưa đúng mùa vào cõi Diêm-phù-đề, làm cho dân chúng

trong cõi ấy luôn được mùa, trăm thứ lúa gạo đều dồi dào, muôn người giàu có, an lạc.

Nghe như vậy, Dạ-xoa rất vui mừng, từ giã ra về. Bấy giờ, đại Long vương, các Long vương Bà-tu-cát, Đức-xoa-ca… tự trang sức rồi đến chỗ của Long ác: Rồng ác Phi Pháp, Long vương Não Loạn, Long vương Phấn Tấn, nói:

–Các ngươi làm các việc phi pháp, thích tạo những điều ác. Ta hành theo chánh pháp, ưa tạo những điều thiện. Ngươi không phải là bạn lành của chúng ta. Ngươi nay muốn chiến đấu với ta để quyết thắng bại chăng?

Khi đó, Long vương Não Loạn, Long vương Phấn Tấn… nghe vậy rồi, liền trang sức nơi thân, tạo ra sấm sét chói lòa, sét phát ra lửa, tuôn xuống mưa lớn. Nếu người trong cõi Diêm-phù-đề hiếu dưỡng cha mẹ, cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn, cung kính, tôn trọng các bậc trưởng lão, thì Long vương Bà-tu-cát, Long vương Đức-xoa-ca liền đạt được sức mạnh thù thắng.

Bấy giờ Long vương Não Loạn, Long vương Phấn Tấn, Long vương ác không thể thực hiện việc hủy hoại, phải trở về, khiến cho nơi cõi Diêm-phù-đề mưa gió đúng thời, dân được giàu vui. Lúc này, các nhà chiêm tinh, thần chú thuật nêu ra những tà thuyết, nói đó là tướng công đức của tám loại sao sáng, tướng công đức của hai mươi tám ngôi sao, nên lúc nào cũng tuôn mưa đúng mùa. Nhờ vào oai lực của Bà-la-môn Thiên Ngưu nên khiến trời mưa, chứ không có nhân duyên nào khác. Nếu người trong cõi Diêm-phù-đề không hiếu thuận, nuôi dưỡng cha mẹ, không cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn, không cung kính, tôn trọng bậc trưởng thượng, không hành theo chánh pháp, thì các Long vương Bà-tu-cát, Đức-xoa-ca, Như Pháp… bị thua nặng. Lúc đó mấy Long vương ác như Não Loạn, Phấn Tấn được sức mạnh lớn, làm mưa trái mùa xuống cõi Diêm-phù-đề gây tai họa về lũ lụt, hạn hán, khiến muôn dân đói khổ. Các nhà xem tướng, xem sao, chú thuật theo tà kiến trong thế gian, nói như vầy: "Đó là do lỗi của tám vùng sao, lỗi của thời tiết, của quái tướng nơi các ngoại đạo…". Không biết quả báo của nghiệp, không biết do chúng sinh tạo nghiệp ác khiến cho đất nước bị tai họa mất mùa, lại nói khác, chẳng phải là nhận thức đúng đắn. Vì sao? Vì hoặc Trời, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn thế gian, những cảnh giới ấy chỉ có Đức Như Lai và các Sa-môn đệ tử của Như Lai đã nghe giảng nói tướng quyết định về quả báo của nghiệp và các quả báo của nghiệp khác. Ngoài những vị ấy, không ai có thể hiểu rõ về nghiệp.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét chỗ ở của A-

tu-la vương Đà-ma-hầu. Nếu Long vương Như Pháp, Long vương Bà-tu-cát được sức mạnh lớn thì Long vương Phi Pháp bị hủy hoại. A-tu-la vương Đà-ma-hầu sống trong thành Tinh man, hoặc ở trong rừng thì tâm hồn tiều tụy, oai đức, ánh sáng cũng đều tổn giảm, xấu hổ, buồn rầu, vào cung điện của mình suy nghĩ như vầy: "Bây giờ ta phải làm sao để phá trừ chư Thiên?". Suy nghĩ như vậy, A-tu-la vương Đà-ma-hầu liền đi đến chỗ của A-tu-la vương La-hầu nói:

–Này A-tu-la vương! Ông phải mạnh mẽ lên, không được yếu hèn, không bao lâu nữa ta sẽ phá tan chúng trời kia!

Nghe như vậy, A-tu-la vương La-hầu nói với các vị kia:

–Ông đừng buồn rầu, lo sợ, hãy yên tâm! Không bao lâu tôi sẽ phá hoại chúng trời cùng Thiên chủ của họ là Thiên vương Đế Thích kia.

A-tu-la vương Đà-ma-hầu, A-tu-la vương Dũng Kiện nghe nói như vậy thì rất vui mừng, bèn trở về chỗ ở của mình.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp và đã quán thành Tinh man rồi, tiếp đến quán những khu vườn rừng, đất đai khác của A-tu-la vương Đà-ma-hầu.

Vị ấy dùng văn tuệ quán A-tu-la vương Đà-ma-hầu có khu vườn khác ngang dọc một vạn ba ngàn do-tuần, có đủ các phần liên hệ: chỗ vui chơi, vô số các loại chim khác nhau, dòng suối, vườn hoa, ao tắm, hoa sen, chim nhạn, chim uyên ương, hết thảy đều đẹp đẽ, hài hòa, tạo mọi vui vẻ thọ lạc. Vùng đất ấy có bảy khu vườn cây:

1. Vườn Vân man.
2. Vườn Thường.
3. Vườn Hý lạc.
4. Vườn Quả thường tập.
5. Vườn Phong nhạc.
6. Vườn Kỹ nhạc.
7. Vườn Tạp bảo.

Đó là bảy khu vườn lớn, chỗ ở của A-tu-la vương Đà-ma-hầu có nhiều bạn bè, nhờ nghiệp lực đã tạo nên đều thọ hưởng mọi phú quý, an lạc.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp và quán những quả báo mà A-tu-la vương Đà-ma-hầu đã thọ hưởng. Vì nghiệp gì mà sinh vào chỗ ấy?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh này đời trước tổ chức hội bố thí lớn, cúng dường ngoại đạo, hành thí bất tịnh, xen tạp, không thuần khiết,

dùng thức ăn bố thí cho những người phá giới, chuyên làm việc sai trái, tâm thường suy nghĩ không chân chánh. Bố thí như vậy, sau khi qua đời, người kia sinh trong loài súc sinh, làm thân A-tu-la vương Đà-ma-hầu. Theo nghiệp thượng, trung, hạ nên đưa đến quả báo vui cũng theo thượng, trung, hạ, vì nhân quả giống nhau.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét quả báo nơi nghiệp của A-tu-la vương Dũng Kiện. Do nghiệp báo gì mà được làm A-tu-la vương?

Vị ấy dùng văn tuệ, thấy chúng sinh này khi còn làm người ưa thích làm kẻ trộm cắp, lén lấy trộm vật nơi người khác. Vì suy nghĩ không chân chánh mà bố thí cho ngoại đạo lìa dục đầy đủ các thức ăn uống. Do nhân duyên ấy mà sinh trong loài A-tu-la.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thọ mạng dài, ngắn của A-tu-la vương Đà-ma-hầu. Vị ấy dùng văn tuệ, Thiên nhãn quan sát:

Vị ấy thấy A-tu-la sống sáu ngàn tuổi. Sáu trăm năm trong cõi Diêm-phù-đề là một ngày đêm của cõi A-tu-la Đà-ma-hầu. Thọ mạng như vậy đủ sáu ngàn tuổi, tăng ít giảm nhiều, mạng sống không nhất định. Theo nhân duyên của nghiệp thiện và bất thiện mà thuộc về nghiệp quả trong đường súc sinh, A-tu-la là Địa thứ hai. Quán Địa thứ hai rồi, vị ấy tùy thuận thực hành theo chánh pháp, quán tất cả chúng sinh: Có chúng sinh thuận theo pháp, có chúng sinh ủng hộ chánh pháp, tất cả chúng sinh đều bị chi phối theo sinh tử. Nếu tạo nghiệp lành thì sinh trong cõi trời, người; còn tạo nghiệp ác, bất thiện thì sinh trong địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét sứ giả của trời, nghe Dạ-xoa hư không có thần thông tâu tỏ việc ấy rồi thì làm thế nào?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết sứ giả của trời đến chỗ ở của trời Hộ thế Man Trì, nói:

–Chúng A-tu-la không hành theo pháp, đã bảo các rồng ác, vì những người có phước đức, theo pháp hành thiện trong cõi Diêm-phù-đề ấy mà làm suy giảm, tổn hại, loạn động, không được lợi ích. Vì sao? Vì sợ những người theo pháp hành thiện ấy, khi qua đời sẽ sinh lên cõi trời. Chúng nghĩ: Người trong cõi Diêm-phù-đề nhờ ăn uống mà có thể thực hành bố thí, trì giới, đạt trí tuệ, vậy nên đến cõi Diêm-phù-đề giáng xuống những trận mưa dữ để phá hoại lúa thóc hoa màu của muôn dân xứ đó.

Các Dạ-xoa đi trên hư không, thuận theo pháp, đến chỗ tôi *(sứ giả)* nói:

–Tôi nay nói với ông, nên lần lượt báo cho những chúng trời khác

biết như trời Quân Trì, trời Tam không hầu, trời Thường tứ ý, nêu các sự việc như vậy khiến cho hết thảy đều biết.

Bấy giờ, Tứ đại Thiên vương nghe nói như thế, liền đi đến chỗ Thiên vương Kiều-thi-ca hiện đang ở tại Thiện pháp đường, trong thành Thiện kiến, có đầy đủ công năng của năm dục, các quyến thuộc tâu hết việc như trên. Thiên chủ Kiều-thi-ca nói với Tứ Thiên vương Hộ thế:

–Ông nên đến cõi Diêm-phù-đề quán xét các chúng sinh có lòng tin Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo, cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc trưởng lão, biết ân, báo ân, thật thà, ngay thẳng, có lòng tin kiên cố, hiếu dưỡng cha mẹ, thọ trì trai giới, không dua nịnh, không dùng cân đấu dối gạt người chăng?

Nghe nói vậy, Tứ Thiên vương Hộ thế vì lợi ích cho chúng sinh nên xuống cõi Diêm-phù-đề, đi từng quốc độ, từng xóm làng, từng thành ấp, doanh trại, mỗi mỗi đều quan sát giáo pháp tu hành của họ, đi thăm khắp mọi miền, vùng. Khi ấy, Tứ Thiên vương Hộ thế thấy người trong cõi Diêm-phù-đề tùy thuận hành theo chánh pháp, hiếu dưỡng cha mẹ, kính tín Tam bảo… Thấy các sự việc ấy rồi, ông bèn đi đến cung điện của hai Long vương trong thành Hý lạc ở biển lớn, thuộc hai Long vương Bà-tu-cát, Đức-xoa-ca, nói như vầy:

–Long vương Pháp hành đừng nên lo sợ! Phi pháp đã tổn giảm, chánh pháp được tăng trưởng, phá trừ sự tối tăm, hiển bày ánh sáng rực rỡ làm chấn động quân ma, chúng trời tăng trưởng. Trời, Người và Long vương thích tu hành chánh pháp, có thể đánh trống pháp, ca tụng pháp âm, làm cho Thiên chúng tăng trưởng lợi ích, còn các ma, Long vương phi pháp và A-tu-la đều bị tổn giảm.

Bấy giờ, các đại Long vương Bà-tu-cát, Đức-xoa-ca nghe vậy thì rất vui mừng, liền nói với Tứ Thiên vương Hộ thế:

–Tôi nay rất mừng cho Thiên vương. Tôi không sợ Long vương phi pháp xấu ác dùng phi pháp hành ác để giúp A-tu-la. Chúng không thể nào làm não loạn chúng sinh hành theo pháp trong cõi Diêm-phù-đề được, cúi xin nhân giả vì tôi mà thưa lên rõ ràng với Thiên vương Kiều-thi-ca.

Các đại Long vương nói như vậy rồi, Thiên vương Hộ thế bèn đến chỗ Đế Thích tâu đầy đủ sự việc trên. Nghe những điều ấy, Thiên đế Thích rất vui mừng, nói kệ:

Mâu-ni Chánh Tri nói đạo thật
Ai thực hành được sinh lên trời
Luôn hành bố thí, tu tâm từ

Hộ chúng sinh, nói lời ái ngữ.
Chánh kiến, tâm thanh tịnh, lìa cấu
Phật nói cõi Tam thập tam thiên
Tịnh tu các nghiệp, hành theo đó
Dùng tâm thiện, nương dựa chánh chân.
Từ chỗ vui này đến vui khác
Lại từ chỗ sáng, vào chỗ sáng
Giống như nắng sớm làm hoa sáng
Cũng như đèn này đốt đèn nọ.
Nếu ai muốn được như đèn kia
Chớ hành phóng dật tự hoại tâm
Nếu có thường hành tâm thiện tịnh
Lìa dơ, sáng sạch như châu báu.
Là người trí tuệ, lìa trần cấu
Có thể sinh lên các cõi trời
Nếu người tâm có thể tu hành
Trì giới, tu thiền và Tam-muội.
Là người trí tuệ như vàng ròng
Ắt được sinh lên các cõi trời
Nếu ai lìa bỏ việc sát sinh
Với các chúng sinh khởi tâm Từ.
Tâm thương xót, chất trực, tịch tĩnh
Người ấy được sinh vào cõi trời
Luôn dùng ái ngữ với mọi người
Xa lìa các nghiệp ác, bất thiện.
Không cho nghiệp ác làm bẩn tâm
Người ấy sẽ sinh vào cõi trời
Nếu ai xem vàng như cây cỏ
Quán các ái dục như lửa độc.
Người trí tuệ lìa dục như vậy
Được sinh lên trời hưởng diệu lạc
Ai không bị cảnh dục mê hoặc
Không chạy theo nhân duyên ái dục.
Thoát được lo sợ ba đường ác
Người ấy được sinh lên cõi trời
Thấy ai tranh giành nên hòa giải
Bạn lành, thân tộc và anh em.
Luôn hòa hợp họ đừng tranh cãi

Người ấy sẽ được sinh lên trời
Ai bỏ ác, ra khỏi bùn đục
Luôn đem vui cho mọi chúng sinh.
Lìa cấu, giải thoát, tâm tịch tĩnh
Có thể phá trừ chúng quân ma
Nếu ai điều phục được tâm ý
Không bị tâm ý sai khiến mãi.
Người ấy thanh tịnh phá quân địch
Sẽ được sinh lên các cung trời
Người nào sống thân nghiệp thanh tịnh
Xa lìa các pháp ác, bất thiện.
Lìa dục, tu tập vui thiền định
Người ấy được sinh lên cõi trời
Ai xa bạn bè phóng dật, ác
Dứt trừ ái độc, các phiền não.
Không bị ái dục nữ nhân trói
Người ấy được sinh lên cõi trời
Ai tinh tấn dốc tu pháp Phật
Bố thí, trì giới và thiền định.
Ý chí dũng mãnh, tâm kiên cố
Người ấy được sinh lên cõi trời
Nếu ai đối với các trói buộc
Dùng dao trí chặt bỏ không ngại.
Cắt dây tự tại không bị trói
Người ấy được sinh lên cõi trời
Ai lìa dục cấu, không tham đắm
Diệt các lỗi ác, trừ ái nhiễm.
Dũng cảm lìa cấu, dứt mong cầu
Tự mình ắt được hưởng quả báo
Chúng sinh nào may được làm người
Luôn luôn tu hành các pháp thiện.
Quả báo nghiệp của người thiện ấy
Khiến thế giới trời được tăng trưởng
Nhờ sức người nên trời thắng mạnh
Nhờ trời ủng hộ, người an ổn.
Mỗi bên sức mạnh cùng tăng trưởng
Sống theo chánh pháp, thuận với đạo
Đạo thiện của trời là cõi người

Đạo thiện của người là cõi trời.
Các đường ác hiểm có ba loại
Là nơi cách xa người hành thiện
Ngươi nên dũng mãnh, cần tinh tấn
Nên thích gần gũi Thiện tri thức.
Như vậy thường làm pháp tăng trưởng
Cố gắng chuyên cần lên cõi trời
Pháp là cội gốc của các vui
Nhờ nhân duyên pháp được Niết-bàn.
Pháp thường thức tỉnh người mê ngủ
Pháp là đạo tối thắng bậc nhất.

Thiên chủ Đế Thích dạy bảo như vậy rồi, Tứ Thiên vương Hộ thế vì ủng hộ người cõi Diêm-phù-đề làm tăng trưởng chánh pháp mà được lợi ích nên đi quan sát khắp nơi.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, quán xét tâm hành của trời rồi, bên trong tư duy, tùy thuận theo pháp mà tu hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét cõi thứ hai của A-tu-la rồi, tiếp đến quán A-tu-la thuộc cõi thứ ba. Thế nào là A-tu-la thuộc cõi thứ ba?

Vị ấy dùng văn tuệ, thấy cõi thứ ba ở phía dưới cõi thứ hai khoảng hai vạn một ngàn do-tuần, có cõi A-tu-la tên Tu-na-bà, ngang dọc một vạn ba ngàn do-tuần, cây cối tốt tươi, có suối chảy, ao tắm, các loại hoa luôn nở rộ, kỹ nhạc đủ loại luôn hòa tấu. Thành ấy tên là Hàm-tỳ-la, ngang dọc tám ngàn do-tuần, trong thành có A-tu-la vương tên Hoa Man, dân A-tu-la tên Du Hý Hành. Thành Hàm-tỳ-la của A-tu-la vương kia có đủ loại châu báu để tạo vẻ trang nghiêm, có vườn cây dạo chơi, ao tắm nước trong mát, đủ các loại hoa sen. Chúng A-tu-la dạo chơi khắp trong đó. Thành có bốn khu vườn lớn rộng, vô số hoa luôn nở tươi đẹp cả sáu thời. Bốn khu vườn lớn là:

1. Linh man: Trên mỗi mỗi cây đều có linh báu phát ra âm thanh vi diệu.

2. Hoàng man: Cây cối trong vườn đó toàn bằng vàng ròng.

3. Diễm man: Màu hoa nơi cây trong khu vườn giống như ánh lửa.

4. Tạp lâm: Có đủ các loại hoa quả để tạo sự trang nghiêm.

Bốn khu vườn này đã tạo nên sự trang nghiêm tráng lệ của thành Hàm-tỳ-la. Nơi chốn vui chơi của A-tu-la ở đây mọi thứ hoan lạc đều giống như ở cõi trời không khác. Dùng các hương xoa, hương bột để xoa rắc lên

thân mình, A-tu-la vương thường vui thích dạo chơi, ca múa, nô đùa, có trăm ngàn thể nữ vây quanh hộ vệ. A-tu-la vương Hoa Man thường dạo chơi trong các khu rừng để tự vui, có nhiều châu báu trang sức nơi thân. Đó là chỗ vui chơi của A-tu-la để thọ hưởng hoan lạc.

Bấy giờ, A-tu-la vương Dũng Kiện ở cõi thứ hai, sai sứ tên Diêm-bà, đến chỗ A-tu-la vương Hoa Man, thưa:

–Người cõi Diêm-phù-đề hiếu dưỡng cha mẹ, biết ân trả ân, cung kính các Sa-môn, Bà-la-môn, hành theo chánh pháp nên các cõi trời có sức mạnh. Ta nay nên đem hết sức lực để phá hoại chánh pháp mà trời, người đang thực hành.

A-tu-la vương Hoa Man ở cõi thứ ba nghe thưa như thế, như trên đã nói, tâm giận dữ, bảo:

–Ta làm thế nào để phá hoại cõi trời, người? Trời, người là oán địch lớn của ta?

Lúc ấy, A-tu-la vương Du Hý ở cõi thứ ba lập tức trang bị các giáp sắt, cầm binh khí đến cung điện Lạc của Long vương. Long vương Bà-tu-cát, Long vương Đức-xoa-ca nghe tiếng của A-tu-la thì nổi giận, trên thân phát ra ánh chớp chói lọi làm mưa lửa chớp lớn, có vô lượng trăm ngàn ức rồng từ trong biển hiện ra cùng chiến đấu dữ dội với A-tu-la.

Nếu người cõi Diêm-phù-đề tu hành theo chánh pháp thì rồng chiến thắng, chúng A-tu-la bị thua, chạy tán loạn khắp nơi. Còn như người trong thế gian không thuận theo với chánh pháp thì A-tu-la thắng, chúng rồng bị thua trận. Bị thua trận, rồng đến nói với sứ giả của trời:

–Thưa đại Tiên! Nay tôi bị thua trận, ông nên cố gắng đến tiêu diệt A-tu-la.

Nghe nói như vậy, sứ giả của trời nổi giận, khói từ trong miệng phun ra, đến tâu với Tứ Thiên vương:

–Thưa Thiên vương! Nay A-tu-la chiến thắng, loài rồng bị thua trận.

Các thầy tướng theo tà kiến trong cõi Diêm-phù-đề thấy hiện tượng khói phun đều nói: "Sao chổi xuất hiện, hoặc trúng mùa, hoặc mất mùa, bị lũ lụt, hạn hán", như trên đã nêu. Đây là nhân duyên thứ hai là sao chổi xuất hiện.

Nếu thiên, long thắng thì tuôn xuống những trận mưa đúng mùa, bệnh dịch không hoành hành, chiến tranh không nổi lên. Các thầy tướng theo tà kiến nói như vầy: "Đó là do sức mạnh của tám vùng sao". Nói rộng như trên. Nếu mọi người trong thế gian không tu hành theo chánh pháp, không

hành theo đúng pháp, không hiếu dưỡng cha mẹ, không cung kính các Sa-môn, Bà-la-môn, thì A-tu-la chiến thắng. Vì A-tu-la thắng nên tạo các trận mưa không đúng mùa, làm cho muôn dân đói khát, đao binh luôn nổi lên. Các thầy tướng theo tà kiến trong thế gian giải thích: "Đó là do tám vùng sao tạo ra, vì người đời mà nói về lỗi của tinh tú"… *nói rộng như trên.*

Như vậy, tất cả các ngoại đạo không biết chánh pháp và phi pháp, vì tâm ngu si, suy luận phân biệt, nói không đúng như thật, vì đó chỉ là A-tu-la thắng, Long vương thua.

Bấy giờ, Tứ Thiên vương Hộ thế liền hướng đến bốn Thiên chúng nói kệ:

Pháp thắng, phi pháp thua
Chân thật lìa vọng ngữ
Trời thắng, Tu-la thua
Ánh sáng thắng tối tăm.
Bố thí thắng tham, keo
Giữ giới chớ hủy phạm
Phật thắng, ngoại đạo thua
Bất động thắng thoái chuyển.
Nói thật, đừng dua nịnh
Tâm bi thắng oán thù
Tâm từ thắng sân giận
Thiên vương thắng A-tu-la.
Trên thắng, dưới không tăng
Giàu thắng, không đói khát
Trí thắng, diệt ngu si
Giới pháp diệt các ác.
Tinh tấn trừ biếng trễ
Trượng phu thắng nữ nhân
Trưởng giả thắng tiểu nhân
Nhẫn thắng các sân giận.
Người thắng rồng sai, ác
Ban ngày thắng ban đêm
Trăng thắng các ngôi sao
Ngũ cốc thắng rơm rạ.
Khổ diệt, vui tăng trưởng
Không bệnh, thường an lạc
Dịu dàng thắng thô bạo
Giải thoát trừ các trói.

Giới pháp thắng tất cả
Pháp lành luôn mạnh mẽ
Bất thiện luôn tiêu diệt.

Nói kệ xong, Tứ Thiên vương Hộ thế liền đánh trống trời, nói như vầy:

–Các đại chúng trời, Long vương đã yếu kém, A-tu-la thắng trận.

Nghe như vậy, các chúng trời liền trang bị đầy đủ binh khí, trong chốc lát đã tới biển lớn. Nếu người nơi thế gian hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ các Sa-môn, Bà-la-môn, thì chúng A-tu-la thấy chư Thiên đến, tức thời lui tan trở về cung điện của mình. Còn nếu người trong thế gian không hiếu dưỡng cha mẹ, không kính thờ các Sa-môn, Bà-la-môn, trong khoảnh khắc chiến đấu với A-tu-la thì trời cũng chiến thắng, A-tu-la vương Hoa Man thất bại, trở về cung điện của mình.

Tỳ-kheo đã quán xét A-tu-la cùng với trời chiến đấu, thấy như thật rồi thì sinh tâm chán thế gian, tùy thuận tu hành theo chánh pháp

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét về nghiệp báo của A-tu-la vương Hoa Man ở cõi thứ hai đã thọ. Vì nghiệp gì mà sinh vào cõi thứ ba?

Vị ấy dùng văn tuệ, thấy các chúng sinh này nhân ngày tiết hội, cùng nhau đấu bắn, thực hiện những việc cờ kiệu, đánh bạc, nhân việc ấy mà hành thí bất tịnh, không có tâm, không suy nghĩ, cũng không có ruộng phước. Sau khi mạng chung, người ấy bị đọa vào đường ác, sinh làm A-tu-la Du Hý Hành, sống bảy ngàn năm. Bảy trăm tuổi trong cõi người là một ngày một đêm của A-tu-la. Như vậy, A-tu-la thọ mạng bảy ngàn tuổi, cũng có khi chết yểu, mạng sống không nhất định.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét tư duy về A-tu-la vương Hoa Man. Vị ấy dùng văn tuệ biết A-tu-la vương này đã bố thí cho người bệnh phá giới, tâm không suy nghĩ thanh tịnh. Do nghiệp duyên này nên sinh vào loài A-tu-la, ở trong thành Hàm-tỳ-la, làm A-tu-la vương tên Hoa Man. Mùi vị của A-tu-la vương ăn giống như mùi tu-đà của chư Thiên dùng. Tất cả những vật tạo vui thích như trước đã nói.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 20

Phẩm 5: Súc sinh (Phần 3)

Đã biết quả báo của nghiệp rồi, Tỳ-kheo lại quán xét cảnh giới thứ tư của A-tu-la.

Vị ấy dùng văn tuệ, thấy dưới cảnh giới thứ ba khoảng hai vạn một ngàn do-tuần, có cảnh giới của súc sinh A-tu-la tên Bất Động. Cảnh giới ấy rộng lớn sáu vạn do-tuần, thành tên Hàm-tỳ-la, ngang dọc một vạn ba ngàn do-tuần, rất tráng lệ đẹp đẽ. A-tu-la vương tên Bát-ha-bà, chúng A-tu-la tên Nhất Thiết Nhẫn. A-tu-la vương này đối với các A-tu-la thì có nhiều quyền lực, mạnh mẽ hơn hết, oai đức sáng tỏ, tự tại, không lo sợ. Đối với Thiên vương Đế Thích, A-tu-la vương này hãy còn không sợ, huống chi là các vị trời khác. Do có uy lực lớn nên luôn buông lung, kiêu mạn, trú xứ là cảnh giới dưới tận cùng, dưới cảnh giới này không còn nơi nào nữa. Đất ở đây đều bằng châu báu ma-ni, cuộc sống luôn vui vẻ, nhộn nhịp, giống như ngày Tết ở thế gian. Vì luôn thích thú tự vui nên A-tu-la vương ấy luôn sinh ái mạn. Nhiều loại hoa sen, suối chảy, ao tắm làm tăng thêm sự trang nghiêm khắp chốn. Thành Hàm-tỳ-la có cung điện bằng bảy báu đẹp đẽ, cách ly kẻ thù địch, luôn gần gũi những bạn thân. Vì không sợ ai cả nên cảnh giới này an vui bậc nhất. Thành Hàm-tỳ-la của cảnh giới thứ tư này cũng rất tráng lệ, tươi đẹp với những vườn cây, ao tắm hoa sen, cùng với cung điện bảy báu uy nghiêm rực rỡ, giống như sao trên trời:

Kệ viết:

Tâm luôn tạo ra hết thảy nghiệp
Do tâm nên có tất cả quả
Những nẻo hành của tâm như vậy
Đưa đến tất cả các quả báo
Tâm là thầy vẽ nên mọi cảnh
Hiện lên các đường vào ba cõi
Bị tâm sai đi khắp các đường
Sống ở chỗ nào cũng cùng cực

Tâm là dây trói gốc giải thoát
Cho nên nói tâm là bậc nhất
Làm thiện luôn luôn được giải thoát
Tạo ác, bất thiện bị trói buộc
Như vậy tâm ý dẫn chúng sinh
Luân hồi đi trong biển ba cõi
Vì sức ái, ngu si luôn trói buộc
Tâm sai khiến chúng sinh luân hồi
Không sao đến được thành Niết-bàn
Như người bị mù đi lạc đường.

Chúng sinh tạo ra tất cả các nghiệp như vậy, nên ở trong thành ấy thọ nhận tất cả quả báo. Ngoài thành Hàm-tỳ-la, cảnh giới thứ tư còn có những vườn cây, ao tắm, sông suối vòng quanh ngang dọc, đủ loại chim chóc, vô số loại hoa. Chúng A-tu-la Nhất Thiết Nhẫn của cảnh giới thứ tư vốn mạnh mẽ, không lo sợ gì và xinh đẹp bậc nhất, trang sức bằng nhiều cách, cùng nhau dạo chơi, không gây ưu phiền, luôn luôn vui vẻ giống như ngày hội. Mỗi chúng như vậy có cả trăm ngàn quyến thuộc vây quanh, thường cùng nhau dạo chơi vui vẻ. Các thể nữ của cảnh giới ấy thân bằng châu báu ma-ni sáng chói, rực rỡ, các A-tu-la vương luôn quý trọng, còn A-tu-la vương Bát-ha-bà thì chiêm ngưỡng không nhàm chán. Tuy hưởng quả báo hoan lạc như vậy nhưng đó là vô thường, luôn bị hư hoại.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét các quả báo mà chúng A-tu-la Nhất Thiết Nhẫn đã thọ. Vì nghiệp gì mà sinh vào xứ này.

Vị ấy dùng văn tuệ, thấy các chúng sinh này khi còn làm người bị tà kiến che lấp tâm tánh, không biết rõ về quả báo của nghiệp, xa lìa Phật, Pháp, Tăng, thấy người trì giới tinh tấn đến khất thực, năn nỉ mãi, người ác kia mới cho một ít. Cho rồi, người ác kia nói:

–Cho ông ăn, tôi đâu có phước đức gì. Chẳng qua vì ngu si mà tôi lấy thức ăn cho ông. Ông là người hạ tiện, không nên xuất gia. Tôi đem thức ăn cho ông giống như đem hạt giống quăng vào ruộng muối.

Do bố thí một cách cay nghiệt như vậy, nên sau khi qua đời, người ác kia bị đọa vào đường ác. Nhưng vì bố thí dù với tâm bất tịnh nên có chút ít công đức nơi ruộng phước, nên được sinh vào chỗ an vui bậc nhất này, có nhiều châu báu quý đẹp, thọ quả báo súc sinh, sinh vào cảnh giới Bất động làm A-tu-la tên Nhất Thiết Nhẫn, tức là sánh bằng chư Thiên và vượt hơn tất cả A-tu-la vương khác. Tất cả những thứ tạo nên an lạc thảy đều

đầy đủ, do bố thí vào ruộng phước nên có được quả báo như vậy, chứ chẳng phải do tâm sinh.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét nghiệp - quả báo của chúng A-tu-la Nhất Thiết Nhẫn. Vì nghiệp gì mà sinh vào cảnh giới của A-tu-la Nhất Thiết Nhẫn?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết chúng sinh này tham đắm các món ngon vị lạ nên ở trong rừng để giữ cây, không phải vì chúng sinh mà chỉ để nuôi sống nên cứ làm việc lợi cho mình, không có tâm Từ bi, vì thế mà ở giữ tất cả rừng. Do nhân duyên ấy sau khi qua đời, sinh trong chúng A-tu-la Nhất Thiết Nhẫn.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét cuộc chiến đấu giữa A-tu-la và chư Thiên.

Vị ấy dùng văn tuệ, quán các Long vương pháp hành trong thành Hý lạc. Trên đảnh Long vương có bảy đầu. Các Long vương ấy tên là: Long vương Bà-tu-cát, Long vương Đức-xoa-ca, Long vương Bạt-đà, Long vương Lâu-hê, Long vương Vân Man, Long vương Bà-đô, Long vương Nhất Thiết Đạo, Long vương Bát-ha-bà, Long vương Bà-lợi-sa. Những Long vương này theo chánh kiến, tùy thuận với chánh pháp, thích từ bỏ sự buông lung… như trên đã nói. Còn những Long vương phi pháp hành ác không thuận theo chánh pháp như: Long vương Bát-ma-thê, Long vương Tỳ-khám-lâm-bà, Long vương Ca-la, Long vương Hầu-lâu-hầu-lâu… đã bị các Long vương như pháp phá trừ, sau đó chúng chạy đến chỗ A-tu-la Song Du Hý thuộc cảnh giới thứ nhất, nói như vầy:

–Hãy đến mau! Hãy đến mau! Các bạn biết không? Long vương Bà-tu-cát, Long vương Đức-xoa-ca cùng với Tứ Thiên vương đang phá trừ chúng ta, các ông là bạn thân của chúng tôi, sao không giúp đỡ nhau?

Nghe nói như vậy, A-tu-la vương Du Hý bèn đến thành Quang minh, chỗ của A-tu-la vương La-hầu nói hết sự việc trên. A-tu-la vương La-hầu biết người ở thế gian tu hành theo chánh pháp, cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn, biết ân, báo ân, liền nói với các Long vương ác Bát-ma-thê…:

–Hãy ở lại một tháng nữa để ngăn cản Long vương Bà-tu-cát, Long vương Đức-xoa-ca, ta sẽ nói lại với các A-tu-la vương nơi trụ xứ thứ hai, các chúng trời không não loạn các ông đâu. *(nói rộng như trên)*

Nghe như vậy, A-tu-la vương Đà-ma-hầu bèn vào thành Tinh man đến chỗ của A-tu-la vương thưa:

–Đại vương! A-tu-la vương La-hầu sai sứ đến nói với tôi là các Long vương như Long vương Bà-tu-cát, Long vương Đức-xoa-ca cùng Tứ Thiên

vương đã gây não loạn Long vương Bát-ma-thê.

Bấy giờ, A-tu-la vương Dũng Kiện ở cảnh giới thứ hai nghe báo như vậy, liền tự quan sát mình có sức mạnh hay không? Nếu người trong cõi Diêm-phù-đề tu hành theo chánh pháp, cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn thì tự biết là mình không có sức mạnh. A-tu-la vương Dũng Kiện nói với sứ giả của A-tu-la vương La-hầu:

–Trời có sức mạnh lớn. Vì sao? Vì người trong cõi Diêm-phù-đề tu hành theo chánh pháp. Ta nay sẽ đến trụ xứ thứ ba để nói hết những sự việc trên cho chúng A-tu-la vương Nhất Thiết Hành biết.

A-tu-la vương Dũng Kiện liền đến nói với chúng A-tu-la ở trụ xứ thứ ba. A-tu-la vương Nhất Thiết Hành nghe như thế rồi liền vào thành Hàm-tỳ-la, đến chỗ A-tu-la vương Hoa Man thuật lại các việc trên.

A-tu-la vương Hoa Man liền quan sát người trong cõi Diêm-phù-đề, thấy có người cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn. Sau đó, nói với A-tu-la vương Nhất Thiết Hành:

–Ta sẽ đến nói chúng A-tu-la nơi trụ xứ thứ tư.

Khi ấy, A-tu-la ở cảnh giới thứ ba đến gặp A-tu-la ở cảnh giới thứ tư, nói:

–Long vương Bà-tu-cát, Long vương Đức-xoa-ca và Tứ Thiên vương cùng nhau phá trừ các Long vương bạn của tôi. Tôi nay sẽ làm suy não các Thiên chúng kia.

Nghe xong, chúng A-tu-la ở cảnh giới thứ tư liền đến thành Hàm-tỳ-la nói với A-tu-la vương Bát-ha-bà, A-tu-la vương Bát-ha-bà hỏi các A-tu-la:

–Có việc gì mà vội vàng thế?

Chúng A-tu-la liền thuật hết sự việc trên. A-tu-la vương Bát-ha-bà nói với các A-tu-la:

–Đám A-tu-la vương La-hầu không thể làm gì được đâu. Giả sử Tứ Thiên vương phá trừ hết đám Long vương Bát-ma-thê… thì do người ở thế gian tùy thuận chánh pháp, cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn, nhưng chư Thiên thì cũng không làm gì được. Ta có thể phá trừ chúng.

Bấy giờ, A-tu-la vương Bát-ha-bà đến chỗ ở của đại chúng A-tu-la nói:

–Hãy nhanh chóng trang bị và sử dụng các thứ binh khí. Ta nay sẽ đến đánh phá quân binh của Tứ Thiên vương và đám Long vương Bà-tu-cát, Đức-xoa-ca.

Khi ấy, các A-tu-la vương với sức mạnh cho là không ai sánh bằng, thống lãnh các đội quân, đến chiến đấu với chúng trời. A-tu-la vương Bát-ha-bà bảo các A-tu-la:

–Nếu các ngươi không dũng cảm, mạnh mẽ thì sao phá trừ được đám Long vương kia, mà ngược lại là tự hại mình. Nay ta sẽ đến đó với sức mạnh của mình để quyết phá tan quân trời, rồng.

A-tu-la vương Bát-ha-bà lại ra lệnh:

–Hãy trang bị đầy đủ các thứ binh khí gấp hơn nữa. Không bao lâu ta sẽ chiến đấu với chư Thiên. Trước đây các ngươi đã thấy rõ chỗ thù địch với họ, không bao lâu chúng sẽ đến đánh chúng ta. Ta đã nói với các A-tu-la rồi, chúng không làm gì được đâu, ta sẽ chiến đấu với chúng.

Biết được sự việc như vậy, các A-tu-la lập tức trang bị đủ các loại binh khí.

Lúc đó, A-tu-la vương Đại Lực Ba-la-ha-bà tự dùng sức mạnh với tâm không sợ sệt, chẳng cần lượng sự hơn kém nơi mình và người, đi ra khỏi thành tìm đến thành Hàm-tỳ-la thuộc cảnh giới thứ ba, tới chỗ A-tu-la vương Hoa Man.

Lúc này, A-tu-la vương Bát-ha-bà cùng với vô lượng ức na-do-tha A-tu-la đến nói với A-tu-la vương Hoa Man:

–Nhanh lên! Nhanh lên! Chúng ta có thể phá tan các Long vương Bà-tu-cát, Đức-xoa-ca và Tứ Thiên vương.

Nghe như thế, A-tu-la vương Hoa Man nói với các quân binh:

–Bây giờ không phải lúc chúng ta chiến đấu. Vì sao? Vì người ở cõi Diêm-phù-đề hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính các Sa-môn, Bà-la-môn, tu hành theo chánh pháp, do đó mà chúng trời đang có sức mạnh lớn, nên không phải là lúc chúng ta chiến đấu.

A-tu-la vương Bát-ha-bà nghe A-tu-la vương Hoa Man nói như vậy, liền bảo:

–Nhanh lên, nhanh lên! Đám các Long vương Bà-tu-cát, Đức-xoa-ca và chúng trời, riêng một mình ta cũng có thể phá tan được, huống gì là có thêm các ông là bạn của tôi.

Nghe A-tu-la vương Bát-ha-bà nói thế, oai lực của A-tu-la vương Hoa Man lớn mạnh thêm, lòng rất vui mừng, cùng với vô lượng ức na-do-tha A-tu-la của mình đi đến cảnh giới thứ hai.

Khi ấy, các A-tu-la vương Bát-ha-bà, Dũng Kiện và Hoa Man kéo nhau đi đến nói với A-tu-la vương La-hầu:

–Nhanh lên, nhanh lên! Hãy vì chúng tôi mà chiến đấu để phá tan chư Thiên.

A-tu-la vương La-hầu nói với các A-tu-la kia:

–Bây giờ không phải là lúc thích hợp để chúng ta chiến đấu. Vì sao? Vì người ở cõi Diêm-phù-đề hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính các Sa-môn, Bà-la-môn, nên được sinh lên cõi trời, khiến chúng trời có được sức mạnh lớn, nên không thể chiến đấu với trời. Này các A-tu-la vương, hiện tại không phải là thời điểm thích ứng.

Các A-tu-la vương nói A-tu-la vương La-hầu:

–Nhanh lên, nhanh lên! Chúng ta đến đây là để chiến đấu phá tan chư Thiên.

A-tu-la vương La-hầu liền tùy thuận theo ý của các A-tu-la kia xuất binh kéo đến biển lớn nói với Long vương ác Bát-ma-thê:

–Các A-tu-la vương nay muốn phá tan các Long vương Bà-tu-cát, Đức-xoa-ca.

Nghe lời nói ấy, Long vương Bát-ma-thê rất vui mừng liền đến nói với Long vương Bà-tu-cát và Đức-xoa-ca:

–Bạn ta đã đến rồi, ngươi hãy mau ra đây, ta với các ngươi có thể chiến đấu ở bất cứ nơi chốn nào.

Long vương Bà-tu-cát và Long vương Đức-xoa-ca liền ra khỏi thành, đến chiến đấu với Long vương ác Bát-ma-thê. Long vương phi pháp bị đánh phá liền kéo quân lui về. Lúc này có vô lượng ức A-tu-la vội vàng đuổi theo để chiến đấu với Long vương. Long vương Bà-tu-cát, Long vương Đức-xoa-ca lại ra khỏi thành của mình và ở trên biển đánh với kẻ địch. Chiến trận diễn ra hết sức dữ dội: Trên hư không, hoặc tuôn mưa lửa dữ, hoặc tuôn mưa dao mác để công phạt nhau, rồi bị ái độc tự đốt cháy. Vì ngu si mà chúng đánh nhau như vậy. Nếu người ở cõi Diêm-phù-đề tu hành theo chánh pháp, hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính các Sa-môn, Bà-la-môn thì một mình Long vương Pháp hành có thể phá tan tất cả quân A-tu-la. Nếu người ở thế gian ít hành theo chánh pháp thì A-tu-la thắng, Long vương Pháp hành sẽ thua.

Lúc rồng bị thua trận, chúng liền đi đến nói với sứ giả trời, nói rằng:

–Nhanh lên, nhanh lên! Tất cả chúng A-tu-la đều đến đánh chúng tôi. Chúng tôi đã chiến đấu với họ, cuối cùng bị thua, không sao thắng nổi.

Nghe nói vậy, sứ giả trời cấp tốc sử dụng tất cả binh khí, đến nói với Long vương Bà-tu-cát và Đức-xoa-ca:

–Nghe các ông bị A-tu-la vương đánh phá, nên tôi đến để giúp các ông đánh dẹp quân A-tu-la.

Nói xong, sứ giả trời cùng Long vương đến chiến đấu với quân A-tu-la. Lúc này, A-tu-la vương La-hầu biết sự việc nên cũng đi đến biển lớn dàn trận giao chiến với trời. Nếu như người trong thế gian thuận theo chánh pháp để tu hành thì sứ giả trời có thể phá tan quân A-tu-la một cách nhanh chóng.

Sau khi bị phá tan, A-tu-la trở về cung thành của mình. Bấy giờ, chúng A-tu-la ở cảnh giới thứ hai nghe biết sự việc ấy liền nói với quân binh:

–Các ông đừng sợ, ta hãy còn sống thì sẽ phá tan chúng trời kia, các ông có gì mà phải lo sợ.

Lúc ấy, A-tu-la vương liền đi nhanh đến chỗ sứ giả của trời nổi binh chiến đấu. Khi giao chiến nơi biển lớn, trời lại đánh thắng, đã phá tan chúng A-tu-la. Quân A-tu-la bị thiệt hại nặng. Chúng A-tu-la ở cảnh giới thứ ba nghe họ bị thua trận, liền kéo quân đến chiến đấu với trời. Cuộc chiến tàn hại lẫn nhau lại càng ác liệt.

Lúc ấy, trời bị thua, liền đi đến chỗ của trời Ca-lưu của Tứ thiên Hộ thế, nói như vầy:

–Thiên vương Đề-bà! Hãy mau đánh đuổi chúng A-tu-la vì chúng đã nhiễu loạn chúng ta.

Trời Ca-lưu nghe tâu bèn sử dụng các binh khí, tức tốc đi đến chỗ A-tu-la. Thấy chúng trời đến, A-tu-la càng nổi giận, đùng đùng đi thật nhanh đến giao chiến với chúng trời Ca-lưu và việc đánh nhau càng thêm dữ dội. Những trận chiến ác liệt nhất trong thế gian cũng không bằng trận chiến giữa chúng trời và A-tu-la này. Nếu mọi người trong thế gian thuận theo chánh pháp mà tu hành, thì trời Ca-lưu sẽ thắng trận, A-tu-la bị phá tan.

Như thế là chư Thiên cùng với vô lượng chúng A-tu-la chiến đấu nơi biển lớn như vậy thật không thể nào ví dụ được. Có thắng có bại là do sức mạnh từ nhân duyên của chánh pháp và phi pháp, chứ chẳng phải từ nơi sức mạnh của chính mình, như trời Ca-lưu đã phá tan quân địch.

Bấy giờ, trời Hộ thế đến nói với Thiên chúng cõi trời Man trì. trời Man trì, trời Ca-lưu và sứ giả trời cùng vô số chúng của Long vương Bà-tu-cát, Long vương Đức-xoa-ca nhóm họp lại một chỗ. Khi đó, A-tu-la vương La-hầu ở thành Quang minh, A-tu-la vương Song Du Hý ở cảnh giới thứ nhất, A-tu-la vương Đà-ma-hầu cùng với vô lượng ức na-do-tha a-tăng-kỳ chúng A-tu-la hợp lại thành một đại quân để chiến đấu với chúng trời.

Trận chiến này rất là khủng khiếp. Nếu người ở thế gian thuận theo chánh pháp mà tu hành thì chúng trời thắng trận, quân A-tu-la bị phá tan. Tất cả đều do oai lực của chánh pháp khiến cho chúng trời được thắng, không phải do phi pháp mà được. Nếu người nơi thế gian không thuận theo chánh pháp để tu hành thì A-tu-la thắng trận. Tứ Thiên vương Hộ thế thấy sự việc ấy rồi, bèn đi đến chỗ của trời Thường tứ ý, nói:

–Hãy trang bị mau lên! Quân A-tu-la đã đánh thắng chúng trời rồi.

Trời Thường tứ ý nghe như thế rồi, bèn cùng vô lượng trăm ngàn Thiên chúng mang tất cả binh khí đi đến biển lớn để chiến đấu với A-tu-la, kêu la vang dội trong biển lớn, mong sao mau phá tan hết quân A-tu-la. Hai bên chiến đấu rất lâu và ác liệt với vô số khổ não. A-tu-la bị trời phá tan nên chạy đến chỗ A-tu-la vương La-hầu nói hết mọi việc trên. A-tu-la vương La-hầu an ủi:

–Các ông đừng lo sợ! Với sức mạnh của ta tất có thể phá tan được chúng trời. Sức trời yếu kém, sức ta rất mạnh, nhất định sẽ thắng họ, các ông hãy trở lại quyết chiến đấu.

Nghe A-tu-la vương La-hầu nói, các A-tu-la bèn kéo quân trở lại chiến đấu với chúng trời. Chư Thiên và A-tu-la lại giao chiến dữ dội, vô số dao mác đánh, chém, va chạm vào nhau thật là ác liệt. Bấy giờ, A-tu-la vương Song Du Hý ở cảnh giới thứ nhất, A-tu-la vương Đà-ma-hầu ở cảnh giới thứ hai cùng đương đầu chiến đấu với chúng trời. Nếu người ở thế gian không thuận theo chánh pháp để tu hành thì A-tu-la chiến thắng, chúng trời thất bại. Còn như người ở thế gian tu hành theo chánh pháp thì chúng trời thắng trận, quân A-tu-la bị bại. Như vậy, chánh pháp là cờ thắng trận của chúng trời, chánh pháp là bậc nhất, vì chánh pháp có khả năng cứu giúp mọi người, còn hành theo phi pháp thì không thể nào cứu được. Vì tất cả A-tu-la đều hành theo phi pháp, trời suy nghĩ: "A-tu-la vương làm não loạn chúng ta, nên chúng không thắng trời được, không sánh bằng chúng trời. Vì sao? Vì người ở cõi Diêm-phù-đề hiếu dưỡng cha mẹ, hành theo chánh pháp, cung kính các bậc trưởng lão có đức độ, tu tập thanh tịnh thực hành các pháp bát quan trai, bố thí, trì giới, tu phước, không buông lung, không gần bạn ác, thì khi qua đời, những người ấy được sinh lên cõi trời, còn A-tu-la thì theo phi pháp, không có chánh pháp để cứu độ".

Tất cả trời suy nghĩ như vậy rồi, bèn cùng sứ giả trời, trời Man trì, trời Thường tứ ý và hết thảy Thiên chúng cầm cờ thiên pháp của trời đuổi thật nhanh theo quân A-tu-la và nói:

–Này chúng A-tu-la, hãy dừng lại mau! Ta đang ở trong cõi trời, cớ

sao các ngươi cứ đến nhiễu loạn luôn như thế? Sức của các ngươi không thể nào thắng nổi chúng trời đâu, dù các ngươi có binh lính hùng mạnh bậc nhất cũng không thể thắng. Vì muốn phá tan quân binh của các ngươi nên ta đến đây. Các ngươi có tâm xấu ác với chúng trời nên các ngươi không về được cung thành của mình. Các ngươi do không hành theo chánh pháp nên không được an vui, không được tịch tĩnh.

Nói xong, chúng trời đi thẳng đến chỗ quân A-tu-la. Tất cả đều dũng mãnh với những trận mưa dao, mác dữ dội. Long vương Bà-tu-cát tuôn mưa lửa đỏ rực xuống quân A-tu-la. Lúc ấy, chúng A-tu-la kêu các Long vương ác Bát-ma-thê… nói:

–Các ông là bạn của tôi, hãy đến chiến đấu để dập tắt trận mưa lửa của đại Long vương Bà-tu-cát và Đức-xoa-ca.

Nghe vậy, Long vương Bát-ma-thê liền đi thật nhanh đến chỗ Long vương Bà-tu-cát. Bấy giờ hai bộ rồng cùng tuôn mưa lửa dữ thiêu đốt nhau. Trời và A-tu-la chiến đấu càng lúc càng dữ dội. Sau đó, trời thắng trận và đã phá tan quân A-tu-la, khiến họ cùng nhau dẫn quân chạy về chỗ A-tu-la vương La-hầu với bộ dạng âu sầu, tiều tụy, xin cầu cứu. Thấy thế, A-tu-la vương La-hầu an ủi:

–Các ngươi đừng lo sợ gì cả, vì đã có ta đây. Riêng mình ta hãy còn không sợ trời Đế Thích, huống chi là còn có các ngươi theo trợ lực. Chúng trời yếu kém, không thể làm gì được, thì có gì mà các ngươi phải sợ sệt! Ta sẽ nói với các đại tiên: A-tu-la vương Dũng Kiện, A-tu-la vương Hoa Man, A-tu-la vương Bát-ha-bà Tỳ-ma-chất-đa-la… Sau đó, ta sẽ đích thân đến đánh với chúng trời.

Nói rồi, A-tu-la vương La-hầu liền đến nói với các A-tu-la của cảnh giới thứ ba:

–Tất cả chúng trời, trời Tứ Thiên vương cùng tập hợp với nhau đến đây đánh phá A-tu-la chúng ta. Nay các ông hãy suy nghĩ, tìm cách gì để dẹp tan các chúng trời?

Các A-tu-la trả lời:

–Chúng ta hãy trang bị binh khí đầy đủ, sẵn sàng chiến đấu với Thiên vương Đế Thích trời Tam thập tam. Nay ông xuất binh, trời sẽ thất bại, A-tu-la ta sẽ thắng trận.

A-tu-la vương La-hầu liền dẫn binh đi đánh các chúng trời! Các chúng A-tu-la nói với A-tu-la vương La-hầu:

–Đại vương! Trời có sức mạnh lớn! Trời có sức mạnh lớn! Chúng ta không thể chiến đấu với họ được đâu.

A-tu-la vương La-hầu bèn đi đến chỗ các chúng trời, tuôn mưa dao, mác để chiến đấu. Khi đó, thấy A-tu-la tuôn mưa dao, mác thì chúng trời sai rồng mưa lửa dữ đến thật nhanh để phá dẹp quân của A-tu-la vương La-hầu. Cuộc chiến càng kịch liệt không thể kể xiết. Nếu người nơi cõi Diêm-phù-đề tùy thuận hành theo chánh pháp, hiếu dưỡng cha mẹ, cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn, cung kính các bậc trưởng lão, thì chúng trời được thắng lợi, quân A-tu-la thất bại. Còn như người ở thế gian không thuận theo chánh pháp để tu hành… thì chúng trời thất bại, quân A-tu-la thắng trận. Như vậy, tất cả đều do sức mạnh của chánh pháp và phi pháp mà trời và A-tu-la đánh nhau có thắng, có bại. Nếu A-tu-la thắng thì chúng trời bị thua to. Tất cả chúng trời cùng tâu:

–Đề-bà, Đề-bà! Nên nghĩ nhớ đến chánh pháp, vì nhờ có chánh pháp nên chúng trời được thắng lợi. Nhờ có chánh pháp mà chúng trời được tăng trưởng. Cho nên, này chư Thiên, phải có lòng cung kính, tư duy luôn nhớ nghĩ về chánh pháp.

Sau đó, tất cả chúng trời cùng đi đến chỗ quân của A-tu-la và luôn luôn nhớ nghĩ đến chánh pháp. Nhờ đó được pháp ủng hộ, oai đức sáng tỏ, tất cả đều tăng trưởng hơn một trăm lần lúc trước. Thấy chúng trời có oai đức sáng rỡ như vậy, quân của A-tu-la đều khiếp sợ, A-tu-la vương nói:

–Vì đâu các ngươi khiếp sợ đến như vậy? Oai đức của trời làm sao sánh bằng chúng ta, cả dao mác, binh khí chiến đấu cũng không bằng chúng ta. Nay đây vì sao các ngươi lại quá khiếp sợ?

Nghe A-tu-la vương an ủi, các quân binh đều cố gắng hết sức lực. Lúc đó, A-tu-la vương La-hầu quay lại chỗ chúng trời. Chúng trời nhờ có sức mạnh của chánh pháp nên vội vàng tiến đến chỗ A-tu-la quyết tâm giao chiến. Trong hàng ngũ của A-tu-la, A-tu-la vương Đại Lực La-hầu giống như núi chúa Tu-di thứ hai. Chúng trời nhờ uy lực của chánh pháp mà đánh phá được quân A-tu-la vương La-hầu. Như vậy, trong các sự cứu giúp thì chánh pháp là bậc nhất. Trong tất cả ánh sáng, ánh sáng của chánh pháp là hơn hết.

Thấy quân binh của mình đều bị thất bại, A-tu-la vương La-hầu khiếp sợ, bèn an ủi chúng A-tu-la:

–Này các chúng A-tu-la, đừng có sợ hãi! Trượng phu sao mà yếu hèn giống như chim, như quạ vậy? Cứ nghĩ đến bản thân mình thì làm sao dũng mãnh như đại trượng phu? Các ông cần phải hiểu biết thấu rõ về luận pháp thì không có gì phải lo sợ. Các ông cũng đã từng thấy có vô số quân binh bị phá trừ, tan rã, thì có gì phải buồn lo?

Nghe A-tu-la vương La-hầu an ủi, các A-tu-la rất vui mừng, tăng lòng kiêu mạn, quay lại chiến đấu với chúng trời. Tâm kiêu mạn, A-tu-la vương La-hầu đứng trước quân binh của mình, tất cả A-tu-la đều nương nhờ vào A-tu-la vương La-hầu để được ủng hộ, vì A-tu-la vương La-hầu là bậc tối cao của họ.

Như thế là hết thảy A-tu-la đều hướng tới chỗ của Tứ Thiên vương. Tất cả A-tu-la đều dựa vào sức mạnh của A-tu-la vương La-hầu mà có khí lực. A-tu-la vương La-hầu đang đi trước đám quân binh, sức mạnh của vương ấy có thể phá tan Thiên chủ Kiều-thi-ca, huống hồ là Tứ Thiên vương!

Hai bên cùng nhau đối địch, tuôn những trận mưa dao mác, mưa đá tảng lớn, giống như ngọn núi lớn từ trên hư không rơi xuống để hủy hoại chúng trời. Thấy vậy, trời Hộ thế nói lời chúng trời:

–A-tu-la vương La-hầu tuôn mưa núi đá lớn. Các ngươi hãy tuôn mưa đao, kích, mâu, giáo, đừng để chúng trời phải bị thua trận.

Nói xong, trời Hộ thế cùng chúng trời dốc sức đánh nhau ác liệt với A-tu-la vương La-hầu. Mưa đao, mưa đá từ trên không rớt xuống biển lớn, khiến nước bắn tung tóe. Trời tuôn mưa đao kiếm làm tổn hại vô số trăm ngàn loài chúng sinh trong biển, hoặc chết, hoặc sợ hãi chạy trốn, khắp biển lớn đều nổi lên đầy những bèo bọt. Các chúng trời và A-tu-la khác trông thấy cuộc chiến đấu ác liệt này đều nghĩ: "Thật là một trận chiến chưa từng có!".

Cuộc chiến như vậy, cứ kéo dài mãi không dừng. Nếu người trong thế gian tu hành theo chánh pháp, thì cho dù tất cả chúng A-tu-la có nhiều kỹ thuật về đao, giáo, mâu, kiếm, mạnh mẽ, không sợ gì cả, cũng bị chúng trời phá tan trong chốc lát. Nếu người trong thế gian không thuận theo chánh pháp thì A-tu-la vương La-hầu đánh thắng chúng trời. Cho nên chánh pháp là bậc nhất, chánh pháp là tối thắng. Tất cả các pháp đều có nhân duyên.

Sau khi A-tu-la vương La-hầu bị thất bại nặng nề, thì mất hết sức lực, còn các A-tu-la đều đau buồn, chán nản, không muốn chiến đấu nữa. Thấy quân binh buồn bã, tiều tụy, không còn tinh thần chiến đấu, A-tu-la vương La-hầu nói:

–Này các A-tu-la, chớ có đau buồn khiến tâm yếu đuối. Đừng có lo sợ gì cả! Nếu ta và các ngươi về cung thành cũ thì sẽ sống không an vui. Do đó các ngươi đừng trông mong trở về chốn ấy. Hãy mạnh mẽ, oai hùng lên để tăng thêm sức mạnh, trở lại chiến trường, đừng quay về chốn cũ nữa!

Nghe nói như vậy, chúng A-tu-la đều quay trở lại chỗ Tứ Thiên vương để tiếp tục chiến đấu. Những trận mưa đá lớn, sấm sét trút từng cơn mưa, mây đen mù mịt, ai thấy cũng đều rợn người. Sau đó, trời lại chiến thắng, quân A-tu-la bị thất bại.

Tất cả A-tu-la suy nghĩ: "Trời có sức mạnh lớn. Ta nên đến thành Tinh man của cảnh giới A-tu-la thứ hai để cầu A-tu-la vương cứu giúp có được lợi ích an lạc để đánh thắng các chúng trời".

A-tu-la vương của thành ấy tên Dũng Kiện, vị này rất mạnh mẽ, dũng cảm, đã từng chiến đấu trăm ngàn lần với chúng trời, cho đến thắng luôn cả Thiên chủ Kiều-thi-ca Đề-bà. A-tu-la vương này giỏi hơn hết thảy.

Suy nghĩ như vậy xong, tất cả A-tu-la cùng nhau đến gặp A-tu-la vương Dũng Kiện, thưa:

–A-tu-la vương, chúng trời có sức mạnh lớn, A-tu-la vương La-hầu đã chiến đấu với họ nhưng không thể nào thắng trận. Bây giờ đại vương hãy mau đến đó, đem sức mạnh của mình để cứu giúp, giúp đỡ chúng A-tu-la tăng thêm khí thế. Nếu đại vương khởi binh thì cả Thiên chủ Đế Thích cũng không thắng được quân A-tu-la, huống chi là các chúng trời khác. Đại vương đã từng đánh bại các chúng trời trong các trận chiến, là người nổi tiếng nhất trong hàng A-tu-la. Đại vương hãy mau thống lãnh binh chúng, dương oai diệu võ chiến đấu phá tan chúng trời. Trước kia, đại vương đã phá trừ tay kim cương của họ cả trăm ngàn lần. Nay đây, giữa các chúng trời, đại vương hãy dùng sức dũng mãnh biểu dương oai phong của mình.

Nghe nói vậy, A-tu-la vương Dũng Kiện liền đến gặp A-tu-la vương Hoa Man và Tỳ-ma-chất-đa Bát-ha-bà, nói:

–Chúng trời đã thắng, họ đã phá tan A-tu-la vương La-hầu và quân binh của ông ta. Bây giờ các ông hãy nghe tôi đến chiến đấu với chúng trời, nhất định tôi sẽ chiến thắng.

A-tu-la vương Hoa Man, A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa Bát-ha-bà nói với A-tu-la vương Dũng Kiện:

–Hãy đi mau, hãy đi mau! Là bạn của ông, tôi có thể phá tan các chúng trời. Nếu ông giúp đỡ cho A-tu-la vương La-hầu thì có thể đánh bại được tất cả chúng trời, huống chi là Tứ Thiên vương.

Nghe như vậy, A-tu-la vương Dũng Kiện liền đến chỗ của A-tu-la vương La-hầu để trợ chiến khiến chúng A-tu-la rất vui mừng, làm tăng thêm sức mạnh. A-tu-la vương Dũng Kiện mang đủ binh khí như đao, mâu, tên, giáo, đi thẳng đến chỗ chúng trời để chiến đấu, tên bắn ra như mưa.

Lúc ấy, chúng trời thấy hai A-tu-la này dẫn đại quân đến, liền nói:

–A-tu-la ấy luôn không biết xấu hổ, cứ đến làm nhiễu loạn chúng trời, thật là đồ súc sinh! Ta luôn đánh thắng các ngươi, vậy mà các ngươi vẫn còn đến, không chịu khuất phục.

Nói xong, chúng trời dốc sức đôn đốc quân binh, khí giới, ai nấy đều mạnh mẽ quyết giao chiến với A-tu-la. Thấy chúng trời, A-tu-la vương Dũng Kiện, A-tu-la vương La-hầu, nói:

–Chúng trời các ngươi hãy xuống đây để giao chiến với ta. Ta sẽ cùng các ngươi dàn trận để tranh tài cao thấp.

Hai A-tu-la vương trù tính như vậy, liền đi thật nhanh đến chỗ Tứ Thiên vương quyết chí đánh thắng kẻ địch. Nếu mặt trời ở sau chúng trời tức là ở trước mặt chúng A-tu-la. Vì ánh sáng mặt trời chiếu vào mắt chúng A-tu-la, nên họ không thể nào hại chúng trời, cũng không sao tuôn mưa đao, gậy, kiếm, mác. Mắt họ không sao nhìn thẳng vào chúng trời, nên nói với nhau là ánh sáng ấy quá chói lòa chiếu vào mắt họ, nên không thể nào chiến đấu với chúng trời được.

Khi ấy, A-tu-la vương La-hầu liền lấy một tay che ánh sáng mặt trời. Đây là nguyên nhân thứ ba về nhật thực. Người đời thấy vậy, vì tâm ngu si nên nói với nhau:

–Hôm nay mặt trời bị ăn.

Hoặc nói đất nước sẽ được mùa, mất mùa, lũ lụt, hạn hán, vua có việc lành, dữ, tai họa, an lành, dân chúng bị bệnh dịch, hoặc không hề gì.

Tất cả điều này là không có thực, chỉ do vọng tưởng phân biệt, lời nói của kẻ ngu si vì không nhận biết đúng như thật. A-tu-la vương La-hầu ngăn che ánh sáng mặt trời, rồi nói với A-tu-la vương Dũng Kiện:

–Bây giờ thì chúng ta thấy chúng trời dễ dàng rồi. Chúng ta có thể dùng dao, kiếm, các thứ vũ khí, binh lính để đánh phá chúng trời.

Lúc này, A-tu-la vương Dũng Kiện chạy lên phía trước, vội vàng đuổi theo chúng trời và tuôn mưa dao mác. Thấy vậy, chúng trời liền sử dụng đủ các khí cụ để chiến đấu, rồi cùng chạy thật nhanh đến chỗ A-tu-la vương Dũng Kiện và tuôn mưa dao, kiếm, mâu, giáo để đánh lại, cùng hướng đến trời Man trì. Thấy vậy, Thiên chúng trời Man trì khen ngợi:

–Hay quá, hay quá! Này các A-tu-la vương, chúng trời của ta luôn đánh thắng các ngươi, sao các ngươi không biết xấu hổ, không biết chán nản? Ta nhờ vào sức mạnh của chánh pháp, hành đúng chánh pháp, nương tựa vào chánh pháp, tu tập theo chánh pháp, không lìa bỏ chánh pháp, cho

nên chúng tôi đã chiến thắng. Các ngươi vì nhiều lòng tham sân, đắm vướng của cải nơi người khác để mong về phần mình, luôn luôn tham cầu. Các ngươi không tu hành theo chánh pháp. Chúng trời tùy thuận với mười đạo nghiệp thiện mà sao các ngươi cứ đến quấy nhiễu, phá hoại? Ánh sáng luôn phá tối tăm, cho nên sức mạnh của ánh sáng luôn vượt trội hơn hết.

Nghe chúng trời nêu bày như vậy, A-tu-la vương Dũng Kiện nói:

–Cần gì các ngươi phải nói nhiều như thế? Ta thấy các ngươi chiến thắng là vì có oai đức của thần thông, còn chúng ta thì chỉ dựa vào sức của chính mình để đánh nhau với chúng trời. Vì thấy oai đức của chúng trời hơn hết nên bọn ta không thể thắng nổi.

Nói xong, A-tu-la vương Dũng Kiện bèn đi thẳng lên phía trước hướng tới trời Man trì. Thấy vậy, chúng trời Man trì liền tuôn mưa đủ loại cung tên bắn vào chúng A-tu-la, không chỗ nào xen hở cả. Cùng lúc, phía trên đầu A-tu-la vương Dũng Kiện lại có mưa xuống vô số dao, kiếm. Trời Man trì nói với chúng A-tu-la:

–A-tu-la! Vì sao các ngươi lắm lòng tham lam vậy? Các ngươi gây ra nghiệp ác để rồi tự hủy hoại chính mình. Vì sao lại gây chiến với trời? Phi pháp không thể nào phá hoại chánh pháp được. Ta đã không làm suy não các ngươi, cớ sao các ngươi cứ đến quấy nhiễu chúng trời?

Mặc dù trời Man trì đã nêu bày như thế, nhưng chúng A-tu-la vẫn đuổi theo chúng trời. Bấy giờ, trời Man trì nói với Long vương Bà-tu-cát và Đức-xoa-ca:

–A-tu-la vương Dũng Kiện này thật là kiêu mạn, tự ỷ mình có sức mạnh nên khó mà chế ngự được. Nay các ông hãy giáng mưa lửa dữ xuống chúng A-tu-la để cho họ mất hết sức lực, bị phá trừ mà rút về.

Nghe xong, Long vương Bà-tu-cát và Đức-xoa-ca liền ở trên hư không tuôn mưa lửa dữ dội xuống thiêu đốt các Long vương ác Bát-ma-thê… Long vương Bà-tu-cát lại chạy thật nhanh lên phía trên A-tu-la vương Dũng Kiện phóng ra sấm sét, mưa lửa dữ mù mịt tấn công quân A-tu-la. Bị rồng phun lửa dữ, A-tu-la vương nổi giận đùng đùng, tay bưng núi đá lớn khoảng tám trăm dặm quăng vào chỗ trời Man trì. Lúc ấy, trời Ca-lưu bất chợt nhìn thấy, liền mưa lửa dữ thiêu rụi núi đá kia. Thấy núi đá bị cháy rụi, A-tu-la vương mất hết sức lực. A-tu-la vương Dũng Kiện nói với chúng trời:

–Núi này bị cháy rụi, ta sẽ ném núi khác vào các ngươi.

Nói xong, A-tu-la vương Dũng Kiện tay bưng núi lớn khác ném vào chúng trời. Chúng trời nói với A-tu-la:

–Ngươi đã không có chánh pháp mà còn tạo ra phi pháp nên ngươi không thể thắng ta được đâu, vì ta sống trong chánh pháp, còn các ngươi thì sống trong phi pháp.

Chúng trời đã chê bai chúng A-tu-la như thế.

Nghe vậy, A-tu-la vương La-hầu liền dẫn quân binh chạy nhanh đến phía chúng trời. Thấy thế, chúng trời cũng ào tới giao chiến với A-tu-la và hai bên dùng đủ thứ binh khí như dao, mác công phạt nhau kịch liệt.

Nói pháp rồi, trời thành tâm nhớ nghĩ, quy y Tam bảo và tiến thẳng về phía quân A-tu-la. Thấy chúng trời đến, tất cả đám A-tu-la đều rút quân, phân tán làm trăm ngàn ngả để lui hết xuống biển. Rồng phi pháp Bát-ma-thê ác nói với A-tu-la:

–Chớ có lo sợ, chớ có lo sợ! Nay các ông bỏ tôi rồi thì định đi đâu? Tôi có thể ngăn cản Long vương Bà-tu-cát, Long vương Đức-xoa-ca, còn riêng ông một mình chiến đấu với chúng trời để đánh thắng chúng. Nếu sợ hãi, sao trước đây ông đi một mình ra khỏi thành để đến nơi này? Ngươi không tự xét kỹ về sức của mình mạnh hay yếu, tại sao lại gây oán thù với chúng trời. Nếu ngươi bỏ oán thù thì nên trở về cung thành của ông đi. Long chúng của chúng tôi không đi đâu cả, vì Long vương Bà-tu-cát, Long vương Đức-xoa-ca là oán địch của tôi, làm sao tôi đi được.

Nghe nói như vậy, các A-tu-la trở lại giao chiến với chúng trời. Khi đó, các Long vương ác không thể nào ngăn cản được chúng Long vương như pháp, nên trong tức khắc, quân A-tu-la bị tan rã, rút về dưới biển, vào cung thành của mình. Thấy quân binh của mình thất bại trở về, A-tu-la vương sai một A-tu-la đến nói với A-tu-la vương Hoa Man ở cảnh giới thứ ba:

–Thưa đại vương! Xin hãy nhanh lên. Trời có sức mạnh lớn đã đánh thắng tất cả quân A-tu-la đã tan thành bốn ngả để chạy trốn. Đại vương, trước đây ông đã từng đánh với chúng trời và được nổi tiếng là anh dũng. Nay cũng vậy, ông có cách gì để phá tan chúng trời? Nếu đại vương đến, cả Thiên chủ Đế Thích còn không thể nào thắng được, huống chi là các chúng trời khác.

Nghe vậy, A-tu-la vương Hoa Man suy nghĩ tính kế, rồi cùng với vô số ức chúng A-tu-la hộ vệ, sử dụng tất cả binh khí như dao, mác, giáo, mâu, trang bị vào thân rất đầy đủ, rồi đi đến nơi để tiếp tục chiến đấu. Vừa đi vừa hô to, dõng dạc, âm thanh vang dội khắp bốn phương. Thấy việc này, A-tu-la vương La-hầu nói với A-tu-la vương Dũng Kiện:

–A-tu-la vương Hoa Man đến đây là để làm cho chúng ta tăng thêm

sức mạnh mà phá tan chúng trời. Các ông nay nên trở về đi. A-tu-la vương Hoa Man đến, tôi có sức mạnh lớn rồi.

Quân binh nghe vậy liền trở lại giao chiến với chúng trời. Bấy giờ, Tứ đại Thiên vương nói với chúng A-tu-la:

–Các ngươi thuộc pháp súc sinh nên trời luôn chiến thắng, phá tan các ngươi. Vậy mà các ngươi cứ quay trở lại. Các ngươi vì ngu si đã làm thiệt hại quân binh của mình.

Nói vậy rồi, Tứ Đại vương hướng đến quân A-tu-la rượt đuổi thật nhanh. Thấy chúng trời đã đến, A-tu-la vương Hoa Man nói với quân binh của mình:

–Các A-tu-la đừng lo sợ, hãy chiến đấu với chúng trời. Sao các ngươi không hợp lại để đánh lại chúng trời? Đừng có khiếp sợ vì đã có ta đây rồi! Riêng một mình ta cũng có thể đánh tan chúng trời, huống chi còn có A-tu-la vương Dũng Kiện là bạn thân của ta, A-tu-la vương La-hầu sư tử con cũng là bạn của ta! Các ngươi cứ chiến đấu, đừng nên lo sợ! Hãy làm tăng oai lực để phá tan chúng trời, khiến A-tu-la lớn mạnh, được chiến thắng. Hãy dốc hết sức thật dũng mãnh để chiến đấu với họ.

Ra lệnh như vậy rồi, A-tu-la vương Hoa Man liền cùng các A-tu-la khác đến chỗ trời Man trì, trời Thường tứ ý, trời Ca-lưu, trời Tam không hầu, chỗ của các vị trời này đất toàn bằng lưu ly. Các trời đều rất thích thú, nói:

–Chúng tôi không cần trời Tam thập tam của Thiên chủ Đế Thích để có thể luôn phá tan quân A-tu-la. Nhờ sức mạnh của chánh pháp, lấy chánh pháp làm bạn.

Bấy giờ, A-tu-la ở trong biển lớn đều lên hết trên biển và tập trung lại, chuẩn bị chiến đấu với trời. Lúc này chúng trời thấy quân binh A-tu-la tập hợp rồi, nên cùng bàn luận:

–Tất cả đám A-tu-la vương Hoa Man ở cảnh giới thứ ba có sức mạnh lớn, chúng đều tập hợp đến cả đây.

Nói xong, chúng A-tu-la đều kéo đến chỗ chúng trời. Thấy vậy, chúng trời nói với A-tu-la:

–Hãy đến đây đừng hòng phá được chúng trời. Ta đã có sức mạnh lớn. Vì sao? Vì người ở cõi Diêm-phù-đề tùy thuận tu hành theo chánh pháp, hiếu dưỡng cha mẹ, cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn, vui thích chánh pháp, tu hành theo pháp lành, nên sau khi qua đời, họ được sinh lên cõi trời, thế nên ngày nay chúng ta thắng các ngươi, vì có được uy lực mạnh lớn bậc nhất, không ai sánh bằng. Chúng trời của chúng ta là như pháp,

thuận theo chánh pháp mà tu hành, không làm não loạn các ngươi. Các ngươi hành theo phi pháp, luôn não loạn chúng trời.

Mặc dù chúng trời nói vậy, nhưng chúng A-tu-la không chấp nhận lời nói ấy, liền xuống chiến đấu với chúng trời. Ngay khi đó, chúng trời hiện ra đầy khắp hư không, ào xuống đánh quân A-tu-la. Hai bên giao chiến với nhau, âm thanh làm chấn động cả biển lớn, làm cho cá, rùa, ba ba, cá đại ma kiệt, cá na-ca thố đều hoảng sợ chạy tán loạn thành trăm ngàn ngả. Chúng trời tiến đánh dữ dội tạo ra những trận mưa binh khí nào mâu, giáo, kích. Trời và A-tu-la chiến đấu kịch liệt như vậy. Bấy giờ, A-tu-la vương Hoa Man nói với chúng trời:

–Những trận chiến trước đây ta không đến kịp lúc nên để cho các ngươi phá tan. Nay ta đã đến đây rồi, ta sẽ đánh dẹp bọn ngươi. Riêng một mình ta cũng có thể đánh bại trời Đế Thích, huống chi là chúng trời Tứ Thiên vương các ngươi. Thế nên nay ta có thể phá tan chúng trời các ngươi.

Nói vậy, A-tu-la vương Hoa Man liền đi đến chỗ trời Man trì. Thấy A-tu-la vương Hoa Man đến, trời Ca-lưu liền đi tới chỗ A-tu-la vương Hoa Man. Chúng A-tu-la đánh phá quân của trời Ca-lưu bằng cách đứng bên biển cả bưng các tảng đá lớn vuông bốn trăm dặm, hoặc ba trăm, hai trăm, một trăm dặm, hoặc một do-tuần đang cháy dữ dội, quăng vào chúng trời Ca-lưu. Chúng trời thấy vậy, liền quy y Tam bảo, tư duy nhớ nghĩ đến chánh pháp, rồi dùng cung tên bắn lại, khiến các núi đá ấy nát vụn như cát, rơi xuống biển. Thấy việc làm không có công hiệu, chúng A-tu-la liền lấy kích lớn đến đối đầu đánh với chúng trời. Từ hư không, chúng trời tuôn mưa đá kim cương làm nát vụn đao kích của chúng A-tu-la. Quân A-tu-la thất bại tan tác. Khi ấy, A-tu-la vương Dũng Kiện chạy trở lại chỗ trời Thường tứ ý để chiến đấu. A-tu-la vương lấy một ngọn núi Đại vi tên là Ba-lợi-khư ngang rộng năm trăm do-tuần, nói với chúng trời:

–Nay ta sẽ phá tan chúng trời các ngươi. Hết thảy bọn trời kia, ta sẽ cho chúng ngươi xuống hầu vua Diêm-la.

Nói xong, A-tu-la vương tiến thẳng tới chỗ trời Thường tứ ý. Lúc này, trời Hộ thế thấy việc này liền đón lấy ngọn núi Đại vi đánh vào ngực A-tu-la. Quân A-tu-la trong tức khắc liền bị phá tan, nên rút hết xuống biển lớn, trở về chốn cũ. Quân binh trời thấy A-tu-la rút lui thì quân của A-tu-la vương Đà-ma-hầu đều chạy tán loạn, khiếp sợ suýt chết, chen nhau trở về trú xứ. A-tu-la vương La-hầu và quân binh của mình đi thật nhanh về phía cõi trời Tam không hầu, tự dùng sức của mình để chiến đấu với chúng trời. Chư Thiên thấy vậy, liền từ phía trên đầu A-tu-la vương La-hầu tuôn mưa

lửa dữ cháy rực thiêu đốt quân A-tu-la. A-tu-la và quân binh bị bại trận vội rút chạy hết xuống biển. Thấy quân A-tu-la đã bỏ chạy, chúng trời rất vui mừng, còn A-tu-la vương thì âu sầu xơ xác, sức mạnh của kẻ trượng phu đều bị tan hoại, phải chạy về biển, bước vào cửa thành mong được cứu giúp, mong có chỗ nương tựa.

Chúng trời biết binh chúng A-tu-la đã rút hết xuống biển, nên liền trở về đỉnh núi cũ, nói:

–Mặc dầu ở trên núi Tỳ-lưu-ly nhưng chúng trời vẫn sợ các A-tu-la quay lại. Vì sao? Vì trong số A-tu-la vương có A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la Bát-ha-bà, có sức mạnh lớn, tối thắng bậc nhất, có thể cứu giúp tất cả chúng A-tu-la nhưng chưa tới đây. Nếu A-tu-la vương ấy bị thất trận thì tất cả A-tu-la cũng đều bị phá tan.

Nói xong, hết thảy chúng trời đều vui mừng, khí lực tăng trưởng. Chúng trời cùng nhau nhìn ra xa, thấy quân binh A-tu-la quyết chí đánh nhau với chúng trời. Lúc này các Long vương Pháp hành là Bà-tu-cát, Đức-xoa-ca đã phá tan quân của Bát-ma-thê. Số binh chúng bị thương còn lại đều chạy về thành Hý lạc cầu cứu A-tu-la vương Bát-ha-bà hòng đánh phá chúng trời nên nói:

–Hãy cứu giúp chúng tôi! Nếu không thể phá tan chúng trời thì họ lại thắng trận, khiến cho chúng trời tăng trưởng. Bạn của A-tu-la là Long ác Bát-ma-thê đang ở trong thành sầu khổ hết mực, quân binh A-tu-la cũng sầu khổ, buồn bã.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 21

Phẩm 5: Súc sinh (Phần 4)

Bấy giờ, A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la nghe A-tu-la vương Hoa Man, A-tu-la vương Dũng Kiện, A-tu-la vương La-hầu ở cảnh giới thứ ba bị thua trận tan tác, mất hết sức lực. Khi đó, có A-tu-la tâu với A-tu-la vương Bát-ha-bà:

–Quân chúng bị phá tan hết cả, không ai có thể cứu được. Chỉ đại vương là người gồm đủ sức mạnh có thể cứu giúp quân binh kia.

A-tu-la vương Bát-ha-bà nói:

–Ngươi hãy mau mau quan sát xem ba A-tu-la vương kia hiện nay đang ở đâu?

A-tu-la thưa:

–Hiện nay tất cả đều bị chúng trời đánh bại và đã lui về nơi đáy biển lớn, tất cả đều mất hết uy lực, nên trở về trông mong đại vương Bà-la-ha-bà cứu giúp. Các vị đó rất xấu hổ, ở tạm ngoài cửa không dám vào thành.

Nghe như thế, A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la Bát-ha-bà nói với A-tu-la kia:

–Trong lúc các A-tu-la chiến đấu với chúng trời thì Thiên chủ Thích-ca có ở đó không?

A-tu-la thưa:

–Thiên chủ chưa bao giờ đến đó.

A-tu-la vương Bát-ha-bà đùng đùng nổi giận, mắt đỏ như máu, toàn thân rung động, nhìn A-tu-la nói:

–Chỉ Tứ Thiên vương thôi mà phá tan ba cõi của A-tu-la, khiến các A-tu-la phải mất hết khí lực. Quân A-tu-la còn lại chẳng làm gì được vì bị chúng trời kia đánh tan. Nay ta sẽ đến tiêu diệt tất cả cõi trời.

A-tu-la vương Bát-ha-bà nói xong, các A-tu-la đều có thêm oai lực. A-tu-la vương ra lệnh cho quân chúng:

–Hãy mau đánh trống ra lệnh, ta đích thân đem quân binh đến đánh

chúng trời, khiến chúng phải bị tan tác, suy não, cả vua Đế Thích cũng vậy. Một mình ta có thể đánh thắng chúng được rồi. Nay chúng trời phá tan chúng A-tu-la, ta không thể ngồi yên mà nhìn. Nếu không có ta thì có thể nói là chư Thiên có uy lực lớn, nhưng ta vẫn còn đây thì làm sao chúng trời có thể tăng sức mạnh để mong đoạt con gái A-tu-la của ta.

Nói vậy rồi, A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la Bát-ha-bà đánh trống đại chiến, nói với chúng A-tu-la:

–Hãy trang bị nhanh lên. Ta nay muốn đánh các chúng trời để cho chúng A-tu-la được lớn mạnh.

Ra lệnh xong, A-tu-la vương Bát-ha-bà đích thân dẫn theo một trăm ngàn cỗ xe với vô lượng trăm ngàn ức quân A-tu-la uy quang như mặt trời. Lúc mới xuất phát, tất cả sông núi nơi đại địa như núi Càn-đà-la, núi chúa Tu-di đều chấn động mạnh. Ngay cả tòa ngồi của Thiên chủ Đế Thích trên Thiện pháp đường trong thành Thiện kiến cũng lay động không đứng yên.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích suy nghĩ: "Chỗ ngồi của ta bị lay động, chắc chắn là A-tu-la vương quyết chiến đấu với chúng trời, nên khiến chỗ ta ngồi mới bị lay động như vậy."

Thế rồi, trời Đế Thích nói với chúng trời:

–Nếu A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la khởi binh thì núi chúa Tu-di, hang sâu, vườn rừng đều chấn động mạnh. Chúng trời Tam thập tam các ngươi hãy mau mau trang bị đầy đủ binh khí đợi A-tu-la vương kia đến. A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la Bát-ha-bà nổi dậy, đến đánh phá chúng trời, nay ta cũng đích thân cỡi voi Y-la-bà-na cùng với các chúng trời đến nơi ấy để chiến đấu. Vì sao? Vì ta thấy chúng trời có khả năng chiến đấu với A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la Bát-ha-bà.

Thiên chủ Đế Thích nói xong, thì tất cả Thiên chúng trên Thiện pháp đường, trong thành Thiện kiến, mỗi mỗi thiên cung đều được ra lệnh: Rời khỏi thành Thiện kiến để quyết chiến đấu với A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la Bát-ha-bà. Nghe xong, tất cả chúng trời đều vào rừng Chất-đa-la lấy tất cả binh khí. Vườn này đều có đầy đủ những dụng cụ chiến đấu. Bấy giờ, có cả trăm ngàn ức, vạn ức chúng trời chen nhau vào rừng ấy lấy tất cả dụng cụ chiến đấu. Tiếng binh khí va chạm vào nhau giống như tiếng sóng gầm, tất cả đều tấp nập, bụi tung đầy cả hư không. Thiên chúng đông đảo ấy, có chúng đi trên hư không, có chúng đi trên sườn núi, hoặc trong hang núi, cả thảy đều dàn khắp trận chiến, không có chỗ nào thiếu hở. Lại có các chúng trời đang dạo chơi trong rừng, nghe tiếng trống liền chạy tới rừng Chất-đa-la, bỏ qua những sự vui chơi, liền sử dụng binh khí, hết thảy hàng

trăm vạn ức chúng trời đều cùng chiêm ngưỡng Thiên vương Đế Thích.

Thấy chúng trời như vậy, Thiên vương Đế Thích rất vui mừng, ngồi nơi bảo điện tráng lệ, được trang nghiêm bằng bảy báu, châu ngọc, vàng ròng, tỳ-lưu-ly, pha lê, xa cừ, ca la, ma-ni cùng dây lưới báu trời treo các linh báu đẹp đẽ, khác lạ. Do Đế Thích tạo tác nghiệp thiện theo đấy mà hưởng phước báo nên có được cung điện thù thắng này. Ánh sáng nơi thân Đế Thích hiện rõ, lộ ra oai đức không ai sánh bằng. Các chúng trời đứng đầy khắp nơi đỉnh, nơi sườn núi chúa Tu-di, hoặc ở trên hư không, cả thảy hàng trăm ngàn chúng đều cùng chiêm ngưỡng Thiên vương Thích-ca. Họ đang đợi xem Thiên chủ chiến đấu với A-tu-la vương. Ai nấy đều suy nghĩ, đặt ra các phương cách. Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích nói với ngự quan:

–Này hiền sĩ, ông hãy đến nói với voi trắng sáu đầu Y-la-bà-na vì nó có đầy đủ mọi năng lực của loài rồng lớn. Ta sẽ cỡi voi ấy để dẹp tan quân A-tu-la.

Nghe vậy, ngự quan liền đến ao hoa sen Như ý, nơi đây voi trắng sáu đầu Y-la-bà-na đang dạo chơi cùng với bầy voi. Vị quan hầu nói với voi con:

–Thiên chủ Thích-ca muốn cỡi voi báu để xua đuổi quân A-tu-la.

Voi con nghe vậy liền nói với voi báu. Voi Y-la-bà-na nghe lệnh bèn cùng người giữ voi đến chỗ của ngự quan, rồi tới Thiện pháp đường, quan hầu vào thưa Đế Thích:

–Thiên vương, voi báu bậc nhất nay đã đến rồi, xin thưa Thiên vương rõ.

Lúc này, Thiên chủ Đế Thích liền dùng sự nhớ nghĩ hóa voi báu này có trăm đầu, mặt mày sáng sủa, sạch sẽ, mỗi đầu có mười ngà thảy đều trắng sạch, trên mỗi ngà có mười ao hoa, trong mỗi ao hoa có ngàn hoa sen, mỗi hoa sen có mười đài hoa, mỗi đài hoa có trăm cánh, trong mỗi cánh hoa có trăm ngọc nữ dùng năm loại âm nhạc để ca hát vui chơi, phát ra âm thanh thánh thót không gì sánh bằng. Y-la-bà-na là voi báu thù thắng như vậy, được Thiên vương Đế Thích biến hóa khiến thân to lớn cả ngàn do-tuần, màu sắc đẹp, trắng tinh, không gì hơn. Đế Thích cỡi lên mình voi để đến phá tan quân A-tu-la. Vô số các loại kỹ nhạc được tấu lên, hoặc có ca múa, hoặc có vui đùa, hoặc hò reo, kêu gọi, hết thảy đều hiện rõ uy đức đẹp đẽ khác lạ, rồi lần lượt rời khỏi thành Thiện kiến. Chúng trời thấy vậy liền ngự trên các bảo điện đủ màu sắc khác nhau và trang bị binh khí. Những kỹ nhạc, ca múa, đùa vui phát ra âm thanh vang động dồn dập khiến chư Thiên cùng nhau vui mừng, sung sướng, thấy Thiên chủ Đế Thích, họ càng

vui vẻ gấp bội.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích ngồi ngay thẳng trên mình voi báu. Chỗ của vua ngồi nhờ diệu lực của công đức hợp thành, có vô lượng chúng trời vây quanh, oai nghiêm bậc nhất, các chúng trời khác cũng vây quanh bên Đế Thích. Ánh sáng của Thiên chủ cõi trời Tam thập tam sáng hơn trăm ngàn ánh sáng mặt trời, tỏa chiếu đầy cả hư không. Tiếng các kỹ nhạc hòa tấu vang khắp hai vạn do-tuần, dội xuống đến chỗ chiến đấu của A-tu-la. Lúc này, Tứ Thiên vương Hộ thế phát ra âm thanh lớn, bay lên hư không, đến chỗ Thiên chủ Đế Thích và gặp Thiên chủ cõi trời Tam thập tam ở giữa hư không, thưa:

–Thưa Thiên vương! A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la Bát-ha-bà quyết đánh phá chúng trời, làm cho tất cả nơi chốn trong biển lớn đều náo loạn không yên, đến nỗi khiến cả trăm ngàn ngọn núi đều lay động. Chúng A-tu-la ra oai, vui mừng phát ra tiếng rất đáng sợ. Các loài cá và rồng nhỏ trong biển lớn đều mất hết sức lực. Vô số chúng sinh như quỷ La-sát nhỏ, quỷ Tỳ-xá-già đều bỏ mạng. Long ác hành theo phi pháp Bà-la-ma-thê thì vui mừng hả hê gầm hét như sấm động. Còn các Long vương pháp hành: Bà-tu-cát, Đức-xoa-ca thì âu sầu, lo lắng, tự giữ lấy thân mạng. A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la ra khỏi nước, khiến cho sáu vạn núi chân kim Tu-di Lâu đều chấn động, tất cả chúng sinh quanh đấy đều khiếp sợ. Còn trời Man trì, trời Thường tứ ý, trời Ca-lưu, trời Tam không hầu đều ái ngại lo sợ, bất an, sai tôi đến gặp đại Thiên vương. Thiên vương nên chỉ ra phương cách để phá tan ba cảnh giới của quân A-tu-la kia. Đó là A-tu-la vương La-hầu, A-tu-la vương Hoa Man và A-tu-la vương Dũng Kiện, khiến chúng đều bị thất bại tan rã.

Đế Thích nghe xong, nói với trời Hộ thế:

–Ta đã biết trước cả rồi. A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la Bát-ha-bà xuất binh làm não loạn cõi trời. Ta nay muốn xuống để bẻ gãy quân A-tu-la ấy cứu giúp chúng trời. Ta vì chánh pháp mà cứu giúp, hành theo chánh pháp. Pháp là cờ thù thắng, nên luôn cầu chánh pháp, ham thích chánh pháp, lìa bỏ phi pháp. Nhờ công đức này mà có thể phá tan quân A-tu-la, nhất định ta sẽ chiến thắng, chúng không thắng nổi ta đâu, đừng lo sợ gì cả! Ta nay đem đại quân đến chỗ A-tu-la, các ngươi chớ lo lắng. Vì sao? Vì người ở cõi Diêm-phù-đề hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính các Sa-môn, Bà-la-môn, các bậc trưởng lão, biết ân, báo ân, tu hành theo chánh pháp, giữ gìn chánh pháp, vui vẻ trong chánh pháp, tin thờ chánh pháp, cúng dường các bậc tu phạm hạnh, biết quả báo của nghiệp, đối với sáu ngày trai

giới, tự mình đều giữ trọn vẹn, thường hành bố thí, trì giới, tu phước, phát huy trí tuệ. Ta thường nhớ nghĩ và tu hành theo chánh pháp, vâng giữ và hành trì giới pháp. A-tu-la kia không hành theo chánh pháp nên chúng rất sợ hãi.

Nói xong, Thiên chủ Đế Thích đến đỉnh núi Tỳ-lưu-ly, trụ xứ của Tứ Thiên vương. Thấy Tứ Thiên vương, Thiên chủ Đế Thích nói với các chúng trời:

–Này Tứ Thiên vương Hộ thế, hãy tập hợp lại nơi đây để cùng nhau đánh dẹp quân A-tu-la.

Tứ Thiên vương Hộ thế thưa:

–Các chúng trời này thuộc quyền thống lãnh của Thiên vương, được Thiên vương ủng hộ, nương dựa vào Thiên vương nên không sợ A-tu-la và quân binh của chúng.

Chủ trời Tam thập tam nghe vậy thì rất vui mừng khen ngợi Thiên vương:

–Thiên vương luôn chiến thắng, chúng trời luôn chiến thắng.

Khen ngợi xong, trời Tam thập tam đến chỗ Tứ Thiên vương. Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích thống lãnh chúng trời với vô lượng trăm ngàn cung điện vây quanh. Thiên vương Đế Thích cỡi Tượng vương trắng lớn Y-la-bà-na, như trên đã nói. Thân tướng của Thiên chủ Đế Thích rất oai nghiêm, đẹp đẽ, ánh sáng của bảy báu rực rỡ giống như ánh chớp tỏa khắp hư không, vô lượng tiếng nhạc tưng bừng vang động khắp mười phương, trăm ngàn Thiên chúng hoan hỷ vây quanh ở núi Tu-di, chúng Càn-thát-bà tạo thêm vẻ trang nghiêm cho chư Thiên. Tiên thánh ca tụng, khen ngợi không gì sánh bằng, luôn cùng nhau thọ lạc. Đó là quả phước của nghiệp thiện nơi họ đã tạo nên đạt được an lạc bậc nhất.

Lúc này, Tứ Thiên vương thấy Thiên chủ Đế Thích đích thân lâm trận nên rất vui mừng. Thiên chủ Đế Thích nói với Tứ Thiên vương:

–Nay ta đến đây để hợp sức đánh bại quân A-tu-la, các ông đừng lo sợ, đại quân của chúng trời đều tập hợp về đây đông đủ.

Nghe vậy, Tứ Thiên vương vui mừng, tâu:

–Thưa Thiên vương, riêng một mình tôi cũng có thể đánh tan quân A-tu-la, huống chi có Thiên vương đến đây. Đại binh đều tập hợp sẵn sàng theo lệnh, nhờ có Thiên vương mà tôi không sợ A-tu-la chút nào cả.

Nói xong, Tứ Thiên chúng liền vây quanh rồi đứng qua một bên Đế Thích, xem xét phía quân địch là các A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la, A-

tu-la vương La-hầu, A-tu-la vương Dũng Kiện, A-tu-la vương Hoa Man. Nơi thân của Tứ Thiên vương thảy đều chỉnh tề với áo giáp kim cương của trời, tay cầm vũ khí với tâm niệm quyết đánh thắng quân A-tu-la. Các Long vương pháp hành như Bà-tu-cát, Đức-xoa-ca ở nơi điện báu uy nghiêm đẹp đẽ, tâm ý sẵn sàng chiến đấu, đứng qua một bên để chiêm ngưỡng Thiên chủ Đế Thích, đợi ban lệnh để phụng hành. Các Long vương đều nhìn xuống biển.

Bấy giờ, bốn A-tu-la vương bỗng nhiên đi ra, có vô số trăm ngàn quân binh vây quanh, tay cầm những khí cụ chiến đấu, nhắm phía trước tiến tới, không ngó hai bên, mặc dù có trăm ngàn ức đại chúng vây quanh. Tất cả núi Tu-di lưu đều chấn động. Trong số các A-tu-la vương thì bốn A-tu-la vương này là có sức mạnh hơn hết, lại hiểu rõ về kỹ thuật chiến đấu. Chúng ra khỏi nước giống như núi chúa Tu-di thứ hai, có các Long ác hành phi pháp Bát-ma-thê Tỳ-ma-chất-đa-la Bát-ha-bà cùng đi đến chiến trường. Binh chúng chư Thiên hiện ra đầy khắp cả hư không, còn quân A-tu-la thì đầy khắp trên biển cả, chuẩn bị trận đánh nhau lớn với chúng trời, nên đều suy nghĩ, muốn đứng qua một bên để xem trận chiến sắp diễn ra.

Khi ấy Tứ Thiên vương, Long vương Đức-xoa-ca, Long vương Bà-tu-cát, thưa Đế Thích:

–Thưa Thiên vương! Quân A-tu-la đang đứng ở phía trước chúng ta, vì sao Thiên vương không ra lệnh cho chúng tôi xung trận?

Thiên chủ Đế Thích nói với Thiên chúng và các Long vương:

–Nay ta sẽ sai Tứ Thiên vương Hộ thế xuống cõi Diêm-phù-đề quán xét các chúng sinh có hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính các Sa-môn, Bà-la-môn, tùy thuận tu hành theo chánh pháp chăng, thì có thể phá tan quân A-tu-la. Trời nhờ có chánh pháp ủng hộ, nương dựa vào chánh pháp. Do chánh pháp tăng trưởng nên chúng trời cũng được tăng trưởng, chánh pháp tổn giảm thì chúng trời cũng tổn giảm. Ta nay sai các ông xuống cõi Diêm-phù-đề đến thế giới của loài người xem rõ tình hình.

Nói xong, Thiên chủ Đế Thích liền ra lệnh cho Tứ Thiên vương:

–Ông hãy mau mau xuống cõi Diêm-phù-đề quán xét các chúng sinh, xem họ có tùy thuận theo chánh pháp, hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính cúng dường hàng Sa-môn, Bà-la-môn, các bậc trưởng lão, tự mình giữ gìn trai giới, hành bố thí, trì giới, không buông lung, tùy thuận theo chánh pháp không?

Nghe xong, trong khoảnh khắc như mũi tên bắn, Tứ Thiên vương Hộ thế đã tới cõi Diêm-phù-đề, đến từng trụ xứ, từng xóm làng, thành ấp,

doanh trại, ngả đường, từng quốc độ, xem xét hết thảy đều thấy dân chúng cõi Diêm-phù-đề hiếu dưỡng cha mẹ, cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc trưởng lão, tất cả ai nấy đều như pháp tu hành. Thấy vậy, Tứ Thiên vương Hộ thế rất vui mừng, chỉ trong giây lát đã về tới chỗ Đế Thích, vô cùng hoan hỷ, thưa:

–Thật đáng vui mừng, thưa Thiên chủ Thích-ca! Vì người nơi cõi Diêm-phù-đề tu hành theo chánh pháp, hiếu dưỡng với cha mẹ, cung kính các Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc trưởng lão, hành bố thí, tu đức, làm cho chúng trời được tăng trưởng, quân A-tu-la tổn giảm.

Nghe xong, Thiên chủ Đế Thích càng hoan hỷ bội phần, nói với Tứ Thiên vương Hộ thế:

–Tất cả chúng trời hãy nên vui mừng, ta nay sẽ đánh tan quân A-tu-la. Vì sao? Vì người ở cõi Diêm-phù-đề phần nhiều đều tu phước đức.

Chúng trời nghe vậy đều thích thú, khiến sức lực tăng thêm gấp mười lần lúc trước, cùng tâu Thiên vương:

–Vì sao chưa ban lệnh xung trận? Chúng ta đã nhờ vào oai lực của Thiên vương nên sẽ đánh bại kẻ thù, khiến cho chúng trời thắng lớn.

Thiên chủ Đế Thích nói với các Long vương Đức-xoa-ca, Bà-tu-cát:

–Các ông hãy tiến quân thật nhanh đến chỗ Long vương phi pháp Bát-ma-thê ấy, đừng đến nơi dàn quân của A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la.

Nghe xong, các Long vương Bà-tu-cát, Đức-xoa-ca liền tiến quân thật nhanh đến chỗ quân rồng phi pháp Bát-ma-thê, bạn của A-tu-la, tuôn mưa lửa dữ. Lúc ấy, A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la Bát-ha-bà liền sai Bát-ma-thê phóng ra tia chớp cháy rực, nhưng tất cả rồng ác trên thân đều bị lửa đốt cháy, chịu mọi thứ khổ não, chỉ trong khoảnh khắc đã bị phá tan, lui chạy nhanh đến báo cho quân A-tu-la:

–Nếu quân phân tán ra thì không thể thắng quân binh đông đảo của kẻ thù được! Tất cả nên tập hợp lại để chiến đấu mới mong thắng được.

Nói vậy rồi, các Long ác liền chạy đến chỗ hai Long vương Bà-tu-cát, Đức-xoa-ca. Thấy Long ác đến, Long vương Bà-tu-cát nói với Long vương Đức-xoa-ca:

–Do tâm xấu ác sân giận mà chúng đến đây. Chúng ta sẽ làm suy não chúng để chúng không dám trở lại nữa. Nếu không trừng trị thích đáng thì chúng cứ luôn đến não loạn chúng ta như vậy.

Nói xong, Long vương Đức-xoa-ca liền đi nhanh đến chỗ Long

vương Bát-ma-thê, từ trên hư không mưa xuống vô số lửa dữ, phóng ra khói lửa thiêu đốt Long ác ấy. Bị thiêu đốt, Long ác bèn rút chạy đến chỗ A-tu-la để mong được cứu sống. Thấy sự tình này, A-tu-la vương La-hầu nói:

–Loài rồng này bị thua trận nên rút chạy về đây. Chúng tôi làm sao bỏ các ông cho đành!

Nói rồi, A-tu-la vương La-hầu ra sức chạy tới. Thấy A-tu-la vương La-hầu đến, trời Ca-lưu cũng tiến ra để giao chiến. Thật là ác liệt! Giống như bên bờ dốc hiểm, các A-tu-la nhỏ ở nơi biển lớn đều điếc cả tai, hoặc có tên khiếp sợ đến nỗi mất mạng. Từ không trung lại tuôn mưa đao rơi xuống tới tấp cả trăm ngàn vạn số. Khi chiến đấu như vậy, nếu chúng trời bị chém đứt tay chân thì liền mọc ra, hoàn toàn vô sự, toàn bộ thân hình cũng như thế, không mệnh hệ gì, sắc tướng không thay đổi, vẻ đẹp đều như cũ, chỉ trừ khi nào bị chặt đầu hoặc đứt nửa thân mình. Trời và A-tu-la oán thù nhau, chiến đấu như vậy, nếu A-tu-la bị chúng trời chém đứt thì không mọc ra lại, cũng như con người, phải chịu các thống khổ, chứ không như cõi trời. Bấy giờ, trời Ca-lưu cùng A-tu-la vương La-hầu chiến đấu dữ dội. Trời Ca-lưu lại lấy vô số núi lớn đổ tuôn xuống chỗ quân A-tu-la, khiến mặt trận của kẻ địch bị phá vỡ, tan rã thành trăm ngàn phần. Thấy quân mình bị phá tan, A-tu-la vương La-hầu liền dùng núi lớn rộng ba trăm do-tuần khiến chạy ào đến chỗ chúng trời. Trời Ca-lưu thấy vậy liền giương cung lắp tên cũng chạy tới bắn vào núi khiến tan tành như cát vụn rớt xuống biển, rồi từ hư không lại mưa đao xuống. Quân A-tu-la thấy vậy, do tâm súc sinh ít mạnh mẽ nên càng khiếp sợ, bèn chạy tới chỗ quân của A-tu-la vương Dũng Kiện. A-tu-la vương Dũng Kiện thấy binh chúng thoái lui, liền nói:

–Đại vương La-hầu này chỉ có thân to, nhưng trống rỗng, không có chút sức lực nào cả, bị trời đánh bại phải chạy đến đây để mong được cứu giúp, thật giống như đám A-tu-la tầm thường không khác. Vì không có sức mạnh, chứ nếu có thì chỉ một thân ấy cũng có thể phá trừ được tất cả chúng trời. Thân ấy như núi Tu-di chúa thứ hai, trời Ca-lưu này dũng mãnh bậc nhất, có thể chống cự lại thân to lớn ấy, nhưng không thể hủy hoại được.

Nói xong, A-tu-la vương Dũng Kiện liền cùng với chúng Đà-ma-hầu chạy đến chỗ trời Ca-lưu để tiếp tục đánh nhau. Chúng trời thấy vậy liền nói với trời Man trì:

–Xin đến mau! Xin đến mau! A-tu-la vương Dũng Kiện đang thống lãnh đại quân A-tu-la đến chỗ chúng ta.

Nghe vậy, trời Man trì liền cho quân tiến thật nhanh đến chỗ của A-tu-la vương Dũng Kiện và La-hầu. A-tu-la vương La-hầu cùng với A-tu-la vương Dũng Kiện lại trang bị cẩn thận, quay trở lại chỗ chúng trời chiến đấu với trời Ca-lưu. Nhớ đến thù oán từ xưa, hai A-tu-la vương bèn dùng núi đá lớn ném về phía kẻ địch. Trên không vẫn mưa đao, tên và nhiều loại khí giới và ném cây to tung kín khắp hư không, chẳng còn thấy nhau được. Trong hàng trăm ngàn trận đánh nhau, không trận nào dữ dội bằng trận chiến này. Những bộ phận trên thân của chúng trời nếu có bị hại thì lại mọc ra, như trên đã nói, còn quân A-tu-la thì không như vậy, cũng như pháp của loài người. Các quân binh thuộc chúng trời thì chỉ khi nào bị chặt đầu thì mạng không giữ được, nếu bị chém giữa eo lưng thì cũng không sống được.

Lúc này, chúng trời bị tổn giảm thì ít mà chúng A-tu-la bị tiêu diệt thì nhiều. A-tu-la đã bị chúng trời phá tan, quân binh còn lại thì rút lui xuống biển hầu mong được cứu giúp. Chúng trời bèn kêu to, quân A-tu-la nghe tiếng ấy đều mất hết oai lực, mạng sống càng trở nên mỏng manh, còn A-tu-la vương La-hầu, A-tu-la vương Dũng Kiện thì chạy về thành cũ, nhưng đứng ngoài cửa, không dám vô.

Bấy giờ, A-tu-la vương Hoa Man ở cảnh giới thứ ba thấy các A-tu-la vương La-hầu, Dũng Kiện bị chúng trời đánh bại nên nói với quân lính:

–Quân của chúng ta đã đến hết đây rồi. Hãy chuẩn bị chiến đấu với chúng trời. Chúng ta có sức mạnh lớn, trời đâu làm gì ta được!

Nói xong, A-tu-la vương Hoa Man cùng quân mình chạy đến chỗ chúng trời và tập hợp số tàn quân của A-tu-la vương La-hầu, Dũng Kiện, tất cả trở lại quyết đánh với chúng trời. Chúng nói với nhau:

–Vì sao dối xưng là A-tu-la vương mà lại tháo chạy tán loạn? Chính bản thân mình không có sức mạnh, lại không có tài chiến đấu, ngay cả binh đao tốt cũng không có. Giả sử có về đến cung thành thì bị vợ con hủy nhục.

Nói xong, khí lực của chúng A-tu-la phục hồi mạnh mẽ, thân như núi lớn, tay cầm binh khí tiến nhanh như gió hướng tới chỗ chúng trời để quyết đấu. Lúc ấy, thiên sứ và trời Man trì, trời Thường tứ ý, trời Ca-lưu cùng nhau bàn bạc:

–Tất cả quân A-tu-la đều đã tập hợp lại, đang tiến đến chỗ chúng ta. Chúng ỷ vào sức mạnh của mình mà sinh tâm kiêu mạn, không biết sức lực hơn hẳn của trời.

Nói xong, chư Thiên cùng tiến về phía quân A-tu-la giao chiến. Phía trên cao nào mưa núi lớn, mưa đá tảng, đao kích, lại cùng đánh chém, giết hại nhau vô số, bức bách nhau vô số, thật là ác liệt, thây chết nằm khắp trên

biển. Hai bên cứ ùa vào đánh chém nhau bằng mọi cách, không thể nói hết. Rồng cùng với rồng cũng đánh nhau kịch liệt.

Thấy vậy, Thiên chủ Đế Thích nói với chúng trời Tam thập tam:

–Hãy chuẩn bị đầy đủ và nhanh lên. Tất cả quân A-tu-la đều đã đến đây, chỉ trừ A-tu-la Bát-ha-bà. Ta sẽ cỡi voi trắng sáu ngà Y-la-bà-na để đến chiến đấu với A-tu-la vương Bát-ha-bà.

Nói với chư Thiên xong, Thiên chủ Đế Thích khích lệ voi chúa trắng Y-la-bà-na:

–Bây giờ ta cỡi ngươi đến dẹp tan A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la và quân binh của hắn.

Rồi Thiên chủ Đế Thích tay cầm chày kim cang, xem xét khắp trận chiến đang diễn ra, thấy chúng trời đại thắng, quân A-tu-la thua to rút chạy, khí thế của chúng trời vô cùng mạnh mẽ, Thiên vương Đế Thích rất mừng vui sung sướng. Khi ấy, A-tu-la vương Bát-ha-bà thấy sự tình này, suy nghĩ: "Vô lượng ức na-do-tha quân binh của nơi ba cảnh giới của A-tu-la đang chiến đấu đều mất hết dũng khí và đã bị phá tan như trước.

Tất cả những hình ảnh thấy ở ao Nhất thiết quán đều không sai, đúng như thật không chút hư dối. Nay ta sẽ đến để phá tan Thiên chủ Đế Thích và các chúng trời".

A-tu-la vương Bát-ha-bà suy nghĩ xong, chúng trời đã kéo đến nơi cửa vào đáy biển. Bấy giờ A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la Bát-ha-bà hết sức giận dữ, khiến các núi lay động, nước trong biển bắn tóe lên. Ánh sáng của mặt trời trên đỉnh núi đều biến thành màu đỏ. Quân binh A-tu-la nơi đáy biển chúng trời thắng trận, quân A-tu-la bỏ chạy tan tác, nên cũng chạy hết xuống biển, không ai còn sức lực, cũng không ai cứu giúp được, nên tất cả đều hỗn loạn. Chúng trời la hét dữ dội khiến hết thảy quân A-tu-la đều mất hết khí thế. Chúng nói với nhau:

–Ta nay không còn sức lực nữa. Không ai cứu giúp cả.

Có A-tu-la nói:

–Đừng sợ! Đừng sợ! Hãy quay lại chiến đấu, đừng chạy nữa!

Vừa nói xong, bỗng thấy mưa đá từ trên đỉnh núi ào xuống đánh vào quân A-tu-la. Chúng trời rất vui, la hét:

–Hãy bắt lấy A-tu-la, hãy bắt lấy hết quân binh A-tu-la! Hãy giết hết loài súc sinh phi pháp hành ác kia, vì chúng luôn đến quấy nhiễu đánh phá chúng ta. Chúng không thể chiến đấu nổi, vì chúng nhát như chim, quạ, không có ý chí dũng mãnh, không biết sử dụng tốt đao kích, nên chúng phải

bị thua trận, khiến không dám quay lại nữa. A-tu-la này chiến đấu không biết thời cơ.

Tất cả chúng trời đều vui mừng như vậy rồi cùng nhau hướng đến đánh dẹp quân A-tu-la. Khi chiến đấu, chúng trời sân giận thì mắt đỏ ngầu giống như ráng đỏ. Lại tuôn mưa đao, kích, mưa lửa dữ, giống như những trận mưa lớn vào mùa thu. Chúng trời đánh tan quân A-tu-la như thế.

Khi ấy, A-tu-la vương Bát-ha-bà ngồi trên điện có trăm ngàn vòng với vô lượng ức A-tu-la tùy tùng vây quanh. A-tu-la vương Bát-ha-bà mưa các loại đao, kích, dùng tay bưng núi lớn khoảng một do-tuần, cho tới năm do-tuần, ném mạnh về phía chúng trời. A-tu-la vương La-hầu thấy sự việc ấy nên khí lực phục hồi lại ngay, nên dẫn quân quay lại chiến đấu. A-tu-la vương Bát-ha-bà an ủi quân binh:

–Đừng sợ hãi! Đừng sợ hãi! Ta nay đến đây là để phá tan hết thảy chúng trời để chúng phải thua trận. Các ngươi chớ sợ sệt, các A-tu-la vương cũng đừng khiếp sợ. Nếu các ngươi trở về cung thành cũ, đến chỗ vợ con thì làm sao dám xưng mình là bậc trượng phu? Thật ra các ngươi không có chút dũng mãnh nào cả, chỉ dối xưng mình là trượng phu thôi!

Nói vậy rồi, A-tu-la vương Bát-ha-bà tiến quân nhanh về phía chúng trời. Thấy vậy, chúng trời cũng cho quân ào đến thật nhanh. Hai bên giao chiến với nhau thật dữ dội, la hét vang dội, làm chấn động cả khe suối, hang hẻm trong núi Tu-di lưu.

Bấy giờ, A-tu-la vương La-hầu chạy đến chỗ trời Ca-lưu, A-tu-la vương Dũng Kiện tay cầm kích lớn chạy tới chỗ trời Man trì, A-tu-la vương Hoa Man thì tay bưng núi lớn khoảng ba do-tuần chạy lại nơi chúng trời Tam không hầu và sứ giả trời. Trận chiến ác liệt đã diễn ra như vậy, hết thảy chúng sinh chỉ nghe nói cũng đều rợn người, huống chi là chính mắt trông thấy. A-tu-la vương Bát-ha-bà lại muốn mau chóng đánh tan chúng trời giống như gió thổi mây, vì tự ỷ mình có sức mạnh lớn nên không sợ kẻ địch. Lúc ấy, Tứ Thiên vương thấy quân binh rối loạn liền đến thưa với Thiên chủ Đế Thích chủ trời Tam thập tam:

–Thưa Thiên vương, chúng trời chiến đấu một mình, e bị quân A-tu-la đánh thắng. Thiên vương! Xin hãy mau mau đến đó, đừng để chúng trời bị tiêu diệt mà lũ súc sinh kia lại thắng. Thiên vương, xin hãy nhanh lên! Tất cả chúng trời ở đây xin hãy rời Thiện pháp đường và tiến quân thật nhanh!

Nghe nói như thế, tất cả chúng trời cõi Tam thập tam đều tiến nhanh đến chỗ A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la Bát-ha-bà cùng tuôn mưa đao,

tên. Phía trên trời Tam thập tam thì A-tu-la vương Bát-ha-bà đang tuôn mưa núi đá lớn đầy khắp hư không. Hết thảy quân binh hai bên đều hợp lại để chiến đấu, la hét dữ dội. Mỗi bên đều cho rằng quân mình thắng trận. Chiến đấu như thế khiến cho trăm ngàn núi va vào nhau, bị đánh tan nát vụn như bụi tung khắp hư không, cả ngàn do-tuần. Trong đám mây bụi mù này lại thay nhau nào mưa tên, nào mưa núi, giống như mưa vào mùa thu, làm cho vô số ức chúng A-tu-la bị tiêu diệt không trở về được. Nơi chúng trời cũng có rất nhiều người bị chết. Đám A-tu-la nhút nhát vì lo giữ thân mạng nên kéo chạy về cung thành cũ, quân thất trận còn lại cũng đã vào thành hết cả. Lúc ấy, các phụ nữ A-tu-la đến hỏi:

–Hiện nay chồng tôi ở đâu?

A-tu-la trả lời:

–Quân A-tu-la chiến đấu với chúng trời và đã đánh tan kẻ địch. Mọi người nên vui mừng, không bao lâu họ sẽ về tới nơi.

Các người vợ A-tu-la liền đến đến ao Nhất thiết quán để xem xét quân A-tu-la. Họ thấy chúng trời thắng trận, quân A-tu-la bị tan rã, thây chết nằm ngổn ngang, số còn sống thì chạy tứ tung. Thấy vậy, các người vợ đau buồn sầu não té quỵ trên đất, khóc lóc, kêu gào thảm thiết, đấm ngực la hét, bức tóc, đánh vào thân, nước mắt ràn rụa. Thấy hình ảnh chồng chết trong ao, các bà vợ càng thêm sầu não. Trời và A-tu-la đã đánh nhau kịch liệt như vậy, còn A-tu-la vương Bát-ha-bà cùng với vô số ức A-tu-la theo hộ vệ đi đến chỗ Đế Thích. Thấy thế, Đế Thích nói với chúng trời:

–Nay quân A-tu-la này lại quay đến đây chiến đấu với chúng ta, thật khó có thể chế ngự được chúng. Chúng ta hãy lấy chánh pháp làm bạn để phá sạch quân địch, giống như ánh sáng trừ tối tăm.

Nói xong, Đế Thích cỡi voi chúa trắng Y-la-bà-na. Voi ấy đi rất nhanh, giống như tên bắn, có cả chúng trời Thiện pháp theo hộ vệ từ trên cao hạ xuống, thẳng tới chỗ quân A-tu-la, nhổ hết các cây cối to lớn, quăng vào đầu của quân A-tu-la, lại ném đá tảng lớn, mưa tên lớn vào chỗ A-tu-la vương Bát-ha-bà. Lúc này, A-tu-la vương Bát-ha-bà cỡi xe lớn tiến đánh Thiên chủ Đế Thích. Trời Đế Thích nói với A-tu-la vương Bát-ha-bà:

–Ngươi là đồ súc sinh, trụ vào đạo phi pháp. Ngươi đi đến đâu ta cũng sẽ đánh thắng, khiến ngươi phải quay về dưới biển.

Tỳ-ma-chất-đa-la Bát-ha-bà nói với Thiên chủ Đế Thích:

–Ta sẽ đánh bại ngươi và cả chúng trời nữa.

Tỳ-ma-chất-đa-la Bát-ha-bà bèn lấy núi vàng lớn khoảng năm trăm do-tuần ném mạnh vào chúng trời. Thấy núi vàng bay đến, voi chúa trắng

Y-la-bà-na phun ra gió dữ thổi vào núi ấy làm cho nó tan nát như cát và rơi xuống biển. A-tu-la vương thấy núi vàng bị nát vụn, lại lấy núi bằng kim cương khoảng năm trăm do-tuần quăng vào trời Đế Thích. Lúc ấy, voi chúa trắng Y-la-bà-na bèn dùng vòi đón lấy, đánh trở lại vào ngực A-tu-la vương Bát-ha-bà khiến tướng A-tu-la phải nhào lộn. Thấy vậy, trời Tam thập tam la to:

–Súc sinh kia, ngươi đã bị Thiên vương đánh bại, bị voi trắng đánh khiến phải đảo lộn, huống chi là Đế Thích tay phóng chày kim cang.

Nghe nói vậy, tất cả chúng trời liền cùng ào đến chỗ quân A-tu-la. Có trời lấy đá tảng lớn, có trời dùng cây lớn hoặc núi lớn, kích lớn, mâu lớn, hoặc làm sấm sét nổi lửa mịt mù. Hoặc cầm lưỡi lê chém đâm, cầm đao luân, đao kích đánh phá. Có trời đi trên hư không, có trời cầm cung tên, cầm núi Vi, cầm xoa, có trời theo pháp để chiến đấu, có trời theo đạo lý, vâng giữ, hoặc dối gạt, hoặc chiến đấu bằng lửa, bằng nước, bằng cưa, bằng móng tay, bằng xe, hoặc la to khiến người nghe không thể chịu nổi. Hoặc lấy chân đạp, hoặc chiến đấu bằng tay. Những loại binh khí như vậy đều có đầy đủ nơi thân. Đế Thích đốc thúc và tất cả chúng trời cùng nhắm đến chỗ quân A-tu-la. Thấy chúng trời cầm tất cả binh khí ào đến thì các A-tu-la vương Bát-ha-bà, La-hầu, cũng tiến quân lại chỗ Đế Thích. Chúng trời thấy bốn A-tu-la vương cùng tiến tới chỗ Thiên chủ Đế Thích, nên thảy đều chuẩn bị để xung trận. Thiên chủ Đế Thích tự xem qua chúng trời, liền nói với A-tu-la:

–Đám súc sinh các ngươi vì sao mà ngu si như vậy, không hiểu biết gì cả? Hết thảy sức mạnh của A-tu-la không bằng sức lực của một vị trời. Chỉ một trời Tam thập tam cũng có thể phá tan quân binh các ngươi. Vì sao? Vì trời có sức mạnh lớn của chánh pháp, còn các ngươi thì không có. Pháp và phi pháp cách nhau rất xa, giống như ánh sáng mặt trời so với chốn tối tăm. Như lấy lời nói thật so với lời nói hư dối. Như núi Tu-di đem so với các núi nhỏ. Như lấy pháp giải thoát so với sự trói buộc. Như tăng trưởng so với tổn giảm. Như bạn lành so với oán thù. Như lấy nước cam lồ so với thuốc độc. Như giữa trưa so với chiều tối. Như chân châu so với thứ ngọc giả. Như giàu sang so với nghèo khổ. Giống như đi sứ so với ở một chỗ. Như ánh sáng đom đóm so với ánh sáng mặt trời. Như kẻ không chân so với gió mạnh. Như vậy, giữa hai bên đã cách nhau rất xa. Như người mù so với người mắt sáng. Như lấy đường gập ghềnh so với đường bằng phẳng. Như đem ngoại đạo so với Như Lai. Giống như hư không so với mặt đất. Như lấy một niệm so với một kiếp. Ngươi với ta cách xa một trời một vực

cũng như vậy. Ngươi không thuận theo chánh pháp, còn ta thì kính trọng chánh pháp. Ngươi là kẻ ngu si, còn ta thì có trí tuệ. Ngươi không tu phước, còn trời tu hành theo phước đức. Ngươi là súc sinh, ta là trời trong sạch. Nếu biết như vậy rồi, ngươi không nên chiến đấu với ta nữa.

Nói xong, Đế Thích liền khiến voi chúa Y-la-bà-na hướng đến A-tu-la nói kệ:

Chánh pháp thắng phi pháp
Nói thật thắng nói dối
Trí tuệ thắng ngu si
Trời thắng A-tu-la.

Nói vậy xong, Thiên chủ Đế Thích bèn hóa thành voi Y-la-bà-na hướng tới quân A-tu-la, vượt qua nhanh như gió, cầm ngàn chày kim cương nhọn, khiến quân A-tu-la hoảng sợ, nhưng không có tâm giết hại. Thấy Thiên chủ Đế Thích, quân A-tu-la cũng tiến tới thật nhanh. Bấy giờ, Tứ Thiên vương, chúng trời Tam thập tam cũng đều tụ hội đầy đủ. Trời và A-tu-la giao chiến, hai bên đều hy vọng mình thắng trận nên chém giết lẫn nhau. Quân A-tu-la có tên bị thương hoặc bỏ mạng, có tên nhút nhát lùi chạy về, có tên ở lại xem, có tên khởi ý nghĩ muốn trở về, có tên tức giận hoặc si loạn, sợ hãi. Thiên chủ Đế Thích liền biến hóa khiến A-tu-la chỉ thấy voi chúa trắng Y-la-bà-na, trên mỗi mỗi đầu có ngàn vị Đế Thích, trong tay đều cầm chày kim cương ngàn mũi nhọn. Tất cả binh khí cũng như các ao sen như trước đã nói. Trong ao sen có vô lượng ngàn ức Thiên vương Đế Thích. Voi Y-la-bà-na hóa làm mười đầu, trên mỗi mỗi đầu có ngàn ao tắm, trong mỗi mỗi ao tắm có ngàn hoa sen, mỗi mỗi hoa sen có trăm đài hoa, mỗi mỗi đài hoa có ngàn cánh. Mỗi đài hoa nơi đầu voi có trăm ngàn ức Thiên vương Đế Thích cầm ức na-do-tha loại vũ khí, kiếm báu kim cương, không có chỗ xen hở. Thấy sự việc biến hóa như vậy, quân A-tu-la khiếp sợ suýt chết, suy nghĩ: "Thiên chủ Đế Thích đầy khắp hư không, không có chỗ trống, tay cầm những loại khí giới nào dao, mác, thân tướng oai vệ mạnh mẽ, với đủ loại binh khí kia thật đáng kinh sợ". Suy nghĩ như thế, A-tu-la càng sợ hãi nên chạy vội xuống nước. Quân binh của trời Đế Thích cũng đầy khắp ở biển lớn. Bấy giờ, A-tu-la tuy sợ hãi khiếp vía nhưng cũng cùng nhau nói với A-tu-la vương Bát-ha-bà:

–Đại vương A-tu-la, đừng sợ sệt! Chúng ta có thể đánh thắng được Thiên vương Đế Thích.

Nghe thế, A-tu-la vương Bát-ha-bà chạy thật nhanh đến chỗ voi chúa trắng Y-la-bà-na. Y-la-bà-na tức khắc dùng vòi quấn lấy thân A-tu-la

vương quay tròn trên hư không giống như người lắc linh, đến khi kẻ địch gần chết mới chịu thả. Khi được thả ra, nghỉ một chút, A-tu-la vương Bát-ha-bà nói với chúng A-tu-la:

–Một người không thể đánh bại Đế Thích, phải tận lực hết cả sức mạnh của A-tu-la để đánh thắng địch thủ.

Khi ấy, bốn A-tu-la vương liền tiến quân đến chỗ voi chúa Y-la-bà-na. Đế Thích thấy vậy liền phóng mưa đá kim cương đánh vào quân A-tu-la khiến chúng phải tháo chạy, chỉ trừ là không bị giết. Bấy giờ, A-tu-la mưa vô số núi lớn, đao, kiếm, mâu xuống chỗ quân của Thiên vương, giống như mưa vào mùa hè, nhưng thân Thiên vương vẫn oai nghiêm không bị thiệt hại gì cả. Thiên vương cùng A-tu-la giao chiến dữ dội như vậy, các chúng trời khác thấy thế bèn chạy đến trợ chiến. Quân A-tu-la lại ào theo chúng trời để giao chiến, gây ra vô số não loạn. Cảnh tượng thật khủng khiếp, náo động tột cùng.

Chúng trời và A-tu-la đánh nhau dữ dội như vậy, với vô số khí giới được sử dụng, vô số chiến thuật được áp dụng để giành thắng lợi. Tuy thấy vô số chúng A-tu-la đang ở trước mặt mình, nhưng Thiên chủ Đế Thích không giết, chỉ muốn xua tan khiến chúng phải tháo chạy mà thôi. Lúc này, A-tu-la vương Bát-ha-bà Tỳ-ma-chất-đa-la và quân binh thua chạy tán loạn tìm người cứu giúp, tìm nơi nương tựa, rồi trở về nơi biển lớn, chỉ tới cửa thì đã mất hết sức lực. A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la Bát-ha-bà cỡi xe trăm ngàn căm để chống địch, ra lệnh cho ba A-tu-la vương kia chạy trước để làm cho chúng trời phải sợ sệt, hỗn loạn. Lúc đó, Thiên vương Đế Thích nói với voi chúa trắng Y-la-bà-na:

–Hãy mau mau đuổi theo A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la. Vì kiêu mạn, chúng tự cho mình có sức mạnh, ngươi hãy nhanh chóng tiến đánh dẹp sạch xe trăm ngàn căm của hắn đang cỡi. Bậc Đại tiên đã giảng dạy giới "không sát sinh" là đường vào Niết-bàn. Lời dạy này rất đúng, vì chúng sinh đều yêu mến thân mạng mình, nên đừng giết hại họ. Ngươi hãy mau đến đó phá hủy xe của hắn tan ra làm trăm ngàn mảnh.

Nghe lệnh xong, voi chúa trắng Y-la-bà-na liền biến hóa thân mình nhanh như gió thổi, đã ào tới biển lớn. A-tu-la vương Bát-ha-bà Tỳ-ma-chất-đa-la thấy vậy càng sợ hãi, ở nơi đáy biển đi ra thật nhanh, nhưng chẳng còn sức lực nào để tấn công. Nhờ khí lực mạnh mẽ, voi chúa Y-la-bà-na xông tới chỗ Bát-ha-bà đoạt lấy xe, khiến vua A-tu-la phải rớt khỏi xe và văng ra ngoài. Voi Y-la-bà-na hiện ra trước mặt A-tu-la vương Bát-ha-bà và bẻ nát xe báu kia, giống như bẻ củi khô mục. Lúc ấy, A-tu-la

vương Hoa Man cũng mất hết sức lực, suýt chết và nghĩ đến vợ con nên vội vàng chạy xuống cửa biển. A-tu-la vương Dũng Kiện cũng chạy trốn dưới nước, ẩn vào cửa cung để mong thoát mạng. Còn A-tu-la vương La-hầu cũng phải lẫn trốn, chui vào cửa, cả ba đều mong thoát chết. Tuy có thân tướng to lớn, nhưng cả chúng A-tu-la đều không còn khí lực. Thấy chúng A-tu-la bị thất bại, chúng trời rất vui mừng, nói:

–Quân A-tu-la đã bị phá tan, tháo chạy hết cả!

Chúng trời trời thấy vậy, đều nói:

–Chúng ta sẽ đi xuống cửa của chúng để quan sát xem đám A-tu-la bị thua trận tan tác ra sao.

Các trời đều đi thật nhanh xuống biển, thấy quân A-tu-la bị tan tác giống như gió mạnh thổi tan mây nổi. Thấy vậy, Thiên chủ Đế Thích nói với chúng A-tu-la:

–Vì sao các ngươi tự mình gây ra việc xấu ác này, làm cho vô số chúng A-tu-la phải mất mạng? Các ngươi gây oán thù với chúng trời thật chẳng lợi ích gì. Vì người trong cõi Diêm-phù-đề đều thuận theo chánh pháp tu hành. Do loài người tu thiện nên chúng trời có sức mạnh. Nếu loài người hành bất thiện thì trời bị tổn giảm. Các ngươi không biết thời cơ cứ gây oán thù với ta, đâu có ích lợi gì! Các ngươi muốn đánh chúng trời nhưng ngược lại chỉ tự mình chuốc lấy thảm hại.

Nghe vậy, chúng A-tu-la đều lặn xuống nước để mong được sống. Thiên chủ Đế Thích bèn ra lệnh:

–Chúng trời hãy lui binh, trở về trụ xứ của mình. Quân A-tu-la đã mất hết khí lực cả rồi, chỉ còn mạng sống nhỏ nhoi. Hãy tha cho chúng.

Chúng trời thưa Thiên vương:

–Đám A-tu-la này không thể chế ngự được, không biết lượng sức mình, không xét kỹ sức người. Chúng ta nên quay lại đánh tan, khiến chúng không còn trở lại cõi trời quấy phá, có thế chúng ta mới hưởng trọn an lạc, không khổ não về A-tu-la nữa. Bọn A-tu-la này vì sao cứ muốn làm não hại những người tu hành theo chánh pháp? Nếu ta không trả thù thì quyết không trở về.

Nói xong, chúng trời đều mang theo tất cả khí giới nào dao, gậy, mâu, giáo… tiến quân thật nhanh đến chỗ quân A-tu-la, tạo mọi uy hiếp, khiến chúng càng bị tán loạn, nhưng không giết chết. Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích khởi tâm Từ bi, sợ A-tu-la vương Bát-ha-bà kinh hãi mà chết, nên nói với chúng trời:

–Các ngươi phải nên khởi phát lòng Từ bi.

Nói xong, Thiên chủ Đế Thích cùng tất cả chúng trời ở Thiện pháp đường trở về thiên cung. Thấy Thiên chủ Đế Thích lui quân, Tứ đại Thiên vương bèn nói với chúng trời Tam thập tam:

–Thiên vương đã lui binh, các ngươi cũng nên trở về.

Được thắng trận lớn, tất cả chúng trời đều vui mừng, cùng trở về trụ xứ. Thiên vương Đế Thích cỡi voi chúa trắng Y-la-bà-na, được chư Thiên trời Tam thập tam hết lời ca tụng, khen ngợi. Sau đó tất cả cùng đến cõi trời thứ hai *(trời Đao-lợi)*, tới Thiện pháp đường, còn các chúng trời khác đều về bổn cung. Tất cả chúng trời đều đặt áo giáp vào rừng Tập điện. Voi chúa Y-la-bà-na hiện nguyên hình như cũ và vào ao hoa sen thuộc thế giới trời để hưởng năm dục lạc. Công năng của năm dục chư Thiên luôn được thọ hưởng, nên họ hay cùng nhau vui chơi trong vườn, ao. Long vương Bà-tu-cát, Long vương Đức-xoa-ca đánh thắng quân A-tu-la rồi, lòng rất vui mừng, trở lại thành Hý lạc. Quân binh A-tu-la bị thất bại thân thể bị tàn hại, nên cúi đầu xấu hổ trước mọi người thân. Còn các người nữ thì cũng rất khổ não nên đi đến chỗ A-tu-la. A-tu-la vương La-hầu nói với các A-tu-la bị thua trận:

–Trước đây ta đã chẳng từng nói với các ngươi đừng chiến đấu với chúng trời đó sao? Vì người ở cõi Diêm-phù-đề thuận theo chánh pháp, hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc trưởng lão, nên A-tu-la bị tổn giảm. Ta đã nói rồi mà các ngươi không chịu nghe, cho nên ngày nay mới chịu quả ác này, khiến cho chúng trời sát hại vô số A-tu-la của ta.

Có A-tu-la nói với A-tu-la vương La-hầu:

–Đại vương nói rất đúng, vì không nghe lời dạy bảo, chiến đấu không đúng thời nên ngày nay phải chịu quả ác như vậy.

A-tu-la Đà-ma-hầu nói:

–Vì nghiệp đã thành thục, khiến chúng ta không trở về được, sinh tâm ý như thế nên phải chịu quả ác này.

Thay phiên nhau nêu bày rồi, mỗi A-tu-la vương đều trở về địa phận của mình. A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la đến cảnh giới thứ tư, vào thành cũ, cảm thấy rất xấu hổ, cúi đầu sầu não, còn các thể nữ vây quanh cũng buồn bã đau khổ. Các Long ác Bát-ma-thê… đều mất hết khí lực, trở về thành Hý lạc. Như vậy, ái độc đã hủy hoại chúng sinh, sát hại nhau mà luân hồi trong thế gian không chút an vui. Các đệ tử của Phật nên quán xét như vậy rồi, xa lìa được ý dục.

Lại nữa, người tu hành trong tâm quan sát chánh pháp, tùy thuận tu hành. Tỳ-kheo này đã quán xét như vậy rồi, đạt được Địa thứ mười bảy, tâm luôn ưa thích quán xét về đệ nhất thật đế.

Bấy giờ, Dạ-xoa trên đất liền biết được sự việc này nên rất vui mừng, liền nói với Dạ-xoa hư không. Dạ-xoa hư không cũng vui mừng tâu với trời Hộ thế. Như vậy, lần lượt cho đến trời Thiểu tịnh, tất cả đều nói như vầy: "Trong cõi Diêm-phù-đề có thiện nam ở xóm làng…, tên… với lòng tin nên xuất gia, cạo bỏ râu tóc, đắp pháp y, lìa bỏ cảnh giới ma, tránh xa phiền não, nhàm chán sinh tử. Quán xét như vậy rồi, vị ấy đạt được Địa thứ mười bảy".

Chư Thiên nghe rồi thảy đều hoan hỷ nói:

–Tỳ-kheo như vậy là trời trong cõi trời, đã làm tổn giảm quân ma, tăng trưởng lợi ích cho chư Thiên.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 22

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 1)

TỨ THIÊN VƯƠNG (Phần 1)

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quán xét quả báo của các nghiệp bất thiện: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Quan sát kỹ lưỡng như thật rồi, tuần tự quan sát quả báo của các nghiệp thiện. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đều thích quả vui, ghét quả khổ. Cõi có nhiều sự vui sướng gọi là cõi trời. Lại quán xét nghiệp vi tế, gồm nhiều nghiệp thiện thì thọ thân sinh diệt, được quả báo đáng thích, nhờ bảy chi dưới được sinh lên cõi trời. Bảy chi giới đó là: Khẩu nghiệp có bốn, thân nghiệp có ba. Nhờ gần gũi tu tập bảy chi giới này nên được sinh lên Lục dục thiên *(sáu tầng trời thuộc Dục giới)*. Lục dục thiên có ba bậc: Thượng, trung và hạ; mạng sống cũng có thượng, trung, hạ; thức ăn cũng có thượng, trung, hạ; sắc đẹp cũng có thượng, trung, hạ; sức lực cũng có thượng, trung, hạ; quả vui cũng vậy, có thượng, trung, hạ. Trong cõi Lục dục, hai cõi trời đầu trụ ở núi Tu-di, bốn cõi còn lại trụ ở hư không, giống như đám mây. Thiên chúng cõi thứ nhất thuộc cõi trời Tứ Thiên vương.

1. Man trì thiên: Cõi này trụ ở bốn bên núi Tu-di, có mười trụ xứ, mỗi trụ xứ có tên gọi và nghiệp báo khác nhau. Cứ thế có vô lượng nghiệp báo. Người sinh lên cõi Man trì thiên này theo nghiệp lực mà hưởng sự vui sướng, có vô lượng màu sắc, vui chơi thọ lạc, không có sự khổ của già. Lưới nghiệp nối kết nhau, từ nhân duyên sinh, chẳng phải không do nhân sinh, cũng không phải đoạn diệt, không phải có tác giả. Vì vậy, bậc trượng phu, nếu yêu mến thân mình trôi lăn từ vô thỉ thì cố gắng tu tập những nghiệp lành. Lưới nghiệp thiện, bất thiện, vô ký trói buộc chúng sinh lưu chuyển trong sinh tử giống như bánh xe nước, lưu chuyển trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và cõi người. Quan sát những cõi ấy, nếu tạo nghiệp lành thì được sinh lên cõi trời, trụ ở núi Tu-di. Núi này có sáu vạn ngọn núi bao quanh, có các vật báu sáng rực soi đến các đỉnh, có ao tắm hoa sen và dòng

suối trong mát bao quanh. Núi này cao tám vạn bốn ngàn do-tuần, được hình thành bằng bốn thứ báu. Chư Thiên tu nghiệp lành cùng nhau vây quanh, vô lượng ánh sáng chiếu rọi thật đáng yêu thích.

Các Tỳ-kheo quán xét Thiên chúng nơi cõi Man trì thiên thứ nhất. Cõi này có mười trụ xứ:

1. Bạch Ma-ni.
2. Tuấn nham.
3. Quả mạng.
4. Bạch công đức hạnh.
5. Thường hoan hỷ.
6. Hành đạo.
7. Ái dục.
8. Ái cảnh giới.
9. Ý động.
10. Du hý lâm.

Mỗi trụ xứ chiếm mỗi chỗ khác nhau.

Phần núi Tu-di hướng về Diêm-phù-đề có hai cõi trời:

1. Bạch Ma-ni.
2. Tuấn nham.

Thiên chúng ấy tùy ý đến cõi Diêm-phù-đề.

Phần hướng về cõi Cù-đà-di có hai cõi trời:

1. Quả mạng.
2. Bạch công đức hạnh.

Phần hướng về cõi Phất-bà-đề có hai cõi trời:

1. Thường hoan hỷ.
2. Hành đạo.

Phần hướng về cõi Uất-đan-việt có bốn cõi trời:

1. Ái dục.
2. Ái cảnh giới.
3. Ý động.
4. Du hý lâm.

Mỗi trụ xứ của chư Thiên ấy rộng một ngàn do-tuần, trụ trên biển lớn. Thọ mạng của chư Thiên này là cứ năm mươi năm ở cõi Diêm-phù-đề bằng một ngày một đêm ở đây. Như vậy chư Thiên cõi ấy, có vị sống năm

trăm năm, nhưng cũng có vị chết yểu.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết được quả báo của nghiệp hãy quan sát các vị địa thiên ấy vui chơi thọ lạc, do tu những nghiệp gì mà sinh lên cõi này? Hãy dùng văn tuệ quan sát các cõi trời trụ bên núi Tu-di. Người nào tu tập nghiệp thiện với tâm thanh tịnh quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng, trong khoảng chắp tay không sinh tâm niệm khác. Khi bỏ thân này, vị ấy được sinh lên cõi trời Bạch Ma-ni trên sườn núi Tu-di. Vì quy y Tam bảo với tâm thanh tịnh nên được thân oai đức sáng chói, mặc tình thọ hưởng hoan lạc. Hoan lạc mà cõi trời này thọ hưởng gấp mười sáu lần diệu lạc của bậc Chuyển luân vương. Cõi ấy có dòng sông tên Dục lưu, dưới đáy sông rải cát bằng chân châu. Vì oai lực gì mà chư Thiên cõi này nghĩ đến thì dòng sông xuất ra những thức uống ngọt ngon? Lại có dòng sông ngọc tên Chân châu. Nước sông bằng san hô quý. Ở đó có các Thiên chúng ngọc nữ vui đùa. Sông ấy lại lưu xuất những thứ báu như lưu ly, túy kim cang châu, thiên ni la châu, thiên đại thanh châu, thiên xích chân châu, thiên xa cừ bảo… và các vật quý xinh đẹp khác. Thiên chúng nghĩ gì được nấy.

Lại có dòng sông thơm tên Hương thủy. Ở đó có các loài thiên nga, vịt trời, uyên ương để trang trí. Hai bên bờ sông có nhiều cây bằng vàng làm thành vườn rừng và có các loài chim. Nghe mùi hương, Thiên chúng phát tâm vui mừng, thọ hưởng hoan lạc càng vui thích, lại cùng nhau vui chơi thọ hưởng năm thứ dục lạc. Ở đó, có nhiều cây cối nhánh đỏ lá xanh, nhánh xanh lá đỏ và có những cây lá nhiều màu vàng xen lẫn, có các loài ong chơi thọ lạc, hưởng quả báo của nghiệp lành. Có các loại báu trang sức trên chỗ nhọn hoặc chỗ bằng phẳng của đỉnh núi. Có năm ngọn núi:

1. Tạp chủng.
2. Chủng chủng lưu tuyền.
3. Chúng điểu âm.
4. Hương huân.
5. Thường quả.

Những núi ấy được trang trí bằng bảy báu. Địa thiên ấy mặc tình vui chơi thọ lạc. Thiên chúng ngọc nữ vây quanh ca múa, tha hồ thọ hưởng năm thứ dục lạc, tâm ý hoan hỷ. Nhờ công đức quy y Tam bảo, nên khi hết phước báo, ở đời vị lai sẽ đạt được Niết-bàn. Nếu sinh trong cõi người thì của cải đầy đủ, luôn được an vui, hưởng an lạc cùng tột, thích ca nhạc, nhiều tài sản, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Quan sát trụ xứ thứ hai của cõi Man trì thiên là Tuấn nham. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi

này? Dùng văn tuệ nhận biết chúng sinh nào xây dựng cầu, làm thuyền bên bờ sông, hoặc dùng thuyền đưa những người trì giới và những người khác qua sông bằng tâm thiện. Nhờ công đức người trì giới và người không gây nghiệp ác nên khi mạng chung, vị ấy sinh vào cõi lành, nhờ nghiệp lành mà được sinh lên cõi trời Tuấn nham này, hưởng diệu lạc cõi trời. Cõi ấy có nhiều ao hoa trong mát, hương sắc thơm đẹp, không nhơ uế. Thiên chúng luôn được vui chơi ca múa. Các Thiên nữ trang sức vật quý cùng vây quanh cung kính cung phụng, trỗi năm thứ âm nhạc. Thiên tử cùng Thiên nữ vui chơi thọ lạc ở vườn cây, ao tắm quý báu. Ở đó có sáu ao tắm:

1. Lưu lạc.
2. Nhạo kiến.
3. Nhất thiết hỷ.
4. Vân man.
5. Trì man.
6. Như Ý.

Lại có bốn vườn cây trông thật đáng yêu, thoảng gió thơm diệu, nở nhiều hoa:

1. Hương phong lâm.
2. Tạp lâm.
3. Phong Du hý lâm.
4. Duyệt lạc lâm.

Ở đó Thiên chúng ngọc nữ vui chơi, mặc tình thọ hưởng năm thứ dục lạc, tự do đi đứng, thân hình được trang sức bằng các vật quý, hưởng nhiều hoan lạc, buông lung năm căn theo dòng sông ái như nước trên núi đổ xuống. Chư Thiên cùng Thiên nữ vui chơi ở các vườn cây, ao tắm và núi vàng quý giá. Những Thiên nữ ấy, thân hình xinh đẹp, trang sức các vòng hoa đẹp. Cõi này có đủ các thức ăn ngon, họ hưởng vô lượng an lạc là do nghiệp lành. Sau khi hết nghiệp, vị ấy qua đời ở đây, sinh vào cõi người, làm người tài giỏi, chất trực, giàu có, coi sóc kho tàng của vua, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quán xét trụ xứ của cõi Man trì thiên. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ ba của cõi này tên là Quả mạng. Do những nghiệp thiện gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết những chúng sinh ấy gặp lúc đói khát luôn giữ gìn tịnh giới, thanh tịnh thân, ngữ, ý, làm lợi ích an lạc cho chúng sinh, trồng

nhiều cây ăn trái cho người đi đường ăn, đầy đủ an lạc. Nhờ nhân duyên ấy người đi đường được an ổn. Sau khi qua đời vị ấy sinh lên cõi trời Quả mạng. Ở đó có vô lượng Thiên nữ xinh đẹp không ai sánh, đầy đủ quyến thuộc, hưởng hoan lạc cõi trời. Có vườn cây ăn trái, cây bằng vàng ròng, nhánh bằng san hô, xen lẫn vật quý, treo các linh báu, phát ra âm thanh vi diệu. Họ vui chơi trong rừng, hưởng năm thứ dục lạc. Cõi đó, có sáu khu vườn:

1. Nhất thiết nghĩa.
2. Tứ viên.
3. Nhu nhuyến
4. Biến lạc.
5. Phong lạc.
6. Kim ảnh.

Trong các vườn ấy luôn có các Thiên nữ vui chơi thọ lạc. Ở đó có ao tắm hoa sen, có dòng suối phát ra tiếng du hương cây cối phát ánh sáng, chim hót líu lo, thức ăn đầy đủ, có những ngọn núi được trang trí bằng bảy báu. Núi Tu-di có năm ngọn núi:

1. Quang minh trang nghiêm.
2. Diêm-phù.
3. Bạch thủy.
4. Tiếu trang nghiêm.
5. Thường du hý.

Chư Thiên chúng thường vui chơi trong những ngọn núi ấy, hưởng quả báo của nghiệp lành, có trăm ngàn Thiên nữ cùng vây quanh vui đùa.

Đức Phật nói kệ:

Nhờ một chút nhân lành
Sinh thiên, hưởng diệu lạc
Thế nên bỏ nghiệp ác
Luôn thực hành nghiệp thiện.
Nghĩ và làm bố thí
Lại giữ gìn tịnh giới
Nhờ giới sinh cõi trời
Hưởng công đức năm dục.
Chẳng phải do cha mẹ
Anh em và bạn bè
Khéo giữ gìn tịnh giới

Được vui sinh chốn vui.
Giữ giới lợi hai đời
Hoặc giữ đạo tối thắng
Người giữ giới trên hết
Từ vui được chốn vui.
Giữ giới, thí, chánh hạnh
Được gọi người tịnh hạnh
Nhờ nghiệp sâu xa này
Từ cõi người sinh Thiên.
Giới là kho vô tận
Niềm vui giới cao tột
Trượng phu giữ thắng giới
Luôn được hưởng an lạc.
Người trí tuệ giữ giới
Được ba loại an lạc
Tiếng khen và tài lợi
Sao sinh lên cõi trời.
Người nào giữ tịnh giới
Theo giới mà tu tập
An vui đạt Niết-bàn
Đến nơi không sinh diệt.
Từ vô thỉ sinh tử
Những lo sợ dục, si…
Giới là ánh sáng lớn
Hãy hành trì tịnh giới.
Luôn khen ngợi Thi-la
Giới như ao trong mát
Vua, giặc và nước, lửa
Không cướp được giới tài.
Vì thế luôn hành giới
Xa lánh kẻ phá giới
Người nào thích giữ giới
Sẽ đạt đến Niết-bàn.
Người giữ giới thật quý
Hãy gần người giữ giới
Giới như ánh nhật nguyệt
Phá giới thật xấu xa.
Vô cấu, lìa đồng trống

Lìa ưu, không phiền muộn
Giới được Phật khen ngợi
Đạt đến thành Niết-bàn.
Người nào được đầy đủ
Tịnh giới luôn tăng trưởng
Người giữ gìn tịnh giới
Lâm chung không lo sợ.
Giới, trước sau đều thiện
Tất cả lạc chuyển theo
Người giữ giới thật quý
Phá giới như súc sinh.
Người nào phá tịnh giới
Đi trên đường súc sinh
Chẳng biết đúng hay sai
Vì vậy hãy giữ giới.
Người nào giữ giới cấm
Được mặc áo Thi-la
Kẻ không giữ tịnh giới
Trần truồng như súc sinh.
Chư Thiên giữ tịnh giới
Thường đến chỗ vui chơi
Người trì giới đến đâu
Vui như gặp người thân.
Tịnh giới, sống chánh hạnh
Mọi nghiệp lành tương ưng
Người này tu nghiệp thiện
Ắt được sinh lên trời.
Người nào tìm an lạc
Hãy luôn giữ tịnh giới
Người ấy sẽ thành tựu
Giới tăng trưởng, sung mãn.
Hiện tại và vị lai
Giới là người bạn tốt
Công đức thường thân cận
Vì vậy hãy tu giới.
Đói khát nơi đồng trống
Giới là người cứu giúp
Hạnh giữ giới thù thắng

Theo mãi đến đời sau.
Người nào giữ tịnh giới
Biết quả báo như vậy
Đó là dùng dao bén
Tự đoạn nghiệp thân, khẩu.
Được mọi thứ an lạc
Không thể ví dụ được
Quả giữ giới thanh tịnh
Thiện Thệ dạy như thế.
Trước thiện, giữa lại thiện
Sau cùng đều thiện cả
Quả giới thật rộng lớn
Từ vui được quả vui.
Biết được công đức này
Nên tu tập tịnh giới
Giới cứu giúp tất cả
Không có gì sánh bằng.

Như vậy, này các Tỳ-kheo! Sau khi đã suy xét biết được công đức giữ giới thì luôn luôn khen ngợi người trì giới, chê bai kẻ phá giới. Thiên chúng hưởng năm thứ dục lạc như cõi trời ấy. Sau khi hết nghiệp, sinh xuống cõi người, được oai thần phước đức khôn lường, thân hình xinh đẹp vô cùng, sinh vào nước nào cũng có nhiều vườn cây, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi Man trì thiên, dùng văn tuệ biết được trụ xứ thứ tư của cõi này tên là Bạch công đức hạnh. Do những nghiệp thiện gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Nếu người thiếu trí khi thấy Đức Phật đi đường, dùng vòng hoa đang mang cúng dường Phật, hoặc đem vòng hoa cúng dường tháp Phật. Công đức ruộng phước này hành động bằng tâm lành. Nhờ công đức hành động này nên khi qua đời được sinh lên cõi Bạch công đức hạnh thuộc đường lành. Ở đó, thân thể được trang sức bằng vòng hoa, mặt đất bằng tỳ-lưu-ly, trang trí bằng bảy báu. Có nhiều loại chim màu sắc bảy báu hót tiếng líu lo, ánh sáng chiếu khắp, công đức trang nghiêm tốt đẹp. Khu vườn có nhiều cây xinh tươi vô cùng như Thiện túc thọ, Lưỡng nhai sinh thọ, Hương huân thọ. Tùy theo ý nghĩ, hương thơm tỏa khắp các do-tuần, hoa trái luôn sum suê. Cõi ấy có nhiều thứ trang nghiêm khác. Các Thiên nữ ca tụng múa hát, hoan hỷ thọ lạc, rong chơi khắp nơi, thân tâm vui vẻ cười cợt vui đùa, cung kính vây quanh, thọ hưởng hoan lạc, không sao nói hết. Mặt đất mềm mại như bơ.

Khi chư Thiên đi mặt đất lên xuống, theo từng bước chân như bông Đâu-la. Bất kỳ chỗ nào, khi cất chân lên, mặt đất trở lại như trước. Các cây báu phát ra ánh sáng đẹp. Ánh sáng ấy như ánh mặt trời làm cho người vui vẻ. Cây vàng tốt đẹp, hoa lá luôn xanh tươi, không héo rụng là nhờ nghiệp thiện không thể thí dụ được và nhờ giới lực tự tại như dấu in vào vật, Thiên chúng ấy vui chơi trong vườn rừng, trong ao tắm hoa sen. Do tự nghiệp mà hưởng quả báo có thượng, trung, hạ. Thiên chúng hưởng diệu lạc cõi trời, thân tướng sáng rực khả ái, tha hồ thọ hưởng sắc, thanh, hương, vị, xúc, thân không bệnh buồn, không đói khát, mặc tình hưởng năm dục mà không bao giờ nhàm chán, sinh tâm ái dục, không biết đủ, nghĩ gì được nấy, người khác không thể hủy hoại được, tự tại vô ngại, tâm ý hoan hỷ, tùy tâm hóa thân lớn, nhỏ, nặng, nhẹ, chỉ trong nháy mắt đã đi đến trăm ngàn do-tuần, không chút mỏi mệt, như gió trong hư không, không gì chướng ngại, thân thể oai đức tùy tâm sinh ra, thân nhẹ, sạch, không nhơ, đi đến nơi đâu đều có sắc sáng như ý. Thiên tử, Thiên nữ vui vẻ hưởng năm thứ dục lạc trong các vườn rừng của núi Càn-đà-la. Họ đam mê dục lạc, không nghĩ đến sự thoái đọa và sự khổ của vô thường, buông lung tâm ý, bị si ái lừa dối, ham thích vui chơi ở cõi trời. Khi quả hết nghiệp tận, Thiên tử ấy bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu còn nghiệp lành khác thì được sinh trong cõi người, hoặc làm vua của một nước đông dân, luôn được vui vẻ, không bệnh tật, thân hình tuấn tú, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quán xét trụ xứ thứ năm của cõi Man trì thiên, dùng văn tuệ biết cõi này tên là Nhất thiết hỷ. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết người trì giới, có tâm chánh tín, đem hoa cúng dường chư Phật Như Lai, chính mình đem tiền mua hoa cúng dường. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi Nhất thiết hỷ hành thuộc đường lành. Ở đó, vị ấy thọ hưởng bốn thứ diệu lạc:

1. Không oán giận.

2. Đến đâu tùy ý.

3. Oai đức thù thắng, chư Thiên khác không hơn được.

4. Thiên nữ không nghĩ đến chư Thiên khác.

Tấu năm thứ kỹ nhạc, ca múa, cùng nhau vui chơi, hoặc chơi dưới nước, đi trong ao hoa, hoặc dùng hoa vui chơi, hoặc dùng trái vui chơi, hoặc dùng hương vui chơi, hoặc dùng chim vui chơi, hoặc vui chơi trong vườn rừng, tiếng ong rộn rã, họ cùng ngắm nhìn nhau, Thiên nữ vây

quanh vui đùa, yêu mến nhau, hoàn toàn không có khổ ganh ghét. Đất ấy vui nhộn, có ao hoa thơm đẹp bao quanh như Liên hoa trì, Bất nuy (chẳng héo) liên hoa trì, Tạp Ưu-bát-la liên hoa trì, Thường nhiêu liên hoa trì. Có vô lượng ao sen trang nghiêm đất ấy. Họ vui chơi hưởng lạc trong các khu vườn. Rừng cây bằng vàng, nhiều loại ong vui đùa, đủ các thứ hương thơm, chim hót líu lo, thật đáng yêu thích, năm âm thanh cõi người không sao sánh được một phần mười sáu. Thiên tử ấy, mắt luôn nhìn sắp đẹp, tai nghe âm thanh hay, mũi ngửi hương. Cảnh giới năm dục ấy có vô lượng màu sắc thật đáng yêu thích, không phải do làm ra, người khác không thể chiếm đoạt, không do người khác mong cầu được, tự hưởng quả đó, tùy ý thọ hưởng sắc, vị, xúc… thượng diệu cõi trời. Nhờ nghiệp lực mà cõi ấy có những rừng cây, ao hoa, vườn cảnh, Thiên tử có vô lượng Thiên nữ bao quanh làm quyến thuộc, vui vẻ hưởng dục lạc, hưởng quả báo của nghiệp lành. Cõi ấy có nhiều cây vàng phát ra ánh sáng, các loài chim sắc vàng hót tiếng líu lo nghe thật thích ý. Thiên tử thành tựu vô lượng diệu lạc như thế, không sao ví dụ được. Đến khi nghiệp thiện hết, vị ấy đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu còn nghiệp lành khác thì được sinh trong cõi người, hoặc làm chủ của một ấp, xóm, làng trong thành, giàu có, tự do, tâm không keo kiệt, có vô số người hầu hạ, hưởng an lạc vô thượng. Đó là nhờ trồng nghiệp lành vào ruộng phước, cho đến đạt được Niết-bàn.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát cõi Man trì thiên, dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ sáu của cõi này tên là Hành đạo. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết được người trì giới, khi thấy lửa lớn thiêu đốt chúng sinh liền lấy nước dập lửa để cứu mạng sống. Sau khi qua đời vị ấy sinh vào cõi này. Nhờ sức vô úy thí mà hưởng được quả báo vui cõi trời, có được sắp đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngọt và vô lượng Thiên nữ vây quanh, trỗi các thứ kỹ nhạc, ca múa vui chơi, cõi ấy có hành lan bằng vàng ròng, treo các linh báu, lưới chân châu che trên cửa sổ và trang trí vô lượng châu ngọc. Vô lượng Thiên nữ vui chơi ở đó, đều thích ngắm nhìn Thiên tử, thân thể trang sức ngọc anh lạc, hương thơm thoảng ra làm mọi người vui vẻ, cùng nhau vây quanh Thiên tử. Những Thiên nữ thấy sắp đẹp, nghe giọng nói đều rất vui mừng, như là các loài chim sắc vàng, mỏ bằng san hô, vui đùa, bay nhảy, hót tiếng líu lo, trong hang núi, thật không sao ví dụ được. Hoặc trong núi phát ra tiếng hay, hoặc trong hang động, trong hoa, trong nước, trong hư không, trên mặt đất, trên đường đi, trong hang sâu phát ra tiếng hay. Với thiên nhĩ luôn nghe được những

tiếng vi diệu ấy, ngửi được mùi thơm tuyệt diệu của vô lượng hoa, hưởng an lạc vô thượng. Miệng của Thiên nữ thoảng ra mùi thơm quyến rũ, ngửi được thật thỏa lòng. Lại có vô lượng thức ăn ngon cõi trời mà thức ăn thượng vị của bậc Chuyển luân thánh vương không bằng được một phần ngàn. Y phục trên thân rất mịn, mỏng đến nỗi không thấy được đường tơ ngang dọc, mặc vào làm cho tâm vui thích, muốn gì được nấy, y phục sạch đẹp, người khác không chiếm đoạt. Hưởng vô lượng diệu lạc của cõi Lục dục, vui chơi trong ao sen vườn cây, rừng cây rậm rạp, rừng ma-ni vàng, có các loài chim hót líu lo. Thiên tử vui chơi trong cung điện ma-ni, hoặc trong ao sen, bên dòng suối tắm. Cõi ấy có vô lượng quả báo vui chơi như thế, dùng văn tuệ quan sát xong, Tỳ-kheo nói kệ:

Sáu căn tham đắm
Cảnh giới thiêu đốt
Lửa ái thiêu trời
Còn hơn đốt rừng.
Được lạc thích lạc
Bị nó lừa dối
Không nghĩ hoại diệt
Tham ái dối gạt.
Cuộc vui sẽ hết
Không thể thường còn
Muốn được vui mãi
Hãy bỏ ái dục.
Khi chư Thiên chết
Bỏ nơi vui vẻ
Ân ái biệt ly
Hơn khổ địa ngục.

Sau khi tư duy như vậy, Tỳ-kheo quan sát mọi hoan lạc ở thế gian không tự tại, luôn vô thường thay đổi, bị ân ái lừa dối, chẳng biết hoại diệt. Quan sát xong, chán bỏ dục lạc cõi trời. Vị trời ấy hưởng diệu lạc đến khi nghiệp thiện chưa hết, nhưng khi hết nghiệp sẽ bị thoái đọa, theo nghiệp thọ thân, hoặc đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, nếu được sinh trong cõi người hưởng vui số một, không lo sợ, được mọi người yêu mến, được vua tin dùng, suốt cuộc đời không buồn khổ, đời sau đạt được Niết-bàn, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quán xét trụ xứ thứ bảy của cõi Man trì thiên. Dùng văn tuệ biết chúng sinh

nào tu hành nghiệp thiện, thấy bạn bè thân thuộc gây hại lẫn nhau, oán giận nhau, liền làm lợi ích, giải hòa sự tranh tụng. Nhờ nghiệp thiện ấy, sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi trời Ái dục thuộc đường lành. Ở đó tùy ý muốn liền được mọi thứ diệu lạc, y phục, trang sức, đeo anh lạc cõi trời, nghe nhạc cõi trời phát ra những lời ca tụng như tiếng nhạc Đơn trà, tiếng ca của Thiên nữ. Vị trời ấy ngồi trong bảo điện, luôn được vui vẻ. Ở đó có các vườn rừng, hang núi, sông suối, ao sen tốt tươi và Thiên nữ vây quanh. Có hoa sen màu hoàng kim, khi gió thổi thoảng ra mùi thơm, có các rừng cây như Tỳ-lưu-ly, Đa-la, Trân-đầu-ca, Điểu nhạc, Liên hoa, Câu-chỉ-la. Nhờ nghiệp thiện, vị trời này vui chơi trong các khu rừng đó. Lại có dòng sông mát được trang trí bằng ngọc ma-ni, ao tắm hoa sen, rừng cây rực rỡ, nước sông chảy róc rách và có nhiều loại chim hót tiếng líu lo. Đất ấy được trang trí với những dòng sông, ao tắm như vậy, giống như người nữ xinh đẹp, nhưng nếu không có công đức, không sinh sản thì không gọi là người đẹp. Cõi trời ấy cũng vậy, không có dòng sông trang trí thì không được gọi là cõi thanh tịnh. Dòng sông ấy có các sắc đẹp, hương thơm nên nó là sự trang nghiêm bậc nhất. Trong các mùi vị mà thế gian ái nhiễm, nước sông này là số một. Nó trang nghiêm vườn rừng, nâng đỡ thuyền báu, trời, người luôn được thọ dụng, làm nhiều lợi ích. Nước có đầy đủ công đức, chúng sinh thọ dụng, vui chơi thọ lạc trong nước. Sau đó Thiên tử đến rừng Kính thọ, hưởng diệu lạc cõi trời và tự soi thân mình. Ở đó cây cối trong sạch không nhơ như gương sáng. Thiên tử tự quán sát biết được tướng của nghiệp thiện ác. Nếu có nghiệp thiện tự thấy mình sinh ở cõi lành, còn có nghiệp ác sẽ chịu quả khổ. Tự thấy mình vì nghiệp tướng đã tạo từ trước nên đọa vào ba đường ác. Thấy rõ mọi sự khổ vui trong năm đường sinh tử. Nếu là nghiệp bất thiện sẽ đọa vào các địa ngục như Hoạt, Hắc thằng, Khiếu hoán, Đại khiếu hoán. Thấy rõ hết những sự khổ đau trong đại địa ngục và sự an lạc cõi trời mà họ phải lãnh chịu thật không thể nói hết. Ở trong rừng Kính thọ đó, tự thấy mọi tướng trạng rồi thì quên hết diệu lạc cõi trời như qua đời khác. Thấy vô lượng khổ não thì không còn cảm giác sự vui sướng, như ném một lạng muối vào sông Hằng thì không biết được vị của muối. Khổ đau như sông Hằng lớn mà sự vui sướng rất ít, khác gì vị muối. Tuy có âm thanh, kỹ nhạc, ca múa, vườn rừng vui chơi, chim hót hòa nhã cũng hoàn toàn không có tâm vui vẻ.

Đã thấy việc đó rồi, nhưng đến nơi khác, tâm lại đắm chấp nơi năm dục cõi trời. Lại đến cây khác để soi thì thấy thân mình đọa trong loài ngạ quỷ, chịu nhiều khổ não, đói khát đốt thân. Thấy vậy, lòng sinh lo sợ, nói

với vị trời khác:

–Đại tiên! Tôi soi trong cây Kính thọ thấy tướng trạng rất ghê, ông có thấy không?

Vị trời kia đáp:

–Tôi không thấy.

Nếu ai có nghiệp ác thì thấy tướng ngạ quỷ, còn người có nghiệp lành thì không thấy tướng ác. Đại tiên hỏi:

–Thiên tử! Ông thấy tướng gì?

Thiên tử đáp:

–Tôi thấy tướng ngạ quỷ, chịu các khổ não.

Khi thấy ngạ quỷ chịu các khổ não thì quên hết mọi diệu lạc ở trời như cách ngàn đời khác. Thiên tử chán ghét việc quan sát bằng những rừng cây, qua nơi khác lại tham diệu lạc cõi trời, hưởng năm dục: sắc, thanh, hương, vị, xúc. Cùng các Thiên nữ vui chơi hưởng lạc trong những ao hoa có chim hót líu lo, chìm nổi trong dòng sông ái.

Lại đến rừng Kính thọ, vì nghiệp ác, Thiên tử thấy thân súc sinh, tàn hại lẫn nhau. Tự thấy mình thọ thân súc sinh, chịu các khổ não, sinh tâm chán ghét. Lại đến cõi trời khác như trước đã nói. Đã chán bỏ ra đi nhưng lại tham đắm ái lạc, hưởng năm thứ dục lạc, qua lại trong sinh tử, lại đến rừng ấy. Thấy mình theo nghiệp lực thọ thân người, anh em bạn bè gây hại nhau thì làm cho hòa hợp nhau, vì thế, được sinh trong cõi trời này, thấy nghiệp lực của mình nên chán ghét ra đi, nhưng lại tham đắm dục lạc, say sưa thọ hưởng sắc, thanh, hương, vị, xúc, mặc tình thọ nhận dục lạc cõi trời. Lại vào rừng Kính thọ, thấy mình sau khi qua đời sinh vào cõi khác, hoặc thấy mình đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh nên sinh tâm chán ghét cõi này vô thường, ta sẽ bị hoại diệt, xa các Thiên nữ, các hành vô thường, không tồn tại lâu, tất cả phải thay đổi, biến hoại. Khi Thiên tử ấy nghĩ thế, vị trời Hộ thế nói:

–Thiên tử, thật vui vẻ đáng yêu! Người cõi Diêm-phù-đề thuận theo giáo pháp tu hành, hiếu dưỡng cha mẹ, cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, thêm nhiều Thiên chúng, giảm bớt quân ma. Đức Như Lai Chánh Giác xuất hiện ở thế gian, là Bậc Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Ngài rộng nói giáo pháp trước, sau, giữa đều thiện, nghĩa lý vi diệu, lời lẽ viên mãn, không cấu uế, không tổn giảm, bạch pháp thanh tịnh, an ổn tịch tĩnh. Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt, đây là con đường sắc diệt. Ở rừng Kính thọ ấy, Thiên tử tự thấy nghiệp của mình, nghe

lời nói trên, liền hỏi vị trời Hộ thế:

–Đức Như Lai Thế Tôn, A-la-hán, Tam-miệu-tam Phật-đà, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn hiện đang ở đâu?

Vị trời Hộ thế nói:

–Ngài ở cõi Diêm-phù-đề, tuyên thuyết chánh pháp cho tất cả chúng sinh.

Nghe vị trời Hộ thế nói, Thiên tử lo sợ khổ não bị thoái đọa, sinh xuống cõi Diêm-phù-đề, trong loài người, chết là khổ lớn, sinh trong loài súc sinh chịu khổ tàn hại lẫn nhau, sinh trong loài ngạ quỷ chịu khổ lớn đói khát, sinh vào trong địa ngục chịu khổ thiêu đốt, khảo tra. Quan sát năm sự lo sợ của năm đường, Thiên tử liền đến chỗ Đức Phật. Trông thấy Đức Thế Tôn đoan nghiêm tịch tĩnh, các căn thanh tịnh, tâm ý vắng lặng, hoàn toàn điều phục, trụ định Xa-ma-tha, là Bậc Long Tượng trong loài người, Bậc Điều Ngự Trượng Phu, oai đức rực rỡ như ánh sáng vàng ròng, hơn cả ánh sáng mặt trời, như núi Tu-di không hề lay động, sâu rộng như biển. Thấy Đức Thế Tôn đang ngồi thẳng dưới gốc cây như núi vàng ròng, là Bậc Thiên Trung Tôn, Thiên tử phát tâm thanh tịnh, đến chỗ Đức Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có nơi nào không lay động, không hư hoại, không thay đổi chăng?

Đức Thế Tôn liền nói pháp bốn Thánh đế cho Thiên tử nghe. Nghe xong, Thiên tử trở về cung trời, tiếp tục thọ hưởng năm thứ dục lạc. Đến khi nghiệp thiện hết, từ cung trời vị ấy thoái đọa, trôi lăn theo nghiệp. Nếu sinh trong cõi người, tuy chưa thấy được đế lý, nhưng thường gặp bậc Tri thức, có đầy đủ bà con, anh em, tộc họ, có nhiều của cải là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi Man trì thiên, dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ tám của cõi này tên là Ái cảnh giới. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi trời này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh nào tổ chức hội thuyết pháp. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi trời Ái cảnh giới. Qua khỏi cõi trời Dục ái là đến cõi Ái cảnh. Ở đó, vị ấy hưởng quả báo của nghiệp lành. Cung điện làm bằng bảy báu, màu sắc hoàng kim, hành lan bằng vàng ròng. Có nhiều loài chim như chim Tâm ái lạc, Nhất thiết âm, Du hý hà, Kim sắc… Có sông hồ, vườn rừng để vui chơi. Có trăm con sông thì có trăm ngàn loài chim, hoặc hưởng bốn thứ dục lạc, hoặc hưởng năm thứ dục lạc để tự vui chơi.

Mắt thấy sắc đẹp sinh tâm yêu thích, tai nghe tiếng hay sinh tâm vui mừng, mũi ngửi hương thơm, lưỡi nếm vị ngon, thân tiếp xúc vật mềm mại đều sinh tâm yêu thích. Tâm nghĩ nhớ, ý vui mừng thích công đức năm dục, thọ hưởng diệu lạc bậc nhất. Thiên tử hưởng diệu lạc ở cõi trời Ái cảnh, không cõi nào sánh bằng. Đời này, đời sau khi nghiệp thiện hết, vị ấy bị thoái đọa. Nếu còn nghiệp thiện khác thì không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được sinh trong cõi người, đất nước giàu có như nước Ca-thi, nước Kiều-tát-la, hoặc sinh vào dòng Sát-lợi, dòng Bà-la-môn.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp thì quan sát cõi trời xem do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi trời Ý táo động của cõi Man trì thiên? Dùng văn tuệ biết chúng sinh với tâm tịnh tín cúng dường chúng Tăng, quét tháp Như Lai, biết ruộng phước vô thượng. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi Ý táo động thuộc đường lành. Người sinh lên cõi này, thân không có thịt xương, không nhơ uế, mùi hương xông ướp cả trăm ngàn do-tuần, thân thể sạch sẽ như gương sáng, thấy hết mọi sắc tướng của chư Thiên, thành tựu quả báo của nghiệp thiện như vậy. Cõi ấy có bốn khu rừng:

1. Vô cấu.
2. Minh liễu.
3. Thiện hương.
4. Mạn-đà-la.

Trong những rừng ấy có ao sen đầy hoa, cọng sen bằng san hô, tua hoa bằng vàng ròng, có những con thiên nga, vịt trời, uyên ương kêu tiếng hay, có nhiều loại hoa sắc hương thượng diệu, không dính bụi nhơ cũng không héo rụng. Nước ao không làm nhơ y phục, luôn tràn đầy nước sữa thơm. Các loài chim trong rừng thường cùng vui đùa trên ao hoa sen, cây luôn nở hoa như còn mới, không héo rụng, trông thật đẹp mắt, suốt ngày không thay đổi. Người tu nghiệp lành cùng các Thiên nữ vui chơi trong rừng ấy, thân thể trang sức các vật báu, vui vẻ thọ lạc, tâm luôn tham đắm cảnh Lục dục thiên, không một phút chán xa, bị lưới ái trói buộc như cá nằm trong lưới, thọ hưởng nghiệp thiện đến khi nghiệp thiện hết bị thoái đọa. Nhờ nghiệp thiện khác nên không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được thọ thân người, làm bậc thầy lớn, có nhiều của cải, được vua yêu kính.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát các trụ xứ của cõi Man trì thiên. Dùng văn tuệ biết được trụ xứ thứ mười của cõi này tên là Du hý lâm. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng tri kiến biết được người trì giới bằng tín tâm thanh tịnh,

biết chúng Tăng là ruộng phước nên cúng dường chi phí đủ may bộ y, tâm luôn yêu thích việc ấy. Sau khi mạng chung, vị ấy sinh lên cõi trời Du hý lâm. Ở đó, vị ấy tự do vui chơi, tùy ý đi đến, đi trên nước như đi trên đất, dù đi trên hư không cũng không lo sợ, mặc áo trời, đeo vòng hoa trời, hưởng an lạc thượng diệu, giống như các cõi khác đi đứng không ngăn ngại. Ở đó có dòng suối, ao hồ thoảng ra hương thơm vi diệu, có nhiều Thiên nữ, oai đức rực rỡ như mặt trời thứ hai, thọ diệu lạc cõi trời. Nhờ nhân lành nên được quả báo vui, không phải mình gây nhân mà người khác chịu quả. Chúng sinh tạo nghiệp thì tự lãnh chịu quả báo. Nếu tạo nghiệp lành thì sinh vào cõi trời, cõi người, còn tạo nghiệp ác thì đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nhờ nghiệp lành sinh lên cõi trời, tha hồ thọ lạc, đến khi nghiệp hết, bị thoái đọa. Nhờ nghiệp thiện khác, nên không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh trong cõi người thì sinh vào nước có nhiều rừng cây, thần đức tự tại, không ai phá hoại được là nhờ dư báo.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 23

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 2)

TỨ THIÊN VƯƠNG (Phần 2)

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp và đã quan sát mười trụ xứ của cõi Man trì thiên. Hãy quán xét cõi trời Ca-lưu-ba-đà, cõi ấy có bao nhiêu trụ xứ? Tự tạo nghiệp lành hưởng quả báo vui, dùng văn tuệ biết cõi trời Ca-lưu có mười trụ xứ:

1. Hành liên hoa.
2. Thắng phong.
3. Diệu thanh.
4. Hương lạc.
5. Phong hành.
6. Man hỷ.
7. Phổ quán.
8. Thường hoan hỷ
9. Ái hương.
10. Quân đầu.

Đó là mười trụ xứ của cõi trời Ca-lưu. Do tạo nghiệp khác nhau nên sinh lên các trụ xứ khác nhau ở cõi trời. Dùng văn tuệ biết chúng sinh dùng nghiệp thiện huân tập tâm mình, trì giới, quy hướng Phật, Pháp, Tăng, niệm Nam-mô Phật ba lần quy y, nhờ nghiệp thiện đó đạt được Niết-bàn, nghiệp thiện không hết. Sau khi qua đời vị ấy sinh lên trụ xứ Hành liên hoa của cõi trời Ca-lưu-túc, hưởng năm thứ dục lạc, tham đắm dục vị, mắt nhìn không nháy, thân thể như ánh sáng mặt trời, ham thích cảnh giới ấy có đầy hoa sen trang trí dưới nước như sắc voi trắng, hoa thường nở rộ, tỏa hương thơm ngào ngạt xông ướp khắp trăm do-tuần, thơm hơn mùi hương của tất cả các loài hoa. Có nhiều loài ong màu sắc bằng lưu ly phát ra các thứ âm thanh, âm thanh của các kỹ nhạc cõi người không sao sánh được một phần ngàn. Vì sao? Vì con người không thể nghe được âm thanh của cõi Dục thiên.

Vì sao? Vì không phải là cảnh giới của con người, ngoại trừ Chuyển luân vương và người lìa dục. Vì Chuyển luân vương có căn lực rất lớn, nên hưởng dục lạc cõi trời. Người lìa dục thì các căn mắt, tai… không còn bị buồn vui cho nên nghe được. Âm thanh của loài ong còn như thế, huống chi âm thanh ca múa ái dục của Thiên nữ thì không thể nào ví dụ được. Tiếng nói của các Thiên nữ thật đáng yêu. Sắc, hương, vị, xúc cũng vậy. Thiên tử thọ hưởng vô lượng diệu lạc, đến khi nghiệp thiện hết, từ cõi trời, vị ấy bị thoái đọa. Nếu còn nghiệp thiện khác thì không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được thân người, sinh trong nhà trưởng giả, có nhiều của cải, nhờ nhân lành khác mà đạt Niết-bàn, phước đức không hết.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ thứ hai của cõi Ca-lưu-túc. Dùng văn tuệ biết được trụ xứ đó tên là Thắng phong hỷ. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Người nào có trí tuệ, tin và giữ giới luật, có tâm Từ bi, lợi ích cho chúng sinh, đem hoa hương, trỗi kỹ nhạc cúng dường tháp Phật. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên trụ xứ Thắng phong hỷ của cõi Ca-lưu-túc. Ở đó, vui chơi thọ hưởng âm nhạc, ca múa, hưởng quả báo của nghiệp lành, thọ hưởng hương hoa, âm nhạc của Thiên nữ, được an lạc. Có vô lượng Thiên nữ ca tụng với âm thanh vi diệu, gió thổi các loài hoa, thoảng ra hương thơm đặc thù, cùng Thiên nữ vui đùa trên đỉnh núi Tu-di báu, tai nghe tiếng hay hưởng được diệu lạc của cõi trời. Quan sát quả báo của nghiệp thiện xong, các Tỳ-kheo khen ngợi nghiệp thiện, nói kệ:

Tịnh giới như thềm thang
Đủ sức lên cõi trời
Người bước lên thềm ấy
Đến cõi trời an lạc.
Khẩu nghiệp có bốn chi
Thân có ba nghiệp tịnh
Người trí nhờ bảy nghiệp
Được sinh lên cõi trời.
Giữ giới, vui bậc nhất
Của cải cũng chẳng bằng
Tiền tài có thể mất
Giữ giới luôn vững bền.
Người trang nghiêm bằng giới
Nhờ giới thân xinh đẹp
Phật nói nghiệp thiện tịnh

Được sinh lên cõi trời.
Người nào tạo nghiệp lành
Đi trên đường thiên giới
Như đến nơi vui chơi
Hưởng diệu lạc cùng tột.
Thân phát ánh sáng lớn
Rực rỡ chiếu cung trời
Vui chơi trong vườn rừng
Là nhờ nơi nghiệp thiện.
Tâm ý luôn hoan hỷ
Thọ lạc và an vui
Chơi trong cung điện trời
Là nhờ nhân trì giới.
Người nào khéo giữ gìn
Hộ trì vô lượng giới
Thành tựu quả báo trời
Vì thế hãy tu giới.
Giữ giới là thềm thang
Nhân duyên được an lạc
Kẻ hủy phá giới cấm
Không diệt nơi an vui.
Nước giữ giới thanh tịnh
Lặng trong, luôn tràn đầy
Tắm rửa bằng nước ấy
Hưởng diệu lạc cõi trời.
Trang sức vòng hoa trời
Hòa hợp hưởng an lạc
Vui chơi trong cung trời
Đều là do nhân thiện.
Thiên nữ cùng vây quanh
Như ánh sáng nhật nguyệt
Hưởng diệu lạc cõi trời
Đều là do nhân thiện.
Tùy tâm niệm có được
Được rồi không hề mất
Pháp thiện luôn tăng trưởng
Đều là do nhân thiện.
Hưởng vô lượng diệu lạc

Tất cả đều tăng trưởng
Người nào giữ tịnh giới
Được an lạc như vậy.
Những ai luôn làm lành
Được nhà vua kính trọng
Thiện, trang nghiêm thù thắng
Vì thế hãy giữ giới.
Người thiện luôn điều phục
Thương yêu các chúng sinh
Thường hành từ, bố thí
Được sinh lên cõi trời.
Không giết hại chúng sinh
Thương yêu hết mọi loài
Thường tu tập chánh nghiệp
Người ấy sinh cõi trời.
Không trộm vật người khác
Tâm luôn nghĩ bố thí
Căn được tuệ tịch diệt
Người ấy sinh cõi trời.
Không xâm phạm vợ người
Thích thực hành chánh đạo
Cầu Niết-bàn tịch diệt
Người ấy sinh cõi trời.
Không uống rượu say sưa
Kẻ say mọi người khinh
Người trí xa lánh rượu
Được sinh lên cõi trời.
Giữ giới, khéo tu tập
Vứt bỏ mọi nghiệp ác
Được vô lượng an lạc
An ủi các chúng sinh.

Đã quan sát vô lượng diệu lạc, các Tỳ-kheo khen ngợi nghiệp lành, vô số loài ong ở cõi Thắng phong vui nhộn phát ra âm thanh vi diệu. Đến khi nghiệp lành hết, từ cõi trời, vị ấy bị thoái đọa. Nếu có nghiệp lành khác thì không bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh trong cõi người thì được thân hình tuấn tú, lời hay, có tài hùng biện, luôn được an lạc, không ưu não và được sống lâu.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát

trụ xứ thứ ba của cõi trời Ca-lưu-túc. Dùng văn tuệ biết cõi ấy tên là Diệu thanh. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết người giữ giới, cúng dường lọng báu lên Đức Như Lai bằng tâm rộng lớn. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi Diệu thanh, hưởng diệu lạc cõi trời, cùng các Thiên nữ cõi trời xinh đẹp vui chơi trong núi bằng vàng ròng, tỳ-lưu-ly và núi bảy báu, lại vào rừng Càn-thát-bà. Nơi đó có hương xoa, hương bột, các loại rừng cây, suối nước, ao sen phóng ra ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng. Gió thơm khẽ động, lá cây phát ra tiếng nhạc mà tiếng nhạc A-tu-la, Càn-thát-bà không sao sánh được một phần mười sáu. Gió nhẹ lay động lá cây va chạm nhau tạo ra âm thanh vi diệu của năm thứ âm nhạc. Họ cùng vui chơi hưởng lạc, nghe tiếng nhạc, càng thêm buông lung, tham đắm âm nhạc, bị nhiễm đắm, mê hoặc. Còn các thứ hương, vị, xúc cũng như vậy. Đến khi nghiệp lành hết, từ cõi trời, vị ấy bị thoái đọa. Nếu có nghiệp lành khác thì không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được làm người thích âm nhạc, có nhiều của cải, vườn nhà an ổn, năm thứ lúa thóc dồi dào, đầy đủ vợ con quyến thuộc, được sống lâu và được vua kính trọng.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ thứ tư của cõi trời Ca-lưu-túc. Dùng văn tuệ biết cõi ấy tên là Hương lạc. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh xông hương ở tháp Phật, giữ giới bằng tín tâm. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi trời Hương lạc, hưởng diệu lạc cõi trời không sao ví dụ được. Ăn uống bằng cam lồ cõi trời, thân tâm không ưu não, nghe được năm thứ âm nhạc, trang sức vòng hoa trời, cùng các Thiên nữ vui chơi ca múa như chơi trong khe suối, vui chơi trên những ngọn núi báu san hô, mai khôi, xa cừ, mã não, ngọc xanh cõi trời. Ở đó có suối nước, ao hoa, rừng cây, chim chóc. Họ vui chơi trong các rừng cây, dòng suối, ăn thức ngon vật lạ hơn cõi Diêm-phù-đề. Tất cả đều do nghiệp thiện sinh ra. Vị ấy hưởng diệu lạc cõi trời, đến khi nghiệp lành hết, từ cõi trời, vị ấy bị thoái đọa. Nếu có nghiệp lành khác thì không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được thân người, sinh trong nhà giàu có, của cải tràn đầy, lúa gạo dư dật.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ thứ năm của cõi trời Ca-lưu-túc, dùng văn tuệ biết cõi ấy tên là Phong hành. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh trì giới bằng tín tâm, cúng dường quạt cho Tỳ-kheo Tăng để được mát mẻ như cây Ưu-thi-la mà đọc tụng kinh pháp. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi trời Phong hành này. Nhờ nghiệp thiện, thọ hưởng diệu lạc cõi trời, gió thơm thổi đến làm vui vẻ vô cùng. Gió thơm xông khắp bốn cõi trời, thơm gấp trăm ngàn lần hương thơm. Ngọn gió mát mẻ thật thích

ý. Hương ấy thơm gấp một lần, hai lần… năm lần… hương thơm của bốn cõi trời. Thơm gấp hai lần hương thơm của Tứ Thiên vương, gấp ba lần hương thơm cõi trời Tam thập tam, gấp bốn lần hương thơm cõi trời Dạ-ma, gấp năm lần hương thơm cõi trời Đâu-suất-đà, gấp sáu lần hương thơm cõi trời Hóa lạc, Tha hóa tự tại. Nhờ nghiệp thù thắng nên được Thiên chúng cũng thù thắng. Quan sát nghiệp thiện của cõi Phong hành này, biết vị trời ấy vui chơi trong vườn rừng, thọ hưởng hương xúc. Gió thơm của sáu cõi trời đều thổi đến cõi này cùng một sức gió. Vì sao? Vì công đức của gió không thể nói hết. Vị trời ấy nghĩ gì là ngọn gió mang đến, muốn nghe âm nhạc thì gió thổi vào hang núi, phát tiếng hay hơn tiếng ca của Thiên nữ. Nếu nghĩ đến hương thơm thì hương của các loài hoa ở những cõi trời Tha hóa tự tại… đều hòa hợp xông ướp cõi trời này, thật không sao nói hết. Nếu nghĩ đến sự mát mẻ thì được thỏa ý. Nếu muốn vui chơi ở những nơi khác, muốn thấy các thứ ngọc quý thì lên núi Tu-di, hoặc đi trên núi vàng, vàng Diêm-phù-đàn, hoặc đi trên núi pha lê. Trong vườn rừng có các loại hoa trái, suối nước, chim chóc, hoa sen và các Thiên nữ. Chỗ ở có vô lượng hương, xúc, âm thanh vi diệu. Thiên tử theo gió đến các vườn rừng, hang núi vui chơi như trước đã nói. Cứ thế Thiên tử theo gió thơm mà đi đến hưởng năm thứ dục lạc. Cùng nhau vui chơi thọ lạc không có tâm ganh ghét tranh cãi, luôn yêu thương nhau. Vì những nghiệp nhiễm ô, nghiệp thượng, trung, hạ của chính mình mà chịu quả báo tương xứng như dấu ấn in vào vật. Khi hết nghiệp, từ cõi trời vị ấy bị thoái đọa. Như vậy chúng sinh tạo nghiệp, theo nghiệp mà lưu chuyển, không phải không nhân sinh. Quán xét xong, Tỳ-kheo nói kệ:

Biết thời nhờ mặt trời
Theo đó cây cỏ sinh
Do nghiệp nhân sinh khởi
Chẳng phải không có nhân.
Vô lượng sự sinh tử
Đều do nghiệp trói buộc
Ba loại ái vững chắc
Trói buộc các chúng sinh.
Như mật hòa độc dược
Vì vậy chớ uống ăn
Diệu lạc trời cũng thế
Khi thoái đọa chịu khổ.
Nghiệp hết luôn lo sợ
Xả bỏ các Thiên nữ

Lúc ấy khổ đau nhiều
Thật không sao ví dụ.
Khi nghiệp thiện sắp hết
Như ánh đèn gần tắt
Chẳng biết đi về đâu
Tâm sinh nhiều khổ não.
Bị ái độc thiêu đốt
Lo lắng ở trong tâm
Lời nói thân tướng động
Lo sợ mất thân trời.
Tất cả vì dục lạc
Ái dục lừa dối nhất
Vì không chịu xả ly
Nên thêm nhiều khổ não.
Lúc chư Thiên sắp đọa
Tâm sinh những khổ não
Khổ địa ngục chẳng bằng
Một phần trong mười sáu.
Tất cả bánh xe lửa
Do sức ái làm ra
Ái trói buộc chúng sinh
Đến những nơi hiểm ác.
Chư Thiên khổ bị đọa
Người khổ đau vì chết
Quán sinh tử như lửa
Thấy rồi nên bỏ dục.
Người nào sống phóng dật
Chẳng được phần giải thoát
Phóng dật, si mê hoặc
Cách xa đạo Niết-bàn.
Hãy xả bỏ phóng dật
Phóng dật: oán giặc dữ
Chư Thiên vì phóng dật
Đọa lạc trong địa ngục.
Ba cõi-bánh xe lăn
Nghiệp lưu chuyển không dứt
Vì vậy bỏ ái dục
Lìa dục, đạt Niết-bàn.

Như thế các Tỳ-kheo quan sát sự thoái đọa của chư Thiên, xả bỏ tâm tham dục, quán niềm vui vô thường ở cõi trời Phong hành. Nghiệp là do duyên sinh, không thoát khỏi sự vô thường. Đến khi nghiệp lành hết, từ cõi trời, vị ấy bị thoái đọa. Nếu có nghiệp lành khác thì không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được thân người đi khắp các cõi, làm bậc Đạo sư, biết rõ con đường gió đi.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ thứ sáu của cõi trời Ca-lưu-túc, dùng văn tuệ biết cõi ấy tên là Tán hoa hoan hỷ. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết người trì giới bằng tâm tịnh tín, thanh tịnh thân, ngữ, ý. Khi chúng Tăng thuyết giới, cúng dường bình tắm, hoặc lúc đi đường, ở trong đồng vắng, đem nước sạch vào bình tắm bố thí. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi trời Tán hoa hoan hỷ. Ở đó có các thứ âm nhạc, âm thanh vui thú, cùng các Thiên nữ vui chơi bên núi Tu-di bằng tỳ-lưu-ly báu, thân thể trang sức các thứ anh lạc và vòng hoa thơm, gió thơm thổi vào thân. Ở đó có ao, suối. Thiên tử, Thiên nữ cùng nhau vui chơi thọ nhận vô lượng dục lạc, luôn vào rừng suối hưởng diệu lạc cõi trời. Rừng ấy, cây bằng tỳ-lưu-ly, lá bằng vàng ròng; cây bằng vàng ròng, lá bằng tỳ-lưu-ly. Họ vào rừng cây này luôn được hoan hỷ, thân phát ra ánh sáng, uống nước cam lồ cõi trời. Đó đều do nghiệp thiện. Đem rượu ngọt thượng vị cõi Diêm-phù-đề so sánh với thức uống cõi trời thì đắng như rau đắng. Có đủ sắc vị, mùi hương huân khắp cả do-tuần. Có nhiều loài chim sắc hoàng kim, chúng uống nước thơm đó tâm luôn vui vẻ, hót tiếng líu lo, vang khắp khu rừng, có nhiều loài ong vui chơi trong đó. Tất cả hương vị đều từ cây phát ra. Các sắc hoàng kim, lưu ly, xa cừ, chân châu đỏ, sắc xanh đều từ cây phát ra. Ở đó có dòng sông thơm tên Hoan hỷ, rộng hai do-tuần. Thiên tử, Thiên nữ cùng vui đùa ở hai bờ sông, cùng hưởng diệu lạc. Thiên tử, Thiên nữ uống nước đều hoan hỷ, ca múa, vui cười. Có hoa sen sắc màu hoàng kim, cộng sen bằng lưu ly. Họ vui chơi ca múa trên các bảo điện, vào trong ao lớn đó vui chơi thọ lạc, cùng nhau tạt nước. Ao ấy tên là A-tê-chi-ca, nước ao có tám công đức, trong sạch, đặc biệt không đâu sánh bằng. Thiên tử ấy hưởng diệu lạc cõi trời, đến khi nghiệp lành hết, từ cõi trời, vị ấy mạng chung, không đọa vào ba đường ác, được làm người sinh trong nước giàu có vui sướng không đói khát, sống trong nhà sang cả không gặp thời đói khát, được mọi người yêu mến, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ thứ bảy của cõi trời Ca-lưu-túc, dùng văn tuệ biết cõi ấy tên là Phổ

quang. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết người giữ giới, tu tập nghiệp lành, huân tập tâm theo pháp lành, với tâm bi, đem sự an ổn cho người bệnh, người phá giới mà không mong cầu đền đáp, nuôi dưỡng người bệnh tâm không nhọc mệt. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi trời Phổ quang, hưởng năm thứ dục lạc, trang sức vòng hoa trời, tâm ý vui vẻ, tùy ý vui chơi, dạo xem, có các Thiên nữ vây quanh, oai đức rực rỡ như ánh sáng mặt trời, tất cả Thiên chúng đều cung kính, tôn trọng, vui chơi trong núi Tu-di báu, mặc áo cõi trời, trang sức các vật báu, tùy ý vui chơi trong các vườn rừng, ao hoa sen, hang núi, dòng suối, hưởng phước báo của nghiệp mình. Cõi ấy có hành lan bằng vàng ròng, có nhiều loài chim, gió thổi lưới chuông, phát ra âm thanh vi diệu. Có khu rừng tên Phổ hiện, trang nghiêm sáng suốt rực rỡ hơn trăm ngàn mặt trời. Núi Tu-di có bảy ngọn núi bao quanh rừng ấy:

1. Cao sơn.
2. Hợp sơn.
3. Vũ lạc.
4. Long thanh.
5. Ái quang.
6. Vũ bảo.
7. Tinh man.

Treo các linh báu trên cây, những Thiên nữ trang sức vòng hoa trời, vui chơi trong rừng, thân phóng trăm ngàn ánh sáng rực rỡ soi rọi. Thiên tử thấy vậy, buông lung theo năm dục, lấy hoa sen vàng cùng nhau ca múa vui chơi, không biết chán sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, bị ba mươi sáu ngọn lửa thiêu đốt giống như lửa cháy mà không biết sợ. Các Tỳ-kheo nói kệ:

Khắp cả các cõi trời
Bị lửa ái bao quanh
Thiêu đốt không thoát được
Bị dục si sai khiến.
Như thêm củi vào lửa
Ngọn lửa càng hừng hực
Cũng thế người thọ lạc
Lửa ái tăng thêm dần.
Lửa củi tuy hừng hực
Người có thể tránh xa
Lửa ái đốt thế gian

Triền miên không hề tắt.
Người nào qua sông ái
Biết lo sợ trùng độc
Đạt đến nơi tịch tĩnh
Do xa lìa ái dục.
Người thoát khỏi lưới ái
Xả bỏ mọi tham, sân
Người trí vượt phiền não
Dứt hẳn mọi lo sầu.
Ai bố thí, trì giới
Tâm luôn nghĩ cõi trời
Là ô nhiễm tịnh giới
Giống như nước lẫn độc.
Ai dối gạt chúng sinh
Trải qua trăm ngàn kiếp
Kẻ ngu không bỏ được
Bị tham dục sai khiến.
Chúng sinh bị ái gạt
Vẫn nương tựa tham ái
Như người mang vác nặng
Lại còn uống nước mặn.
Uống rồi lại khát nữa
Chẳng dừng nghỉ phút giây
Kẻ ngu chẳng khéo xét
Nhọc mệt tự khổ đau.
Vì thế phải lìa ái
Tâm ái khó điều phục
Ái làm cho chúng sinh
Không thoát khỏi sinh tử.
Niềm an lạc vô thượng
Là vui trong thiền định
Lạc ấy thật tối thắng
Thấy được thành Niết-bàn.
Thành tựu nhân thắng lạc
Thọ lạc báo cõi trời
Bị lưới ái trói buộc
Lại chịu khổ địa ngục.
Ái trước sau đều ác

Luôn chịu những khổ đau
Ái: Nguồn gốc khổ não
Pháp Phật dạy như vậy.

Cứ thế, các Tỳ-kheo quan sát khổ chết chóc chìm nổi trong dòng xoay ái dục của cõi trời thì sinh tâm chán bỏ. Quan sát tất cả các cõi trời, thọ hưởng diệu lạc đến khi nghiệp lành hết, từ cõi trời, vị ấy bị thoái đọa, nhưng không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được sinh trong loài người, có nhiều của báu, vợ con, nô tỳ, tôi tớ, khách buôn, quyến thuộc hòa hợp là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ thứ tám của cõi trời Ca-lưu-túc, dùng văn tuệ biết cõi ấy tên là Thường hoan hỷ. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh nào với tín tâm thanh tịnh, thấy người phạm pháp bị nhốt trong ngục, sắp tử hình, liền đem tiền chuộc mạng để người ấy thoát chết, không vì tài lợi, chỉ vì tâm Từ bi, tạo lợi ích cho chúng sinh, không mong đền đáp. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi trời Thường hoan hỷ. Diệu lạc ở đó gấp trăm lần cõi trời khác. Đó là vì nghiệp thù thắng. Cõi đó có vô lượng Thiên nữ ca múa vua đùa, dạo chơi trong hang núi bằng vàng, tỳ-lưu-ly, tiếp xúc êm ái thích thú qua bên sông suối, vườn rừng hưởng diệu lạc cõi trời. Diệu lạc ở đó gấp trăm ngàn vạn lần diệu lạc của Chuyển luân thánh vương. Vì sao? Vì cùng nghiệp với chư Thiên. Thân không có xương thịt không nhơ uế, sống bên núi Tu-di, thân thể trang sức hoa sen báu, vòng hoa và y phục cõi trời. Khi lên núi vàng thì sắc thân màu vàng, lên núi lưu ly sắc thân màu lưu ly, vào trong ao nước sắc thân có màu như nước. Khi lên núi lưu ly, sắc thân sáng chói như mặt trời thứ hai. Đó là do năng lực của lưu ly. Nếu lên núi bạc, sắc thân như tuyết, như hoa Câu-vật-đầu, toàn thân xinh đẹp. Thiên nữ vây quanh trỗi kỹ nhạc cõi trời, vui chơi trong vườn rừng, thọ hưởng diệu lạc cõi trời. Cứ thế vui chơi, họ thấy một khu vừng có đủ các loại cây, tên là Thiên hý, Thiên tử lên điện vàng Diêm-phù-đàn để vào rừng đó. Rừng ấy, cây cối mềm mại, âm thanh của các loài chim hòa quyện rất hay. Thiên tử vào đó, chim hót tiếng cõi trời, vì cùng nghiệp với chư Thiên, vì nghiệp thiện cõi trời, liền hót kệ:

Những ai đã tạo ra
Những nghiệp lành đáng yêu
Sẽ thành tựu quả báo
Thân khôi ngô, xinh đẹp.
Đã hưởng lạc cõi trời
Mà không sống buông lung

Từ vui đến chỗ vui
Sau ắt đạt Niết-bàn.
Tất cả lạc vô thường
Đều phải bị chấm dứt
Chớ thọ lạc cõi trời
Làm an vui chính mình.
Diệu lạc trời vô thường
Chết sẽ bị đọa lạc
Đã biết các pháp ấy
Hãy cầu đạo Niết-bàn.
Mọi pháp đều hoại diệt
Ở cao ắt bị rơi
Hòa hợp có chia ly
Có sống phải có chết.
Chúng sinh trong ba cõi
Hiện tại và vị lai
Có sinh ắt phải chết
Không pháp nào thường còn.
Như mặt trời mọc, lặn
Ai nấy đều thấy được
Sự sống cũng như vậy
Chết luôn luôn hiển hiện.
Biết các pháp như thế
Tất cả đều sinh diệt
Chớ buông lung tâm mình
Buông lung hơn chất độc.
Cẩn thận không buông lung
Đó là điều tốt đẹp
Ai sống trong phóng dật
Là đi trên đường chết.
Người không sống phóng dật
Đạt đến nơi bất tử
Kẻ sống trong phóng dật
Luôn đi trên đường chết.
Kẻ sống trong phóng dật
Như chất độc như lửa
Chúng sinh sống phóng dật
Lâm chung đến chỗ khổ.

Người không sống phóng dật
Đến đâu được người kính
Đạt được nơi tịch diệt
Dứt hẳn sự phóng dật.
Mọi pháp lạc đều hết
Kẻ ngu không hiểu rõ
Cho đến lúc lâm chung
Sẽ quên hết tất cả.
Người nào yêu thân mình
Phải thực hành nghiệp thiện
Tu hành trong pháp lạc
Như lời Đức Phật dạy.
Tất cả đều vô thường
Sau đưa đến đau khổ
Vì biết được như thật
Phật dạy cho chúng sinh.

Nghe chim hót kệ xong, vị trời ấy tự suy xét tâm ý tỉnh ngộ nhớ được quả báo đời trước, bỏ bớt sự buông lung, biết đủ, thân sáng suốt, giữ gìn tâm ý, không tham năm dục, không sống phóng dật. Nhưng chẳng bao lâu, tâm ý loạn động, vị trời ấy lại tham đắm năm dục, thọ hưởng năm dục. Đến khi nghiệp thiện hết, vị trời ấy thoái đọa. Nếu không có nghiệp ác thì không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được thọ thân người, không bị nạn vua, luôn hưởng an lạc, không gặp điều xấu là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ thứ chín của cõi trời Ca-lưu-túc, dùng văn tuệ biết cõi ấy tên là Hương lạc. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết được người nào giữ giới, tin Tam bảo, cúng dường hương bột, hương xoa vào ruộng phước lớn Phật, Pháp, Tăng, cúng dường bằng tâm thanh tịnh, nghĩ: Ta được tài vật như pháp mà đem ra bố thí. Nghĩ thế lòng vui mừng. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi trời Hương lạc, hưởng diệu lạc cõi trời, thân phóng ánh sáng, nghe được năm âm nhạc cõi trời, trong lòng luôn hoan hỷ, thọ hưởng năm dục lâu dài, các căn tham đắm dục lạc, chẳng biết bao lâu, lưu chuyển từ vô thỉ, không biết nhàm chán, vui chơi ngắm cảnh, thân thể trang sức các vòng hoa, hương bột, hương xoa. Ở đó có các rừng cây, ánh sáng rực rỡ, có sông suối ao hồ bao quanh. Vị trời ấy vì tham đắm nơi cảnh dục, không nghĩ đến sự thoái đọa, bị tâm tham ái lừa dối, thọ hưởng năm dục lạc. Đến khi nghiệp thiện hết, vị trời ấy thoái đọa. Nếu còn nghiệp thiện khác thì không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh,

được thọ thân người, sinh vào nước an lạc, không gặp thời đao binh, tàn phá, đói khát, được mọi người cung phụng là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ thứ mười của cõi trời Ca-lưu-túc, dùng văn tuệ biết cõi ấy tên là Quân đầu. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Người nào giữ giới bằng lòng tin thanh tịnh, thấy chúng sinh bị vua bắt tội, đem ra xử trảm liền cứu họ thoát chết. Sau khi lâm chung, vị ấy được sinh lên cõi trời Quân đầu, thọ hưởng năm dục lạc và đủ các diệu lạc của những vị vua ở ba phương khác. Họ tham hoan lạc và ánh sáng, muốn được diệu lạc mãi, tùy ý có được hoan lạc của ba cõi trời, cho đến thọ hưởng các diệu lạc như Thiên nữ, năm dục, âm nhạc. Đến khi nghiệp thiện hết, vị ấy bị thoái đọa. Nhờ nghiệp thiện khác nên không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được thọ thân người, không bị khổ não lo sợ, không bệnh hoạn, được an ổn, thân xinh đẹp, được người yêu mến, có nhiều tài sản, sống lâu theo kiếp tăng, giảm là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp và đã quan sát mười trụ xứ của cõi trời Ca-lưu-túc, hãy quan sát trụ xứ thứ ba của cõi Tứ Thiên vương tên là Thường tứ ý. Cõi này có bao nhiêu trụ xứ? Dùng văn tuệ quan sát, biết cõi này có mười trụ xứ:

1. Hoan hỷ ngạn
2. Ưu-bát-la sắc.
3. Phân-đà-lợi.
4. Chúng thái.
5. Chất-đa-la.
6. Sơn đảnh.
7. Ma-thâu.
8. Dục cảnh.
9. Thanh lương trì.
10. Thường du hý.

Đó là mười trụ xứ của cõi trời Thường tứ ý. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh giữ giới bằng tâm thanh tịnh, bỏ tà kiến, thấy ai chặt cây cối, chỗ ở của Quỷ thần, Dạ-xoa, La-sát, thì bảo vệ, không để cho họ chặt phá. Những quỷ thần đó không gây hại cho người, sống vui vẻ nơi cây cối. Nếu không có cây cối thì chúng khổ đau. Nhờ người này quỷ thần được vui vẻ. Sau khi mạng chung, vị ấy được sinh lên cõi trời Hoan hỷ ngạn, hưởng diệu lạc cõi trời.

Ở đó có ao tên Thanh lương, có các loài thiên nga, vịt trời, uyên ương màu sắc hoàng kim hót tiếng lảnh lót. Trong ao có hoa sen bằng bảy báu, có rừng cây sắc vàng tên là Kim lâm bao quanh ao sen đó. Rừng cây màu vàng báu rọi bóng trong ao tạo ra vô số màu sắc. Ao đó đẹp như ao của vua Đế Thích. Lúc ấy, trời Đế Thích từ trên đi xuống định đánh A-tu-la, thấy hoa sen ấy đẹp như mặt trời mới mọc. Có vô lượng trăm ngàn hoa sen trang sức như thế. Thấy vậy, Đế Thích nói với các vị trời: Ao Thanh lương này phong cảnh thanh tịnh, thật kỳ diệu. Vị trời ấy luôn yêu thích ao hoa công đức này. Thiên tử cõi Hỷ ngạn cùng các Thiên nữ vui chơi thọ lạc không sao ví dụ được. Họ tự do vui chơi, các Thiên nữ bao quanh hưởng mọi diệu lạc bậc nhất. Họ tự do đi lại, ăn uống bên bờ ao và những nơi khác mà thân thể không mệt mỏi, tâm ý luôn vui vẻ, nghe đủ tất cả âm thanh, ca múa vui đùa liên tục không ngớt. Họ nghĩ đến hoan lạc, thân tâm thanh tịnh vô cấu, ngày một phát triển, hưởng năm dục lạc tâm không biết chán. Vì sao? Vì tâm ái như lửa, nên không biết đủ. Cứ thế Thiên tử vui chơi ở các núi sông, cung điện, ao hoa, trang sức bảy báu. Ở những nơi vui chơi, Thiên tử nghe đủ các loại âm thanh. Cùng các Thiên nữ vui chơi thọ lạc trong các rừng cây, trên đỉnh núi Tu-di. Các thứ báu tỳ-lưu-ly, bạch ngân, san hô, vàng ròng sáng soi rực rỡ. Vị ấy tự do đi lại, rực rỡ như mặt trời, đáng yêu như mặt trăng. Nhờ nghiệp thiện, có đủ các màu sắc không sao ví dụ được, được thân thù diệu, hưởng quả báo của nghiệp thiện. Vị trời ấy vui chơi hưởng năm thứ dục lạc. Đến khi nghiệp thiện hết, vị ấy bị thoái đọa. Nếu nhờ nghiệp thiện khác thì không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được thọ thân người xinh đẹp thù diệu, an ổn vui vẻ, có nhiều của báu, hưởng diệu lạc thù thắng, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ thứ hai của cõi trời Thường tứ ý, dùng văn tuệ biết cõi ấy tên là Ưu-bát-la sắc. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh tu hành theo chánh pháp, giữ giới bằng tịnh tín là để cúng dường Phật, Pháp, Tăng, xây ao hoa Ưu-bát để cúng dường Tam bảo. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi trời Ưu-bát-la sắc, hưởng diệu lạc cõi trời, vui chơi ca múa trong ao hoa, hưởng vô lượng an lạc. Các khu rừng trang sức bằng lưu ly, san hô, vàng ròng, đất đai mềm mại, có vô lượng Thiên nữ vui chơi trong đó, tùy ý niệm được thành tựu mọi diệu lạc cõi trời. Có vô lượng hang núi để vui chơi thọ lạc. Nhờ nhân vui, được quả vui, năm cảnh mà năm căn tiếp xúc cũng vui, sắc thân như lưu ly, như hoa Ưu-bát-la, Thiên tử vui chơi ở các ao hoa. Hương thơm của hoa Ưu-bát-la thoảng ra, xông khắp trăm do-tuần, thơm hơn hương

của các loài hoa khác, như vua tối thắng là nhờ nhân được quả.

Đức Phật dạy:

–Sau khi sinh lên cõi trời, vị ấy thích ao hoa, vui chơi trong đó, hưởng vô lượng hoan lạc, tâm luôn yêu thích sáu cảnh mà sáu căn tiếp xúc. Đến khi nghiệp thiện hết, vị ấy bị thoái đọa. Nhờ nghiệp thiện khác nên không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được thọ thân người, sinh vào nước lớn, có nhiều cây ăn trái, đầy đủ diệu lạc cõi trời, có nhiều tài sản là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ ba của cõi Thường tứ ý tên là Phân-đà-lợi. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh nào thanh tịnh thân, ngữ, ý, xây ao sen cúng dường Phật, Pháp, Tăng, Tam bảo. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi trời Phân-đà-lợi. Nhờ thành tựu nghiệp thiện, hưởng diệu lạc cõi trời, thân thể trang sức các vật báu sáng rực, được chư Thiên yêu mến, trang sức các vòng hoa, có các Thiên nữ vây quanh, trang sức các vật báu như kim cương, báu ma-ni xanh, xa cừ cùng nhau vui chơi, tự do thọ lạc. Đến khi nghiệp thiện hết, vị ấy bị thoái đọa. Nếu còn nghiệp thiện khác thì không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được thọ thân người, sinh vào nước nào cũng có nhiều ao đầm, tài sản giàu có, hưởng mọi an lạc thù diệu, được cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc yêu mến là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ thứ tư của cõi trời Thường tứ ý, dùng văn tuệ biết cõi ấy tên là Thái địa. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi ấy? Dùng văn tuệ biết chúng sinh nào với tín tâm thanh tịnh, nhuộm ca-sa cho các Tỳ-kheo Tăng, hoặc bằng màu tất-bát-la, đỏ vàng, tía, xanh biếc, chiên-đàn, xanh, lục, đen… Dùng các màu sắc nhuộm pháp phục cho người xuất gia. Sau khi qua đời, vị ấy được sinh lên cõi trời Thái địa, hưởng diệu lạc cõi trời, thân thể trang sức y phục, vòng hoa đẹp, thân thường phát ra các loại ánh sáng chiếu soi đất ấy, tất cả các nơi đều như vậy. Ánh sáng đất ấy giống như ánh sáng hoa xích bảo. Có các loại màu sắc xanh, vàng… trang nghiêm đất ấy. Tất cả y phục để trang sức thân cũng như vậy. Vị trời ấy vui chơi trong rừng, luôn hưởng diệu lạc không đâu sánh bằng, có vô lượng sự thù thắng, đầy đủ công đức. Nhờ nghiệp thiện, thọ hưởng các thứ an lạc. Cõi ấy có các vườn rừng, cung điện, lầu quán. Thiên tử cùng các Thiên nữ xinh đẹp vui chơi ở đó. Họ đến đâu cõi ấy cùng màu sắc như họ. Tất cả rừng cây, ngọn núi, ao hoa, dòng sông, con suối cũng vậy. Họ trỗi nhạc, ca múa,

vui chơi, hưởng lạc, cùng các Thiên nữ yêu mến nhau, vui với lục dục, ăn vị tu-đà, uống vị cam lồ cõi trời, không say loạn, Thiên chúng vây quanh, hưởng sự vui sướng này. Quan sát xong, Tỳ-kheo nói kệ:

Nghiệp lành thật cao lớn
Hơn cả núi Tu-di
Nghiệp lành đưa người đến
Cõi A-ca-nị-trá.
Giữ gìn các giới cấm
Bảo vệ tất cả loài
Quả báo của nghiệp lành
Hưởng diệu lạc cõi trời.
Ánh sáng giới trang nghiêm
Nước giữ giới thanh tịnh
Tắm sạch người tu hành
Sinh cõi trời thọ lạc.
Thí, giới, tự điều phục
Lợi ích các chúng sinh
Bằng trí, tấn, tâm Từ
Người ấy sinh lên trời.
Chánh hạnh lìa lỗi lầm
Trang sức bằng báu giới
Thương xót các chúng sinh
Người ấy sinh lên trời.
Chất trực giống như vàng
Lọc ra khỏi tạp chất
Tu hành thích chánh nghiệp
Người ấy sinh lên trời.
Từ bi các chúng sinh
Tâm luôn tạo lợi ích
Không nhiễm những nghiệp ác
Người ấy sinh lên trời.
Ngày đêm giữ giới cấm
Người trí luôn hộ trì
Người ấy sinh lên trời
Thường được hưởng diệu lạc.
Người nào tự suy xét
Cỡi con ngựa giữ giới
Đến cung điện cõi trời

Nơi vô lượng an lạc.
Vui chơi ở cung trời
Hưởng hoan lạc cõi trời
Đều do giữ tịnh giới
Đức Như Lai dạy thế.
Người nào tự trang sức
Hoa quý đẹp cõi trời
Vui chơi ở cõi trời
Đều là nhờ nghiệp thiện.
Rừng vườn được trang sức
Bằng hoa Ưu-bát-la
Ai vui chơi ở đó
Đều là nhờ nghiệp thiện.
Ai sống ở hư không
Trang sức bằng báu trời
Thanh tịnh và sáng suốt
Đều nhờ giữ tịnh giới.
Nơi trang sức vật báu
Đầy hương hoa vi diệu
Vui chơi ở trên núi
Đều nhờ giữ tịnh giới.
Như người vào nhà mình
Lòng không chút lo sợ
Giữ giới cũng như vậy
Lên đến các cõi trời.
Chẳng phải hương Kê-đa
Ma-lô và Chiêm-bặc
Vượt cả hương cõi trời
Hương giữ giới tối thắng.
Người nào hộ giới cấm
Là người rất thù thắng
Ai xả ly giới cấm
Đó chính là kẻ chết.
Đã biết công đức này
Nếu yêu thích thân mình
Khéo giữ gìn giới cấm
Xa lìa tâm phạm giới.
Giữ giới luôn điều phục

Nhẫn nhục, người thích nhìn
Như người lên thềm cấp
Đến cõi trời diệu lạc.

Tỳ-kheo đã quan sát quả báo của nghiệp mà vị trời ấy thọ hưởng như thế. Đã biết nghiệp quả rồi, nhàm chán tâm tham dục trong sinh tử. Vị trời ở cõi Thái địa vui chơi thọ lạc, đến khi nghiệp hết, vị ấy bị thoái đọa. Nhờ nghiệp thiện khác nên không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được thọ thân người, được mọi người kính mến, có nhiều tài sản, sinh ở phương Nam, nơi không có não loạn, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ thứ năm của cõi trời Thường tứ ý, dùng văn tuệ biết cõi ấy tên là Chất-đa-la. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh có tín tâm và bi tâm, bố thí thức ăn cho người giữ giới và kẻ không giữ giới. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi trời Chất-đa-la. Nhờ các loại nghiệp thiện mà được các thứ diệu lạc, đủ các đồ dùng, cùng các Thiên nữ vui chơi thọ lạc trong các vườn rừng, hang núi, dòng suối, ao hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma. Thân thể trang sức nhiều thứ y phục, có đủ ngôn từ, khéo léo, thông thạo, hòa nhã, lời vui đùa, lời biện luận. Tạo các loại nhân hưởng nhiều sự diệu lạc trong các vườn rừng. Quan sát xong, Tỳ-kheo hoan hỷ nói kệ:

Những nghiệp mình đã làm
Còn hơn họa sĩ giỏi
Họa sĩ nghiệp cõi trời
Vẽ các loại quả vui.
Cùng tất cả màu sắc
Quán xét thì đếm được
Nghiệp tâm vẽ nhiều màu
Không thể biết số lượng.
Phá tường, bức tranh mất
Cả hai diệt cùng lúc
Nhưng khi thân hư hoại
Bức tranh nghiệp không mất.
Ví như một họa sĩ
Vẽ tất cả bức tranh
Tâm này cũng như vậy
Tạo ra đủ loại nghiệp.
Những bức tranh hiển hiện
Ai thấy cũng yêu thích

Tranh năm căn cũng vậy
Theo nghiệp có sinh tử.
Họa sĩ giỏi trong đời
Hiện tại có thể thấy
Họa sĩ tâm vi tế
Không một ai thấy được.
Những hình vẽ xấu đẹp
Hiển hiện trên vách tường
Tâm nghiệp cũng như vậy
Tạo quả báo thiện, ác.
Tâm này suốt ngày đêm
Luôn suy xét không ngừng
Vì thế nghiệp theo tâm
Phát triển, không xa rời.
Gió, mưa, bụi, mây, nắng
Tạo bức tranh hư hoại
Khi bỏ thiện, bất thiện
Các nghiệp mới mất hết.

Tỳ-kheo quan sát họa sĩ tâm tự do tạo nghiệp, quan sát như thật về nghiệp rồi, nhàm chán sinh tử. Vị trời này thọ hưởng quả báo của các nghiệp ái, đến khi nghiệp hết, vị ấy bị thoái đọa. Nếu còn nghiệp thiện khác thì không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được thọ thân người, có nhiều tài sản, luôn thực hành chánh pháp, đi con thuyền lớn để tìm của báu, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Thường tứ ý, dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ sáu của cõi này tên là Sơn đảnh. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh nào có tâm thiện, xây nhà làm phước để mọi người tránh mưa nắng. Sau khi mạng chung, vị ấy sinh lên cõi trời Sơn đảnh, hưởng diệu lạc cõi trời, vui thú với năm dục, thành tựu các quả báo tốt. Cõi đó có bảy khu vườn rừng:

1. Mạn-đà-la hý lâm.
2. Vân lâm.
3. Tức lạc lâm.
4. Du hý lâm.
5. Hống lâm.
6. Huyễn lâm.

7. Ni-ca-la lâm.

Vị ấy cùng các Thiên nữ vui chơi ca múa, trổi nhạc trời, mặc tình hưởng diệu lạc tột đỉnh. Họ vui chơi trong các vườn hoa, dùng các kho báu trang trí các núi. Trên mỗi đỉnh núi phát ra ánh sáng màu hoàng kim, họ vui chơi ở đó thì không có bệnh khổ. Nhờ những nghiệp thiện, được sinh lên cõi này, hưởng diệu lạc cõi trời, cùng nhau vui chơi bên dòng suối, ao tắm hoa sen, đến lúc nghiệp thiện hết, vị ấy bị thoái đọa. Nếu còn nghiệp thiện khác thì không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được thọ thân người, làm thầy của bậc Đại vương, được mọi người kính mến, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Thường tứ ý, dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ bảy của cõi này tên là Ma-thâu. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh tu tập nghiệp lành, thọ trì giới cấm, tạo lợi ích cho chúng sinh, tâm Từ bi hòa dịu, ngay thẳng không dua nịnh, không gây tổn não cho người khác, đem thức ăn bố thí cho người đi đường, Sa-môn, Bà-la-môn, người nghèo cùng, bệnh khổ, cô độc. Bố thí một ngày, hai ngày hoặc nhiều ngày, liên tục không ngừng. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi trời, hưởng hoan lạc cõi trời. Cõi ấy có các khu vườn, treo nhiều dây linh, phát ra tiếng hay, các Thiên nữ vây quanh, vui vẻ thọ hưởng vô lượng dục lạc cõi trời, có nhiều đồng tử, mặc tình thọ hưởng thức uống ăn cam lồ, dùng hoa Mạn-đà-la kết thành vòng, vui chơi trong các vườn hoa. Ở đó có các núi bằng vàng, tỳ-lưu-ly, pha lê. Trong vườn hoa có nhiều loài ong phát ra âm thanh rộn rã. Thiên tử cùng các Thiên nữ vui chơi trong vườn rừng. Rừng ấy sáng rực hơn ánh sáng mặt trời. Trong rừng Mạn-đà-la, rừng Câu-xa có các loài chim sắc hoàng kim, hót tiếng líu lo nghe thật đáng yêu. Họ nghe được năm thứ âm nhạc, thọ hưởng diệu lạc cõi trời. Đất ấy làm bằng tỳ-lưu-ly, có nhiều ao hồ, đáy ao được rải cát chân châu, nước ao là nước tám công đức. Núi Tu-di lưu có các thứ đá bằng tỳ-lưu-ly, pha-lê-ca. Thiên tử cùng các Thiên nữ vui chơi hưởng lạc, tự thọ hưởng các quả báo, đến khi nghiệp thiện hết, vị ấy bị thoái đọa. Nếu còn nghiệp thiện khác thì không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được thọ thân người, luôn được giàu có, vui vẻ, được vua phong ấp, ở gần núi Mân trà, đều là do dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát các trụ xứ của cõi trời Thường tứ ý, dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ tám của cõi này tên là Dục cảnh. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi

này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh đem thức ăn, thuốc thang cho những người trì giới, kẻ tà kiến, người bệnh để họ được an ổn, không có bệnh khổ. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi trời Dục cảnh, hưởng diệu lạc cõi trời, không sợ hãi, chư Thiên ở cõi ấy đều cung phụng, nhờ nghiệp thù thắng, nên quả báo cũng thù thắng, ví như nhiều đèn lớn thì ánh sáng rực rỡ. Vị ấy ở cõi trời hưởng mọi an lạc thù thắng, nhờ oai lực của nghiệp thiện được sinh lên cõi này, được vui chơi thọ lạc ở núi Tu-di bằng tỳ-lưu-ly, ma-ni. Cõi ấy có nhiều thắng cảnh, vườn rừng, ao tắm, sông suối được trang trí bằng bảy báu sáng rực. Có các Thiên nữ cung kính vây quanh, mặc tình thọ nhận năm thứ dục lạc. Ở đó thọ lạc, đến khi nghiệp thiện hết vị ấy bị thoái đọa. Nếu còn nghiệp thiện khác thì không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được thọ thân người, xinh đẹp, không lo sợ, có nhiều tài sản, được vua kính trọng, mọi người cung phụng, sống lâu, sinh vào nước an lạc, gặp thời chánh pháp, không sinh vào thời ác, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Thường tứ ý, dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ chín của cõi này tên là Thanh lương trì. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh có tín tâm, bi tâm, thấy chúng sinh bị bệnh khát sắp chết, thấy sứ giả Diêm-la hết sức lo sợ liền đem nước đường, nước lạnh cho người bệnh. Nhờ nhân duyên này, sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi Thanh lương trì, hưởng diệu lạc cõi trời. Cõi ấy có đủ những nơi vui chơi như suối, sông, ao hồ. Vị ấy thọ hưởng mọi thứ diệu lạc, mắt thấy đủ các màu sắc, mũi ngửi các hương thơm, thân tiếp xúc sự êm ái, âm thanh, mùi vị cũng vậy, tâm ý mát mẻ, xa lánh sự say sưa, đủ các thức uống. Vị ấy có năm thứ công đức, uống nước xong thì có được mười thứ công đức, đi trên không chẳng bị rớt, không bị trở ngại như đi trên đất bằng, không lao lực, ca múa vui chơi, tâm luôn hoan hỷ, hưởng công đức cõi trời và trăm thứ an lạc, nghe tất cả âm thanh, không bị ngăn ngại. Vị ấy mặc tình thọ nhận an lạc thượng diệu và mọi diệu lạc của cảnh giới. Cõi đó có tám khu rừng bằng bảy báu:

1. Tứ hoan hỷ.
2. Du hý hành.
3. Ý thanh lương.
4. Minh phong lạc.
5. Âm nhạc thanh.
6. Diệp âm.

7. Hoa lâm.

8. Như ý.

Vị trời ấy vui chơi thọ lạc trong những khu rừng này, mắt xem sắc đẹp, tai nghe tiếng hay, mũi ngửi hương thơm, lưỡi nếm vị ngon, tâm thanh tịnh, lìa cấu nhiễm, năm căn thọ hưởng diệu lạc của năm cảnh. Cứ như vậy nên bị lục dục thiêu đốt, lửa lục dục ngày một tăng trưởng hừng hực mà không hay biết, sống trong sự phóng dật, phóng dật tổn hại tâm. Đến khi nghiệp thiện hết, vị ấy bị thoái đọa. Nếu còn nghiệp thiện khác thì không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được thọ thân người, không bị đói khát, không mỏi mệt, không gặp sự sợ hãi của đói khát, hưởng mọi an lạc thượng diệu, được mọi người yêu mến, cung phụng tọa cụ, thuốc thang, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Thường tứ ý, dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ mười của cõi này tên là Thường du hý. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh xây phòng xá, vẽ cảnh người chết cho những người tu thiền để họ sinh tâm nhàm chán. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi trời Thường du hý, hưởng mọi diệu lạc. Cõi ấy trang trí bằng các thứ báu như vàng, tỳ-lưu-ly, san hô, nhân-đà, ma-ni xanh. Thiên tử vui chơi thọ lạc, nghe vô lượng âm thanh thật đáng yêu, không sao nói hết, tùy ý có được các thức uống ăn, y phục, hoa hương, có vô lượng nơi vui chơi như Kiến lâm, Duyệt lạc, Điều âm, Âm thanh, Tứ ý, Thiện hương, Xúc ý, xông ướp các thứ hương, có đủ an lạc vui đùa, đi trên hư không, thấy bạn bè tâm vui mừng, đi trên các núi báu cũng hưởng sự vui vẻ như vậy, nghe năm thứ âm nhạc. Đến khi nghiệp thiện hết, vị ấy bị thoái đọa. Nếu còn nghiệp thiện khác thì không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được thọ thân người, luôn có được những nơi để vui chơi, mặc y phục sặc sỡ, thích lời hay, trò chơi, là nhờ dư báo.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 24

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 3)

TỨ THIÊN VƯƠNG (Phần 3)

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã quan sát nghiệp quả của ba trụ xứ ở cõi trời Tứ Thiên vương rồi, hãy quán trụ xứ thứ tư. Dùng văn tuệ quan sát cõi trời Tam không hầu. Cõi này có mười trụ xứ:

1. Càn-đà-la.
2. Ứng thanh.
3. Hỷ lạc.
4. Thám thủy.
5. Bạch thân.
6. Cộng ngu lạc.
7. Hỷ lạc hành.
8. Cộng hành.
9. Hóa sinh.
10. Tập hành.

Đó là mười trụ xứ của các cõi trời Tam không hầu. Các Tỳ-kheo cứ như vậy mà quan sát quả báo của nghiệp ở các trụ xứ ấy. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi trời này? Dùng văn tuệ biết được chúng sinh do tu tập nghiệp lành nên sinh lên cõi trời ấy, hưởng quả báo tương xứng. Trụ xứ thứ nhất của cõi Tam không hầu tên là Càn-đà-la. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi trời ấy? Chúng sinh nào có tín tâm tu thân, cúng dường vườn rừng, hoặc ruộng mía, hoặc rừng yêm-la, rừng cây ăn trái cho chư tăng thọ dụng. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi trời Càn-đà-la, thọ hưởng vô lượng diệu lạc, xoa thân bằng chiên-đàn và ngưu đầu chiên-đàn cõi trời. Có vô lượng Thiên nữ trang sức lộng lẫy, giỏi ca múa, biết các trò chơi, cùng vây quanh vui đùa hưởng lạc ở các vườn rừng, ao hoa. Họ mặc y phục, đeo vòng hoa cõi trời, yêu mến lẫn nhau. Hương thơm của hoa tỏa khắp trăm do-tuần. Nghe mùi hương ấy các ngọc nữ cõi

trời đều hoan hỷ, càng thêm buông lung, chiêm ngưỡng Thiên tử, tình dục không chán, họ thể hiện sự cung kính bằng vô lượng cách. Thiên tử mặc tình thọ hưởng hoan lạc. Cõi ấy có các dòng sông:

1. Bảo lưu.
2. Ba lưu.
3. Kim lưu.
4. Tửu lưu.
5. Mỹ lưu.
6. Lưu mạt tiếu.

Ở đó có những con thiên nga, vịt trời, uyên ương kêu tiếng rất hay. Hai bên bờ sông có nhiều rừng cây sum suê tươi tốt, có nhiều chim quý màu sắc sặc sỡ, hót tiếng thánh thót thật đáng yêu thích. Các Thiên nữ ca hát rất hay, nghe tiếng chim hót càng tăng thêm dục vọng, không thích âm thanh khác. Nghe xong lại vui vẻ, hưởng vô lượng diệu lạc, đủ bảy âm thanh du dương. Trong sông, chim chóc, Thiên nữ ca, hót, vui chơi, uống nước cam lồ, không say sưa. Thiên tử cùng các Thiên nữ vui chơi thọ lạc ở các núi báu bằng vàng, tỳ-lưu-ly, pha lê, vườn rừng, sông suối, ao sen có đầy chim chóc. Lại cùng Thiên nữ vui chơi thọ lạc ở trên đất Tỳ-lưu-ly xanh, có đầy hoa thơm. Nhờ nghiệp thiện nên thành tựu được mọi diệu lạc cõi trời.

Tỳ-kheo dùng văn tuệ quan sát các thứ diệu lạc cõi trời xong, nói kệ:

Năm căn luôn thọ lạc
Bị cảnh dục lừa dối
Chưa bao giờ biết chán
Lửa dục trong chốc lát.
Ở các cảnh khác nhau
Thấy được những Thiên nữ
Những cảnh giới thù thắng
Lửa dục càng bùng cháy.
Hoặc hội họp, ly tán
Hoặc nói, hoặc nghĩ nhớ
Chính vì các Thiên nữ
Lửa dục đốt chư Thiên.
Lửa do hòa hợp có
Không hợp thì không sinh
Nhưng dù hợp hay không
Lửa dục luôn hừng hực.

Các duyên không hòa hợp
Lửa xa thì không đốt
Lửa dục không xa gần
Luôn thiêu hại chúng sinh.
Với sức củi ý tưởng
Và tà niệm sai khiến
Lửa dục thêm dầu ái
Thiêu đốt kẻ ngu si.
Nếu dùng lửa đốt thân
Chốc lát bị dập tắt
Danh sắc ly tán rồi
Lửa dục vẫn không tắt.
Lửa dục hại chúng sinh
Còn hơn lửa đốt người
Lửa dục hại tuy nhiều
Nhưng người không nhàm chán.
Năm căn do các duyên
Duyên với năm cảnh giới
Khi gió ái thổi vào
Lửa dục đốt chúng sinh.
Từ đuốc ức niệm sinh
Do cảnh giới tăng trưởng
Tuy là pháp không thấy
Đốt người hơn lửa dữ.
Lửa dục cũng như vậy
Bùng cháy hơn lửa hừng
Bị dục vọng che mù
Tham đắm những dục lạc.
Lửa thường có ánh sáng
Lửa dục làm tối tăm
Dục ấy như độc, oán
Người trí hãy xa rời.

Quan sát lửa dục thiêu đốt trời, người, Tỳ-kheo sinh tâm xót thương, vì thấy được tội lỗi của chúng nên không thích hoan lạc cõi trời. Vị trời Càn-đà-la thọ hưởng diệu lạc như thế, đến lúc nghiệp thiện hết, vị ấy qua đời. Nếu còn nghiệp thiện khác thì không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được thọ thân người, có nhiều ruộng vườn, tài sản, phong ấp, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát các trụ xứ của cõi trời Tam không hầu, dùng văn tuệ quan sát trụ xứ thứ hai của cõi ấy tên là Ứng thanh. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh thực hành nghiệp thiện, nói một bài kệ chánh pháp cho người tà kiến nghe để tâm họ thanh tịnh mát mẻ, tin Phật. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi trời Ứng thanh hưởng năm dục lạc, vui chơi ở dòng thiên hà, ao hoa sen, núi báu tỳ-lưu-ly, vàng, pha lê. Nghe âm nhạc Càn-thát-bà, có các Thiên nữ trang sức lộng lẫy, xinh đẹp không ai sánh bằng, ca múa vui chơi, vây quanh Thiên tử càng thêm hỷ lạc. Họ vui chơi trên các ngọn núi thọ nhận mọi sự diệu lạc, trang sức thân bằng hương bột, vòng hoa trời. Cõi ấy có vô lượng cảnh giới để vui chơi như hang núi, núi vàng, vườn rừng. Có các núi vàng như Chiêm-bà-đế, Vô ảnh chi, Nhất thiết lạc, Tâm ý hóa. Các ngọn núi ấy được trang trí bằng các thứ báu và vườn rừng vàng. Các Thiên chúng hoan hỷ ca tụng vui chơi ở trên núi, bên dòng sông, ao sen. Ở đó nước rất trong mát, chim chóc mặc tình ca hót líu lo. Những nơi ấy thật đáng yêu thích. Thiên tử hưởng quả báo của nghiệp mình, cùng các Thiên nữ vui chơi thọ lạc. Có các loài chim hót tiếng thánh thót, ong bướm rộn rã. Thiên tử cùng các Thiên nữ vui chơi ở cung điện, vườn rừng hưởng diệu lạc thượng diệu. Vị địa thiên ấy hưởng mọi diệu lạc cho đến khi nghiệp thiện hết, từ cõi trời bị thoái đọa, theo nghiệp lưu chuyển, chịu mọi sự sinh tử, hoặc đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu còn nghiệp thiện khác sẽ được thọ thân người, sinh trong dòng hào phú, được người kính trọng, thân, ngữ, ý đều thiện, quyến thuộc đoàn kết, đầy đủ nô tỳ hầu hạ, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát các trụ xứ của cõi trời Tam không hầu, dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ ba của cõi ấy tên là Hỷ lạc. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi ấy? Dùng văn tuệ biết chúng sinh tu hành nghiệp thiện, bố thí thức uống ngon cho người bằng tín tâm thanh tịnh, hoặc bố thí nước sạch cho người đi đường để họ an lạc hoặc đậy giếng sợ các loài rắn độc, nhện, trùng, kiến rơi vào giếng làm cho người đi đường uống vào khổ não. Làm việc như thế mà không mong đền đáp, chỉ vì phước đức. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi Hỷ lạc này. Người sinh ở đó thân hình sáng rực như mặt trời thứ hai. Đó là nhờ nghiệp thiện. Thiên tử cùng các Thiên nữ vui chơi ở hang núi, sông suối, ao hồ, thân hình xinh đẹp, tươi trẻ, không có khổ vì già, hưởng vô lượng sắc, thanh, hương, vị, xúc, năm thứ dục lạc. Rừng núi ở đó phần nhiều là cây bằng bảy báu, không có cây héo, hoa của cây cũng không bao giờ héo, luôn thoảng mùi thơm. Rừng cây sắc hoàng kim, cành vàng rợp

mát, có núi bằng lưu ly trang nghiêm, các loài chim khổng tước, câu-sí-la có cánh bằng bảy báu, hót tiếng thánh thót. Thiên tử tự quan sát thân tướng, tâm sinh vui vẻ. Tùy ý niệm của các Thiên tử các loài chim ca hót líu lo, nghe xong ai cũng sinh tâm thán phục: Loài chim này có thể biết được tâm niệm của ta, theo ý ta mà ca hót líu lo. Trong miệng chim luôn tiết ra nước ngọt, chúng uống vào thì càng thêm buông lung, vui vẻ, hót tiếng trăm ngàn công đức. Tiếng ấy trong trẻo, công đức thù diệu. Nghe tiếng chim ca hót, tâm ái dục càng giong ruổi, tâm ý hoan lạc. Lại có loài chim tên Huề du hý đậu trong võng lưới gắn linh hót tiếng líu lo, tiếng ấy khớp với tiếng linh không thể nào phân biệt được. Hai tiếng ấy giao hòa tạo thành âm thanh càng hay. Lại có loài chim tên Ngạn hành sống bên bờ sông, trong ao sen vàng, tiết ra nước thơm. Lại có loài chim tên Ảnh du. Chúng đi đến đâu mặt đất biến màu như chúng. Lại có loài chim tên Luân điểu. Nếu Thiên nữ gần loài chim này thì thân hình xinh đẹp, thù diệu hơn trước gấp trăm lần. Thiên tử vui chơi trong các vườn cây hưởng lạc không bao giờ hết, thành tựu tùy ý diệu lạc tột đỉnh, thanh tịnh không gì sánh bằng. Có vô lượng Thiên nữ vây quanh vui chơi trong rừng hoặc trong núi, bay lên hư không đến đỉnh núi vàng, tỳ-lưu-ly. Ở đó có nhiều ao hoa sen và có các loài thiên nga, vịt trời, uyên ương. Nước ao trong sạch như tỳ-lưu-ly, nước thơm, lặng trong, luôn tràn đầy. Ở những nơi vui chơi có nước thơm chảy ra, hương của rừng cây xông ướp khắp nơi. Xung quanh núi ấy có vô lượng cây bằng vàng, tỳ-lưu-ly. Mặt đất mềm mại, lên xuống theo từng bước chân. Thiên tử cùng Thiên nữ vui chơi hưởng lạc ở đất ấy. Mắt xem vô lượng trăm ngàn sắc đẹp, tai nghe vô lượng trăm ngàn tiếng hay, mũi ngửi vô lượng trăm ngàn hương thơm… các căn thọ hưởng vô lượng diệu lạc như vậy. Đến khi nghiệp thiện hết, vị ấy qua đời. Nếu còn nghiệp thiện khác thì không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được thọ thân người, luôn được an lạc, được vua quý trọng và mọi người yêu mến, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát các trụ xứ của cõi trời Tam không hầu, dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ tư của cõi này tên là Thám thủy. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi ấy? Dùng văn tuệ biết chúng sinh tu hành nghiệp thiện, có tín tâm, bi tâm và tâm làm lợi ích, thấy người bệnh khổ sắp chết, cổ họng lấy hơi lên. Ngay lúc chưa chết đem nước dinh dưỡng và tài vật bố thí để kéo dài mạng sống người ấy. Nhờ nghiệp thiện này, khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi trời Thám thủy, hưởng diệu lạc cõi trời, oai đức sáng rực như vua Đế Thích, có các Thiên nữ vây quanh. Vị ấy luôn hưởng mọi diệu lạc, hưởng quả báo

của nghiệp mình trải qua thời gian lâu xa. Thấy vô lượng rừng cây sông suối, vị ấy cùng các Thiên nữ vào rừng Ma-lợi, lại có vô lượng sông, ao tắm hoa sen trang trí. Họ nghe âm nhạc hay cõi trời, tiếng nhạc Càn-thát-bà, tiếng chim hót. Các Thiên nữ vui vẻ nô đùa trong rừng. Rừng ấy có nhiều hoa trái, cây báu. Có các rừng: Mạn-đà-la, Câu-xá-la, Bất phá hoại, Thường hoan hỷ, Chánh hoan hỷ, Như ý hương. Hương hoa tỏa khắp mọi nơi. Các Thiên chúng mặc tình vui chơi ở trong rừng Ma-lợi, rồi đến năm rừng hoa kia vui chơi thọ lạc. Trong rừng đó có các loài chim tên Túc mạng, thấy chư Thiên chúng liền hót kệ:

Phước đức đáng yêu thích
Đạt quả báo thù thắng
Vì thế hãy tu phước
Không gì bằng thuyền phước.
Phước đức, kho vô tận
Và là người thân nhất
Phước đức như đèn sáng
Như cha mẹ từ hòa.
Do phước đức lên trời
Và đến cảnh giới lành
Người tu tập phước đức
Hưởng phước lạc cõi trời.
Người tu phước thù thắng
Luôn sống nơi an lạc
Vì thế hãy tu phước
Không gì vui bằng phước.
Lợi ích cả hai đời
Được ái kính, tài vật
Thường quán xét hai nhân
Đó là lạc phước đức.
Phước đức luôn theo thân
Như bóng không rời hình
Phước: niềm vui vô thượng
Không phước chẳng quả vui.
Chư Thiên hết phước đức
Đọa lạc, sinh theo nghiệp
Chịu quả báo thiện, ác
Vì thế hãy tu phước.
Xưa ta ở cõi trời

Nay thọ thân súc sinh
Vì không có phước đức
Bị tự nghiệp lừa dối.
Ai không phước điều phục
Luôn đi trên đường ác
Người ấy không an lạc
Như trong cát không dầu.
Kẻ ngu bị tâm dối
Xa lìa các phước đức
Kẻ ấy không được vui
Không đoạn trừ các khổ.
Người ấy thường thọ sinh
Lại thường bị thoái diệt
Chư Thiên sống phóng dật
Lạc ấy là vô thường.
Lưới nghiệp nhốt chúng sinh
Bị si ái lừa dối
Sinh tử từ vô thuỷ
Lưu chuyển như xe nước.
Chư Thiên khi thoái đọa
Chịu đủ khổ não lớn
Các khổ của địa ngục
Không thể nào sánh bằng.
Chư Thiên phải đọa lạc
Cớ sao không giác ngộ
Không thấy sự hoại diệt
Lại tham lạc thế gian.
Sự sinh diệt ở đời
Không thể nào biết được
Con người không nhàm chán
Bị tham ái lừa dối.

Nghe chim thuyết pháp chư Thiên ít ghi nhớ nên tiếp tục phóng dật, bị tâm sai khiến, hành động theo ái dục, ca múa vui chơi, trỗi năm thứ âm nhạc ở trong rừng, bị lửa phóng dật thiêu đốt củi cảnh giới. Vị ấy cùng các Thiên nữ vui chơi hưởng năm dục lạc trong vườn cảnh, ngọn núi, cung điện, ao hoa. Ở đó thọ hưởng diệu lạc cho đến khi nghiệp thiện hết, vị ấy qua đời lưu chuyển theo nghiệp. Nếu còn nghiệp thiện khác thì không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được thọ thân người, từ khi sinh ra đến lúc

chết không bị bệnh khổ, không bị não loạn, được người yêu kính, sinh nơi cõi nước tốt đẹp, không đói khát, thân hình xinh đẹp, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Tam không hầu, dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ năm của cõi này tên là Bạch thân. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi ấy? Chúng sinh nào biết được ruộng phước với tín tâm thanh tịnh, thấy tháp Phật hoặc tăng phòng bị mưa gió làm hư liền tu sửa lại bằng tâm phước đức, với tâm chánh tín biết quả báo của nghiệp, nên khi làm xong rất vui mừng, còn hướng dẫn người khác tu sửa tháp cũ. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi trời Bạch thân. Người sinh lên cõi này mặc y phục trắng, dù là ngọc kha, tuyết, hoa Câu-mâu-đà cũng không sánh được một phần mười sáu. Các cung điện cũng như vậy. Thân người ấy trắng hơn các ánh sáng trăng. Họ vui chơi trong các vườn rừng như rừng san hô. Rừng cây thoảng hương thơm vi diệu. Họ trỗi các âm nhạc, ca múa vui chơi hưởng diệu lạc cõi trời. Lại vào rừng san hô, rừng ấy có nhiều tiếng chim, ánh sáng rực rỡ, có thế lực lớn, ánh sáng đỏ rực không sắc nào sánh bằng. Thân vị trời ấy có sắc trắng, nhưng vì ánh sáng cây sắc đỏ nên thân cũng có sắc đỏ. Họ nhìn nhau, nói: sắc thân vốn có của chúng ta đều không hiển hiện, nhưng lại có sắc khác, vì cây này sắc đỏ. Chúng ta hãy đến khu rừng khác. Thiên tử liền cùng Thiên nữ vào rừng Tỳ-lưu-ly. Rừng ấy có sắc xanh giống như màu xanh mà người cõi Diêm-phù-đề nhìn thấy trên hư không, làm cho thân thể của chư Thiên mất sắc trắng. Ánh sáng xanh của cây trùm khắp thân chư Thiên, những loài chim và hoa sen ở đó cũng có sắc xanh. Khi ấy các Thiên tử cùng Thiên nữ vây quanh trỗi nhạc trời, vui chơi ca múa, thọ hưởng năm thứ dục lạc, trải qua một thời gian dài, họ lại đến rừng bạc để vui chơi. Trong rừng ấy tất cả đều trang sức bằng sắc trắng: hoa sen báu trắng, chim báu trắng, thân chư Thiên trắng nên khi vào rừng này giống như bóng mặt trăng hiện ở trong sữa. Họ vui chơi, trỗi nhạc thọ lạc ở rừng này trong một thời gian dài không thể nào ví dụ được. Bỏ khu rừng ấy, họ lại đến khu tạp lâm. Các loại cây trong rừng đó hoặc bằng vàng, bằng bạc, lưu ly, lá cây cũng có nhiều màu sắc, sắc thân của chư Thiên cũng nhiều màu như vậy. Thiên tử cùng Thiên nữ vui chơi ở đây một thời gian dài. Bỏ khu rừng ấy họ lại đến ngọn núi tên Phổ biến. Núi này được trang trí bằng bảy báu. Lên trên đỉnh núi này sẽ thấy được sáu vạn núi vàng của núi Tu-di. Núi Tu-di nằm ở giữa. Họ lại đến núi Phổ nhãn. Thiên tử cùng Thiên nữ cõi Bạch thân lên núi này vui chơi hưởng lạc một thời gian dài. Núi này có nhiều sông suối, ao hồ, vườn rừng trang nghiêm, chim chóc hót tiếng líu lo. Bỏ núi này, họ lên núi Đại viên, lại có chư Thiên khác cũng lên núi này

vui chơi. Khi ấy Thiên tử cõi Bạch thân cùng các Thiên nữ vui chơi thọ lạc, trỗi nhạc trời thật thích ý. Khi thọ hưởng diệu lạc hết, giống như đèn hết dầu, ánh sáng mất, lại như mặt trăng lặn, ánh sáng mất, chư Thiên cũng vậy. Khi thọ hưởng diệu lạc hết, nghiệp thiện hết bị thoái đọa, theo nghiệp của mình mà đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh vào cõi người, sắc thân trắng tinh như sắc tơ ngó sen, sinh vào nước Thiên Hán ở phía Bắc, sắc thân tốt đẹp, hưởng mọi an lạc thượng diệu, thống lãnh muôn dân, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát các trụ xứ của cõi trời Không hầu, dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ sáu của cõi này tên là Cộng du hý. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi ấy? Dùng văn tuệ biết chúng sinh trì giới bằng tín tâm, đồng thực hành giáo pháp, hòa hợp, giữ giới, bố thí. Vì nhân duyên ấy, sau khi qua đời, những vị ấy sinh lên cõi trời Cộng du hý. Ở đó, họ thành tựu phước đức, yêu thương nhau, cảnh trí nhộn nhịp, trỗi năm thứ âm nhạc ca múa vui đùa. Các Thiên nữ trang sức lộng lẫy. Ở đó hưởng quả báo của nghiệp mình. Cõi ấy được trang trí bằng các châu báu, đất đai xinh đẹp, lan can bằng ngọc lưu ly, dòng sông được trang trí bằng các thứ báu và có nhiều thiên nga, vịt trời, uyên ương, bờ sông có nhiều cây báu. Thiên nữ vây quanh vui đùa bên sông chân châu, nước sông trong sạch tinh khiết, dưới đáy sông rải cát bằng chân châu trắng, bùn bằng vàng ròng, có nhiều cá vàng, thân cá có vô lượng trân châu. Hai bên bờ sông có nhiều cây bằng vàng lá cây bằng tỳ-lưu-ly, cây bằng tỳ-lưu-ly lá cây bằng vàng, luôn có hoa trái rực rỡ đủ màu sắc, chim chóc vui đùa, luôn được an lạc. Nghe tiếng chim hót ai cũng thích thú. Nếu dùng mắt để nhìn thì rất vui vẻ. Các Thiên tử ấy luôn hoan hỷ. Họ lại trở về trụ xứ cũ. Bên ao Bà-cầu có cây báu, cành lá như nhà cửa cung điện, mặt đất mềm mại lên xuống theo từng bước chân như báu xanh cõi trời. Đất đó bằng phẳng rộng lớn, có rừng hoa sen và các loài chim, trân bảo trang nghiêm. Hoặc có đất bằng vàng, cây bằng tỳ-lưu-ly, cành cây như lưới dùng làm nhà cửa, có nhiều hoa thơm, ong bướm vây quanh. Thiên tử cùng Thiên nữ ở đó vui chơi hưởng quả báo an lạc, lại đến dòng suối, vườn rừng, ao tắm. Chim chóc ở rừng này sắc thân màu vàng, vui đùa trong nước, hót tiếng líu lo, nước sông trong sạch chảy đến núi vàng, tạo nên nhiều âm thanh. Các Thiên nữ ở bên bờ sông, tay cầm hoa vàng, vây quanh Thiên tử vui chơi thọ lạc, lấy hoa giỡn nhau để vui chơi. Trải qua một thời gian dài, chư Thiên lại đến dục lâm. Ở đó họ bị bao trùm trong sự phóng dật, chim chóc mặc tình ăn trái cây, các loài ong màu sắc đẹp như lưu ly tha hồ hút mật hoa. Chim câu-sí-la say đắm buông lung như

trong mùa xuân. Hai bên bờ sông chim chóc say sưa với thức ăn ngon. Các Thiên tử tha hồ thọ hưởng năm dục. Thấy các Thiên tử, tâm dục của các Thiên nữ càng sung mãn. Người nữ không có niềm vui nào hơn dục lạc. Họ nếm vị dục, nghĩ đến dục, sống trong dục, tự tánh nhớ đến dục, luôn nghĩ đến các Thiên tử, tâm không rời xa. Nếu thấy Thiên tử cùng Thiên nữ vui chơi, thọ lạc thì càng đắm đuối. Thọ nhận như thế đến khi nghiệp thiện hết, vị ấy qua đời, lưu chuyển theo nghiệp, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh vào cõi người thì cùng quyến thuộc sống chung trong một nước, cùng nghiệp lực, cùng tu phước đức, được giàu có, thực hành nghiệp thiện, cùng cộng nghiệp, sinh một chỗ, cùng chịu nghiệp thiện, ác không sai khác, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát các trụ xứ của cõi trời Tam không hầu, dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ bảy của cõi này tên là Nhạo du hý. Người nào trì giới, giáo hóa chúng sinh làm cho họ phát tâm tịnh tín, hoan hỷ, hoặc dạy họ bố thí, trì giới, tin ruộng phước nơi có đủ công đức. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi trời Nhạo du hý, thân thể sáng rực. Vị ấy tự nghĩ: Do những nghiệp gì ta được sinh lên cõi này? Liền nghĩ biết, đời trước, ở cõi người, ta đã bố thí, người này là bạn tốt của ta, cùng tu phước đức, vì nhân duyên đó được sinh lên cõi này. Nhớ rằng: nhờ sức giáo hóa của các Sa-môn thân quen mà ta bố thí, phát tâm thanh tịnh nên hiện nay ta sinh lên cõi Nhạo du hý. Thiên tử liền quay lại, thấy các Thiên nữ trang sức lộng lẫy như rừng hoa sen có nhiều sắc đẹp nên sinh tâm tham đắm, không còn nghĩ đến một chút nghiệp lành xưa, sinh tâm phóng dật, tham đắm năm dục, hưởng mọi hoan lạc cõi trời, lưu chuyển từ vô thỉ, bị lửa dục thiêu đốt. Như lửa dữ thiêu đốt rừng khô, lửa dục thiêu đốt cũng vậy. Các Thiên nữ miệng thoảng mùi thơm, tay cầm hoa sen trang sức lộng lẫy, đến chỗ Thiên tử. Thiên tử và Thiên nữ cùng nhau vui chơi hưởng vô lượng an lạc. Quán xét sự phóng dật xong, Tỳ-kheo nhàm chán sinh tử, sinh tâm kinh sợ sự khổ sinh tử là nơi đáng sợ hãi nhất, Tỳ-kheo liền nói kệ:

Pháp khổ vui vừa sinh
Quên khổ vui lúc trước
Như bình minh hôm nay
Không còn ngày hôm qua.
Cớ sao ở cõi trời
Hưởng diệu lạc hiện tại
Không biết sẽ thoái đọa
Tất cả đều chấm dứt.

Như mật trong rừng gai
Như thức ăn lẫn độc
Dục lạc cũng như vậy
Không biết khổ thoái đọa.
Diệu dục ở cõi trời
Thọ hưởng không nhàm chán
Sức tham ái cõi trời
Hoan lạc che lấp tâm.
Lửa ái thiêu chúng sinh
Cầu lạc không thể được
Ai lìa được ái dục
Hành thiền định là lạc.
Người vô ngã lìa dục
Đến được thành Niết-bàn
Người này trước sau tịnh
Từ vui được chốn vui.
Người nào đoạn ái kết
Tâm không còn phiền não
Khéo thâu giữ tâm ý
Không chấp tất cả pháp.
Biết làm hay không làm
Người ấy luôn được vui
Ai lấp được sông ái
Vượt khỏi dòng sinh tử.
Người dũng mãnh vượt qua
Đạt đến thành Niết-bàn
Tham ái không có vui
Vì ba độc hòa hợp
Ai giải thoát dục vọng
Là được lạc thanh tịnh.

Quan sát vị trời ấy sống buông lung, lửa ái tăng trưởng, Tỳ-kheo sinh tâm thương xót.

Bấy giờ, Thiên tử cùng Thiên nữ đến rừng Hương yên vui chơi. Các Thiên nữ vây quanh trỗi nhạc, ca múa, thọ lạc, hoặc đi trên hư không như chim bay. Các Thiên nữ ấy có người đi bằng chim thiên nga, có người ngồi trên lưng thiên nga, có người đi trên mặt đất. Các Thiên nữ ca hát, thân thể an vui không nhọc mệt. Họ thấy chư Thiên đang ở đó thì rất vui vẻ, cùng nhau tập hợp chơi đùa, vui sướng vô cùng. Trong rừng Hương yên có vô

lượng âm thanh vang khắp khu rừng, có các loại âm nhạc như tiếng tiêu, địch, không hầu. Các Thiên nữ trang sức anh lạc, nói cười rất hay. Có những dòng sông phát ra những thứ âm thanh, có các loài chim quý đủ màu sắc. Người nào nghe được âm thanh ca tụng của cõi trời ấy đều vui vẻ. Khắp khu rừng ấy có nhiều cây thuốc, chim chóc, ao suối, hoa trái. Ở đó, họ vui chơi thọ hưởng năm dục. Lại cùng các Thiên nữ vây quanh đến ngọn Biện tài ở núi Tu-di. Núi ấy có nhiều ao sen, vườn rừng. Đỉnh núi ấy là chỗ ở của vua Tỳ-lưu-lặc Thiên, có vô lượng Thiên nữ vây quanh. Quan sát nghiệp của chúng sinh, pháp cho là phi pháp, bao nhiêu chúng sinh thuận theo pháp hành, bao nhiêu chúng sinh thực hành phi pháp? Tạo nghiệp gì để đem lại lợi ích cho thế gian? Tạo nghiệp gì không đem lợi ích cho thế gian? Làm sao để chánh pháp tăng trưởng phi pháp giảm thiểu? Làm sao để quân ma giảm thiểu? Những loài A-tu-la dũng mãnh, loài rồng gây não loạn đều tổn giảm? Thiên vương Hộ thế ở núi Biện tài cách đỉnh núi không xa, đi theo đường mặt trời. Thiên vương Tỳ-lưu-lặc quan sát ánh sáng ấy, do tu pháp gì mà có ánh sáng này chiếu sáng ở thế gian? Vị ấy tư duy quan sát mặt trời theo đường đi của ánh sáng. Nếu người đời thuận theo chánh pháp tu hành, ủng hộ chánh pháp, như pháp tăng trưởng thì ánh sáng mặt trời thanh tịnh, thời tiết thuận hòa, ánh sáng soi rọi, ngũ cốc dồi dào, người không bệnh tật. Nếu thực hành phi pháp thì mặt trời không sáng, ngũ cốc không chín, muôn dân tận bệnh. Đó đều là do oai lực của pháp và phi pháp. Được quả tăng thượng mặt trời sáng rực chẳng phải không nhân duyên. Ánh sáng ấy không gì sánh bằng, chiếu lên núi Tu-di nên gọi là Đại minh. Thiên vương Tỳ-lưu-lặc nhân thấy mặt trời mà quan sát thế gian. Những Thiên chúng ấy hoan hỷ hưởng lạc, thấy ánh sáng lớn đi giữa ngọn núi, oai đức sáng chói càng thêm hoan hỷ. Thiên vương Tỳ-lưu-lặc quán xét thế gian, thấy oai đức sáng chói của vị trời ấy, tâm sinh hoan hỷ, nên nói kệ:

Ba cách tạo nghiệp lành
Có ba loại nhân duyên
Ba thời, ba cảnh giới
Ba công đức, ba quả.
Không trộm, thường bố thí
Thực hành theo chánh pháp
Thật nhẫn luôn tương ưng
Sinh trong các cõi người.
Đủ trang sức cõi trời
Đeo vòng hoa thiên giới
Hưởng hoan lạc cõi trời

Đều do nhân nghiệp thiện.
Chúng sinh nào phóng dật
Không thực hành nghiệp thiện
Kẻ ngu si như thế
Không được sinh lên trời.
Ở cõi người làm lành
Khi nghiệp đã thành tựu
Chính vì nghiệp báo đó
Được sinh lên cõi trời.
Ai yêu mến thân mình
Muốn thọ hưởng quả vui
Tạo nhân đại phước đức
Được sinh lên cõi trời.
Nếu ở trong cõi trời
Hưởng lạc thượng, trung, hạ
Ba loại diệu lạc này
Đều do nhân phước đức.
Người nào tạo các nghiệp
Theo nghiệp đó tăng giảm
Tùy theo các nghiệp này
Thọ báo lạc cõi trời.

Thiên vương Tỳ-lưu-lặc quan sát các Thiên chúng, nói kệ xong, cùng chư Thiên vui chơi ở đỉnh núi, vườn rừng, ao tắm, vườn cây trái, có các loài chim hót tiếng líu lo. Các Thiên chúng nhìn hang núi sinh tâm yêu thích, hưởng sáu dục lạc, tham đắm sáu cảnh giới, buông lung chơi đùa, nghe năm thứ âm nhạc. Họ vui chơi ở ao sen, sông suối, uống nước bằng tỳ-lưu-ly, có ao suối xinh đẹp. Họ vui chơi đến khi nghiệp thiện hết, từ cõi trời, vị ấy qua đời, theo nghiệp chịu quả báo, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu được sinh trong cõi người thì có trí tuệ, biện tài, làm bậc thầy ở đời, được mọi người tín thọ là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát các trụ xứ của cõi Tam không hầu, dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ tám của cõi này tên là Cộng du. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi ấy? Dùng văn tuệ biết chúng sinh tu hành với tín tâm, trì giới, bố thí, nghe pháp trong pháp hội, giúp đỡ xây cất, khuyến khích tùy hỷ, dùng thâm tâm, tâm thiện, tâm tịnh tín suy xét phước đức người này, ta cũng như vậy, ta sẽ tu phước. Sau khi qua đời, vị ấy được sinh lên cõi trời Cộng du. Đó là nhờ tùy hỷ bố thí, thấy có vô lượng cảnh giới mà tâm sinh hoan hỷ. Trong rừng ấy

có nhiều loại âm thanh, bốn bờ ao hoa vàng rải khắp, dùng tỳ-lưu-ly châu làm lan can, các loài chim hót tiếng líu lo. Thiên tử cùng Thiên nữ vui chơi. Trong rừng ấy có chim câu-sí-la, khổng tước xinh đẹp. Thiên tử cùng Thiên nữ vui chơi thọ lạc. Có những hoa sen cọng bằng lưu ly, lá bằng vàng ròng, đài sen bằng kim cương, rừng cây tốt, có đủ các loại quả, họ cùng Thiên nữ vui chơi, ăn thức ngon, hưởng năm dục lạc, hoặc đi trên núi, đất bằng tỳ-lưu-ly, đất ấy bằng phẳng, hoặc đi trên đỉnh núi chúa, trong dòng sông, con suối trong sạch không nhơ, mát mẻ vui thích, hoặc lội qua sông, rải cát bằng chân châu, vui chơi trong dòng nước trong sạch, hoặc có lầu gác trang trí bằng bảy báu nguy nga đồ sộ, hoặc trỗi kỹ nhạc, cùng Thiên nữ vui chơi thọ lạc, hoặc có cây Như ý được trang trí bằng các linh báu phát tiếng vi diệu, hoặc có khu rừng, ngày đêm sáu thời cùng bạn bè Thiên nữ vui chơi thọ lạc ở đó. Đất ấy được làm bằng bảy báu. Khi leo lên đỉnh núi họ ngắm Thiên chúng khác. Tất cả những diệu lạc đó không sao nói hết, đều là do nghiệp thiện của mình tạo ra, hưởng diệu lạc cõi trời. Chư Thiên ấy ham thích dục lạc buông lung, không biết nhàm chán, mắt say đắm bao nhiêu sắc đẹp không biết nhàm chán, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tham đắm thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng thế. Sáu căn ái nhiễm sáu cảnh không biết nhàm chán, tha hồ đuổi bắt cảnh giới mà tâm ái càng tăng trưởng như thêm củi vào lửa. Ái che lấp chư Thiên không biết lạc chân thật. Thiên tử hưởng vô lượng diệu lạc cõi trời đến khi nghiệp lành hết, từ cõi trời, vị ấy qua đời. Nếu không có nghiệp lành thì đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh trong cõi người thì cùng một nhóm người hoặc vào biển lớn buôn bán, tìm tài vật, hoặc ở trong thành thị, núi, xóm cùng làm một nghề, hoặc làm bà con cùng thờ một vua, giàu có tự tại, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ thứ chín của cõi Tam không hầu tên là Hóa sinh. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh phát tâm đại Bi, thấy chúng sinh nào bị khốn khổ vì đói khát nên muốn nhảy xuống sông sâu tự vẫn, liền cứu người ấy, thương yêu chúng như con. Do cứu giúp bằng tâm Từ bi, nên khi qua đời, vị ấy được sinh lên cõi trời. Nhân lúc Thiên tử gần gũi Thiên nữ, vị ấy ngồi kiết già hóa sinh vào trong thai. Lúc này cha mẹ đều nghĩ là có con. Sau khi sinh, người con cũng nghĩ họ là cha mẹ mình, cha mẹ yêu con chẳng khác người cõi Diêm-phù-đề. Vị ấy đang ngồi kiết già trong cõi trời mà hóa sinh nên cha mẹ càng yêu thương hơn, nói với vị ấy: Con nhờ quả báo lành mà hóa sinh trong thai ta, ta sẽ làm cho con vui vẻ, ta đưa con đi thưởng ngoạn các vườn rừng, ao sen và đỉnh núi có lưới vàng bao phủ, dòng suối, ao tắm cây cối um tùm. Trong

ao sen có hoa sắc vàng, ong bướm rộn rã, dòng nước trong sạch. Có những dòng sông đủ các thức ăn, ta và con mặc tình vui chơi thọ lạc.

Người con thưa: Con được sinh lên cõi này là nhờ quả báo lành, được gặp cha mẹ con sẽ cung phụng.

Cha mẹ liền cùng các Thiên nữ đưa người con đến rừng Lưỡng Diêm-phù-đàn. Đến nơi thấy cây Diêm-phù-đàn hoa trái sum suê, hương thơm xông khắp năm do-tuần. Họ lấy hoa rải khắp mọi nơi, tạo thành nhiều màu sắc xanh, vàng, đỏ, tía và nhiều hình dáng dài, ngắn, vuông, tròn, lại lấy hoa trang sức thân mình như vòng hoa cõi trời. Khi ấy, cha mẹ bảo người con: Rừng Lưỡng Diêm-phù-đàn này, hoa đua nhau nở, nếu có gió thổi động thân cây, hoa ấy rơi rải khắp nơi. Con có thể cùng các Thiên nữ Thiên chúng vui chơi, thọ hưởng mọi an lạc ở đây.

Nói xong, liền cùng Thiên chúng vào rừng ấy. Rừng đó có loài chim trời tên Mạng hoán. Thấy chim họ liền nói kệ khen Thiên tử:

Hãy đến đây hiền sĩ
Nhờ đã tạo nghiệp lành
Giữ gìn bảy chi giới
Nay được quả báo này.
Giữ giới được quả vui
Hưởng diệu lạc cõi trời
Giữ giới như thuyền bè
Vượt qua bến sinh tử.
Ai dùng nước giới sạch
Tắm rửa, tâm mạnh mẽ
Hoa vàng Diêm-phù-đàn
Sinh thiên tự trang sức.
Giữ giới là hạt giống
Tu tập các giới hạnh
Vui chơi ở cõi trời
Được an lạc hiện tại.
Người nào điều phục tâm
Luôn trang nghiêm bằng giới
Được sinh lên cõi trời
Hưởng vô lượng diệu lạc.
Người nào tạo nghiệp lành
Từ vui được chốn vui
Vui chơi ở cung trời

Nhờ giữ giới tăng trưởng
Đi trên thềm Thi-la
Trí tuệ càng phát triển
Người này đến đường lành
Đạt nghiệp thiện trí tuệ
Vì thế luôn giữ giới
Bố thí với trí tuệ
Xa lánh việc phá giới
Là tránh dao, lửa, độc.
Khéo giữ gìn giới luật
Đưa người đến đường lành
Ai bỏ việc giữ giới
Sẽ không được an vui.

Chim Mạng hoán ấy nói kệ khen ngợi Thiên tử làm cho Thiên tử vui vẻ. Nghe vậy Thiên tử vui mừng cùng cha mình vào rừng. Rừng ấy được trang trí bằng cây Như ý giống như ánh mặt trời sáng đẹp kỳ lạ. Còn có trăm ngàn rừng cây hòa hợp dòng suối, ao tắm trang trí rừng ấy, cây bằng tỳ-lưu-ly trang trí bằng vàng ròng. Có vô số ái lạc như thế. Thấy cây rừng Thiên tử mới sinh đó vui vẻ vô cùng, vui chơi trong rừng dù thấy các Thiên nữ vẫn không bị lệ thuộc. Các Thiên nữ thấy Thiên tử khôi ngô tuấn tú vui chơi một mình trong rừng mà không có Thiên nữ nào, nên vội chạy đến chỗ Thiên tử múa hát, trỗi nhạc, bày các trò chơi. Khi ấy Thiên tử vì tâm dục che lấp nên bỏ cha mẹ, cùng các Thiên nữ vui chơi, thọ hưởng an lạc thỏa thích vô cùng. Cõi ấy được trang trí các núi báu vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, các khu rừng, ao tắm rải cát chân châu và hoa sen trời, chim chóc. Thiên tử cùng Thiên nữ vui chơi khắp nơi sông suối, hang núi thọ hưởng diệu lạc. Tỳ-kheo quan sát mọi việc hy hữu như thế. Thiên tử cùng Thiên nữ vui chơi thọ lạc đến khi nghiệp thiện hết, từ cõi trời, vị ấy qua đời, lưu chuyển theo nghiệp, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh trong cõi người, được làm vua, đại thần, được mọi người yêu mến, khôi ngô tuấn tú, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát các trụ xứ của cõi Tam không hầu, dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ mười của cõi ấy tên là Chánh hạnh. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi ấy? Dùng văn tuệ biết chúng sinh thực hành nghiệp thiện, thấy người bị cướp bóc, đánh đập, liền cứu họ thoát chết, chỉ đường đúng cho người trong đồng vắng hiểm nạn, đem an ổn cho người đang lo sợ, làm lợi ích cho chúng sinh, khéo tu ba nghiệp, thanh tịnh thân, ngữ, ý. Sau khi qua đời, vị

ấy sinh lên cõi trời Chánh hạnh, thân hình sáng rực như mặt trăng tròn, sáu căn luôn hưởng diệu lạc nơi năm dục, được vui chơi có vô lượng Thiên nữ cung cấp hầu hạ, mặc áo trời, đeo vòng hoa trời, thường thưởng ngoạn trong vườn rừng, ao hoa, rừng pha lê. Cây cối trong rừng ấy toàn bằng pha lê sáng rực đầy đủ hoa trái, lá cây sáng loáng như chất vân mẫu, trái cây đều đặn như gương. Khi ấy Thiên tử vào rừng Tỳ-lâu-bác-xoa, thấy trăm ngàn thân hình chư Thiên đều xinh đẹp, trang sức hương xoa, hương bột, vòng hoa, vui mừng khôn xiết, cho rằng các Thiên chúng khác không sao bằng mình. Vào rừng Tỳ-lâu-bác-xoa quan sát thế gian. Nhờ thế lực của rừng, thấy các Dạ-xoa ở trên không, Dạ-xoa ở trên đất và những tướng pháp, phi pháp của cõi Diêm-phù-đề, thấy quả báo tăng trưởng. Nhìn vào cây pha lê, vị ấy thấy người thực hành chánh pháp, tâm ý vui mừng, thấy người hành phi pháp tâm ý buồn thương, thấy tướng pháp, phi pháp ấy Tỳ-lưu-bác-xoa nói với Đế Thích: Trong chốn Dạ-xoa này, ta biết được người thiện, bất thiện ở cõi Diêm-phù-đề. Thiên tử hưởng mọi diệu lạc ở rừng này đến khi nghiệp thiện hết đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh trong cõi người, phát sinh chánh kiến trong thành chánh pháp, sinh vào nhà trưởng giả, có nhiều của cải, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp và đã quan sát cõi trời Tam không hầu, hãy quan sát cõi trời Tứ Thiên vương, tên là Hành thiên. Cõi này bao quanh núi chúa Tu-di. Ngoại đạo nói cung điện ấy ánh sáng lên đến các ngôi sao. Nói sơ lược về cõi ấy có ba mươi sáu ức chúng sinh. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh giữ bảy chi giới của thân khẩu. Thân có ba chi, khẩu có bốn chi. Người sinh ở cõi này được quả báo tăng thượng. Chúng sinh vì nghiệp nhân thiện, bất thiện nên hiện ra tướng đẹp, xấu. Mặt trời, mặt trăng và sao được gọi là Hành thiên, vì đi quanh núi Tu-di, đi trên hư không được gió nâng đỡ gọi là Phong luân. Vì tăng thượng duyên dần dần di chuyển nâng đỡ mặt trời, mặt trăng và sao đi quanh núi chúa Tu-di.

Trong cõi này có hai vị trời Hộ thế:

1. Đề-đầu-lại-trá.

2. Tỳ-sa-môn.

Các Thiên chúng cùng hai vị đại Thiên vương đi khắp bốn cõi thiên hạ. Cung điện cõi ấy bằng ma-ni, có màu xanh, vàng, đỏ, trắng… như đã nói trước. Họ cùng Thiên chúng ở Hành thiên vui chơi trong cung hưởng năm thứ dục lạc, thỏa thích tâm ý, đến khi nghiệp thiện hết, vị ấy đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu được làm người, luôn thích du ngoạn tất

cả các nước, nếu không có điều kiện thì du lịch một số nước, được an lạc hoặc chịu khổ não là do dư báo và oai lực của giới.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, quan sát cõi Tứ đại Thiên vương không còn cõi nào nữa, nghĩ rằng cõi Tứ đại Thiên vương rộng vô lượng vô biên. Cứ thế quan sát hết người ở bốn mặt núi Tu-di hưởng lạc, du hành bên phải. Mặt trời, mặt trăng chuyển động quanh núi Tu-di. Chúng ở phương nào thì bóng của núi Tu-di hiện ra, cõi người bảo là ban đêm, phía bắc cõi Diêm-phù-đề gọi là Phong luân, các ngôi sao ở phương Bắc chuyển động không ngừng là do Phong luân giữ gìn. Hàng ngoại đạo thấy bảy ngôi sao Bắc đẩu này luôn hiển hiện không mất nên nói chúng nâng đỡ các nước. Vì không thật tri, không biết đó là do Phong luân, hàng ngoại đạo ấy thật không chút hiểu biết. Quan sát như thật về cõi trời Tứ Thiên vương, Tỳ-kheo nhàm chán sinh tử, thấy sự khổ bị thoái đọa của chư Thiên nên sinh tâm chán ghét sinh tử, vô thường, tất cả đều hư hoại, biến đổi, xa lìa, hết thảy nằm trong nghiệp, lưu chuyển theo nghiệp. Các Tỳ-kheo dùng tri kiến biết hành giả quan sát các pháp bên trong, tu hành theo pháp. Tất cả phàm phu ngu si tham đắm dục lạc, bị tham ái trói buộc, vì mong sinh lên cõi trời mà tu phạm hạnh, hưởng an lạc cõi trời, vì thế Tỳ-kheo rất nhàm chán không vui, không đắm chấp, không tu tập, không thích thú. Quan sát các thứ diệu lạc, dùng văn tuệ thấy Tỳ-kheo ấy chiến đấu với ma, muốn vượt qua biển sinh tử, đạt địa mười bảy. Nghe thế, Dạ-xoa địa thần vui vẻ nói với vị thần hư không. Dạ-xoa ở trên không nghe vậy cũng vui vẻ, nói với Tứ Thiên vương… như đã nói ở trước, tuần tự như thế đến cõi trời Vô lượng quang. Trong cõi Diêm-phù-đề có thiện nam tên… dòng tộc…, thôn xóm, thành ấp, đất nước… xuất gia bằng tín tâm, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, chiến đấu với ma, muốn ra khỏi các cõi. Nghe thế, trời Vô lượng quang vui vẻ, nói với chư Thiên khác: Người cõi Diêm-phù-đề thực hành theo chánh pháp, ta nay nên tùy hỷ. Người này phát tâm muốn ra khỏi sinh tử, chiến đấu với ma, giữ giới, sống chánh hạnh. Họ chiến đấu với ma là muốn giảm bớt quân ma, tăng trưởng chánh pháp mà Như Lai thuyết giảng.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 25

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 4)

TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 1)

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Quan sát người trì giới, nếu xa lìa giới tuệ thì không được sinh lên trời. Dùng văn tuệ biết người trì giới sinh lên cõi trời, hưởng diệu lạc cõi trời là do có trí tuệ. Khi thoái đọa không bị đọa vào đường ác. Do giới gì? Có mấy loại giới được sinh lên cõi trời? Sinh do những tướng gì? Biết người hành bảy chi giới được sinh lên cõi trời thượng, trung, hạ. Người hành giới không sát sinh được sinh lên cõi trời Tứ Thiên vương; hành các giới không sát sinh, trộm cướp được sinh lên cõi trời Tam thập tam; hành các giới không sát sinh, trộm cướp, tà dâm được sinh lên cõi trời Dạ-ma; hành các giới không sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời thêu dệt được sinh lên cõi trời Đâu-suất; giữ luật thế gian, tin phụng giới Phật, không sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời thêu dệt được sinh lên cõi trời Hóa lạc; cõi trời Tha hóa tự tại cũng thế.

Tỳ-kheo quan sát giới nghiệp ràng buộc chúng sinh, sinh lên cõi trời. Giữ giới gì sinh lên cõi nào? Dùng văn tuệ biết chúng sinh giữ giới không sát sinh được sinh lên cõi Tứ Thiên vương, thân thể, sắc lực của cải, tuổi thọ đều thù thắng; ai giữ các giới không sát sinh, trộm cướp được sinh lên cõi trời Tam thập tam, thân thể, sắc lực, của cải, tuổi thọ hơn trước; nếu thọ trì, tu tập các giới không sát sinh, trộm cướp, tà dâm được sinh lên cõi trời Dạ-ma, thân thể, sắc lực, của cải, tuổi thọ hơn trước; vì lòng tin và trí tuệ thù thắng nên được sinh lên cõi trời Đâu-suất-đà, thân thể, sắc lực, của cải, tuổi thọ hơn trước; nếu giữ các giới không sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời thêu dệt được sinh lên cõi trời Hóa lạc, thân thể, sắc lực, an lạc, của cải, tuổi thọ hơn trước; nếu giữ các giới không sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời thêu dệt được sinh lên cõi trời Tha hóa tự tại, thân thể, sắc lực, của cải, tuổi thọ vượt hơn các cõi trời khác, không để ma Ba-

tuần mặc sức điều khiển, cũng không sai khiến ma.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, quan sát nhân vi tế được sinh lên cõi trời, suy xét biết được vì nhân của giới thù thắng. Do giới có thượng, trung, hạ nên sinh lên cõi Lục dục thiên, tâm và nghiệp thù thắng được sinh lên cõi Lục dục thiên. Vì tâm thù thắng nên cảnh giới cũng thù thắng.

Lại nữa này các Tỳ-kheo! Quan sát giới có bao nhiêu loại? Biết thế gian có hai loại giới?

1. Tự sinh: Tự bản tánh giữ gìn được.

2. Tùng tha: Tùy thuộc cái khác sinh ra.

Lại có hai loại giới:

1. Xuất gia.

2. Tại gia.

Giới xuất gia là giới giải thoát.

Giới tại gia là năm giới.

Lại có hai loại giới:

1. Nhất hành.

2. Phi nhất hành.

Nhất hành giới là một giới.

Phi nhất hành giới là thọ hai, ba giới…

Lại có hai loại giới:

1. Lâu dài: Giữ gìn suốt đời.

2. Không lâu dài: Tùy theo sự thệ nguyện của tâm và theo sức lực mà giữ giới.

Lại có hai loại giới:

1. Có cấu uế.

2. Không cấu uế.

Hữu cấu là giới sinh lên cõi trời.

Vô cấu là giới đạt đến Niết-bàn.

Lại có hai loại giới:

1. Thế gian.

2. Xuất thế gian.

Thế gian là giới có biến đổi.

Xuất thế gian là giới không biến đổi.

Lại có hai loại giới:

1. Tự hộ.

2. Hộ tha.

Người tự giữ giới là tự hộ.

Hộ tha là làm cho người khác trụ vào nhiễm giới thế gian.

Lại có hai loại giới:

1. Chỉ.

2. Tác.

Chỉ: Biết nhân, duyên mà không siêng học.

Tác: Tạo tác các nghiệp, lưu chuyển trong sinh tử.

Lại có hai loại giới:

1. Trí nhiếp.

2. Thí nhiếp.

Giữ giới gồm có trí tuệ thì đạt Niết-bàn.

Giữ giới gồm cả bố thí thì được an lạc, giàu có.

Lại có hai loại giới:

1. Nội hành.

2. Ngoại hành.

Nội hành: Thanh tịnh nơi tâm, miệng, ý.

Ngoại hành: Thanh tịnh nơi thân.

Lại có hai loại giới:

1. Tu tập.

2. Bất tập.

Tu tập: Đã tu tập trong vô lượng kiếp đến nay.

Bất tập: Giữ giới trong một đời.

Tỳ-kheo đã quan sát vô lượng hai loại giới.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Quan sát giới vi tế, có mấy loại? Tỳ-kheo quan sát có ba loại giới:

1. Thiểu phần.

2. Đa phần.

3. Tận thọ.

Thiểu phần là giữ một giới.

Đa phần là giữ hai hoặc ba giới.

Tận thọ là giữ tất cả giới.

Lại có ba loại giới:

1. Ái.

2. Bất ái.

3. Tự tánh ái.

Ái: Vì tài lợi mà thọ giới cấm.

Bất ái: Vì bị bệnh mà thọ giới cấm.

Tự tánh ái: Tự tánh thanh tịnh mà thực hành. Công đức của giới này là thù thắng.

Lại có ba loại giới:

1. Thiền hành.

2. Vô thiền.

3. Ly ác.

Thiền hành: Tu tập thiền thế gian, ngay cả lúc vào xóm làng, thành ấp cũng luôn tu thiền.

Vô thiền: Là giới không lệ thuộc thiền hành.

Ly ác: Sợ gặp các điều ác nên bỏ không làm, như người say rượu làm việc bất thiện, người trí thấy vậy không uống rượu.

Lại có ba loại giới:

1. Dua nịnh.

2. Không dua nịnh.

3. Tánh thiện

Dua nịnh: Giới cấu nhiễm không thanh tịnh, đạt chút quả báo.

Không dua nịnh: Đạt quả báo lớn.

Tánh thiện: Nếu tâm tăng thượng thì đạt quả lớn, còn tâm yếu kém thì đạt quả nhỏ.

Lại có ba loại giới:

1. Nhân duyên trì.

2. Phi nhân duyên trì.

3. Pháp bất ưng tác.

Nhân duyên trì: Có nhân duyên nên hộ trì giới cấm.

Phi nhân duyên: Giới không có nhân duyên mà vẫn giữ.

Bất ưng tác: Sinh vào dòng họ sang cả nên không làm việc đó, là để giữ gìn dòng tộc.

Lại có người giữ giới theo duyên để thành Phật, vì ý thù thắng nên quả báo lớn. Giữ giới không có duyên thì quả báo nhỏ, vì không biết quả báo giữ giới không nên làm, vì cầu danh dự thế gian nên quả báo cũng nhỏ, được sinh vào cõi người.

Lại có ba loại giới:

1. Sợ thầy.

2. Không sợ thầy.

3. Sợ đường ác.

Vì sợ thầy mà giữ giới là giữ giới bậc hạ.

Không phải vì sợ thầy mà giữ giới là giữ giới bậc trung.

Nếu sợ đường ác mà giữ giới là giữ giới bậc thượng.

Lại có ba loại giới:

1. Tự trì giới mà không dạy người khác.

2. Tự giữ giới còn dạy người khác.

3. Mình không giữ giới cũng không dạy người.

Lại có ba loại giới:

1. Khuyết.

2. Bất khuyết.

3. Nhất thiết khuyết.

Khuyết: Ban đầu khéo giữ giới, sau lại phá giới.

Bất khuyết: Khéo giữ gìn trong mọi lúc.

Nhất thiết khuyết: Hội hợp các ngoại đạo thọ trai giới, theo tà kiến, sát sinh.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Hãy quan sát bốn loại giới. Đó là lìa bốn tội lỗi của lời nói:

1. Nói dối.

2. Nói hai lưỡi.

3. Nói lời thô ác.

4. Nói thêu dệt.

Lại có năm loại giới ngăn chận năm cảnh giới.

Lại có sáu nhân duyên thọ trì giới cấm:

1. Sợ người khác tìm chỗ dở.

2. Sợ chém giết.

3. Kinh sợ.

4. Nhân duyên.

5. Không quan sát.

6. Tự tánh.

Lại có bảy loại giới: Thân có ba, ngữ có bốn.

Tỳ-kheo quan sát vô lượng cách giữ giới. Chúng sinh sợ đường ác, nếu giữ giới sẽ vượt qua. Nói gọn có hai loại giới để giữ:

1. Thế gian.

2. Xuất thế gian.

Tỳ-kheo đã quán xét cõi trời Tứ Thiên vương, hãy quan sát trụ xứ và nghiệp hành của cõi trời Tam thập tam. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết rõ về các trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Tam Thập Tam trụ xứ đó là:

1. Trụ Thiện pháp đường.

2. Trụ phong.

3. Trụ sơn đỉnh.

4. Thiện kiến thành.

5. Bát tư địa.

6. Trụ Câu-trá.

7. Tạp điện.

8. Trụ hoan hỷ viên.

9. Quang minh.

10. Ba-lợi-da-đa thọ viên.

11. Hiểm ngạn.

12. Trụ tạp hiểm ngạn.

13. Trụ Ma-ni tạng.

14. Tuyền hành địa.

15. Kim điện.

16. Man ảnh xứ.

17. Trụ nhu nhuyến địa.

18. Tạp trang nghiêm.

19. Như ý địa.

20. Vi tế hành.

21. Ca âm hỷ lạc.

22. Oai đức luân.

23. Nguyệt hành.

24. Diêm-ma-sa-la.

25. Tốc hành.

26. Ảnh chiếu.

27. Trí tuệ hành.

28. Chúng phần.

29. Trụ luân.

30. Thượng hành.

31. Oai đức nhan.

32. Oai đức diễm luân.

33. Thanh tịnh.

Tỳ-kheo quan sát nghiệp vi tế ở cõi trời Tam thập tam. Họ giữ giới, tạo nghiệp lành. Tu tập những nghiệp gì được sinh lên đường lành. Do nghiệp nhân thiện được quả báo thiện, sinh ở chỗ an lạc. Dùng văn tuệ nghe pháp của Phật giảng, không phải pháp của ngoại đạo, biết nơi mà chư Thiên sống, vui chơi thọ lạc, thật không thể nói hết.

Thiện pháp đường mà Thiên vương Đế Thích cai trị, sinh sống, ngoại đạo cho là thường trụ bất diệt. Ban đầu là quán các pháp, kế đến phân biệt để quán. Do tu tập toàn thiện giới gì được sinh lên Thiện pháp đường? Với tri kiến, biết người giữ bảy chi giới, giới không thiếu, không bị thất thoát, giữ giới kiên cố không thể chê trách được, tu tâm, bố thí, hợp thời bố thí vào ruộng phước, hoặc thí cho A-la-hán, người bệnh, cha mẹ, A-na-hàm, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, người tu diệt định, người đi đường, thực hành tâm Từ bi, vui vẻ ban cho, mang lại sự sống cho người sợ hãi. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên Thiện pháp đường, làm Thích-ca Đề-bà, họ Kiều-thi-ca, tên Năng thiên chủ, có chín mươi chín na-do-tha Thiên nữ làm quyến thuộc, cung kính vây quanh, cung cấp hầu hạ Đế Thích, như người nữ hầu chồng. Các Thiên nữ không có tâm ganh ghét, cung phụng Thiên hậu như Đế Thích, không có tâm đố kỵ. Thiện pháp đường rộng năm trăm do-tuần, lan can bằng châu tỳ-lưu-ly, trụ bằng san hô lại trang trí xa cừ, mã não, vách điện bằng vàng Diêm-phù-đàn sáng rực như màu dung kim. Tòa ngồi được trang trí bằng những vật báu như kim cương, ma-ni, xích liên hoa bảo thanh châu. Hoa sen ở đó, tua bằng kim cương, cọng bằng vàng ròng, có ao hoa trong sạch trang trí. Trong áo lại có đầy các loài chim, cánh bằng lưu ly, mỏ bằng xích liên hoa bảo, thân bằng thanh nhân-đà bảo, bốn mặt ao có hoa bằng ma-ni xanh, mặt đất rải cát bằng ma-ni. Lại có loài chim chân

bằng thanh nhân-đà bảo, mỏ bằng xa cừ, mắt bằng san hô. Lại có loài chim toàn thân bằng vàng Diêm-phù-đàn, cánh bằng san hô, mắt bằng ngọc nhân-đà-la. Lại có ao tắm đầy các loài ong màu sắc như lưu ly. Thiện pháp đường có mười ao hoa lớn:

1. Nan-đà liên hoa.
2. Ma-ha Nan-đà liên hoa.
3. Hoan hỷ liên hoa.
4. Đại hoan hỷ liên hoa.
5. Du hý liên hoa.
6. Chánh ức niệm liên hoa.
7. Nhất thiết nghĩa liên hoa.
8. Chánh phân biệt liên hoa.
9. Như ý thọ liên hoa.
10. Nhân-đà-la phú xứ tự tại đại quang minh liên hoa.

Mười ao hoa sen lớn đó dùng để trang trí Thiện pháp đường.

Lại có ao hoa sen khác, hoa trong sạch, cọng bằng bạch ngân, tua bằng vàng ròng, lá bằng lưu ly, đài bằng kim cương. Lại có hoa sen cọng bằng kim cương, lá có nhiều màu xen lẫn. Tất cả các hoa sen ấy, có hoa sắc như ngọc đỏ, có hoa sắc như lưu ly, xa cừ, hoàng kim. Các hoa sen màu sắc lẫn lộn như thế. Có hoa một trăm cánh, hai trăm cánh… cả ngàn cánh. Các loại hoa màu sắc khác nhau dùng để trang trí Thiện pháp đường của Thiên vương Thích-ca. Trong ao hoa sen có nhiều loại chim như Thường dục, Nhất thiết hành, Thường đề thanh. Khi Đế Thích cùng Thiên nữ vào ao hoa sen vui chơi thọ lạc thì chim chóc cũng vui đùa, họ trỗi âm nhạc, chim cũng hót tiếng líu lo. Lại có loài chim tên Dục phóng dật. Khi Đế Thích vui chơi trong ao hoa thì chim chóc cũng vui đùa giống như Thiên nữ. Lại có loài chim tên Du hành, đậu trên bờ ao, miệng ngậm tua hoa, đậu xung quanh bờ ao, bay nhảy vui đùa, hót tiếng líu lo. Thích-ca Thiên vương có các ao hoa thù thắng như vậy.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Quan sát những sự hóa sinh do nghiệp thiện của Đế Thích, thấy trong hoa sen có cá bằng vàng ròng, bạch ngân, lưu ly, vi cá bằng xích liên hoa bảo, mắt bằng xa cừ. Khi chúng tức giận giống như hoa sen đỏ, vảy cá bằng tạp bảo, vi cá bằng bảy báu, vui chơi thọ lạc trong ao sen.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Hãy quan sát ao sen của Đế Thích. Dùng văn tuệ quan sát ao hoa sen, đất bằng gì? Dùng văn tuệ biết ao hoa sen của

Đế Thích, mặt đất rải cát bằng chân châu, bạc, vàng, lưu ly, Tỳ-kheo phân biệt biết hết, ao ấy được trang trí bằng các màu sắc lẫn lộn. Đó là do nghiệp thiện của Đế Thích hóa sinh.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Hãy phân biệt quan sát các nơi như vậy. Dùng văn tuệ biết ao hoa Ba-đầu-ma, có lan can bao quanh bằng vàng ròng, hoặc bằng lưu ly, bạch ngân, lưới vàng che bên trên, có các loài chim hót tiếng lảnh lót, vui đùa bên bờ ao.

Lại nữa này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, quan sát ao sen của Thiện pháp đường, có loài ong nhiều màu sắc, phát ra âm thanh vi diệu. Trong hoa sắc vàng có ong màu sắc bằng bạch ngân, cánh ong bằng kim cương, thân mềm mại; trong hoa màu sắc bạch ngân có ong màu sắc bằng vàng, các loài ong vui chơi trong đó. Nhờ nghiệp thiện nên thành tựu các quả báo lành như thế.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã quan sát Thiện pháp đường, dùng văn tuệ quan sát rừng thiện pháp. Cõi của Thiên vương Thích-ca có mấy khu rừng? Dùng văn tuệ biết các khu rừng có ở Thiện pháp đường. Quan sát chư Thiên, Thiên vương Đế Thích, các Thiên nữ ở Thiện pháp đường thường vui chơi thọ hưởng năm dục lạc ở rừng nào? Biết có khu rừng tên Thiên nữ du hý, đủ hoa trái cõi trời, đầy các loài chim, cây tên là Như ý. Chư Thiên muốn gì cây liền sinh ra, khi chư Thiên vui chơi trong rừng thì hoa đẹp nở rộ. Các Thiên nữ vào rừng, nếu đứng gần cây thì cành hoa hạ thấp xuống cho họ hái. Khi các Thiên nữ hái hoa xong thì cành hoa nâng lên. Các loài hoa ấy có hình sắc hương thơm khác nhau. Vì theo ý muốn của họ nên gọi là cây Như ý. Nếu họ nghĩ đến âm nhạc thì cũng có các âm nhạc vừa ý. Gió nghiệp thiện thổi các lá cây va chạm vào nhau phát ra tiếng rất hay như âm nhạc cõi trời nên gọi là cây Như ý. Lại có vô lượng cây tùy ý muốn của Thiên nữ, có đủ các thứ trang sức như áo trời, hoa trời, nên gọi là cây Như ý. Lại có cây Như ý sắc lưu ly, thân lá bằng vàng ròng, cành bằng bạch ngân, lá bằng lưu ly, cành bằng san hô, hoặc lá cây bằng bảy báu, lưu xuất những vị ngon. Lại có cây Như ý, nếu các Thiên nữ muốn gặp Đế Thích thì nhờ nghiệp thiện mà họ thấy hóa Đế Thích ngay trong rừng cây này, cùng họ vui chơi. Công đức của rừng này là thấy hóa Đế Thích. Rừng này có chín mươi chín na-do-tha Thiên nữ, mỗi Thiên nữ đều thấy Đế Thích vui chơi với mình, không thấy người nữ khác gặp Thiên chủ. Các Thiên nữ nghĩ là thấy được thân Đế Thích, nên gọi là cây Như ý. Trong rừng ấy có vô lượng dục lạc, họ vui chơi ở đây lần đến núi Hỷ lạc, núi ấy làm bằng bảy báu, được trang trí bằng kim cương, cành cây vàng ròng che

phủ khắp nơi như cung điện, có các con hươu bằng vàng, bạc, ngọc xanh và nhiều loại chim hót tiếng rất hay. Núi ấy có cung điện tên Thắng thượng, cung điện này có ngàn cột, các cột được làm bằng bảy báu như vàng, lưu ly, ma-ni xanh, xen lẫn kim cương. Có trăm ngàn cung điện trời nguy nga, lộng lẫy, đặc biệt và có tòa Sư tử mềm mại. Cung điện có ngàn giường nằm trang trí bằng lưu ly. Khi Đế Thích chiến thắng A-tu-la, các Thiên chúng đều hoan hỷ, khen ngợi Đế Thích. Họ cùng các Thiên nữ lên cung điện này vui chơi, ca múa, tùy theo bản nghiệp mà thọ hưởng diệu lạc có thượng, trung, hạ. Đã vui chơi rồi, họ lại vào trong núi vui chơi hưởng lạc, chỉ nghĩ đến dục lạc. Vì sao? Vì Thiên nữ đa dục và dục lạc cõi trời thù thắng hừng hực. Họ lại đến một con sông có đầy thức uống ngon, tùy theo dòng nước mà có màu sắc, mùi vị khác nhau, ai uống vào thì không say. Thức uống đó được gọi là hoan hỷ, vì Thiên nữ uống vào thì lòng rất vui mừng. Lại có thức uống ngon tên là Năng quán, vì khi uống vào thì quan sát thấy tất cả các khu rừng và vô lượng ngọn núi cõi trời. Lại có thức uống cõi trời tên là Chúng vị, vì có rất nhiều thức uống, uống vào sắc lực càng tăng thêm gấp bội. Uống xong Thiên nữ lại vào vùng đất có thức ăn. Vì những nghiệp đã gây có thượng, trung, hạ nên được quả báo cũng như vậy, đầy đủ các thức ăn thơm ngon, sang đẹp. Ăn uống xong họ vào vùng âm nhạc, vui chơi trong núi. Nhạc cụ bằng lưu ly, dây đàn bằng vàng ròng, trống bằng các vật báu, ống tiêu, ống địch bằng mã não, các báu lẫn lộn và có vô lượng âm thanh của các Thiên nữ. Lại có vô lượng, vô số âm nhạc như Càn-thát-bà. Các Thiên nữ trang sức, mang nhạc cụ khắp người, vui chơi hưởng lạc. Có đủ tiếng nhạc cung thương thật hòa nhã, nhạc lời dao hưởng nhau làm tăng thêm dục lạc. Ca hát xong, họ đến vùng có tiếng linh. Ở đó, khi có gió thổi nhẹ những lưới linh phát ra vô lượng trăm ngàn âm thanh tuyệt diệu, làm cho người nghe vui vẻ. Họ ca múa vui chơi, trang sức thân bằng các vật báu đẹp. Sau đó, họ lại đến ao hoa sen có đầy chim chóc. Chim chóc ở đây trang sức bằng vàng, bạc… các vật báu. Các Thiên nữ vào đây vui chơi hưởng lạc. Họ hái hoa vàng để vui đùa, tung hoa cho nhau tâm không ganh ghét. Họ nô đùa bằng đủ cách, lời lẽ rất hay. Họ lại vào trong nước tám công đức vui chơi, đã vui chơi thì càng tăng thêm dục vọng, lòng dục khó thỏa mãn, đắm đuối trong cảnh dục không biết nhàm chán, rồi họ lại đến rừng Kính thọ. Ở đó, họ thấy thân mình trang sức lộng lẫy, đầy đủ công đức. Họ thấy đủ hình sắc trong cây gương càng thêm buông lung. Vì sao? Vì bản tánh của người nữ có ba sự buông lung:

1. Ỷ vào sắc đẹp của mình mà buông lung.
2. Ỷ vào chồng mình mà sinh buông lung.

3. Do kiêu ngạo mà sinh buông lung.

Thấy sắc đẹp của mình mà khinh khi người nữ khác. Bỏ khu rừng này, họ lại đến rừng Nhất thiết thời. Rừng này một ngày có đủ sáu thời liên tục không gián đoạn giống như bánh xe lăn và được trang trí bằng sáu thời đó. Các loài chim tùy theo thời gian của rừng này mà có vô lượng màu sắc khác nhau. Họ vui chơi trong đó không có ganh ghét, tâm luôn vui vẻ. Thấy vậy họ tự ý vào rừng này vui chơi thọ lạc theo thời. Có các loài chim theo thời tập hợp cùng Thiên nữ vui đùa hưởng lạc. Họ ở trong rừng này thọ hưởng năm thứ dục lạc không nghĩ đến khu rừng khác. Khi ấy Đế Thích đến khu rừng này, các Thiên nữ hoan hỷ ca múa, bày trò chơi, cung cấp hầu hạ Đế Thích.

Khu rừng thứ nhất của Đế Thích có đầy đủ các công đức như vậy.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Hãy quan sát khu rừng thứ hai của Đế Thích. Nó có mấy loại? Tên gì? Dùng văn tuệ biết khu rừng của Đế Thích tên Nhất thiết du hý. Rừng ấy có những công đức gì? Vị ấy thấy, nghe, biết được rừng ấy vốn có tên là Nhất Thiết. Trong rừng này, có nhiều Thiên tử cùng Thiên nữ vui chơi thọ lạc, trăm ngàn Thiên nữ mặc tình vui chơi. Ở nơi vui chơi có tám vạn bốn ngàn xe đi, bánh xe bằng báu lưu ly, dây linh bằng vàng Diêm-phù-đàn, lưới bằng bạch ngân che bên trên trang sức bằng bảy báu. Thiên tử thứ nhất, có người cỡi ngựa, có người cỡi thiên nga, người đi trên hư không, người đi trên mặt đất, có người trỗi nhạc, có người ca hát, vây quanh Đế Thích, đến chỗ vui chơi. Có tám vạn bốn ngàn voi mạnh, lưới vàng bao thân, trang trí linh báu, phủ nệm êm lên lưng. Khi voi nghĩ đến dục vọng thì má voi nở ra, nước thơm chảy ra. Vị trời thù thắng nhất cỡi con voi mạnh này, chiêm ngưỡng Đế Thích, vây quanh đến chốn vui chơi. Có tám vạn bốn ngàn Thiên nữ trang sức lộng lẫy, chiêm ngưỡng Đế Thích, hoặc ca múa, hoặc trỗi nhạc trời, bày các trò chơi, đến chỗ vui chơi. Có tám vạn bốn ngàn Thiên nữ trang sức xinh đẹp, trỗi các thứ kỹ nhạc, ca múa, vui chơi cùng Đế Thích, chiêm ngưỡng Đế Thích. Thiên hậu Xá-chi đi xe ngàn căm bằng bảy báu. Xe ấy được trang trí bằng các vật báu như vàng, lưu ly, xa cừ, mã não, châu thiên thanh, châu đại thanh, có trăm ngàn con thiên nga kéo. Thân thiên nga bằng vàng Diêm-phù-đàn, chân bằng san hô, mắt bằng xích bảo, thân bằng xích liên hoa bảo, mỏ bằng san hô, cánh bằng chân châu. Khi Đế Thích nghĩ là có ngay. Đế Thích ngồi trên xe đó, thân thể trang sức các vật báu, oai đức rực rỡ hơn ánh sáng của trăm mặt trời cùng lúc chiếu soi khắp nơi. Đế Thích cùng Thiên hậu Xá-chi, người trang sức lộng lẫy

gấp trăm lần các Thiên nữ khác, đến nơi vui chơi, hai vị ngồi chung một tòa. Chư Thiên thọ hưởng dục lạc về sắc, thanh, hương, vị, xúc. Họ cùng thiên chủ cõi trời Tam thập tam đến rừng Nhất thiết lạc. Các Thiên chúng vây quanh Đế Thích và Thiên hậu Xá-chi như đã nói ở trước. Họ hưởng vô lượng trăm ngàn hoan lạc, đi xe voi mạnh có các đại thần hầu hạ, trổi nhạc làm vui Đế Thích, đến rừng Nhất thiết lạc vui chơi hưởng lạc. Lúc sắp đến, các Thiên nữ đang ở đó, nghe âm nhạc cõi trời, tay cầm hoa sen, trổi nhạc ra nghênh đón Đế Thích. Thấy vậy, Đế Thích bảo Thiên chúng: Các Thiên nữ ở trong rừng Nhất thiết này, trang sức các vật báu đủ các âm thanh, nay ta cùng họ vui chơi trong rừng. Nghe Đế Thích nói, Thiên chúng thưa:

–Thiên vương! Các Thiên nữ này là những người hầu hạ ngài, thuộc sở hữu của ngài, xem ngài là chủ.

Đế Thích nói:

–Các Thiên nữ không phải là người hầu hạ ta, không thuộc sở hữu ta, không phải do nghiệp lực ta, vì nghiệp lực của họ, theo nghiệp thọ thân, tùy nghiệp lực mà có thân thượng, trung, hạ, vì thế các Thiên nữ có thượng, trung, hạ, không phải do oai lực của ta.

Lúc ấy Đế Thích nói kệ:

Hạ nghiệp được hạ báo
Thành tựu cõi chúng sinh
Trung nghiệp, được trung báo
Thượng nghiệp thành trượng phu.
Người đã tạo ra nghiệp
Theo nghiệp thọ quả báo
Người ấy luôn tạo nghiệp
Thọ báo ngay thân này.
Đi xe đẹp cõi trời
Vui chơi thọ diệu lạc
Người này được quả lành
Vì thắng nghiệp thanh tịnh.
Trượng phu tạo các nghiệp
Hoặc thiện hoặc bất thiện
Đến khi thọ quả báo
Hoặc khổ hoặc an vui.
Quả báo diệu lạc này
Cùng các sự vui chơi

Vốn chẳng phải do ta
Do nghiệp trước của họ.

Nghe Đế Thích nói kệ, các Thiên chúng đều tùy hỷ chắp tay vâng lãnh, đến rừng Nhất thiết lạc, muốn cùng nhau vui chơi. Có trăm ngàn Thiên nữ tay cầm hoa sen, trang sức lộng lẫy. Các Thiên nữ ấy, hình dáng, sắc tướng đều giống nhau, giọng ca cũng vậy. Đó là do nghiệp thiện hóa sinh. Họ chiêm ngưỡng Đế Thích, ca múa vui chơi, đến rừng Du hý. Rừng ấy cây bằng vật báu, lá bằng bạch ngân, mặt đất cũng bằng bạch ngân. Chim chóc sắc bạc đầy cả rừng, ca hót rất hay, Đế Thích đi trước, các Thiên nữ tuần tự đi vào. Ánh sáng của các vật báu xoay tròn trên thân, trên mặt đất, khắp cả hư không. Thấy vậy Đế Thích rất vui mừng, nghe tiếng ca Thiên nữ, tiếng cung thương hòa nhau và âm thanh nhạc trời. Có tám vạn bốn ngàn chiếc xe do voi mạnh kéo, được trang trí dây linh, phát ra tiếng tuyệt diệu, có vô lượng Thiên tử và chín mươi chín ức Thiên nữ ca tụng Đế Thích thọ hưởng năm dục lạc.

Khi ấy, Đế Thích và các Thiên nữ lại đến rừng Nhất thiết lạc, đi xe rồng lớn như đã nói ở trước. Thiên chủ Thích-ca cùng Thiên chúng kế đó vào rừng vàng. Rừng ấy lá và trái bằng vàng, nặng bằng trọng lượng năm người đàn ông, mùi vị ngọt ngon, thơm phức, ăn vào càng tăng thêm dục vọng. Con voi mạnh ăn vào, bước đi trong đắm say dục lạc, nghe âm nhạc cõi trời, nhảy múa tự vui. Thấy vậy, chư Thiên sinh tâm thán phục, ca múa khả ái, cứ ăn rồi lại nhảy múa. Trong rừng ấy lại có vô số tiếng chim, các loại chim sắc bạc, sống trong rừng vàng thật xinh đẹp.

Lúc này, thiên Đế Thích cùng Thiên hậu Xá-chi, chư Thiên khác, Thiên tử, Thiên nữ vui chơi thọ lạc. Các Thiên tử khác đều cùng ca múa vui chơi với các Thiên nữ, vì nghiệp thiện nên không sinh tâm ganh ghét. Sau đó họ lại vào rừng vàng; Rừng ấy có ao Thanh lương. Trong ao có hoa sắc vàng, lưu ly. Họ cùng tập hợp ở Thiện pháp đường, vây quanh Đế Thích, cùng vui đùa thọ lạc. Đế Thích cùng Thiên nữ, tất cả Thiên chúng ở Thiện pháp đường dừng bên ao hoa sen một thời gian lâu, tấu các kỹ nhạc, lại vào rừng Nhất thiết lạc. Rừng ấy cây cối đều bằng lưu ly, đầy trái bằng vàng mùi vị ngon ngọt như trái Ba-na-bà, đủ màu sắc hương thơm. Chư Thiên hái trái đó bổ ra uống, mùi vị của nó ngon hơn vị rượu ma-thâu thượng hạng. Họ uống nhưng không say. Cõi trời có ba sự buông lung hưởng lạc:

1. Thiên nữ.
2. Trái cây.

3. Năm dục.

Nó giống như vị cơm Tô-đà cõi trời mà Thiên chủ Thích-ca ăn. Đó là do nghiệp của mình tạo thành, tất cả Thiên chúng vây quanh, vui chơi thọ lạc trong rừng lưu ly. Rừng ấy có các loài chim, ong, có lưới linh giăng bên trên. Vui chơi xong, họ cùng nhau vào Thiện pháp đường.

Khu rừng thứ ba của cõi ấy tên là Vô tỷ. Năm trăm người con của Thiên vương Thích-ca cùng các Thiên nữ vui chơi trong đó. Rừng ấy rộng lớn, họ hưởng diệu lạc gần như Đế Thích, luôn thực hành theo chánh pháp, chánh kiến không tà vạy. Nhờ chánh kiến mà họ chiến thắng A-tu-la. Họ là người cúng dường cha mẹ, cung kính Sa-môn, Bà-la-môn, hòa thuận không tranh cãi. Họ nghĩ: Nay ta đưa các Thiên nữ vào rừng Vô tỷ. Mỗi Thiên tử có một na-do-tha Thiên nữ xinh đẹp làm quyến thuộc, họ đồng lòng vui chơi thọ lạc. Khi ấy, các Thiên tử đến chỗ Đế Thích thưa:

–Thưa Thiên vương! Chúng con muốn đến rừng Vô tỷ vui chơi, xin cha hãy cho phép chúng con đến đó.

Đế Thích bảo các Thiên tử:

–Ta đã vui chơi, nay muốn hành theo chánh pháp để làm lợi ích cho mình. Hoan lạc do dục sinh ra không thể thỏa mãn, ta sẽ bỏ dục lạc, ta sợ phóng dật, sợ các độc của lỗi phóng dật, nên phải xả bỏ.

Khi ấy Đế Thích nói kệ:

Không buông lung chẳng chết
Buông lung là cõi chết
Không buông lung chẳng chết
Buông lung luôn sống chết.
Không buông lung chẳng chết
Buông lung là đường chết
Vì ta không buông lung
Được thù thắng cõi trời.
Ta tin Như Lai dạy
Người hãy tu tập pháp
Ta không dám làm trái
Giáo pháp của Đức Phật.
Ai trái lời Như Lai
Là kẻ ngu tham dục
Không thoát khỏi các khổ
Luôn chịu những buồn đau.

Nói kệ xong, Thiên vương Đế Thích vào Thiện pháp đường, các

Thiên tử, con của Đế Thích rất vui mừng đều trở về cung điện của mình, trang sức vật báu, ca ngợi vui chơi, rồi trở về chỗ ở đánh trống ra lệnh, muốn đến rừng vui chơi hưởng lạc.

Khi ấy, có bảy vạn Thiên tử đi xe báu có ngựa trời kéo, cùng Thiên nữ du ngoạn trong hư không, Thiên chúng vây quanh, có vị vui chơi trong ao sen, trỗi nhạc trời, ca múa vui đùa, đến rừng Vô tỷ. Bấy giờ, các người con của Đế Thích trang sức vòng hoa trời, rải hương chiên-đàn, thân sáng rực rỡ như ánh mặt trời, có vị thân sáng như ánh trăng tròn, có vị như các ngôi sao. Đó là do nghiệp lực của họ. Họ đến rừng Vô tỷ sinh tâm ái luyến không thôi. Họ vào đó hưởng bao thứ hoan lạc cõi trời. Rừng ấy xinh đẹp không sao ví dụ được. Khi vào rừng, hương thơm sực nức mà hương ngưu đầu chiên-đàn không bằng một phần mười sáu, ngửi hương ấy thì sinh tâm thán phục. Vì tìm diệu lạc, họ lại vào rừng thức uống. Nhờ nghiệp thiện, họ tuần tự đi vào rừng. Rừng ấy, cây bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê với trăm ngàn màu sắc lẫn lộn màu sắc của cây rực rỡ kỳ diệu như tơ lụa năm màu. Các Thiên tử nhìn vào chúng như gương sáng, vô lượng trăm ngàn người từ bốn phía nhìn vào rất vui mừng. Các Thiên nữ vây quanh nghe âm nhạc càng vui mừng hơn. Họ lại đến nơi khác nô đùa vui chơi. Chim chóc trong rừng ấy, cánh bằng vàng ròng, ức bằng lưu ly, chân bằng san hô, lưng bằng bạch ngân, mắt bằng xích chân châu, chúng hót tiếng rất hay. Nghe tiếng chim các Thiên tử bảo nhau: "Lắng nghe! Lắng nghe! Tiếng của các loài chim tạo nên vô lượng âm khúc chẳng khác gì tiếng của Thiên nữ". Nghe xong, họ lại đến khu rừng khác vui chơi thọ lạc. Họ thấy trong các ao có hoa sen ngàn cánh, sáng rực như mặt trời. Ao ấy được trang trí những thứ như đã nói ở trước. Họ cùng các Thiên nữ vây quanh ao hoa ca múa vui chơi thọ lạc. Lại cùng các Thiên nữ đến khu rừng khác. Trong rừng ấy có sông, suối, trong sông có các loại nước như sữa, nước uống, nước ngọt để các Thiên tử uống; lại có ong, chim, vàng, bạc, san hô, đá quý nhiều màu. Thiên tử, Thiên nữ nô đùa vui chơi trong rừng, hưởng năm dục lạc một thời gian dài. Sau đó họ lại đến rừng cây hoa. Hoa của rừng này không héo, hương thơm xông khắp mười do-tuần, nào là hoa Nguyệt quang minh, hoa Nguyệt sắc, nào là hoa Bạch sắc, hoa Thanh lương mát mẻ như sắc sao. Họ lại đến rừng cây ăn trái. Rừng ấy có các loại trái cây như Mật bát, Tân vị, Nhu nhuyến, Hương man, Lục vị, Như ý, Vô yểm túc. Họ chỉ ngửi hương thơm là no lòng. Trong rừng Vô tỷ có đủ các loại trái này. Đó là do nghiệp thiện sinh ra. Họ vui chơi thọ lạc, ăn uống trong rừng này. Lại đến rừng chim múa. Các loài chim trong rừng ấy nô đùa nhảy múa, hót tiếng rất hay. Nghe tiếng chim, Thiên tử cảm thọ hoan lạc. Lại đến rừng Tạp sắc, rừng ấy

có các loại hoa màu sắc khác nhau như đã nói ở trước, chim chóc, sông ao cũng như vậy, nên gọi là Tạp lâm. Họ ở trong rừng này thọ hưởng năm dục, nghe âm nhạc Càn-thát-bà. Thọ hưởng hoan lạc một thời gian lâu. Thiên vương Thích-ca suy nghĩ: Các con ta tha hồ thọ hưởng hoan lạc khắp nơi, không biết bị thoái đọa.

Lúc này, các người con biết được tâm niệm của Đế Thích, họ liền đến chỗ Đế Thích. Các Thiên nữ đều trở về cung của mình, vui chơi thọ lạc.

Bấy giờ, Đế Thích thấy các Thiên tử, liền nói kệ:

Tìm cầu các cảnh giới
Tâm ái khó thỏa mãn
Lìa ái là biết đủ
Người này không buồn lo.
Người nào ái cảnh dục
Là không được an vui
Cảnh giới như chất độc
Đời sau chịu khổ đau.
Dù trước, giữa và sau
Hiện tại hay vị lai
Tìm vui chẳng có được
Sau phải chịu khổ đau.
Tất cả pháp thế gian
Tăng trưởng sự sinh tử
Trôi lăn mãi không ngừng
Hòa hợp phải chia ly.
Không ai tránh khỏi được
Vui bị khổ che lấp
Vô lượng sự dối gạt
Chúng sinh bị si lừa.
Vui chơi trong ái dục
Tất cả người si ái
Chưa bao giờ biết đủ
Cảnh giới khó thỏa lòng.
Như thêm củi vào lửa
Chúng sinh bị ái gạt
Cũng thật khó biết đủ
Dù gần kề cõi chết.
Vẫn không biết chán xa
Bị cảnh ái dối gạt

Không tìm tư lương thiện
Thiên đọa, mất uy lực.
Bị tham ái lường gạt
Nay ta răn dạy con
Con bị dục mê hoặc
Hãy làm lợi ích mình.
Pháp là đạo Tối thượng
Ai thực hành giáo pháp
Từ vui được quả vui
Người tu tập như vậy.
Đạt Niết-bàn tịch diệt
Vì thế hãy tu phước
Để tìm vui Niết-bàn
Ai thường xuyên tu phước.
Đạt đến nơi bất diệt
Thiên nghe Đế Thích nói
Tâm tịch tĩnh, điều thuận
Các con của Đế Thích
Vâng lãnh lời cha dạy.

Dạy trách các người con để họ thuận theo chánh đạo tu tập nghiệp thiện, đóng cửa đường ác xong, Đế Thích đến rừng Tạp sắc vui chơi thọ lạc. Đó là do nghiệp thiện sinh ra. Thiên vương Đế Thích có năm trăm cung điện, có các loại báu như pha lê, san hô, vàng bạc, thiên thanh bảo vương, thiên đại thanh bảo. Thấy các rừng cây được trang trí bằng hoa sen đẹp như mặt trời mới mọc, Đế Thích nói kệ:

Tạo phước ở cõi người
Có vô số phương cách
Làm nhiều việc phước đức
Tất cả đều thành tựu.
Không tạo các nghiệp lành
Bị oán tâm dối gạt
Thoái đọa mất quyền lực
Đọa vào nơi cực ác.
Tất cả các cung điện
Đều do nghiệp trang sức
Nhờ nghiệp thiện tăng trưởng
Được quả báo trời, người.

Nói kệ xong, Đế Thích đến cung điện khác. Điện ấy bài trí vô lượng

tòa báu mềm mại tốt đẹp. Đó là do nghiệp thiện hóa sinh. Thấy cung điện ấy, Kiều-thi-ca ở lại thọ hưởng mọi diệu lạc. Lại đến cung điện bằng bạc, điện ấy được trang trí vô lượng hoa đẹp, vật báu thật sáng rực. Có vô lượng Thiên nữ vui chơi thọ lạc. Các Thiên nữ lại đến khu rừng khác, mặt đất mềm mịn, được trang trí các loại hoa. Rừng này rộng lớn có nhiều chim vàng hót tiếng rất hay, các loài ong bay quanh cây Như ý. Thiên vương Thích-ca đưa mắt nhìn khắp nơi, Thiên chúng vây quanh vui chơi thọ lạc, thân hình oai nghiêm, sáng hơn mặt trời, mặt trăng. Trong rừng vàng có điện lưu ly, trang trí các trụ báu, các ao sen trang trí bằng báu xanh. Khi ấy thiên Đế Thích nghĩ: "Ta vào điện báu vui chơi, thọ lạc". Chư Thiên cũng nghĩ: "Thiên vương muốn vào rừng cùng vui chơi thọ lạc với quyến thuộc, Thiên nữ". Biết được ý nghĩ của chư Thiên, Đế Thích bảo các Thiên tử: "Các con hãy vào rừng vui chơi". Nghe lời cha dạy, các Thiên tử vào ao hoa cùng vui đùa với các Thiên nữ. Thiên vương vào điện, ngồi trên giường lưu ly sạch. Đó là do nghiệp thiện. Điện ấy trong sạch như gương sáng. Nhìn vào vách tường sạch, họ thấy được tất cả tên gọi, hình tướng, sự thoái đọa của chư Thiên vương ngày xưa. Đó là các vị Thiên vương: Bát-phù-đa, Tự Tại, Vô Ưu, Chánh Tuệ, Nhất Thiết Lạc, Thiện Trụ, Phổ Minh, Nhất Thiết Ái, Thiên Kiến, Oai Đức, Trì Đức, Thanh Sắc, Bất Thoái, Như Huyễn, Trai Giới, Phước Đức, Chư Du Hý, Thi-la, Kiều-thi-ca… nhờ nghiệp thiện, họ thấy được ba mươi ba vị Thiên vương. Các Thiên vương ấy khi nghiệp lành đã hết, bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Sinh vào nơi nào cũng chịu nhiều khổ não. Nhìn trên vách, thấy họ đọa vào địa ngục chịu nhiều khổ não, đọa vào ngạ quỷ chịu khổ đói khát, đốt thân khô gầy chỉ còn da bọc xương, đọa vào súc sinh tàn hại lẫn nhau, chịu khổ não lớn. Sinh vào cõi người chịu khổ theo nghiệp. Thấy các đường sinh tử không có nơi nào đáng vui, trong đường sinh tử đầy dẫy tội lỗi, không bền chắc, bị vô thường biến đổi phá hoại. Các Thiên vương ấy đều bị thoái đọa vì nghiệp quả, họ bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cớ sao lại bỏ những hoan lạc như vậy mà chịu những khổ não ấy. Làm sao có thể chịu đựng được! Lạ thay! Sinh tử thật là khổ não lớn. Có thể đưa trời, người đến chỗ kinh sợ. Những vị Thiên vương đứng thứ hai chịu khổ não này. Thiên vương Thích-ca - người thù thắng nhất - thấy những việc ấy rất chán ghét, tự quán sát thân mình, đóng ba đường ác, chết ở cõi trời thì sinh vào cõi người, chết ở cõi người thì sinh lên cõi trời. Nếu sinh vào cõi người thì sinh vào nhà quý tộc, trong làng xóm, đất nước an lạc và nơi thực hành chánh pháp, bỏ tà kiến, kiêu mạn, nịnh nọt. Lại thấy mình sinh trong cõi người làm con của vua, hoặc làm con của đại thần, trong nhà chánh kiến, giàu sang, có quyền

lực. Chết ở cõi người thì sinh vào cõi nào nữa? Lại thấy mình sinh lên cõi trời, đầy đủ đại thần thông, sáng suốt nhất, nhưng lại ăn thức ăn tạp với Thiên chúng khác nên lấy làm xấu hổ. Đó là do phước mỏng, tùy theo nghiệp của mình tạo ra mà có thức ăn. Về sau lại sinh vào nơi không có thức ăn ngon. Hổ thẹn quá Đế Thích suy nghĩ: Ta phải chịu quả báo này trong bao nhiêu đời? Nhờ nghiệp thiện Đế Thích nhìn vào vách điện thấy mình bảy lần sinh lên cõi trời, bảy lần sinh trong cõi người. Chỉ qua lại bảy lần thôi, không có thọ sinh lần thứ tám, không sinh trong cõi trời, cõi người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Đế Thích nghĩ: Vì sao ta lại không sinh vào nơi nào nữa cả? Ta sinh vào nơi nào sao ta không thấy được? Đế Thích kinh hãi, vì sao ta không thọ sinh lần thứ tám? Suy nghĩ một hồi lâu, Đế Thích tự nhớ: Ngày trước ta nghe Đức Thế Tôn nói rằng: Người chứng quả Tu-đà-hoàn, sau bảy lần thọ sinh sẽ nhập Niết-bàn Vô dư, ta ắt cũng như vậy. Đế Thích liền đảnh lễ Thế Tôn bằng tâm thanh tịnh, phát tâm hoan hỷ, ngồi trên tòa vàng, giường ghế bằng vàng Diêm-phù-đàn, trang trí các vật báu. Đế Thích nhìn trên vách thấy các vị Thiên vương xưa bị thoái đọa, lại nghĩ đến Thiện pháp đường thấy các Thiên chúng tạo lợi ích cho chư Thiên.

Khi ấy, Đế Thích đứng lên, đi đến rừng Tạp sắc, cùng các Thiên tử, Thiên nữ vui chơi, thọ hưởng năm dục lạc. Trong rừng có các loài chim, hoa sen. Thấy vậy chư Thiên trỗi nhạc Càn-thát-bà, đến chỗ Đế Thích, đảnh lễ vây quanh Đế Thích. Thiên tử, Thiên nữ vui chơi đủ cách. Chư Thiên ở Thiện pháp đường trang sức lộng lẫy, cùng các Thiên nữ vây quanh Đế Thích, trỗi các kỹ nhạc, đến Thiện pháp đường, ai nấy đều hoan hỷ ca múa vui vẻ. Khi ấy chư Thiên ở Thiện pháp đường đi theo cung phụng Đế Thích, trỗi các thứ âm nhạc, ca múa rất hay. Chư Thiên ở trụ xứ khác nghe tiếng nhạc này đều đến Thiện pháp đường, cúi đầu đảnh lễ Thiên vương, đi nhiễu quanh. Vô lượng trăm ngàn người đến Thiện pháp đường đều là những người ca múa giỏi, trang sức đẹp. Đó là nhờ nghiệp thiện. Do khéo hộ trì giới cấm nên được sinh lên cõi trời, hưởng quả báo lớn, thành tựu tất cả quả vui của chư Thiên. Thiện pháp đường ấy rộng năm trăm do-tuần, màu sắc sáng đẹp như khối dung kim, trang trí cây lưu ly, các loại hoa báu bao quanh, hương xông khắp năm do-tuần, hoa luôn tươi như mới nở, khiến cho lòng người tham ái dục lạc, không biết nhàm chán. Chư Thiên cung phụng Đế Thích như vậy, chín mươi chín na-do-tha Thiên nữ theo Đế Thích vào điện hoan hỷ. Điện ấy trang trí các trụ báu lưu ly, xa cừ, giường ngồi mềm mại, trải bằng tấm y cõi trời. Thiên vương Thích-ca bảo họ an tọa, chư Thiên vâng lời đều an tọa.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 26

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 5)

TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 2)

Khi ấy, Thiên đế Thích nói với chư Thiên:

–Nhờ nghiệp thiện được sinh lên cõi trời này, nghiệp hết thì bị thoái đọa, do nghiệp quả được sinh lên cõi trời này, ta ở đây cũng sẽ bị thoái đọa, phải tự cố gắng tìm sự an ổn.

Nghe Thiên đế Thích nói vậy, chư Thiên thưa:

–Thưa Thiên vương, chúng ta được ở nơi an vui là do nghiệp thiện nên không dám sống phóng dật. Thưa Thiên vương, nhờ nhân duyên gì ta không bị thoái đọa?

Đế Thích nói với chư Thiên:

–Những nơi thọ sinh trong tám phương, trên, dưới đều là hữu vi, bị vô thường hủy hoại, đừng tham đắm mà cho rằng bảo tồn được, nó là phiền não bất tịnh, sau đưa đến khổ đau, không sinh pháp lạc, không đưa đến trí tuệ, không phải là chánh hạnh. Suy nghĩ như thế sẽ chịu khổ lớn. Các Thiên tử, các ông đã trải qua vô lượng kiếp sinh lên cõi trời này, tuổi thọ hết thì bị thoái đọa, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Lại nhờ nghiệp thiện được sinh lên cõi trời này, thọ quả báo của nghiệp mình, hưởng diệu lạc cõi trời, bị nghiệp huyễn lừa dối, lại đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Vì thế, các Thiên tử, không nên phóng dật. Những gì ta nói chính là pháp của hằng hà sa chư Phật. Nghe được pháp này sẽ giải thoát khỏi sinh tử. Đó là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, ưu bi, khổ não. Như vậy là sự tập hợp của các khổ lớn. Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử, ưu bi,

khổ não diệt. Như vậy là sự tiêu diệt các khổ lớn. Cứ thế sinh tử xoay tròn trong cõi trời. Thấy vậy, nên sinh tâm nhàm chán, phiền não chấm dứt, không bị hủy hoại, không sinh, già, chết, không đoạn tận, đó là Niết-bàn. Các Thiên tử! Ai hiểu được như vậy thì thoát khỏi sinh tử. Trong sinh tử không có pháp: Không sinh, thường trụ, không thể phá hoại, không đoạn tận, không hoại diệt. Trong sinh tử chỉ có pháp sinh diệt thoái đọa.

Nghe Thiên đế Thích nói pháp này, các Thiên tử, những người nào đã tu hành trong chánh pháp của chư Phật thời quá khứ thì không phóng dật nữa, tin Phật, Pháp, Tăng, nhất tâm thanh tịnh, gieo nhân Niết-bàn. Còn những Thiên nhân nào không tu tập trong chánh pháp của chư Phật thời quá khứ thì buông lung, tán loạn bị ái lừa dối, thọ hưởng năm dục lạc. Vì ái lừa dối mà chịu vô lượng khổ não theo sinh tử.

Lúc Thiên đế Thích nói pháp ấy, Tứ Thiên vương Hộ thế suy nghĩ:

–Hiện giờ Thiên vương Thích-ca và Thiên chúng ở đâu?

Vừa nghĩ thế, họ thấy Thiên vương ngồi ở cung trời, oai đức rực rỡ, Thiên chúng vây quanh thọ hưởng diệu lạc.

Khi ấy, Tứ Thiên vương đến chỗ Đế Thích trong Thiện pháp đường, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi qua một bên. Một lát sau, họ đứng dậy trước, thưa với Đế Thích:

–Thưa Thiên vương, người cõi Diêm-phù-đề thực hành thập thiện đạo, tùy thuận pháp hành, hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính Sa-môn, Bà-la-môn, các bậc Kỳ túc trưởng lão. Mong Thiên vương đem đến sự vui vẻ cho họ.

Thiên đế Thích nói với Hộ thế:

–Ta cũng tùy hỷ, Thiên vương Hộ thế làm lợi ích cho thế gian, khiến họ thức hành pháp lành. Nghe vậy, ta rất vui vẻ, ông lại được nghiệp lành, người cõi Diêm-phù-đề tùy thuận pháp hành.

Thiên vương Hộ thế thưa với Đế Thích:

–Người cõi Diêm-phù-đề không tùy thuận pháp hành, không hiếu dưỡng cha mẹ, không cung kính Sa-môn, Bà-la-môn và bậc Kỳ túc trưởng lão thì tăng trưởng quân ma, tổn giảm chánh pháp.

Nghe vậy, Đế Thích bảo chư Thiên cõi trời Tam thập tam và Tứ Thiên vương:

–Hãy mau sửa soạn để chiến đấu với A-tu-la vương, Đề-la Dũng Kiện Bát-ha-sa vương, phi pháp não loạn Long vương ác sống ở dưới biển.

Nghe Đế Thích dạy, Tứ Thiên vương Hộ thế trở về bốn cõi trời, đến

núi Nhạo kiến, chuẩn bị khí cụ như đã nói ở trước.

Bấy giờ, Thiên vương Đế Thích, Thiên vương Hộ thế cùng vô lượng Thiên chúng vây quanh, mặc áo, đeo vòng hoa trời, đưa các Thiên nữ đến núi Nhất thiết chủ. Họ vây quanh núi Tu-di giống như các sao bao quanh mặt trăng, như ánh sáng mặt trời ở giữa các sao, như trăm ngàn núi vàng bao quanh núi Tu-di, có các cây báu như vàng, bạc, lưu ly, nhân-đà xanh, xích liên hoa trang trí. Nơi Đế Thích vui chơi có nhiều loài chim hót tiếng rất hay. Voi chúa trắng Y-la-bà-na vui chơi ở ao sen trời. Hoa sen ấy sắc hoàng kim, cọng bằng lưu ly. Con voi ấy cùng các voi cái vui chơi ở đó như trước đã nói. Tuy là súc sinh nhưng cũng thọ hưởng diệu lạc cõi trời.

Khi ấy, Thiên đế Thích đến chỗ con voi vỗ về nó, vui cười nói:

–Con voi trắng này có thể giúp ta đánh thắng A-tu-la.

Nói xong, Đế Thích lại đến núi Nhất thiết chủ, lên điện Vô ưu, cùng các Thiên tử và chín na-do-tha Thiên nữ vui chơi, thọ hưởng năm dục lạc. Nơi mà các Thiên chúng trỗi nhạc vui chơi được trang trí rất đẹp đẽ. Họ thọ hưởng quả báo đến khi nghiệp thiện hết, quả báo vui hết, ở Thiện pháp đường họ qua đời, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu còn nghiệp thiện khác, được sinh trong cõi người, luôn thọ hưởng an lạc, thông minh trí tuệ, cùng sống trong một xóm làng, thành ấp, được làm người đứng đầu, hoặc làm người thân, anh em, bạn bè, luôn được an lạc, là nhờ dư báo. Riêng Thiên vương Đế Thích đã đóng ba đường ác, quán xét sự thoái đọa của chư Thiên, Đế Thích nói kệ:

Vườn rừng, ao hoa sen
Núi non ở cõi này
Đều nguy nga, xinh đẹp
Rộng lớn, nhiều châu báu.
Tất cả ao hoa sen
Trang trí bằng đá quý
Vườn cây có nhiều hoa
Chim chóc cùng tập hợp.
Cây vàng, cây Như ý
Trong sạch như lưu ly
Được trang trí bằng bạc
San hô… các vật báu.
Ong, bướm thật rộn rã
Ở trong ao hoa sen
Lầu báu rất rộng lớn

Nguy nga, lại xinh đẹp.
Trang trí thật kỳ diệu
Chư Thiên được cung phụng
Những vẻ đẹp như vậy
Làm trời, người luân hồi.
Chúng như huyễn, bọt bóng
Như thành Càn-thát-bà
Bị ái, ngũ dục dối
Hoan lạc trời cũng thế.
Ái tổn hại chúng sinh
Trôi trong biển sinh tử
Ái độc như lửa dữ
Hoại diệt các chúng sinh.
Tham dục không nhàm chán
Tìm mãi, chẳng nghỉ dừng
Bị lửa vô thường đốt
Chẳng biết đi về đâu.
Chúng sinh đều như thế
Bị ái độc lừa dối
Ái nhiễm che chúng trời
Chẳng biết khi bị đọa.
Trời, người, A-tu-la
Địa ngục, rồng, Dạ-xoa
Tất cả đều không thoát
Sự thay đổi sát-na.
Chúng sinh trong ba cõi
Bị lưới thời gian phủ
Không biết chẳng thoát được
Sự mê hoặc của ái.

Thấy cõi trời vô thường, có sinh diệt, Đế Thích nghĩ về pháp đệ nhất, nói kệ khen Phật:

Kính lạy Đức Thế Tôn
Lợi ích các chúng sinh
Phân biệt cho chúng biết
Dạy: Ái như độc hại.
Hiểu rõ tất cả pháp
Trí tuệ không ngăn ngại
Lìa hiểu biết của trí

Không có pháp thứ ba.
Vô thường, khổ và không
Cũng chẳng có tạo tác
Như Lai biết chắc thật
Nói cho các chúng sinh.

Với tâm thanh tịnh khen ngợi Đức Phật rõ ràng như dấu ấn vào vật, Đế Thích trở về chỗ ở, thọ hưởng diệu lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát các trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ hai tên là Sơn phong. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh dạy người giữ giới, cho đến trong một ngày một đêm không giết hại chúng sinh, không trộm cướp, không phạm pháp luật của vua, dù là tội nhỏ cũng không cố ý phạm. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi Sơn phong thứ hai. Đất ấy mềm mại, trên ngọn Tu-di, được trang trí bằng các vật báu sáng rực. Ở đây, họ thấy tất cả các chân núi Tu-di được trang trí bằng vật báu như vàng, bạc, lưu ly và có vô lượng áo trời, vòng hoa trời sáng đẹp như ánh sáng khối dung kim. Vị ấy cùng các Thiên nữ vui chơi ở đó, lại đến những dòng sông ăn uống như:

1. Thiên thiện vị.
2. Đại sử lưu.
3. Lưu hành.
4. Đại lưu.
5. Khúc lưu.
6. Tuấn man.
7. Thiên lưu.
8. Như ý.

Uống nước những con sông này không bị say. Tất cả các thức uống đều từ sông lưu xuất, đủ các mùi vị, màu sắc: Màu sữa, báu đỏ, ngọc báu xanh, lưu ly, hoàng kim hoặc màu sắc lẫn lộn, thoảng hương thơm, lặng trong, tràn đầy. Lại có thức ăn cõi trời đủ mùi vị, hương sắc ngọt ngào, thơm sạch vừa ý. Chư Thiên muốn mùi vị gì là có mùi vị ấy. Có các vườn rừng đầy hoa thơm, chim chóc đủ màu để trang trí. Họ cùng các Thiên tử vui chơi trỗi nhạc, ca múa nô đùa ở đó, thật thích ý. Có nhiều vườn rừng như Bà-la, Đại Bà-la, Như ý thọ, Thường hoa hương, Như ý phong. Thân tiếp xúc rất vui vẻ. Cành cây bằng vàng, lưới linh che bên trên, trăm ngàn loài chim hót tiếng rất hay. Họ cùng vui chơi thọ hưởng năm dục lạc, không

bệnh buồn, không đói khát, thân không mệt mỏi, không mưu sinh, mặc tình vui chơi trong các khu vườn, ao hoa sen, thấy sắc đẹp, thọ hưởng năm dục. Họ dừng lại trên đỉnh Sơn phong, thân hình sáng rực, lớn nhỏ tùy ý, thần thông tự tại, muốn gì được nấy, được rồi không mất, không ai cướp đoạt được. Họ dừng trên núi hưởng mọi hoan lạc của nghiệp mình. Đến khi nghiệp thiện giữ giới không sát sinh, không trộm cướp hết, vị ấy bị thoái đọa, lưu chuyển theo nghiệp, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh trong cõi người được sống trong hang núi, có nhiều của cải, khôi ngô tuấn tú, vườn rừng tươi tốt, lạnh nóng điều hòa, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, quan sát trụ xứ thứ ba của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ ấy tên là Sơn đảnh. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh giữ hai chi giới, thấy chúng sinh bị trói nhốt, liền cởi trói để họ chạy thoát. Lúc đi trong đồng vắng bị đói khát thiêu đốt nhưng không hái trộm trái cây của người khác, dù có sức mạnh cũng không cướp nước uống thức ăn của người khác. Nhờ nhân không sát sinh lại phóng sinh đó, sau khi qua đời, vị ấy sinh lên trụ xứ Sơn đảnh của cõi trời Tam thập tam, thọ hưởng vô lượng diệu lạc. Ở đó có vô lượng dòng nước, đó là dòng xoáy dục, bờ hy dục, người hoan hỷ nghĩ đến là làn sóng lớn nổi lên. Trong sông ấy có nhiều loài chim, có sắc, hương thơm, vị ngon, các loài giao long tham đắm dục lạc, uyển chuyển qua lại, thuyền bè làm bằng bọt nước, vườn rừng ganh ghét. Hang núi có vô lượng cảnh đẹp. Chư Thiên chìm đắm trong dòng sông ái ấy không thể nào thoát khỏi. Họ lưu chuyển từ vô thỉ, không được giải thoát, trôi mãi không ngừng, tập khí càng sâu, đi trong ba đường, trôi nổi khắp ba cõi: Dục, Sắc, Vô sắc, sinh, già, bệnh, chết, lo buồn khổ não là do thế lực của dòng sông ái ấy. Người đời cũng không vượt qua được dòng sông ái này. Chư Thiên ở Sơn đảnh trôi trong dòng sông ái, cùng các Thiên nữ vui chơi thọ lạc. Ở đó có sáu khu rừng:

1. Thường hoan hỷ.
2. Thường du hý.
3. Bạch vân tụ.
4. Phổ lạc.
5. Như nguyệt.
6. Hằng hà.

Các khu rừng này được trang trí ở Sơn đảnh. Họ vui chơi ở đó, hưởng vô lượng diệu lạc. Sau đó họ lại đến các dòng sông uống như: Chất-đa-la, Thủ xúc chi, Vô yểm túc, Tạp sắc thủy. Hai bên bờ sông có cây bằng vàng,

bạc, pha lê, đầy đủ hoa trái thật đáng yêu thích. Đó là nhờ nghiệp thiện. Các dòng sông của chư Thiên ở cõi này lưu xuất các thức ăn uống thơm sạch, hàng ngàn chư Thiên vui chơi thọ lạc, mặc áo trời mịn đến nỗi không thấy sớ vải, thân hình sáng rực, không có xương cốt, đi đứng thư thái, ca múa vui chơi. Đến khi nghiệp thiện hết, những nghiệp thanh tịnh của thân, ngữ, ý hết, nghiệp đưa đến quả báo vui hết, từ cõi trời vị ấy bị thoái đọa, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu được sinh trong cõi người, luôn được an lạc, có nhiều của báu, thích tu trí tuệ, vui chơi ca múa, sinh trong nước có nhiều cao nguyên, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, quan sát trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ tư của cõi này tên là Thiện kiến. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh tu hành, giữ giới, cứu người bị chìm để họ thoát nạn nước, đem tiền chuộc người sắp bị giết, hoặc nhảy vào nước cứu người bị chìm. Nếu có kẻ ác bảo trộm cắp thì không làm theo, không trộm cắp. Cho đến khi đi trong đồng vắng bị đói khát thiêu đốt nhưng không trộm trái cây của người khác để ăn, tôn kính giới, lo sợ từng giới vi tế, không dám hủy phạm. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên thành Thiện kiến. Thành ấy rộng mười ngàn do-tuần, có mười ngàn lề đường, mặt đất bằng vàng Diêm-phù-đàn. Có mười ngàn cung điện lớn, trang trí bảy báu xen lẫn như lưu ly, vàng Diêm-phù-đàn, bạch ngân, nhân-đà báu xanh… ở các con đường có nhiều lầu gác, điện báu sáng tỏa rực rỡ. Nếu so sánh ánh sáng mặt trời với cung điện cõi trời này thì chẳng khác nào ngọn đèn ở giữa mặt trời. Bốn mặt thành đều có vườn rừng bằng lưu ly bao bọc, lưới chân châu giăng che khắp. Lại có cây bạc, lưới vàng che bên trên, còn có cây bằng bảy báu làm nơi vui chơi. Có cây Như ý, chư Thiên muốn gì cây ấy sinh ra, có cây bằng báu nhân-đà xanh, bằng báu xanh lớn. Các loài chim sắc hoàng kim hót tiếng rất hay. Trong rừng bằng vàng có chim sắc bạc, trong rừng báu xanh có chim bằng hoa xích bảo, trong rừng xích bảo có chim tạp sắc. Các vườn rừng ấy có đủ loại chim trang trí. Tất cả con đường, ngỏ ngách ở thành Thiện kiến đều có cung điện bằng vàng ròng, cột bằng bạch ngân, trang trí cây bằng lưu ly. Lại có điện bằng vàng trụ bằng lưu ly trang trí cây bằng vàng, cung điện bằng tạp bảo trang trí các lề đường. Có các loài chim sắc hoàng kim hót tiếng rất hay vang khắp thành Thiện kiến, thật không sao nói hết. Ở đó có bốn khu rừng lớn trang trí:

1. Vân man.
2. Đại thọ.

3. Quang minh âm.

4. Nhạo kiến.

Mỗi khu rừng rộng hai ngàn năm trăm do-tuần và có một vạn dòng sông đầy hoa bằng vàng. Hai bên bờ sông được trang trí trông thật thích ý. Có các cây bằng vàng, bạc, pha lê, bảo xanh. Trong rừng có nhiều ong, thân bằng bạch ngân, cánh bằng lưu ly, âm thanh hay gấp mười sáu lần tiếng sinh, địch, tơ, trúc. Cây bằng lưu ly, trái bằng vàng ròng, hương thơm dìu dịu, vị ngọt hơn đường phèn. Hương thơm của trái cây xông khắp một do-tuần. Chim chóc ngửi được hương này càng thêm vui thích. Cây bằng vàng, trái bằng bạc, có đủ hương, vị… cây bằng lưu ly, lá bằng vàng ròng, trái bằng tạp bảo. Có vô số rừng cây bao quanh thành Thiện kiến. Nhờ nghiệp thiện được thành tựu các quả báo như ý giống như hạt giống, thọ hưởng quả báo như nghiệp. Họ sống trong thành Thiện kiến, hưởng vô lượng diệu lạc. Thành này, ai cũng thích nhìn nên gọi là Thiện kiến. Rừng ấy được trang trí bằng xích bảo, san hô, xa cừ, lưới linh trùm khắp. Chư Thiên ở thành Thiện kiến vui chơi ở đó. Cung điện ở thành này có vô lượng trăm ngàn vòng hoa, cờ phướn, lọng báu, gió nhẹ thổi động tạo ra nhiều tiếng nhạc hay. Trong thành Thiện kiến trên đỉnh núi Tu-di có nhiều Thiên tử, Thiên nữ vây quanh. Nhờ nghiệp thiện họ thọ hưởng quả báo thù thắng. Cõi đó có ba mươi sáu ức người mà Thiên vương Đế Thích biết được, họ có thần thông lớn, oai đức sáng rực, tâm luôn hoan hỷ. Vô lượng trăm ngàn Thiên tử, Thiên nữ ra khỏi thành của Thiên vương đến vườn vui chơi, có vô lượng trăm ngàn ức xe được trang trí trăm ngàn ức cờ phướn. Xe ấy có nhiều màu sắc, xe bằng báu nhân-đà xanh, bánh xe bằng xích liên hoa bảo, mọi người đi xe báu ấy. Mặt đất bằng vàng ròng, đường đi bằng lưu ly, dây giăng đường bằng xa cừ, có treo linh báu. Có Thiên tử đi xe báu, có người lên ngồi trên cung báu, nền bằng xa cừ, lưới bằng chân châu che phủ bên trên, vách bằng san hô, trụ bằng bạch ngân. Lại có Thiên tử ngồi lên điện bằng vàng, vách bằng chân châu, nền bằng xích bảo, trụ bằng bạch ngân, trang trí san hô. Tất cả những thứ ấy tạo ra ngàn ánh sáng. Có trăm ngàn cung điện thật không sao nói hết. Các Thiên chúng vây quanh, trang sức lộng lẫy. Các Thiên tử đi xe đến khu rừng. Xe ấy có cờ phướn bằng lưu ly, xích bảo, vàng ròng, xích liên hoa bảo. Có vô lượng cờ phướn rực rỡ che rợp cả hư không. Họ vui vẻ, nô đùa, đi đến bốn khu rừng kia, trỗi vô lượng trăm ngàn âm nhạc, đủ các âm thanh nghe thật thích ý. Họ theo nghiệp của mình mà được quả báo thượng, trung, hạ, vui vẻ thọ lạc rồi đến vườn lớn. Mỗi Thiên tử có trăm Thiên nữ, hoặc có ngàn Thiên nữ, hoặc có cả trăm ngàn Thiên nữ ca múa vui chơi, tấu các kỹ nhạc, nghe nhạc Càn-thát-bà, lại

đến vườn lớn thọ hưởng năm dục lạc. Các Thiên nữ cùng vui đùa với Thiên tử, tha hồ hưởng lạc, mặc ý tung hoành đến khắp nơi vui chơi, hoặc đi trên hư không màu sắc như mây xanh, lưu ly. Thiên chúng ấy ở trên hư không thân hình trang sức đủ các y phục, lời lẽ hòa nhã, lại đến vườn lớn, hoặc có Thiên chúng đi trên đường bằng vàng, vô lượng trăm ngàn xe báu lăn trên đất vàng, bụi bằng vàng bay đầy cả hư không làm cho hư không âm u nhưng không nhơ uế. Các Thiên tử nào sắp hết thì bụi đó bám vào thân. Các Thiên tử từng thấy chư Thiên nào có tướng như vậy thì chẳng bao lâu sẽ bị thoái đọa, chịu khổ não lớn, nên sinh tâm Từ bi, nói kệ:

Chư Thiên đi đường này
Qua lại trăm ngàn lần
Bị ngọn lửa thời tiết
Thiêu đốt củi cảnh giới.
Thấy người khác bệnh, chết
Mà không tự giác tri
Tướng suy đã đến rồi
Mới biết mình khổ não.
Phóng dật, tâm ô trược
Luôn thích các cảnh giới
Bất chợt thần chết đuổi
Không chúng sinh nào khỏi.
Người nào thích vui chơi
Thích sống trong phóng dật
Khi quân chết sắp đến
Hủy hoại như độc hại.
Chẳng phải sức thuốc, chú
Chư Thiên, A-tu-la
Bị tự nghiệp trói buộc
Không sao cứu thoát được.
Trần cấu che thân, mặt
Vẫn không hề hay biết
Thần chết đã đến nơi
Không lâu bị thoái đọa.
Chúng sinh thường tham dục
Khát ái không nhàm chán
Bất chợt giặc chết đến
Tham lạc chẳng giác tri.
Tướng chết của người hiện

Bị thần chết trói buộc
Bỗng chốc bị thoái đọa
Phải chịu các khổ não.
Chúng sinh ở Sơn đảnh
Nơi có các vườn rừng
Nghiệp buộc không thoát khỏi
Chịu quả báo tự nghiệp.
Vui chơi, sống phóng dật
Thọ lạc không nhàm chán
Kẻ si ái tăng trưởng
Thoái đọa, không vui sướng.
Có khói ắt có lửa
Pháp tướng ấy như vậy
Tướng thoái đọa như thế
Phải chịu khổ chết chóc.

Thấy các tướng như thế, tâm phóng dật của Thiên tử chấm dứt, tu tập căn lành xưa, tự trách mình, các Thiên tử khác cũng vậy. Khi nghe nói thế, các Thiên tử lên xe có lưới báu che trùm, treo các linh báu, trang trí vô lượng thứ, trông rất yêu thích. Họ trang sức vòng hoa và áo trời rực rỡ như màu dung kim. Trên đỉnh núi Tu-di có trăm ngàn vạn người. Thấy các Thiên chúng có người đi xe bằng vàng, có người đi trên đất, có người đi xe thiên nga. Các Thiên nữ nô đùa, ca múa đến rừng Du hý. Rừng ấy có hoa sen trời, sông suối, ao tắm, hoa trái sum suê, được trang trí bằng các thứ báu. Tất cả vườn cảnh đều thật đáng yêu. Đến vườn cảnh, chư Thiên ở thành Thiện kiến đều xuống xe, đi đến cây vàng. Cây ấy tươi tốt, rực rỡ như ánh sáng mặt trời. Chư Thiên đi trên không từ hư không hạ xuống, đến nơi vui chơi. Tất cả Thiên chúng đều tập hợp đông đúc, tấu nhạc, ca hát, vui chơi thọ lạc, không ganh ghét nhau, múa hát, vui đùa, trỗi nhạc, hưởng năm dục lạc. Họ cùng các Thiên nữ đi giữa bờ sông ăn uống rồi đến rừng lưu ly. Cây lưu ly ấy có trái bằng vàng ròng đủ hương thơm, sắc đẹp, mùi vị như nước mật. Họ cùng các Thiên nữ xinh đẹp, ăn trái Ma-thâu, thọ hưởng diệu lạc cõi trời một thời gian dài. Các Thiên chúng ấy ca múa vui chơi, thọ hưởng diệu lạc. Chư Thiên khác nghe vậy, đến chỗ Đế Thích, chắp tay đảnh lễ, thưa:

–Thiên vương! Xin biết cho, tất cả Thiên chúng trong thành Thiện kiến đều đến vườn cảnh vui chơi.

Nghe vậy, Đế Thích bảo các Thiên chúng:

–Hãy mau chuẩn bị, ta muốn đến nơi mà chư Thiên thành Thiện kiến vui chơi.

Nghe lệnh Thiên vương, tất cả Thiên chúng ở Thiện pháp đường đều lên xe. Có người lên xe bằng vàng, treo cờ phướn bằng lưu ly, có người lên xe bằng lưu ly, treo cờ phướn bằng vàng ròng, hoặc trang trí các cờ phướn bằng tạp bảo. Có xe bằng chim sắc hoàng kim, chúng hót tiếng rất hay, hoặc có xe bằng ngựa, chúng đi rất nhanh, hoặc có xe bằng thiên nga vàng, chân nó bằng lưu ly, hai cánh bằng xích liên hoa bảo. Các Thiên tử lên các xe ấy, theo Đế Thích đến nơi vui chơi trong thành Thiện kiến. Lại có Thiên tử cỡi chim Khổng tước, thân chim bằng bảy báu. Ở Diêm-phù-đề, chim Khổng tước xinh đẹp hơn các loài chim, huống gì ở cõi trời được trang nghiêm bằng nghiệp thiện, hình tướng, sắc đẹp không gì sánh bằng. Họ cỡi chim Khổng tước này, trỗi âm nhạc, ca múa vui chơi, đến chỗ mà chư Thiên thành Thiện kiến nô đùa thọ lạc. Khi ấy Đế Thích đi xe bốn bánh ngàn căm. Xe ấy làm bằng bảy báu:

1. Báu chúa xanh.

2. Xích liên hoa bảo.

3. Xa cừ báu.

4. Lưu ly sạch.

5. San hô kim cương.

6. Pha lê.

7. Vàng ròng.

Bảy báu được trang trí lẫn lộn nhau, lại gắn ngàn con thiên nga. Thân chúng bằng bảy báu đủ các hình tướng. Âm thanh hay hơn tiếng ca của Thiên nữ. Lại có năm trăm cờ phướn bằng vàng, bạc, lưu ly. Xe ấy được trang trí đủ các màu sắc xanh, vàng, đỏ, tía. Có vô lượng Thiên nữ ở phía trước ca múa, hoặc đi trên hư không, hoặc đi trên mặt đất, tự do không ngăn ngại. Họ tấu nhạc trời, thọ hưởng năm dục lạc, đi đến nơi vui chơi của chư Thiên thành Thiện kiến. Thấy vậy, chư Thiên khác cầm các loại hoa, thân bằng lưu ly, đến chỗ Đế Thích.

Thấy Đế Thích đến, chư Thiên ở thành Thiện kiến không vui chơi nữa, đi ra nghênh đón Đế Thích.

Đế Thích bảo:

–Các ngươi hãy vào trong nước vui chơi.

Nghe lời Đế Thích, Thiên chúng cõi Thiện pháp cúi đầu vâng lệnh, vào ao nước, lấy lá sen, chạy mau đến chỗ chư Thiên thành Thiện kiến.

Chư Thiên thành Thiện kiến cũng cầm hoa sen chạy đến chỗ chư Thiên cõi Thiện pháp, nô đùa vui chơi.

Khi ấy, Thiên đế Thích trụ giữa hư không, xem các Thiên chúng nô đùa trong nước một thời gian dài mà không nhàm chán, lại lấy hoa sen để nô đùa, lấy hoa sen, bằng vàng, lưu ly, cọng sen bằng nhiều màu sắc lẫn lộn, để nô đùa. Họ lấy hoa sen nô đùa ở đây một thời gian dài, lại đến rừng cây ăn trái, lấy trái mềm ném nhau. Chơi xong lại đến rừng uống nước, uống nước Ma-thâu, nhờ nghiệp thiện nên không say.

Bấy giờ, Thiên đế Thích bước xuống xe, bước vào rừng.

Thấy Đế Thích đến, chư Thiên đều vui vẻ, cung phụng Đế Thích. Các Thiên tử chắp tay thưa:

–Chúng tôi được cuộc sống tốt, quả báo tốt, được gặp Thiên vương, tạo lợi ích cho chúng tôi hơn là cha mẹ.

Các Thiên tử cung phụng xong, Đế Thích bảo các Thiên tử:

–Các người đều như con ta, như anh em.

An ủi xong, họ vào nơi vui chơi, ở trong vườn rừng nô đùa, thọ lạc. Trong các sông suối ao sen có nhiều loài chim hót tiếng rất hay. Mặt đất có nhiều hoa sen bằng vàng. Đất ấy mềm mịn, bằng phẳng được trang trí bằng cây vàng, lưu ly, pha lê. Sông suối ở đó tạo ra đủ các thức uống, trang trí các loài hoa như mạn-đà-la, hoa sen Cư-xa-da-xá. Thiên tử, Thiên nữ ca múa vui chơi thọ lạc trong hang núi, nghe năm thứ âm nhạc và tiếng ca của Thiên nữ, thọ hưởng năm dục. Các Thiên tử thành Thiện kiến và các Thiên tử Thiện pháp đường vui chơi thọ lạc trong vườn cảnh một thời gian bằng vô số thời gian ở cõi người, rồi trở về chỗ cũ. Trên đường đi, họ vui chơi thọ nhận hoan lạc khắp nơi. Chư Thiên thành Thiện kiến thọ hưởng diệu lạc cõi trời, đến khi nghiệp thiện hết, từ cõi trời, họ bị thoái đọa, theo nghiệp của mình bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu còn nghiệp thiện khác thì sinh trong cõi người, luôn được an lạc, học hiểu nhiều, thích âm nhạc, ca múa, vui chơi, thích lễ hội, nhiều của cải, không bị bệnh dịch, không lo buồn, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ năm tên là Bát-tư-tha. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết người trì giới, dù nghèo khổ phải xin thức ăn uống, tài vật nhưng thấy người nghèo khổ hơn lại chia bớt thức ăn cho họ, giảm bớt phần ăn của vợ con mình để cho họ và kẻ mù lòa, cô độc, nghèo bệnh và làm cho những người phạm tội bị quan bắt nhốt mà vượt ngục, người cai ngục muốn

giết kẻ ấy, trong lúc lo sợ mờ mịt như vậy thì cứu thoát họ. Sau khi qua đời, vị ấy được sinh lên trụ xứ Bát-tư-tha của cõi trời Tam thập tam. Người sinh lên cõi này, nhờ nghiệp thiện nên thân hình sáng rực soi khắp mọi nơi giống như ánh sáng mặt trời. Sắc tướng của ánh sáng ấy rực rỡ đủ màu xanh, vàng, đỏ, trắng, lục, tía. Sáng gấp mười lần ánh sáng của chư Thiên khác. Như trong các ngôi sao ở cõi Diêm-phù-đề, ánh sáng mặt trăng sáng nhất, thân hình của các Thiên tử rực rỡ đủ các màu sắc như vậy. Các Thiên tử khác so sánh với chư Thiên ở đây chẳng khác nào ánh sáng đom đóm. Thấy những Thiên tử này, các Thiên nữ đều đi đến.

Vừa sinh ra, Thiên tử đã có đầy đủ đồ trang sức. Trên đỉnh đầu có mão bằng ngọc xanh, ánh sáng của nó chiếu khắp một do-tuần. Những ngọc châu khác bị ánh sáng này che lấp nên không hiển hiện, giống như khi mặt trời mọc, ánh sáng đom đóm không hiện ra. Mão hoa bằng bảy báu, ánh sáng của nó soi khắp trăm do-tuần, có đủ các màu xanh, vàng, đỏ, tía, lục. Trên thân của họ tự nhiên có các bảo châu anh lạc, bảy báu rực rỡ. Ánh sáng ấy chiếu khắp một trăm do-tuần. Y phục bằng bảy báu như anh lạc… Ánh sáng ấy chiếu khắp một trăm do-tuần, dây bằng kim cương rủ ở trước ngực, dây đai ở eo như màu sắc cầu vồng, chân mang giày đủ màu sắc, ánh sáng rực rỡ như ánh sáng điện, đi lại không mệt mỏi. Nếu họ muốn đi trên hư không thì do sức của đôi giày mà họ đến được, hoàn toàn không mệt mỏi, y phục của họ mịn đến nỗi không thấy được sớ vải, đủ các vật báu tốt đẹp thật đáng yêu thích.

Lúc chào đời, Thiên tử tự suy nghĩ: "Do nghiệp gì ta được sinh lên cõi này?" Vừa nghĩ như thế, tự biết mình đời trước ở chỗ thiện, bất thiện của Diêm-phù-đề, sau khi chết, sinh lên cõi này. Người ở Diêm-phù-đề, tu hành nghiệp thiện nên được thành tựu quả thiện ở đời này. Ta nhờ tạo nghiệp thiện nên được sinh lên cõi này, do nhân duyên sinh, chẳng phải không do duyên sinh. Một lát sau, có các Thiên nữ tươi trẻ xinh đẹp rực rỡ đến gần gũi Thiên tử mới sinh. Những đồ trang sức của các Thiên nữ phát ra âm thanh giống như năm âm nhạc, hương thơm xông khắp hai do-tuần. Hoa ở đó đẹp hơn các loài hoa khác. Họ trang sức y phục trời xinh đẹp. Đó là do nghiệp thiện và công đức sinh ra. Ví như mặt trời mọc, các loài hoa đều nở, Thiên tử vừa sinh ra, Thiên nữ phô trương sắc đẹp của mình, đến chỗ Thiên tử, bày các trò chơi làm vui lòng Thiên tử, bồng Thiên tử đến vườn rừng trỗi nhạc, ca múa vui chơi, chiêm ngưỡng Thiên tử. Họ đến khu rừng tên Liên hoa hóa sinh. Khi các Thiên tử vào vườn này thì dưới chân mỗi người có hoa sen đỡ, cọng sen bằng lưu ly, tua sen bằng kim cương, lá bằng vàng ròng, đài sen mềm mại, ong kêu rộn rã. Khi họ dỡ chân lên, đặt

chân xuống là hoa sen nở ra để đỡ chân. Từ đây, họ lại đi vào rừng Ma-thâu. Cây ở đây bằng vàng, tạo ra nước thơm ngon hơn rượu Bồ đào, đầy đủ mùi vị, màu sắc. Chư Thiên và Thiên nữ uống vào nhưng không say. Họ lại đến rừng Giá-đô-la. Rừng cây có ba loại không gì ví dụ được:

1. Tiếng chim.

2. Tiếng ong.

3. Tiếng ca của Thiên nữ.

Các Thiên tử vui chơi trong rừng này, ở mỗi ao hoa đều có tiếng chim nghe rất thích thú, không biết nhàm chán, bị lửa ái thiêu đốt. Đến khi nghiệp thiện hết, từ cõi trời, vị ấy bị thoái đọa. Vì nghiệp trói buộc nên đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh vào cõi người, được xinh đẹp, sinh trong dòng hào phú, đầy đủ công đức, giàu có, đủ quyền lực, tha hồ vui chơi, được an ổn, không bệnh hoạn, sống lâu, sinh vào thời an lạc, hoặc sinh ở thành phố, không sinh ở chỗ biên địa, được làm vua, quan, hoặc làm thương chủ giàu có, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát các trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ sáu của cõi này tên là Câu-trá. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết người bắt kẻ trộm mà không giết, không gây khổ não, hoặc kẻ giặc bị người khác bắt thì cứu thoát nó, làm lợi ích cho chúng sinh bằng tâm lợi tha, cung phụng cha mẹ, dâng thuốc uống vào mọi thứ cần dùng theo ý muốn, không trộm tài vật của cha mẹ, luôn vui vẻ, lời lẽ hòa nhã, vì lợi ích mà ít nói, luôn dùng hương hoa cúng dường lễ bái, niệm công đức của Phật, cung kính Sư trưởng, thăm hỏi lễ lạy, nói năng hòa ái, không gần gũi bạn ác, không thích việc làm của kẻ ấy, không khen người xấu, không đi chung, ở chung với kẻ giặc và những người bất chính ở đời, gần gũi bậc kỳ túc, tuân phụng cung kính giới cấm của Phật, đầy đủ trí tuệ, giữ giới bằng tâm chân thật, không làm buồn người khác, được mọi người yêu mến, khéo khen ngợi, nói năng nhỏ nhẹ, không gây sợ hãi cho nô tỳ, người làm thuê, biết đủ trong ăn uống, không ăn quá nhiều, không gây tổn hại cho chúng sinh, không thích giận hờn, không mua bán giao dịch với kẻ hà tiện, đồ tể, mua bán chất trực, không lừa dối mọi người, không vào tửu điếm, không bị người nữ chê cười, không mất oai nghi, đi đứng thư thái, nói sao làm vậy, không tìm sự hay dở tốt xấu của người khác, không giữ tính sân hận, không chê bai, không tranh tụng, thấy người có ruộng vườn thì không ganh ghét, thâu thuế đúng pháp không dối gạt vua, không trộm nước tưới của ruộng người, dù ban ngày hay ban đêm cũng không hái trộm

trái cây của người khác, không làm mọi điều ác, hoặc bỏ từng việc một, hoặc là hạ chỉ. Thế nào là hạ chỉ? Là tạo tất cả nghiệp. Thế nào là trung chỉ? Là làm rồi sám hối, chê bai không làm nữa. Thế nào là thượng chỉ? Là không tạo nghiệp ác nào, không dạy người khác làm, khuyên người bỏ việc ác, không tùy hỷ với người ác. Với ba người ấy đạt ba quả báo thượng, trung, hạ. Người làm lành bỏ ác ấy sau khi qua đời, sinh lên cõi trời Câu-trá. Những người sinh ở đó thân thể không có xương da, không nhơ uế, thọ hưởng diệu lạc không thể nói hết. Đem diệu lạc của Chuyển luân thánh vương, người có đủ bảy báu, ngàn người con, làm vua khắp bốn cõi, thọ hưởng so với diệu lạc của cõi trời này thì chẳng khác nào thiên lạc so với địa ngục Hoạt. Cõi này rộng ba ngàn do-tuần, được trang trí đủ bảy báu, vườn cây, ao hồ, sông suối. Ở đó có khu rừng Hành lâm, cây bằng vàng, chư Thiên muốn gì thì cây ấy sinh ra, chư Thiên đi đến đâu chúng theo đến đó, giống như bảy báu theo Chuyển luân thánh vương. Nếu chư Thiên muốn dừng thì vườn ấy làm nơi dừng. Ví như chim bay lượn trên hư không khi muốn đậu thì phải đậu trên đất, khu rừng này cũng vậy. Đó là thế lực thứ nhất của chư Thiên ở cõi Câu-trá và là do nghiệp thiện. Lại do nghiệp thiện mà các thế lực khác: Chư Thiên đi đến đâu đều nghe được tiếng chim hót rất hay. Đó là thế lực thứ hai của chư Thiên cõi Câu-trá. Lại do nghiệp thiện nên chư Thiên đi đến đâu đều có ao sen, ong kêu rộn rã và thiên nga, vịt trời, uyên ương làm đẹp. Đó là thế lực thứ ba của chư Thiên cõi Câu-trá. Lại do nghiệp thiện nên được đeo vòng hoa trời, đi trong hư không, tự nhiên có hoa sen ngàn cánh, cọng bằng lưu ly, các Thiên nữ ngồi trong đài hoa cùng nhau vui đùa. Đó là thế lực thứ tư của chư Thiên cõi Câu-trá. Lại do nghiệp thiện nên chư Thiên đi trên hư không tự nhiên trên tay có đồ báu đựng đầy thức ăn cõi trời, cùng các Thiên nữ ăn uống ca múa vui chơi, mặc tình đi lại. Đó là thế lực thứ năm của chư Thiên cõi Câu-trá. Lại nhờ nghiệp lực, chư Thiên muốn gì được nấy. Nếu muốn đến nơi khác thì họ vượt qua ngọn núi. Nơi đó có đủ vườn cây hoa trái, cùng các Thiên nữ đi trong hư không, trỗi nhạc trời, tự do đi lại. Chư Thiên ở Thiện pháp đường và thành Thiện kiến thấy Thiên chúng này, liền lên xe cao nhìn xuống hang núi, vui vẻ, giống như sứ giả cõi trời xem xét cõi Diêm-phù-đề. Thấy vậy, chư Thiên ở Thiện pháp đường và thành Thiện kiến nói với nhau: "Chư Thiên cõi Câu-trá tự do đi lại, họ hơn chúng ta, đi khắp mọi nơi không ngăn ngại". Đó là thế lực thứ sáu của chư Thiên cõi Câu-trá.

Thiên vương Thích-ca cùng Thiên hậu ngồi trên đài sen ngàn cánh đi trên hư không. Do nghiệp thiện mỗi cánh sen hóa năm Thiên nữ, trang sức vòng hoa trời lộng lẫy như màu dung kim, trỗi kỹ nhạc trời, chiêm ngưỡng

Đế Thích, họ xinh đẹp vô cùng, cùng Đế Thích đến cõi Câu-trá.

Thấy Đế Thích đến Thiên chúng ấy đều vui vẻ, ra đón Đế Thích, cúi đầu kính lạy, khen ngợi bằng lời hay, ngồi quanh Đế Thích. Họ cùng Đế Thích ở trên núi, nơi vui chơi, trên đỉnh núi, trong vườn cây, ao hoa sen, vui chơi một thời gian dài rồi trở về cung của mình, Thiên vương Thích-ca trở về Thiện pháp đường. Chư Thiên ấy thọ hưởng năm dục lạc thượng diệu sắc, thanh, hương, vị, xúc. Đến khi nghiệp thiện hết, theo nghiệp lưu chuyển, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh trong cõi người, được hưởng an lạc tột đỉnh, không khổ về bệnh, sống ở trong vùng rộng lớn, không sợ oán địch, hoặc được làm vua, quan, luôn được an vui, là nhờ dư báo.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 27

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 6)

TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 3)

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát các trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ bảy tên là Tạp điện. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Chúng sinh nào thấy chùa tháp cũ, hoặc vua độc ác, đại thần theo tà kiến cấm đoán những việc ruộng nương của chư Tăng, chúng sinh đó không sợ pháp cấm của vua đem các vật và ruộng nương cúng cho chư Tăng, nói công đức của Phật cho nhà vua ác này nghe, dùng lời hay khen ngợi Phật. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi Tạp điện. Ở đây, vị ấy nghe được năm thứ âm nhạc, vui chơi, ca múa, hưởng các thứ diệu lạc. Lại có những nghiệp khác được sinh lên cõi trời như không giết, không trộm, đem tiền đến đồ tể chuộc mạng chúng sinh, không làm ác, không bảo người làm ác, thấy người làm ác không vui theo. Thế nào là không trộm? Khi làm vua, quan không lạm dụng đoạt thuế, cũng không bào người khác làm, khiến họ sống trong giới luật. Nhờ hai nghiệp này được sinh lên cõi Tạp điện. Cõi ấy có rừng rộng ba ngàn do-tuần, có nhiều cung điện để Thiên tử vui chơi nên gọi là Tạp điện. Mỗi cung điện được trang trí lộng lẫy, có hoa sen sắc hoàng kim thơm phức, ong sắc lưu ly kêu rộn rã. Rừng ấy có đủ loại cây, mỗi ao hoa có đủ loài hoa, hoặc có ao hoa bằng xích liên hoa bảo, hoa bằng tạp lưu ly, hoặc có ao hoa có nhiều hoa sen bằng vàng, lưu ly, hoa bằng vàng lẫn lộn lưu ly. Mỗi hoa sen có nhiều cánh, có cánh bằng vàng, xích bảo, có cánh bằng tạp bảo, cánh bằng lưu ly. Các loài ong sắc hoàng kim vui đùa trong đó. Có ao hoa được trang trí nhiều hoa sen, ong bằng xích bảo. Lại có ao hoa nhiều hoa sen, cọng bằng lưu ly, hoa bằng vàng ròng; hoặc có ao hoa nhiều hoa sen, cọng bằng vàng ròng, hoa bằng bạch ngân; hoặc có ao hoa nhiều hoa sen, cọng bằng xa cừ, hoa bằng bạch ngân; lại có ao hoa nhiều hoa sen, cọng bằng Ma-la-già-đa, hoa bằng vàng Diêm-phù-đàn, đủ các loài ong kêu rộn rã trong hoa sen, ví như trong hoa của cây thơm ở Diêm-phù-đề có

nhiều ong, ao hoa ở cõi Tạp điện cũng vậy. Ví như họa sĩ, học trò của họa sĩ ở cõi Diêm-phù-đề theo sự hiểu biết của mình, dùng đủ màu sắc vẽ các hình tượng, rừng cây ở Tạp điện cũng thế. Lại có nhiều loài chim tạp sắc, đầu, chân đủ màu, thân, ngực, bụng của chúng cũng vậy. Hoặc có chim, ức bằng vàng, cánh bằng bạc, lưng bằng xích bảo, mắt bằng xích bảo, hoặc có chim, ức bằng bạch ngân, cánh bằng vàng ròng, hai mắt bằng lưu ly xanh, lưng bằng tạp bảo, con ngươi bằng xích bảo. Có nhiều loài chim màu sắc bảy báu làm đẹp cho khung cảnh.

Trong rừng cõi Tạp điện, lại có núi bằng báu xanh, châu ngọc, xa cừ, lưu ly, xích bảo, vàng ròng, ánh sáng chiếu khắp khu rừng, xen lẫn nhau xoay xung quanh. Rừng này được trang trí rất đẹp trông thật đáng yêu. Trong rừng lại có nhiều cây đan kết lẫn nhau, cọng bằng lưu ly, tua bằng xích bảo quấn quanh và có nhiều trái, cọng bằng bạch ngân, tua bằng báu xanh quấn quanh; cành bằng xa cừ, dây vàng quấn quanh, hai màu ấy xen lẫn nhau. Rừng Tạp điện lại có ba sắc, trên cây treo các tấm trướng, cành bằng lưu ly, dây bằng vàng ròng, xích bảo quấn quanh; cành bằng xích bảo, dây bằng vàng, bạc quấn quanh; cành bằng bạch ngân, dây bằng xa cừ, xích bảo quấn quanh. Mỗi một cành cây là có mỗi dây quấn. Trong rừng Tạp điện lại có tạp hoa, cành bằng vàng ròng, hoa bằng lưu ly; cành bằng bạc, hoa bằng sắc nhân-đà; cành bằng vàng, hoa bằng xích bảo, cành bằng xa cừ, hoa bằng lưu ly, có trái nhiều màu cũng vậy. Do nhiều tâm, tạo tạp nghiệp, vì tạp nhân nên hưởng các tạp quả. Do nghiệp nên hưởng các quả báo ở cõi Tạp điện nhân quả tương xứng nhau, như các hạt giống sinh ra quả tương tợ. Nghiệp lực đó tùy theo sự gây tạo, thời tiết và tâm xen tạp gây ra. Tạo nghiệp nào, được quả nấy như dấu in vào vật, quả vui ở cõi trời đều do nhân sinh, khổ báo địa ngục cũng vậy, không phải mình làm mà người khác chịu quả.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, quan sát rừng Tạp điện, chúng sinh tạo nghiệp gì được sinh lên cõi trời trời Tam thập tam? Chúng sinh ở thế gian làm việc phi pháp, không hiếu dưỡng cha mẹ, không kính Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc kỳ túc, không gần bạn tốt, không tin nghiệp quả, làm việc tà kiến. Lúc ấy làm cho ma vương vui sướng. Có bốn đại chúng khi ở thế gian làm việc phi pháp:

1. Ma sứ tranh đấu.

2. Ma sứ làm loạn, gây loạn tâm cho người hành pháp, làm cho người nghe pháp mê mờ buồn ngủ.

3. Ma sứ tham si, làm cho thí chủ sinh tâm tham tiếc, nghĩ: Nếu ta

đem vật cúng dường nơi ruộng phước Sa-môn, Bà-la-môn thì vợ con của ta sẽ ra sao, phải tự lo ăn mặc!

4. Ma sứ lìa chánh niệm, làm cho người xuất gia mất chánh niệm. Đó là ác ban đầu, hoặc người vào thành ấp chợ búa gặp các người nữ, tranh chấp đánh đập nhau trong tửu điếm, rồi nằm mơ thấy phá giới.

Lúc người cõi Diêm-phù-đề làm việc phi pháp tạo nghiệp ác này, bốn loại ma sứ vui mừng, thưa với ma vương:

–Chánh pháp tổn giảm, quân ma tăng trưởng thật vui thích.

Nghe thế ma vương hỏi sứ giả:

–Làm sao pháp của ta được tăng trưởng ở thế gian, chánh pháp tổn giảm?

Sứ giả thưa với ma vương:

–Người cõi Diêm-phù-đề thực hành phi pháp, không hiếu dưỡng cha mẹ, không kính sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn. Người nào nghe chánh pháp, chúng tôi làm cho họ mê mờ, người xuất gia thì hoàn tục, xả bỏ pháp phục. Còn người xuất gia giữ giới có phạm hạnh thì trong lúc ngủ, tôi hiện thân người nữ làm cho họ tán loạn, làm cho những thí chủ tham tiếc tài vật, tham lam keo kiệt che lấp tâm, quyến luyến vợ con, làm cho người xuất gia lo việc buôn bán tranh chấp, đánh đập nhau. Tôi tạo những phương tiện ấy để quân ma tăng trưởng, chánh pháp tổn giảm.

Nghe thế, ma vương sai sứ giả bảo A-tu-la tên La-hầu Dũng Kiện Tỳ-ma-chất-đa-la, rồng ác não loạn Bát-ma-thê:

–Hôm nay các ngươi phải vui mừng, chánh pháp của Phật giờ này đã tổn giảm, quân ma tăng trưởng. Các ma sứ vào trong nước, đến chỗ A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói hết những việc trên. Nghe thế A-tu-la vui vẻ, nói với các Long vương ác não loạn. Nghe thế Long vương ác trong thành Phú lạc đều vui mừng, gây não loạn cho người ở thế gian như đã nói ở trước.

Nghe Thiên vương Tỳ-lưu-lạc nói thế, Thiên đế Thích vào rừng Tạp điện bàn việc này với chư Thiên cõi trời Tam thập tam. Thiên vương Hộ thế nói với ta rằng:

–Ma thiên oai lực lớn lại có A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, rồng ác não loạn. Ngươi hãy bảo chư Thiên chúng tập hợp ở đây, ta sẽ đến núi Bảo trang nghiêm đánh với A-tu-la. Nghe vậy, chư Thiên đều vâng lời, trở về cung mình chuẩn bị, Thiên chúng ở Tạp điện cũng trở về cung mình, trỗi nhạc ca múa vui chơi, vào rừng Tạp điện.

Bấy giờ, Thiên đế Thích cùng Thiên chúng rời rừng Tạp điện đến

những nơi khác. Thiên tử ở cõi Tạp điện này thọ hưởng diệu lạc, đến khi nghiệp thiện hết, bị thoái đọa, lưu chuyển theo nghiệp, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh trong cõi người thì thọ hưởng an lạc, khôi ngô tuấn tú. Từ khi sinh ra đến lúc chết luôn thích trang sức đủ màu sắc, thích học các ngôn ngữ, được mọi người yêu mến. Nếu xuất gia sẽ làm Pháp sư ngồi tòa Sư tử, thông hiểu các loại ngôn ngữ, làm cho người nghe biết đủ, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát các trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ tám của cõi này tên là Hoan hỷ. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh có tâm thiện, thâm tâm, không sát sinh, trộm cướp, không bảo người làm, khuyên người đừng sát sinh trộm cướp. Thấy người sát sinh thì khuyên họ đừng sát sinh, không bảo người làm, thấy người làm không vui. Nếu phạm phải thì sám hối, xa lánh ác tri thức. Thế nào là không sát sinh? Thấy chim bị hại thì cứu nó thoát khỏi, không làm ác, làm thì sám hối, giữ giới không sát sinh, đem tiền chuộc mạng để chúng thoát chết, lại khuyên bảo người khác để họ vui vẻ. Thế nào là không trộm? Tất cả vua quan, người cai quản dân trong nước, ông chủ xóm làng, ông chủ nuôi gia súc hoặc chủ tướng ở biên cương ra lệnh bắt trâu dê, người ấy vì giữ giới nên không chịu bắt. Do nhân duyên này, sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi trời Hoan hỷ, ở trong vườn Hoan hỷ của cõi trời Tam thập tam. Lại có người nghe pháp, gặp pháp hội, trong sáu ngày trai giới nghe pháp thọ pháp, nhất tâm nghe pháp. Vị chủ pháp hội này sau khi qua đời, được sinh lên cõi trời. Trong các cách bố thí, pháp thí là cao nhất. Do nhân duyên này sinh lên vườn Hoan hỷ của cõi trời Tam thập tam. Ở đó thọ hưởng vô lượng diệu lạc cõi trời không thể nào ví dụ được. Giờ đây sẽ nói một phần nhỏ. Vườn ấy rộng ba ngàn do-tuần, có cây bằng bảy báu trang trí. Chư Thiên cõi Hoan hỷ không đến khu vườn khác nên gọi là vườn Hoan hỷ, đó là do công đức mà đặt tên. Cây ở vườn ấy đều là cây Như ý, chư Thiên muốn gì cây ấy lưu xuất, nếu chư Thiên nghĩ đến cung điện, muốn lên cung điện thì thấy điện bảy báu ngay trong rừng ấy. Cung điện này có một trăm trụ, trụ làm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích bảo, xa cừ. Lại muốn có đường đi êm ái để lên điện này, liền thấy có đường đi. Vào điện rồi, họ nghĩ: Trong điện này nên xây ao hoa sen thì sẽ có được các ao sen, có thiên nga, vịt trời, uyên ương màu sắc bảy báu. Lại nghĩ trong cung điện này phải có Thiên nữ ca múa vui chơi, liền có các Thiên nữ đến, mặc tình ca múa vui chơi, cung phụng; lại nghĩ ta phải nghe được kỹ nhạc trời, liền có ngọn gió thổi, lá cây va chạm nhau phát ra tiếng hay hơn nhạc trời, lại

nghĩ: Cung điện này phải có thức ăn, ngay lúc đó, cành cây nứt ra, lưu xuất dòng sông thức uống đầy đủ sắc, hương, vị; lại nghĩ ta phải có thức ăn cam lồ, vừa nghĩ là có thức ăn thượng vị, cam lồ, đầy đủ sắc hương vị. Thiên tử ăn no nê, rồi cùng các thiếu nữ nô đùa vui chơi, vào vườn Hoan hỷ. Thiên tử ở trong vườn Hoan hỷ thọ hưởng hoan lạc thắng diệu như thế. Từ cung điện đi xuống, mặt đất nở hoa sen, cọng bằng lưu ly, cành bằng vàng ròng, cọng sen mềm mại trông rất thích thú, đầy đủ sắc hương. Họ đi từng bước trên hoa sen, thọ hưởng mọi hoan lạc cõi trời, tha hồ thọ hưởng năm dục lạc. Tất cả các căn đều không biết nhàm chán cảnh giới. Nghĩa là mắt luôn tham sắc, xem ngắm đủ loại, yêu thích mãi, làm vui mắt, xem bao nhiêu sắc như vậy vẫn không nhàm chán, tai nghe tiếng hay vẫn không biết chán, mũi ngửi các mùi thơm rồi sinh ái dục không biết chán, lưỡi tham thức ăn ngon không biết chán, cứ thích tiếp xúc mãi không biết chán. Tất cả ý niệm đều là ái niệm, yêu thích thân mình, vui chơi trong vườn thọ hưởng dục lạc không biết chán. Cảnh giới là nền tảng, các căn là cái dùi, gió ức niệm thổi, tự cao là củi, lửa dục hừng hực, tham dục không thỏa mãn. Vì tâm ái dục nên ở trong vườn Hoan hỷ vui chơi thọ lạc. Thiên chủ Thích-ca đánh thắng A-tu-la trên núi Tạp bảo tụ, được ca tụng như trước đã nói. Đế Thích lại vào vườn Hoan hỷ bảo chư Thiên:

–Thiên chúng các ngươi hãy vui vẻ, vào vườn Hoan hỷ thọ hưởng năm thứ dục lạc, nô đùa vui chơi, ta cũng sẽ ở đây vui chơi thọ lạc. Ta đã đánh dẹp quân ma, Tỳ-ma-chất-đa-la và rồng ác. Tất cả chư Thiên và Thiên nữ hãy đến chỗ ta vui chơi, hưởng năm thứ dục lạc, thọ hưởng năm thứ dục lạc suốt bốn tháng mùa hạ.

Nói xong, Đế Thích vui mừng bảo Bạch tượng vương Y-la-bà-na:

–Ngươi hãy chuẩn bị, ta muốn cùng ngươi, chư Thiên chúng, các Thiên nữ vui chơi thọ lạc trong vườn Hoan hỷ. Ngươi hãy hóa thân để Thiên chúng ngồi trên đỉnh đầu, trên ngà đến núi rừng, vườn cảnh, ao hoa vui chơi giống như trước đã hóa hiện.

Nghe lời Thiên chủ, bạch tượng Y-la-bà-na hóa thân to lớn, thân có trăm đầu, đầu có mười ngà, mỗi đầu ngà có trăm ao tắm, mỗi ao tắm có ngàn hoa sen, mỗi hoa sen có ngàn cánh bằng bảy báu, đầu mỗi cánh hoa có ngàn con ong bảy báu, giữa mỗi cánh hoa có ngàn Thiên tử. Trên đầu voi có các Thiên nữ không trở ngại nhau, họ trỗi nhạc, đi trên hư không đến vườn Hoan hỷ. Hai bên hông voi hóa thành hai khu vườn:

1. Hỷ lâm.

2. Lạc lâm.

Trong vườn đó có đủ ao, sông, hoa sen, cây Như ý bằng bảy báu. Các Thiên tử vui chơi trong đó thọ hưởng năm thứ dục lạc. Thiên tử, Thiên nữ đông chật cả vườn.

Khi ấy, bạch tượng Y-la-bà-na giống như núi Tu-di chúa thứ hai, đến vườn Hoan hỷ. Trên lưng voi hóa ra thành lớn bằng phẳng êm ái. Thành ấy có đường đi, cung điện bảy báu và vườn rừng xinh đẹp giống như thành lớn Thiện kiến thứ hai. Hóa điện đó được làm bằng bảy báu, có một trăm trụ, trong điện có ao hoa. Thiên vương Đế Thích cùng các Thiên nữ vui chơi ở đó, tấu kỹ nhạc trời. Thiên vương Kiều-thi-ca ngồi trong xe lớn hướng đến vườn Hoan hỷ, thân không lay động như đỉnh núi Tu-di. Trong tai voi lại có ao hoa rộng mười do-tuần, ao thứ hai rộng mười một do-tuần. Ao thứ nhất tên Thậm thâm, ao thứ hai tên Thanh tịnh. Nước ao có tám công đức, luôn tràn đầy. Trong ao có hoa Ưu-bát-la, cọng bằng lưu ly, hoa bằng xích bảo, có nhiều loài ong, hoa nở đủ hương thơm cõi trời. Thiên tử, Thiên nữ ngồi trên tua hoa Ưu-bát-la vui chơi thọ lạc. Có Thiên tử rảy nước vui chơi, có Thiên tử lấy hoa vui chơi. Họ không biết mình ngồi trên con voi trắng đang đi. Đầu vòi voi hóa ra lầu gác rộng năm do-tuần, có đủ các loài hoa trang trí như hoa Mạn-đà-la… loài ong kêu rộn rã, đem lá ngưu đầu chiên-đàn che trên lầu gác. Lại có cây bằng vàng nở nhiều loại hoa che rợp. Các Thiên nữ ngồi trên tua hoa ca hát rất hay để khen ngợi Thiên vương. Vòi voi hóa ra lầu gác như vậy. Trong hóa sen trên bạch tượng vương lại có hoa sen rộng một do-tuần, có ngàn cánh. Cánh hoa đã rộng lại dài, hương thơm sực nức xông khắp mười do-tuần. Thiên tử, Thiên nữ vui chơi trên mỗi cánh hoa nhưng không thấy nhau. Họ vui chơi như thế mà không trở ngại nhau. Họ cùng Thiên vương đến vườn Hoan hỷ mà không biết đang ở trên voi đi, giống như ở trên đỉnh núi Tu-di. Trên đầu voi lại hóa ra núi lớn tên là Giới trang nghiêm, vì nó có nhiều cảnh giới: ao sông, cây vườn, hoa sen… để vui chơi hưởng lạc. Đó là ngọn núi lớn mà trên đầu Bạch tượng vương hóa ra. Trên ngà voi hóa ra rừng cây sáng rực như hàng ức mặt trăng, có nhiều hoa, đất màu trắng sạch như màu Tu-đà. Trong đó có nhiều loài ong kêu tiếng câu-sí-la và có vô lượng chim báu như khổng tước, mạng mạng. Vô lượng loài chim đó hóa sinh từ ngà voi. Chư Thiên vây quanh trên thân to lớn của voi, nó khỏe mạnh, bước đi vững vàng, không lay động, hướng đến vườn Hoan hỷ. Hai lỗ mũi voi hóa ra dòng nước như sông Hằng hà, sông Diêm-mâu-na ở Diêm-phù-đề từ đất chảy ra. Nước ấy trong sạch, mát mẻ không nhơ uế, từ trên chảy xuống, dòng nước từ mũi voi chảy ra cũng vậy. Rừng núi cây cỏ lá thuốc ở thế gian trong bốn cõi gặp lúc nắng hạn, lúa gạo vẫn phát triển là do trên lá cây có nước hiện ra, đó là sương. Nước trong

mũi voi từ hư không chảy xuống cách mặt đất xa, bị gió thổi tan thành hơi sương nhỏ. Ba cõi gọi đó là sương. Lại nữa, bạch tượng vương cõi trời nhả hơi sương rơi xuống, nó đi trong cõi trời, người đời xem thấy sắc trắng, ngoại đạo nói đó là đường đi của Thiên vương Nhân-đà. Có người nói đường đi của voi trắng vốn như dòng nước, nhờ gió nâng đỡ, ở giữa hư không như dợn nắng, vì cách xa nên không thấy rõ. Đỉnh núi lớn ở đầu voi có cờ phướn báu, bánh xe bằng lưu ly, lọng bằng vàng ròng, sáng rực như ánh sáng mặt trời. Trên cờ phướn cao treo lá phướn dài. Trong phướn đó phóng ra ánh sáng lớn. Các A-tu-la ở trong biển lớn thấy vậy, liền bảo nhau:

–Cờ phướn thù thắng của Thiên vương Đế Thích đã hiện.

Đế Thích cỡi voi trắng đến vườn Hoan hỷ. Thấy vườn cảnh, Đế Thích bảo chư Thiên:

–Các ngươi hãy xem, vườn cảnh này thật là thích thú.

Sau khi đánh thắng A-tu-la, Thiên chủ Thích-ca vui chơi trong vườn này. Cây trong vườn ấy thật đẹp. Đế Thích cùng chư Thiên cõi trời Tam thập tam vui chơi trong vườn ấy suốt bốn tháng mùa hạ. Các Thiên chúng thưa với Đế Thích:

–Chúng tôi sẽ tuân hành mọi mệnh lệnh của Thiên vương.

Nói xong, họ đã đến vườn Hoan hỷ. Thấy cờ phướn và voi trắng, chư Thiên, đang ở vườn Hoan hỷ thọ hưởng năm thứ dục lạc, đều rất vui mừng, ra nghênh đón Đế Thích, lễ lạy cung phụng, chắp tay để trên đầu, tấu nhạc trời, ca múa vui chơi vào vườn Hoan hỷ. Đế Thích bước xuống, cùng chư Thiên vào vườn Hoan hỷ. Tất cả Thiên chúng đều bước xuống, các Thiên chúng ở trên đầu voi, vòi voi, hai bên hông voi đều bước xuống vào vườn Hoan hỷ vui chơi thọ lạc. Chư Thiên ở trước và Thiên chúng đã cùng Thiên chủ đánh A-tu-la, vui chơi thọ lạc suốt bốn tháng mùa hạ. Đế Thích cùng các Thiên chúng vui chơi thọ lạc một thời gian như vậy. Thiên tử nào nghiệp thiện sắp hết thì qua đời, bị thoái đọa, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh trong cõi người luôn được an lạc, thông hiểu tất cả, khôi ngô tuấn tú, được mọi người yêu mến, sống ở nơi có ao hồ, rừng núi đẹp, làm chủ nước lớn, giàu có tự do là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Quan sát đại tượng vương Y-la-bà-na, do nghiệp gì được thân to lớn, sức thần thông lớn, đánh A-tu-la, được tiếng tốt? Do nghiệp gì thọ thân súc sinh? Dùng văn tuệ biết chúng sinh sống trong cõi trời đủ bảy vạn tuổi, vào đời quá khứ, trong bộ luận Bất-la-na-tỳ-đà, có một Bà-la-môn tu hành phước đức, thích bố thí cho người khổ não, nghèo cùng, mù đui. Vì tâm thiện thích bố thí, tạo lợi ích cho chúng sinh,

bấy giờ có vị vua tên Thiện Kiến vào ngày hội ra khỏi cung điện vui chơi giống như chư Thiên, có tám vạn bốn ngàn Bạch tượng vương lớn, che lưới vàng, treo linh báu giống như Đức Như Lai, trang trí các linh vàng, có tám vạn bốn ngàn thể nữ vây quanh, nghe tám vạn bốn ngàn âm nhạc, đi đến vườn vui chơi. Vua Thiện Kiến ấy oai đức vô thượng, thọ hưởng quả vui lớn.

Khi ấy, Bà-la-môn đủ oai đức đó đến chỗ vui chơi của vua Thiện Kiến. Bà-la-môn ấy tên là Tam-ma-đa. Thấy đại vương này đầy đủ oai đức, vua có voi trắng tên là Vân tụ, trang sức linh báu, đeo anh lạc bằng lưới chân châu. Đó là do vị thợ giỏi làm thành để trang sức cho con bạch tượng. Chúng ca múa vui đùa đến nơi vui chơi xinh đẹp vô cùng. Bà-la-môn Tam-ma-đa tự nghĩ: Voi trắng này hưởng mọi an lạc thù diệu, ta nguyện sẽ làm bạch tượng vương của Thiên đế Thích. Nhờ oai lực bố thí và phát nguyện, sau khi qua đời, vị ấy là con bạch tượng vương của Đế Thích. Quán xét xong, Tỳ-kheo nói kệ:

Như họa sĩ nghiệp này
Hoạt động khắp mọi nơi
Sức tâm vương rất lớn
Tạo ra các nghiệp báo.
Nhân duyên thù thắng chuyển
Tâm sai khiến khắp chốn
Ở mọi nơi mọi chốn
Đi trong rừng ba cõi.
Nghiệp của các chúng sinh
Tự do sai khiến tâm
Vì thế điều phục tâm
Đến được nơi bất thoái.
Lưu chuyển khó điều phục
Phan duyên khắp mọi nơi
Ai khéo điều phục tâm
Điều phục được an lạc.
Ai điều phục được tâm
Đoạn trừ các tội lỗi
Người dũng lìa tội ác
Không còn chịu các khổ.
Khổ não ở đời này
Hay khổ ở vị lai
Không thể điều phục được

Chính vì tâm khinh suất.
Trời, Rồng, A-tu-la
Địa ngục, quỷ, súc sinh
Tâm là người dẫn đường
Như vua đi ba cõi.
Tâm đưa đến cõi trời
Lại đi trong cõi người
Tâm đưa đến đường ác
Tâm lưu chuyển thế gian.
Tâm lưu chuyển hại người
Bị cảnh giới si dối
Ái nhận chìm chúng sinh
Chịu vô lượng khổ não.
Pháp ấy luôn che đậy
Sức lớn khó điều phục
Gây hại nhưng không thấy
Nhẹ nhàng lưu chuyển nhanh.
Người nào có trí tuệ
Điều phục được tâm này
Người ấy thoát lưới ma
Đạt đến bờ giải thoát.
Niệm quấy lại dua nịnh
Sâu xa rất nhanh lẹ
Chính tâm ác hiểm này
Đưa người đến đường ác.
Lìa tất cả các ác
Không bị căn sai khiến
Không vướng các pháp ác
Đạt đến nơi bất diệt.
Tâm từ nhân duyên sinh
Sở hữu từ tâm được
Duyên chuyển, trôi chảy nhanh
Lưu chuyển như thế đó.
Tạo ra tất cả nghiệp
Chịu mọi thứ quả báo
Tâm lưu chuyển vi tế
Không dừng một phút giây.
Không biết chỗ nó đi

Lại không có hình sắc
Đưa người đến chỗ nào
Đi trên con đường nào.
Đến rồi dừng ở đâu
Thân do nghiệp tạo nên
Thấy nghiệp do tâm tạo
Nhưng không thấy người tạo.
Tâm này khó điều phục
Không thể thấy hình tướng
Hại tất cả chúng sinh
Mù đui tạo các nghiệp.
Tâm tánh này như huyễn
Từ ác chịu quả ác
Tâm tánh này như huyễn
Khó biết chỗ nó đi.
Có khả năng đưa người
Đến vô lượng sinh tử
Dao không thể cắt được
Lửa cũng không đốt được.
Tâm này tuy không mắt
Gây hại hết mọi người
Dây nghiệp rất chắc chắn
Trói khổ não cho người.
Chịu trăm ngàn sinh tử
Dẫn dắt không thấy được
Phút chốc tạo nghiệp thiện
Bất chợt tạo nghiệp ác.
Tâm tạo thiện, bất thiện
Ai điều phục được vui
Sáu căn, duyên cảnh giới
Tham mãi không biết nhàm
Không biết tâm đưa đến
Đường ác chịu khổ đau.

Tỳ-kheo quan sát vị Bà-la-môn đó tạo nghiệp thiện lớn nhưng nguyện ấy nhỏ bé, suy xét mình, tự đề phòng tâm mình. Do niềm tin đó được thân trời, hoặc thoát khỏi sinh tử, bị tâm sai khiến, đọa trong loài súc sinh, đó là do sức từ nguyện lực của tâm.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát

các trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ chín của cõi này tên là Quang minh. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết người giữ giới, khuyên dạy người khác không làm ác, không dạy người làm, thấy ai làm khuyên họ bỏ, tự giữ giới, khuyên người giữ giới, chắc chắn không thiếu, làm cho giới đức thanh tịnh, không sát sinh, không trộm cướp. Thế nào là không sát sinh? Thấy vùng đất nào có nhiều chúng sinh, vì giữ giới nên không đào xới, không bảo người đào, hoặc biết chỗ ở của bò cạp, kiến, ễnh ương, hoàng dứu thì không đào xới tổn hại, khuyên người đừng làm. Thấy người thọ giới hay không thọ giới mà làm ác thì khuyên họ sám hối. Thế nào là không trộm cướp? Không trộm lấy đất của người, chỗ của thợ gốm, chỗ của người khác cho đến bùn đất, không bảo người lấy, làm cho người khác sống trong giới, thấy người trộm thì không vui theo, khuyên người ấy đừng làm. Đó là không sát sinh, không trộm cướp. Sau khi qua đời, người giữ giới này được sinh lên cõi Quang minh, tâm luôn vui vẻ, ca múa vui chơi thọ lạc. Ánh sáng nơi thân luôn chiếu soi các Thiên chúng. Có nhiều người vui chơi trong vườn. Người giữ giới thứ nhất sinh lên cõi trời này. Người làm lành hưởng quả báo vui này. Vườn ấy có lưới vàng che trên, treo linh báu lưu ly phát ra tiếng hay. Đó là do nghiệp thiện tạo thành. Thấy Thiên tử, trong linh báu phát ra tiếng ca tụng: Hay thay! Thiên tử! Ông đã biết. Người tu thiện nói kệ tịch tĩnh:

Khéo thanh tịnh tâm, giữ giới cấm
Giữ gìn giới cấm giờ được vui
Giữ gìn tất cả các giới cấm
Sau đạt Niết-bàn, được quả vui.
Hoặc lấp đường ác, đến cõi lành
Nên người giữ giới sau được mát
Người giữ giới cấm lúc lâm chung
Tâm tư an ổn không lo sợ.
Ta không lo sợ con đường ác
Nhờ giữ tịnh giới cứu giúp được
Ông nhờ khéo léo giữ giới cấm
Giờ sống cõi trời, chớ buông lung.

Nhờ nghiệp thiện dây linh phát ra tiếng kệ để giác ngộ tâm Thiên tử ấy, làm cho Thiên tử không phóng dật. Có những Thiên tử đã từng giữ giới trong nhiều kiếp đến nay, nghe pháp này thì giữ giới trong một thời gian ngắn, không sống phóng dật, chư Thiên nào không giữ giới trong nhiều đời đến nay thì sống phóng dật, không tự biết, dù nghe chánh pháp vẫn sống phóng dật, xa lánh tiếng giác ngộ của dây linh. Họ lại đến khu rừng khác.

Rừng này được trang trí bảy báu, ở trong rừng Quang minh. Chu vi rừng này là ba ngàn do-tuần, trừ bốn nơi và thành Thiện kiến ra, không có rừng nào hơn. Bốn góc rừng có bốn cây Như ý bằng lưu ly trong sạch không vết nhơ. Ánh sáng của nó chiếu khắp một do-tuần sáng rực như mặt trời, chiếu xa đến trăm ngàn do-tuần. Thiên tử, Thiên nữ ngồi trên cành cây vui chơi hưởng lạc. Họ muốn gì thì cây ấy sinh ra. Giữa bốn cây ấy có rừng Quang minh, ao sen bằng vàng, bạc, lưu ly dùng để trang trí cây ấy, rực rỡ như màu dung kim. Mọi nơi đều có vị cam lồ, trong sạch không nhơ, tinh khiết thơm ngon. Nhờ oai lực lớn nên được vị Tu-đà. Lại có nhiều loại chim trông thật đáng yêu, hót tiếng rất hay, đầu bằng vàng ròng, cánh bằng bạch ngân, ngực bằng lưu ly, mỏ bằng xích bảo, mắt bằng liên hoa bảo. Các loài chim ấy dùng để trang trí. Trên cây vàng có chim vàng ròng, trên cây vàng ròng có chim bạch ngân, trên cây lưu ly có chim xích liên hoa, trên cây xích liên hoa có chim ngọc báu xanh. Chim chóc uống nước, ăn trái. Trên cây bảy báu có chim sắc bảy báu vui đùa. Lại có các loài ong giống như hoa xích bảo. Do tạo các nghiệp nên thọ thân ấy. Chúng ở trong hoa sen vui chơi thọ lạc. Trong cây ấy có đủ tất cả các công đức, Thiên tử, Thiên nữ vui chơi trên cây. Khu rừng ấy có đủ các công đức cõi trời.

Lúc A-tu-la đánh nhau, Thiên vương Thích-ca bảo Thiên chúng:

–Hãy mau sửa soạn, quân A-tu-la đang não loạn chư Thiên trên đỉnh núi Nhạo kiến.

Nghe lời ấy, chư Thiên cõi trời Tam thập tam đến rừng Quang minh, tất cả Thiên chúng cùng Thiên đế Thích vào giữa bốn cây ấy. Trong vườn Quang minh, cây lưu ly trong sạch như gương sáng, họ soi thấy tướng mình, tự biết đánh thắng hay không, hoặc thấy thân bị tổn hại. Ngay trong cây ấy, họ thấy thân mình hoặc bị đánh, gây hại, hoặc bị chặt đứt rồi lại sinh ra. Nếu bị chặt đầu hoặc mình thì chết ngay. Ngay trong cây ấy, họ thấy tất cả mọi việc, họ liền thưa với Thiên tử là "Nên tránh tai họa sẽ được đại lợi, A-tu-la gây hại Thiên tử này." Nghe thế, Thiên đế Thích bảo:

–Đại tiên! Ông chớ đánh nhau, nếu không sẽ bị hại, bị chết oan.

Các Tỳ-kheo! Hãy suy xét, quan sát trong cây cõi trời, thấy được tướng suy đọa. Dùng văn tuệ biết được người có tâm bi thấy đồ tể muốn giết chúng sinh thì làm cho chúng thoát chết. Do quả báo đó, soi trong cây Quang minh thấy được thân tướng.

Chư Thiên lại đến khu rừng Tạp lâm trong rừng Quang minh. Rừng này được trang trí cây Như ý. Vào rừng này ai cũng tự suy xét: Thiên, A-tu-la ai mạnh hơn? Do oai lực gì chư Thiên được thù thắng? Do oai lực gì

A-tu-la được thù thắng?

Khi ấy, Thiên đế Thích bảo chư Thiên: Người thực hành chánh pháp được sinh lên cõi trời. Người cõi Diêm-phù-đề vào lúc kiếp sơ thực hành thập thiện đạo, hoặc dạy cho người khác, hộ trì thân, khẩu giữ bảy chi giới không thất thoát, bền chắc không dối trá. Chúng sinh ấy, sau khi qua đời được sinh lên cõi trời. Giống như túi da đựng đầy cát nhưng không cột miệng túi, có người khỏe mạnh trút cát ra rất nhanh, vào thời kiếp sơ người sinh lên cõi trời cũng vậy, nên thế lực chư Thiên phát triển, còn thế lực của A-tu-la giảm thiểu, chư Thiên sống ở đỉnh núi Nhạo kiến có thể ngăn chận được A-tu-la. Về sau do con người làm việc ác, giới bị thất thoát, không kiên cố, ít làm lành nên người Diêm-phù-đề sau khi qua đời được sinh lên cõi trời giống như quả Am-la lúc sắp chín, có người mạnh khỏe lay động thân cây trái cây rụng ít, người sinh lên trời cũng vậy. Lại vào lúc khác người tạo nghiệp nhơ uế, không giữ giới của thân, ngữ, giới không kiên cố, không thanh tịnh, không tu tập thường xuyên, nên sau khi qua đời ít được sinh lên cõi trời. Giống như trái cây Tỳ-la lúc chưa chín, có người ốm yếu lay động thân cây nhưng cây không rung động, giả sử có lay động thân được thì trái cây ít rụng, trái nào chín mới rụng, trái không chín không rụng. Chúng sinh vào thời kiếp mới sinh lên trời nhiều, còn chúng sinh vào thời sau này sinh lên trời ít cũng như vậy. Đó là vì nghiệp nhơ uế, phá giới cấm. Chư Thiên các ông đừng sống phóng dật. Ai sống phóng dật thì A-tu-la tăng trưởng, chư Thiên tổn giảm. Chúng sinh đời này phần nhiều thực hành phi pháp, không có giới pháp, không giữ bảy chi giới của thân, ngữ, dối gạt người khác làm cho họ buồn giận, không hiếu dưỡng cha mẹ, không kính sư trưởng, không thuận pháp hành, sau khi qua đời đọa vào địa ngục. Giống như túi da đựng đầy cát nhưng không cột miệng túi, có người khỏe mạnh trút cát ra rất nhanh, chúng sinh đời nay tạo nghiệp bất thiện sinh vào A-tu-la cũng như vậy. Chúng sinh nào giữ bán phần giới về thân, ngữ thì sau khi qua đời sinh vào loài A-tu-la hoặc được sinh lên cõi trời ví như trái cây am-la, có người khỏe mạnh lay động thân cây, nếu trái chín thì vừa lay là rụng, còn trái chưa chín thì lay động nhưng vẫn không rụng. Chúng sinh tạo tạp nghiệp cũng vậy, hoặc sinh lên trời, hoặc đọa vào địa ngục, hoặc có người sinh vào loài A-tu-la. Nếu chúng sinh nào suốt đời hành bất thiện, không hiếu dưỡng cha mẹ, không thuận pháp hành, không kính sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn, không giữ gìn giới của thân, ngữ sau khi qua đời đọa vào địa ngục, hoặc sinh vào loài A-tu-la, thế nên làm cho quân A-tu-la thêm sức mạnh, thế lực chư Thiên giảm thiểu. Tuy là như thế, giờ đây ta có thể chiến thắng A-tu-la, không phải là Thiên

chúng khác. Ngươi hãy suy xét thực hành theo chánh pháp, dù đời nay hay đời sau luôn giữ gìn chánh pháp. Trong các oai lực pháp lực là hơn hết, không có gì sánh bằng, ngươi hãy suy xét, nghĩ nhớ chánh pháp, cố gắng đánh dẹp A-tu-la.

Nghe Đế Thích dạy thế, chư Thiên thưa: "Chúng tôi sẽ vâng lời dạy của Thiên vương.

Nói xong, họ đến rừng Giáp Trụ. Trong cây ấy lưu xuất loại áo giáp không gì hại được. Người mặc áo giáp này không ai địch nổi, ánh sáng chiếu rọi như mặt trời mọc. Ánh sáng núi Ưu-đà-diên chiếu soi cũng thế. Họ đến núi Nhạo kiến dàn trận đánh với A-tu-la như trước đã nói. Chư Thiên trụ trong rừng Quang minh cùng nhau vui chơi, thọ hưởng năm dục lạc, tâm ý buông lung. Trong rừng lưu ly, vàng ròng, xích bảo có đủ hoa trái, chim chóc hót tiếng rất hay.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát các chim thú của cõi trời Tam thập tam, đủ màu sắc, trang sức đủ loại, thân hình, âm thanh, cánh báu khác nhau, vui chơi thọ lạc trong rừng. Quan sát như thật biết được nhân quả của nghiệp vi tế. Dùng văn tuệ biết chúng sinh làm thợ vẽ, tuy nhận làm thuê nhưng không có tâm dối trá, vẽ tăng phòng giảng đường, tinh xá cho người tu phước, màu sắc tươi sáng. Dùng các màu sắc như xanh, vàng, đỏ, pha lẫn vẽ tháp Phật, tinh xá, cổng, gác, hoặc vẽ núi cây, người, rồng, chim, thú, sư tử, cọp, nai, vườn cây, thành quách, ao tắm, nơi vui chơi, ao hoa sen, xây chỗ ở cho Sa-môn, Bà-la-môn, quân lính để cúng dường Phật, vì để trang trí các hình tượng, người làm thuê hoặc khắc chạm, hoặc dùng bùn cây, vàng, bạc, đồng tạo lập các hình tượng. Sau khi chết, vị ấy được sinh lên cõi trời thọ thân chim. Vì tạo tạp nghiệp nhưng không giữ giới nên thọ thân chim, hoặc làm con nai, ong luôn hưởng hoan lạc. Thọ quả tương xứng với nghiệp đã gây giống như diệu lạc mà chư Thiên thọ hưởng. Kẻ vô trí tạo nghiệp tuy có suy nghĩ nhưng không có trí nên thọ thân ngu si, hưởng diệu lạc vui chơi trong vườn cây cõi trời, trên đỉnh núi, giống như chạm khắc ngà voi, vàng, bạc, theo sự yêu cầu của người, như dấu in vật. Ở trong vườn cây sinh ra vô lượng màu sắc giống như màu sắc trước đã vẽ. Chư Thiên vui chơi, ca múa thọ hưởng diệu lạc ở trong rừng Quang minh. Khi nghiệp thiện hết, vị trời cõi Quang minh bị thoái đọa, lưu chuyển theo nghiệp, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu còn nghiệp thiện khác được sinh vào cõi người, luôn được an lạc, hoặc được làm vua, quan, được mọi người cung phụng, thích du ngoạn, thích lễ hội, tâm luôn vui vẻ, khôi ngô tuấn tú, mặc tình ăn uống vừa ý, luôn được

an vui, người khác không xâm đoạt được, đầy đủ giường nệm, đồ nằm, vườn cây, nơi vui chơi, nô tỳ, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát các trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ mười của cõi này tên là Ba-lợi-da-đa. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết người tịnh tín, vì cha mẹ mà đem những vật, y phục, thức ăn, giường nệm, thuốc thang bố thí, lại khuyên người khác không giết chúng sinh, dù là con trùng, con kiến cũng không sinh tâm giết hại. Nếu thấy trái cây bị trùng ăn thì không ăn trái đó để giữ mạng sống của nó, thấy ai ăn trái đó thì khuyên họ đừng ăn, tự giữ giới, khuyên người giữ giới. Thế nào là không trộm? Không lấy vật sở hữu của người khác dù là rễ cây, trái cây hoặc vật ở trong rừng, trong đất trống, mình không lấy, khuyên người khác không lấy. Người tự lợi, lợi tha này sau khi qua đời được sinh lên trong vườn cây cõi Ba-lợi-da-đa. Cây ở cõi Ba-lợi-da-đa thù thắng nhất. Nhìn trong cây ấy có thể thấy được các hình tướng thiện, bất thiện của người Diêm-phù-đề. Nếu người cõi Diêm-phù-đề tùy thuận pháp hành thì hoa trái của cây ấy có đủ. Vì người Diêm-phù-đề thuận pháp hành nên ánh sáng của hoa chiếu soi trăm do-tuần. Chư Thiên cõi trời Tam thập tam luôn vui vẻ sống xung quanh đó. Hoa trái của cây Ba-lợi-da-đa tươi tốt sum suê là biết người Diêm-phù-đề hiếu dưỡng cha mẹ, cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, các bậc kỳ túc, nên hoa trái cây này tươi tốt. Trong bốn tháng mùa hạ các Thiên chúng vây quanh cây này vui chơi thọ lạc. Nếu hoa của cây Ba-lợi-da-đa chỉ nở một nửa thì chư Thiên ít vui vẻ, biết cõi Diêm-phù-đề ít người giữ giới nên hoa chỉ nở một nửa. Nếu tất cả mọi người đều hành phi pháp thì hoa của cây Ba-lợi-da-đa rụng hết, màu sắc tàn úa, không có ánh sáng cũng không có hương thơm. Ví như vào mùa đông mây, sương che mặt trời, ánh sáng không hiện rõ, nhìn không chói mắt. Ánh sáng cây Tỳ-đa-la Ba-lợi-da-đa rất ít, hương thơm tổn giảm, hình sắc tàn úa. Thấy việc này chư Thiên thưa với Đế Thích:

–Thiên vương! Xin biết cho, ánh sáng nơi cây Ba-lợi-da-đa tổn giảm, hương thơm mất dần, tất cả oai đức đều không như cũ. Nhất định là người cõi Diêm-phù-đề không hiếu dưỡng cha mẹ, không kính Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc kỳ túc.

Nghe vậy, Đế Thích cùng Thiên chúng đem tượng báu cung kính, cúng dường, tôn trọng khen ngợi hình tượng Như Lai, niệm công đức của Phật, bảo các Thiên chúng:

Hoa lá của cây Ba-lợi-da-đa cây Tỳ-đa-la rơi rụng, chúng ta hãy đến

gốc cây ấy, các ngươi hãy sửa soạn, ta sẽ thỉnh tháp Như Lai, hình tượng Thế Tôn đến đó, dùng hương xoa, hương bột cõi trời để cúng dường Thế Tôn.

Nghe lời dạy của Đế Thích, vô lượng trăm ngàn chư Thiên chúng đến chỗ Đế Thích.

Khi ấy, Đế Thích đặt tượng Như Lai lên thiên quan, đội đi đến vườn Ba-lợi-da-đa. Thấy Thiên chúng đó không ai vui vẻ, vì lá cây Ba-lợi-da-đa rụng, mất hết ánh sáng vốn có nên họ không vui, Đế Thích đặt tượng Như Lai trên tòa lưu ly trong đất bảy báu dưới gốc cây. Tất cả Thiên chúng đều sinh tâm kính ngưỡng, đem các hoa Ma-lô-ca, Mạn-đà-la, Ma-ha Mạn-đà-la, Câu-xa-da-xá cõi trời để cúng dường, lấy nước thơm tắm tượng Như Lai. Cúng dường xong, bảo các Thiên chúng:

–Hãy phát tâm kính tin, bỏ tham lam ganh ghét, bỏ phóng dật. Đức Phật Như Lai là Đại sư trong ba cõi và còn có chánh pháp và Thánh chúng của Phật.

Nghe Đế Thích nói, tất cả Thiên chúng đều phát tâm kính tin, đảnh lễ tượng Như Lai, Bậc Thiên Trung Tôn. Đế Thích nói kệ khen ngợi:

Như Lai giải thoát độc tham ái
Thương yêu tất cả các chúng sinh
Từ lâu đã vượt biển sinh tử
Nam-mô, Nam-mô, Nhất Thiết Trí.

Đế Thích chắp tay cung kính hướng về Như Lai, các Thiên chúng cũng quỳ gối chắp tay, nói kệ khen Phật:

Như Lai dứt hết dục, tham, sân
Xa lìa tất cả những ưu não
Bậc Thầy Vô Thượng của chúng sinh
Nam-mô, Nam-mô, Nhất Thiết Trí.

Nói kệ xong, tất cả Thiên chúng vây quanh cây cung kính Đức Như Lai, phát tín căn rộng lớn. Nhờ tâm thiện thanh tịnh nên chánh pháp tăng trưởng, tất cả Thiên chúng cúng dường tượng Phật, khi ấy cây Ba-lợi-da-đa đâm chồi, lá mới cũng sắp mọc, thấy vậy chư Thiên vui mừng khôn xiết. Chẳng bao lâu hoa, lá của cây dần dần trở lại như xưa, ánh sáng chiếu khắp một trăm do-tuần, hương thơm cũng thế, màu lá như sắc mây, các loài ong vây quanh, sắc tượng tươi đẹp, các Thiên chúng vây quanh ánh sáng rực rỡ như mặt trời thứ hai, thấy được oai đức xưa. Hương hoa xông khắp một trăm do-tuần, cành cây che mát một trăm do-tuần, rễ cây cũng thế. Tất cả Thiên chúng đều vui mừng. Ánh sáng, hương thơm của cây trở lại như xưa.

Ví như trong sáu vạn ngọn núi, núi Tu-di cao nhất. Trong các cây, ánh sáng của cây Ba-lợi-da-đa sáng nhất. Thấy ánh sáng oai đức sung mãn, thù thắng, rực rỡ, chư Thiên cõi trời Tam thập tam đều vui mừng, nói với nhau: Các Thiên tử có thấy thế lực rộng lớn của Phật không? Ánh sáng, hương, hoa lá của cây thiên thọ vương này đã đầy đủ như xưa. Thấy thế lực, ánh sáng của cây càng thù thắng, chư Thiên cõi trời Tam thập tam cắt đứt lưới nghi. Người Diêm-phù-đề tu hành theo chánh pháp, tâm niệm pháp thù thắng, quân ma tổn giảm, phi pháp, rồng ác, A-tu-la không thể phá hoại. Người thực hành đúng pháp làm cho chánh pháp tăng trưởng, Thiên chúng không tổn giảm không còn yếu kém trong hàng Thiên nữ, quân ma ít dần, Thiên chúng có thế lực lớn. Nhờ tướng của cây mà biết chư Thiên có oai đức lớn.

Đã nói xong mọi việc của cõi trời Tam thập tam. Bấy giờ, Thiên vương Hộ thế từ cõi Diêm-phù-đề đến vườn cây Ba-lợi-da-đa của cõi trời thứ hai, thấy chư Thiên cõi trời Tam thập tam ở dưới cây Ba-lợi-da-đa cúng dường Như Lai bằng tâm thanh tịnh, thân Hộ thế phóng ánh sáng, đến nơi, cúi đầu lạy Đế Thích, thưa:

–Thiên vương! Giờ đây chư Thiên hãy hoan hỷ, tất cả muôn dân cõi Diêm-phù-đề tùy thuận pháp hành, cung phụng cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, cung kính các bậc kỳ túc.

Nghe vậy, chư Thiên đều hoan hỷ cúng dường Hộ thế.

Hộ thế nói:

–Ông đã làm cho ta vui, ông cũng sẽ như vậy, luôn được an vui. Đó là nhờ khuyên người Diêm-phù-đề thuận hành chánh pháp.

Nghe Hộ thế nói vậy, chư Thiên lại thiết lễ cúng dường. Cúng dường xong, thỉnh tượng Như Lai về Thiện pháp đường. Chư Thiên ở cây Thiên thọ vương cùng Đế Thích trở về vườn cây Ba-lợi-da-đa, vui chơi, thọ lạc cõi trời suốt bốn tháng mùa hạ, các Thiên nữ vây quanh vui chơi thọ lạc suốt bốn tháng mùa hạ. Nếu Thiên tử nào qua đời ở đây thì lưu chuyển theo nghiệp, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu còn nghiệp thiện khác thì được sinh trong cõi người, khôi ngô tuấn tú, ai cũng thích nhìn, tâm luôn vui vẻ, an lạc, không buồn, được mọi người yêu mến, luôn ca múa vui chơi. Tất cả người nữ thấy được đều yêu kính, hoặc được làm vua, quan, là nhờ dư báo.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 28

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 7)

TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 4)

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quán xét các trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ mười một của cõi này tên là Ly hiểm ngạn. Do những nghiệp gì, chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết người giữ giới, lợi ích cho chúng sinh, huân tập tâm bằng phước đức, hoặc người có công đức giữ giới bằng trí tuệ, hoặc cho người bệnh một bữa ăn. Không sát sinh, hoặc trong bộng cây có trùng, kiến và các loại trùng mọn mạy, hoặc người chăn bò, dê, voi, ngựa, lừa, lạc đà, vào mùa đông băng tuyết sương rơi phóng lửa đốt ở đồng trống thì người thiện lấy nước dập lửa, khuyên đừng làm, mình không cố ý làm, nếu làm thì sửa đổi, không vui theo, nói việc lo sợ để người trụ trong pháp thiện, làm cho chúng sinh trụ trong thiện pháp, không trộm cướp, không khuyên người trộm. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên cõi trời Ly hiểm ngạn. Đất ấy có những tòa nhà bằng vàng, bạc, xích bảo. Do các tạp nghiệp nên có các tạp bảo vàng bạc xen lẫn, được trang trí bằng các cây báu chim muông. Khắp nơi đều có các loại chim muông. Khắp cõi Ly hiểm ngạn đều có vườn rừng, trang trí vô lượng châu báu. Họ rời cõi Ly hiểm ngạn, ở trong rừng này, trang sức vật dụng sáng rực như màu dung kim. Có trăm ngàn Thiên nữ vây quanh thọ hưởng dục lạc. Tùy theo trụ xứ thân họ phóng ánh sáng, ánh sáng của cây cũng như thân trời. Họ vui chơi hưởng lạc trong rừng này, cùng các Thiên nữ đến Hà lâm. Hai bên bờ sông có nhiều cây vàng, lá bằng vàng ròng. Do ánh sáng của cây nên nước sông có màu vàng đều trở thành màu trắng, nhưng nước sông chảy xiết nên không thấy màu trắng. Thiên tử, Thiên nữ vui chơi hưởng lạc trong vườn cây. Họ nghĩ: Cây này nên lưu xuất thức uống ngon. Nhờ nghiệp thiện nên cây lưu xuất các thức uống ngon theo ý muốn của họ. Thức uống đó được đựng trong các vật báu đầy đủ sắc, hương, vị. Họ uống thức uống thượng vị cõi trời, hưởng hoan lạc cõi trời. Thấy các Thiên nữ bị lửa ái thiêu đốt nhưng vì hoan lạc

che lấp nên không hay biết, Thiên tử lại nghĩ: Ta muốn nghe các thứ âm thanh. Nhờ nghiệp thiện, ngay lúc đó có gió thổi động rừng cây phát ra âm thanh hay hơn năm thứ âm nhạc. Thiên tử lại nghĩ: Cây này nên lưu xuất thức ăn cam lồ. Nhờ nghiệp thiện, thân cây giống như cái bình tạo ra mùi vị thạch mật không gì sánh bằng. Thiên tử ăn uống, ca hát rất hay, rồi đến đất báu, quan sát chiêm ngưỡng luôn nghĩ đến dục lạc. Họ đến đó hưởng năm dục lạc. Bỏ vùng này họ lại đến Phổ lâm. Trong đó có bảy loại chim, thiên nga bằng vàng ròng và bảy báu, oanh vũ bằng báu nhân-đà xanh, uyên ương có cánh bằng xích bảo, vịt trời bằng lưu ly, khổng tước bằng báu xanh xa cừ, mạng mạng bằng báu xanh, Ca-lăng-tần-già bằng san hô, bạc. Tiếng hót rất hay như tiếng chim bà-cầu, mọi người thích nghe. Chúng bay vút trên không, nô đùa vui chơi, hót tiếng rất hay như giọng ca của Thiên nữ. Trong ao hoa sen có nhiều ong vui chơi, chúng lại bay nhảy vui chơi trên mặt đất. Lại có cây bằng vàng đủ các loại lá sáng rực cả thân chim. Thấy các loài chim chư Thiên phát tâm hoan hỷ, nghe tiếng chúng hót tâm ý vui vẻ. Thiên tử đi trên hư không vui chơi với chim, hoặc vào trong nước vui chơi với chim, hoặc ở trên mặt đất vui chơi với chim. Thiên tử, Thiên nữ vui chơi, từng bầy chim cũng vui chơi thọ lạc. Quán xét các loài chim thọ hưởng diệu lạc cõi trời, Tỳ-kheo nói kệ:

Súc sinh hành dục
Là do ngu si
Chư Thiên nếu thế
Chẳng khác súc sinh.
Người hưởng diệu lạc
Không thích phóng dật
Người trí tuệ này
Khác với kẻ ngu.
Phóng dật từ trời
Cho đến địa ngục
Bậc trí dạy thế
Phóng dật như độc.
Kẻ ngu phóng dật
Đắm vui hiện tại
Quả phóng dật chín
Về sau hối hận.
Quán xét phóng dật
Không chút lợi ích
Ai bỏ phóng dật

Không có ưu não.
Phóng dật khổ lớn
Không phóng dật vui
Xin nói tóm lược
Hãy bỏ phóng dật.
Người khổ vì ái
Là sống phóng dật
Thích hành phóng dật
Không có quả vui.
Không sống phóng dật
Đến chỗ bất thoái
Không sống phóng dật
Không có quả khổ.
Những Thiên chúng này
Vui với loài chim
Chư Thiên, súc sinh
Không hề sai khác.
Cảnh giới, thân, ý
Tất cả đều hoại
Trời, người, phi nhân
Địa ngục, ngạ quỷ.
Ý nghiệp đều khác
Nghiệp khác cõi khác
Các nghiệp đều khác
Cảnh giới cũng vậy.
Tất cả tạp nghiệp
Sinh ở cõi trời
Tham đắm phóng dật
Chẳng biết thoái đọa.
Tướng chết đã đến
Người phải tự biết
Cõi trời thoái đọa
Chịu khổ não lớn.
Bị si gây hại
Phóng dật lừa dối
Chư Thiên khát ái
Đọa vào địa ngục.
Ham chơi tự dối

Đọa vào địa ngục
Hưởng diệu lạc trời
Sau chịu khổ lớn.
Bị tâm mê hoặc
Không chán sinh tử
Bị ái lừa dối
Từ khổ vào khổ.

Tỳ-kheo nói kệ chê trách các Thiên tử phóng dật, tham ái năm dục, không biết nhàm chán như lửa gặp củi. Đến khi nghiệp thiện hết, từ cõi trời vị ấy thoái đọa, lưu chuyển theo nghiệp, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu còn nghiệp thiện khác được sinh trong cõi người, luôn được an lạc, ăn uống đầy đủ, đất nước giàu có an vui, ngũ cốc dồi dào, hoặc được làm vua, quan, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát các trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ mười hai của cõi này tên là Cốc nhai ngạn. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết người có tâm thiện, tu hành phước đức, cúng dường thức ăn cho người đắc thiền thứ nhất, khuyên người cúng dường thức ăn, cúng xong vui mừng, khuyên người vui mừng, đó là bố thí. Không sát sinh, không trộm cướp, nên khi có người đi đường thì đào giếng, khơi ngòi, cung cấp nước, vật uống nước, cung cấp chi phí đi đường. Lại có người khác bảo trộm lấy để đi qua đồng trống, nếu không sẽ bị khát, người ấy tuy biết việc chết khát, nhưng vì sợ phạm tội nên không nhận lời, không trộm tài vật, cũng không vui theo, khuyên người không lấy, làm cho họ sống trong pháp lành, thậm chí mất mạng cũng không phạm tội trộm cướp. Thế nào là không sát sinh? Mình không sát sinh, khuyên người không sát sinh, khinh chê việc sát sinh. Nếu trên cửa sổ, cửa đi, xà ngang có trùng nhỏ, muốn đốt nhưng sợ tổn thương sinh mạng của chúng, không đóng cửa sở, cửa đi. Đó là không sát sinh. Khuyên người không sát sinh, sống trong pháp lành. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên trụ xứ Cốc nhai ngạn ở cõi trời Tam thập tam, hưởng quả báo của nghiệp thiện. Nơi ấy có rừng cây tên Tùy thời chi. Rừng này có các báu sáng rực như lưu ly xanh… trong sạch không nhơ uế. Các loài chim hót tiếng rất hay, hoa luôn nở, có các sông suối, ao hồ trang trí, hoa sen bằng lưu ly xanh, ngọn núi vàng rực sáng như màu vàng ròng. Các loài chim tạp sắc vui chơi trong đó, hoặc chơi trên đất, trong nước, trên núi, trong hang núi hiểm, hót tiếng lảnh lót. Đó là do nghiệp thiện hóa sinh. Hưởng quả báo của nghiệp thiện, các Thiên nữ vây quanh trang sức vòng hoa, y phục cõi trời, sắc tướng oai đức xinh đẹp khác

thường. Họ vui chơi ca múa trong rừng ấy. Nhờ nghiệp thiện, chim chóc trong rừng nói kệ:

Chúng sinh tạo nghiệp lành
Hưởng diệu lạc cõi trời
Ai tạo nghiệp bất thiện
Chịu quả khổ địa ngục.
Đã sinh ở cõi trời
Mà có thể giác ngộ
Từ vui được quả vui
Không bị ái mê hoặc.
Dây nghiệp trói chúng sinh
Ở trong ngục ba cõi
Nghiệp lực tự do chuyển
Như trục quay căm xe.
Lưu chuyển trong ba cõi
Tám phương cùng trên dưới
Gió nghiệp lực thổi động
Như bụi trong hư không.
Do nhân duyên sinh khởi
Như hoa sen xinh đẹp
Sự trang sức cõi trời
Đều do nghiệp thiện sinh.
Ví như nước trong sạch
Như hư không chẳng bụi
Tâm thanh tịnh như thế
Đạt đến nơi an lạc.
Người giải thoát ba buộc
Hộ trì được năm căn
Người xa lìa một pháp
Hưởng diệu lạc cõi trời.
Người không có hổ thẹn
Ác tri thức hung hăng
Như độc, lại như lửa
Người trí nên lánh xa.
Luôn luôn thích gần gũi
Người chân thật hành thí
Thương xót các chúng sinh
Đường này sinh cõi trời.

Trực tâm không dua nịnh
Bố thí, tu thiền định
Nhờ nghiệp nhân của mình
Sinh lên cõi trời này.
Chúng sinh ở thế gian
Đều do pháp, phi pháp
Cứu giúp không gì hơn
Là thực hành chánh pháp.
Người nào bỏ chánh pháp
Thích tạo nghiệp bất thiện
Bị ác nghiệp thiêu đốt
Chịu khổ não vô cùng.
Đã được sinh lên trời
Nếu buông tâm phóng dật
Nghiệp thiện người ấy hết
Khi đọa lạc mới biết.
Cứu cánh lạc thù thắng
Không sinh cũng không chết
Lưới chết nhốt chúng sinh
Không có nơi an lạc.
Tùy theo chỗ thọ lạc
Tâm ái càng tăng trưởng
Lửa ái thiêu chúng sinh
Chịu quả khổ địa ngục.
Việc chư Thiên không làm
Là không sống phóng dật
Phóng dật hơn độc hại
Thoái đọa mất cõi trời.

Lúc chim nói pháp này, tâm Thiên tử tán loạn, nhớ đến các Thiên nữ nên không nghe, không thọ lãnh pháp lợi ích này, tâm ý đam mê khát ái năm dục, vui chơi hưởng lạc trong những nơi du ngoạn như ao hoa sen… Họ lại đến núi Nhạo du hý. Có loài chim tên Hý lạc cùng nhau vui chơi ở đó, thấy loài chim ấy, Thiên tử nghĩ: "Lạ thay loài chim này! Có đủ màu sắc, âm thanh hơn các loài chim khác". Lại nghĩ: Ta nên cỡi chim này vui chơi trong vườn. Chư Thiên vừa nghĩ như thế, thân chim liền biến ra to lớn, Thiên tử đưa tay vỗ về chim, rồi cỡi chim bay lên hư không thọ lạc. Thiên tử lại nghĩ: Trên lưng chim phải hóa ra ngai báu, có đủ ao hoa vườn cảnh, chim chóc. Lại bay lên hư không vui cùng Thiên nữ xinh đẹp, vui chơi khắp

nơi, hưởng mọi diệu lạc, nhìn khắp các trụ xứ của chư Thiên. Quan sát xong, tham ái tăng trưởng gấp bội không gì sánh được, lửa ái làm cho sáu dục bùng cháy, không thể nào điều phục được. Lầm cho ái ấy là vui, kỳ thật nó là khổ lớn. Họ cỡi chim bay lên hư không nghe năm thứ âm nhạc, tiếng ca hót rất hay không sao ví dụ được. Họ thấy tất cả các Thiên tử, Thiên nữ đang ở trên núi Tu-di, vườn cảnh, ao hồ, hang núi rừng cây, hoa sen phủ khắp và có nhiều chim chóc, mỗi trụ xứ có vô lượng trăm ngàn chư Thiên ở. Họ nhìn khắp nơi mà không biết chán các căn tham đắm năm dục, hoan hỷ không thỏa mãn, tâm ái tăng trưởng. Cỡi chim vui chơi một thời gian lâu, nhìn thấy sáu vạn ngọn núi của núi Tu-di, các trụ xứ của chư Thiên tạo nghiệp thiện, ánh sáng của vô lượng châu báu rực rỡ trông thật thích thú. Bốn mặt núi Tu-di có bốn màu: lưu ly, bạch ngân, vàng ròng, pha lê. Thiên tử này quan sát khắp núi Tu-di, cỡi chim trở về chỗ ở. Về đến nơi, sắc tướng rực rỡ như ý họ muốn, Thiên tử lại cỡi chim đến ao Ma-thời-đa. Chu vi ao này là năm do-tuần, được trang trí các ao sen sắc lưu ly xanh, chim chóc đến ao này vui chơi thọ hưởng năm dục với các Thiên nữ giống như các loài ong tham vị hoa uống nước Ma-thâu, ăn thức ăn cam lồ, đầy đủ sắc hương vị ngon, mặc áo báu cõi trời. Họ cùng các Thiên nữ vui chơi thọ lạc đến khi nghiệp thiện hết, từ cõi trời, họ qua đời, lưu chuyển theo nghiệp, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu còn nghiệp thiện khác được sinh trong cõi người, luôn được an lạc, có nhiều xe cộ vui chơi, hoặc được làm vua, quan, được mọi người yêu mến, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ mười ba của cõi này tên là Ma-ni tạng. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết người thiện làm lợi ích cho chúng sinh, không sát sinh, trộm cướp, không dạy người làm để họ sống trong pháp lành, tự mình không sát sinh, cho đến thấy trong rượu mật có côn trùng thuộc loại thấp sinh, nếu không lọc bỏ thì không cố ý uống, không khuyên người làm, cũng không vui theo, biết nghiệp bất thiện thì không làm, thấy ai làm ác thì lánh xa không gần gũi, khuyên họ tu thiện. Đó là không sát sinh. Thế nào là không trộm cướp? Nếu vào tháp miếu thấy đèn sáng cúng tháp Phật thì không lấy đèn ấy làm việc khác, cũng không lấy tro làm mực viết, sợ tất cả tội lỗi dù nhỏ. Đó là không trộm. Lại có cách không sát sinh, không trộm cướp khác: Không sát sinh nghĩa là thấy con muỗi, con kiến cắn người thì không giết hại, tâm không nghĩ đến việc chết, thấy ai giết thì khuyên họ thả bỏ, nói với họ: Sát sinh là nghiệp bất thiện, chết sẽ đọa vào địa ngục Hoạt. Khuyên họ như thế để họ không làm ác, an trụ trong pháp lành. Người này

tự giữ giới, khuyên người giữ giới, đem thức ăn bố thí cho người đi trong đồng trống đói khát, gặp lúc đói khát khốn khổ thì không trộm thức ăn của người khác, giảm bớt phần ăn của mình cho người nghèo cùng đói khát, thiếu lương thực trong đồng trống. Nhờ hai việc phước đức, tâm suy nghĩ và cúng dường phước điền thù thắng, nên được quả báo lớn. Vì sao? Vì bệnh tật lớn nhất không gì hơn đói khát, thế nên bố thí thức ăn được quả báo lớn. Người giữ hai chi giới này tự lợi, lợi tha, tâm lành, hạnh chánh, luôn sợ từng tội nhỏ, đem châu báu cung phụng cha mẹ, hoặc đem anh lạc cúng dường tượng Như Lai, sau khi qua đời, vị ấy sinh lên trụ xứ Ma-ni tạng của cõi trời Tam thập tam. Ở đó, vị ấy thọ hưởng an lạc thù thắng, vui hưởng năm dục. Người tạo nghiệp lành này oai đức sáng rực, chiếu đến năm trăm do-tuần. Ví như mặt trời mọc chiếu khắp các ngọn núi, ánh sáng của vị này chiếu khắp mọi nơi cũng thế. Đất bằng các thứ báu này đã có đầy đủ ánh sáng, nhưng khi ánh sáng của thân Thiên tử chiếu thì nó càng sáng gấp trăm lần. Ánh sáng đó đủ các màu xanh, vàng, đỏ, tía như sắc cầu vồng cõi trời. Thân vị này càng sáng rực, trang sức lộng lẫy là nhờ nghiệp thiện. Thân sáng như ánh điện vượt hơn Thiên chúng khác, ví như trong các ngôi sao, mặt trăng sáng nhất, thân của vị trời này rực rỡ cũng vậy. Quan sát đất báu đó được trang trí bằng các ma-ni xen lẫn nhau rất đều và sáng, khắp nơi sáng rực như trăm mặt trời cùng chiếu, thấy vậy Thiên tử vui mừng. Lại quan sát các nơi khác thấy Thiên nữ xinh đẹp không sao ví dụ được, họ trang sức lộng lẫy, thọ hưởng dục lạc, trỗi nhạc đánh đàn, ca hát, lại có tiếng sinh, địch, không hầu… các âm thanh ca hát. Có người đeo vòng hoa trời ca múa hoặc nô đùa vui chơi với chim trong ao hoa, hoặc ăn trái cây cõi trời, lại hái hoa trái của cây Như ý. Âm thanh ca nhạc đó làm cho mọi người vui vẻ. Đến nơi, thấy các Thiên nữ xinh đẹp bị cảnh giới như rắn độc gây hại, Thiên tử quay về phía các Thiên nữ xinh đẹp. Thấy vậy lửa dục càng thiêu đốt tâm, Thiên tử ngắm nhìn Thiên nữ. Thấy chồng mình sắp chết, năm tướng suy hiện ra, các Thiên nữ bỏ chồng cũ, đến chỗ Thiên tử này, giống như các con ong bỏ hoa héo, bay đến hoa mới. Họ trang sức vòng hoa, y phục cõi trời, đem tâm ái dục làm vui lòng Thiên tử. Thiên tử bị thoái đọa ấy do từ vô thỉ đến nay chạy theo ái dục, thấy các Thiên nữ phản bội mình đi đến người khác nên rất buồn khổ, cảm thấy như lửa dữ địa ngục A-tỳ đốt thân. Các Thiên tử thấy Thiên nữ phản bội mình chạy đến người khác nên đau khổ như vậy. Từ cõi trời, vị ấy qua đời, vì tâm ganh ghét nên hại thân mình, quả báo của Hữu sắp hết, duyên Thủ làm nhơ tâm nên không thấy gì khác, bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Vì sao thấy Thiên nữ phản bội mình lại buồn khổ? Vì đời trước ở cõi người, làm

việc tà hạnh, xâm phạm vợ người, nhờ tạo nghiệp lành được sinh lên cõi trời, vì xâm phạm vợ người nên gặp phải nghiệp ác này. Như vậy trong nghiệp thiện, các nghiệp đã chín mùi, cho nên đừng tạo nghiệp ác, dù nhỏ. Người nào vâng giữ bảy chi giới, giới không bị thất thoát thì có quả báo khác, ở cõi trời Dạ-ma bị thoái đọa thì không như vậy. Xin nói lược về quả báo đời vị lai, không cần nói rộng.

Các Thiên nữ trang sức lộng lẫy vội vã chạy đến chỗ Thiên tử sơ sinh, đeo vòng hoa trời cho Thiên tử, hoa ấy đầy đủ sắc hương, không tàn úa. Đeo vòng hoa, Thiên tử sơ sinh vui vẻ cùng gần gũi vui chơi trong vườn cây. Thiên chúng ở đây được nước trong sạch, hoa bằng lưu ly, lá bằng vàng ròng, tua bằng kim cương, loài ong vây quanh. Loài ong ấy cánh bằng vàng ròng, thân bằng lưu ly, cánh bằng bạch ngân, thân bằng vàng ròng, cánh bằng xích bảo, thân bằng tạp bảo, cánh bằng san hô… chúng luôn vui chơi trong hoa sen không héo này, tiếng chúng rất hay như tiếng Thiên nữ. Các loài ong này xinh đẹp như thế, Thiên tử, Thiên nữ vào ao sen ca múa ngâm vịnh, thọ lạc một thời gian lâu, họ lại đến vườn Kim man hai cây che kín. Đến đó, tiếng nhạc rất hay, nhìn thấy núi Tu-di sáng rực như màu dung kim, thấy các Thiên tử cùng các Thiên nữ tấu nhạc vui chơi trên núi, họ trang sức vòng hoa, y phục cõi trời và anh lạc bằng vàng Diêm-phù-đàn, ao hoa sen, ao hoa Ưu-bát-la có đầy đủ hương vị, Thiên tử, Thiên nữ vui chơi hưởng lạc, thiên nga, vịt trời, uyên ương, sư tử sức mạnh đều xếp hàng xung quanh, chư Thiên vui chơi hưởng lạc ở trong đó. Lại thấy Thiên tử, Thiên nữ cùng đi trên hư không sáng rực như đèn sáng, họ ca hát rất hay để vui chơi, rải các hoa thơm, hưởng diệu lạc cõi trời, trỗi năm thứ âm nhạc để vui chơi. Lại thấy Thiên chúng uống thức ngon cõi trời nhưng không say, nói lời hòa ái để vui chơi, tâm luôn vui vẻ. Lại thấy Thiên chúng ăn thức ăn cam lồ. Nhờ nghiệp thiện của mình nên được quả báo đủ hương, sắc, vị, xúc. Lại thấy Thiên chúng hái hoa bảy báu trên cây bảy báu để trang sức, lại thấy Thiên chúng hái hoa trái để ăn, hoặc ném đùa nhau để vui chơi. Lại thấy Thiên chúng cỡi chim trời, trang sức bảy báu lẫn lộn, cỡi thiên nga bay trong hư không cùng nhau vui chơi, lại thấy Thiên chúng ca hát ở trước Thiên tử, các Thiên nữ vui vẻ múa hát, lấy hoa sen ném nhau để sinh dục tâm, nói năng hòa nhã, cảnh giới tham ái càng tăng. Thấy các Thiên chúng do nghiệp thiện hóa sinh, Thiên tử mới sinh tự nghĩ: Ta tuy xem được bao nhiêu việc đó, nhưng mắt không thỏa mãn, tai, mũi, lưỡi, thân không thỏa mãn với hương, vị, xúc, thanh, thân thể trang sức y phục đẹp cõi trời cũng không biết thỏa mãn, tâm luôn chạy theo các pháp ái, ta thích dục lạc, hãy hưởng diệu lạc này. Suy xét xong, Thiên tử tham ái dục lạc như năm dục

mà chư Thiên thọ hưởng, Thiên tử bị sáu ái che tâm, lửa ái đốt xung quanh. Ví như có người đi trong đồng trống vào lúc mặt trời nóng bức vào mùa hạ, lửa dữ bỗng phát sinh đốt các cỏ khô, cành lá cây cối trong hang núi, khắp nơi đều rực cháy nên kinh sợ bỏ chạy nhưng không biết trốn đâu. Lửa đó hừng hực thiêu cháy bốn bên, cùng một thế lửa, đốt các khu rừng. Người ấy đi đến đâu khói lửa bốc cháy đến đó, bị lửa thiêu đốt không sao tránh khỏi. Tất cả kẻ phàm phu ngu si ở thế gian cũng vậy, lửa ái thiêu đốt cành cây cỏ khô. Giờ lên trời, người tạo nghiệp bị gió ngu si kết sử thổi vào, lửa ái thiêu đốt. Người tu thiền quán đạt thiền thế tục giống như cây khô lá cỏ trong núi, bị lửa ái thiêu đốt. Ngọn lửa hừng hực dụ cho sáu ái. Người chạy khắp nơi dụ cho sáu căn nhiễm đắm cảnh giới. Lửa nghĩ nhớ cảnh giới hừng hực, gió mạnh thổi vào bị lửa ái thiêu đốt, phá hoại trời, người. Lửa đó dụ cho lửa ái. Nhờ nghiệp thiện Thiên tử thọ hưởng vô lượng trăm ngàn hoan lạc. Đến khi nghiệp thiện hết, từ cõi trời, vị ấy bị thoái đọa, lưu chuyển theo nghiệp, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh trong cõi người được sống trong đất báu, trang sức các vật báu, sinh trong nhà giàu, hoặc được làm vua, quan, luôn được an lạc, được mọi người yêu mến, con cháu đông đúc, của cải dư dật, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ mười bốn của cõi này tên là Tuyền hành. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh không sát sinh, không trộm cướp, thấy ai làm thì khuyên họ đừng làm, nói nghiệp bất thiện sẽ chịu quả báo ác. Thế nào là không sát sinh? Nếu trong rau nước mà có côn trùng nhỏ thì không ăn để giữ mạng sống của chúng, nếu không lược nước thì không uống. Không bỏ côn trùng sau khi lược nước trên đất khô, mà thả chúng vào lại nước để chúng an ổn không chết, lại khuyên người khác sống trong pháp lành. Thế nào là không trộm cướp? Không sinh tâm trộm vật của người khác như rau trái, trái am-ba-la, mía, khuyên người không trộm, tự giữ giới, khuyên người giữ giới. Thế nào là giữ giới? Không sát sinh, trộm cướp, cho dù chết cũng không uống nước có trùng, khuyên người đừng làm. Đó là không sát sinh. Thế nào là không trộm? Cho dù là rau cỏ cũng không lấy, luôn bố thí, bố thí thuốc cho người bệnh để được an ổn, không đem thuốc làm bằng trùng chết trị bệnh. Nhờ bố thí hoàn toàn nên cho đến khi đạt Niết-bàn mà phước đức không hết. Sau khi qua đời, vị ấy sinh lên trụ xứ Tuyền hành của cõi trời Tam thập tam. Ở đó, nhờ nghiệp thiện nên các Thiên nữ xinh đẹp đem các vật báu cung phụng. Sau đó lại đến rừng Quang luân tấu các âm nhạc. Trong rừng có nhiều loài chim tên Trang

nghiêm thọ. Nhờ thế lực của chim nên Thiên tử muốn đến đâu thì chim bay lên hư không, rừng cây cũng chuyển theo. Nếu Thiên tử ở dưới gốc cây đi theo rừng cây, đến đâu thì nơi đó hóa ra ao sen có đủ các loài hoa, cánh bằng lưu ly, cọng bằng vàng ròng, tua bằng bạch ngân. Trên đài hoa có các Thiên nữ ca hát rất hay. Đó là do nghiệp thiện. Trong hoa sen lưu xuất nước Ma-thâu, các Thiên nữ uống nước ấy, các Thiên tử ngồi trên đài hoa, các Thiên nữ vây quanh, cùng nhau uống nước Ma-thâu. Thọ hưởng hoan lạc một thời gian, họ từ hư không đi xuống, loài chim bay theo, cùng Thiên nữ lên xe Ưu-bát-la. Xe ấy rộng hai do-tuần, trong đó có trăm ngàn hoa Ưu-bát-la, mỗi Thiên nữ ngồi trên một cánh hoa ca múa trổi nhạc. Lại có hoa Ưu-bát-la xanh. Do ánh sáng xanh của hoa nên sắc thân các Thiên nữ cũng có sắc xanh, nếu ánh sáng đỏ thì thân Thiên nữ có sắc đỏ. Họ trang sức đẹp. Thiên tử cùng Thiên nữ ngồi trên đài sen. Nhờ nghiệp thiện các Thiên nữ vây quanh ngồi trên tua hoa, tay cầm các phướn báu sặc sỡ, ca múa vui chơi. Hưởng mọi hoan lạc cõi trời một thời gian lâu, họ bước xuống đài hoa, lên xe Kê-bà-la, đến sông Nhạo kiến. Hai bên bờ sông có nhiều cây báu, cành lá sum suê, thân cây mập mạp, có các loài chim xinh đẹp, hót tiếng Bà-cầu trang trí bờ sông. Chư Thiên muốn gì thì dòng sông lưu xuất ra. Dòng sông ấy rất đẹp, Thiên tử ca múa cùng nhau vui chơi thật thích thú. Thiên tử lại đến dòng sông ái đó. Thấy vậy các Thiên nữ rất vui, ca múa nô đùa, trổi nhạc. Lại có Thiên nữ trổi nhạc đến chỗ Thiên tử. Thấy các Thiên nữ xinh đẹp, các Thiên tử càng thêm say đắm, chạy đến chỗ các Thiên nữ. Họ cùng các Thiên nữ vui chơi trên bờ sông. Các Thiên nữ đều tập hợp trổi nhạc rất hay. Tiếng ca ấy vang khắp các núi báu trên núi chúa Tu-di. Các Thiên chúng ở đó nghe tiếng ca đều tập hợp đến, tâm ý tham đắm tiếng ca của Thiên nữ. Thiên tử, Thiên nữ hòa hợp nhau, không ganh ghét, cùng vui chơi ca múa, rồi đến vườn du hý, thọ hưởng vô lượng hoan lạc một thời gian dài, đến khi nghiệp thiện hết, từ cõi trời, vị ấy qua đời, lưu chuyển theo nghiệp, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh trong cõi người luôn được an lạc, thích tắm rửa xoa hương bột, thích hoa sen, hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Câu-ca-na-đà, thông minh chất trực, thích chánh pháp, hoặc được làm vua, quan, trưởng giả, coi giữ thành chính hoặc làm thầy, cuộc sống hạnh phúc, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ mười lăm của cõi này tên là Kim điện. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng Thiên nhãn, trí tuệ quan sát, thấy người giữ các giới không

sát sinh, trộm cướp. Thế nào là không sát sinh? Nếu thấy kẻ oán địch đến hại mình, hoặc người khác xâm phạm vợ mình dù bắt được nhưng không đánh đập, không gây hại, thả cho họ chạy thoát, hòa nhã khuyên nhũ, hoặc thấy người hại kẻ oan gia của mình lại đem tiền chuộc mạng để kẻ ấy thoát chết. Hoặc có kẻ xấu ác với mình, bắt được nhưng thả họ đi, không gây hại. Kẻ ác ấy lại đến nhà để xâm hại, dù bắt được nhưng lại thả đi, không gây hại, đó là vì giữ gìn giới đức, sợ nghiệp quả. Thấy kẻ oan gia cầm dao muốn giết người liền bảo vệ người ấy để họ thoát chết. Đó là vì sợ việc phá giới, thà bỏ thân mạng mình chớ không gây hại người, đó là không sát sinh. Thế nào là không trộm cướp? Không trộm cướp có nhiều cách: Người giữ giới này rất lo sợ dù là tội nhỏ, sợ nghiệp quả nên không tạo nghiệp ác, thực hành nghiệp thiện. Có người giữ giới không trộm nên rất sợ tội lỗi dù nhỏ như vi trần; đến những chỗ như chùa, tháp, vườn cảnh, nơi tụng kinh thanh tịnh, nơi kinh hành, bên bờ sông không hề lấy vật của người khác, không cố ý lấy giày dép của người, người ta không cho thì không dùng, đó là vì hộ trì giới cấm. Dù ban ngày hay ban đêm cũng không sinh tâm trộm cướp, đó gọi là không trộm cướp. Thế nào là người giữ giới? Là người bỏ các pháp bất tịnh, không đáng yêu, không vui theo bất thiện, giữ giới thanh tịnh, được người thiện yêu mến, chân thật không hư dối. Người giữ giới này được sinh lên cõi trời, nhất định đạt Niết-bàn, tùy tâm nguyện thành tựu quả Chánh đẳng giác. Người giữ giới này hoặc đi trong đồng trống, hoặc đi một mình, đi với bạn, đi trên đường, ở chỗ hiểm nạn thấy thú ác mang con, nhưng vì cơn đói dằn vặt nên muốn ăn con mình, thấy vậy người này bỏ thân mạng mình cho thú ác ăn để nó không ăn con của nó. Người giữ giới này vì thương yêu chúng sinh, muốn kéo dài mạng sống của chúng nên bỏ thân mạng mình, hiếu dưỡng cha mẹ. Thế nào là bố thí? Người giữ giới dù nghèo cùng khốn khổ tần tảo tìm cái ăn, thuận pháp giữ giới, thấy Sa-môn tu định diệt tận, sau khi xuất định, vị ấy đến nhà khất thực, người ấy giảm bớt phần ăn của vợ con mình, cúng dường cho Tỳ-kheo ấy một ít thức ăn, tự nhịn ăn một bữa. Thấy vị ấy ăn rồi sinh tâm hoan hỷ. Lại dạy người khác không sát sinh, không trộm cướp, sinh trong pháp lành, thấy họ làm được tâm sinh hoan hỷ. Người giữ giới này nhờ tự lợi lợi tha nên sau khi qua đời được sinh lên cõi trời Tam thập tam, giống như hương thơm tỏa ngát trong điện vàng. Sau khi sinh lên cõi trời, người tạo nghiệp lành thọ hưởng an lạc, điện bằng vàng ròng, trang trí các vật báu. Thấy vậy, Đế Thích sinh tâm thán phục, tha hồ thọ lạc, nói kệ:

Nghiệp lành quả lành
Niềm vui thượng diệu

Chư Thiên thọ hưởng
Là do nghiệp trước.
Có xe bốn bánh
Voi ngựa kéo đi
Trí tuệ là móc
Xe sáng như nhật.
Quả lành giữ giới
Được sinh lên trời
Thương yêu chúng sinh
Như mẹ yêu con.
Người có Từ bi
Lên được cõi trời
Người sống Từ bi
Lợi ích chúng sinh.
Luôn được cúng dường
Sau sinh lên trời
Thương yêu, hành hóa
Lợi ích chúng sinh.
Người này như trời
Chư Thiên kính ngưỡng
Người sống Từ bi
Đẹp như mặt trăng.
Che chở chúng sinh
Xa lìa ưu não
Thế nên khuyến khích
Tu tập cầu vui.

Nói kệ xong, Đế Thích vào xe vàng, ngồi tòa êm ái được trang trí nhiều hình sắc, các Thiên chúng cũng ngồi ở đó, các Thiên nữ vây quanh. Họ vui chơi thọ hưởng diệu lạc một thời gian dài, trang sức sắc thân xinh đẹp. Khi ấy Đế Thích bước xuống xe, đến rừng Nhất thiết lạc, trăm ngàn Thiên chúng vây quanh, tấu các kỹ nhạc, âm thanh tuyệt diệu. Bấy giờ Thiên chúng phóng ánh sáng lớn đi theo Đế Thích, họ nhìn thấy có nơi vui chơi cách đó không xa, có vô lượng ánh sáng rực rỡ, cây bằng vàng, lưu ly sáng rực. Nơi ấy được trang trí đủ thứ thật không sao nói hết được, nay chỉ nói một phần nhỏ. Ví như bảy mặt trăng cùng mọc, ánh sáng khu rừng ấy cũng vậy, ánh sáng ấy có các màu sắc xanh, vàng, đỏ, tía. Khu rừng này, ánh sáng rực rỡ dùng để trang trí nơi vui chơi. Thấy vậy, Đế Thích hỏi các Thiên chúng:

–Các ngươi có thấy nơi vui chơi với nhiều hoan lạc, vườn rừng trang trí không?

Đáp:

–Thưa có thấy.

Đế Thích nói với Thiên chúng:

–Trong đời quá khứ, Thiên vương Đảnh sinh cùng Đế Thích ở trong rừng này, ngồi chung một tòa, vui chơi thọ lạc, có vô lượng Thiên nữ vây quanh. Thiên vương là vua trong bốn cõi. Bấy giờ Nhị Thiên vương hưởng vô lượng trăm ngàn vạn ức hoan lạc năm dục vẫn không biết thỏa mãn nên bị thoái đọa. Nhờ nghiệp thiện Đảnh sinh vương được vào rừng này, oai đức sáng rỡ, tuấn tú, tự tại. Giờ đây ta sẽ nói, các ông hãy lắng nghe. Vào đời quá khứ có Đảnh sinh vương làm vua trong bốn cõi, không dùng dao gậy, cũng không dùng hình phạt, dục vọng dẫy đầy, nhờ nghiệp thiện đời trước nên sinh lên cõi trời này. Thân hình vị ấy sáng rực gấp mười lần núi Tu-di, tất cả ánh sáng gặp ánh sáng ấy đều diệt mất không hiển hiện. Thấy Đảnh sinh vương, Tứ Thiên vương ra nghênh đón, thưa: Vi diệu thay! Đại vương, ông đến đây. Tôi xin nghinh tiếp đại vương, cung cấp mọi thứ cần dùng.

Nhận phẩm vật xong, Đảnh sinh vương lên cõi trời Tam thập tam. Đảnh sinh vương ở trong cõi này oai đức rực rỡ như ánh sáng mặt trời tối thắng trong cõi người.

Khi ấy bốn vị trời Hộ thế tự thấy mình, ánh sáng không hiển hiện lấy làm lạ, nói với chư Thiên: Đảnh sinh vương đến cõi trời Tam thập tam này hay là do sức oai đức của thân ông, hay là uy lực của xe, chẳng phải oai lực của vị trời khác, cũng không phải oai lực của người khác, các ngươi đừng lo sợ, người này thuận theo chánh pháp, làm vua Chuyển luân.

Hộ thế vừa nói xong, Đảnh sinh vương đến cõi trời Tam thập tam. Đang vui chơi thọ lạc, thấy Đảnh sinh vương, Đế Thích liền chia nửa tòa, mời vị ấy ngồi. Đảnh sinh vương và Đế Thích ngồi chung một tòa. Hai vua thọ hưởng hoan lạc một thời gian dài, đến khi nghiệp thiện hết, họ bị thoái đọa. Các nơi vui chơi ở cõi trời Tam thập tam không nơi nào sánh bằng rừng Nhất thiết lạc. Rừng ấy xinh đẹp, trang trí vô lượng bảo vật, sáng rỡ như mặt trời.

Nói xong Đế Thích cùng trăm ngàn Thiên nữ vây quanh vào rừng Nhất thiết lạc. Vào rừng rồi, Thiên tử, Thiên nữ vui chơi thọ lạc, ăn thức ăn cam lồ. Ăn uống xong, họ lên bảo điện. Điện ấy sáng rực, nguy nga lộng lẫy như ánh sáng mặt trời. Họ trỗi các âm nhạc trở về Thiện pháp đường.

Đế Thích đi rồi, chư Thiên ở chốn cũ thọ hưởng năm dục lạc, đến khi nghiệp thiện hết, họ bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu được sinh trong cõi người, luôn được gặp thời an ổn, không gặp lúc binh đao, sinh trong nước tốt đẹp, đầy đủ vườn rừng và lúa mía hoa quả, là nơi giàu có, luôn gặp chánh pháp, hoặc được làm vua, quan, được mọi người yêu mến, khôi ngô tuấn tú, đầy đủ các căn, con cháu đông đúc, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ mười sáu của cõi này tên là Man ảnh. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh với tâm thiện thực hành nghiệp thiện, không sát sinh, không trộm cướp. Thế nào là không sát sinh, không trộm cướp? Có mấy loại không sát sinh, trộm cướp? Không sát sinh là tự mình không giết hại sinh mạng, không bắt, không bán các loại cá, rùa, ngọc trai, sò, thấy người giết hại thì khuyên họ giữ giới, thấy người làm không vui theo, khuyên bảo họ để họ sinh trong pháp lành. Đó là không sát sinh. Thế nào là không trộm cướp? Người lành giữ giới bằng tâm thanh tịnh, trực tâm, không có tâm tham lam, không ngửi hương thơm nơi tháp miếu, phòng tăng đốt hương không tìm cách đem hương ấy ướp vào áo, nếu mũi ngửi được hương ấy thì không sinh tâm tham đắm. Đó là sự vi tế của giới không trộm cướp. Thấy người khác làm, khuyên họ đừng làm, để họ sống trong pháp lành. Chúng sinh tự lợi, lợi tha ấy dùng những tâm gì lợi ích cho chúng sinh? Thấy người giết hại sinh mạng, giống như giết con mình, quan sát loài trùng cũng như vậy, còn khuyên dạy người khác để họ sống trong pháp lành. Thế nào là bố thí? Người nghèo khổ dù lam lũ làm việc được tài vật lại đem bố thí, thấy người giữ giới, tu hành, người chứng thiền thứ nhất, liền chia một nửa phần ăn của mình cho họ, còn khuyên người bố thí. Người tự lợi, lợi tha này sau khi qua đời được sinh lên cõi trời Man ảnh. Cõi ấy có cây tên Man ảnh, vòng ánh sáng của nó chiếu khắp vườn rừng. Hương thơm của cây này xông khắp một do-tuần, thơm hơn hương của các loài hoa khác. Hoa ấy nhỏ dài, chỉ một hoa là làm đủ một vòng hoa trang sức trên đầu, hoa ấy có nhiều màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng lẫn lộn, sum suê tươi tốt. Họ ở trong rừng thọ hưởng năm dục, trỗi âm nhạc, đủ các dục lạc, họ muốn gì được nấy, thọ hưởng vô lượng sự khác lạ. Nhờ nghiệp thiện nên có được tất cả. Trong rừng ấy có ao hoa sen tên là Tạp hoa, do sức mạnh mọc ra các hoa sen, hoa luôn luôn nở, có các loài ong màu sắc bảy báu ở trong ao sen kêu tiếng rất hay. Nghe tiếng ong, Thiên tử, Thiên nữ rất vui mừng, nói với nhau: Lạ thay! Loài ong này kêu tiếng hay. Lại có loài thiên nga dùng cánh quạt ao hoa làm cho hoa nở rộ, màu sắc hoàng kim, che khắp mặt ao. Loài

vị trời thấy vậy vui vẻ chạy đến kêu tiếng rất hay. Trong ao lại có nhiều loại chim. Vì tâm vui vẻ, Thiên tử, Thiên nữ bỏ các âm nhạc, đến chỗ loài chim vui chơi hưởng lạc. Họ lại đến các dãy cung điện, nơi vui chơi. Trụ cung điện bằng bảy báu, trang trí vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, pha lê. Ở đó, có các Thiên nữ vui chơi hưởng lạc, trang sức vật báu trời, xoa thân bằng hương bột chiên-đàn. Họ cùng nhau vui chơi, không ganh ghét, luôn yêu mến nhau, không có tâm đố kỵ, hưởng quả báo của tự nghiệp. Do những loại nghiệp khác nhau nên sinh ở những nơi khác nhau, chịu quả báo của tự nghiệp, vui chơi thọ lạc, họ lại đến cây Như ý. Cây ấy có sức mạnh mà chư Thiên muốn gì được nấy. Trong rừng này có dòng sông đầy đủ thức ăn thơm ngon, đẹp. Họ vui mừng nô đùa trong sông, ăn thức ăn cam lồ. Ăn uống xong, họ càng vui vẻ, lại đến rừng hoa sen xanh, hoa ấy có đủ sắc, hương, vị. Trong lá hoa lưu xuất ra thức uống ngọt ngon, giống như xác rượu tiết ra rượu, màu sắc trong xanh như Phân-đà-lợi. Phân-đà-lợi vàng lưu xuất ra nước uống sắc vàng, hoa màu lưu ly lưu xuất thức uống sắc lưu ly, hoa màu pha lê lưu xuất thức uống sắc pha lê, hoa màu xa cừ lưu xuất thức uống sắc xa cừ, hoa tạp sắc lưu xuất thức uống tạp sắc. Hoa lá tạp sắc, cọng bằng lưu ly, tua bằng kim cương. Từ hoa lưu xuất đủ các thức uống mùi vị rất thơm ngon, uống xong, chư Thiên lại đến rừng Nhất thiết quán. Đến đây họ sẽ thấy được tất cả các trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Rừng Nhất thiết quán trông thật đáng yêu. Trong rừng này có ao sen tên Phổ lưu, rộng ba mươi dặm, nước sông trong lặng tràn đầy như màu lưu ly. Các loài thiên nga, vịt trời, uyên ương vây quanh ở đó. Tất cả các loài chim đều có màu hoàng kim, lưng bằng bảy báu, chân bằng san hô, mắt bằng xích bảo trang trí tạp bảo. Chúng kêu rất hay, vui chơi nhảy múa. Khi ấy các Thiên nữ đến nơi vui chơi. Nơi ấy có chim sắc hoàng kim hót tiếng rất hay, Thiên tử lên xe vàng. Xe ấy sáng rực như màu dung kim, họ nói với nhau: "Chúng ta thấy những nơi vui chơi của chư Thiên, làm cho ánh sáng trên thân của Thiên chúng càng vàng rực gấp bội". Họ ở đấy vui chơi thọ hưởng năm dục, tham ái cảnh giới không thỏa mãn, như thêm củi vào lửa, lửa càng bốc cao, chư Thiên tham ái sắc, thanh, hương, vị, xúc cũng thế không biết nhàm chán. Họ ở cõi trời thọ hưởng năm dục lạc đến khi nghiệp thiện hết, bị thoái đọa, lưu chuyển theo nghiệp, bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu còn nghiệp thiện khác được sinh trong cõi người, luôn thọ hưởng an lạc, trang sức vòng hoa, xoa thân bằng hương bột, tâm luôn hoan hỷ, hoặc được làm vua, quan, có nhiều của báu, được mọi người yêu mến, không có giặc oán, cũng không bệnh lo, là nhờ dư báo.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 29

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 8)

TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 5)

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát các trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ mười bảy của cõi này tên là Nhu nhuyến. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết người giữ các giới không sát sinh, trộm cướp nên được sinh lên cõi này. Thế nào là không sát sinh? Có chúng sinh tham tài lợi, buông lung theo năm dục, giết rắn độc để lấy châu báu nuôi mạng sống, người giữ giới không làm việc này. Đó là không sát sinh, còn dạy người khác không sát sinh, cho dù là chúng sinh nhỏ như muỗi, kiến cũng không cố ý giết. Thế nào là không trộm cắp? Không dùng tâm trộm lấy đất đai của người, cho dù là vật nhỏ cũng không cố ý lấy, ngay những sách vở ghi chép của người cũng không sao chép lén để dùng. Đó là không trộm. Thế nào là bố thí? Người giữ giới dù nghèo khổ thiếu thốn nhưng không có tâm tham lam, giảm tài vật của mình để cúng thức ăn, y phục, đồ nằm, thuốc thang và vật nuôi sống cho người chứng thiền thứ nhất hoặc sửa sang đất chùa cho bằng phẳng để chúng tăng đi lại an ổn không tai nạn. Tự mình làm việc bố thí đó, còn làm cho người khác sống trong pháp lành, khuyên người bỏ nghiệp ác. Người giữ giới không sát sinh, trộm cướp, tự lợi, lợi tha, nhờ thế sau khi qua đời được sinh lên cõi trời Tam thập tam. Ở đây, vị ấy thọ hưởng diệu lạc. Đất ấy được trải lụa mềm mịn trơn láng, chư Thiên bước đi, thảm lụa lên xuống theo từng bước chân. Khi đặt chân xuống thì thảm lụa lún xuống, lúc cất chân lên thì thảm lụa bằng phẳng. Ví như gió lớn thổi, mặt nước nổi sóng nhấp nhô, cao thấp không chừng mực, gió ngừng thì mặt nước bằng phẳng. Đất ấy mềm mịn cũng thế. Đất ấy sạch sẽ như gương sáng. Nếu có người thợ, hoặc học trò của người thợ giỏi mài gương, mài dũa sáng sạch, soi thấy các tượng, nếu ai đó chẻ sợi lông thành trăm phần thì gương ấy cũng soi thấy hết. Đất ấy soi thấy toàn

thân của chư Thiên cũng thế. Gương sáng kia trong sạch không tỳ vết thì đất ấy cũng trong sạch như thế. Đất ấy lại sinh ra những việc hy hữu. Nếu các Thiên nữ muốn vui chơi cùng Thiên tử thì Thiên tử liền thấy chữ viết của họ ở đất ấy, liền cùng Thiên nữ vui chơi thọ lạc. Đất ấy lại có việc hy hữu: Chư Thiên cần gì mặt đất sinh ra. Vị ấy thọ hưởng diệu lạc ở trụ xứ Nhu nhuyến thuộc cõi trời Tam thập tam. Họ lại đến nơi vui chơi. Nơi đó có vườn lớn tên Ma-thâu-ca, treo đầy lưới linh, được trang trí bằng vô lượng cây báu. Trong rừng ấy có các loài chim, đầy đủ hoa trái, trỗi năm thứ âm nhạc, vui chơi hưởng lạc, năm căn thọ hưởng quả báo lạc. Cõi đó lại có khu rừng tên Bà-la, khi các Thiên tử vào rừng này vui chơi thì cây cối nhỏ đi, làm cho các Thiên tử hái trái dễ dàng. Rừng ấy được làm bằng bảy báu sáng rực như mặt trời mới mọc, có vô lượng hoa trái sặc sỡ, nhiều loài chim đẹp hót tiếng rất hay. Họ ở trong rừng này thọ hưởng sáu dục lạc, ca múa vui chơi. Bỏ nơi này họ đến ngọn núi vui chơi tên là Cao tụ. Đến đó, họ cùng các Thiên nữ xinh đẹp ca múa vui chơi, lên đỉnh Cao tụ. Núi này rộng mười do-tuần, đỉnh núi có ao hoa lớn tên là Quang minh. Trong ao có đầy các loài hoa bằng bảy báu như hoa Câu-mâu-đà, Câu-la-na-đà, Ưu-bát-la xanh, nước ao trong sạch, có loài thiên nga, vịt trời, uyên ương kêu tiếng rất hay, thật đáng yêu. Thiên tử, Thiên nữ vây quanh ao hoa ca múa vui chơi, uống nước ngon nhưng không say, họ tha hồ ăn trái sáu vị, nước trái thơm ngon, uống hoài không hết, Thiên tử, Thiên nữ cùng nhau uống nước. Ở nơi khác cũng có các Thiên nữ cùng Thiên tử ca múa vui chơi, tấu nhạc, đánh đàn, thổi ống tiêu, địch, không hầu, mặc tình thọ hưởng dục lạc. Họ vây quanh ao hoa thọ hưởng diệu lạc một thời gian dài. Ở đó lại có ao hoa tên Nhất thiết ý lạc. Họ trang sức vòng hoa trời, xoa thân bằng hương chiên-đàn, rải hương bột, thân phóng ánh sáng. Do sức tạo nghiệp thượng, trung, hạ và tùy tâm yêu thích mà họ có được ba loại quả báo tương xứng với nghiệp. Nhờ tạo nghiệp như vậy thì thọ quả báo như vậy, nhãn thức tiếp xúc với sắc sinh tâm vui mừng. Vì sao? Vì nếu người tạo ra ba nghiệp thì nhìn thấy tất cả cảnh sắc đều là sắc bậc hạ do một duyên mà người ấy thấy sắc bậc hạ. Nếu tạo nghiệp bậc trung thì thấy sắc bậc trung, sinh tâm vui bậc trung. Nếu tạo nghiệp bậc thượng thì thấy được vô lượng sắc đẹp, hình tướng đoan nghiêm. Tất cả thanh, hương, vị, xúc cũng vậy, tất cả sắc trần của cõi trời Dục giới đều như vậy, nếu không thì ba loại quả báo đó không thành tựu. Nên biết có ba loại nghiệp để đạt sắc đẹp, xinh xắn, Thiên nữ xinh đẹp. Các Thiên chúng vui chơi thọ lạc ở rừng Nhất thiết ý lạc, họ tham đắm sắc, thanh,

hương, vị, xúc không biết nhàm chán, quán xét xong, Tỳ-kheo nói kệ:

Kiếp tận trời nóng
Biển lớn khô cạn
Trăm ngàn ức kiếp
Tham ái không dừng.
Nước mưa rơi xuống
Biển mới tràn đầy
Biển tham dục này
Ái sắc không chán.
Nghĩ nhớ các lạc
Dục không thỏa mãn
Nếu lìa ưu ái
Tâm dục sẽ dừng.
Lạc sinh từ dục
Người trí không thích
Niềm vui lìa dục
Là vui tối thắng.
Hoan lạc tham ái
Như nước lẫn độc
Ai lìa ái dục
Như sữa hòa nước.
Dục đốt kẻ si
Đui mù không biết
Như Ma-la-da
Sâu núi ăn cây.
Ức niệm ái dục
Không thể đếm được
Nghĩ mãi không chán
Bị vua chết buộc.
Không bị dục sai
Không trụ cảnh ái
Là người an vui
Như Lai dạy thế.
Như nằm mộng thấy
Thành Càn-thát-bà
Hư giả không bền
Các dục lừa dối.
Như huyễn, bọt nước

Quả Yêm-ba-la
Dục làm suy tổn
Như lửa đốt người.
Ai biết lỗi dục
Không tham quả say
Thấy được thật đế
Lìa hẳn ái não.
Các dục như độc
Chưa được thì nhớ
Được tự gây khổ
Các ác bừng cháy.
Dục không thỏa mãn
Thiên lạc mất hết
Đọa vào địa ngục
Do dục lừa dối.
Dục như cơn sóng
Như điện, như đèn
Nữ dục như độc
Như cá bơi tròn.
Suy xét thêm nhiều
Như lửa thêm củi
Trước sau không an
Người trí vứt bỏ.
Ai mà gần gũi
Dần dần tăng thêm
Như chạm lửa dữ
Dục chịu quả khổ.
Biết lỗi dục ấy
Người trí xả bỏ
Những người lìa dục
Đạt vui Niết-bàn.
Vô số vô lượng
Ngàn muôn chư Thiên
Tham dục đọa lạc
Chịu khổ địa ngục.
Dục: Lửa, dao, độc
Tìm vui hãy bỏ
Dục nhân địa ngục

Luôn luôn xả bỏ.
Chưa bao giờ thấy
Không sống với dục
Không bị dục sai
Không có khổ não.
Vì thế bỏ dục
Đừng nghĩ nhớ đến
Tất cả các dục
Đều như lửa hừng.

Tỳ-kheo quán xét các Thiên tử bị dục sai khiến, nên nói kệ chê trách. Chư Thiên phóng dật đó lại đến vườn Nhất thiết ý lạc, trỗi nhạc, cùng Thiên nữ xinh đẹp vào rừng ca hát tự vui. Rừng ấy có vô số ao hồ, cảnh sắc mọi nơi đều đẹp. Nhãn căn thọ hưởng sắc dục như thế, lại tha hồ nghe những âm thanh hay đáng yêu, mũi ngửi đủ các hương thơm vừa ý, lưỡi nếm đủ các vị ngon lạ, họ muốn gì đều được cả, tùy ý muốn mà tiếp xúc đủ các loại, thân tâm vui vẻ, thọ hưởng các pháp vui theo ý muốn. Các Thiên chúng ấy bị ái dục che lấp, buông lung vui chơi, thọ hưởng năm dục lạc theo ý muốn. Đến khi nghiệp thiện hết, vị ấy qua đời, bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh trong cõi người, luôn được an lạc, lại ham thích vòng hoa, hương xoa, hương bột, có nhiều của cải, tâm ngay thẳng, chân thật, mọi người đều thích nhìn, tin lời nói, ai cũng yêu mến, đầy đủ vợ con, hành đúng lễ nghĩa, không mất nghi thức, vua, giặc, nước, lửa không thể xâm đoạt tài vật của mình, được vua ban thưởng, sinh trong dòng hào phú, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ mười tám của cõi này tên là Tạp trang nghiêm. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết người giữ các giới không sát sinh, trộm cướp, lại dạy cho người khác để họ sống trong pháp lành. Thế nào là không sát sinh? Mình không giết hại, không dạy người giết hại, không vui theo, cũng không gần gũi kẻ giết hại, không hề nói năng giao tiếp với họ; lại còn có cách không sát sinh khác: Nếu có chúng sinh dùng tiếng ca, tiếng đàn, tiếng đàn không hầu, tiêu, địch dối gạt cầm thú làm cho chúng rơi vào lưới bẫy, thì người giữ giới không làm việc đó, còn dạy người khác để họ không giết hại. Nếu thấy ai giết hại thì mua chuộc để chúng thoát chết, tâm không nghĩ việc giết hại. Đó là không sát sinh. Thế nào là không trộm? Có người lừa dối buôn bán để tìm tài vật, làm việc trộm cướp trái pháp. Thế nào là lừa dối? Hoặc đem cát vụn trộn với

vật khác rồi cân bán, người giữ giới thấy việc phi pháp đó thì khuyên họ đừng làm, tìm cách khuyên dạy họ đừng vì bạn ác, vợ con, bản thân mà trộm cướp tài vật. Nếu làm việc trộm cướp thì sau khi qua đời, sẽ đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Quả báo của trộm cướp là chịu khổ não lớn. Người ấy tự mình không làm ác, còn khuyên người khác để họ bỏ pháp ác. Dù duyên đến cũng bỏ không lấy. Người ấy tự lợi, lợi tha. Thế nào là bố thí? Hoặc vào biển lớn, qua vùng khoáng dã để tìm tài vật, hoặc làm thuê cho người để cầu tài vật mà bố thí, thấy người nghèo khổ thì sinh tâm kính trọng, vui vẻ bố thí, hoặc đem vật này bố thí cho người chứng thiền thứ hai, người nghèo khổ. Đó gọi là bố thí. Thế nào là không sát sinh? Nếu thấy những thợ săn dùng lưới bắt chim, hoặc có người bắt cá thì đem tài vật chuộc mạng để chúng thoát chết, suy nghĩ hoan hỷ vô cùng, còn khuyên người khác chuộc sinh mạng và vui với việc ấy, mình làm nghiệp lành, luôn nguyện tu tập lại còn khuyên người thực hành nghiệp thiện. Người thiện không sát sinh, trộm cướp, tự lợi, lợi tha, giữ hai giới ấy tạo lợi ích cho mình và người, sau khi qua đời, vị ấy sinh lên những tòa nhà ở điện Trang nghiêm của cõi trời Tam thập tam. Sau khi sinh lên cõi trời, vị ấy trang sức đủ các loại ma-ni sáng rực, thân thể sáng rỡ đủ các y phục, các Thiên nữ xinh đẹp đứng hầu ở sau. Thiên tử mới sinh nghĩ: Do những nghiệp gì ta được sinh lên cõi này? Tự nhớ đời trước nhờ tu nghiệp lành nên sinh lên cõi trời này. Tự khen rằng: Hay thay! Nghiệp thiện, ta nhờ tu hành mà được sinh lên cõi này. Thiên tử suy nghĩ biết do nghiệp thiện, mới nghe tiếng nhạc, tiếng ca của Thiên nữ, khắp nơi núi rừng, cung điện đều vang tiếng hay, cầm thú nhảy múa, nghe tiếng hát này, hưởng hoan lạc vô cùng. Vừa nghe tiếng ca tâm sinh tham đắm, đó là nhân duyên thứ nhất sinh ra dục. Đã tham tiếng hay, lại muốn nhìn sắc đẹp, vị ấy đưa mắt nhìn quanh, thấy vô lượng sắc tướng của Thiên nữ xinh đẹp không sao ví dụ được. Vị ấy nghĩ: Đây là Thiên nữ nào, thuộc sở hữu của ai? Nghĩ thế tâm dục sinh khởi khi ấy Thiên nữ nói kệ:

Tất cả nhân duyên dục
Ta là nhân số một
Ta cung phụng Thiên tử
Vui chơi thọ hoan lạc.

Đã nghe tiếng ca, thấy sắc đẹp, Thiên tử liền xoay người lại đi đến bên cạnh Thiên nữ, muốn thọ hưởng hoan lạc của sự tiếp xúc. Đó là nhân duyên thứ hai sinh ra dục. Lại có nhân duyên thứ ba sinh ra dục. Tâm sai khiến các căn tham đắm cảnh giới, tự do duyên theo. Thiên tử tiếp

xúc với Thiên nữ bằng tâm dục, Thiên nữ cũng dùng thân gần gũi Thiên tử. Lại có nhân duyên thứ tư sinh ra dục, có vô lượng hương thơm tuyệt diệu không sao ví dụ được. Thiên tử quan sát hương ấy từ đâu bay đến, liền biết hương ấy từ Thiên nữ tỏa ra, với tâm dục Thiên tử bồng Thiên nữ ngửi hương tuyệt diệu đó. Tâm luôn yêu thích bốn cảnh giới này. Khi ấy Thiên nữ cung phụng các thức ăn uống cam lồ cho Thiên tử. Đó là nhân duyên thứ năm sinh ra dục. Cứ thế có vô lượng nhân duyên sinh ra dục không sao ví dụ được. Cảnh giới năm dục đó là hoan lạc ban đầu của cõi trời. Thiên tử thọ nhận lạc báo của cõi trời như thế. Lúc mới sinh Thiên tử đã nhớ được túc mạng, vì tham đắm dục lạc nên đã quên hết. Thiên tử lại đến với Thiên nữ bằng tâm dục, Thiên nữ cùng đến chỗ Thiên tử ca múa vui chơi, lời lẽ êm ái, vui vẻ thọ lạc. Họ lại đến vườn rừng ao hoa, các Thiên nữ trang sức đủ loại, cùng các Thiên tử đến rừng Nhất thiết quán ý lạc và đến nơi vui chơi Nhất thiết kiến lâm, Nhất thiết địa thiên. Cây cối ở rừng ấy có đủ thứ như ý muốn, được trang trí đủ cách, cây vàng, lá bạc, cành xích bảo, trái pha lê đủ sắc, hương, vị. Rừng ấy có vô lượng cây như thế. Lại có rừng khác dùng để trang trí, cây lưu ly, cành vàng ròng, lá xích bảo, trái bạch ngân xen lẫn xa cừ. Lại có loại cây khác cứ một khuỷu tay là có một vật báu trang trí như vàng, bạc, xích bảo, lưu ly, xa cừ. Lại có cây cứ một khuỷu tay làm bằng một loại báu đầy đủ hoa trái, hoa trời xinh đẹp. Hoa ấy có đủ sắc hương, hương xoa xông khắp sáu do-tuần, các loài ong tạp sắc hút mật hoa. Rừng Nhất thiết kiến ý lạc có cây cối trang trí như thế. Do các nghiệp lành mà thọ hưởng quả báo này. Lại có hoa sen đẹp, cọng bằng lưu ly, lá bằng vàng ròng, tua bằng xích bảo, có ong bằng nhân-đà xanh trang trí. Tiếng chúng rất hay, nghe tiếng ấy chư Thiên vui mừng. Rừng ấy có các hàng cây xanh, vàng, đỏ, tía. Như người Diêm-phù-đề xem ánh điện thì rừng này cũng vậy hàng lối xinh đẹp, lại có sông ao trang trí vườn rừng. Thiên tử thấy rừng có đủ các công đức như vậy, tâm rất vui mừng, cùng các Thiên nữ đến rừng ấy. Thấy vậy, chư Thiên khác biết Thiên tử mới sinh đến chỗ của họ nên cùng ra nghênh đón, thăm hỏi nhau, khen ngợi nhau, vui chơi thọ lạc, tấu kỹ nhạc, vui chơi trong các rừng, ao sen. Thọ hưởng năm dục lạc ở rừng Nhất thiết kiến một thời gian lâu, họ rời rừng ấy đến nơi vui chơi khác. Nơi ấy có các lan can bao quanh, luôn lưu xuất ra thức uống ngon, cung điện bằng bảy báu giăng hàng như rừng cây, đất bằng vàng ròng, có các loài chim hót tiếng rất hay, nhảy múa vui chơi, tiếng nước chảy róc rách, dòng sông ăn uống có đủ sắc hương vị. Thiên tử vào đó vui chơi hưởng năm dục lạc, cùng các Thiên nữ xinh đẹp

hưởng nghiệp thiện cõi trời, trải qua một thời gian lâu, vì tâm phóng dật nên họ không hay biết. Thiên tử thọ năm dục lạc đến khi nghiệp thiện hết, bị thoái đọa. Vì phóng dật che lấp tâm nên không quan sát sự thoái đọa, bị tâm ái làm mê hoặc, lửa dục đốt thiêu, tâm tham dục lạc vẫn không hay biết. Nếu tướng suy hiện thì lo sợ, thấy được sự vô thường biến đổi, nhất định bị thoái đọa, lúc đó mới hay biết. Thiên tử ấy mãi mê buông lung đến khi nghiệp thiện hết rồi qua đời, bị đọa lạc, lưu chuyển theo nghiệp, bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu còn nghiệp thiện khác được sinh trong cõi người, thọ hưởng hoan lạc thượng diệu, đầy đủ vật báu, ngay thẳng không dua nịnh, sinh vào nơi đô thị, biết việc tà chánh, biết pháp, phi pháp, biết được tất cả nơi người làm lành, thuận theo chánh pháp, biết báo đáp ân đức mà sinh vào, được mọi người thích nhìn, già trẻ đều yêu kính, không bệnh khổ, khôi ngô tuấn tú, có sức mạnh, không lo sợ, an ủi mọi người, đầy đủ vợ con, vua, giặc, nước, lửa không thể xâm đoạt tài vật mình, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ mười chín của cõi này tên là Như ý. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh dùng tâm chánh kiến, tin quả báo của nghiệp, sống vững chải trong chánh kiến, tâm chân thật, không gây khổ chúng sinh, hiếu dưỡng cha mẹ, thuận pháp tu hành, không biếng nhác, cung kính Tam bảo! Phật, Pháp, Tăng, không sát sinh, trộm cướp, không dạy người làm, cũng không tùy hỷ, thấy người khác làm thì khuyên họ đừng làm, nói nghiệp quả cho chúng sinh để họ sống trong pháp lành, không sát sinh, trộm cướp. Nếu ai không giữ giới thì khuyên họ giữ giới, người đã giữ giới thì khuyên họ sống vững trong giới. Người tự lợi, lợi tha này sau khi qua đời sinh lên cõi trời trời Tam thập tam thuộc đường lành. Thế nào là không sát sinh? Có người biết những chúng sinh khác như kiến, muỗi… thì không cố ý giết chúng. Đó là không sát sinh. Có người đặt lưới, bẫy, hầm hố giết hại cù-đà, chuột, con do, thỏ, thì khuyên họ đừng làm. Có người tìm phương cách độc ác như giăng lưới, đặt bẫy săn bắn chim thú và những dụng cụ giết hại khác để giăng bắt chúng sinh làm cho chúng chết thì người giữ giới này khuyên họ thả đi. Đó là không sát sinh, làm cho chúng sinh sống trong pháp lành. Thế nào là không trộm? Cho dù cỏ cây cũng không sinh tâm trộm, thấy người trộm thì khuyên họ đừng làm. Lại có người sống trái pháp, cúng dường âm nhạc nơi tháp Phật, tinh xá, có người lại ca múa vui chơi trong đó, hoặc cùng người nữ ca múa vui đùa, hoặc ở trong chùa Tăng, có người

bảo trỗi nhạc, đánh đàn… cúng dường tháp Phật, vì tự nuôi sống mà trỗi âm nhạc thì đừng để người ấy trỗi nhạc cho kẻ khác, đó là không trộm. Lại có cách trộm cướp khác như: Ban đầu hứa trả giá cao hơn cho dâm nữ nhưng sau lại trả giá thấp, đó là trộm. Lại có cách trộm khác như có người bán rượu thịt, đã mua chắc giá nhưng lại không trả đúng giá, đó là trộm. Người giữ giới phải vứt bỏ không làm việc sát sinh, trộm cướp như thế, thấy ai làm thì không vui, tâm không nghĩ đến. Thế nào là bố thí? Dù là người nghèo khổ, ít của cải nhưng vẫn đem tài vật cúng dường người chứng thiền thứ ba, riêng mình cam chịu đói khổ mà cho người khác, bố thí bằng tâm Từ bi như yêu con mình. Thế nào là giữ giới không sát sinh? Nếu gặp người giết chúng sinh trong nhà xí thì khuyên họ đừng làm, đem nước khuyên họ đổ trở lại chỗ bẩn để chúng không chết. Đó là không sát sinh. Người làm lành này sau khi qua đời sinh lên cõi trời, có các Thiên nữ vây quanh hưởng lạc tuyệt diệu. Giờ đây xin nói một ví dụ nhỏ cho vị trời này: Như diệu lạc mà Kim luân vương thọ hưởng thật không bằng một phần mười sáu diệu lạc này. Thân hình không xương thịt, cũng không nhơ uế, không sinh tâm ganh ghét, mắt không nháy, y phục không bụi nhơ, không bị khói sương, cũng không có khổ về đại tiểu tiện, thân thể sáng chói. Chuyển luân thánh vương hoàn toàn không có việc này, không giữ gìn vợ con, không ganh ghét, tự do ăn uống, không ngủ nghỉ cũng chẳng mỏi mệt. Chuyển luân thánh vương hoàn toàn không có việc này. Vì thế mà diệu lạc của Chuyển luân thánh vương không bằng một phần mười sáu. Cho nên xin nói một ví dụ nhỏ trong cõi người. Cứ thế người ấy tuần tự thọ hưởng năm dục lạc. Cõi ấy có một vườn rừng tên Ca-tỳ-la dài mười do-tuần, rộng năm do-tuần, khắp nơi được trang trí bằng chim vàng, vô lượng chim toàn thân bằng vật báu, lại có hoa đẹp sáng rực trang trí vườn rừng, cây bằng bảy báu. Trong rừng lại có loài chim xinh đẹp đủ màu sắc hơn cả người trang sức lộng lẫy. Lại có Thiên tử ở trong rừng lấy các loài hoa vui chơi, cọng, lá, tua hoa đều bằng lưu ly, đài hoa bằng xích liên hoa bảo, hương hoa xông khắp mười do-tuần thơm hơn tất cả các loài hoa. Chư Thiên ngửi hương ấy càng thêm vui sướng. Lại cùng các Thiên nữ ở vườn Ca-tỳ-la đi đến dòng sông uống tha hồ hưởng, có xe cao lớn, lan can, lầu gác, cửa ngỏ treo các linh báu, vòng hoa báu, lưới chân châu che bên trên, treo cờ phướn báu, vàng, bạc, pha lê, xích bảo trang trí các cột, có các loài chim như thiên nga, chim thứu, bồ câu, mạng mạng, hồng nhan xinh đẹp, xe ấy được trang trí bằng các loài chim như vậy. Chư Thiên đều đi xe ấy, là nhờ nghiệp thiện. Họ lại cùng các Thiên nữ đến rừng lớn Ca-tỳ-la,

đến chỗ ăn uống. Đến nơi họ xuống xe, ăn uống thức ngon, ăn uống xong lại vui chơi trong vườn, trỗi nhạc, ca múa thọ lạc. Trải qua một thời gian dài, vì tâm tham đắm dục lạc nên họ không biết thời gian. Họ lại đến rừng Nhất thiết kiến, lên đỉnh núi cao. Vì muốn thấy các rừng khác nên cùng Thiên chúng leo lên xe biến hóa ca múa vui chơi đủ cách, cùng nhau thọ lạc. Họ lên đỉnh núi cao của rừng Nhất thiết kiến, thấy một mặt của núi Tu-di chúa có nhiều vườn rừng xinh đẹp, sắc hoa sáng rực như màu vàng ròng, có các sông suối, ao hồ, các dòng sông ăn uống, vô lượng Thiên nữ xinh đẹp vây quanh. Núi Tu-di ở giữa sáu vạn ngọn núi. Núi này cao lớn là chỗ ở của Trời, Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la, Yên-na-la và chư Thiên tạo nghiệp lành. Do nghiệp thiện mà được quả báo có đủ bốn thứ báu, mỗi nơi được trang trí nhiều màu sắc. Họ nhìn thấy tất cả, cùng vui chơi, tâm dục buông lung, khen ngợi nhau cùng nhau vui đùa. Thân họ có thượng, trung, hạ, sự vui chơi ăn uống cũng thế. Thấy vậy, họ nghĩ: Không phải chỉ mình ta thọ hưởng diệu lạc, còn có nhiều chư Thiên và Thiên nữ khác vui chơi thọ lạc, họ còn thấy cây Như ý đủ màu sắc trang trí vườn rừng. Bấy giờ chư Thiên lại nhìn thấy các cõi khác như Cao tụ, Đại cao tụ, có các dòng sông xinh đẹp. Nếu khi mặt trời, mặt trăng đi qua hai đỉnh núi này thì họ sẽ thấy dưới mặt trời có trăm ngàn đỉnh núi giống như La-hầu A-tu-la lấy tay che ánh sáng mặt trời, như đã nói ở trước. Khi ấy Thiên tử lưu chuyển qua lại trong hư không, quan sát núi chúa, cùng Thiên nữ vui chơi hưởng lạc ca hát khen ngợi ở trong cung điện. Họ nhìn thấy hết các vườn rừng ở núi chúa, rồi trở về chỗ của mình. Về đến nơi họ lại ca múa vui chơi, thọ nhận năm dục lạc ở vườn rừng, vì dục lạc che lấp tâm nên không biết đến thời gian. Họ lại đến núi Bà-la-ma, núi ấy rộng năm do-tuần, cao mười do-tuần. Có người đi bằng xe, có người cỡi chim bay, lên núi ấy, núi ấy được trang trí các trụ báu, có sông hồ bằng bảy báu, cây báu Như ý sáng rực, họ trỗi âm nhạc, hoan hỷ vui chơi, hưởng quả báo của tự nghiệp. Vì phóng dật nên họ vui chơi trải qua thời gian lâu mà vẫn không hay biết, bị dục lạc mê hoặc không biết nhàm chán. Họ lại đến rừng Ưu-bát-la. Rừng này có trăm ngàn loài ong vây quanh. Họ vào rừng cùng ăn uống ca múa hưởng lạc không biết nhàm chán. Họ lại đến nơi vui chơi tên là Vô cấu, trỗi trăm ngàn âm nhạc cùng nhau vui chơi không biết thỏa mãn. Chư Thiên buông lung thọ hưởng năm dục lạc đến khi nghiệp thiện hết, họ qua đời bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu còn nghiệp thiện khác thì được sinh trong cõi người, nhan sắc tươi đẹp, được vua quý trọng, giàu có, thông minh, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ hai mươi của cõi này tên là Vi tế hạnh. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh tu hành pháp thiện, tự lợi, lợi tha không dối gạt, não hại chúng sinh, tu hành chất trực, thực hành nghiệp thiện được quả báo vui, tạo nghiệp thanh lương được quả thanh lương, tạo nghiệp lành được quả vui, được tất cả chúng sinh cúng dường, mọi người yêu mến, hiện tại, vị lai đều đạt lợi ích an lạc. Khi bỏ thân này, nghiệp thiện đã tạo vẫn còn như cha mẹ, vì như thật nên thọ hưởng vô lượng hoan lạc, không sát sinh, trộm cướp, còn dạy người khác không sát sinh, trộm cướp, không ở chung, gần gũi, vui chơi, làm việc với kẻ sát sinh, trộm cướp, không ở chung với kẻ ác phá giới, gần gũi làm việc, vui chơi thọ lạc với người lành giữ giới, cùng suy xét pháp và phi pháp. Người này không làm ác, còn dạy người không làm ác, người này tu tập nghiệp thiện, làm cho kẻ ác phá giới sinh trong pháp lành, chỉ rõ chánh pháp để họ vào chánh đạo, gieo trồng nghiệp lành, tâm người ấy trong sạch như vàng ròng, thực hành nghiệp thiện, hiện tại, vị lai an ổn vui vẻ. Đó là không sát sinh. Lại có cách không sát sinh khác như: Nếu có người vì tà kiến mà giết hại rắn, bọ cạp và loài nhiều chân như muỗi, nhặng, thằn lằn để vun bón cây ăn trái trong vườn tươi tốt, người trì giới không làm việc đó để giữ gìn mạng sống chúng. Các loại trái cây nếu nghi có trùng thì không bao giờ cố ý ăn, không bao giờ uống nước mà chưa xem kỹ hay nước để qua đêm, nếu không xem kỹ, không lọc, sợ sinh trùng nhỏ thì không uống, không dùng. Đó là sự vi tế của giới không sát sinh. Thế nào là không trộm? Có mấy cách không trộm như: Có người thường suy nghĩ muốn cho lúa gạo, ngũ cốc, đậu mè của mình được mùa, còn ngũ cốc của mọi người thì mất mùa. Lại vào lúc khác, do chúng sinh bạc phước, nên ruộng lúa không thu hoạch được. Kẻ ác thấy mọi người đói khát lại vui mừng như ý mình, rồi đem bán bằng tâm xảo trá, đong lường lúa thóc dối gạt mọi người, đến khi thành nghiệp, nếu do tâm suy nghĩ gọi là tư nghiệp, còn lúc dối gạt gọi là cuống nghiệp, tạo nghiệp dối gạt xong gọi là cứu cánh nghiệp. Người giữ giới không làm việc ấy, dù nghèo khổ cũng vẫn không làm việc phi pháp dối gạt người khác, thấy người khác làm thì không vui theo. Nếu gặp thời đói khát, vì nuôi mạng sống mà cầu tài vật thì buôn bán đúng pháp, không lường gạt chúng sinh. Đó là không trộm. Thế nào là bố thí? Với tâm lành, thực hành việc lành, tự lợi, lợi tha, bản thân thì nghèo khổ vất vả mới có tiền của hoặc xin người khác để bố thí cho người bệnh tật, khốn khổ thiếu thốn hay người học và chứng thiền thứ ba. Người này

thành tựu ba nghiệp bố thí. Nếu tâm suy nghĩ muốn bố thí gọi là quyết định, lúc bố thí là nghiệp, bố thí xong lại còn suy xét gọi là cứu cánh. Người này tạo một ngàn hai trăm nghiệp lành, sau khi qua đời sinh vào cõi Vi tế thuộc đường lành. Người ấy do tạo nghiệp vi tế nên được sinh lên cõi này, tùy ý mà có được thân lớn nhỏ. Vườn rừng ở đó cây cối bằng bảy báu, trong sạch nhất. Người ấy thọ hưởng theo nghiệp của mình. Rừng bảy báu này dài hai mươi do-tuần, rộng mười do-tuần, đầy đủ vườn rừng, ao suối, trong sạch không nhơ giống như gương sáng, ai thấy cũng thích. Cành lá sạch sẽ không nhơ, bằng vàng, bạc, lưu ly và các tạp bảo. Thiên tử vào rừng tự thấy tất cả sắc thân trong cành lá của cây báu. Ở một cây vị ấy tự thấy thân mình, ở trăm ngàn cây cũng tự thấy thân mình như vậy. Sắc tướng của tất cả Thiên tử đều hiện trong các cây, do nghiệp thiện đạt quả tương tợ. Cây ấy lại có những việc kỳ lạ khác, theo nghiệp thượng, trung, hạ của họ đã tạo mà hiển hiện hết trong cành lá của cây ở cõi trời này.

Khi ấy Đế Thích cùng các Thiên nữ trang sức vòng hoa, đi xe sáng rực hơn cả ánh sáng của trăm mặt trời cùng chiếu. Chư Thiên ở Vi tế hạnh trông thấy Đế Thích đều ra nghênh đón. Đến nơi, họ cung kính đảnh lễ Đế Thích, theo Đế Thích trở lại vườn rừng thọ hưởng năm dục lạc. Thiên vương Thích-ca cũng ôn tồn thăm hỏi chư Thiên về thực hành nghiệp thiện lớn. Chim chóc trong rừng ấy hót tiếng rất hay, rừng ấy được trang trí cây vàng ròng. Quan sát nghiệp báo xong, Thiên vương nói kệ:

Nghiệp lành được quả này
Có đủ các vườn rừng
Dù chẳng cần nói năng
Cũng biết được nghiệp báo.
Tất cả các nghiệp báo
Chịu sinh tử khắp nơi
Hoặc thiện hoặc bất thiện
Nên chịu quả báo ấy.
Người nào tu nghiệp thiện
Sẽ được sinh lên trời
Kẻ tạo nghiệp bất thiện
Đọa trong ba đường ác.
Dù làm thiện, bất thiện
Đều do dục si sai
Không biết sẽ thoái đọa
Chắc chắn chịu khổ chết.

Nhờ quả báo nghiệp thiện
Nên cây cối như vậy
Ai không chán bỏ dục
Tâm bị lạc mê hoặc.
Buông lung ham vị dục lạc
Tâm luôn tìm cảnh giới
Luôn bị ái não hại
Lại bị ái trói buộc.
Dục từ nữ nhân sinh
Người nữ rất độc ác
Sinh ra các phiền não
Như lửa đốt chúng sinh.
Phiền não của dục ấy
Còn hơn ngọn lửa dữ
Phiền não của sắc đẹp
Thiêu đốt tâm chúng sinh.
Người nữ hoại thế gian
Đoạn diệt các pháp thiện
Đó là nhân địa ngục
Đại tiên nói như thế.
Miệng khéo nói lời hay
Tâm họ như độc hại
Dối gạt không tạm dừng
Tâm người nữ không thật.
Bất chợt tâm yêu thương
Bất chợt tâm ghen ghét
Tâm họ luôn thay đổi
Như điện không tồn tại.
Kẻ xảo trí dối trá
Gần gũi với tâm tham
Luôn thích thú kẻ khác
Kiêu mạn bằng tình tứ.
Trời, người, Tỳ-xá-già
La-sát, rồng, Dạ-xoa
Đều bị nữ sắc trói
Người nữ như chất độc.
Không nghĩ đến ân huệ
Dòng họ và tài năng

Người nữ tánh như gió
Tâm ý không tạm dừng.
Nếu thấy ai giàu có
Thì sinh tâm yêu thích
Còn thấy tai họa đến
Chán ghét lại bỏ đi.
Nếu người nào gần gũi
Sẽ sinh tâm yêu thích
Thấy họ bị buồn lo
Sẽ xa lánh lập tức.
Như ong thích vờn hoa
Hoa héo sẽ bỏ đi
Người nữ cũng như vậy
Không vui sẽ xả bỏ.
Tâm ác, không thương yêu
Tâm nhiễu loạn bất định
Phá hoại kẻ ngu si
Không ai bằng người nữ.
Dây trói ở cõi trời
Không gì hơn nữ sắc
Người nữ cột chư Thiên
Dắt đến ba đường ác.
Tâm ai tham nữ sắc
Dục ấy thật là lớn
Dục nữ sắc đốt tâm
Sau chịu khổ não lớn.
Những nghiệp đang tạo tác
Tham dục mê hoặc tâm
Tâm si không hiểu biết
Nữ dục làm mê loạn.
Trượng phu đã chánh tín
Bất chợt sẽ bỏ hết
Vô lượng dây tham ái
Như con rắn lột xác.
Tánh người nữ như vậy
Dù phục vụ đủ thứ
Giữ gìn bằng mọi cách
Cũng không thể vừa ý.

Tánh người nữ như thế
Tâm họ không thành thật
Hư dối lại gian xảo
Người trí không tin tưởng.

Nghe Đế Thích thuyết pháp xong, chư Thiên sinh tâm nhàm chán, nói kệ:

Đúng thế, đúng thế! Đại Thiên vương
Nói lời như thật, không hư dối
Tôi vì không trí, không hiểu biết
Bị lưới Thiên nữ buộc tâm mình.

Nghe kệ xong, Đế Thích đến rừng có tiếng chim. Rừng ấy trang trí vô số cung điện, có ao tắm xinh đẹp, ngọn núi sắc vàng như màu dung kim, trỗi các thứ kỹ nhạc, ca hát rất hay, có các Thiên nữ làm quyến thuộc. Thiên vương Đế Thích vào rừng thọ hưởng diệu lạc cõi trời, các căn thọ nhận cảnh giới năm dục. Họ lại đến ngọn Càn-đà-tụ trên đỉnh Tu-di. Núi ấy được trang trí bằng bảy báu có dòng nước chảy xinh đẹp kỳ lạ, đỉnh núi bằng chân châu anh lạc, đáy sông rải cát bằng chân châu, hai bên bờ sông có nhiều loài chim hót tiếng rất hay. Ai thấy dòng sông này cũng đều yêu thích. Thiên vương Thích-ca cùng các Thiên nữ xinh đẹp vui chơi thọ lạc. Thọ hưởng diệu lạc ở đây xong, lại cùng Thiên tử, Thiên nữ đến nơi vui chơi ở cung điện Chu-la. Đến nơi, chư Thiên ở cõi khác nghe Thiên chủ đến, họ cũng tập hợp lại. Cung điện của núi này trụ ở đỉnh núi Tu-di nguy nga xinh đẹp, ánh sáng của cõi trời Dạ-ma chiếu lên đỉnh núi này. Ánh sáng núi Tu-di sáng rực khắp bốn cõi thì ánh sáng cõi Dạ-ma chiếu lên đỉnh núi này cũng thế. Các cung điện khác càng thù diệu gấp bội. Vui chơi ở đây xong, Thiên tử Thích-ca Đề-bà cùng các Thiên tử, Thiên nữ trở về Thiện pháp đường. Vị trời cõi Vi tế hạnh này thọ hưởng năm dục lạc, đến khi nghiệp thiện hết, vị ấy qua đời, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu còn nghiệp thiện khác thì được sinh trong cõi người, luôn được an lạc, hoặc được làm vua, quan, thông minh đệ nhất, khi thẩm xét được mọi người tuân phụng, không cần nói nhiều, y phục trong sạch không nhơ, vợ con trinh thuận, tâm không tà vạy, thích bố thí, ngay thẳng không dua nịnh, được anh em dòng họ yêu kính, cung kính Sư trưởng yêu thích tôn khách, giữ giới, thích vòng hoa thơm, xa lánh tri thức ác, sinh trong dòng hào phú, khôi ngô tuấn tú, trang sức đủ loại, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ hai

mươi mốt của cõi này tên là Ca âm hỷ lạc. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh với tâm lành thực hành nghiệp thiện, hoàn thiện thân, ngữ, ý, làm lành, tự lợi, lợi tha, lợi ích cho chúng sinh, có tâm Từ bi, tin nghiệp quả, chánh kiến, chánh nghiệp, giữ hai giới, tâm không tán loạn, không mất oai nghi, không gần bạn ác, hiếu dưỡng cha mẹ, cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, thực hành cứu cánh ba loại nghiệp thiện, giữ hai loại giới không sát sinh, trộm cướp. Thế nào là không sát sinh? Nếu ngũ cốc lúa thóc có vi trùng nhỏ thì không xay giã, biết có trùng thì giữ gìn mạng sống của chúng, không đem lúa ấy cho người. Lại có cách không sát sinh khác như: vi trùng sinh trong ung nhọt của lừa, lạc đà, trâu, ngựa chuyên chở đồ vật thì khi lấy nước rửa ung nhọt đó, không nên dùng thuốc thoa hại đến sinh mạng của chúng, nên dùng lông chim dũ bắt trùng ấy đem bỏ những chỗ thịt thối để bảo toàn mạng sống của chúng. Giữ gìn sợ hại sinh mạng của trâu, lừa thì cũng giữ gìn mạng sống của loài trùng, cho dù là loài kiến cũng không cố ý giết, ngày đêm không sống phóng dật, tâm không nghĩ đến việc giết. Nếu có tâm tưởng chúng sinh như con rận, con kiến cũng không cố ý giết. Đó là không sát sinh. Thế nào là không trộm? Có mấy cách không trộm: Nếu thấy rắn, ểnh ương, hoàng dứu ăn trùng, hoặc chó, dã can bắt chúng sinh ăn thịt thì đem thức ăn của mình đổi mạng để chúng thoát chết. Người này cứu giúp mạng loài trùng gọi đó là không trộm, mình không trộm cũng không dạy người trộm, khuyên chúng sinh sống trong pháp lành, người chưa giữ giới khuyên họ giữ giới, người đã giữ giới làm cho họ tăng trưởng, nói quả báo của nghiệp để họ giác ngộ. Đó là không sát sinh, không trộm cướp. Lại còn thực hành theo chánh pháp tạo lợi ích cho chúng sinh, thấy người khác muốn giết loài ong mật liền đem vật mua chuộc để chúng thoát chết, bố thí mạng cho chúng sinh gọi là thí mạng. Lại còn có cách bố thí khác như người thực hành chánh pháp ấy dù nghèo khổ thiếu thốn nhưng vẫn cúng dường một bữa ăn cho người chứng Thiền thứ tư, thấy kẻ ác muốn giết người thì đem tiền chuộc mạng để họ thoát chết. Trong các cách bố thí, bố thí mạng và pháp thí là hơn hết. Người thực hành hai cách bố thí, còn dạy người hành hai cách bố thí ấy, thấy ai làm thì làm theo. Người giữ giới này sau khi qua đời được sinh lên trụ xứ Ca âm hỷ lạc của cõi trời Tam thập tam. Nhờ nghiệp thiện, được sự cúng dường thù thắng, nhờ nghiệp thiện vườn rừng ở đó rất xinh đẹp. Các trụ xứ của chư Thiên đều do nghiệp thiện hóa sinh, chư Thiên đều vui chơi thọ lạc, rồi bị thoái đọa là do nghiệp thiện hết. Họ biết được thời gian thoái đọa nhưng vẫn không chán dục,

bị dây ái trói buộc lừa dối. Nói xong, Thiên vương Đế Thích cùng Thiên chúng vui chơi thọ lạc trong rừng. Rừng ấy có đủ hoa trái và dòng sông ăn uống đủ các mùi vị. Họ cùng đến bên bờ sông này vui chơi thọ lạc. Lại đến nơi vui chơi Ma-đa-lân ở phía Nam. Thấy rừng cây ấy Thiên đế Thích hỏi chư Thiên:

–Các ngươi có thấy nơi vui chơi này không.

Các Thiên tử đáp:

–Thưa, có thấy.

Lúc này Đế Thích lại nói những việc xưa của mình cho họ nghe. Ta nghe chư Thiên ở chốn cũ ngày xưa kể rằng: Trong đời quá khứ có Đức Phật hiệu là Ca-ca-thôn-đà ở trong rừng này nói pháp cho chư Thiên nghe, pháp ấy trước, giữa, sau đều thiện, văn nghĩa hoàn thiện, hoàn toàn đầy đủ pháp bạch tịnh, tức là cái này có nên cái kia có, cái này diệt nên cái kia diệt. Thế nào là có? Vì có dục nên có tội lỗi, nếu không có dục thì không có tội lỗi. Thiên tử nên biết đó là cái này có nên cái kia có. Vì sao cái này không nên cái kia không? Nếu không có dục thì không có tội lỗi của dục. Vì sao cái này diệt nên cái kia diệt? Vì ái diệt thì dục diệt, dục diệt nên tội lỗi của dục diệt. Thiên tử nên biết cái này có nên cái kia có, cái này không nên cái kia không. Nếu nghịch quán sẽ biết: Nhân ái là gốc sinh ra dục, nhân dục lại sinh ra dục. Thế nào là dục? Tâm tìm tòi nghĩ nhớ muốn tạo tác, gọi đó là dục. Vì ngu si nên mới tìm tòi, gọi đó là vô minh, vì vô minh nên không nhàm chán cảnh giới, gọi đó là ái. Các Thiên tử không biết đủ nên gọi là dục. Thiên tử! Đó là cái này có nên cái kia có. Thế nào là cái này không nên cái kia không? Nghĩa là vì tham ái nên không biết đủ, nếu ái diệt thì tâm không biết đủ diệt, đó là cái này không nên cái kia không, cái này diệt nên cái kia diệt.

Lại nữa, này các Thiên tử! Cái này có nên cái kia có, nghĩa là hòa hợp tạo nghiệp rồi vì có nghiệp nên có nghiệp báo, nếu không tạo nghiệp thì không có nghiệp báo. Thiên tử! Đó là cái này có nên cái kia có, cái này không nên cái kia không.

Lại nữa, này các Thiên tử! Thế nào là cái này có nên cái kia có? Nghĩa là trước do nghĩ nhớ, mắt duyên sắc sinh ra thức, nghĩ nhớ là trước hết nên gọi cái này có nên cái kia có. Thế nào là cái này không nên cái kia không? Nếu không có sắc thì không có mắt duyên, nếu không mắt duyên thì không nghĩ nhớ, không có sắc nhãn và không nghĩ nhớ thì nhãn thức cũng không. Này các Thiên tử! Đó là cái này không nên cái kia không.

Lại nữa, này các Thiên tử! Thế nào là cái này có nên cái kia có? Ví

như người thợ gốm vì có các thứ như bàn quay, dây, bùn, nước hòa hợp nên có cái bình. Thiên tử! Đó là cái này có nên cái kia có.

Lại nữa, này các Thiên tử! Thế nào là cái này không nên cái kia không? Như người thợ gốm không có các thứ như bàn quay, dây, bùn, nước hòa hợp thì không có cái bình. Đó là cái này không nên cái kia không.

Lại nữa, này các Thiên tử! Thế nào là cái này có nên cái kia có? Như hòa hợp chắc chắn có chia ly. Đó là cái này có nên cái kia có. Thế nào là cái này không nên cái kia không? Như nếu không hòa hợp thì không có chia ly. Thiên tử! Đó là cái này không nên cái kia không.

Lại nữa, này các Thiên tử! Thế nào là cái này có nên cái kia có? Vì có sinh nên phải có chết, nếu không sinh thì không chết. Thiên tử! Đó là cái này có nên cái kia có, cái này không nên cái kia không. *(Chư Thiên không có già nên không nói già, chỉ nói chết)*

Lại nữa, này các Thiên tử! Thế nào là cái này có nên cái kia có? Vì có dục nên chắc chắn bị thiêu đốt. Ví như có lửa ắt sẽ có thiêu đốt. Thiên tử! Đó là cái này có nên cái kia có. Thế nào là cái này không nên cái kia không? Vì chán xa dục nên không bị dục thiêu đốt, ví như không có lửa thì không bị thiêu đốt. Thiên tử! Đó là cái này không nên cái kia không.

Lại nữa, này các Thiên tử! Thế nào là cái này có nên cái kia có? Như có tinh huyết của cha mẹ, có nghiệp, có tạng thức, có thân trung ấm, có hương khí nên có thân sinh ra. Thiên tử! Đó là cái này có nên cái kia có. Thế nào là cái này không nên cái kia không? Như không có cha mẹ thì không có tinh huyết, không có nghiệp quyết định, tạng thức thân trung ấm thì không có thân này sinh ra. Thiên tử! Đó là cái này không nên cái kia không.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 30

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 9)

TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 6)

Lại nữa, này các Thiên tử! Cái này có nên cái kia có, nghĩa là có bờ bên kia thì có bờ bên này. Nếu không có bờ bên kia thì không có bờ bên này. Thiên tử! Đó là cái này có nên cái kia có, cái này không nên cái kia không. Mỗi cái đều do nhân duyên hòa hợp sinh, tất cả pháp hữu vi đều do nhân duyên. Nhân duyên: Vô minh duyên hành, hành duyên thức… cho đến tử cũng vậy.

Thiên tử nên biết! Đó là mười hai nhân duyên mà Đức Thế Tôn đã trải qua năm ngàn năm ở trong cung điện này diễn thuyết cho mọi người. Giờ đây ta xin nói một phần nhỏ. Hằng hà sa Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác trong ba đời đều nói pháp này, là pháp thân chân chánh. Lúc Đức Phật Thế Tôn nói pháp này, bảy ức chư Thiên chấm dứt lậu hoặc, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Bấy giờ Đức Thế Tôn trở về Diêm-phù-đề, với tâm đại Bi, Ngài thuyết pháp cho mọi người. Đó là vô minh duyên hành… sinh duyên lão tử. Lúc ấy, vô lượng vô biên chúng sinh xa lìa trần cấu, đoạn trừ lậu, hoặc, đạt giải thoát trong giáo pháp. Đức Thế Tôn, Bậc Đạo Sư của trời, người, đã thuyết pháp này cho họ.

Đế Thích nói pháp này cho Thiên vương nghe xong, đi đến cung Ma-đa-lân-na. Đến nơi, thấy các loài chim cánh bằng bảy báu xinh đẹp và các ao sen, hoa bằng bảy báu với nhiều màu sắc khác nhau, có nhiều loài ong đẹp. Ánh sáng của hoa rực rỡ như mặt trời mới mọc, cung điện nguy nga, bên cung điện có cây bằng lưu ly. Do ánh sáng của cây phản chiếu lẫn nhau nên cung điện phát ra ánh sáng xanh. Cây lưu ly này có lá bằng vàng ròng. Ánh sáng lá cây phản chiếu nhau tạo thành ánh sáng vàng đỏ và có ánh sáng lớn. Vườn rừng, cung thất được trang trí các vật báu. Các cung báu có vườn cây bảy báu trang trí trông thật đẹp. Thấy vậy, Đế Thích thầm thán phục. Trong điện này có ao hoa lớn bằng bảy báu. Nước ao màu vàng giống như màu của dung kim. Các vật báu xen lẫn nhau và có các loài chim đủ

màu. Tất cả Thiên chúng tấu nhạc ca múa, cùng nhau vui chơi, đi đến ao lớn đó. Ao đó tên là Nhất thiết tối thắng. Thấy các Thiên tử tâm phóng dật, các loài chim trong ao hót kệ:

Ví như chim kên kên
Không ở trong hoa sen
Người ác không được ở
Nơi tịch tĩnh như vậy.
Cớ sao ở rừng vắng
Lại buông lung phóng đãng?
Đảo điên không thuận pháp
Như mặt trời tỏa lạnh.
Ai lìa được ái, lạc
Giải thoát, bỏ các khổ
Hãy lìa hai pháp này
Thiên lạc chẳng phải lạc.
Tu thiền bỏ phóng dật
Ra khỏi lưới dục vọng
Giải thoát mới là vui
Không bị ái lừa dối.
Thế Tôn và Tỳ-kheo
Xưa đã ở nơi này
Người bị dục dắt dẫn
Không được ở rừng này.
Thiên lạc đang thọ hưởng
Vô thường, không tồn tại
Ra khỏi ái dục này
Là hoan lạc đệ nhất.
Những người ở rừng này
Đều vào nơi thanh tịnh
Nếu đạt được tịch diệt
Sẽ đoạn trừ khổ đau.
Tâm ham thích thức ngon
Bị tâm tham lừa dối
Người này không được ở
Trong rừng vắng lặng này.
Ai tu tập tịch tĩnh
Thích thanh tịnh được ở
Tâm chạy theo cảnh dục

Không ở rừng thanh vắng.
Nếu tâm đã tịch tĩnh
Sẽ được ở rừng này
Bị tâm dục mê loạn
Không được ở nơi đây.
Lo sợ năm nhân duyên
Không bị ái thiêu đốt
Người thanh tịnh lìa ái
Không đọa vào đường ác.
Có sinh phải có chết
Mạnh bị bệnh xâm chiếm
Giàu sang có suy não
Già hủy hoại trẻ trung.
Ân ái phải chia lìa
Hòa hợp không tồn lâu
Các pháp đều như thế
Là lời Chánh giác dạy.
Ai không bị mê hoặc
Trong cảnh giới ba cõi
Sẽ đạt được tịch tĩnh
Ở trong rừng vắng lặng.
Ai bị dục dối gạt
Luôn luôn phải lo sợ
Sẽ không được an lạc
Thanh tịnh của rừng này.
Tâm người nào tịch tĩnh
Ở trong rừng tu tập
Sẽ đạt được an lạc
Không phải kẻ hành dục.
Ở rừng tu tập tịnh
Vào xóm tâm không động
Vì thế ở trong rừng
Không nên ở xóm làng.
Người nào vào thành ấp
Bị tâm dục mê loạn
Dua nịnh, không thanh tịnh
Vào rừng sẽ tịch tĩnh.
Vì thế trong rừng núi

Là nơi yên tĩnh nhất
Là nơi hành giả sống
Xa lìa tâm dục vọng.
Các căn, tâm vắng lặng
Tâm hành giả an lạc
Ngàn diệu lạc Đế Thích
Không bằng tâm người này.
Ai được lạc thiền định
Tất cả pháp bạch tịnh
Diệu lạc trời Dạ-ma
Không bằng phần lạc này.
Hoan lạc sinh từ dục
Luôn sẵn có khổ đau
Hoan lạc đoạn phiền não
Vĩnh viễn không hoại được.
Trong vô thỉ sinh tử
Tâm phiền não oán kết
Ai đoạn oán kết này
Dục lạc không tác dụng.
Hoan lạc sinh từ dục
Chịu quả khổ bất tịnh
Ai được lạc giải thoát
Lạc này không gì bằng.
Luôn sống hạnh lìa dục
Đạo cao nhất người tu
Từ ái sinh dục lạc
Không đến được chánh đạo.
Trước, ái như vị ngọt
Chịu quả như lửa độc
Hoan lạc sinh từ dục
Luôn ở chốn địa ngục.
Trước, ái sinh vị thiện
Ái ở giữa cũng vậy
Sau thanh tịnh vắng lặng
Đến được chỗ an lạc.
Trước, giữa hành pháp lành
Trang sức như mẹ hiền
Cớ sao bỏ chánh niệm

Ham cảnh giới dục lạc.
Dục xoay chuyển quay tròn
Giữa, sau luôn chịu khổ
Cớ sao kẻ ngu si
Lại ham thích dục lạc?
Như hoa độc xinh đẹp
Như chạm phải lửa dữ
Dục lạc cũng như vậy
Sau chịu khổ não lớn.
Như thêm củi vào lửa
Lửa ấy không tắt được
Đốt cả mình lẫn người
Dục lạc cũng như vậy.
Như thiêu thân vào lửa
Không biết khổ bị đốt
Dục lạc cũng như vậy
Kẻ si không hiểu biết.
Người nào ham dục lạc
Luôn bị dục thiêu đốt
Như thiêu thân vào lửa
Lửa dục hơn lửa này.
Thế nên bỏ dục vọng
Luôn thích tu trí tuệ
Chớ sống trong phóng dật
Phóng dật đọa đường ác.
Tất cả lạc ái dục
Bị phóng dật lừa dối
Khi quả vui đã hết
Phải chịu khổ địa ngục.
Người ấy nghiệp thiện hết
Bị dục lạc lừa dối
Từ trời xuống, địa ngục
Do dục si lường gạt.
Từ sinh đến lúc chết
Luôn tu chánh tư duy
Tâm nghĩ nhớ giới pháp
Người này được an tịnh.
Dua nịnh, suy nghĩ sai

Ba độc sinh tham đắm
Sông phóng dật rất sâu
Nữ dục là nước sông.
Ca nhạc động tâm họ
Nước ái vượt tảng đá
Rắn cảnh giới che lấp
Sóng tâm nổi nhấp nhô.
Sông ái rất bạo ác
Chảy vào cảnh giới rồng
Kẻ si vào sông này
Bị thiên dục nhận chìm.
Đáng sợ như dòng thác
Kẻ si không biết chìm
Cũng như ong ngu si
Hút mật hoa cây độc.
Độc hại của dục này
Kẻ si thích tham đắm
Ong hút độc bị chết
Ái dục nhận chìm hết.
Từ nước tam độc sinh
Gió phóng dật thổi động
Lửa ái đốt chư Thiên
Mà vẫn không hay biết.
Độc sinh ở cõi trời
Phóng dật là rừng cây
Nơi kẻ si vui thú
Vì ái che tâm mình.
Phóng dật sinh các dục
Duyên dựa không dừng nghỉ
Dục này như mộng huyễn
Người trí không tin tưởng.
Các dục tuy như mộng
Mộng khác nhân địa ngục
Vì thế bỏ các dục
Luôn tu nghiệp thanh tịnh.
Hạnh lành là tối thượng
Không tạo nghiệp bất thiện
Dây nghiệp lành dắt dẫn

Đến những nơi thù thắng.
Chư Thiên tham dục lạc
Không đạt nơi tịch tĩnh
Người trí được tịch tĩnh
Là do không phóng dật.

Những loài chim trời nói kệ này cho các Thiên tử phóng dật nghe xong, Thiên vương Thích-ca từ rừng này đi đến nơi khác. Rừng ấy là nơi những bậc hữu học vô học trang nghiêm bằng công đức nghiệp thiện, là trụ xứ của Đại tiên Thế Tôn Như Lai Ca-ca-thôn-đà.

Khi ấy, Thiên đế Thích cùng vô lượng Thiên chúng trỗi nhạc trời đi vào rừng có nhiều cây cối. Vào rừng này, chư Thiên đều có oai đức thù thắng. Ví như núi Tu-di nằm ở giữa sáu vạn núi vàng, Thiên chủ Thích-ca ở giữa chư Thiên cũng như vậy. Trong các vườn rừng của cõi trời Tam thập tam, ánh sáng rừng này hơn hết.

Khi ấy Thiên chủ Thích-ca cùng các Thiên chúng vây quanh đi vào rừng Diêm-phù. Rừng này có cây bằng vàng. Đến đây, Thiên vương Thích-ca hỏi chư Thiên:

–Các ông có thấy rừng Nhất thiết thù thắng này không? Rừng này có đủ vô lượng ao hoa, vườn cảnh.

Thiên chúng đáp:

–Thưa, có thấy.

Đế Thích nói:

–Rừng này có đủ tất cả công đức hiện nay chúng ta đều thấy và thán phục. Thấy rừng này như thấy sắc thân tuyệt diệu của Đức Như Lai Ca-ca-thôn-đà. Nó là trụ xứ của các Đức Như Lai, Bậc Trí Tuệ, Đại Bi.

Nhờ nghe pháp, vô lượng Thiên chúng từ vui được vui. Đức Như Lai - Bậc Trượng Phu Vô Thượng này đã nhập Niết-bàn, chỉ còn lại pháp của Như Lai thôi. Đế Thích lại đến rừng Câu-sất-ca. Ngày xưa, Đức Như Lai Ca-ca-thôn-đà cũng từng vào rừng này. Vào rừng này, Thiên vương Thích-ca thấy trăm ngàn vạn ức cung điện bao quanh trang trí bằng bảy báu: Ngọc xanh, kim cương, xa cừ, lưu ly… các thứ báu trang trí xen lẫn nhau, trang sức các thứ cờ phướn… Trong các điện, Như Lai ngồi điện thù thắng nhất, ánh sáng rực rỡ như tiết trời đầu mùa hạ thu, không có mây che. Trong các tinh tú, mặt trăng, mặt trời là hơn hết, cung điện mà Đức Như Lai ngồi cũng thù thắng như thế. Ánh sáng của nó chói lọi mà ngoài Đế Thích ra, các Thiên chúng khác không thể nhìn lâu, oai đức của điện này như ngày giữa hạ ở cõi Diêm-phù-đề, mọi người không thể nhìn lâu, cung điện của Như

Lai cũng thế. Thiên vương Thích-ca hỏi Thiên chúng:

–Các ông có thấy oai đức của điện này không?

Chư Thiên đáp:

–Thưa, chúng tôi có thấy.

Đế Thích nói:

–Điện này là chỗ an cư trong bốn tháng mùa hạ của Đức Như Lai Ca-ca-thôn-đà, Đẳng Chánh Giác, Điều Ngự Trượng Phu, Vô Thượng Đại Sư và trăm ngàn Sa-môn - Những người lìa lưới si, chứng bốn đế, đạt hai giải thoát, đủ sáu thông, bốn như ý túc - vì tạo lợi ích an lạc cho chư Thiên cõi trời Tam thập tam mà diễn thuyết chánh pháp. Pháp đó là: Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt, đây là chứng đạo sắc diệt, quan sát sự nguy hiểm, sự xuất ly và sự hòa hợp của thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Thiên tử nên biết! Đây là pháp mà Đức Như Lai này đã tuần tự thuyết giảng làm lợi ích cho chư Thiên - những kẻ sống phóng dật, kiêu mạn không biết khổ, vô thường thoái đọa, chỉ tham dục lạc, không biết tự tướng, bình đẳng tướng. Đức Như Lai lại thuyết pháp vi diệu cho những Thiên tử phóng dật nghe và nói kệ quở trách:

Phóng dật: Gốc sinh tử
Nơi chư Thiên sinh sống
Vì say độc phóng dật
Chìm ở trong các hữu.
Ai xa lìa phóng dật
Vượt hẳn biển ba cõi
Si là gốc phóng dật
Che mờ không hiểu biết.
Ánh sáng được phát xuất
Từ ngọn lửa mặt trời
Nhân si sinh phóng dật
Đại Tiên dạy như vậy.
Lửa phóng dật hừng hực
Từ tâm mà sinh ra
Dối gạt kẻ ngu si
Đi đến cõi địa ngục.
Trời, người sống phóng dật
Do nữ sắc sai khiến
Cùng nhau mà vui chơi
Không biết khổ ái biệt.

Khi sắp qua đời khác
Là lúc chịu khổ lớn
Nữ sắc cũng không còn
Hoan lạc đều mất hết.
Hòa hợp phải chia ly
Hoan lạc sẽ chấm dứt
Trẻ khỏe già phải suy
Do nghiệp làm tan mất.
Hết thảy các chúng sinh
Bị nghiệp thiện ác buộc
Cũng như người diễn trò
Qua lại đều sai khác.
Năng lực nghiệp trói buộc
Lưu chuyển trong sinh tử
Nghiệp vô thường biến động
Người trí không nên tin.
Phóng dật như độc hại
Hãy tìm cách lánh xa
Ai xa lìa phóng dật
Qua khỏi biển ba cõi.

Bấy giờ, Đức Như Lai Ca-ca-thôn-đà điều phục chín na-do-tha chư Thiên phóng dật để họ bỏ phóng dật. Đức Như Lai phân biệt diễn thuyết lợi ích cho chư Thiên, rồi cùng các Tỳ-kheo đi đến Diêm-phù-đề.

Nói xong, Đế Thích lên điện báu Câu-sất-ca. Điện ấy được trang trí vô lượng châu báu mà tất cả chư Thiên chưa bao giờ thấy. Thấy được, chư Thiên vui mừng, sinh tâm thán phục. Thấy vậy, Đế Thích hỏi chư Thiên:

–Các ông có thấy điện thù thắng này chăng? Có điện nào được trang trí xinh đẹp như vậy không?

Chư Thiên đáp:

–Thưa Thiên vương, thấy.

Đế Thích nói:

–Cung điện báu này là của Thiên vương Dạ-ma dâng cúng Đức Thế Tôn Ca-ca-thôn-đà bằng tâm tịnh tín. Ánh sáng của điện này không thể nào nhìn được. Như vậy, ánh sáng của cõi trời ấy rất thù thắng. Vì sao? Vì Thiên tử đời trước không sống phóng dật như các ông.

Khi ấy, chư Thiên tự biết mình yếu kém nên bỏ tâm kiêu mạn, tất cả Thiên chúng đều cúi đầu đảnh lễ điện của Như Lai, đều vui vẻ, sinh tâm

nhàm chán về phóng dật, tự biết mình ít phước. Có người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, có người phát tâm Duyên giác Bồ-đề, có người phát tâm Thanh văn Bồ-đề, có người đối với Phật đạt tín bất hoại. Tất cả Thiên chúng đều phát tâm tịnh tín, chắp tay cung kính ngồi qua một bên.

Lúc này, Đế Thích vào điện Câu-sất, đến tòa Sư tử - nơi Đức Phật thuyết pháp. Giường ngồi của Đức Như Lai Ca-ca-thôn-đà được làm bằng kim cương, đầy đủ mọi thứ. Đế Thích thanh tịnh tâm ý, cúi đầu đảnh lễ tòa Sư tử, tự nghĩ: "Đây là nơi Đức Như Lai ngồi." Nhờ nghĩ nhớ bằng tâm kính trọng, nên sau khi đứng lên, thấy trên vách điện có kệ tụng:

Người rớt từ núi cao
Còn có thể không chết
Kẻ sống trong phóng dật
Không ai không chịu khổ.
Người sống trong phóng dật
Tất cả mọi việc làm
Suốt cả ngày lẫn đêm
Đều không có quả vui.
Phóng dật phá hoại được
Hết thảy các pháp lạc
Thế gian, xuất thế gian
Vì thế hãy xả bỏ.
Không phóng dật không chết
Phóng dật là đường chết
Không phóng dật thù thắng
Các Thiên chủ nên biết.
Phóng dật: Gốc sinh tử
Cẩn thận: Đạo thù thắng
Vì thế bỏ phóng dật
Luôn được hưởng thiên lạc
Người nào muốn tìm vui
Lo sợ các khổ não
Hãy bỏ hạnh phóng dật
Phóng dật như lửa độc
Phóng dật mê muội người
Si phóng dật độc hại
Làm những việc bất thiện
Phóng dật là hầm sâu
Không phóng dật tối thắng

Phóng dật là bất thiện
Không phóng dật được vui
Phóng dật luôn chịu khổ
Kệ này nói tổng quát
Về nguồn gốc khổ vui
Đã biết công đức này
Khéo tu tự lợi ích.

Đọc kệ xong, Đế Thích càng cung kính, tâm ý thanh tịnh, cúi đầu đảnh lễ tòa Sư tử, dừng lại đây một thời gian, khen ngợi không phóng dật, khinh chê phóng dật. Đế Thích ra khỏi điện, đi đến chỗ Thiên chúng. Thấy vậy, chư Thiên đều cung kính đến chỗ Đế Thích. Đế Thích đọc bài kệ vừa rồi cho Thiên chúng nghe, rồi bảo họ rằng:

–Bài kệ này vì lợi ích an lạc cho chư Thiên nên viết trên vách điện.

Nghe xong, các Thiên chúng đều đảnh lễ Thế Tôn, nói: Đức Như Lai Thế Tôn là mắt của thế gian, đã thuyết bài kệ này cho chúng con. Sau một thời gian không phóng dật, chư Thiên lại trổi nhạc đi đến trời Vi tế hạnh. Nghe việc này, chư Thiên cõi Vi tế cùng các Thiên nữ trổi nhạc hay, đi đến rừng này để vui chơi với chư Thiên ở đây. Chư Thiên cõi Vi tế đến đây, chư Thiên ở đây lại mất chánh niệm, sống phóng dật, trổi nhạc ca múa vui chơi, đi đến chỗ chư Thiên cõi Vi tế. Họ gặp nhau, ai nấy đều vui vẻ. Rừng này được bao phủ bởi những cành cây báu.

Họ cùng nhau vui chơi đến khi nghiệp thiện hết, từ cõi trời, họ qua đời, lưu chuyển theo nghiệp, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Người nào đã đóng cửa ba đường ác thì sinh vào cõi người, trong nước an lạc, có đủ vườn rừng sông suối, luôn làm lành, có nhiều của cải, hoặc được làm vua, quan, được mọi người yêu mến, thích bố thí, giữ gìn giới cấm, thích làm lành, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát các trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ hai mươi hai của cõi này tên là Oai đức luân. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh tu hành pháp lành, không phóng dật, lợi ích cho chúng sinh bằng tâm vị tha, tin nghiệp quả, gần bạn tốt, không sát sinh, không trộm cướp. Thấy trên những cây thi-xa-bà, yên-la, táo… có tổ chim, trong tổ lại có chim con, nếu chim lớn hoặc rắn bắt chim con ấy thì cứu chúng thoát chết bằng tâm Từ bi lợi ích cho chúng sinh. Thế nào là không trộm? Không hề trộm một cành cây, một lá cây trong vườn người khác, cũng không dạy người trộm. Dù đi trên đường thấy

trái rơi cũng không trộm lấy, thấy ai lấy thì khuyên bỏ. Thế nào là làm lành bố thí? Vào mùa mưa đem thức ăn cúng dường chư Tăng, gặp thời đói khát đem thức ăn cho người bệnh tật, tự giữ giới, dạy người giữ giới, thấy ai giữ giới thì khuyên họ vui mừng, nói quả báo của nghiệp cho chúng sinh nghe, niệm Phật, Pháp, Tăng, thực hành bố thí, đem thuốc thang, ẩm thực dâng cha mẹ, cho Ưu-bà-tắc, người không giữ giới, người bệnh hoạn, nói nghiệp quả cho người khác nghe, không gần gũi, ở chung, trò chuyện với bạn ác, luôn giữ gìn thân, khẩu, ý, tự lợi, lợi tha. Sau khi qua đời người này được sinh lên trụ xứ Oai đức luân của cõi trời Tam thập tam thuộc đường lành. Ở đây, nhờ nghiệp thiện, thân sáng như mặt trăng tròn. Cõi ấy xinh đẹp trông thật đáng yêu, có nhiều vườn rừng bằng bảy báu, dòng suối, ao sen, đủ các loài hoa, cọng bằng lưu ly, lá bằng vàng ròng che trên mặt ao, bờ ao bằng các loại đá vàng xoay chuyển như điệu múa, các loài chim hót tiếng rất hay làm vui lòng mọi người. Cõi ấy có những ngọn núi vàng, lưu ly xinh đẹp, thiên nga, vịt trời, uyên ương kêu tiếng rất hay, Thiên tử, Thiên nữ vui chơi quanh ao sen, dòng nước chảy róc rách. Lại có nhiều rừng hoa sen báu đủ các ánh sáng, loài ong xinh đẹp. Thiên tử, Thiên nữ ngắm ao sen, lấy vật báu trang sức thân, thọ lạc ở cõi trời Quang minh Luân một thời gian dài. Họ lại đến rừng Di-nan-đa vui chơi, thọ lạc, trỗi các âm nhạc. Ở đó có rừng sen tên Không hầu du hý. Rừng này dài rộng năm trăm do-tuần, có đủ sắc, hương mỹ vị, chư Thiên ăn uống, ca múa, vui chơi. Bấy giờ có chim trên trời chánh hạnh, thấy các Thiên tử phóng dật, nó hót kệ:

Người không biết hổ thẹn
Bạn xấu ác, biếng lười
Đó là nhân địa ngục
Người trí luôn lánh xa.
Kẻ không biết hổ thẹn
Luôn tạo những việc ác
Như người rơi xuống núi
Sau đó mới biết được.
Tham si, không thành thật
Tâm tự chẳng lo sợ
Bị ganh ghét mê hoặc
Không được sinh lên trời.
Uống rượu, nói hư dối
Tâm tham đắm dục lạc
Không tin quả báo nghiệp
Đó là nhân địa ngục.

Giữ chặt tâm độc ác
Tạo nghiệp ác sân hận
Chúng sinh vì nghiệp ác
Đọa trong ba đường ác.
Dũng mãnh tạo nghiệp ác
Luôn bị dục sai khiến
Lại còn thêm nói dối
Kẻ ấy không quả vui.
Người nào phạm giới cấm
Như vân mẫu, báu giả
Kẻ này vì nghiệp ác
Đọa trong ba đường ác.
Người có tâm độc ác
Thật ngu tối vô cùng
Người quy y Tam bảo
Như ánh sáng trong đêm.
Kẻ ngu sống phóng dật
Như kẻ si tự dối
Phóng dật mê cả hai
Lưu chuyển trong địa ngục.
Tất cả các thế gian
Có sinh phải có diệt
Có sống phải có chết
Không ai tránh khỏi được.
Phóng dật tự bao vây
Biển cảnh giới thêm lớn
Bị xiềng ái gông cùm
Vui chơi ở cõi trời.
Chư Thiên lúc sinh ra
Cuộc sống vui mất dần
Phóng dật che lấp tâm
Không biết sự vô thường.
Bị phóng dật mê hoặc
Luôn ham thích cảnh giới
Tham dục không biết đủ
Nên chịu những khổ đau.
Chẳng biết là bao lâu
Bất chợt mất quyền lực

Tham ái khiến chúng sinh
Thọ hưởng diệu lạc trời.
Đất ái rất độc ác
Nhiều giác quán ô nhiễm
Vui chơi trong đất ái
Bị tham dục sai khiến.
Ví như lửa địa ngục
Thiêu đốt những tội nhân
Lửa ái cũng như thế
Thiêu đốt các Thiên chúng.
Lửa đói khát bùng cháy
Thiêu đốt loài quỷ đói
Súc sinh giết hại nhau
Con người khổ tìm cầu
Lửa ái có khắp nơi
Phủ quanh hết mọi loài
Ngọn lửa cháy hừng hực
Thế gian không ai hay.

Chim trời đã nói kệ cho những Thiên tử phóng dật nghe, Thiên tử nào đã tạo thành nghiệp lành từ trước thì nghe pháp này, bỏ bớt phóng dật, không uống rượu cõi trời, lánh xa sắc, hương, vị, xúc… năm dục lạc phóng dật. Sau đó lại vào rừng trổi nhạc vui chơi, mặc tình thọ hưởng hoan lạc. Rừng ấy có các ngọn núi báu lưu ly xanh, xa cừ, sông suối, ao sen xinh đẹp và các loài ong đủ màu sắc tập hợp ở đó. Rừng sen ấy, lá bằng lưu ly, cọng bằng pha lê, có nhiều loài ong, không thể ví dụ được. Trăm ngàn Thiên nữ cùng Thiên tử vui chơi. Nhờ nghiệp thiện có đủ các cảnh giới, Thiên nữ chìm trong sông ái không hề hay biết. Họ vui chơi như thế, đến khi nghiệp thiện hết, từ cõi trời họ qua đời, lưu chuyển theo nghiệp, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh vào con người, ở nơi an lạc, có nhiều của cải, tâm phóng khoáng, thích tu chánh pháp, thích trí tuệ, làm Sa-môn, Bà-la-môn, được sống lâu, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ hai mươi ba của cõi này tên là Nguyệt hành. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh với tâm thanh tịnh, tu hành nghiệp thiện, khéo giữ tâm mình, tạo hình tượng Phật để cúng dường, hoặc tắm rửa tượng Phật cho sạch sẽ, hoặc thấy tượng Phật làm bằng vàng bạc thì vui vẻ, suy nghĩ kính trọng công đức ruộng phước, huân tập tâm bằng

công đức, thực hành nghiệp thiện, tâm vui vẻ, không sát sinh, không trộm cướp. Thế nào là không sát sinh? Người ấy không nghĩ đến việc giết hại, không dạy người khác, thấy người giết không vui theo, khuyên họ đừng làm để họ sống trong pháp lành, tự lợi, lợi tha. Lại có cách không sát sinh khác như: Không nghĩ đến việc giết, không hề nghĩ đến việc giết hại loài trùng trong giường nệm, đồ nằm do ẩm ướt sinh ra, dù là những con trùng nhỏ như kiến… cũng không cố ý giết. Đó là không sát sinh. Thế nào là không trộm cướp? Người này làm việc lành không chán nản, không hề trộm cướp ở bất cứ nơi nào, cho dù là cỏ cây bùn đất cũng không lấy, không dạy người trộm. Giả sử nóng bức cũng không chiếm đoạt bóng mát của người khác, không để người khác ở ngoài nắng mà mình ở trong mát. Dù có sức mạnh cũng không chiếm đoạt của người, không dạy người trộm, thấy ai làm thì khuyên họ đừng làm, dù là chỗ mát cũng không chiếm đoạt, mọi thứ nhỏ nhặt đều không trộm lấy. Đó là không trộm. Sau khi qua đời, người này được sinh lên trụ xứ cõi trời Nguyệt hành. Ở đó, nhờ nghiệp thiện, vị ấy được quả vui, ánh sáng rực rỡ, như mười mặt trăng cùng chiếu, thân tướng của chư Thiên sáng rực trong sạch không nhơ cũng giống như vậy. Nhưng khi Thiên tử sinh ra thì thân thể của Thiên chúng càng sáng gấp trăm lần, lạnh nóng điều hòa, chư Thiên khác thấy được đều yêu thích. Ánh sáng ấy sáng hơn ánh sáng của chư Thiên khác, chiếu khắp mười do-tuần, hơn cả ánh sáng của các loại châu báu. Đó là nhờ nghiệp thiện. Thiên tử này có vô lượng quyến thuộc vây quanh, trỗi nhạc, đi đến nơi vui chơi tên Ngũ nhạc. Trong cõi trời Tam thập tam, rừng này thù thắng nhất, cây cối xinh đẹp, trái cây ngon, có chim rất khôn, hoa Bát-đầu-ma-già, ao sen dòng suối, trong hư không có gió thơm thổi vào linh báu phát ra vô số âm thanh hay. Khiến Thiên tử cùng Thiên chúng, Thiên nữ xinh đẹp tấu nhạc đến rừng Ngũ nhạc ca múa vui chơi, Thiên nữ ca hát đủ năm âm nhạc, thọ diệu lạc tối thượng. Nhờ tạo nghiệp lành trong ruộng phước mà được hương thơm thù diệu này. Hương ấy xông khắp năm do-tuần, trái cây lơ lửng giữa hư không giống như các ngôi sao. Cây ấy xinh đẹp nhất trong cõi trời, sáng như mặt trời nhưng không lạnh nóng. Trái cây đủ sắc, hương, vị. Hương thơm hơn tất cả các loài hoa, xông khắp năm do-tuần, lơ lửng giữa hư không như ngôi sao. Trái cây thường tiết ra nước thơm, chư Thiên uống vào mà không say. Họ muốn mùi vị gì thì được nấy, thọ hưởng công đức như vậy. Khi ấy có chim trời tên Giáo phóng dật, nói kệ cho Thiên tử phóng dật nghe:

Nghiệp thiện sẽ hết
Bỏ phí một đời

Hãy mau tu tập
Đừng sống phóng dật.
Tuổi trẻ dễ qua
Thọ mạng cũng vậy
Sẽ mất tất cả
Đừng sống phóng dật.
Trời: pháp vô thường
Chẳng phải đầy đủ
Trong lúc chưa chết
Hãy tu phước đức.
Thực hành nghiệp thiện
Luôn giữ tâm mình
Chưa thấy nơi nào
Không có tội lỗi.
Nếu tâm tán loạn
Thực hành phi pháp
Lạc này giả dối
Đi không trở lại.
Giữ giới tìm vui
Sinh ở cõi trời
Ai sinh lên trời
Thọ năm dục lạc.
Do giới thanh tịnh
Nên được quả lớn
Chư Thiên tham dục
Phóng dật si độc.
Không biết vô thường
Hủy hoại thân mình
Vô lượng vô số
Trăm ngàn chư Thiên.
Đều bị phóng dật
Lửa dục thiêu đốt
Phóng dật che mờ
Tất cả chúng sinh.
Sau chịu suy não
Mới biết tội nó
Tâm luôn giong ruổi
Không ngừng phút giây.

Ngu si chẳng biết
Sau thành ác lớn
Tâm tham cảnh dục
Không biết buồn lo.
Tai họa đã đến
Lại sinh hối hận
Phiền não kết sử
Từ ức niệm sinh.
Kết sử, tâm vương
Thường đi với nhau
Giong ruổi theo tâm
Có mặt khắp nơi.
Luôn bị mê muội
Trôi trong biển hữu
Ai biết chân đế
Thấy pháp thế gian.
Khổ, không, vô thường
Dứt hẳn buồn lo
Bị sắc sai khiến
Luôn tìm dục lạc.
Người này đời sau
Không được thiên lạc
Rừng san hô này
Trang trí các báu.
Khắp mọi cành cây
Đều có hoa sen
Lại có dòng nước
Làm đẹp con sông.
Nghiệp nhân đã tạo
Đầy cả hư không
Kiếp tận lửa sinh
Cháy cả Tu-di.
Huống gì thân trời
Chẳng khác bọt nước
Vừa sinh là diệt
Phóng dật tự dối.

Khi ấy, các Thiên tử nào đã từng tu tập nghiệp thiện thì nghe chim thuyết pháp này liền thấu đạt. Giống như những gì chim hót, tất cả đều vô

thường, nghĩ nhớ trong chốc lát, xả bỏ phóng dật, nhưng lại bị cảnh giới sắc, hương, vị, xúc mê hoặc nên quên hết pháp này như qua đời khác. Những gì nên làm, những gì không nên làm họ đều quên hết, thọ hưởng dục lạc hiện tại, không xét đến vị lai, không nhớ những gì chim thuyết, say sưa với năm dục, vui chơi hưởng lạc, không nhớ khổ lớn của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, không nghĩ thân trời khó được, không nghĩ đến sự khổ lưu chuyển trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh từ vô thỉ, các khổ chắc chắn khó điều phục được, chỉ trừ Thiên tử có tâm thù thắng đã nhiều kiếp tu tập căn lành.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Hãy quan sát con chim này, do những nghiệp gì mà nói pháp thanh tịnh không nhơ và chân thật để dạy những Thiên tử phóng dật? Với tri kiến biết được có người sống phóng dật, người vui chơi hoặc lực sĩ, những người diễn kịch, thân mặc ca-sa vui chơi ca múa, khen công đức của Phật nên được tài vật. Khi được tài vật như y phục, thức ăn liền đem cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn hoặc tự dùng. Do nhân mặc ca-sa nên sau khi qua đời được sinh lên cõi trời thọ thân chim, hưởng an lạc thượng diệu. Đó là do những nghiệp như vậy.

Lại nữa, các Thiên chúng vui chơi thọ lạc dưới cây lưu ly, lá cây bằng vàng, cành bằng pha lê rợp tỏa khắp nơi. Lại có cây báu được trang trí bằng các thứ san hô quý, có trăm ngàn loài ong xinh đẹp, cành cây bằng vàng ròng chân châu. Lại có các ngọn núi được trang trí bằng bảy báu sáng rực. Lại có hoa sen bằng vàng ròng, pha lê, lưu ly. Họ vui chơi hưởng lạc trong những hoa này. Lại có cõi trời khác đầy đủ cung điện, lầu gác báu. Chư Thiên cùng Thiên nữ vui chơi thọ lạc ở đây, không ganh ghét nhau, không sợ hãi, yêu mến nhau, kính trọng nhau, thọ an lạc thượng diệu. Lại cùng chư Thiên vui chơi ca múa vào rừng Như ý. Vào rừng này, họ muốn gì được nấy nên gọi là rừng Như ý. Họ ở đây thọ hưởng diệu lạc một thời gian lâu, lại đi đến núi vàng Tu-di. Trong núi, có sông suối, ao hồ rất đẹp. Họ cùng Thiên nữ vui chơi ca múa trỗi nhạc trời, âm thanh rất hay làm vui lòng người nghe. Họ nhìn ngắm các cảnh sắc xinh đẹp do nghiệp lực hóa sinh mà thọ hưởng diệu lạc. Các Thiên nữ vây quanh, thấy trên núi Tu-di có ao sen nhiều hoa, lại có vườn sen, mùi hương thơm diệu, ngửi vào được vui vẻ, thân tiếp xúc với vật thượng diệu nhất giống như tiếp xúc mùi hương thơm diệu sáng rực không nhơ ở biển Ca-chiên-lân-đề *(chim trong biển Ca-chiên-lân-đề tiếp xúc hương này thì vui vẻ, khi Luân vương thả chúng ra thì hiện mùi thơm ấy)*. Ai trông thấy được thì rất vui thích. Họ vui chơi trong núi này, muốn gì được nấy, đầy đủ vô lượng công đức, thanh tịnh không nhơ, tự do thọ hưởng người khác không chiếm đoạt được. Họ ở đây

vui chơi thọ các thứ hoan lạc cõi trời, thân thể sáng rực, vô lượng Thiên nữ vây quanh. Thọ năm dục lạc cõi trời đến khi nghiệp thiện hết, họ qua đời, bị thoái đọa, lưu chuyển theo nghiệp, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh trong cõi người thì từ khi sinh đến lúc chết luôn hưởng an lạc, khôi ngô tuấn tú, hoặc được làm vua, quan, đất nước mình sống luôn có pháp lành, sinh vào nơi chúng sinh có chánh kiến, xa lánh bạn ác, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ hai mươi bốn của cõi này tên là Diêm-ma-ta-la. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh phụng trì giới cấm, lợi ích cho chúng sinh bằng tâm chánh kiến, thanh tịnh thân, ngữ, ý. Nếu có người bị rơi trong chỗ nguy hiểm, ở trong đồng vắng hay chìm trong sông thì cứu họ thoát chết. Người đi trong đồng vắng bị đói khát dằn vặt thì đem nước cho họ, nếu người đi trong chỗ nguy hiểm bị lạc đường thì chỉ đường cho họ. Không cầu báo ân, lợi ích cho chúng sinh, vì cứu giúp chúng sinh mà hy sinh thân mình. Thế nào là không sát sinh, không trộm cướp? Người này hoặc người khác thực hành nghiệp thiện không sát sinh. Trong nhà có những chúng sinh thai sinh, thấp sinh lớn nhỏ phá hoại vật dụng của người, hoặc trên sườn nhà có chúng sinh làm cho người không an ổn, nhưng với tâm Từ bi không giết hại chúng. Dù bị ễnh ương, trùng độc gây hại cũng không giết chúng. Đó là không sát sinh. Thế nào là không trộm? Có mấy cách không trộm như người thiện đi qua đồng vắng, dù có sức mạnh cũng không lấy nước, muối của khách buôn, tự cam chịu đói khát. Nếu khách buôn cho nước thì mới uống, không cho thì mua uống. Xét kỹ quả báo của nghiệp vi tế, thực hành pháp Phật, niệm công đức của Phật. Vì tu tập tâm mình nên không phút giây gần gũi, trò chuyện, đi chung với bạn ác. Vì sao không đi chung với họ? Vì tất cả nghiệp lành đều do gần bạn ác mà bị ngăn ngại, thế nên không giao tiếp, trò chuyện với họ. Vì sao? Vì bạn ác là nơi tập hợp tham, sân, si, người có trí phải lánh xa như cây độc. Người này thanh tịnh như vàng đã tôi luyện, sau khi qua đời được sinh lên cõi Diêm-ma-ta-la. Ở đó, được mọi người tốt kính trọng, cung phụng, do nghiệp quyết định đó được quả vui, thân hình ngày càng sáng rực. Vì sao? Vì cõi trời không có ban đêm, thân hình người này cứ ngày thêm sáng rực. Các Thiên tử khác thấy vậy đều hổ thẹn với Thiên nữ của mình. Người ấy xinh đẹp hơn chư Thiên cõi trời khác.

Thấy vậy chư Thiên đều đến chỗ Thiên vương Thích-ca hỏi nguyên nhân:

–Thưa Thiên vương, vì sao cõi Diêm-ma-ta-la có một Thiên tử vừa sinh ra thân hình sáng rực hơn tất cả Thiên chúng?

Nghe vậy, Đế Thích nói kệ:

Ánh sáng của Thiên tử
Do trì giới sinh ra
Vòng ánh vàng Tu-di
Không bằng phần mười sáu.
Thân luôn phóng ánh sáng
Giống như khối dung kim
Do người trí tạo nghiệp
Ánh sáng phủ che khắp.
Do nghiệp thượng, trung, hạ
Giữ gìn ba loại giới
Được quả báo cũng vậy
Có thượng, trung và hạ.
Giữ giới bỏ phóng dật
Phát triển không phóng dật
Luôn được hưởng an lạc
Các pháp đều như thế.
Giữ gìn giới thanh tịnh
Nay được thân sáng rực
Ngàn ánh sáng mặt trời
Cùng chiếu cũng không bằng.
Trượng phu thù thắng nào
Giữ gìn bảy chi giới
Người ấy được quả lành
Trước đây Phật dạy thế.
Người nào tạo nghiệp lành
Không mất quả báo vui
Không làm thì không quả
Tạo nghiệp thì không mất.
Kẻ si không nhân vui
Chỉ mong cầu quả vui
Không nhân khó có quả
Như ép cát không dầu.
Người nào tu nghiệp lành
Xả bỏ tâm ganh ghét
Kẻ ngu si độc ác

Luôn sống trong sân hận.

Nghe Đế Thích nói quả báo của nghiệp thiện để dạy các Thiên tử phóng dật, các Thiên tử cúi đầu vâng lãnh, trở về cõi Diêm-ma-ta-la. Về đến nơi, Thiên tử, Thiên nữ vui chơi trỗi nhạc thọ lạc cõi trời. Hai cây Bà-la ở cõi này là tối thắng trong các vườn rừng của cõi trời Tam thập tam. Sắc tướng, ánh sáng, hoa trái rất kỳ lạ, âm thanh lưới linh che trên lá cây nghe như tiếng năm thứ âm nhạc. Nghe tiếng đó chư Thiên đều đi đến cây này vui chơi thọ lạc. Đến nơi, họ leo lên cây Bà-la. Trên cây có ao hoa sen tên Hoan hỷ. Trong ao có nhiều thiên nga, vịt trời, uyên ương kêu tiếng rất hay. Ao có vô số hoa sen đẹp, nước ao có tám công đức. Thấy vậy, chư Thiên đều thán phục. Ngoài hai cây này ra chưa có cây nào có ao sen như vậy. Ngoài cây Ba-lê-da-đa-câu-tỳ-đà-la-na không có cây nào sánh bằng cây Bà-la. Nói xong, Thiên tử, Thiên nữ ca múa vui chơi thọ hưởng năm dục lạc. Ở đây hưởng hoan lạc trời một thời gian lâu, họ đi đến rừng Thường du hý, đầu đội mão, cổ đeo vòng hoa, mặc y phục sặc sỡ, thân phóng ra các thứ ánh sáng. Nay xin nói một ví dụ nhỏ. Ví như ánh điện chớp vào mùa hạ có ba màu xanh, vàng, đỏ. Nơi chư Thiên tử vui chơi thọ năm dục lạc như sức nước trên núi đổ xuống, và sức của sóng cuồn cuộn. Họ thọ hưởng các thứ dục lạc cũng thế.

Bấy giờ, Đế Thích và các Thiên chúng vui chơi ở Thiện pháp điện, lại cùng Thiên nữ trỗi nhạc ca hát, ra khỏi Thiện pháp đường, đi đến cõi Diêm-ma-ta-la.

Thấy Đế Thích đến, chư Thiên cõi Diêm-ma-ta-la ra nghênh đón, chắp tay đảnh lễ. Thiên vương Thích-ca, chư Thiên ở Thiện pháp đường và chư Thiên cõi Diêm-ma-ta-la cùng nhau ca múa vui chơi, đi đến hai cây ấy. Đến nơi, các Thiên chúng vây quanh cây, uống nước Ma-thâu, Thiên vương Thích-ca hỏi chư Thiên:

–Các ông có thấy cây Diêm-ma-ta-la này không? Trong các cõi trời, ngoài cây Ba-lê-da-đa-cây-tỳ-đà-la ra, tất cả các cây khác không sao sánh bằng.

Chư Thiên đáp:

–Thưa, có thấy.

Đế Thích nói với chư Thiên: Các ông chưa biết công đức của cây Diêm-ma-ta-la, mà chỉ thấy hình sắc của nó, các ông hãy quan sát thế lực của hai cây này.

Khi ấy, Đế Thích xuống xe, cầm chày kim cang đánh vào cây ấy, cánh cửa liền mở ra. Trong cây có vô số vườn rừng, sông suối, ao sen xinh

đẹp, có các ngọn núi báu lưu ly, ma-ni, bạch ngân, pha lê trang trí những dòng sông con suối. Lại thấy hoa trời, ao sen bằng bảy báu có trăm ngàn loài ong vây quanh. Lại thấy rừng cây bằng vàng ròng, bạch ngân, lưu ly, báu xanh, có chim cánh bằng bảy báu hót tiếng rất hay. Nghe tiếng ấy, chư Thiên thầm thán phục, vui vẻ thọ lạc.

Khi ấy Thiên đế Thích cùng Thiên chúng vây quanh đi vào các dãy cung điện của cây Diêm-ma-ta-la. Những dãy cung điện ấy, trụ bằng bảy báu: báu xanh, lưu ly, bạch ngân, pha lê, xa cừ… lại có giường nệm trải lụa xung quanh. Bốn chân giường làm bằng các thứ báu: kim cương, báu xanh, pha lê, lưu ly. Lại thấy trên ngọn núi trong cây có nhiều loài chim hót đủ các âm thanh.

Đế Thích hỏi chư Thiên:

–Các ông có thấy những việc kỳ lạ trong hai cây này không?

Chư Thiên đáp:

–Thưa, có thấy.

Đế Thích quan sát Thiên chúng buông lung tham đắm dục lạc liền đưa họ vào cung điện mà chỉ rõ nghiệp quả. Điện ấy trong suốt như gương, ánh sáng của nó chiếu khắp nơi. Đế Thích chỉ cho chư Thiên: Các ông hãy xem nghiệp quả ở trên vách điện báu này, theo nghiệp mình đã tạo mà có quả báo. Nếu ai có tín tâm cúng tài vật vào ruộng phước thì được quả báo như ý, sinh ở đâu cũng hưởng được quả báo, nhìn vào đó sẽ thấy hết quả báo mình được hưởng.

Đế Thích lại dạy Thiên chúng:

–Các ông hãy quan sát người tu hành giữ giới, bảo vệ chúng sinh trong các cõi như cha mẹ, chân thật không hư dối, giống như đất sạch, châu báu tốt. Các Thiên tử! Người nào hộ trì bảy chi giới thì sinh bất cứ nơi nào hoặc cõi trời cõi người đều hưởng quả báo trì giới.

Đế Thích lại chỉ ảnh tượng trong gương nghiệp cho chư Thiên thấy, bảo rằng: Các ông hãy quan sát tất cả nghiệp báo. Nếu người nào tạo nghiệp lành, tu tập trí tuệ chánh kiến thì biết được được trí thượng, trung, hạ mà có quả báo hữu lậu vô lậu.

Đế Thích lại chỉ cho Thiên chúng về chín cách trì giới bố thí bằng trí tuệ. Trong pháp bố thí có thượng, trung, hạ thành tựu quả báo cõi lành, suy xét tu tập, đầy đủ ruộng phước công đức, đầy đủ chín cách đó.

Thiên tử! Không có quyết định thí thì không có tướng tương ưng, gọi là quả nhỏ. Lại có quả nhỏ khác như ngạ quỷ có thần thông, súc sinh hưởng

quả vui, đó là bố thí bậc hạ. Thiên tử các ông hãy quan sát ảnh tượng trong gương nghiệp này, quả bố thí ở trong các loại quả, không có tu tư tâm, tâm không đầy đủ thì công đức tài vật cũng không đủ. Bố thí vào ruộng phước lành, đầy đủ công đức, được quả báo bậc trung. Sinh trong nước Phất-đề-bà, Cù-đà-ni ở cõi người, hoặc sinh trong loài súc sinh A-tu-la, Dạ-xoa gọi là quả bậc trung. Họ thấy tất cả tướng như vậy trên vách gương. Đế Thích lại chỉ quả báo của nghiệp cho Thiên chúng, bảo rằng: Thiên tử! Các ông hãy quan sát nghiệp thượng, trung, hạ, không tu tư tâm nhưng đầy đủ ruộng phước. Vì sao không tu tư tâm mà được quả báo? Có thí chủ bố thí đúng thời, khuyên người bố thí, nhưng không có tâm tin vững, không phải tự mình thí, thấy người đến nhận không đứng lên, không cung kính lễ bái, đầy đủ ruộng phước tài vật nhưng không đủ tư tâm và bố thí quyết định nên sinh ở nơi biên địa không có chánh pháp giới luật, không có lễ nghi, hoặc làm thủ lĩnh, quan, không có lễ nghi của con người.

Thiên tử! Các ông hãy quán xét trên vách gương nghiệp này sẽ thấy tất cả.

Đế Thích chỉ cho họ những việc như vậy.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 31

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 10)

TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 7)

Đế Thích lại chỉ cho chư Thiên quả báo bố thí bậc thượng, đầy đủ tư tâm, ruộng phước, tài vật và công đức. Ruộng phước thù thắng là các Đức Như Lai, tài vật đầy đủ là thức ăn uống và của cải, tư tâm đầy đủ là cúng dường bằng tín tâm vững chắc. Bố thí như vậy được quả báo lớn ở cõi người, cõi trời, hoặc được sinh lên trời có oai đức lớn, hoặc sinh vào cõi người làm Chuyển luân vương đầy đủ bảy báu làm vua trong bốn cõi và có bảy thứ báu khác. Vị Chuyển luân vương này thuận hành chánh pháp, đầy đủ tất cả giữ giới, tu tuệ, nhập Niết-bàn, đó là bố thí bậc thượng.

Nhìn trong vách họ thấy được quả báo của các cách bố thí.

Đế Thích lại chỉ quả báo của ba cách bố thí hiện trên vách lưu ly trong suốt. Nếu bố thí tài vật của mình làm ra thì được giàu có như đã nói ở trước. Còn bố thí vô úy thì sinh trong nước lớn, làm thủ lĩnh hoặc vua, không có những tai nạn như binh đao, tật dịch, chết yểu, không sợ oán địch, không bệnh hoạn, được an ổn, không có sợ về nước, lửa, bệnh tật hoặc được làm vua, quan, sống lâu. Đó là quả báo của vô úy thí.

Nhìn trong vách gương thấy những nghiệp như vậy. Lại nhìn thấy cách bố thí thù thắng như bố thí pháp là tối thượng, diệt hẳn hạt giống hữu vi sinh tử. Đó là bố thí vô thượng, tùy tâm thành tựu Vô thượng Bồ-đề. Lại nhìn thấy nghiệp quả trên vách gương. Nếu như vì tài vật mà thuyết pháp cho người, không vì tâm bi tạo lợi ích cho chúng sinh mà lấy tài vật, đó là pháp thí bậc hạ. Cách thí này không vì tâm thiện thuyết pháp cho người mà chỉ vì tài lợi, bản thân không tu tập như những gì mình diễn thuyết, đó là bố thí bậc hạ. Nếu thuyết pháp mà được tài vật rồi uống rượu hay ăn uống với người nữ, như cách của người ca kịch, buôn bán cầu tài lợi, pháp thí đó đạt quả rất nhỏ. Nhìn trong vách thấy những người bố thí pháp như vậy được sinh lên trời làm chim có trí tuệ, biết nói pháp, đó là pháp thí bậc hạ.

Thế nào là pháp thí bậc trung? Vì muốn được tiếng khen, muốn thắng

người khác, muốn thắng đại pháp sư mà thuyết pháp cho người, hoặc thuyết pháp cho người với tâm ganh ghét, pháp thí đó cũng được quả báo nhỏ, sinh lên cõi trời hưởng quả báo bậc trung hoặc được sinh trong cõi người.

Thiên vương Đế Thích đã chỉ hết mọi việc trong gương, đó là pháp thí bậc trung.

Thế nào là pháp thí bậc thượng? Với tâm thanh tịnh muốn tăng trưởng trí tuệ cho chúng sinh mà thuyết pháp, không vì tài lợi, muốn cho chúng sinh không vì tà kiến trụ trong chánh pháp. Pháp thí này tự lợi, lợi tha, là vô thượng tối thắng, đến khi đạt Niết-bàn mà phước đức vẫn không hết, đó là pháp thí bậc thượng. Lại có cách pháp thí khác, Đế Thích chỉ quả báo của cách bố thí khác cho Thiên chúng xem biết: Pháp thí bậc hạ là nói pháp bố thí, không nói đến trí tuệ. Pháp thí bậc trung là nói trì giới. Pháp thí bậc thượng là nói đến trí tuệ giải thoát. Trí tuệ bậc hạ là thuyết pháp mà ít người giác ngộ, chỉ nói bố thí mà không nói pháp khác. Thuyết pháp mà làm cho họ biết giữ giới sau được trí tuệ, họ tin thuận, đắc A-la-hán, chấm dứt các lậu hoặc kiết phược, đạt hai giải thoát, đó là pháp thí bậc hạ. Vì sao? Vì chỉ nói pháp bố thí tương ứng.

Thế nào là pháp thí bậc trung? Thuyết pháp tương ưng trì giới để tu tâm, đó là trí tuệ bậc trung soi trong vách gương thấy các quả báo của nghiệp như thế, thuận với trí tuệ, đắc A-la-hán, mau diệt trừ các lậu hoặc, hoặc đắc quả Duyên giác, đó là pháp thí bậc trung. Nhìn trong vách gương thấy các tướng như vậy đó là pháp thí bậc trung.

Thế nào là pháp thí bậc thượng? Nói công đức trí tuệ để tu tư tâm, không cầu ân huệ, chỉ vì lợi ích người mà thuyết pháp, nói tác hai của dục, vị của dục là trói buộc, xuất ly là an lạc, làm cho người tà kiến sống trong chánh pháp, thuyết pháp thanh tịnh không nhơ. Pháp thí bậc thượng này đạt quả Bồ-đề, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Vô Thượng Điều Ngự, Thiên Nhân Sư. Chánh pháp vô thượng là pháp điều phục, trước giữa sau đều thiện, thành tựu vô thượng Nhất thiết chủng trí, nói pháp giải thoát cho chúng sinh đó là pháp thí bậc thượng.

Thích-ca Đề-bà lại quan sát nghiệp quả trong gương để chỉ cho chư Thiên, thấy vậy, ai cũng hổ thẹn. Đế Thích nói với chư Thiên: Thiên tử! Các ông đừng sống phóng dật. Vì sao? Vì tạo nhân đó thì sinh nơi nào cũng chịu quả tương tợ. Thiên tử! Các ông hãy đến chỗ ta mà xem quả báo của nghiệp mình. Các ông hãy quan sát quả báo của nghiệp thượng, trung, hạ thì nên tu hạnh không phóng dật. Thấy như việc nghiệp báo hy hữu như vậy, chư Thiên sinh tâm chán ghét sinh tử, nói kệ:

Dục lạc giả dối
Bản tánh yếu suy
Mê vì dục lạc
Không biết lo sợ.
Ai tin tình dục
Không có lợi ích
Nghiệp thiện đã hết
Sắp chết mới biết.
Thắng lạc tràn đầy
Ắt phải suy giảm
Tham đắm dục lạc
Mất thì thêm khổ.
Từ trong cõi trời
Đọa vào địa ngục
Thân tâm chịu khổ
Đủ thứ dằn vặt.
Khổ này khó lường
Khổ đau bậc nhất
Là ái biệt ly
Còn hơn thế nữa.
Là sự sinh ly
Chư Thiên luôn gặp
Kẻ ngu không biết
Tâm ái lừa dối.
Ban đầu dối gạt
Bị dục mê hoặc
Trải qua trăm ngàn
Vạn ức triệu năm.
Được dục lại mất
Không thể bảo tồn
Nghiệp thiện là nhân
Được quả báo vui.
Không nhân không quả
Cũng như không cây
Như độc hại mình
Phóng dật cũng thế.
Như lửa thiêu đốt
Như dao, như kích

Trước như bạn thân
Sau thành oán địch.
Như cá nuốt câu
Phóng dật cũng thế
Trời, rồng, quỷ, người
Và A-tu-la.
Đều vì phóng dật
Chịu khổ não lớn
Thiên vương biết cho
Chúng tôi nhờ phước
Được ông ở đây
Chỉ ngục sinh tử.

Nói kệ xong, các Thiên tử thưa:

–Thiên vương! Làm sao ngài biết được? Ai chỉ cho ngài pháp này?

Đế Thích nói với các Thiên tử:

–Các ông hãy lắng nghe, ta sẽ nói. Lúc ta mới sinh lên cõi này, có một Thiên tử trú ở chốn cũ tên là Tu-ma-la, ông là người bạn thân nhất của ta, ta đã nghe ông ấy kể những việc ấy.

Lúc bấy giờ có Phật Ca-diếp vì muốn điều phục chư Thiên nên đến cõi này. Thấy các Thiên tử cứ mãi phóng dật nên Đức Phật Ca-diếp muốn làm lợi ích cho chư Thiên, đã dùng thần thông ghi nhớ mà tạo ra vách gương nghiệp để lại trong cây này. Lúc đó ta cũng buông lung nên Tu-ma-la chỉ cho ta pháp này, các ông không nên phóng dật. Vì sao? Vì là tất cả pháp hữu vi đều là vô thường, biến hoại. Nếu tâm các ông buông lung thì hãy vào cây này mà quan sát sắc thân thượng, trung, hạ thì tự hổ thẹn. Nếu Thiên tử nào tin pháp không phóng dật thì chỉ pháp này cho họ. Vì sao? Vì đó là Đức Như Lai làm lợi ích cho chúng sinh mà chỉ việc này, điều phục chư Thiên để họ nhìn trong gương nghiệp mà sống theo pháp lành, rồi sau đó trở về Diêm-phù-đề.

Ta đã nghe vị trời phước đức đó nói những việc khó thấy này. Lúc ấy, ta nghe xong, muốn bỏ phóng dật nên cùng Thiên chúng đến nơi này để họ đều xấu hổ. Vì thế, hôm nay ta chỉ nghiệp thượng, trung, hạ trên vách gương này cho các ông thấy. Thiên tử! Các ông hãy cẩn thận chớ buông lung.

Đế Thích lại bảo chư Thiên: Ta sẽ cùng các ông đến cây thứ hai quan sát trong gương nghiệp. Ngày xưa Đức Như Lai Ca-diếp đã thị hiện biến hóa trong cây này để làm lợi ích cho tất cả chư Thiên buông lung, để họ

quan sát lưới nghiệp sinh tử. Ta sẽ chỉ cho các ông.

Nói xong, Thiên vương Thích-ca cúi đầu đảnh lễ Như Lai, ra khỏi cửa rồi đóng cửa lại. Có những Thiên chúng khác đang vui chơi ca múa thọ lạc, thấy Đế Thích họ đi đến cúi đầu đảnh lễ, ca múa vui chơi, lấy các loài hoa như Bát-đầu-ma… ném cho nhau.

Khi ấy chư Thiên từ trong cây đi ra, đến chỗ chư Thiên phóng dật nói những việc hy hữu đã thấy nhưng họ không nghe, không tin.

Để điều phục chư Thiên phóng dật, Đế Thích cũng cùng họ vui chơi trong ao sen, trỗi kỹ nhạc trời đủ các âm thanh, cùng nhau vui đùa, trang sức vòng hoa, y phục cõi trời, vào các vườn rừng vui chơi thọ lạc, đó là do nghiệp thiện.

Bấy giờ, chư Thiên cùng Đế Thích vào gương nghiệp, thấy quả báo của nghiệp, mọi người đều không vui chơi nữa, giống như bậc vô học, những việc làm đã xong, không sống phóng dật, sống ổn định, thấy chư Thiên tham đắm buông lung sinh tâm xót thương, nói:

–Các Thiên tử này cứ mãi buông lung, không biết sẽ bị thoái đọa, lưu chuyển theo nghiệp, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, thuận theo nghiệp phiền não, không lánh xa tất cả nghiệp sinh tử, theo nghiệp thiện, ác mà họ đã tạo sẽ chịu quả tương xứng. Thiên tử quan sát chư Thiên phóng dật sinh tâm thương xót.

Khi ấy, chư Thiên ở điện Thiện pháp thưa với Đế Thích:

–Nhờ ân đức của Thiên vương mà chúng tôi thọ nhận năm dục lạc. Chư Thiên vui chơi trong các vườn rừng, thọ hưởng diệu lạc. Thiên vương! Cớ sao không giúp đỡ chúng tôi?

Đế Thích nói kệ cho chư Thiên:

Thiên tử! Ông ham vui
Phần nhiều sống phóng dật
Vì tham ái phóng dật
Không thấy được chân đế.
Tâm ai luôn phóng dật
Sẽ không có quả lành
Người xa lìa nghiệp thiện
Sẽ đọa trong địa ngục.
Tất cả những tham ái
Đều phải có chia ly
Các ông không hay biết
Bất chợt bị đọa lạc.

Lúc thọ mạng sắp hết
Các căn đều hoại diệt
Khi đó mới biết khổ
Phút chốc không tránh khỏi.
Ví như vòng lửa xoay
Như thành Càn-thát-bà
Ba cõi đều vô thường
Cũng như bọt bóng nước.
Ví như bọt nước tụ
Kẻ ngu nhờ vào đó
Ở trong pháp vô thường
Lại sinh tâm vui vẻ.
Dù cho trời hay người
Dạ-xoa, rồng, quỷ thần
Khi chết nghiệp trói buộc
Không có ai cứu được.
Nghĩ chết khi chưa đến
Mà tu tập nghiệp thiện
Thần chết rất bạo ác
Đừng để sau hối hận.
Ta nay dạy các ông
Cẩn thận chớ phóng dật
Các ông bị ái che
Chạy đuổi theo cảnh giới.
Cảnh giới buộc các ông
Đó là nhân địa ngục
Vì thế hãy lìa bỏ
Để tìm nơi an ổn.

Khi Đế Thích nói pháp này cho chư Thiên, chư Thiên phóng dật không ngừng nghỉ, chỉ trừ những người đã thấy gương nghiệp thì sinh tâm nhàm chán, thưa Đế Thích:

–Xin Thiên chủ hãy vào cây ta-la thứ hai.

Cây này do Đức Ca-diếp tạo lợi ích cho chư Thiên phóng dật mà biến hóa ra lưới nghiệp, hiện ra vách gương chỉ nghiệp báo sinh tử cho chư Thiên.

Đế Thích biết chư Thiên phóng dật thích vui chơi nên đưa họ đến chỗ khác, cùng chư Thiên không phóng dật đi đến cây thứ hai. Đến nơi, Thiên

chủ lấy chày kim cang đánh vào cây lớn, cánh cửa mở ra. Thiên chủ Thích-ca và Thiên chúng vui vẻ cùng nhau đi vào trong cây. Vào đó, Thiên chúng thấy vườn rừng trông thật đáng yêu mà họ chưa bao giờ thấy. Ở đó có mọi thứ cần dùng, có nhiều loài chim, ao sen đầy hoa xinh đẹp, vô lượng cây vàng trông thật đẹp, gió nhẹ thổi đến làm mọi người vui vẻ, có núi bảy báu lớn, chim chóc hót rất hay, cây Như ý sáng rực như mặt trời. Cây ta-la này lại có những dòng sông đầy thức ăn uống, hương vị lưu xuất ra rất tuyệt diệu đủ các hương thơm, năm căn thọ hưởng diệu lạc nơi năm cảnh thích thú. Những chư Thiên có phước đức ngửi mùi hương này còn tham đắm huống chi chư Thiên khác. Đế Thích đã chỉ cho chư Thiên thấy những vườn rừng… kỳ lạ mà vườn rừng, ao hoa ở ngoài không bằng một phần mười sáu. Đế Thích cùng chư Thiên lên núi lưu ly, núi này trong sạch không gì bằng. Trên đỉnh núi có điện ngàn trụ bằng lưu ly, lan can bằng xích liên hoa bảo, mặt đất bằng vàng ròng. Cung điện lưu ly ấy dài năm do-tuần, rộng ba do-tuần, đó là do Đức Ca-diếp hóa ra. Đế Thích cùng Thiên chúng đi trên thềm bảy báu lên điện lưu ly, nhìn thấy cảnh tượng của Phật Ca-diếp giống như lúc Phật còn thuyết pháp trong điện. Đế Thích cùng chư Thiên đảnh lễ tượng Phật, sinh tâm kính tin. Lạy xong, nói kệ khen Phật:

Như Lai tối thượng của thế gian
Đạt chân giải thoát, thấy như thật
Ảnh tượng tịch tĩnh không gì sánh
Mở đạo giải thoát thật cao siêu.
Người nào thường lễ Đức Như Lai
Tâm tịch, tịnh tín không tỳ vết
Người này thoát hẳn cõi lo sợ
Luôn được ở nơi an ổn, vui.
Giáo pháp thanh tịnh kỳ diệu ấy
Diễn thuyết ở nơi thật tịch tĩnh
Giáo pháp mà Phật đã thuyết giảng
Chỉ đạo Niết-bàn cho chúng sinh.
Chúng sinh nào nhớ giáo pháp này
Là người vô úy thật dũng mãnh
Chắc chắn đạt được quả vô thượng
Tâm vui an ổn, không lo sợ.
Chúng sinh nào nhớ đến chân đế
Như người qua sông lên thuyền bè
Người ấy sẽ vượt biển ba cõi
Độc ác, nguy hiểm như dòng xoáy.

Như Lai chánh giác, mắt thế gian
Quán xét các pháp khắp mọi nơi
Ánh sáng của Phật không gì sánh
Tất cả ánh sáng không bằng được.
Chúng sinh nghĩ nhớ, tâm ô trược
Ngu si, sân hận, tham dục lạc
Dòng nước trí tuệ lớn, thanh tịnh
Rửa sạch nhơ uế của chúng sinh.
Tất cả chúng sinh không thấy được
Ngoại đạo kiêu mạn chẳng ai hay
Pháp này thanh tịnh lìa trần cấu
Thế Tôn chỉ rõ cho muôn loài.
Kẻ ham phóng dật không ai cứu
Chỉ có đạo sư cứu chúng sinh
Vượt qua sinh tử đến bờ giác
Cứu độ chúng sinh không người cứu.
Lợi ích cho tất cả thế gian
Chỉ có Như Lai, Bậc Vô Thượng
Vì tạo lợi ích cho chúng sinh
Thế nên Như Lai thù thắng nhất.

Đế Thích tán thán ảnh tượng của Như Lai bằng tâm thanh tịnh, cùng chư Thiên cúi đầu chắp tay đảnh lễ ảnh tượng của Như Lai, lại cùng chư Thiên cúi đầu chắp tay đảnh lễ tấm thiên y do Phật biến hóa, tấm y này được tồn tại do thần lực của Như Lai. Thấy ảnh tượng Như Lai, chư Thiên đều bỏ kiêu mạn, phóng dật, sắc tướng của ảnh tượng Như Lai hóa ra đoan nghiêm thù diệu, ngàn Đế Thích cũng không sánh được, huống gì là chư Thiên khác.

Đế Thích thấy ảnh tượng Như Lai do thần lực hóa ra để dạy chư Thiên kiêu mạn phóng dật, làm cho họ bỏ tâm kiêu mạn buông lung.

Bấy giờ, các Thiên tử thưa Thiên vương:

–Thưa Kiều-thi-ca! Vì sao Đức Phật Ca-diếp lại hóa ra lưới nghiệp sinh tử này ở trong cây Diêm-ma-ta-la để chỉ bày sự biến đổi của lưới nghiệp sinh tử? Vì sao không biến hóa ở ngoài cây?

Đế Thích bảo Thiên chúng:

–Ta cũng thế, từ trước đã nghi việc này, nhưng vị trời ấy chỉ cho ta để xa lìa tâm kiêu mạn, ngày xưa ta cũng hỏi như vậy.

Thiên tử ấy trả lời:

–Pháp hy hữu không thể thường thấy được, vì không thường thấy nên khi thấy được thì rất tin. Vì thế Như Lai không biến hóa ở ngoài cây, không phải mọi người ai cũng thấy được. Nếu biến hóa ở ngoài cây chư Thiên thấy vậy lại xem thường, còn có thể sinh ra tội lỗi, thế nên Phật biến hóa ảnh tượng này trong cây Diêm-ma-ta-la. Trong hai cây này, do thần lực hy hữu biến hóa, sự biến hóa trong cây là việc hy hữu nhất, là việc mà tất cả chư Thiên không thể thấy được, vì thế Đức Phật Ca-diếp đã biến hóa ảnh tượng và gương vách ở trong cây để chỉ dạy nghiệp sinh tử.

Nghe Đế Thích nói, chư Thiên đều không còn nghi ngờ.

Đế Thích lại chỉ trên vách của cung điện rộng năm do-tuần này cho chư Thiên quan sát mười sáu chỗ trong địa ngục Hoạt. Người sát sinh đọa vào ngục này chịu đủ vô lượng khổ não như trước đã nói. Ra khỏi địa ngục, sinh vào loài ngạ quỷ, luôn sân hận, tâm ganh ghét càng nhiều, cầm dao hại nhau. Do lưới nghiệp buộc trói nên sinh vào loài súc sinh, tàn hại lẫn nhau, làm thức ăn cho người, vì thịt mà hại mạng mình, hoặc làm con hổ, beo, thú dữ, nhiều sân hận, bị người giết chết. Bỏ thân súc sinh, sinh vào cõi người lại thích tranh cãi, tâm tư độc ác thô lỗ, bị chết vì binh đao, không sống lâu. Nếu còn nghiệp thiện khác được sinh lên trời, oai đức sắc tướng yếu kém không như người khác, tuổi thọ lại ngắn. Khi chư Thiên đánh với A-tu-la thì bản thân bị thương rồi chết. Họ nhìn trên vách thấy những việc như vậy.

Mười sáu chỗ của địa ngục Hắc thằng cũng vậy, như đã nói ở trước. Do thế lực sát sinh trộm cướp nên đọa vào địa ngục này chịu đủ vô lượng khổ não. Hết tội, ra khỏi địa ngục, sinh vào loài ngạ quỷ, cầm dao gậy giết hại nhau như đã nói ở trước, hoặc ăn những đồ bất tịnh như phân tiểu, lại khó có được những thứ ấy, có ngạ quỷ khác xé xác nhau, hại nhau làm thân thể tan rã. Bỏ thân ngạ quỷ, sinh vào loài súc sinh nơi hoang dã, thọ thân chim đói Già-sất-ca, đói khát đốt thân. Bỏ thân súc sinh, sinh vào cõi người, trong nơi đao binh, đất nước tệ ác, hoặc bị binh đao, đói khát mà chết, tần tảo tìm cái ăn nhưng bị người khác chiếm đoạt, giả sử có ăn được thì thức ăn không tiêu. Bỏ thân người, nếu còn nghiệp thiện khác được sinh lên cõi trời, sắc tướng dung mạo thô xấu kém cõi, thức ăn không giống chư Thiên khác, gặp chư Thiên khác thì xấu hổ, âm nhạc không hay như họ, tuổi thọ lại ngắn.

Họ nhìn trên vách thấy hết mọi nghiệp quả như vậy.

Đế Thích lại nhìn trên vách thấy mười sáu chỗ của địa ngục Chúng hợp như đã nói ở trước. Người sát sinh, trộm cướp, tà dâm đọa vào địa ngục

này chịu đủ vô lượng khổ não. Chịu khổ xong, ra khỏi địa ngục, sinh vào loài ngạ quỷ, thọ thân quỷ ăn đồ ói mửa, sống lâu, nếu được thức ăn thì bị quỷ khác cướp đoạt, có bà con cũng bị quỷ khác cướp đoạt, lại có quỷ khác cầm dao giết, chịu khổ não lớn, đau đớn đến chết. Bỏ thân ngạ quỷ, sinh trưởng loài súc sinh, thọ thân trâu, bò, ngựa, sống lâu, dù được thức ăn nhưng bị loài khác chiếm đoạt. Bỏ thân súc sinh, sinh vào cõi người, tuổi thọ ngắn ngủi, nghèo cùng hèn hạ, vợ không trinh thuận.

Họ nhìn trên vách điện thấy hết mọi việc như thế.

Đế Thích lại quan sát nghiệp quả trên vách, thấy mười sáu chỗ của địa ngục Khiếu hoán như đã nói ở trước. Người sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ đọa vào địa ngục này, chịu đủ mọi điều cay đắng khổ sầu. Ra khỏi địa ngục, sinh vào loài ngạ quỷ, sống lâu, thọ thân ngạ quỷ thân như cái dùi, hoặc thân ngạ quỷ cổ như cây kim, theo nghiệp lực luôn chịu đói khát khốn khổ, nếu có bà con thì bị người khác chiếm đoạt, hoặc sinh trong loài ngạ quỷ ăn đồ độc, bị lửa dữ thiêu đốt. Bỏ thân ngạ quỷ, sinh trong loài súc sinh, ở trong đồng hoang tàn hại lẫn nhau, ăn nuốt lẫn nhau. Bỏ thân súc sinh, sinh trong cõi người thân hình tiều tụy không có oai đức. Nếu còn nghiệp thiện khác được sinh lên trời, thân hình kém cõi, ánh sáng của châu báu ít rực rỡ, không được Thiên nữ yêu kính, Thiên nữ phản bội đi đến với chư Thiên khác, thức ăn dở, trí tuệ kém, tâm không chân chánh, bị các Thiên tử khác chê cười. Khi cùng A-tu-la đánh nhau thì bản thân bị giết, là do dư báo.

Đế Thích cùng Thiên chúng nhìn trên vách lại thấy mười sáu chỗ của địa ngục Đại khiếu hoán. Chúng sinh ở đấy chịu đủ thứ khổ não như đã nói ở trước. Chúng sinh nào sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu say loạn thì đọa vào địa ngục này chịu mọi sự đau khổ. Chịu khổ xong, ra khỏi địa ngục, sinh vào loài ngạ quỷ trốn chạy khắp nơi, có quỷ ác lớn kéo đứt lưỡi ra rồi mọc lại. Bỏ thân ngạ quỷ, sinh trong loài súc sinh, thọ thân chim Ca-tần-ám-la-trĩ, do tiếng hót mà hại mạng mình, đó là do nghiệp duyên vọng ngữ… Bỏ thân súc sinh, sinh trong cõi người chịu quả báo của nghiệp như đã nói ở trước. Nói năng không được người tin tưởng. Nếu còn nghiệp thiện khác được sinh trong cõi trời, tiếng nói cộc cằn đáng ghét, thô lỗ, không biết ca hát, chư Thiên không tin lời nói không thể nói lời diệu dàng chân chánh như chư Thiên khác là do nghiệp vọng ngữ… từ trước.

Đế Thích lại nhìn trên vách thấy mười sáu chỗ của địa ngục Tiêu nhiệt. Chúng sinh ở đây chịu đủ mọi đắng cay khổ sầu. Đó là quả báo của nghiệp như đã nói ở trước. Chịu tội hết, ra khỏi địa ngục, sinh trong loài

ngạ quỷ, thọ thân quỷ ăn đồ bất tịnh, chịu khổ não gấp năm lần trước. Bỏ thân ngạ quỷ sinh trong loài súc sinh, thọ thân cá ma-kiệt ở biển lớn. Bỏ thân súc sinh, sinh trong cõi người, dung mạo xấu xí, môi miệng thô xấu, bị người ghét. Bỏ thân người, nếu còn nghiệp thiện khác được sinh trong cõi trời, thân thể ít sáng như đã nói ở trước, bị chư Thiên khinh thường.

Quả báo của hai địa ngục Đại tiêu nhiệt và A-tỳ không hóa hiện ra. Vì sao? Vì sợ chư Thiên yếu vía, thấy sẽ mất mạng. Nếu thấy hai địa ngục này họ sẽ kinh sợ, nên không hóa ra quả báo sinh tử nơi hai ngục này. Quan sát xong, Đế Thích nói kệ:

Giống như những hạt bụi
Lăng xăng trong hư không
Bị gió thổi xoay tròn
Các nghiệp cũng như vậy.
Hòa hợp có chia ly
Khổ và vui cũng thế
Do nghiệp nhân dẫn dắt
Chẳng phải không nhân duyên.
Nơi nghiệp ấy biến hóa
Mâu-ni biết như thật
Hóa vô lượng lưới nghiệp
Chủng tử của tâm mình.
Tâm tạo nghiệp khó biết
Chỉ Như Lai biết được
Những dây nghiệp trói buộc
Lưu chuyển ở thế gian.
Lưới nghiệp có sức mạnh
Chịu trăm ngàn vạn ức
Vô lượng vô số kiếp
Sự sinh tử luân hồi.
Ví như dây buộc chim
Dù xa cũng kéo về
Dây nghiệp buộc chúng sinh
Việc ấy cũng như thế.

Đế Thích chỉ cho chư Thiên những việc hy hữu về vô lượng định nghiệp, bất định nghiệp, hiện báo, sinh báo, dư báo của chúng sinh lãnh chịu. Lại có ba loại nghiệp thiện, bất thiện, vô ký. Chỉ rõ vô lượng lưới nghiệp như vậy, Đế Thích cùng chư Thiên đảnh lễ ảnh tượng biến hóa của Phật Ca-diếp xong, ra khỏi cây Diêm-ma-ta-la. Chư Thiên ra rồi, Đế Thích

đóng cửa cây lại.

Vừa ra khỏi, Đế Thích lại thấy chư Thiên khác buông lung vui chơi thọ lạc, thương xót họ, Thiên vương nói kệ:

Chúng sinh nhiều hình dạng
Do phóng dật dối gạt
Ăn uống tham ái dục
Tâm tham luôn yêu thích.
Những nghiệp thiện từ xưa
Phước báo trời đã hết
Kẻ phóng dật như vậy
Chết đi về đâu nữa.
Giặc phóng dật tự hại
Bị gió nghiệp thổi tạt
Giống như cây nghiêng ngả
Đọa vào các đường ác.
Trăm ngàn vô số kiếp
Chịu sinh tử cõi trời
Mà chẳng thấy nhàm chán
Không sinh tâm lo sợ.

Nói xong, Đế Thích đi đến chỗ chư Thiên phóng dật đó, các Thiên tử sinh tâm kính trọng, tôn kính cúng dường. Để thu phục tâm họ, Đế Thích cùng các Thiên tử vui chơi hưởng lạc trong các vườn rừng, không vào cây Diêm-ma-ta-la.

Đế Thích cùng chư Thiên quyến thuộc trở về Thiện pháp đường. Chư Thiên trụ ở Diêm-ma-ta-la vui chơi thọ lạc, đến khi nghiệp thiện hết, họ qua đời, bị thoái đọa, lưu chuyển theo nghiệp, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh trong cõi người thọ hưởng an lạc thượng diệu, làm chủ rừng lớn, luôn an vui, sinh trong nước Ma-la-da làm chủ rừng chiên-đàn, có nhiều của cải, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ hai mươi lăm của cõi này tên là Tốc hành. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh thực hành nghiệp thiện, tâm chân thật, không dua nịnh, không não hại chúng sinh, tin nghiệp quả, thực hành chánh kiến, tu bố thí rộng lớn, có nhiều của cải. Thấy người vào biển tìm tài vật thì cho thuyền lớn. Do có thuyền lớn nên những nhà buôn này được nhiều tài vật, đem ra bố thí làm phước. Người này cho thuyền mà không

cần ân huệ, không nhận sự báo ân. Thế nào là không trộm? Thấy quân giặc phá hoại làng xóm, hay vì sợ quân triều đình mà chạy trốn khỏi làng, người này đi vào làng nhưng không hề trộm lúa thóc, cỏ cây, tin nghiệp quả nên rất lo sợ, không phải vì sợ pháp vua, đó là không trộm. Thế nào là không sát sinh? Ngay cả loài thấp sinh như con sên cũng không cố ý giết, tâm không nghĩ đến việc giết. Nếu có người làm lưới bẫy hầm hố để giết cầm thú như cọp, sói… thì đem tài vật chuộc mạng để chúng thoát chết, lòng không hối tiếc, lại dạy người khác để họ sống trong pháp lành. Người giữ giới này làm các việc thiện không sát sinh, không trộm, nghĩ nhớ việc lành, thành tựu mọi việc, chư Thiên cùng nhau khen ngợi những việc làm ấy, dung mạo xinh đẹp, được chư Thiên cúng dường. Đó là quả báo của nghiệp hiện có. Sau khi qua đời, người này sinh lên trụ xứ Tốc hành của cõi trời Tam thập tam. Ở đó nhờ nghiệp thiện nên có những thứ trang sức thù thắng, chư Thiên khác không thể phân biệt được sự khả ái của cõi này. Vừa sinh ra, thân thể sáng rực, thọ an lạc thù diệu, thân không xương thịt, cũng không nhơ uế, không có mồ hôi, không có oán giặc, cũng chẳng lo sợ, tìm cầu, ganh ghét, ai cũng yêu thích, không sợ bệnh chỉ trừ lúc bị thoái đọa, không sợ vua, tâm luôn phóng dật, cõi đó trông thật đáng yêu. Vị ấy vui với năm dục, vui chơi khắp nơi thọ hưởng hoan lạc. Cõi đó có lầu bằng lưu ly, lan can bằng vàng ròng, các vườn rừng, ao sen được làm bằng bảy báu, thiên nga, vịt trời, uyên ương xinh đẹp, kêu tiếng rất hay. Trong hang có nhiều chim, núi Tu-di có bảy báu xinh đẹp, đáy ao sen được rải cát vàng, bạc, chân châu, có các cây báu sáng rực như mặt trời, cành bằng vàng, lưu ly, có nhiều hoa đẹp và nhiều loài ong. Hang núi Tu-di được trang trí bằng các báu đẹp nhất, mặt đất mềm mại, núi cao bằng bảy báu. Trong núi có các loại hoa thơm tùy ý của Thiên tử mà mọc ra. Ở những chỗ khác có cây sáng như đèn, cây Như ý sáng rực kỳ lạ. Trăm ngàn Thiên nữ vây quanh ca hát, cùng nhau vui chơi. Thiên chúng tiếp xúc gì, thấy gì đều vui hưởng hoan lạc, tai nghe tiếng yêu thích, mũi ngửi các hương thơm đầy đủ vô lượng công đức, thân tiếp xúc vật yêu thích, muốn gì được nấy, không ai có thể cướp đoạt diệu lạc của họ. Thiên tử này, cùng trăm ngàn Thiên nữ, các Thiên chúng khác đi đến núi Nhất thiết thế lực. Rừng cây đều là cây Như ý, có sông suối, ao hồ, có nhiều ao sen xinh đẹp, vô lượng trăm ngàn Thiên chúng vây quanh, cành cây bằng báu lưu ly che khắp bên trên, có trăm ngàn lầu gác đẹp, vô lượng loài chim hót tiếng rất hay. Đó là do nghiệp thiện. Trong núi này có đủ các hoan lạc như vậy. Đó là do gốc nghiệp thiện, chẳng phải không nhân, cũng không do người khác làm ra. Quả báo người này thọ hưởng chẳng phải trời Tự tại cố ý ban cho.

Lên núi này Thiên tử thấy các Thiên tử khác rực rỡ như mình. Ở đây Thiên tử cùng các Thiên tử khác và Thiên nữ trổi nhạc hay vui chơi thọ lạc. Các Thiên tử này sắc thân sáng rực, thọ hưởng hoan lạc. Nhìn kỹ, họ trang sức vòng hoa sen, nghe tiếng ca ai nấy đều vui thích, họ mặc áo trời mịn không thấy sớ vải, thân của chư Thiên đều sáng rực.

Lên núi này, Thiên tử nhìn các nơi đều sai khác, thấy các dòng sông, vòng ánh sáng, đó là do nghiệp thiện, họ ở hai nơi của cõi trời này. Mặt đất trong suốt, đầy đủ hoan lạc như đã nói ở trước. Vì sao cõi này tên là Tốc hành? Vì chư Thiên ở đây có uy lực lớn. Khi chư Thiên đánh với A-tu-la thì trong nháy mắt của cõi người là họ đánh bại A-tu-la rồi họ trở về cõi trời Tam thập tam. Vì thế có tên là Tốc hành. Do nghiệp từ trước mà được quả tương xứng. Vì ngày xưa cho thuyền chạy nhanh để người vượt qua biển lớn, được nhiều châu báu, bố thí tu phước, nên được quả báo mau chóng này. Thiên tử này cầm binh khí rất nhanh lẹ, đó là do nghiệp thiện. Thọ hưởng diệu lạc đến khi nghiệp thiện hết, năm tướng suy hiện ra, thân xuất mồ hôi, ánh sáng giảm dần như đèn hết dầu, các căn cũng thế, năm dục không còn khoái vị nữa, thấy chư Thiên khác thì hổ thẹn, các Thiên nữ đều phản bội. Thấy Thiên nữ phản bội mình, Thiên tử có hai nỗi khổ: ganh ghét và ái biệt ly. Hai khổ này thiêu đốt tâm còn hơn lửa dữ. Nếu kiếp trước tạo nghiệp trộm thì Thiên nữ cướp vật trang sức của mình mà trang sức cho Thiên tử khác. Nếu kiếp trước có nói dối thì các Thiên nữ nghe lời nói của mình lại hiểu sai lầm cho rằng mắng chửi. Nếu đời trước đem rượu cho người giữ giới, hoặc tự uống rượu phá giới cấm, hoặc làm rượu thì khi chết tâm thần mê loạn, mất chánh niệm bị não loạn thiêu đốt gấp hai lần, đọa vào địa ngục. Nếu đời trước có sát sinh thì tuổi thọ lại ngắn ngủi, bị chết yểu. Nếu đời trước có tà dâm thì bị các Thiên nữ bỏ đi đến Thiên tử khác vui chơi. Đó là năm tướng suy ra, vì năm chi giới bị thiếu, lưới nghiệp trói buộc, chịu quả báo như nghiệp. Nếu sống phóng dật bị thần chết lôi kéo. Tất cả các giới đều bị thiếu, bị thất thoát, nhưng vì muốn sinh Thiên nên giữ giới cấm, lại bị vô thường mau hoại diệt, bị lưới nghiệp trói buộc, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Quan sát hoan lạc vô thường của cõi trời như vậy, thấy được ban đầu tuy có yêu thích nhưng tất cả đều hoại diệt vô thường biến đổi như điện không tồn tại, quán xét tất cả tội lỗi của dục, vị ấy nói kệ:

Chư Thiên si mê uống
Loại rượu phóng dật ấy
Đọa vào chốn địa ngục
Lửa dữ vây xung quanh.

Trước vì nhiễm ái dục
Sân hận thiêu đốt tâm
Bị tâm si mê hoặc
Chỉ trống không chẳng thật.
Bị tiếng ca kỹ nhạc
Giả dối làm mê hoặc
Không biết khổ thoái đọa
Rốt cuộc không ai khỏi.
Khi thấy các Thiên nữ
Làm tâm tư chuyển đổi
Cuối cùng sẽ bỏ hết
Đọa lạc vào nơi khác.
Quan sát tánh người nữ
Như hành động người nữ
Giàu có thì gần gũi
Suy tàn lại lánh xa.
Như nai hoang tin vui
Tin dục cũng như vậy
Sau nếu bị biến đổi
Tâm khinh khi lánh xa.
Không nhớ ân nuôi dưỡng
Cũng không nhớ bạn bè
Khi gặp phải suy hoại
Xả bỏ không nghĩ đến.
Giống như các loài ong
Bỏ những hoa tàn héo
Người nữ cũng như thế
Suy hoại thì lánh xa.
Không nghĩ tâm yêu thương
Hời hợt nhớ ái dục
Tánh người nữ cũng vậy
Như mật lẫn chất độc.
Tham dục sinh ngu si
Lời hay càng mê hoặc
Người nữ rất khó tin
Người trí phải lánh xa.
Nữ sắc dối trời, người
Làm cho tâm mê hoặc

Cho đến đời vị lai
Không có chút lợi ích.
Trời, người và Dạ-xoa
Rồng cùng A-tu-la
La-sát, Tỳ-xá-già
Đều bị nữ sắc gạt.
Các dục lạc như vậy
Từ cảnh giới sinh ra
Cho đến lúc lâm chung
Diệu lạc đều mất hết.
Tất cả các Thiên chúng
Có vườn rừng xinh đẹp
Bị dây chết trói buộc
Tham dục lôi kéo đi.
Dục lạc không cứu được
Huống gì những người nữ
Cõi trời phước đức hết
Thần chết sẽ lôi đi.

Tỳ-kheo quan sát sắc tướng thoái đọa của Thiên tử sinh tâm thương xót, chán xa cảnh dục. Các Thiên tử này theo nghiệp lực, dây nghiệp kéo lôi khắp mọi nơi nên không còn phóng dật. Các Thiên tử khác lại buông lung vui chơi hưởng lạc giong ruổi theo cảnh giới như người cỡi ngựa, vui chơi trong tất cả vườn rừng, buông lung thọ lạc, đến khi nghiệp thiện hết, qua đời bị thoái đọa, lưu chuyển theo nghiệp, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh trong cõi người, thường sống nơi an lạc, giàu có nhất, hoặc được làm vua, quan, có nhiều voi ngựa, lừa, lạc đà để cỡi, không đi bộ, không mệt mỏi, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ hai mươi sáu của cõi này tên là Ảnh chiếu. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Chúng sinh nào giữ gìn bảy chi giới thì được quả tương xứng, nhờ tu tư tâm, tương ưng chánh kiến khéo giữ giới không sát sinh, không trộm cướp. Người này vì tạo nhân vui, giữ luật thế gian, cho đến không trộm vật nhỏ, xa lìa trộm cướp. Nếu ở bên bờ biển thuộc đất của người khác, có những loại như ngọc kha, ngọc trai, cá… do sóng biển đưa lên nhưng không có tâm trộm lấy những vật ấy. Người thiện này tin vị lai, sợ nghiệp quả, không phải vì sợ pháp của vua. Đó là không trộm. Thế nào là không sát sinh? Người này tin vị lai, sợ nghiệp quả, tâm chân thật khéo suy nghĩ,

không não loạn chúng sinh, xa lìa bạn ác, không sát hại chúng sinh. Lúc đi trong sông, trong hang núi bị ảnh quỷ bắt thì thà bỏ thân mạng chứ không hại ảnh quỷ, không đem thuốc độc bỏ trong ảnh quỷ, sợ hại mạng nó, dù biết cách cũng không tàn hại. Hoặc biết cách giết quỷ Đơn-na nhưng vì giữ giới nên không làm. Hoặc biết cách viết như soi vào nước, gương, dưới ánh mặt trời nhưng không hại cũng không báo oán, tự bỏ mạng chứ không giết chúng sinh. Người này sau khi qua đời sinh lên trụ xứ Ảnh chiếu của cõi trời Tam thập tam. Ở đó nhờ nghiệp thiện, thân thể sáng rực, nghe năm âm nhạc, thọ hưởng thượng diệu, đầy đủ an lạc, vui chơi trong núi Tu-di, các Thiên nữ vây quanh. Đất ấy bằng vàng Diêm-phù-đàn. Có cây Như ý, họ muốn gì cây ấy sinh ra. Thiên tử cùng quyến thuộc thọ hưởng hoan lạc một thời gian lâu như thế, lại đến rừng Ngoại ảnh, cây cối bằng vàng Diêm-phù-đàn, trang trí vườn cây, cây vàng lá bạc, trái lưu ly xanh, cây bạc, lá vàng, trái lưu ly. Vui chơi ở rừng này xong, họ lại đến nơi khác, tuần tự du ngoạn. Các loài chim khổng tước thân có màu sắc bảy báu xen tạp, thấy vậy, Thiên tử vào rừng vui chơi với chim. Thấy Thiên tử đến, chim khổng tước cất tiếng hót rất hay mà tiếng ca Thiên nữ không bằng một phần mười sáu. Thiên tử nghĩ ta nên cỡi chim khổng tước này cùng các Thiên nữ vui chơi trên núi, du ngoạn khắp nơi. Do nghiệp thiện nên Thiên tử vừa nghĩ thì chim khổng tước đến bên cạnh, hóa ra thân to lớn, có sắc lực lớn, xinh đẹp kỳ lạ. Thiên tử liền cùng Thiên nữ cỡi chim khổng tước quan sát khắp nơi trên núi Tu-di, nhìn ngắm mọi nơi ao hoa, đỉnh núi.

Bấy giờ, Tứ đại Thiên vương - những người bảo vệ thế gian - sắp đến cõi trời Tam thập tam để nói về những việc đúng pháp, phi pháp của cõi Diêm-phù-đề. Thiên tử đang đi trên hư không, thấy Hộ thế, Tứ đại Thiên vương, liền hỏi:

–Các ông từ đâu đến?

Hộ thế đáp:

–Thiên tử! Chúng tôi từ nơi khả ái hành thiện đến, nơi ấy có đủ các ao sen vườn rừng, sông suối. Chúng tôi đến cõi trời Tam thập tam trình bày những việc pháp và phi pháp của cõi Diêm-phù-đề cho Thiên vương Thích-ca. Nghe nói vậy, Thiên tử thầm thán phục, cỡi chim khổng tước –có sức mạnh lớn, thân hình bằng các thứ báu, tùy ý đi lại không gì chướng ngại– từ cõi trời đi xuống Diêm-phù-đề như mặt trời thứ hai. Với tâm thán phục, Thiên tử quán xét khắp nơi cõi Diêm-phù-đề: Vườn rừng, ao hoa, sông suối, xóm làng, thành ấp. Thấy tướng đó các Bà-la-môn, ngoại đạo tà kiến, thầy bói tướng ở cõi Diêm-phù-đề nói với nhau: Đó là vị trời tám tay cỡi chim

chúa cánh vàng Ca-lâu-la từ cõi trời xuống Diêm-phù-đề quan sát thế gian. Họ chỉ nói bằng cách phân biệt hư vọng như vậy. Lại có những Bà-la-môn, ngoại đạo tà kiến khác nói: Đó là Thiên tử Ma-hê-thủ-la tự tại tên là Đồng tử Cưu-ma-la cỡi chim khổng tước từ cõi trời xuống Diêm-phù-đề ủng Hộ thế gian. Lại có những Bà-la-môn khác nói: Ma-hê-thủ-la cỡi bò trắng tạo ra thế gian và cũng phá hoại thế gian, gọi là tác giả tạo ra thế gian. Do các Bà-la-môn ngoại đạo phân biệt đủ cách tạo ra các luận thuyết, không phải nhận thức như thật. Các Bà-la-môn đó phá hoại chánh pháp, là kẻ ngu si nhất, lại dạy người khác làm cho họ hiểu sai, quan sát xong, Thiên tử trở về trời. Hàng ngoại đạo đó vì ngu si, không nói như thật, không nhận thức như thật. Vào thời kiếp sơ, vị trời này đã xuống đây, ngoại đạo thấy rồi nhưng không nhận thức đúng. Các Bà-la-môn, ngoại đạo tà kiến đó tự phân biệt rồi đi nói cho người khác, họ là những kẻ không biết như thật.

Thiên tử trở về trời nói những việc này cho Thiên chúng nghe: Ta đến Diêm-phù-đề thấy đất nước đó, đất đai bằng phẳng, có vườn rừng ao hoa xinh đẹp đáng yêu.

Nghe thế các Thiên tử có người cỡi voi trắng, có người cỡi khổng tước… hoặc đi trên hư không quan sát khắp núi Tu-di, tuần tự xuống đến Diêm-phù-đề, dừng ở nơi vắng như ao sông rừng núi, làm cho Bà-la-môn, ngoại đạo cho rằng đất này là nơi phước đức, nên khổ hạnh giữ giới ở đây. Cái mà cho đó là phước đức thì thật là hư vọng, rồi truyền cho nhau làm cho tâm tham đắm, cho là có thật.

Khi Thiên tử mới hạ xuống, có Bà-la-môn thấy được, tự phân biệt nói: Đây là Đại phạm Thiên vương; có người nói: Đây là Ma-hê-thủ-la; có người nói: Đây là Thiên vương tám tay, là tự tại Thiên tử, là Cưu-ma-la đồng tử cõi trời, rồi phân biệt rằng: Đây là nơi Phạm vương ở, đây là cõi Ma-hê-thủ-la tự tại Thiên vương cai quản, đây là nơi Thiên vương tám tay cai quản, là nơi Cưu-ma-la đồng tử thiên cai quản. Phân biệt xong, lại tạo ra những luận thuyết tà vạy, hoặc khen ngợi, hoặc tự lập tôn chỉ, tự nói nhân, ví dụ… các thứ tà kiến. Tự mình theo tà kiến, còn dạy người về tà kiến, người khác nghe rồi lại dạy cho nhau… tuần tự như thế thật là sự hiểu biết sai lầm.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 32

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 11)

TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 8)

Lúc ấy, Thiên tử nhớ cung trời nên trở về, các Bà-la-môn, ngoại đạo tà kiến nói: Những cõi này vị trời… vị trời… cai quản rồi tạo ra những luận thuyết hoặc lời khen ngợi. Những Bà-la-môn, ngoại đạo tà kiến thấy vậy kính trọng, cúi đầu đảnh lễ, quan sát tướng ấy càng kính tin nhưng không nhận thức như thật đó là cõi trời thứ hai, lại phân biệt nói Thiên tử này đi khắp nơi, thân sáng như ánh lửa, cho rằng người Diêm-phù-đề vào trong lửa, nhờ đó được sinh lên cõi lành, thọ thân trời. Bà-la-môn, ngoại đạo tà kiến lại làm ra những tà luận, hoặc lập ra những tôn chỉ, nói nguyên nhân, ví dụ, hoặc khen ngợi. Đã hiểu sai còn dạy cho người khác khiến họ thực hành theo, lấy lửa đốt thân để mong sinh lên trời, không hiểu biết như thật, đem nhân quả sai lầm mà nói, không phải nhân quả đúng, sau khi chết đọa vào địa ngục.

Lại nữa, các Bà-la-môn, ngoại đạo tà kiến ở trong rừng sinh ra những nhận thức sai lầm. Thấy Thiên tử từ trên trời đi xuống Diêm-phù-đề, vì nhìn xa nên không thấy rõ, thấy Thiên tử từ ngọn núi đẹp đi xuống Diêm-phù-đề, sau lại trở về trời, các Bà-la-môn đó tự phân biệt nói rằng: Người Diêm-phù-đề nhảy từ núi cao xuống, do đó sinh vào cõi lành, thọ thân trời. Vì thế các Bà-la-môn tà kiến tự nhảy từ núi cao xuống muốn cầu sinh lên trời. Lại nói cho những người khác biết phương pháp này, làm ra tà luận, khen ngợi, nói pháp sai lầm cho là nghiệp quả. Vì tà kiến, nói sai nhân quả nên sau khi qua đời đọa vào địa ngục thuộc đường ác. Đó là tà kiến.

Các Bà-la-môn, ngoại đạo tà kiến sống trong rừng, thấy Thiên tử từ trên trời đi xuống Diêm-phù-đề, cách chỗ họ hơi xa nên họ không thấy sắc diện, chỉ thấy ánh sáng lớn giống như sắc lửa rồi sinh phân biệt sai lầm, cho rằng: Người Diêm-phù-đề nhờ thờ lửa nên sau khi qua đời được sinh lên đường lành thọ thân trời. Vì sao? Vì lửa là miệng của tất cả chư Thiên, cho nên người thờ lửa sẽ sinh lên trời. Phân biệt sai lầm như vậy, không

nhận thức như thật, lại tạo ra luận thuyết sai lầm, hoặc lập tôn chỉ, nói nguyên nhân, ví dụ, tự hiểu sai còn dạy người làm cho họ hiểu sai. Các Bà-la-môn, ngoại đạo tà kiến này đã không lợi ích cho mình còn làm cho người khác khổ não, nên sau khi qua đời đọa vào địa ngục thuộc đường ác.

Lại có những Bà-la-môn, ngoại đạo tà kiến sống trong rừng, thấy Thiên tử sinh ra phân biệt, thấy Thiên tử không ăn uống, họ lại nghĩ: Người Diêm-phù-đề không ăn uống, nhờ đó, sau khi qua đời được sinh lên cõi lành, thọ thân trời. Ta nay sẽ không ăn uống, lại còn dạy người để họ học pháp này, tạo ra luận thuyết sai lầm, hoặc khen ngợi, nói pháp tà vạy này là nghiệp quả. Vì thế sau khi qua đời đọa vào địa ngục thuộc đường ác. Kẻ ngoại đạo này không biết đúng, mở cửa đường ác.

Thiên tử này chỉ ở một thời gian ngắn hoặc trong chốc lát đã hơn một trăm năm nơi cõi Diêm-phù-đề, nên ngoại đạo tà kiến nói rằng: Thiên tử này thường còn không thay đổi, không hoại diệt, tạo ra thế gian, lại phá hoại thế gian. Thấy vậy ngoại đạo tà kiến tạo ra luận thuyết sai lầm, hoặc khen ngợi, nói nhân tà vạy, do đó sau khi qua đời đọa vào địa ngục thuộc đường ác.

Cứ thế vì vô lượng hiểu biết sai lầm mà tạo ra những luận thuyết tà vạy, tự lừa dối.

Quan sát chúng sinh bị tâm mê hoặc, Tỳ-kheo nói kệ:

Tâm là rắn độc
Độc ái ở khắp
Chích vào thân người
Sông ái biển dối.
Rất là sâu rộng
Bờ bến năm căn
Bờ này rất sợ
Bờ kia an ổn.
Thấy vậy hiểu lầm
Không biết như thật
Kẻ tà kiến này
Đọa vào địa ngục.
Kẻ tà kiến ấy
Không nhân thấy nhân
Đọa vào địa ngục
Vì thấy điên đảo.
Là kẻ ngu si

Không hiểu nhân quả
Địa ngục trói buộc
Chịu mọi khổ đau.
Quả báo của nghiệp
Phải chịu sinh diệt
Nếu biết như thật
Sẽ đến bờ kia.
Kẻ ngu tìm dục
Bị dục mê hoặc
Đọa vào địa ngục
Thiêu thân vào lửa.
Cõi người giữ giới
Tu tập chánh kiến
Được sinh lên trời
Không do khổ hạnh.
Những ngoại đạo này
Sống hạnh tà kiến
Ỷ trí, kiêu mạn
Mê hoặc mọi người.
Vào trong biển lớn
Ngu si đen tối
Cõi người chịu khổ
Là do tà kiến.
Không phải khổ hạnh
Mà được giải thoát
Bậc Trí dạy thế
Điều phục tâm mình.
Đốt núi phiền não
Sẽ được giải thoát
Tu tập chánh kiến
Dứt các phiền não.
Thấy được thật đế
Sẽ được giải thoát
Tất cả ngoại đạo
Mê hoặc thế gian.
Không có tịch diệt
Luôn nói sai lầm
Ngoại đạo thế gian

Ngu dối quá nhiều.
Trăm kiếp tìm cầu
Không hề có thật
Giáo pháp xuất thế
Đều là chân thật.
Luận thuyết thế gian
Trói buộc như độc
Tạo phúc do ái
Được lạc vô thường.
Giáo pháp xuất thế
Được lạc chân thường
Các ác, bất tịnh
Do nhân duyên hợp.
Chỉ có nói suông
Mà không thành thật
Kẻ hư dối này
Nói năng không thật
Đọa vào những chỗ
Lo sợ tối tăm.

Thấy được chân thật, Tỳ-kheo nói kệ này, làm thế nào để chúng sinh thấy biết chân thật không sinh tà kiến? Luận thuyết tà kiến là do không nhận thức như thật, còn làm cho người khác tà kiến, tự mình hành theo luận tà kiến đó, còn diễn nói cho người, tự đọa vào địa ngục còn làm cho người khác đọa vào địa ngục.

Quan sát cõi Diêm-phù-đề xong, chư Thiên cỡi chim trở về cõi trời Tam thập tam. Đến nơi, họ nói những việc này cho chư Thiên khác nghe. Lại vào vườn rừng vui chơi thọ lạc, tấu các âm nhạc, đầy đủ các công đức, vui chơi hưởng lạc ở những nơi trang trí các vật báu, đến khi nghiệp thiện hết, từ cõi trời, họ qua đời, lưu chuyển theo nghiệp, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh vào cõi người luôn được an lạc, không bệnh lo, không suy loạn, sống ở nơi giàu có an lạc, thọ thân trượng phu đầy đủ các căn, hoặc được làm vua, quan là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ hai mươi bảy của cõi này tên là Trí tuệ hành. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh giữ giới bằng tâm rộng lớn, tu hành nghiệp thiện, biết đúng về quả báo của nghiệp, tâm tin thích luôn

làm lành, bỏ ác, tâm ngay thẳng, xa lánh bạn ác, cho đến không đi chung, trò chuyện, ở chung với họ. Người này thực hành mọi nghiệp thiện, giống như luyện vàng, hiện tại được mọi người yêu kính, đó là nhờ tu nghiệp thiện. Nếu có Tỳ-kheo thường đọc tụng kinh, luật, luận, siêng năng tu tập suốt ngày đêm, tâm không biếng nhác, đêm nào tối quá thì không đọc tụng được, người này vì kính trọng Phật, Pháp, Tăng nên cúng dường đèn sáng cho vị Tỳ-kheo ấy thêm nghiệp thiện tu tập. Khi trời nóng thì cúng quạt để vị ấy không nóng bức. Nghe chư Tỳ-kheo bàn luận Thánh pháp tâm rất vui mừng. Do hai công đức đó người tự lợi, lợi tha này sau khi qua đời sinh lên trụ xứ Trí tuệ hành thuộc cõi trời Tam thập tam. Ở đó nhờ nghiệp thiện, thân hình sáng rực gấp mười lần ánh sáng mặt trời, được chư Thiên cúng dường. Vô lượng trăm ngàn Thiên nữ bao quanh tôn kính cung phụng đều là những bạn thân đời trước của Thiên tử. Họ cùng nhau vui chơi, trang sức lộng lẫy, đầy đủ sắc tướng, oai đức xinh đẹp, không ganh ghét, cùng kính trọng nhau, không rời nhau một phút. Họ vui mừng gần gũi Thiên tử, cầm hoa sen bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hoặc hoa tạp bảo, hoa bằng vàng, cọng bằng bạch ngân, tua bằng xích bảo, hay hoa bằng lưu ly, cọng bằng vàng ròng, hoặc hoa bằng báu xanh, cọng bằng bạch ngân, hoa bằng xa cừ, cọng bằng ngọc báu xanh, tua bằng xích liên hoa, kim cương, đến chỗ Thiên tử để rải. Ví như mưa to trút xuống vào mùa hạ, các Thiên tử cầm hoa rải trên Thiên tử cũng vậy. Thấy các Thiên nữ, Thiên tử vui mừng, tâm dục nổi lên, dục ác phát sinh, từ chỗ ngồi đứng dậy đến chỗ Thiên tử, vui vẻ nhảy múa, cùng nhau vui chơi thọ lạc, làm cho tâm dục của Thiên tử càng tăng trưởng. Thiên tử vây quanh vui chơi ở vườn rừng. Vườn rừng cõi trời được trang trí các vật báu sáng rực, đầy đủ các dục. Họ vui chơi thọ lạc ở dưới cây, các loài chim cất tiếng hót rất hay chẳng khác gì giọng ca của Thiên nữ. Ở đó, có đủ dục vọng, hoa trái sum suê, dòng sông ao sen và có cả trăm ngàn thứ bao quanh vườn ấy. Thiên tử cùng Thiên nữ vui chơi với hoan lạc, thọ vô lượng diệu lạc là nhờ nghiệp thiện.

Thiên tử lại cùng Thiên nữ đi đến khu rừng khác trỗi nhạc vui chơi, muốn gì được nấy, thọ hưởng diệu lạc cõi trời, thọ nhận quả báo giữ giới mà Thánh nhân ưa thích. Thiên tử, Thiên nữ lại đến rừng vui chơi tên Ma-ni-chi-la. Thấy Thiên tử, chư Thiên trú ở chốn cũ đều ra nghênh đón, vui mừng giống như gặp anh em thân tộc. An ủi thăm hỏi nhau, họ cùng nhau vào rừng nghe năm âm nhạc, hưởng diệu lạc cõi trời. Thiên tử thọ hưởng các diệu lạc như thế, lại nhìn ngắm vô lượng cảnh sắc ở rừng Ma-ni-chi-la rồi sinh tâm vui vẻ. Vườn rừng ở đây được trang trí bằng bảy báu, cây cối có y báu sắc vàng, mặt đất mềm mại, có vô lượng thức ăn uống từ dòng

sông lưu xuất ra. Mắt xem tất cả sắc đẹp trông thật yêu thích. Thiên tử mới sinh cùng các Thiên chúng vui chơi hưởng lạc. Thiên tử lại cùng Thiên nữ đến đất lưu ly lần lượt thấy y báu Ma-ni từ cây sinh ra, màu sắc trong sáng thật đáng yêu, gió nhẹ thổi động, y đó bay lên xuống theo chiều gió, có vô số ong xinh đẹp sáng rực như ánh đèn. Thấy vậy chư Thiên vui mừng thán phục, cùng Thiên nữ đi đến cây này tấu nhạc vui chơi thọ lạc. Chư Thiên thán phục xong, trong hoa của cây lưu xuất ra nước Ma-thâu đầy đủ vị ngon, sắc hương mà tất cả chư Thiên chưa thấy bao giờ. Thấy vậy, họ vui mừng, cùng uống rượu Ma-thâu thượng vị. Uống xong, Thiên tử, Thiên nữ vui chơi thọ lạc, ca hát rất hay, khen ngợi Đế Thích. Vì nhờ oai lực của Đế Thích mà chúng ta vui chơi, thọ nhận năm dục lạc ở rừng Ma-ni-chi-la. Từ hoa lưu xuất ra thức uống đủ hương vị sắc ngon, chúng ta uống rượu này càng hưởng diệu lạc. Thiên tử cùng Thiên nữ lấy bình lưu ly đựng rượu Ma-thâu thượng vị, khuyên nhau uống rượu này. Những Thiên chúng này lúc ở cõi người bố thí trì giới nên được quả báo sắc hương vị thượng diệu. Theo nghiệp của mình họ thọ hưởng quả báo có thượng, trung, hạ rồi sinh tâm xấu hổ. Trên cây có chim Ấm-ma-thâu, thấy các Thiên tử xấu hổ, chim liền hót kệ:

Chúng sinh bị si sai
Nên uống rượu Ma-thâu
Hiện tại bị si buộc
Tham đắm vị ngọt ngon.
Ma-thâu là bẫy si
Uống vào sẽ bị chết
Đọa vào trong địa ngục
Và loài rồng cũng thế.
Thấy, nếm, ngửi, xúc chạm
Làm tâm người say loạn
Thế nên các lưới buộc
Người trí đã lánh xa.
Thấy thì sinh tham đắm
Tiếp xúc lại ngửi nếm
Ngửi được, tâm tham vướng
Tham vướng nên suy não.
Trong các sự trói buộc
Không gì hơn tham vị
Hoại tiếng thơm, sắc lực
Là do tham vị ngon.

Tham vị bị hoặc loạn
Luôn luôn sống say mê
Tâm mê đưa đến si
Không biết pháp thiện, ác.
Bị người nữ chê cười
Ngủ nghỉ trên phân nhơ
Mà vẫn không hay biết
Không thể tự hoạt động.
Rượu phá hoại danh tiếng
Còn hơn là sợ chết
Ví như uống thuốc độc
Lại cũng như lưới chết.
Tai họa của uống rượu
Có ba mươi sáu lỗi
Đã biết tội của nó
Hãy mau mau lánh xa.
Người trí tuệ tôn quý
Bị rượu làm ô uế
Mọi người luôn khinh chê
Như cỏ lay theo gió.

Chim này là súc sinh còn biết khen chê Thiên tử, huống gì chư Thiên khác! Các Thiên tử ấy theo hạnh nguyện nghiệp thiện của mình mà uống vị trời thượng, trung, hạ, đầy đủ sắc hương. Uống xong, họ đến rừng cung điện Đà-la. Ở đây họ vui chơi ca hát, trang sức vòng hoa Ưu-bát-la xanh. Thiên tử, Thiên nữ cùng vây quanh vui chơi, tâm luôn nghĩ đến dục, thân thể sắc vàng sáng rực. Ở đây thọ hưởng hoan lạc xong, họ lại đến rừng Di-ca-vân. Ở đó có trăm ngàn xe trang sức vòng hoa trời.

Bấy giờ Thiên chủ Thích-ca Đề-bà cỡi voi trắng Y-la-bà-na, cùng các Thiên tử, Thiên nữ quyến thuộc vây quanh vui vẻ, định làm lợi ích cho chư Thiên phóng dật. Thấy Đế Thích đến, chư Thiên đều ra nghênh đón, cúi đầu đảnh lễ Thiên chủ, vui vẻ ca hát trước mặt Thiên chủ. Thiên chủ an ủi thăm hỏi chư Thiên bằng lời êm dịu ở trên lưng voi, Thiên chủ bảo chư Thiên:

–Các ông nhờ nghiệp của mình mà thọ hưởng diệu lạc cõi trời, ta muốn về rừng Hoan hỷ để trừ dẹp A-tu-la sân hận, kiêu ngạo, ỷ sức mạnh.

Chư Thiên thưa:

–Thưa Thiên vương! Chúng tôi theo ngài đi đánh bọn A-tu-la sân hận

kiêu ngạo.

Đế Thích bảo chư Thiên:

–Các ông đừng vội, tự ta có thể đánh được A-tu-la.

Nói xong, Đế Thích vào vườn Hoan hỷ, thấy A-tu-la ở trong vườn Hoan hỷ đông như đám mây dần dần càng nhiều thêm. Chư Thiên mắng nhiếc chê bai, nhưng chúng càng lúc càng to lớn. Thấy chúng càng to lớn, chư Thiên mắng chửi mãi, chúng lại càng to, hình sắc xấu xí.

Thấy vậy, Đế Thích bảo Thiên chúng:

–A-tu-la vì sợ sân hận của người nữ mà thân thể càng lớn, ta sẽ tìm cách làm cho chúng bỏ sân hận kiêu mạn. Khi ấy Đế Thích nói kệ:

Không giận điều phục giận
Nhẫn điều phục tâm ác
Pháp điều phục phi pháp
Ánh sáng phá tối tăm.
Thành thật thắng hư dối
Chánh ngữ bỏ thiêu dệt
Ái ngữ thắng ác khẩu
Và tội của lưỡng thiệt.
Tâm từ đoạn sát hại
Bố thí trừ tham, keo
Chánh niệm thắng tà niệm
Niệm thiện phá niệm ác.
Trí tuệ phá vô minh
Trời sáng trừ u tối
Tháng trắng thắng tháng đen
Cứ thế luôn thắng được.
Trí tuệ biết chân đế
Thắng được dục, tà kiến
Tám con đường hiền thánh
Phá trừ các đường ác.
Bốn vô úy của Phật
Dẹp được mọi lo sợ
Chánh niệm phá tán loạn
Trí tuệ phá ngu si.
Ai sống A-lan-nhã
Phá trừ được các dục
Núi Tu-di cao nhất

Trong các núi rừng khác.
Biển lớn hơn khe suối
Và dòng sông ao hồ
Ánh mặt trời sáng rực
Hơn tất cả ngôi sao.
Pháp thắng không phương pháp
Bố thí bỏ nghèo cùng
Chất trực thắng dua nịnh
Thành thật phá hư dối.
Điềm lành trừ việc dữ
Lửa thiêu đốt củi khô
Nước trừ được bệnh khát
Ăn trừ được bệnh đói.
Tâm sư tử mạnh mẽ
Thắng hơn các loài thú
Biết đủ thắng tìm cầu
Bậc trí dạy như thế.
Bi, từ luôn tăng trưởng
Độc ác phải giảm trừ
Trí tuệ điều phục được
Bậc trí dạy như thế.
Nghiệp tà kiến độc ác
Nói những lời hư dối
Trong các hàng ngoại đạo
Như Lai thù thắng nhất.
Trời thắng A-tu-la
Vì pháp lực hơn hết
Ta sẽ dẹp trừ hết
Huống chi một mình ngươi.
A-tu-la sai ngươi
Ngươi chớ có hy vọng
Chính tòa Sư tử này
Là chỗ của bậc trí.

Nghe Thích-ca Đề-bà nói thế, quân A-tu-la nhỏ lại, sắc lực yếu đi là do nghe lời thật. Thấy chúng yếu kém, có Thiên tử nắm chân chúng lôi xuống khỏi tòa và ngay lập tức đuổi ra khỏi vườn Hoan hỷ.

Khi ấy, Đế Thích vui mừng cỡi voi trắng lớn Y-la-bà-na vọt lên hư không hướng đến rừng Ma-ni-chi-la. Làm xong mọi việc, Đế Thích cùng

các Thiên tử, Thiên nữ đến cõi Ma-ni. Thấy Đế Thích, chư Thiên cõi Ma-na đều ra nghênh đón, cúi đầu cung kính đảnh lễ. Sau đó họ lại đến rừng Di-ca-vân. Nơi ấy đầy đủ những dục lạc, đất rộng lại mềm, hoa nở khắp nơi, cung thất được làm bằng cọng sen, khắp nơi trông thật đẹp mắt. Thiên chủ Thích-ca cùng các Thiên tử, Thiên nữ trổi nhạc ca múa vui chơi thọ lạc, Càn-thát-bà vương vây quanh Đế Thích ca hát khen ngợi Thiên vương, tấu năm thứ âm nhạc để vui chơi. Đế Thích ngồi trên voi trắng Y-la-bà-na. Voi ấy to lớn đẹp hơn núi báu, nó bước đi như khối ngọc lay động, thân nó trắng tinh hơn núi Tuyết, giống như ánh nắng cuối mùa xuân chiếu soi trên núi Tuyết. Thiên tử và các Thiên chúng vây quanh Đế Thích vui chơi trong các vườn rừng. Rừng ấy được trang trí bằng các vật báu như lưu ly, bạch ngân, pha lê, nhân-đà xanh, đại nhân-đà, xích liên hoa, vàng ròng, xa cừ. Thiên vương Thích-ca, Thiên tử, Thiên nữ cùng các Thiên chúng vui chơi trong vườn, đóng cửa đường ác, tâm luôn vui vẻ. Tuy được kiến đế, vẫn hưởng diệu lạc, nhưng Đế Thích luôn suy nghĩ đến sự sinh tử của chúng sinh. Suy nghĩ xong, không giận mừng, quan sát dục lạc đều bị vô thường biến đổi ly tan. Biết như vậy, trong tâm lại suy nghĩ rằng chư Thiên mà bị thoái đọa là do nghiệp của mình, rồi sẽ đi về đâu để chịu quả báo của nghiệp mình, gió nghiệp thổi tạc, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trôi lăn chịu khổ không có bạn bè. Tất cả chư Thiên và Thiên nữ đều như vậy, hội họp sẽ chia ly. Nghiệp đó tạo ra nhạc cụ lớn làm vui lòng những kẻ phàm phu ngu si. Suy nghĩ xong, Đế Thích nói kệ:

Như mây trên hư không
Bị ngọn gió thổi tạt
Hợp chốc lát ly tan
Sinh tử cũng như vậy.
Luôn luôn như loài hoa
Thấy người có sinh tử
Tất cả đều tan hoại
Qua lại cũng như thế.
Nghiệp thiện đã thành thục
Thì hưởng lạc cõi trời
Khi nghiệp thiện chấm dứt
Hoan lạc trời cũng mất.
Thời tiết như cây rừng
Lúc sinh rất tươi tốt
Thời tiết đã qua rồi

Tất cả đều rơi rụng.
Chư Thiên như lá cây
Cây như nơi thọ lạc
Thọ lạc sẽ bị đọa
Không có lạc thường còn.
Như cơn mưa mùa hạ
Không dừng ở hư không
Hoan lạc cũng như vậy
Chẳng ngừng nghỉ phút giây.
Ví như chim khổng tước
Hót lúc có gió mây
Gió ngừng tiếng sẽ mất
Diệu lạc trời cũng thế.
Ví như đem củi khô
Bỏ vào trong ngọn lửa
Hoan lạc trời cũng thế
Bị lửa thời gian thiêu.
Sinh sẽ phải hoại diệt
Qua lại trăm ngàn lần
Bị tham ái lừa dối
Mà không tâm nhàm chán.
Lưới si ái bao phủ
Không ai tránh khỏi được
Chư Thiên ham vui chơi
Chịu những nghiệp bất thiện.

Vì thương yêu chư Thiên, Đế Thích nói kệ này rồi cỡi voi trắng Y-la-bà-na, chư Thiên vây quanh trỗi nhạc rất hay, trở về Thiện pháp đường. Vì chiến thắng A-tu-la nên họ rất vui mừng, chư Thiên cung kính đến Thiện pháp đường.

Chư Thiên cõi Ma-ni-chi-la thọ nhận năm dục: Sắc, thanh, hương, vị, xúc không biết nhàm chán, đến khi nghiệp thiện hết, từ cõi trời, họ bị thoái đọa, lưu chuyển theo nghiệp, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh vào cõi người thì thuộc hàng hào phú, hưởng an lạc thượng diệu, khôi ngô tuấn tú, sống ở thành thị, nơi có chánh pháp, của cải nhiều, con cháu đông, sống lâu, bà con hòa thuận, có đủ mọi vật trên thế gian, được mọi người yêu mến, hoặc được làm vua, quan, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát

trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ hai mươi tám của cõi này tên là Chúng phần. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh tu hành nghiệp thiện, làm thanh tịnh thân, ngữ, ý, ngay thẳng không dua nịnh, không gây hại chúng sinh, luôn làm lành, luôn ngay thẳng, xa lánh tri thức ác, gần gũi bạn lành, không thân cận, trò chuyện, sống chung, đi chung với bạn ác, tránh xa kẻ xấu, cũng không gần gũi bạn của kẻ xấu, gần gũi bậc hiền thiện, nghe chánh pháp, nghe rồi suy nghĩ, tâm thiện với pháp thiện, bất thiện, vô ký. Nếu có pháp lành thì giữ giới, biết pháp ác thì bỏ. Chánh niệm quan sát, điều phục tâm mình, không tham muốn, giữ bảy chi giới, dù nhỏ cũng không phạm, nếu lỡ phạm tội nhỏ thì luôn lo sợ, thành tựu các nghiệp thiện như luyện vàng thuần nhất không tạp. Người này không sát sinh, trộm cướp, bố thí tu phước, thấy ai bị giết hại thì cứu thoát. Thế nào là cứu chúng sinh bị giết hại? Nếu có người xâm phạm vợ người khác, bị quan bắt, đánh trống rao tiếng xấu, đưa ra khỏi cửa bên phải để giết, không ai cứu giúp, không hy vọng vào đâu, sầu khổ buồn lo, sắp đi đến cõi chết, lúc sắp đến nơi xử trảm, người thiện này chuộc mạng để kẻ ấy thoát chết. Lại bố thí, tu phước. Thế nào là người thiện tu phước? Người này đào giếng, xây hồ ở trụ xứ chư tăng hoặc nơi đồng hoang thiếu nước, khổ vì khát. Nếu ao nước, giếng nước bị hư hoặc có trùng nhiều thì sửa lại cho chư Tăng, đem trùng ấy bỏ vào chỗ nước khác không hề giết hại những vật nhỏ như vậy. Nếu lọc nước thì đem trùng ấy bỏ vào chỗ nước khác. Đó là không sát sinh. Thế nào là không trộm? Không có tâm trộm cướp cỏ cây của người khác. Dù là rau trái ở đồng hoang hay ở làng xóm cũ nhưng nếu nghi là của người khác giữ thì không cố ý lấy. Đó là không trộm. Người này thực hành mọi pháp lành, sau khi qua đời được sinh lên trụ xứ Chúng phần của cõi trời Tam thập tam. Ở trong nhà bên phải, ghế ngồi bằng vàng ròng, lưu ly, bạch ngân, pha lê, xa cừ, xích liên hoa, nhân-đà xanh, đại thanh bảo, chân châu. Tòa ngồi được trang trí các thứ báu như vậy. Ở đó, vị này tự nghĩ: Do nghiệp gì ta được sinh lên cõi này? Suy nghĩ biết được kiếp trước ta tạo nghiệp lành, cúng dường chư tăng. Nghiệp thiện ấy như cha mẹ, như báu thanh lương nên được sinh lên trời hưởng hoan lạc. Nghĩ thế, Thiên tử thấy hết quả báo của nghiệp. Thấy được quả báo Thiên tử khen ngợi nghiệp thiện, chê bai nghiệp ác. Nghĩ nghiệp xưa của mình rồi nghĩ nghiệp của người khác, vô lượng nghiệp thiện như cha mẹ. Nghĩ xong, Thiên tử nói kệ:

Nghiệp thiện được thân người
Được rồi không phóng dật
Tạo ra các nghiệp thiện

Nhờ đó sinh lên trời.
Thân người rất khó được
Được lại sống phóng dật
Bị phóng dật mê hoặc
Chết đọa vào địa ngục.
Tạo ba loại nghiệp thiện
Tu tập bảy chi giới
Giết được ba oan gia
Được thọ thân cõi trời.
Người điều phục phiền não
Chưa đoạn trừ tâm ái
Người này do tham ái
Nên sinh ở cõi trời.
Phá hoại tâm ganh ghét
Và ngôi nhà khổ lớn
Thực hành mọi pháp thí
Người này sinh lên trời.
Xét người khác như mình
Thương yêu cứu chúng sinh
Tâm từ luôn điều phục
Người này sinh lên trời.
Xem vợ người như mẹ
Luôn suy nghĩ chân đế
Bùn dục không làm nhơ
Người này sinh lên trời.
Lửa từ tâm sinh ra
Từ dùi, lửa bốc cháy
Ai rời bỏ vọng ngữ
Sẽ được sinh lên trời.
Ác khẩu phá tâm từ
Người trí phải rời bỏ
Luôn nói lời dịu hay
Sẽ được sinh lên trời.
Xét ỷ ngữ như dao
Xa lánh hết mọi thứ
Luôn nói lời chân chánh
Không nói lời hai lưỡi.
Nói chân đế đúng lúc

Người này sinh lên trời
Người nào giữ gìn được
Bảy chi giới thân, ngữ
Người ấy biết thật giới
Sẽ được sinh lên trời.

Suy nghĩ và nói kệ xong, Thiên tử quan sát những nơi mình thọ sinh từ xưa. Nghĩ xong lại tham đắm cảnh dục như trước đã làm. Nói kệ như vậy, Thiên tử mới sinh đầy đủ oai đức thù thắng. Thấy vậy, Thiên nữ vội chạy đến chỗ Thiên tử, ví như loài ong đuổi theo các loài hoa. Thiên nữ cầm các nhạc cụ như đờn sắt, không hầu trổi nhạc rất hay. Thiên nữ trang sức vòng hoa, rải hương bột, cầm vòng hoa, có Thiên nữ rải hoa cúng dường Thiên tử mới sinh. Thiên nữ cúng dường Thiên tử đủ mọi thứ không sao ví dụ được, hơn các Thiên nữ khác cả trăm ngàn lần. Thấy Thiên tử mới sinh này, họ rất yêu thích, nghĩ đến những Thiên tử mình cung phụng từ trước tướng chết đã hiện, họ bỏ Thiên tử đó chạy đến Thiên tử mới sinh oai đức. Ví như bò khát nước, bỏ ao khô đi đến ao nước sạch. Thiên nữ này cũng thế, bỏ Thiên tử mà mình cung phụng từ xưa để chạy đến Thiên tử mới sinh. Nghe tiếng nhạc của Thiên nữ, tâm dục của Thiên tử này phát sinh, huống gì thấy sắc đẹp, nghe những âm thanh khác. Thấy Thiên nữ, nghe tiếng nhạc, lại được Thiên nữ cung phụng, Thiên tử sinh tâm yêu thích, quên hết những việc xưa giống như cách trăm ngàn đời. Vì sao? Vì cõi trời là nơi phóng dật, bản tánh như vậy. Vì các Thiên nữ dùng những pháp dục, tình tứ đủ cách nên Thiên tử không còn quán xét được, tâm dục tăng trưởng. Thiên nữ lại nói những lời bất tịnh tương ưng với dục, thọ hưởng hoan lạc bất tịnh, Thiên tử, Thiên nữ đuổi bắt nhau. Thiên nữ vây quanh đủ các dục vọng, hoan lạc đó từ xưa chưa bao giờ được, nay được rồi sinh tâm vui mừng, bị dục vọng lôi kéo, tùy thuộc các Thiên nữ, chẳng được tự do. Các Thiên nữ cung phụng Thiên tử, ca múa vui chơi ngâm vịnh nói lời êm ái làm cho tâm ý Thiên tử mê hoặc. Thiên tử đi đâu, Thiên nữ đều theo sau, bị lưới dục bao phủ như chim ở trong lưới, Thiên tử bị ái dục trói buộc cũng thế. Thiên nữ đến đâu, Thiên tử theo đến đó. Cõi đó được trang trí bảy báu mà họ chưa bao giờ thấy. Bây giờ thấy được họ lại yêu thích. Cõi này có vô lượng y phục, vòng hoa trời, thọ hưởng vô lượng hoan lạc, họ đi đến rừng Độ khoáng dã, trổi nhạc trời. Ở đây, họ thấy các loài chim xinh đẹp, tiếng hót rất hay. Họ cùng các bầy chim vui chơi, loài chim cũng chia thành trống, mái đi theo, đến các loài hoa khác cũng vậy, Từng cặp trống, mái bay lên hư không, họ đến đâu, ăn uống trái ngon gì, loài chim cũng theo. Nếu họ vui chơi trong ao sen thì cũng vậy, từng cặp chim song song bay

lên ngọn núi. Loài chim trời này cũng bị lưới ái bao phủ. Đến nơi khác, loài ong cũng vậy, từng bầy hươu nai cùng nhau vui chơi cũng bị lưới dục bủa vây, ví như Thiên tử mê sắc đẹp của Thiên nữ, ví như mùa hạ đổ mưa, ao hồ tràn đầy, các Thiên tử bị dục ái của Thiên nữ tràn đầy cũng thế. Ái dục trói buộc tuy có thư thả nhưng rất khó ra khỏi. Quan sát việc này xong, Tỳ-kheo nói kệ:

Lưới dục vọng người nữ
Trói buộc rất chắc chắn
Làm cho các chúng sinh
Trôi lăn trong ngục Hữu.
Dây trói thân mở được
Dây trói tâm khó mở
Tâm đã bị dục trói
Luôn chịu các khổ não.
Lưới thường chặt dứt được
Lưới dục không thể đốt
Theo đuổi khắp mọi nơi
Không khỏi ba đường ác.
Lưới thường trói vừa thân
Lưới ái rất rộng lớn
Dù không phải sắc pháp
Vẫn trói hết mọi người.
Lưới thường trói chúng sinh
Hiện tại ai cũng thấy
Dục ái buộc tâm này
Tìm mãi không thấy được.
Nhiễm rồi sinh tham ái
Tâm tham đắm khó gỡ
Người bị ái trói buộc
Không thoát khỏi sinh tử.
Nữ sắc là lưới lớn
Phủ sáu căn chúng sinh
Lưới thường trói một thân
Hoặc trói hoặc không trói.
Gông cùm và xiềng xích
Phật nói chẳng bền chắc
Tâm ái trói người si
Bền vững hơn lao ngục.

Tỳ-kheo chê bai ái dục, Thiên tử vì ái Thiên nữ nên bị lưới ái trói buộc, đưa nhau đến các vườn rừng đẹp thật không sao ví dụ được. Thiên tử cùng Thiên nữ đến bờ ao Bạch nga vui chơi thọ nhận năm dục lạc, trổi các âm nhạc hay. Thiên tử cõi Chúng phần lại đi đến núi vàng vui chơi hưởng năm dục lạc. Hưởng lạc xong Thiên tử nghĩ: Ta nên cùng các Thiên chúng đến Thiện pháp đường vui chơi thọ lạc. Nghĩ như vậy, liền cùng Thiên chúng đến Thiện pháp đường có người đi trên hư không, có người cỡi thiên nga, có người cỡi chim khổng tước, có người đi xe… cùng nhau đến Thiện pháp đường. Thấy Đế Thích, họ trổi nhạc ca hát rất hay để đến Thiện pháp đường. Nghe tiếng nhạc, Đế Thích hỏi các Thiên tử:

–Đại tiên! Tiếng nhạc này là nhạc gì? Chư Thiên ở đâu đến đây?

Nghe thế các Thiên tử đều ra xem. Thấy chư Thiên, họ trở về thưa Đế Thích:

–Thưa Thiên vương! Chư Thiên ở cõi Chúng phần đến đây thăm hỏi Thiên chủ:

Đế Thích bảo chư Thiên:

–Các ông hãy vui mừng trổi nhạc ra đón Thiên tử cõi Chúng phần đến đây để vui chơi hưởng lạc.

Nghe vậy, các Thiên tử vâng lời Đế Thích, tuy cầm các nhạc cụ như đờn sắt, không hầu, thân trang sức vòng hoa, phóng ánh sáng trắng chiếu soi rực rỡ, ra đón Thiên tử cõi Chúng phần. Họ gặp nhau, cùng nhau vui chơi, vận thần thông, trổi nhạc rất hay, đi đến Thiện pháp đường.

Bấy giờ, Đế Thích ngồi trên tòa Sư tử đắc thắng trong điện báu có trăm ngàn cột. Thiên vương ngồi trong tư thế an vui hoan lạc, oai đức sáng rực, trăm ngàn Thiên chúng vây quanh, hưởng quả báo của nghiệp thiện, oai đức rực rỡ hơn trăm mặt trời cùng chiếu. Tuy sống trong cung trời nhưng không phóng dật. Thấy Thiên vương, chư Thiên đều vui mừng khôn xiết, cúi đầu đảnh lễ Thích-ca Đề-bà, ca múa vui chơi, nói kệ khen ngợi Thiên vương:

Thiên chủ Kiều-thi-ca
Thường bảo vệ thế gian
Hành pháp luôn tịch tĩnh
Cảnh giới không hại được.
Dùng pháp điều phục đời
Không dạy bằng phi pháp
Thuận pháp luôn an vui
Trái pháp chịu khổ não.

Thực hành pháp được vui
Tu trí tuệ cũng vậy
Không xâm đoạt, dối trá
Luôn được sự an vui.
Công đức của thế gian
Và công đức xuất thế
Thiên vương đã có đủ
Tất cả công đức này.
Chỗ nương cho người sợ
Chỉ đường lành kẻ khổ
Thiên vương bảo vệ đời
Trời, người, A-tu-la.
Thiên vương thù thắng nhất
Xa lìa pháp bất thiện
Tẩy trừ ba cấu ác
Thọ ba pháp quy y.
Biết như thật ba nghiệp
Thực hành tam Bồ-đề
Tuy sống nơi phóng dật
Mà không thích phóng dật
Thiên vương bảo vệ đời
Hành pháp, không oán địch.

Chư Thiên cõi Chúng phần dùng trí tuệ thù thắng khen ngợi Thiên vương. Quan sát Thiên chúng Thích-ca Đề-bà Nhân-đà-la dịu lời an ủi, bảo chư Thiên:

–Các Thiên tử! Chớ sống phóng dật, người sống phóng dật không có lợi ích.

Khen ngợi Đế Thích xong, các Thiên tử cùng Đế Thích bay lên hư không trở về cõi Chúng phần. Đế Thích đi trước, chư Thiên theo sau đến cõi Chúng phần. Đế Thích nghĩ: Các Thiên tử này sống phóng dật, không biết sự khổ thoái đọa, ta nên hóa hiện tướng thoái đọa để họ sinh nhàm chán. Đế Thích liền hóa hiện cõi trung ấm cho chư Thiên phóng dật vui chơi.

Khi ấy, các Thiên tử đang vui chơi trong vườn rừng, núi non, ao hồ, bỗng thấy tất cả tướng xinh đẹp của mình đều hoại mất. Tất cả các thứ tạo an vui cũng mất, họ lo sợ khổ não, thân bị trói buộc nên khóc lóc. Khói lửa vây quanh thân, Diêm-la vương làm cho họ bị đói khát, thiêu đốt, kinh sợ.

Lửa đốt thân như đốt rừng. Sứ giả Diêm-la thì thân hình ghê tởm, tay cầm dao gậy, cung tên, giáo mác, dây đen, gậy đỏ và lưới, có người đi lên, có người đi xuống. Những sứ giả đó có mặt khắp núi Tu-di.

Các Thiên tử ấy thấy sứ giả Diêm-la lên trời trói Thiên tử, trừng phạt, mắng nhiếc, đánh đập, khắp thân lửa dữ hừng hực.

Các sứ giả đó tay cầm dao kích, trừng mắt, giận dữ, bảo nhau:

–Các sứ giả Diêm-la! Hãy trói Thiên tử phóng dật, ta sẽ giết chúng, lôi chúng vào địa ngục, để chúng không phóng dật nữa. Họ la hét rồi bay lên hư không đến núi Tu-di, làm cho các cõi đều nghiêng ngã. Trăm ngàn vạn ức na-do-tha sứ giả Diêm-la, quan đoạt mạng, ngục tốt ghê gớm phá hoại khắp nơi và xung quanh núi Tu-di. Họ có mặt khắp hư không, đi lên đi xuống, não hại Thiên tử, hỏi Thiên tử: Năm dục và âm nhạc của các ngươi thọ hưởng bây giờ đâu rồi? Các ngươi sẽ bị sứ giả Diêm-la đem về địa ngục chịu khổ não lớn.

Thiên tử nào sẽ đọa vào địa ngục thì thấy lửa địa ngục thiêu đốt thân. Thiên tử nào còn nghiệp thiện thì thấy địa ngục mà không bị lửa đốt thân, tự thấy cõi Trung ấm, tất cả bị trói buộc.

Khi ấy, ngục tốt, sứ giả Diêm-la nói kệ cho Thiên tử:

Các ngươi tham dục lạc
Mà không tạo nghiệp lành
Nên phải chịu quả khổ
Giờ quả đó thành thục.
Các ngươi thích phóng dật
Nên làm việc phi pháp
Cho đến lúc lâm chung
Mới sinh tâm hối hận.
Hối hận hơn lửa đốt
Và dao gậy mâu kích
Từ năm căn sinh ra
Rồi trở lại đốt mình.
Khổ não cho là vui
Oán giặc gọi bạn thân
Quán phóng dật cũng vậy
Vì thế hãy xả bỏ.
Phóng dật hòa hợp ái
Bị dục lạc trói buộc
Ba loại oan gia lớn

Phá trừ hết an lạc.
Kiêu mạn, gần bạn ác
Biếng nhác lại tham lam
Không chịu giữ giới cấm
Đó là nhân địa ngục.
Giữ giới được mát mẻ
Quả báo mát mẻ hơn
Kẻ ngu không tu hành
Lúc chết lại hối hận.
Thấy vợ, hầu của người
Lại sinh tâm tham đắm
Uống rượu và trộm cướp
Do đó đọa địa ngục.
Ác khẩu gần bạn xấu
Tà kiến, không chánh tín
Tâm nhiễu loạn thô tháo
Do đó mất thân người.
Tham lam, nói thêu dệt
Dối trá, không thành thật
Đời này hay đời sau
Không có chút an lạc.
Xa lánh những bạn tốt
Gần gũi kẻ xấu ác
Là gốc không lợi ích
Không tin quả báo nghiệp.
Không biết nghiệp và quả
Khổ vui của chúng sinh
Kẻ này mê nhân quả
Sắp chết sinh hối hận.
Người nào thường nói dối
Ỷ tài, sinh kiêu mạn
Sau chịu khổ não lớn
Mới biết được nghiệp quả.
Trôi lăn trong thế gian
Chịu đủ các khổ não
Đều do sức vô minh
Đại tiên dạy như vậy.

Hóa hiện ra sứ giả Diêm-la để nói pháp, điều phục, chê trách các

Thiên tử xong, Đế Thích lại vì các Thiên tử mà chỉ dạy biến hóa.

Thiên tử nào vì nghiệp đời trước sẽ đọa vào loài súc sinh. Thể hiện vô lượng tướng nghiệp như dấu in vào vật, trong tướng trung ấm, sát hại lẫn nhau, ăn nuốt lẫn nhau rồi lo sợ để các Thiên tử thấy. Thiên tử nào không có nghiệp súc sinh thì chỉ thấy loài súc sinh giết hại lẫn nhau chứ không thấy mình thọ thân súc sinh. Đế Thích lại hóa hiện cõi trung ấm cho các Thiên tử thấy. Thiên tử nào sẽ đọa vào loài ngạ quỷ thì bị đói khát thiêu đốt thân, tóc dài phủ mặt, thân thể xấu xí, rồi lại thấy chim trong hư không bay xuống mổ mắt, tai, mũi, lưỡi. Thấy những tướng ác biến hóa đó, chư Thiên đều kinh sợ, thưa với Đế Thích: Thiên vương Thích-ca! Vì sao ngài lại bỏ chư Thiên mà ngồi yên! Các Thiên tử này đều bị trói buộc, loài A-tu-la, kẻ ác độc sắp đem họ đi. Khắp các nơi của núi Tu-di đều như vậy. Chúng tôi đã từng đánh với A-tu-la nhưng chưa thấy tướng ác này bao giờ. Vả lại A-tu-la và quân lính của chúng chưa đến cõi này bao giờ. Thế gian mất chánh pháp chăng? Không hiếu dưỡng cha mẹ, không kính Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc trưởng lão kỳ túc chăng? Thưa Thiên vương! Hiện giờ thế gian không cúng dường Phật, Pháp, Tăng, không biết nhân quả chân đế chăng? Hiện giờ người Diêm-phù-đề không tu theo pháp mà Thiên vương Hộ thế thường nói chăng? Hiện giờ chư Thiên đều bị não loạn. Thưa Thiên vương! Cớ sao ngài không chuẩn bị binh khí, cỡi voi trắng Y-la-bà-na, mặc áo giáp, gióng trống trận để chiến đấu? Có những Thiên chúng cùng nghiệp với Thiên vương, nói với Đế Thích những việc như vậy. Có những chư Thiên thấy sự việc hy hữu mà họ chưa từng thấy như thế thì sinh tâm chán ghét, kinh sợ vô cùng, các căn chấn động, liền quy y Đế Thích, nói: Cúi xin đại vương cứu giúp chúng tôi. Những cõi của chư Thiên ở đều bị A-tu-la chiếm đoạt, chúng tôi chưa bao giờ thấy những thân A-tu-la đáng sợ như vậy.

Những chư Thiên lo sợ đều nói với Đế Thích như thế. Có Thiên tử thấy sự biến hóa đó vội chạy về Thiện pháp đường lấy binh khí chiến đấu, có Thiên tử đi đến rừng Tạp điện lấy binh khí đi đánh bắt sứ giả Diêm-la, nhưng không hại được. Ví như những binh sắc trong gương không thể nắm bắt, cũng không thể đánh hại được.

Thiên vương biến hóa ra như thế.

Bấy giờ, Đế Thích biến hóa ra A-tu-la thắng La-hầu, những đám A-tu-la dũng kiện đều bị đánh trói, đâm chém, mắng nhiếc, khóc lóc khổ đau cho các Thiên tử thấy. Thấy A-tu-la chịu khổ do sự biến hóa gấp trăm ngàn vạn lần mình, các Thiên tử đều kinh sợ, đến chỗ Thiên vương Thích-ca

thưa:

–Chúng tôi không biết được người nào có sức mạnh như vậy, trói buộc, đánh đập, đâm chém, mắng nhiếc được các A-tu-la vương, La-hầu A-tu-la vương, Dũng kiện A-tu-la vương, cớ sao lại có những việc lạ lùng như thế, làm cho các Thiên tử rợn cả người, tôi cũng sợ phải chịu những khổ não đó. Lẽ nào Thiên vương không biết sao? Chư Thiên và A-tu-la đều bị phá hoại, khắp nơi đều sợ bị hoại diệt. Nếu Thiên chủ biết hãy nói cho chúng tôi nghe. Nếu không biết, thì hãy suy xét kỹ.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 33

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 12)

TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 9)

Bấy giờ, Thiên chủ Thích-ca Đề-bà bảo các Thiên tử:

–Các Thiên tử này vì sống phóng dật, không hiểu biết như thật, không thực hành chánh pháp, vì họ mà ta thị hiện những sự biến hóa như thế để họ trừ bỏ phóng dật, kiêu mạn. Khi các Thiên tử đó đã nhàm chán, chế ngự tâm ý, ta thuyết giảng chánh pháp thì họ tin nhận được.

Thấy các Thiên tử đã điều phục tâm ý, Thiên đế Thích bảo Thiên chúng:

–Các ông hãy lắng nghe ta sẽ thuyết giảng. Người đàn ông này có sức mạnh, hình dạng thô xấu nhưng hại được người khác, khó ai địch nổi, dù sức chú thuật cũng không điều phục được, tất cả Thiên chúng đều không làm gì được. Dù giỏi hơn chư Thiên cũng không thể ngăn chận được huống gì là các ông –những kẻ yếu kém sắc lực! Người đàn ông ấy chính là sứ giả Diêm-la, là sứ giả lúc chết, dùng nghiệp phiền não trói buộc chúng sinh, dắt đi đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Có tám pháp đủ quyền lực về sự sống chết của chúng sinh:

1. Tất cả sự sống đều đi đến cái chết.

2. Không người khỏe mạnh nào không bị bệnh khổ.

3. Tất cả người trẻ khỏe đều bị già suy.

4. Giàu sang phải nghèo thiếu.

5. Tất cả thế gian đều do nghiệp mà có, tùy thuận theo những nghiệp thiện, bất thiện đã tạo ra mà chịu quả báo.

6. Tất cả sự ân ái đều chia ly, không tồn tại.

7. Những nghiệp đã tạo phải chịu quả báo, không phải người khác làm mình chịu quả, mình làm người khác chịu quả. Tất cả các pháp chắc chắn như vậy.

8. Người phóng dật thì không được an ổn, phải chịu quả khổ. Do các

pháp đó, chúng sinh lưu chuyển trong sự sống chết và do duyên sinh. Các pháp ấy không thể dùng sức ngăn chận được, không có sức chú thuật nào điều phục được. Sứ giả Diêm-la này không ai địch nổi, sự sống chết đều như thế. Dù là chư Thiên, A-tu-la, loài người, Dạ-xoa, Tỳ-xá-già… mà tạo ác gây khổ não thì sứ giả Diêm-la đều hại được, làm cho chúng đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Bấy giờ các Thiên chúng thưa Đế Thích:

–Thưa Thiên vương! Chúng tôi không thể tránh khỏi sứ giả Diêm-la đó. Cúi xin Thiên vương dùng sức phương tiện để chúng tôi thoát khỏi sứ giả Diêm-la, chúng tôi sẽ vâng lời dạy của ngài.

Thiên vương Thích-ca Đề-bà bảo chư Thiên:

–Có sức phương tiện lớn, nếu ai tu tập được sẽ không bị sứ giả Diêm-la tổn hại. Do phương tiện gì mà được thoát khỏi?

Đó là do đoạn trừ một pháp: Phóng dật và tu tập hai pháp: Chỉ, quán, trừ bỏ ba lỗi tham, sân, si, quan sát bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo; biết năm cảnh giới, sáu căn, bảy chánh trí, thực hành tám Thánh đạo tức là biết về chánh kiến…, biết chín cõi chúng sinh, quả báo mười nghiệp, mười một cách tu, mười hai nhập, mười ba niệm tùy thuận hệ niệm, mười bốn pháp thiền để tu tập tâm, mười lăm pháp, mười sáu hành tướng hơi thở, mười bảy hành pháp lưu chuyển tương tục trong cõi trung ấm, mười tám giới, mười chín cõi mà chúng sinh Dục giới ở, hai mươi cõi và biết được hành nghiệp của chúng sinh thì sẽ thoát khỏi. Chư Thiên, loài người… nếu biết được như vậy, sẽ đoạn trừ được ba đường ác, sinh các pháp lành, thực hành pháp thiện. Nếu chư Thiên, loài người… đoạn trừ đường ác thì khi chết không sợ sứ giả Diêm-la. Vì vậy các ông hãy bỏ phóng dật, phóng dật phá trừ tất cả pháp lành giống như kẻ thù. Người sống phóng dật không có niềm vui ở đời và xuất thế. Phóng dật che mờ con người ngu si như súc sinh, chưa ngủ mà như ngủ, chẳng biết việc nên làm hay không nên làm, việc phước đức phi phước đức, chẳng biết bà con hay người xa lạ, ruộng phước hay không phải ruộng phước, điều không nên nói điều nên nói, không biết lợi ích tổn hại, không biết tội lỗi công đức. Đó là điều ác nhất, là cội gốc của sự suy não, không lợi ích. Hãy trừ bỏ phóng dật. Tất cả chư Thiên sống phóng dật làm sao không bị sứ giả Diêm-la trói buộc. Khi ấy Đế Thích nói kệ:

Nếu trời, người phóng dật
Thích làm việc phi pháp
Đến khi sắp mạng chung

Thấy sứ giả Diêm-la.
Phóng dật như chất độc
Người trí đã lánh xa
Nên đến lúc qua đời
Không bị các khổ não.
Phóng dật chết chịu khổ
Không phóng dật vui nhất
Những ai muốn được vui
Hãy trừ bỏ phóng dật.

Các Thiên tử! Đoạn một pháp là đoạn trừ phóng dật nhưng phóng dật có sáu cách:

1. Mắt thấy sắc sinh tâm phóng dật, không thấy như thật. Thấy sắc đẹp, xấu, vàng, đen, đỏ, trắng, dài, ngắn, vuông, tròn tất cả người đời không biết như thật là do phóng dật. Vì ý phóng dật nên không biết được pháp xuất thế. Tuy thấy sắc nhưng không biết như thật. Đối với sắc thân không quan sát như thật. Không thích quán chiếu pháp bốn đế. Các sắc không thật lại thấy là thật. Vì tâm phóng dật nên không quán chiếu các pháp thế gian, xuất thế gian.

2. Tai nghe tiếng không biết được thật nghĩa, không biết được tiếng ca, lời nói có thật nghĩa hay không của thế gian. Nghe những pháp như Tu đa-la, Già-đà, Kỳ-dạ, Tỳ-già-na, Ưu-đà-na, Ni-đà-na, Tỳ-đa-ca, Xà-đa-ca, Tỳ-phật-lược, A-phù-đa-đạt-ma *(mười phần giáo)* mà không hiểu thật nghĩa. Vì phóng dật nên khi qua đời bị sứ giả Diêm-la trói buộc dắt đi.

3. Vì phóng dật nên khi nghe hương thơm thì tham đắm, không biết được hương của hoa hay trái, không biết được hương của thế gian nên đốt để cúng dường.

4. Lại vì phóng dật nên không biết được sự khác biệt của các vị đã nếm như ngọt, chua, mặn, cay, đắm, nhạt, rít, trơn. Vì phóng dật nên không biết được thức ăn thế gian, xuất thế gian.

5. Cũng vì phóng dật nên không biết được sự xúc chạm của thân, thân không làm việc sửa nhà, làm lành. Trong nhà không có đủ tài vật, chẳng biết được việc không nên làm của thế gian, xuất thế gian, không gần gũi thăm hỏi, cung kính, lễ bái các bậc kỳ túc.

6. Các Thiên tử! Lại vì phóng dật nên không biết được các pháp thiện, bất thiện vô ký của tâm, không biết được lúc chết bị đánh đập, chịu khổ não lớn, bị sứ giả Diêm-la tự do bắt đi.

Vì vậy các Thiên tử! Hãy trừ bỏ phóng dật, tu tập hai pháp chỉ, quán.

Hai pháp này chỉ rõ đạo Niết-bàn. Chỉ: Đoạn trừ các pháp đã sinh và chưa sinh để được tịch tĩnh. Quán: Thấy được tâm pháp của thân. Hai pháp này là bạn lành trừ được ba lỗi. Đối với kẻ tham dục thì dạy pháp quán bất tịnh, đối với kẻ sân hận thì dạy pháp quán Từ bi, đối với kẻ ngu si thì dạy pháp trí tuệ. Ba pháp này đối trị ba pháp kia để không còn phóng dật và khi lâm chung không sợ sứ giả Diêm-la.

Thế nào là bốn Thánh đế? Bốn Thánh đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khổ đế có hai: Khổ của thân, khổ của tâm; Tập đế: Ấm, giới, nhập; Diệt đế: Tịch diệt; Đạo đế: Tám Chánh đạo. Năm cảnh giới: Sắc, thanh, hương, vị, xúc. Sáu căn: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Khéo thâu giữ chúng khi chúng tiếp xúc với cảnh giới. Bảy pháp là bảy phần giác, giống như thành phần của thân, khu vực của thành phố, bộ phận của tập thể, vì vậy gọi là Bồ-đề phần. Bảy phần: Niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, ỷ, định, xả. Niệm giác phần có những tướng gì? Niệm về tội lỗi của pháp hữu vi, niệm về thật đế, Niết-bàn. Trạch pháp giác phần có những tướng gì? Dùng trí giản trạch. Thế nào là giản trạch *(lựa chọn)*? Dùng pháp tướng như thật chọn lựa pháp này, suy nghĩ nghĩa của nó liên tục không ngừng. Đã suy nghĩ thì siêng năng tu tập, đó là tinh tấn giác phần. Suy nghĩ rồi mong muốn, nghĩ về thật nghĩa như vậy mà vui vẻ, đó là hỷ giác phần. Suy nghĩ thật nghĩa rồi điều phục pháp của thân tâm, nhẹ nhàng, an vui, tu tập ổn định, đó là ỷ giác phần. Suy nghĩ thật nghĩa rồi trụ tâm, thâu giữ, điều phục tâm, đó là định giác phần. Bỏ tâm định về những niệm khác là xả giác phần. Các pháp dù là quả, trí, đoạn phiền não đều sai khác, kết quả khác nhau, dần dần tăng lên, đều do duyên từng pháp sinh ra nhưng công dụng lại khác nhau.

Các Thiên tử! Đó là bảy Giác phần, nếu ai nghĩ nhớ được thì đoạn trừ phóng dật.

Các Thiên tử! Tám Thánh đạo là gì mà có thể đoạn trừ phóng dật, lo sợ ở vị lai, để cầu sự an lạc và đạo Niết-bàn? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Thế nào là chánh kiến? Biết đúng tương ưng sự thật. Thế nào là chánh tư duy? Biết như thật về tự tướng, bình đẳng tướng của pháp như thật, nghĩ đến nhân quả của nó. Thế nào là chánh ngữ? Suy nghĩ về bốn nghiệp của miệng, giữ gìn giới cấm. Thế nào là chánh nghiệp? Trừ bỏ ba nghiệp bất thiện của thân, giữ gìn giới cấm. Thế nào là chánh mạng? Cho dù mất mạng vẫn giữ giới cấm. Thế nào là chánh tinh tấn? Suy nghĩ về thật nghĩa rồi siêng năng tu tập? Thế nào là chánh niệm? Suy xét, nhớ kỹ thật nghĩa của pháp đó. Thế nào là chánh định? Dùng tâm niệm như thật chuyên

chú ghi nhớ tướng của các pháp. Đó là tám con đường của Hiền thánh, nếu thường nghĩ nhớ thì không sợ sứ giả Diêm-la.

Lại nữa, hãy quan sát chín cõi của chúng sinh. Các Thiên tử! Hãy quan sát về mười đại địa pháp:

1. Thọ.
2. Tưởng.
3. Tư.
4. Xúc.
5. Tác ý.
6. Dục.
7. Giải thoát.
8. Niệm.
9. Tam-muội.
10. Tuệ.

Các pháp này đều từ tâm sinh nhưng hình tướng khác nhau. Các ông nên biết chúng có những tướng gì? Các pháp ấy nối tiếp sinh ra giống như ánh sáng mặt trời. Từ tâm sinh ra nhưng có các tướng tăng giảm khác nhau. Thế nào là tưởng? Biết sự tương ưng sai khác. Thế nào là tư? Ý duyên ba pháp thiện, bất thiện, vô ký. Lại có ba loại thân tư, khẩu tư, ý tư. Nó dựa vào tư nhưng không thấy tướng mạo. Thế nào là xúc? Do ba thứ hòa hợp sinh ra. Từ xúc có ba thọ.

Thiên tử nên biết! Ba xúc sinh ra ba thọ gì? Đó là khổ, lạc, xả thọ. Thế nào là tác ý? Nắm bắt tướng các pháp. Thế nào là dục? Nghĩ nhớ những điều đã làm. Thế nào là giải thoát? Có khả năng quyết định. Cũng gọi là tín. Vì có tín nên cũng gọi là lực, có khả năng giữ gìn. Thế nào là niệm? Tâm không mê loạn với những cảnh giới đã duyên. Thế nào là Tam-muội? Tâm duyên một cảnh. Thế nào là tuệ? Phân biệt quan sát các pháp.

Các Thiên tử! Lại có mười đại địa phiền não, nếu ai thực hành theo thì khi chết sẽ bị sứ giả Diêm-la trói buộc. Mười pháp đó là:

1. Bất tín.
2. Biếng nhác.
3. Thất niệm.
4. Tán loạn.
5. Ngu si.
6. Bất thiện quán.

7. Tà kiến.

8. Bất điều phục.

9. Vô minh.

10. Phóng dật.

Đó là mười pháp đại địa phiền não do nhiễm ô sinh ra, là nguyên nhân bị sứ giả Diêm-la trói buộc. Các Thiên tử! Mười đại địa bất thiện mà ta nói là gì? Thế nào là bất tín? Không tin pháp giải thoát. Thế nào là biếng nhác? Không siêng năng. Thế nào là thất niệm? Không nhớ giáo pháp. Thế nào là tán loạn? Tâm ý không chân chánh. Thế nào là ngu si? Tâm không phương tiện. Thế nào là bất thiện quán? Quan sát sai, suy nghĩ trái pháp, không theo chánh đạo, những thứ bất tịnh lại cho là tịnh. Thế nào là tà kiến? Chấp chặt pháp sai lầm mà không bỏ. Thế nào là bất điều phục? Không tịch tĩnh. Thế nào là vô minh? Không hiểu về ba cõi. Thế nào là phóng dật? Không làm lành. Mười pháp phiền não lớn này rất xấu ác.

Này các Thiên tử! Lại có mười nhiễm địa pháp: Sân, hận, bất hối, kiên, huyễn, dua nịnh, tật đố, keo kiệt, kiêu mạn, đại mạn. Vì sao gọi là nhiễm địa pháp? Vì nó thuộc đại địa pháp nên gọi là nhiễm địa pháp. Thế nào là sân? Tâm ác. Thế nào là hận? Tâm bị ràng buộc thành oán kết. Thế nào là bất hối? Thích làm ác, làm xong lại vui. Thế nào là kiên? Làm ác và chấp thủ. Thế nào là huyễn? Dối gạt mọi người, chính là hoặc nghiệp của mười hai nhập. Các Thiên tử! Thế nào là mười hai nhập? Gồm có nội nhập: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ngoại nhập: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Hai loại khác biệt nhau.

1. Tướng.

2. Tự thể của các đại.

Do bốn đại duyên sinh ra nhãn thức, đó là mắt. Các ông nên biết, tai, mũi, lưỡi, thân, ý khi phân biệt cảnh giới chúng đều có tự tướng. Làm sao biết được tự thể của nó? Tự thể: Không điên đảo, do năm duyên sinh ra nhãn thức. Do có mắt, sắc, ánh sáng, khoảng trống, ý niệm nên có nhãn thức. Tai thì không như vậy, dù trong chỗ tối tăm nhĩ thức vẫn phân biệt, không cần ánh sáng. Mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Đối với ý thức thì ánh sáng có lúc có tác dụng nhưng có lúc không có tác dụng. Thế nào là có tác dụng? Khi nhãn thức phân biệt sắc thì ý thức hiểu rõ nên có tác dụng. Khi nào không có tác dụng? Nhãn thức quan sát sắc nhưng nếu không có ánh sáng thì không thấy. Còn những căn khác khi nhận biết thì không cần ánh sáng, đó là thức đại. Các Thiên tử! Lại có bốn đại duyên dựa lẫn nhau. Thế nào là bốn đại duyên dựa lẫn nhau? Hoặc tăng hoặc giảm, như mắt

tăng hỏa đại, mũi tăng địa đại, thân tăng phong đại, lưỡi tăng thủy đại, tai tăng không đại. Tai mà có nhiều khoảng trống thì ý nghe được tiếng, thế nên chúng ta biết phải có tăng giảm. Tiếp tục quan sát về nhập. Thế nào là duyên gần duyên xa? Ba căn mũi, lưỡi, thân phải tiếp xúc mới biết, sự hiểu biết của mắt thì không gần không xa, tai nghe tiếng mà xa quá thì không rõ, gần thì nghe rõ, nghe cả tiếng nói của lòng mình, mũi ngửi hương gần mới biết, ngửi cả mùi của người mình nhưng khi mũi bệnh thì nghe mùi hôi, như tiếng gió trong tai cũng tự nghe được. Như vậy phải gồm có nhãn thức… ý thức câu hữu, thức khác cũng thế. Ví như một ngọn lửa, do nhiên liệu mà gọi tên hoặc lửa củi hoặc lửa rơm. Các thức cũng vậy do ý thức mà có sai khác.

Này các Thiên tử! Đã biết các nhập rồi, đừng sống phóng dật. Không sống phóng dật thì không tham, sân, si. Người thiện như vậy khi chết không sợ sứ giả Diêm-la trói buộc, không thấy những tướng ghê gớm của lính ngục, không thấy cảnh giới xấu của Diêm-la vương, không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, luôn được an lạc, cho đến đạt được Niết-bàn, thành tựu vô lượng sự an vui đều do không phóng dật.

Lại nữa, này các Thiên tử! Quan sát mười hai nhập là vô thường, khổ, không, vô ngã. Nó do duyên sinh. Quan sát như vậy thì bỏ phóng dật. Quan sát những gì sinh ra nhãn thức đều là pháp huyễn, trống rỗng, không có sở hữu, không chắc thật, là pháp bị hủy hoại. Quan sát nhãn thức rồi, lại quan sát về những gì sinh ra nhĩ thức cũng trống rỗng, không có sở hữu, không chắc thật, bị hư hoại. Như vậy quan sát sáu nội nhập và sáu ngoại nhập dù sinh hay diệt, giành giựt vị ngọt của ái, suy biến vô thường, do duyên sinh. Thấy biết như thật rồi không tham sắc, dù thấy sắc đẹp cũng không tham. Người không phóng dật thì dù là diệu lạc cõi trời cũng không tham, huống gì là dục lạc của thế gian?

Bấy giờ Đế Thích nói kệ:

Không hiểu biết giới, nhập
Trở ngại đạo Niết-bàn
Chính vì phóng dật này
Mất tất cả pháp lành.
Có ba tội lỗi lớn
Là sứ giả đường ác
Si là ác bậc nhất
Phóng dật nên luân hồi.
Ngu si sống phóng dật

Nằm trong tay thần chết
Ai thích sống phóng dật
Phá hoại hết tất cả.
Ai vượt qua một pháp
Suy nghĩ về hai pháp
Biết rõ tướng ba cõi
Người bày được an lạc.
Phước đức trời đã hết
Do phóng dật phá hoại
Vì si nên đọa lạc
Không ai cứu giúp được.
Có một pháp thù thắng
Ai nhẫn nhục tu hành
Luôn luôn sống nhẫn nhục
Từ bi với chúng sinh.
Phóng dật có sức lớn
Lúc chết rất lo sợ
Vì thế bỏ phóng dật
Tinh tấn tu các hạnh.
Hãy trừ bỏ vô minh
Và giữ gìn trí sáng
Nhờ biết minh, vô minh
Phóng dật không hại được.
Người nào bỏ phóng dật
Nhất định được lợi lớn
Người không sống phóng dật
Tự làm lợi cho mình.
Lưới phóng dật trói buộc
Siêng tu sẽ thoát được
Tướng trói, mở như thế
Nay ta nói tổng quát.
Các Thiên tử đã biết
Nếu ai sống phóng dật
Thì đến lúc lâm chung
Sẽ biết quả báo đó.

Thiên đế Thích đã nói rõ tướng mười hai nhập để điều phục chư Thiên phóng dật. Thiên tử nào đã từng trồng căn lành, ít sống phóng dật thì nghe pháp này tự tâm giác ngộ, không sống phóng dật nữa, các căn thuần thục

và thực hành chánh pháp. Các Thiên tử chưa thuần thục thì ví như phá vỡ ung nhọt chưa có mủ, dù nặn xong, rửa sạch vẫn không lành.

Lại nữa, Thiên vương Đế Thích đã bắt đầu từ một pháp dần dần nói đến mười hai nhập và tướng của mười hai nhập, đã hiện sức thần thông và những việc hy hữu cho đại chúng cõi trời làm cho họ tuần tự hiểu được, buộc tâm chánh niệm, hiểu tướng nhân duyên, bỏ phóng dật, được lợi ích, thấy sự biến hóa này mà chán ngán dục vọng. Bấy giờ Thiên đế Thích lại dùng phương tiện lợi ích nói rõ diệu pháp cho chư Thiên:

–Này các Thiên tử! Thế nào là dua nịnh? Tâm không ngay thật, chìm đắm trong sinh tử. Thế nào là ganh ghét? Giận ghét người khác. Thế nào là keo kiệt? Sợ tài lợi của mình hết nên tham tiếc. Đó là nhiễm địa pháp của ba cõi, nếu phân biệt thì: Sân, hận, keo kiệt, ganh ghét, huyễn thuộc về Dục giới. Dua nịnh thuộc Dục giới và Phạm thiên. Kiêu mạn, đại mạn ba cõi đều có. Các Thiên tử! Đó là mười đại địa pháp bất thiện. Còn có mười đại địa pháp thiện: Không tham, không si, hổ, thẹn, tín, điều phục, không phóng dật, tinh tấn, xa lìa, không tổn não. Mười pháp này có hình tướng khác nhau. Không tham là nguồn gốc của pháp lành, ví như cột nhà. Căn lành không si cũng vậy. Hổ là tự giữ mình ngay thật. Thẹn là xấu hổ với người. Tín là tâm ý thanh tịnh đối với các pháp. Điều phục là hoàn toàn điều phục thân tâm nhu thuận, bỏ pháp ác, sống theo pháp lành. Không phóng dật là siêng tu các pháp lành. Xả là tâm ý xả bỏ những nhân duyên về việc làm, không làm. Không tổn não là không hại chúng sinh. Nếu ai luôn nghĩ về mười pháp này thì khi chết sẽ không lo sợ, chẳng sợ sứ giả Diêm-la trói buộc. Vì sao? Vì tu thì được pháp lành hộ trì. Đã nói chung về tự tướng các pháp tâm, tâm sở, pháp đại địa thiện, pháp đại địa nhiễm, đó là mười pháp.

Lại nữa, này các Thiên tử! Thế nào là tu mười một pháp? Tỳ-kheo quan sát thân mình, tự biết thân nên không tham ái, không mê mờ, tâm không tham đắm, đó là bước tu thứ nhất.

Lại nữa, này các Thiên tử! Tỳ-kheo không chê bai, không tham đắm, nghĩ nhớ những dục mà mình đã thọ hưởng thì chán ngán, đó là bước tu thứ hai.

Lại nữa, này các Thiên tử! Tỳ-kheo không phóng dật, không tham đắm cảnh giới, chấm dứt các kết sử, đó là tu hạnh không phóng dật thứ ba.

Lại nữa, này các Thiên tử! Tỳ-kheo nghĩ nhớ, thực hành pháp thiện. Các pháp thiện đó sinh ra quả vui từ nhân vui, duyên vui đưa đến quả vui ta nên thọ hưởng, đoạn trừ pháp bất thiện, đó là bước tu thứ tư.

Lại nữa, này các Thiên tử! Tu hành lực gì, duyên gì, nhân gì mà có

được lạc thọ? Lạc thọ đã sinh không bị ngăn ngại. Quan sát đúng về thọ thì nó không chắc thật, là trống rỗng, không sở hữu, đó là bước tu thứ năm.

Lại nữa, này các Thiên tử! Tỳ-kheo tu hành các hạnh. Các hành vô thường, khổ, không, vô ngã, vô sở hữu, do nhiều nhân duyên sinh, không phải do một sức lực sinh. Tu tập như thế nên tâm không yêu thích, đó là bước tu thứ sáu.

Lại nữa, này các Thiên tử! Tỳ-kheo nghĩ rằng: Ta có niệm thiện, niệm thiện này sinh thì niệm khác mất. Những niệm bất thiện sinh diệt đã phá trừ ngăn ngại pháp thiện của ta. Niệm như vậy là bước tu thứ bảy.

Lại nữa, này các Thiên tử! Tỳ-kheo tu tướng pháp hành thứ tám, tướng bình đẳng, trụ về pháp tự tướng, không điên đảo, bản tánh của các pháp không nhơ. Tỳ-kheo lại quan sát: Ta đã sinh thì phải chết. Các pháp hữu vi đều có ba tướng. Tu tập như vậy hiểu các pháp đều vô thường, đó là bước tu thứ tám.

Lại nữa, này các Thiên tử! Bước tu thứ chín là gì? Có ba cách đối trị căn bản phiền não tham, sân, si. Đối với người tham dục, giáo hóa họ tu quán bất tịnh. Đối với người sân hận giáo hóa họ tu quán Từ bi. Đối với người ngu si, giáo hóa họ tu quán nhân duyên. Đó là cách đối trị, tâm phải suy nghĩ tu tập như vậy.

Lại nữa, này các Thiên tử! Bước tu thứ mười là gì? Niệm công đức của Phật đã đem lại an lạc cho thế gian nên tự tu tập tạo lợi ích bản thân.

Lại nữa, này các Thiên tử! Bước tu thứ mười một là gì? Tuần tự học hỏi pháp vô thường, luôn thay đổi, từ lúc vào thai sinh diệt không ngừng, đến lúc là đứa trẻ, thanh niên, người già. Tỳ-kheo tu tập như thế thì lúc chết không sợ sứ giả Diêm-la nắm bắt, không thấy những tướng xấu đáng sợ.

Lại nữa, này các Thiên tử! Mười ba pháp buộc niệm tu thiện, lợi ích an lạc đạt được Niết-bàn là gì? Niệm bất phóng dật, sinh, trụ, diệt, không tán loạn. Nghĩ như thế thì khi thấy sắc đẹp xấu, thấy người nữ thì quán bên trong thân là nơi chứa bất tịnh máu mủ, đại tiểu tiện, niệm như vậy thì tâm không tán loạn. Khi vào thành ấp, xóm làng khất thực, cảnh giới màu sắc, những nơi không nên đến. Nếu không buộc niệm thì tham sắc dục, vì thế phải buộc tâm, không tán loạn. Đó là bước buộc tâm thứ nhất.

Bước buộc tâm thứ hai: Tư duy quan sát cảnh giới bên ngoài, vườn rừng đáng yêu, ao sen, dòng sông những nơi vui chơi đẹp. Đã thấy, nên nghĩ rằng: Vì tâm ngu si nên tham đắm những nơi vui chơi đáng yêu này. Nó sẽ hư hoại, lá cây héo vàng, không xanh tươi, rơi rụng, dáng như khô chết, ít bóng mát. Các pháp hữu vi đều vô thường, trống rỗng, không có sở

hữu, có pháp nào đáng yêu. Như vậy là buộc tâm ý. Buộc niệm rồi tâm không tham đắm cảnh giới trong ngoài, ma không nhiễu loạn được.

Bước buộc tâm thứ ba: Lợi ích an lạc, buộc niệm như thế nào? Duyên về những pháp gì? Khi ăn ngủ mà thấy sắc đẹp tâm không phân biệt, tâm không lệ thuộc niệm, nghĩ như vầy: Kẻ phàm phu ngu si các căn tham đắm, không biết chán.

Bước buộc tâm thứ tư: Bất cứ ở nơi nào nếu được vật cúng dường như y phục, giường nệm, đồ nằm, thuốc men thì không thích thú. Vì sao? Vì vật cúng dường như dao bén cắt đến da thịt, gân, cốt, tủy. Cũng vậy do lợi dưỡng mà hủy hoại pháp lành.

Bước buộc tâm thứ năm: Nếu vào thành ấp, xóm làng thì không được ở lại. Nếu có người đến chỗ ở thì không nên nói nhiều, không thích nói nhiều. Vì sao? Vì đi vào thành ấp, xóm làng thì tâm tán loạn không lợi mình. Quan sát như thật về sự buộc tâm như thế.

Bước buộc tâm thứ sáu: Thấy người đi qua tàng cây, nghĩa địa, bụi rậm, khe núi hoặc dừng ở nhà trống thì không nên tham đắm, gần gũi họ. Có như vậy thì pháp lành tăng trưởng, được lợi ích xa lánh mọi người.

Bước buộc tâm thứ bảy: Khi nghe nói về quả báo cõi trời tâm không thích, còn nhàm chán, thích nghe về quả báo khổ đau của địa ngục. Tỳ-kheo này nghe cõi trời không vui, nghe khổ của địa ngục không sợ, luôn suy nghĩ: Cõi trời bị thoái đọa, bị sứ giả Diêm-la bắt đi. Ta không nên gây nghiệp địa ngục nữa, không tùy hỷ, thấy ai làm khuyên họ bỏ đi, không buồn vui, luôn nhớ pháp lành.

Bước buộc tâm thứ tám: Pháp sinh niệm thiện, bỏ pháp bất thiện, bỏ những niệm khác, phát sinh pháp lành, niệm pháp lành, biết niệm bất thiện làm tổn hại niệm thiện. Ta đã đoạn trừ niệm bất thiện không duyên dựa. Suy nghĩ tuần tự như vậy, buộc niệm điều phục tâm, người này có khả năng làm cho những tâm oán giận: tới lui, lên xuống, hung dữ xoay chuyển đều trụ vào một cảnh giới.

Bước buộc tâm thứ chín: Niệm công đức Phật, niệm Pháp cao thượng, niệm Tăng chánh tín, học theo bậc Minh sư, tu hành chân chánh đầy đủ, tạo lợi ích cho chúng sinh, luôn nghĩ đến sự độ thoát, buộc niệm như vật đạt quả chân thật, cho đến quả Niết-bàn.

Bước buộc tâm thứ mười: Tu tập chân chánh nếu gặp phải bốn thứ sợ hãi: Già, yếu, bệnh, chết, hoặc sợ về giặc chết thì không thích nghĩ nhớ, thấy bốn pháp có lưu chuyển vô thường thì cuộc sống an ổn trẻ khỏe sung sức. Nếu lo sợ thì tu tập về vô thường tưởng, không ham năm dục, không

bị tâm yêu ghét sai khiến, luôn sống chánh niệm, phá được núi lớn phiền não.

Bước buộc tâm thứ mười một: Không phân biệt người siêng năng kẻ biếng nhác, nếu phân biệt thì tự thương tổn. Không làm buồn người khác, tâm ý thanh tịnh, buộc tâm điều phục, không tổn hại chúng sinh.

Bước buộc tâm thứ mười hai: Luôn nghe chánh pháp, nghe rồi tu tập mãi không quên, biết được pháp thiện, bất thiện. Người này như đèn sáng lớn giữa bóng tối. Hiểu rõ pháp thiện bất thiện trong Phật pháp. Buộc tâm niệm như vậy thì không bị tâm yêu ghét ma chướng sai khiến.

Bước buộc tâm thứ mười ba: Niệm về sự cảm thọ của thân tâm, biết được tự tướng, chánh tâm buộc niệm, không sống phóng dật. Không sống phóng dật thì không bị sứ giả Diêm-la tự do bắt đi. Vì đủ năng lực nên không mất chánh niệm, làm việc đúng thời, không đến những chỗ xấu ác, sai quấy, luôn buộc tâm.

Lại nữa, các Thiên tử! Có mười bốn pháp để khéo tu tập tâm ý, điều phục tâm ý thanh tịnh, trừ bỏ phóng dật. Mười bốn pháp đó là:

1. Biết đủ.
2. Siêng năng.
3. Tịch tĩnh.
4. Gần gũi thầy giỏi.
5. Xa lánh bạn ác.
6. Tu tập pháp Phật.
7. Khéo quán xét tu tập.
8. Bỏ kiêu mạn.
9. Tin nhân quả pháp và phi pháp.
10. Nghĩ về điều mong muốn tốt.
11. Không ngắm nữ sắc.
12. Không gần gũi bà con.
13. Bất cứ nơi nào luôn sống chân chánh.
14. Lo sợ sinh tử.

Đó là mười bốn pháp khéo tu tập tâm, nhờ đó mà điều phục được tâm, khi chết không sợ đường ác, lính ngục Diêm-la, không mở cửa đường ác, không đoạn chánh pháp, không bị sứ giả Diêm-la mặc sức trói buộc dắt đi, không tạo nghiệp ác. Người có đầy đủ pháp lành là người khéo buộc tâm, tu tập nghiệp lành, đưa chúng sinh đến cõi trời, người, mở cửa Niết-

bàn, sau đạt được Niết-bàn. Vì thế các Thiên tử! Các ông hãy khéo điều phục tâm. Khi tâm đã điều phục thì ngay cả sứ giả Diêm-la còn không thấy huống gì bị bắt đi.

Khi ấy, Đế Thích nói về sự lo sợ của đường ác và sứ giả Diêm-la cho các Thiên chúng. Ta đã nói cho các ông về mười bốn pháp, giờ ta sẽ nói về mười lăm pháp. Như những gì xưa kia ta đã nghe Phật nói, giờ đây ta sẽ nói.

Mười lăm pháp đó là gì? Người xuất gia làm Sa-môn mà hủy phá giới luật, dạy người khác hủy phá, thân mặc ca-sa làm cho người tham đắm ca-sa, yêu thích trang sức bằng ca-sa, tiếng nói thô ác như tiếng lừa, đi đứng thong thả, uy nghi yểu điệu vì tâm ái dục nên lo trang sức thân mình, không tinh tấn, thích ngắm người nữ, tự kiêu tự đại, tâm ý thô tháo, buông tâm phóng dật. Thế nên phải biết y phục mà mình mặc chỉ để ngăn lạnh nóng, để che thân, không nên tham đắm, không bị tham ái phóng dật dối gạt, khi chết không sinh tâm hối hận. Đó là pháp thứ nhất.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ hai mà Sa-môn nên biết là gì? Phải biết đủ, biết người xuất gia tu hành những giới gì, hoặc tu về trí tuệ. Đã tự biết mình thì sẽ biết thọ dụng vừa đủ những thứ thuốc men, đồ nằm mà tín thí cúng dường, nhận đúng khả năng, đúng pháp, thọ dụng như vậy sẽ không ngăn ngại pháp Sa-môn.

Này các Thiên tử! Pháp thứ ba mà các Sa-môn nên biết là gì? Không tham đắm đồ nằm, nếu vì y phục, cơm áo mà bỏ nơi thanh tịnh đi về thành ấp, xóm làng, những nơi không có công đức thì trở ngại sự tu tập pháp lành, mất tâm tri túc. Tri túc và không phóng dật là pháp thù thắng nhất trong các pháp của Sa-môn. Người tham đắm, không biết đủ thì bị tham tâm dối gạt, gây hại pháp lành, kẻ ấy chẳng khác nào chó dại tự ăn những đồ mình mửa ra.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ tư mà Sa-môn nên biết là gì? Không nên nói đọc nhiều kinh điển vì sợ thí chủ cúng dường nhiều y phục, cơm áo, đồ nằm, thuốc men, sợ khó tiêu hóa, gây hại pháp xuất gia, không phải việc mình làm, tự biết đủ. Còn có pháp biết đủ nữa. Tỳ-kheo ít muốn biết đủ, không phóng dật trong những trường hợp nào? Sa-môn hoặc được tăng sai, hoặc vì người bệnh mà đến nhà thí chủ xin tài vật. Khi đến nhà thí chủ mà uống một ít nước là trở ngại pháp lành, luống nhọc việc làm, giả dối khổ nhọc không có phước đức. Vì sao? Vì tham mùi vị đến nhà thí chủ làm cho họ xem thường. Tỳ-kheo này không tạo lợi ích cho mình, người bệnh và chúng Tăng. Đó là nguyên nhân khinh mạn thứ nhất. Nghĩa là đến nhà

Đàn-việt tham cầu thức ăn, thô tháo, nói năng không đúng. Ba pháp này là điều khinh rẻ của thế gian và xuất thế gian. Cho nên phải biết đủ. Không sống phóng dật để trừ bỏ pháp này.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ năm mà Sa-môn nên biết là gì? Vì ít muốn, biết đủ, sống bằng khất thực, thọ trì pháp xuất gia, chỉ nhận một bữa, không ăn đêm. Nếu ăn đêm thì sinh tâm tham đắm, không thích ngồi thiền tụng kinh. Tham thức ăn là sợ sau này không có được. Như vậy chỉ tham một chút đã trở ngại pháp lành của Sa-môn, huống gì Tỳ-kheo tham của cúng dường nhiều! Nếu làm như vậy sẽ bị lưới ái trói buộc.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ sáu mà Sa-môn nên biết là gì? Sa-môn thuộc dòng quý tộc xuất gia ít muốn biết đủ, đã xuất gia thì không được nói: "Ta là người thuộc dòng quý tộc xuất gia". Không nói cho đệ tử xuất gia, hay thọ pháp nghe, vì sợ thí chủ cúng dường nhiều y phục, cơm áo, thuốc men. Nếu nhận thì ngăn ngại pháp lành, còn không nhận thì tổn thương tấm lòng của đệ tử, làm cho họ giận và trở ngại pháp lành của họ, không lợi ích cho đời sau. Người này thọ dụng vừa đủ, không tham ái, tâm không tán loạn, chánh niệm đối với chánh pháp, thích ở trong rừng tu học thiền quán. Tuần tự quan sát thân, tâm, thọ, pháp. Tỳ-kheo này sẽ vượt địa ngục hữu vi là vì sống ít ham muốn biết đủ.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ bảy mà Sa-môn nên biết là gì? Ít muốn, biết đủ, lo sợ lợi phẩm lớn, bỏ lợi dưỡng, biết những pháp gì? Tỳ-kheo nào có nhiều bạn, thích nhiều việc, nhiều đệ tử, nhiều vật cúng dường, thích được mời dự tiệc, thường gặp người thân. Những người tu hành không nên gần gũi đi chung với Tỳ-kheo này. Vì sao không được đi chung? Vì sợ phóng dật, Tỳ-kheo thích vật dụng này ai cũng biết vì họ cùng ở chung đi chung. Người này còn được gọi là kẻ tham lam không chán, đó là vì vật cúng dường. Người nào kính trọng kẻ này, cả hai đều bị chướng ngại. Nếu Tỳ-kheo nhiều chuyện ham lợi dưỡng của người khác thì người tu hạnh này không nhận tài vật ấy, làm cho Tỳ-kheo nhiều chuyện sân giận cho rằng Tỳ-kheo này dối trá không thật, gạt cả thí chủ ở xóm làng, Tỳ-kheo này trong lòng nhơ uế tham lam. Vì vậy làm cho những người thấy được tự thương tổn. Thế nên Tỳ-kheo ít muốn biết đủ không nên ở chung đi chung với Tỳ-kheo nhiều chuyện vì như thế sẽ sinh ra tội lỗi.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ tám mà Sa-môn nên biết là gì? Thấy Tỳ-kheo ít muốn, lo sợ sinh tử, xa lánh lợi dưỡng, luôn buộc tâm. Thế nào là biết pháp? Những nghề nghiệp đã làm lúc ở nhà thì khi xuất gia không được nói, tức là không nói về những kỹ thuật như nghề thuốc, thợ, kiếm.

Vì sao? Vì sợ thí chủ biết mình có tài mà đến cúng dường làm trở ngại pháp Sa-môn, hoặc thích học tập những kỹ thuật thế tục đó mà hủy hoại pháp lành, giảm đi việc tự lợi, lợi tha, không lợi ích, điều phục đệ tử nên không được nói về những kỹ thuật.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ chín mà Sa-môn nên biết là gì? Tỳ-kheo ít muốn là người trí tuệ tránh xa lợi dưỡng. Nhìn thấy trong chùa, tháp, trong thành ấp xóm làng hoặc gần xóm làng, trong khuôn viên của xóm làng, gần khuôn viên xóm làng có chùa, trong chùa có nhiều Tỳ-kheo phá giới, tham nhiều không chán, chứa nhiều thức ăn uống, ăn đồ bất tịnh, uống rượu, phóng dật. Vì nuôi sống mà buôn bán những vật bất tịnh, bán ra mua vào, gần kẻ thế tục, xem họ là bạn, không thích ở chùa, thích ở nhà thí chủ. Tỳ-kheo ít muốn này không nên ở chung với Tỳ-kheo tham dục. Những ai muốn tịch tĩnh tâm ý, cắt đứt ràng buộc của ma chướng thì không nên ở những nơi như vậy. Vì sao? Vì sợ những người trong thành ấp, xóm làng biết những Tỳ-kheo đó phá giới làm ác, xem mình là người giữ giới nhất nên cúng dường nhiều vật dụng. Nếu nhận những vật đó thì không còn là người biết đủ, nếu không nhận thì người ta giận tức, bất mãn. Vì sao? Vì đem vật cúng cho một người, không cúng cho nhiều người. Biết tội lỗi ấy rồi, Tỳ-kheo ít muốn không được ở chung với Tỳ-kheo bất tịnh.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ mười mà Sa-môn nên biết là gì? Tỳ-kheo ít muốn đạt được thần thông của thế tục, có thể biến hiện ra những tướng lạ nhưng không được rao nói. Vì sao? Vì sợ người cho rằng mình là A-la-hán mà cúng dường nhiều vật dụng làm trở ngại pháp Sa-môn, hoặc làm mất thần thông hại pháp ít muốn.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ mười một mà Sa-môn nên biết là gì? Tỳ-kheo mang xá-lợi Phật đi từ thành ấp, xóm làng này đến thành ấp, xóm làng kia, dùng thần lực chân thật biến hiện cho mọi người thấy xá-lợi này là ruộng phước lớn, hãy tổ chức cúng dường. Tỳ-kheo ít hiểu biết khen ngợi Tỳ-kheo ít muốn là người học rộng hiểu nhiều, có thể diễn nói chánh pháp cho mọi người. Nghe thế thí chủ kính trọng xá-lợi và Tỳ-kheo học rộng, cúng dường nhiều vật dụng. Nếu nhận sẽ không là pháp ít muốn. Tỳ-kheo ít muốn không được đi chung với Tỳ-kheo du hành này. Vì sao? Vì thí chủ thấy Tỳ-kheo này không giữ giới cấm, cho rằng người ít muốn cũng phá giới cấm, vì vậy không nên đi, đứng, ngồi, nằm chung với kẻ phá giới là sợ lính ngục, sứ giả Diêm-la trói buộc và sợ phóng dật.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ mười hai mà Sa-môn nên biết là gì? Thọ trì pháp khất thực, tu hạnh đầu đà, đến những nơi không quen biết để

khất thực thì không sống phóng dật, không tham đắm vị ngon.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ mười ba mà Sa-môn nên biết là gì? Tỳ-kheo biết đủ mặc y phấn tảo, nhận y đủ dùng, bảo quản y cũ rách, biết đủ khi dùng tài vật.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ mười bốn mà Sa-môn nên biết là gì? Tỳ-kheo biết đủ phá dẹp các loại ma chướng.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ mười năm mà Sa-môn nên biết là gì? Tỳ-kheo ít muốn đi lại một mình không bạn bè, tránh xa bạn ác, xô phá ngọn núi phiền não kiên cố từ vô thỉ. Vị này đạt được niềm vui lớn. Khi chết không bị sứ giả Diêm-la trói buộc, không thấy những tướng xấu đáng sợ, tâm không lo sợ.

Bấy giờ Thiên chủ Thích-ca nói kệ:

Người xuất gia phải hành
Pháp ít muốn biết đủ
Người giữ giới như vậy
Sẽ gần đạo Niết-bàn.
Làm việc không mong cầu
Chỉ cầu đạo Niết-bàn
Không bị ma trói buộc
Không đến cảnh giới ma.
Người nào luôn tu tập
Không sinh tâm mong cầu
Siêng năng mà tu tập
Thì không có khổ đau.
Nghĩ vậy hãy lo sợ
Suy xét ngay hiện tại
Thì biết được vị lai
Sẽ thoát dây phiền não.
Luôn thích không phóng dật
Sợ những pháp bất tín
Tu trí tuệ thanh tịnh
Sẽ gần đạo Niết-bàn.
Chư Thiên hưởng diệu lạc
Vẫn còng sống phóng dật
Huống chi kẻ ngu si
Bị phóng dật sai khiến.
Người nào sống phóng dật

Chính là kẻ đã chết
Ai không sống phóng dật
Là người có trí tuệ.
Siêng năng sẽ trừ được
Tâm phóng dật biếng nhác
Phóng dật gốc khổ đau
Xa như tránh thần chết.

Vì các Thiên tử, Thiên vương Thích-ca hóa hiện sứ giả Diêm-la khủng bố chư Thiên và đã thuyết pháp cho họ. Biết các Thiên tử đã tin hiểu, yêu thích chánh pháp, thấy sứ giả Diêm-la mà dần dần từ bỏ dục vọng. Thấy rồi, họ đến chỗ Thiên vương Thích-ca, cả những Thiên chúng lo sợ trốn trong vườn cây cùng đi đến chỗ Đế Thích. Biết tâm chư Thiên dần dần thanh tịnh, Đế Thích dần dần thâu biến hóa lại.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 34

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 13)

TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 10)

Nghe Đế Thích nói pháp giải thoát, chư Thiên kính trọng chắp tay thưa:

–Thưa Thiên vương! Chúng tôi đã thấy được uy lực của giáo pháp, Thiên vương đã tùy tâm niệm của chúng tôi mà nói pháp để được tín tâm thanh tịnh, sứ giả Diêm-la cũng dần mất đi. Nhờ nghe pháp lực của Như Lai đã thuyết mà chúng diệt mất huống gì thực hành pháp đó. Nếu ai tu hành thì đến được nơi bất thoái.

Vui mừng, Đế Thích nói:

–Giờ đây những việc cần làm ta đã làm, ta đã đoạn trừ tâm phóng dật của chư Thiên để họ không sống phóng dật và được vui vẻ. Hôm nay ta sẽ nói pháp sâu xa mầu nhiệm cho chư Thiên nghe. Như những pháp giải thoát, pháp cốt yếu, pháp đếm hơi thở mà ta đã từng nghe ở các chư Thiên và Phật, ta sẽ nói cho chư Thiên. Giờ đây ta nói về bốn Thánh đế. Trong mỗi đế có bốn thứ khác nhau. Ta sẽ nói ra để đem lại lợi ích cho chư Thiên, bản thân và lợi ích cho chư Thiên khác. Ta sẽ dùng các phương tiện giảng thuyết để tâm chúng sinh được thuần thục. Ta đã nói về mười lăm pháp, bây giờ ta sẽ nói tiếp về mười sáu pháp thở vào ra, phân biệt bốn Thánh đế, tướng phương tiện của nhau. Thế nào là tuần tự giảng thuyết? Người tu hành quan sát tự thân, cột con khỉ tâm.

Này các Thiên tử! Thế nào là cột con khỉ tâm giác quán? Cột những tâm gì? Tức là cột thức được nhất tâm, tuần tự quan sát tướng của thân, quán toàn thân, quán về nhiễm, bất nhiễm, vô ký. Quán từng thọ, quán các thọ khổ lạc, xả, quán về tự tướng của thọ, tuần tự quán, quán toàn pháp thiện, bất thiện, vô ký, quán như quán tự tướng. Đó là bốn Niệm xứ. Người tu hành đi sâu vào pháp này, nhất tâm quan sát tất cả pháp hữu vi, tự tướng vắng lặng. Quan sát bốn Niệm xứ là tướng của bốn Thánh đế. Pháp này có mặt khắp mọi nơi, là những hành tướng thứ tự thường, vô thường, hòa hợp,

tan rã, trống rỗng, không có người làm ra, hoàn toàn vô ngã bị hủy hoại. Quán về khổ, vô thường cũng như vậy. Thấy rõ về bốn Niệm xứ, quan sát tự tướng của bốn Thánh đế. Quan sát như thật thì sinh ra noãn pháp. Noãn pháp sinh ra trí tuệ. Ví như dùi lửa, trước thấy tướng khói sau mới thấy lửa. Như dùi lấy lửa trước phát ra khí nóng sau mới có lửa. Cũng thế, vì tin thức, ở trong tất cả các pháp phiền não vô tri mà được thánh pháp, luật. Dùng mười sáu cách quan sát bốn đế, noãn pháp đó do đâu sinh ra? Làm sao quan sát bốn Thánh đế?

Các Thiên tử! Đây là Khổ thánh đế. Do nhân duyên mà có nên vô thường, hư hoại nên có khổ, phải xa lìa nên trống rỗng, không tự tại nên vô ngã. Phân biệt bốn thứ như vậy là quan sát về Khổ thánh đế. Quan sát Khổ thánh đế xong, hành giả quan sát về Tập thánh đế, cũng có bốn thứ khác nhau. Thế nào là khác nhau? Tức là hành chuyển tương tục, tập thành tương tợ quả lưu chuyển các hữu, do các nhân nơi những tánh lưu chuyển hữu, thế lực khác nhau tương tục duyên hữu. Hành giả lại quan sát Khổ diệt thánh đế, cũng có bốn thứ khác nhau. Các Thiên tử! Hành giả phân biệt tu hành Khổ diệt thánh đế như thế nào? Xả bỏ tất cả phiền não, dập tắt lửa phiền não được pháp tịch diệt vi diệu, pháp thanh tịnh, ra khỏi sinh tử. Hành giả lại quan sát về Đạo thánh đế. Các Thiên tử! Hành giả phải phân biệt quan sát như thế nào? Đạt được chỗ bất thoái, đường không điên đảo là pháp tất cả bậc Thánh thực hành, dùng vô ngại đoạn trừ sinh tử suy não, ra khỏi thế gian. Đó là mười sáu pháp tu hành. Ta đã nói xong, các ông hãy siêng năng tu tập, hiện quán noãn pháp chỉ dạy lẫn nhau. Từ hơi thở ra vào mà có hơi ấm, từ noãn pháp sinh ra đảnh pháp. Vì tin niệm công đức của Tam bảo, sự tích tụ cùng vượt hơn phần quan sát trước. Như vậy hành giả phải quan sát như thế nào? Đảnh giống như đỉnh núi. Nhờ tăng trưởng đảnh pháp mà dần được căn lành pháp nhẫn. Do đạt nhẫn mà trụ ở vị trí thứ ba. Gọi là sinh hiện tiền không phải là hiện pháp nhẫn. Đắc pháp nhẫn hiện tại mới gọi là pháp nhẫn. Nhờ tăng trưởng nhẫn mà gọi là Thế đệ nhất. Trong một niệm có đủ tâm, tâm sở pháp, gọi là Thế đệ nhất, tuần tự được quả Tu-đà-hoàn. Ta đã chứng được pháp này. Ai chứng được pháp này sẽ không thấy sứ giả đáng sợ của Diêm-la, không còn lo sợ.

Các Thiên tử! Vì không phóng dật nên đạt được pháp ấy. Vì thế các ông không nên phóng dật.

Bấy giờ Thiên vương Thích-ca nói kệ:

Ngay hơi thở ra vào
Biết mười sáu hành tướng

Quán thuận nghịch pháp nhẫn
Pháp noãn và tướng đảnh.
Biết được Thế đệ nhất
Tuần tự biết chân đế
Biết thứ tự các pháp
Không làm mất đạo lành.
Giải thoát khỏi ba kết
Phá trừ tám loại hữu
Mạnh mẽ lấp đường ác
Đó là Tu-đà-hoàn.
Pháp hữu lậu, bất thiện
Nhất định đọa đường ác
Người hướng đến Niết-bàn
Là bậc Tu-đà-hoàn.

Nói kệ xong, Đế Thích bảo Thiên chúng: Ta đã nói về mười sáu pháp niệm hơi thở, các ông hãy suy nghĩ: Đạo vắng lặng đi vào thành Niết-bàn, không lo sợ, là điều mà các bậc Thánh thích nghĩ đến. Vì vậy các ông hãy tu tập đạo này. Nếu các ông sợ sứ giả Diêm-la thì nên tuần tự niệm mười sáu cách quán về hơi thở.

Lại nữa, các Thiên tử! Có mười bảy pháp trung ấm. Các ông hãy buộc niệm thực hành đạo tịch diệt. Nếu chư Thiên, loài người nghĩ về đạo này thì khi chết không sợ sứ giả Diêm-la gây hại. Những gì là mười bảy pháp trung ấm? Đó là khi chết thấy sắc tướng. Nếu chết ở cõi người sinh lên cõi trời thì thấy tướng vui. Thấy thân trung ấm như lông trắng mịn rủ xuống như sắp rơi. Thấy vậy vui vẻ sắc mặt tươi tắn. Khi chết lại thấy vườn rừng, sông suối đáng yêu, nghe được tiếng ca múa nô đùa, ngửi được các mùi thơm, tiếp xúc mọi vật đáng yêu. Cứ như vậy dần dần sinh lên cõi trời. Do nghiệp lành được diệu lạc cõi trời. Được diệu lạc rồi mỉm cười vui vẻ, sắc mặt tươi đẹp. Khi ấy bà con anh em kêu khóc thảm thiết, nhưng vì tướng lành nên không hay biết tâm không nghĩ đến họ. Vì nghiệp thiện khi chết thân trung ấm được an lạc lớn, vừa sinh nơi an lạc là giống như chư Thiên. Tướng ấy giống như nơi sinh ra, như dấu ấn, như đi thưởng ngoạn cảnh giới, tiếp xúc màu sắc. Thân trung ấm thấy nơi chư Thiên sống xinh đẹp nên sinh tâm nắm giữ, tham ái cảnh giới nên thọ thân trời. Đó là tướng trung ấm thứ nhất.

Lại nữa, các Thiên tử! Thân trung ấm thứ hai là gì? Người cõi Diêm-phù-đề chết, sinh lên cõi Uất-đan-việt thì thấy sắc lông đỏ đáng yêu, thấy

những sự ưa thích thì sinh tâm tham, đưa tay nắm lấy như nắm lấy hư không, bà con cho rằng hai tay sờ vào hư không. Lại có gió thổi, nếu người này đang bệnh vào mùa đông thì có gió ấm thổi đến, nếu vào mùa nóng thì có gió mát thổi đến để trừ nóng nực, tâm được vui vẻ. Vì tâm mà không nghe những tiếng khóc la. Nếu nghiệp động thì tâm động, gió nghiệp thổi sinh vào nơi khác. Vì vậy khi chết mà bà con khóc la là gây chướng ngại lớn. Nếu không bị trở ngại thì sinh về cõi Uất-đan-việt. Trong khi đó có những tướng lành xuất hiện, thấy ao sen có đầy chim thiên nga, vịt trời, uyên ương, người này vội chạy đến. Do phát tâm lành ngay lúc đó nên khi chết thấy ao sen xanh, vào đó vui chơi. Ở cõi Uất-đan-việt người ấy muốn vào thai mẹ thì từ hoa sen sinh ra, đi trên mặt đất, thấy cha mẹ giao hợp là do bất tịnh tà kiến, thấy thân cha là chim trống, mẹ là chim mái. Nếu là con trai thọ sinh thì tự thấy mình là chim trống, nếu là con gái thọ sinh thì thấy mình là chim mái. Con trai thì không thích cha, yêu thương mẹ nên sinh ở cõi Uất-đan-việt.

Lại nữa, các Thiên tử! Thân trung ấm thứ ba là gì? Người chết ở cõi Diêm-phù-đề nếu được sinh lên cõi Cù-đà-ni thì có tướng hiện ra. Khi sắp chết thấy nhà cửa đều bằng vàng che rợp như mây. Thấy trong hư không có tướng lông vàng liền đưa tay nắm bắt. Bà con anh em cho rằng hai tay người bệnh vỗ vào hư không. Lúc hơi thở sắp dứt, người này thấy thân như con trâu, thấy bầy trâu như trong giấc mộng. Nếu là con trai thọ sinh thì thấy cha mẹ giao hợp, thấy người có nhiều nhà cửa, thấy cha như trâu đực, không cho cha giao hợp với mẹ, người con trai sinh ở cõi Cù-đà-ni có những tướng như vậy. Người con gái sinh ở cõi này thì thấy thân như trâu cái tự nghĩ vì sao trâu đực giao hợp với trâu cái kia mà không giao hợp với mình. Nghĩ như vậy mà thọ thân nữ. Đó là người nữ sinh ở cõi Cù-đà-ni.

Lại nữa, các Thiên tử! Thân trung ấm thứ bốn là gì? Người chết ở cõi Diêm-phù-đề nếu được sinh lên cõi Phất-bà-đề thì có những tướng hiện ra. Thấy tướng lông xanh, tất cả đều xanh, thấy nhà cửa như hư không. Vì sợ tướng lông rơi xuống mà lấy tay ngăn lại, bà con anh em cho rằng ngăn hư không. Sau khi chết sinh lên cõi Phất-bà-đề, với thân trung ấm như hình con ngựa. Thấy người cha như ngựa đực, người mẹ như ngựa cái, cha mẹ giao hợp, nếu là con trai thọ sinh thì nghĩ mình sẽ giao hợp với ngựa cái. Nếu là con gái thọ sinh thì nghĩ mình như ngựa cái, vì sao ngựa đực không giao hợp với mình. Nghĩ vậy nên thọ thân người nữ.

Lại nữa, các Thiên tử! Thân trung ấm thứ năm là gì? Người chết ở cõi Uất-đan-việt thấy tướng đi lên. Các Thiên tử! Nếu có tâm rộng lớn, có

đại nghiệp thì ý nghiệp tự tại, sinh lên cõi trời. Lúc sắp chết đưa tay vỗ vào hư không như trong giấc mộng. Thấy các loại hoa đẹp nên rất vui mừng, lại ngửi được hương thơm vi diệu, đủ các sắc đẹp xanh, vàng, đỏ, trắng thơm dịu trên tay. Thấy hoa người này sinh tâm tham, nghĩ rằng: Mình đã thấy cây này, hãy leo lên. Nghĩ thế khi chết, trong thân trung ấm thấy cây sen xanh, vàng, đỏ, trắng đủ các loại. Tự nghĩ ta leo lên cây. Liền leo lên cây nhưng lại là leo lên núi Tu-di báu. Ở đó thấy các loại hoa trái xinh đẹp của cõi trời. Nghĩ ta sẽ thưởng ngoạn ở nơi này, ta sẽ đến vườn hoa trái này. Đó là người ở Uất-đan-việt thọ sinh cõi bậc hạ.

Lại nữa, các Thiên tử! Thân trung ấm thứ sáu là gì? Người ở Uất-đan-việt có nghiệp bậc trung lúc chết, nếu được sinh lên cõi trời thì thấy các tướng hiện ra, lúc sắp chết thấy ao sen rất đẹp đủ các loại ong, hoa thơm, leo lên hoa sen, vụt chốc bay lên hư không ví như trong giấc mộng thấy sinh ở cõi trời, thấy hoa sen đẹp nhất, tự nghĩ ta sẽ đến ao sen đẹp đó để hái hoa. Đó là người ở Uất-đan-việt thọ sinh cõi bậc trung.

Lại nữa, các Thiên tử! Thân trung ấm thứ bảy là gì? Người ở Uất-đan-việt nhờ nghiệp thù thắng được sinh lên cõi trời Tam thập tam. Sinh trong ba mươi ba trụ xứ như Thiện pháp đường… Lúc sắp chết ở Uất-đan-việt, thấy cung điện nguy nga xinh đẹp, người này liền lên điện đẹp. Kỳ thật không phải lên điện mà là lên hư không. Đến cõi trời thấy cung điện đó, tùy tâm niệm liền sinh ở đấy làm Thiên tử. Đó là người ở Uất-đan-việt sau khi chết sinh lên cõi trời bậc thượng.

Lại nữa, các Thiên tử! Thân trung ấm thứ tám là gì? Người chết ở cõi Uất-đan-việt thấy những tướng hiện ra. Này các Thiên tử! Người ấy thấy nơi vui chơi, cây cối thẳng tắp, mùi thơm thật dễ chịu, ngửi được thì vui vẻ không sầu khổ. Vì không sầu khổ nên tâm không nhơ uế. Nhờ tâm thanh tịnh, bỏ mạng sống, thọ thân trung ấm, thấy cung điện cõi trời, tự nghĩ ta sẽ lên điện này vui chơi. Liền leo lên cung điện, thấy chư Thiên vui chơi giữa hư không, đi lại trên núi, hoặc đi chơi khắp nơi. Ngay thân trung ấm tự thấy mình lên cõi trời như trong giấc mộng. Cõi trời Tam thập tam thật đẹp, có đủ năm dục lạc. Tự nghĩ: Ta hãy đến cõi đó, liền sinh lên cõi trời. Do thủ duyên hữu nên có thượng, trung, hạ. Sau khi sinh lên cõi trời, người này thấy các vườn rừng xinh đẹp ý muốn có được. Chết ở cõi Uất-đan-việt sinh lên cõi trời là như vậy. Tất cả những người ở Uất-đan-việt sinh lên cõi trời đều sinh ý nghiệp khác thích dục lạc, tham cảnh năm dục, ca múa vui chơi, thọ hưởng dục lạc, thích dạo chơi trên núi thọ hưởng nhiều dục lạc, tham ái dục lạc. Vì sao? Vì tập khí đời trước, ái nghiệp tăng trưởng.

Các Thiên tử! Đó là tướng vui chơi và tướng chết mà những người chết ở Uất-đan-việt được sinh lên cõi trời.

Lại nữa, các Thiên tử! Thân trung ấm thứ chín là gì? Người chết ở cõi Cù-đà-ni được sinh lên cõi trời do hai nghiệp: Dư nghiệp, sinh nghiệp. Người sinh lên cõi trời thọ thân trung ấm như thế nào? Lúc sắp chết có những tướng hiện ra. Hiện báo sắp chết ngay thân trung ấm có các tướng hiện ra loạn động như mộng.

Này các Thiên tử! Người cõi Cù-đà-ni lúc sắp chết hơi thở không hôi, các mạch không dứt, các căn thanh tịnh là nhờ nghiệp thiện, lúc ấy họ dần dần thấy được ao nước lớn như lưu ly, vào đó thì nước ao thích ý không lạnh, không nóng, trôi chảy từ từ đến bờ bên kia. Cứ thế, dần dần gần đến nơi thọ sinh. Đến nơi thấy các Thiên nữ xinh đẹp vô cùng đang vui chơi ca múa. Người ấy muốn gần gũi và đến trước ôm người nữ. Lập tức người ấy sinh lên cõi trời hưởng diệu lạc, thân trung ấm tích tắc tiêu diệt như giấc mộng, tâm ý tán loạn, thọ sinh mới biết, thấy sắc đẹp, thọ thân thù thắng. Người cõi Cù-đà-ni sinh lên cõi trời có ba bậc nghiệp thượng, trung, hạ, nhưng cùng một ánh sáng trong thân trung ấm, cùng một hiểu biết, cùng sinh hoạt, tất cả tướng đều gần giống như, không như người ở Uất-đan-việt tướng trạng của ba bậc thọ sinh khác nhau.

Lại nữa, các Thiên tử! Thân trung ấm thứ mười là gì? Người sắp chết ở cõi Phất-bà-đề thấy được tướng chết, thấy tướng tự nghiệp, thấy tướng nghiệp của người khác, hoặc thấy cung điện được trang trí cờ phướn, lan can xinh đẹp. Ngay thân trung ấm tâm vui mừng dạo chơi khắp nơi. Lúc sắp thọ sinh thấy những người cùng nghiệp ở ngoài cung điện, thấy các Thiên nữ vui chơi ca múa với chồng, họ trang sức xinh đẹp, ca múa dạo chơi. Ngay thân trung ấm tự nghĩ: Ta sẽ ra khỏi cung điện để gặp người nữ và chồng của họ, cùng nhau ca múa vui chơi. Thế rồi, người ấy đi đến chỗ mọi người vui chơi. Lúc đó, người ấy biết mình đã vào đám đông như tỉnh ngủ, lập tức sinh lên cõi trời. Như vậy những ánh sáng sinh ra trong thân trung ấm ta đã biết kỹ, những người khác không biết được, các ngoại đạo cũng chẳng biết, tuy là pháp thế gian nhưng không ai thấy được.

Lại nữa, các Thiên tử! Thân trung ấm thứ mười một là gì? Các loài ngạ quỷ vì nghiệp bất thiện sinh trong loài quỷ đói, khi nghiệp ác hết, thọ hưởng nghiệp thiện còn dư sót. Khi sắp sinh lên cõi trời sẽ có những tướng hiện ra. Vì sao xả thân thì tướng tâm hiện? Các Thiên tử! Chết ở loài ngạ quỷ mà sắp được sinh lên trời, trong loài ngạ quỷ bị đói khát thiêu thân,

tâm ganh ghét hại thân, luôn tham ẩm thực, luôn nghĩ đến nước uống, chỉ nghĩ đến ăn uống chẳng nghĩ gì khác. Lúc chết không còn ý niệm gì, các niệm đều dứt, thân không nóng bức được mát mẻ dễ chịu, những lông dài trùng độc trên thân đều rơi hết, sắc mặt sáng sủa, gió mát thổi đến, không còn đói khát, các căn thanh tịnh. Những thú ác diều quạ thường mổ mắt cũng không còn đến gần. Thấy dòng sông thức uống tràn đầy, thọ thân trung ấm là do nghiệp từ trước. Dù thấy thức uống ăn nhưng không ăn uống, chỉ đưa mắt nhìn, như người nằm mơ thấy thức ăn mà không ăn, hoặc nằm mơ thấy ăn, tuy ăn mà không no, nhưng vẫn vui vẻ. Thấy chư Thiên xinh đẹp như lúc thức thấy sắc, người ấy tự nghĩ: Ta muốn đến nơi kia. Nghĩ thế, liền chạy đến, được sinh lên cõi trời.

Lại nữa, các Thiên tử! Thân trung ấm thứ mười hai là gì? Những nghiệp lạ vì ngu si nhiều nên thọ thân súc sinh, còn những nghiệp khác thì chịu vô số trăm ngàn thân sinh tử. Vì nghiệp thành thục đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Những nghiệp đã tạo ra từ vô lượng kiếp cứ trôi lăn trong thế gian không bao giờ hết, không thể nghĩ đến được. Do tà kiến từ vô thỉ, không làm việc lợi ích, não hại chúng sinh. Trong loài súc sinh có vô số chủng loại, thức ăn, nơi sống, thân hình, chủng tử khác nhau, tạo vô số nghiệp, hoặc dạy người không tin, làm ác. Khi hết nghiệp như rơi vào biển lớn, làm cho biển khô cạn. Khi hết nghiệp súc sinh, bỏ thân sinh lên cõi trời thứ hai, hoặc sinh lên cõi trời Tứ Thiên vương, hoặc sinh lên cõi trời Tam thập tam. Khi khổ báo ở đường ác súc sinh sắp hết, sắp thoát thân thì có những tướng hiện ra, duyên với vô lượng tướng không thể nói hết. Bỏ thân súc sinh mà được sinh lên trời thật là ít có, chẳng phải như ngạ quỷ, địa ngục. Vì sao? Vì tâm si, làm nhiều nghiệp ác nên đọa làm súc sinh. Một đời thọ ác, trăm ngàn ức kiếp thọ thân súc sinh vẫn chưa hết, hoặc một kiếp, trăm ngàn kiếp luân chuyển sinh tử. Từ đời này đến đời khác bị lưới nghiệp trói buộc trôi lăn trong đời thọ thân súc sinh. Vì thế thà đọa vào địa ngục, ngạ quỷ chứ đừng thọ thân súc sinh ngu si. Vì vậy bỏ thân súc sinh mà được sinh lên cõi trời là việc khó có, chẳng như địa ngục. Súc sinh sắp chết thấy ánh sáng hiện ra là nhờ nghiệp thiện khác, tâm si mê mỏng dần, trí cũ dần tăng, tâm trí dần dần lanh lợi, nên lúc sắp chết thấy tướng ánh sáng như thấy hang núi, cây cối, sông suối, ẩm thực, hoặc thấy bậc trí thế gian, thấy nơi vui vẻ trong núi rừng, hoặc nghĩ về thức ăn uống. Thấy nơi vui vẻ liền đi đến đó như trong giấc mộng. Cứ thế, gần đến nơi thọ sinh là thọ thân trời. Như tỉnh mộng thấy các sắc tướng, trong trăm ngàn ức nơi thọ sinh chưa từng có nơi nào như vậy. Thấy thế, vui mừng mong mỏi đây là những vật gì? Vì sao có những

thứ này? Do đâu mà có? Vì chưa quen bao giờ, các thức ngu độn nên sinh tâm mong mỏi: Ta sẽ đến lấy hết những vật kia. Đó là do nghiệp thiện khác, do đó mà có những tâm ý như vậy, lập tức sinh lên cõi trời. Đó là thân trung ấm thứ mười hai khó hiểu, khó có nhất, là việc đùa bỡn nhất. Nhà huyễn tâm này đi khắp những nơi tạo nghiệp, đi khắp những nơi sinh tử, đùa bỡn chúng sinh. Nghe Đế Thích nói, chư Thiên phát tín tâm sâu xa, nói kệ:

Thiên vương như cha mẹ
Lợi ích cả trời, người
Ngài lợi ích chúng tôi
Ở đời này đời sau.
Nói pháp cho chúng tôi
Đoạn trừ tâm phóng dật
Chúng tôi sẽ đạt được
Niết-bàn dứt các khổ.
Nói cho chúng tôi nghe
Về quả báo nghiệp thiện
Chỉ dạy pháp sinh tử
Để mọi người hiểu rõ.
Thiên vương thấy thật đế
Lợi ích cho chúng tôi
Vì chúng tôi ngu si
Nên chỉ bày trí tuệ.
Tâm tham ái gái đẹp
Luôn mong cầu dục lạc
Thiên vương chỉ chúng tôi
Nhân duyên của sinh tử.
Ngài: thầy dắt kẻ mù
Thuốc hay cho người bệnh
Thiên vương đã nói pháp
Lợi ích cho chúng tôi.
Thiên vương đã nói pháp
Được lợi ích như vậy
Những ngục tốt Diêm-la
Tất cả đều diệt mất.

Chư Thiên nói kệ xong, Đế Thích lại bảo họ:

–Thân trung ấm thứ mười ba là gì? Chúng sinh đọa vào địa ngục khó sinh lên cõi trời. Nhưng nhờ dư báo, nhờ nghiệp thiện trong mát, lợi ích

được thành thục, nên sau khi đọa vào địa ngục, nhờ thiện duyên mà thoát khỏi vô lượng khổ não, sinh lên cõi trời thọ hưởng diệu lạc. Những địa ngục mà chúng sinh đọa vào như Địa ngục Hoạt, Hắc thằng, Chúng hợp, Khiếu hoán, Đại khiếu hoán, Tiêu nhiệt và những nơi hệ thuộc, thọ khổ lớn, kinh sợ nhất, lửa dữ đốt cháy xung quanh. Khi hết nghiệp, người ở địa ngục sắp được thoát khỏi, bỏ thân ở địa ngục thì thấy tướng hiện ra. Tướng trung ấm ấy là gì? Nhờ nghiệp thiện được sinh lên trời, hết khổ, hưởng vui.

Này các Thiên tử! Người ở địa ngục, nghiệp ác hết, lúc sắp chết, nếu bị ngục tốt bắt bỏ vào vạc thì giống như bọt nước mất không còn. Nếu chúng dùng gậy đánh thì vừa đánh là chết luôn. Nếu bỏ vào thùng sắt thì bỏ vào là chết hẳn. Nếu dùng roi sắt đánh thì vừa đánh là chết mất. Nếu bị chim sắt, quạ sắt mổ ăn thì chết luôn. Nếu bị sư tử, cọp, sói… các loài thú ác ăn thịt thì chết mất. Khi nghiệp ác hết, bỏ thân ở địa ngục, người đó không còn thấy ngục tốt Diêm-la. Vì sao? Vì ngục tốt không phải là chúng sinh, giống như tim dầu của đèn hết thì không còn đèn sáng. Cũng vậy, khi nghiệp hết thì không còn thấy ngục tốt Diêm-la. Như ở Diêm-phù-đề, mặt trời mọc là không còn bóng tối. Nghiệp ác hết thì ngục tốt Diêm-la cũng mất. Những sắc đáng sợ như mắt ác, miệng ác của chúng sinh cũng mất hết, như phá vỡ bức tường thì bức họa cũng không còn. Vách tường nghiệp ác cũng vậy, không còn thấy sắc ngục tốt Diêm-la đáng sợ. Vì Đức Như Lai dạy ngục tốt Diêm-la không phải là chúng sinh nên gọi là địa ngục. Đó là chúng sinh ở địa ngục thoát khỏi địa ngục sinh lên trời.

Bấy giờ Đế Thích nói kệ:

Như người gặp kẻ thù
Thoát khỏi các tai nạn
Gặp được bậc tài trí
Có tất cả lợi ích.
Đã hết các nghiệp ác
Khỏi ngục tốt sức mạnh
Giờ nhờ có nghiệp thiện
Được sinh lên cõi trời.
Người này sinh lên trời
Được thân hình xinh đẹp
Luôn hưởng diệu lạc trời
Đến khi nghiệp thiện hết.
Người này không tự chủ
Nghiệp hết phải thoái đọa
Như dầu tim đã hết

Ánh sáng đèn cũng mất.
Bị gió nghiệp thổi tạt
Từ trên rơi xuống dưới
Do sức gió xoay chuyển
Trôi mãi ở thế gian.
Người nào có trí tuệ
Không bị nghiệp trói buộc
Các nghiệp chẳng buộc ràng
Chẳng lưu chuyển sinh tử.
Như lấy tơ ngó sen
Mà cột núi Tu-di
Người này qua đồng vắng
Không lo sợ suy não
Người trí không trôi lăn
Như núi Tu-di vững chãi.

Nói kệ xong, Đế Thích lại nói những tướng trung ấm ở địa ngục cho chư Thiên nghe. Những gì họ chưa thấy thì lúc đó họ bỗng nhìn trong hư không thấy những tướng ca múa vui chơi, gió thơm thổi đến, hưởng an lạc thù diệu, nghe được những âm thanh hay như tiếng nhạc, ngửi được hương thơm, thấy sắc đẹp: ao hoa, rừng cảnh, tự thấy mình rất đẹp, oai đức rực rỡ, thấy thân thơm sạch trang sức vòng hoa, thấy hết tất cả, thấy hư không trong sạch không nhơ, bầu trời đầy sao, nghe tiếng nước chảy, nghe cả tiếng của những con thiên nga, vịt trời, uyên ương. Ngay thân Trung ấm nghe được những tiếng nhạc nơi mình thọ sinh, tiếng đàn cầm, đàn sắt, đàn không hầu, những tiếng mà vô lượng trăm ngàn ức năm chưa từng nghe. Do vui vẻ mà hiện ra tướng lành. Tự thấy mình đang ở gần với anh em, bà con, bạn bè nên vui vẻ muốn sinh về, hoặc sinh lên cõi trời Tam thập tam, hoặc sinh lên cõi trời Tứ Thiên vương. Đến nơi, thấy được vườn rừng, ngửi được hương thơm của hoa sen bảy báu. Thiên tử khôi ngô tự nghĩ: Ta nên đến đó. Vừa nghĩ là sinh lên đó. Hữu phần đó là do thủ duyên hữu. Khi nghiệp ác hết chúng sinh đó ra khỏi địa ngục, bỏ thân ở nơi khổ não khôn cùng mà sinh vào nơi vui sướng.

Lại nữa, các Thiên tử! Thân Trung ấm thứ mười bốn là gì? Làm sao biết được? Nếu bỏ thân người sinh vào cõi người thì có những tướng gì? Làm sao để mong cầu? Người sắp chết nếu được sinh vào cõi người thì thấy những tướng hiện ra rồi mong cầu như thế nào? Con người sắp chết sẽ thấy tướng núi lớn giống như bóng trên không. Lúc ấy người này nghĩ: Núi này có lẽ sẽ rơi trên thân ta, vì thế đưa tay để ngăn lại, bà con, anh em thấy

vậy cho rằng người này ngăn hư không. Sau đó người này thấy núi ấy giống như nệm nĩ trắng nên leo lên, rồi thấy lông đỏ, cứ thế, người đó chết dần, lại thấy ánh sáng, vì ít quen, lúc chết mê mờ nên thấy mọi màu sắc như trong giấc mộng. Vì tâm mê mờ, thấy cha mẹ giao hợp nhau mà sinh tâm điên đảo. Nếu người nam thọ sinh thì thấy mình giao hợp với mẹ, cho rằng cha là người cản trở. Nếu là người nữ sinh thì tự thấy thân mình cùng cha giao hợp, cho rằng mẹ là người cản trở. Lúc ấy thân trung ấm mất, thức ấm phát khởi, cứ tuần tự sinh ra giống như dấu ấn, mất ấn thì dấu thành. Đó là bỏ thân người sinh lại làm người.

Lại nữa, các Thiên tử! Thân trung ấm thứ mười lăm là gì? Bỏ thân trời sinh vào cõi trời thì không khổ não như các Thiên tử khác, lúc chết bị khổ xa lìa người thương mà đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Thiên tử này không mất những trang sức trên thân cũng không có Thiên tử khác ngồi ở chỗ của mình, không thấy tướng khổ, không có chư Thiên khác sinh ở chỗ mình. Thiên tử này qua đời được sinh lên cõi trời cao hơn. Nếu ở cõi trời Tứ Thiên vương thì sau khi chết sẽ sinh lên cõi trời Tam thập tam có tướng thù thắng đáng yêu hơn, nghe các tiếng hay mà từ trước chưa được nghe. Thấy cảnh năm dục đều xinh đẹp hơn. Thân chết dần, ngay thân trung ấm thấy Thiên nữ xinh đẹp tay cầm hoa sen, nghe âm thanh hay, thấy cảnh sắc đẹp sông núi vườn rừng mà từ trước chưa từng thấy như trong giấc mộng. Thấy những việc như vậy, lúc sắp thọ sinh như người tỉnh ngủ, thấy sắc chính đủ các cảnh giới nơi công năng của năm dục mà từ trước chưa được thấy. Người ấy kêu to: Thật là hiếm có ta chưa từng thấy bao giờ, ta nên đến đó. Lập tức được sinh lên cõi trời.

Lại nữa, các Thiên tử! Thân trung ấm thứ mười sáu là gì? Có những tướng gì? Nếu bỏ thân ở tầng trời trên mà sinh xuống tầng trời dưới thì thấy vườn rừng ao sen sông suối đều không bằng, vì khổ đói khát, muốn có được nên sinh vào đó. Như vậy tuy cùng sinh lên cõi trời nhưng có hai thân trung ấm, có hai tướng sinh ra.

Lại nữa, các Thiên tử! Thân trung ấm thứ mười bảy là gì? Nếu người ở cõi Phất-bà-đề mà sinh vào cõi Cù-đà-ni thì có những tướng gì? Người ở cõi Cù-đà-ni sinh vào cõi Phất-bà-đề thì có những tướng gì? Này các Thiên tử! Người ở hai cõi này thọ sinh đều có một tướng. Lúc chết thấy hang tối, trong hang có một luồng ánh sáng đỏ rủ xuống như cờ phướn, lúc trắng lúc đỏ. Thấy vậy người ấy đưa tay nắm lấy. Lúc đó hiện ấm diệt, người ấy đưa tay nắm lá phướn sáng rồi dần dần theo ánh sáng đi vào trong hang, thọ thân trung ấm đến khi sắp thọ sinh thì thấy những pháp thọ sinh như trước,

hoặc thấy hai con trâu, hai con ngựa giao hợp nhau mà sinh tâm dục, đã sinh tâm dục thì liền thọ sinh. Các Thiên tử! Các ông đã biết những pháp này rồi đừng sống phóng dật. Vì sao? Vì người sống phóng dật không thoát khỏi sinh già bệnh chết, không tạo lợi ích ở thế gian, không được an vui. Người nào muốn thoát khổ hãy trừ bỏ phóng dật. Dù là trời, là người - những người có trí tuệ nên bỏ phóng dật. Thiên tử các ông hãy trừ bỏ phóng dật. Các ông hãy tư duy quan sát mười bảy thân trung ấm. Nhờ quan sát nên biết đúng như thật. Đã biết đúng hãy siêng năng tu tập.

Lại nữa, các Thiên tử! Trong hai mươi pháp ta đã nói cho các ông nghe từ pháp thứ nhất đến pháp thứ mười bảy - cảnh giới tương tục của thân trung ấm. Giờ ta sẽ nói về mười tám pháp. Chúng sinh thì vô số, sự tin hiểu khác nhau, bản tánh sai biệt, lo sợ ba lỗi, có ba nhóm chúng sinh, ba tự tánh, tin hiểu rất vi tế nên có hành động tánh nghiệp, đạo, khổ lạc, sắc, tăng thượng khác nhau. Hoạt động của tâm, bản tánh của chúng sinh thật rộng, thân thể khác nhau. Tất cả những tâm tánh ấy tóm lược có mười tám điều ác. Do tâm tội lỗi sai khiến và do tâm rộng lớn nên có lưu chuyển nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người. Nói chung gồm có mười tám giới. Theo tâm tánh ở cõi thứ nhất thì dục đứng đầu, trời, người thì dục tăng thượng. Giống cái của loài quỷ, súc sinh, những giống có khả năng biến hóa thì nhiều kiêu mạn, sân hận. Vì sân nhiều nên ít dục. Đó là súc sinh không phải tánh của người ở cõi thứ nhất. Trong loài súc sinh cũng có những loài đa dục như khổng tước, câu-sí-la, tu hú, bồ câu, gà, chim sẻ, thiên nga, vịt trời, uyên ương, cá, ca-lăng-tần-già, vì bản tánh đa dục nên gọi là dục bậc thượng.

Lại nữa, các Thiên tử! Tánh của chúng sinh ở cõi thứ hai là gì? Trong loài súc sinh loài nào được gọi là dục bậc trung? Đó là những loài mèo, chó, heo, trâu, bò, lạc đà, voi, ngựa, lừa, quạ, chim cắt, anh vũ, diều hâu.

Lại nữa, các Thiên tử! Tánh của chúng sinh ở cõi thứ ba là gì? Trong loài súc sinh loài nào được gọi là dục bậc hạ? Đó là các loài cọp, sư tử, tê giác, sói, beo, gấu, chồn, cáo, các loại cá ma-già-la, câu-xa-gia, cát-lợi-tư-ma-la, thuần-đầu-ma-la. Các loại này hành dục theo mùa, trái mùa không hành dục.

Lại nữa, các Thiên tử! Trong loài súc sinh có vô số giống loại, chỗ ở, tên gọi không thể nào nói hết, cũng không thể nào biết hết.

Lại nữa, các Thiên tử! Tánh của chúng sinh ở cõi thứ tư là gì? Trong loài súc sinh loài nào có nhiều tâm sân nhất, ít tâm dục? Ở cõi này thì loài sư tử, cọp, sói, rắn, tê giác, khỉ, gấu, beo, quạ, diều hâu, con Thất-thâu-ma-

la, heo rừng là những chúng sinh nhiều tâm sân nhất.

Lại nữa, các Thiên tử! Tánh của chúng sinh ở cõi thứ năm là gì? Trong loài súc sinh loài nào được gọi là sân bậc trung? Đó là bò, trâu, ngựa, chim ca-lăng-tần-già, chim bà-lâm-đà, ca-lưu-đà, khổng tước, gà, mèo, chuột.

Lại nữa, các Thiên tử! Tánh của chúng sinh ở cõi thứ sáu là gì? Loài có tánh sân bậc hạ là ngỗng, vịt, uyên ương, cá ăn, chim trắng, câu-sí-la, tước-bà-la, lừa, nai, rùa, thỏ, nhím, quạ núi, nhạn, tôm.

Lại nữa, các Thiên tử! Tánh của chúng sinh ở cõi thứ bảy là gì? Trong loài quỷ thần có thần thông, hành dục như A-tu-la, xếp vào loài súc sinh nhiều dục gọi là dục bậc thượng.

Lại nữa, các Thiên tử! Tánh của chúng sinh ở cõi thứ tám là gì? Loài ngạ quỷ chỉ ăn bằng hương được gọi là dục bậc trung.

Lại nữa, các Thiên tử! Tánh của chúng sinh ở cõi thứ chín là gì? Loài quỷ luôn hy vọng, quỷ ăn đồ bỏ được gọi là dục bậc hạ.

Lại nữa, các Thiên tử! Tánh của chúng sinh ở cõi thứ mười là gì? Chúng sinh ở cõi trời Ca-lưu-túc được gọi là dục bậc hạ. Tâm sân nhiều, thích tranh chấp, luôn đánh với A-tu-la. Vì tâm sân nhiều nên tâm dục ít.

Lại nữa, các Thiên tử! Tánh của chúng sinh ở cõi thứ mười một là gì? Chúng sinh ở cõi trời Man trì thì tâm dục bậc trung, tâm sân bậc trung.

Lại nữa, các Thiên tử! Tánh của chúng sinh ở cõi thứ mười hai là gì? Chúng sinh ở cõi trời Thường tứ ý tánh dục nhiều, tánh sân ít, không thích tranh chấp. Chúng sinh ở cõi Hành sử tánh sân nhiều, tánh dục ít.

Lại nữa, các Thiên tử! Tánh của chúng sinh ở cõi thứ mười ba là gì? Chúng sinh ở cõi trời Tam thập tam tánh dục nhiều, tánh sân ít.

Lại nữa, các Thiên tử! Tánh của chúng sinh ở cõi thứ mười bốn là gì? Chúng sinh ở cõi Uất-đan-việt tánh dục nhiều, tánh sân ít.

Lại nữa, các Thiên tử! Tánh của chúng sinh ở cõi thứ mười lăm là gì? Chúng sinh ở cõi Cù-đà-ni tánh sân nhiều, tánh dục cũng nhiều, cả hai tánh đều bằng nhau.

Lại nữa, các Thiên tử! Tánh của chúng sinh ở cõi thứ mười sáu là gì? Chúng sinh ở cõi Phất-bà-đề tánh dục, tánh sân đều có.

Lại nữa, các Thiên tử! Tánh của chúng sinh ở cõi thứ mười bảy là gì? Chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề đủ các tánh, hạnh, tin hiểu.

Lại nữa, các Thiên tử! Tánh của chúng sinh ở cõi thứ mười tám là gì? Những cõi trời khác và địa ngục dù chịu khổ não, thấy người nữ huyễn

nghiệp vẫn sinh tâm dục. Đó là do nghiệp. Như vậy chúng sinh ở địa ngục cũng nhiều dục. Cõi trời Tứ Thiên vương thì tâm tánh, cảnh giới, chỗ ở, tin hiểu cũng như vậy. Đó là lược nói về tánh của chúng sinh ở mười tám cõi. Tất cả đều có dục, có sân nên đều có si. Vì có si mà có tham sân, nếu không si thì không tham sân. Vì si mà có tham hoặc có sân. Các Thiên tử! Đó là phân biệt ba tội lỗi, vì có tội lỗi nên có vô lượng sự phân biệt.

Lại nữa, các Thiên tử! Lại có mười tám giới: Nhãn, sắc, nhãn thức giới; nhĩ, thanh, nhĩ thức giới; tỷ, hương, tỷ thức giới; thiệt, vị, thiệt thức giới; thân, xúc, thân thức giới; ý, pháp, ý thức giới. Các Thiên tử! Nếu chư Thiên, loài người tư duy mười tám giới này thì có thể ngăn ngừa sự phóng dật đối với cảnh giới. Đó là nguyên do si mê của tất cả phàm phu ngu si.

Lại nữa, các Thiên tử! Người phóng dật có mười chín nơi thuộc hai thứ: Tứ thiền, trừ cõi trời Tịnh cư có mười sáu nơi, cõi Dục có ba nơi: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Con người mà chịu khổ nhiều thì thuộc địa ngục.

Lại nữa, các Thiên tử! Như trước đã nói về Tứ thiền, mười sáu nơi và địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh đó là hai mươi thứ. Cứ sinh tử như vậy mà không điều phục được, những thứ đó mỗi mỗi khác nhau, có chỗ nói là mười thứ trao đổi.

Nghe Thiên đế Thích nói pháp xong, chư Thiên nói kệ khen ngợi Đế Thích:

Thiên vương nói pháp này
Là pháp tịch diệt nhất
Chúng tôi sẽ lo sợ
Tu tập giáo pháp này.
Người nào nói pháp này
Lợi ích cho chúng sinh
Người ấy như cha mẹ
Chỉ dẫn thành Niết-bàn.
Người nào nói một câu
Pháp lành cho người khác
Chính là đạo sư giỏi
Được chúng sinh tôn kính.
Pháp thiện Thiên vương giảng
Có giá trị vô cùng
Pháp này được tịch tĩnh
Không như vật báu khác.
Vật báu là vô thường

Pháp lành tăng trí tuệ
Vật thế gian hư hoại
Pháp lành luôn bền chắc.
Những ai thuận hành pháp
Trải qua trăm ngàn đời
Còn những thứ vật báu
Không theo đến đời sau.
Những thứ vật báu ấy
Kẻ mạnh cướp đoạt được
Vua, giặc, nước và lửa
Không thể cướp pháp tài.

Khen ngợi xong, các Thiên tử cung kính đứng trước Đế Thích. Khi ấy, Đế Thích muốn điều phục chư Thiên nên thị hiện tất cả diệu lạc là vô thường, hư hoại, vô ngã. Sau đó Đế Thích thâu biến hóa lại, chư Thiên sinh tâm nhàm chán, trở về cung mình thọ hưởng diệu lạc trời. Đến khi nghiệp thiện hết, họ qua đời nhưng không đọa vào đường ác, sinh ở cõi người, là bậc tu hành thuận theo chánh pháp đệ nhất, thích ở chỗ vắng, vì sợ đời vị lai, được nghe pháp, xuất gia tu học, đạt được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Đó là do oai lực nghe pháp từ trước.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 35

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 14)

TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 11)

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ hai mươi chín của cõi này tên là Mạn-đà-la. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ thấy người thuận hành chánh pháp bằng tâm chánh trực, không não hại chúng sinh, hiểu đúng về nhân quả, giữ giới thanh tịnh, thích giữ giới, không dối gạt, trong sạch không nhơ, giống như vàng ròng, tu hành chánh kiến, thọ trì giới lành, sợ đời vị lai, bố thí tu phước. Thấy Tỳ-kheo tu thiền muốn đoạn trừ sự trói buộc của ma, vào lúc mùa hè nóng nực đổ mồ hôi, khát nước liền đem nước ngọt cúng dường hoặc cúng quạt. Người này không giết hại chúng sinh, thấy kẻ săn bắn các loài chim như chim sẻ để nuôi, giết hoặc để chơi, người này sợ kẻ kia sát hại nên chuộc mạng sống trả về chỗ cũ, để chúng được an vui. Đó là không sát sinh, tạo lợi ích cho chúng sinh. Thế nào là không trộm? Lo sợ từng quả báo của nghiệp vi tế, thấy trên bờ sông, hoặc những nơi khác có nhành dương hoặc đường mật, người giữ giới do tâm Từ, dù đói khát vẫn không lấy, không uống để bố thí người đi đường, đó là không trộm. Người này sau khi chết được sinh lên cõi trời Tam thập tam. Ở đó có đủ các dục lạc, âm nhạc vườn rừng, chim chóc hót tiếng rất hay. Trong ao sen có đủ các loài chim hồng, loài ong, cây cối trong rừng được trang trí bằng bảy báu. Trong ao sen sực nức mùi hương, đẹp như lưu ly, vui chơi ở đó. Trên núi, bảy báu sáng rực, hang đá bằng bảy báu vàng, bạc, pha lê, báu nhân-đà xanh, các loài chim cánh bằng bảy báu hót tiếng rất hay nghe rất vui tai. Các Thiên chúng tùy thuận nhau. Trong rừng có đủ các thức ăn uống ngon ai thấy cũng vui mừng khen ngợi. Trong rừng còn có các màu sắc để trang sức thân mình, cùng trăm ngàn ngọc nữ vui chơi thọ nhận diệu lạc cõi trời, thân thể sáng rực. Thiên tử này hưởng quả báo của nghiệp, các Thiên nữ vây quanh vui đùa. Thọ lạc xong, Thiên tử muốn đến rừng bằng báu lưu ly.

Ở đó chim hót rất hay, chư Thiên cùng Thiên nữ vui chơi nghe nhạc hưởng lạc. Trong rừng có ao thanh thủy đẹp, chư Thiên vui chơi thọ lạc ở ao sen. Khi ấy, Thiên tử mới sinh cùng Thiên nữ đến rừng kia. Thấy Thiên tử ca múa vui chơi đang từ từ đi đến, chư Thiên liền ra nghênh đón, đến ao thanh thủy vui chơi thọ lạc. Do oai lực của ao, chư Thiên muốn gì được nấy. Nếu muốn sắc đẹp, hương thơm, thì có đủ các loài ong, muốn thức uống có thức uống, muốn có thức ngon đủ sắc muôn vị thì cũng được thức ngon, sắc đẹp như trăng tròn. Nếu nghĩ đến rừng thì có rừng đủ công đức thù thắng, lưới linh che bên trên, gió nhẹ thổi phát ra tiếng hay như nhạc Càn-thát-bà. Chư Thiên lại nghĩ: Ta nên vào ao, lập tức họ vào ao tắm, trong ao được trang trí bằng châu báu, điện bằng tạp bảo, lan can bằng vàng, giường bằng vàng, bạc, lưu ly, báu xanh, pha lê, trải bằng thiên y. Thiên tử, Thiên nữ vui chơi thọ lạc trong ao không biết chán, không ganh ghét, luôn yêu kính nhau. Sau đó họ ra khỏi ao, đến rừng Ni-đơn-ca. Trong đó có đủ chim chóc, ao sen, chim hót rất hay. Rừng này luôn có ánh sáng, đủ các công đức, thân chư Thiên sáng rực đầy đủ công đức, vui chơi thọ lạc khắp nơi. Khoái lạc bậc nhất của phàm phu ngu si là Thiên tử, Thiên nữ vui chơi thọ lạc. Phàm phu ngu si bị lưới nữ nhân trói buộc, trôi lăn trong sinh tử. Vui chơi thọ lạc một thời gian lâu họ đến cung điện núi Ma-đa. Lên ngọn Tu-di, gió nhẹ thổi y phục họ bay theo gió lên đỉnh Ma-đa. Thấy cung điện xinh đẹp, có ao sen, bảy báu sáng rực, có đủ công đức. Núi Ma-đa cao lớn, đẹp đẽ thật không sao ví dụ được. Họ vui chơi thọ lạc ở đây xong, thấy ánh sáng đỉnh núi sáng hơn tướng ánh sáng tự thân, sáng như mặt trời. Lúc ấy lại có ánh sáng khác chiếu lên đỉnh núi sáng gấp trăm ngàn lần, Thiên tử ngạc nhiên, nhắm mắt, cúi đầu. Vì sao? Vì chưa hề thấy ánh sáng này. Chẳng bao lâu, ánh sáng đó liền mất, thấy vậy chư Thiên kinh sợ, giống như người cõi Diêm-phù-đề thấy đóm lửa trên trời rơi xuống mà kinh sợ. Sau đó, họ bình tĩnh cùng nhau bàn luận, vì sao có tướng lạ này, lại làm cho chư Thiên đều kinh sợ, trong chốc lát lại mất? Chư Thiên cùng nhau đến Thiện pháp đường. Thấy Đế Thích, họ đảnh lễ cúng dường, cung kính vây quanh. Lúc ấy, Thiên vương Thích-ca cùng các Thiên chúng đang ca múa vui chơi, còn chư Thiên cõi Mạn-đà-la thì không ca múa vui chơi, không khen ngợi Đế Thích, không thăm hỏi chư Thiên khác. Đế Thích bảo chư Thiên cõi Mạn-đà-la:

–Các Thiên tử! Vì sao không ca múa vui chơi?

Chư Thiên thưa:

–Chúng tôi thấy ở chỗ mình có việc lạ mà trước kia chưa từng thấy.

Đế Thích hỏi:

–Các ông thấy gì?

Chư Thiên thưa:

–Thưa Thiên vương! Chúng tôi vui chơi trên núi Ma-đa, thấy ánh sáng lớn từ trên chiếu xuống làm cho khắp núi sáng rực. Thấy vậy chúng tôi ngạc nhiên chẳng biết vì sao.

Nghe vậy, Đế Thích suy nghĩ vài phút, bảo các Thiên tử:

–Ta có nghe việc ấy. Lúc ấy ta hỏi Đức Thế Tôn: Vì sao có việc này? Đức Thế Tôn bảo: Này Kiều-thi-ca! Ông đã đóng cửa đường ác, đừng lo sợ. Tất cả các pháp hữu vi đều nằm trong sự sinh diệt, đều là vô thường. Ông hãy lắng nghe, ta sẽ thuyết giảng. Đó là chư Thiên cõi trời Dạ-ma qua đời. Chư Thiên cõi trời Dạ-ma có thân thể, hoan lạc hơn cõi trời Tam thập tam trăm ngàn lần. Vì nghiệp hết nên họ bị thoái đọa. Cách đây khoảng trăm ngàn do-tuần họ từ cõi trời đọa lạc, ánh sáng mờ dần như đèn sắp tắt. Chư Thiên cõi Dạ-ma lúc đọa lạc, ánh sáng mờ mà còn như vậy huống gì ánh sáng lớn nơi cõi Dạ-ma, thật không sao nói hết. Chư Thiên cõi trời Tam thập tam không thể nhìn được ánh sáng cõi Dạ-ma. Vì sao? Vì không phải cảnh giới của họ. Này Kiều-thi-ca! Chư Thiên cõi trời Tam thập tam không thể nhìn được ánh sáng cõi Dạ-ma là vì chư Thiên cõi Dạ-ma có ba nghiệp, chư Thiên cõi trời Tam thập tam chỉ có hai nghiệp.

Ta đã nghe Đức Thế Tôn nói việc giống như những gì hôm nay các ông thấy.

Nghe vậy chư Thiên sinh tâm nhàm chán năm dục. Đó chính là tướng mà chư Thiên cõi Dạ-ma bị thoái đọa, ánh sáng đó cách đây vô số trăm ngàn do-tuần, từ hư không chiếu xuống. Các ông chớ lo sợ. Bấy giờ Thiên vương Thích-ca nói kệ cho chư Thiên:

Theo lạc lớn là vậy
Giàu có cũng như thế
Nhất định phải đọa lạc
Chịu tất cả khổ đau.
Nghiệp có quả tương ưng
Đức Thế Tôn dạy thế
Nhờ nghiệp nhân thù thắng
Nên quả báo cũng vậy.
Pháp tương tục bậc thượng
Là do nghiệp có được
Sự trói buộc càng nhiều
Quả báo cũng như vậy.

Oai đức họ thù thắng
Nên biết nghiệp thù thắng
Nhờ nghiệp nhân thù thắng
Sắc lực được tối thượng.
Tất cả các Thiên chúng
Nghiệp hết, bị thoái đọa
Giống như hạt giống hư
Đem trồng không mọc được.
Xét tâm tánh tương tục
Niệm niệm như ánh đèn
Niệm niệm tâm đã diệt
Các nghiệp cũng không còn.
Do nghiệp nhân vô thường
Chắc chắn bị hủy hoại
Xem hoan lạc là thường
Thì không thể có được.
Hoan lạc nếu thường còn
Không sinh cũng không diệt
Những người có trí tuệ
Không nên ham cảnh giới.
Người xa lìa ái dục
Được diệu lạc lìa ái
Tất cả pháp hữu lậu
Vô thường, khổ, không thật
Chỉ có pháp vô lậu
Mới là lạc bất động.

Nói xong, Đế Thích lại an ủi chư Thiên cõi Mạn-đà-la để họ về bản xứ. Đế Thích lại bảo: "Các ông đừng sống phóng dật".

Chư Thiên đảnh lễ Đế Thích trở về bản xứ. Ở đó họ thọ hưởng năm dục lạc, nghe năm thứ âm nhạc, trang sức đủ loại. Thọ hưởng diệu lạc đến khi nghiệp thiện hết, họ qua đời, lưu chuyển theo nghiệp, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh trong cõi người, được ở nơi an ổn, hoặc làm đại nhân được mọi người yêu mến, không bệnh khổ, thuộc dòng quý tộc, luôn được vui vẻ cho đến già chết. Đó là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ ba mươi của cõi này tên là Thượng hạnh. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên

cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh tu hành theo chánh pháp, tin quả báo của nghiệp, sống bằng chánh kiến, bố thí, tu phước, giữ một giới. Ban đầu giữ nhiều giới, sau giữ tất cả giới, cúng dường giày, bình tắm cho người hành đạo, không sát sinh, không trộm cướp, thấy người ở vùng biên địa bắt người giết thì chuộc mạng để họ thoát chết. Nếu là vua, nơi chiến tranh đồng trống mà được tài vật, sợ phạm giới trộm nên không lấy. Đó là không trộm. Thế nào là không sát sinh? Người giữ giới này, dù là vua, nhưng thấy kẻ ác muốn hại mình vẫn không giết họ. Người ấy sợ quả báo của nghiệp nên sau khi qua đời được sinh lên trụ xứ Thượng hạnh thuộc cõi trời Tam thập tam. Ở đó, nhờ nghiệp thiện nên được ba ngàn Thiên nữ hầu hạ. Các Thiên nữ trang sức xinh đẹp đàn hát ca múa khen ngợi Thiên tử và muốn gần gũi. Thấy vậy, Thiên tử cũng đến chỗ họ, ai nấy đều vui vẻ đến vườn Hoan hỷ. Cây vườn toàn bằng báu lưu ly, vàng, bạc, có đủ các dòng suối ao sen, bên trên có lưới linh báu, các loài chim hót tiếng rất hay. Vườn ấy có các thứ như vậy. Thiên tử, Thiên nữ chiếu sáng lẫn nhau nên càng thêm xinh đẹp. Trong rừng có núi Du hý bằng bảy báu, có vô số nai quý đẹp nhiều màu, hông nai bằng báu xích liên hoa, lưng bằng chân châu, bụng bằng bạch ngân, đầu bằng vàng ròng, chân bằng san hô, sừng bằng pha lê. Có con toàn bằng vàng, có con vừa bằng vàng vừa bằng bạc, có con đủ màu sắc. Những con nai ấy đi theo Thiên tử kêu tiếng hay như tiếng ca Thiên nữ. Hưởng hoan lạc xong, chư Thiên đi đến núi Tu-di. Trên núi có dòng sông lớn tên Sơn cốc, họ cõi đủ các loại xe báu, trỗi năm âm nhạc, đủ các dục lạc, oai đức vui vẻ. Họ vui chơi hưởng lạc ở trên bờ sông, trong ao sen, trong rừng, ca hát vui tai, ai nấy đều vui vẻ, yêu mến nhau. Các Thiên tử, Thiên nữ xoa hương thơm trang sức vòng hoa. Nhờ nghiệp thiện nên thọ nhận diệu lạc cõi trời, nhờ nghiệp lực, dạo chơi khắp nơi, hưởng đủ hoan lạc tùy ý thật không sao nói hết, nay chỉ nói một ít, người thế gian không ai có thể nói hết. Vì sao? Vì không thể ví dụ được, diệu lạc cõi trời không gì sánh bằng. Người nhờ giữ giới mà được các diệu lạc như vậy. Ở đó, thọ hưởng hoan lạc đến khi nghiệp thiện hết, họ qua đời, lưu chuyển theo nghiệp, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu được sinh vào cõi người, được nơi vui vẻ, ở gần núi sông, vườn cảnh, hoặc được làm vua một nước, làm quan, oai đức thù thắng, là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ ba mươi mốt của cõi này tên là Oai đức nhan. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh với tâm thanh tịnh đệ nhất, bố thí tu phước, giữ bảy chi giới, không gần bạn xấu, giữ giới thanh tịnh, luôn

siêng năng tu phước, tâm chân thật như luyện vàng ròng, giữ những giới không sát sinh, không trộm. Thế nào là không sát sinh? Như người trong nước hỗn loạn giết hại lẫn nhau, người giữ giới vì sợ phá giới nên thà bỏ thân mạng không hại người khác, không bảo người khác giết đó là không sát sinh. Thế nào là không trộm? Như trong nước hỗn loạn mọi người tranh giành cướp đoạt, người giữ giới vì sợ phá giới nên dù đói khát sắp chết nhưng thà bỏ thân mạng chứ không lấy vật của người khác. Thế nào là bố thí? Bố thí vào ruộng phước nào? Như cúng dường Phật, cúng nơi thuyết pháp, tu tập tâm ý, hiểu đúng, sau khi qua đời được sinh lên cõi Oai đức nhan. Ở đây thân hình có vòng ánh sáng bao quanh, có sắc đẹp thù thắng, hưởng quả báo tương xứng. Nhờ nghiệp thiện nghe được năm thứ âm nhạc vui tai, ngửi hương Mạn-đà-la, hương Câu-xa-da-xá, hương hoa sen xanh, hoa hương bảy báu thích ý, lưỡi nếm đủ vị ngon cõi trời, mắt thấy sắc đẹp núi bảy báu, thân mặc áo đẹp mịn không có sớ vải, xoa thân bằng hương hoa Ưu-bát-la. Nhờ nghiệp thiện, Thiên tử thành tựu quả báo cõi trời, có ngàn Thiên nữ hầu hạ, vườn rừng xinh đẹp đủ màu, treo linh báu trên cành vàng bạc, gió nhẹ thổi động phát tiếng hay vui thích, lại nghe những tiếng ca tụng, hưởng hoan lạc thù thắng, trang sức bằng y phục và vòng hoa cõi trời. Họ vui chơi trên núi thấy đủ sắc đẹp lưu ly, vàng, bạc, báu nhân-đà. Ở trên núi pha lê họ thấy thân mình như soi gương sáng, Thiên tử mới sinh có Thiên nữ vây quanh vào núi báu. Thấy trăm ngàn thân, vui vẻ khôn cùng, các Thiên nữ cũng vui vẻ khen ngợi rằng: Thân ta đoan chánh xinh đẹp, ta luôn được nghe năm âm nhạc, thọ diệu lạc nơi công năng của năm dục cõi trời. Các Thiên nữ vui vẻ dạo chơi thọ lạc từ núi này qua núi khác, từ hang này sang hang kia, bị độc ái làm say mê như người điên, tâm hành không chánh trực. Các Thiên tử bị phóng dật hủy hoại cũng thế. Thiên tử cùng Thiên nữ dạo chơi trên đỉnh núi, có đủ các thức ngon nghe tiếng chim hay trong vườn, họ thọ hưởng hoan lạc yêu mến nhau, cùng vui chơi, cùng nghĩ nhớ nhau. Họ trang sức bằng hoa anh lạc, cùng nhau đến vườn như ý, hoặc đến dòng sông, ao tắm. Trong ao này có nhiều hoa Ưu-bát-la đỏ và có thiên nga, vịt trời, uyên ương, chư Thiên đứng trên bờ ao hút nước hoa, uống thức uống cõi trời, cùng vui chơi với chim, ai cũng vui thích. Khi ấy chư Thiên bị độc ái làm say mê nên uống rượu, lửa ái thêm nhiều thiêu đốt củi năm dục, luôn khao khát ái dục không biết chán. Tất cả đều bị lưới dục trói buộc ví như người phạm pháp vua bị bắt. Các Thiên chúng thấy vô số ái dục lại đến đó vui chơi. Trong ao hoa sen Bát-đầu-ma, hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu có nhiều loài chim vui chơi thọ lạc. Trong ao có loài chim tên Xích thủy, thân cánh bằng bảy báu sáng rực. Thấy Thiên chúng buông lung,

chim hót kệ:

Chư Thiên luôn phóng dật
Chim trời cũng như vậy
Chư Thiên và chim trời
Cả hai đều như nhau.
Thích hành động trái pháp
Không tìm vui giải thoát
Chư Thiên và chim trời
Chẳng khác một chút nào.
Nếu ai bỏ phóng dật
Tu hành theo chánh pháp
Là thù thắng thế gian
Nhờ không sống phóng dật.
Chư Thiên thích dạo chơi
Chim chóc cũng như vậy
Chư Thiên và chim trời
Như nhau chẳng khác gì.
Nhờ nghiệp nhân thù thắng
Thọ hưởng quả thù thắng
Nếu tạo các nghiệp ác
Không được sinh cõi lành.
Ai không biết sinh tử
Đều là pháp vô thường
Chư Thiên không hiểu biết
Ngu si như súc sinh.
Khổ sinh, già và chết
Lại cũng giống như thế
Ân ái và chia ly
Tuần tự chịu các khổ.
Người nào có trí tuệ
Biết được pháp thanh tịnh
Là thù thắng thế gian
Chẳng như người phóng dật.
Người nào hiểu khổ não
Phát sinh trí thanh tịnh
Người ấy là chư Thiên
Không phải kẻ phóng dật.
Bà con và anh em

Yêu thương thường chia lìa
Nếu không chán sinh tử
Chẳng khác gì loài chim.
Tội uống rượu tuy nặng
Say rượu còn tỉnh được
Phóng dật không thể tỉnh
Vì vậy phải từ bỏ.
Phóng dật hủy hoại người
Trôi lăn trong năm đường
Vì vậy bỏ phóng dật
Là phương tiện hay nhất.
Rượu chỉ trong một ngày
Làm người say không tỉnh
Phóng dật say mê người
Lưu chuyển trăm ngàn kiếp.
Ai trừ bỏ phóng dật
Đạt được nơi bất diệt
Người nào thích phóng dật
Luôn chịu sự sinh tử.
Những ai tìm lợi ích
Nên trừ bỏ phóng dật
Phóng dật sinh phiền não
Đại Thánh dạy như thế.
Loài chim sống phóng dật
Vì súc sinh ngu si
Vì cớ sao chư Thiên
Không trừ bỏ phóng dật.

Nhờ nghiệp thiện, chim trời giáo hóa tạo lợi ích cho chư Thiên. Chim trời này như cha mẹ, vì lợi ích mà chỉ dạy. Vì tâm phóng dật nên chư Thiên ấy không biết pháp lợi ích mà chim trời đã hót.

Bấy giờ, chư Thiên đến vườn Ma-đa-la trổi nhạc, yêu mến nhau vui chơi hưởng lạc. Cây của rừng này toàn bảy báu, cành lá sum suê có vô số ong bay lượn trên cây, trong hoa báu. Thấy vậy chư Thiên đều vui vẻ, cùng Thiên nữ ca múa vui chơi. Tiếng ca Thiên nữ vang khắp khu rừng, tiếng chim tiếng ong cũng như tiếng ca vang dội khắp núi Tu-di. Núi Tu-di vốn đáng yêu nhưng khi có tiếng ca này dội lại thì càng đáng yêu hơn nữa. Nghe thấy vậy chư Thiên đều thọ hưởng hoan lạc, đủ các dục lạc. Họ cùng các Thiên nữ xinh đẹp vui chơi thọ lạc đến khi nghiệp thiện hết, họ qua đời lưu

chuyển theo nghiệp, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu còn nghiệp thiện khác được sinh trong cõi người hưởng an lạc thù diệu, luôn vui vẻ, thân hình xinh đẹp, được mọi người yêu mến, hoặc được làm vua, quan là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ ba mươi hai của cõi này tên là Oai đức diệm luân. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh tu tập phước đức, không dối gạt, quan sát chánh pháp, lợi ích chúng sinh bằng tâm chánh kiến, tin Phật, Pháp, Tăng. Nếu thấy tháp Phật hoặc chùa bị hư thì sửa lại, nếu bị cháy thì ra sức dập lửa không tiếc thân mạng, hoặc thấy lửa đốt tài vật báu của Phật, Pháp, Tăng thì xả thân chữa cháy, nhảy vào lửa cứu người bị cháy. Vì tâm bi nên làm được những việc phước đức khó làm. Thế nào là không sát sinh, không trộm cướp? Nếu thấy vàng bạc vật báu rơi bên đường thì lấy lên rao hỏi: Đây là vật của ai? Nếu có người nhận thì hỏi hình tướng của vật, nếu đúng thì trả lại, nếu không có người nhận thì rao hỏi đủ bảy ngày không ai nhận thì giao cho vua, quan hoặc người chủ quận huyện. Nếu họ thấy người phước đức mà không nhận thì đem đến cúng dường Phật, Pháp, Tăng. Đó là không trộm. Thế nào là không sát sinh? Khi đi đường nếu thấy những con trùng nhỏ như kiến, sâu, tôm… thì tránh ra chỗ khác, vì tâm Từ bi giữ mạng chúng sinh, tin nghiệp quả, biết tội lỗi sinh tử, quan sát pháp sinh diệt, đó là không sát sinh. Người này sau khi qua đời được sinh lên trụ xứ Oai đức diệm luân của cõi trời Tam thập tam thuộc đường lành. Ở đó nhờ nghiệp thiện hưởng đủ hoan lạc không sao nói hết. Nay chỉ nói một phần nhỏ: toàn thân sáng rực như mặt trời nhưng không chóa mắt. Nhờ nghiệp thiện nên trăm ngàn Thiên nữ vây quanh hưởng lạc. Cung điện bằng vàng, lưu ly, báu nhân-đà xanh. Họ vui chơi ca hát. Lại có vườn hoa luôn nở, nhiều loài chim hót tiếng rất hay, thấy sắc nghe tiếng đều ưa thích. Lại có khu rừng tên Khai hợp. Khắp nơi sáng rực, dù mở mắt nhắm mắt đều thấy ánh sáng. Ở đó họ cùng Thiên nữ vui chơi thọ lạc, đi dạo khắp núi. Do tiếng ca nên có tiếng vang dội lại. Chư Thiên khác đang vui chơi thọ lạc nghe được tiếng vang liền ra khỏi rừng nói:

–Đó là tiếng gì mà giống như tiếng Thiên vương Thích-ca thứ hai?

Nhìn thấy Thiên tử mới sinh ai nấy đều vui vẻ ra nghênh đón, thán phục, bảo rằng:

–Lành thay! Thiên tử đến đây, Thiên tử là người thù thắng nhất trong các Thiên chúng. Ở đây Thiên tử giống như Thiên vương Thích-ca thứ hai.

Lúc ấy, chư Thiên khác cũng vội đến chỗ Thiên tử này, họ vây quanh ca múa vui chơi, cùng đến vườn Hoan hỷ. Các Thiên nữ cũng vây quanh Thiên tử ca múa vui chơi. Bất chợt, Thiên tử quay nhìn thấy chư Thiên theo sau thì rất vui vẻ, hỏi: Các ngươi muốn đến đâu?

Chư Thiên đáp:

–Đến vườn Hoan hỷ thọ nhận công năng của năm dục. Vì chưa hề thấy được vườn ấy nên Thiên tử từ từ đi đến. Ánh sáng vườn này rực rỡ như vầng mặt trời.

Thấy vậy, Thiên tử mới sinh vui mừng đi vào rừng. Rừng này có vô số thứ đáng yêu. Trong một khu rừng có đủ bốn oai đức, đủ các âm thanh của loài chim. Có loài thì hót tiếng hay, có loài chào đón: Lành thay! Thiên tử hãy đến đây, có loài thì vui mừng bay nhảy xung quanh. Rừng ấy có các loài chim xinh đẹp như thế. Lại có nơi khác, trong sông núi phát ra tiếng hay, bờ sông bằng vàng ròng. Trong ao có nhiều thiên nga, vịt trời, uyên ương kêu tiếng rất hay. Thiên tử cùng Thiên nữ vui chơi trên bờ ao, nghe năm âm nhạc vui vẻ thọ lạc. Sau đó họ lại đến vườn như ý. Thấy cây vườn sáng rực như mặt trời mặt trăng, Thiên tử mới sinh thọ hưởng năm dục thật không sao nói hết. Thiên tử lại đến ao sen Thiên chúng vây quanh như hầu Đế Thích, ai nấy đều vui vẻ. Sau đó họ lại đến đỉnh núi Cao tụ ca múa vui chơi. Thiên tử, Thiên nữ cùng nhau nô đùa thọ hưởng dục lạc. Trên đỉnh núi có ao sen lớn, chim chóc cùng Thiên chúng thọ hưởng mọi hoan lạc, nhờ nghiệp thiện chúng cũng xinh đẹp, cùng Thiên chúng vào rừng Như ý, Thượng vị vui chơi thọ lạc. Ở trên đỉnh núi có nhiều loại chim xinh đẹp. Thọ lạc một thời gian lâu, Thiên tử quan sát cõi mình. Thiên tử mới sinh khởi tâm hy hữu trăm ngàn Thiên chúng vây quanh, cùng nhau đến Thiện pháp đường yết kiến Đế Thích.

Đến nơi, Thiên tử mới sinh thấy Thiện pháp đường có đủ các vật báu đã nói ở trước.

Thấy Thiên tử mới sinh, Đế Thích vui mừng nói kệ:

Nhờ quả báo nghiệp thiện
Được sinh lên cõi này
Nhưng cũng ở chốn ấy
Chết sẽ phải đọa lạc.
Nghiệp hết bị thoái đọa
Lưu chuyển theo nghiệp lực
Giờ tu tập nghiệp thiện
Sau sẽ không hối hận.

Phóng dật, tham dục lạc
Tiêu diệt hết nghiệp lành
Do nay sống buông lung
Nghiệp hết, đọa đường ác.
Thấy chư Thiên đọa lạc
Cớ sao không nhàm chán
Ta cũng sẽ đọa lạc
Chắc chắn không nghi ngờ.
Những ai sợ đời sau
Hãy thuận hành chánh pháp
Cho đến lúc lâm chung
Không lo sợ đường ác.
Phóng dật không lo sợ
Tâm tạo nghiệp bất thiện
Sau chịu nhiều khổ não
Chết sinh tâm hối hận.
Tất cả các Thiên chúng
Đều phải bị thoái đọa
Đã biết dục vô thường
Không nên sống phóng dật.
Năm dục gạt chúng sinh
Bị dục lạc mê mờ
Lưới dục luôn trói buộc
Đọa vào trong địa ngục.
Đã biết sự suy hại
Hãy làm việc lợi ích
Nhờ điều phục tâm mình
Lâm chung không hối hận.
Bị nọc độc rắn dục
Dục như sóng trên biển
Kẻ ngu tới đường chết
Bị lửa dục thiêu đốt.
Bà con và anh em
Tất cả đều xa lìa
Khi chết chịu khổ não
Thật không sao nói hết.
Lúc thần chết gõ cửa
Như rơi từ núi cao

Sức mạnh không tránh khỏi
Đưa người vào đường ác.
Sức ấy bắt mọi người
Phá hoại cả thế gian
Thiên chúng đã biết rồi
Phải trừ bỏ phóng dật.
Các căn luôn tham đắm
Không hề biết nhàm chán
Tâm ái luôn tăng trưởng
Như thêm dầu vào lửa.
Trong tất cả các cõi
Đều do ái mà có
Trôi lăn trong địa ngục
Ngạ quỷ và súc sinh.
Do sinh tử quấy nhiễu
Khổ não mê hoặc tâm
Đã biết do lìa ái
Đạt được đạo đệ nhất.
Ai mạnh mẽ đoạn ái
Thì không còn khổ não
Sẽ được ngủ an ổn
Là do lìa ân ái.
Người nào luôn siêng năng
Tu tập về trí tuệ
Không bị lưới ân ái
Trói buộc trong sinh tử.
Người nào tâm trống rỗng
Chán ghét lìa ái dục
Bỏ đồng trống ô uế
Đến được bờ giải thoát.
Những ai không chán khổ
Sẽ không mừng được vui
Người nào thoát khổ vui
Là đến thành Niết-bàn.
Những ai chịu tu tập
Luôn khởi tâm Từ bi
Người ấy biết nhân quả
Thoát khỏi lưới khổ đau.

Tâm không còn phân biệt
Trừ lỗi ý phân biệt
Người nào không lỗi lầm
Đạt được đạo vô thượng.
Hòa hợp có chia ly
Sắc đẹp phải suy tàn
Có thân đều phải chết
Tất cả pháp là thế.
Chư Thiên sắp đọa lạc
Tâm dục luôn hoạt động
Hãy biết các pháp này
Không nên sống phóng dật.
Kẻ ngu không hiểu biết
Luôn mong cầu dục lạc
Như tìm dầu trong cát
Thì không thể nào được.
Những ai thích phóng dật
Sẽ không có an vui
Phóng dật chịu khổ lớn
Như rễ cây chắc chắn.
Ta đã nói sự thật
Nghĩa của pháp, phi pháp
Ngươi hãy khéo suy nghĩ
Đừng để sau hối hận.
Nếu những kẻ ngu si
Không nghe lời dạy dỗ
Lúc chết khổ não đến
Lại sinh tâm hối hận.
Trải qua trăm ngàn ức
Na-do-tha triệu năm
Tất cả các Thiên chúng
Đều bị phóng dật dối.
Lửa vô thường đại kiếp
Đốt cháy núi chúa này
Huống gì thân chư Thiên
Như bọt nước, thân chuối.
Các hành đều thay đổi
Các pháp là vô thường

Thế nên không tìm được
An lạc trong các pháp.

Đế Thích đã tìm cách nói pháp lợi ích cho Thiên tử mới sinh nhưng vì phóng dật nên Thiên tử không ghi nhớ một lời. Biết Thiên tử không ghi nhớ, Đế Thích yên lặng. Đảnh lễ Đế Thích xong, Thiên tử mới sinh cùng Thiên chúng ca múa vui chơi, các Thiên chúng trở về bản xứ vui chơi trong rừng cảnh. Khắp nơi đều có ao hoa, chim chóc hót rất hay, hang núi sáng rực Thiên chúng cùng vui chơi thọ lạc, phóng dật che lấp tâm, tham đắm dục lạc, bị lửa dục thiêu đốt, từ năm căn phát ra năm ngọn lửa bỗng chốc thiêu đốt cả hang tâm, phóng dật che lấp nên xem oán giặc là bạn thân. Tham đắm dục lạc đến khi nghiệp thiện hết, lưu chuyển theo nghiệp, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu còn nghiệp thiện được sinh trong cõi người, luôn được an vui, thân hình xinh đẹp, có vô lượng công đức thuộc dòng quý tộc, được mọi người yêu mến, hoặc được làm vua, quan, sống lâu, hưởng lạc đến hết đời là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Tam thập tam. Dùng văn tuệ biết trụ xứ thứ ba mươi ba của cõi này tên là Thanh tịnh. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết chúng sinh có tâm thiện, tin nhân quả, giữ bảy chi giới, thương yêu tất cả chúng sinh, không gần gũi trò chuyện với kẻ ác, luôn tin Tam bảo, tâm ý thanh tịnh, tâm không chướng ngại, ý không tán loạn, không làm ác, không chơi với kẻ hạ tiện xấu ác, luôn nói lời hòa ái với mọi người, nói đúng thời có lợi ích, cúng dường Pháp sư, luôn nghe chánh pháp, bố thí theo khả năng, lúc đi đường không hề trộm một cọng cỏ của người. Thế nào là không sát sinh? Dù thấy ễnh ương, rắn không hề sinh tâm giết hại. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đều yêu quý mạng sống, do vậy mà chuyên tâm nhìn kỹ đi thẳng không tổn hại chúng sinh. Lúc có bệnh, vì sợ chết nên mua thịt để chữa bệnh, lúc trời nắng hay vì lâu quá trong thịt sinh trùng, nếu vứt đi thì sợ trùng chết nên thà chết chứ không lấy trùng ra đó là bảo vệ mạng sống của chúng. Người này sợ mọi tội lỗi dù nhỏ. Thế nào là không trộm cướp? Người này luôn đem lợi ích cho mọi loài, thấy phân bò khô trên ruộng biết là của người thì không cố ý lấy, sợ phạm giới trộm. Người này bỏ tâm trộm, giữ giới thanh tịnh, không nhơ, không tạp nhạp. Sau khi chết người này được sinh lên cõi Thanh tịnh thuộc đường lành. Ở đây Thiên tử thọ hưởng an lạc thượng diệu, thân sáng hơn mặt trời, oai đức rực rỡ, thọ hưởng vô lượng diệu lạc cõi trời. Nhờ nghiệp thiện trăm ngàn Thiên nữ vây quanh trang sức vòng hoa y phục cõi trời, cùng Thiên nữ vui chơi thọ lạc trong vườn bảy báu. Sau đó lại đến rừng Lạc lộc đỉnh,

thấy vườn xinh đẹp, Thiên tử vui mừng hỏi chư Thiên: Vì sao vườn này đẹp hơn các vườn khác? Có đủ hoa trái, hang núi, sông suối, chim chóc nhộn nhịp lại có nhiều nai báu. Các Thiên vương từng ở chỗ đó nói với Thiên tử mới sinh:

–Thiên tử! Xin biết cho, xưa tôi đã từng nghe Thiên tử trước đây nói rằng: Có Chuyển luân thánh vương tên Đảnh Sinh làm chủ bốn cõi, thọ hưởng vô lượng trăm ngàn diệu lạc không biết chán, dùng sức tự tại đến cõi trời này. Từ cõi trời Tứ Thiên vương đến đây phải mất vô số trăm ngàn năm nơi cõi người. Ở đây thọ hưởng dục lạc không biết đủ, họ cùng ngồi trò chuyện rồi cùng vui chơi với Đế Thích. Biết vườn này có vô số công đức nên họ đến đây vui chơi thọ lạc, vì thế vườn này đẹp cho đến bây giờ. Khi ấy, Đảnh Sinh vương cùng ở đây với Đế Thích tới lúc nghiệp thiện hết, bị thoái đọa. Ta đã từng nghe chư Thiên ở trước kể lại chứ chưa hề thấy: Vườn này xinh đẹp cho đến bây giờ. Nghe thế, Thiên tử mới sinh vui mừng không còn nghi ngờ, trỗi năm âm nhạc, thọ hưởng năm dục lạc. Trong vườn có loài chim tên Hy lạp, nhờ nghiệp thiện chim hót kệ cho Thiên tử nghe:

Chính vì nhân tham ái
Tâm dục không biết đủ
Dục sinh từ tham ái
Tâm ý không thỏa mãn.
Tất cả các chúng sinh
Phần chết luôn xuất hiện
Dù tìm đủ mọi cách
Cũng không thể ngăn được.
Thọ hưởng mọi dục lạc
Nhất định bị thoái đọa
Vì vậy các Thiên tử
Hãy thuận hành chánh pháp.
Chỉ chánh pháp cứu được
Đưa đến con đường lành
Nhờ chánh pháp được sống
Không chánh pháp bị chết.
Người nào thích chánh pháp
Luôn luôn thực hành theo
Từ vui được chốn vui
Không hề thấy khổ não.
Ai không thích chánh pháp
Thích làm việc trái pháp

Sẽ đọa vào địa ngục
Luôn chịu những khổ đau.
Những trụ xứ cõi trời
Ta đã nói rõ hết
Ngoài ra không có được
Những trụ xứ nào khác.
Cõi trời Tam thập tam
Không phải chỗ vi diệu
Làm sao thoát thần chết
Do nghiệp lực vô thường.
Nên biết nhân duyên ấy
Là các pháp vô thường
Pháp Đế Thích đã nói
Mà chư Thiên không hiểu.
Tài trí Kiều-thi-ca
Thân Ngài như kho quý
Yêu thích hoa câu-xa
Lánh xa những kẻ ác.
Là cha mẹ chư Thiên
Giỏi giảng thuyết chánh pháp
Chư Thiên ngu không nghe
Do phóng dật, tâm loạn.

Chim ấy hót kệ xong, nhưng vì phóng dật Thiên tử không biết nhàm chán, vì phóng dật che lấp tâm nên không thọ lãnh lời đó, vẫn cứ tham dục, chỉ nhìn ở hiện tại, không nghĩ đến vị lai. Ở đấy thọ hưởng dục lạc đến khi nghiệp thiện hết, vị ấy qua đời, lưu chuyển theo nghiệp đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu còn nghiệp thiện khác, được sinh trong cõi người, luôn được an vui, thích làm việc lành, thân hình xinh đẹp, được mọi người yêu mến là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Tam thập tam, ngoài trụ xứ Tam thập tam ra không còn trụ xứ nào khác. Tự nghĩ chỉ có ba mươi ba trụ xứ này ngoài ra không còn trụ xứ nào khác. Đây là nơi của Thiên vương Thích-ca. Thiên vương có đủ phước đức quyền lực, không ai có được. Cứ thế quan sát đến Thiên chúng nơi tầng trời thứ hai, nhân quả tương xứng, liên tục sinh khởi, gương nghiệp tương xứng nhau mỗi nơi đều sai khác. Quan sát xong, Tỳ-kheo chán ngán, lo sợ vô số sự sinh tử. Sinh tử là nơi nguy hiểm, có đủ khổ: Ái biệt ly *(yêu thương phải xa lìa)*, oán tắng hội *(oán ghét phải gặp nhau),* già, bệnh, chết

là chốn khổ não thấy vậy Tỳ-kheo chán ngán, than ôi: Thế gian là khổ lớn, cứ chìm trong nơi khổ đau nguy hiểm sinh, già, bệnh, chết mà không hay biết, không mong ra khỏi sự sinh tử ấy, không có chút vui là pháp vô thường, hư hoại, biến đổi, chúng sinh ngu si không hay biết, vì thân làm nhiều việc ác, tuy thân hư hoại nhưng lưới nghiệp vẫn buộc ràng. Quan sát xong Tỳ-kheo nói kệ:

Tất cả vật cúng dường
Giường nệm và đồ nằm
Thân này sẽ hư hoại
Không có ai cứu được.
Không nhớ đến ân ái
Được dịp thì hại mình
Người trí biết giặc thân
Không gây tạo việc ác.
Thân là nơi bệnh hoạn
Khổ đau đều tập hợp
Nơi chứa nhóm bất tịnh
Chính là cái thân này.
Người trí quan sát kỹ
Thần chết luôn xuất hiện
Thân mạng không trường tồn
Bỗng chốc sẽ hoại diệt.
Thân này già từng phút
Không thể trẻ lại được
Bị ngu si mê hoặc
Ỷ trẻ nhiều tài sản.
Nên luôn luôn kiêu mạn
Không lợi ích bản thân
Của cải đều mất hết
Nghiệp ác lại đốt thân.
Nếu không chịu bố thí
Sẽ không được quả vui
Của cải sẽ tiêu hết
Vì tham nên cố giữ.
Nếu đem của cải đó
Cúng dường cho sư trưởng
Thì của đó còn mãi
Keo kiệt, của như cỏ.

Sự tịnh tâm bố thí
Như người dắt kẻ mù
Đời này đến đời sau
Bảo vệ kẻ yếu kém.
Phước giữ bảy chi giới
Không hủy hoại giới nào
Giới bảo vệ trượng phu
Được sinh lên cõi trời.
Người có trí thù thắng
Luôn thích dẹp phiền não
Người này thoát dây trói
Được đến nơi bất thoái.
Biển lớn nơi nguy hiểm
Giới là thuyền bền chắc
Nếu được tâm vô cấu
Là đến bờ giải thoát.

Tỳ-kheo quan sát và biết rõ về quả báo bố thí, trì giới, trí tuệ, quan sát ba đế xong, đạt Địa thứ mười tám, chán ngán sinh tử, siêng năng tu hành để cầu Niết-bàn, không ở cảnh giới của ma. Địa hành Dạ-xoa biết việc này nói với Hư không Dạ-xoa, Hư không Dạ-xoa nói với Tứ Hộ thế, Tứ Hộ thế nói với Thiên tử cõi trời Tam thập tam, Thiên tử cõi trời Tam thập tam nói với Thiên tử trời Dạ-ma. Cứ thế cho đến cõi trời Quan âm, như đã nói ở trước.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 36

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 15)

DẠ-MA THIÊN (Phần 1)

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, siêng năng tu tập không ngừng, quan sát trên cõi trời Tam thập tam còn có cõi trời nào thù thắng tự tại hơn cõi trời ấy không? Dùng văn tuệ biết trên cõi trời Tam thập tam còn có nơi chốn tất cả đều thù thắng, quả báo, ánh sáng đều thù thắng, đó là cõi trời Dạ-ma. Nhờ ba loại giới được sinh lên cõi Dạ-ma. Đó là ba giới không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm. Tu tập ba giới này không thiếu, không thiếu sót, rơi rớt, không hủy phạm. Đó là giới mà chư Thánh khen ngợi, luôn được mát mẻ, dần dần đạt được Niết-bàn, giống như bạn lành. Giới như cầu vượt qua biển sinh tử. Ai có cầu giới này sẽ qua khỏi biển sinh tử đến bờ giải thoát. Người tu hành lại suy xét kỹ, thấy vị Tỳ-kheo quan sát bảy chi giới, quan sát quả báo của nghiệp có thượng, trung, hạ như đã nói ở trước. Sau đó quan sát cõi Dạ-ma trên núi Tu-di, có những nơi nào? Cao bao nhiêu, có ánh sáng gì? Quan sát như vậy, với tri kiến mình biết được chúng sinh không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, tự giữ giới, dạy người giữ giới, tạo lợi ích cho cả mình và người thì được sinh lên cõi trời kia. Với tri kiến biết được cõi Dạ-ma cao sáu vạn do-tuần, cao gấp hai lần tầng trên cùng của núi Tu-di. Cõi Dạ-ma có bao nhiêu trực xứ, cao bao nhiêu, mặt đất bằng gì? Với tri kiến biết được cõi Dạ-ma có ba mươi hai trụ xứ, cao năm ngàn do-tuần. Cõi Dạ-ma ở giữa hư không như đám mây, nhờ gió nâng đỡ, bên dưới nhờ nước nâng đỡ. Nước nhờ gió nâng đỡ, đó là gió Diễm-ba, nâng đỡ cõi Dạ-ma như nâng đỡ đám mây. Ba mươi hai trụ xứ đó là:

1. Thế lực.
2. Thừa xứ du hành.
3. Vân xứ du hành.
4. Tích phụ.

5. Tâm tướng.
6. Sơn thọ cụ túc.
7. Quảng bác hành.
8. Thành tựu.
9. Thắng quang minh.
10. Chánh hạnh.
11. Thường lạc.
12. Tăng trưởng pháp.
13. Nhất hướng lạc.
14. Lạc hành.
15. Chủng chủng tạp.
16. Tâm trang nghiêm.
17. Phong xuy.
18. Sùng cao.
19. Mạt tuyền hành.
20. Bách quang minh ngạn.
21. Sơn tụ hành.
22. Nguyệt kính.
23. Ức niệm lượng.
24. Già-thi-ca.
25. Giải thoát thiền.
26. Mạn thượng mạn.
27. Hạ nhập.
28. Giai hành.
29. Tự thân kính.
30. Mạn thân quang minh.
31. Thượng hành.
32. Lâm quang minh.

Đó là các trụ xứ của cõi trời Dạ-ma. Vị vua cõi Dạ-ma tên là Mâu-tu-lâu-đà, như Thiên vương Đế Thích chủ cõi trời Tam thập tam tên là Kiều-thi-ca. Thiên vương cõi Dạ-ma thuận hành chánh pháp, thần thông, diệu lạc của Thiên vương ấy gấp ngàn lần Đế Thích. Thân của Mâu-tu-lâu-đà cao năm do-tuần, sáng rực thù thắng, còn thân của Đế Thích chỉ cao một cư-xa. Oai lực phần thân của Mâu-tu-lâu-đà gấp trăm ngàn lần Đế Thích.

Quả báo của Thiên vương cũng vậy. Quan sát xong, Tỳ-kheo nói kệ:

Như người mang vật nhẹ
Qua biển không bị chìm
Người ít tạo việc ác
Lên trên không xuống nước.
Như cánh chim vững chắc
Bay lượn trong hư không
Người giữ giới kiên cố
Sẽ được sinh lên trời.

Tỳ-kheo đã quan sát nhân quả của cõi trời Dạ-ma. Cõi này có bốn núi lớn cao một vạn do-tuần, đó là: Thanh tịnh, Vô cấu, Đại thanh tịnh, Nội tượng. Còn có những ngọn núi khác đủ các chủng loại, màu sắc, hình tướng, công đức. Như vậy có hơn ngàn ngọn núi khác trang sức các thứ hoa trời. Cõi Dạ-ma được trang trí như vậy. Trong ba mươi hai trụ xứ của cõi này có các ngọn núi, dòng sông, ao sen, vườn rừng vây quanh, được trang trí đủ hình tướng, hương sắc, mùi vị. Cây hoa có đủ các vị như sông núi, cây cối, ao vườn của cõi trời Tam thập tam. Cây cối, ao vườn, cảnh vật ở đó đẹp hơn cả cảnh vật xinh đẹp nhất của cõi người. Những sự thù thắng của cõi trời Tam thập tam không sao sánh kịp cõi Dạ-ma. Vì sao? Vì nhân quả nhiều, cõi ấy có vô lượng phước đức của nghiệp thiện, có trăm thứ nhân quả công đức do nghiệp thiện hóa sinh thật không sao nói hết. Vì sao không thể nói hết? Vì oai lực của các nghiệp lưu chuyển nhiều. Nghiệp quả ấy nơi tất cả chúng sinh cũng không thể nói hết. Nhờ nghiệp thiện nên được sinh lên trời. Cõi Dạ-ma có đủ những thứ mà không thể nói hết. Trong ngàn phần quả báo của cõi trời ấy ta chỉ có thể nói được một phần. Vì sao? Vì người giữ giới sẽ được quả báo. Giờ đây xin nói rõ. Người giữ giới nghe được thì siêng năng, người tu trí tuệ thì càng siêng năng gấp mười lần. Vì sao biết người giữ giới có sự sai khác như thế? Vì người giữ giới được sinh lên trời kia, người tu trí thì đạt Niết-bàn. Như vậy ta đã nói về công đức của giới và trí. Những ai đã biết quả báo của giới và trí thì nên nghĩ: Giữ giới còn như vậy huống gì là tu trí. Ta đã nghe thế nên siêng năng tu tập. Nếu ai nói như vậy sẽ được quả báo bậc trung. Lại do nhân duyên mà nói pháp khác. Vị trời ấy thọ hưởng hoan lạc lâu không gì ngăn ngại nhưng vẫn vị thoái đọa, không còn quyền lực, huống gì dục vọng cõi người có nhiều tội lỗi, chút ít vị vui, lưu chuyển không ngừng, không được an ổn, thường phá hoại, đủ sự khổ đau, lo sợ giặc cướp. Ta sẽ nói những nhân duyên khác nữa. Ngoại đạo cho rằng tất cả đều do Ma-hê-thủ-la tạo ra,

không phải do nghiệp. Con người thì không biết được. Vì muốn ngăn chận ngoại đạo nên nói nhân quả. Thấy có nhân quả, thật có duyên sinh, không phải do ai tạo ra, không phải không nhân, tất cả nghiệp nhân phải có quả tương xứng, không phải do nhân này mà chịu quả khác, không có nghiệp thiện mà sinh vào địa ngục, không có nghiệp ác sinh lên trời. Người do tu nghiệp thí, giới, trí nên được sinh lên trời. Hai sự khổ vui đó không sao nói hết. Diệu lạc cõi trời không thể ví dụ được một phần nghiệp của người ấy. Giờ đây chỉ nói một ít.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Dạ-ma. Dùng văn tuệ biết cõi ấy có trụ xứ tên là Thế lực. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết người giữ giới, sợ từng việc ác nhỏ như vi trần, tâm ngay thật không dối gạt, không gây hại người khác, chánh kiến không tà vạy, không ngu si, quan sát thế gian là vô thường, khổ, vô ngã, niệm Phật, Pháp, Tăng, không sát sinh, không trộm cướp *(như đã nói ở trước)* không tà dâm, tâm thích xa rời, không gây tạo, ngay cả loài chim hành dục cũng không xem, trong giấc ngủ không nhớ đến dục, bản thân như vậy, còn dạy người khác, nói nghiệp quả cho người khác: Đừng làm như vậy, nếu làm sẽ đọa vào địa ngục. Người này hiểu đúng nghiệp quả, không xâm phạm vợ người, lo sợ nghiệp. Nhờ nghiệp thiện được sinh lên cõi này. Ở đây có trăm ngàn Thiên nữ vây quanh. Vừa thọ sinh, Thiên nữ liền trỗi nhạc ca hát, người này chợt nghe như vừa tỉnh ngủ, thích nghe tiếng ấy. Người này sinh bằng sự biến hóa. Nghe tiếng nhạc, suy nghĩ: Tiếng ca ấy có đủ tám công đức:

1. Ngôn ngữ.
2. Khen ngợi.
3. Ngọt ngào.
4. Khéo hòa hợp.
5. Tương ưng.
6. Sâu xa.
7. Ai cũng thích.
8. Nghe xa trăm ngàn do-tuần không trở ngại.

Lời nói tương ứng với pháp, thanh tịnh không nhơ. Tiếng ca đủ tám phần công đức đó giác ngộ người thiện. Thân phóng ánh sáng chiếu năm do-tuần, xanh, vàng, đỏ, trắng như cầu vòng cõi trời. Lúc Thiên tử thọ sinh đã có vòng ánh sáng như vầng mặt trời, mặt trăng. Người ấy vừa đứng lên là có trăm ngàn Thiên nữ vây quanh nên rất vui mừng. Thiên tử, Thiên nữ cùng nhau vào rừng Quang minh. Cõi ấy có loài hoa không héo tên là hoa

Nhãn cam lộ, hoa Hương bất hoại, hoa Thiện sắc hương, chỉ nghe tên hoa đã vui. Hoa ấy có năng lực như vậy, đâu đâu cũng khen về hoa ấy. Trong hư không có hoa tên Nguyệt thắng, hoa Thường chuyển hành. Khi chư Thiên nghĩ đến hoa liền phát ra tiếng, di chuyển theo chư Thiên. Thiên tử muốn đến đâu là cây hoa đưa đến đó, giống như đi trên cung điện thứ hai nơi cõi trời Tam thập tam. Thiên tử cõi Dạ-ma đi trong hoa sáng rực, Thiên tử thường nhìn xuống xem xét các nơi. Trong chốc lát đã thấy hết mọi nơi mà không mỏi mệt. Cõi ấy lại có cây tên Lạc ái. Trong cây ấy, chỗ nào cũng đáng yêu, vào đó sẽ được diệu lạc cõi trời. Trong ao sen có cây tên Tùy thuận nhất thiết niệm. Thiên tử cõi Dạ-ma muốn gì là được mọi vật tốt đẹp. Đó là do oai lực của cây. Ở trong cây thọ hưởng hoan lạc, nghe được tám loại âm nhạc không sao khen ngợi hết. Cõi ấy có cây tên Hương phiêu, Thiên tử muốn ngửi hương là cây thoảng ra mùi hương. Lại có cây tên Hoa hương, ở trong cây ấy như ở trong hý trường, có vườn đẹp, ao sen. Thiên tử ở đó thọ hưởng diệu lạc. Cây đó có đủ màu sắc xanh, vàng, đỏ, tía sáng rực và có đủ hương thơm. Chư Thiên vừa vào là có đủ sắc đẹp, thân Thiên tử cũng có đủ màu sắc ấy. Màu sắc trên y phục của Thiên tử biến mất chỉ còn màu sắc của cây. Lại có cây tên Hư không hành. Chỉ trong chốc lát đã đi được trăm ngàn do-tuần, tùy ý đi lại. Ánh sáng của cây giống như mặt trời. Thiên tử ngồi trên cây ấy đi lại trong hư không, trăm ngàn Thiên nữ vây quanh, xoa thân bằng hương thơm, thân Thiên tử sáng rực. Trước mặt Thiên tử lại có các Thiên nữ trang sức xinh đẹp, ca múa vui chơi, tiếng ca vang khắp vô số do-tuần. Thiên tử tuấn tú song hành Thiên nữ. Giờ chỉ nói một phần nhỏ. Do nghiệp thiện thân Thiên tử giống như mặt trăng giữa các ngôi sao. Song Thiên tử lại có trăm ngàn công đức thù thắng. Họ trỗi nhạc ca múa vui chơi cùng đi vào rừng thơm. Trong rừng có đủ các loại chim, dòng sông, ao sen xinh đẹp đáng yêu. Tất cả sáng rực hơn ánh sáng của ngàn mặt trời, đó là chỉ nói một phần nhỏ thôi. Còn như sông suối, ao sen, vườn cảnh xinh đẹp của cõi người không bằng một phần mười sáu cõi trời Tứ đại thiên vương. Vườn rừng cõi Tứ đại thiên vương không bằng một phần mười sáu cõi trời Tam thập tam. Cũng vậy, vườn rừng cõi trời Tam thập tam không bằng một phần mười sáu cõi Dạ-ma. Nhờ nghiệp thiện thù thắng mà có như vậy. Dù là người có trí tuệ biện tài khéo léo trong tất cả chúng sinh, chuyên tâm chú ý cũng không sao nói được một phần vườn rừng đáng yêu của cõi ấy. Vì sao? Vì không phải là cảnh giới của con người, không phải là cảnh giới mà tâm con người suy nghĩ được. Dù cho cả cõi trời Tam thập tam thứ hai cùng Đế Thích trải qua trăm ngàn năm cũng không thể nói được sự thọ hưởng diệu lạc trong một trụ xứ của cõi Dạ-ma.

Vì sao? Vì không phải là cảnh giới của họ, họ chưa từng thấy nghe nên không thể nói được. Chỉ cần một phần nghiệp thiện của cõi kia cũng không thể nói được, không thể suy nghĩ được nghiệp thiện thọ lạc của cõi kia, chỉ có thể nói được một phần diệu lạc mà cõi kia thọ hưởng. Ví như tất cả họa sư và đồ đệ của họ vẽ mặt trời, mặt trăng trên vách tường, nhưng họ không tạo ra ánh sáng và oai lực của chúng được, không thể làm chúng luân chuyển hay chiếu soi, không làm cho nóng mát được, họ chỉ có thể vẽ được vòng tròn thôi. Cũng vậy, không thể biết được thế lực ánh sáng, vườn cảnh, oai đức, ca nhạc, thân hình xinh đẹp, cảnh giới hoan lạc, vòng ánh sáng, sự gần gũi Thiên nữ, tất cả mọi thứ chỉ có thể nói được một phần nhỏ. Thiên tử ấy ở nơi vui chơi thọ hưởng mọi dục lạc, vui chơi ở vườn cảnh xinh đẹp. Quan sát xong, cảnh giới năm dục lôi kéo tâm làm cho tâm không đứng yên, lưu chuyển phân biệt theo nhiễm ô, trôi nổi trên sông ái. Mọi thứ thấy được đều đáng yêu. Xem xong, Thiên tử lại đến rừng Vô lượng dục cụ túc. Trong ao sen có nhiều hoa đẹp, nghe được vô lượng tiếng chim. Đến đó Thiên tử thấy hết mọi thứ mà mình chưa từng thấy, Thiên tử cùng Thiên nữ đến nơi vui chơi. Trong ao sen có cát bằng chân châu, chim bằng vàng bạc, cánh bằng ngọc xanh, trên bờ ao có nhiều cây đẹp. Thiên tử vui chơi thọ lạc ở đó. Sau đó Thiên tử lại đến rừng Bảo ngạn, các Thiên nữ cùng Thiên chúng vây quanh. Rừng ấy có đủ bảy báu sáng rực, khắp nơi đều có núi sông, ao suối, hoa sen đẹp, có trăm ngàn vạn ngọn núi, có nhiều vật báu. Do sức nơi nghiệp thiện, Thiên tử cùng Thiên nữ vui chơi hưởng lạc. Do nghiệp thiện được quả tương xứng. Họ thọ hưởng mọi thứ dục lạc nhưng Thiên tử thọ nhận dục lạc thù thắng hơn. Sau đó họ lại đến nơi tên là Thích-ca thuyết giảng để thọ hưởng dục lạc, bị tâm tham ái nơi cảnh giới lôi kéo, do sức phân biệt mê hoặc tâm, họ thấy cảnh giới không ngừng nên tâm họ như con vượn, ăn trái vui cõi trời bị say mèm. Thấy Thiên nữ sinh tâm tham ái, tâm biến đổi không ngừng. Do gió gì thổi tâm họ luôn thay đổi? Ở cõi Dạ-ma luôn tham hoan lạc nơi cảnh giới. Cõi ấy có vô số vật đáng yêu không ai xâm phạm được, người khác không có được, không ai hủy phá được. Do nghiệp thiện có đủ hoa sen báu, mọi trò chơi, các thứ mong muốn. Nếu Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà muốn ngồi trong hoa sen cùng Thiên chúng bay lên hư không thì lập tức họ sẽ cùng bay lên, họ đi mà thân không lay động. Tất cả Thiên chúng ngồi trong hoa sen thọ hưởng năm dục lạc cõi trời. Thiên tử ngồi trong hoa sen thọ hưởng diệu lạc. Như lúc mặt trời sắp mọc và sắp lặn thì khắp hư không đỏ rực, ánh sáng của hoa sen cõi trời ấy cũng vậy. Thọ lạc xong, chư Thiên đến rừng Câu-bi-la chúng, lên núi Hoạt cao, lên đó thọ nhận hoan lạc. Trên đó có vô số bảy báu xinh đẹp, có

sông suối sáng rực gấp trăm ngàn mặt trời, có nhiều Thiên tử, Thiên nữ xinh đẹp và có nhiều cây quý. Ở đó họ cùng nhau vui chơi thọ lạc, bước xuống khỏi hoa sen, họ lại lên núi Bạch phong vui chơi. Sau đó cùng Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà đến chỗ Thiên chúng, các Thiên nữ vây quanh. Thấy vậy Thiên chúng cùng ra nghênh đón, vui mừng ca múa, đến chỗ Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Do nghiệp thiện có thượng, trung, hạ nên diệu lạc cõi trời cũng có thượng, trung, hạ; hình sắc, hoan lạc, thức ăn cũng có thượng, trung, hạ. Cứ vậy ngay cả hoan lạc bậc hạ của cõi Dạ-ma cũng đã gấp mười sáu lần hoan lạc của Đế Thích. Hoan lạc của Đế Thích đã không thể nói hết huống gì người tạo nghiệp có công đức gấp ba lần. Diệu lạc của những nghiệp khác còn có thể nói được, còn ở cõi trời này chỉ có thể nói là nhiều nghiệp thiện. Những nghiệp thiện ấy người giữ giới luôn vui vẻ và có đủ mọi thứ. Đó là nói về diệu lạc mà cõi Dạ-ma thọ hưởng. Lại nữa công đức hoan lạc mà Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà cõi Dạ-ma có được thì không thể nào ví dụ hết. Trên núi Hoạt cao có hoa sen bảy báu. Họ thọ nhận diệu lạc xong, nhìn thấy hoa sen họ lại nghĩ ta sẽ vào hoa sen. Vào đó chư Thiên thọ hưởng hoan lạc. Ngay lúc đó, đài sen nở to. Nhờ nghiệp thiện nên có đài hoa sen lớn như vậy. Trong hoa sen có nhiều chỗ trống, từ đó phóng ra ánh sáng. Trong hoa sen lại có chư Thiên khác mà họ chưa từng thấy. Ánh sáng phóng ra trăm do-tuần và có đủ màu sắc. Thấy vậy, Thiên vương cùng chư Thiên đều ngạc nhiên nghĩ: "Đó là ánh sáng gì mà từ hoa sen phóng ra?" Khi ấy Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà bảo chư Thiên: Các ông có thấy ánh sáng phóng ra không? Chư Thiên đáp: Đã thấy, ánh sáng này thật là hy hữu. Thiên vương lại bảo: Tất cả Thiên chúng và ta vào đài sen để xem xét. Thiên chúng đồng tâm thưa: Chúng tôi đều có ý như thế, chúng tôi cũng muốn cùng Thiên nữ vào hoa sen.

Bấy giờ Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà cùng Thiên chúng, Thiên nữ vào hoa sen, ai nấy đều muốn thấy được việc hy hữu kia nên họ lại vào hang trống. Lại có ánh sáng như mặt trời, như màu dung kim, lại có ánh sáng chiếu trên thân chư Thiên sáng khắp hư không. Ánh sáng hoa sen chiếu soi chói lọi làm cho ai nấy đều nhắm mắt. Ở đó họ lại vui mừng ngạc nhiên: Cớ sao có ánh sáng này? Thật không sao nói được, từ xưa chúng ta chưa từng thấy. Lúc ấy Thiên chủ đi trước, chư Thiên theo sau. Thiên vương vui mừng, thấy trăm ngàn châu báu phóng ánh sáng rực rỡ, lại thấy có nhiều nơi vui chơi, vườn rừng xinh đẹp, cung điện nguy nga, cây cối sum suê. Lại có vô lượng vườn rừng bằng bảy báu đủ màu sắc hình dáng và các loài chim. Có nhiều núi đẹp để vui chơi, nhiều ao sen, sông suối hang khe và cung điện đẹp. Tất cả đều trang trí bằng bảy báu đủ màu sắc hình dáng khác

nhau. Ngay cả Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà còn không thấy hết huống gì chư Thiên khác. Trong hoa sen lại có nhiều sông suối. Hai bên bờ sông đều bằng pha lê, có bờ bằng vàng, có bờ bằng bạc, bằng ngọc, bằng báu xanh, bằng báu xích liên hoa và bằng đủ loại châu báu. Lại có ao sen đẹp đủ màu sắc, hoặc có ao sen một màu, lá sen xinh đẹp nhiều màu, hoặc có hoa đủ màu xanh, vàng, đỏ, trắng đẹp. Lá xanh là bảo diệp, lá vàng là hoàng kim, lá trắng là bạch ngân, lá đỏ là xích bảo. Trong ao sen có đủ loại hoa như thế. Thấy vậy chư Thiên đều vui vẻ. Trong hoa sen có nhiều ong đẹp. Xem xong, chư Thiên lại đến nơi vui chơi khác. Nơi đó có đủ loại âm nhạc, nghe tiếng nhạc ai nấy đều vui mừng. Thiên tử, Thiên nữ cùng vào vườn cây. Rừng ấy có nhiều chim bằng bảy báu, mặt đất mềm mịn lên xuống theo từng bước chân. Mọi người vui mừng nhìn ngắm khắp nơi. Chư Thiên yêu mến nhau, cùng nhau vui chơi thọ lạc. Sau đó lại đến nơi tên Hành chủng chủng bảo địa vui chơi thọ lạc, tâm ý tham đắm cảnh giới sáu dục, hưởng dục lạc nhiều nên sống buông lung. Ở đó họ thấy đủ màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, đủ các công đức đáng yêu. Chư Thiên lại đến núi Hy hý thọ lạc không biết chán. Núi này có đủ bảy báu, các loài chim màu sắc hình dáng khác nhau, cây cối sum suê, sông suối ao sen xinh đẹp, vườn cây hang núi và có nhiều nai đẹp. Thiên chúng ở đó thọ hưởng hoan lạc, yêu mến nhau, thân chư Thiên phóng ra nhiều ánh sáng. Họ cùng các Thiên nữ xinh đẹp vui chơi tâm không biết chán. thọ lạc một thời gian lâu, họ lại đến lầu Tác hành trọng, rồi đến cung điện khác để vui chơi thọ hưởng dục lạc vẫn không thỏa ý. Dục lạc tham ái càng tăng trưởng, càng tham hưởng đủ mọi hoan lạc. Thiên tử, Thiên nữ cùng Thiên vương vui chơi thọ lạc. Trong hoa sen phóng ra ánh sáng hơn trăm ngàn ánh sáng mặt trời nhưng không nóng. Họ yêu mến nhau, năm căn hưởng thọ hoan lạc, ai thấy cũng vui. Do giới mà chư thánh yêu thích nên được quả báo thù thắng. Có vô số chủng loại, sự phân biệt, cảnh giới và dục vọng hoan lạc. Họ đồng tâm, kính trọng nhau, không hại nhau, cùng làm thanh tịnh tâm ý. Họ ở trong hoa sen thọ hưởng diệu lạc một thời gian lâu vẫn không biết chán. Sau đó, họ ra khỏi hoa sen, ra rồi lại vào, vào rồi lại ra. Lúc họ sắp ra khỏi, trên núi Hoạt cao có loài chim tên Đế kiến, thấy vậy chim liền hót kệ:

Sắc thân chư Thiên rỗng
Tuổi tác cũng như vậy
Hoan lạc ngày càng hết
Vì ngu nên không biết.
Như tất cả tướng đẹp
Của những Thiên chúng này

Theo thời gian hư hoại
Thân thể cũng tiêu tan.
Thân mạng của Thiên tử
Có đủ các hình tướng
Vì nghiệp thiện đã hết
Bị thần chết giết hại.
Chư Thiên mãi thọ lạc
Tâm ý luôn phóng dật
Bị lưới ái trói buộc
Sắp mắt hết diệu lạc.
Hoan lạc và thân mạng
Đều phải chịu chia lìa
Sức thần chết rất mạnh
Hiện đến ngay lúc chết.
Những ai sống phóng dật
Lưới trời trùm khi chết,
Cướp đoạt mất mạng sống
Bỗng chốc tiêu tan hết.
Nó đã từng phá hoại
Những Thiên tử phóng dật
Mãi tham đắm dục lạc
Bị dục lạc lừa gạt.
Thiên tử mất ánh sáng
Nên thân tâm suy giảm
Đọa vào cõi Diêm-la
Lúc ấy mới biết quả.
Thân này luôn biến đổi
Hoan lạc cũng vô thường
Chư Thiên tâm ô nhiễm
Không mắt nên chẳng thấy.
Tham ái càng tăng trưởng
Luôn thọ hưởng dục lạc
Khi thần chết gõ cửa
Không thể đến chốn vui.
Chẳng biết sinh, già, chết
Đã thấy vẫn không sợ
Cho đến lúc lâm chung
Mới sinh tâm hối hận.

Cảnh giới không thỏa mãn
Các căn cũng như vậy
Nếu đèn trí chiếu soi
Sẽ trừ tối tham ái.
Luôn thích gần cảnh giới
Suy nghĩ đủ mọi thứ
Như lửa bị gió thổi
Càng bốc cháy hừng hực.
Sức dục lạc rất mạnh
Lửa dục càng tăng trưởng
Người trí suy xét kỹ
Điều phục được cảnh giới.
Những ai tâm mê loạn
Luôn ham thích cảnh giới
Đều là do sức si
Hưởng lạc thú như vậy.
Vì si nên thích gần
Lửa cảnh giới thêm hừng
Như thêm củi vào lửa
Được ngọn gió thổi vào.
Tham dục không biết chán
Bị dục lạc sai khiến
Chư Thiên bị thoái đọa
Do hoan lạc lừa dối.
Lúc trước hưởng diệu lạc
Là do có công đức
Thân mạng luôn biến đổi
Thân hoại đi về đâu.
Như thân người hư hoại
Thân trời cũng như vậy
Dù lâu cũng phải chết
Thân trời chắc chắn hoại.
Hoan lạc cảnh giới trời
Tâm tham đắm không rời
Nhất định bị thoái đọa
Mà không hề biết khổ.
Năm dục lạc công đức
Thiên tử ấy thọ hưởng

Trong mười sáu phần khổ
Không bằng được một phần.
Như cá ở trong nước
Chưa từng chịu khổ khát
Người biết đủ ân ái
Sẽ không có dục vọng.
Kẻ nào không xét tâm
Luôn tham ái dục lạc
Mê ngủ suốt đêm dài
Khổ não không diệt được.
Vì si nên thích lạc
Chẳng hề biết khổ đau
Sau đến lúc khổ não
Mới biết được quả báo.
Dục trước như bạn giỏi
Nhưng thật là kẻ ác
Bị địa ngục sai khiến
Làm việc không lợi ích.
Kẻ mù tin dục này
Trí có mắt lánh xa
Giống như trên bờ biển
Sẽ rơi vào địa ngục.
Cẩn thận là bạn tốt
Luôn làm việc lợi ích
Phóng dật là kẻ thù
Hãy gần gũi bạn tốt.
Dục hại cả thân mình
Như loại thuốc rất độc
Dẫn dắt vào đường ác
Chính là sự phóng dật.
Những ai sống phóng dật
Tham đắm các cảnh giới
Là vì tâm ngu si
Luôn chịu nhiều khổ não.
Nếu không biết khổ này
Lại cũng chẳng quán xét
Người ấy giống như dê
Tham lạc trời cũng thế.

Ham ăn uống dục lạc
Loài dê cũng thích vậy
Chư Thiên nếu như thế
Chẳng khác gì loại dê.
Nhờ tâm lực thù thắng
Nghiệp quả cũng thù thắng
Bỏ công đức của nghiệp
Thì không được thù thắng.
Trời vì vui chẳng sợ
Nên sống trong sự chết
Khi thần chết gõ cửa
Mới biết là quả xấu.
Tâm ý suốt một đời
Không hề bị tán loạn
Sáng suốt thích chánh pháp
Và tùy thuận pháp hành.
Mọi thân mạng đều mất
Những hoan lạc cũng hết
Ân ái có chia ly
Thần chết sắp đến nơi.
Chết là kẻ ác nhất
Đường đưa đến đồng trống
Tất cả không như pháp
Hãy tùy thuận pháp hành.
Có pháp khác làm chết
Chính là tâm phóng dật
Phóng dật trước phá hoại
Sau mới phải chịu chết.
Nhờ chánh pháp được vui
Nên nói: Pháp hay nhất
Chánh pháp không phóng dật
Là Đạo Sư cõi trời.
Xem lợi hại chẳng khác
Trói mở cũng như vậy
Phóng dật, không phóng dật
Phước tội đều như nhau.
Vì tâm ngu si ấy
Nên chư Thiên không biết

Cùng kẻ thù vui chơi
Người trí đã xa lánh.

Chim Đế kiên đã quan sát, chê trách tội lỗi của Thiên tử nhưng Thiên tử chẳng hay biết, vì bị tâm phóng dật che lấp, tham đắm cảnh giới, thọ hưởng công đức nơi năm dục, không biết chân đế nên không biết đang thoái đọa. Như vậy cõi trời cũng vô thường, tất cả thế gian đều vô thường, nhưng họ không hay biết. Lại nữa, Thiên tử ấy ngồi trên hoa sen ở trên núi Hoạt cao, rời khỏi tòa sen mà thân không lay động, đi đến ao rộng. Ở đó có năm trăm cung điện được trang trí bằng bảy báu xen lẫn, lan can vây quanh. Lại có các chư Thiên khác đang hưởng lạc ở đó nên không cho vào. Lại ở trên lầu cao nữa cũng có rất nhiều chư Thiên vui chơi. Trong cung điện có đầy thức ăn uống, y phục, giường nệm. Họ yêu mến nhau, không ganh ghét tổn hại nhau, luôn dạo chơi ăn uống, lúc nào cũng có năm âm nhạc. Thiên tử, Thiên nữ thọ diệu lạc như vậy. Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà ngồi trên đài sen, Thiên chúng đi theo đến ao rộng đó. Thấy Thiên vương đến đây, có người xuống lầu, có người ra khỏi hoa sen, có người ra khỏi cung điện, lan can, tất cả đều vui mừng cung kính ra đón Thiên vương. Thấy Thiên vương ở trên hư không, chư Thiên chắp tay kính lễ. Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà đứng trước, chư Thiên theo sau ca múa đến gần ao đó. Ở đấy có đủ mọi công đức, cung điện xinh đẹp, chim chóc rộn ràng, cây cối rực rỡ sáng hơn ánh sáng của trăm ngàn mặt trời, vô lượng Thiên chúng thường ở đây thọ hưởng hoan lạc. Thiên vương cõi Dạ-ma vừa vào, Thiên chúng đều vui vẻ ca ngợi. Thiên vương dùng lời hay đẹp an ủi họ rồi vào cung điện Kiến tâm lạc thắng của ao này. Cung điện này toàn bằng châu báu sáng rực, có vô lượng công đức thù thắng, tất cả Thiên chúng vây quanh. Vào đến nơi, Thiên vương lên tòa Sư tử bằng bảy báu sáng rực. Thiên vương ngồi trên tòa này rất thích ý. Các Thiên tử trú ở chốn cũ vây quanh, vô số Thiên nữ ca múa. Sau đó Thiên tử trú ở chốn cũ tuần tu hỏi Thiên vương: Ngài cỡi hoa sen từ đâu đến đây? Chúng tôi từ lâu chưa từng gặp Thiên chủ. Nói xong Thiên tử trú ở chốn cũ hết lòng kính trọng Thiên vương. Thiên vương đáp: Ta thấy trong đài sen có việc lạ, nên vào đó, chư Thiên cùng Thiên nữ đều vào, mọi người đều thấy việc lạ. Thiên chủ liền nói hết mọi việc mình đã thấy cho Thiên tử trú ở chốn cũ nghe nhưng Thiên tử trú ở chốn cũ đã từng thấy nghe việc ấy nên không ngạc nhiên. Thiên tử trú ở chốn cũ liền nói pháp xưa cho Thiên vương nghe: Xin Thiên vương hãy lắng nghe, tôi đã từng nghe oai lực lớn của hoa sen. Trong hoa sen này có oai lực mà ta muốn gì được nấy. Khắp cõi Dạ-ma này ngoài nó ra không còn nơi nào hơn. Trước kia, tôi nghe rằng: Có vị Thế Tôn tên Ca-na-ca Mâu-ni là bậc

Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư xuất hiện ở đời. Giáo pháp Ngài giảng trước, giữa, sau đều thiện, lời lẽ, ý nghĩa đều thiện, là pháp thanh tịnh tối thượng đầy đủ. Ngài giảng pháp: Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt, đây là đường đến sắc diệt. Nghe pháp xong có trăm ngàn người đạt kiến đế, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, có người đạt Tứ thiền, Tam thiền, Nhị thiền, Thiền thứ nhất. Đức Phật ấy đã an trụ những người như vậy, lại làm cho những người khác trụ trong pháp mười thiện, tùy thuận pháp hành, khiến cho trăm ngàn người tạo nghiệp lành. Sau đó Đức Phật quan sát: Ta nên điều phục những người nào nữa? Rồi Đức Phật dùng Thiên nhãn thanh tịnh thấy cõi Dạ-ma là nơi sẽ điều phục. Thiên chủ cõi Dạ-ma lúc đó tên là Nhạo Kiến. Ông ta có chủng tử lành nhưng thân sống phóng dật. Xung quanh Thiên chủ có vô số Thiên chúng thiện căn thuần thục nhưng ham phóng dật, sống phóng dật. Vì thương xót họ nên Đức Ca-na-ca đã đến cõi Dạ-ma tạo lợi ích cho chư Thiên, đoạn trừ khổ não, trừ sự phóng dật. Lúc ấy có năm ngàn Tỳ-kheo lậu tận cùng theo đến cõi Dạ-ma. Ánh sáng chiếu khắp nơi. Lúc bấy giờ các Thiên chúng, có người đã thấy Phật, có người chưa thấy Phật nên nói Phật là Thiên tử thù thắng cõi trời. Họ ngạc nhiên, không biết là Đức Phật. Song, sắc thân của Phật thù thắng nhất trong chư Thiên, đầy đủ công đức không gì sánh bằng, ánh sáng chiếu khắp cõi trời. Thấy các Thanh văn đi cùng Phật, chư Thiên ấy cũng ngạc nhiên, tự nghĩ: Đây là những người gì, có thân hình đẹp đẽ như vậy, lại đi theo và vây quanh vị trời này? Khi ấy, chư Thiên cầm hoa sen đẹp đến chỗ Thế Tôn Ca-na-ca. Thấy họ đến, Đức Phật bay lên hư không, hiện vô lượng thần thông, vô số công đức, trên thân nước vọt ra đầy đủ sắc hương vị xúc mà nước cõi trời này không bằng một phần mười sáu. Trên đầu phóng ra lửa đủ các ánh sáng sắc xanh, vàng, đỏ, tía lan khắp hư không. Lại hiện những thần thông biến hóa khác, một thân thành nhiều thân, hoặc biến thành hàng ngàn thân, trăm ngàn thân, ức thân, ánh sáng chiếu khắp cõi trời, rồi biến nhiều thân thành một thân. Đức Thế Tôn lại hiện thần thông, mỗi tay nắm hết vườn rừng, ao, núi, sông suối cõi Dạ-ma ném vào hư không, vượt xa tầm mắt nhìn. Sau đó lại đưa về chỗ cũ. Đức Phật lại ném núi, sông, ao, hồ cùng Thiên nữ vào hư không mà chẳng biết đến đâu. Sau đó lại trả về chỗ cũ, chư Thiên lại không biết mình bị di chuyển. Thế Tôn lại hiện ra vô số màu sắc, chủng loại, hình tướng, công đức, thế lực làm cho chư Thiên đều thấy khác nhau. Có người thấy Phật ở trên núi, có người thấy Phật đi trong cung điện, ở dưới gốc cây, trong ao, vui chơi trong vườn, ở trên các cõi thiền, ở trong hư không tọa thiền, ngồi trên tọa cụ trong hư không, hoặc ngồi thiền, đi kinh hành, đi kinh hành lại

ngồi thiền. Đức Thế Tôn lại hiện thần thông nói pháp hay hơn năm âm nhạc cõi Dạ-ma. Âm thanh của cõi Dạ-ma so với âm thanh đó giống như tiếng chim quạ cõi người, tất cả cõi trời đều không bằng. Nghe tiếng ấy chư Thiên đều bỏ tâm cao ngạo về tiếng ca của mình. Thế Tôn lại biến ra các Thiên chúng, Thiên nữ ở trong hư không xinh đẹp hơn cõi Dạ-ma. Các Thiên nữ cõi Dạ-ma so với các Thiên nữ đó giống như ánh lửa đom đóm. Hình sắc, phục sức, vườn cảnh mà Phật biến ra đều đẹp hơn. Thấy hóa thiên, chư Thiên ấy đều hổ thẹn, thấy sắc thân dục lạc của mình chẳng khác gì cỏ cây. Biết được căn tánh thuần thục, tin sâu nhân quả, không còn chướng ngại nên Đức Thế Tôn dùng tâm đại Bi tạo lợi ích cho thế gian. Đức Thế Tôn liền đến chỗ Thiên vương cõi Dạ-ma hiện thần thông gấp trăm ngàn lần trước. Lúc ấy Thiên vương cõi Dạ-ma bỏ tâm kiêu mạn. Thiên vương Nhạo Kiến hồi đó cũng ngồi trong hoa sen vui chơi thọ lạc như Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Thị hiện thần thông xong, Đức Thế Tôn nói với chư Thiên cõi Dạ-ma: Những gì các vị thấy hôm nay đều do cảm ứng của Thiên vương Nhạo Kiến mà có, Thế Tôn hiện hóa để các vị bỏ tâm kiêu mạn khiến các vị thấy được sông núi ao hồ, cung điện cảnh giới vui chơi và các điều khác. Thiên vương Nhạo Kiến bỏ tâm kiêu mạn, Đức Thế Tôn liền vào hoa sen hóa hiện tất cả. Lúc ấy, trước mặt Thiên vương Nhạo Kiến lại có hoa sen trăm ngàn cánh, Đức Như Lai ngồi trên đài sen, các Thanh văn ngồi trên cánh hoa biến hiện đủ mọi thần thông. Có người bay lên hư không rồi trở về hoa sen lại biến hiện những loại thần thông khác. Lúc này, Thiên vương Nhạo Kiến cõi Dạ-ma tự nghĩ: Đây là người nào, tạo nghiệp lành gì, do thần lực gì mà biến hóa những việc lạ như vậy? Ánh sáng hình sắc của ta ít nhiều đều thua xa họ.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 37

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 16)

DẠ-MA THIÊN (Phần 2)

Biết rõ tâm ý của chư Thiên đã được điều phục thuần thục, Đức Thế Tôn bảo các Thanh văn dùng sức Thiên nhãn điều phục họ. Các Thanh văn nói với Nhạo Kiến:

–Thiên vương nên biết! Đức Phật Thế Tôn là Thầy của hàng Trời, Người, Ma, Sa-môn, Bà-la-môn, A-tu-la. Đức Thế Tôn thấy biết tất cả, thường nói pháp cho mọi loài. Pháp ấy trước, giữa, sau đều thiện, tối thượng, viên mãn, thanh tịnh, ý nghĩa lời lẽ đều thiện, là pháp xuất thế tịch tĩnh, đạt được Niết-bàn. Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt, đây là đạo sắc diệt. Hôm nay, vì Đức Thế Tôn muốn thuyết pháp cho chư Thiên cõi Dạ-ma nên đến đây, vì muốn đem lại an lạc, lợi ích nên đến đây.

Nghe vậy, Thiên vương Nhạo Kiến kêu lên:

–Đại tiên! Hôm nay tôi đến chỗ Phật Thế Tôn nhưng không biết cúng dường như thế nào?

Các Thanh văn đáp:

–Thiên vương Nhạo Kiến nghe đây. Khi đến chỗ Phật Thế Tôn, nên bỏ mũ xuống, điều phục tâm lành thanh tịnh các căn, nhất tâm chánh niệm, trạch áo vai trái, gối phải chạm đất, cúi đầu đảnh lễ, chắp tay hướng về Đức Phật.

Nghe vậy, chư Thiên đều làm theo. Đức Thế Tôn ngồi trên hoa sen, các Thanh văn vây quanh, giống như các ngôi sao vây quanh mặt trăng, lại như các ngọn núi bao quanh núi chúa Tu-di, lại như các sông đều chảy về biển. Như tám vạn tiểu vương vây quanh Chuyển luân vương, như ánh sáng bao quanh mặt trời. Đức Thế Tôn ngồi trên tòa sen oai đức rực rỡ, thần sắc thù diệu không sao nói hết.

Bấy giờ, Thiên vương Nhạo Kiến, chủ cõi Dạ-ma mặc pháp y, trịch một vai chắp tay hướng về Đức Phật, đứng qua một bên. Đức Thế Tôn bảo:

Ông hãy trừ bỏ phóng dật. Khi Nhạo Kiến ngồi vào chỗ, Đức Thế Tôn Ca-na-ca cất tiếng dũng mãnh, vô úy, vang khắp cõi Dạ-ma, bảo chư Thiên:

–Này Nhạo Kiến! Hôm nay, Như Lai thuyết pháp trước, giữa, sau đều thiện, ý nghĩa lời lẽ đều thiện, là pháp thanh tịnh tối thượng, viên mãn các ông hãy lắng nghe, suy xét kỹ. Ta nay khéo vì các ông mà nói.

Nhạo Kiến thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con rất muốn nghe.

Đức Thế Tôn giảng:

–Có chín nguyên nhân gây ra phóng dật, phóng dật phá hoại kẻ phàm phu ngu si ở đời, sau khi chết đọa vào đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Do nhân duyên đọa này chịu nhiều khổ não, trói buộc trong vòng sinh tử, không được diệu lạc Niết-bàn an ổn, không được lợi ích. Chín nhân duyên đó là:

Nguyên nhân thứ nhất là: Thích phóng dật, sống phóng dật, luôn luôn sống phóng dật, không gần gũi bậc Thánh, không điều phục được nghiệp thân, khẩu, ý; thân, khẩu, ý không chân chánh, lại chạy theo cảnh giới bất thiện, thích nghe pháp bất thiện, không thích chánh pháp của Phật. Đó là nguyên nhân tạo ra phóng dật. Chúng sinh vì ngu si, sống phóng dật, thân, khẩu, ý tạo nghiệp ác. Vì thân, khẩu, ý tạo nghiệp ác nên huân tập nghiệp ác. Kẻ ngu bị phóng dật dối gạt, sau khi chết đọa vào đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu bỏ phóng dật là trượng phu tài trí. Ai muốn việc lành nên bỏ phóng dật. Đó là nguyên nhân tạo ra phóng dật.

Lại nữa, này Nhạo Kiến! Nguyên nhân thứ hai tạo ra phóng dật hủy hoại căn lành: Tâm loạn động, không xét kỹ, mắt thấy sắc thì phân biệt, luôn nghĩ nhớ suy xét, ham thích sắc đẹp, không duyên cái khác, luôn làm ác, không nghĩ thiện, tâm ý tán loạn. Kẻ ấy vì phóng dật nên sau khi chết đọa vào đường ác địa ngục.

Nguyên nhân thứ ba tạo ra phóng dật: Thấy biết không đúng hay chưa hề thấy, chỉ suy tưởng tâm sinh phân biệt, sống bằng dục vọng ngu si, suy nghĩ thế này thế nọ tâm luôn duyên dựa, không suy nghĩ kỹ về chánh pháp, tự làm loạn tâm ý. Đó là nguyên nhân thứ ba tạo ra phóng dật trói buộc, dối gạt chúng sinh làm cho thân, khẩu, ý tạo nghiệp ác, sau khi chết đọa vào đường ác địa ngục.

Nguyên nhân thứ tư tạo ra phóng dật làm cho chúng sinh phóng dật, sau khi chết đọa vào đường ác địa ngục. Này Nhạo Kiến! Nguyên nhân ấy là thích ngắm nhìn người nữ, thích nhìn sắc đẹp trang sức giả dối, thấy người nữ ca múa sinh tâm phân biệt ca ngợi. Do phân biệt như vậy nên

thân, khẩu, ý tạo nghiệp ác. Kẻ phóng dật ấy sau khi chết đọa vào đường ác địa ngục. Lại nữa những kẻ thích vườn rừng, ao sen, cây hoa, thích vui chơi ở những nơi ấy, không nghĩ việc lành, tâm ý không chân chánh. Do sống phóng dật, bị phóng dật dối gạt nên sau khi chết đọa vào đường ác địa ngục.

Nguyên nhân thứ năm tạo ra phóng dật: Thích gần bạn ác, phá tịnh giới, làm ác, không suy xét đúng, vì gần bạn ác, sống phóng dật nên sau khi chết đọa vào đường ác địa ngục. Lại nữa chúng sinh có vô lượng hành động, vô số ý nghĩ, không có tâm quyết định, dù tạo nghiệp lành nhưng không có nghiệp nhất định, chỉ tạo nghiệp bất định nên đều bị tản thất, không làm rốt ráo nghiệp thế gian hay xuất thế gian, không bố thí, không tu phước, không suy nghĩ đúng. Vì phóng dật nên phạm giới, sau khi chết đọa vào đường ác địa ngục.

Nguyên nhân thứ sáu tạo ra phóng dật: Những chúng sinh không hành chánh pháp, xa lánh Thánh đế, không hành theo tám Thánh đạo, không quan sát kỹ những việc mình làm. Kẻ ấy vì phóng dật loạn tâm nên sau khi chết đọa vào đường ác địa ngục.

Nguyên nhân thứ bảy tạo ra phóng dật: Tham vị ngon, bất cứ ở đâu cũng luôn nhớ nghĩ vị ngon, làm theo sở thích, không suy nghĩ việc khác, không làm việc lành, không giữ chánh giới, luôn thích được mời ăn. Vì tham vị ngon nên bị lừa dối, không tạo nghiệp lành, không nghĩ đến vô thường, khổ, không, vô ngã, chỉ nhớ pháp điên đảo bất thiện, không làm việc lợi ích. Kẻ này sau khi chết đọa vào đường ác địa ngục.

Nguyên nhân thứ tám tạo ra phóng dật: Chúng sinh được dục lạc lại tham đắm dục lạc ấy cho rằng dục lạc thường còn không thay đổi, luôn an ổn, không hư hoại. Luôn nghĩ đến dục lạc ấy, thân, khẩu, ý luôn tạo ác, không biết việc nào nên làm không nên làm, không biết pháp nào đúng sai, không biết diệt trừ khổ não, không nghĩ đến vô lượng khổ não sai khác của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, những gì không đáng nhớ lại nhớ, không nghĩ đến con đường chết, tất cả thế gian đều nằm trong sự sống chết, thần chết gây hại mà không biết. Chúng sinh ấy tham đắm hoan lạc bị chúng lừa dối. Đến lúc chết mới hối hận, bị lửa đốt thân đọa vào đường ác địa ngục.

Nguyên nhân thứ chín tạo ra phóng dật: Tất cả trời, người luôn bị tâm tham ái dục lạc lừa dối, không biết quy Phật, Pháp, Tăng, không giữ giới, không nghe pháp Phật, không sống theo giới luật của Phật. Những việc cần làm lại không làm, thích nghe những việc phi pháp, không thâm nhập vào chánh pháp, không sợ tội đời sau, không thấy khổ sau khi chết, mất lợi ích,

bị tâm oán thù dối gạt, sau khi chết đọa vào đường ác địa ngục.

Nhạo Kiến nên biết! Dục lạc ấy không thường còn, bị phá hoại. Này Nhạo Kiến! Những Thiên vương cõi Dạ-ma xưa kia bị thoái đọa đến đâu. Đó đều do nghiệp quả của họ thành tựu, họ bị lưới nghiệp thiện, bất thiện trói buộc luân chuyển trong sinh tử. Nhờ nghiệp thiện sinh trong cõi người, cõi trời. Do nghiệp ác đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Này Nhạo Kiến! Những ai muốn được thân người thì đừng sống phóng dật. Vì sao? Vì thân mạng và dục lạc đều vô thường, hãy suy nghĩ như vậy đừng sống phóng dật. Vì sao? Vì có nhiều chư Thiên do phóng dật mà bị thoái đọa. Như vậy kẻ ngu si đi trên đường phóng dật, không phải là người trí. Tất cả chúng sinh đều phải chết, thần chết luôn xuất hiện. Sự già nua, bệnh hoạn, ân ái cũng thế, dục lạc và nghiệp thiện ác cũng vậy. Như vậy tất cả tội lỗi luôn có trong chúng sinh. Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Cây độc phóng dật ấy
Chỉ gồm có ba cành
Già nua, bệnh và chết
Luôn ở trên cành ấy.
Già, chết… không não hại
Trượng phu tạo nghiệp lành
Người nào không phóng dật
Đi trên đường Niết-bàn.
Búa lớn không phóng dật
Chặt phá các tội lỗi
Nhờ thoát khỏi tội ác
Nên được lạc vô thượng.
Thọ lạc bằng phóng dật
Lạc ấy luôn gây sợ
Ai xa lìa phóng dật
Sẽ được lạc bất thoái.
Trăm ngàn sự đảo điên
Do phóng dật lừa dối
Chính vì không hiểu biết
Nên không chịu lánh xa.
Bốn loại kiến điên đảo
Đều từ sự phóng dật
Trừ bỏ sự phóng dật
Là bỏ thù thế gian.
Vô lượng sự phân biệt

Là vô lượng khổ đau
Khổ sống chết lưu chuyển
Đều là do phóng dật.
Xả bỏ sự phóng dật
Sẽ được lạc bất thoái
Vì phóng dật làm mất
Tất cả pháp vô lậu.
Chư Thiên không phóng dật
Luân chuyển lên cõi trên
Chư Thiên vì phóng dật
Không đạt được giải thoát.
Hãy suy nghĩ so sánh
Phân biệt hết mọi thứ
Theo lợi ích mà làm
Sau sẽ không hối hận.
Dục lạc chư Thiên thọ
Và những pháp nhỏ khác
Đó là pháp hữu vi
Nên biết chúng vô thường.
Pháp nào thuộc hữu vi
Cuối cùng đều tiêu diệt
Về sau bị hủy hoại
Luôn chịu những khổ đau.
Những ai tham dục lạc
Bị phóng dật gây hại
Đến lúc thân tan rã
Sẽ chịu nhiều đau khổ.

Đức Thế Tôn đã phân biệt rõ ràng, Thiên vương Nhạo Kiến hiểu thấu đạo pháp, còn điều phục tất cả chư Thiên làm cho họ từ bỏ phóng dật, có những Thiên chúng bị phóng dật trói buộc không được tự tại cho đến lúc chết. Nghe được pháp Phật hai vạn Thiên chúng cõi Dạ-ma đều đạt quả Tu-đà-hoàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn tự nghĩ: "Những gì nên làm ta đã làm, ta còn làm gì nữa để tạo lợi ích cho họ?". Thế Tôn lại suy xét đến những việc làm đời sau để tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh khổ não. Đức Thế Tôn lại ngồi trong hoa sen hóa hiện thần thông giống như chư Thiên không mất, biến ra loài chim nói kệ cho họ nghe, dùng thần thông như thế để điều phục chư Thiên, nói: "Vào đời sau, Thiên vương Nhạo Kiến sẽ bị thoái đọa". Lại có

Thiên vương tên Mâu-tu-lâu-đà làm chủ cõi Dạ-ma sống phóng dật. Lúc ấy sẽ có những chúng sinh tạo nghiệp thiện lên núi Hoạt cao vui chơi, rồi dần dần lên hoa sen cũng ngồi trên đài sen như vầy. Hoa sen đó do ta hóa hiện. Thiên tử ấy thấy vậy ngạc nhiên, đi vào hoa sen có đủ mọi thứ thích thú. Ra khỏi hoa sen lại nói cho chư Thiên khác nghe. Lúc ấy chư Thiên trú ở chốn cũ đã từng nghe việc đó cũng đến nói với Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Nghe xong Mâu-tu-lâu-đà tin kính Phật, Pháp, trồng căn lành cho đến khi đạt Niết-bàn. Khi tín tâm đã có, Mâu-tu-lâu-đà sẽ được nghe Đức Thích-ca Mâu-ni xuất thế, rồi đến chỗ Phật, nghe chánh pháp. Cứ thế Mâu-tu-lâu-đà nghe hết mọi việc từ Thiên tử trú ở chốn cũ. Như những gì hôm nay ông thấy, tôi đã nói hết. Hiện nay Đức Thích-ca Mâu-ni xuất hiện ở Diêm-phù-đề thuyết pháp cho chúng sinh, ông nên đến đó nghe pháp. Như những gì mà Đức Phật quá khứ Ca-na-ca Mâu-ni đã nói ông sẽ được như vậy, chắc chắn không nghi ngờ, ông sẽ được giải thoát. Nghe Thiên tử trú ở chốn cũ nói như vậy, Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà vui mừng kính trọng, tự nói: Những gì mà Đức Phật quá khứ Ca-na-ca thuyết giảng giờ đây ta đã được nghe, vì vậy ta vui mừng, tâm ta thanh tịnh. Chỉ nghe Thiên tử trú ở chốn cũ nói lại mà đã vui mừng như thế huống gì được gặp Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni, được nghe chánh pháp. Nghĩ vậy, Thiên vương cùng tám vạn Thiên tử đi đến nước Ba-la-nại. Thấy sắc thân Phật thù diệu, trang sức bằng ba mươi bảy phẩm Bồ-đề, oai đức rực rỡ như núi vàng tất cả chúng sinh đều được lợi ích. Chư Thiên đều thấy Đức Phật thuyết pháp bốn đế cho vô lượng trăm ngàn quyến thuộc xung quanh. Đến nơi, Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà cùng tám vạn Thiên chúng cúi đầu lạy sát chân Phật. Đức Phật bảo:

–Lành thay, hãy đến đây Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà! Ông đã từng nghe kinh pháp của Đức Phật Ca-na-ca, nhờ nghe thế mà ông đến đây.

Lúc ấy, Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà tự nghĩ: "Đức Phật là Bậc Nhất Thiết Trí, cực vi tế trí, vô chướng ngại trí, Đức Phật biết hết mọi việc của ta ở cõi trời trong đời quá khứ. Nghĩ vậy Thiên vương vui mừng cùng tám vạn Thiên tử đảnh lễ Thế Tôn, ngồi qua một bên.

Đức Thế Tôn lại bảo:

–Này Mâu-tu-lâu-đà! Hôm nay ta sẽ nói pháp cho ông. Pháp ấy trước giữa sau đều thiện, lời lẽ ý nghĩa đều thiện, là pháp thanh tịnh tối thượng viên mãn. Pháp môn này gọi là Thiên thừa lạc. Ông hãy lắng nghe suy nghĩ kỹ ta sẽ nói.

Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Con rất thích nghe.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

–Những gì là pháp lạc của Thiên thừa? Pháp đó có mười hai chi. Này Mâu-tu-lâu-đà! Mười hai chi đó là gì? Nếu người đời đi theo đường chính thì vào cung thành, không lo sợ, không nghi ngờ, không hủy hoại thân, khẩu, ý, thực hành mười hai pháp đó sẽ được sinh lên trời. Những gì là mười hai chi? Mười hai thật đạo này ai đi sẽ được sinh lên trời. Này Mâu-tu-lâu-đà, thật đạo đó có năm công đức:

1. Thật ngữ: Được mọi người tin lời nói.

2. Bất hoại: Không ai hại được.

3. Thanh tịnh: Danh sắc luôn thanh tịnh.

4. Khả trọng: Luôn được quý trọng.

5. Thượng sinh: Sau khi chết, sinh lên cõi trời.

Kệ rằng:

Thật ngữ luôn điều phục
Được chư Thiên cúng dường
Mọi người đều yêu mến
Sau được sinh lên trời.

Này Mâu-tu-lâu-đà! Đó là đạo sinh Thiên thứ nhất.

Mâu-tu-lâu-đà! Đạo sinh Thiên thứ hai là gì mà nếu sống theo sẽ được sinh lên trời? Đó là bố thí thanh tịnh, không nhơ, không hủy hoại, không sợ quả báo, cứ suy nghĩ như vậy. Người tạo nghiệp thiện được sinh lên trời. Đạo thứ hai này có ba công đức: Được mọi người yêu mến, luôn suy xét, vui vẻ, sau khi chết được sinh lên trời. Kệ rằng:

Bố thí được người mến
Lại suy xét kỹ lưỡng
Sau được sinh lên trời
Quả bố thí như vậy.

Này Mâu-tu-lâu-đà! Đạo sinh Thiên thứ ba là gì mà nếu sống theo sẽ được sinh lên cõi trời? Đó là nhẫn nhục. Người nhẫn nhục có năm công đức:

1. Không tranh, không giận.

2. Không ai được tài vật.

3. Được mọi người yêu mến.

4. Có nhiều tâm bi.

5. Sau khi chết được sinh lên cõi trời.

Kệ rằng:

Sống hợp với nhẫn nhục
Thương yêu, không lo sợ
Được mọi người quý mến
Chết được sinh lên trời.

Này Mâu-tu-lâu-đà! Đạo sinh Thiên thứ tư là gì mà nếu sống theo sẽ được sinh lên cõi trời? Đó là mỹ ngữ *(lời nói tốt đẹp)*. Này Mâu-tu-lâu-đà! Mỹ ngữ có sáu công đức:

1. Được mọi người yêu mến.
2. Sống nơi không lo sợ.
3. Nét mặt luôn thanh tịnh
4. Được tiếng khen.
5. Làm việc không cần suy xét.
6. Sau khi chết được sinh lên cõi trời.

Kệ rằng:

Được mọi người yêu mến
Lại càng thêm tiếng khen
Nét mặt luôn xinh đẹp
Chết được sinh lên trời.

Này Mâu-tu-lâu-đà! Đạo sinh Thiên thứ năm là gì mà nếu sống theo sẽ được sinh lên cõi trời? Đó là thương yêu tất cả chúng sinh. Người này cuối cùng đạt được Niết-bàn, có công đức không gì sánh bằng. Kệ rằng:

Thương yêu các chúng sinh
Như cha mẹ thương con
Ngọc quý thương yêu người
Luôn ở trong tâm mình.

Này Mâu-tu-lâu-đà! Đạo sinh Thiên thứ sáu là gì mà nếu sống theo sẽ được sinh lên cõi trời? Đó là chánh tâm. Người chánh tâm luôn làm việc lành, suy xét kỹ, lời nói tốt đẹp. Bài kệ nói chung về công đức của chánh tâm:

Người nào khéo chánh tâm
Luôn quan sát đúng pháp
Không bị tội sai khiến
Như mặt trời trừ tối.

Này Mâu-tu-lâu-đà! Nguồn gốc của tất cả pháp chính là chánh tâm.

Này Mâu-tu-lâu-đà! Đạo sinh Thiên thứ bảy là gì mà nếu sống theo sẽ được sinh lên cõi trời? Đó là chánh kiến. Người có chánh kiến đạt được

Niết-bàn huống gì là sinh lên cõi trời. Người có ít nghiệp thân, khẩu, ý tạo lợi ích chúng sinh được sinh lên cõi trời, cho đến đạt được Niết-bàn. Kệ rằng:

Chỉ chánh kiến là hơn
Với bất cứ người nào
Nếu đạt được như vậy
Thoát khỏi vây sinh tử.

Này Mâu-tu-lâu-đà! Đạo sinh Thiên thứ tám là gì mà nếu sống theo sẽ được sinh lên cõi trời? Đó là xa lánh tri thức ác không có ba lỗi, người lành không lánh xa vì cùng giới, tất cả nhân ác không sinh, không có lỗi lớn. Kệ rằng:

Người gần gũi bạc ác
Sẽ không được an lạc
Vì gần gũi bạn ác
Làm những việc chẳng lợi.

Này Mâu-tu-lâu-đà! Đạo sinh Thiên thứ chín là gì mà nếu sống theo sẽ được sinh lên cõi trời? Đó là nghe chánh pháp. Nghe chánh pháp được bảy công đức:

1. Nghe được những pháp chưa nghe.
2. Nghe rồi nhớ mãi.
3. Bỏ tất cả nghiệp ác.
4. Được chư Thánh thích gặp.
5. Chánh tín Như Lai với tâm sâu sắc.
6. Được sống lâu.
7. Sau khi chết được sinh lên cõi trời. Kệ rằng:

Nghe những gì chưa nghe
Nghe rồi luôn nhớ kỹ
Trừ bỏ mọi nghiệp ác
Chết được sinh lên trời.

Này Mâu-tu-lâu-đà! Đạo sinh Thiên thứ mười là gì mà nếu sống theo sẽ được sinh lên cõi trời? Đó là tâm nhu hòa. Này Mâu-tu-lâu-đà! Tâm nhu hòa có bốn công đức:

1. Không oán giận người khác.
2. Làm nhưng không chấp.
3. Không bị sân giận tổn não.
4. Sau khi chết được sinh lên cõi trời.

Kệ nêu:

Tâm thiện, tịnh, không nhơ
Tâm không có tội lỗi
Sân hận không cấu nhiễm
Chết được sinh lên trời.

Này Mâu-tu-lâu-đà! Đạo sinh Thiên thứ mười một là gì mà nếu sống theo sẽ được sinh lên cõi trời? Đó là tin nghiệp quả. Người tin nghiệp quả trừ bỏ mọi nghiệp ác, không hề có một niệm ác, sợ mọi nghiệp ác, biết rõ mọi nghiệp thiện, bất thiện. Vì biết rõ nên tạo nghiệp lành, bỏ việc ác, luôn huân tập việc lành, sau khi chết được sinh lên trời. Kệ rằng:

Nếu người biết nghiệp quả
Luôn hiểu nghĩa sâu xa
Không tập nhiễm nghiệp ác
Như hư không chẳng nhơ.

Này Mâu-tu-lâu-đà! Đạo sinh Thiên thứ mười hai là gì mà nếu sống theo sẽ được sinh lên cõi trời? Đó là tin kính sâu xa Tam bảo, không tà tín, vì thế được vô lượng công đức. Những công đức ấy hơn những công đức khác. Người ấy trước hưởng mọi an lạc cõi người, sau đạt được Niết-bàn. Thiên tử, Thiên nữ không sống phóng dật, nếu sống phóng dật thì không được diệu lạc thế gian hay xuất thế gian. Đức Thế Tôn đã nói pháp như Thế Tôn Ca-na-ca. Này Mâu-tu-lâu-đà như giáo pháp mà Thế Tôn Ca-na-ca nói, giáo pháp của tất cả Như Lai đều như vậy, không có pháp khác. Kệ rằng:

Tin Tam bảo sâu xa
Siêng năng tu tập pháp
Trước được sinh lên trời
Sau đạt quả Niết-bàn.

Người nào luôn tu tập mười hai đạo này nhất định sẽ được quả báo. Nghe Thế Tôn dạy vậy, Mâu-tu-lâu-đà và tám vạn Thiên chúng đều được quả Tu-đà-hoàn. Mâu-tu-lâu-đà đảnh lễ Thế Tôn, nói kệ:

Con thoát khỏi đường ác
Quy y Phật Thế Tôn
Chư Thiên bị cô độc
Nhờ pháp Như Lai cứu.
Con hôm nay được quả
Sống trong giáo pháp Phật
Chư Thiên đều như vậy
Qua khỏi nơi sinh tử.

Nói xong, Mâu-tu-lâu-đà bay lên hư không, cùng chư Thiên trở về cõi Dạ-ma. Đến nơi, họ đi chơi hưởng lạc, nghiệp hết sẽ thoái đọa, đóng cửa đường ác sinh trong cõi người, giàu có xinh đẹp, tâm rộng lớn tối thượng trong các nước. Nếu chưa được quả Tu-đà-hoàn thì sau khi thoái đọa, theo nghiệp đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu còn nghiệp thiện khác sẽ sinh trong cõi người, cũng được giàu có xinh đẹp là nhờ dư báo.

Lại nữa, Tỳ-kheo đã biết quả báo của nghiệp, hãy quán xét các trụ xứ cõi Dạ-ma. Dùng văn tuệ biết cõi ấy có trụ xứ tên Thừa xứ du hành. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết người có tâm thiện, tâm ngay thẳng, không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm. Nhờ nghiệp thiện đó sau khi chết được sinh lên cõi này. Vừa thọ sinh, vị ấy đã thấy được những vườn rừng, sông suối xinh đẹp đáng yêu, nghe được tiếng chim hót, ngửi hương thơm, nếm đủ mùi vị, xúc chạm tất cả đều đáng yêu. Thấy sắc đẹp, nghe tiếng hay, vị ấy tự nói: Hôm nay ta thấy được những vườn cây, sông suối, ao sen xinh đẹp đáng yêu và nghe được mọi tiếng hay mà trước kia chưa từng nghe thấy, các thứ khác không thể sánh bằng, tâm không biết chán, hương vị xúc cũng thế. Vị này luôn nghĩ đến cảnh giới của năm dục và luôn có được cảnh giới của năm dục, vui chơi thọ lạc tâm không biết chán, nghe được tiếng ca của Thiên nữ. Ở cõi trời mọi pháp đều như vậy. Cảnh giới cũng thế, chỗ nào cũng vui, lúc nào cũng vui, mọi nơi đều có năm dục với công năng thù thắng, muốn gì được nấy, thọ hưởng hoan lạc không ai sánh bằng. Chỉ nhìn thấy khu rừng mà vị ấy đã thán phục huống gì vào đó. Cõi của Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà còn hơn thế nữa. Ở đó có chín ức na-do-tha các thứ trang sức, Thiên nữ xinh đẹp ca múa rất hay, sắc mặt, tâm ý đều tươi vui, cung phụng đầy đủ công đức của năm dục. Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà thọ nhận diệu lạc như vậy và Thiên tử kia cũng đã thấy hết mọi thứ. Vì sao? Vì cõi này do Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà làm chủ, tất cả Thiên chúng đều thuộc sở hữu của Thiên vương, chúng ta nương nơi Thiên vương, xem như cha mẹ. Vị trời này vừa thọ sinh đã nghe biết hết mọi trụ xứ của cõi Dạ-ma. Các Thiên nữ vây quanh đi vào khu rừng. Ở đó, Thiên tử này thấy mọi màu sắc hình tướng bậc trung, bậc hạ, tất cả Thiên chúng đều thọ hưởng công đức nơi năm dục, đi đứng ăn uống đều vui vẻ, mọi người đều có thức ăn là công đức của năm dục, cùng các Thiên nữ vui chơi, trò chuyện, có vô số công đức trang nghiêm, vườn cây bằng bảy báu xinh đẹp thẳng hàng. Thiên tử ấy vừa sinh đã có được vô số công đức cảnh giới năm dục xinh đẹp nên vị ấy tham đắm dục lạc, nhìn ngắm khắp nơi, cùng Thiên nữ vào rừng lớn. Ở đó, các dòng sông ăn uống, các thứ xinh đẹp, chim chóc đủ màu bay nhảy vui nhộn, tiếng ca Thiên nữ

hợp với tiếng hót của chim làm vui tai. Vị ấy lại thấy ở nơi khác có ao sen đẹp dài ba do-tuần, rộng hai do-tuần. Rừng ấy có những hoa sen bằng vàng đủ màu sắc hình tướng khác nhau, giống như vào mùa thu bầu trời có đủ màu sắc. Các Thiên nữ vây quanh ca múa vui chơi, trỗi năm âm nhạc, thọ hưởng diệu lạc, yêu mến nhau, gần gũi nhau không hề rời xa. Trong rừng lại có nhiều chư Thiên vui đùa, các bầy chim cùng nô đùa, yêu thương nhau, gần gũi không hề rời xa. Chư Thiên vui chơi hưởng lạc, chim chóc cũng vậy. Những bầy thiên nga, vịt trời, uyên ương bay nhảy vui chơi trong hoa sen, ao nước sạch, bên bờ sông, lấy lá vàng để uống rượu, cùng Thiên nữ ca múa vui chơi hưởng lạc, lấy lá bạc uống rượu đỏ, sắc rượu như màu hoa sen báu, đầy đủ hương vị thơm mát. Do nghiệp lực cảm ứng nên cùng Thiên nữ ca múa vui chơi hưởng lạc. Lại có chư Thiên khác ở trong hoa sen thọ hưởng công đức của năm dục, hái lá sen báu xanh cùng Thiên nữ uống rượu. Lại có chư Thiên khác ở dưới gốc cây, hoa trời che rợp. Uống rượu xong, họ vui mừng cùng Thiên nữ buông lung vui thú trong vườn, uống nước trái cây thơm ngon của cõi trời, vui đùa với nhau. Có chư Thiên dùng cành cây bằng vàng, bạc, pha lê, báu xanh che rợp làm nhà, cùng Thiên nữ ca múa vui chơi hưởng lạc. Có chư Thiên ở trên bờ sông nơi có nhiều chim chóc hoa trái, mặt đất mềm mịn. Hoa ấy có năm sắc, có hoa đủ năm sắc hòa hợp, có hoa chỉ có một sắc riêng biệt, Thiên tử cùng Thiên nữ hái hoa ngửi, Thiên nữ và Thiên tử ca múa vui chơi. Lại có chư Thiên vui chơi thọ lạc ở trên nền đá quý bằng báu xanh, vàng, bạc, pha lê. Đến khi nghiệp thiện hết, họ bị thoái đọa, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu còn nghiệp thiện khác, được sinh trong cõi người, luôn ở nơi vui vẻ, thân xinh đẹp, tâm rộng lớn, giàu có, được làm vua là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Dạ-ma. Dùng văn tuệ biết cõi ấy có trụ xứ tên là Vân xứ du hành. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết người có tâm ngay thật, tin Tam bảo, không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm. Dù thấy người nữ vẫn không sinh tâm dục, không nghĩ đến dục, bỏ tâm dục, chẳng phân biệt như bỏ chất độc. Sau khi chết vị ấy sinh lên cõi này. Ở đây, thân thể sáng rực như mặt trời, thọ hưởng diệu lạc cảnh giới không gì sánh bằng. Vừa sinh ra, vị ấy đã vui mừng tự nghĩ: Vì sao có một mình ta ở đây? Nghĩ vậy, Thiên tử liền thấy Thiên nữ ở dưới gốc cây. Trên cành cây có nhiều linh báu phát tiếng rất hay. Mặt đất sáng rực như màu lửa, vàng, pha lê. Có vô số hoa sen đẹp, khắp nơi cây cối mềm mại, chim hót rất hay, Thiên nữ vui chơi thọ lạc trong rừng. Thiên tử vừa nghĩ, trong rừng biến ra đủ thứ trang sức, trang sức vòng hoa trên đầu, thân

mặc áo đẹp đủ màu, đến chỗ Thiên tử bao quanh ca hát rất hay, yêu thương Thiên tử, cùng Thiên tử vui đùa, tấu âm nhạc. Thiên nữ ấy bày đủ các trò chơi cùng vui đùa với Thiên tử. Thiên tử ấy chưa từng thấy những Thiên nữ này, nên khi thấy được, tự nghĩ: Đây là người gì? Ở đâu đến? Thuộc sở hữu của ai? Vì ai mà đến? Những Thiên nữ này trang sức xinh đẹp, tay cầm các nhạc cụ… xin nói một ví dụ nhỏ, dù là tiếng ca của các Thiên nữ cõi trời Tam thập tam cũng không sánh kịp, huống gì cõi có đủ ba thứ công đức, được quả của vô lượng nghiệp thiện. Tiếng ca Thiên nữ cõi Dạ-ma hay hơn Thiên nữ cõi trời Tam thập tam. Mọi sắc đẹp, thế lực, hình tướng tiếng ca, hoan lạc, vườn rừng, ao hồ, thức ăn, nhà cửa, nơi vui chơi đều hơn. Cứ thế, mọi thứ ở đây hơn cả cõi trời Tha hóa tự tại. Vì sao? Vì nghiệp quả nặng, giới tâm thanh tịnh không nhơ. Các Thiên nữ cõi Dạ-ma có đủ mọi thứ không ai sánh bằng. Cõi này có hai lỗi: Dục lạc, vô thường. Chỉ nói được một phần nhỏ về diệu lạc thôi. Nếu những kẻ ngu si thọ trì giới cấm hy vọng cảnh giới nên nghĩ: Con xin giữ giới mong được sinh lên trời. Để chuyển tâm họ, ta nói về vô thường, bị thoái đọa và ân ái chia lìa. Vì sao có những lỗi ấy? Vì nếu có một chút tâm mong cầu cảnh giới thì mất hết pháp lành. Trong các hữu không chỗ gì là thường, chúng nương dựa nhau không gì là thường còn, không biến đổi, không bị hư hoại. Tất cả đều do sự phân biệt vì thế nên nói quả báo cõi trời không phải chỗ đáng yêu.

Lúc ấy, các Thiên nữ vây quanh Thiên tử mới sinh ca múa vui chơi hưởng lạc. Vì chưa được thấy họ nên Thiên tử suy nghĩ: Những người này thuộc sở hữu của ai mà đến gần ta? Nhờ nghiệp thiện Thiên nữ biết được tâm niệm của Thiên tử, liền trả lời: Thiên tử là chủ của chúng tôi, vì sao Thiên tử không trò chuyện với chúng tôi? Thiên tử là chồng của chúng tôi, chúng tôi sẽ cung phụng mọi thứ cần thiết để Thiên tử thọ hưởng dục lạc.

Nghe vậy, Thiên tử nói: Nếu các ngươi thuộc sở hữu của ta thì hãy đến đây. Vì sao? Vì cõi trời này là nơi thọ lạc. Người sinh lên cõi này thì thọ lạc ở đây. Thiên nữ liền cùng Thiên nữ thọ hưởng dục lạc. Thiên nữ lại nói: Chúng tôi cùng Thiên tử sẽ dạo chơi khắp khu vườn này. Ở đây có nhiều Thiên chúng, tha hồ nhìn ngắm mọi thứ đáng yêu, nghe tiếng chim hót, sông suối ao sen, trăm ngàn ngọn núi cao bằng bảy báu sáng rực. Trên núi có nhiều chim, dưới có nhiều ao. Đầy đủ những công đức như vậy, chúng tôi cùng Thiên tử đi chơi thọ lạc.

Nghe vậy, Thiên tử mới sinh nói với Thiên nữ: Ta sẽ chìu ý các ngươi. Nói xong Thiên tử đứng lên cùng Thiên nữ vào rừng. Các Thiên nữ cầm nhạc cụ cùng dạo chơi với Thiên tử. Họ đang vui chơi thì gặp Thiên tử,

Thiên nữ khác cũng dạo chơi. Hai Thiên tử gặp nhau, yêu thương nhau, cùng nhau trò chuyện. Các Thiên nữ cũng thế. Sau đó, họ lại đến rừng Hý lạc, rừng này rộng ba ngàn do-tuần, có vô số trăm ngàn na-do-tha Thiên chúng chẳng khác gì rừng Hoan hỷ. Rừng này có đầy đủ mọi công đức, đủ các chỗ để chư Thiên vui chơi nên gọi là rừng Hý lạc. Hai Thiên tử lần đầu tiên thấy nghe những cảnh giới đó nên rất vui mừng biểu lộ ra ánh mắt, sắc mặt. Thiên tử mới sinh cùng các Thiên nữ nói với Thiên tử kia: Chúng tôi chưa từng thấy như vậy. Sau đó từng cặp Thiên tử, Thiên nữ đội vòng hoa trời, xoa thân bằng hương chiên-đàn, ngồi trong cung điện trời bay lên hư không cùng ca múa vui chơi, cùng nhau đến chỗ Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Lúc ấy, cũng có Thiên tử và Thiên nữ khác cầm hoa sen, ngồi trên điện bay lên hư không ca múa vui chơi đến chỗ Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Có những Thiên tử làm được những việc rất vi tế, tay cầm đàn không hầu, xuyên qua trăm ngàn ngọn núi, không hề bị chướng ngại, cùng Thiên nữ ca múa vui chơi đến chỗ Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Lại có chư Thiên ở trong hư không rải hoa trời cùng Thiên nữ ca múa vui chơi đến chỗ Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Thiên tử mới sinh thấy hết mọi sự khác biệt, cũng cùng nhau đi đến đó. Vô số chư Thiên đều dùng lời hay thăm hỏi Thiên tử ấy.

Lúc đó, Thiên tử mới sinh thấy ở xa có ánh sáng rực rỡ hơn cả trăm ngàn mặt trời mà những hàng phàm phu không sao thấy được. Lại nghe âm thanh có đủ bốn tính cách. Hợp nhau, rõ ràng, hòa hợp, như nhau. Nghe vậy, Thiên tử mới sinh vui mừng hỏi các Thiên nữ: Hôm nay ta thấy được nơi thù thắng có ánh sáng lớn, tiếng hay bình đẳng, hòa hợp, vui nhận. Vì sao? Thiên nữ đáp: Đó là nơi Thiên vương Dạ-ma đang thọ lạc. Ở đó có vô số trăm ngàn Thiên chúng, Thiên nữ cùng ca ngợi giống như cõi Đâu-suất - nơi Thiên vương Tịch Tĩnh hưởng lạc. Nghe vậy, Thiên tử mới sinh ngạc nhiên tự nghĩ: "Trừ cõi mà Thiên vương Tịch Tĩnh thọ lạc ra, còn nơi nào như vậy nữa không?" Sau đó Thiên tử hỏi Thiên nữ: Tịch Tĩnh là ai? Ở đâu? Ta sẽ đến đó gặp vị ấy. Nghe vậy Thiên nữ suy nghĩ: Vị này mới thọ sinh, không biết thế lực lớn nên nói như vậy. Thiên nữ nói: Tôi đã thấy Tịch Tĩnh. Cõi Đâu-suất-đà ở trên cõi ta. Cõi ấy hơn gấp trăm ngàn lần cõi chúng ta. Tất cả diệu lạc, nghiệp quả cõi ấy đều hơn, oai đức, thế lực cõi ấy cũng hơn cõi Dạ-ma, chư Thiên phàm tục không thể đến đó được vì không phải cảnh giới của họ. Tất cả những thứ ở cõi ấy đều hơn cõi ta. Nếu Thiên tử có đủ phước đức, thần thông lớn thì có thể đến đó, chư Thiên khác không thể đến được.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 38

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 17)

DẠ-MA THIÊN (Phần 3)

Bấy giờ, Thiên tử mới sinh tự nghĩ: Diệu lạc của cõi trời ấy hơn diệu lạc của cõi Dạ-ma. Bất chợt, tâm tán loạn, vị ấy tham ái dục lạc của cảnh giới, quan sát thấy hết những diệu lạc mà Thiên chúng các cõi thọ hưởng. Thiên tử tuần tự đi khắp mọi nơi, dần dần đến cõi Dạ-ma của Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà. Ở đó, trăm ngàn Thiên chúng vây quanh Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà, trăm ngàn Thiên nữ tay cầm hoa sen, cung phụng mọi vật. Sắc thân Thiên vương không ai sánh bằng, oai đức rực rỡ, đầy đủ công đức. Ánh sáng của Thiên vương vượt hơn ánh sáng nơi tất cả Thiên chúng, ví như mặt trăng sáng hơn tất cả các ngôi sao xung quanh. Thiên vương Dạ-ma cũng thế, oai đức thù thắng, ngồi trên tòa Sư tử mềm mịn không dệt bằng tơ, toàn bằng ngọc báu xinh đẹp. Hình dáng, y phục, oai đức rực rỡ, tha hồ thọ hưởng hoan lạc dục vọng, trò chơi, tiếng hát không có cõi nào hơn. Công đức cõi Dạ-ma vượt hơn Thiên vương Đế Thích. Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà cõi Dạ-ma có năm mươi vòng ánh sáng từ thân phóng ra rực rỡ. Ánh sáng từ hai vai Đế Thích phóng ra không bằng ánh sáng này. Nhờ nghiệp thiện sáu căn của Thiên vương cõi Dạ-ma đều hòa hợp vượt trăm ngàn lần công đức của Đế Thích. Sự thù thắng về sắc thân, cảnh giới diệu lạc của Thiên vương cõi Dạ-ma không ai sánh bằng, không thể ví dụ được. Các Thiên chúng quyến thuộc của Thiên vương có công đức kém cỏi cũng đã hơn Đế Thích huống gì là Thiên vương oai đức thù thắng, trong ngoài thanh tịnh như vậy, làm sao ví dụ được. Thấy oai đức diệu lạc của mình thua xa trăm ngàn lần Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà, Thiên tử mới sinh tự quán thân mình, biết nhờ thực hành nghiệp thiện thù thắng nên được thân Mâu-tu-lâu-đà tối thượng như vậy. Thiên vương này oai đức đã tối thượng như vậy huống gì là Thiên vương Tịch Tĩnh mà ta đã nghe, oai đức lại hơn cả Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Nhờ nghiệp thiện bậc thượng mà dần dần thù diệu như thế. Suy nghĩ một lát, Thiên tử mới sinh lại nghe được tiếng

ca, tiếp tục hướng về phía trước đến chỗ Mâu-tu-lâu-đà. Xung quanh Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà có bảy ngàn Thiên nữ xinh đẹp dịu dàng đủ oai đức, tiếng nói êm dịu đang gần gũi ca múa vui chơi, còn những Thiên nữ ở xa xa thì không sao đến được. Họ cùng nhau vui chơi, uống rượu trời, cùng yêu mến nhau. Thấy Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà cùng thọ lạc với mình, các Thiên nữ đều nghĩ: Thiên vương chỉ yêu mình ta, không yêu ai cả, gần ta thì vui, không gần người nữ khác, dục lạc của ta nhiều hơn, những người nữ khác không như vậy. Dục vọng cõi Dạ-ma chỉ cần nói mà không cần giao hợp. Các Thiên nữ đều nghĩ như vậy, đều cho rằng Mâu-tu-lâu-đà chỉ yêu riêng mình. Đến gần Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà, Thiên tử mới sinh lại thấy vô số trăm ngàn Thiên chúng vây quanh, Thiên vương dùng lời hay điều phục Thiên chúng. Thiên vương biết tất cả Thiên chúng dù là người cũ hay người mới sinh. Thấy Thiên tử mới sinh, Thiên vương chăm chú nhìn, chư Thiên trú ở chốn cũ nói với Thiên tử mới sinh: Đại vương đang nhìn ngươi, sao ngươi không quỳ lạy? Nghe vậy Thiên tử mới sinh liền quỳ xuống. Thấy Thiên tử mới sinh quỳ lạy, Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà nói: Đại tiên! Ông mới sinh lên cõi Dạ-ma, ông có thể ở đây thọ hưởng diệu lạc tối thượng. Ông nhờ tu hành ba nghiệp thiện mà được sinh lên đây. Từ đây về sau, ông ở đây thọ hưởng dục lạc theo nghiệp của mình, đừng sống phóng dật. Thiên vương liền nói kệ:

Này Thiên tử mới sinh
Nếu tham đắm dục lạc
So với khổ thoái đọa
Chẳng bằng phần mười sáu.
Vui ít lo sợ nhiều
Luôn mê hoặc trượng phu
Như thành Càn-thát-bà
Dục lạc cũng như vậy.
Dục lạc độc ác nhất
Hãm hại các chúng sinh
Vì vậy người có trí
Không tin nơi dục.

Nghe Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà dạy như vậy, Thiên tử mới sinh thưa:

–Thật đúng như vậy, thưa Thiên vương! Lúc đầu tôi không biết tội lỗi của cõi trời, không biết cõi trời thực hành pháp nào. Như những gì chư Thiên khác làm tôi cũng làm vậy mà không hay biết. Lúc ấy, Thiên vương lại nói kệ:

Cho đến lúc lâm chung
Không có được bạn bè
Chết rồi qua cõi khác
Cũng chẳng người đi theo.
Chúng sinh tâm khác nhau
Biết bao là tâm dục
Do những nghiệp khác nhau
Trói buộc trong sinh tử.
Ngay cả lúc vừa sinh
Đã lệ thuộc thần chết
Vì ngu si lấp tâm
Nên không biết lo sợ.
Đến khi bị thoái đọa
Cảnh giới cũng không còn
Vì ngu si chẳng biết
Khổ chết thật đáng sợ.
Vui thích lại buông lung
Luôn chịu sự sinh tử
Kẻ ngu không hiểu biết
Cảnh giới gạt chư Thiên.
Rắn cảnh giới hay cắn
Tham cảnh giới nên si
Chư Thiên luôn mê muội
Thoái đọa mới lo sợ.
Khổ sinh là lớn nhất
Khổ thoái đọa chẳng bằng
Như vậy chỉ chư Thiên
Mới chịu khổ sinh ấy.
Bị gió nghiệp thổi tạt
Luân hồi chịu khổ đau
Trượng phu lúc sắp chết
Tâm cuồng không tự chủ.
Không thể nhờ cha mẹ
Thân thuộc hay bạn bè
Nếu thần chết gõ cửa
Không một người đồng hành.
Bản tánh họ mê mờ
Nên không có bạn bè

Chỉ có tâm ý ác
Luôn luôn dối gạt nhau.
Không bạn bè thân thuộc
Có thể cứu được mình
Lúc thần chết gõ cửa
Thân thuộc như người dưng.
Ai thấy chỉ một mình
Vẫn thọ hưởng dục lạc
Thần chết có sức mạnh
Cướp đoạt hết an lạc.
Cảnh giới mê hoặc tâm
Luôn bị dục sai khiến
Tuy chưa biết khổ đau
Nhưng nhất định phải khổ.

Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà dạy pháp chân thật cho Thiên tử mới sinh. Nghe vậy Thiên tử mới sinh chán ngán nhưng chỉ trong chốc lát lại tham đắm dục lạc ca múa vui chơi. Tất cả kẻ phàm phu ngu si vì tâm vô thường, không kiên định, vì sức mạnh dục lạc che lấp tâm, bị tham ái sai khiến nên tâm càng tán loạn. Vì vậy chư Thiên phóng dật không nhớ được một pháp lành nhỏ.

Lúc ấy, Thiên tử mới sinh ở chỗ Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà cùng quyến thuộc vui chơi ca múa, thọ hưởng công đức của năm dục và cảnh giới dục lạc, rồi theo đường cũ trở về bản xứ. Về đến nơi họ lại vui chơi hưởng lạc, đi đến Quảng điện. Cung điện ấy rất đáng yêu, nay xin nói rõ. Bên trong có hai mươi na-do-tha phòng đủ các màu sắc hình dạng khác nhau, ánh sáng vật báu rực rỡ. Ở đó có nhiều Thiên chúng, Thiên nữ, họ muốn gì cũng được, Thiên tử muốn gì được nấy. Có đủ màu sắc hình tướng, ao hoa, vườn rừng, chim chóc xinh đẹp, núi bảy báu. Nhờ nghiệp thiện, khi chư Thiên muốn dạo chơi thì cung điện, vườn rừng, ao hoa, cây cối đều bay lên hư không như chim. Nếu Thiên tử nghĩ: Cung điện này bay đi thì vui lắm. Ngay lúc đó cung điện bay lên hư không, nếu Thiên tử muốn ăn uống thì có dòng sông ăn uống đủ mọi thứ thơm ngon đẹp. Đó là do nghiệp thiện của Thiên tử, nếu không có nghiệp thiện thì không có việc này. Nếu Thiên tử muốn điện này rộng ra một trăm do-tuần thì ngay lúc đó có đủ vô số dòng sông, ao sen, hang núi, phòng ốc, vườn cảnh rộng ra. Thấy vậy Thiên tử vui mừng ở đây vui chơi, cùng chư Thiên thọ hưởng dục lạc. Lại muốn chư Thiên và Thiên vương cõi Dạ-ma cùng đến đây vui chơi hưởng lạc. Chư Thiên ấy, có vị cõi thiên nga, có vị cõi chim khổng tước, có vị cõi

những chim khác mà họ nuôi, có vị ngồi trên hoa, trên vịt trời, trên lưng chim uyên ương, chim mạng mạng, có vị ngồi trên cây, họ cùng các Thiên nữ xinh đẹp trang sức vòng hoa vui vẻ nô đùa hưởng lạc. Các Thiên nữ khen ngợi bay lên hư không đi đến cõi này. Đến nơi họ cùng vui chơi thọ lạc, sống buông lung tâm không kiên định. Thấy chư Thiên phóng dật, Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà quan sát sự phóng dật, tự nghĩ: Ta phải dùng phương cách nào để tạo lợi ích, an lạc cho chư Thiên phóng dật? Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà lại suy xét kỹ: Ta nên cùng những người chứng quả Tu-đà-hoàn đến đó, cùng bàn luận, có pháp lành nào để điều phục những Thiên chúng cõi Vân du hành tham dục phóng dật để cả hai đều được lợi ích, để ta và họ đều trừ bỏ tội lỗi. Ta là bạn lành thuyết pháp lợi ích cho họ, là Thiện tri thức. Nếu dạy họ làm ác thì là kẻ thù, là huân tập nghiệp ác địa ngục. Bàn luận xong, Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà cùng những vị chứng Tu-đà-hoàn dùng sức thần thông hóa ra cung điện đẹp rồi cùng lên đó đi đến chỗ chư Thiên. Điện ấy có đủ sông suối, ao hồ, cây cối xinh đẹp mà cõi Vân du hành không bằng một phần trăm, một phần ngàn. Vì sao? Vì sức nghiệp thiện. Trong cõi Dạ-ma nghiệp thiện của Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà là hơn hết. Nghiệp thiện thù thắng nên thần thông cũng thù thắng. Vì vậy điện này sáng rực hơn điện của chư Thiên cõi Dạ-ma. Ví như mặt trời mọi thứ không sao sánh được. Điện đó xinh đẹp nhất không có điện nào sánh kịp. Điện đó có đủ công đức, Thiên vương bay lên hư không hướng đến cõi Vân du hành - hoan lạc đầy đủ - những Thiên tử chứng Tu-đà-hoàn cũng đến đó. Vì chư Thiên chứng Tu-đà-hoàn là những người ít phóng dật nên đến đó được. Thấy Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà, Thiên tử phóng dật sinh tâm kính trọng cùng trăm ngàn Thiên chúng ra nghênh đón. Đến nơi, Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà dùng thần lực biến hóa làm cho chư Thiên đến đón đều ở trong điện của mình nhưng họ không nhìn thấy nhau chỉ thấy riêng mình gần gũi Thiên vương. Họ không còn nghe tiếng nhạc, không thấy sắc đẹp. Nhờ sức thần thông nên chư Thiên đều nghĩ: Chỉ có ta ở đây, chư Thiên khác luôn cùng ta vui chơi giờ ở đâu? Họ không thấy ai cả, do vậy mỗi Thiên tử đều đi đến chỗ Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Họ chỉ thấy Thiên vương và những vị chứng quả Tu-đà-hoàn mà không thấy chư Thiên khác. Các Thiên tử đều ngạc nhiên lo sợ thưa với Thiên vương: Sao chỉ mình tôi ở đây, những Thiên tử khác ở đâu? Thiên vương nói: Những Thiên tử đó vì sống phóng dật nên khi nghiệp hết họ bị thoái đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh hoặc sinh làm người. Chư Thiên vì phóng dật nên bị phóng dật phá hoại, bị tham ái nơi cảnh giới hủy hoại, vì tham theo công đức của năm dục, tâm bị lửa cảnh giới phân biệt thiêu đốt. Từ lửa tâm sinh

ra lửa này, bị gió nghiệp thổi vì không biết chán dục lạc của Quảng điện nên bị năm ngọn lửa thiêu đốt, còn bị lửa địa ngục thiêu đốt chịu các khổ não. Vì bị tâm dối gạt nên sau khi chết sinh vào địa ngục. Trong các tội lỗi, tội phóng dật là hơn hết. Vì sao? Vì tội phóng dật làm mất các pháp lành. Chư Thiên ngu si ấy bị tâm dối gạt sau phải hối hận. Nghe Thiên vương dạy thế, các Thiên tử ấy đều chán ngán lo sợ thưa: Thưa Thiên vương! Vì sao chỉ trong chốc lát mà các Thiên tử bị thoái đọa? Việc này chưa bao giờ có làm cho cõi Vân du hành đều trống rỗng, hoặc là đau khổ, có cách nào để chúng tôi không bị thoái đọa, không khổ não và đau khổ vì ân ái xa lìa, không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh?

Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà nói kệ:

Kẻ sống trong phóng dật
Không thấy bậc hiền thiện
Như dùi băng lấy lửa
Chắc chắn không có được.
Không nhân thì không quả
Không nhân sao có quả
Phóng dật mong được phước
Chẳng bao giờ có được.
Do phóng dật phá hoại
Tất cả các Thiên tử
Ngu si mất nghiệp lành
Đọa vào các cõi ác.
Cũng chính vì ngu si
Nên tham ái dục lạc
Sau chịu mọi khổ não
Lại sinh tâm hối hận.
Bị cảnh giới lường gạt
Và lửa dục thiêu đốt
Không được đạo tịch tĩnh
Nơi an lạc thượng diệu.
Dục lạc ở thế gian
Do tham ái sinh khởi
Không bằng được một phần
Trong mười sáu lạc này.
Đạo tịch tĩnh sinh khởi
Bạch pháp thoát sinh tử
Ái hết là vui nhất

Được diệu lạc bất thoái.
Không lo sợ, biết đủ
Hành giả chẳng mong cầu
Diệu lạc thiền định này
Không lạc nào sánh kịp.
Ai không bị ái buộc
Không bị si phá hoại
Người này qua biển hữu
Luôn hưởng được diệu lạc.
Tâm tham đắm dục vọng
Thì không được diệu lạc
Đó là nỗi khổ đau
Đi vào chốn địa ngục.
Luôn bị lưới nghiệp nhốt
Dắt dẫn đến cõi ác
Không có ai cứu được
Để thoát khỏi khổ này.
Xem các pháp xưa nay
Do nghiệp có sinh tử
Xưa nay đều như vậy
Do nghiệp nhân có quả.
Vì si nên tham dục
Cho đến lúc thoái đọa
Chịu khổ lớn sinh tử
Mà không hề hay biết.
Vì ngu si che lấp
Thọ lạc không biết đủ
Chính vì không biết đủ
Nên luôn bị hủy hoại.
Chẳng phải trước giữa sau
Không đời này đời khác
Luôn huân tập dục vọng
Vô minh nên trôi nổi.
Khi nghiệp thiện đã hết
Phải rời khỏi chốn này
Nuốt nhằm độc phóng dật
Ngu si không biết gì.
Thân này luôn thay đổi

Vì ngu nên không biết
Sau đến lúc thoái đọa
Mới biết được khổ đau.
Những ai lo sợ khổ
Và lo sợ thần chết
Hãy nghĩ nhớ chánh pháp
Như thế sẽ được vui.

Nghe vậy các Thiên tử tạm thời bỏ phóng dật lại thưa: Tất cả chư Thiên chỉ trong chốc lát lại bị phá hoại tổn thất hết sao? Xin ngài hãy nói sự thật. Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà nói: Như nghiệp mà đến thì khi nghiệp thiện hết phải ra đi. Tất cả nghiệp đều chắc chắn như vậy. Tất cả chúng sinh khi xa lìa nhau đều phải khổ, ba thứ già bệnh chết luôn tương đối nhau, thân mạng thường bệnh hoạn. Dù là cõi trời, cõi người nhưng nếu tâm không phóng dật, không sống phóng dật thì biết rõ ba thứ đáng sợ ấy. Với ba thứ này, vì phóng dật nên làm cho chư Thiên bị thoái đọa. Nếu lúc chưa chết siêng năng tìm mọi cách tu tập ba thứ thí, giới, trí thì trừ diệt được ba thứ đáng sợ kia. Mọi sự phân biệt luôn luôn bám theo nếu không lo sợ thì lúc sắp chết sắc mặt, miệng… các căn dần dần hư hoại, khô cằn, bỏ lại bạn bè, anh em, vợ con. Lúc ấy, bị lửa ái biệt ly thiêu đốt, chịu khổ chết. Tất cả chư Thiên luôn tham đắm dục lạc trước mắt, ca múa vui chơi thọ lạc trong vườn cảnh, chạy theo cảnh giới như gặp bạn thân, thầy tốt, không hiểu hậu quả. Về sau lửa hối hận thiêu đốt mới nghĩ: Vì sao ta không tạo nghiệp lành, không bố thí, trì giới, không tu tập trí tuệ. Vì phóng dật nên giờ đây ta cô độc, bị thần chết bắt đi, xa lánh bà con anh em, xa nơi đáng yêu thương có đủ an lạc. Về sau phải hối hận, phóng dật phá hoại chư Thiên vì vậy lúc thần chết chưa đến các ông hãy từ bỏ phóng dật, đừng sống phóng dật sẽ được an ổn. Đến lúc chết không bị lửa hối hận thiêu đốt. Đó là đạo an ổn nhất. Tất cả nhờ tu tập thí, giới, trí mà thoát được suy não. Đó là người bạn dũng mãnh cứu thoát. Khi thần chết đến không ai tránh khỏi không ai ngăn cản được sự hủy hoại của thần chết, thần chết tước đoạt mạng sống của chúng sinh. Cớ sao không chịu tìm phương cách siêng năng tu tập làm cho thần chết không đến? Khi phóng dật ác chưa đến thì rất tốt đẹp, nhưng phóng dật giống như lửa dữ, tất cả chư Thiên bị phóng dật sai khiến, lệ thuộc vào phóng dật, kẻ thù phóng dật đó theo đuổi không rời, vui chơi mãi trong vườn cảnh, trên núi, làm những việc vô thường lại cho là thường, tự nghĩ ta thường cùng các Thiên nữ vui chơi thọ lạc, các Thiên nữ này trẻ mãi không già, ta luôn gần gũi họ không rời xa, luôn bị cảnh giới dục lạc mê hoặc. Nó có sức mạnh phá hoại, thần chết đến các Thiên nữ ấy không

ngăn cản được, không ai cứu được, tâm suy nghĩ đó không cứu được, tâm không rời xa đó cũng không cứu được. Mọi sự suy xét đều trống rỗng, tất cả đều vô thường, không bền chắc, bị phóng dật phá hoại nên sinh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, bị ngu si gây hại đi đến nơi khổ lớn. Chư Thiên ấy từ vô thỉ đến nay luân chuyển trong sinh tử, luôn khổ đau nhưng vì mê hoặc nên chẳng biết.

Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà đã nói đúng pháp, đúng nghĩa những Thiên tử có trí tuệ nghe lời ấy như nước cam lồ trong sạch không nhơ, nhớ pháp ấy, trừ bỏ phóng dật, chán ngán dục vọng. Sau đó được chánh niệm, Thiên tử nói kệ với Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà:

Lợi ích và chân thật
Tương ưng không sai khác
Ngài nói những lời ấy
Chính là nhân lợi ích.
Tâm điều phục, tịch tĩnh
Sẽ được sự an lạc
Từ vui đến chốn vui
Chắc chắn được diệu lạc.
Những Thiên tử điên đảo
Bị phóng dật hủy hoại
Những kẻ ngu si này
Nhất định đọa địa ngục.

Các Thiên tử nghe xong sinh tâm chán lìa. Các Thiên tử lại hỏi Thiên vương: Tôi còn nghi ngờ, những Thiên tử trong điện này đã đi đâu? Biết tâm Thiên tử đã điều phục, chán bỏ phóng dật, Thiên vương thâu giữ thần thông, các Thiên tử đều nhìn thấy nhau, cùng vui vẻ. Thấy họ vui mừng, Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà bảo: Khi các ông không nhìn thấy nhau là do sức thần thông của ta làm chướng ngại. Bấy giờ, các ông đã thấy nhau thì chướng ngại không còn nhưng khi thần chết dũng mãnh đến thì các ông nơi trăm ngàn ức kiếp nữa vĩnh viễn xa nhau. Các ông bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, không còn thấy nhau nữa. Vì vậy các ông phải nhớ kỹ, đừng sống phóng dật, đừng sinh tâm tham đắm cảnh giới, hãy phòng hộ tâm ý.

Nghe vậy nhiều Thiên tử sinh tâm nhàm chán, đắc quả Tu-đà-hoàn. Thấy vậy Thiên vương vui mừng khôn xiết, nghĩ rằng: Giờ đây những việc cần làm ta đã làm xong. Tự thấy thỏa mãn rồi Thiên vương rời cõi ấy trở về cõi Hy hý. Những Thiên tử cõi Vân du hành, người nào chứng được quả Tu-đà-hoàn thì không sống phóng dật nữa, những người chưa được thì tâm

khinh suất vẫn sống phóng dật, thích phóng dật, ham dục lạc phóng dật, cùng Thiên nữ vui chơi thọ lạc trong sông suối, ao hồ, núi non, không sợ chết. Vui chơi đến khi nghiệp thiện hết, những việc nên làm lại không làm, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu còn nghiệp thiện khác được sinh trong cõi người, luôn an lạc, xinh đẹp, giàu có, được mọi người yêu mến, bản tánh vui vẻ, thuận hành chánh pháp, thích ca múa thọ lạc, thích đến chùa hoặc đến ao sen, sông suối, được vua, quan và những người giàu có kết bạn, được bà con anh em yêu mến, tâm ngay thật không nói dối, những người tốt thích kết giao, không mất oai nghi, đủ mọi công đức, thân đủ các căn. Người này được như vậy là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Dạ-ma. Dùng văn tuệ biết cõi ấy có trụ xứ tên là Tích phụ. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết người tốt luôn sợ nghiệp quả, tâm ngay thật, chánh kiến không tà vạy, thực hành chánh nghiệp, xa lánh bạn ác, luôn niệm Phật, Pháp, Tăng, sợ từng nghiệp nhỏ, không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm. Khi đi đường gặp người nữ ca múa, không tham đắm, không nghĩ nhớ, suy xét kỹ, không có tâm ác, không tham lạc, thấy người có tội tâm không phân biệt, không tà dâm. Sau khi chết được sinh lên trụ xứ Tích phụ của cõi trời Dạ-ma thuộc đường lành. Ở đây vị ấy luôn thọ hưởng diệu lạc, thân thể sáng rực, hưởng cảnh giới năm dục. Cõi đó có núi tên Tụ tích, cây bằng bảy báu, chim chóc vui nhộn đủ loại xinh đẹp, ca hót rất hay ai thấy cũng thích. Cõi ấy có đủ mọi màu sắc, hình dáng đẹp, có ao sen sông suối, có nhiều loại cây ức niệm, cành cây che rợp thành nhà, đủ loại hoa trái. Núi ấy rộng ba trăm do-tuần, các Thiên nữ Thiên chúng vây quanh. Khắp nơi cõi ấy đều xinh đẹp. Trong núi ấy phân thành những nơi khác nhau cho Thiên chúng ở. Giữa bảy góc có bảy gian nhà cây cối xen tạp. Nơi nào cũng có bảy báu. Bảy báu làm thành một gian. Ngọc báu xanh ở mỗi gian sáng rực cả sáu vạn do-tuần, làm cho cả hư không đều có màu xanh. Khi Thiên tử muốn lên núi thì lấy ngọc báu trang sức thân, đi trên gian nhà ngọc báu xanh của núi ấy rồi bay lên hư không. Lúc ấy ngọc báu trang sức trên thân mất ánh sáng, nó cùng một màu xanh với ngọn núi. Màu xanh, ánh sáng xanh rất đẹp. Gian thứ nhất của núi Tụ Tích bằng báu xanh như vậy. Gian thứ hai lại bằng pha lê, nếu Thiên chúng đi trên gian này thì ánh sáng ngọc báu trên thân biến mất, chỉ có màu pha lê như núi, ánh sáng cũng vậy, giống như đi vào ao nước. Gian thứ ba của núi này toàn bằng bạc, ánh sáng màu sắc soi đến năm trăm do-tuần, ai thấy cũng thích. Chư Thiên đi trên đây thì toàn thân sắc trắng, đó là do sức mạnh ánh sáng của gian này. Gian thứ tư của

núi này toàn bằng vàng Diêm-phù-na-đề, ánh sáng màu sắc như mặt trời, ánh sáng phóng ra ấy tròn khắp cả ngàn do-tuần. Chư Thiên đi trên đây thì toàn thân sắc đỏ. Gian thứ năm của núi này toàn bằng báu Bát-đầu-ma, khắp nơi đều nhuộm màu đỏ, ánh sáng chiếu đến ngàn do-tuần, chư Thiên do trên đây thì toàn thân sắc đỏ. Nếu trang sức báu đỏ thì màu đỏ đó biến mất, toàn thần đỏ rực, đó là do sức mạnh ánh sáng của gian này. Gian thứ sáu toàn bằng kim cương, ánh sáng chiếu khắp năm ngàn do-tuần. Từ góc gian nhà ấy phóng ra sắc như cầu vồng, chư Thiên đi trên đây thì toàn thân đều có màu sắc như gian nhà này, đó là do sức mạnh của ánh sáng. Gian thứ bảy toàn bằng bảy báu, ánh sáng chiếu đến trăm ngàn do-tuần, chư Thiên đi trên đây thì màu sắc của y phục, đồ trang sức đều rực lên.

Núi Tụ tích này có mọi công đức thù thắng như vậy. Ánh sáng ngọc báu của núi chúa Tu-di không bằng được một phần trong trăm ngàn phần nơi ánh sáng ngọc báu của núi này. Vì sao núi ấy có công đức thù thắng như vậy? Vì nghiệp thiện. Ánh sáng núi ấy cũng thù thắng như vậy. Cõi Dạ-ma do nhân là tịnh giới của nghiệp thiện tối thượng nên núi đẹp. Núi này có lưới báu giăng khắp bên trên, trong suốt, ai thấy cũng được lợi ích. Núi này có thành lớn tên Như ý niệm được trang trí bằng chân châu anh lạc, ánh sáng chiếu khắp mọi nơi, có nhiều loại chim tên Tạp anh lạc đậu trên lưới. Khi chư Thiên sống phóng dật, chim ấy hót kệ để khuyên họ:

Do các nghiệp làm nhân
Được thọ thân cõi trời
Lại không biết chánh pháp
Sau sinh tâm hối hận.
Vườn rừng này đáng yêu
Lan can lại xinh đẹp
Thân sống ở nơi này
Là quả báo nghiệp lành.
Người nào, tạo nghiệp gì
Nghiệp ác hay nghiệp thiện
Khi nghiệp nhân đã thành
Quả báo cũng như vậy.
Chư Thiên đã thấy được
Hoan lạc thượng, trung, hạ
Người nào tạo nghiệp gì
Sẽ được quả như vậy.
Người sống bằng ngu si
Chạy đuổi theo si dại

Bị ngu si mê hoặc
Không thấy nổi sợ lớn.
Kẻ ngu si phóng dật
Không làm lợi cho mình
Tham đắm mọi dục lạc
Mong cầu được quả vui.
Chư Thiên bị si che
Không tạo các nghiệp thiện
Thiên tham nhiều quả ái
Không chịu giữ giới cấm.
Ví như bỏ ngọn đèn
Lại muốn giữ ánh sáng
Thiên tử ấy cũng vậy
Bỏ nhân lại cầu quả.
Nếu tạo nhân cầu quả
Sẽ được hưởng diệu lạc
Không nhân sao có quả
Không đèn đâu ánh sáng.
Bỏ giới không sinh Thiên
Lìa trí không giải thoát
Người đã được giải thoát
Thì không mong cầu gì.
Người trừ bỏ ái dục
Bằng tuệ, biết vô ngã
Những nghiệp được dục lạc
Tất cả đều nhơ, trược.
Hoan lạc của diệt tận
Không có một bợn cấu
Không được lạc diệt tận
Nhất định là nhơ uế.
Trải qua trăm ngàn kiếp
Không biết chán cảnh giới
Vì tham lạc cảnh giới
Không bao giờ biết đủ.
Luôn gần gũi dục vọng
Càng lúc càng tăng trưởng
Dục vọng như chất độc
Sau chịu nhiều đau khổ.

Dục phá hoại tất cả
Luôn làm nhân thoái đọa
Ai không bỏ được dục
Thật là kẻ biếng nhác.
Ai biết được phước tội
Là người có trí tuệ
Người không biết phước tội
Chính là kẻ ngu si.
Ai biết tướng công đức
Thì biết rõ về tội
Biết rõ tội và phước
Luôn luôn hưởng hoan lạc.
Cảnh giới tội và phước
Người lành biết dục này
Chư Thiên sao bỏ trí
Thọ hưởng cảnh giới lạc.

Ở trong lưới chân châu chim ấy hót kệ tạo lợi ích cho chư Thiên. Quanh núi ấy lại có vòng ánh sáng các vật xoay tròn giống như cầu vồng ở cõi Diêm-phù-đề. Thấy tướng này nếu Thiên tử nào vui mừng thì trên thân cũng có vòng sáng ấy. Thấy những gian nhà như vậy chư Thiên vui mừng trang sức vật báu vui chơi thọ lạc ở đó. Nhờ tu tập nghiệp thiện thù thắng nên thọ lạc như vậy. Trong cung điện của núi ấy có bốn khu rừng như lầu của núi Tu-di. Đó là bốn khu rừng: Đoan chánh, Trang nghiêm, Phong lâm, Cam lồ đoan nghiêm, Chủng tạp. Lại có sông suối, ao sen, khe núi, chim chóc vui nhộn, hoa cây nở rộ, lầu gác, cung điện thẳng hàng. Lại có núi tên Nhất thiết bố thí rất đẹp. Đến núi này rồi mới đến khu rừng kia giống như cõi Vân du hành. Thiên tử, Thiên nữ hưởng diệu lạc nơi công đức của năm dục. Khu rừng ấy xinh đẹp nhất, toàn bằng báu Diêm-phù-đề, lá cây bằng lưu ly, hoa bằng xa cừ, xích liên hoa. Khu rừng thứ hai toàn bằng bạc, lá màu vàng ròng, hương hoa thơm dịu xông cả trăm do-tuần. Chư Thiên ngửi được càng vui vẻ hơn. Khu rừng thứ ba toàn bằng lưu ly, lá bằng bạc, hoa đủ màu và mùi thơm. Khu rừng thứ tư toàn bằng tạp bảo đủ màu sắc. Trong rừng có sông suối, ao sen, chim chóc nhộn nhịp, đủ trăm ngàn công đức như cõi trời Tam thập tam thứ hai của Đế Thích. Cõi này có đủ ánh sáng oai lực công đức. Trong núi có vô số người nhiều nghiệp thiện được trăm ngàn Thiên chúng vây quanh, thọ hưởng diệu lạc cảnh giới đầy đủ công đức. Thiên tử cõi này có thần thông, ánh sáng, thế lực thù diệu là do nghiệp thiện hóa sinh đủ cảnh giới nơi công đức của năm dục, sáu căn luôn thọ

nhận lạc. Trong cõi Dạ-ma vị này hơn hết, đó là do nghiệp thiện. Trong núi có chim tên Nhất thiết thời thường hoan hỷ. Nhờ khẩu nghiệp hợp với ý muốn, chim ấy hót kệ:

Không tâm niệm trí tuệ
Cũng chẳng có mong cầu
Chỉ nghiệp mới được lạc
Lạc do nghiệp có được.
Thù thắng trong thù thắng
Đáng yêu giữa đáng yêu
Quả báo lành giữ giới
Do con người làm ra.
Cửa cảnh giới lay động
Như thác giữa dòng sông
Ai điều phục được tâm
Vị ấy sống an lạc.
Tự tạo nghiệp phước đức
Chính mình gắng tu tập
Hưởng vui hay chịu khổ
Đều tự mình lãnh lấy.
Những kẻ tạo nghiệp ấy
Thân mình như kẻ thù
Thân lành như bạn tốt
Tự mình làm như vậy.
Như dòng nước chảy xiết
Thân thay đổi cũng thế
Vì vậy phải tạo phước
Giữ giới không nhơ uế.
Tâm thích việc bất thiện
Luôn tham cảnh giới lạc
Như làm việc vô ích
Trong những chỗ tối tăm.
Cảnh giới lạc thay đổi
Luôn chạy theo dục vọng
Ai có tâm phi pháp
Chịu đủ các khổ não.
Khổ chính là nghiệp ma
Pháp lạc cũng có khắp
Những tướng khổ lạc này

Người trí đều biết rõ.
Những ai mong được lạc
Hãy tùy thuận pháp hành
Kẻ nào muốn chuốc khổ
Tâm làm việc phi pháp.
Không nhân không được lạc
Các khổ não cũng thế
Nhân khổ vui sai khác
Hãy biết tự lợi mình.
Do phân biệt sai khác
Nên có vô số loại
Do tất cả nghiệp quả
Mà có sự sinh tử.
Nếu không tham pháp lạc
Bỏ phí cả một đời
Pháp đưa đến cõi trời
Thực hành pháp được vui.
Chánh pháp cứu giúp được
Chính là khéo biết đủ
Không chánh pháp, không thiện
Chắc chắn đọa địa ngục.
Người trí thà bỏ thân
Chứ không sống phi pháp
Ai trừ bỏ chánh pháp
Lưu chuyển trong sinh tử.
Bỏ đôi mắt chánh pháp
Là do si che tâm
Thích giả dối vô ích
Như mắt bệnh thấy vui.
Mầm pháp với ruộng tâm
Không tâm pháp chẳng sinh
Giữ giới bằng ngu độn
Luôn làm việc phi pháp.
Nương theo đạo phi pháp
Làm những việc chẳng lành
Trôi mãi trong sinh tử
Bị tâm làm mỏi mệt.
Tâm này trong từng niệm

Thay đổi mãi không ngừng
Thể của tâm nhạy bén
Như thành Càn-thát-bà.
Ai kềm chế tâm ý
Giữ giới bằng trí tuệ
Sức mạnh không buộc được
Lưu chuyển vô số kể.
Cảnh giới dục lạc nhiều
Đều do ái sai khiến
Nên mê hoặc chư Thiên
Luôn sống trong phóng dật.
Không biết bị thoái đọa
Chết sẽ không còn gì
Tất cả đều vô thường
Cuối cùng nào có vui.
Diệu lạc của cõi trời
Chư Thiên ngu không biết
Ngu si sống phóng dật
Tham dục lạc như thế.
Chư Thiên vì ngu si
Trôi lăn trong sinh tử
Trước không sau lại có
Đã có rồi lại không.
Chư Thiên phải thoái đọa
Pháp thế gian là vậy
Chỉ có người trí tuệ
Không tham lạc thế gian.

Chim ấy đi trong núi hót kệ hợp với chánh pháp, chư Thiên nào đã từng tạo nghiệp lành khi nghe lời này thì thâu giữ tâm ý, còn chư Thiên chỉ tạo nghiệp lành trong một hai đời thì dù nghe lời này vẫn không biết được một câu. Vì vậy hãy siêng năng làm lợi ích, tu tập trí sáng, ngoài pháp này không ai cứu được, không có thuốc nào bằng trí này ngăn chận hết mọi đường ác, chính là nhân của diệu lạc. Người trí thích chánh pháp, suy xét thật đúng rồi tu tập tâm ý. Người tu trí sẽ có đủ công đức hòa hợp tương ưng, cứ như vậy dần đạt Niết-bàn. Nghe tiếng chim chư Thiên tạm rời phóng dật trong thời gian ngắn, Thiên tử lại vui chơi thọ lạc theo công đức của năm dục trong núi rừng báu sáng này. Đến khi nghiệp thiện hết, vị ấy bị thoái đọa, theo nghiệp lưu chuyển, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Nếu được sinh trong cõi người thì suốt đời luôn hưởng an lạc, có quyền lực, không lệ thuộc người khác, giàu có, luôn thích trí tuệ, xinh đẹp, mọi người thích nhìn và kính trọng, sinh trong nước giàu có, đông đúc. Dù ở kinh thành hay ở chỗ dân giã vẫn luôn được bà con anh em cung cấp nuôi dưỡng, hoặc được làm vua, quan, tâm ngay thật, thực hành chánh pháp, không tà kiến là nhờ dư báo.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 39

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 18)

DẠ-MA THIÊN (Phần 4)

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát các trụ xứ cõi Dạ-ma. Dùng văn tuệ biết cõi này có trụ xứ tên Tích phụ. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết người tạo nghiệp lành, siêng năng giữ giới, không não hại người khác, giữ mọi giới không thiếu, không thiếu sót, bền chắc không hư hoại, đóng cửa đường ác, dập tắt sự nóng bức cõi ác, làm chỗ dựa cho mọi người như cha mẹ, đời sau tùy thuận thực hành ba loại công đức: không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm. Không sát sinh, không trộm cướp đã nói ở trước. Không tà dâm: Khi đi đường, ở ngã tư hoặc trong hẻm, đi khất thực hoặc đi công chuyện khác, thấy phụ nữ xinh đẹp, ca hát rất hay nhưng không sinh tâm tham ái. Không ham thích, không vui với người khác làm việc ấy, mừng khi thấy họ làm việc lành, khuyên họ sám hối, nói lỗi phụ nữ: Phụ nữ là nhân ác số một, do tà hạnh chúng sinh bị đọa vào địa ngục. Người này giữ giới thanh tịnh, phạm hạnh, sau khi chết sinh lên trụ xứ Tích phụ. Nhờ nghiệp thiện, vị ấy ở đây thọ hưởng diệu lạc. Núi Tích phụ rộng năm trăm do-tuần, tiếng chim hót rất hay, âm thanh đáng yêu vang vọng khắp nơi. Thiên tử sinh dưới gốc cây bảy báu. Ví như người ngủ say nghe tiếng vỗ tay thức giấc. Thiên tử ấy nghe tiếng chim hót chợt tỉnh. Thân Thiên tử này phóng ánh sáng hơn cả mặt trời mùa thu mọc trên đỉnh núi, ánh sáng mặt trời không bằng một phần. Thiên tử thức giấc, nhờ nghiệp thiện, chim hót kệ tương ưng với nghiệp lành:

Thoát khỏi lưới thân thể
Nơi phân, tiểu, nhơ uế
Thân người nữ như vậy
Nên sinh đến cõi này.
Người nữ không ngay thật
Thấy người nam vui mừng

Tâm mê mờ không định
Vì không biết nên gần.
Dối gạt cả mọi người
Trang sức làm người mê
Người phụ nữ khéo léo
Dối gạt cả người nam.
Phụ nữ giống như ong
Ham thích các loại hoa
Luôn sinh tâm yêu thích
Tất cả những người nam.
Như ong hút mật hoa
Sau lại đi nơi khác
Người nữ cũng như vậy
Thương yêu rồi bỏ đi.
Được vật như bạn tốt
Sân hận không điều phục
Dối gạt những người nam
Rồi bỏ đi nơi khác.
Với phương tiện dối gạt
Chẳng khác gì chất độc
Người nữ giết người nam
Thường làm việc bất lợi.
Như lửa đóm hư không
Chẳng thể nắm bắt được
Dù tìm đủ mọi cách
Không ngăn được người nữ.
Làm những việc bất thiện
Không lợi ích, bệnh, chết
Người nữ là nhân duyên
Hủy hoại đạo Niết-bàn.
Ở tất cả mọi nơi
Nguy hiểm và lo sợ
Người nam chịu đau khổ
Đều là do người nữ.
Già, trung niên, thiếu niên
Đều không được tịch tĩnh
Tâm người nữ luôn động
Như ánh sáng mặt trời.

Người nữ thường đổi bạn
Như ánh đèn chao động
Luôn luôn là kẻ thù
Giống như khắc trên đá.
Chỉ gần kẻ giàu sang
Nghèo hèn là xa lánh
Của nhiều thì gần gũi
Không của lại lánh xa.
Cung cấp mọi vật dụng
Và phục vụ đủ cách
Tâm giống như ngọn lửa
Không thể nào nắm bắt.
Người nam tùy thuận theo
Mọi dục vọng người nữ
Những người nữ như vậy
Luôn dối gạt người nam.
Như hoa che rắn độc
Lại như tro lấp lửa
Sắc đẹp che lấp tâm
Người nữ cũng như vậy.
Ví như thấy cây độc
Đẹp mắt nhưng rất hại
Người nữ như hoa độc
Người trí hãy xa lánh.
Mong cầu gặp người nữ
Lại tham đắm cảnh giới
Kẻ ấy không được vui
Không đời này đời sau.
Ham thích sống phóng dật
Biếng nhác lại dối gạt
Gần bạn ác tham ăn
Chẳng thích gần hiền thiện.
Siêng năng sức dũng mãnh
Phước đức bỏ người nữ
Cung kính tin nhân quả
Người này được thiện lợi.
Người phụ nữ trói buộc
Sống ở thế gian này

Xa lánh được người nữ
Sinh lên cõi Dạ-ma.

Nghe tiếng chim hót như trong giấc mộng với những thứ xinh đẹp, lời kệ này lợi ích cả hai, Thiên tử mới sinh phát trí tuệ. Nhờ trí tuệ Thiên tử nhớ được mình từ đâu đến đây, nhờ giữ ba giới lành. Sau đó, Thiên tử nói kệ:

Nhờ trì giới sinh Thiên
Không bỏ được người nữ
Người dũng xa người nữ
Đến được thành Niết-bàn.
Không thể dùng lửa dao
Cưa để đốt, chặt, xẻ
Cắt được dây người nữ
Không phương cách nào khác.
Xưa ta từng xa lánh
Siêng tu nên đến đây
Vì xa lánh được lạc
Cõi Dạ-ma thù thắng.
Ngoài những dục lạc ấy
Còn có lạc lớn hơn
Phải đạt nơi bất thoái
Nhất định được Niết-bàn.

Nghe tiếng chim, thấy hình chim, Thiên tử mới sinh vui mừng quan sát cõi trời, thấy núi Tích phụ có vô số trăm ngàn cây cối ánh sáng bao quanh, sông suối xinh đẹp, nghe tiếng chim hót, thấy chim báu, ao sen xinh đẹp, từng bầy ong rộn rã bay ra. Những thứ đó trước kia vị ấy chưa từng thấy, không gì sánh bằng. Quan sát là biết được, Thiên tử vui mừng rời khỏi gốc cây. Lại quan sát thân mình, ánh sáng oai đức thù thắng mà sinh tâm kiêu ngạo, lại sinh tâm kiêu ngạo thứ hai, nghĩ rằng: Không ai bằng ta, ta muốn gì đều được. Từ tâm kiêu mạn thứ hai lại sinh năm tâm kiêu mạn khác, năm căn tham đắm năm cảnh giới. Do sinh bảy tâm kiêu mạn mà phá hết những việc từ trước, không còn hiện nữa, không nhớ gì cả. Vì tâm động, vì phóng dật nên bị lưới cảnh giới trói buộc, lập tức leo lên núi Tích phụ thọ lạc. Núi ấy có ba cõi thượng, trung, hạ. Trong cõi hạ có năm khu rừng:

1. Hương phiêu.
2. Diệm thắng.
3. Quang minh.

4. Thường lạc.

5. Cao tụ.

Mọi vật trong rừng Hương phiêu đều thơm phức, hương ấy xông khắp năm ngàn do-tuần. Mọi màu sắc trong rừng Diệm thắng đều sáng rực hơn cả trăm ngàn mặt trời. Chư Thiên xinh đẹp đi trong rừng Quang minh đầy đủ về công đức của năm dục. Rừng Thường lạc có nhiều sông suối đủ trăm ngàn hương vị sắc. Rừng Cao tụ có một núi cao bằng bảy báu sáng rực. Đã nói xong vườn rừng ở cõi hạ. Cõi trung có trăm ngàn đồng trống, vô số bảy báu, ao sen, chim đẹp, âm thanh, xúc vị sắc hương thanh tịnh không nhơ. Cõi thượng có đỉnh núi, có thành rộng trăm do-tuần, chư Thiên ở trong đó. Thành ấy tên là Bảo lâm, có những dòng sông sinh ra thức ăn uống, cây cối sum suê, hoa trái, ao sen xinh đẹp. Có vô số trăm ngàn Thiên nữ xinh đẹp vui chơi. Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà đến thành này thọ hưởng diệu lạc theo công đức của năm dục, đầy đủ sắc thanh hương vị, lửa ái hừng hực. Thiên tử ấy vui chơi thọ lạc trên núi Tích phụ, thọ hưởng dục lạc theo cảnh giới khác nhau. Vì tâm tham cầu cảnh giới dục lạc nên Thiên tử mới sinh một mình đến núi ấy. Có một Thiên tử trú ở chốn cũ thấy vậy, vui mừng đến trước Thiên tử mới sinh, giới thiệu với chư Thiên trú ở chốn cũ khác: Đây là Thiên tử mới sinh. Chư Thiên trú ở chốn cũ hỏi: Vì sao ông biết mới thọ sinh? Vị ấy đáp: Thiên tử mới thọ sinh này có năm tướng:

1. Ánh sáng che thân, thân không có y phục, tâm nghĩ: đừng để chư Thiên khác thấy ta lõa thể. Ngay lúc đó chư Thiên thấy vị ấy có y phục, nhưng kỳ thật là không có y phục.

2. Nhìn thấy vườn rừng vị ấy ngạc nhiên vì chưa từng được thấy, bây giờ thấy nên nhìn ngắm khắp nơi.

3. Thấy Thiên nữ xấu nên nghi ngờ chưa dám nhìn chính diện.

4. Thấy Thiên tử khác tuy gần gũi, tâm vẫn sinh nghi ngờ, ý chí không định.

5. Muốn bay lên hư không nhưng lo sợ, bay không cao không mau, đi không xa chỉ đi gần như vào thành ấp và những nơi phụ cận.

Chúng ta hãy đến chỗ Thiên tử mới sinh. Bấy giờ, các Thiên tử đến chỗ Thiên tử mới sinh nói: Đại tiên ông nên biết! Chúng tôi thấy ông mới thọ sinh nên đến đây. Nhờ nghiệp thiện, tu học các giới không hủy phạm, không thiếu sót, không rơi rớt, lìa cấu, thanh tịnh nên được sinh ở đây. Dù chư Thiên nói vậy nhưng vì phóng dật họ lại leo lên núi, bay lên hư không, vui mừng thọ lạc. Thấy việc ấy, Thiên tử mới sinh tự nghĩ: Ta hãy một mình lên núi. Lập tức vị ấy lên núi. Thấy Thiên chúng,

Thiên nữ trang sức xinh đẹp, trỗi nhạc ca múa. Thiên nữ thấy Thiên tử mới sinh thì vui mừng đến trước Thiên tử, họ ngạc nhiên quan sát kỹ, lại nghĩ: Chúng ta nên cung phụng hầu hạ, nên làm vợ Thiên tử này. Họ lại đến bên Thiên tử, vì chưa từng thấy nên họ thán phục thưa: Chúng tôi rất thích nhìn, chúng tôi đến với Thiên tử. Hôm nay nhờ nghiệp thiện của mình nên cùng chúng tôi thọ lạc. Có các vườn rừng, núi non, khe suối, lại có những chỗ khác bằng bảy báu sáng rực, cây cối sum suê, mọi nơi đều có phòng ốc. Trong những phòng ốc vang ra tiếng nhạc. Mặt đất có màu dung kim, chúng ta ở đó hưởng lạc. Lại có sông suối ao sen xinh đẹp, trong hư không có trăm ngàn phòng ốc đáng yêu, chúng tôi cùng Thiên tử ở đó thọ lạc. Nhờ nghiệp thiện Thiên tử mới sinh nói: Ta sẽ cùng các ngươi thọ lạc. Cõi này có tất cả dục lạc để thọ hưởng không chán. Khi ấy các Thiên nữ lại đến rừng Tạp điện. Ở đó có những âm nhạc nghe rất vui tai. Nhờ thành tựu nghiệp thiện nên hưởng quả báo của nghiệp. Rừng này có những nơi thắng cảnh đủ sắc hương vị xúc. Mặt đất mềm mịn, y phục trơn nhẵn không dệt bằng sợi tơ. Có các loài chim hót rất hay. Thiên tử cùng Thiên nữ xinh đẹp thọ hưởng diệu lạc theo cảnh giới của năm dục. Rừng ấy có vô số công đức, thấy vậy Thiên tử, Thiên nữ ngạc nhiên đi khắp mọi nơi. Rừng ấy toàn bằng các vật báu xa cừ, ngọc xanh… Lại thấy có nơi toàn màu xanh, chim chóc từng đôi trống mái sắc thân bằng bảy báu bay nhảy hưởng lạc ở đó, hót tiếng rất hay. Lại thấy trong ao nước có nhiều chim uyên ương, thiên nga, vịt trời đủ màu sắc hót hay. Lại thấy Thiên tử và Thiên nữ vui chơi trong rừng ấy, sáu thời luôn có hoa nở, cây cối đua nhau nở hoa một lúc, có lúc phóng ánh sáng, có lúc không phóng ánh sáng ví như nhắm mở mắt. Thấy vậy Thiên tử, Thiên nữ đều vui vẻ. Lại thấy có nơi khác đủ màu sắc nên tâm động. Vì tâm động nên tham dục. Nhìn lên hư không thấy trăm ngàn Thiên nữ trang sức xinh đẹp ở khắp nơi, ví như màu sắc vẽ trên vách, tơ, lụa, họ vui chơi ca múa ở khắp nơi. Thấy vậy Thiên tử động tâm, phân biệt mọi thứ. Sau đó lại thấy ao sen đủ các loại hoa hình dáng, màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng khác nhau, có nhiều chim. Quan sát xong, Thiên tử vui mừng, thấy mọi nơi dù trong nước hay trên hư không đều có chim và Thiên chúng dẫy đầy như bụi trần, chẳng có nơi nào trống. Nhờ sức của nghiệp thiện, Thiên tử nói kệ:

Dù thấy cả biển lớn
Vẫn không thể thỏa mãn
Lưỡi tham vị cũng thế
Không bao giờ biết đủ.

Mũi tham ngửi hương thơm
Cũng chẳng biết nhàm chán
Thân xúc chạm đủ thứ lớp
Nào biết đủ bao giờ.
Tai thích nghe tiếng hay
Vẫn không hề biết đủ
Ý nghĩ nhớ các pháp
Chẳng biết đủ bao giờ.
Chuyển động trong sáu cảnh
Xa ánh sáng tri túc
Khát ái nên đi mãi
Cảnh dục rộng mênh mông.
Chư Thiên không biết đủ
Như thêm củi vào lửa
Nếu không biết nhàm chán
Bản thân không dừng yên.
Sáu ngọn lửa độc ác
Bị gió niệm thổi động
Luôn thiêu đốt thế gian
Kẻ si không hề biết.
Chư Thiên có phóng dật
Không tu tập chánh pháp
Vì phóng dật, phá giới
Vào cảnh giới thọ lạc.

Nhớ được nghiệp mình, nói kệ xong nhưng Thiên tử lại tham đắm cảnh giới, ham thích xúc hương vị sắc đầy đủ công đức, luôn tăng trưởng vì vậy cùng các Thiên nữ vui chơi khắp nơi hưởng diệu lạc theo công đức của năm dục rồi cùng Thiên nữ vui chơi ở vườn khác. Trong núi có vô số trăm ngàn chim bảy báu hót tiếng rất hay. Ở đó, Thiên tử lại cùng Thiên chúng, Thiên nữ thọ hưởng dục lạc, cùng thăm hỏi nhau, đồng lòng vui chơi thọ lạc. Những Thiên tử yếu kém thì có vạn Thiên nữ vây quanh luôn hưởng lạc không biết chán. Thiên nữ vui chơi hưởng lạc cung phụng các Thiên tử bằng dục vọng và luôn tham ái dục lạc. Vì sao cõi ấy có nhiều người nữ ít người nam? Vì cõi này dục nhiễm quá nhiều, ngu si đầy dẫy. Người sinh lên cõi này chỉ trong chốc lát đã thấy vô số Thiên nữ. Do thấy vậy, tâm dục tăng trưởng, tham đắm Thiên nữ rồi ôm lấy. Vì tham lạc, vì tâm nắm bắt nên thọ thân người nữ. Vì vật cõi ấy có nhiều người nữ ít người nam. Có Thiên tử thì được một vạn Thiên nữ,

có Thiên tử được hai vạn Thiên nữ, ba, bốn, năm, sáu vạn Thiên nữ. Cứ vậy, có Thiên tử được trăm ngàn vạn Thiên nữ hoặc có vị được nhiều hơn nữa. Các Thiên nữ nhiều ít sai khác như vậy, họ hành dục, theo pháp của địa thiên như cõi người chẳng khác. Dục vọng ở cõi Tứ Thiên vương cũng như cõi người, nam nữ phải giao hợp nhau, tiếp xúc nhau nhưng không bất tịnh. Chư Thiên cõi trời Tam thập tam khi hành dục thì ôm nhau, nhưng hai căn không tiếp xúc nhau. Chư Thiên cõi Dạ-ma chỉ cần cười nói nhau là thành dục. Chư Thiên cõi Đâu-suất thì nhìn nhau là thành dục. Chư Thiên cõi Hóa lạc thì nghe tiếng nói, ngửi hương thơm là thành dục, dù cách xa nhưng chỉ nghe tiếng, ngửi hương là đủ dục vọng. Chư Thiên cõi Tha hóa cũng giống cõi Hóa lạc. Thiên tử nào được các Thiên nữ yêu thương kính trọng là vì tâm không mỏi mệt, không bệnh hoạn, thân thể không có vi trùng nhơ uế, hòa hợp tương ưng với chư Thiên bằng sức tăng thượng, luôn khỏe mạnh, ánh sáng rực rỡ. Vì vậy mỗi Thiên tử được vô số trăm ngàn Thiên nữ thương yêu luôn hành dục. Thiên tử thì không thương yêu riêng một Thiên nữ nào mà thương yêu hết các Thiên nữ, tha hồ đi lại, vì dục vọng nên cùng nhau hưởng lạc, không gây hại nhau, một lòng yêu mến nhau. Lại có Thiên tử khác cùng Thiên nữ tùy ý hành dục, phân biệt đủ loại như chư Thiên khác. Ở cõi Tích phụ vui chơi thọ lạc theo công đức của năm dục một thời gian lâu, lại cùng Thiên chúng, Thiên nữ đến rừng Nghiêm phong để vui chơi thọ lạc. Thấy Thiên tử khác hết nghiệp lành ở trong Thiên chúng sắp bị thoái đọa. Lúc ấy có những tướng hiện ra như bệnh, nếu vị ấy ở trước hoa sen thì hoa không nở, đó là tướng thứ nhất. Nếu vị ấy đến ao sen, rừng cây thì loài ong bỏ đi, đó là tướng thứ hai. Khi Thiên tử vui chơi cùng Thiên nữ nghe tiếng hò ca thì chán ghét, đó là tướng thứ ba. Khi Thiên tử đến rừng cây thì hoa bị héo, đó là tướng thứ tư. Thiên tử chỉ vui chơi trên cung điện mà không thể bay lên hư không, đó là tướng thứ năm. Chư Thiên cõi Dạ-ma sắp bị thoái đọa thì có những tướng ấy. Chư Thiên cõi trời Tam thập tam thứ hai khi bị thoái đọa thì có những tướng trạng như ruồi nhặng bám vào thân, thân xuất mồ hôi. Chư Thiên cõi Dạ-ma khi nghiệp thiện hết, có những tướng này hiện ra thì biết sắp thoái đọa. Có mười hai tướng chết hiện ra:

1. Thiên tử ấy muốn phóng ánh sáng thì ánh sáng không hiện ra, mà lại đi vào thân như mặt trời lặn.

2. Thiên tử thấy hoa trái mà không tham.

3. Hoa trên đầu Thiên tử bị rơi.

4. Thiên tử soi vào nước thấy mình chẳng giống chư Thiên, lại thấy cõi mà mình sắp thọ sinh: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và cõi người. Thấy mình ở đây bị thoái đọa sinh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

5. Nhìn thấy vậy Thiên tử lo sợ dựng cả lông tóc.

6. Thiên tử thấy cõi mình ở rất xấu.

7. Thiên tử ngồi ở trong những cõi bằng lưu ly, vàng, bạc, pha lê, báu xanh lại bị lay động không yên.

8. Thiên tử bị gió thổi càng lúc càng mạnh như bị roi đánh.

9. Thiên tử mặc y phục như kim cang… Thấy vậy Thiên tử buồn bã không còn ham thích sắc, thanh, hương, vị, xúc đáng yêu nữa. Đến lúc này, Thiên tử đã gần lửa vô thường.

10. Thiên tử soi trên vách lưu ly, vách đá hay trong gương thấy mình không có đầu.

11. Thiên tử thấy đầu mình ở trên đất. Thấy như vậy là sắp chết. Các Thiên nữ thấy thế chán ghét lánh xa, Thiên tử sầu khổ vì chia ly, khổ thọ sinh không bằng một phần mười sáu khổ này.

12. Tâm ý tán loạn bất định như vòng lửa, không chú ý đến một cõi nào, tâm luôn dao động, sầu khổ vì phải thoái đọa. Mạng căn sắp mất, như đèn hết dầu ánh sáng yếu ớt. Đến lúc này, Thiên tử ấy biết mình sắp thoái đọa. Các Thiên nữ thường theo hầu hạ thấy vậy cũng lánh xa, như cây bị cháy chim chóc bỏ đi không thèm nhìn quan sát những công đức trước kia, các Thiên nữ thấy Thiên tử sắp thoái đọa cũng thế, họ tránh xa, theo hầu Thiên tử khác. Thấy Thiên nữ bỏ đi, Thiên tử ấy an lòng nhẫn nại, nói kệ:

Tất cả đều do nghiệp
Hưởng quả báo tương xứng
Thiên nữ biết sắp chết
Tránh xa không gần gũi.
Vì nghiệp thiện đã hết
Bỏ sau mọi hoan lạc
Thiên nữ thấy thiên đọa
Sẽ đi đến vị khác.
Dục lạc ấy vô thường
Tâm tánh cũng như vậy
Người nữ, tham dục: ác
Không tin nhau, cũng ác.
Bốn loạn khổ lớn này
Luôn luôn dằn vặt ta

Vì vậy hãy tránh xa
Như bỏ độc, tránh lửa.
Do nghiệp được diệu lạc
Do nghiệp nên chịu khổ
Chính vì nghiệp hủy hoại
Vì nghiệp nên xuất hiện.
Chư Thiên hưởng diệu lạc
Và công đức năm dục
Sau nghiệp thiện chấm dứt
Thoái đọa mất uy lực.
Tất cả sự sinh tử
Đều là do nghiệp huyễn
Đạo giải thoát Phật dạy
Chính là bốn chân đế.
Chính vì tâm nhiễu động
Nên không thấy lỗi lầm
Bị ngu si thu phục
Nên gần gũi người nữ.
Mặt trời không làm tối
Lửa cũng không làm lạnh
Người nữ chẳng yêu thương
Thương ít luôn thay đổi.
Việc này vững như đất
Như gió động, không ngừng
Người nữ không biết ân
Nên có lỗi như vậy.
Người nam dù nhiều năm
Cung phụng cho người nữ
Suy yếu sẽ bị bỏ
Như chim bỏ ao khô.
Bay lên không rơi xuống
Đá nặng chẳng bay được
Núi cũng không đi được
Nữ là bạn không tốt.
Luôn luôn là chướng ngại
Phá bỏ những chánh pháp
Bên trong không lợi ích
Tạo ra tất cả lỗi.

Kim cang có thể mềm
Mặt trời có thể lạnh
Người nữ luôn dối gạt
Bản tánh là như vậy.
Không lời yêu thương nào
Hay tài vật cung phụng
Mà thâu phục người nữ
Tâm như gần lửa dữ.
Được vui thì đi theo
Gặp khổ sẽ xa lánh
Không nghĩ đến ơn huệ
Tâm luôn tạo tội lỗi.
Hưởng vô lượng dục lạc
Ở trong các vườn rừng
Đến khi bị suy khổ
Người nữ chê, lánh xa.

Thấy Thiên nữ xa lánh mình, Thiên tử suy nghĩ tất cả pháp thế gian đều như vậy nên nói kệ trên. Người nữ tánh cứng cỏi, thấy Thiên tử sắp thoái đọa liền lánh xa gần gũi Thiên tử khác. Ví như mùa đông hoa sen héo, loài ong thấy vậy bay đến nơi khác. Bỏ Thiên tử ấy, Thiên nữ đến chỗ Thiên tử khác trỗi năm âm nhạc vui chơi ca múa hưởng lạc trong vườn rừng ao suối, nghe tiếng chim hót dưới rừng cây xinh đẹp quên Thiên tử trước kia cùng thọ lạc với Thiên tử khác giống như cách trăm ngàn đời. Thấy Thiên tử trước thoái đọa, trong nháy mắt đã quên công đức của Thiên tử ấy. Người nữ là vậy, quên hết ân huệ. Tánh của người nữ không luyến ái, chỉ tham tài vật nên gần gũi, hoặc chỉ thỏa mãn sự cần thiết của mình mà gần gũi người nam, bản tánh không dừng yên một nơi nào. Từ quá khứ, vị lai, hiện tại không ai hiểu được tánh của người nữ, vì tâm luôn thay đổi như vòng lửa, như thành Càn-thát-bà, như sóng nắng, không thể nào nắm bắt. Tánh của người nữ là vậy, bỏ Thiên tử thoái đọa để đi đến Thiên tử khác. Nhờ bản nghiệp huân tập, Thiên tử sắp thoái đọa ấy nói kệ:

Chư Thiên tâm dao động
Phóng dật ham dục lạc
Không lo sợ thoái đọa
Nhất định bỏ cõi trời.
Chư Thiên ở cõi nào
Đều phải bị thoái đọa

Như ban ngày đã hết
Thì ban đêm xuất hiện.
Ban ngày như mạng sống
Đêm như sự thoái đọa
Đã biết hai thứ ấy
Hãy nghĩ sự vô sinh.

Thiên tử ấy nghĩ đến đời trước của mình là ví dụ theo thời gian cõi người, không lấy thời gian cõi trời để ví dụ. Vì sao? Vì cõi trời không có ngày đêm, do ánh sáng của chư Thiên nên luôn luôn là ngày. Quan sát như vậy một thời gian, Thiên tử ấy trở lại tướng chư Thiên không còn thoái đọa, hưởng được quả báo của nghiệp thiện. Thiên tử lại vui chơi thọ lạc, nghe năm âm nhạc trong vườn rừng khe suối, ao sen, núi non, cùng các Thiên chúng, Thiên nữ thọ nhận hoan lạc, hưởng quả báo vui theo nghiệp của mình, đến khi nghiệp thiện hết, bị thoái đọa đến đi theo con đường trước, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh hoặc được sinh vào cõi người, ở nơi an ổn, tùy thuận chánh pháp, thông minh tài trí, được mọi người yêu mến, hoặc được làm vua, quan. Nếu làm vua thì không sợ nước khác gây chiến, luôn an lạc là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Dạ-ma. Dùng văn tuệ biết cõi ấy có trụ xứ tên là Tâm tướng. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết người làm lành, tâm ý chánh trực, chánh kiến không tà vạy, biết rõ nhân quả thiện ác, không sát sinh, không trộm cướp *(như đã nói ở trước)*, không tà dâm: Tâm không nghĩ nhớ, cũng chẳng vui theo, ngay cả tranh vẽ người nữ cũng không nghĩ nhớ, không quan sát, luôn nghĩ điều lành, không thích nhìn, không tham đắm vị, không dùng tâm ái dục quan sát, dạy người đừng làm, mình không làm, không dạy người làm, tự lợi, lợi tha. Người này thoát khỏi phiền não, luôn làm lành, nghĩ đến thân mình, thấy thân nhơ uế, luôn nhớ rõ thân mình, không tham đắm người nữ, thoát khỏi lưới trói buộc của người nữ, xa lánh dục vọng của người nữ, được mọi người tin cậy. Giữ giới, hòa hợp với mọi người thì ngay hiện tại được lạc, lìa dục, không thích, không làm cũng chẳng nghĩ nhớ. Người này dập tắt lửa dục, là người dụng tâm bậc nhất, an vui nhất. Sau khi chết vị ấy sinh lên trụ xứ Tâm Tướng của cõi Dạ-ma thuộc đường lành. Ở đó, tha hồ thọ hưởng diệu lạc, thân sáng, không xương thịt, luôn thọ hưởng diệu lạc theo công đức của năm dục, thành tựu mọi dục lạc, có trăm ngàn Thiên nữ vây quanh như các ngôi sao bao quanh núi Tu-di, thân thể xinh đẹp rực rỡ. Nhờ nghiệp thiện hóa sinh, thân có vầng

ánh sáng bao quanh, vô số ánh sáng từ thân hóa ra. Các Thiên nữ vui chơi hưởng lạc, trỗi năm âm nhạc, hưởng diệu lạc nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc. Người ấy tự nghĩ: Ta nên đến những chỗ đẹp khác. Nhờ oai lực của nghiệp thiện, ngay lập tức Thiên nữ quan sát tâm người ấy, nói với Thiên tử: Vì sao chúng ta chỉ ở đây? Còn có những nơi vui chơi khác, chúng ta hãy đến núi Thiên điện, trên núi có vô số vật báu, còn có vô số trăm ngàn cõi trời khác, chúng ta hãy đến đó. Như vậy, Thiên tử vui mừng nói: Tùy ý các ngươi, chúng ta sẽ đến đó. Nói xong, Thiên tử bay lên hư không, đến núi Thiên điện. Núi ấy có vô số vật báu, vô số Thiên tử, Thiên nữ, tiếng ca vang khắp năm trăm do-tuần. Trên hư không đầy dẫy Thiên chúng, Thiên nữ ca hát bên đường làm cho Thiên tử này vui vẻ. Đến đó, họ vội vàng leo lên núi. Từ xa, nghe tiếng ca Thiên nữ vọng lại, Thiên tử ngạc nhiên vội đến trước họ. Đến nơi, Thiên tử nhìn thấy vô số cảnh đẹp, ao sen, vườn rừng bảy báu, Thiên tử vui mừng nhìn ngắm hưởng lạc, nghe tiếng suối reo, thấy chim chóc bay lượn lên xuống, xen lẫn trong đó là những dãy dinh thự ngang dọc được trang trí bằng bảy báu rất đẹp, cây cối sum suê, trong hang có nhiều thiên nga, vịt trời, uyên ương kêu rất hay, vô số phướn lọng phất phơ trong gió ai thấy cũng thích. Trong hư không có cung điện di động qua lại, tụ tán, có ánh sáng báu rực rỡ. Họ lại nghe tiếng ca hát của những người khác, nghe những tiếng vui đùa, thấy những khối bảy báu cao thấp xinh đẹp, núi, hoa xinh đẹp đủ hình sắc. Họ chạy nhảy vui chơi, ôm nhau, Thiên tử, Thiên nữ vây quanh trên núi Thiên điện. Họ ở trong hư không, quan sát điện này, vui vẻ bảo các Thiên nữ: Các ngươi có thấy núi Thiên điện này đáng yêu mà mọi thứ đẹp không? Nghe xong, các Thiên nữ thưa: Thiên tử xin hãy biết, tôi đã thấy và đã từng thấy trăm ngàn lần. Thiên tử! Nếu chưa thấy, hãy nhìn kỹ nơi này. Nói xong, Thiên tử cùng Thiên nữ từ hư không bay xuống, gần đến nơi, các Thiên tử đang hưởng lạc ở đây thấy vậy đều vui mừng ra đón, nhìn ngắm Thiên tử mới sinh, vui vẻ nắm tay nhau nói: Thiên tử là bạn của chúng tôi, như vậy Thiên chúng càng nhiều, sức mạnh càng lớn. Ngài hãy cùng các Thiên tử thọ lạc. Ở đây có nhiều Thiên tử, ánh sáng rực rỡ. Chỗ Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà cũng có nhiều Thiên tử, Thiên nữ vui chơi hưởng lạc. Lại có Thiên tử khác, thấy Thiên tử mới sinh thì chắp tay cung phụng, lại nói: Hôm nay ông đã đến núi này, ở đây có vô số Thiên chúng, Thiên nữ vây quanh hưởng lạc. Lại có Thiên tử khác, nhờ nghiệp thiện được vui chơi trong hoa sen. Đây là nơi đẹp nhất, hôm nay ông đã đến đây. Nghe vậy, Thiên tử mới sinh hỏi Thiên nữ của mình: Thiên vương cõi Dạ-ma đang thọ

hưởng hoan lạc theo công đức của năm dục ở đâu? Nghe thế, Thiên nữ đáp: Chúng ta hãy cùng đến chỗ Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà thọ lạc. Thiên tử mới sinh liền cùng Thiên nữ đến chỗ Thiên vương thọ lạc, vừa đi vừa ca múa, trông thấy Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà ngồi trong rừng hoa Ưu-bát-la đỏ. Hoa Ưu-bát-la đỏ có trăm ngàn cánh. Trong mỗi cánh hoa có nhà như cái động. Bên trong có Thiên nữ, hương thơm, chim chóc vui chơi. Những con chim ấy là giống chim ở nước, tiếng hót rất hay. Cõi ấy có nhiều hoa Ưu-bát-la đẹp như thế. Thiên nữ của Thiên vương trang sức các loại y phục, vật báu sáng rực, do màu sáng của ngọc báu Ưu-bát-la đỏ nên thân họ cũng có màu đỏ. Do màu đỏ của ngọc báu Ưu-bát-la nên làm cho ánh sáng ngọc báu khác cũng đỏ. Màu sắc ngọc báu xích liên hoa thì rực rỡ hơn ánh mặt trời mùa thu. Họ ở trong cùng các loài ong thọ hưởng hoan lạc theo công đức của năm dục. Thiên tử, Thiên nữ ở trong hoa Ưu-bát-la suy nghĩ: Chúng ta muốn uống rượu. Ngay lập tức trong cánh hoa có nhiều loại rượu thơm, ngon, mát chảy ra. Họ cùng Thiên vương uống rượu thọ lạc. Họ lại muốn trong hoa phát ra âm thanh, thì lập tức gió thổi động cánh hoa va chạm nhau, phát ra âm thanh mà năm loại âm nhạc không bằng một phần mười sáu, nghe tiếng ấy họ vui mừng càng hưởng dục lạc nhiều. Họ ở đây cùng Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà cùng thọ hưởng hoan lạc. Họ lại muốn vui chơi thọ lạc nên tự nghĩ: Ta đang vui chơi trong cánh hoa Ưu-bát-la, làm sao hoa này bay lên hư không? Lập tức hoa Ưu-bát-la như con thiên nga bay lên hư không. Ở đó Thiên tử quan sát các khu rừng phía dưới, có các Thiên tử nhờ nghiệp thiện nên được vui chơi hưởng lạc. Thiên tử cùng Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà ở trong cánh hoa Ưu-bát-la vui chơi thọ lạc, đi khắp mọi nơi, thọ hưởng đủ mọi dục lạc. Nhờ khéo giữ giới nên được quả báo tương xứng, thọ hưởng diệu lạc. Vì sự giữ giới có thượng, trung, hạ nên diệu lạc thọ hưởng cũng có thượng, trung, hạ. Ở đây nhìn ngắm mọi thứ, hưởng các hoan lạc rồi họ ra đi đến núi Thiên điện của cõi Tâm tướng. Nhìn thấy mọi thứ, Thiên tử mới sinh rất vui mừng, cùng các Thiên nữ đến chỗ hoa Ưu-bát-la của Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà. Các Thiên nữ ca múa vui chơi ở cõi Dạ-ma thọ nhận diệu lạc theo cảnh giới của công đức nơi năm dục. Do ánh sáng đỏ của hoa Ưu-bát-la nên thân của Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà cũng có màu đỏ giống như màu đỏ A-thư-già mà sắc đỏ vốn có của Thiên vương không bằng một phần mười sáu. Thọ nhận hoan lạc như vậy, Thiên tử mới sinh lại tiến đến gần Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà, chắp tay đảnh lễ, đang cúi đầu, thì Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà nói kệ:

Những nghiệp thiện đã tạo

Giữ gìn ba loại giới
Nghiệp có được quả này
Giờ thọ hưởng diệu lạc.
Đừng nên sống phóng dật
Hưởng hết nghiệp vô ích
Hãy tu thêm nghiệp thiện
Đừng sống trong phóng dật.
Siêng năng làm việc lành
Trừ bỏ việc bất thiện
Làm lành được an vui
Làm ác chịu khổ não.
Ai siêng năng không ngừng
Tu tập các nghiệp thiện
Sẽ luôn hưởng an lạc
Sau đạt được Niết-bàn.
Ai sống trong phóng dật
Lưu chuyển theo việc ác
Khi nghiệp thiện đã hết
Sẽ đi vào địa ngục.
Nếu tạo nghiệp thanh tịnh
Luôn luôn siêng năng làm
Đạt được nơi bất thoái
Không có chút khổ đau.
Ai bị căn sai khiến
Lại đuổi theo cảnh giới
Bị ràng buộc mọi thứ
Luôn đi trong sinh tử.
Ai không nhiễm pháp ác
Như vàng đã tôi luyện
Thoát khỏi đồng trống hữu
Luôn được nơi an ổn.
Ai sống trong phóng dật
Phóng dật gốc bất lợi
Trừ bỏ là điềm lành
An ổn không suy não.
Ngươi vừa mới thọ sinh
Hưởng diệu lạc tương xứng
Hãy phát tâm cẩn thận

Đừng đắm trong nhiễm ô.
Phóng dật sai chư Thiên
Người nữ cũng như vậy
Lửa người nữ thiêu đốt
Luôn luôn chịu đau khổ.
Vì thế các Thiên tử
Hãy xả bỏ người nữ
Kẻ tham dục ngu si
Bị tâm ý ràng buộc.
Không biết pháp, phi pháp
Đáng làm, chẳng đáng làm
Những người phước đức ít
Cách Niết-bàn quá xa.
Biết đúng pháp khinh, trọng
Thực hành không sai sót
Cầu pháp, quả báo pháp
Sẽ có được an lạc.
Người bị tâm lôi kéo
Không điều phục ngựa căn
Dùng tri túc dắt tâm
Mạnh mẽ đến chốn vui.
Dây tri túc buộc tâm
Cảnh giới tâm cũng vậy
Người dũng an trụ được
Là bậc Trí trong đời.
Được cõi trời xinh đẹp
Và vô số an lạc
Ai không tham dục lạc
Đến được nơi an lành.
Người đã tạo nghiệp lành
Được cảnh giới đáng yêu
Nay ở cõi Dạ-ma
Đừng nên sống phóng dật.
Thiên tử mới sinh này
Ở trong hoa Bát-la
Cùng Thiên chúng, Thiên nữ
Hưởng quả báo của nghiệp.
Dây nghiệp quả khó gỡ

Từ tâm biến hóa ra
Chúng sinh bị si gạt
Lưu chuyển theo ngu si.
Kẻ thù mười hai nhập
Khéo léo dối gạt tâm
Ở trong vòng sinh tử
Lưu chuyển trong thế gian.
Quá, hiện tại, vị lai
Chư Thiên đều thoái đọa
Ở cõi trời như vậy
Chúng sinh mãi trôi lăn.
Trong núi Tỳ-lưu-ly
Vườn rừng thật xinh đẹp
Núi rừng không chuyển động
Chư Thiên mãi lưu chuyển.
Vườn rừng thật đáng yêu
Các cõi đều như vậy
Thường còn không hư hoại
Chư Thiên mãi lưu chuyển.
Cọng hoa bằng lưu ly
Vàng ròng rất xinh đẹp
Hoa sen luôn là vậy
Chư Thiên mãi lưu chuyển.
Ao hồ rất đáng mến
Có chim chóc trang nghiêm
Còn vậy mãi không thiếu
Chư Thiên mãi lưu chuyển.
Phòng nhà không thay đổi
Hành lan cũng như vậy
Tồn tại chẳng hư hoại
Chư Thiên mãi lưu chuyển.
Bị cảnh giới dối gạt
Lưu chuyển trong thế gian
Cớ sao ở cõi trời
Tâm không chịu lìa bỏ.
Tâm chạy theo sinh tử
Vì huân tập bền chắc
Chịu những khổ não lớn

Vẫn không hề hay biết.
Như đồ tể dắt dê
Bỏ hết vào trong chuồng
Rồi đem giết từng con
Con sống chẳng lo sợ.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 40

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 19)

DẠ-MA THIÊN (Phần 5)

Quở trách như trên xong, Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà cùng vô số trăm ngàn Thiên chúng ra khỏi hoa Ưu-bát-la, đi đến ngọn núi khác tên Nhất thiết quan sát. Núi này lớn năm trăm do-tuần, có đủ bảy báu, ao hồ, vườn hoa, chim chóc, đủ vô lượng công đức. Vì thích vui chơi thọ lạc, Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà lên núi này. Núi này rất đẹp, dưới chân núi có suối tên Ái kiến bao quanh ngọn núi. Trong ao có ngọn Giác phong, từng tầng núi bằng bảy báu, tầng núi như vòng xuyến. Tầng núi bảy báu phóng ánh sáng rực rỡ, hình dáng như cánh tay dựng đứng, lớn năm trăm do-tuần. Trên đỉnh có bảy tầng lan can bao quanh:

1. Lan can vàng.
2. Lan can bạc.
3. Lan can lưu ly.
4. Lan can báu xanh.
5. Lan can xa cừ.
6. Lan can báu xích liên hoa.
7. Lan can kim cương.

Các Thiên chúng, Thiên nữ xinh đẹp hát hay, trang sức lộng lẫy. Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà cùng vô số Thiên chúng, Thiên nữ đến núi Nhất thiết quan sát, thấy Thiên chúng ở đây, Thiên vương nói kệ:

Khắp cả cõi Dạ-ma
Núi này cao hơn hết
Lúc nào cũng có nhiều
Các Thiên chúng ở đó.
Núi đẹp lại sáng rực
Trang trí bằng bảy báu
Có sông nước trong sạch

Ao hoa sen bao quanh.
Vườn rừng rất khả ái
Có nhiều nai, nhiều chim
Trong ao có ngọn núi
Cao thấu đến hư không.
Chư Thiên này luôn vui
Trang sức vòng hoa trời
Ca múa tâm hoan hỷ
Có rất nhiều Thiên nữ.
Năm âm nhạc vui tai
Ai thấy cũng thích nhìn
Núi này luôn vui nhộn
Ánh sáng bao xung quanh.
Nhờ nhân thiện đã làm
Giữ gìn ba luật giới
Thiên chúng ở núi này
Vui chơi hưởng dục lạc.
Ta đã từng ở đây
Vui chơi thọ hưởng lạc
Đây là cõi dục lạc
Do nghiệp thiện hóa sinh.
Cõi này đã từng có
Chư Thiên si thoái đọa
Chúng sinh sống phóng dật
Như trâu bị người giết.
Chết mà vẫn không hay
Như trâu chẳng lo sợ
Chư Thiên biết sự chết
Không nên sống phóng dật.

Thấy tất cả trăm ngàn na-do-tha Thiên chúng, Thiên nữ cảnh sắc hoan lạc của núi Nhất thiết quan sát, quan sát nghiệp quả của chư Thiên cõi này xong, Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà lại quan sát chư Thiên ngu si sống phóng dật, trôi trong dòng sông ái, không biết chán, bị lửa dục thiêu đốt, vì thương xót nên đã nói kệ cho họ. Thiên vương lại vào núi ấy thọ hưởng theo nghiệp, bị nghiệp dẫn dắt, tâm loạn động, cùng trăm ngàn Thiên nữ vào nơi vui chơi. Thấy Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà, chư Thiên trú ở chốn cũ liền ra nghênh đón, có người ở trong hư không, có người dùng hương thơm xoa thân, có người ngồi trên lưng chim, người ở trong nhà, có người cùng Thiên

tử bay lên hư không trỗi năm âm nhạc ra đón Thiên vương Dạ-ma. Tất cả đều trang sức khác nhau để đón Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Chư Thiên ở trong hư không rải hoa thơm cúng dường rồi đến chỗ Mâu-tu-lâu-đà, có Thiên tử lại lấy nhạc cụ bằng vàng tấu lên và ca ngợi rồi đến chỗ Thiên vương, có người cầm vòng hoa, hương của hoa này ai ngửi được sẽ sinh dục vọng, ở trong hư không gió thổi y phục dao động, đến chỗ Thiên vương, có người ở trong hư không ca ngợi rồi đến chỗ Thiên vương, có ngần ấy Thiên tử trang sức khác nhau, vì lúc tạo nghiệp có thượng, trung, hạ nên phục sức cũng có thượng, trung, hạ. Mọi người đều ca ngợi rồi ra đón Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà đến núi Nhất thiết quan sát. Nhờ oai lực của Thiên vương và nhờ nghiệp thiện nên có vô số cảnh giới dục lạc nơi công đức của năm dục thù diệu. Thiên chủ cùng Thiên chúng ở trong ao sen, vườn hoa thọ hưởng mọi dục lạc, tuần tự lên đỉnh núi này. Đến nơi nhờ oai lực nghiệp thiện họ thấy cửa đường ác mở. Khi có Thiên nữ sắp thoái đọa thì chín tướng hiện ra:

1. Da mềm nhão vì nhăn nheo.

2. Thân lay động vì thân lay động nên vòng hoa trên đầu bị rơi.

3. Hoa đỏ trên đầu biến thành màu vàng.

4. Gió thổi vào y phục trơn mịn trở thành y phục thô như y phục cõi người.

5. Bay trong hư không thì mỏi mệt, đi trên mặt đất cũng vậy.

6. Thân xuất mồ hôi, trước sạch sẽ bây giờ dơ dáy.

7. Khi đến cây hái hoa trái thì cành cây nâng cao không thể hái được.

8. Khi Thiên tử đến hành dục thì thấy Thiên nữ xấu.

9. Gió thổi vào tóc làm tóc cứng rối.

Chín tướng này hiện ra trong vòng mười ngày nơi cõi trời bằng hai ngàn năm cõi người, nhưng vẫn chưa thoái đọa. Thiên nữ còn có hai tướng thoái đọa nữa hiện ra:

1. Tâm dục nhiều không dừng yên.

2. Mặt đất họ đi không mềm, đặt chân không được, cất chân không được, không đứng được.

Nói với các Thiên nữ khác: "Tôi buồn khổ, hãy đến đây với tôi". Thiên nữ lại có tướng khác hiện ra: Môi luôn dao động dù không nói, quên hết những bài ca điệu múa ngày trước. Lúc mới thọ sinh, nhờ nghiệp thiện nên tự nhiên biết được bài ca điệu múa, nhưng nghiệp thiện hết, sắp thoái đọa thì quên hết. Thiên nữ đến trước ao sen, dòng sông soi thấy nơi mình

sắp thọ sinh, thấy hình tướng thọ sinh. Những vật trang sức trên thân như anh lạc, vòng xuyến đều trở nên nặng. Thiên nữ ngồi đâu thì chỗ ngồi đều biến đổi. Những tòa báu bằng vàng, lưu ly, Nhân-đà-la-ni đều biến thành tòa gỗ. Những nơi mình đã từng thấy bây giờ đều đổi khác. Toàn thân mồ hôi xuất ra như con người. Thấy các Thiên chúng quay tròn như vòng quay, không thấy được thân họ, các căn không ham cảnh giới, tự nghĩ: Ta không còn cứu được, mạng sống sắp hết nên thấy nơi sắp thọ sinh, thấy thân sắp thọ sinh như đã nói ở trước. Khi thấy mạng sống sắp hết Thiên nữ sinh tâm trung hữu. Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà thấy Thiên nữ sắp thoái đọa buồn chán, nên nói kệ:

Người nữ trói thế gian
Dối gạt thêm tranh chấp
Phi pháp phá chánh pháp
Là nơi nhiều tội lỗi.
Bị dục nữ sai khiến
Thiên tử bị trói buộc
Khi thần chết đến nơi
Hủy hoại cùng dẫn dắt.
Người nữ dùng trò chơi
Dối gạt các nam tử
Sau đến lúc thoái đọa
Theo nghiệp mình ra đi.
Vui chơi và thọ lạc
Trong vườn rừng ao hoa
Sông suối hay hang núi
Sau Thiên nữ thoái đọa.
Thiên nữ phải đọa lạc
Sẽ xa lìa ân ái
Trượng phu thấy như vậy
Vẫn hành dục không thôi.
Xả bỏ cõi đời này
Tăng trưởng thêm tham ái
Bị người nữ trói buộc
Không thể nào thoát khỏi.
Dây dục nhiễm lớn nhất
Trói buộc thế gian này
Hãy nghĩ cách khác đi
Thoát khỏi sự trói buộc.

Vô số mũi tên dục
Hại chư Thiên đến đâu
Dục nữ sai khiến ngươi
Phá trừ sẽ thắng được.

Quan sát Thiên nữ sắp thoái đọa không thể cứu được, dù cách nào cũng bị thoái đọa, Thiên vương lại quan sát chư Thiên thọ hưởng hoan lạc theo công đức của năm dục không sợ thoái đọa giống như súc sinh. Vì sao họ sắp chết mà không lo sợ? Thấy vậy Thiên vương lo sợ không nói cho người khác biết. Vì sao? Vì không đúng thời nói pháp. Nói sẽ bị người ta xem thường. Còn chư Thiên khác thọ hưởng cảnh giới dục lạc. Tuy Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà nghĩ đến nỗi lo sợ của thần chết nhưng vẫn cùng các Thiên tử vui chơi thọ lạc trong vườn rừng, ao sen trên núi Nhất thiết quan sát. Sáu căn tham ái, thích cảnh giới vườn rừng, ao sen, cùng nhau ca múa, ăn uống, thọ hưởng xúc hương vị nghe tiếng ca hay. Sau đó họ đến lan can bằng lưu ly của núi để đi chơi. Vào đó, ánh sáng trên thân chư Thiên biến mất là do ánh sáng của lưu ly nên thân họ cùng màu xanh. Thấy vậy, chư Thiên ngạc nhiên, nói với nhau: "Chúng ta đã từng nhìn thấy trăm ngàn cung điện nhưng chưa từng thấy núi báu xanh sáng rực như vậy!". Nói xong, trong đó có một Thiên tử trú ở chốn cũ nói với tất cả chư Thiên mới thọ sinh: Như những gì trước kia ta đã nghe, hôm nay ta sẽ nói cho các ông nghe vì sao có ánh sáng ấy. Vào thời quá khứ xa xưa, Thiên vương cõi Đâu-suất xuống cõi Diêm-phù-đề thành tâm cúng dường đấng Chánh Biến Tri. Cúng xong, vị ấy đến núi Nhất thiết quan sát này, vì thương xót chư Thiên cõi Dạ-ma nên để lại một hạt châu. Thấy ánh sáng hạt châu chư Thiên cõi Dạ-ma biết được nghiệp quả có nhẹ có nặng nên bỏ tâm kiêu mạn. Chư Thiên cõi Dạ-ma sống phi pháp, sau khi thấy hạt châu này biết được sự hơn kém của chư Thiên cõi Dạ-ma và cõi Đâu-suất, tự biết dục lạc của mình, ánh sáng, màu sắc, hình tướng kém hơn cõi Đâu-suất, mạng sống, chỗ ở, nghiệp quả cũng kém. Thấy ánh sáng hạt châu, họ vui mừng khôn xiết, người nào sống phóng dật thì bỏ tâm kiêu mạn, người nào sống theo chánh pháp thì càng tăng trưởng. Vì vậy Thiên vương cõi Đâu-suất để hạt châu ở đây. Nghe vậy, chư Thiên vui mừng thán phục, thích nhìn. Chư Thiên cùng nhau tìm kiếm hạt châu này. Họ tìm thấy một nơi có ánh sáng rực rỡ gấp trăm lần phóng ra lấn hết ánh sáng của những hạt châu khác. Hạt châu ấy bị che lấp mà còn như vậy huống gì là không bị che. Tức là hạt châu cõi Dạ-ma che lấp hạt châu sáng lớn này. Loại bỏ những hạt châu khác, chư Thiên cõi Dạ-ma lấy ra được hạt châu này. Thấy ánh sáng hạt châu, chư Thiên cõi Dạ-ma bỏ tâm kiêu mạn, ánh sáng trên thân họ biến mất. Họ quan

sát kỹ bên trong hạt châu có viết kệ bằng vàng:

Trong sạch không nhơ uế
Luôn tùy thuận pháp hành
Nhờ không sống phóng dật
Luôn được hưởng an lạc.
Dù vui hay khổ não
Trẻ khỏe hoặc già suy
Dòng họ sang hay hèn
Thần chết đều giết hết.
Xinh đẹp hay thô xấu
Mạnh mẽ hoặc yếu kém
Cô độc và có chủ
Thần chết đều giết hết.
Vua quan hay tôi tớ
Kẻ tại gia xuất gia
Cứng chắc hoặc mềm yếu
Thần chết đều giết hết.
Giàu sang hay nghèo thiếu
Có công đức hay không
Bất luận là trai gái
Thần chết đều giết hết.
Đi đường hoặc ở nhà
Trong nước hay trên đất
Sống ở trong rừng núi
Thần chết đều giết hết.
Dù ngủ hay thức giấc
Đang ăn uống hoặc không
Kẻ não loạn thế gian
Thần chết đều giết hết.
Dù ở trên ở dưới
Hay ở bên thùng xe
Trong lúc xe đang chạy
Thần chết đều giết hết.
Tốt lành hay xấu ác
Sống đúng pháp phi pháp
Bệnh hoạn hay khỏe mạnh
Thần chết đều giết hết.
Kẻ ác hoặc người thiện

Keo kiệt hay rộng rãi
Phóng dật không phóng dật
Thần chết đều giết hết.
Dù địa ngục, ngạ quỷ
Súc sinh hay loài người
Sức mạnh không dừng nghỉ
Thần chết đều giết hết.
Chư Thiên ở cõi Dục
Hay ở trong cõi Sắc
Dù có sức mạnh lớn
Thần chết đều giết hết.
Chư Thiên cõi Vô sắc
Sống cõi Tam-bạt-đề
Dù có sức mạnh lớn
Thần chết đều giết hết.
Có sinh đều vô thường
Tất cả bị hủy hoại
Hết thảy pháp hữu vi
Nhất định phải hư hoại.
Thấy sức thần chết vậy
Nếu thấy lỗi dục lạc
Biết lời nói ân ái
Thoát khỏi biển sinh tử.
Trước vì tham dục vị
Hoan lạc của cảnh giới
Do đó đọa địa ngục
Ví như rắn nuốt lưỡi.
Thấy sự thoái đọa này
Biết sức mạnh thần chết
Khéo điều phục tâm ý
Biết tội lỗi của tâm.
Vườn rừng, ở trong núi
Hay ở trong nhà cửa
Chư Thiên đều thoái đọa
Bị lửa thời gian đốt.
Bị cảnh giới che lấp
Ngu si sống phóng dật
Lưới ái trói chư Thiên

Đưa vào chốn đường ác.

Thấy bài kệ trong hạt châu, chư Thiên đọc xong, người nào có hạt giống lành thì nghe kệ sinh tâm nhàm chán dục, còn chư Thiên ngu si mê đắm cảnh giới thì tuy nghe vẫn tham đắm vui chơi hưởng năm dục lạc, không biết chán. Thấy rõ bài kệ nói về tội lỗi của thế gian trong hạt châu ấy chư Thiên lấy làm lạ. Ánh sáng của hạt châu này rất hiếm có mà chư Thiên theo bản tánh phóng dật nên vẫn vui chơi hưởng mọi dục lạc nơi cảnh giới, không sao ví dụ được. Chư Thiên ấy tiếp tục phóng dật, cầm các nhạc cụ đi đến dòng sông Tất lưu, tham đắm cảnh giới, bị lưới ái trói buộc từ xưa đến nay dắt đến dòng sông đó, tiếng nhạc lôi cuốn tâm cùng nhau đùa vui thích thọ lạc. Trong sông có nhiều rừng cây, hoa sen che kín, chim chóc hót rất hay, hương sen ngấm vào nước sông. Hai bên bờ sông, chư Thiên vui chơi, ca múa thọ lạc, trỗi năm âm nhạc tiếng trầm bỗng, hưởng thọ nhận công đức của năm dục. Trong rừng cây hai bên bờ sông có nhiều loài chim tên Thọ kỳ gian trụ. Nhờ nghiệp thiện chúng vui mừng hót kệ lợi ích cho chư Thiên:

Sông núi thay đổi mau
Chư Thiên mất diệu lạc
Ngu si không hay biết
Cứ thế sống phóng dật.
Tất cả các chúng sinh
Thọ mạng dục lạc đổi
Ngu si không hay biết
Như kẻ mù trên đường.
Thà chịu mù không mắt
Không ngu si, tham dục
Vì tham đắm dục lạc
Nên đi vào địa ngục.
Mù không đọa địa ngục
Chỉ vì không biết pháp
Cho nên thà chịu mù
Không bị dục sai khiến.
Dục làm việc vô ích
Dối gạt kẻ ngu si
Chính vì tâm ngu si
Không trừ bỏ dục vọng.
Kẻ sống theo dục vọng
Không trí, chẳng biết gì

Không biết khổ từ dục
Lại luôn tham dục lạc.
Xem dục oán như bạn
Như quả độc Ba-ca
Hay đưa đến cõi chết
Luôn đi trong đường ác.
Như tất cả dòng sông
Nước chảy mãi không dừng
Diệu lạc trời cũng vậy
Đã mất không trở lại.

Chim ấy hót kệ về sự thật của nghiệp, Thiên tử kia nhờ tu tập nghiệp lành nên sau khi nghe lời kệ sinh tâm chán ghét, tự xét mình đang ở chỗ súc sinh mà nghe pháp này, biết được do sống phóng dật mà đọa vào đường ác. Nghĩ xong, trong Thiên chúng có một Thiên tử rời bờ sông, nói kệ:

Mạng sống của chúng sinh
Như bọt nước chẳng khác
Như nước chảy sóng dồi
Trẻ khỏe đều như vậy.
Tất cả các chúng sinh
Đều lệ thuộc thần chết
Các ngươi không tâm ý
Không nghĩ nhớ xét suy.
Những người chưa suy yếu
Người trong sạch ở đời
Nếu tu tập chánh pháp
Sẽ không vào đường ác.

Tùy thuận chánh pháp nói kệ xong, nghĩ nhớ pháp chẳng bao lâu, căn suy mất lực, Thiên tử không còn suy xét nữa. Thấy vô số cảnh giới năm dục đáng yêu nên tham đắm hưởng lạc, đi đến chỗ các Thiên tử khác say mê cảnh giới. Năm cảnh giới là nhân tăng trưởng thiên dục. Thọ hưởng dục lạc nơi năm cảnh giới đến khi nghiệp thiện hết bị nghiệp sai khiến, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, hoặc thoái đọa sinh vào cõi người sống nơi an ổn, không suy não, giàu có, thuộc dòng quý tộc, được mọi người kính trọng cung phụng, không lo sợ, không bệnh hoạn, thông minh tài trí, được mọi người yêu mến, dù là nô tỳ hay người làm công luôn hết lòng cung phụng, sống ở thành thị của nước lành, không ở nơi biên địa, sống ở nơi biết pháp phi pháp, năm căn đầy đủ, trí tuệ quyền lực. Nhờ nghiệp thiện đã huân tập nên được thánh nhân yêu mến, đủ ba công đức, nhất định sinh lên cõi trời

là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Dạ-ma. Dùng văn tuệ biết cõi ấy có trụ xứ tên là Sơn thọ cụ túc. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết người tu tập nghiệp thiện, tâm ngay thật, tùy thuận pháp hành, không mất oai nghi, giữ vững oai nghi, xa lánh bạn ác, luôn sinh tâm lành, sợ từng tội ác dù nhỏ như vi trần, chánh kiến không tà vạy, sống bằng chánh kiến, luôn tin nghiệp quả, tâm ý chánh trực, thân, khẩu, ý làm lành, giữ ba chi giới không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm. Không sát sinh, không trộm cướp đã nói ở trước. Không tà dâm là dù ban ngày thấy tượng của người nữ, tâm không nghĩ nhớ, ban đêm cũng thế, tâm biết đủ, luôn thâu giữ tâm, dùng dây tri túc buộc các căn, luôn niệm thân hộ tâm, luôn quan sát ấm, giới, nhập, không thích nói nhiều, không vào nhà người phi thời, không đi vào chỗ xấu ác, không đi phi thời, không gần chó dữ, không thường vào thôn xóm, thành phố, ngõ hẻm, không thường thăm viếng bạn cũ, không nhớ họ, luôn tu trí tuệ quan sát đúng chánh niệm, kính trọng gần gũi hầu hạ bậc tôn trưởng. Người này giữ giới như vậy, sau khi chết sinh lên trụ xứ Sơn thọ cụ túc của cõi Dạ-ma thuộc đường lành. Ở đây thọ hưởng mọi diệu lạc tương xứng, có đủ mọi dục lạc. Cõi này có hai ngọn núi bao quanh, trong núi có bốn khu rừng:

1. Nhị thanh ảnh.
2. Vô lượng phụ.
3. Nhất thiết thượng.
4. Thanh tịnh phụ.

Rừng Nhị thanh ảnh có ngọc xanh, cây xanh, lá bằng vàng bạc tươi đẹp không sao ví dụ được. Cung điện nhà cửa trong rừng phóng ánh sáng xanh soi đến năm trăm do-tuần, màu như mây xanh. Ba rừng sau: Vô lượng phụ, Nhất thiết thượng, Thanh tịnh phụ đều có cây cối đủ hình sắc hình tướng, đủ loại lá, chim chóc ở trong rừng. Lại có những cây vàng, lá bạc, lưu ly, cây san hô lá bạch ngân, cây tam bảo lá tạp bảo. Vì cây bằng tạp bảo nên bóng cây cũng có nhiều màu. Cành cây che rợp, khắp nơi đều có sông, nơi nào cũng đẹp, ong, chim rộn rã nhộn nhịp. Rừng thứ hai xinh đẹp như vậy. Rừng thứ ba có nhiều sông hồ, trong sông có nhiều chim khổng tước, câu-sí-la, tiếng hót rất hay, ở nơi xinh đẹp. Rừng thứ tư có vô số cây bằng tạp bảo, vườn rừng, sông hồ, ao sen. Bóng cây phản chiếu ánh sáng, cây cối đều như lưu ly, như chất vân mẫu. Chư Thiên vào đây thì thấy thân mình như lưu ly, vân mẫu. Núi này còn có uy lực khác: Chư Thiên nào sắp

thoái đọa, thần chết sắp chết thì thấy được nơi mình phải đi. Do thấy được nên chán pháp hữu vi, không sống phóng dật. Thấy được nơi mình thọ sinh là nhờ Thiên tử ấy đủ công đức và nhờ oai lực của nghiệp lành. Thiên tử ấy lại sinh trong núi Già-na. Thiên tử mới sinh sống phóng dật nhưng thấy sự thoái đọa sinh nơi ác nên không phóng dật nữa, thâu phục tâm ý. Nhưng chẳng bao lâu, lại tham đắm cảnh giới, năm dục, thọ hưởng công đức của năm dục ở trong vườn rừng, ao sen, trỗi năm âm nhạc, vô số Thiên nữ vây quanh, đủ chủng loại, phân biệt nghĩ nhớ khác nhau như đã nói ở trước. Nhờ nghiệp thiện đời trước, Thiên tử thọ hưởng năm dục lạc, sau đó lại thấy năm sắc tướng lạ. Thấy mình từ đâu đến đây, do nhân gì mà đến, thấy nghiệp nhân, biết thời gian thoái đọa, thấy nơi thọ sinh sau khi thoái đọa. Ở đó chịu đủ khổ vui, thấy người khác cũng có khổ vui như vậy. Vị ấy thấy thân mình trong trăm đời, ức kiếp đã từng sinh ở cõi này. Tuy biết số lần thọ sinh nhưng không biết thời gian thọ sinh. Vì sao? Vì trí kém không thể suy lường được. Người ấy thấy được uy lực của ngọn núi và nghiệp thiện như vậy. Thấy những việc Thiên tử sợ tội sinh tử chán ghét nghiệp thiện huống gì là phi phước nghiệp, bỏ hết tạp nghiệp, nhận thấy mọi thứ đều có lỗi đưa đến khổ não, vì trong đó xen tạp nhiều tội ác. Thấy như vậy rồi luôn lo sợ tránh xa tội ác sinh tử, càng nhiều suy não. Thấy sự ràng buộc nên không tham lạc, xem những dục lạc cõi trời là xúc vị sắc hương như chất độc, không thấy vui. Người ấy đã chán ghét những diệu lạc cõi trời sau đó nói với chư Thiên khác để họ làm lợi ích an lạc. Thiên tử ấy khéo tu tập thân, khẩu, ý lành, làm Pháp sư giảng thuyết chánh pháp cho người khác, nói pháp Phật cho những chúng sinh phóng dật, sợ phóng dật. Chúng sinh phóng dật sẽ sinh vào đường ác, liền nói năm sự lo sợ cho chúng sinh: sinh, già, bệnh, chết, nghiệp. Chúng sinh tạo nghiệp nên được nơi vui đẹp, lo sợ mất mát, chỉ cho họ biết, không vì tham vật, không có tâm dua nịnh, cũng chẳng mong cầu được cúng dường, cứ thuyết giảng chánh pháp cho người. Đem những gì mình nghe ra thuyết giảng ví dụ, sợ ít được nghe học lời Phật, đem những ví dụ về đời sau mà mình được nghe để suy lường giảng thuyết. Chính vì tâm tham lam, nói năng xuyên tạc làm nhân cho việc sinh tử lo sợ. Người này, thấy mọi nghiệp như vậy ở trong núi. Lại có sự thù thắng khác, giảng thuyết chánh pháp cho cha mẹ, người tôn kính, người bệnh, người tà kiến để họ sinh chánh kiến; thuyết pháp cho người sắp chết, nếu họ cho rằng sự sinh tử là ngẫu nhiên không có nhân duyên thì giảng pháp nhân duyên cho họ; thuyết pháp cho những người chưa được nghe pháp bao giờ; thuyết pháp cho những người đi trong đồng vắng, trên biển, kẻ phóng dật, vua, quan, những người trẻ tuổi buông lung, ngã mạn để họ

xả bỏ, nói rõ tội ác cho người dũng mãnh, kẻ sát sinh, kẻ phóng dật, ngăn chận sự giết hại; thuyết pháp cho những người thích tranh chấp mong sinh lên trời, kẻ điên đảo tranh đấu giết hại để họ không làm nữa; thuyết pháp cho những người săn bắn để họ trừ bỏ; thuyết pháp cho những người phụ nữ ganh ghét để họ không ganh ghét. Người này đã thuyết pháp chân thật cho mười hai hạng người, sau khi chết sinh lên cõi Sơn thọ cụ túc của cõi trời Dạ-ma. Ở đó, nhìn vào vách núi thấy rõ nghiệp sinh tử, chán ghét sự sinh tử. Còn những người không thuyết pháp cho người khác mà được sinh ở đây thì không thấy những nghiệp đó. Sau đó thọ hưởng dục lạc, vui chơi, thọ nhận công đức của năm dục, nghe tiếng nhạc, tiếng chim, thấy sắc đẹp, ngửi hương thơm. Trong ao sen có vô số loài ong rộn rã. Thọ lạc xong, họ lại đến chỗ bằng phẳng của ngọn núi để hưởng lạc, đủ công đức xinh đẹp. Các Thiên nữ ca ngâm thật hay, đủ sắc hương vị, vui mừng uống rượu. Uống rượu xong càng thêm phóng dật. Buông lung hưởng lạc một thời gian lâu, họ đến rừng Du hý. Nhà cửa ở đây toàn bằng lưu ly sáng như màu dung kim, có đủ bảy báu trang trí, có nhiều loài chim. Ở đây vui chơi, thọ lạc theo công đức của năm dục không biết chán, tâm luôn tìm cầu như lửa thêm củi được gió thổi vào. Phàm phu ái nhiễm chẳng biết chán đủ cũng thế. Vì sao? Phàm phu ngu si bị lưu chuyển từ vô thỉ, bị ái dối gạt, các căn không thỏa mãn với cảnh giới, từ xưa đến nay chưa từng biết đủ. Nhà cửa ấy rất đẹp, đủ các công đức. Họ ở đây thọ hưởng năm dục, muốn bao nhiêu đều được. Thiên tử ấy không phóng dật, sống cẩn trọng, thấy những người sống phóng dật thì thương xót nói kệ:

Tâm mong muốn điều gì
Đều được thỏa ý nguyện
Niệm lành đoạn ái dục
Nghiệp ái khiến ái tăng.
Những người sống thanh tịnh
Xem dục như dao, độc
Kẻ ngu không tịnh tâm
Thấy dục lại tham đắm.
Chính căn và căn trần
Là nhân duyên của tâm
Phiền não huân tập tâm
Cho nên lưu chuyển mãi.
Người dũng không nhiễm đắm
Pháp thanh tịnh, nhiễm ô
Tất cả sắc thường thấy

Có gì sai biệt đâu.
Hết thảy đều chỉ là
Cảnh giới duyên với tâm
Tốt nhất hãy điều tâm
Kẻ lỗi lầm thô bỉ.
Ví như một giống lúa
Mà có nhiều màu sắc
Nhiều nhân hòa hợp sinh
Tâm lưu chuyển cũng vậy.
Như bánh xe nhờ nước
Xoay tròn nên máy chạy
Do tâm nên nói năng
Lưu chuyển trong thế gian.
Phóng dật hoại chúng sinh
Tâm tham đắm vị dục
Lại luôn thăm sắc đẹp
Không biết tướng tương tục.
Soi vào sắc của rừng
Thấy thân do các nghiệp
Chư Thiên đã thấy rồi
Cớ sao vẫn tham dục.
Luôn tham đắm dục vị
Sau phải chịu xa lìa
Những ái dục như thế
Người trí không tham đắm.
Huống gì thân thể này
Là vô thường, trống rỗng
Cớ sao trong khổ báo
Kẻ ngu lại ham thích.
Chư Thiên đã thoái đọa
Bị nghiệp ác dắt dẫn
Cảnh giới luôn dối gạt
Không đạt được tịch tĩnh.

Thiên tử không sống phóng dật đã giảng thuyết cho chư Thiên phóng dật, nhờ tự nghiệp nên khi thấy được thật sắc chư Thiên lo sợ nghiệp. Vì lòng Từ bi Thiên tử lại thuyết giảng. Chư Thiên ở đó thọ hưởng vô số dục. Họ ở cõi bằng lưu ly nên soi thấy được sắc thân. Cõi đó lại có những khu rừng bằng lưu ly, bằng bạc, là Thường ảnh, Vô ảnh.

Rừng lưu ly Thường ảnh này có mặt đất mềm mịn, chim hót rất hay, hàng trăm ao sen, sông suối đẹp. Chư Thiên ở đây vui chơi thọ lạc. Rừng Thường ảnh có năm ao sen lớn, những con thiên nga, vịt trời, uyên ương cùng nhau kêu tiếng rất hay, hưởng diệu lạc. Có gió thổi đến làm nước sông nổi sóng làm cho những con chim ấy lúc gần lúc xa, nước sông trong sạch không nhơ. Những con chim ấy cùng nhau bay nhảy trên lá sen, hưởng diệu lạc. Năm ao lớn là:

1. Nhạo kiến.
2. Thủy túc.
3. Điểu lạc.
4. Thường hỷ.
5. Thiên lạc.

Trong ao lại có nhiều loại ong màu sắc hình dáng khác nhau. Chúng hút mật hoa và các rượu ngon khác. Hút mật hoa xong chúng kêu tiếng rất hay. Nghe được tiếng ấy chư Thiên cõi Sơn thọ cụ túc đi đến chỗ loài ong trong ao hoa. Nước ao trong sạch đủ sắc hương. Thấy nước ao, chư Thiên cùng Thiên nữ liền vào ao vui chơi thọ lạc đủ công đức của năm dục, lại còn hành dục. Ở đó có những sự hoan lạc như vậy, lại có những tiếng hay khác như tiếng ca tiếng nhạc, tiếng nước chảy, tiếng chim hót. Những tiếng này hòa hợp thành một âm thanh rất hay. Chư Thiên cùng Thiên nữ ở đây vui chơi thọ lạc, nghe nhạc. Sự vui chơi thọ lạc ở núi khác không như vậy. Khi những loài chim, nai ở cõi khác muốn ăn uống mà nghe được tiếng này thì không ăn nữa. Tiếng ấy lọt vào tai thì không mất, không uống nữa. Thiên chúng ở cõi trời khác nghe được tiếng này còn rất ngạc nhiên, huống gì là súc sinh. Cứ thế, chư Thiên cõi Sơn thọ cụ túc hưởng dục lạc ở năm ao sen kia trong thời gian lâu, nhưng vì tham rượu, dục lạc họ lại đến rừng thức uống. Rừng này có nhiều rượu nên gọi là Ẩm lâm. Nhờ lực nơi nghiệp thiện, khi chư Thiên đến đây thì nước ao trong sạch biến mất, rượu trời thơm ngon sinh ra. Mùi thơm của rượu xông khắp năm do-tuần, chư Thiên đi lại tùy ý muốn rượu sinh ra. Đây là dục lạc hơn hết của cõi trời. Vì tùy ý thọ lạc nên là lạc tối thượng. Chỉ có nó là diệu lạc không còn diệu lạc nào khác. Rượu này chỉ tùy niệm của họ mà đã là hoan lạc nhất, huống gì là hoan lạc nơi công đức của năm dục, năm âm nhạc, dục lạc cùng Thiên nữ thọ hưởng. Lại có những hoan lạc tùy ý, sự vui chơi và sự thọ hưởng khác nữa. Loại rượu này không có lỗi vì uống vào thỏa thích vô cùng không sao nói được. Chư Thiên này cùng Thiên nữ uống rượu buông lung thọ lạc, luôn bị

tham ái che lấp tâm, huân tập từ vô thỉ đến nay không sao bỏ được, bị tham ái dối gạt nên không biết chán, như thêm củi vào lửa. Chư Thiên cõi Sơn thọ cụ túc lại nghĩ: Hôm nay chúng ta lên đỉnh núi này. Họ yêu mến nhau, đồng một lòng vui vẻ, cùng thọ lạc, đến núi này. Nhờ nghiệp thiện thân họ sáng rực, họ dùng thần thông bay lên hư không để đến núi đó, nghe năm âm nhạc. Khắp núi ấy vang lên tiếng nhạc, hương thơm xông khắp núi, ánh sáng chiếu khắp hư không. Dùng thần thông lên đỉnh núi, họ thấy được vô số sông suối, ao sen, vườn rừng, nghe tiếng chim hót, nghe được hương thơm. Đỉnh núi bằng phẳng sáng rực. Họ cùng Thiên nữ vui chơi thọ lạc ở đây. Do nghiệp nên chư Thiên có được nhiều, ít, vừa các Thiên nữ khác nhau. Có người được một trăm, hai trăm, ba trăm, có người được một ngàn, hai ngàn, ba ngàn, hai vạn… họ ca hát vui chơi thọ lạc ở khắp các khu rừng. Trong ao sen có nhiều loài ong đẹp, vui chơi thọ lạc nghe năm âm nhạc. Núi này có nhiều vật báu trang sức. Họ dạo đi khắp ngọn núi này thọ hưởng hoan lạc. Đá ở núi này toàn bằng đá quý sáng hơn mặt trời. Mặt đất mềm mịn như tơ lụa đẹp nhất cõi Diêm-phù-đề, Cù-đà-ni, Đâu-suất và tơ lụa ở những cõi khác. Khi đặt chân xuống thì mặt đất lún, cất chân lên thì bằng phẳng. Mọi thứ vật báu, mặt đất, cây cối, vườn rừng, núi non của núi này đều mềm mịn, tiếp xúc được thì rất thích ý, mọi vật nhìn ngắm đều rất đáng yêu. Thiên tử, Thiên nữ ở đây cùng nhau vui chơi thọ nhận lạc theo năm dục. Họ ở đây ca hát vui chơi thọ lạc một thời gian lâu, họ nhìn thấy trong hư không có vầng ánh sáng lớn như Thiên cẩu. Thấy ánh sáng này, ngay cả chư Thiên thù thắng cũng ngạc nhiên, còn chư Thiên bậc trung thì không sao nhìn được. Họ lấy tay che mắt, đi vào bóng cây, chư Thiên bậc hạ thì không chịu đựng nổi, họ rất lo sợ cùng Thiên nữ vào hang báu. Những Thiên tử có oai đức lớn thì nhìn thấy được, lại quan sát kỹ, ngạc nhiên, họ tự nghĩ: "Đây là ánh sáng gì? Ai có ánh sáng vi diệu này? Ánh sáng diệu bảo của núi này bị ánh sáng khác chiếu soi nên không hiện ra được, chỉ như đốm lửa giữa hư không. Từ xưa đến nay ta chưa từng thấy!". Thiên tử ấy lại nhìn thật kỹ, thấy Thiên cẩu từ cõi trời hạ xuống có ánh sáng lớn chiếu khắp hư không như đuốc sáng rơi xuống. Nhìn lên, Thiên tử thấy Thiên cẩu như từ trên trời rơi xuống, biết được nó lớn nhỏ dài ngắn. Suy xét xong, Thiên tử ấy nói: Thiên cẩu này lớn bằng năm ngàn do-tuần, khắp hư không đều sáng rực không sao ví dụ được. Cứ thế ánh sáng dần dần xuống gần, Thiên tử dũng mãnh đó cũng không thể nhìn được nữa. Vì sao? Vì không phải cảnh giới của mắt Thiên tử ấy. Vì không nhìn được ánh sáng lớn đó, Thiên tử này cũng lấy tay che mắt lại.

Một lát sau, Thiên tử lại ngạc nhiên, mở mắt ra nhìn nữa, thấy Thiên cẩu đã xuống gần, tất cả Thiên chúng đều nghi ngờ hỏi nhau: "Vật gì ở trong hư không rất là lạ, từ hư không rơi xuống?". Họ không sao quyết đoán được, nói: "Đây là vật gì? Nhưng chỉ trong chốc lát Thiên cẩu trong hư không kia lại biến mất. Biết Thiên cẩu đi mất, những chư Thiên và Thiên nữ sợ hãi kia ra khỏi hang, không còn lo sợ, nói với nhau: "Đây là vật gì, cớ sao ta lại nghi ngờ, lo sợ, ngạc nhiên?". Họ hỏi như vậy nên chẳng ai quyết định được. Họ cứ hỏi như vậy mãi, sau đó lại vui chơi thọ lạc. Vì tâm loạn động nên vẫn tham đắm nơi cảnh giới và dục lạc khác, nghe năm âm nhạc. Vô số Thiên chúng cùng Thiên nữ vui chơi thọ lạc trong ao sen.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 41

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 20)

DẠ-MA THIÊN (Phần 6)

Bấy giờ, Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà cùng vô số trăm ngàn Thiên chúng, Thiên nữ ngồi trên hoa sen, bay lên hư không đi đến núi Già-na của cõi Sơn thọ cụ túc. Thấy các Thiên tử đầy đủ y phục, trang sức, hình sắc, công đức thù diệu, được Thiên nữ hầu hạ, thọ hưởng diệu lạc nơi công đức của năm dục, Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà vui vẻ cùng Thiên chúng tức tốc đến cõi Sơn thọ cụ túc. Thấy Thiên vương, chư Thiên và Thiên nữ cõi này vội ra nghênh đón, trổi nhạc, ca hát, vui mừng, hòa hợp, khen ngợi Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà, cùng lên núi. Họ ở đây cùng trổi nhạc ca hát vui chơi thọ lạc một thời gian lâu, nhìn lên hư không thấy Thiên cẩu từ trên trời rơi xuống, có những việc như đã nói ở trước. Thấy việc lạ đó, họ nghi ngờ lo sợ cùng đến gần Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà, nhìn thẳng lên hư không rồi quan sát. Nếu Thiên tử nào đã từng nghe về Thiên cẩu này thì bỏ phóng dật, cùng Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà thành tâm lạy Phật. Còn những Thiên tử kinh sợ thì trốn trong núi vàng, trốn dưới gốc cây. Hai hạng chư Thiên này không có sức dũng mãnh. Có Thiên tử chạy đến cầu cứu với Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Nhìn thấy vậy ai cũng nghi ngờ, ngạc nhiên. Thấy thế, Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà bảo họ: Này các Thiên tử! Dù biết hay không biết ánh sáng này từ trong hư không sắp rơi xuống đất, các ông đều đến đây. Trong chúng đó, những Thiên tử chưa từng biết việc này thì thưa với Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà: Chúng tôi thật chẳng biết gì về việc lạ ấy. Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà bảo các Thiên tử: Thiên chúng các ông hãy lắng nghe, ta sẽ nói về đốm sáng từ hư không rơi xuống đất kia cho các ông những kẻ lo sợ ngạc nhiên. Các ông hãy nghe đây: Cách cõi ta rất xa về phía trên có những Thiên chúng hình sắc, mạng sống, nghiệp nhân hơn ta gấp trăm lần, đó là cõi thanh tịnh nhất của Bồ-tát. Lúc ở cõi người, họ giữ năm chi giới, không bị thất thoát, bền chắc không phạm. Nhờ tu tập các thắng hạnh nên sau khi chết sinh ở cõi trời lành Đâu-suất-đà. Diệu lạc, vườn

cảnh, Thiên nữ, ánh sáng, sắc lực, trí tuệ lanh lợi, mạng sống lâu, thân, tâm, vật thọ dụng, nữ sắc… của cõi Đâu-suất gấp mười sáu lần ở cõi Dạ-ma. Công đức cõi trời ấy ta không thể nói được. Ánh sáng của cõi ta so với cõi ấy chẳng khác gì đom đóm giữa mặt trời, mọi thứ ánh sáng, vật dụng… đều không sánh bằng. Chư Thiên nơi ấy thọ hưởng diệu lạc rất lâu, diệu lạc đó tối thượng nhất. Diệu lạc nơi công đức của năm dục và cảnh giới mà họ thọ hưởng hơn cả diệu lạc của cõi Dạ-ma này. Thọ hưởng một thời gian, nghiệp thiện hết, họ bị kim cang vô thường phá hoại. Chúng sinh đều bị vô thường với chủng tử định, bất định, khi vô thường đến, thọ mạng của họ chấm dứt. Vì nghiệp thiện hết, nên họ bỏ cõi Đâu-suất đó. Tất cả pháp hữu vi đều dao động như ánh đèn, đều là sinh, trụ, diệt. Mọi vật trong ba cõi đều biến đổi. Như vậy pháp thường chính là sự biến đổi, sự hư hoại, không thường còn, không có gì là thường còn. Các pháp hữu vi đều bị biến đổi cho nên cõi Đâu-suất cũng biến đổi, như tim dầu của đèn hết thì ánh sáng mất. Ánh sáng mất thì bóng tối hiện, có ánh sáng thì bóng tối mất. mất ánh sáng thì bóng tối hiện. Như khi hạt giống biến mất thì có mầm mọc ra. Cứ thế khi nghiệp hết thì thân mạng mất, chư Thiên cõi Đâu-suất bị thoái đọa. Hiện nay, các ông thấy chư Thiên ấy bị thoái đọa, theo nghiệp mà có tướng như vậy, thân là vô ký. Tuy chết mà ánh sáng lại như vậy huống gì là ánh sáng do vô số nghiệp thiện hóa sinh thì thật thù thắng. Tất cả ánh sáng đều do nghiệp thiện hóa sinh. Từ nay các ông hãy biết tướng ấy là như vậy. Nếu chưa chết, chư Thiên ấy có ánh sáng oai đức, sự trang sức, nghiệp lực như thế nào? Việc ấy không sao nói hết, chẳng thể ví dụ được. Thiên tử ấy do bốn nghiệp thiện thù thắng hóa sinh mà còn chết, huống gì là chúng ta chỉ do ba chi giới và một ít nghiệp thiện hóa sinh. Các ông sinh ở cõi Dạ-ma đều bị vô thường hủy hoại đều là nhơ uế, cho nên chư Thiên ấy đặc biệt hơn mà còn bị hủy hoại huống gì là các ông lại không bị hư hoại sao? Bấy giờ Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà nói kệ:

Sao vô thường Thiên cẩu
Sáng rực cõi Đâu-suất
Hết năng lực thì mất
Dầu tim hết, đèn tắt.
Bị nghiệp lực công phá
Gồm có mười hai căm
Bánh xe nghiệp lưu chuyển
Thượng, trung, hạ không ngừng.
Tham đắm các cảnh giới
Trang sức đủ các loại

Luôn luôn muốn đầy đủ
Thoái đọa mất quyền lực.
Do thời tiết thuận lợi
Cỏ cây phát sinh ra
Nhưng đến lúc nào đó
Chúng sẽ bị khô héo.
Đúng lúc thì chư Thiên
Hưởng hoan lạc cõi trời
Nhưng đến lúc nào đó
Thoái đọa mất quyền lực.
Khi nghiệp đã hợp thời
Lưu chuyển ở thế gian
Cũng theo thời gian đó
Hết vui lại chịu khổ.
Dù hưởng lạc chịu khổ
Đừng tin cảnh giới còn
Tất cả các nhân duyên
Khổ vui đều sai khác.
Mọi thứ đều chẳng vui
Nghiệp lực đủ sức mạnh
Tất cả khổ, vô thường
Chính là vì nghiệp nhân.
Nên có quả sai khác
Pháp hữu vi thay đổi
Muốn biết nhân duyên này
Hãy biết bốn Thánh đế.
Đã biết bốn Thánh đế
Nhất định được giải thoát
Kẻ si tham cảnh giới
Xoay chuyển ở thế gian.
Nếu người nào biết được
Thế gian là vô thường
Sẽ sinh tâm giải thoát
Ngăn những tâm độc ác.

Cõi Dạ-ma có những sự phân biệt đáng sợ như vậy. Thiên vương Dạ-ma đã nói đúng pháp cho chư Thiên nghe. Nghe xong, có Thiên tử nhàm chán dục lạc, có người chán ngán sự sinh tử, có người sợ sinh tử nhưng tâm lại loạn động ham thích cảnh giới.

Trong núi Già-na có các vườn cây, vui chơi, sông suối, ao sen xinh đẹp, cây cối sum suê, nhiều kho báu, chim chóc hót rất hay, có bảy thứ báu lớn trang trí núi, có các cảnh giới đẹp sắc thanh hương vị xúc. Họ cùng Thiên nữ vui chơi thọ lạc cảnh giới quên hết sự chán ngán trước, không còn nhớ gì cả. Các cảnh giới trước vui sau khổ. Thiên tử cùng Thiên nữ vui chơi thọ lạc ở trong núi, tâm như khỉ vượn buông lung thọ lạc, Thiên chúng lại cùng Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà trở về, có người bay lên hư không, có người ngồi trên hoa sen, có người ngồi trên những thứ khác như chim khổng tước, voi trắng, thiên nga, vịt trời, uyên ương. Các Thiên nữ vây quanh ca múa trỗi nhạc như Thiên chúng, đến trước Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà để vào rừng vui chơi. Họ biết rõ những cõi của Thiên vương nên có người chán ngán cảnh giới, có người lại phóng dật, thọ hưởng dục lạc nơi cảnh giới. Chư Thiên đó có những sự sai khác như vậy. Chư Thiên cõi Sơn thọ cụ túc vui chơi hưởng lạc trên núi Già-na. Trong đó có người chán ngán cảnh giới nhưng có người thì phân biệt cảnh giới, thọ hưởng dục lạc không biết chán. Đến khi nghiệp thiện hết, ở đó họ bị thoái đọa, bị dây nghiệp trói buộc đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu được sinh trong cõi người thì luôn an lạc đầy đủ các căn, tâm rộng lớn, giàu có, tài trí, luôn được mọi người cung phụng, xinh đẹp, hoặc được làm vua, quan là nhờ dư báo.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đã biết quả báo của nghiệp, hãy quan sát trụ xứ của cõi trời Dạ-ma. Dùng văn tuệ biết cõi ấy có trụ xứ tên là Quảng bác hành. Do những nghiệp gì chúng sinh được sinh lên cõi này? Dùng văn tuệ biết người đàn ông gần bạn tốt, tin nghiệp quả, tâm ý ngay thật, tùy thuận pháp hành, thọ trì giới cấm, chánh kiến, không tà vạy, thường gần gũi các bậc kỳ túc, tịnh tín Phật, Pháp, Tăng, tin sự sinh tử, luôn thâu phục các căn, không tham cảnh giới, lo sợ sự sinh tử, biết ân ái xa lìa, sinh già bệnh chết, ân ái hợp tan, biết rõ lỗi của năm ấm, siêng năng tạo nghiệp lành, xa bạn xấu, luôn thích nghe chánh pháp, nghe rồi suy xét, biết rõ thật nghĩa, nhớ mãi trong lòng, biết vị ly dục, không sát sinh, không trộm cướp *(như đã nói ở trước)*, không tà hạnh, không thích nhìn nữ sắc, không tham đắm tiếng ca hát của người nữ, không nghĩ đến những bức tranh của người nữ mà đã nghe thấy. Khi ngủ thấy người nữ nhưng khi thức giấc thì không thích, không tham ái, không hành dục nhiều, luôn quan sát đúng, trừ tà dâm, bỏ việc dục như bỏ chất độc. Người ấy tương ưng với công đức, luôn làm việc lành, nghĩa lành, bỏ tâm nhiễm ô, giữ giới thanh tịnh, khéo giữ giới. Sau khi chết người này sinh lên trụ xứ Quảng bác hành của cõi Dạ-ma thuộc đường lành. Nhờ thích tu tập ba công đức, thích giữ giới nên được quả báo ở cõi này. Vừa sinh ra, vị ấy nghe được các tiếng chim, tiếng đáng yêu, mũi

ngửi hương thơm dịu cõi trời mà từ trước chưa từng ngửi được. Ngửi được hương này thì vui mừng, thân tiếp xúc mềm mại từ xưa chưa từng có, tâm ý thanh tịnh không nhơ loạn, tùy theo tâm chuyển động luôn được an vui, lưỡi nếm các vị ngon mà chưa từng nếm. Sáu thức này thọ hưởng diệu lạc, lại suy nghĩ: Đây là cõi nào? Ta đang sống ở đâu? Mọi thứ ở đây đều xinh đẹp đáng yêu khác với trước. Ở đây, vị ấy thấy được vô số sắc đẹp, thấy ánh sáng trên thân sáng hơn mặt trời, thân không có xương thịt nhơ uế, không có bóng, mắt không nháy, không có gân mạch, đốt lớn đốt nhỏ, toàn thân không thô cứng, không mỏi mệt, tùy ý đi lại không bị ngăn ngại, không mong cầu, thân không cong quẹo, không hại nhau, lông tóc đều xoay tròn từng sợi rõ ràng, mắt nhìn thấu suốt không bị ngăn ngại, cảnh giới đẹp, không chướng ngại. Thanh, xúc, hương, vị thân không hư hoại, không thay đổi, không già, luôn khỏe mạnh, không có những Thiên nữ ganh ghét, không lo sợ. Thân thể đầy đủ không mong cầu đồ trang sức, tài vật, không có lỗi giữ lấy Thiên nữ, vui chơi trong vườn mà không lo sợ, không sợ kẻ thù, không sợ nhơ uế, không biết đủ, tham ái thân càng lúc càng tăng trưởng, có được mọi thứ diệu lạc của cõi trời. Hưởng lạc xong nhưng vì thiếu trí nên phân vân: Ta từ đâu đến, thân ta là thân gì? Đây là cõi nào? Cõi này tên gì? Vì nghi ngờ vậy, người ấy tự suy nghĩ ví như người say rượu, lại như người ngủ. Một đêm có bốn thời đã ngủ ba thời. Vì thời gian ngủ quá lâu nên khi thức giấc lại luôn phân vân: Ta là người gì? Ta sống ở đâu? Suy nghĩ một lát người ấy biết được như vầy, như vầy. Suy nghĩ mãi người ấy biết được mình bỏ thân người sinh lên cõi trời. Nếu khi ở cõi Diêm-phù-đề người ấy không thích cảnh giới thì khi sinh lên trời cũng không thích cảnh giới. Vì sao? Vì sự huân tập cũ. Suy nghĩ mãi Thiên tử biết được nhờ nghiệp thiện nên được sinh lên cõi này. Người chết ở cõi người được sinh lên trời là nhờ giữ giới không tham đắm cảnh giới. Về sau từ cõi trời bị thoái đọa, sinh xuống cõi người. Những gì huân tập ở cõi trời đều có tướng tương ưng. Những gì huân tập ở cõi người, sau khi chết được sinh lên trời thì không thích cảnh giới, không dâm dục. Nhờ giữ giới, Thiên tử mới sinh tuy sinh lên trời nhưng không thích cảnh giới. Nhờ dư báo nên tâm không thích cảnh giới. Những chúng sinh ra khỏi địa ngục được sinh lên trời là do nghiệp của chúng. Nhờ nghiệp thiện và nguyện lực khác nên ra khỏi địa ngục được sinh lên trời. Vì từ nơi khổ não sinh lên trời nên khi được lạc thì tham đắm, tâm vui mừng, sân hận nhiều, tâm tham lạc vườn rừng, sông suối, ao sen, thích dạo chơi, tham ăn uống, tâm ý huân tập liên tục.

Những chúng sinh nhờ dư báo ra khỏi cõi ngạ quỷ, sinh lên trời thì

tâm luôn tham ăn uống, ở chỗ lạnh mát, thích người nữ là vì huân tập tâm ý.

Những chúng sinh nhờ dư báo ra khỏi cõi súc sinh, sinh lên trời thì được nhiều thức ăn như ở cõi súc sinh, tâm tham dục mạnh là vì tâm ý huân tập liên tục.

Những chúng sinh ở bốn trụ xứ của cõi vô sắc bị thoái đọa sinh vào cõi trời, vì trước kia tu đắc Tam-ma-bạt-đề nên được sinh lên bốn trụ xứ của cõi vô sắc nhưng nghiệp hết thì bị thoái đọa, sinh vào cõi trời. Đó là vì tâm ý huân tập liên tục, tham ái xúc, vị, sắc, hương. Tuy được nhưng không tham nữa là nhờ tâm tịch tĩnh không tán loạn nhiều. Do huân tập tâm nên những chúng sinh ở quả vị thiền thứ nhất của cõi sắc, cho đến ở quả vị thiền thứ tư khi hết nghiệp bị thoái đọa đọa vào cõi dục. Do huân tập tâm có thượng, trung, hạ, tâm thích ngồi thiền nên cảnh giới vui không nhiều. Chúng sinh ở cõi dục bị thoái đọa sinh trở lại cõi dục là nhờ sinh nghiệp. Chúng sinh ở hai cõi trời, người của Dục giới sắp bị thoái đọa lại sinh vào cõi dục là nhờ nghiệp thiện. Chư Thiên cõi dục có hai nghiệp thành thục, trừ cõi trời Tịnh cư. Vì cõi trời Tịnh cư không có sinh nghiệp và dư nghiệp thành thục. Như vậy, gió nghiệp luôn thổi vào chúng sinh làm cho lưu chuyển, bị lưới tâm, lưới nghiệp trói buộc, phân biệt, tin hiểu đủ thứ. Cứ thế lưu chuyển mãi trong năm đường.

Quán xét, suy nghĩ như vậy, Thiên tử mới sinh mới biết mình từ cõi nào sinh đến đây, từ cõi người sinh đến đây là nhờ sinh nghiệp. Thiên tử biết hết sinh nghiệp và dư nghiệp. Vì sao biết Thiên tử này không do dư nghiệp sinh? Vì chúng sinh do dư nghiệp sinh thì phải do nhân duyên từ nhiều đời, hoặc trăm đời mới có quả báo, hoặc cả ngàn đời, trăm ngàn đời. Người không có Thiên nhãn thì không tự thấy biết. Do nghiệp nhân từ quá khứ xa xưa sinh ra. Người do sinh nghiệp sinh thì biết được nơi thọ sinh. Quan sát nhân duyên sinh xong, Thiên tử kiêu mạn, nhờ nghiệp thiện huân tập nên chẳng bao lâu sinh tâm tham ái cảnh giới. Thiên tử nhớ biết hết vô số chủng loại. Lại nghĩ ta nay đã sinh lên trụ xứ Quảng bác hành của cõi Dạ-ma. Vừa nghĩ như vậy, các Thiên nữ xuất hiện trước mắt, nhờ nghiệp thiện các Thiên nữ đó vội chạy đến vây quanh Thiên tử. Những Thiên nữ đã thọ sinh từ lâu thì không hổ thẹn, muốn chạy nhanh ôm lấy Thiên tử, cùng vào rừng thọ lạc. Nhờ nghiệp thiện được các Thiên nữ xinh đẹp đáng yêu cùng thọ lạc. Cõi ấy có núi rừng, ao sen, hang khe, sông suối, đất bằng đẹp. Có hang bằng vàng, nhà cửa bằng cành cây, chim chóc hót rất hay, vô số Thiên nữ cùng nhau bao quanh ca múa vui chơi hưởng lạc tại đó. Rừng

đó có loài nai bằng bảy báu đi lại khắp nơi, họ nhìn ngắm mọi thứ đáng yêu. Cõi ấy có núi tên Quảng thiểu, đỉnh núi trang trí bằng bảy báu sáng rực, đá báu xen lẫn, ao sen bằng bảy báu. Trong rừng có nhiều ao hồ, nhờ nghiệp thiện nên mọi nơi đều đẹp. Họ ở đó ca múa vui chơi hưởng lạc. Chư Thiên cùng thọ lạc xong, lại vào nước vui chơi, cứ thế họ sắp rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nhờ nghiệp thiện nên vui chơi mãi. Chư Thiên ấy tự hiện nghiệp tướng, danh tự, trên thân. Từ nơi thân họ biết được tên tuổi hình tướng của mình vào đời trước tạo nghiệp lành gì, tu bằng tâm nào, làm vào lúc nào, do nhân gì, sinh ở cõi nào? Phước đức thượng, trung, hạ, đầy đủ tài vật, ví như người vẽ giỏi vẽ mọi ở khắp nơi đều rõ ràng, tên tuổi của vị trời ấy cũng vậy. Họa sư nghiệp thiện vẽ hết các nghiệp lành ở cõi lành, hình sắc, ánh sáng đều rất đáng yêu, vẽ vị trời ấy ai cũng thích nhìn. Như hình sắc đẹp của nghiệp thiện mà có ra thân vị trời ấy. Do vẽ như vậy nên hình tướng, danh tự hiện ra rất đẹp như luyện vàng ròng, các báu xích liên hoa, báu xanh xinh đẹp đáng yêu. Thân tướng của vị trời ấy xinh đẹp gấp trăm lần. Tướng vẽ đó họ không tự thấy được. Vì sao? Vì là tướng dưới cằm, trên yết hầu nên không thấy được. Thiên tử nào chưa phóng dật thì nhìn nhau thấy được. Lại nhờ nghiệp thiện khác họ nhìn nhau thấy được tướng này. Chư Thiên cõi Quảng bác hành có những việc hy hữu như vậy. Thiên tử ấy lại có tướng lạ khác, tướng trên trán cũng như tướng yết hầu nhờ nghiệp thiện nên có những sắc tướng do nghiệp tạo ra như vậy. Ngay giữa trán mình Thiên tử thấy hết sắc tướng của những việc vì sao bị thoái đọa, lúc nào thoái đọa, thoái đọa thì sinh vào đâu? Những tướng lạ này đều do nghiệp tạo ra. Mọi thứ trên thân Thiên tử ấy như vòng hoa… đồ xinh đẹp giống như vòng hoa trang sức trên đầu của chư Thiên cõi khác. Nhờ nghiệp thiện tự thân thành thục nên được quả báo cùng các Thiên nữ vẽ ra các thân đẹp vui chơi thọ lạc ở khắp các vườn rừng của cõi Quảng bác hành. Thọ lạc xong, họ đi đến sông Thiện tạp. Sông ấy bắt nguồn từ núi Tạp ái chảy xuống nên gọi là Thiện tạp. Sông ấy có nhiều vật báu, chim chóc hót rất hay, cây cối sum suê, bờ sông có đủ các loại hoa đẹp nhiều màu sắc khác nhau, vô số Thiên nữ vui chơi trên bờ sông. Lại có dòng sông đẹp khác tên Tạp hà. Sông này bắt nguồn từ núi Tạp sắc nham nên gọi là Tạp hà. Thiên tử nào đến sông này sẽ nhớ được nơi sinh của mình. Nếu Thiên tử ấy từ cõi địa ngục thọ sinh ở đây thì cũng biết rõ, biết rồi thì có đủ năm dục với các công đức đáng yêu. Các Thiên nữ vui mừng dạo chơi thọ lạc. Vì biết được khổ não mình từng chịu nên quên hết hoan lạc, chán dục, nói kệ:

Trong ngọn lửa địa ngục

Tất cả khổ vô cùng
Chúng ta hết nghiệp ác
Được sinh ở cõi này.
Nghiệp thiện quả cũng thiện
Trang sức các công đức
Nghiệp ác nên quả khổ
Chắc chắn chịu như vậy.
Ta ở trong khổ vui
Lưu chuyển trong sinh tử
Bị gió nghiệp thổi động
Như sóng trong biển lớn.
Những kẻ tâm tạo ác
Thích làm những việc ác
Vì không tạo nghiệp lành
Nên đọa vào địa ngục.
Ra khỏi địa ngục ấy
Sinh lên cõi trời này
Quên khổ não cõi ấy
Nên lại tham dục lạc.
Cảnh giới lưu chuyển này
Khổ vui cứ nối nhau
Nhưng tâm rất bền chắc
Chịu khổ không biết mệt.
Bờ khổ vui nối nhau
Dối gạt hết các căn
Và lưới ái trói buộc
Trôi trong vòng sinh tử.
Bỏ ngục, sinh cõi quỷ
Hết quỷ làm súc sinh
Dần dần thành loài rồng
Rồng chết sinh ba chỗ.
Nghiệp lưu chuyển trong đời
Cũng như bánh xe lăn
Vì tập khí từ lâu
Không sinh tâm mỏi mệt.
Tham cung điện cõi rồng
Không thích khổ địa ngục
Lưu chuyển trong ngục hữu

Có nơi vui nơi khổ.
Ngàn khổ Bát-đầu-ma (địa ngục)
Trăm ức Bát-đầu-ma
Chịu khổ như thế đó
Vì si không biết mệt.
Ba cõi đều không vui
Tất cả đều là khổ
Chúng sinh bị si gạt
Mà không biết mỏi mệt.
Đã chịu khổ như vậy
Vì si tạo nhân khổ
Do nhân nên có quả
Như trái từ hạt giống.
Cảnh giới mê hoặc tâm
Dũng mãnh có sức lớn
Chúng sinh đều phục tâm
Để luôn được tịch tĩnh.
Tâm đã điều phục rồi
Cảnh giới sẽ chuyển theo
Luân hồi trong ba cõi
Không thấy được chân đế.
Ví như do gió thổi
Làm sóng biển nổi lên
Chính vì tâm làm duyên
Luôn luân chuyển trong đời.
Chúng sinh ham người nữ
Lệ thuộc trong khổ vui
Không đến được cõi lành
Nơi chẳng còn khổ não.
Ai nghĩ đến khổ não
Sẽ sinh tâm nhàm chán
Vừa quên hết khổ não
Là tham lạc phóng dật.
Người nào nhớ biết được
Khổ não của địa ngục
Dục lạc trong cõi trời
Nhỏ như những hạt bụi.

Vị trời ấy nhớ hết nơi mình từng thọ sinh, ở bên sông Tạp hà của núi

Tạp sắc nham, Thiên tử lại nhớ hết nơi mình từng thọ sinh, nếu bỏ đi thì quên hết nơi thọ sinh cũ, quên hết khổ. Vì quên hết nên tham đắm cảnh giới, thọ hưởng dục lạc nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc. Hưởng lạc xong họ lại đến núi Cửu dục đáng yêu. Núi ấy có dòng sông, ao sen đẹp, nước trong sạch chảy quanh núi. Trong ao có nhiều thiên nga, vịt trời, uyên ương đẹp, hai bên bờ sông bằng báu vàng, nước sông chảy tạo đủ âm thanh. Núi ấy có cả vạn dòng sông như vậy. Cây cối sum suê chim chóc vui nhộn. Trong các dòng sông ấy có bốn sông đẹp nhất:

1. Tốc lưu.
2. Kim man.
3. Tỳ-lưu-ly thủy.
4. Lạc phiêu.

Do nghiệp quả thành thục nên chư Thiên rất vui, trang sức đủ các y phục, vui chơi thọ lạc đến sông Tốc lưu. Gần bờ sông có hoa dài đẹp, có rừng lớn tên Vô lượng lạc, hoa nở rộ, cành cây che rợp, không có chỗ trống, có trăm ngàn hoa đẹp. Trong sông có nhiều loài chim, thân chim bằng tạp bảo, tiếng chim vang khắp nơi. Bờ thứ hai của sông Tốc lưu có ao tên Túy phong tuần hành như mặt trời mới mọc. Trong ao có hoa sen đỏ thơm xông khắp ao. Hai bờ ao, một bên có rừng, một bên có ao hoa. Sông ấy dài năm trăm do-tuần, rộng năm do-tuần. Nước sông trong trên mặt nước có hoa mọc kín, cánh hoa đủ màu có hương thơm dịu. Hương ấy xông khắp năm do-tuần. Chư Thiên cõi ấy, có người ở trong rừng, người ở trong ao sen tha hồ vui chơi thọ lạc cùng Thiên nữ vui chơi thọ lạc, thân phóng ánh sáng. Nhờ sức nghiệp thiện chư Thiên cõi Quảng bác hành vui chơi thọ lạc trên bờ sông Tốc lưu. Sông Kim man thì bắt nguồn từ đỉnh núi Y. Sông này rất đẹp ở đỉnh núi Y giống như vòng hoa vàng nên gọi là sông Kim man. Sông này có công đức: Nước sông là rượu nhưng không có lỗi lầm say, đầy đủ sắc hương vị xúc vừa ý, tùy ý muốn không trở ngại, không tán loạn. Thiên tử cùng Thiên nữ uống rượu thọ hưởng hoan lạc. Mỗi Thiên tử có vô số Thiên nữ vây quanh, tâm ý tham đắm cảnh giới của năm dục, nghe năm âm nhạc hay cùng Thiên nữ tha hồ thọ hưởng hoan lạc bên bờ sông Kim man không biết chán cảnh giới. Họ lại vui chơi thọ lạc từ thung lũng này qua thung lũng khác, từ ao sen này đến ao sen khác, từ vườn cây này đến vườn cây khác, từ gốc cây này đến gốc cây khác. Cứ thế họ đi khắp nơi thọ nhận dục lạc. Sau đó họ lại đến sông Tỳ-Lưu-ly thứ ba. Nước sông trong sạch như lưu ly, cây cối bằng lưu ly, chim bằng lưu ly bay nhảy trên sóng nước. Nước sông sạch, sâu, chảy rất chậm tạo ra tiếng hay. Nhờ oai lực nơi nghiệp

thiện nước sông lưu ly rất đẹp. Khi chư Thiên muốn thọ lạc thì đến sông này tùy theo ý niệm. Vì tham ái cảnh giới và hoan lạc nên họ không dừng một chỗ nào để thọ lạc. Có người ở trên bờ sông thọ lạc, có người vào trong nước hoặc cùng Thiên nữ đến nơi vui chơi, thọ lạc. Các Thiên chúng cõi chim bay từ sông này đến sông khác, từ xoáy nước này đến xoáy nước khác, từ một đợt sóng này đến đợt sóng khác. Có người vào trong nước, vào rồi lại ra, đi vào nơi khác. Có Thiên tử từ hoa sen này đến hoa sen khác, từ rừng Ưu-bát-la này đến rừng Ưu-bát-la khác. Cứ thế họ đi khắp trăm ngàn nơi thọ hưởng dục lạc không sao ví dụ được. Lại nhờ nghiệp thiện ngay cảnh giới tịch tĩnh của sông Tỳ-lưu-ly, vị ấy thấy hết nghiệp quả. Thiên tử nào đã giữ giới thì ngay trên sông này thấy được nghiệp nhân đã làm sinh lên cõi thanh tịnh của nơi này. Cứ thế vị này nhớ hết việc xưa, vị này trước tin sâu ruộng phước, với tâm thanh tịnh, tất cả chư Thiên đều nghĩ như vầy: Oai lực nơi cảnh giới làm ta lưu chuyển như thế, ta bị trôi nổi trên sông ái trong nước năm dục mà ta không biết. Khi vô thường đến, ta phải thoái đọa. Như tướng nghiệp đã làm từ quá khứ mà có nhân này hiện ra trên yết hầu. Thấy tướng đó, Thiên tử biết được do nghiệp nhân đời quá khứ, sinh lên cõi này. Thọ lạc như vậy đến khi nghiệp thiện hết, ở cõi trời phải bị thoái đọa. Nghĩ xong, họ cùng bàn nhau. Họ lại thấy nơi sợ hãi trong năm đường nên tất cả đều nhàm chán. Ở trên bờ sông lưu ly, họ nói kệ:

Quá khứ tu nghiệp thiện
Được người thiện yêu mến
Sinh cõi này thọ lạc
Dần dần đến cõi chết.
Nghiệp hết phải thoái đọa
Quả báo lành cõi trời
Tất cả các dục lạc
Đều chấm dứt không còn.
Nằm trong tay vô thường
Tất cả đều hư hoại
Pháp nào là vô thường
Đều làm người tham đắm.
Như vậy pháp vô thường
Đưa đến chỗ tham đắm
Kẻ ngu si ít trí
Tham say trong dục vị.
Ngu không biết tội lỗi
Như quả độc ba ca

Bị sắc, thanh… trói buộc
Vì ái chịu khổ đau.
Nghiệp ác hại chúng sinh
Không có được tự chủ
Vì nghiệp ác mê hoặc
Nên chịu quả cũng ác.
Những kẻ tham dục vị
Bị hại như trái độc
Tham dục không biết đủ
Nên đọa vào địa ngục.
Ai thích hành thí, giới
Sẽ hưởng phước thí, giới
Cứ luôn làm như vậy
Sẽ được sinh lên trời.
Giữ giới luôn tu tập
Trừ bỏ mọi nghiệp ác
Cung kính giữ oai nghi
Sẽ được sinh lên trời.
An ủi thương chúng sinh
Tin sâu giáo pháp Phật
Thu phục tâm tịch tĩnh
Sẽ được sinh lên trời.
Từ bi, không sân hận
Với kẻ thù của mình
Người luôn tịch tĩnh tâm
Sẽ được sinh lên trời.
Người nào không sân hận
Làm lành, không não hại
Kẻ mạnh mẽ đều phục
Sẽ được sinh lên trời.
Giữ giới nói chân thật
Nhưng không cần nói nhiều
Biết chắc chắn mong manh
Sẽ được sinh lên trời.
Ai không thích thế gian
Xa lìa pháp già chết
Luôn ham thích Niết-bàn
Sẽ được sinh lên trời.

Dưới gốc cây, nghĩa địa
Trong hang núi khe suối
Luôn nhất tâm thiền định
Sẽ được sinh lên trời.
Đúng thời kính cha mẹ
Không gần những bạn ác
Luôn thực hành tâm từ
Sẽ được sinh lên trời.
Không thích những thành ấp
Nơi vui chơi thưởng ngoạn
Ở một chỗ biết đủ
Sẽ được sinh lên trời.
Ai khéo quán thân mình
Thấy rõ thân bất tịnh
Biết thân mình là thế
Sẽ được sinh lên trời.
Ai biết được lưới pháp
Biết các lưới pháp khác
Không chìm đắm sinh tử
Sẽ được sinh lên trời.
Ai biết rõ các pháp
Do các nhân duyên sinh
Dù thấy vẫn không thích
Sẽ được sinh lên trời.
Tâm thay đổi như huyễn
Như thành Càn-thát-bà
Ai điều phục tâm này
Sẽ được sinh lên trời.
Người biết rõ một tướng
Hay biết được hai tướng
Tâm nhàm chán dục vọng
Sẽ được sinh lên trời.
Xem vợ người như mẹ
Và tất cả như cha
Có tâm bình đẳng này
Sẽ được sinh lên trời.
Không nói lời hai lưỡi
Thích hòa hợp mọi người

Ngay thật không keo kiệt
Sẽ được sinh lên trời.
Xem vật chất của người
Đều như là đất đá
Vui trong sự biết đủ
Sẽ được sinh lên trời.
Suốt cả ngày lẫn đêm
Luôn trừ bỏ biếng nhác
Siêng năng trong mọi lúc
Sẽ được sinh lên trời.
Bỏ được mạn, tham, sân
Và trừ tâm biếng trễ
Người trừ bỏ như thế
Sẽ được sinh lên trời.
Không ham thích năm trần
Không phá hủy giới cấm
Người trí luôn hộ giới
Sẽ được sinh lên trời.
Ai biết được bốn thủ
Và biết rõ bốn đế
Người trí biết như vậy
Sẽ được sinh lên trời.
Ai biết nhân quả khổ
Và biết sự diệt khổ
Người biết chắc như vậy
Sẽ được sinh lên trời.
Thân tuy bị suy não
Vẫn không bỏ chánh pháp
Người giữ gìn chánh pháp
Sẽ được sinh lên trời.
Thân mặc áo hoại sắc
Và mặc áo phấn tảo
Tâm lành không tạo ác
Sẽ được sinh lên trời.
Lúc nào cũng thiền định
Luôn có tâm xuất thế
Thích ở chỗ vắng lặng
Sẽ được sinh lên trời.

Dù được người khác cho
Vật đẹp hay là xấu
Tâm không vui không buồn
Sẽ được sinh lên trời.
Thân mặc áo thô xấu
Loại áo người vứt bỏ
Biết đủ về y phục
Sẽ được sinh lên trời.
Dù ở nơi cao sang
Hay ở chỗ nghèo hèn
Không sinh tâm khổ vui
Sẽ được sinh lên trời.
Các sắc xanh vàng trắng
Mà chính mắt nhìn thấy
Luôn nhìn đúng như thật
Sẽ được sinh lên trời.
Nghe tiếng dù hay dở
Không sinh tâm yêu ghét
Chánh tâm không tán loạn
Sẽ được sinh lên trời.
Người điều phục sáu căn
Không ham thích cảnh giới
Thâu tâm không tán loạn
Sẽ được sinh lên trời.
Làm lợi ích lớn vậy
Sẽ luôn hưởng diệu lạc
Làm hết mọi việc đó
Được sinh lên cõi trời.
Trong tất cả hành nghiệp
Những việc này hơn hết
Người hành pháp vô cấu
Sẽ được sinh lên trời.
Ai biết rõ nghiệp báo
Và nhân tạo nghiệp báo
Luôn luôn sợ khổ não
Sẽ được sinh lên trời.

Nhìn dưới cằm, trong cổ họng, thấy những tướng ấy, người này rất lo sợ nên nói kệ trên. Vì bản tánh phóng dật, vì nghiệp quả mình nên khi họ ở

bên bờ sông thì có tướng hiện ra trong yết hầu, nếu đến chỗ khác thì không thấy nữa, nếu có nhân duyên thì thấy được, nếu không nhân duyên thì dù có vẫn không thấy. Vì sao? Vì các pháp đều do duyên sinh. Lại vì bản tánh phóng dật, sống phóng dật nên chư Thiên ấy vừa rời khỏi núi Cửu dục là đến núi Bảo vi. Vì tâm vui mừng nên trang sức đủ thứ, tham dục hiện tại lôi kéo tâm, không nghĩ đến sự lo sợ của đời sau. Do tâm dao động không tịch tĩnh nên ca múa vui chơi thọ lạc trong cõi này. Bên bờ sông cây cối sum suê, đủ các loại hoa, chim chóc vui nhộn. Lại có ngọn núi đẹp hơn ngọn núi Bảo vi. Khắp các trụ xứ đều có các báu xen lẫn. Vì tham lạc chư Thiên muốn đến đó xem. Từ xa, bất chợt họ thấy ánh sáng vây quanh núi này như xuyên cả hư không mà họ chưa từng thấy bao giờ. Ánh sáng xanh, vàng, đỏ, tía của núi này chiếu đến vạn do-tuần. Ánh sáng của tạp bảo phóng ra hơn các ánh sáng khác. Ánh sáng của núi báu này giống như ánh sáng núi Tu-di có thể làm mất ánh sáng của các núi khác. Ai thấy ánh sáng núi này đều vui mắt. Núi Bảo vi lại có những thứ tiếng làm vui tai như tiếng suối, tiếng chim khổng tước cánh bằng bảy báu, tiếng lưới linh trên cây báu bị gió thổi phát ra. Núi Bảo vi lại có những thứ làm cho tỉ căn thích thú dù Thiên tử chưa đến núi này, đó là hương thơm của các loài hoa. Núi này lại có những thứ làm cho thiệt căn ưa thích là loại rượu thơm ngon đẹp và các trái ngon làm cho no đủ. Núi này lại có khả năng làm cho thân chư Thiên có được vô số y phục mềm mịn và có gió mát thổi vào làm thân vui thích. Núi này có khả năng đem lại mọi hoan lạc cho chư Thiên làm cho năm căn vui thích thọ lạc. Núi này lợi ích các Thiên chúng như vậy. Chư Thiên đã đến núi Bảo vi, trong núi phóng ra vô số ánh sáng vây quanh, có trăm ngàn sông suối, ao sen đẹp, trăm ngàn vật báu như vàng, lưu ly, báu xanh, bạc… bản tánh của chư Thiên đã vui nhưng khi thấy núi này họ càng vui hơn, cùng Thiên nữ vui mừng thọ lạc. Lại mong cầu thấy được những hang động, ao sen, rừng cây của núi Bảo vi. Họ đi từ núi này đến núi khác, từ sông nọ đến sông kia hưởng đủ vị ngon, từ rừng báu này đến rừng báu khác. Ở chỗ nào họ cũng đều thấy các loài chim, nghe tiếng hót, nghe năm âm nhạc, vui chơi hưởng lạc. Năm căn nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân tiếp xúc năm cảnh đáng yêu sắc, thanh, hương, vị, xúc. Các căn thọ hưởng dục lạc nơi cảnh giới. Vì phóng dật tham ái cảnh giới nên họ quên hết mọi khổ vui trong quá khứ, quên hết những tướng danh tự của nghiệp quả đã thấy trong yết hầu. Cứ vui chơi thọ lạc như vậy nên quên hết những nghiệp mình làm. Cõi ấy có một nơi hơn núi Bảo vi tên là Tịnh vô cấu, Ở đây họ nhìn thấy bụi báu, mọi nơi trên điện này đều có bụi báu. Cõi Thanh tịnh này mà còn có bụi báu huống gì là những nơi khác. Do nghiệp, họ có đủ các loại trang sức trên

thân xinh đẹp. Khi nghiệp hết, chư Thiên thoái đọa. Do oai lực của nghiệp thiện mà họ đã tạo, từ trong yết hầu, họ thấy được những tướng danh tự. Lúc mới thấy họ không nhàm chán. Vì sao? Vì ngu si nên vừa được dục vị là tham đắm không chán. Thiên tử ngu độn này nếu được người chỉ dạy hoặc tự biết thì thấy biết được tội lỗi của dục, nhưng việc đã đến rồi mới sợ. Do tham đắm dục vị nên về sau khi thấy được tội lỗi của nó thì đã bị lửa hối hận thiêu đốt, tự trách: Cớ sao từ trước ta không bỏ dục. Dục này như dao, lửa, chất độc, dục này là nhân của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Ta vì dục này nên bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, về sau bị lửa hối hận thiêu đốt. Người tu tâm thì không tham dục, thấy tội lỗi của dục thì không tham đắm nữa. Nhờ trí tuệ thấy tội lỗi của dục nên về sau không hối hận. Ai không tham lạc cảnh giới là được vui. Đó là do tu tâm từ trước.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 42

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 21)

DẠ-MA THIÊN (Phần 7)

Bấy giờ, Thiên tử tuần tự đi đến núi có mặt đất sáng như gương. Nhìn vào gương nghiệp đó chư Thiên tự thấy thân nghiệp của mình rất rõ ràng. Chư Thiên nào từng tu thân, khẩu, ý thì soi vào gương nghiệp tự thấy thân mình, ở giữa trán hiện ra những tướng nghiệp quả sinh tử như thời gian, xứ sở, nhân duyên và tướng thoái đọa, thấy được tướng sắp thoái đọa của chư Thiên khác. Soi vào gương nghiệp họ thấy được những tướng danh tự do sinh nghiệp hay dư nghiệp hiện ra. Chư Thiên ở cõi Dạ-ma thoái đọa là do dư nghiệp, sinh nghiệp hoặc do nhân ác của thân, khẩu, ý nghiệp. Họ sẽ sinh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Bỏ thân súc sinh, bị phóng dật hành dục dối gạt, gió nghiệp thổi tạt nên sinh vào nơi khác. Nhìn vào giữa trán họ thấy hết tướng danh tự do tội lỗi của dục đưa đến. Từ tội lỗi dục sinh ra dục khác. Người tu pháp quán vô dục bằng trí sáng thì đối trị được, không bị dối gạt. Lại có cách đối trị dục khác xem sắc đẹp là hư vọng, cứ thấy sắc dùng tâm quan sát đúng thì tâm dục không tăng trưởng. Cứ thế quan sát kỹ về tội lỗi của năm dục cảnh giới, Thiên tử ấy sẽ không tham ái, tâm tham ái không hại được, không chướng ngại được. Tham ái chính là nhân sinh tử. Như vậy nhìn vào trán Thiên tử thấy hết mọi tướng danh tự do dục sinh, nếu Thiên tử tu tập thân ý thù thắng thì trừ bỏ được dục, thấy được tội lỗi của dục nên biết cách ra khỏi dục. Vì biết thoát khỏi tội lỗi dục nên xem những cảnh giới tham lạc từ xưa như ăn phải trái độc, những ái dục hiện giờ cũng vậy. Vì sao? Do tham lạc cảnh giới nên đọa vào đường ác, người ấy tu tập như vậy trừ bỏ cảnh giới. Nhìn vào giữa trán thấy hết mọi tướng danh tự do tạo nghiệp ác đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Thấy được nghiệp ấy thì nghiệp ác sẽ mất, nghiệp lành sinh ra. Nhờ sức nghiệp thiện, các Thiên tử thấy được như vậy sinh tín tâm sâu xa, tạo nghiệp lành, cho đến tạo chủng tử nghiệp lành Niết-bàn. Những Thiên tử thiếu trí thì tham dục lạc, bị lưới nghiệp từ trước trói buộc nên thấy tướng danh tự này, tự

nghĩ: Ở đây sau này ta bị thoái đọa thì được sinh vào cõi người hoặc cõi trời. Do thấy nơi thọ sinh nên họ không lo sợ, lại đi vào năm cảnh giới, trôi nổi trên sông ái, vì phóng dật nên sống phóng dật. Thiên tử này chưa từng học hỏi, nghe hiểu, thiếu trí nên không biết dục, không bỏ dục, mất pháp thiện, lại tiếp tục tạo nghiệp địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh khác. Vì sao? Vì nghiệp thiện đã hết, bị dục dối gạt, nên đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Bấy giờ có con chim tên Hiền ngữ thấy chư Thiên sống phóng dật nhờ vào nghiệp thiện, nên nó hót kệ:

Nếu nghiệp thiện dắt tâm
Thì sẽ được quả thiện
Kẻ làm việc bất thiện
Thì phải chịu quả ác.
Tất cả những dụng tâm
Như đất, nước, gió, lửa
Tùy theo duyên có được
Tâm lưu chuyển như vậy.
Tâm có thể đi lên
Cũng có thể đi xuống
Mau đến được cõi trời
Cũng mau vào đường ác.
Tâm làm lành rất nhanh
Ai khéo phòng hộ tâm
Tu tập tất cả pháp
Đoạn trừ các nghiệp ác.
Người chủ thực hành pháp
Chính là cái bản tâm này
Vì có năng lực đó
Nên được gọi là tâm.
Tâm luôn tìm lỗi người
Không tin tưởng người khác
Thể tánh rất loạn động
Sức mạnh không giữ được.
Bất chợt làm việc thiện
Bất chợt làm việc ác
Hoặc tạo nghiệp vô ký
Không thể nào lường được.
Tâm đến không thể biết
Ra đi cũng chẳng hay

Trước không sau lại có
Đã có lại thành không.
Tâm không có chỗ dừng
Tìm hết cũng chẳng được
Vì không có hình tướng
Nên không thể nắm bắt.
Do nhân duyên hòa hợp
Niệm niệm tâm sinh ra
Như ngọc chiếu phân trâu
Nhân duyên phát ra lửa.
Như vậy các căn, sắc
Tất cả đều do tâm
Chẳng phải do một thứ
Nhiều thứ hợp sinh tâm.
Đã biết tâm như thế
Và biết khó điều phục
Ý thuận hành chánh pháp
Cẩn thận chớ tham dục.

Nghe vậy, Thiên tử tu hai nghiệp thân ý, đã tu tâm nên không tham cảnh giới, tùy thuận pháp hành, bỏ thân cõi Dạ-ma lại sinh vào nơi cao hơn, sống ở cõi trời. Nếu sinh vào cõi người thì được làm vua, quan, có lúc gieo hạt giống giải thoát của ba quả Bồ-đề, hoặc đủ nghiệp thiện làm Chuyển luân vương. Những Thiên tử nào đã thấy nghiệp tướng trong gương mà không điều phục tâm thì sẽ đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Lại nữa, các Tỳ-kheo! Đã quan sát tướng nghiệp quả danh tự hy hữu, lại quan sát thấy người siêng năng, thành tín vẽ tượng Như Lai, hoặc với tín tâm tịch tĩnh viết lại kinh điển chánh pháp sẽ được sinh lên trời. Khi nhìn vào trong yết hầu, giữa trán thấy vậy thì tin tưởng. Còn những người không có tâm chánh tín hoặc bị vua sai, người khác sai, hoặc vì nuôi mạng sống mà viết kinh pháp vẽ tượng Như Lai cũng được sinh lên trời nhưng nhìn thấy thì không tin, luôn sống phóng dật. Người ấy cũng do làm lành mà được sinh lên trời, tuy thấy nhưng không tin là vì không có tín tâm và không suy xét tướng ác. Như vậy nếu không có nhân thì không có quả. Tất cả đều do nhân nghiệp tương tợ sinh ra. Thiên tử nào tánh thích phóng dật, sống phóng dật, hưởng hoan lạc nơi cảnh giới của năm dục không biết chán thì dục lạc càng tăng trưởng, lại ở mãi trên núi Bảo vi này thọ hưởng năm dục công đức, cùng Thiên nữ vui chơi thọ lạc. Sau đó, bỏ núi với công đức của năm dục này, đi đến núi Châu vi thứ ba, vui vẻ trổi năm âm nhạc, vui

chơi trên đường, thọ hưởng mọi thứ tốt đẹp. Trong chốc lát đã có đủ dục lạc tha hồ thọ hưởng nơi cảnh giới dục lạc tùy ý muốn. Thọ lạc bên bờ sông trong núi kia xong, họ mới đến núi Châu vi thứ ba này. Cứ thế, thọ hưởng dục lạc nơi cảnh giới đáng yêu, tâm ái tăng trưởng. Vì không thoát khỏi tham ái ấy nên bị lửa dục thiêu đốt, không biết chán sắc, thanh, hương, vị, xúc và cảnh giới trong sông như cá di-na. Gian nhà thứ nhất của núi này là báu xanh, gian thứ hai là báu xích liên hoa, gian thứ ba là xa cừ, gian thứ tư là bạch ngân. Thấy vậy chư Thiên vui mừng nói với nhau: Chư Thiên hãy nhìn những thứ ánh sáng và những thứ xinh đẹp này. Ánh sáng vật báu này chiếu đến trăm vạn do-tuần. Vào trong ánh sáng đó thì không thể phân biệt được các màu xanh, vàng, đỏ, trắng của ánh sáng. Nói xong, chư Thiên lại đi đến rừng Thọ trù. Chư Thiên cùng Thiên nữ vui vẻ trổi nhạc, nhìn ngắm khắp nơi, tuần tự đến rừng đó. Do nghiệp thiện thuần thục nên có đủ thứ trang sức vui chơi hưởng lạc, mãi mê phóng dật, bị ái sai khiến. Rừng ấy có cây bằng bảy báu, có hai dòng sông đủ hương, vị, xúc, tùy tâm ý của chư Thiên nước sông luôn tràn đầy, luôn lưu chuyển. Trên bờ sông bạc có nhiều loại chim khác nhau. Sông thứ nhất tên là Tạp thủy, sông thứ hai tên là Như ý. Tánh của nước sông Tạp thủy luôn trong sạch, tràn đầy, uống không bị say. Do nghiệp thiện, nước sông đủ màu sắc nên gọi là sông Tạp thủy. Sông Như ý thứ hai thì có đủ mọi thứ tùy tâm của chư Thiên. Muốn thức ăn thì có thức ngon sạch thơm, muốn rượu thì có rượu thơm ngon, muốn hoa nơi sông, núi thì có đủ thứ đẹp, thơm đầy sông, trong hoa có nhiều ong. Tên của loài hoa ấy không thể nói hết được. Sông Như ý này có đủ mọi thứ như vậy. Trong rừng Thọ trù có những hoa xinh đẹp như thế. Chư Thiên ở trong sông vui chơi hưởng lạc đủ sắc, thanh, hương, vị, xúc. Nhờ nghiệp thiện, họ cùng nhau uống rượu hưởng lạc, nghe nhạc vui tai, tha hồ thọ nhận hoan lạc. Không buồn khổ, đói khát, lo sợ, không biết chán cảnh giới ví như uống nước mặn thì càng bị khát, phân biệt mọi thứ, hưởng diệu lạc cõi trời. Lúc họ ở trong sông thọ lạc có loài chim tên là Hà hành, thấy chư Thiên phóng dật, chim hót kệ:

Ví như nước sông chảy
Dục lạc trời cũng thế
Mạng sống không dừng yên
Vì ngu nên không biết.
Chính vì già bệnh chết
Làm nghiệp hết, thoái đọa
Thiên không rời pháp này
Luôn chạy theo dục lạc.

Mạng sống không thường còn
Lạc ba cõi cũng vậy
Thiên ngu bị dục dối
Mà không hề hay biết.
Như giọt nước hư không
Nhất định bị rơi xuống
Các diệu lạc cũng thế
Chẳng khác gì giọt nước.
Như gió thổi cát bụi
Lăng xăng va chạm nhau
Di chuyển trong hư không
Thân luân hồi cũng thế.
Lạc này không thù thắng
Dối gạt chẳng định yên
Hòa hợp cùng độc ái
Như thức ăn lẫn độc.
An lạc thù thắng nhất
Chính là sự bất tử
Không có ái biệt ly
Nơi không có lạnh nóng.
Nơi đó luôn an ổn
Bậc trí dạy như vậy
Nơi nào không sống chết
Nơi ấy chẳng khổ đau.
Do yêu mến người nữ
Nên đưa đến khổ não
Tham ái là chủng tử
Sinh vào cõi địa ngục.
Lạc ái sinh ra khổ
Cớ sao nói là lạc
Nó là khổ trong khổ
Về sau như chất độc.
Do đó sinh ở đây
Đều là vì gió nghiệp
Lưới nghiệp si bao trùm
Tham ái nơi thọ sinh.
Những nghiệp thiện bất thiện
Luôn đi chung với họ

Theo đuổi khắp mọi nơi
Như hương không rời hoa.
Ngươi hưởng lạc như vậy
Sau sẽ mất tất cả
Như mặt trời đã lặn
Ánh sáng ngày không còn.

Nhờ nghiệp thiện cõi trời, loài chim ấy đã hót kệ cho chư Thiên phóng dật nghe. Thiên tử nào sống phóng dật thì khi nghe kệ này liền nói: Chim này nói lời lành đã giác ngộ ta. Như lời chim hót ta sẽ đạt được. Chim này hót lời thật nhưng vì chúng ta sống phóng dật nên không trừ bỏ được. Về sau nhất định chúng ta phải bị hủy hoại, lo sợ nhiều. Từ nay chúng ta hãy đối trị phóng dật, trừ bỏ phóng dật. Thiên tử này chuyên tâm thiện ý từ bỏ phóng dật rất lâu, biết lỗi của dục. Suy xét xong nhưng vì tâm động, sức tâm lớn mạnh hoặc vì dục vọng, huân tập từ lâu nên lại tham dục. Thiên tử lại phân biệt các cảnh giới càng thêm hưởng lạc, trong cảnh dục có tiếng chim, vườn rừng, ao hoa đẹp, núi bảy báu trang trí bằng ao sen, có trăm ngàn bầy ong vui nhộn trong ao, có dòng sông đầy thức ăn uống, trăm ngàn cây che rợp dòng sông. Dưới những cành cây có hoa, dùng hoa làm nhà. Thân chư Thiên có ánh sáng đẹp, không khổ não, nhờ nghiệp thiện nên được quả báo đó. Chư Thiên thượng, trung, hạ đều không ganh ghét nhau, luôn yêu mến nhau, cùng một lòng, cùng hưởng dục lạc, không hại nhau, cùng vui chơi thọ lạc. Thọ lạc xong, chư Thiên cùng bàn luận: Trước kia chúng ta nghe, vị chủ cõi Dạ-ma tên là Mâu-tu-lâu-đà đang vui chơi thọ lạc. Chúng ta hãy cùng đến đó. Cõi của chư Thiên này cách cõi Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà năm trăm do-tuần. Từ xa họ nghe tiếng ca nhưng vì quá xa nên nghe không rõ. Tiếng ấy vang khắp các cõi trời nên nghe không rõ. Tiếng chim cũng có công đức như tiếng ca. Tuy nghe không rõ nhưng họ vẫn vui vẻ không biết chán. Do tâm loạn động nên các Thiên chúng quyết định đến chỗ Mâu-tu-lâu-đà thọ lạc. Rừng ấy có đủ các công đức, chư Thiên đó cùng các Thiên nữ trang sức xinh đẹp đầy đủ công đức, thân mặc vô số áo mịn, tay cầm nhạc cụ, yêu mến nhau, cùng vui vẻ. Có người bay lên hư không, có người cỡi hoa sen, cỡi hoa Ưu-bát-la thơm phức, loài ong vui nhộn, có người cỡi hoa hoa Câu-vật-đầu. Hình dáng, sắc tướng của hoa này đều như vầng trăng. Chư Thiên cùng Thiên nữ ca múa, vui chơi, thọ lạc theo cảnh giới năm dục không biết chán. Nhờ nghiệp thiện hóa ra những vật để cỡi như vậy. Do nghiệp hóa sinh có thượng, trung, hạ, nên sắc, lạc, trí tuệ, thọ mạng cũng có thượng, trung, hạ. Cứ thế chư Thiên ở khắp hư không đi đến rừng Hý lạc –nơi có đủ dục lạc, rồi đến chỗ của Mâu-tu-lâu-

đà. Lúc chưa đến rừng Hý lạc, họ nhìn thấy rừng này như ánh lửa trong hư không, lại thấy nơi bằng báu màu xanh, nơi màu vàng trắng, nơi có màu như lửa. Từ hư không Thiên tử thấy vậy rất ngạc nhiên, cùng nói: Chư Thiên hãy nhìn những việc lạ trong hư không, ví như hư không đang khoác tấm vải đủ màu sắc mà ta chưa từng thấy. Nói xong họ ngạc nhiên, tạm dừng trong chốc lát. Chẳng bao lâu họ lại nghe tiếng ca rất hay, lại vui mừng, thán phục. Từ chư Thiên trên mặt đất đến chư Thiên trên hư không và Thiên nữ đều thích nhìn. Chư Thiên trong hư không thấy như vậy, chư Thiên trên mặt đất của cõi Sơn thọ cụ túc cũng thấy như vậy. Chư Thiên cõi Sơn thọ cụ túc cũng đi đến chỗ Thiên vương cõi Dạ-ma. Dạ-ma chư Thiên ngồi trên tòa bảy báu, trong động bảy báu, trang sức báu xanh, anh lạc và hoa sen báu khác. Lại có lọng báu sáng rực, ánh sáng chiếu soi cả ngàn do-tuần. Có ánh sáng trắng chiếu khắp hư không như hư không đang mặc y phục đẹp, cờ phướn cũng vậy.

Chư Thiên cõi Quảng bác hành thấy vậy thầm thán phục, dừng lại một lúc, họ lại biết chư Thiên cõi Sơn thọ cụ túc cũng đến chỗ vui chơi của Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Họ nghĩ: Họ cũng như ta, chư Thiên cõi Quảng bác hành lại cùng bàn luận: Chúng ta hãy cùng chư Thiên cõi Sơn thọ cụ túc đi đến chỗ Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Họ dừng lại một lát, chư Thiên cõi Sơn thọ cụ túc thấy chư Thiên cõi Quảng bác hành cũng thầm thán phục nói: Chúng ta hãy cùng chư Thiên cõi Quảng bác hành đến chỗ Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Khi ấy, chư Thiên cõi Sơn thọ cụ túc cùng chư Thiên cõi Quảng bác hành và chư Thiên trên đất hòa hợp nhau đồng đi. Trong hư không có nhiều cờ phướn. Họ ngồi trên điện báu hoặc ngồi trên lưng chim, trỗi năm âm nhạc đủ năm dục công đức đi đến rừng Hý lạc - nơi Thiên vương Dạ-ma vui chơi. Nơi ấy có đủ các dục công đức của chúng, không sao ví dụ được. Họ đến đó thọ hưởng hoan lạc nơi cảnh giới của năm dục không biết chán, gần gũi nhau thọ lạc không biết chán. Thấy biết hết các nghiệp quả của chư Thiên, Tỳ-kheo nói kệ:

Ví như trời mưa xuống
Nên nước sông cùng đầy
Cũng thế vì mưa dục
Chư Thiên thêm khát dục.
Di-na sống trong nước
Nhưng thường sợ khô cạn
Khát ái lạc càng tăng
Chư Thiên không biết đủ.

Như hư không rộng lớn
Không cùng cũng chẳng tận
Dục lạc cũng như thế
Cõi dục không thể lường.
Sóng nước luôn cuồn cuộn
Nhưng biển không tràn đầy
Kẻ tham cầu dục vọng
Chẳng bao giờ biết đủ.
Thiên chưa đạt cảnh vui
Ngu si không biết đủ
Tâm luôn cầu dục lạc
Được rồi chẳng biết đủ.
Khi đã bị suy não
Tất cả đều mất hết
Do cảnh giới não hại
Vì thế hãy bỏ dục.
Đã bị tham dục dối
Phá hoại kẻ thích dục
Bị suy não thì mất
Mà chư Thiên không biết.
Cảnh giới không thể đủ
Chẳng biết đủ không vui
Người trí trừ bỏ được
Tâm không biết đủ này.
Tịch tĩnh gốc an lạc
Khổ sinh từ cảnh giới
Thế nên tu tịch tĩnh
Xa lánh các cảnh giới.
Luôn trừ bỏ phiền não
Tu hành trí vô thượng
Từ trí được giải thoát
Do phiền não buộc ràng.
Các thứ bệnh, chết… trói
Cảnh giới làm lo sợ
Lưu chuyển trong sinh tử
Đều là do cảnh giới.
Lúc hợp lúc xa lìa
Trải qua trăm ngàn kiếp

Đời đời luôn như vậy
Chỉ Đức Phật thật tri.
Vô số vui sinh tử
Và khổ não sống chết
Tất cả do cảnh giới
Đời đời luôn luôn có.
Các cảnh giới như thế
Hủy hoại kẻ ngu si
Ngu si không có mắt
Nên tham dục cảnh giới.
Tránh xa kẻ oán thù
Nghe tên cũng suy xét
Cảnh giới là kẻ thù
Vì si nên không tránh.
Ai bị cảnh giới đốt
Chính là kẻ ngu si
Bị tự nghiệp dối gạt
Vì si nên không tránh.
Như người lo sợ lửa
Nhưng vẫn gần kề lửa
Bị cảnh giới mê hoặc
Vẫn thích gần cảnh giới.
Ví như kẻ nuốt độc
Không thể được an vui
Gần si ái cũng thế
Vĩnh viễn không an ổn.
Người khát uống nước mặn
Không thể nào hết khát
Cảnh giới che lấp mắt
Không biết đủ về ái.
Bị tâm dục dối gạt
Không thỏa mãn cảnh giới
Bị các gió nghiệp thổi
Đến tận cõi xấu ác.

Quan sát biết rõ vô số nghiệp sinh tử của chúng sinh, Tỳ-kheo thương xót chư Thiên nên nói kệ trên. Chư Thiên ấy lại hòa hợp nhau cùng đi đến rừng Hý lạc - chỗ của Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Chư Thiên cứ thế mà đi, đầy đủ phục sức, hoan lạc, vườn rừng, ao hồ, trăm ngàn Thiên nữ bao

quanh. Lại có Thiên tử khác ngồi trên trăm ngàn cung điện, đi trong hư không, ánh sáng chiếu khắp, ca múa vui chơi trỗi năm âm nhạc, trang sức vòng hoa, xoa hương thơm, cổ đeo anh lạc, đầu đội thiên quan, gió thổi y phục tung bay tha thướt như mây, được Thiên nữ ôm lấy, vui vẻ. Lại có Thiên tử, Thiên nữ khác ca ngâm, thổi không hầu, nghe tiếng này tâm rất vui thích. Cứ thế các Thiên tử thọ hưởng dục lạc đi đến rừng Hý lạc, ở trong hư không mong cầu diệu lạc. Tất cả chư Thiên ở đây đều đến chỗ Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Các chư Thiên ấy theo nghiệp mình vui chơi, trang sức, đi dạo, ca hát đầy cả mười phương, họ cùng đến chỗ Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Trong tất cả chư Thiên cõi Dạ-ma, Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà là người tối thượng. Thân Thiên vương nhờ nghiệp thù thắng nên được quả thù thắng. Như vậy, nhân quả đều giống nhau chẳng khác gì mầm hạt giống. Tất cả Thiên chúng ở điện Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà đều kém cỏi chỉ có Thiên vương là người hơn cả. Dục lạc nơi Thiên vương cũng hơn các Thiên chúng, không thể nào ví dụ được, chỉ nói được một phần nhỏ. Trên cây có chim bảy báu, miệng ngậm thân cây lo lửng trong hư không chẳng bám vào đâu. Ở chỗ khác có linh báu phát tiếng rất hay. Chư Thiên nghe được tiếng ấy đều đi đến, phân biệt thọ lạc đi trong rừng ấy. Bên ngoài rừng có nhiều chim cánh bằng bảy báu xen lẫn. Chúng ngậm vòng hoa bay quanh khu rừng. Lại có những con chim khổng tước xinh đẹp. Trên lưng chúng có ao sen. Trong ao có nhiều chim và trăm ngàn loài ong vui nhộn. Ao ấy tên là Thanh thủy. Cánh sen nhiều màu khác nhau, có cánh bằng lưu ly, bằng bảy báu, hương hoa xông khắp năm do-tuần. Trên lưng chim rất đẹp. Tiếng chim hợp với tiếng ca nhạc. Lại có chim khổng tước kỳ lạ, chúng ngậm vòng hoa. Trên lưng có hoa sen lớn. Thiên tử ngồi trên đài sen, trăm ngàn Thiên nữ vây quanh vui chơi ca múa, thọ lạc. Lại có chim khổng tước kỳ lạ, miệng ngậm vòng hoa thọ hưởng diệu lạc do nghiệp hóa ra. Trên đầu chim có cây vừa ý, nhiều hoa tươi, trên cây có nhiều chim cánh bằng bảy báu, các Thiên tử leo lên cây cùng Thiên nữ uống rượu ca hát hưởng lạc. Lại có chim khổng tước kỳ lạ, miệng ngậm vòng hoa, giữa lông chim có nhiều Thiên chúng, Thiên nữ hưởng lạc, yêu mến nhau, vui chơi ca múa. Thấy chim khổng tước ngậm vòng hoa, Thiên chúng ngạc nhiên.

Lại thấy việc lạ nữa, ao sen có những vòng hoa, có hai vạn ao sen như vậy. Không có bùn nhơ, cát bằng vàng bạc, nước có tám công đức luôn tràn đầy, có nhiều thiên nga, vịt trời, uyên ương, nhờ nghiệp thiện của chư Thiên, thiên nga hót kệ:

Hưởng dục lạc đã lâu
Lạc này không thường còn

Tất cả đều vô thường
Nhưng chư Thiên không biết.
Lạc này dù tương tục
Có lúc phải chấm dứt
Bị tâm dục dối gạt
Không hay biết thoái đọa.
Lạc này xen lẫn khổ
Che lấp nên chẳng hay
Như trong tua hoa sen
Không thấy được rắn độc.
Lại như cơm lẫn độc
Kẻ ăn bị giết hại
Diệu lạc trời cũng thế
Nhất định đọa địa ngục.
Như lưới dây rất đẹp
Ai thấy cũng thích thú
Lưới cảnh giới là thế
Thấy tốt nhưng thật xấu.
Như quả độc ba-ca
Mới nếm nhiều vị ngon
Nhưng sau lại giết người
Lạc thế gian là vậy.
Như phù du thấy đèn
Tâm ý rất thích thú
Vào đó sẽ bị đốt
Lạc này cũng như vậy.
Phàm phu không hay biết
Dục lạc giống như đèn
Tham lạc như chạm lửa
Cuối cùng chẳng được vui.
Như nai vì khát nước
Chạy theo ánh dương diệm
Cuối cùng chẳng hết khát
Lạc này cũng như vậy.
Quá khứ cùng hiện tại
Vị lai không biết đủ
Cảnh giới của cõi trời
Vì thế hãy trừ bỏ.

Tịch lạc là gốc vui
Bậc trí dạy như thế
Không suy xét gốc vui
Sẽ luôn chịu khổ não.
Nhẫn là pháp tốt nhất
Trong chánh pháp chân thật
Trí tuệ soi sáng đời
Lòng từ sinh an lạc.
Không hại, người tốt nhất
Chánh kiến, thiện tối thượng
Trực tâm an lạc nhất
Bỏ nghiệp ác cũng thế.
Ai gần bậc kỳ túc
Luôn kính trọng chánh pháp
Cúng dường các sư trưởng
Và tin nghiệp là thiện.
Luôn cúng dường Tam bảo
Chánh tâm, ý trong sạch
Và cung phụng cha mẹ
Chính là đạo Niết-bàn.
Phật dạy tất cả pháp
Pháp xuất gia hơn hết
Phạm hạnh là tối thắng
Đạt được mọi an lạc.
Phật dạy cách bố thí
Pháp thí là hơn hết
Trong thiền siêng hơn hết
Sẽ đạt được Niết-bàn.
Trong thí, giới và trí
Chỉ trí là hơn hết
Nhờ trí đến Niết-bàn
Thí, giới chỉ được vui.
Mắt thấy không chân thật
Chỉ trí thấy chân thật
Phật dạy tám Thánh đạo
Là đạo tịch tĩnh nhất.
Tứ đế là hơn hết
Như Lai dạy như vậy

Ở trong pháp ngũ lực
Sức trí tuệ hơn hết.
Thuyết giảng khắp mười phương
Không có ai hơn được
Chỉ Như Lai tối thượng
Dạy các pháp chân thật.
Trong tất cả các chúng
Thánh chúng là tịch tĩnh
Nương dựa nơi ruộng phước
Tam bảo sẽ được vui.
Phụng dưỡng cha và mẹ
Rồi cúng dường hòa thượng
Đem các pháp trong đời
Chỉ dạy cho người thấy.
Không thể thấy, nắm bắt
Như Lai dạy như vậy
Pháp là nơi an lạc
Cảnh giới chẳng phải vui.
Ai thực hành pháp này
Đi trên đường vô cấu
Đường này rất an ổn
Cõi Dạ-ma không vui.

Chim này hót như vậy là nhờ nghiệp thiện. Ngày xưa lúc ở cõi người, nuôi sống bằng chánh pháp, phải buôn bán bằng chánh pháp để bảo tồn mạng sống. Do nghiệp nhân đó nên nay làm thân chim. Nhưng nhờ nghiệp thiện xưa nên tuy làm thân chim vẫn không quên chánh pháp, đã hót kệ trên. Vì thế hãy siêng năng đọc tụng, luôn thọ trì giáo pháp. Do nghiệp thiện từ xưa, nên tuy làm súc sinh vẫn thuyết pháp được, đạt quả báo chẳng uổng.

Tất cả chư Thiên cõi Dạ-ma đi đến hai vạn ao sen đó, có đủ các sự trang sức khác nhau, các Thiên nữ xinh đẹp vây quanh. Trong ao đó có trăm ngàn na-do-tha Thiên chúng, Thiên nữ xinh đẹp thọ lạc, trỗi năm âm nhạc. Có người vào hoa sen, có người ngồi trên đài sen, có người ngồi trên cánh sen, người ngồi trên tua sen, thân hình lớn nhỏ theo ý niệm. Chỉ trong nháy mắt họ đã đi được trăm ngàn do-tuần, như mắt thấy chẳng xa, chẳng gần, cùng một lúc chư Thiên đi đến cũng vậy. Như một ngón tay, mọi người đều nhìn thấy không ngăn ngại, cũng vậy có trăm ngàn chư Thiên cùng ngồi trên tua hoa mà không ngăn ngại nhau không rộng không chật. Đó là

nhờ sức của nghiệp thiện của họ. Ao sen đó có thế lực công đức như vậy. Trăm ngàn Thiên tử ở trong hoa sen tha hồ vui chơi, uống rượu. Chư Thiên trú ở chốn cũ cùng chư Thiên mới thọ sinh ở trong hoa sen hòa hợp vui chơi thọ lạc, thân phóng ánh sáng hơn cả trăm ngàn mặt trời. Ở đó thọ hưởng một thời gian lâu, họ mới đến chỗ Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Lúc họ sắp vào rừng ấy thì thấy trong rừng có nhiều màu sắc đáng yêu. Do ý nghĩ của Mâu-tu-lâu-đà mà có rừng này. Mọi thứ cây cối ở đây đều do tâm niệm mà có, từ xưa chưa từng có như vậy. Đó là do sức nơi nghiệp thiện của Thiên vương cõi Dạ-ma. Vì chưa từng thấy biết rừng này nên chư Thiên tuần tự đi vào. Chư Thiên trang sức xinh đẹp, xoa hương thơm chiên-đàn, mặc áo trời, đi ngang qua ao sen rồi đến rừng đó. Thấy vậy họ đều hổ thẹn. Do nghiệp lực nên có rừng xinh đẹp này. Nhìn những rừng khác rồi nhìn đến rừng này, chư Thiên ấy suy xét quan sát kỹ bèn nói với nhau, sau đó mới vào rừng. Vào đó họ thấy từng bầy chim anh vũ ngậm vòng hoa báu, mỗi con chim đều đeo ngọc báu ở cổ họng. Ngọc báu đó tạo thành vòng hoa, chúng bay quanh khu rừng hót kệ:

Chúng sinh này luân chuyển
Do nghiệp mình lôi kéo
Trong cầu dây già chết
Chúng sinh không nhàm chán.
Từ cõi này cõi khác
Trời, người, A-tu-la
Vì không biết chân đế
Nên bị tâm sai khiến.
Bánh xe của thế gian
Tay đẩy không chuyển nhanh
Tay nghiệp đẩy bánh xe
Chúng sinh chuyển nhanh lẹ.
Mười hai căm hòa hợp
Nằm trong trục ngu si
Do duyên xe xoay tròn
Thế gian không hay biết.

Nghe Anh vũ hót kệ xong, chư Thiên ấy nhất tâm nghĩ nhớ điều thiện, quan sát bản nghiệp, dùng tâm cẩn trọng nhớ đến nghiệp xưa, nói rằng: Chim anh vũ này hơn ta, suy xét nghiệp ta bị ái phá hoại nên vui chơi thọ lạc. Nói xong, Thiên tử muốn đến gặp Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Họ đi ngang qua chim anh vũ rồi đến rừng Hiểm ngạn man. Trong đó lại có rừng tên Mạn-đà-la được trang trí bằng trăm ngàn hoa đẹp. Có nhiều chim, ánh

sáng hơn trăm ngàn mặt trời nhưng không nóng. Cây rừng có ánh sáng đẹp ai thấy cũng thích mắt, nghe tiếng chim thì vui tai, ngửi hương sen thì thích mũi, nếm vị ngon thì thích lưỡi, thân mặc áo mịn vui vẻ. Do các căn vui thích nên tâm ý cũng vui. Năm căn buộc tâm tùy thuận theo, nghĩ nhớ các pháp, dùng hai loại ý tùy thuận để biết. Họ thấy rừng Mạn-đà-la như vậy. Mỗi cây trong rừng này đều có vô số Thiên nữ trang sức xinh đẹp, trò chuyện ca múa hưởng lạc mà các Thiên chúng ấy chưa từng thấy. Chư Thiên ở đây thấy các Thiên nữ trong rừng cây nhiều không sao ví dụ được. Trong rừng có vô số trăm ngàn Thiên chúng, Thiên nữ, ai nấy đều vui vẻ mong muốn được gặp Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Đó là nhờ phước lực của Thiên vương. Bấy giờ Thiên chúng ấy cùng hòa hợp đi đến rừng này. Trong rừng có nhiều sông suối, ao sen, mọi thứ trên mặt đất đều mềm mịn, có màu vàng, trang sức các báu xen lẫn. Thấy vậy, chư Thiên vui mừng thọ lạc, rồi tuần tự đến chỗ Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Ai nấy đều muốn được gặp Thiên vương và luôn yêu mến nhau như đã nói ở trước. Họ cõi đủ mọi vật đi qua cõi này đến cõi khác. Trong đó có năm trăm ngọn núi đáng yêu, là nơi vui chơi. Các ngọn núi ấy đều bằng lưu ly, cây bằng xích liên hoa, lá bằng vàng, cây bay lá bạc, có nhiều chim bằng san hô. Lại có những thứ khác như chim, nai bằng tạp bảo, sông suối, ao hồ xinh đẹp. Họ kết cành cây thành nhà ở. Khắp nơi đều như vậy, trái cây màu hoàng kim, cành cây bằng vàng, trái bằng lưu ly, lá bằng vàng. Có trăm ngàn loài ong kêu rất vui tai. Trong sông có đủ các thức ăn uống, chim báu, tiếp xúc thì rất vui. Có chư Thiên lại thấy núi báu Du hý, đất bằng phẳng. Có người thấy đỉnh núi, cửa động, nhà bằng cành cây. Có người thấy ao sen. Thiên chúng, Thiên nữ đều vui vẻ. Có người cùng Thiên nữ ca múa, có người cùng Thiên nữ vào hoa sen vui chơi, có người vui vẻ uống rượu, có người hái hoa rải trên đất, có người kết vòng hoa trang sức trên thân, có người cùng Thiên nữ đội thiên quan báu phóng ánh sáng, thân không nhơ uế, có người cùng Thiên nữ đi trên hư không, có người cầm nhạc cụ ca hát ở trên mặt đất, cứ thế có cả trăm ngàn Thiên chúng. Thân họ trang sức đủ loại, phóng ánh sáng đủ màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Vui chơi thọ lạc trong núi xong, họ lại muốn gặp Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà nên đi vào chỗ ấy. Họ lại thấy chư Thiên cõi Tập-man. Chư Thiên ba cõi Tập man, Sơn thọ cụ túc, Quảng bác hành đều kính trọng Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Đó là do sức nghiệp thiện của Thiên vương đã tu tập từ quá khứ. Trong cõi Tập man có một vạn cung điện được trang trí bằng vô số trụ vàng… đủ màu sắc. Điện này rất đẹp, vách bằng vàng, trụ bằng lưu ly và báu xanh xen lẫn. Có điện, vách bằng lưu ly, lan can bằng vàng và báu xanh, cửa sổ bằng báu nhân-đà, có nhiều

trụ bằng tạp bảo. Có điện, vách bằng lưu ly, cổng bằng vàng, cửa bằng lưu ly xen lẫn tạp bảo. Có điện đẹp, trụ bằng xích liên hoa, cổng bằng vàng, cửa sổ bằng san hô, đất bằng cát tạp bảo xen lẫn. Có nơi, vách bằng các tạp bảo, cổng bằng vàng ròng, trụ bằng bạch ngân. Bên trong điện ánh sáng rực rỡ. Điện của Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà là do các nghiệp hóa ra. Điện này bằng vàng ròng xen lẫn kim cương, trụ bằng xích liên hoa, cửa sổ bằng bảy báu, ánh sáng chiếu rọi rực rỡ. Các lầu gác cũng như vậy. Thấy thế, chư Thiên đưa mắt nhìn quanh, lại quan sát núi báu, trước là đến chỗ đại vương cõi Dạ-ma, sau mới đến điện của Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Vào đó, họ thấy mọi thứ xinh đẹp đáng yêu, đầy đủ công đức. Thấy cõi Tập man chư Thiên đều muốn gặp Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà. Họ lại vào chỗ của đại vương, thấy bảy ngàn Thiên tử vây quanh đại vương, trang sức xinh đẹp, thân phóng ánh sáng. Oai đức của các Thiên tử đều như núi báu, áo trời tha thướt, đầu đội thiên quan báu, cổ tay đeo nhiều vật báu, trên ngực trang sức vòng hoa đẹp. Bảy ngàn Thiên tử vây quanh Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà như các ngọn núi vây quanh núi Tu-di. Như các dòng sông đều chảy về biển, như các ngôi sao vây quanh mặt trăng. Thiên vương cõi Dạ-ma xinh đẹp hơn hết, ánh sáng oai đức vượt hơn các Thiên chúng. Điện của Thiên vương được trang trí trăm ngàn trụ bảy báu, tòa báu nhân-đà. Điện của Thiên vương có uy lực như vậy. Chư Thiên vào đó thì cung điện càng rộng ra. Điện ấy được trang trí bằng bảy báu. Trong cung điện có cây tên Điện nghiêm. Cây này trong sáu thời luôn nở hoa, kết trái. Có điện tên Nhạo kiến, vách điện bằng bảy báu xen tạp.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 43

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 22)

DẠ-MA THIÊN (Phần 8)

Bấy giờ, các vị Thiên ấy, dần dần đến gần Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà, hoặc ca hoặc múa, vui chơi đủ cách, cùng thọ quả báo thắng nghiệp đệ nhất.

Tất cả vị Thiên ấy cúng dường Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà đủ loại. Đã cúng dường rồi, các vị ngồi tại một chỗ. Sau khi an tọa, các vị ấy vui vẻ nói chuyện. Đã nói chuyện rồi, Thiên vương bảo: "Tất cả chư Thiên các ông thích sống phóng dật, theo nhau đến đây. Từ đây về sau, các ông phải hộ mạng, hộ pháp, siêng năng tinh tấn. Nhờ hộ pháp, các ông sẽ thường thọ hưởng diệu lạc cho đến khi nhập Niết-bàn. Sau khi bỏ thân, các ông sẽ vĩnh viễn không còn khổ não, thường thọ thú vui cõi trời".

Bấy giờ, tất cả chư Thiên ở nơi ấy đều hòa hợp với nhau. Thiên vương Dạ-ma nói kệ cho họ nghe:

Các cảnh giới thế gian
Năng lực nghiệp khác nhau
Nhiều đường đến cõi trời
Nhưng đều bằng nghiệp thiện.
Trong đó đến như vậy
Trong đó đi như vậy
Như nghiệp đến thế nào
Thì đi cũng như thế.
Việc các hữu hòa hợp
Ý các hữu không loạn
Đều do làm việc lành
Tinh tấn không phóng dật.
Cứ mải miết thọ lạc
Sau nhất định thoái chuyển
Thoái chuyển là khổ nhất

Sẽ luân hồi không nghỉ.
Nghĩa của nó như vậy
Ta sẽ nói cho ông
Tất cả nên lắng nghe
Như lời Như Lai dạy.

Sau khi tạo lợi ích một cách rộng rãi cho tất cả chư Thiên hòa hợp như vậy rồi, Thiên vương Dạ-ma nói kệ này và bảo Thiên chúng: "Các ông bị cảnh giới làm mê hoặc mà không hay, không biết, như vậy Thiên chúng sẽ giảm đi không tăng trưởng. Tất cả thú vui của cảnh giới này đều vô thường, nên không tịch tĩnh, không được lợi ích. Vì sao? Tất cả hãy lắng nghe, như các ông đã thấy: Tháp miếu bằng bảy báu của sáu bậc chánh giác được trang nghiêm bằng bảy báu.

Sáu tháp đó là:

1. Tháp của Thi-khí Chánh Giác Tri.

2. Tháp của Tỳ-bà-thi Chánh Giác Tri.

3. Tháp của Tỳ-xá-bà Chánh Giác Tri.

4. Tháp của Như Lai Ca-na-ca Mâu-ni Chánh Giác Tri.

5 Tháp của Phật Ca-la-ca Cư-thôn-đà Chánh Giác Tri.

6. Tháp của Phật Ca-diếp Chánh Giác Tri.

Sáu tháp Phật này nơi cõi trời đã tạo từ lâu, chính ta lần lượt nghe như vậy nên nay ta cúng dường. Do nhân duyên gì tạo nên tất cả sự việc như vậy, ta chưa từng thấy vì tâm ý hạn hẹp của mình. Các Đức Thế Tôn ấy, tạo lợi ích an lạc các thế gian, xưa kia đã từng đến thế gian này. Do được nghe theo thứ lớp như vậy ta đạt được các pháp như vậy.

Phật Ca-la-ca Cư-thôn-đà ấy tạo lợi ích lớn cho trời Dạ-ma, đó là hóa ra một tháp Phật, là cảnh giới rất hiếm có của Như Lai khiến an trụ ở cảnh giới này.

Nếu thế giới này không cung kính Sa-môn, Bà-la-môn, thì bạn của chư Thiên bị suy giảm. Tướng suy giảm ấy, ngay trong ánh sáng của tháp Phật, ta đều thấy rõ ràng. Hoặc giảm bớt, hoặc thoái lui chỉ một mình ta biết. Các ông ham thích phóng dật nên không thấy. Đó là do các ông đắm mê cảnh giới và ham thọ hưởng dục lạc. Ta dùng tiếng ca triệu các ông đến để tạo lợi ích cho các ông. Các ông phóng dật, tạo hạnh phóng dật tức là thoái lui về chỗ chết. Ta sợ các ông dùng hết nghiệp thiện, bị đọa vào đường ác nên triệu các ông lại đây.

Những kinh mà sáu vị Phật - Thế Tôn đã nói, tạo lợi ích cho vô lượng

các chúng sinh, các vị Như Lai ấy đều viết nó ở trong tháp miếu, ta đã đọc tụng được. Nay chư Thiên hãy nghe cho kỹ, ta sẽ nói cho các ông đừng để sau này bị thoái chuyển mà sinh tâm hối tiếc.

Bấy giờ, đám Thiên chúng ấy vô cùng kính trọng, chuyên tâm suy nghĩ. Tất cả yên lặng cung kính đối với hai thứ: Một là kính Thiên vương, hai là kính trọng Pháp. Các vị ấy hết sức chú ý, chánh niệm bất động. Thiên vương thấy Thiên chúng khéo điều phục như vậy mới bảo họ: "Các ông vừa mới vào tháp của Đức Như Lai thứ nhất".

Kinh chép trên vách tháp của Như Lai Thi-khí tạo lợi ích, đem lại an lạc cho Thiên chúng.

Các vị Thiên tối thắng ấy cùng với Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà lần đầu vào tháp thấy tượng Phật Thi-khí sáng rực như lưu ly, đang ngồi kiết già trên tòa báu màu xanh. Ở trên vách ấy có chép kinh: "Các Tỳ-kheo, hoặc trời, hoặc người, có tám pháp làm chướng ngại pháp thiện".

Những gì là tám? Này các Tỳ-kheo. Thứ nhất là hoặc trời, hoặc người bị phóng dật làm hư hoại không thể làm điều thiện, hoặc là điều thiện thế gian, hoặc là điều thiện xuất thế gian.

Pháp thế gian hoặc tâm biếng nhác, hoặc tâm phóng dật, thực hành phóng dật, tất cả pháp thế gian ấy đều hư hoại.

Nếu người phóng dật đối với bạn lành không có thể thấy, cho là người tầm thường. Nếu là oan gia thì oán hận sẽ tăng trưởng. Tìm cầu chỗ sơ hở, đó là phóng dật, làm chướng ngại pháp thế gian. Các hữu tình biếng nhác làm việc phóng dật, không thể thành tựu nghiệp thiện.

Nghiệp thiện nơi người ấy hết, bạn lành thì hết, oan gia thì thêm rất nhiều, bạo lực tăng trưởng, nhà cửa đều mất, nghèo nàn không còn gì, bị người khinh chê, coi rẻ. Việc hèn hạ nhất là nghèo nàn, các hữu tình nghèo nàn thì ít bạn lành, hiểu biết, cũng ít anh em, thân thuộc, chỉ có tham, sân, tà kiến tất cả đều tăng trưởng.

Người ngu si ấy là hèn hạ nhất. Vì sao? Đó là do không làm việc thiện, chư Thiên không hộ trì, bị tất cả mọi người bức bách, khiến hoặc có lúc đến chết, hoặc có lúc mua bán mất hết của cải do phóng dật. Nếu các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di phóng dật như vậy, dù có siêng năng tu hành nhưng không thể đắc thiền định, không diệt hết lậu hoặc, chỉ tham mùi vị nơi thức ăn, chỉ nghĩ đến lúc ăn làm rối loạn tâm.

Người sống phóng dật như vậy, trong mọi thời, tâm không thanh tịnh, tham đắm mùi vị nơi thức ăn, giống như súc sinh ăn thức ăn của người ta mửa ra. Tâm họ như chó, cũng như người giữ giới chó, quạ.

Hạng người như vậy thường sống phóng dật, không đọc tụng kinh điển. Ở trong quyến thuộc, ở giữa những người đa văn, họ là người ngu dốt, là người hèn hạ, bị các tín thí khinh chê, luôn sợ hãi. Sự không sợ hãi thứ nhất là đa văn, hay tư duy chánh pháp. Sự hèn hạ nhất là ngu si ít học. Người ngu si ít học ấy bị mọi người khinh khi, không biết lỗi mình mà còn tham, sân, si nhiều với người khác, đối với người đa văn, người hiểu biết chân thật, hoặc đối với bậc tôn trưởng, đối với thí chủ, người có căn lành, do ngu si và phóng dật, người ấy sinh tâm sân hận, làm tổn thương. Do nghiệp bất thiện, khi qua đời họ bị đọa vào đường ác, sinh trong địa ngục. Người sống phóng dật như vậy, do làm việc phóng dật nên gây chướng ngại đối với ý nghĩa thế gian và ý nghĩa xuất thế gian.

Này các Tỳ-kheo! Vì sao chư Thiên phóng dật phá hoại cõi trời này? Do từ tính hành phóng dật, các vị Thiên sống buông lung, ham thích tiếp xúc với mùi vị, sắc đẹp, hương thơm mà không thấy già sắp đến, không thấy sự tan hoại, sự chìm đắm, tâm không nghĩ đến nghiệp lành bị diệt hết, không tu tập theo chánh pháp, không kính trọng Phật, Pháp, Tăng. Những người ấy xa lìa tâm lành, sống buông lung. Lúc Phật xuất thế họ không thấy, không biết, không sinh tâm tin tưởng, gần kề với sự sợ hãi, sự kém phước, sự khổ vì chết chóc, sự khổ vì ly biệt. Họ bị Thiên nữ lìa bỏ và bị sự sợ hãi đến gần. Họ giống như người ở nơi bờ cao nguy hiểm mà bị rơi xuống không còn gặp lại đầy đủ các việc vui đã thọ hưởng trong cảnh giới trước đây. Ở trong đời khác, họ không có hạnh tùy thuận. Lúc sắp chết, họ không vui vẻ cũng không yên ổn. Cảnh giới như vậy đều bị hủy hoại, không còn khí thế, khi đi đến các nơi khác nhau ở trong các hữu thì nó không thể đi theo.

Nếu làm việc phóng dật, do nghiệp phóng dật, họ phải đi theo các nghiệp cho đến tận cùng cảnh giới ấy, tâm họ chưa biết chán, phóng dật đến chết, bị tất cả chư Thiên bỏ rơi, tâm sinh kinh sợ, mê muội nơi cảnh giới như vậy đến chết. Lúc ấy, tùy theo tâm tương ứng, người đó sinh vào ba đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Cho nên tất cả hàng trời, người không nên hành động phóng dật.

Vào thời ấy, Như Lai Thi-khí nói kệ như vầy:

Chư Thiên trong mọi lúc
Thọ hưởng cảnh giới vui
Nếu thiên ấy phá hoại
Phải đi theo các nghiệp.
Niềm vui không thường còn

Nghiệp tụ tập không mất
Vui làm trời si mê
Do nghiệp không tự tại.
Vui trong cảnh hiện tại
Sau này phải chịu khổ
Đắm nhiễm cảnh giới thiên
Tâm thường loạn không định.
Không biết nghiệp phước thiện
Là thuốc trừ sinh tử
Cũng như thuốc đèn sáng
Cứu giúp cho trở về.
Nghiệp lành trong các cõi
Luôn theo các chúng sinh
Cho nên người trí sáng
Thường nên siêng, tinh tấn.
Tu phước đức là lành
Bỏ cảnh giới là thiện
Nếu người có mắt trí
Biết lo việc chưa tới.
Trí sáng ngăn sợ hãi
Kẻ ngu sẽ lo sợ
Người trí biết rõ rằng
Tâm suy nghĩ hủy hoại.
Ý thường bị ngu si
Nên ưa thích cảnh giới
Bị cảnh giới mê hoặc
Sau sinh tâm hối tiếc.
Các hữu tình hòa hợp
Trí thường không vẩn đục
Đều tạo nghiệp phước đức
Không phước đức liền khổ.

Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà nêu rõ cho tất cả chư Thiên bài kệ viết trên vách mà Đức Như Lai Thi-khí đã dạy. Nêu pháp đầu tiên rồi, vị ấy lại lần lượt nói về bảy pháp còn lại. Vị ấy nói: Ta sẽ giảng nói bảy pháp còn lại cho các ông nghe. Pháp kế tiếp là ngạo mạn không vui, không tỉnh ngộ. Người ngạo mạn không tỉnh ngộ thường làm chướng ngại đối với hàng trời, người, thường làm ngăn ngại tất cả pháp thế gian và pháp xuất thế gian.

Vì sao nói là ngăn ngại ý nghĩa của thế gian và xuất thế gian? Người ngạo mạn thì tâm ý rối loạn. Ý dẫn đầu ý nghĩa của các pháp cho nên có các hành động theo đó. Do tâm ý rối loạn, họ làm việc chẳng lành, làm việc không nên làm, làm không đúng thời, làm việc nguy hiểm, gần gũi bạn ác, không tự xét mình và không biết người, không biết sức mình, không biết sức người. Do ngạo mạn họ không thể tạo nghiệp thiện, đối với việc nhà họ không biết tính toán không khác gì người điên. Họ không làm việc chân chánh, giữa mọi người họ là kẻ hèn hạ nhất. Họ còn là người thấp kém nhất trong số các anh em thân thích. Những điều không nên làm thì họ làm, còn những việc nên làm thì họ không chịu làm. Họ không biết tất cả việc gì nên làm, việc gì không nên làm. Lại cũng không biết làm với không làm, cũng không biết pháp và phi pháp, không biết điều nên nói hay không nên nói, nên làm hay không nên làm, cũng không biết chỗ phải chỗ trái, tất cả như vậy đều không biết.

Do ngạo mạn họ không thể biết pháp trì giới. Lại do ngạo mạn, họ không biết thời, không biết lúc, không biết phương, không biết nơi chốn, không biết trụ tâm và không trụ tâm. Do ngạo mạn họ không biết lúc vui, không biết nặng nhẹ, lại không biết chân thật, không biết không chân thật, trơ mặt mà đi, không biết e sợ.

Lại nữa, ngạo mạn này làm ngăn ngại đối với ý nghĩa của pháp xuất thế gian. Vì sao làm ngăn ngại ý nghĩa của pháp xuất thế gian lại là ngạo mạn này? Chỗ ngăn ngại rối loạn là: Không biết nghiệp nhân, không biết quả báo, không biết đường thiện và đường ác, không biết oai nghi, không biết phương, xứ, không biết thời tiết, không biết đo lường đủ với không đủ, không biết đại chúng. Tuy được nghe pháp, họ không thể tu hành, đối với pháp chưa nghe tâm không muốn nghe, không có tâm học hỏi, hung ác, ương ngạnh, không lo sợ, nói không theo chân lý, tâm ý loạn động, như gió thổi bụi phân tán khắp nơi. Tâm họ như vậy thường loạn, không định.

Người có tâm ý loạn động, ngạo mạn ấy không tu thiền định, không có thể thâu giữ tâm, thấy sắc liền vướng mắc, ưa thích cảnh giới, đắm nhiễm dục lạc, mắt thường láo liên. Do sự e sợ như vậy nên mắt không nhìn thẳng. Họ sống ngạo mạn hoặc nhân đấy mà tham đắm dục, hoặc là say sưa loạn động, hoặc có lúc tai họa tràn ngập, hoặc có lúc mắc bệnh cuồng dại. Tất cả lúc đều như thế không có gì khác.

Do họ như vậy nên bị các thế gian chỉ trích. Do bị chỉ trích nên bị tất cả mọi người khinh chê nhưng không biết lỗi của mình, họ không tạo lợi ích cho người khác, lại không được lợi ích, cũng không an lạc. Họ không

thành tựu đối với lẽ phải.

Vì sao ngạo mạn làm trở ngại pháp luật xuất thế gian? Tại sao pháp ngạo mạn làm trở ngại cho chính người ngạo mạn? Đó là vì trong số người ấy có người xuất gia, sống ngạo mạn rất là hèn hạ. Pháp luật này hay lìa ngạo mạn, làm cho nghiêm trang tất cả. Nếu không lìa ngạo mạn thì không thể nghiêm trang. Người ngạo mạn ấy, không thể tu thiền, không biết an chỉ, thường đi vào thành ấp, xóm làng, không làm việc tốt, không có thể thuyết pháp giáo hóa các tín thí. Họ chỉ tham đồ ăn, thức uống, giường nằm, ngọa cụ, chỉ xem xét những chuyện bất thiện.

Người như vậy khi chết sẽ bị đọa vào đường ác, sinh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Người như vậy sẽ không được sống yên ổn trong hai đường thế gian và xuất thế gian.

Ngạo mạn có bảy thứ:

1. Ngạo mạn về sắc.
2. Ngạo mạn về của cải.
3. Ngạo mạn về cuộc sống.
4. Ngạo mạn về trang sức, y phục đẹp đẽ.
5. Ngạo mạn về sự cúng dường của vua.
6. Ngạo mạn về sự thân cận của phụ nữ.
7. Ngạo mạn do quyến rũ vợ người khác.

Tổng cộng những điều này là ngạo mạn, hoặc nói bớt đi, hoặc nói dư ra, hoặc nói đủ tất cả pháp ấy. Sự ngạo mạn đó làm chướng ngại như là sống trong loài người thì ít giàu có, mạng sống ngắn ngủi, hành động nhỏ nhen ngạo mạn, huống gì là sống trong loài trời, như vậy là ngạo mạn.

Các vị Thiên ấy ưa thích âm thanh, xúc chạm, vị ngon, hương thơm, sắc đẹp, tăng trưởng ngạo mạn trong từng niệm. Do hành động ngạo mạn, mạng sống sẽ giảm dần, họ không biết mạng sống biến đổi không ngừng, không hay sinh mạng chấm dứt, không biết nghiệp đã hết, không biết nghiệp lành hay nghiệp ác. Trong mọi lúc họ thường như vậy cho đến lúc chết vẫn chưa hết ngạo mạn. Lần lượt như thế cho đến khi nghiệp lành hết. Nghiệp dứt thì thoái đọa. Đến lúc bị thoái đọa, họ mới biết nghĩ như vầy: Cảnh giới đã lừa dối ta, khiến ta sinh nhiễm đắm ngạo mạn lừa dối như vậy, khi chết bị đọa vào đường ác, sinh ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, ngạo mạn như vậy làm trở ngại đạo thế gian.

Lại nữa, Thiên chúng do ngạo mạn làm trở ngại đạo xuất thế gian. Tất cả chư Thiên ấy, do thích nghiệp lành, do thích chánh pháp, nên sinh

vào cõi trời Dạ-ma này. Do sống ngạo mạn, họ không biết nghiệp mình, không gần gũi người khác. Người dù ít ngạo mạn cũng không gần gũi tất cả các vị trời không ngạo mạn, không ưa thấy Phật, Pháp, Tăng, không tin vào chánh pháp.

Do không thuận theo chánh pháp, đi theo đường ác, họ không thể quán xét mười hai nhân duyên, không kính tôn trưởng, cũng không gần gũi chư Thiên có trí tuệ, bị dục lừa dối, tham đắm cảnh giới. Ở cõi trời này, lúc sắp thoái đọa, họ mới sinh tâm hối tiếc. Cho nên hàng trời, người phải lìa bỏ phóng dật, phải lánh xa ngạo mạn, nếu không xả bỏ, nó sẽ như lửa dữ thiêu đốt hạt mè. Vào lúc ấy, Đức Như Lai Thi-khí nói kệ:

Phóng dật liền hủy hoại
Bị ngạo mạn mê hoặc
Hoặc là trời hay người
Không được vui tịch tĩnh.
Ai thích sống phóng dật
Gọi là kẻ chết rồi
Lỗi ưa thích phóng dật
Khiến đọa vào địa ngục.
Lỗi không theo đường chánh
Đó gọi là phóng dật
Phóng dật lừa dối trời
Tất bị đọa địa ngục.
Ý ưa điều dối trá
Và không thích sự thật
Do bụi mờ phóng dật
Trời bị dục lừa dối.
Dục làm trời ngu si
Phóng dật, mạn cũng vậy
Không thể thấy chân thật
Như người mù đi đường.

Đức Thế Tôn Thi-khí đã nói về tâm phóng dật và ngạo mạn làm trở ngại pháp thế gian và xuất thế gian rồi, lại dạy về lỗi thứ ba là phá giới.

Việc như vậy, vị Phật Thế Tôn ấy biết không thiếu sót, biết rõ như thật tai họa của phá giới. Trên vách phía trong tháp lần lượt chép điều đó. Bấy giờ, Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà chỉ rõ cho các vị Thiên bài pháp trên vách tháp nói về lỗi không trì giới. Việc không trì giới là tai họa thứ ba của hàng trời, người, chẳng phải là lợi ích, không phải là đạo của thế gian,

không phải là đạo của xuất thế gian, tất cả đều chẳng phải.

Vì sao trong loài người không trì giới làm chướng ngại đạo thế gian? Đó gọi là người ngu si thọ giới. Đã thọ giới rồi, điều nên làm không làm, không biết gì cả, cũng không biết điều sai, điều đúng. Gây tội lỗi rồi che giấu trong tâm, anh em che đậy cho nhau. Người phá giới như vậy, thường dựa vào anh em thân thuộc, không nhớ nghĩ đến giới, hoặc không giữ giới, thọ rồi liền phạm, không có kiêng sợ. Do như vậy, họ bị tất cả anh em dòng họ khinh rẻ, nói: "Nó không trì giới, không siêng năng tinh tấn, giới nơi thân, khẩu, ý tất cả đều không giữ". Như vậy, các người thân cho đến anh em, khinh chê coi thường. Do khinh rẻ, gặp điều lành dữ tốt xấu, họ không thăm viếng, chăm sóc, không qua lại với nhau, các cuộc gặp gỡ lành dữ họ không mời, không gọi, không tin, không kính trọng.

Hạng người như vậy, do không thọ giới, không giữ giới, không sống trong giới, nên những người bạn tốt trước đây liền thành người dưng, những người thù oán trước đây liền tìm lỗi của người ấy, những người không oán thân thì không nhận người ấy làm bạn. Người như vậy như cây bị đứt rễ, gió thổi liền ngã xuống đất. Sau khi ngã, tất cả vật đều bị mất, các người thân đều lìa bỏ. Tự thân người ấy vốn khinh suất, vọng động, bên trong thì ôm lòng ác, đối với mọi người nhiều tham, sân, tâm suy nghĩ ngu si, tà vạy phân biệt, mong mỏi, muốn làm não loạn. Tâm họ thường sân hận với tất cả chúng sinh, sắc mặt dữ, không có oai đức, tâm không định, thường bị bần cùng. Hạng người như vậy do không thọ giới, không giữ giới, khi lâm chung bị đọa vào đường ác, sinh vào địa ngục. Vì vậy phải nên thường niệm lợi ích của việc thọ giới, giữ giới, không làm ngăn ngại pháp thế gian.

Nếu là người giữ giới, nhờ giới che chở, tâm ý chắc chắn, thường nhớ nghĩ điều chân chánh, tin tưởng ở bạn lành.

Do tin người ấy, vua hoặc đại thần, đem vàng bạc rất quý giá, đủ loại vật báu, gửi cho người ấy hết. Nếu có điều bí mật, do tin tưởng họ cũng nói với người ấy. Người ấy không xâm phạm vào vật mà vua hoặc đại thần gởi và không làm lộ những lời bí mật. Do giữ giới, họ được mọi người tin tưởng, lại được các anh em quyến thuộc thân thích tin yêu cúng dường trong mọi thời. Họ được tất cả mọi người kính trọng hơn là tôn trưởng. Người giữ bảy chi giới, vua cũng cung kính, bạn bè thân thích đều cúng dường. Người như vậy mọi người đều tin, đều yêu mến, của cải đầy đủ, thường không bị nghèo thiếu. Họ không thể không làm lợi ích cho nhau, khiến trở nên rất giàu có. Do giàu có, họ có thể bố thí, có thể tạo phước đức, suy nghĩ chân chánh, khéo an trụ, không làm hại trí tuệ. Do nhân duyên

ấy, khi chết họ sinh vào đường lành là cõi trời.

Người nào phá giới nhỏ như vậy còn bị khinh chê, huống gì tu hành đạo xuất thế gian. Hạng người như vậy ý lay động, không an trụ, mù mịt, không hiểu biết, đối với quả báo của nghiệp, hoặc không giữ giới, hoặc phá nhiều giới, chỉ còn lại một giới hoặc không còn giới nào.

Tuy được gọi là Tỳ-kheo nhưng người ấy chỉ có hình dáng, y phục của Tỳ-kheo, giống như tiếng ốc, tâm thường dối trá, lừa dối các Đàn-việt, nói rằng tôi giữ giới của Phật.

Hạng người như vậy, thật sự không giữ giới, thật sự không thành tựu giới mà Thánh hiền yêu quý. Họ là giặc lừa dối thế gian, chư Thiên và ma, lừa dối tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, hàng trời, người… Họ lừa dối tất cả mình lẫn người, hành động không như lời nói. Hạng người như vậy bên trong không có gì cả, không thật, không chắc chắn, như chùm bọt nước, lừa mọi người, dua nịnh tà vạy vào bậc nhất. Người ấy tìm cầu nhiều giường nằm, tọa cụ, thuốc trị bệnh và các thứ cần dùng, lấy nhiều ở khắp nơi. Người ấy thường chìm trong vũng bùn sinh tử, hoặc sinh trong đường ác như địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Người phá giới ấy, chấp giữ những điều không nên giữ, vì phá giới nên thuộc vào hạng bất thiện. Những kẻ ấy không được đi một bước trong đất của chúng Tăng vì không thích hợp với việc ấy và làm việc trái nghịch.

Vì sao? Vì các tín thí sửa sang đất ấy là vì những Tỳ-kheo trì giới chứ không phải vì các Tỳ-kheo không giới, phá giới, không phải vì tất cả những người không có tâm thiện. Hạng người như vậy không nên bước trong đất Già-lam cho đến một bước, huống gì là sử dụng ngọa cụ, thuốc trị bệnh và tất cả các vật dụng khác.

Như Lai Thi-khí vào lúc ấy nói kệ:

Nếu Tỳ-kheo không giới
Là giặc ở trong giặc
Bên trong đầy mủ thối
Bên ngoài phủ ca-sa.
Hư dối không chắc thật
Giống như chùm bọt nước
Không có giới như vậy
Dối xưng là Tỳ-kheo.
Phá giới thuộc địa ngục
Đứng ngoài hàng tăng bảo
Do bị tâm lừa dối

Khi chết đọa địa ngục.
Xa lìa pháp Tỳ-ni
Do nghiệp mình bị đọa
Bị bụi mù che lấp
Thường chịu khổ não lớn.
Không đắp y pháp thiện
Trần truồng xa người thiện
Do xa lìa nghiệp lành
Ác dẫn đến địa ngục.
Nhóm họp nghiệp chẳng lành
Cửa khổ liền mở ra
Sinh tử trói buộc chắc
Như vậy do phá giới.
Bị lửa phá giới đốt
Người kia liền cháy sạch
Người khuyết giới như vậy
Nhất định vào đường ác.
Do ý thọ trì giới
Thầy liền trao giới cho
Dối không tâm thọ giới
Nhất định vào địa ngục.
Người ấy suốt ngày đêm
Thường tăng trưởng điều ác
Nếu hay giữ giới báu
Liền dẹp được phá giới.
Nếu người không có pháp
Chỉ tập hợp tối tăm
Người đó trong từng niệm
Đều thường xuyên hủy hoại.
Bị phá giới trói buộc
Người lành bỏ vì bẩn
Dây phá giới thường kéo
Bỏ giới là người ác.
Không giới hoặc phá giới
Gần gũi với bạn ác
Nếu quen gần tham dục
Đây là nhân địa ngục.
Người ngu si không gì

Hoặc làm kinh động người
Người tương ứng nghiệp ác
Cách địa ngục không xa.
Nghiệp có quả tương tợ
Vì sao lại không biết
Do ngu tự gây họa
Mà đắm trong vui đùa.
Ngày ngày thường tăng trưởng
Không thể qua sông ác
Sóng khổ dâng ào ạt
Làm trôi các chúng sinh.
Người ấy chẳng làm thiện
Người ấy không tâm lành
Nếu người lìa pháp thiện
Thì làm theo pháp ác.
Nếu thâu giữ pháp lành
Là đường lành bậc nhất
Người thực hành điều ấy
Liền đến chỗ bất thoái.
Người đọc kinh giữ giới
Ưa thích các pháp lành
Hạnh chánh thường điều phục
Liền xa lìa khổ não.
Bụi không giữ giới này
Hay khiến cho cấu uế
Họ không học việc ấy
Nên thuộc về địa ngục.
Biết hết thảy như vậy
Nên siêng năng giữ giới
Tất cả biển sinh tử
Không giới là nhân duyên.

Như đã nói, tất cả mọi người do không có giới nên làm chướng ngại đạo xuất thế gian. Vì sao trong chư Thiên không giữ giới là chướng ngại? Vì ở lãnh vực nghiệp quả trong thế gian này, trong ấy giữ bảy chi giới, giữ gìn gom góp, thọ vui trong cõi trời, nếu hành động phóng dật lâu dài, cho đến khi chấm dứt lạc thú, sau đó bị thoái đọa, như đèn hết dầu, do tim đèn hết, ánh sáng cũng tắt.

Cái gì làm trở ngại đạo xuất thế gian? Đó là không giữ giới. Người

giữ giới ấy, sinh trong cõi trời. Sinh nơi ấy rồi, họ nghĩ như vầy: "Ta ở trong loài người, giữ bảy chi giới, nên được sinh vào đây, ngang hàng với chư Thiên". Người ấy vừa sinh Thiên, do tham đắm cảnh giới, ưa thích dục lạc nên quên hết tất cả.

Những vị Thiên khác không quên giữ giới, liền chỉ cho vị Thiên này nghiệp quả giữ giới, nói với vị ấy: "Trước kia, ở trong loài người, ông giữ giới đầy đủ, nên được sinh ở đây. Ông vừa mới sinh Thiên, do tâm lay động, tham đắm cái vui của cảnh giới".

Ông ta không chịu nghe lời nói này, không tiếp nhận, không giữ gìn, không tin giữ giới cho nên không thể nhận lấy quả báo của nghiệp thiện.

Do sức mạnh của cảnh giới làm lay động ý nên ông ấy không giữ giới, không thực hành theo pháp, vị Thiên ấy hủy hoại pháp lành nên bị thoái đọa.

Người trì giới như vậy, sinh ở trong chư Thiên, hoặc sinh ở thế gian, hoặc ra khỏi thế gian. Người sinh ở thế gian là nhờ giữ giới. Người ra khỏi thế gian tức là Bồ-đề. Đây là pháp thứ ba là sự chướng ngại của việc không giữ giới.

Pháp chướng ngại nơi hàng trời, người thứ tư là gì? Đó là biếng nhác, người thích biếng nhác, hoặc người đắm nhiễm. Hạng người như vậy không thể thành tựu đối với hết thảy các pháp thông thường thuộc tất cả các loại ở khắp các thế gian. Người biếng nhác ấy có bảy pháp hèn kém. Những gì là bảy? Nếu người biếng nhác thì không có quả tăng thượng, nên là hai sự hèn kém. Do sự hèn kém này, việc cúng dường liền kém đi, của cải, sự giàu có cũng kém, cảnh giới trí cũng kém. Do sự hèn kém như vậy, những bậc chánh sĩ trong tất cả thế gian không thân cận. Người thế gian cũng ít hỏi thăm. Do tất cả các việc ở thế gian đều kém cỏi như vậy cho nên người ấy ngu tối, chậm chạp. Tất cả việc làm đều bị hư hoại. Như vậy, trong loài người, biếng nhác làm trở ngại pháp lành thế gian.

Vì sao trong loài người có thể làm trở ngại pháp xuất thế gian? Đó là do biếng nhác. Người biếng nhác này đối với tất cả việc nhà, việc làm đều tránh né. Cho nên xuất gia, người ấy nói: Ta xuất gia rồi, có nhiều vật dụng, thuốc chữa bệnh, ăn uống thỏa thích, suốt ngày đêm ta không phải làm gì.

Do xuất gia rồi với tâm biếng nhác như vậy, đã xuất gia rồi, người ấy không đọc tụng kinh điển, không thể dứt ác, không thực hành pháp lành, không tu thiền định, không giữ giới cấm, thường bị che đậy dưới sự biếng nhác. Người ấy được nhiều tài lợi, được nhiều của cúng dường, ăn dùng đầy đủ, không thích giữ giới, không ưa trí tuệ. Do thiếu trí tuệ, khi chết bị

đọa vào đường ác, sinh trong địa ngục.

Lúc ấy, Như Lai Thi-khí nói kệ:

Biếng trễ thiếu phước đức
Si hay phá hoại tâm
Mọi người thân coi khinh
Không thể được đường lành.
Biếng trễ và nghiệp ác
Hoặc bị si che lấp
Ngăn ngại đạo Niết-bàn
Nhân quả ác chẳng lành.
Không xấu hổ, hổ thẹn
Bị bạn ác tác động
Đều là nhân khổ não
Người trí thì lìa bỏ.
Tà và mạn đại mạn
Những ngã mạn như vậy
Thường bỏ những nhân duyên
Tạo ra khổ não này.
Ai bị biếng trễ che
Không ghi nhớ, lười biếng
Khi cái chết ập đến
Uổng đời không kết quả.
Người bị bệnh biếng trễ
Còn sống cũng như chết
Người biếng nhác như vậy
Thà rằng chết còn hơn.
Lún trong bùn biếng trễ
Chìm mãi trong biển khổ
Nếu siêng năng tinh tấn
Liền vượt biển sinh tử.
Người biếng trễ lười nhác
Thích ăn uống như dê
Tuy sống mà như chết
Nếu chết vào địa ngục.
Nghèo khổ, ngu như dê
Hoặc chìm trong khổ não
Thích ăn của người khác
Nguyên nhân do biếng trễ.

Nếu có người biếng trễ
Sống dựa vào người khác
Tham đắm nhiều vị ngon
Tâm mê thường ưa dục.
Người kia không biết đúng
Chỉ tham vị thức ăn
Khi giờ chết đã đến
Lửa hối hận đốt tâm.
Các loài chịu lạnh nóng
Cho đến bị đói khát
Phải chịu khổ như vậy
Sau mới được yên thân.
Chớ có ý biếng trễ
Biếng nhác thì khiếp nhược
Sinh tử chịu không nổi
Không thoát được khổ não.
Biếng nhác uổng một đời
Kẻ hèn trong người lành
Đời vị lai cũng vậy
Không đạt được tịch tĩnh.

Người biếng trễ ngoài cái lỗi này, lại có lỗi khác, đó là xa lìa đạo xuất thế gian. Người biếng nhác là người bất thiện, là người chìm đắm. Vì sao chư Thiên làm mất pháp luật Tỳ-ni thế gian và xuất thế gian? Vì sao chư Thiên làm trở ngại đạo thế gian? Đó là do biếng trễ. Lại có nghiệp khác, nếu nhờ nhân duyên được sinh trong chư Thiên, vị Thiên ấy lại bị biếng nhác làm hủy hoại, không còn ưa thích sắc, thanh, hương, vị, xúc, không còn ưa thích các khu vườn, không còn chạy nhảy ở các nơi chư Thiên ưa thích, không nghe tiếng ca, bản thân cũng không ca hát, không bay lên hư không, không từ ngọn núi này bay đến ngọn núi khác, không ở giữa sông, không vượt trên ngọn sóng hoặc cỡi chim đi chơi.

Thiên vương Dạ-ma có những việc vui như vậy, vị Thiên biếng trễ kia cũng không tìm đến. Tất cả những thú vui về cảnh giới mà Thiên vương Dạ-ma có được ông đều không thọ hưởng, xem tất cả những việc ấy như chất độc, như oán hận. Tất cả đều là cấu bẩn. Đó là biếng trễ làm chướng ngại thế gian.

Thế nào là biếng trễ ngăn ngại đạo xuất thế gian? Đó là nếu các vị Thiên khác thường nghe chánh pháp, vui thọ chánh pháp thì họ không gần

gũi, họ xa lìa chánh pháp, không có tâm muốn nghe đối với pháp chưa nghe, nếu nghe rồi thì không thọ trì, cũng không tu tập, không gần gũi tôn trưởng, không học với bậc trí, lìa hết thảy pháp, bỏ tất cả việc lành, thường ưa sinh tử, luôn chịu khổ não.

Vì sao? Do vị ấy xa lìa chánh đạo, liền ở trong ba cõi không thể thoát được. Vị ấy bị biếng nhác hủy hoại, sinh ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Vị ấy thường bị sinh, lão, tử… giam giữ, lưu chuyển trong thế gian, chịu các khổ não. Người biếng trễ ấy, do biếng trễ như vậy, không làm lợi ích cho người, là gốc của tất cả đường ác, là hạt giống của sinh tử. Cho nên tất cả khổ não ở thế gian do đó mà phát sinh.

Thế nên người nào trong thế gian muốn thoát khỏi dây trói sinh tử phải nên siêng năng lìa bỏ biếng trễ. Tất cả các việc không được lợi ích của hữu tình đều lấy đây làm gốc. Tất cả những ai biếng trễ như vậy đều không thể vượt qua biển khổ. Người biếng trễ này có vô lượng lỗi.

Lại nữa, ngoài bốn lỗi này còn có lỗi thứ năm. Khiến các trời, người làm chướng ngại đạo thế gian và xuất thế gian. Đó là việc tham lam. Nó làm chướng ngại tất cả pháp thế gian và xuất thế gian.

Vì sao thiên, nhân bị tham lam làm chướng ngại đạo thế gian và đạo xuất thế gian? Đó là người phàm tục, do tâm tham làm điều phi pháp, thường ưa của cải vật chất. Tâm họ ưa thích vật chất như loài thủy tộc ưa sông, cũng như khỉ vượn. Do tâm ưa vật chất và muốn lấy vật, họ bày các phương tiện như vậy… như vậy… tham ác tăng trưởng.

Họ suy nghĩ như vầy: "Nay ta phải bày ra những phương pháp và những sự lừa dối gì để đánh lừa người khác? Tâm họ thường lừa đảo dối trá như vậy, lại dạy người khác dối trá, lừa đảo.

Người ấy làm việc phi pháp và dạy người khác làm việc phi pháp. Người như vậy tâm tham rất nặng, tư duy như vầy: Những đồ vật của người làm sao đều thuộc về ta? Người ấy suy nghĩ như vậy rồi lại dạy người khác. Dạy người rồi, họ liền cùng nhau lừa đảo, dối trá, bày các phương pháp lừa dối người khác để lấy tài sản của họ. Lừa dối như vậy rồi, với tâm hoan hỷ họ lại suy nghĩ: Ta làm thật khéo léo, có thể lừa dối người khác, lấy được của cải của họ, cho nên vui mừng vì được sự thú vị như thế.

Lần lượt như vậy, họ thích làm nhiều việc khiến người đau khổ, bị sự tham lam che đậy tâm ý, họ phá hoại thành quách, thôn ấp, xóm làng, nơi nhiều người ở. Họ bị tất cả mọi người lìa bỏ, bị tất cả những người lương thiện nghi ngờ, coi rẻ. Họ là gai góc của các nước, gai góc của thành quách, gai góc của xóm làng. Họ phá hoại các nước, phá hoại thành quách, phá

hoại xóm làng, phá hoại nhà cửa, làm tan nát dòng họ của người khác, thường ưa thích việc ác như vậy trong tất cả các thời, khiến cho người khác đau khổ. Người ác như vậy lúc chết đọa vào đường ác, sinh vào địa ngục, là người tham lam xấu xa trong thế gian. Người tham lam này làm chướng ngại thế gian. Sự tham lam đã tích tụ, lại phát triển thêm như lửa được củi, như vậy như vậy sự tham lam tăng trưởng, như vậy như vậy sự tham lam làm phương tiện, như vậy như vậy thu được của cải người, như vậy như vậy dần dần tăng trưởng. Vì thế người tu hành phước đức phải siêng năng xả bỏ sự tham. Vì sao? Vì sự nhơ bẩn bậc nhất là tâm tham, lấy của cải của người. Người nhơ nhuốc bại hoại ấy phải bị đọa vào địa ngục.

Vào lúc ấy, Như Lai Thi-khí nói kệ:

Người hành động dối trá
Bày cách lấy vật người
Đó là tâm rất tham
Thường làm việc bất thiện.
Người ấy suốt ngày đêm
Tâm thường không thanh tịnh
Bị tham che lấp tâm
Thường mong vật của người.
Người ấy như lửa dữ
Tự thể bản tánh ác
Làm tất cả sợ hãi
Giống như là rắn độc.
Nếu người bị tham lam
Thường che lấp tâm mình
Đọa mãi trong địa ngục
Và trong loài ngạ quỷ.
Đã thoát khỏi chỗ nóng
Là lửa địa ngục rồi
Nếu sinh trong loài người
Năm trăm đời nghèo nàn.
Mặt hư và miệng méo
Thường bị các khổ não
Tham lam hủy hoại tâm
Đều chịu khổ như vậy.
Nếu người lìa bỏ tham
Thường mong cầu trí tuệ
Thường có sức thần thông

Đi trên con đường lành.
Trừ bỏ tham trong tâm
Giống như lấp hang rắn
Nếu bị rắn tham cắn
Nhất định chịu khổ não.
Nếu người ôm lòng tham
Tăng lên trong từng niệm
Như lửa gặp củi khô
Bùng cháy ngày càng mạnh.
Người ham thích của cải
Thường mong cầu vật chất
Lúc giờ chết đã đến
Tài sản đều bỏ hết.
Nghiệp ác đã làm rồi
Không sao lìa bỏ được
Người ấy bị tham trói
Bắt đem vào địa ngục.
Của cải thuộc về người
Bị nghiệp ác làm bẩn
Không của thấy là của
Chẳng vui cho là vui.
Tham ác ở trong tâm
Coi giặc như bạn lành
Lửa tham hay đốt người
Người trí không chứa tham.
Người bị tham thiêu đốt
Về sau đọa địa ngục
Tài sản chất như núi
Tất cả đều vô thường.
Tại sao vì của cải
Gây nghiệp ác như vậy
Chỉ có người ngu si
Hay làm ác như vậy.

Tham lam xấu xa như vậy đều không được tự làm, không khiến người làm. Sự tham lam như thế làm trở ngại thế gian. Người tích chứa tham lam ngày càng tăng trưởng như lửa được củi, như vậy như vậy cháy ngày càng mạnh. Tham ái như vậy do được của cải tăng lên như vậy cùng tham lam keo kiệt, ganh ghét tăng trưởng mạnh mẽ. Vì vậy, những người có phước

đức phải nên lìa bỏ. Chư Thiên các ông nên biết, có người làm ăn sinh sống, mua rẻ đồ ăn uống, hoặc của cải còn thừa, hoặc lập trai đàn cúng dường Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, vì muốn cho người biết mình là người có phước, chân thật đáng tin. Biết người tin rồi, sau đó đem đồ vật của mình bán mắc cho người. Người này tuy bố thí, chẳng phải với tâm trong sạch mà là muốn người khác tin tưởng để làm ăn cầu lợi mua rẻ, bán mắc. Phương tiện như vậy, dùng vật ít ỏi bố thí, vật thu được lại nhiều hoặc được gấp mười, hoặc được gấp tám. Việc tham lam xấu xa như thế người lành liền xả bỏ.

Lại nữa, người nói về việc xả bỏ tham lam, xấu xa mà họ lại là tham ác, đó là pháp sư nói pháp để lấy vật. Lấy được vật rồi, họ không dùng cho Tam bảo. Tham ác ấy cần phải được xả bỏ. Lại nữa, người tham ác, nói về việc bỏ tham ác là người xuất gia, dùng ngà voi trắng làm tượng Phật, hoặc tượng thêu bằng chỉ năm sắc, tượng Phật vẽ trên tấm thảm, hoặc tượng khắc bằng gỗ, hoặc tượng đồng, người ấy bán tượng như vậy. Đó là tham ác. Khi đã được vật rồi, họ dùng trong phi pháp. Tham ác như vậy ở trong loài người làm trở ngại pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Đó là điều người trí quở trách, người trí lìa bỏ.

Những gì là tham ác trong hàng trời? Trong chư Thiên các ông, tuy có nhiều hoan lạc lớn nhưng vẫn còn tham ác như là hiện thấy núi kim ngân, núi Tỳ-lưu-ly, núi châu báu xanh, núi châu báu rất xanh, núi pha lê, các ông vui chơi thọ lạc trong những núi đó. Đã thọ vui trong một núi rồi, lại hướng đến núi khác thọ đủ thứ hoan lạc cùng với các Thiên nữ, Thiên chúng vây quanh. Tất cả như vậy đều do tham lam mà ra, không phải do thứ khác tạo nên.

Thiên chúng các ông bị tham ái trói buộc, đọa vào đường ác mà không hay biết, không sinh lo sợ, không sợ chết khổ, không sợ xa lìa quyến thuộc yêu dấu, không biết các loại khổ về suy tàn, lúc thoái đọa. Thiên chúng các ông do tâm tham mà không hay không biết, Thiên chúng các ông có vô lượng vô biên tâm tham như vậy. Nghiệp ma nơi tâm tham không biết chán, biết đủ, không sợ ly biệt, không sợ khổ nơi sinh tử. Tham lam xấu xa như vậy làm chướng ngại đạo thế gian.

Vì sao trong cõi trời, tâm tham làm chướng ngại đạo xuất thế gian?

Do sự ưa thích sắc, thanh, hương, vị, xúc, ưa thích thọ vui, các vị Thiên có tâm tham không thành tựu được việc gì khác. Hơn nữa, các vị Thiên tham lam này đối với việc nghe pháp, cầu pháp, học pháp, họ không muốn nghe pháp khiến tâm trong sạch. Tất cả pháp thiện, nguồn gốc của sự thù thắng được gọi là giác pháp. Tất cả pháp được giác ngộ, chủ yếu là

do nghe pháp. Nếu không nghe pháp thì sẽ không giác ngộ pháp. Vì sao không giác ngộ, đó là do phóng dật. Lại nữa, pháp gì là căn bản của phóng dật? Đó là tâm tham. Nếu bỏ tâm tham liền đến Niết-bàn. Người bị tham che lấp sẽ lưu chuyển trong sinh tử, Thiên chúng nên biết ở trong hàng trời, người, đạo xuất thế gian bị sự tham lam, xấu xa làm trở ngại. Vì vậy người trí phải thường siêng năng xả bỏ tham ác mà bố thí.

Bố thí có ba loại: một là bố thí của cải, hai là bố thí vô úy, ba là bố thí pháp. Người bố thí của cải, được quả báo sinh Thiên, lại không thể bố thí. Điều này chứng tỏ con người hơn chư Thiên, chớ không phải chư Thiên hơn con người. Như vậy, thân người là khó được nhất. Nếu được thân người mà không thực hành bố thí thì thật uổng một đời. Cũng như người buôn bán gặp được đảo châu báu, không biết nhặt lấy vật báu mà trở về tay không. Nếu được thân người, không biết xả bỏ của cải đem bố thí cũng lại như vậy.

Thế nào là bố thí vô úy? Bố thí vô úy gồm có mấy loại? Bố thí vô úy gồm ba loại. Một là cứu mạng làm cho không sợ hãi. Hai là vợ con họ bị người bắt, ta tạo phương tiện cứu giúp khiến họ không còn lo sợ. Ba là bảo vệ cho người sợ bị mất đồ vật, khiến họ dứt hết lo sợ. Người cứu mạng sinh trong cõi trời người được quả báo thọ mạng lâu dài. Người bảo vệ của cải cho người sinh ra liền giàu có, của cải của họ không bị các thứ giặc, vua, nước, lửa cướp đoạt, hủy hoại. Nếu làm vua hoặc đại thần, do nghiệp ấy, có oai lực lớn, có tiếng tăm lớn. Người này thường sinh ở nơi giàu có. Người cứu vợ con của người, sinh trong loài người khéo được vợ con giúp đỡ, lúc ở trên cõi trời bị thoái đọa, Thiên nữ không lìa bỏ. Đó là ba loại bố thí vô úy.

Thế nào là pháp thí? Bố thí pháp có hai loại: Một là bố thí pháp thế gian, hai là bố thí pháp xuất thế gian. Bố thí pháp thế gian là đem kiến thức về bốn Thiền của thế gian để bố thí, ở trong cõi trời, người thọ dục lạc của thế gian. Người này sinh trong hàng trời, người liền sinh tà kiến.

Người bố thí pháp xuất thế gian, do không sân hận sinh trong hàng trời, người, sinh vào cõi dục, hoặc sinh nơi cõi sắc. Nếu sinh cõi dục, tùy theo nguyện sinh ở một trăm chín mươi tám cõi nước. Nếu sinh ở cõi sắc liền được giải thoát. Do quả báo thù thắng, do trí tuệ lớn, do chỗ nương tựa thù thắng, liền được giải thoát. sinh nơi cõi Tịnh Cư. Nếu nhờ nguyện lực, làm Chuyển luân vương, làm chủ bốn cõi, có kim luân làm bằng mười bốn loại châu báu là bảy báu và bảy báu tương tợ. Do nguyện lực lành, dứt sạch các lậu hoặc, đắc đạo Duyên giác. Do nguyện lực thù thắng ắt thành Như

Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Do bố thí pháp, là nhân duyên thù thắng, nơi ba loại thí này, Thiên chúng các ông không có cái nào. Do ý nghĩa như vậy, con người là thù thắng. Cõi trời là cõi quả báo, cõi người là cõi của nghiệp. Nghiệp là nhân, duyên là quả. Như vậy, loài người là nhân duyên sinh trong chư Thiên, do nghiệp quả thù thắng. Người thù thắng như vậy, chư Thiên cũng không bằng.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 44

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 23)

DẠ-MA THIÊN (Phần 9)

Lại nữa, về phần nghiệp, nếu người sinh Thiên chưa từng bố thí, chỉ nhờ trì giới mà được sinh Thiên thì chỉ có đầy đủ một loại công đức. Công đức năm dục kém hơn các vị Thiên khác. Do nhân duyên của nghiệp chứng tỏ con người hơn chư Thiên.

Vào lúc ấy, Phật Tỳ-bà-thi nói kệ:

Con người bố thí rồi
Liền sinh vào đường lành
Thiên không thể bố thí
Vì đó là kết quả.
Con người là nghiệp nhân
Kết quả là sinh Thiên
Tất cả do nhân quả
Không nhân thì không quả.
Niệm niệm mãi không dừng
Chuyển rồi không trở lại
Khi nghiệp quả sắp hết
Phải nên làm phước đức.
Tất cả tâm lực ấy
Hay khiến mạng lưu chuyển
Cho nên người có trí
Không vì mình làm ác.
Nên không còn phải sợ
Các khổ trong vị lai
Người khổ não như vậy
Do dây si trói buộc.
Báu bố thí giữ giới
Ai có được trong tâm

Sinh vào trời, vào người
Hoặc đến con đường lành.
Hữu vi sinh trụ diệt
Đều là do vô thường
Những cái vui hữu vi
Cũng vô thường như vậy.
Tuy hoại mà sinh tham
Niệm niệm động không dừng
Thích sống cũng như thế
Vì vậy nên xả ly.

Pháp như vậy, tất cả pháp hữu vi đều vô thường, khổ, không, vô ngã. Tất cả thế gian có vô lượng khổ não, đầy khắp mọi nơi, có năm loại trói buộc, trói buộc hàng trời, người, khiến cho ngu si mù tối, ái dục hủy hoại, tâm chỉ ham ưa tham dục. Tất cả ngu si trói chặt phàm phu, luyến ái ràng buộc lẫn nhau như chim ở trong lồng. Tất cả hàng trời, người trôi lăn thường xuyên trong đường sinh tử.

Do nghĩa ấy, hoặc người hoặc trời, hoặc sống hoặc vui, đừng sinh trưởng thường còn, mà đối với tất cả các pháp ở thế gian không sinh tưởng thường còn, không làm vô lượng sự phân biệt, lại thực hành đầy đủ mười hai loại bố thí. Bố thí như vậy trong chư Thiên không có, chỉ loài người mới có. Chư Thiên chỉ hưởng quả. Nếu hưởng hết sẽ mục rã, hư hoại, thoái đọa không còn ở cõi trời. Thế nào là đầy đủ mười hai loại bố thí?

1. Phương xứ đầy đủ.
2. Thời tiết đầy đủ.
3. Công đức đầy đủ.
4. Đầy đủ sự đáng yêu.

Đó là vật ưa thích.

5. Ruộng phước đầy đủ.
6. Việc bố thí cho người đói khát.
7. Bố thí với lòng tin.
8. Không cầu mà đầy đủ công đức bố thí.
9. Có tâm hoan hỷ, bố thí vợ con.
10. Tâm lựa chọn với sự kính trọng, đem cả thân mình ra mà bố thí.
11. Bố thí mà không có tâm coi khinh đối với thế gian.
12. Bố thí không cầu báo đáp.

Người có mười hai loại bố thí như vậy, lại có đầy đủ công đức trì giới

được sinh lên trời, hết phước liền thoái đọa. Vì vậy Thiên chúng nên từ bỏ việc làm phóng dật. Người đủ mười hai loại bố thí trong ấy như vậy sẽ làm Chuyển luân vương, của cải dồi dào, hoặc sinh lên trời, hoặc nơi tương tợ cõi trời.

Lại có mười hai loại bố thí không thanh tịnh. Những gì là mười hai loại không thanh tịnh?

1. Bố thí không bình đẳng đối với nhiều người, đối với chúng hòa hợp, đối với chúng Tăng đều có giới hạnh, trí tuệ và công đức đầy đủ như nhau. Sự bố thí không thanh tịnh này được quả báo nhỏ.

2. Hoặc nam hoặc nữ, do sự tham dục mà nam bố thí cho nữ, hoặc nữ bố thí cho nam. Đó là sự bố thí không thanh tịnh thứ hai.

Sự bố thí không thanh tịnh thứ ba là do sợ hãi mà bỏ vật ra bố thí cho nhà vua, cho thầy dạy như Sa-môn, Bà-la-môn. Người đó nghĩ như vầy: Nếu ta dâng nạp cho nhà vua, khi ta bị khổ ách, nhà vua có thể cứu ta. Đây chẳng phải do nhân duyên tu, tư mà bố thí nên gọi là bố thí không thanh tịnh.

Sự bố thí không thanh tịnh thứ tư là bố thí với tâm si mê, như Bà-la-môn ngoại đạo kia lập trai hội bố thí. Đó là sự bố thí không thanh tịnh thứ tư.

Lại nữa, sự bố thí không thanh tịnh thứ năm là thấy người khác bố thí, không biết người kia có giữ giới hay không, không biết người kia có trí tuệ hay không, có yên tịnh hay không, có thiền định hay không, chỉ thấy người khác bố thí thì làm theo, chớ mình không tự suy nghĩ. Bố thí như vậy gọi là sự bố thí không thanh tịnh thứ năm.

Sự bố thí không thanh tịnh thứ sáu là: Người xin phải năn nỉ khổ nhọc mới cho. Đây là sự bố thí không thanh tịnh thứ sáu.

Sự bố thí không thanh tịnh thứ bảy là biết người có vật, vì muốn cho người tin, tạo phương tiện để chiếm đoạt nên đem vật cho người. Sau đó người này làm ác, gây đủ thứ thiệt hại. Người này vì muốn cầu lợi nên đem vật đi cho. Đây là sự bố thí không thanh tịnh thứ bảy.

Sự bố thí không thanh tịnh thứ tám là: Vì muốn phá hoại sự hòa hợp của người mới đem vật đi bố thí và kết bạn cùng với hai người đó, khiến họ lìa nhau để thu lợi, làm cho họ khổ đau. Đó là sự bố thí không thanh tịnh thứ tám.

Sự bố thí không thanh tịnh thứ chín là: Vì muốn kết thân nên đem vật cho người, hoặc nam bố thí cho nữ, hoặc nữ bố thí cho nam. Đây là sự bố thí không thanh tịnh thứ chín.

Sự bố thí không thanh tịnh thứ mười là: Vì việc làm ăn, người ấy mua nhiều thức ăn và các vật đủ loại như lúa, đậu, rau, quả, tất cả tạp vật đợi đến ngày trai hội đem bán mắc để thu lời, được vật dụng rồi mới đem bố thí chút ít. Đây gọi là sự bố thí không thanh tịnh thứ mười.

Sự bố thí không thanh tịnh thứ mười một là: Vì muốn nổi tiếng nên đem vật để bố thí. Đây là sự bố thí không thanh tịnh thứ mười một.

Sự bố thí không thanh tịnh thứ mười hai là thấy vợ con họ nghèo đói, người ấy đem đồ vật cho họ nhưng trong tâm không có ý nghĩ tốt đẹp. Đây là sự bố thí không thanh tịnh thứ mười hai.

Tất cả sự bố thí này đều không có suy nghĩ. Do không có suy nghĩ nên không có quả báo. Nếu suy nghĩ tăng trưởng thì có thể xa lìa sự cấu uế. Giống như áo dơ đem giặt với nước tro áo liền sạch, cũng vậy nếu thêm vào sự suy nghĩ thì việc bố thí đó sẽ thành tựu.

Vào lúc ấy, Phật Tỳ-bà-thi nói kệ:

Đủ mười hai công đức
Lìa mười hai cấu uế
Thành tựu thí trong sạch
Trái lại liền dơ bẩn.
Hoặc trời hoặc người nam
Bố thí được sức mạnh
Không thí đọa đường ác
Bố thí sinh đường lành.
Bụi tham lam ganh ghét
Chỉ biết thương vợ con
Người này đọa ngạ quỷ
Chỉ mong cầu ăn uống.
Ai mở dây tham lam
Đốn ngã cây ngạo mạn
Diệt trừ khối si ám
Người này nhờ bố thí.
Bố thí đi phía trước
Thí chủ bước theo sau
Bố thí hay chỉ đường
Đi thẳng sang đời khác.
Người tắm nước bố thí
Thao hương thơm giữ giới
Trí tuệ rộng không dơ

Vượt khổ đến bờ kia.
Trượng phu có ba đèn
Đốt lên vì lợi ích
Gọi là trí thí giới
Hay trừ được tội lỗi.
Tham ái rất sâu rộng
Sóng si rất cuồn cuộn
Do giữ giới tu trí
Vượt qua biển khổ này.
Tâm không điều rối ren
Nơi nào cũng vướng mắc
Pháp bố thí, trì giới
Có thể buộc tâm ấy.
Ba vị thầy thuốc này
Hay trừ bệnh phiền não
Trí bố thí, giữ giới
Thường xuyên khiến an lạc.
Tâm có lỗi phóng dật
Phân biệt và dối trá
Trí bố thí, trì giới
Ba thứ buộc tâm này.
Ba loại hơn lửa dữ
Đốt tất cả thế gian
Nước trí dập lửa xong
Được Niết-bàn vắng lặng.

Phật Tỳ-bà-thi chép kinh này ở trong tháp ấy. Việc bố thí này chỉ con người mới có thể thực hành, còn chư Thiên thì không thể. Do nhân duyên ấy, con người hơn chư Thiên. Chư vị đã biết bố thí như vậy, đối với những cảnh giới phải khéo giữ tâm, chớ có phóng dật. Khéo giữ tâm rồi nên khiến cho phiền não và tội lỗi lớn không thể phát sinh trong tâm. Nếu có sinh ra, có thể dùng lửa trí tuệ để thiêu đốt. Lửa trí đốt phiền não liền đến nơi bất thoái đệ nhất, không sinh, không già, không chết, không chấm dứt. Như vậy cần phải xả bỏ phóng dật đáng ghét.

Lại nữa, Thiên chúng còn có việc khác lưu chuyển ý bị khiếp nhược, nhục nhã, hổ thẹn. Đó là vào giờ ăn, quả báo thấp kém của mình hiện ra trước mặt nên hổ thẹn. Do oai lực của nghiệp có thượng, trung, hạ nên quả báo cũng có các bậc thượng, trung, hạ. Vị Thiên ấy không thể bố thí một vật nhỏ cho vị Thiên khác, không thể đem nghiệp của mình chuyển sang

cho người khác là vì lúc làm người bố thí thức ăn vào giờ ăn hoặc là giữ giới nên được thức ăn như vậy. Vị Thiên ấy thấy thức ăn của người khác đầy đủ sắc hương vị tốt đẹp hơn mình, thấy như vậy rồi tâm sinh hổ thẹn. Nếu vui chơi trong vườn, ao sen thì tất cả các thú vui đều tương ứng với nghiệp. Vui chơi xong, thấy các vị Thiên khác thọ hoan lạc thì trong tâm hổ thẹn, cúi đầu, rụt cổ.

Trong chư Thiên có năm loại hổ thẹn. Những gì là năm?

Một là vào giờ ăn, thấy các vị Thiên khác có thức ăn màu cam lồ trắng, còn thức ăn của mình thì không thanh tịnh, hoặc là màu đỏ. Lúc ăn gần nhau thấy việc này thì rất hổ thẹn. Đây là sự hổ thẹn đầu tiên.

Sự hổ thẹn thứ hai là thấy vị Thiên khác có sắc tướng tươi đẹp, hình dáng, y phục trang nghiêm, có nhiều Thiên nữ dung mạo tuyệt đẹp hầu hạ, cúng dường, thấy rồi liền hổ thẹn.

Điều hổ thẹn thứ ba là thấy vị Thiên khác ở trong hoa sen, bay trên hư không, vườn cây, ngọn núi, trong ao sen, nơi đùa giỡn màu vàng Tỳ-lưu-ly. Do nghiệp vượt trội họ bay nhanh. Nếu chư Thiên nào nghiệp lành ít thì bay chậm, không thể cùng bay song song với các vị khác mà thường bay sau họ, nên cảm thấy xấu hổ với các Thiên nữ.

Điều hổ thẹn thứ tư là chư Thiên vào trong ao sen, ao sen sinh ra sắc, hương, xúc tương ứng với nghiệp. Vị Thiên kém phước thấy rồi sinh hổ thẹn với quyến thuộc.

Điều hổ thẹn thứ năm là nghiệp của chư Thiên như thế nào thì được quả báo như vậy. Chỗ ngồi cũng theo nghiệp. Nếu xưa kia tạo nghiệp lành nhiều thì có tòa ngồi bằng tỳ-lưu-ly xinh đẹp, hoặc tòa bằng châu báu màu xanh, hoặc lại có hoa sen đỏ, được ngồi ở chỗ đẹp đẽ. Nếu là chư Thiên ít phước thì khi ngồi ở chỗ đó, do nghiệp ít nên tòa ngồi vi diệu như vậy liền biến thành vàng, hoặc biến thành bạc, hoặc thành pha lê. Vị Thiên ấy thấy chỗ ngồi đã biến theo đủ các loài tạp nghiệp hoặc nặng hoặc nhẹ. Đã thấy biết rồi vị ấy liền sinh hổ thẹn. Do hổ thẹn uy đức bị giảm sút. Các vị Thiên khác thì uy đức và sắc mặt tăng thượng. Thấy vậy, các Thiên nữ của vị ấy liền rời bỏ. Họ lìa bỏ vị Thiên ít nghiệp lành và đến nương tựa nơi các vị Thiên có nghiệp lành lớn. Lúc vui chơi thọ lạc, các Thiên nữ cùng nhau đến với các vị Thiên khác. Vị Thiên ít nghiệp ấy rất hổ thẹn. Đây là sự hổ thẹn thứ năm đối với quyến thuộc ở trong chư Thiên.

Như vậy, pháp hữu vi không đáng ưa. Pháp hữu vi hay lừa dối, khiến sinh tâm tham. Giống như lá cây xoan, vị nó rất đắng được đem hòa với vị ngọt, thú vui ở cõi trời cũng vậy, khổ nằm lẫn trong vui. Ở cõi trời còn vậy,

huống gì chúng sinh ở các đường khác như địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh hoặc do định nghiệp sinh hoặc do nghiệp bất định sinh, thường chịu khổ không dứt, có vô lượng loại khổ lớn phát sinh.

Giống như trong biển có đủ các dòng nước là do các sông khác nhau chảy vào. Tâm của chúng sinh cũng lại như vậy, chảy liên tục như sông, có đủ các nghiệp, dựa vào nghiệp mà sông tâm phát sinh, tạo nên sức mạnh dấy khởi các khổ não.

Thiên chúng các ông nên biết, ở đây lường xét như vậy và nêu rõ hết thảy loại khổ khác nhau. Tổng cộng tất cả khổ gồm có ba loại nhân chính, hòa hợp tạo thành đủ các khổ. Ba loại khổ này nếu có ba loại đối trị liền có thể trừ bỏ nó. Những gì là ba? Đó là trí tuệ, trì giới và bố thí.

Bấy giờ, Phật Tỳ-bà-thi nói kệ:

Nếu tâm không nương tựa
Ba thứ trí, giới, thí
Chúng sinh ấy thường khổ
Không thể được an lạc.
Như các loại nhân duyên
Có bao nhiêu loại nghiệp
Nghiệp mà chúng sinh tạo
Thành tựu quả như vậy.
Tất cả đều nhờ duyên
Không gì không nhờ duyên
Hữu vi không hủy hoại
Nhân duyên không thể thấy.
Do bị tâm lừa dối
Hổ thẹn khi bố thí
Người bố thí như vậy
Sẽ không được quả vui.
Hòa hợp và bố thí
Bỏ keo kiệt, ganh ghét
Do thiên thường thọ vui
Không có tâm như vậy.
Đói khát là lửa lớn
Hay thiêu các ngạ quỷ
Do keo kiệt ganh ghét
Người trí nói như vậy.
Ai thường hay bố thí

Nhất định sẽ được vui
Do bố thí được vui
Bố thí là hơn hết.
Thế gian tạo ánh sáng
Thường xuyên tự theo đuổi
Bố thí liền sinh Thiên
Được chư Thiên hầu hạ.
Thí là nơi chân thật
Như Lai nói như vậy
Do nó là chân thật
Thường nên hành bố thí.
Bỏ keo kiệt ganh ghét
Rồi khéo tu nơi tâm
Nếu hay hành bố thí
Được vượt biển sinh tử.
Thí vào ruộng Tam bảo
Ba phần đều thanh tịnh
Quyết định ở ba thời
Thấy quả báo kia ngay.
Trước hết thường bố thí
Đến tinh tấn giữ giới
Trí tuệ hay dứt ái
Đây là đạo rất vui.
Nếu không trừ bỏ ái
Không lợi ích thế gian
Người ấy không thể đến
Niết-bàn không sinh tử.
Thường lìa tâm keo kiệt
Thường thích hành bố thí
Không thí nên đói khát
Đốt thân trong ngạ quỷ.
Bố thí được giàu to
Trong thời Càn-thát-bà
Nhờ thí được làm vua
Pháp lành Chuyển luân vương.
Dựa vào đất bố thí
Người trí hay giữ giới
Người giữ giới biết thời

Nhờ trí được giải thoát.
Con đường để thoát khổ
Chư Phật đều khen ngợi
Người mạnh mẽ biết rồi
Nên thường hành bố thí.
Không bố thí sinh Thiên
Hưởng hoan lạc rất ít
Do bố thí làm người
Cả đời được giàu, vui.
Nếu sinh làm súc sinh
Cũng thường hưởng quả vui
Mọi niềm vui bố thí
Là điều người trí nói.
Nếu ở trong ngạ quỷ
Cũng có đồ ăn uống
Do bố thí chút ít
Nên được quả như vậy.
Nếu sinh trong địa ngục
Không bị đói khát thiêu
Tất cả nhờ bố thí
Đều được quả như vậy.
Sinh trong đường lầy lội
Là nghiệp của chúng sinh
Bố thí được an lạc
Như là gặp cha mẹ.
Sống trên đất bố thí
Thường làm việc bố thí
Thích bố thí, giữ giới
Được thoát các chốn ác.

Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà đã răn dạy các Thiên chúng phóng dật như vậy.

Thiên chúng hiểu rồi, tất cả đều thấy rõ quả báo của việc sống trong giới nên chuyên chú giữ giới.

Lại nữa, Thiên chúng ấy, có sự hổ thẹn đó là sự hổ thẹn trong hiện tại do thấy thức ăn nên hổ thẹn.

Vì hổ thẹn nên họ đi dạo chơi trong vườn, trên hoa sen, có nhiều Thiên nữ vây quanh tạo ra đủ loại âm nhạc. Ở trên trời, họ đi trên đất, tâm

ưa cái vui của cảnh giới năm dục. Họ thành tựu được việc vui tốt đẹp nhất không thể ví dụ được.

Như vậy, từ chỗ ăn uống ra đi, họ lần lượt đến chỗ các Thiên nữ xinh đẹp. Các Thiên nữ ấy vây quanh họ ca múa đủ năm loại âm nhạc. Họ vui chơi thọ lạc. Nhĩ thức của các vị Thiên đó không biết chán biết đủ. Cảnh giới thật đáng yêu cho nên họ hưởng dục lạc không thể nhàm chán.

Lại nữa, vị Thiên ấy thấy các loại sắc đều đáng yêu, xinh đẹp dịu dàng. Họ nghĩ đến sắc đẹp như ý thích của họ, thấy rồi liền sinh vui vẻ. Sắc ấy có đủ loại ánh sáng, đủ loại màu vẻ khác nhau, đủ loại hình tướng, hoặc ở xa, hoặc ở gần, hoặc ở giữa. Vị Thiên ấy thấy rồi có ý nghĩ như vầy: "Ước gì sắc đẹp ở xa kia có thể đến gần". Theo ý nghĩ của họ, sắc đẹp đáng yêu ấy liền đến gần. Hoặc là sắc đẹp ở giữa cũng đến theo ý muốn. Nếu nghĩ đến sắc đẹp ở gần, sắc đẹp ở gần liền đến. Nếu nghĩ đến sắc đẹp ở giữa, sắc đẹp ở giữa liền đến. Nếu nghĩ đến sắc đẹp ở xa, sắc đẹp ở xa liền đến. Do nghiệp quả thù thắng nên họ được tùy ý như vậy.

Do nghiệp nhân của họ có thượng, trung, hạ nên quả báo chư Thiên cũng có thượng, trung, hạ. Như vậy, vị Thiên ấy ngậm độc tham ái không biết nhàm chán. Như lửa gặp củi không có bao giờ đủ, người có tâm tham ái cũng không bao giờ biết chán biết đủ đối với cảnh giới. Như vậy trong cõi trời có vô lượng thú vui đủ loại đều không thể làm thỏa mãn vị ấy.

Lại nữa, Thiên chúng, tỷ thức ngửi mùi thơm có vô lượng loại, đó là mùi hương của hoa kỳ diệu ở trong vườn trời.

Lại nữa, hoa ấy sinh ra ở trong nhánh cây. Nhánh rủ xuống đất có đủ loại màu sắc, đủ loại hình tướng, đủ các thành phần, đủ loại khác nhau. Hoa nở cùng lượt trong tất cả các thời. Hoa ấy được Thiên nữ hái đem dâng cho Thiên tử ngửi. Hoặc là gió thổi, mùi hương bay đến chỗ Thiên tử, Thiên tử ngửi xong dục vọng phát sinh, Thiên tử liền thọ hưởng dục lạc.

Lại nữa, thân tướng của chư Thiên ở trong cõi trời trang nghiêm kỳ diệu, trên đầu được trang điểm bằng châu báu anh lạc thích hợp với chư Thiên ấy. Tùy theo ý niệm của chư Thiên mà đủ loại y phục được sinh ra, có đủ loại hương thơm và vô số y phục cõi trời thích hợp với từng vị. Các vị Thiên ấy sinh tâm tham ái không biết chán, biết đủ.

Lại nữa, tùy theo tâm suy nghĩ và do nghiệp của chính mình, các vị Thiên ấy có đầy đủ tất cả đồ vật cần dùng, có đồ ăn thức uống ngon nhất. Trong đất trên cõi trời có thức ăn cam lồ. Cam lồ này có các loại thượng, trung, hạ do công đức bố thí trước đây có các bậc thượng, trung, hạ.

Lại có đầy đủ các loại thức uống cõi trời gồm các bậc thượng, trung,

hạ. Đó là do nghiệp mà như vậy. Nghiệp của mình cũng như con dấu ấn, giống như trong loài người, thân người dài hay ngắn, theo ánh mặt trời bóng nó cũng dài ngắn tương tợ như thân. Như vậy như vậy, vị Thiên ấy xưa kia lúc ở trong loài người tạo nghiệp như vậy thì nay hưởng thức ăn như vậy. Lúc ăn thức ăn này, Thiên nữ hiện trước mặt, vị ấy liền hổ thẹn. Vị Thiên ấy thấy Thiên nữ xinh đẹp liền rất khổ não. Ở trong các cảnh giới, tất cả đều vô thường, không có một thú vui nào không bị hủy hoại. Nên biết rằng tất cả các pháp hữu vi trong hiện tại đều như vậy.

Lại nữa, khi nghiệp lành trước đây của vị Thiên ấy đã hết, giờ thoái đọa đã đến, vị ấy liền sinh đau khổ. Nếu các vị Thiên phóng dật, ham thích dục lạc cõi trời, lúc thoái đọa phải xa lìa những điều ưa thích, mồ hôi túa ra, phước báo hết, sắp sinh về cõi khác thì có tướng hiện ra. Do sắp thoái đọa, thân tâm rất khổ như là có nỗi khổ lớn phát sinh. Nỗi khổ ấy không gì thí dụ được.

Vào lúc ấy, Phật Tỳ-bà-thi nói kệ:

Các thú vui phóng dật
Là cảnh giới lừa dối
Lúc thức ăn sắp hết
Thoái đọa không bạn bè.
Đời xưa hành phóng dật
Không làm việc bố thí
Lúc thoái đọa về sau
Lửa hối hận đốt tâm.
Các thời đầu, giữa, sau
Tâm thường làm lợi ích
Thường điều phục lợi ích
Khi chết không khiếp sợ.
Có sinh ắt có chết
Cũng có ái xa lìa
Người ngu không tư duy
Bị cảnh giới lừa dối.
Niệm thứ lớp của tử
Cảnh giới phá hoại trời
Đến nơi trời không biết
Do ý đắm nhiễm dục.
Nếu trời biết điều này
Sinh khổ ái xa lìa
Cho đến trong chốc lát

Tâm dục không chịu dừng.
Dục vô thường đáng sợ
Thường gây ra tai hại
Người ngu si như vậy
Mà còn gần tham dục.
Trời si thường như thế
Bị lửa dục thiêu đốt
Đã bị dục thiêu rồi
Làm theo dục không ngừng.
Nếu nghĩ về chân đế
Không ưa thích cảnh giới
Người ưa thích dục lạc
Sẽ thường hay than khóc.
Tất cả ba cõi này
Xoay chuyển như bánh xe
Tất cả nghiệp trói buộc
Trời không thấy sự thật.
Ở trong các nẻo đường
Bị sinh tử khắp nơi
Chúng sinh bị mê ái
Thường chịu các khổ não.
Dục như điện, vòng lửa
Rất nhanh không bắt kịp
Như mộng, thành Thát-bà
Chúng sinh không thể giữ.
Dục là như vậy đó
Xét kỹ còn hơn thế
Trong vô thường, khổ, không
Chớ sinh tâm ngã, sở.
Bánh xe lão tử này
Rất ác khó điều phục
Chúng sinh không ai cứu
Mù mắt không biết rõ.
Thế Tôn dạy năm căn
Hoàn toàn không tự thể
Có nhiều khổ, vô thường
Tự thể là bệnh tật.
Thấy biết như vậy rồi

Nên lìa bỏ dục ngay
Người trí tuệ tịch tĩnh
Liền ở gần Niết-bàn.
Khi vị Thiên sắp đọa
Thân tâm đều loạn động
Bấy giờ khổ thọ sinh
Không thể ví dụ được.
Nỗi khổ lớn như vậy
Tâm thương tiếc như vậy
Lúc trời ấy thoái đọa
Chịu khổ lớn như thế.
Các loài chưa bị chết
Các loài lìa tám nạn
Đều nên làm lợi ích
Đường này hay được vui.
Chư Thiên cũng thoái đọa
Loài người phải bị chết
Người nào biết như vậy
Mà không chán sinh tử.

Như vậy trong cõi trời, lúc nghiệp hết bị thoái đọa, dây nghiệp trói buộc khiến cho bị thoái đọa, dẫn dắt đến nơi khác, sinh sợ hãi khủng khiếp. Cho nên có chư Thiên giống như súc sinh nên tâm của chư Thiên ấy ưa thích cảnh giới và các hành động dục lạc chớ không tự làm lợi ích. Do đó Thiên chúng chớ có hành động phóng dật, đừng để về sau sinh tâm hối tiếc.

Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà chỉ cho Thiên chúng nơi Sơn thọ cụ túc trên mặt đất nơi có tháp của Phật Tỳ-bà-thi. Thấy tháp ấy rồi, Thiên vương bèn điều phục chư Thiên, làm lợi ích cho họ, chỉ cho họ thấy tai họa của dục, giảng nói chánh pháp cho những vị Thiên mắc bốn thứ điên đảo, chỉ cho họ cái chết lúc nó chưa đến để khiến họ sợ hãi. Ở nơi chết chóc đáng sợ, nơi có vô lượng khổ não ấy. Thiên vương chỉ dạy đạo bình đẳng, dùng tâm tịch tĩnh để tạo lợi ích và điều phục họ.

Phần thứ hai trong sáu kinh mà Phật Tỳ-bà-thi đã dạy đến đây thì chấm dứt.

Lại nữa, Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà là Thiên vương Dạ-ma ấy giúp đỡ tất cả chư Thiên ở Sơn thọ cụ túc, dù họ có tâm tu hay không có tâm tu. Thiên chủ làm cho họ siêng năng tu tập, tạo lợi ích cho người khác, trừ bỏ sự biếng nhác, khiến họ thấy rõ nghiệp, quả và tâm trở nên nhu hòa. Do

tâm nhu hòa, lòng tin to lớn được phát sinh. Lòng tin đã phát sinh rồi, Thiên chủ mới chỉ cho họ tội lỗi của dục. Chỉ cho thấy tội lỗi của dục rồi, Thiên chủ mới dạy về sự vô thường của mạng sống. Nói về sự vô thường rồi, lại giảng nói về nỗi khổ sinh tử. Chư Thiên nghe rồi, tâm trở nên nhu hòa. Do tâm họ đã nhu hòa, Thiên vương mới dạy:

–Này chư Thiên các ông, tất cả hãy xem tháp Phật lớn lao ấy. Đó là tháp của Ca-ca-thôn-đà Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Tháp Phật quý báu kỳ diệu, ánh sáng đầy khắp, lan can kết bằng vàng ngọc, cao vút lên trên như xuyên qua hư không, mọi người đều thấy rất là đáng yêu. Nó trong sạch vào bậc nhất, tất cả chư Thiên ai thấy cũng ưa thích. Nơi cõi trời này, tháp ấy cao vút như tấm cờ phướn, chắc chắn không lay động như trong thiền định, có đủ loại châu báu tốt, ánh sáng rất đẹp đẽ, giống như giảng nói về chánh pháp rất là đáng ưa, chư Thiên đều thấy như vậy.

Này chư Thiên! Các ông hãy đi theo ta đến tháp ấy để cúng dường, lễ bái, hoặc thoa hương, rải hoa để cúng dường. Tháp của bậc Đại tiên này có gì hy hữu mà nay chúng ta cùng nhau đến chiêm ngưỡng? Đó là nó làm cho chúng ta được lợi ích, kể cả lợi ích cao nhất là nhập Niết-bàn, làm cho thân mạng đều được an lạc. Vì sao? Vì pháp mà Như Lai, Thế Tôn giảng nói tuy chỉ có chút ít cũng có thể làm cho chúng sinh được an lạc, được lợi ích. Tất cả chúng sinh đều được lợi ích, điều đó không có gì nghi ngờ.

Nay để được thêm lợi ích, chúng ta nên cùng nhau đến đó.

Bấy giờ, sau khi nghe Thiên vương nói như vậy, tâm chư Thiên đều trong sạch, tin lời Thiên vương và bạch: "Chúng ta cùng nhau đi cúng dường, lễ bái để được lợi ích an lạc".

Khi ấy, chư Thiên ở Sơn thọ cụ túc cùng Thiên vương đi đến tháp của Thế Tôn. Thiên vương đi trước, Thiên chúng đi sau. Đến nơi, thấy tháp của Như Lai Ca-ca-thôn-đà, họ sinh tâm kính trọng, lễ bái cúng dường và đi nhiễu quanh tháp.

Lúc này ở trong tháp, các châu báu rực sáng đến nỗi ánh sáng của mặt trời giống như là ánh sáng đom đóm, ánh sáng của các châu báu ấy kỳ diệu lạ thường như vậy. Trong tháp ấy có treo một tấm bảng báu rất sáng. Bảng này có chép kinh. Đó là do thần thông của chư Thiên làm ra nên không bị mất, không bị phá, không bị hư và không thể xóa sạch.

Vì sao không mất? Vì để làm lợi ích cho cõi trời người, Như Lai Ca-

ca-thôn-đà Mâu-ni đã dạy kinh điển này, nói pháp như vậy cho hàng trời, người. Vì sao? Vì cõi trời chính là đường lành của con người. Cõi người chính là đường lành của chư Thiên. Lúc chư Thiên thoái đọa thì mong cầu đường lành là sinh làm người. Con người chết thì mong cầu được sinh vào đường lành là cõi trời. Như vậy, trời và người đổi nhau làm đường lành. Trời cùng với người ưa thích lẫn nhau. Ai giữ giới đầy đủ thì sinh lên cõi trời.

Người giữ năm giới gồm có hai hạng. Người giữ giới ấy do ngu si, nên sống mà không chín, chỉ làm một cách ngu si, nhưng người ấy có lòng tin. Do lòng tin đối với Phật, họ tu tập khiến cho thân, khẩu, ý đều thiện chứ không theo tà kiến. Cho đến khi mạng căn chấm dứt họ vẫn tin quả báo của nghiệp. Họ làm ăn, sinh sống theo chánh pháp, không làm người khác buồn bực, kính trọng cha mẹ, cúng dường cha mẹ, gần gũi Sa-môn, Bà-la-môn, thường nghe chánh pháp. Người ngu si ấy chỉ làm theo lòng tin. Tuy ngu si chậm lụt nhưng người ấy tu tập thân, khẩu, ý theo nghiệp lành một cách đầy đủ. Họ có tánh như thế, không chịu thọ giới cấm. Người như vậy khi chết sẽ sinh vào đường lành là cõi trời. Người ấy cuối cùng được sinh Thiên là do tâm lành. Nếu được sinh ở cõi trời Dạ-ma thì họ sẽ thua kém các vị Thiên khác. Màu sắc của thân, quần áo và các đồ trang sức, các Thiên nữ, sức phi hành, thức ăn, tất cả đều thua kém. Do vậy, họ sinh hổ thẹn. Ánh sáng và tất cả những điều mong cầu đều thua kém. Do không có trí tuệ, không biết giữ giới nên họ thua kém những vị Thiên có giới, có trí tuệ và biết giữ giới.

Lại nữa, do ngu si họ không biết giữ giới và tu tập giới. Tuy có lòng tin trong sạch đối với Phật, Pháp, Tăng nhưng họ không thể giữ giới được một ngày. Mặc dù thân làm việc lành, miệng nói điều lành, ý nghĩ điều lành nhưng không được hoàn toàn về thân, khẩu, ý. Việc thiện của thân là không sát sinh, không tà dâm, không trộm cắp, họ không thể thực hành tất cả. Các điều lành về khẩu thì họ chỉ thực hành việc không nói dối, còn các lỗi khác thì họ đều vi phạm. Như vậy, họ chỉ thực hành được một phần chớ không thể thực hành đầy đủ tất cả các hạnh lành. Về điều thiện của ý, họ có lòng tin cho đến trọn đời. Nhờ nghiệp lành còn sót lại, hoặc là nhờ niềm tin, họ được sinh vào cõi trời Dạ-ma nhưng thấp kém hơn những chư Thiên đã ở đó trước. So với chư Thiên có tu hành, thọ giới, giữ giới đầy đủ thì hình dáng, sắc thân, đồ trang sức, thức ăn, sức phi hành, Thiên nữ, tuổi thọ, thanh, xúc, sắc, hương của họ tất cả đều kém. Do thấy mình kém, họ rất hổ thẹn đối với các vị Thiên khác là những vị có giữ giới.

Lại có người ngu si, không biết giữ giới, không thích hợp với việc trì giới. Tuy có chánh kiến, được nghe Phật pháp, tin Tam bảo là Phật, Pháp, Tăng một cách cung kính, nhưng họ không giữ giới được một ngày. Nghe người trì giới đến, hoặc là bạn bè đến chỉ dạy, hoặc do sợ hãi, họ không dám trộm cắp.

Dần dần, khi nghe Phật dạy, do nghiệp xấu còn sót lại sẽ sinh nghèo nàn, vì lo sợ cho đời hiện tại, lo sợ cho đời vị lai, nên họ không trộm cắp, miệng không nói lời hủy hoại, không hủy hoại nhau. Đối với người đang phá hoại thì họ khiến cho hòa hợp lại, vì ưa thích việc lành bằng cách truyền những lời Phật đã dạy. Người ấy do dư nghiệp của lời nói hủy hoại, nên những người bạn thân, vợ con, nô tỳ, tất cả đều bị hủy hoại. Do nhân này, khi chết sẽ đọa vào cõi ác, sinh vào trong địa ngục. Do hai nhân duyên ấy, người đó không nói hai lưỡi nữa.

Do nghiệp nhân này, do có lòng tin hoặc do nghiệp đời trước, hoặc do nghiệp đời này, hoặc do tin ruộng phước nên khi chết người ấy sinh lên cõi trời Dạ-ma, nhưng sắc đẹp và hình tướng đều thấp kém, Thiên nữ cũng kém. Sức phi hành, đồ ăn uống, sắc, thanh, hương, vị, xúc, tuổi thọ tất cả đều kém so với các vị Thiên khác. Người ấy liền sinh hổ thẹn. Đó là do phóng dật, không giữ giới mà ra.

Ba hạng như vậy đều được sinh lên cõi trời, nhưng có sự buồn rầu về việc bị thua kém.

Đó là nhờ tin Phật hoặc suy nghĩ như vậy, nhờ công đức thù thắng, hoặc nhờ bản tánh tốt đẹp, hoặc do tâm thể rất nhu hòa, hoặc do rất chánh kiến, hoặc do lòng tin sâu sắc không dối trá, không làm buồn bực người khác, do những điều tốt đẹp hơn như vậy, hoặc do nuôi dưỡng cha mẹ, kính trọng cha mẹ, do nghiệp tốt đẹp hơn như vậy, hoặc do nguyện lực thù thắng.

Người ấy như vậy nên tâm cũng theo nghiệp nối tiếp không ngừng.

Người ấy rất tin tưởng đối với ruộng phước nên ý suy nghĩ về cách tạo công đức.

Với nghiệp tốt đẹp có các bậc thượng, trung, hạ như vậy nên khi được sinh lên trời, người ấy quyết định nhận quả báo tương tự với nghiệp. Điều đó trọn không hư dối, không thể nghi ngờ mà chắc chắn phải như vậy, huống hồ là người giữ giới, cho đến khi đạt Niết-bàn thì chắc chắn được, không có hư vọng.

Có mấy loại giữ giới. Tóm lược mà nói, bốn chúng đệ tử của Phật, mỗi chúng đều có bốn cách thọ giới. Chúng đều tạo ra quả báo.

Bốn chúng đệ tử là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di là bốn

chúng thọ giới. Mỗi chúng có mấy loại thọ giới khác nhau?

Trước hết, xét về Ưu-bà-tắc, tóm lược mà nói thì gồm có bốn loại. Đó là bốn loại gì?

1. Hành một phần.

2. Hành nửa phần.

3. Hành luôn luôn.

4. Thực hành tất cả.

Hành một phần là chỉ giữ một giới.

Hành nửa phần là chỉ thọ ba giới và giữ ba giới.

Hành luôn luôn là thọ giới không thường *(chỉ thọ giới một lần)*.

Hành tất cả là giữ trọn năm giới.

Lại có bốn loại trì giới. Những gì là bốn?

1. Hi trì giới.

2. Bán trì giới.

3. Hối trì giới.

4. Hợp trì giới.

Ưu-bà-tắc ấy lần lượt giữ gìn đối với biển học giới. Đầu tiên là giữ tam quy làm Ưu-bà-tắc. Người ấy tu tâm, trải qua một thời gian quán xét kỹ lưỡng, họ giữ một học giới. Họ giữ học giới ấy một cách kiên trì, không khiếm khuyết, không rò rỉ và không thất thoát.

Thế nào là không khiếm khuyết, không rò rỉ và không thất thoát?

Không khiếm khuyết là cho đến trọn đời, giữ gìn không bỏ, không khởi một tâm niệm phá giới, không tùy hỷ đối với người phá giới, ngăn cản không cho họ phá giới và khiến cho người khác sống yên ổn trong chánh pháp nên gọi là không khiếm khuyết.

Không rò rỉ là như có người thọ một học giới. Về sau họ xả học giới ấy, sau đó giữ trở lại, vài lần xả vài lần giữ. Như vậy gọi là rò rỉ. Còn người giữ giới không rò rỉ thì giữ kỹ lưỡng chứ không phải như vậy.

Thế nào là không thất thoát? Thế nào là thất thoát? Đó là ban đầu, với tâm thanh tịnh, thọ trực tiếp với bậc Thiện tri thức. Sau đấy sinh tâm hối hận không thể giữ gìn, tâm sinh nghi ngờ. Điều nghi ngờ ấy dẫn dắt tâm khiến người đó làm theo tâm vẩn đục chớ không làm theo sự suy nghĩ chín chắn. Người đó về sau bị lửa hối hận thiêu đốt. Sau khi bị thiêu như vậy, họ liền xả bỏ học giới. Xả bỏ như vậy rồi, họ không giữ trở lại. Đó gọi là thất thoát. Nếu người nào không có như vậy thì gọi là không thất thoát.

Ưu-bà-tắc hi hành là người giữ giới bị khiếm khuyết, bị rò rỉ và bị thất thoát. Thế nào là khiếm khuyết? Đó là người có tâm bình thường, không bị mất trí, thần kinh không bị hư hoại, do tâm hành phát sinh nên giữ học giới nhưng việc ấy giống như là bẹ chuối, hoặc giống như là ánh chớp. Với tâm như vậy, người ấy hoan hỷ giữ giới và rất kính trọng, tin tưởng chánh pháp. Sau đó, nghe pháp của ngoại đạo, tâm liền sinh hối hận, bị bụi ngu si làm cho tâm vẩn đục nên người ấy xả giới. Về sau, lại được nghe chánh pháp mới giữ giới trở lại. Đó gọi là khiếm khuyết.

Thế nào là rò rỉ? Đó là Ưu-bà-tắc nghi ngờ học giới. Người trì giới như vậy vừa cúng dường chư Thiên, vừa nhớ nghĩ chánh pháp. Họ nghĩ như vầy: "Nay ta nhờ lời dạy của Phật mà được thanh tịnh, nhờ sức hộ trì của chư Thiên mà được ơn ích". Do nghĩ như vậy, họ cúng dường cả hai. Với tâm nghi như vậy mà giữ giới theo chánh pháp gọi là rò rỉ.

Còn thất thoát là gì? Đó là trong tâm thì hư dối mà bên ngoài thì giả bộ làm lành. Người này giữ gìn học giới là vì muốn người khác thấy và vì muốn được lợi dưỡng. Điều này gọi là thất thoát.

Tất cả những điều đó người trí đều nên bỏ.

Bây giờ ta nói về hạnh Ưu-bà-tắc hy trì giới. Thế nào là Ưu-bà-tắc hành hi trì giới? Đó là Ưu-bà-tắc giữ một học giới trong một thời gian rồi mới giữ học giới khác. Lần lượt như vậy chứ không phải là cùng một lúc, không chịu chuyên tâm, không theo một thầy. Trải qua một thời gian lâu dài người ấy giữ giới như vậy. Đó gọi là Ưu-bà-tắc hi hành học giới.

Điều thứ hai là Ưu-bà-tắc bán trì giới? Đó là người giữ giới từng nửa phần một, hoặc là giữ hai giới sau đó liền giữ ba giới còn lại, hoặc là giữ ba giới sau đó liền giữ hai giới còn lại. Hoặc là về sau mới giữ ba giới còn lại, hoặc là sau một thời gian lâu mới giữ hai giới còn lại. Đó gọi là bán trì giới ở trong từng nửa phần họ tăng thêm phần còn lại để thực hành. Vì sao? Vì họ gom từng nửa phần học giới lại là để giữ gìn. Người gom từng nửa phần học giới lại để giữ, gọi là loại trì giới thứ hai Ưu-bà-tắc gom từng nửa phần lại mà giữ gìn.

Thế nào là Ưu-bà-tắc hối trì giới là loại trì giới thứ ba? Đó là người trước không giữ giới do tâm ngu si nhưng có lòng tin sâu xa đối với Phật, Pháp, Tăng.

Ưu-bà-tắc ấy đến gặp thầy Tỳ-kheo, nghe thầy Tỳ-kheo nói về quả báo của việc giữ giới là có công đức vô lượng cho đến có thể đạt được Niết-bàn.

Nghe rồi, lửa hối hận thiêu đốt tâm, người đó mới sinh kính trọng,

giữ giới không xả cho đến lúc chết. Đó gọi là Ưu-bà-tắc hối trì giới là loại trì giới thứ ba.

Còn Ưu-bà-tắc hợp trì giới tức loại trì giới thứ tư là người giữ đầy đủ tất cả các giới. Vì sao gọi là Ưu-bà-tắc hợp trì giới? Vì Ưu-bà-tắc này nghe chánh pháp rồi, liền hiểu chánh pháp, hiểu từng câu, từng chỗ ở trong mỗi kinh, hiểu về mười hai nhân duyên. Dựa vào giáo lý mười hai nhân duyên, người ấy thấy đúng như thật về pháp mười hai nhân duyên, trong tâm phát sinh ý niệm tin tưởng như vậy rồi, mới dùng miệng trì giữ tất cả các giới, giữ gìn đầy đủ năm giới, cùng một lúc một cách chắc chắn không bị khiếm khuyết, không rò rỉ và không thất thoát. Người ấy thường giữ gìn như vậy cho đến trọn đời.

Bốn hạng Ưu-bà-tắc đã nói như ở trước.

Còn về các bậc thượng, trung, hạ, theo thứ lớp như vầy, hạng thù thắng nhất là hạng giữ đủ năm giới, hạng kém nhất trong đó là hạng Hy trì giới. Hạng Ưu-bà-tắc giữ giới kém nhất chỉ cần hết lòng hộ trì giới trong một niệm thì chư Thiên cũng không bằng, Thiên ma, Ma vương cũng không bằng.

Vì sao? Vì người đó có thể bảo vệ thành trì Niết-bàn trong khi tất cả chư Thiên không mong cầu đến.

Quỷ Dạ-xoa trên đất thấy người trì giới liền cúng dường lễ bái. Dạ-xoa trên hư không thấy như vậy cũng cúng dường, lễ bái. Do người đó thực hành theo chánh pháp, có thể báo ân và có thể điều phục nên Dạ-xoa nói với chư Thiên về người đó. Người đó được quả báo trong hiện tại là được vua hoặc đại thần, hoặc chủ ruộng đất cúng dường của cải, đồ vật. Người đó được chư Thiên có thần thông lớn, có uy lực mạnh theo ủng hộ nên các việc phi pháp và các Dạ-xoa hung ác không thể làm não loạn, không thể phá hoại. Theo nhu cầu của tâm, các loại ý muốn đều được thỏa mãn đầy đủ, mặc tình thọ hưởng an lạc, các việc làm đều được thành tựu, không bị nhiều bệnh tật, sắc mặt thanh tịnh, ngủ nghỉ yên ổn, lúc thức thì vui sướng ổn định, vợ con, nô tỳ và người làm mướn luôn luôn bảo vệ, khi chết thì sinh vào đường lành. Khi ở cõi trời, thân sắc và hình tướng đều thù thắng. Do giữ giới nghiêm túc họ được sống một cách hạnh phúc như vậy. Với nghiệp lực như thế, do trì giới, họ được quả báo lớn.

Còn nếu ở trong cõi trời Dạ-ma mà làm việc phóng dật thì tất cả các nghiệp lành tích tụ lúc làm người đều hết sạch. Tâm chúng sinh do nghiệp trói buộc về sau sẽ bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Vì vậy, ta phải siêng năng tinh tấn, cho đến khi nào thấy được đạo. Nếu tinh tấn như thế

thì tâm sẽ được tự chủ, còn nếu phóng dật thì lúc bị thoái đọa, vị Thiên ấy sẽ sinh tâm hối tiếc, bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh do nghiệp thiện đã hết. Vì vậy ta cần phải lìa bỏ sự phóng dật. Như vậy, hạng Ưu-bà-tắc tốt đẹp thứ tư này được an lạc trong hiện tại. Nếu có thể không ngừng tinh tấn theo thứ lớp thì liền đạt đến Niết-bàn.

Trên đây, ta đã nói về một loại thọ giới, đó là Ưu-bà-tắc đệ tử của Phật. Còn thế nào là Ưu-bà-di đệ tử của Phật? Ưu-bà-di gồm có mấy hạng?

Ưu-bà-di gồm có bốn hạng:

1. Có lòng tin.

2. Có chủng tánh thuận theo thứ lớp.

3. Hạnh điều phục.

4. Hạnh cận trụ.

Hạng có lòng tin là những người có tâm tánh như sau:

Đó là tâm nhu hòa và được tu tập khéo léo. Ưu-bà-di ấy chỉ cần nghe một ít lời Phật dạy liền có thể hiểu, hiểu rồi liền có thể nếm được vị ngọt của chánh pháp. Nếm rồi liền vào được chánh pháp. Đó gọi là đã đi vào pháp luật. Ưu-bà-di này sống với tâm lành sau đó mới thọ giới. Người này không bị câu chấp vào tâm của người nữ và khi nghe những lời dạy của ngoại đạo, họ không chấp nhận và không xả bỏ Phật pháp. Thậm chí họ không nói chuyện với ngoại đạo và chỉ sinh tâm trong sạch đối với Phật, Pháp, Tăng, thọ đủ năm giới. Đây là Ưu-bà-di có lòng tin.

Thế nào là Ưu-bà-di có chủng tánh tùy thuận theo thứ lớp? Đó là người bản tánh hiền lành, tùy thuận theo chánh pháp, nhập vào chánh pháp, tin pháp được pháp cứu giúp, quy về chánh pháp, bản tánh thuận với pháp và kiên trì với chánh pháp, không tạo nghiệp ác. Luận sư ngoại đạo không thể phá hoại được, được sinh trong dòng họ của Ưu-bà-tắc, thường hết sức tin tưởng đối với Phật pháp. Trong dòng họ này, nếu sinh người nữ thì người nữ ấy liền có thể thuận theo thứ lớp từ lúc mới sinh, thường được nghe lời Phật dạy và thường cúng dường Sa-môn. Ưu-bà-di này thường nghe điều nghĩa. Trong tất cả các thời, tâm họ được huân tập liên tục về chuyện thọ giới, giữ giới. Đây gọi là Ưu-bà-di có chủng tánh tùy thuận theo thứ lớp.

Ưu-bà-di hạnh điều phục là người vốn không tin Phật, Pháp, Tăng. Nếu được gần bạn lành làm cho tin Phật pháp hoặc nhờ một nhân duyên khác làm cho tin Phật pháp, do thấy người kia có đầy đủ công đức trì giới nên người này cũng thường xuyên giữ giới. Đó là Ưu-bà-di hạnh điều phục.

Ưu-bà-di hạnh cận trụ là như có người nữ thường gần gũi ngoại đạo, biết pháp của ngoại đạo và quan sát oai nghi của họ, biết oai nghi của họ rồi, sau đó người này mới thân cận Sa-môn, đệ tử của Phật, quan sát oai nghi của họ, theo họ nghe pháp quan sát hình tướng, cách đi đứng, ăn uống cử động tới lui, thân mặc áo ca-sa, đi lại yên lặng. Thấy như vậy rồi, sau đó họ mới từ từ lìa bỏ ngoại đạo và tin tưởng Phật, Pháp, Tăng. Do gần gũi nên được điều thuận rồi theo họ thọ giới cho nên được gọi là Ưu-bà-di hạnh cận trụ.

Bốn chúng Ưu-bà-di và bốn chúng Ưu-bà-tắc như vậy lược nói như thế này: Đó là có sự tin hiểu, do tâm tương tục, do nhân duyên khác, do-tuần tự thân cận. Như chúng Ưu-bà-tắc đã nói ở trước, có nhân duyên gì thì chúng Ưu-bà-di nhập vào chánh pháp cũng như vậy. Như chúng Ưu-bà-di có nhân duyên gì, chúng Ưu-bà-tắc cũng lại như vậy. Do tâm nối tiếp nhau, chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di đã thực hành tất cả điều thiện thuộc chánh kiến, chánh hạnh không khác nhau.

Do tâm họ đều có các bậc thượng, trung, hạ nên khi chết đều được sinh vào đường lành là cõi trời. Có người sinh vào cõi trời Dạ-ma như sự tập khởi về giới và chánh hạnh không đồng nhau, quả báo của họ cũng khác nhau. Như vậy được sinh trong các cõi trời khác là do khéo giữ giới và công đức đã tích tụ thích ứng với nơi đó.

Được sinh lên cõi trời rồi, sống phóng dật, do không siêng năng tinh tấn những người chưa được đắc Thánh quả đều hết phước nên sinh trở lại trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh do hết phước đức vì phóng dật.

Nếu có chư Thiên không làm việc phóng dật, người đó sẽ đến nơi rất vui, do họ giữ giới và khéo tu tập. Vì vậy không nên khởi tâm phóng dật. Việc phóng dật ấy không khác gì chất độc. Tất cả kẻ phàm phu ngu si ở thế gian, bị tham dục lừa dối nên làm tất cả việc làm không lợi ích, do đó bị đường sinh tử trói buộc không lìa. Vì vậy hàng trời, người nên từ bỏ phóng dật. Nếu hàng trời, người mà giữ giới chắc chắn được sinh ở chỗ tốt đẹp nhất, còn nếu phóng dật thì sẽ hết phước đức.

Người này do tự lừa dối quá nặng nên bị đọa vào đường ác hoặc trôi lăn trong sinh tử theo thời gian rất lâu. Với tâm thiện, Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà dạy Thiên chúng bản kinh chép trên bảng ở trong tháp Phật và nói: "Vì thương xót chúng sinh và muốn tạo lợi ích cho chư Thiên nên Đức Phật dùng thần thông biến hóa ra". Chư Thiên nghe rồi, với một tâm tốt đẹp nhất, họ chán ghét sinh tử, lìa bỏ sự phóng dật như lìa bỏ chất độc không khác.

Trên đây đã nói về hai hạng đệ tử là Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 45

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 24)

DẠ-MA THIÊN (Phần 10)

Thế nào là hai loại quyến thuộc Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni? Họ gồm có mấy loại, có công đức gì, có những hạnh gì, giữ giới thế nào, có mấy loại giữ giới?

Sa-môn này là đệ tử của Đức Thế Tôn, hoặc là Tỳ-kheo, hoặc là Tỳ-kheo-ni, cầu hạnh Niết-bàn, siêng năng tinh tấn, không kể ngày đêm, có thể khiến cho đám quyến thuộc của ma kinh sợ. Tỳ-kheo-ni ấy có trí tuệ sáng suốt, hành động chân chánh, thực hành đúng pháp luật, tâm không có lo sợ, hướng đến thành Niết-bàn, tìm cầu chân đế. Do tìm cầu chân đế, họ trì giới không vi phạm nên có thể vào thành Niết-bàn. Họ tu những hạnh gì và tương ưng với công đức gì?

Tất cả người nữ ưa dục, gần dục. Hai công đức này được xem là tất cả việc thiện. Ban đầu quan sát một cách chân thật thân của người nam hoặc là thân mình, thấy thân nam ấy hoặc là bằng thân mình, hoặc lớn hơn thân mình. Thấy như vậy rồi mới tưởng rằng đó là anh em, cha mẹ… phải tu tâm như vậy. Dục lạc là gốc của người phụ nữ này. Nếu gần gũi nhau thì ý thường trông mong. Hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc làm việc khác, hoặc trẻ, hoặc già, hoặc là trung niên, hoặc ở nơi bình yên, hoặc ở nơi ác độc, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc bệnh hoặc không bệnh, hoặc ủng hộ hoặc không ủng hộ, hoặc cấm hoặc không cấm, hoặc sinh trong dòng quý tộc, hoặc sinh trong dòng dõi hèn kém, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc đứng ngồi bên đường, hoặc ở trong nhà, hoặc ở nơi xóm làng, hoặc ở chỗ đồng trống, hoặc oai nghiêm, hoặc không oai nghiêm, hoặc bị ở trong địa ngục, hoặc không ở trong địa ngục, hoặc được chồng yêu thích, hoặc không được yêu thích, hoặc ở gần bậc tôn trưởng, hoặc ở gần kẻ hèn hạ, hoặc gần người nhỏ tuổi, hoặc gần người lớn tuổi, tất cả phụ nữ trong hết thảy các thời thường bị dục buộc tâm. Dục ở trong tâm cũng như lửa nóng, như sự cứng của đất, như sự lay động nhẹ nhàng của gió,

như sự ẩm thấp của nước, đối với tự tướng ở trong bốn đại, đều không điên đảo, trong tất cả thời đều không tự lìa, người nữ thường bị dục trói buộc như vậy chưa từng tạm lìa.

Người nữ lại có hai sự cấu bẩn là ganh và ghét. Hai điều cấu bẩn này lại có những cấu bẩn khác cùng sinh không lìa nhau, đó là vu khống và nịnh hót. Chúng lại có sự cấu bẩn đi theo không rời đó là dối trá. Nó lại có sự cấu bẩn đi theo không lìa, đó là kiêu mạn. Nó lại có sự cấu bẩn đi theo không lìa, đó là suy não. Suy não là gần gũi người nam giàu có và cùng nhau hành dục. Chúng lại có sự cấu bẩn đi theo không lìa, đó là sự xao động, tâm thường không yên. Chúng lại có sự cấu bẩn đi theo không lìa, đó là sự lừa dối, vu khống bạn thân thiết và anh em quyến thuộc. Chúng lại có sự cấu bẩn đi theo không lìa, đó là làm mất oai nghi khi ở chỗ đông người. Chúng lại có sự cấu bẩn đi theo không lìa, đó là nói hai lưỡi. Chúng lại có sự cấu bẩn đi theo sát, đó là nói lén việc riêng của người. Chúng lại có sự cấu bẩn đi theo không lìa, đó là tham ăn. Chúng lại có sự cấu bẩn đi theo không lìa, đó là làm những việc ham muốn không nên làm. Chúng lại có sự cấu bẩn đi theo không lìa, đó là sự không tin tưởng. Chúng lại có sự cấu bẩn đi theo sát, đó là hay nói việc mất oai nghi của người phụ nữ khác. Chúng lại có sự cấu bẩn đi theo sát, đó là sự tranh nhau tham ái. Chúng lại có sự cấu bẩn đi theo sát, đó là sự hủy nhục người. Chúng lại có sự cấu bẩn đi theo không lìa, đó là sự gây rối loạn khiến các làng xóm bị rối loạn. Chúng lại có sự cấu bẩn đi theo sát, đó là do gần người nữ này mà bị đọa vào địa ngục. Người phụ nữ này như là phân, như thuốc độc, như dao bén, như là rớt từ trên bờ cao hiểm trở, hoặc ở trong cánh đồng lửa lớn, như rắn độc dữ và tất cả những sự tương tự. Tâm của mọi người phụ nữ đều như vậy.

Người phụ nữ có tâm như vậy, đã gặp Tam bảo, khen ngợi xưng tụng, nghe lời Phật dạy, tâm người phụ nữ ấy liền trở nên nhu hòa. Họ lại có pháp hy hữu để đối trị tâm cấu uế ngang ngược, chắc chắn như vậy. Pháp đối trị có hai loại là từ tâm sinh ra hoặc là nhờ người khác dạy. Người xuất gia do lòng tin đó là người đối trị bằng pháp do tự tâm sinh ra, do điều lành xông ướp tâm. Người do người khác dạy là người gần gũi bạn lành được họ nói cho nghe các tội lỗi tích tụ từ vô thỉ đến nay, nếu biết nghe theo họ thì có thể hết tội.

Ban đầu họ xuất gia mong làm Tỳ-kheo-ni, gần gũi bạn lành. Vì sao? Vì pháp đối trị tâm cấu uế như đã nói, biết cách để nói, khiến họ khéo an trụ và có thể cởi mở sự trói buộc của khổ não, khiến được giải thoát, sống

an lạc. Bạn lành là người vỗ về, chỉ dạy cho ta những điều mờ ám từ vô thỉ đến nay và khiến cho chúng bị diệt trừ, chỉ cho ta con đường lành, nhổ cây gai ác dục từ vô thỉ đến nay, cứu ta thoát khỏi chỗ ác độc của ái dục, chỉ cho ta thấy chỗ an ổn, không sinh, không tử, không già. Nay ta nói pháp đối trị những điều cấu uế đó. Tất cả cấu uế như vậy, nếu dùng pháp đối trị này theo trình tự đã dạy thì có thể được yên tĩnh. Tất cả việc như vậy và sự ganh ghét của phụ nữ đều hơn người nam nên phải dùng pháp đối trị thuận hoặc nghịch, kia hoặc đây để thoát ly sinh tử.

Do người nữ nhiều dục nên đối trị bằng pháp bất tịnh như là quan sát sự thật của thân. Thân là kho chứa bệnh tật, là nơi tụ tập điều bất thiện, là chỗ đựng tất cả đồ bất tịnh như phân, nước tiểu. Đối với thân của mình hoặc của người, như tự tướng của nó, người ấy quán xét như vậy, quan sát nội tạng của nó xem thân này vốn từ chỗ nào sinh ra. Người ấy thấy tinh huyết dơ bẩn hòa hợp tụ tập như giọt nước. Giọt nước nhơ bẩn của cha mẹ hợp làm một thân. Như vậy thân này là do hạt giống bất tịnh sinh ra.

Lại nữa, người nữ ấy quan sát thân này. Nếu thân này sinh ra từ hạt giống bất tịnh thì trong thân này không có một chút pháp trong sạch. Tỳ-kheo-ni ấy lại quán kỹ chín loại ung nhọt, nhơ bẩn từ thân chảy ra. Như thân phụ nữ, thân người nam cũng vậy, phụ nữ và người nam đều có chín loại ung nhọt phát sinh.

Thân phụ nữ có ba lỗi lớn. Những gì là ba? Đó là nữ căn rộng lớn và hai vú có nước dịch chảy ra. Đó gọi là ba loại.

Lại nữa, nam nữ đều có các loại ung nhọt phát sinh như nhau, trong hai lỗ mũi đều có nước mũi chảy ra, hai mắt chảy ra nước mắt, trong hai lỗ tai hoặc có cứt ráy, hoặc có máu, hoặc có mủ chảy ra. Trong miệng hơi hôi hám, hoặc do ăn uống nên hôi, nước bọt chảy ra. Trong phần dưới thì có hoặc phân hoặc nước tiểu, máu… nhơ bẩn.

Quan sát như thật về các thứ bất tịnh của thân này rồi, hành giả nhớ nghĩ như vầy: Trong toàn thân ấy, không có một vật trong sạch nhỏ như hạt bụi, tất cả đều là vật bất tịnh. Thân như vậy, vật gì ở trong đó, vật gì nương tựa? Nếu có vật trong sạch đến gần thân này, thân vẫn bất tịnh. Do thân bất tịnh, vật trong sạch như vậy cũng bất tịnh theo. Những vật vốn trong sạch mà đi theo nó, nếu đụng vào thân liền bị bất tịnh, mặc dù vật ấy vốn trong sạch. Nếu ăn thức ăn trong sạch bậc nhất, thức ăn đó vào thân liền thành phân. Thân này uống đồ trong sạch vào thân thì thành nước tiểu. Vật bên ngoài chạm vào thân, do thân này, tất cả vật trong sạch đều bị bất tịnh. Những vật trong sạch như là áo thơm nếu mặc vào thân mồ hôi đổ ra liền

hôi hám.

Lại nữa, nếu đem hoa là gốc của tất cả mùi thơm đeo vào thân thì nó sẽ héo và bốc mùi hôi.

Tỳ-kheo-ni này lại quan sát thân, thân này từ đâu đến? Nó vốn ở trong thân mẹ. Thân mẹ thế nào, tịnh hay bất tịnh? Tỳ-kheo-ni ấy quan sát bản tánh của mẹ mình cũng là một loại bất tịnh như vậy.

Tỳ-kheo-ni ấy lại quan sát thân. Thân ấy sống ở đâu, đi ở đâu, nơi ấy là sạch hay nhơ. Quán như vậy rồi, Tỳ-kheo-ni ấy thấy biết đúng như thật về tất cả các chỗ thanh tịnh dù ở nơi nào, nếu như thân này hoặc sống hoặc chết mà ở nơi đó, nơi đó liền có trùng bụi, tóc, lông xương… khiến cho nơi đó rất hôi. Đó là do thân bất tịnh như vậy ở tại nơi ấy.

Vì muốn đoạn trừ dục, Tỳ-kheo-ni ấy lại quan sát thân. Thân như vậy bị loài gì ăn, làm sao để quán xét, thấy nó như thật. Đó là thức ăn của La-sát, quỷ ác, là các loài bất tịnh chứ không phải là thức ăn của thiên nga, uyên ương là loài chúng sinh trong sạch.

Tỳ-kheo-ni ấy quan sát đúng như thật về thân này rồi, liền thấy thân này chỉ thuộc về tà vạy, phân biệt điên đảo, không xem xét chân chánh, hiện đang bị mờ mắt, người nam đến gần, tâm liền bị trói buộc, không thấy bất tịnh. Do như vậy, người ấy quyết định quan sát cái dục kiên cố đã tích tụ từ vô thỉ đến nay khiến chúng được diệt trừ hoặc giảm bớt.

Trong tất cả loại bụi, bụi si là xấu ác nhất. Tất cả phụ nữ, dục là ác nhất. Dựa vào dục cấu uế, lại sinh ra cấu uế khác. Nếu dùng pháp đối trị, trừ bỏ dục cấu uế, tất cả cấu uế khác đều diệt hết. Như lúc mặt trời lặn ánh sáng cũng tắt, nếu đoạn trừ gốc dục cấu uế, các sự cấu uế khác đều dứt sạch.

Tỳ-kheo-ni ấy đi theo con đường diệt dục. Do dục bị diệt, tất cả sự cấu uế sinh chung với nó đều bị diệt. Vật gì sinh chung? Đó là ganh, ghét. Nếu nam hoặc nữ có ganh ghét đều do dục. Dục là gốc của hai thứ cấu uế ganh, ghét. Nếu dục ấy đoạn trừ hoặc mỏng bớt, hai thứ ấy liền diệt.

Hai thứ cấu uế ấy lại có sự cấu uế khác theo đuổi trói buộc. Bụi nhơ khác là gì? Đó là vu khống và dua nịnh sinh ra theo sự ganh ghét. Do ganh ghét diệt, vu khống, dua nịnh cũng diệt. Từ vu khống, dua nịnh lại sinh ra các sự cấu uế khác đi theo trói buộc, đó là sự dối trá. Sự vu khống, dua nịnh diệt thì không còn dối trá. Sự dối trá lại có sự cấu uế khác đi theo trói buộc, đó là kiêu mạn. Sự dối trá diệt liền không còn kiêu mạn. Từ sự kiêu mạn lại sinh ra sự cấu uế khác đi theo trói buộc, đó là chỗ não hại. Sự kiêu mạn diệt thì không còn não hại. Từ chỗ não hại lại có sự cấu uế khác đi theo trói

buộc, đó là sự xao động. Sự não hại diệt, sự xao động cũng diệt. Từ sự xao động lại có sự cấu uế khác đi theo trói buộc, đó là sự lừa dối, tà vạy. Sự xao động diệt thì không còn sự lừa dối, tà vạy. Từ sự lừa dối, tà vạy lại sinh ra sự cấu uế khác đi theo trói buộc, đó là làm mất oai nghi. Nếu không có sự lừa dối, tà vạy, thì không có sự mất oai nghi. Từ sự mất oai nghi lại sinh ra sự cấu uế khác đi theo trói buộc, đó là nói hai lưỡi. Tất cả phụ nữ bị việc nói hai lưỡi phá hoại. Nếu không mất oai nghi thì không có nói hai lưỡi. Từ việc nói hai lưỡi lại sinh ra sự cấu uế khác đi theo trói buộc, đó là nói xấu việc người ở chỗ vắng. Việc nói hai lưỡi diệt thì việc nói xấu cũng không còn. Từ sự cấu uế do nói xấu lại có sự cấu uế khác đi theo trói buộc, đó là tham ăn. Bụng phụ nữ có thể chứa nhiều đồ ăn, thức uống. Tất cả phụ nữ đều tham ăn uống, chất chứa nhiều trong bụng để tự nuôi dưỡng thân mình. Nếu không nói dối trá liền không tham ăn.

Từ sự tham ăn lại sinh ra sự cấu uế khác đi theo trói buộc, đó là hay làm những điều ái dục không nên làm. Tất cả phụ nữ do tham ăn uống nên ham muốn các thứ xấu ác không tương ưng với chánh pháp phát sinh. Nếu sự ham ăn uống diệt thì sự ham muốn tà vạy không tương ưng với chánh pháp liền không còn. Từ sự ham muốn tà vạy, không tương ưng với chánh pháp lại sinh ra sự cấu uế khác đi theo trói buộc, đó là không tin Tam bảo.

Nếu có phụ nữ ham muốn không tương ưng với chánh pháp thì tất cả mọi người đều sinh nghi ngờ đối với người nữ ấy và mọi người đều ghét. Sự ham muốn tà vạy không tương ưng với chánh pháp diệt thì sự không tin Tam bảo liền diệt. Từ sự không tin lại sinh cấu uế khác đi theo trói buộc, đó là hay nói về việc mất oai nghi của phụ nữ khác. Nếu việc không tin Tam bảo diệt thì không còn nói về sự mất oai nghi của người khác. Từ việc nói về sự mất oai nghi của người khác lại sinh ra việc cấu uế khác đi theo trói buộc, đó là sự tranh nhau tham ái. Sự nói về người khác diệt thì sự tranh nhau tham ái diệt. Từ sự tranh nhau tham ái lại có sự cấu uế khác đi theo trói buộc, đó là làm nhục người. Sự tranh nhau tham ái diệt thì không còn làm nhục người. Từ cấu uế làm nhục người lại sinh ra cấu uế khác đi theo trói buộc, đó là sự gây rối loạn hay khiến cho thôn, xã, xóm làng rối loạn. Sự làm nhục người diệt thì sự gây rối loạn diệt.

Tất cả những cấu uế này duy trì lẫn nhau, theo thứ lớp trước sau tất cả đều diệt. Như vậy, nguồn gốc của tự thể trói buộc tâm của người phụ nữ lại không có pháp khiến cho nhu hòa, chỉ trừ khi họ được nghe lời Phật dạy và lời của bạn lành. Người phụ nữ ấy nghe rồi, liền xả bỏ gia nghiệp, chỗ ở là những thứ khó xả bỏ mà xuất gia. Nếu không thể diệt hết các lậu hoặc

thì có thể chuyên tâm trì giới tu hành. Đầu tiên tu không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói lời đâm thọc, không nói lời hung ác, không nói lời thêu dệt. Họ tu tập việc này một cách đầy đủ, tốt đẹp, thường xuyên và làm thật nhiều với tâm ưa thích.

Người phụ nữ này khi chết sinh vào đường lành là cõi trời Dục giới. Nếu không chán dục, do sức nơi nghiệp họ sẽ sinh ở Sơn thọ cụ túc cõi trời Dạ-ma, được thân trượng phu, khéo có thể trì giới không khiếm khuyết. Khi đã được thân trời rồi liền làm việc phóng dật.

Do làm việc phóng dật, nên khi nghiệp lành hết, vị Thiên ấy đọa lại trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và sinh vào thân phụ nữ cấu bẩn.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

Dục phát sinh ganh ghét
Tâm như điện vòng lửa
Là kho tham, ngạo mạn
Nên người trí không tin.
Tâm thể là lưới dục
Như dao bén, lửa hừng
Tâm như bờ nguy hiểm
Sâu hơn biển khó lường.
Tâm vướng mắc như lưới
Làm mê hoặc người khác
Như kim cương, lửa đốt
Như độc hay giết người.
Đầy đủ các loại ác
Vô lượng loại hòa hợp
Phụ nữ không có tâm
Tu giữ giới chút ít.
Do sức mạnh của dục
Phụ nữ không giữ giới
Nếu rời sức mạnh dục
Thì có thể giữ giới.

Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà giảng cho chư Thiên nghe về việc trì giới ở đời trước:

–Này các thiện nam, khi làm người, mang thân nữ, do trì giới nên các ông sinh lên cõi trời này. Vốn là thân phụ nữ, do nghiệp lành trì giới, các ông được sinh làm thân nam. Được sinh như vậy rồi, do phóng dật nên hết phước. Thiên chúng các ông tự lừa dối như vậy, từ nay về sau phải cẩn thận

chớ có sống phóng dật nữa.

Đức Thế Tôn đã điều phục chư Thiên, làm lợi ích cho chư Thiên rồi. Họ là bốn hạng quyến thuộc của tất cả các Bậc Chánh Giác, Chánh Biến Tri. Trong số quyến thuộc ấy, quyến thuộc thứ hai là chị em phụ nữ, thuận theo thứ lớp làm quyến thuộc của Tỳ-kheo. Như thứ lớp ấy, Tỳ-kheo trì giới là trên hết. Do khéo tu tâm, ý, Tỳ-kheo này thấy sự phiền nhiễu của mình và người liền sinh sợ sệt, đối với đường sinh tử của thế gian liền sinh chán ghét. Tâm họ sợ hãi tất cả việc sinh tử, thậm chí thấy việc ác nhỏ như hạt bụi cũng sợ hãi. Họ quan sát thật kỹ các hành, không có mong cầu gì. Do nhiệt tâm, họ trì giới một cách chân chánh vào bậc nhất, huân tập tâm bố thí, chánh niệm tư duy về bốn Thánh đế.

Có mấy hạng Tỳ-kheo, mấy loại pháp hành. Tỳ-kheo không vượt qua bốn loại chánh pháp. Những gì là bốn?

Thứ nhất là Tỳ-kheo không đi đường một mình. Vì sao? Vì Tỳ-kheo đi một mình vào trong làng xóm liền bị khinh chê, vì buông lung. Do buông lung nên liền phá học giới. Nếu qua lại một cách tùy ý ở trong thôn, ở trong thành, ở chỗ đông người, không e ngại các Tỳ-kheo khác, khi thấy nhiều phụ nữ liền sinh vương vấn. Do tâm xao động họ ngắm các phụ nữ ấy. Người đời thấy vậy liền bất mãn. Thấy người chê trách, Tỳ-kheo ấy liền sinh tức giận nên trong tâm sinh ra lỗi thứ hai là sân. Do dục và sân che lấp, tâm Tỳ-kheo này trở nên ngu si. Người xuất gia làm Sa-môn đi một mình trong nhân gian có ba lỗi tăng trưởng như vậy, do đó không nên đi một mình trong nhân gian.

Điều thứ hai mà Tỳ-kheo không được vượt qua là: Tỳ-kheo này vừa đi vừa niệm thân. Khi đi trên đường, Tỳ-kheo này chuyên niệm thân mình như sau: "Tôi giở chân này, tâm và tâm sở quan sát chân ấy". Tỳ-kheo ấy quan sát tất cả các phần của thân từ đầu đến chân, hoặc giở chân phải, hoặc giở chân trái, vị ấy thường quán thân này do lưới mạch ràng buộc, mỡ, xương, da gân buộc lấy gót chân, gió nghiệp thổi nên bước đi, tâm không gián đoạn, hoặc nhấc chân lên hoặc hạ chân xuống, hoặc duỗi hoặc co, giở chân thì thu giữ, hạ chân thì khoan thai.

Chân này gồm có lưới gân ràng rịt năm ngón lớn nhỏ hòa hợp thành chân. Các móng chân hợp thành mu bàn chân.

Kế đó, hành giả quán cẳng chân giống như thân cây mía còn nước, được thịt lấp đầy và gân ràng buộc, lỗ hổng trong xương dài, gân ràng buộc ở ngoài. Nó do nhân duyên sinh ra và có lông che kín da. Bên ngoài có lông tụ tập. Da như cánh ruồi che đậy cẳng chân. Cẳng chân này một cái nhấc

lên một cái hạ xuống. Hành giả quán sát đúng như thật về hành động khiến thân đi lại ở chỗ kinh hành.

Kế đó quan sát hai đầu gối của thân này do gân, máu, mỡ, thịt, xương hợp thành. Quan sát như vậy bằng tâm và tâm sở thấy thân bị gió nghiệp thổi cho nên hoạt động.

Lại quan sát hai đầu gối của thân này, thô sơ so với cẳng chân, có nhiều gân, thịt ràng buộc lẫn nhau, thịt lấp bên trên, thịt kết dính chúng với nhau, máu thúi làm nước, chất mỡ đầy bên trong. Nếu chỉ thấy da bên ngoài, tâm liền sinh ái nhiễm. Lúc giở và hạ một chân xuống phải quan sát như thật. Lại giở chân thứ hai. Lúc giở chân thứ hai cũng quán như vậy, giở chân thì thu giữ, hạ chân thì khoan thai, hoặc duỗi, hoặc co, lần lượt như vậy quan sát tất cả chỗ cứng và chỗ rỗng. Sự đi lại, cử động hoặc là các loại khác đều do tác dụng phong đại. Phần thân bên trên hai chân như là cái bình, bên trong có thục tạng, đó là phân, nước tiểu và các chất nhơ bẩn. Tất cả những điều được thấy đều không chắc chắn và bất tịnh. Do hai chân đi, bình ấy đi theo, tất cả các vật mà bình ấy chứa đựng đều đi theo. Lúc đi, hành giả duyên theo mà buộc niệm như vậy, như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy vừa đi vừa quan sát thân mình đang lay động như cái bình trên và nghĩ như vầy: Thân ta hoạt động làm sao. Khi thân bên trên hoạt động, hành giả quán ruột già, ruột non, thấy khi giở chân, khí và ruột chuyển động, ruột già, ruột non tất cả đều chuyển động, hoặc từ hông bên trái chạy qua hông bên phải, hoặc từ hông bên phải chạy qua hông bên trái. Bên trong ruột này có gió vàng lạnh, phân, nước tiểu, trùng đầy trong đó cùng chuyển động với ruột.

Tỳ-kheo ấy quan sát sự chuyển động rồi mới quán xét như thật từ ruột trở lên có sinh tạng do lưới gân ràng buộc. Các khoang trên dưới và bên cạnh có lưới mạch vây bọc, bên trong có nước bọt thối và nước dịch của đồ ăn uống. Các đồ ăn ấy giống như nước bọt lạnh lẽo mới nhổ ra, che lấp sinh tạng, đầy trong sinh tạng và hôi hám vào bậc nhất. Bên trên liên kết với yết hầu, có gân, mạch xương giữ gìn. Chúng chỉ có gió nghiệp cùng với tâm và tâm sở theo nhau làm cho hoạt động.

Tỳ-kheo quan sát thân rồi quan sát thân chuyển động. Trên mặt của ta gồm có xương mặt, xương răng, xương đầu lâu hòa hợp nhau thành cái đầu, có hai con mắt hợp với chúng làm thành cái đầu, mắt có nhiều mỡ, thường nháy không ngừng.

Nay ta quán thân phụ nữ này có lưới gân, da ràng rịt như dây quấn quanh cây, niệm niệm sinh diệt, lặn mất rồi lại sinh ra. Nếu đi khất thực ở

trong thành, ấp, xóm làng để nuôi cái hòm thân thì cũng như nuôi hòm rắn. Nuôi thân như vậy không phải vì tham dục, do đó nên không được tham ăn uống, không được tham đắm mùi vị. Tỳ-kheo đi đường như vậy là Tỳ-kheo tinh tấn không có lỗi thứ hai vượt qua pháp hành.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy vào trong thôn, thành ấp, xóm làng chỗ đông người để khất thực, khất thực xong quan sát thân như vậy. Vị ấy quan sát tất cả người nam, người nữ như thế. Vị ấy có thể khéo tu tập như vậy một cách siêng năng tinh tấn thì tham dục ra khỏi tâm, không nhập vào tâm.

Tỳ-kheo khác điều phục các căn như vậy là người thù thắng, chớ không phải là kẻ hèn kém. Tỳ-kheo này mong cầu được lợi ích nên không làm việc vượt qua pháp hành.

Thứ ba là Tỳ-kheo tu hành. Đó là Tỳ-kheo thường tu chánh niệm. Tỳ-kheo có chánh niệm thì tâm không tán loạn, là bạn lành, thường có ý thiện, có ý không loạn. Tỳ-kheo như vậy thường được chư Thiên đi theo nên Thiên ma không thể gây rối loạn.

Thế nào là chánh niệm? Đó là biết hoạt động của dục, biết được tâm và tâm sở pháp đã sinh và sắp sinh. Do có thể biết như vậy nên ý không phóng dật. Những điều nên duyên theo hay không duyên theo họ đều biết. Trong tâm và tâm sở pháp hoặc là pháp thiện, hoặc là pháp ác, hoặc là pháp vô ký… họ đều biết tất cả.

Tâm họ nghĩ như vầy: "Ta nhờ vào các pháp lành mà sinh ra cho nên được lợi ích, được an lạc cho đến khi nhập Niết-bàn. Nay ta phá bỏ các pháp bất thiện khác, do pháp lành thuộc về tâm và tâm sở pháp làm nhân duyên sinh ra ta nên những điều bất thiện bị phá bỏ. Nếu không phá bỏ pháp bất thiện ấy thì về sau ta sẽ không được lợi ích, sẽ không được an lạc". Họ biết như thật pháp thiện và pháp bất thiện như vậy. Biết rồi, họ suy nghĩ về các pháp như thế và quan sát từng phần các điều mà tâm ý biết được.

Có năm loại niệm không nếm, không vướng mắc, tâm không phân biệt, không nhớ không ưa những điều đã làm trước kia. Những gì là năm?

Đó là niệm cảnh sắc mà mắt thấy, hoặc là cảnh giới đáng yêu đã thấy trước kia, sắc nơi cảnh giới của mắt hoặc gần hoặc xa, sắc đẹp, sắc xấu trước kia chưa từng thấy, hoặc các sắc đủ loại mà người khác đem đến. Tỳ-kheo này thấy rồi không ưa, tâm không suy nghĩ xem nó duyên gì mà xuất hiện. Họ xả bỏ nhân duyên ấy như người sợ bị thiêu tránh lửa vậy.

Tỳ-kheo này sợ bị lửa dục thiêu vì lúc mới nhiễm nó có nhiều vui thích, nhưng về sau nó gây nhiều đau khổ. Đối với sắc trước kia họ tiếp xúc, tâm họ không niệm, không phân biệt, không giữ lấy. Đối với sắc trước

kia họ đắm nhiễm, nay họ không nhớ lại, không phân biệt, cũng không niệm sắc của thân người khác mà họ đã từng ưa thích. Họ cũng không niệm các thứ khác. Tâm họ cũng không mong cầu sắc mà người khác nhớ nghĩ. Họ ngăn cản cả bản thân mình và đệ tử không cho tham đắm, không sinh tùy hỷ, khiến trụ trong chánh đạo. Tỳ-kheo này là thanh tịnh, chánh niệm, không tham, hành động chân chánh, tương ưng với pháp chẳng nhiễm. Tỳ-kheo như vậy mắt không đắm sắc.

Lại nữa, Tỳ-kheo chánh niệm thứ hai là Tỳ-kheo-niệm âm thanh do tai nghe. Với chánh niệm, Tỳ-kheo này quan sát hoặc là âm thanh rất đáng ưa mà tai nghe, hoặc là tiếng ca múa, đánh trống, vỗ tay, vui đùa. Những điều đã từng nghe họ không nhớ nghĩ, không đắm nhiễm, cũng không phân biệt. Nghe điều gì họ cũng đều xả bỏ như người sợ bị thiêu xả bỏ lửa. Tỳ-kheo này xả bỏ âm thanh ấy, tâm không tùy hỷ, ngăn cản không cho tất cả người khác hay anh em đắm nhiễm âm thanh đã nghe, khiến họ trụ trong đường lành, Tỳ-kheo này làm lợi ích cho mình và người, không ham thích âm thanh, do niệm thù thắng nên không bám vào âm thanh. Đó gọi là Tỳ-kheo chánh niệm thứ hai. Tỳ-kheo này tai không vướng mắc vào âm thanh.

Lại nữa, Tỳ-kheo chánh niệm thứ ba là tinh tấn, giữ ý chân chánh, tịch tĩnh, giữ gìn phạm hạnh, trì giới. Tỳ-kheo này không nhớ nghĩ, tham đắm, ý không sinh niệm đối với hương đã dùng hoặc là hương xông, hoặc thơm, hoặc thối, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc xa, hoặc gần, tất cả những hương ấy họ đều không nhớ nghĩ. Họ vô tâm đối với hương. Ngửi phải mùi hương nào họ cũng đều buông xả. Nếu người khác hoặc đệ tử mình dùng mũi ngửi hương và sinh tham đắm thì Tỳ-kheo này liền ngăn cản việc ấy, tâm không tùy hỷ. Họ tự làm việc thiện và khiến người khác trụ nơi pháp lành. Tâm họ thường nghĩ thiện, chánh hạnh không tham, mũi không tham hương. Tỳ-kheo này được gọi là trừ cấu uế khéo tu trì giới, tâm sinh niệm thiện.

Lại nữa, Tỳ-kheo chánh niệm thứ tư là Tỳ-kheo đối với các mùi vị đã từng yêu thích trước đây, hoặc là đáng yêu hoặc là không đáng yêu, hoặc mùi vị đã lâu, hoặc mùi vị gần đây, họ không nhớ nghĩ các mùi vị ấy, không tham đắm vị ngọt của các mùi vị ấy, tâm không phân biệt. Nếm mùi vị nào xong, họ cũng đều xả bỏ như người sợ lửa thiêu xả bỏ lửa không khác. Nếu người khác hay đệ tử của mình mà tham đắm mùi vị, Tỳ-kheo này liền ngăn cản, tâm không tùy hỷ. Đó gọi là Tỳ-kheo không tham đắm mùi vị, nhớ nghĩ điều lành, hành động chân chánh, xa lìa các điều ác, giữ giới đầy đủ, làm lợi ích cho cả mình lẫn người.

Lại nữa, Tỳ-kheo chánh niệm thứ năm là đối với những xúc chạm đã từng tiếp xúc trước đây, những xúc chạm mềm mại, trơn láng đáng ưa sinh ra cấu uế, đối với những pháp cấu uế ấy, họ không đắm nhiễm và không tham vị ngọt của chúng, tâm không phân biệt, đều do nhân duyên gì sinh ra họ đều xả bỏ như người sợ bị thiêu xả bỏ lửa. Họ không tùy hỷ đối với sự nhiễm đắm do tiếp xúc với thân người khác và họ quan sát pháp xúc chạm một cách khéo léo. Đó gọi là Tỳ-kheo thanh tịnh, do lìa sự xúc chạm, khéo trì giới, tu hành pháp thiện, được gọi là khéo trụ lần lượt cho đến khi đạt Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy có năm niệm cần phải tu hành. Những gì là năm?

1. Niệm thời tiết.

2. Niệm tuổi trẻ.

3. Niệm sinh tử.

4. Niệm đầy đủ, mất mát, tan rã.

5. Niệm Niết-bàn, muốn đến Niết-bàn.

Tỳ-kheo này niệm thời tiết làm sao? Đó là trong tất cả các thời, Tỳ-kheo này thường chuyên niệm tu hành, không mê đắm cảnh giới, không bị cảnh giới hủy hoại, không bị tán loạn, thất niệm.

Tỳ-kheo này không niệm ngày đó, đêm đó. Thời tiết như vậy họ không niệm, không biết. Lúc giác ngộ, hơi thở ra vào tương ưng với ý, thường không lìa ý. Cho đến trong một niệm, nếu hơi thở ra vào họ đều biết hơi thở ra vào trong bụng mình một cách chắc chắn. Đó là do hơi thở này mà bụng mình khi phồng, khi xẹp. Ấm, giới, nhập được tồn tại thì các pháp hữu vi không thể trụ trong khoảng một niệm. Ấm, giới, nhập của ta mà phát ra hơi nóng thì pháp này sẽ cùng hơi thở sinh và cùng hơi thở diệt, hư hoại, thối rã. Lại nữa về sau, do nhân duyên khác sinh, hơi thở cùng nhau sinh diệt, không dừng trong một niệm.

Khi niệm như vậy, Tỳ-kheo-niệm thời tiết ấy buộc niệm vào những điều tương ưng. Vị ấy tự quán thân này do ấm, giới, nhập hòa hợp tụ tập thành, tất cả không dừng chỉ có khổ não. Tất cả các bộ phận của thân không có người tạo ra, không có người thọ nhận, làm nhân duyên lẫn nhau, sinh chung một cách bình đẳng. Thân này có từng niệm từng niệm lưu chuyển. Ở trong từng niệm có sinh, tử, lão, thối lui, các hành tụ tập. Tỳ-kheo này tu hành pháp một cách hoàn toàn. Tỳ-kheo tu hành niệm thời tiết như vậy, do niệm thời tiết chắc chắn nên đạt bốn loại thanh tịnh, nhất tâm thanh tịnh. Do tâm thanh tịnh nên sắc mặt cũng thanh tịnh, nghiệp thiện thanh tịnh, đời vị lai được lợi ích, lần lượt cho đến khi nhập Niết-bàn.

Hoặc là người khác thấy người ấy trì giới, người Đàn-việt - thí chủ ấy liền hoan hỷ vô cùng, sinh tâm thanh tịnh.

Bốn loại Tỳ-kheo trì giới như vậy tư duy về nghĩa chân thật thanh tịnh. Do tất cả đều thanh tịnh nên họ được ngủ yên, thấy mộng lành, họ thường hành động không phóng dật, thuận với chánh pháp. Do không phóng dật họ được bảy loại pháp. Những gì là bảy? Đó là pháp vô ngại, tư duy pháp lành. Người có nghiệp lành ấy, tâm liền hoan hỷ, hoan hỷ ngày càng tăng. Do hoan hỷ thân thể trở nên béo tốt. Thân thể béo tốt là do hai pháp Danh và Sắc làm nhân duyên lẫn nhau. Do nhân duyên này thân trở nên béo tốt và không có bệnh tật. Thân và tâm nương tựa nhau thì trở nên khéo léo, thông minh. Người được gọi là thông minh là người biết suy nghĩ về nghiệp đã tạo trước kia. Do nghĩ như vậy nên sự thông minh tăng thêm. Đó là do họ nghĩ về pháp lành mà sự thông minh tăng thêm. Sau khi suy nghĩ xong niềm vui cũng tăng trưởng. Do niềm vui tăng trưởng nên sức lực cũng tăng trưởng. Do bảy loại pháp tăng trưởng như vậy nên ban đêm được ngủ ngon. Ban đêm được ngủ ngon là nhờ thân, tâm tu tập. Đó là Tỳ-kheo-niệm về ban đêm.

Còn thế nào là Tỳ-kheo-niệm về ban ngày? Đó là Tỳ-kheo-niệm về việc nhắm, mở của mắt. Ý niệm của mình cũng như con mắt nhắm lại. Thời tiết qua thì ý niệm cũng đi qua. Thời tiết này với tâm và tâm sở cùng diệt với nhau, đều bị hoại mất. Thời tiết như vậy hoặc diệt hoặc sinh, lần lượt diệt mất. Mạng sống chỉ nằm trong một hơi thở. Nay ta đã sắp già, không còn trẻ nữa, sắp sinh cõi khác, chắc chắn sẽ đi dần đến lúc chết. Sinh mạng của ta sẽ mất trong thời gian không lâu nên không được rời bỏ tất cả phương tiện. Tất cả chúng sinh dù không có sự gây thù chuốc oán với ai, đều sắp đến chỗ mạng chung như khi đốt lửa, lửa ăn dần. Niệm niệm diệt hết như vậy, như vậy. Lửa lão tử thiêu dần sinh mạng làm từng niệm bị diệt hết. Suy nghĩ như vậy, thấy rõ sự vô thường rồi nên vị ấy siêng năng tu tập pháp lành. Pháp bên trong này mau chóng như vậy, niệm niệm không thường, niệm niệm diệt hết. Người tham lam lừa dối cũng bị niệm niệm hủy hoại. Như pháp bên trong ấy, pháp bên ngoài cũng vậy. Tất cả pháp hữu vi ở thế gian đều mau chóng, vô thường, niệm niệm dứt sạch. Núi, sông, thành ấp, xóm làng, cây cỏ, vườn rừng, tất cả loài người, tất cả chư Thiên đang bị hoại diệt.

Do các vị Thiên làm việc phóng dật, nên vườn rừng, hoa sen, sông, ao trước kia đã từng mất, nay đang mất và sau này sẽ mất. Họ bị sự phóng dật làm hư hoại và do sức của nghiệp đã chín mùi nên bị đọa vào địa ngục,

ngạ quỷ, súc sinh.

Như vậy đó, này các Tỳ-kheo! Tất cả thế gian này chuyển động không lường, hư hoại vô thường. Vì vậy, ta không nên để tâm ý mình bị chúng làm rối loạn, thậm chí trong một niệm cũng giữ ý không rối loạn, làm cho ý niệm kiên cố, chánh niệm không loạn. Ta cần phải nhất tâm quán xét kỹ lưỡng, giữ ý cho chân chánh không để rối loạn.

Lại nữa, Tỳ-kheo chánh niệm về thời tiết ấy nên khởi oai nghi như vậy, chánh hạnh như vậy. Trong lúc hành thiền nên gần gũi các bậc tôn trưởng và phải biết rõ là lúc này mình đang ăn, lúc này mình đang mặc áo, lúc này mình đang đến nhà Đàn-việt thuyết pháp cho họ, lúc này mình đang rời nhà Đàn-việt trở về. Tỳ-kheo này là Tỳ-kheo giữ chánh niệm về việc làm.

Thế nào là Tỳ-kheo-niệm về tuổi trẻ? Đó là Tỳ-kheo-niệm về thân mình kể từ lúc ở trong bào thai, niệm tuổi trẻ nối tiếp theo thứ lớp như vầy. Từ nhỏ đến lớn hành giả niệm không dừng. Đó là Ca-la-la, kế đó là An-phù-đà, kế đó là cục thịt, kế đó là thân phần, kế đó là đứa bé sơ sinh, kế đó là đồng tử, kế đó là trung niên, kế đó là già. Pháp thể như vậy, niệm niệm không dừng, khi ta niệm về thứ lớp của thân nhỏ này. Kẻ phàm phu ngu si không hay không biết, bị phóng dật hủy hoại, bị nước si cuốn trôi ở trong sông ái. Trôi lăn như vậy rồi lại đọa vào cõi khác tương ưng với nghiệp, bị xiềng xích nghiệp trói buộc, trôi lăn liên tục, sinh ở chỗ khác. Lại nữa, hành nghiệp của mình đi theo trói buộc tâm mình, trong tinh huyết của cha mẹ tạo ra An-phù-đà, kế đó là cục thịt, từ từ lớn lên đầy đủ các thân phần, sinh trong nhân loại làm đứa bé sơ sinh, rồi thành đứa trẻ, rồi thành thiếu niên, trung niên, cụ già, rồi chết. Một người như vậy lần lượt cho đến tất cả cõi dục, trong mọi nẻo đường khác nhau, các chúng sinh đều bị gió nghiệp thổi, từ nhỏ đến già lần lượt nhận lấy tự nghiệp như vậy và sự sai khác như vậy. Đó là Tỳ-kheo-niệm về tuổi nhỏ.

Lại nữa, Tỳ-kheo tinh tấn tu hành niệm thứ ba, chắc chắn sẽ đạt được là niệm pháp gì? Đó là niệm sinh tử. Họ thường tu hành cả ngày lẫn đêm, vì thấy rằng tất cả chúng sinh cho đến trọn đời hễ có sống đều phải chết và tất cả chúng sinh trong ba cõi đều vô thường.

Pháp sinh tử là pháp hữu vi não hại, ân ái xa lìa, trên trời hết phước đọa xuống địa ngục. Ở địa ngục ra lại sinh lên trời. Nếu loài người chết thì sinh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và trời, người. Ngạ quỷ chết thì sinh ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và trời, người.

Như vậy, chúng sinh ở các phương tiện trên, dưới và bốn bên bị gió

nghiệp sinh tử thổi, lưu chuyển cùng khắp. Khi nghiệp mình thành tựu, sẽ lưu chuyển trong biển sinh tử. Tỳ-kheo này hoặc ngày hoặc đêm tu pháp niệm sinh tử. Tu như vậy rồi, nếu người ấy là người ngạo mạn, thường khiến người mê đắm, ưa thích chỗ hư vọng thì nhờ chánh niệm sự ngạo mạn ấy hoặc mỏng bớt đi, hoặc bị diệt sạch hết. Niệm thù thắng nhất là niệm sinh tử. Do đó muốn nhập Niết-bàn phải tu tập pháp niệm này.

Vì sao? Vì do ta ngạo mạn, tâm thường hư dối, điên đảo, cầu sự thường còn nên thường lưu chuyển ở trong sinh tử. Do dây ái trói buộc nên không thể đạt được xứ thường kia.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Được thoát nỗi sợ ái
Không có các hy vọng
Mạnh mẽ rời nghi ngờ
Liền được đạt xứ thường.
Nếu chìm trong nước hữu
Tâm thường ưa thích dục
Người ấy tâm hư vọng
Làm sao được xứ thường.
Nếu người tâm hư dối
Ưa thích các cảnh giới
Người ấy do mê lầm
Liền sinh trong địa ngục.
Phóng dật làm loạn tâm
Không thể thấy chân thật
Phóng dật giống như lửa
Cho nên phải xả bỏ.
Do phóng dật nên mất
Tất cả kho pháp thiện
Hết tất cả phương tiện
Không thấy tám Thánh đạo.
Mười pháp đều hoại mất
Vui với độc phóng dật
Lại cũng do phóng dật
Tứ thiền đều mất hết.
Phóng dật trói chúng sinh
Hay trói mà không tướng
Xứ thường là chỗ vui
Rời phóng dật liền được.

Người nào ý không mê
Thường sợ nẻo sinh tử
Người ấy thoát đường ác
Được an ổn, tịch tĩnh.

Hành giả tu hành niệm về sinh tử như vậy. Tu hành niệm về sinh tử rồi liền thường không mê. Người ấy quán tất cả các pháp hữu vi sinh tử ở thế gian rồi mới nhàm chán sinh tử. Quán đủ loại rồi mới quán về nỗi khổ sinh tử, gồm có vô lượng thứ. Tất cả chúng sinh ở thế gian đến lúc nào mới xả bỏ phóng dật và quan sát vô thường, quán xét tận diệt trong tất cả các thời để không còn chịu vô lượng loại khổ này. Quan sát tận diệt rồi quan sát sự giác ngộ. Người như vậy thì có thể dứt khổ.

Lại nữa, Tỳ-kheo chánh niệm thứ tư là tất cả việc tu hành đầy đủ đều hoại mất thì niệm về tất cả việc đầy đủ ấy đều hoại mất. Tỳ-kheo này không thích lợi dưỡng, không ưa qua lại với Đàn-việt, cũng không thích gặp vua hoặc đại thần. Nếu thấy vua, họ không sinh tâm vui. Ái dục không thể làm chướng ngại họ. Ngày đêm họ không sinh phân biệt. Đối với sự đầy đủ của người khác hoặc là ngọa cụ… tâm không phân biệt, không mong cầu lấy làm vật của mình. Thấy như vậy rồi không sinh ganh ghét, tâm nghĩ như vầy: "Chúng sinh này quyết định tử vong, tất cả những việc đầy đủ nhất định hoại mất". Như vậy, như vậy sự đầy đủ tăng trưởng. Như vậy, như vậy ái cũng tăng trưởng.

Lại nữa, do sự đầy đủ này mất đi, sự hy vọng có lại gồm vô lượng loại, vô lượng phân biệt nên tâm sinh khổ não. Việc khổ não ấy không thể ví dụ.

Tỳ-kheo này quán thấy đầy đủ sự hoại mất như vậy nên về sau ngay cả việc được làm vua trời họ cũng không mong cầu huống chi là làm vua người, hoặc làm Chuyển luân vương. Vì sao? Đó là vì họ thấy vô lượng khổ do sự hoại diệt mất mát gây ra.

Nếu vua, đại thần, hoặc đại trưởng giả dòng họ lớn Sát lợi, có của cải đầy đủ các loại, lại có sức mạnh lớn, có thể hủy hoại khiến cho các loại của cải đầy đủ đều mất, vợ con, nô tỳ, khách đều lìa bỏ. Do mất tài vật họ phải chịu sự khổ não lớn. Sự mạnh mẽ thù thắng của họ liền bị suy giảm. Họ đi khắp xóm làng, tay chân xơ xác, môi khô, y rách, đói khát, gầy ốm, thân thể khô đét. Họ đi từ thành này đến thành kia, từ thôn này đến thôn khác, từ núi này đến núi nọ, từ biên địa này đến biên địa kia và chịu đựng vô lượng khổ sở như vậy.

Tỳ-kheo này quan sát rồi lại suy nghĩ về việc đọa vào vô lượng chỗ

ác bờ hiểm, nên sinh tâm nhàm chán đối với nẻo sinh tử. Tỳ-kheo này lại thấy của cải đầy đủ trong nhân loại bị hoại mất. Thấy như vậy rồi, Tỳ-kheo này tư duy về cõi trời:

–Ở nơi cõi người này có nhiều sự kinh sợ, không được tự tại như là giặc, nước, lửa, vua, các loại khổ não làm của cải đầy đủ và sự giàu có bị hoại mất, huống gì là sinh lên cõi trời vui sướng, rời khỏi xương thịt dơ bẩn, có vòng hoa trời trang sức trên đầu, vô lượng trăm ngàn nơi chốn thuộc cõi trời vây quanh, có nhiều Thiên nữ dạo chơi, ca múa, vui cười, thọ lạc, ở vườn rừng, ao sen cõi trời, có bảy ánh sáng báu, tụ tập vui chơi ca năm loại âm nhạc, đủ loại ca nhạc cõi trời, cung điện sáng tỏ, có các gian làm bằng bảy báu. Trong tất cả các thời, thân có vô lượng sự thù thắng, vi diệu không thể ví dụ. Ở trong cõi trời, thọ hưởng thú vui xong, họ yêu mến lẫn nhau, không có tranh cãi và được đầy đủ tất cả tùy theo nhu cầu. Họ có đủ năm loại âm nhạc và tâm hưởng thọ dục lạc. Nếu thú vui đầy đủ như vậy bị mất thì họ sẽ chịu khổ não. Do nghiệp hết, họ lại đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Đến lúc sắp đọa, những chỗ như vậy theo thứ lớp ở sát bên mình. Vô lượng nghiệp đã tạo từ xưa đến nay đều gây ra khổ não. Họ lại sinh chỗ khác, chịu đủ các loại khổ đau. Nếu chư Thiên này sinh trong địa sẽ bị lửa dữ trong ấy vây quanh thiêu đốt thân, làm đói khát vô cùng, không thể thí dụ, thọ khổ não lớn do đã tạo nghiệp địa ngục.

Tạo nghiệp đạo rồi, họ thấy thân mình đọa xuống sống trong bảy địa ngục lớn như Hoạt, Hắc thằng, Hợp, Hoán, Đại hoán, Nhiệt, Đại Nhiệt, chỉ trừ địa ngục A-tỳ lớn nhất, rời bỏ của cải ở đời, sinh khổ não dữ. Họ thấy việc khổ não và việc khổ não ấy không thể nói được. Cả ngày lẫn đêm Tỳ-kheo này tu hành chánh niệm như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo-niệm tài vật đầy đủ và của cải trong một đời bị hoại diệt. Tu hành pháp niệm này, hành giả niệm nhân, thiên có việc như vậy. Ba đường còn lại thì không có đầy đủ của cải tài vật, có gì mà mất. Đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, loài người, ít có dục lạc tương tợ. Nếu chưa được tự tại ở cõi người thì có năm loại đầy đủ và hoại mất.

Những gì là năm?

Đó là mắt thấy sắc hoặc ưa, hoặc thích liền mong cầu, tham đắm, muốn chiếm giữ, điên đảo như vậy. Điều không lợi ích thì không ưa thích. Thấy sắc bất tịnh tâm họ liền chán ghét cho nên không ưa thích. Như vậy sự đầy đủ và sự hoại mất có cùng một nguồn gốc nhưng tùy theo sự suy nghĩ mà nó đầy đủ hay hoại mất, đầy đủ những gì? Và mất mát những gì?

Đó là tai nghe tiếng. Nghe rồi tùy theo âm thanh ấy. Nếu là âm thanh đáng ưa thì tâm vui mừng. Như vậy là đầy đủ. Còn nếu âm thanh được nghe có nhân duyên khác là âm thanh của bốn đại thì tâm không ưa thích, không sinh vui mừng vì nó trái ngược với tâm, không lợi ích cho tâm nên gọi là hoại mất.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy ngửi mùi hoa thơm, trộn đủ các loại hương bột, ngửi đủ các loại hương, thuận theo tâm mà thọ vui. Do hương ấy, tâm vui sinh ra, có thể khiến tham dục phát khởi.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy thường buộc niệm tư duy về người niệm mùi hương kia, tư duy về việc mũi người ấy ngửi các mùi hương. Mỗi một hương ấy có vô lượng loại. Đó là mùi hôi thối trái ngược với tâm. Khi ngửi mùi phân, nước tiểu vô lượng các loại mùi hôi thối thì tâm không ưa thích. Gặp trường hợp như vậy người ấy coi vật này là hư hoại.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy chuyên tâm buộc niệm về việc đầy đủ và hoại mất của các loại ở trong thế gian. Buộc niệm làm sao? Đối với người thế gian, lưỡi nếm vị ưa thích thì tâm vui sướng, thức ăn dễ tiêu, tiêu rồi liền vừa ý, được thọ mạng, sắc đẹp và sức khỏe, thích biện tài, tâm sinh vui sướng. Nếu nếm phải vị khác không được ưa thích, trái ngược với tâm thì không vui, thức ăn khó tiêu, tâm liền không thích, thân mạng, dung mạo, sức lực, sự an lạc, biện tài, của cải liền giảm sút, chỉ sinh khổ não. Gặp trường hợp như vậy người ấy coi vật đó là hư hoại.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy niệm về sự xúc chạm đáng ưa thích của thân, như lúc lạnh được ấm, lúc nóng được mát, thuận theo tâm nên sinh vui. Người trong thế gian được như vậy là đầy đủ. Nếu là nhân duyên khác khiến thân xúc chạm thì tâm không ưa thích như là lúc nóng không mát, lúc lạnh không ấm, ngược với sự ưa thích của tâm cho nên thọ khổ không mừng không vui, chỉ sinh khổ não.

Đó là năm loại đầy đủ và hoại mất của con người trong thế gian. Tỳ-kheo như vậy buộc niệm tu hành cả ngày lẫn đêm.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 46

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 25)

DẠ-MA THIÊN (Phần 11)

Tỳ-kheo ấy lại niệm về cảnh giới đáng yêu ở cõi trời. Nó do sự hòa hợp sinh, bị gió phân biệt thổi và lửa ái thiêu với mức độ ngày càng tăng. Người ở các thế gian, tham cái vui ở cõi ấy, mới nghĩ: "Trên trời rất vui".

Tỳ-kheo này buộc niệm tư duy về cõi trời kia bị thoái thất nên không sinh tham muốn đối với cảnh giới đáng ưa, rời bỏ ý nóng bức não hại. Tỳ-kheo như vậy có ý lành vào bậc nhất, vị ấy thấy các cõi trời Dục giới đều bị thoái thất.

Cõi trời Tứ Thiên vương có mười hai việc thoái thất.

1. Sức yếu.

2. Thường đánh nhau với A-tu-la, A-tu-la bất ngờ lén nhập vào trong quân đội.

3. Lúc đánh nhau, bị A-tu-la đánh vào bộ giáp đang mặc trên người.

4. Lúc đánh nhau, bị A-tu-la hất mũ trụ đang đội trên đầu khiến nó rơi xuống biển.

5. Lúc bị thua liền sinh hổ thẹn.

6. Lúc đánh nhau, thấy A-tu-la liền sinh kinh sợ.

7. Lúc thoái thất, các Thiên nữ bỏ họ mà đi theo các Thiên tử khác.

8. Lúc ăn, do nghiệp của mình, họ thấy thức ăn dở liền sinh hổ thẹn.

9. Do nghiệp của mình, nên số lượng quân lính, sắc đẹp, hình tướng, đồ đạc trang sức đều thua kém người khác nên sinh hổ thẹn.

10. Lúc chư Thiên ấy dạo chơi, các con chim sinh ra ở cõi trời ấy thấy họ kém cỏi, cũng sinh khinh chê.

11. Vị trời hèn kém phải đi bộ đến chỗ vui chơi.

12. Dục lạc mà chư Thiên yếu kém thọ hưởng tương tợ với nghiệp tự thân, nên khi thấy vật trang sức của người khác đẹp đẽ hơn mình, vị ấy liền

sinh hổ thẹn.

Cõi trời Tứ Thiên vương có mười hai loại thoái thất như vậy. Tỳ-kheo nào khéo tu tâm thì không nên tham dục lạc nơi cõi trời và dùng ý trong sạch quan sát cõi trời ấy. Đã quan sát rồi, tâm sinh chán ghét, coi khinh dục lạc cõi trời. Nếu có người vì mong cầu sinh lên trời mà sống phạm hạnh thì phạm hạnh ấy chẳng phải là nhân của phạm hạnh. Những người như vậy bị Tỳ-kheo ấy coi thường. Vì sao? Đó là vì không được tự tại.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy quan sát sự thoái thất của cõi trời Tam thập tam. Họ thấy trong cõi trời ấy có tám loại thoái thất. Những gì là tám?

1. Áo giáp không tốt, lúc đánh nhau với A-tu-la, mưa rớt xuống chất bất tịnh.

2. Khi đánh nhau thấy tướng cầm đầu A-tu-la mạnh mẽ, tâm họ liền khiếp sợ nên thoái lui.

3. Lúc ăn, vị trời kém cỏi bị hổ thẹn.

4. Vị trời hèn kém không được Thiên vương Đế Thích biết đến.

5. Vị trời kém thì diện mạo, sức lực và hình tướng cũng đều kém.

6. Sắc, thanh, hương, vị, xúc của vị trời ấy đều kém cỏi, không bằng các vị khác.

7. Lúc thoái đọa, vị trời ấy bị Thiên nữ lìa bỏ.

8. Lúc vui chơi trong cung điện, thần thông của vị trời ấy cũng kém không thể đi mau.

Đó là tám việc thoái thất của cõi trời Tam thập tam.

Trong cõi trời Dạ-ma có sáu việc thoái thất. Những gì là sáu?

1. Lúc ăn, vị trời kém phải chịu xấu hổ.

2. Vị trời ấy có dạy điều gì thì Thiên nữ không ghi nhận.

3. Do ít phước nên vị trời ấy tuy được các Thiên nữ cúng dường nhưng không bằng sự cúng dường các vị trời nhiều phước.

4. Lúc Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà thuyết pháp, tâm của vị Thiên ấy không ưa thích. Đây là sự thoái thất lớn nhất trong số đó.

5. Do nghiệp cũ ít, ánh sáng của vị trời ấy liền giảm đi. Nếu là vị Thiên đời trước đã từng làm nhiều việc lành, vị ấy liền ngồi tòa báu lớn màu xanh. Ngồi rồi lại đứng dậy, vị trời kém cỏi khi ngồi tại chỗ ấy tòa ngồi liền biến thành bạc. Do đủ loại nghiệp nên có sự thoái thất như vậy.

6. Thân hình thấp.

Sáu điều này là việc thoái đọa của trời Dạ-ma.

Cõi trời Đâu-suất đã có bốn sự thoái thất. Những gì là bốn?

Một là lúc nghe pháp, tâm của vị trời yếu kém ở cõi trời Đâu-suất-đà không ưa thích, không thích tiếng thuyết pháp của ngỗng chúa. Đó là sự thoái thất. Ở cõi trời Đâu-suất-đà, ngỗng chúa thường sống ở chỗ vui sướng và trong sạch. Ngỗng chúa ấy chính là do Bồ-tát tùy ý thọ sinh nên khiến cho nó có sắc đẹp như ý. Thân ngỗng làm bằng bảy báu, ánh sáng chiếu khắp không thể ví dụ. Ánh sáng của thân đầy khắp năm ngàn do-tuần, có đủ loại màu sắc. Ánh sáng của chư Thiên ở cõi trời Đâu-suất-đà không sánh kịp ánh sáng thù thắng của ngỗng chúa khiến các vị trời ấy sinh tâm thán phục. Bồ-tát ngỗng chúa khiến họ sinh tâm thán phục rồi, liền nói kệ thuyết pháp cho chư Thiên:

Nghiệp phước đức đã hết
Mạng liền mau chóng giảm
Cõi Đâu-suất phải thường
Siêng năng giữ gìn pháp.
Nếu xả bỏ chánh pháp
Phóng dật hủy hoại trời
Không tích tụ phước đức
Về sau sinh hối tiếc.
Thậm chí già chưa đến
Bệnh chết cũng chưa lại
Đều nên tạo phước đức
Chớ để sau hối hận.
Nếu không tạo phước đức
Bị phóng dật hủy hoại
Do phóng dật hủy hoại
Chịu khổ ở địa ngục.
Đã được thân đầy đủ
Mà hành động phi pháp
Sao chẳng dùng mạng, của
Và anh em thân thuộc.
Thường làm việc phước đức
Tâm ý thâu giữ pháp
Hoặc lại dứt nghiệp ác
Hoặc là gần người tốt.
Dùng dao bén trí tuệ
Cắt đứt cành lá ác

Phá bỏ đống tội ác
Diệt trừ lỗi tương tục.
Trọng trí, giới, phước, đức
Tâm không mong cầu gì
Thường gần người thiện nam
Người chỉ đường chân thật.
Nếu trì giới sinh Thiên
Bị dục làm mê hoặc
Người không tu phước đức
Thường đi trong các cõi.
Nếu thường thích trí tuệ
Giữ giới báu trang nghiêm
Người nào sợ rắn dục
Chính là Thiên Trung Thiên.
Người thường sống như pháp
Chư Thiên nên lễ lạy
Người nào sống điên đảo
Liền sa vào đường ác.
Bờ này, kia tuy xa
Nhưng đã có cầu pháp
Nếu không mau đi qua
Không được thoát các cõi.
Lửa trí tuệ hay thiêu
Vô lượng củi phiền não
Tại sao dây phiền não
Trói người ưa cảnh giới.
Nhiễm bụi dục rất nặng
Làm chướng ngại mắt tuệ
Lời Phật như thuốc hay
Trừ được chướng ngại đó.
Đại tướng của chánh pháp
Hay phá đạo quân dục
Miệng nói ra pháp lành
Ông nên thường ghi nhận.
Có bốn loại điên đảo
Thường hay gây lừa dối
Thế gian có tám pháp
Khiến cho mất tất cả.

Giữa sông ái chảy xiết
Trăm nghi không thể vượt
Ai đứng trên bè trí
Sẽ đến chỗ vắng lặng.
Vị trời nào gần dục
Sẽ khiến tâm ngu si
Thường đắm trong năm dục
Biết chừng nào giải thoát.
Dục khó được dễ mất
Nhanh như điện không bền
Dục gây khổ như dao
Trái độc, lửa, thuốc độc.
Gần như vậy, như vậy
Tăng trưởng cũng như vậy
Dục như lửa thiêu củi
Không thể thỏa mãn được.
Trời ngu mong cầu dục
Không sợ bị thiêu đốt
Nếu lìa dục bất thiện
Sẽ được niềm vui lớn.
Người ngu nhiễm dục rồi
Bị tham dục trói chặt
Tham dục y như điện
Có đó rồi mất ngay.
Nếu ưa gần tham dục
Liền bị dục chế ngự
Bị lửa dục thiêu đốt
Chỗ nào có thể thiêu.
Trời nào gần dục lạc
Tâm sẽ rất ngu si
Không thể cầu chân lạc
Ở trong pháp không thật.
Trong dục không Niết-bàn
Không vui không giải thoát
Vì vậy chớ gần dục
Gần dục rất là xấu.
Nếu gần cảnh giới dục
Căn liền không biết đủ

Không biết đủ chuốc khổ
Không thể được vắng lặng.
Nên sợ pháp hữu vi
Và biển lớn sinh tử
Vì ái dục rất ác
Thường đi theo chúng sinh.
Như trên ngọn núi này
Đủ loại cây đáng yêu
Nương đó mà tu thiền
Tư duy dục sinh diệt.
Người trí khéo tu hành
Bốn Niệm xứ vắng lặng
Sợ hãi sinh lão tử
Thoát đến bờ lành kia.
Người ngu không tư duy
Ưa dục nên bị trói
Dục lạc đã sạch rồi
Ắt thoát sinh lão tử.
Nếu niệm khổ lớn này
Không mệt bởi ba cõi
Do si bị tên dục
Bắn rớt xuống địa ngục.
Vì ngu ưa dục lạc
Nên bị mất an lạc
Ai không sợ điều ác
Thì sẽ giống như lửa.
Cho đến tận giờ chết
Hay phá hoại tất cả
Do sự phá hoại này
Phá hạt giống sinh mạng.
Để lợi ích an lạc
Được vui thoát sầu khổ
Trượng phu nên siêng năng
Thường xuyên tạo nghiệp lành.
Nếu ai trừ bỏ dục
Sẽ hết nóng được mát
Ai thật là người trí
Thì không cầu dục lạc.

Để điều phục chư Thiên, ngỗng chúa đã nói bài kệ như vậy. Nếu vị trời nào sống phóng dật thì không nghe, không nhớ nghĩ, không tư duy. Nếu vị nào thích nghe bài kệ mà ngỗng chúa đã nói để hàng phục Thiên chúng thì đi mau đến khu đất vô lậu để nghe chánh pháp. Nghe rồi, họ sinh tâm kính trọng. Được nghe chánh pháp và sinh tâm kính trọng rồi, vị ấy mau chóng trở lại tòa nhà. Trong tòa nhà ấy có các vị trời do nghe chánh pháp tâm sinh kính trọng nên ánh sáng tăng lên gấp trăm ngàn lần. Các vị trời phóng dật thì ánh sáng bị giảm. Như vậy trong cõi trời, quả báo phát sinh ngay trong hiện tại. Vị nào ưa dục lạc cõi trời thì sẽ ít sắc đẹp, hình vóc, trang phục, đồ trang sức tất cả đều thua kém. Những điều này là sự thoái thất đầu tiên của cõi trời Đâu-suất.

Sự thoái thất thứ hai của cõi trời Đâu-suất là khi Thiên chúng tập hợp lại nghe pháp thì có vô lượng trăm ngàn ức chúng hội và năm trăm Bồ-tát ở nơi đó, vua trời Đâu-suất tên là Tịch tĩnh thuyết pháp cho Thiên chúng nghe. Pháp được thuyết là Vô minh duyên hành… Lúc nghe chánh pháp, Thiên chúng nhất tâm nghe thật kỹ. Do nghe như vậy, oai đức và vẻ đẹp của họ đều vượt trội, tăng lên gấp trăm ngàn lần. Nếu vị trời nào động tâm, tâm liền như điện, hoặc như gió mạnh thổi nước biển cả làm lớp lớp sóng chuyển động, do tham ái làm duyên nên tâm động như vậy. Do ưa thích cảnh giới nên hình vóc, y phục và đồ trang sức của vị trời ấy vẫn như cũ không đẹp thêm. Vì thấy người khác hơn mình nên vị ấy sinh tâm hổ thẹn. Đây là sự thoái thất thứ hai của cõi trời Đâu-suất-đà.

Sự thoái thất thứ ba ở cõi trời Đâu-suất-đà là: Vị trời nào nghe pháp, tâm sinh kính trọng, biết như thuyết, biết như pháp tướng. Biết như vậy rồi, tâm niệm trụ ở nơi chân chánh thì oai đức, hình vóc, y phục trang sức của vị trời ấy đều tăng lên gấp trăm ngàn lần. Vị Thiên nào không niệm pháp thì oai đức, hình dáng, y phục, đồ trang sức không tăng thêm. Đây chính là sự thoái thất thứ ba ở cõi trời Đâu-suất-đà.

Sự thoái thất thứ tư ở cõi trời Đâu-suất-đà là lúc nghe chánh pháp, nếu các vị trời ấy sinh tâm kính trọng, chuyên tâm nhớ nghĩ, giữ gìn như pháp, chuyên tâm thọ trì. Người tu hành như vậy, tư duy kỹ rồi, sau đó mới hành trì. Vị trời ấy kính pháp, trọng pháp. Do nhân duyên thù thắng, do nghe pháp, oai đức, ánh sáng, hình vóc, y phục, đồ trang sức tăng lên gấp trăm ngàn lần. Vị nào nghe rồi không siêng năng tu hành, khi thấy hình vóc, đồ trang sức vẻ đẹp của người khác tăng thêm và thấy oai đức, ánh sáng, hình vóc vẻ đẹp của mình không tăng thêm thì sinh hổ thẹn. Đây chính là sự thoái thất thứ tư của cõi trời Đâu-suất-đà.

Lại nữa, sau khi quan sát bốn loại thoái thất ở cõi trời Đâu-suất-đà rồi, Tỳ-kheo ấy lại quán xét sự thoái thất của cõi trời Hóa lạc. Vị ấy thấy thú vui thù thắng của cõi trời ấy còn có bốn việc thoái thất. Những gì là bốn?

Một là do hết nghiệp lành chân liền có bóng. Các phần còn lại của thân đều có ánh sáng, riêng chân thì không. Vì vậy chân của vị trời ấy có bóng. Thấy ánh sáng của các vị trời khác vây quanh mình họ như núi, vị trời thua kém ít ánh sáng ấy liền bỏ đi. Những vị trời có ánh sáng thù thắng thấy vậy liền chê cười và nói:

–Vị trời này thua kém do nghiệp lành đã hết.

Vị trời chân có bóng nghe vậy liền xấu hổ, tâm sinh buồn rầu, nói thầm như vậy:

–Nghiệp mình hết rồi nên mới như vậy.

Tất cả những sự đầy đủ rốt cuộc đều hoại mất cũng như ở thế gian do có ngày nên có đêm. Ở nơi này, tất cả những sự đầy đủ cuối cùng đều thoái thất. Nếu ai có sống thì phải có chết. Sự đầy đủ này cuối cùng phải hoại mất. Thế gian này không có sự đầy đủ nào mà không bị hư hoại. Sự thoái thất ấy là sự thoái thất đầu tiên của cõi trời Hóa lạc.

Sự thoái thất thứ hai của cõi trời Hóa lạc là: Giống như bông vải kiếp bối ở cõi Diêm-phù-đề rất mềm mại, dùng chân đạp lên nó liền xẹp, giở chân nó phồng lên trở lại, đất ở cõi trời Hóa lạc cũng mềm như vậy. Vị trời nào thọ nhận quả báo, khi nghiệp thiện hết thì đất không còn mềm mại, chân đạp lên không xẹp, giở chân không phồng lên. Vị trời khác thấy vậy biết nghiệp của vị này đã hết. Có vị trời khi thấy điều đó mới nói với các vị khác:

–Vị trời ấy đã hết nghiệp thiện, giờ thoái đọa sắp đến.

Đó là sự thoái thất thứ hai của cõi trời Hóa lạc.

Sự thoái thất thứ ba của cõi trời Hóa lạc là: Lúc vị trời ấy đi chơi, nếu đến vui chơi ở dưới tàng cây, cây liền mưa hoa bên trên vị ấy. Hoa rải đầy khắp khu đất mà vị ấy vui chơi. Nếu nghiệp lành sắp hết, hoa trên cây không rơi, không rải trên đất, các vị trời khác thấy hoa trên cây không rơi, không rải trên đất, liền nói:

–Vị trời này đã hết nghiệp thiện, giờ thoái đọa đã sắp đến.

Vị trời ấy nghe xong cảm thấy xấu hổ, buồn rầu, nghĩ thầm: Nay ta sắp thoái đọa. Đó là sự thoái thất thứ ba của cõi trời Hóa lạc.

Sự thoái thất thứ tư của cõi trời Hóa lạc là: Trời Hóa lạc ấy nhất định

thoái thất. Sự đầy đủ của cõi trời nhất định sẽ bị hoại mất. Sự thoái thất thứ tư của cõi trời Hóa lạc là gì? Đó là mỗi vị trời đều ở một vùng đất báu. Đất báu này trong sạch như gương. Thân một vị trời hiện ra ở vô lượng chỗ, hiện đủ loại ảnh, đủ loại trang phục, đủ loại vẻ đẹp. Giống như cõi người, một mặt trời hiện ra ở trăm ngàn chỗ khác nhau trong các ao sen ở nhiều nơi, thân vị trời này hiện khắp trong vô lượng trăm ngàn khu đất báu và các thân ấy đều giống nhau.

Nếu vị trời nào hết nghiệp lành thì thân vị ấy chỉ hiện ảnh trong một khu đất báu mà thôi chớ không hiện ở khắp nơi. Thấy sự thoái thất ấy, các vị trời có trí tuệ khác liền nói: Vị trời này đã hết nghiệp lành, sắp bị thoái thất. Đó là sự thoái thất thứ tư của trời Hóa lạc này. Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

Thế gian ưa đầy đủ
Không biết đến thoái thất
Đầy đủ ắt có mất
Như có ngày có đêm.
Vui đầy đủ như vậy
Tất thoái thất như vậy
Ham muốn không biết đủ
Nên thích trong chốc lát.
Nếu ai thích đầy đủ
Hoặc cầu thường được vui
Hãy xả bỏ tham ái
Thường được vui như vậy.
Chưa thỏa mãn tham dục
Đã nhập vào địa ngục
Tất cả đều do ái
Là điều Như Lai dạy.
Nếu ai vào địa ngục
Trăm lần hoặc ngàn lần
Cũng do lưới ái lừa
Nên phải bị như thế.

Trời Hóa lạc có bốn loại thoái thất như thế.

Tỳ-kheo lại quán bốn việc thoái thất ở cõi trời Tha hóa tự tại. Nếu nghiệp lành của các vị trời ấy sắp hết, lúc sắp thoái đọa liền có sự thoái thất. Chư Thiên ở cõi ấy có đủ loại vòng hoa đội đầu xinh đẹp, hoa trời không héo che khắp mặt đất. Hoa này có mùi thơm vào bậc nhất, không gì

có thể so sánh. Vòng hoa xinh đẹp của họ có đủ loại màu sắc, có ánh sáng thù thắng. Ngay cả ánh sáng báu cũng không bằng một phần mười sáu ánh sáng này. Vòng hoa vị trời ấy có nhiều con ong có cánh bằng bảy báu. Chúng phát ra thiên nhạc trong mọi lúc.

Ở cõi trời Tha hóa tự tại này, lúc nghiệp hết, sắp thoái đọa, con ong có cánh bằng bảy báu ấy phát ra tiếng không hay, bỏ vị trời này và các hương hoa bay đến chỗ khác.

Biết vị trời ấy sắp bị thoái đọa, các vị trời có trí tuệ khác nói với vị này là: "Hôm nay, do ông phóng dật nên giờ thoái đọa sắp đến mà không hay biết". Nghe như vậy rồi, lại thấy các con ong bỏ đi chỗ khác, vị trời có nghiệp lành đã hết nghĩ rằng: "Phước nghiệp của mình đã hết".

Do thấy thú vui của mình sắp chấm dứt, vị ấy sinh tâm buồn rầu vô độ. Tâm nóng bức như vậy không khác gì lửa địa ngục và chỉ ở địa ngục mới có loại lửa này. Đó là sự thoái thất đầu tiên của cõi trời Tha hóa tự tại.

Sự thoái thất thứ hai của cõi trời Tha hóa là: Thân của vị trời ấy trơn láng bậc nhất, ánh sáng đầy khắp, sáng đến nỗi ánh sáng của mặt trời cũng giống như ánh sáng của đom đóm. Anh lạc vị trời ấy đeo trên thân và các thứ trang sức khác có ánh sáng. Chúng đều có các ngọn núi và vách báu hiện ở bên trong đó không khác gì hiện ở trong gương. Nếu sắp đến lúc thoái đọa, anh lạc và các đồ trang sức mà vị trời ấy đeo không còn hiện ngọn núi và vách ở bên trong nữa.

Thấy như vậy, các vị trời có trí tuệ khác nói với vị trời đã hết nghiệp sắp thoái đọa: "Ông sống phóng dật, sắp đến lúc thoái đọa nên anh lạc, đồ trang sức ông đeo trên người không có ánh sáng, vách báu và núi không hiện trong đó". Các vị trời có trí tuệ đã từng thấy các vị trời lúc sắp đến giờ thoái đọa có tướng như vậy. Đó là sự thoái đọa thứ hai của cõi trời Tha hóa.

Sự thoái thất thứ ba của cõi trời Tha hóa tự tại là: Lúc vị trời ấy thoái đọa, sắp đến xứ khác, các vị trời chưa hết nghiệp cõi cung điện sáng rỡ làm bằng đủ loại châu báu. Họ có thể đi một cách mau chóng, không bị chướng ngại, không bị chao đảo ở ba chỗ là hư không, mặt đất và nước. Vị trời nào hết nghiệp, sắp thoái đọa thì cung điện họ bị chao đảo và đi chậm. Các vị trời khác thấy cung điện đó lay động mới nói với vị ấy: "Nay ông đã sắp đến giờ thoái đọa, trước đây ta đã từng thấy các vị trời khác lúc sắp đến giờ chết có tướng như vậy." Nghe đến việc mình sắp xa cảnh giới cõi trời, vị trời mà nghiệp đã hết bị lửa sầu thiêu đốt tâm giống như bị lửa địa ngục thiêu vậy. Đó là sự thoái thất thứ ba của cõi trời Tha hóa tự tại.

Sự thoái thất thứ tư của cõi trời Tha hóa tự tại là: Vị trời nào chưa hết

nghiệp lành thì được nghe năm loại âm nhạc, được tô điểm bằng tiếng ca dịu dàng, dễ nghe, nghe xong tâm sinh vui vẻ.

Nếu vị trời nào nghiệp lành đã hết, thì năm loại âm nhạc mà họ được nghe không hay, tiếng ca mà họ nghe cũng vậy. Nó giống như bị ngọng. Nghe rồi họ không sinh tâm vui. Đó là do nghiệp của mình nên mới như vậy.

Trong đồ trang sức phát ra tiếng nói: "Do ông sống phóng dật, nay nghiệp thiện của ông đã hết. Vì nghiệp trói buộc, ông sắp đến thế giới khác".

Do nghiệp của mình, nghe đồ trang sức nói, vị trời ấy rất buồn rầu, than:

–Nay thú vui của cảnh giới và nghiệp lành của ta đã hết.

Cái mão trang sức trên đầu liền rơi xuống. Thấy vậy, vị ấy vô cùng đau khổ. Đó là sự thoái thất thứ tư của cõi trời Tha hóa tự tại. Ở trong ba cõi, chỗ nào cũng không có vật gì là thường còn, tất cả đều vô thường. Như vậy, sáu cõi trời đều là chỗ thoái thất. Khi nghiệp thiện hết, các vị trời ấy nhất định phải thoái đọa. Vị trời thoái đọa này cầu các vị trời khác nhờ trì giới mà được sinh Thiên cứu giúp, nhưng khi nghiệp thiện hết nhất định phải như vậy.

Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà nói: "Như vậy đó, hỡi các vị trời ở Sơn thọ cụ túc, kinh điển ở trong tháp của Phật Ca-ca-thôn-đà đã dạy các vị trời như vậy. Chư Thiên các ông phải lìa bỏ phóng dật, chớ có sống phóng dật nữa. Vị khổ của phóng dật sẽ được thọ nhận trong địa ngục. Tất cả các mùi vị của tham dục đều như vậy. Sau khi nghe kinh mà Đức Phật thứ ba dạy rồi, vị trời nào trong số đó đang thích sống phóng dật liền giảm bớt phóng dật. Kinh thứ ba trong sáu kinh Phật Ca-ca-thôn-đà đã dạy xong.

Bấy giờ, biết Thiên chúng ấy đã sinh tâm nhàm chán dục lạc, Thiên chủ Dạ-ma ở nơi ấy mới bảo họ: Thiên chúng các ông đã nghe chánh pháp do bậc Đại tiên thuyết, có thể dứt sạch các khổ, trừ bỏ phóng dật, nói pháp trong sạch cho hàng trời, người. Thiên chúng các ông đã nghe pháp của Đức Phật thứ ba. Nay các ông nghe pháp, nghe luật rồi nên siêng năng tu hành, lại nghe pháp mà các vị Phật khác thuyết giảng, nghe rồi giữ gìn liền được lợi ích, khi thoái đọa khỏi cõi trời này không bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà nói như vậy rồi, tất cả Thiên chúng đều bạch với Thiên chủ:

–Cúi xin Thiên vương hãy làm cho chúng con được lợi ích, làm cho

chúng con được an lạc.

Bấy giờ, Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà bảo Thiên chúng:

–Tất cả Thiên chúng các ông đều thấy tháp Phật thứ tư được trang điểm bằng đủ loại châu báu, có rất nhiều ánh sáng chiếu rực rỡ và đủ loại vật báu xinh đẹp, kỳ lạ xen lẫn nhau, được trang nghiêm với vô lượng công đức, ánh sáng trùm khắp tất cả cõi trời này.

Bấy giờ, Thiên chúng bạch Thiên vương:

–Chúng con đã thấy.

Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà bảo Thiên chúng:

–Bây giờ tất cả các ông hãy cùng ta viếng thăm tháp của Như Lai.

Thiên chúng đáp:

–Thưa Thiên vương, chúng con xin tuân lệnh.

Bấy giờ, Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà và Thiên chúng cùng nhau đi. Sau khi đến tháp Phật, với tâm thanh tịnh, họ đảnh lễ tháp của Đức Như Lai, tâm liền được mát mẻ. Sau khi lễ xong, họ chiêm ngưỡng tháp của Đức Phật Tỳ-diệp-bà. Tháp ấy có đủ loại châu báu kỳ diệu, ánh sáng chiếu rực rỡ như đã nói ở trước. Trên vách báu trong tháp ấy có chép kinh pháp làm lợi ích cho hàng trời, người. Đó là kinh nói về bảy pháp mà nếu ai thành tựu thì sẽ sinh lên trời. Những gì là bảy?

Pháp thứ nhất là có thiện nam nghe pháp liền hiểu nghĩa, nghe pháp rồi tu hành, nghe pháp với thiện ý, tùy theo pháp được nghe tâm họ liền thâu giữ một cách chắc chắn, nghe rồi họ thọ trì, nghe rồi họ ưa thích, sinh tâm vui mừng. Người thiện nam này gần kề với bảy loại hiểu biết đầy đủ công đức. Những gì là bảy loại hiểu biết đầy đủ công đức?

1. Như thuyết tu hành.

2. Gần người làm đúng như lời nói.

3. Có thể như thuyết tu hành, kiên cố thâu giữ.

4. Đắc pháp kiên cố tư duy.

5. Trụ ý.

6. Gần người có cùng nghiệp thiện.

7. Không nghe điều ác của người khác dạy. Người thiện nam ấy gần kề bảy loại hiểu biết đầy đủ công đức này.

Thế nào là như thuyết tu hành? Người như thuyết tu hành là người làm việc một cách khéo léo. Nếu có điều gì cần nói, họ biết cách nói ít mà có thể làm lợi ích. Họ biết lúc nào nên nói, chỗ nào nên nói, không sớm

không muộn, dùng ít lời nhưng chứa nhiều nghĩa. Họ giải thích rất hay và tương ưng với chánh pháp, làm lợi ích cho cả mình lẫn người. Mỗi khi nói gì, họ đều làm như điều họ đã nói.

Thế nào là gần người làm đúng như lời nói? Đó là người thường tu tập thân, khẩu, ý một cách chân chánh, ý nghĩ của họ sạch như vàng ròng. Người này tu hành y như lời Phật dạy.

Thế nào là người giữ vững việc làm đúng theo lời nói? Người này nếu có làm gì thì đều là việc trong sạch. Họ luôn quan sát việc làm của thân, khẩu, ý. Khi nghiệp đã trong sạch rồi họ được sinh vào cõi trời, người cho đến Niết-bàn. Người này hoặc tự suy nghĩ, hoặc nghe theo người khác. Niềm vui của nghiệp báo ấy là niềm vui chắc chắn, giữ được bền lâu. Người bạn ấy là hạng giữ vững.

Thế nào là đắc pháp kiên cố tư duy? Đó là họ giữ gìn điều trong sạch một cách chắc chắn, làm lợi ích hai đời. Thấy như vậy rồi họ suy nghĩ một cách chắc chắn. Người có ý suy nghĩ chắc chắn như vậy hoặc là theo lời dạy của người khác mà chắc chắn được quả báo lành, hoặc là tự suy nghĩ, ưa thích chân đế. Đó là người bạn ưa thích chân đế.

Thế nào là hạng giữ vững ý? Đó là nghe nhiều rồi nhưng ý không loạn nên gọi là trụ ý.

Thế nào là gần người có cùng nghiệp thiện? Đó là thấy người khác đồng công đức với mình liền gần người ấy.

Thế nào là không nghe điều ác của người khác dạy bảo? Đó là không bị lôi kéo do phi pháp giống như pháp thiện của người khác, thân cận với bảy hạng tri thức đầy đủ công đức. Thiện nam ấy hoặc sinh trong nhân gian, hoặc sinh lên trời. Đây là pháp đầu tiên.

Sáu pháp còn lại để thành tựu việc được sinh lên trời ấy là gì? Đó là sáu pháp sau: Đa văn, thâu giữ tu hành, không biếng trễ, nhớ nghĩ, không bức bách kẻ khác, không khi dối. Như đã nói, ai thành tựu được bảy loại pháp này khi chết sẽ sinh trong đường lành là cõi trời, ở trong bảy cung điện lớn, làm vua hoặc đại thần, cõi cung điện như vậy, đi đến chỗ vui chơi, nghe năm loại âm nhạc, ca múa vui đùa, được trang điểm bằng vòng hoa kỳ diệu. Nếu ai thành tựu bảy pháp như vậy sẽ đi đến cõi trời.

Thế nào gọi là Đa văn? Đa văn là nghe pháp chân chánh, nghe rồi chế ngự tâm không cho kiêu mạn. Nếu như họ có nghe điều gì thì tăng thêm đa văn, không sống phóng dật, trí không tự mãn thường học hỏi người khác, không khoe công đức của mình với người khác, không ca tụng danh tiếng mình. Người đa văn này khi chết sẽ sinh nơi đường lành là cõi trời. Đây là

pháp thứ nhì, theo đó tu hành sẽ được thành tựu.

Thế nào là pháp thứ ba: Thâu giữ tu hành? Đó là nghe pháp rồi thì hộ trì tu hành. Nếu có người nghe pháp rồi, lại hộ trì tu tập theo những luật lệ phi pháp, nghe pháp rồi họ coi pháp là gánh nặng, không tu tập nên không nắm giữ được thành quả của pháp.

Nếu có người dùng móc câu trí tuệ để hàng phục tâm và trì giới. Nếu trí ấy không yên tĩnh thì người trì giới đó giống như ngọn đèn đốt vào ban ngày, không có ánh sáng, không có chắc thật. Nếu trong việc trì giới mà có trí tuệ xen vào người ấy sẽ giống như ánh sáng ngọn đèn, vừa bền lại vừa thật, được kết quả không hư dối. Người nào tu tập theo chánh pháp thì được lời nói chắc thật, chẳng phải chỉ nói suông mà không làm. Người ấy có thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp đều trong sạch. Khi chết, người ấy sẽ sinh vào đường lành là cõi trời. Đây là pháp thứ ba.

Thứ tư: pháp không biếng trễ là gì? Biếng trễ nghĩa là không làm. Không làm nghĩa là pháp phải làm, họ bày ra rồi không làm, không thể đạt đến kết quả. Pháp ấy như vậy, nếu siêng năng không dứt thì có thể đạt đến kết quả, nếu biếng nhác không siêng năng thì không thể đạt đến kết quả. Chỉ làm một chút ban đầu thì không thể thực hành đầy đủ đối với pháp thế gian và xuất thế gian. Nếu là người biếng nhác thì tất cả việc làm đều yếu kém, bị mọi người khinh rẻ, chê bai, tự chịu đau khổ, khi chết bị đọa vào đường ác là địa ngục.

Người này bị biếng nhác phá hoại. Biếng nhác ghê gớm như vậy nên ta phải xả bỏ nó như xả bỏ lửa và dao, như bờ hiểm dễ rớt. Ai bị biếng nhác hủy hoại thì biếng nhác không có oai đức giống như con dê. Người ấy không có trí tuệ, không biết tất cả việc làm hoặc trí hoặc phi trí, hoặc pháp hoặc phi pháp, nên làm hay không nên làm, không biết gì cả. Vì sao? Do không đọc kinh, không nghe pháp, do biếng nhác.

Nếu có người bàn luận để khai mở tâm ý về những điều hiểu biết bằng trí tuệ để biết tất cả hoặc pháp hoặc phi pháp, nên làm hay không nên làm, nên đi hay không nên đi, phải biết tất cả những pháp như vậy nhờ trí tuệ, nhờ tinh tấn mới biết được, còn biếng nhác thì không thể biết. Những người biếng nhác không khác người mù, khi chết sẽ bị đọa vào đường ác là địa ngục. Người này không thể nào ra khỏi thế gian và phải chịu khổ vô cùng, phải ăn xin ở nhà người khác, thường đứng dựa cổng nhà người khác cầu xin thức ăn, thường cầu cạnh người khác, dung mạo xấu xí, tóc che kín mắt, mắt khô, móng chân, da, tất cả đều khô cháy, phải đến xin ăn ở từng nhà khắp bốn phía xóm làng, cuộc sống rất cay đắng, bị tất cả khinh chê.

Do nhân duyên này ta nên xả bỏ tất cả sự biếng nhác.

Ngược lại, người siêng năng thì thành tựu tất cả mọi việc kể cả Niết-bàn, huống gì là các pháp thế gian khác. Khi chết, người này sinh vào đường lành là cõi trời. Do vậy, hoặc trời, hoặc người, tất cả đều nên xả bỏ biếng nhác và phải siêng năng.

Khi ấy Phật Tỳ-diệp-bà nói kệ:

Ý biếng nhác với huyễn
Hoặc mạn hoặc ác khẩu
Hoặc xả bỏ trí tuệ
Đó là sự thoái thất.
Gần gũi với bạn ác
Xa lánh những bạn lành
Hoặc là thấy sai lầm
Là nhân của thoái thất.
Không biết thiện và ác
Nói năng không đúng thời
Hoặc là tin phụ nữ
Là việc không lợi ích.
Gần gũi với người nào
Ăn uống ở nơi đâu
Thân không được lợi ích
Pháp này khiến người khinh.
Hèn nhát hoặc thất niệm
Hoặc là bị vua ghét
Hoặc là tâm ngang ngược
Sẽ chết bất thình lình.
Không biết rõ nghiệp quả
Pháp cùng với phi pháp
Xa lìa người bạn lành
Liền đọa vào đường ác.
Biếng nhác hoặc ngủ nhiều
Hoặc tham đắm mùi vị
Sân hận và nói láo
Hoặc nói lời hung ác.
Tham lam hoặc kiêu mạn
Tâm động xả bỏ pháp
Nếu làm, gần dâm dục
Hoặc khen pháp dâm dục.

Như vậy có ba lỗi
Biếng nhác là gốc rễ
Người nào siêng tinh tấn
Thì không có các lỗi.
Ai siêng năng tinh tấn
Đều thành tựu kết quả
Kết cuộc của tinh tấn
Là thành quả tốt đẹp.
Ba loại nghiệp như vậy
Hay được ba loại quả
Ba nhóm ba nguồn gốc
Chắc chắn có ba đường.

Chữ viết trên vách nơi tháp Phật Tỳ-diệp-bà đã nói bài kệ này chê trách việc biếng nhác. Thiên chúng xem rồi nói:

–Chúng ta quyết định xả bỏ biếng nhác. Từ biếng nhác này có các lỗi khác phát sinh.

Như Phật dạy, hoặc là trời, hoặc là người mà biếng nhác thì tất cả việc làm đều sút kém trong tất cả các thời. Nếu vị trời hoặc người nào mà không biếng nhác thì sẽ dần dần tiến đến Niết-bàn. Pháp thứ tư này có tác dụng lợi ích đối với cõi trời, người.

Pháp thứ năm có nhiều tác dụng, có nhiều lợi ích là: Nhớ nghĩ. Cái có thể làm chướng ngại tất cả các pháp là biếng nhác. Như vậy trong tất cả pháp thế gian, nhớ nghĩ là cội gốc có thể dẫn chúng ta đến Niết-bàn. Người xuất gia hoặc người tại gia nghĩ đến không phóng dật nên không sống phóng dật thì tất cả việc làm đều thành tựu. Người này thường tạo nghiệp như chánh pháp, siêng năng tinh tấn, tâm nhớ nghĩ hành động chân chánh theo chỗ mong cầu. Người này luôn hộ trì năm căn không cho trần cảnh xâm nhập, não hại, tâm không bị mê hoặc. Mắt thấy sắc rồi không có sinh dục nhiễm đối với sắc ấy, tâm không ưa thích, thấy như thật về sắc và biết nguồn gốc của nó. Vị ấy thấy nhân duyên nguồn gốc của sắc này, biết nó do duyên gì sinh ra. Vị ấy thấy sắc như vậy rồi, tâm không vẩn đục rối loạn. Như vậy sắc ấy không thể lôi kéo người này vì người ấy đã thấy như thật về sắc đó. Người xuất gia, hoặc người tại gia hoặc là hàng trời, người, biết cái lỗi do sắc sẽ sinh, lỗi do sắc đã diệt. Họ biết tâm duyên sắc ấy ở nơi nào, xứ nào.

Mắt duyên với cảnh giới như vậy sinh ra thức. Do cảnh giới ấy nên sinh ra nỗi sợ của ta. Niệm trong sạch này có thể trừ được phiền não. Ta

nhờ niệm này đã trừ được nỗi lo sợ về cảnh giới như vậy, vì sự sợ hãi ấy phát sinh ở các cảnh giới. Điều mong mỏi nhất là nhờ tâm chánh niệm ta có thể trừ bỏ vô lượng nỗi lo sợ về cảnh giới sắc, đối với những cảnh giới sắc mà tâm niệm duyên theo thì ta có thể trừ bỏ dần dần ở trong từng niệm. Giống như người thợ rèn, lấy miếng đồng tốt đặt vào lửa rồi đem ra gò, cứ đưa vào lửa rồi đem ra gò. Nhiều lần như vậy, chuyên cần không nghỉ, dần dần trừ bỏ được rỉ sét làm cho nó trở nên tinh luyện, cũng vậy, chánh niệm hoàn toàn sẽ trừ được tâm cấu uế dần dần cho đến khi được trong sạch.

Lại như người thợ đúc bình, do nhiều điều kiện và sự khéo tập hợp lại làm cho cục đất bùn trở thành bình, người này với tâm chuyên cần, chánh niệm, nhân duyên tu tập đó như là duyên sinh ra cái bình, chánh niệm quan sát ngay khi mặc áo, tuần tự từ hành động ban đầu, chánh niệm, cho đến khi hoàn tất. Cần phát chánh niệm như vậy lần lượt cho đến khi hết sạch tất cả lỗi, được thấy chân đế, tâm được Thánh ấn ấn khả, lỗi của vị ấy đã hết. Do lỗi đã hết, mọi người đều biết như vậy. Vì thế, nếu muốn được hoàn thiện thì phải luôn luôn chánh niệm trong tất cả các thời. Nếu mắt duyên với sắc liền dùng niệm giữ chặt tâm, không cho lay động như điều phục ngựa dữ, dùng chánh niệm giữ vững cảnh giới đã qua, ngăn cảnh giới đang hiện trước mặt, niệm chín mươi tám thứ phiền não.

Thế nào là niệm trụ? Niệm trụ là khi tham dục phát sinh, hành giả không chạy theo nó, không cho tâm tán loạn. Niệm trụ này tư duy đúng như thật về sắc này, sắc kia, gồm có vô lượng loại, vô lượng hình tướng, quán bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo khiến cho tất cả dục nhiễm kia đều vắng lặng hoặc diệt hết, hoặc đều mỏng bớt. Thế lực của pháp thiện này là gì? Hệ niệm là nguồn gốc của nó. Tất cả pháp thiện đều dựa vào niệm trụ mà vận hành. Đó là niệm trong hiện tại.

Thế nào là niệm pháp ở đời vị lai? Vị lai chưa có, chưa sinh, chưa thấy, vậy tướng của cảnh giới ấy làm sao mà niệm, nếu có cảnh giới mới có thể niệm, cảnh giới trong đời vị lai chưa có làm sao để niệm? Điều cần niệm tuy chưa có nhưng thấy tướng trạng nhân duyên đưa đến nên có thể niệm được, như là thấy có người tu tập thân, khẩu, ý, thực hành nghiệp thiện, thấy rồi liền niệm người này chắc chắn sẽ sinh Thiên. Nếu thấy có vị trời thực hành nghiệp ác liền niệm vị trời này chắc chắn phải đọa vào địa ngục. Pháp "niệm" này là pháp thứ năm có nhiều tác dụng, nhiều lợi ích cho hàng trời, người.

Pháp thứ sáu có nhiều tác dụng, nhiều lợi ích cho hàng trời, người là không gây phiền não người khác. Ai không làm não hại người thì tâm sẽ

vắng lặng, không sinh phân biệt là người này có phạm hạnh, hay người này không phạm hạnh, không sinh ganh ghét khi thấy ngọa cụ, thuốc men của người, không nói thầm, cũng không nói ra: Tôi là người trì giới.

Nếu trì giới chút ít, tụng kinh chút ít thì không được đem khoe nơi nhà Đàn-việt, giữ tâm bình đẳng đối với kẻ oán người thân, thường nhớ nghĩ về Tam bảo, không tự phá giới, không não loạn người trì giới, không đòi hỏi nhiều đồ dùng nơi các Đàn-việt, tâm của người này đằm thắm, thường cầu xin sư trưởng nói pháp, thường ở chỗ vắng và luôn gần gũi người có phạm hạnh. Người tương ưng với công đức này không làm não hại người khác. Do không làm não hại người khác nên có nhiều tác dụng, có nhiều lợi ích.

Pháp thứ bảy có nhiều tác dụng, có nhiều lợi ích trong cõi trời, người là không lừa dối, tự giấu công đức, trừ bỏ nghiệp ác, tâm ý ngay thẳng, biết đủ về y bát, thường xuyên khất thực, ở trong rừng cây, hang núi, ăn uống vừa đủ, giữ tâm bình đẳng không phân biệt cao thấp, khi có lý do mới đi du hành trong nhân gian, không đi ở nơi nghi là có trùng kiến, không phá hủy sông đầm, hồ nước… vì sợ giết trùng, không cầu khẩn mưa, đá, sấm sét… khiến rớt xuống giết hại chúng sinh, không nói chuyện trăng sao, nhật thực, nguyệt thực, điềm lành, điềm dữ để cầu sự cúng dường tài vật, đồ ăn uống nuôi thân mạng, không thường qua lại một nhà Đàn-việt, cũng không vênh mặt, ngước đầu mà đi, không được động môi giả đang tụng niệm, không nói to tiếng, cũng không nói lén, không mang giày dép tạp nhạp, không lấy đủ loại dây để quấn quanh thân thể, không mang túi thơm và nhiều màu, không tích trữ ngọa cụ, không nương ở với đại chúng không có giới và công đức, không bảo người khác vào thành ấp, xóm làng, nói về việc trì giới của mình vì mong cầu lợi dưỡng, không đến những nơi làm loạn tâm ý, không tham cầu, không ở gần thôn xóm, không đường đột đến nhà bà con và bạn bè thân thiết để nhờ vả, không phơi bày việc xấu và che giấu đức tốt của người khác, khi thấy người thật có lỗi, không đem nói khi vắng mặt họ, né tránh phụ nữ như tránh rắn độc, không nói chuyện và đi chung với các phụ nữ, không tìm đến những cây có nhiều hoa, cũng không dạo chơi nơi vườn cây xinh đẹp vì sợ nghe tiếng hót của các loài chim đáng yêu sẽ làm cho tâm dục phát sinh, không ngồi thiền nơi sông suối có nhiều tiếng động vì sợ tâm loạn động khi nghe tiếng ấy, không ngồi thiền và đi kinh hành ở gần các loại hoa có nhiều hương thơm vì sợ mũi ngửi mùi thơm làm tâm ý loạn động, cũng không nhìn ngắm các loài chim, các loại chim màu, ngỗng, vịt, mạng mạng, chim sẻ… không nhìn ngắm và đi kinh hành gần các loại chim đa dục vì sợ động tâm, sợ thấy các con chim mái khiến tâm dục phát khởi.

Không ngồi thiền gần các rừng cây như là cây dừa, cây ba-na-bà, cây mẫu thước, cây xoài, cây tỳ-la, cây ca-ty-tha, cây ba-lưu-sa, cây khư-thù-la, vì sợ sinh tâm tham mùi vị của nó, lìa những cây ăn quả đến tọa thiền ở những rừng cây yên tĩnh, không có mùi vị đáng tham đắm, không có nhiều người, hoặc ở trong vườn an lạc hạnh, siêng năng tinh tấn; đối với sự oán ghét và chống đối, tâm thường không loạn, không nhận giữ những thứ để cất chùa và đất cày,

Người đoạn trừ tham ái này dùng dây ràng bát sắt mục nát lại để đựng đồ ăn thức uống, tâm không nghĩ đến bát đồng hay bạc. Họ không tích trữ đến ba cái chén, ca-sa họ có vừa đủ, vào mùa hạ, trừ khi đại tiểu tiện, không đi lung tung cho đến một bước vì sợ giết trùng. Ăn trái xa-di, họ ăn trái còn tươi, không ăn trái thối. Khi ăn trái táo nhỏ, nếu không xem kỹ thì họ không ăn, ăn trái lê, trái khư-thù-la, trái táo, đậu oản, đậu mục… nếu không xem kỹ thì họ không ăn vì sợ bên trong có trùng. Họ không bao giờ dẹp đuổi các con trùng sinh trên vách đất vì sợ làm tổn thương chúng, làm chúng chết. Họ ngồi yên một chỗ, không nhìn xem bát của người khác vì sợ tham thức ăn. Lúc đi đường người ấy không đi gần người khác vì sợ làm trở ngại. Họ không đại tiểu tiện nơi đất có nhiều trùng vì sợ làm tổn thương trùng và làm chết chúng. Lúc đi khất thực, họ nhìn xuống đất phía trước mặt cách chân một tầm để giữ tâm ngay thẳng. Họ thường gần người có tâm chánh trực. Tỳ-kheo này không tích chứa các vật, không mong cầu vật gì, tâm không thích thấy vật hiếm có và siêng năng ngồi thiền. Tỳ-kheo hiền thiện này, không dối trá, trì giới thanh tịnh, không vi phạm. Mạng sống và nội tâm họ thanh tịnh như vậy. Tỳ-kheo này giữ giới một cách chắc chắn, không bao giờ phạm học giới. Tỳ-kheo hiền thiện ấy sinh trong đường như vậy tùy theo tâm niệm. Do họ thường sống trong sạch nên có ý thiện phát sinh, những điều không vui ít sinh và họ nguyện sinh trong đường lành.

Khi ấy, Phật Tỳ-diệp-bà nói kệ:

Người nào sống trong sạch
Thân, khẩu, ý lặng lẽ
Ngồi thiền lìa tham ái
Cách Niết-bàn không xa.
Tinh tấn hạnh đầu-đà
Ở gò mả rừng cây
Thường ở nơi như vậy
Cách Niết-bàn không xa.
Ai ngủ trên bụi đất
Giữ một bát hư bể

Ăn trái, rễ biết đủ
Người ấy sống an lạc.
Người muốn được giải thoát
Thường thích sự biết đủ
Người ý lành mạnh mẽ
Cách Niết-bàn không xa.
Không dua nịnh, lừa dối
Xa lìa các trần cấu
Tâm họ như hư không
Cách Niết-bàn không xa.

Vị Phật ấy khen ngợi Tỳ-kheo có hạnh lành không dua nịnh, lừa dối như vậy.

Người thành tựu bảy pháp như thế là thiện nam. Người nào sống theo dục lạc thì chìm trong biển sinh tử, không khác súc sinh, tuy mang hình người nhưng thật chẳng phải người. Người nào có thể thành tựu bảy pháp ấy liền được các bậc thiện nhân khen ngợi, khi chết sẽ sinh vào đường lành là cõi trời. Thọ diệu lạc cõi trời xong, thoái đọa xuống sinh trong loài người liền được nhập Niết-bàn nhờ nghiệp còn sót lại. Họ là người hiền thiện nhất.

Bảy pháp này từ pháp đầu tiên là gần gũi Thiện tri thức, kế đến là các pháp đa văn, giữ vững sự tu hành, chánh niệm không biếng nhác, không làm não hại người khác, không lừa dối… không phải là pháp hư dối, tà vạy vì bảy pháp này là nhân duyên của kho tàng báu khiến ta được sinh trong cõi trời.

Nếu ở cõi trời nghe pháp này rồi chớ có sống phóng dật, vì nếu phóng dật sẽ khiến phước đức tiêu hết và đến lúc thoái đọa sẽ rớt xuống địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Vì vậy chư Thiên chớ nên sống phóng dật để tự làm hỏng đời mình. Ở trong các cõi, không ai sống buông lung mà được an lạc. Con người thành tựu bảy pháp này sinh lên trời.

Ba nguyên nhân khiến cho ở cõi trời khi bị thoái đọa sẽ rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh là: Không nghe chánh pháp, gần tri thức ác và không tin nghiệp quả. Nếu không thành tựu bảy pháp này sẽ bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Bấy giờ, Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà bảo Thiên chúng: "Các ông đã nghe tất cả điều này. Đức Phật đó đã dùng tâm thương xót tạo lợi ích cho chúng sinh".

Khi Thiên vương nói xong, tất cả Thiên chúng đều bạch với Thiên vương:

–Nay chúng con đã nghe kinh do Như Lai thuyết giảng, vì thương xót thế gian mà Đức Phật đã tạo lợi ích cho chúng con, đã thuyết pháp như vậy để trừ bỏ phóng dật.

Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà bảo Thiên chúng:

–Các ông nghe kinh này xong chớ có phóng dật. Do phóng dật mà chư Thiên sinh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Vì sao? Vì các ông nhờ vật quý trọng có giá trị lớn nên mới được sinh vào cõi trời này, nay không nên phóng dật khiến cho nó hết sạch mà phải thâu giữ, hành động chân chánh, xả bỏ phóng dật như lời Phật dạy trong kinh này.

Kinh thứ tư trong sáu kinh, Phật Tỳ-diệp-bà đã nói xong.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 47

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 26)

DẠ-MA THIÊN (Phần 12)

Bấy giờ, Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà chỉ cho Thiên chúng kinh chép trong tháp Phật. Sau khi khiến cho tâm của Thiên chúng ấy được thuần thục rồi, Thiên chủ lại chỉ rõ về sự khổ não của sinh tử. Nó có vô lượng lỗi lầm chất đầy trong đó. Những nỗi khổ như là: Xa lìa những người mình thích, gần những người mình ghét, già chết, buồn rầu khóc lóc đều gồm đầy đủ. Sinh tử, thoái thất chứa đầy các việc khổ não.

Bấy giờ, thấy tâm của Thiên chúng đã được điều phục tốt, Thiên vương lại đem tâm thương xót tạo lợi ích cho chúng sinh, nói với họ:

–Thiên chúng các ông nên biết: Tất cả chư Thiên ai sống phóng dật chắc chắn sẽ chịu khổ não. Sau này đến giờ chết sẽ sinh tâm hối hận, hết sức nóng bức, khổ sở, mắc phải tai họa lớn. Lúc ấy, không thể dùng phương tiện gì mà thoát được, bị dây nghiệp trói buộc, dắt đi một mình không bè bạn. Hoặc người, hoặc rồng, hoặc địa ngục, khi sắp vào địa ngục bị dây trói của tử thần buộc, không có bạn đồng hành, chỉ có pháp thiện hoặc pháp bất thiện đi theo ở trong tất cả các biển chúng sinh.

Bấy giờ Thiên chúng ấy lại bạch Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà:

–Thưa Thiên chủ, đúng vậy! Vào lúc ấy sẽ không có một người bạn đồng hành, trừ pháp và phi pháp.

Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà bảo Thiên chúng:

–Thiên chúng các ông nên biết như vậy và phải biết khi ấy không có bạn đồng hành.

Thiên vương nói tiếp:

–Thiên chúng các ông nếu muốn hạt giống tín tâm tăng trưởng, muốn được an lạc, hết khổ hoàn toàn thì nay ở trong cõi trời này có tháp báu bằng vàng Diêm-phù-na-đà, lưới bằng ngọc quý giá trùm bên trên, được trang trí bằng bảy cây trụ báu, đủ loại bảo vật, đủ loại ánh sáng. Đó là tháp của Phật

Ca-na-ca Mâu-ni. Ta đang cùng tất cả Thiên chúng các ông đến viếng tháp ấy. Đến tháp rồi, sẽ lễ bái, cúng dường và vào trong tháp. Vào tháp rồi, sẽ xem hết tất cả các bài pháp có trong ấy. Xem rồi sẽ ghi nhớ, nhớ rồi sẽ tu hành để tự tạo lợi ích, ra khỏi sinh tử, tuần tự tiến đến Niết-bàn.

Khi ấy, sau khi nghe Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà nói như vậy, Thiên chúng đều sinh tâm kính trọng, lìa bỏ tâm phóng dật, các căn được tịch tĩnh và cùng nhau hướng về tháp Phật Ca-na-ca Mâu-ni, thấy ánh sáng của tháp như đã nói ở trước. Bấy giờ, tất cả Thiên chúng đều cùng Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà đến viếng tháp Phật ấy. Đến tháp Phật rồi, Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà bảo Thiên chúng:

–Vì thương xót chúng sinh, Đức Phật Ca-na-ca Mâu-ni nói: "Tất cả các pháp đều vô thường". Để làm lợi ích cho thế gian, vì thương xót chúng sinh nên hóa hiện điều ấy trên vách tháp Phật. Này Thiên chúng! Nếu người nào gặp pháp ấy liền sinh tâm chán lìa, thấy các pháp vô thường nên sinh tâm chán lìa. Những điều Đức Phật ấy dạy bảo, giáo hóa đều được hóa hiện trên vách tháp Phật đó.

Nói như vậy rồi, Thiên vương cùng Thiên chúng vào trong tháp Phật. Tháp ấy rộng mười do-tuần. Bên trong tháp cho thấy tất cả sinh tử đều vô thường, tất cả sự đầy đủ đều thoái thất, do nghiệp của mình dẫn dắt nên không được tự tại. Những cảnh giới khác nhau, sai biệt theo năm đường đều hóa hiện nơi vách tháp Phật, tương tự như hiện trong gương. Màu sắc của nó rõ ràng, y như cảnh thật, nơi nơi đều phân biệt rõ ràng như một bức tranh đủ màu.

Trong một gian nhà, nơi ấy ta thấy tám địa ngục là: Hắc thằng, Hợp, Kêu gào, Kêu gào lớn, Nóng, Rất nóng cho đến A-tỳ… Ta thấy chư Thiên bị đọa trong đó, bị gió nghiệp thổi làm đầu rơi xuống chân, toàn thân bốc cháy, màu lửa trên toàn thân giống như cây kim-thư-ca, bên trên cao đến cõi trời, dưới xuống đến địa ngục. Họ lớn tiếng kêu gào và bị tự mình lừa dối. Do nghiệp thiện đã hết, lại bị phóng dật lừa dối, nên sau khi hưởng hết thú vui tột bậc ở cõi trời, họ liền bị đọa vào chỗ rất khổ não là địa ngục, chỉ có một mình, không bạn bè. Họ lìa bỏ anh em và bè bạn thân thiết, đọa vào địa ngục không ai cứu được. Cảnh đầu tiên mà Thiên chúng các ông thấy rõ ràng trên vách tháp là cảnh trời Tứ Thiên vương bị đọa vào địa ngục. Trời Tứ Thiên vương có lỗi sát sinh, có lỗi trộm cắp.

Trời Tứ Thiên vương sát sinh thế nào? Lúc Thiên chúng đánh nhau với A-tu-la, giết A-tu-la, khi chư Thiên thắng, A-tu-la bại, chư Thiên đoạt lấy mũ đội đầu, thiết đao và tất cả của cải của A-tu-la, do nghiệp này hoặc

nghiệp kia, nên họ bị đọa vào địa ngục. Do bị tâm lừa dối, họ tạo nghiệp như vậy ở trong cõi trời. Lúc bị thoái đọa, thân năm ấm diệt hết, họ theo thân trung ấm sinh trong địa ngục. Lúc rời bỏ chỗ vui ấy để nhận thân trung ấm, họ rất đau khổ. Khi ở trong thân trung ấm như vậy, họ đã khổ não không chịu nổi, huống gì là vào trong địa ngục chịu đủ loại khổ lớn. Đó là nghiệp lớn điều khiển các chúng sinh ấy. Trên trời thoái đọa, sinh trong địa ngục, Thiên chúng đều thấy sự biến hóa của Đức Thế Tôn ở trong tháp Phật.

Lại nữa, ở nơi khác trong tháp ấy, Thiên chúng thấy trời Tứ Thiên vương khi thoái đọa ra khỏi cõi trời, bị sinh trong ngạ quỷ. Vị Thiên ấy khi đã hưởng hết phước rồi sinh nơi đồng trống, chịu sự đói khát, khổ não. Từ lâu vị ấy mặc thiên y, nay tóc trên đầu che mặt, che thân khiến vị ấy sống một cách tối tăm. Thân của vị ấy như cây bị thiêu đốt, lõa lồ không có quần áo, hoặc có vị mặc áo lửa, ở chỗ hoang vắng bị đói khát hành hạ thân, kêu la inh ỏi. Họ không thể kiếm được một chút nước như giọt sương. Họ sinh trong ba mươi sáu cảnh giới ngạ quỷ.

Trên vách tháp Phật, Thiên chúng trời Dạ-ma thấy chim quạ, chồn cáo mổ khoét mặt, hoặc mắt, hoặc miệng của những kẻ bị đọa. Họ thấy đất ở cõi trời ấy rất mềm dẻo, vui chơi rồi về sau lại sinh vào cảnh giới ngạ quỷ, đất cứng và nóng như lửa. Đất này do những bụi đất phiền não nóng bức hợp lại thành. Có những con trùng đen, mỏ bằng kim cương. Trong vách tháp Phật, Thiên chúng trời Dạ-ma thấy các quỷ kêu la ấy từ cõi trời thoái đọa xuống.

Lại nữa, ở cõi trời họ được ngửi mùi hương thơm, hoặc là Mạn-đà-la, hoặc là Cư-thế-xa và các loại hương thơm thù thắng khác, được ngửi hết thảy trăm ngàn loại hương. Về sau, họ phải sống ở nơi có phân và nước tiểu bất tịnh, hôi hám, hoặc là gò mả chứa tử thi thối rửa. Ngạ quỷ này phải ngửi vô lượng loại vật bất tịnh và không khí hôi hám uế tạp. Mũi họ có nhiều kiến lửa sinh sống đầy trong đó. Việc các ngạ quỷ ấy sinh trong cõi ngạ quỷ, ta có thể thấy trên vách trong tháp Phật.

Lại nữa, trước kia khi sống ở cõi trời có vô lượng loại thức ăn thơm ngon, màu sắc và mùi vị đáng ưa, đầy đủ hương thơm, đến khi mang thân ngạ quỷ hý lộng thì chất bất tịnh nhất, khí hôi hám nhất và phân cũng khó có được. Trong một trăm năm, ngay cả phân, họ cũng chưa từng được ăn. Việc này được thấy trên vách ở một nơi trong tháp Phật. Việc ăn phân cũng được thấy trên vách tháp ấy.

Áo vị trời ấy mặc trên thân rất mềm mại, rờ vào rất láng. Nó do vô

lượng châu báu dệt thành như sở thích của chư Thiên, rất đáng yêu. Ở cõi trời đã mặc áo như vậy, lại có gió trời thổi mang đủ loại hoa phủ kín thân. Về sau, do nghiệp thiện hết, họ sinh trong ngạ quỷ, lõa hình không quần áo, thân mình sinh ra lông, lông rất nhiều, cứng và màu vàng che khắp. Trên khắp thân có trăm ngàn con trùng đen rúc rỉa, lại có nhiều loại trùng lửa ăn thân thể ấy. Người sinh làm ngạ quỷ bị đói khát thiêu đốt thân, thường gầy ốm, mắt và mặt đều lở lói vì kêu khóc, chịu nỗi khổ của ngạ quỷ một cách lâu dài, do phóng dật lừa dối nên từ trời thoái đọa xuống làm ngạ quỷ.

Lại nữa, nơi cõi trời Dạ-ma, chư Thiên ở Sơn thọ cụ túc lại lần lượt thấy các chỗ khác trên vách tháp có cảnh trời Tứ Thiên vương thoái đọa làm các loài súc sinh ở đủ các nơi.

Tóm lại mà nói, họ sinh ở ba nơi là: nước, mặt đất và hư không.

Chúng sinh sinh dưới nước ăn nuốt lẫn nhau, chịu khổ não lớn, hoặc chịu khổ lạnh, hoặc chịu khổ nóng. Chúng sinh trên đất bị mặt trời thiêu đốt chịu khổ não lớn, bị đói khát bức bách thân, giết hại lẫn nhau, hoặc sợ bị trói buộc, chịu trăm ngàn loại khổ não không thể thoát. Súc sinh này bị gió nghiệp thổi, thọ các khổ não. Chúng sinh trên không hoặc tế hoặc thô, hoặc chim có thân lớn thường thích giết nhau, thọ vô số khổ não. Sau khi thoái đọa, chư Thiên ấy sinh trong súc sinh là do bị phóng dật lừa dối. Vị Thiên khác nếu không phóng dật thì tạo nghiệp thiện thù thắng. Người tu phước, từ trên trời thoái đọa xuống, sinh trong loài người, nhận quả báo theo nghiệp thiện của mình. Nếu không có nghiệp lành mà sinh trong loài người sẽ chịu khổ não theo sự tạo tác của mình, gồm có các bậc thượng, trung, hạ, có nghèo, có giàu, tùy nơi, tùy lúc màu sắc hoặc xấu hoặc đẹp, hoặc hay hoặc dở… đều thấy hiện trong tháp Phật ấy.

Nếu có nghiệp lành thích tu, thích làm, hoặc là giữ giới, tu tám Thánh đạo, giữ giới một cách vững chắc không vi phạm, không rò rỉ, khéo điều phục tâm ý, nhờ sức mạnh của ba nghiệp và uy lực của nghiệp lành vị ấy chắc chắn được hưởng quả báo tốt đẹp.

Hoặc nhờ sức mạnh của quy y Tam bảo, hoặc nhờ oai lực của việc bố thí vô úy cho chúng sinh, hoặc bố thí pháp, hoặc làm các việc tương tự khác, làm các việc lành, tư duy thường xuyên về pháp trong sạch khiến tâm vắng lặng. Kế đó là tu khẩu nghiệp khiến tâm trong sạch, can ngăn, khích lệ cha mẹ tu thí, giới, trí. Do tự thân đã có sức của nghiệp thiện nên có thể khuyến khích cha mẹ, hoặc nhờ sức bố thí, hoặc bố thí cho người bệnh, người nghèo khổ, hoặc đem thức ăn, nước uống cho người bệnh, hoặc đem

thuốc và các vật cần dùng cho người bệnh không có thầy thuốc, hoặc nhờ không sát sinh, hoặc không trộm cắp, hoặc không tà dâm, không uống rượu, hoặc với tâm thiện đào giếng hay ao nước nơi đồng vắng xa xôi hiểm trở và bố thí các vật cần dùng, hoặc do nghiệp lực cúng dường Phật, Pháp, Tăng, hoặc do nghiệp lành chắp tay lễ bái, hoặc bố thí vô úy cho người ở đất nước bị nhiều kẻ quấy nhiễu, ở nơi nhiều người sợ hãi, người sợ đồng vắng nguy hiểm, hoặc người sợ đao, hoặc là nhờ nghiệp bố thí giường nằm, ngọa cụ, thuốc trị bệnh và đồ dùng cho các bậc Duyên giác, A-la-hán, hoặc là bảo vệ ban vui cho vợ con, hoặc vào năm đói kém bố thí đồ ăn thức uống cho người đói. Nghiệp này là tối thiện vào bậc nhất, có thể thành tựu như nguyện cho đến Niết-bàn, ba loại Bồ-đề, huống gì là sinh Thiên. Ở cõi trời thoái đọa, sinh lại cõi trời, thấy trở lại sự hoạt động của cõi trời. Vị ấy thấy như vậy ở vách tháp Phật. Trong cõi trời ấy có đủ loại lưới nghiệp, vô lượng nhân duyên, dây nghiệp trói lấy vô lượng chúng sinh. Dây ấy giăng khắp trong nẻo sinh tử, giữ lấy các loài.

Bấy giờ trên vách tháp Phật, Thiên chúng cõi trời Dạ-ma ấy thấy trời Tứ Thiên vương có vô lượng sự thoái thất chịu khổ não lớn như Đức Thế Tôn Ca-na-ca Mâu-ni đã hóa hiện.

Lại quan sát trời Tam thập tam. Nơi vách tháp Phật, ta đã thấy sự khổ của trời Tứ Thiên vương, kế đó lại nghĩ xem trời Tam thập tam có như vậy không? Trên vách trong sạch ở nơi khác của tháp Phật, chư Thiên ở cõi trời Dạ-ma thấy Đức Thế Tôn hóa hiện sự thật về sinh tử của thế gian. Họ bị xiềng xích nghiệp trói buộc nên hoặc khổ hoặc vui.

Kế đó, thấy trời Tam thập tam cũng như vậy, thọ vui theo nghiệp, sống theo nghiệp, hoặc là nghiệp lành, hoặc là nghiệp dữ. Vị Thiên ấy thọ vui, thọ khổ như nghiệp, hoặc đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, hoặc trời, hoặc người đủ loại sai khác, bị vô lượng dây nghiệp trói buộc. Lại nữa, khi Thiên chúng ở cõi trời Tam thập tam phải trôi lăn trong các nẻo sinh tử, họ bị gió nghiệp thổi, ở trong ba cõi không có chỗ nào thọ nghiệp mà không nhận quả báo, huống gì là cõi trời Tam thập tam.

Nơi vách tháp trong sạch ấy lại thấy năm đường do nghiệp tạo ra, bị nghiệp trói buộc. Về sau, lại vào bảy địa ngục lớn là: Địa ngục Dây đen, địa ngục Hợp, địa ngục Kêu gào, địa ngục Kêu gào lớn, địa ngục Nóng, địa ngục Rất nóng chỉ trừ địa ngục lớn nhất là A-tỳ. Vì sao? Vì ở cõi trời không tạo nghiệp để bị đọa vào địa ngục A-tỳ. Chư Thiên chỉ sinh vào trong bảy địa ngục lớn kia. Sau khi thoái đọa, chư Thiên ở trời Tam thập tam sinh vào địa ngục, hoặc là do sát sinh, hoặc do nghiệp khác.

Lúc chư Thiên đánh nhau với A-tu-la, liền bị mắc tội sát sinh. Cả hai cõi trời: Tứ Thiên vương và Tam thập tam đều mắc tội sát sinh, trộm cắp. Bốn cõi trời trên nữa thì không có như vậy. Trời Tứ Thiên vương và trời Tam thập tam đều tạo nghiệp như thế. Nghiệp của trời Tam thập tam vi tế, các trời khác không như vậy. Thiên chúng ở nơi vùng cây rậm rạp thấy nghiệp vi tế và sự thoái thất của trời Tam thập tam ở nơi vách tháp Phật.

Trong vườn Hoan hỷ của trời Tam thập tam có cây ba-lê-da chiếu ánh sáng khắp khu vườn, nơi điện đường nơi cây ấy, chư Thiên thọ hưởng đủ loại hoan lạc. Do nghiệp hết, bị lưới không biết đủ trói nên rơi vào địa ngục. Nỗi khổ mà trời Tam thập tam phải chịu khi đọa vào địa ngục lớn gấp mười lần nỗi khổ của trời Tứ Thiên vương. Vì sao? Vì cõi trời nào có cái vui lớn thì nỗi khổ về biệt ly cũng lớn hơn, nên hết sức khổ sở, lưu chuyển nối tiếp do nghiệp tăng lên rất mạnh mẽ. Như trong thân trời, tất cả các phần của thân đều mềm mại, do mắt chuyển động mềm mại nên mắt chịu khổ não cũng nhiều hơn.

Như vậy, ở nơi ấy lạc thú của trời Tam thập tam hơn hẳn lạc thú ở cõi trời Tứ Thiên vương, nên khi thoái thất, sự khổ não của trời Tam thập tam cũng lớn hơn. Tâm khổ não lớn, tâm khổ não nhiều, hai loại khổ - vui rất nhiều, không thể ví dụ. Trên trời rất vui, dưới địa ngục rất khổ, dây nghiệp trói buộc như rớt từ bờ hiểm, khiến họ thọ vô lượng loại khổ não rất lớn. Thiên chúng trời Dạ-ma đã thấy sự thoái đọa của trời Tam thập tam phóng dật ở nơi vách tháp Phật. Thấy rồi, Thiên chúng trời Dạ-ma ấy buồn rầu.

Lại nữa, nơi vách ở chỗ khác trong tháp Phật, trời Dạ-ma thấy sau khi thoái đọa, trời Tam thập tam đọa làm ngạ quỷ. Từ nơi rừng Hoan hỷ, rừng ánh sáng, nơi cung điện nguy nga, nơi vui chơi, họ thọ dục lạc cõi trời, ăn thức ăn thơm ngon của cõi trời, cung cấp đầy đủ cho thân thọ dục lạc trọn vẹn. Thọ hưởng cái vui thù thắng như vậy một thời gian dài rồi phải ăn phân và nước tiểu bất tịnh, khắp thân thể có các con trùng bất tịnh. Như vậy, họ quán thấy: Do sống phóng dật, chư Thiên cõi trời Tam thập tam bị đọa trong ngạ quỷ. Thấy vậy rồi, chư Thiên ở cõi trời Dạ-ma rất buồn rầu.

Lại nữa, nơi vách ở chỗ khác trong tháp Phật, trời Dạ-ma thấy trời Tam thập tam sinh làm súc sinh, sau khi bị thoái đọa, hoặc là ở trong biển lớn làm cá di-nê, làm con ốc, cá ma-già-la, cá thư-ma-la, sinh làm loài trùng dữ giết hại lẫn nhau, bị đói khát bức bách thân, chịu vô lượng khổ, hoặc ở trên không làm loài chim giết hại lẫn nhau, thường sợ hãi, tâm luôn sợ chết, chịu các khổ não, hoặc ở gần bờ nước làm các loại thú ăn thịt lẫn nhau, chịu

các khổ não.

Như đã nói, do nghiệp lành, trời Tứ Thiên vương sinh làm người. Lần lượt như vậy, do nghiệp thiện, trời Tam thập tam sinh làm người, đồng nghiệp với nhau, chịu các khổ não, bị sinh tử trói buộc. Lúc chư Thiên thoái đọa, sẽ chịu vô lượng loại khổ não của cõi trời. Nỗi khổ này còn không thể chịu nỗi, huống gì là nỗi khổ phải chịu khi ở trong thai người, nỗi khổ lúc sắp xuất thai ở thế gian, nỗi khổ lúc làm đứa bé sơ sinh, nỗi khổ lúc ra khỏi thai chưa thể đi được, lăn lóc trên đất, nỗi khổ lúc bò lổm ngổm, nỗi khổ vì thân thể không có sức lực, việc cần làm không làm được, ngu si la khóc không biết gì cả. Các loại khổ não đủ dạng như vậy, không thể nói hết. Tất cả Thiên chúng ở Sơn thọ cụ túc việc đó trên vách tháp Phật như thấy trong gương.

Các ngạ quỷ đói khát kia lệ thuộc vào người khác, không được tự tại, chịu lạnh, chịu nóng, bị gió thổi, bị mặt trời thiêu đốt, đi khắp nơi, ở đồng trống vắng. Các nỗi khổ như vậy có vô lượng loại, họ đều chịu đầy đủ, không thể nói hết. Thiên chúng ở Sơn thọ cụ túc đã thấy điều đó nơi vách tháp Phật. Thấy như vậy rồi, việc sinh tử ở thế gian có các loại khổ não gồm vô lượng loại đã được thấy trong vách ấy như bức họa thiện xảo.

Thấy điều hiếm có rồi, chư Thiên sinh tâm nhàm chán, suy nghĩ: "Chư Thiên hơn con người, con đường tốt nhất của loài người là cõi trời. Con đường tốt nhất của chư Thiên là cõi người. Lúc người sắp chết thì nguyện sinh Thiên. Lúc chư Thiên sắp thoái đọa thì nguyện sinh làm người. Con người thích cõi trời, chư Thiên thích cõi người. Sinh trong hai đường nhân, thiên này còn chịu khổ não như vậy, huống gì là sinh trong các đường ác khác, bị nghiệp chi phối.

Lại nữa, Thiên chúng ở Sơn thọ cụ túc thấy trên vách ở nơi khác trong tháp có trời Tam thập tam với Thiện pháp đường. Thoái đọa khỏi cõi trời ấy, sinh trong năm đường tùy theo nghiệp lực. Như đã nói ở trước, do nghiệp, vị trời thoái đọa ấy nếu thoái đọa khỏi cõi trời, sinh lại cõi trời cũng không hết khổ. Biết rằng sẽ bỏ mất thân trời cũ do ái biệt ly nên sinh ra sự sợ hãi. Sợ hãi về sự thoái thất ấy có rất nhiều cái khổ khác nhau, vị trời ấy đã thấy vô lượng khổ não. Kế đó, lại quan sát trên vách ở chỗ khác trong tháp Phật, thấy trời Đế Thích bị thoái đọa khỏi cõi trời đó phải xả bỏ tất cả các thứ như: vòng hoa báu, thiên y xinh đẹp có đủ loại ánh sáng, đồ trang sức có màu vàng rực, có ánh sáng thù thắng không thể ví dụ, sự đầy đủ các dục lạc thù thắng và sự đầy đủ năm dục. Do nghiệp của mình dẫn dắt nên đường ác mở cửa, bị phóng dật sai khiến, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc

sinh. Do nghiệp đã tạo ra, hoặc là nghiệp thiện, hoặc là nghiệp ác dẫn dắt nên thoái đọa như vậy. Trên vách báu trong tháp Phật cho thấy có ba mươi hai vị Đế Thích đã lần lượt bị thoái đọa trong quá khứ.

Đế Thích đầu tiên tên là Yêm-thư-ma, đã làm vua trời Tam thập tam, do hết phước sinh vào trong biển làm cá có thân lớn là Ma-già-la. Khi làm người, vị ấy làm nghề đánh cá, thường bắt nhiều cá và cũng thường lễ Phật. Do lễ Phật nên được sinh vào trời Tam thập tam làm Đế Thích. Do sát sinh nên làm cá ở trong biển. Do nghiệp còn sót lại nên sinh làm súc sinh.

Lại nữa, trên vách ở nơi khác của tháp Phật, Thiên chúng ở vùng đất có đầy đủ cây cối lại thấy Đế Thích thứ hai tên là Tam-phù-đề. Khi làm người, vị ấy đã từng làm việc thiện là: Cho người bệnh ăn, hoặc cho Tỳ-kheo ăn với tâm thanh tịnh. Do nhân duyên đó, vị ấy được sinh lên cõi trời Tam thập tam, làm vua Đế Thích. Về sau hết phước, do nghiệp ác còn lại, phải làm con rắn mối. Người ấy vào đời trước, do tâm tà kiến giết rắn mối trong ngày trai giới của ngoại đạo. Do nhân duyên đó, người ấy sinh trong địa ngục. Khi ra khỏi địa ngục, do nghiệp còn sót lại, người ấy làm rắn mối.

Trên vách ở nơi khác trong tháp Phật, Thiên chúng ở Sơn thọ cụ túc của trời Dạ-ma lại thấy Đế Thích thứ ba tên là Ba-la-ca-xa, đã thọ hưởng hết thú vui của cõi trời và sắp thoái đọa. Lúc làm người, vị ấy đã nuôi dưỡng cha mẹ, chăm sóc cha mẹ khi họ ốm đau. Do nhân duyên đó, vị ấy được sinh làm vua Đế Thích ở cõi trời Tam thập tam. Do nghiệp hết, từ cõi trời ấy thoái đọa, vị ấy sinh làm ngạ quỷ. Trong thời quá khứ, vị ấy sinh ở chỗ khác, vào lúc mất mùa đói kém, vị ấy tích trữ nhiều lúa và đem bán mắc cho người, lừa dối họ. Vị ấy mong cầu về sau sẽ mất mùa, đói kém hơn, do nhân duyên này, vị ấy sinh vào địa ngục Hắc thằng. Vì nghiệp còn sót lại, vị ấy sinh làm ngạ quỷ có cổ họng như lỗ kim.

Lại nữa, Thiên chúng ở Sơn thọ cụ túc, thấy trên vách ở nơi khác trong tháp Phật có vô lượng loại sinh tử khổ não nên sinh tâm chán ngán.

Thấy vô lượng loại như vậy rồi, họ lại thấy vị Đế Thích thứ tư tên là Tác Ái. Sau khi thoái đọa khỏi cõi trời, vị này sinh làm heo. Thấy rồi, họ quán xem nghiệp lành của vị ấy, do nhân duyên gì mà được làm Đế Thích? Vào đời trước, vị ấy đem thuốc cho những người Bà-la-môn tà kiến bệnh nặng sắp chết uống và bảo họ với tâm thương xót: "Xin hãy uống thuốc này!". Do nghiệp ấy, vị đó sinh vào đường lành, là cõi trời Tam thập tam và làm Đế Thích. Khi nghiệp lành hết, vị ấy đọa vào địa ngục. Khi ra khỏi địa ngục, do nghiệp còn sót lại, vị ấy sinh làm heo.

Thiên chúng lại quán nghiệp quả này do nhân duyên gì vị ấy lại sinh

làm heo?

Đời trước, vị ấy thường thích săn bắn, giết hại nhiều chúng sinh, hoặc giết nhiều nai, hoặc giết nhiều heo. Do nghiệp này, khi chết sinh vào địa ngục Hoạt. Khi hết nghiệp này, do nghiệp còn sót lại, thọ sinh làm heo.

Trên vách ở nơi khác trong tháp Phật, Thiên chúng ở Sơn thọ cụ túc ở cõi trời Dạ-ma lại thấy vị Đế Thích thứ năm tên là Thiện Ý. Do nghiệp gì vị ấy sinh làm vua Đế Thích? Đời trước, vị ấy cứu sống người sắp bị sư tử ăn thịt. Với tâm thương xót, vị ấy đem người kia về nhà nuôi dưỡng nhiều ngày. Do nhân duyên này, nên vị ấy sinh lên cõi trời Tam thập tam, làm vua Đế Thích tên là Thiện Ý. Sau khi thoái đọa, vị ấy sinh trong địa ngục Thiêu đốt. Vì sao vị ấy sinh trong địa ngục đó? Vì đời trước vị ấy nói láo nên bị đọa vào địa ngục này.

Khi Đế Thích Thiện Ý thoái đọa khỏi cõi trời rồi, lại có Đế Thích kế tiếp tên Kiều-thi-ca. Thiên chúng ở Sơn thọ cụ túc nơi cõi trời Dạ-ma thấy vị ấy trên vách ở nơi khác trong tháp Phật. Vị ấy có nghiệp gì mà được làm Đế Thích? Đời trước vị ấy là một Bà-la-môn giàu có, nhiều của cải. Vị ấy thiết lập trai hội ở nơi sang trọng, cúng dường đồ ăn, thức uống và tài vật cho những người đáng tôn trọng. Do nghiệp này, vị ấy được làm vua Đế Thích tên là Kiều-thi-ca. Mặt khác, do trước kia vị ấy đã tạo vô lượng phước đức nên làm Đế Thích là Kiều-thi-ca.

Lại nữa, trên vách ở nơi khác của tháp Phật, Thiên chúng ở vùng đất có đầy đủ cây cối thuộc trời Dạ-ma thấy chỗ của Đế Thích ở cõi trời ấy có oai lực thuyết pháp của Phật Thích-ca Mâu-ni, khiến Đế Thích ấy đóng cửa đường ác. Ở cõi trời thoái đọa rồi, vị ấy sinh ở trong loài người đến bảy lần như thế. Thấy hành vi đạo đức như vậy rồi, chư Thiên nơi cõi trời Dạ-ma sinh tâm thán phục.

Trên vách ở nơi khác của tháp Phật, ta thấy đường ác mà tất cả vua trời Đế Thích phải sinh vào, chỉ không thấy đường ác của Đế Thích Kiều-thi-ca. Vì sao?

Bấy giờ, tất cả Thiên chúng bạch với Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà:

–Đường ác của tất cả Đế Thích khác đều được thấy. Vì sao không thấy đường ác của Đế Thích Kiều-thi-ca? Vì sao thấy vị ấy chỉ lên xuống bảy lần chớ không phải tám lần?

Nghe hỏi xong, Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà nói:

–Các ông hãy chú ý, ta sẽ nói cho các ông nghe về con đường của Kiều-thi-ca. Vì ta muốn nói cho các ông nghe lý do này nên đã dẫn các ông vào tháp Phật. Vào tháp rồi, ta sẽ nói chánh pháp cho các ông nghe. Vì sao?

Vì tất cả các ông đều sống phóng dật. Do dục lạc cõi trời lừa dối, tâm bị ngu si mê muội, không nghe chánh pháp. Vì thế, để tạo lợi ích cho các ông, ta đã dẫn các ông vào trong tháp Phật, khiến các ông lìa bỏ kiêu mạn. Các ông sống phóng dật, làm đời này trôi qua một cách vô ích, về sau tâm sẽ hối tiếc. Do nhân duyên ấy, ta khuyên các ông hãy nghe chánh pháp. Vì sao ở đây thấy Kiều-thi-ca chỉ sinh ở hai đường: trời, người mà không sinh vào cõi ác và lại không sinh đến lần thứ tám? Trong tháp Phật ta không thấy Kiều-thi-ca sống phóng dật, làm việc phóng dật. Khi mạng sắp hết, nghiệp lành hết, tướng thoái đọa xuất hiện, có Thiện tri thức nói với vị ấy:

–Này Kiều-thi-ca! Tướng thoái đọa của ông đã hiện ra, muốn hủy hoại tâm thanh tịnh của ông. Ông hãy tự làm lợi ích cho mình.

Sau khi nghe nói như vậy, Kiều-thi-ca thưa:

–Xin hãy chỉ dạy cho con, khiến con nghe pháp để không bị thoái đọa khỏi nơi này.

Bấy giờ, tiên nhân Thiện tri thức nói với Kiều-thi-ca:

–Này Kiều-thi-ca! Hãy lắng nghe! Có phương tiện lành khiến ông không bị thoái đọa khỏi nơi này. Cõi Diêm-phù-đề có Phật xuất thế tên là Cam Giá, sinh trong dòng họ Dận, thấy biết hết thảy, thấy tất cả nghiệp quả, dạy cho mọi chúng sinh con đường chánh. Bậc Vô thượng pháp vương sẽ nói pháp cho ông, khiến ông không bị thoái đọa khỏi cõi này.

Sau khi nghe Thiện tri thức nói như vậy, để được nghe pháp, vị ấy vội vàng đến gặp Đức Thế Tôn ở cõi Diêm-phù-đề. Trong khoảnh khắc, Kiều-thi-ca đến gặp Đức Thế Tôn, được Thế Tôn thuyết cho nghe chánh pháp để an ủi, nghe rồi được lợi ích, được thấy thành Niết-bàn. Pháp mà Phật thuyết giảng đầu, giữa, cuối đều thiện. Nghĩa thiện, ngữ thiện, phạm hạnh đầy đủ, thanh tịnh và rõ ràng. Đó là pháp khổ, nguyên nhân dẫn đến khổ, sự diệt khổ và con đường diệt khổ. Đức Phật nói bốn Thánh đế: khổ, tập, diệt, đạo.

Nghe xong, Kiều-thi-ca hỏi Đức Thích-ca Mâu-ni:

–Thưa Đại tiên Cồ-đàm, nay con gặp chướng ngại là tướng thoái đọa đã hiện, không bao lâu nữa con sẽ thoái đọa khỏi nơi này.

Sau khi Kiều-thi-ca hỏi, Đức Phật đáp:

–Này Kiều-thi-ca! Đúng vậy! Tướng thoái đọa đã hiện như ý ông nghĩ. Sự chướng ngại của ông là do nghiệp lành đã hết, do ông sống phóng dật và bị tham ái chi phối thân tâm ông. Ông sắp sinh chỗ khác ở trong đồng vắng, sinh tử bao la không thể vượt được, không thể đến bờ kia. Tất cả phàm phu ngu si ở thế gian do không đủ sức nên phải chịu chướng ngại

như: sinh, lão, bệnh, tử, kêu khóc, buồn khổ, không thể đạt được những việc ưa thích, xa lìa người mình thương, phải gặp kẻ mình ghét, rắn độc, sư tử đủ loại đáng sợ đầy trong đồng vắng ấy, bị mặt trời đốt, ngu si tối tăm, dục nhiễm tràn đầy để làm chướng ngại kẻ phàm phu ngu si ở khắp các cõi. Họ bị vô lượng trăm ngàn rừng cây phân biệt làm chướng ngại, ngăn che, không có nước chánh pháp để uống, xa lìa Thiện tri thức, là người dạy cho đường chánh, có nhiều ngoại đạo tà kiến, với ý tà chỉ cho họ đường tà. Những người này ở đầy đồng trống không thể lìa bỏ. Nơi đời trước, đời sau, ở giữa và gần xa, cái khổ trong năm đường khiến mình không thể chịu được. Nỗi khổ tối tăm che khắp mặt đất. Này Kiều-thi-ca! Tuy tâm sinh sợ hãi nhưng không thoát được đồng trống sinh tử ấy. Từ trước đến nay, ông tham đắm dục lạc nên không giác ngộ. Nay do dục lạc đã hết, ông mới thức tỉnh. Giờ thoái đọa đã đến, dục lạc không cứu được. Giờ thoái đọa đã đến, ông phải sinh nơi khác.

Sau khi nghe Phật nói, Kiều-thi-ca bèn sửa lại y phục, cởi bỏ thiên quan ở trên đầu, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi qua một bên rồi bạch với Đức Thế Tôn:

–Có phương tiện nào khiến con không bị thoái đọa khỏi cõi này và trở lại sinh làm vua cõi trời Tam thập tam không?

Đức Phật bảo:

–Ta có phương tiện khiến cho ông không bị thoái đọa. Vì sao? Ta đã thấy là không có người nào khác có thể quyết định tạo nghiệp để sinh ở nơi này, ngồi ở chỗ ngồi của ông, làm vua cõi trời Tam thập tam. Ta thấy ông sẽ ngồi lâu dài ở chỗ ngồi này. Ta thấy có nhân duyên khiến ông không bị thoái đọa, đó là được nghe ta thuyết pháp.

Nghe Phật dạy xong, Kiều-thi-ca chắp tay trên trán, sinh tâm hoan hỷ bạch với Phật:

–Cúi xin Thế Tôn chỉ dạy cho con. Con sẽ chú ý lắng nghe.

Sau khi Kiều-thi-ca thưa như vậy, Đức Phật giảng dạy về vị ngọt của dục, tai họa của dục, sự xuất ly khỏi dục lạc và giảng rộng khế kinh thù thắng.

Nghe xong, Kiều-thi-ca liền đắc quả Tu-đà-hoàn. Đã đắc quả rồi, Kiều-thi-ca tuần tự vãng sinh, đời sống giảm dần, lấp các đường ác. Do đó trên vách tháp Phật, Thiên chúng trời Dạ-ma không thấy nơi tái sinh lần thứ tám của Kiều-thi-ca. Do vua Đế Thích ấy thành tựu Niết-bàn nên chỉ tái sinh bảy lần chớ không tái sinh đến tám lần. Do nhân duyên này, ta đã chỉ dạy rõ cho Thiên chúng các ông.

Bấy giờ, Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà nói kệ:

Dục không phải tài vật
Do nó không lợi ích
Giới tín là của quý
Dẫn đến quả Niết-bàn.
Dục chẳng phải tài vật
Vì khiến sinh các cõi
Nếu khiến thoát khỏi dục
Mới đúng là tài vật.
Ai không vượt nẻo ác
Hoặc ưa thích ồn ào
Người ấy do ngu si
Không của cho là của.
Vật được nói là vật
Dục chẳng phải là vật
Nếu như lìa bỏ dục
Sẽ được vật chân thật.
Nếu nói đường tịch tĩnh
Ấy là đường bậc nhất
Con đường thù thắng ấy
Người trí có thể đến.
Nếu ai không gần dục
Hoặc không bị ái lừa
Sẽ đi con đường lành
Không gần với lửa dục
Dục thường không thể đủ
Dục không phải tịch tĩnh
Hòa hợp với tham ái
Như lửa hừng gặp củi.
Trời, người hoặc là rồng
Không biết đủ liền mất
Bị lửa địa ngục thiêu
Mất chính là thoái thất.

Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà đem vô lượng pháp như vậy dạy cho Thiên chúng để ủng hộ, cứu giúp họ. Bấy giờ, Thiên chúng hết sức nhàm chán dục. Nhàm chán dục rồi, họ lại bạch với Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà:

–Thưa đại Thiên vương, chúng con đã quán thấy đời vị lai của họ, các đường họ phải sinh. Nay lại tự quán đời vị lai của con sẽ sinh đường

nào?

Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà đáp:

–Nên quán như vậy.

Nghe rồi, trên vách ở nơi khác trong tháp Phật, Thiên chúng quan sát thấy địa ngục mà trời Dạ-ma thoái đọa là Hoạt, Hắc thằng, Hợp, Hoán, Đại hoán, Nhiệt, Đại nhiệt… Thấy vô lượng loại đọa địa ngục ấy có đầu ở dưới đất. Những người bị đọa ấy có người buông hai cánh tay nhưng vị ấy chưa mất thân trời, dự kiến sẽ sinh ở địa ngục như vậy.

Trên vách cũng cho thấy: Thiên chúng ở cõi trời, khi nghiệp hết, Thiên chúng ở cõi trời bị đọa vào địa ngục ấy, thân thể chín nhừ, nằm trên đất sắt nóng, có vô lượng quạ và chim thứu đầy trên đất đó. Nơi ấy có vô lượng sự đáng sợ, cát nóng trải khắp mặt đất. Chúng sinh nơi địa ngục bị thiêu đốt rất dữ dội. Vị trời ấy bị đọa xuống địa ngục, đầu ở phía dưới. Sự thọ khổ như vậy là sự khổ duy nhất, là sự khổ vững chắc nhất gồm vô lượng loại. Vị ấy chịu các khổ não, bị quan cai ngục la mắng đủ thứ. La mắng rồi, lại tạo đủ loại khổ. Các vị trời ấy đều thấy thân mình chịu khổ như vậy.

Thấy như vậy rồi, trên vách ở nơi khác trong tháp Phật, Thiên chúng lại thấy trong quá khứ, Thiên vương Dạ-ma ở trong địa ngục chịu vô lượng loại khổ não nghiệt ngã, xấu xa, bị dục làm loạn tâm, do trước kia ưa cảnh giới đã từng bị hủy hoại nên tạo các nghiệp ác.

Họ tạo nghiệp thế nào và có tướng gì? Quan cai ngục đều nói cho họ nghe đủ hết. Xưa kia, do tham cảnh giới họ đã tạo nghiệp ác. Nay việc thọ hưởng này cũng như việc thọ hưởng của các Thiên vương Dạ-ma trong quá khứ. Tên của họ là Đại Nghiệp, là Cụ Túc Chúng Hiền, là Oai Đức, là Bất Hoại, là Ý Lạc, là Thiện Sắc, là Phổ Lạc. Các Thiên chủ Dạ-ma này đọa vào bảy địa ngục và thọ nhận quả báo theo nghiệp thiện hay bất thiện. Họ đã thọ hưởng cái vui cảnh giới lớn nhất, tâm chưa biết chán, bị tham ái hủy hoại nên thoái đọa như vậy.

Người có nghiệp nặng ấy xưa đã làm gì mà được sinh lên trời Dạ-ma? Họ làm trời Dạ-ma là do xưa kia làm người họ đã dùng tâm tin tưởng trong sạch cúng thức ăn cho bậc Duyên giác. Do duyên ấy, khi chết họ được sinh vào đường lành là cõi trời Dạ-ma, làm Dạ-ma vương. Ở cõi trời ấy, họ thọ vô lượng dục lạc của cảnh giới chưa biết chán biết đủ. Khi thoái đọa khỏi cõi trời ấy, do xưa kia đã trộm cắp nên họ đọa lại địa ngục Hắc thằng. Vào đời trước, họ đã từng làm thầy thuốc, không trị đúng bệnh cho bệnh nhân để lấy của cải của họ, do nghiệp ác này nên họ sinh vào địa ngục Hắc thằng.

Quán nghiệp trong quá khứ của Thiên vương Dạ-ma thứ nhất rồi, kế đó lại quan sát nghiệp thiện và ác của vị thứ nhì. Do nghiệp gì vị ấy sinh vào trời Dạ-ma, làm vua trời Dạ-ma?

Trên vách ở nơi khác của tháp Phật lại xem thấy vào đời quá khứ, với tâm thanh tịnh vị ấy đem tài vật của mình bố thí cho Tỳ-kheo bệnh để xông ướp tâm. Do nhân duyên này, khi chết vị ấy sinh trong đường lành là cõi trời Dạ-ma và làm vua trời. Sau đó, vị ấy lại lênh đênh trên sông cảnh giới. Do hết nghiệp lành, vị ấy thoái đọa vào đại địa ngục Kêu gào. Đời trước, khi làm người, họ làm chủ đất giàu có sống phóng dật, sinh tâm kiêu mạn. Có người đi đường rất khát, mồ hôi nhỏ giọt, người chủ đất thấy vậy liền đem rượu mía cho người kia uống. Do uống rượu, người ấy mất sự tự chủ, liền phạm giới, đánh mất sự tự lợi ích. Do nghiệp bất thiện là cho người kia uống rượu nên khi chết, vị ấy bị đọa trong địa ngục Kêu gào.

Quan sát việc gây nghiệp ác của Thiên vương Dạ-ma thứ hai rồi, chư Thiên ấy thấy tất cả pháp hữu vi sinh tử không khác gì lửa, họ nói với nhau:

–Đại Thiên vương đã chỉ cho chúng ta quả báo tương ưng với nghiệp thiện hay bất thiện. Nay lợi ích ta có được nhờ Thiên vương này không khác gì lợi ích mà ta có được nhờ cha mẹ.

Sau khi chư Thiên nói với nhau như vậy, trên vách báu ở nơi khác trong tháp Phật lại hiện ra hình ảnh mà Phật Ca-na-ca Mâu-ni dùng thần lực hóa ra. Đó là hình ảnh trời Thiên vương Dạ-ma tên là Oai Đức. Do duyên gì mà vị ấy sinh ở cõi trời Dạ-ma, làm Thiên vương? Vào đời trước, lúc làm người, vị ấy không làm hại người khác để được của cải. Chỗ nào tối tăm mà có thuyết pháp thì vị ấy đốt đèn để chiếu sáng cho Phật, Pháp, Tăng. Do nhân duyên đó, khi chết, vị ấy sinh vào cõi trời Dạ-ma, làm Thiên vương tên là Oai Đức, làm vua trong một thời gian lâu dài. Đã làm vua rồi, tùy theo tuổi thọ, khi chết, vị ấy lại sinh vào trời Tứ Thiên vương. Ở đó thoái đọa rồi, lại sinh vào cõi Uất-đan-việt. Sau khi thoái đọa khỏi cõi đó, vị ấy lại sinh vào cõi trời Tam thập tam. Khi thoái đọa khỏi cõi đó, vị ấy sinh vào cõi Diêm-phù-đề, được làm vua loài người, có oai đức lớn, có thần thông lớn. Sinh ở cõi ấy rồi, do sống phóng dật, bị dục lừa dối, do tâm lay động, họ tạo ba nghiệp ác là sát sinh, trộm cắp, tà dâm. Do tạo nghiệp ác như vậy, khi chết bị đọa vào địa ngục Thiêu đốt, nóng không thể tả, có vô lượng trăm ngàn nghiệp nhân của địa ngục khác nhau nên họ phải chịu các khổ não ở trong địa ngục, bị giặc tâm lừa dối như vậy.

Bấy giờ, Thiên chúng lại thấy ở trong cõi trời có vô lượng sự đầy đủ, lại thấy sự thoái thất hoặc vui, hoặc khổ. Thấy như vậy rồi, họ bèn nói kệ

cho nhau nghe:

Ác lại chồng thêm ác
Sức mạnh thật không lường
Tâm si tạo nghiệp này
Sẽ đọa vào địa ngục.
Nghiệp do tâm sinh ra
Là duyên sinh các cõi
Ai bị si phá hoại
Đều trôi lăn chịu khổ.
Đủ loại khổ rất lớn
Phiền não không chịu được
Nghiệp trói tại thế gian
Mà không sinh chán mệt.
Trời đọa, sinh làm người
Người chết vào địa ngục
Kế đó sinh súc sinh
Thoát súc sinh, sinh quỷ.
Ở trong bánh xe nghiệp
Gió nghiệp thổi thế gian
Trôi lăn trong thế gian
Do si không hay biết.

Thiên chúng ở vùng đất có đầy đủ cây cối ấy nói cho nhau nghe về sự hóa hiện như thật của Phật Ca-na-ca Mâu-ni, về vô lượng loại nghiệp được thấy rõ trên vách tháp Phật. Quán nghiệp ấy rồi, kế đó họ lại quan sát nghiệp thiện hay bất thiện gồm vô lượng loại.

Ở trên vách nơi khác trong tháp Phật, lại thấy Thiên vương Dạ-ma Thiện Sắc. Do nghiệp gì vị ấy sinh ở cõi trời Dạ-ma làm Thiên vương? Lúc làm người, vị ấy sinh trong dòng họ Bà-la-môn, giữ vững chánh kiến, không làm não hại người, khéo giữ gìn giới luật. Vị ấy đem nhiều đồ ăn, thức uống thơm ngon, tinh khiết cho người đang bị nhốt trong ngục chịu nhiều khổ não, người không có ai để nương tựa, hoặc người đói khát vào lúc mất mùa. Hoặc là ngày trai, hoặc chẳng phải ngày trai, vị ấy đều dùng tâm thanh tịnh để thọ giới, trì giới. Vị ấy cứu người bị trói buộc, khiến được giải thoát. Hoặc là dùng vật để mua chuộc khiến họ được giải thoát. Do những nhân duyên ấy, khi chết vị ấy sinh vào đường lành là trời Dạ-ma, làm Dạ-ma vương tên là Thiện Sắc. Suốt một thời gian dài, vị ấy làm Thiên vương có đủ oai đức lớn, có thần thông lớn.

Làm vua ở cõi ấy rồi, khi thoái đọa, vị ấy lại sinh vào cõi trời Tam thập tam, thọ hưởng vô lượng diệu lạc lớn. Đến lúc nghiệp hết, thoái đọa khỏi cõi trời Tam thập tam, sinh làm A-tu-la, thân thể rất lớn, có thần thông lớn. Khi hết nghiệp A-tu-la, vị ấy sinh trong nhân gian làm trưởng giả, có oai đức lớn. Khi hết nghiệp làm người, vị ấy sinh vào xứ Cù-đà-ni. Khi hết nghiệp ở cõi đó, vị ấy lại sinh ở biên địa của loài người. Do tâm khinh động, vị ấy trở lại sát sinh, săn bắn các thú vật, giết hại nhiều loài bằng dao hay cung tên. Do nghiệp này, khi chết vị ấy sinh trong địa ngục, bị lửa dữ ở địa ngục thiêu đốt. Do tạo nghiệp ác, vị ấy chịu vô lượng loại khổ não khắt khe.

Thiên chúng ở vùng đất có đầy đủ cây cối quan sát nghiệp báo như vậy rồi, lại thấy vô lượng loại nghiệp thiện, ác khác nhau. Thấy như vậy rồi, lại đến chỗ khác của tháp Phật để xem hình ảnh do Phật Ca-na-ca Mâu-ni hóa hiện ở trên vách. Đến đó rồi, họ lại thấy việc kỳ lạ khác ở trên vách tháp: Đời trước đã từng có Thiên vương Dạ-ma tên là Phổ Lạc. Do nghiệp gì vị ấy sinh vào cõi trời này làm Dạ-ma vương?

Họ thấy: Vào đời trước, lúc làm người, vị ấy có ý thiện, thường lễ lạy sư trưởng, tâm sinh kính trọng. Lúc gặp, liền đứng dậy xá chào, cúng dường. Hoặc do nghiệp khác là quét đất nơi tháp Phật. Quét xong, lại sửa, trám những chỗ lở, rải hoa, đốt hương. Trong tất cả các thời thường cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn theo khả năng của mình, thường cấp phát cúng dường cho người bệnh, hoặc bậc A-na-hàm với tâm tịnh tín. Do nghiệp lành của việc cúng dường như vậy, khi chết vị ấy sinh vào đường lành là cõi trời Dạ-ma, làm Thiên vương tên là Phổ Lạc, thân thể đều vui. Ánh sáng thân ấy có đủ loại sắc khiến người khác thấy sinh tâm vui. Ánh sáng ấy an ổn, trong mát, chiếu khắp năm trăm do-tuần. Ánh sáng này thù thắng hơn sắc đẹp của tất cả vật báu. Vẻ đẹp trang nghiêm vi diệu của nó cũng hơn tất cả, không thể ví dụ.

Như ở cõi Diêm-phù-đề, ánh sáng mặt trăng là trang nghiêm, vi diệu nhất, cũng vậy, trong tất cả Thiên chúng ở trời Dạ-ma, Thiên vương Phổ Lạc có ánh sáng thù thắng nhất, có công đức nơi năm dục trong một thời gian lâu dài. Hưởng hết dục lạc rồi, thoái đọa khỏi cõi ấy, do oai lực của nghiệp còn sót lại, vị ấy sinh làm vua loài người ở cõi Diêm-phù-đề. Vị ấy làm vua một cách tự tại ở một vùng năm trăm do-tuần. Sinh nơi ấy rồi, do tâm khinh động, vị ấy săn bắn các thú vật. Do nghiệp ấy, khi thân hoại mạng chung, vị ấy bị đọa vào địa ngục Hoạt. Khi ra khỏi nơi đó, do lực của nghiệp còn sót lại, vị ấy sinh trong loài chim.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 48

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 27)

DẠ-MA THIÊN (Phần 13)

Các vị trời ấy đã thấy quả báo của nghiệp như vậy rồi, lại quan sát chỗ khác trên tháp Phật để tìm pháp hi hữu. Trên vách ấy lại cho thấy Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà sống thuận theo chánh pháp. Vị ấy không thường thân cận với dục lạc, thích thực hành chánh pháp và làm các việc lợi ích cho chúng sinh, biết rõ tất cả các nghiệp thiện, ác.

Đã thấy nghiệp rồi, vị ấy không sống phóng dật, tuy là Thiên vương nhưng không sống phóng dật.

Các vị trời quan sát nghiệp, quả báo của Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà rồi, mới nghĩ: "Đại Thiên vương này vốn do nghiệp gì được sinh ở cõi trời làm vua trời? Họ thấy vào đời trước, khi làm người, vị ấy tu tập pháp lành. Vào thời Đức Phật Nhiên Đăng, vị ấy được nghe pháp Phật. Nghe pháp rồi, vị ấy thâu giữ thọ trì, tư duy, tu hành theo pháp được nghe. An trụ như vậy, nghe như vậy rồi, cho đến trong một niệm, vẫn chưa bị tán loạn bao giờ, vị ấy xuất gia với lòng tin chân chánh, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y. Đã xuất gia rồi, ngay cả một điều ác nhỏ như hạt bụi vị ấy cũng rất ghê sợ và tu tập phạm hạnh. Do nhân duyên đó, khi chết, vị ấy sinh vào đường lành là cõi trời, làm Thiên vương ở cõi trời Tha hóa tự tại, có tên là Bất Hoại. Khi thoái đọa khỏi cõi trời đó, vị ấy sinh trong loài người làm Chuyển luân vương, làm vua bốn phương. Khi nghiệp này hết, vị ấy chết và sinh ở cõi trời Tứ Thiên vương. Ở cõi này thoái đọa, vị ấy sinh trong nhân gian và lại được làm vua cai quản một vùng đất rộng một ngàn do-tuần. Sau khi chết, vị ấy sinh làm vua ở cõi Phất-bà-đề, có thân thể rất thù thắng. Sau đó vị ấy lại sinh làm A-tu-la có thần thông bậc nhất và có thế lực lớn. Khi chết, vị ấy lại sinh làm trưởng giả rất giàu, thường tu pháp bố thí lớn nhất. Vị ấy trì giới nghiêm túc và có đủ trí tuệ. Sinh ở chỗ nào vị ấy cũng có đủ ba việc bố thí, trì giới và trí tuệ.

Khi hết nghiệp ở nơi ấy, do tu thí, giới, trí không ngừng nghỉ nên khi

chết vị ấy sinh vào đường lành là cõi trời và làm vua cõi trời Dạ-ma có tên là Mâu-tu-lâu-đà. Do các pháp như vậy lần lượt nối tiếp nhau không dứt, do tâm thiện và khéo điều phục, do không sống phóng dật, nên các cảnh giới dục không hủy hoại được tâm vị ấy. Vị ấy làm lợi mình, lợi người và tạo vô lượng nghiệp lành. Do sống tùy thuận vị ấy có nhiều Thiên chúng và không bị lệ thuộc vào dục lạc. Bấy giờ, Thiên chúng Dạ-ma mới nói kệ:

Sống thuận theo pháp lành
Sẽ thường gặp việc lành
Vô lượng ngàn ức kiếp
Không bị mất nghiệp thiện.
Trì giới ngày càng vững
Chuyên đào luyện trí tuệ
Mọi thời đều bố thí
Thường không dứt hệ niệm.
Tu hành thí, giới, trí
Trừ bỏ ba lỗi lầm
Do lìa bỏ lỗi ấy
Siêng tu tập công đức.
Tuy đầy đủ thiên dục
Cảnh giới vui không mất
Do không sống phóng dật
Nên không đọa địa ngục.
Thường không từ bỏ pháp
Sống thuận với chánh pháp
Ai không sống theo pháp
Là kẻ rất ngu si.
Người gần với giới pháp
Siêng năng tu tập trí
Sẽ diệt khổ các cõi
Như ánh nắng trừ tối.
Ai hay tăng trưởng pháp
Được trời, người lễ lạy
Sống ở chỗ đặc biệt
Cho đến nhập Niết-bàn.
Ai biết pháp như vậy
Tư duy đúng pháp tướng
Thì sẽ thoát các cõi
Và đến thẳng bờ kia.

Trí, nhẫn thường ái ngữ
Thương tất cả chúng sinh
Bố thí đủ loại vật
Đường này đến Niết-bàn.
Kẻ ác thì gần ác
Hoặc là gần biếng trễ
Tâm thô ác pháp tăng
Đi con đường địa ngục.
Gặp ai cũng đều vui
Gặp ai cũng đều giận
Nơi nơi đều tham đắm
Như vậy gọi là si.
Bị pháp ác mê hoặc
Lìa bỏ các pháp thiện
Do si vào địa ngục
Chịu các pháp khổ não.
Cầu thiện sống theo pháp
Thường xả bỏ dục lạc
Sống trong sạch giữa trời
Xứ Mâu-tu-lâu-đà.

Thiên chúng ở vùng đất có đầy đủ cây cối nơi cõi trời Dạ-ma nói với nhau về sự ưa thích cảnh giới mà sinh lo sợ, tất cả sự buồn khổ đều hiện cho thấy rồi lại cùng với Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà đến nơi khác của tháp Phật nhìn lên vách tháp xem Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà cùng Thiên chúng khi thoái đọa khỏi cõi này sẽ sinh cõi nào và ở đường nào.

Bấy giờ, ở trên vách tháp, tất cả Thiên chúng đều thấy bản thân mình và Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà sau khi thoái đọa khỏi cõi trời thì sinh ở Diêm-phù-đề, tất cả đều ở vào lúc Đức Phật Di-lặc ra đời. Họ có đầy đủ các căn và đều sinh trong dòng họ lớn, làm bạn với nhau, sống chung trong một nước, yêu thích lẫn nhau, ở trong dòng họ lớn, đều rất giàu có, sinh trong dòng họ tôn quý. Trên vách tháp họ đều thấy tự thân Mâu-tu-lâu-đà ở cõi nước ấy sinh trong hàng vua chúa thuộc dòng họ lớn, giàu có, có uy lực lớn, được mọi người cúng dường, trăm ngàn ức bảo vật đầy nhà, sinh làm con trưởng trong dòng dõi vua chúa, có tên là Thiện Giới.

Bấy giờ, ở nơi ấy, Đức Phật Di-lặc thuyết pháp tịch tĩnh, hướng đến thành Niết-bàn. Đức Phật nói bốn Thánh đế đầy đủ công đức đầu, giữa, cuối đều thiện, nghĩa thiện, ngữ thiện, các pháp đầy đủ, trong sạch, rõ ràng.

Pháp đó chỉ ra: Đây là sắc, đây là nguyên nhân phát sinh ra sắc, đây là sự diệt mất của sắc, đây là con đường dẫn tới sự hoại diệt của sắc.

Theo thứ lớp như vậy, Đức Phật lược nói về tổng tướng của thọ, tưởng, hành, thức, tất cả chúng sinh an ổn, xa lìa uế trược, hướng đến thành Niết-bàn không có chướng ngại và thuyết pháp như vậy cho các thế gian.

Khi ấy, vương tử Thiện Giới con đầu của nhà vua truyền cho mọi người nghe tin Phật Di-lặc sắp thuyết pháp. Nghe rồi, như đã nói ở trước, các đồng bạn do nghiệp nhân tu tập nghiệp thiện ở đời trước mới so lường suy xét, tất cả đều đến chỗ vương tử Thiện Giới. Cả thảy là hai vạn người đều gặp vương tử Thiện Giới và nói như ở trước.

Khi ấy, nghe họ nói xong, do nghiệp thiện cũ, Thiện Giới sinh tâm hoan hỷ, sinh tâm kính trọng, sắc mặt thanh tịnh. Tất cả đều hòa hợp cùng nhau đứng dậy đến gặp Đức Phật Di-lặc.

Những người này vây quanh Thiện Giới cũng như trời Tam thập tam thứ hai vây quanh Đế Thích. Trên đường đi, từ xa họ đã thấy Phật Di-lặc có ba mươi hai tướng đại trượng phu. Đức Phật rộng nói pháp vi diệu, để làm lợi ích cho tất cả hàng trời, người ở thế gian cùng với các Sa-môn, Bà-la-môn. Đức Phật nói pháp nhập Niết-bàn đầu, giữa, cuối đều thiện. Pháp ấy trong sạch giống như ao nước có thể dứt hết các khổ, có thể dứt trừ tất cả dây trói sinh tử để tuần tự tiến đến Niết-bàn và đã thuyết pháp như vậy. Bấy giờ chúng hội rộng lớn hơn biển và Đức Phật Di-lặc đang thuyết pháp trong ấy.

Khi đó, từ đằng xa, thấy Thiện Giới có nhiều người vây quanh, Đức Phật bảo đại chúng: "Đây là Thiên chủ Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà cùng với Thiên chúng Dạ-ma. Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà này tu tập phạm hạnh, trước đây đã gieo nhiều hạt giống pháp lành, nay căn lành đã chín, Thiên chủ Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà đã nới lỏng dây trói buộc, phần lớn các nghiệp bất thiện đều bị tiêu diệt, xả bỏ dục lạc, nay đã đến lúc dứt sạch các khổ.

Nghe Như Lai nói như vậy, họ sinh tâm hoan hỷ, sinh tâm kính trọng, xa lìa tất cả sinh tử. Dung quang của Như Lai rất là hiếm có không thể ví dụ. Mâu-tu-lâu-đà được thấy Đức Phật đáng kính rồi, bèn đảnh lễ dưới chân rồi đứng qua một bên, bạch với Thế Tôn: "Con đã mệt mỏi, chán nản việc trôi lăn trong thế gian sinh tử".

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thuyết pháp tùy theo căn cơ, có mười ngàn người thường gần vua, thường đi chung với vua, là bạn đồng hành trước đây được sạch hết lậu, hoặc, Thiên chủ Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà lần lượt thấy tất cả đời vị lai như Đức Thế Tôn Ca-na-ca Mâu-ni đã hóa hiện trên vách.

Các việc hiếm có mà bậc Nhất thiết trí hóa ra gồm có vô lượng loại, các cảnh giới khác cõi trời, cõi ma và các Sa-môn, Bà-la-môn không thể thấy được ngoại trừ người gần gũi bậc Chân chánh, sống gần Như Lai, gần Thiện tri thức, trong việc ra khỏi sinh tử đó là điều tốt nhất.

Bấy giờ, tất cả Thiên chúng đều sinh tâm vui vẻ, sinh tâm kính trọng đối với Phật, Pháp, Tăng. Lúc này Thiên vương ấy cùng với Thiên chúng đảnh lễ Phật rồi ra khỏi tháp Phật.

Kinh thứ năm trong sáu kinh mà Đức Thế Tôn Ca-na-ca Mâu-ni hóa hiện ra đã nói xong.

Bấy giờ, Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà sinh tâm hoan hỷ, thấy tai họa của sự dục lạc liền sinh lo sợ. Thiên chủ cùng Thiên chúng quan sát lại vùng đất có đầy đủ cây cối. Thiên chúng ra đi một cách hoan hỷ. Nơi ấy có đủ hạng Thiên chúng, có nhiều khu vườn, ao sen đầy khắp, có vô lượng loại hoa sen nơi các ao, có đủ loại chim với âm thanh đáng ưa, người nghe âm thanh ấy liền thọ an lạc. Vùng đất có đầy đủ cây cối, có vô lượng trăm ngàn Thiên nữ, ca múa vui cười, nô đùa đủ cách, họ có đầy đủ vô lượng công đức, có cây bảy báu vi diệu trang sức khắp vùng đất ấy. Quả báo của tự nghiệp có các bậc thượng, trung, hạ. Tự nghiệp của Thiên chúng là ưa thích dục lạc. Ở khắp vùng đất ấy, họ là đồng bạn của nhau, không làm trở ngại nhau, tin tưởng lẫn nhau, có nhiều Thiên tử và Thiên nữ yêu mến nhớ nghĩ lẫn nhau, có nhiều con sông bên trong có nước uống mùi vị rất ngon, lại có đủ loại cung điện bằng châu báu vi diệu, có đủ màu đáng yêu và đầy đủ công đức nơi năm dục. Chúng được trang sức bằng các ánh sáng báu. Các bảo điện ấy tranh nhau phát ra ánh sáng thù thắng, như lửa luyện vàng, san hô, xa cừ. Có nhiều ngọn núi và châu báu xanh trang điểm vùng đất ấy.

Vùng đất có đầy đủ cây cối được tô điểm đáng yêu như vậy.

Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà đã quan sát rồi bảo Thiên chúng: Thiên chúng các ông đã xem Thiên chúng ấy sống vui vẻ như vậy, đi chơi vui vẻ từ núi này đến núi khác, từ một ngọn núi đến một ngọn núi, ca múa vui đùa bằng năm loại âm nhạc. Các ông đều thấy Thiên chúng ấy rồi phải không?

Thiên chúng đã thấy đủ thứ ở tháp Phật, trả lời Thiên vương: "Chúng con đã thấy".

Bấy giờ Thiên vương Dạ-ma bảo Thiên chúng:

–Như Lai đã giảng nói theo căn cơ. Điều suy não trên cõi trời là: Chư Thiên sống phóng dật, khi mạng sắp dứt, nghiệp lành sắp hết, giờ thoái đọa sắp đến, quả báo của việc giữ giới sắp tan rã, hành nghiệp như huyễn hóa

nhưng họ ngu si không biết, chư Thiên sống phóng dật không hay, không biết, bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Vô lượng loại khổ suy não này và việc lưu chuyển trong sinh tử đều do nghiệp cũ. Vì sao? Đó là do trong cuộc sống, niệm niệm dời đổi không dừng lại và do nhiều nghiệp lực không thể lìa được.

Tất cả ba tướng hữu vi này do ba lỗi sinh, trụ, diệt nên có vô lượng các việc suy não. Nó không có một chút mùi vị vậy mà Thiên chúng không hay, không biết, tự cho là thú vui lớn. Niệm niệm gần kề với cái chết, giờ chết sắp đến, đã vào cửa chết mà họ không hay không biết. Như tất cả các pháp hữu vi này, niệm niệm không dừng, tất cả vật có mạng sống đều bị vô thường hủy hoại, biến đổi mau chóng trong vài năm.

Lúc thoái đọa, vị trời ấy mới hay biết khổ não, có vô lượng loại ân ái xa lìa.

Khi đó, đã thấy Thiên vương, Thiên chúng sinh tâm vui mừng, vội vàng trang điểm thân mình, Thiên y rủ xuống, họ dùng mũ báu, anh lạc, vòng hoa đẹp đẽ của chư Thiên để trang điểm nơi thân. Trong ánh sáng của tự thân có nhiều Thiên nữ trang sức đủ cách, bao gồm trăm ngàn người vây quanh Thiên tử. Họ vui chơi, ca múa, đủ loại âm nhạc và thọ hưởng niềm vui lớn nhất do nghiệp của mình. Sự trang sức rất đầy đủ như vậy gồm trăm ngàn loại màu sắc hướng đến Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà.

Thấy như vậy rồi, Thiên vương theo đó mà xem xét, liền đến gần hơn để xem họ vui chơi, thọ hưởng các dục lạc. Khi ấy, Thiên vương tùy thuận với tâm của họ nên tạm thời gia nhập, vui chơi hưởng dục lạc. Thiên vương đùa vui với Thiên chúng trong chốc lát. Các vị trời ấy động tâm, ưa thích dục lạc. Vui chơi rồi, họ đến ngọn núi khác có đủ loại san hô, các cây bằng vàng bạc, vô lượng loại màu sắc vi diệu, trang sức, gồm có vô lượng loại tiếng hót của các loài chim, có vô lượng loại ánh sáng chiếu rực rỡ, có vô lượng loại ý niệm phân biệt khác nhau, có vô lượng loại châu báu kỳ diệu tô điểm ngọn núi này. Thiên chúng đi đến ngọn núi như vậy. Đến ngọn núi rồi, tâm thích thọ vui, Dạ-ma chủ ấy cùng với chư Thiên đã từng thấy tháp Phật. Họ cùng đi với nhau, cùng đến vô lượng cảnh giới vui vẻ.

Bấy giờ, Thiên chủ Dạ-ma bảo Thiên chúng: Ta cùng các ông theo nhau mà đi, làm lợi ích cho chính mình, nếu xả bỏ cảnh giới mới được lợi ích, không xả bỏ cảnh giới thì không có lợi ích. Chúng ta quyết định tùy thuận hành theo Phật pháp cho đến rốt ráo, cho đến Niết-bàn.

Nói với Thiên chúng như vậy rồi, Thiên chủ Dạ-ma cùng Thiên chúng đi đến vùng đất có đầy đủ cây cối với tâm vắng lặng.

Đến nơi, họ ở trong một chỗ có đủ loại dòng nước, có ao sen vi diệu, có rừng hoa sen, có nhiều loại chim làm đẹp ao ấy, lại có đủ loại ong bằng châu báu trang sức nơi ấy, khắp nơi đều sáng rực.

Vùng đất đáng yêu ấy có tháp của vị Phật thứ sáu hiệu là Ca-diếp. Thấy cảnh ấy rồi, Thiên chủ sinh tâm thán phục. Trong số ánh sáng của tất cả châu báu, ánh sáng của tháp Phật là hơn hết, nó vọt lên tận hư không, có đủ loại châu báu kỳ diệu trang sức. Ánh sáng của châu báu ấy hơn cả ánh sáng của trăm ngàn mặt trời. Ánh sáng ấy trong lặng khiến tháp Phật được thấy ở một nơi rộng rãi.

Khi ấy, thấy như vậy rồi, Thiên chúng bạch với Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà:

–Đây là ánh sáng của những thứ châu báu kỳ diệu gì mà giống như đã thấy lúc trước.

Sau khi nghe hỏi, Thiên chủ Dạ-ma bảo:

–Thiên chúng hãy lắng nghe, cái mà các ông đang thấy là ánh sáng thù thắng, vi diệu của đủ loại châu báu như đã thấy lúc trước. Đó là tháp của Phật Ca-diếp, bậc Thiên Trung Thiên, Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, là bậc Đại tiên thứ sáu. Tháp Phật này tạo lợi ích cho chư Thiên đã từng tu phạm hạnh, đã từng tu tâm tịnh. Trên vách báu trong tháp Phật này hóa hiện rõ ràng các hình ảnh để làm lợi ích cho chư Thiên, như các Đức Phật khác đã làm. Ta và chư Thiên các ông hãy sinh tâm kính trọng đối với chánh pháp của Phật để tự làm lợi ích.

Nói như vậy rồi, Thiên chủ Dạ-ma cùng Thiên chúng đi đến tháp Phật. Đến nơi, họ thấy đầy đủ các loại ánh sáng báu, vi diệu như đã nói ở trước.

Bấy giờ, Thiên chủ Dạ-ma cùng với Thiên chúng tiến vào tháp Phật liền thấy tượng Phật Ca-diếp. Tượng này làm bằng vàng Diêm-phù-na-đà, có y phục bằng châu báu vi diệu và ánh sáng trùm khắp. Tượng Phật ngồi trên tòa Sư tử, làm bằng châu báu tỳ-lưu-ly, trông giống như đang thuyết pháp không khác. Tượng ấy có hình sắc đẹp không thể ví dụ. Thân sắc của chư Thiên so với thân sắc ấy cũng giống như lửa đom đóm so với ánh sáng mặt trời. Hình sắc, oai đức của Phật thù thắng vi diệu như vậy.

Thấy tượng Phật rồi, Thiên vương và Thiên chúng tâm rất vui mừng, kính trọng và tin tưởng sâu xa, kính cẩn đảnh lễ, cởi bỏ thiên quan, chuỗi anh lạc và các đồ trang sức. Họ xa lìa các sự kiêu mạn về sắc, chấm dứt sự

ưa thích về sắc, lìa bỏ sự ngạo mạn về ánh sáng, tất cả kiêu mạn đều được xả bỏ. Tâm họ xa lìa sự cấu uế của dục, cung kính đảnh lễ sát chân Phật, dần dần lìa bỏ ngạo mạn, rồi trở lại đảnh lễ Phật. Lễ xong, tất cả Thiên chúng đều nhất tâm bất động.

Do nghiệp nhân, trên vách báu trong tháp Phật ở một góc nơi điện Phật, họ thấy có văn tự. Đó là kinh do thần lực của Phật hóa hiện ra để làm lợi ích cho hàng trời, người. Tất cả thế gian đều được lợi ích. Từng chữ, từng câu đều có nghĩa thiện, vị thiện, dạy cho chúng sinh con đường tuần tự tiến đến Niết-bàn. Đó chính là bậc đại Hòa thượng của tất cả người xuất gia.

Theo môn học về luật và kinh, Tỳ-kheo bị mười ba pháp làm ngăn ngại, khiến không thể tọa thiền, đọc tụng kinh luật, ngăn trở việc tự làm lợi ích và không thể đạt đến Niết-bàn.

Nên các Tỳ-kheo không xả bỏ mười ba pháp như vậy thì không thể thoát được bệnh, già, chết, kêu gào, than khóc, buồn khổ rầu rĩ, là kẻ thấp kém chẳng phải là người xuất gia chân thật, thân, khẩu, ý thường hành động không chân chánh, không siêng năng tinh tấn. Tỳ-kheo như vậy nếu thọ nhận tọa cụ, thuốc men, đồ dùng của người khác trong một ngày cũng không thể tiêu. Vật như vậy làm ngăn ngại mình.

Ngăn ngại có nghĩa là khiến thân gầy ốm, biếng nhác, lo sợ không hiểu biết điều gì. Người như vậy thì không thể vượt được sông lớn rất sâu và chảy xiết. Người này có thân thể gầy ốm, không thể làm việc, tâm không được điều phục, thường hay lười biếng. Người này không biết ngồi thiền, đọc tụng kinh luật, sợ sệt, không có trí tuệ, bị sự vô minh của chính mình che lấp, cho nên không thể vượt được năm sông ái dục. Do bám theo cảnh giới nên họ không thể vượt và bị cảnh giới làm trôi dạt trong sông ái. Bị trôi dạt trong sông ái rồi, họ trôi vào biển sinh tử, trôi lăn liên tục không có lúc dừng.

Mười ba pháp đó là gì? Đó là thích nói nhiều, diễn thuyết, trị bệnh, làm họa sĩ, nghe việc tà ác, ca ngâm tán tụng, xem xét tinh tú, coi tướng lành dữ, chỉ tham ăn uống và mong cầu các vật báu, gần gũi vua quan mong họ mời đến, không thưa hỏi người khác để mong được nhiều hiểu biết, ở cùng chỗ với điều ác…

Sa-môn nào vướng vào mười ba pháp này thì sẽ bị trở ngại trong việc tọa thiền, đọc tụng. Do sự trở ngại ấy, họ bị mất lợi ích hoặc chỉ còn lợi ích rất ít. Do bị mất lợi ích, họ sinh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Người xuất gia hư dối như vậy chẳng phải là xuất gia, cũng chẳng

phải tại gia. Họ xả bỏ pháp lành và bị những người có phạm hạnh khinh rẻ. Họ chỉ có hư danh, giống như tiếng ốc, không nghe không biết về hạnh Niết-bàn, có nhớ nghĩ điều gì đều không được theo ý, các vị Thiên hộ thân bỏ họ mà đi.

Sự ngăn ngại đầu tiên làm trở ngại việc tọa thiền vì khiến tâm rất loạn động. Việc thích nói nhiều, diễn thuyết ban đầu thì dễ ưa về sau thì hối tiếc, khó chịu. Tất cả người xuất gia nên xả bỏ pháp nói nhiều này. Người thích nói nhiều, do nói nhiều nên tâm không được điều phục, không thể làm việc chân chánh, không thể trì giới, tâm thường loạn động. Do tâm loạn động nên có nhiều nghi ngờ. Người này thích gần kẻ ác. Kẻ ác ấy là tâm loạn động. Người này thường thích xem tài tử ca múa, từ nơi này đến nơi khác, từ xứ này đến xứ khác, đi chơi không nghỉ. Hoặc thành hoặc thôn, hoặc các xóm làng người này thường đi không nghỉ để xem các trò chơi của họ. Vào các ngày lễ hội vui chơi, người này thường đi dòm ngó khắp nơi, thường đến xem các nơi nhộn nhịp. Gần người như vậy để kết làm bè bạn theo sở thích của mình thì ý thường loạn động, thường thích nói năng không ngừng nghỉ cả ngày lẫn đêm. Ý người ấy rối loạn không nghe không biết. Người ấy thường bị các bạn đồng phạm hạnh khinh rẻ. Khi biết người khác khinh rẻ, người ấy nổi giận đối với những người trì giới. Do nghiệp này, khi chết, người ấy bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Lại nữa, người thích nói nhiều ấy lại có lỗi lớn. Tỳ-kheo ác ấy chưa từng nghe pháp nhiều, phá hủy giới cấm, thích nói nhiều, tự cao, khinh động, tuy gặp Phật rồi nhưng tâm không biết hổ thẹn. Do không hổ thẹn nên không cung kính Phật. Vì vậy Đàn-việt không kính trọng người này. Do bị người khác khinh rẻ nên người ấy xả giới, hoàn tục.

Người thích nói nhiều ấy lại có tai họa lớn. Tai họa đó là gì? Đó là do thích nói nhiều mà lại dạy người xuất gia khác bỏ chánh pháp. Người ấy tự phá hoại, lại hay phá hoại người khác. Do phá hoại cả mình lẫn người nên người ấy mang tiếng xấu. Tiếng xấu ấy vang xa khắp bốn hướng. Chúng Tăng biết việc ấy nên xua đuổi, từ bỏ. Các Tỳ-kheo khéo trì giới sợ người ác này khiến họ phạm sai lầm nên tất cả đều xả bỏ Tỳ-kheo ấy và gọi Tỳ-kheo ấy là tri thức ác. Tỳ-kheo ấy bị các Tỳ-kheo đồng phạm hạnh chê khinh như vậy.

Lại nữa, người thích nói nhiều ấy, lại có lỗi lớn nói đủ thứ chuyện mà trước đây đã nghe. Tâm họ ưa thích và cho là vui. Đã được nghe rồi, Sa-môn ác ấy sinh tâm rất vui. Do tâm vui, người ấy tin các điều phi pháp, tin cái nghĩa phi pháp, pháp cho là phi pháp, phi pháp cho là pháp. Người này

cũng tin tưởng những người hành phi pháp khác. Do ưa thích nói nhiều, người này liền rơi vào tà kiến. Do tà kiến người này nói vọng động. Do nghiệp ác đó, khi chết người này bị đọa vào đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Từ lỗi lầm thích nói nhiều này lại có nhiều tai họa.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn Ca-diếp Như Lai nói kệ:

Nói nhiều lời thêu dệt
Hay khiến tâm ý loạn
Làm hư hoại phạm hạnh
Ngăn ngại đường Niết-bàn.
Ai thường thích nói nhiều
Hèn hạ không giữ giới
Người ấy thường xả bỏ
Việc kiến đế tọa thiền.
Không điều phục là gốc
Khiến mất hết niệm lành
Cũng hay mất phạm hạnh
Bế tắt đường Niết-bàn.
Hay ngăn trở Thiên đạo
Lại hay mở đường ác
Khiến vào đường ngạ quỷ
Và vào đường súc sinh.
Cho nên việc nói nhiều
Chính là mẹ sinh tử
Tỳ-kheo nào thiền, tụng
Muốn an ổn phải bỏ.

Đức Phật Ca-diếp đã nói việc thích nói nhiều có lỗi lầm lớn như vậy.

Kế đến lại nói về công đức có được nhờ không nói nhiều. Đó là Tỳ-kheo khéo giữ tâm ý ngay thẳng, chỉ thích chánh pháp, chỉ biết chánh pháp, ăn nói ngay thẳng, chỉ nhớ nghĩ chánh pháp, tư duy về chánh pháp, chỉ thực hành chánh pháp và thường xuyên lễ Phật. Hạng Tỳ-kheo này có thể thấu suốt những chỗ mà họ chưa từng gặp. Nhờ xả bỏ việc nói nhiều nên họ chỉ hành động chân chánh, sợ hãi sinh tử. Lời nói của người này có đưa đến kết quả, đó là lời nói của những người chỉ nói bốn Thánh đế. Thân người ấy làm việc rất chăm chỉ. Thân người đó có kết quả, đó là siêng năng lễ bái Phật, Pháp, Tăng. Ý của người đó cũng có kết quả. Ý thường tư duy về tự tướng và tướng tương tợ. Kết quả của ba loại siêng năng như vậy là tiến gần đến Niết-bàn.

Nếu người nào dùng tất cả phương tiện, nỗ lực để xả bỏ việc nói nhiều, xa lìa, không thường gần gũi tri thức ác thì tâm sẽ ngay thẳng, không loạn động. Người nào làm được ba việc sau thì sẽ đến Niết-bàn. Ba việc đó là gì? Đó là quán hơi thở, quán bất tịnh và quán vô thường, hư hoại. Tất cả các việc này nếu giữ tâm ngay thẳng thì có thể đạt được, nếu tâm không ngay thẳng, thích nói nhiều, tâm không có chánh niệm thì sẽ ngăn ngại ba việc này. Đó chính là nẻo ác dẫn vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Chúng sẽ trói buộc người dẫn vào đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Chúng sinh này bị việc nói nhiều lừa dối cho nên thích nói nhiều, việc nói nhiều như chất độc, như dao, như lửa, như rắn, như rớt từ bờ hiểm. Tỳ-kheo có trí tuệ, ngồi thiền, đọc tụng phải thường xả bỏ việc này.

Việc nói nhiều ấy hay lừa dối nhiều người khiến bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu do dư nghiệp được sinh làm người thì người ấy làm người thường ca múa, vui chơi, nhảy nhót, lực sĩ, ca kịch, ca hát đủ loại, đi xin ăn bên cửa nhà người khác ở khắp nơi hoặc là đi buôn bán kiếm lời để sinh sống, hay là bị mù lòa phải đi xin ăn ở nơi chợ quán, hoặc các đường phố có nhiều người. Ai thích nói nhiều sẽ bị rắn độc cắn. Ai thích nói nhiều sẽ bị lửa lớn thiêu đốt. Ai rơi vào chỗ nguy hiểm là thích nói nhiều, như vậy sẽ bị nọc độc nói nhiều châm chích.

Người ngu si thích nói nhiều này bị tất cả làm mê hoặc. Tất cả sự mê hoặc là do nói nhiều. Việc thích nói nhiều là đống mờ ám lớn. Người sợ con đường ác thì phải xả bỏ việc nói nhiều. Xả bỏ rồi siêng năng tu hành theo thứ lớp liền được thấy đạo.

Vì vậy ta phải làm như vầy: Ở nơi vắng vẻ im lặng, không có các âm thanh làm trở ngại, không có tiếng gọi đáp, tiếng ca, tiếng trống, ở nơi tu tập mặt trời trí tuệ, nơi hang núi gốc cây, nơi phước đức không có âm thanh làm chướng ngại, ở một mình không có người nào khác, ngồi yên một chỗ, gom tâm giữ chánh niệm, diệt trừ ma phiền não. Phải khéo léo làm như vậy để điều phục tâm, khiến tâm tịch tĩnh xa lìa tất cả việc nói nhiều.

Tất cả anh em, bè bạn đến thăm ta đều phải lìa bỏ việc nói nhiều, tâm không mong cầu họ tới thăm, chỉ thích ở một mình, thường ngồi thiền, đọc kinh, xa lìa bốn sự điên đảo để được an lạc. Mười sáu pháp quán sổ tức họ đều biết và thực hành một cách siêng năng không kể ngày đêm nhờ vậy có thể thoát được dây trói sinh tử. Ai làm được như vậy thì có thể đến được nơi thù thắng. Nếu người nào chưa được thấy chỗ thường an ổn thì phải lìa bỏ việc nói nhiều. Người có trí tuệ, tâm ý khéo léo, tu hành vững chắc làm Sa-môn, lìa bỏ biếng nhác phải xa bỏ một pháp này đó là việc thích nói

nhiều.

Lại nữa, phải đoạn trừ pháp chướng ngại thứ nhì, đó là pháp không nên làm vì nó dẫn đến việc sát sinh. Pháp thứ hai đó là gì? Đó là Tỳ-kheo làm thầy thuốc trị bệnh không thể tọa thiền, không thể đọc tụng. Tỳ-kheo hành nghề thầy thuốc đi đường khác, làm việc khác với đạo, thường tìm kiếm bệnh nhân, thường mong cầu trị bệnh. Người làm việc này lòng tham tăng trưởng rất lớn. Do tâm tham ấy người này thường tư duy: "Mong chúng sinh có nhiều bệnh, có vô lượng loại bệnh và các chúng sinh bệnh đó sẽ cúng dường thật nhiều cho ta, đem nhiều tài vật cho ta. Vì vậy ta phải làm việc ở nơi đông người, để thường thọ hưởng dục lạc từ thôn đến thôn, từ thành đến thành, từ biên địa đến biên địa".

Đã suy nghĩ vậy rồi, lòng tham của Tỳ-kheo ác ấy càng thêm tăng trưởng. Khi lòng tham đã tăng trưởng, trong tâm Tỳ-kheo này sinh ra chất cấu uế, không thể ngồi thiền, không thể đọc tụng và không thể làm việc lành.

Lại nữa, việc trị bệnh có lỗi cấu uế là Tỳ-kheo ấy tự làm hoen ố địa vị Tỳ-kheo. Nếu các chúng sinh nào có bệnh hoạn, Tỳ-kheo ác ấy bảo người giữ thuốc hãy mau đem dầu đến. Nếu không có dầu thì ép mè. Do ép mè nên làm chết nhiều trùng. Đó chính là tội lỗi của việc trị bệnh. Người này làm Sa-môn một cách hư dối, chỉ có miệng tự nói ta là Sa-môn nhưng thật ra chẳng phải là Sa-môn.

Lại nữa, gặp người bệnh thì họ dạy người nuôi bệnh lấy thịt cho người bệnh ăn và dặn là phải lấy thịt mới giết, không dùng nhiều thịt mỡ, không dùng thịt của con vật tự chết, không dùng thịt của con vật chết vì bệnh, không dùng thịt của con vật chết vì chất độc, không dùng thịt của con vật chết vì rắn cắn, không dùng thịt khô, không dùng thịt của con vật gầy ốm. Họ dạy như vậy. Do được dạy như vậy, người kia liền sát sinh. Do sát sinh nên bị mắc tội sát sinh, hoặc dạy người sát sinh, hoặc tự sát sinh, hai hạng người ấy đều đồng một nghiệp sát sinh bị đọa vào địa ngục Hoạt. Vì vậy không nên do tâm tham mà làm nghề trị bệnh.

Tỳ-kheo làm nghề trị bệnh lại có tội lỗi là: Tuy có thể nói ta là Sa-môn nhưng thật ra là kẻ cướp lớn, là người rất ác. Vì chúng sinh bị đau bệnh, họ đi khắp nơi để thu nhặt các loại thuốc, hoặc là cành cây, hoặc là trái cây. Để có tài vật, họ thu nhặt tất cả. Các loại thuốc ấy đều chứa trùng, là chỗ nương của trùng, trùng ở đầy khắp trong đó. Do tâm tham, muốn được tài vật họ đào dưới đất lên để lấy hoặc cắt để lấy. Do đào để lấy thì họ giết trùng dưới đất hoặc phá nơi ở của trùng ấy. Nếu cắt để lấy thì giết

trùng ở bên trong hoặc khiến trùng ở nơi đó chết. Đây là tội lỗi của việc trị bệnh. Tâm của họ như vậy, thích sinh sống bằng nghề bất tịnh, làm sao có thể tu thiền, đọc tụng. Tâm họ chỉ thường ưa thích việc trị bệnh.

Lại nữa, Tỳ-kheo trị bệnh này, tâm tư duy về điều ác, có lỗi rất lớn. Tỳ-kheo này tư duy pháp ác có tâm như vầy: muốn cho có nhiều người bị bệnh, nếu người bệnh nhiều ta liền được cúng nhiều của cải, đồ ăn thức uống, ngọa cụ và nhiều lợi lộc khác. Dục hủy hoại tâm làm vị ấy không nhớ pháp thiện, không thích tọa thiền, tụng kinh, không gần tôn trưởng, không gần bạn lành, cũng không lễ Phật. Làm việc bất thiện, sau khi qua đời, vị ấy bị đọa vào đường ác, sinh trong địa ngục. Do nghiệp thiện còn sót lại, khi ra khỏi nơi đó, vị ấy sinh trong loài người nhưng thường đau bệnh, nghèo khổ, chết sớm. Ấy là do nghiệp ác trị bệnh.

Lại nữa, cái họa của người làm thầy trị bệnh là trị bệnh theo pháp cũng có lỗi lầm. Từ vô thỉ đến nay có ba loại bệnh là gió, nóng và lạnh. Ba việc này điều hòa thì tâm được an lạc, không đọa cõi ác. Thân này tan rã, hoại diệt thì ba việc này cũng mất. Vậy mà người ngu si phàm phu ấy chưa từng nghe đến, chưa có trí tuệ, thật chẳng phải Sa-môn, mà tự nói: Ta là Sa-môn, trị ba loại ấy. Vì nghĩa gì, vì nhân gì mà cạo bỏ râu tóc, đắp pháp y mà lại xả bỏ điều này? Từ vô thỉ đến nay, tham, sân, si không tùy thuộc vào thân. Nếu thiêu thân, ba thứ ấy không bị thiêu, không mất, không diệt. Chúng theo đuổi trói buộc và đi chung với ta ở khắp nơi trong năm đường, vì sao không lo trị ba thứ họa lớn là tham, sân, si này trước mà lại trị bệnh gió, nóng, lạnh kia trước? Đây là xuất gia một cách hư dối, ngu si, không trí tuệ.

Kẻ phàm phu hèn hạ, bị tâm lừa dối như có người ngu, không có quyền lực hằng ngày bị não loạn. Nếu người ngu ấy vì của cải mà gây oán với kẻ có sức mạnh thì không thể ngăn được. Nếu dùng thế lực cũng không thể phòng ngự. Kẻ oán thù có thế lực lớn này thường tìm đến gây hại nhưng người ngu này không sợ kẻ oán thù ấy. Biết người khác có chút ít oán thù, người này sinh sợ sệt đối với người có chút ít oán thù ấy. Người này kết bạn với người ngu và người ngu nói với đồng bạn là: Nay ta cùng nhau từ bỏ giặc oán ấy. Kẻ oán thù có sức mạnh lớn biết người ngu si ấy là kẻ ngu si, biếng nhác và phóng dật nên đến giết người ấy. Vì sao? Do người ngu ấy làm việc cho người khác.

Như vậy, như vậy, người Sa-môn ấy tự cho là Sa-môn, làm thầy Sa-môn mà lìa bỏ, không đối phó với kẻ oán thù có sức mạnh lớn để làm việc khác.

Tham, sân, si ấy theo đuổi không rời ở trong vô lượng đời. Chúng bày ra đường sinh tử, có sức mạnh lớn mà không có nơi chốn, không thể tìm cầu, chỉ có trí tuệ mới biết được. Để trừ kẻ oán thù lớn này người ngu si ấy đã lìa bỏ bạn thân, vợ con, anh em của mình để cạo tóc xuất gia. Tuy đã xuất gia rồi những người ấy không thể quan sát thấy kẻ thù có sức mạnh lớn này.

Vì muốn được của cải, người ấy nói với người khác là:

–Kẻ thù của ông chính là gió, lạnh, nóng mà tôi sẽ diệt trừ. Do tâm loạn động này người ngu si ấy bị thần chết đến kề, ba loại oan gia theo đuổi không rời. Kẻ thù lớn ấy là tham, sân, si. Người ấy bị dây tham dục trói nên sống rất phóng dật, dẫn sang cõi khác, thích làm việc khác và bị sự tham lam làm loạn ý. Vì vậy, người nào biết cái họa này rồi thì không làm thầy trị bệnh. Nếu có trị bệnh thì nên trị bệnh tham, sân, si… liền thường không bệnh. Khi ấy Đức Thế Tôn Ca-diếp nói kệ:

Gió, lạnh, nóng ít họa
Tham, sân… họa mới nhiều
Gió… không phải đường ác
Tham sân đọa địa ngục.
Họa tâm là họa lớn
Thường khiến đi đường ác
Vì vậy trừ liền vui
Trừ gió, lạnh chẳng vui.
Nếu bỏ nghiệp của mình
Ưa thích việc của người
Người ấy mau thoái thất
Bị người trí chê cười.
Gió lạnh nóng suy kém
Chúng sinh liền mất thân
Tham sân chưa từng mất
Sinh tử làm điên đảo.
Diệt tham dục được vui
Diệt gió lạnh chẳng vui
Do tham sân bị diệt
Liền được vui thù thắng.
Trị tâm là trị bệnh
Trị thân chẳng trị bệnh
Trị tâm bệnh khó biết
Trị gió lạnh dễ hiểu.

Do nhân duyên ấy Đức Phật Ca-diếp ngăn cản không cho người xuất gia làm thầy trị bệnh.

Lại nữa, người xuất gia trị bệnh có vô lượng lỗi là sinh tâm tham, thấy các vị thầy thuốc khác tâm liền sinh ngạo mạn, dùng lời bất thiện hủy nhục thầy thuốc khác, bỏ bê việc làm chính của thầy Tỳ-kheo, tâm sinh ganh ghét, gây nghiệp ngạ quỷ, tạo nhân sinh làm ngạ quỷ.

Tâm người này uế tạp, vọng động và rất tham. Do tâm tham sinh ra, lúc thấy phụ nữ, không khéo quan sát do đó tự làm ngăn ngại rối loạn. Người ngu si ấy khi thấy phụ nữ thì tham dục phát sinh hủy hoại tâm. Người ấy trị bệnh gió, lạnh, nóng… của người khác nhưng tự tăng trưởng của bệnh tham, sân, si trong thân. Do tăng tham, sân, si nên các loại khổ não về địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh cũng tăng lên và người ấy bị tham, sân, si phá hoại. Người thầy thuốc bất thiện thì có ác kiến, bị cái họa lớn trói buộc đưa vào địa ngục. Vì vậy, tất cả người xuất gia phải thường siêng năng trừ bệnh tham, sân, si chớ đừng trị bệnh gió, lạnh, nóng.

Pháp thứ hai này là người Sa-môn nào muốn cầu Niết-bàn thì không nên dùng thuốc thang trị bệnh làm trở ngại, phế bỏ việc tọa thiền, đọc tụng kinh, luật.

Lại nữa, phải xả bỏ, không nên thực hành pháp ngăn ngại thứ ba. Pháp thứ ba đó là gì? Đó là làm thợ vẽ. Người xuất gia không nên làm nghề vẽ. Vì sao? Đó là vì trừ bỏ tham dục. Đã xả bỏ gia đình xuất gia sao lại sinh tâm dục khác? Đã biết ở thế gian có tâm nghiệp vẽ rồi mới tạo đủ loại bức họa khác. Nên có người không biết bức họa của tâm nghiệp thì có thể tạo bức họa có đủ màu sắc.

Người xuất gia ấy cần biết rõ năm màu sắc chính của bức họa, họa thành năm đường, do đủ loại tâm.

Những gì là năm? Đó là năm màu sắc chính tạo nên năm đường.

Tâm là người thợ vẽ dùng màu trắng và rất sạch của nghiệp để họa thành thiên đạo. Do tín tâm, thích bố thí rộng khắp, lìa keo kiệt, ganh ghét, khởi ra pháp trong trắng nhất là núi bố thí, trì giới, họa ra chư Thiên. Tâm chính là người thợ vẽ họa nên thiên đạo.

Lại nữa, người xuất gia lại nên quán xét bức họa nghiệp, nhiều màu sắc nghiệp họa ra nhân đạo. Người có các bậc thượng, trung, hạ khác nhau. Nếu là người giàu, có thể trì giới thì người ấy do nghiệp có màu trong trắng nhất hóa ra. Nếu người rất giàu, không thể trì giới, người ấy do nghiệp có màu đen, trắng tạo ra. Nếu người bần cùng mà có thể giữ giới, người ấy là do nghiệp có màu đỏ, trắng họa ra. Nếu người bần cùng không thể trì giới,

người ấy là do nghiệp đen và cấu uế họa ra. Nếu người biếng nhác mà nhiều tham dục, người ấy là do nghiệp có màu đen, vàng họa ra. Nếu người xinh đẹp, sinh trong dòng họ lớn, người ấy là do nghiệp trắng sạch họa ra. Nếu người sinh trong dòng họ bậc trung, người ấy là do nghiệp có màu đỏ, hồng họa ra. Nếu là người sinh trong dòng họ dưới, thì người ấy do nghiệp đen, bẩn họa ra.

Tâm là người thợ vẽ dùng màu sắc nghiệp lành để vẽ nên nhân đạo.

Người nào sinh trong nhân loại, hoặc làm quốc vương, hoặc làm đại thần mà lại tạo ra nghiệp chẳng lành thì màu bạch nghiệp giảm đi, màu hắc nghiệp phát sinh thêm.

Lại nữa, nếu người này sinh trong gia đình hèn hạ, hoặc hết sức bần cùng mà thường thực hành bố thí, giữ gìn giới cấm thì màu nghiệp đen của người ấy giảm đi, màu nghiệp trắng tăng thêm.

Nếu người sinh trong dòng họ bậc trung, có sắc đẹp dịu dàng và tạo nghiệp trung bình, ông thợ vẽ là tâm dùng màu sắc trắng, đỏ của nghiệp vẽ ra. Như vậy vô lượng nghiệp đủ loại màu của thợ vẽ. Người ở thế gian này do đủ loại nghiệp có màu sắc khác nhau vẽ ra nên khác hẳn nhau.

Người xuất gia lại quán đường khác đó là quán lại người thợ vẽ địa ngục súc sinh. Nó do nghiệp có hai loại màu họa ra. Đó là màu vàng và màu đen. Màu vàng là lửa, màu đen là ganh ghét, sinh ở trong địa ngục bậc trung, bậc dưới là do hai loại màu này họa ra.

Tỳ-kheo quán màu sắc của địa ngục rồi, lại quán nghiệp có màu đen của ngạ quỷ bị đói khát thiêu thân, tất cả quỷ đều do màu sắc của nghiệp họa ra.

Lại quan sát nghiệp có màu gì họa ra súc sinh? Đó là màu đen, màu đỏ. Nếu chúng thọ chịu khổ não bậc nhất, sự lo sợ nhất là do màu đen họa ra. Nếu chúng giết hại lẫn nhau là do màu đỏ họa ra. Màu sắc này là do tâm làm thợ vẽ họa ra.

Lại nữa, nói lược qua súc sinh ở ba chỗ, sợ hãi lẫn nhau, sợ bị giết, bị trói, bị loài khác ăn thịt. Loài bay trên hư không là khổng tước, trĩ, ngỗng… loài trên mặt đất là trâu, bò, chó, ngựa. Loài ở dưới nước là cá…, chúng do màu đen họa ra, hoặc không sợ bị giết. Chúng do màu đỏ họa ra, nếu là voi trên cõi trời.

Người ấy không thể tư duy như vậy về năm đường này và năm loại màu.

Năm tướng trên trời, hành vi trong loài người, súc sinh giết nhau, ngạ quỷ đói khát, chúng sinh ở trong địa ngục chịu khổ não lớn. Nghiệp đủ loại

màu sắc được họa ra như vậy. Người ngu si ít trí ấy không ghi nhớ, không suy nghĩ, do đó biếng nhác, không hay ngồi thiền, không thể giữ giới, không thể đọc tụng và không thể biết tâm là thợ vẽ tạo các bức họa khác. Bức họa thứ nhất là sinh, già, bệnh, chết, oán ghét gặp nhau, thương yêu xa lìa, lạnh nóng đói khát, hủy hoại lẫn nhau, chê bai việc cúng dường, trẻ con, nô lệ, chủ nhân, khổ não, an lạc. Màu sắc của nghiệp địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người xen lẫn nhau, họa nên sinh tử. Các hạng người không thể tu hành, không thể tư duy, tâm niệm biết điều đó rồi không sinh nhàm chán. Tỳ-kheo ấy xả bỏ việc tọa thiền, đọc tụng. Nếu muốn có tâm khác vẽ ra pháp Sa-môn, phải lấy thiền, tụng làm gốc.

Lại có pháp khác họa nên nẻo sinh tử, không thể tư duy mà liền tư duy, lại tạo bức họa khác. Đó là các loại nguồn gốc của cảnh giới. Nếu có chúng sinh ưa thích cảnh giới, trôi lăn nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh trong thời gian lâu dài. Pháp này thế nào? Đó là mắt thấy sắc, ưa thích cảnh giới mà sinh tâm ham muốn, vướng chặt vào trong sắc ấy. Người đó liền thâu tóm lấy nghiệp có màu đen là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh do màu ấy họa ra.

Nếu chúng sinh ấy mắt thấy sắc rồi, tư duy như vầy: Sắc này vô thường, chuyển động, biến đổi. Vì thế người này không ưa, không thích, không tham, không đắm. Như vậy là người ấy thuộc về nghiệp có màu trắng, được sinh trong cõi trời, người cho đến Niết-bàn.

Có người mắt thấy sắc không thích, không duyên theo, không mong không nhớ, không có tâm thọ dụng, không sinh tâm ham muốn, người ấy là do nghiệp có màu trắng nhất họa ra, thọ an lạc ở trong loài người.

Do tâm si ấy, Tỳ-kheo ác này không tư duy, không nhớ nghĩ, không tọa thiền, không đọc tụng, nếu mắt thấy sắc liền ưa thích, đắm nhiễm cảnh giới. Người bị trói buộc như thế là do nghiệp có màu đen họa ra. Người có trí tuệ thì có thể xả bỏ nghiệp có màu đen ấy là nghiệp do ác ý họa ra và nên tọa thiền, đọc tụng kinh luật.

Lại quan sát thấy Sa-môn thợ vẽ, lúc tư duy để họa vẽ thành hình gì? Đó là tai nghe tiếng hoặc thích, hoặc không thích.

Người ấy quán như thật, tiếng này là vô thường, không dừng trụ, không chắc chắn, bị phá hoại. Biết như vậy rồi, tâm không ưa thích, không sinh vui mừng, không nhớ, không ưa, không nghe, không quan sát. Như vậy là bức họa màu trắng ấy sinh trong hàng trời, người. Sinh lên cõi trời rồi, họ có đủ loại bức họa thù thắng bậc nhất như vậy.

Còn người Sa-môn thợ vẽ ác ý ấy, tự xưng là Sa-môn nhưng chưa

từng khởi tâm tư duy về sự thật nơi bức họa âm thanh nên mãi mê vẽ thành bức họa khác mà không chịu tư duy, tọa thiền, đọc tụng, xả bỏ việc thiền, tụng, không tu nghiệp lành.

Lại nữa, người Sa-môn ngu si lắng nghe âm thanh ấy là chưa từng nghe đến, ngu si không trí, tư duy như vầy: "Âm thanh này đáng ưa, có thể khiến tâm vui, có thể khiến ta vui". Sa-môn ác ấy không khéo quan sát cho nên quán âm thanh ấy tâm sinh mong cầu, nhân đó sinh ham muốn, tâm sinh ưa thích đối với âm thanh ấy. Tâm là người thợ vẽ dùng màu đen ấy họa ra địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Sa-môn ác ấy biết bức họa nghiệp rồi mà còn tạo các bức họa khác nên xả bỏ việc tọa thiền, đọc tụng…

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 49

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 28)

DẠ-MA THIÊN (Phần 14)

Lại nữa, Tỳ-kheo ác, lìa bỏ các loại bức vẽ đủ màu rồi, lại tạo bức họa khác.

Bức họa khác là gì? Chúng được gọi bức họa khác là vì cảnh giới của căn trói buộc chúng sinh trong vòng sinh tử. Các cảnh giới của căn ấy hoặc có thứ đáng yêu, hoặc có thứ không đáng yêu. Đó là khi mũi ngửi mùi thơm, người ấy quan sát rõ vật được mũi ngửi hoặc thơm, hoặc thối họ không thích mùi ấy, không quan tâm đến nó nên không bị nó phá hoại tâm. Họ tư duy như vầy: Hương này vô thường, niệm niệm không dừng, không chắc chắn, bị hủy hoại. Thực chất của hương này trước không, sau có, đã có rồi trở lại không. Mùi ấy hôi hám không đáng ưa, không làm tâm lay chuyển. Do bức họa nghiệp có màu trắng này là bức họa nghiệp thiện, ta được sinh trong cõi trời, người. Vậy mà người Sa-môn ác ý làm thợ vẽ ấy xả bỏ nghiệp này, xả bỏ nghiệp như vậy mà tạo bức họa khác, xả bỏ việc tọa thiền, đọc tụng.

Lại nữa, khi ngửi mùi thơm khác, đối với mùi ưa thích, do tâm mê hoặc, bị sự mong cầu làm mê, không khéo quan sát, nên tâm liền bị phá hoại. Đó là nghiệp màu đen, ai thường tích tụ nghiệp có màu đen như vậy sẽ vẽ nên địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh thọ các khổ não. Sa-môn ác ấy xả bỏ bức vẽ có màu sắc nghiệp như vậy mà còn không chịu tư duy lại tạo bức vẽ khác, nên phế bỏ việc tọa thiền và đọc tụng kinh luật.

Lại có bức vẽ bằng các màu sắc tạo do các nghiệp xen tạp. Đó là mùi vị mà lưỡi nếm hoặc có vị đáng ưa, hoặc có vị không đáng ưa. Khi nếm vị đáng ưa, Tỳ-kheo thiện ấy không vui, không giận, không nhớ, không thích, thường quan sát vị ngon này, không lúc nào mà không khéo quan sát. Mùi vị như thế này trước không, sau có, đã có trở lại không. Tay cầm thức ăn ấy đưa vào miệng, nếm nó bằng lưỡi. Lưỡi nếm thức ăn rồi, nếu thức ăn ấy ngọt, liền sinh vị ngon khiến nước miếng tươm ra từ má chảy xuống, từ

sống mũi chảy ra. Đầu lưỡi nếm vị rồi, hòa trộn thức ăn với nước dãi, sau đó dùng răng nhai và nuốt. Sự trói buộc như vậy trói buộc kẻ phàm phu ngu si. Người ấy tư duy về thiệt vị như vậy, quan sát một cách đúng đắn là bức vẽ màu trắng. Bức vẽ màu trắng này sẽ khiến ta thọ hưởng thú vui bậc nhất ở trong loài người hoặc trên cõi trời.

Sa-môn ác ấy không thể quan sát bức vẽ nghiệp như vậy mà tạo bức vẽ khác, phế bỏ việc tọa thiền và đọc tụng kinh luật. Khi lưỡi nếm thức ăn, nếm được vị ngon, vừa được mùi vị ấy, người ngu si đó bèn nghĩ như vầy: "Thức ăn này có vị ngon, là vị ngon nhất, là vị thù thắng tốt đẹp, màu sắc và hương vị đều đầy đủ và trong sạch nhất". Do ăn với tâm ngạo mạn nên thân, miệng, ý đều hành động theo nghiệp ác. Bức vẽ hắc nghiệp này sẽ khiến ta sinh vào ba chỗ rõ ràng là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Sa-môn ác ấy, tự xưng là Sa-môn, bị sự không quan sát chân chánh phá hoại, do tự gây rối loạn, xả bỏ bức vẽ nghiệp rồi, lại tạo bức vẽ khác, làm trở ngại việc tọa thiền, đọc tụng.

Lại có bức họa nghiệp, vẽ ra thế gian. Bức họa này chỉ có căn và cảnh giới tiếp xúc nhau, như là thân tiếp xúc với cảnh giới phát sinh ra thức. Tâm khéo quán xét về sự thật của sự xúc chạm ấy. Cảm giác do xúc sinh có ba tánh là không thường còn, không tồn tại và bị hủy hoại, chỉ có da mỏng nhưng khi thấy nó thì sinh tham ái. Nó chỉ có căn, xứ, không phải là vật trong sạch, không thường còn, không vui, không có ngã pháp, chỉ là sự hòa hợp giả nên gọi là thân. Bốn đại giống như cái hòm nhỏ, như tên cắm vào thân, thường ngăn ngại, thường đau bệnh. Hành giả quan sát một cách chân thật tất cả các chỗ tai họa như vậy thì không bị sự tiếp xúc làm trở ngại.

Sự tiếp xúc này chỉ là khách, hay làm trở ngại, chẳng phải là vật của ta. Ai có thể khéo quán xét như vậy sẽ vẽ nên bức họa nghiệp màu trắng sạch để sinh trong cõi trời, người.

Sa-môn ác ấy làm Sa-môn mà không tư duy quán xét như vậy, tâm nghiệp là thợ vẽ, vẽ ra thế gian gồm đủ loại nghiệp khác nhau. Tỳ-kheo ác ấy xả bỏ không quan sát, lại tạo bức vẽ khác, bỏ bê việc tọa thiền, đọc tụng kinh luật.

Lại nữa, người phàm phu ngu si ấy không khéo quan sát, không quan sát chân chánh về xúc này nên sinh tâm như vầy: "Sự tiếp xúc này của ta là sự tiếp xúc vui nhất, thân thể mập mạp liền tụ tập các nhân vui, được sự tiếp xúc dễ chịu này, ta liền thọ vui".

Người phàm phu ngu si như vậy, không khéo tư duy, quan sát đối với xúc này. Bức họa nghiệp màu đen ấy tạo nên địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Sa-môn ác ấy làm Sa-môn xả bỏ bức họa nghiệp, không tư duy lại tạo bức họa khác, phế bỏ việc tọa thiền, đọc tụng kinh luật.

Lại nữa, Sa-môn ác ấy, tuy làm thầy Sa-môn nhưng thích pháp thế gian, chẳng phải là pháp xuất thế gian, không tư duy, không nhớ nghĩ đến pháp xuất thế. Pháp xuất thế là bốn Thánh đế. Họ không tu tập diệt đế và đạo đế, mười sáu pháp quán hơi thở, hơi thở ra, hơi thở vào, bốn thiền, bốn loại phạm hạnh, bốn quả Sa-môn.

Bỏ pháp này rồi, họ làm các việc làm hèn mọn khác, tâm không yên lặng, chỉ vì sự vui chút ít là bức họa ít màu sắc mà phế bỏ việc tọa thiền, đọc tụng kinh luật, lại cầu màu khác là bức họa không tịch tĩnh.

Do không khéo quan sát nguyên nhân ấy, khi chết người này bị đọa vào đường ác là địa ngục.

Người thợ vẽ ấy lại có lỗi lớn, tạo nhân duyên đọa vào đường ác là địa ngục, đó là vẽ người phụ nữ xinh đẹp, trang điểm bằng đủ loại màu rực rỡ. Do ngu si, tâm sinh ưa thích và khiến người khác thấy cũng sinh ưa thích, lòng dục phát ra làm loạn tâm, huống gì là người vẽ. Người như vậy hay muốn cho lòng dục của cả mình lẫn người phát khởi nên khi chết sẽ bị đọa vào đường ác, sinh trong địa ngục.

Khi ấy, Đức Thế Tôn Ca-diếp Như Lai nói kệ:

Không nghĩ bức họa nghiệp
Mà tạo bức họa khác
Bị lửa bức họa thiêu
Đọa vào trong địa ngục.
Không nghĩ pháp vô lậu
Mà thích pháp hữu lậu
Người ấy nhiễm tâm si
Đến bờ hiểm sắp rơi.
Người siêng năng thiền, tụng
Thường sống ở trong rừng
Bỏ chỗ ấy do si
Liền đọa vào địa ngục.
Vì si nên nghĩ ác
Tạo dây trói chặt cứng
Bị bức vẽ lừa dối
Dẫn nhập vào địa ngục.
Tranh vẽ không tạp nhạp
Bức họa tâm tạp nhạp

Tranh vẽ mưa liền phai
Bức họa tâm không phai.
Nếu tâm người không vẽ
Tranh ấy không như tâm
Tranh nghiệp là tranh lớn
Vẽ ở trong ba cõi.
Chúng sinh đủ loại màu
Lưu chuyển trong năm đường
Tất cả là tranh nghiệp
Thợ vẽ tâm tạo ra.
Cái tâm thợ vẽ này
Vẽ vời ra lưới nghiệp
Trói tất cả chúng sinh
Trôi lăn trong ba cõi.
Mưa, lửa, bụi và khói
Khiến tranh vẽ hư mất
Còn bức vẽ tâm nghiệp
Ngàn ức kiếp không phai.
Tất cả đất hoại mất
Nước biển cũng cạn khô
Pháp do tâm vẽ ra
Rốt cuộc không hư hoại.
Người si không quán xét
Đủ loại tranh tự nghiệp
Nên vì mạng, của cải
Mà tạo bức họa khác.

Sa-môn thợ vẽ phế bỏ việc tọa thiền, đọc tụng Kinh luật, phân biệt như vậy, có vô lượng lỗi. Người thích làm thợ vẽ không được người thiện ưa và được người bất thiện thích. Vì vậy Tỳ-kheo không nên làm thợ vẽ. Công việc vẽ làm loạn tâm, không được Niết-bàn, cho đến không thể khéo quan sát, tu tập một pháp lành, vì thế phải nên tu học đúng như vậy.

Nếu các Tỳ-kheo nào sợ nghiệp ác muốn cầu Niết-bàn thì không được tự tay cầm bút vẽ. Nay ta quở trách: Ba loại pháp này Sa-môn không nên làm, do biết pháp ấy có lỗi như vậy.

Lại có pháp thứ tư Sa-môn không nên làm. Pháp thứ tư là gì? Đó là nghe pháp tà, ác, ca ngâm, tán tụng. Tỳ-kheo này xả bỏ vợ con, bạn bè thân thiết, cha mẹ anh em, vì muốn đoạn trừ phiền não cho nên xuất gia, tọa

thiền, đọc tụng. Nếu ai không loạn tâm, thường nhất tâm thì có thể đoạn trừ phiền não, không bị rối loạn. Nếu ai ca ngâm tán tụng, nhớ nghĩ đủ loại việc ác, tâm ý liền loạn. Do tâm loạn ấy làm ngăn ngại pháp lành khiến họ không thể tọa thiền, đọc tụng, không gần sư trưởng, không nghe chánh pháp, không thích cúng dường Phật, Pháp, Tăng, không giữ gìn oai nghi, không thể khéo giữ oai nghi, giới luật mà thường ca ngâm, tâm sinh ưa thích sự ca ngâm như vậy, dựa vào sự ca ngâm ấy, đủ loại pháp đã từng nghe trong quá khứ phát khởi tùy thuộc vào phi pháp, chỉ nghe pháp ấy để làm vui tai không khéo quan sát, tùy thuộc vào thói quen, tương ưng với ỷ ngữ.

Pháp ấy là chỗ tin ưa của Sa-môn ác ấy. Sa-môn này thường nghe và thực hành đường ác. Do đi trên đường ác họ làm việc như người thế tục, tự hủy hoại chánh pháp. Do thích ca ngâm, họ biếng nhác, không siêng tọa thiền, đọc tụng. Người như vậy không nên vào trong Tăng chúng, không nên ăn tất cả đồ ăn, thức uống.

Biếng nhác còn vậy, huống gì là phá giới, vào trong chúng còn không nên huống gì được thọ dụng giường, tọa cụ, ngọa cụ, thuốc, đồ dùng… hoặc là nhận sự lễ bái cung kính của người khác. Những thứ ấy, người biếng nhác không nên thọ nhận.

Vì vậy, Tỳ-kheo nào thường ca ngâm, do ca ngâm, không thích ngồi thiền, đọc tụng kinh luật. Người thích ca ngâm chỉ thường chuyên tâm tập tành ca ngâm, thường thích ca ngâm trong mọi lúc, tạo đủ phương tiện khiến tâm ý rối loạn, bị đủ loại si mê phá hoại, khen ngợi sự ca ngâm ấy có đủ loại vị.

Người ấy tự làm loạn tâm ý, khi mạng sắp chấm dứt, lúc già, chết đến, sắp đến nơi chưa từng biết, đi một mình không bè bạn, lìa bỏ pháp xuất thế. Nếu thường ca ngâm, người ngu si sẽ không biết cái chết đang đến và tự lừa dối mình.

Thân người khó được, các căn khó đầy đủ, tuy xuất gia chỉ bỏ phí thì giờ để ca ngâm, nên không gặt hái được gì, chết một cách hư dối, không được lợi ích.

Lại nữa, Tỳ-kheo làm việc ca ngâm, do bị si phá hoại nên làm việc uế tạp, với tâm cấu uế gây nghiệp ca ngâm.

Trong tất cả người ngu, phụ nữ ngu si hơn hết. Tỳ-kheo không nên si như phụ nữ ấy. Si của phụ nữ tuy ít mà có thể thiêu đốt cũng như lửa tuy ít mà có thể đốt cháy một lượng đồ vật rất nhiều. Si của phụ nữ có thể thiêu đốt những người ngu si, dù sinh ra ở trăm ngàn vạn chỗ, lửa ấy đều có thể

thiêu cháy hết.

Trong lúc ca ngâm, người ấy khen ngợi phụ nữ, đặt phụ nữ lên trên hết. Người phụ nữ si ấy phá hoại Tỳ-kheo đủ thứ. Do không quan sát chân chánh, bị ngu si hủy hoại tâm nên họ khen ngợi thân phụ nữ để được cúng dường, giữ ở trong tâm ý nghĩ cho là thân phụ nữ trong sạch.

Tỳ-kheo ác ấy không quan sát chân chánh toàn bộ thân mình, lại khiến người khác không quan sát chân chánh. Do làm thoái thất cả mình lẫn người nên khi chết bị rơi vào đường ác, sinh trong địa ngục. Người ấy bị lỗi nghe pháp bất thiện, ca ngâm, tán tụng ràng buộc.

Lại nữa, nghe pháp tà, ca ngâm tán tụng lại có lỗi lớn là Sa-môn ác, nghe pháp tà ác, ca ngâm tán tụng khiến ý ngu tối, không theo học hỏi những điều chưa từng nghe, chưa từng thấy với những người đã từng thấy nghe. Do tâm tham nên họ ca ngâm, lại dạy người khác ca ngâm đủ thứ, nói rằng tôi đã từng thấy, tôi đã từng nghe cho nên bị chúng trói buộc. Người khác biết người này trước đây chưa từng thấy, trước đây chưa từng nghe, liền nói như vầy: "Người bất thiện này nói dối như vậy, tâm tự lường xét mà ca ngâm".

Do nghiệp nói dối, khi chết, người này bị đọa vào đường ác, sinh trong địa ngục do lỗi ca ngâm.

Nghe pháp tà, ca ngâm, tán tụng lại có lỗi lớn là nghe điều tà, ưa thích ca ngâm, chê bai những người quen biết cũ mà mình đã từng nghe, nói lời ganh tỵ cho rằng ta ca hay hơn hết và chê bai những người đã ca trước đây. Đối với những bậc luận sư kỳ cựu thực sự có tài năng thì người ấy lại chê họ dở. Sa-môn ác này xả bỏ việc tọa thiền, đọc tụng, tăng trưởng sân hận, tăng trưởng đầy đủ các nghiệp cấu uế, bất thiện. Các nghiệp thiện, trong trắng có thể tạo an lạc trong đời vị lai họ đều làm mất hết. Những người phạm hạnh khinh chê người nghe pháp tà ác và ca ngâm này vì người này tâm không chân chánh.

Nghe tà pháp, ca ngâm tán tụng lại có lỗi lớn. Người nghe điều tà vạy, ca ngâm như vậy hoặc ngày hoặc đêm tâm ý không chân chánh, không nhớ Phật pháp mà thích ca ngâm, thường tán tụng, không tư duy chánh pháp, không chịu tọa thiền, lại không siêng năng diệt trừ phiền não. Người như vậy chẳng phải Sa-môn chân thật, không có ý tứ của Sa-môn, khó đắc được chánh pháp, trong trăm ngàn kiếp khó đắc được chánh pháp. Sa-môn ác ấy tuy làm Sa-môn, được pháp như vậy mà không thực hành chân chánh và không giữ gìn.

Nghe tà pháp, ca ngâm tán tụng lại có lỗi lớn, đó là người ác ấy ham

việc ca ngâm, nên đến chỗ chưa từng nghe để mà tán thán, hoặc có lúc nói dối, người ấy thường gần người có hành động không chân chánh, giống như người điên. Do tâm náo động, họ tìm đến tất cả mọi chỗ có ca ngâm tán tụng và bị lời tà vạy trói buộc. Người khen ngợi việc nói dối có nói điều gì đều là nói dối, chưa từng nói thật được một lần. Người này bị việc ca ngâm che lấp tâm, lại gần gũi những người giàu có ác độc, dựa vào họ mà tạo nghiệp ác. Do gần người ác, người này được cúng dường rượu. Do uống rượu họ không làm được một việc lành, tâm họ loạn động, không được lợi ích. Do uống rượu, cửa đường ác mở ra. Do say người ấy có thể tạo tất cả nghiệp ác. Do thấy phụ nữ, không quan sát chân chánh cho nên mất chánh niệm. Sa-môn ác ấy, làm việc trái phạm hạnh, đốt hết phước đức. Họ là vật xấu xa, thối nát, giống như cây Tỳ đầu la có hoa không trái, giống như ngọn đèn vào ban ngày, không có ánh sáng chiếu ra, lại như mặt trăng vào ban ngày, không tạo cảm giác mát mẻ gì cả. Cũng vậy, Tỳ-kheo ác ấy chỉ có hình tướng Sa-môn mà thôi, khi chết bị đọa vào đường ác, sinh trong địa ngục, do lỗi nghe pháp ác, ca ngâm, do lỗi tán tụng. Vì vậy Sa-môn không nên nghe pháp bất thiện, không nên ca ngâm tán tụng.

Nếu ca ngâm, tán tụng chánh pháp, khiến chánh pháp tăng trưởng, hoặc tán tụng không làm hại chánh pháp, hoặc ca ngợi Phật, ca ngợi Tam bảo, tăng trưởng chánh pháp, khiến pháp sáng rỡ, người nào tán tụng như vậy thì sẽ được phước đức, dần dần sẽ đạt được Niết-bàn.

Kết quả của khẩu nghiệp nơi người siêng năng tu tập phép ca ngợi như thế là khi chết sẽ sinh vào đường lành là cõi trời. Do người ấy ca ngợi sự thật như vậy làm tăng trưởng chánh pháp, nếu tán tụng như vậy thì nên làm còn nếu không như vậy sẽ bị đọa vào địa ngục.

Lại nữa, pháp thứ năm làm trở ngại việc tọa thiền, đọc tụng kinh luật, pháp ấy là gì? Đó là Tỳ-kheo tư duy các loại sao, thật chẳng phải Sa-môn tự cho là Sa-môn. Tư duy các loại sao là việc không nên làm. Tỳ-kheo này hủy bỏ pháp Sa-môn, phế bỏ việc tọa thiền, đọc tụng.

Người ấy tư duy về sự vận hành phước đức, số mạng mà không hay biết về sự mất mát của nó, xuất gia làm gì mà không rõ được pháp ấy. Khi chết, người ấy chưa làm xong việc cần làm nên không thoát được sự suy kém già, bệnh, chết, buồn rầu, than khóc, sầu não, khổ sở. Người ấy thường phải trôi lăn trong đường sinh tử. Người ấy được lợi ích từ việc tư duy về sao, không thể cứu mình cũng không thể cứu người khác.

Vì sao? Vì chỉ có nghiệp tư duy về sao, hạn thì làm sao cứu được mình và người.

Vì sao vậy? Những người cùng sinh nhằm một ngôi sao có khổ, có vui, có xấu, có đẹp, có dòng họ lớn, có dòng họ nhỏ, có người sống theo pháp, có người không sống theo pháp, có nghèo, có giàu, có vua, có dân, có sang, có hèn, có người trộm cướp, có người không trộm cướp, có thông minh, có mờ ám, có ngu, có trí, có nam, có nữ, có người giữ giới, có người không giữ giới, có người siêng năng tinh tấn, có người không siêng năng tinh tấn, có người được người thương, có người không được người thương, có người được tất cả đều thương, có người tất cả đều ghét, chỉ một loại sao hạn mà có nhiều người khác nhau với cuộc sống không giống nhau. Vậy nếu sao là nhân duyên thì tại sao tất cả những người sinh ra một sao không giống nhau và đều là một hạng.

Như đã nói ở trước, do lỗi không biết tất cả công đức trước đây, không chịu tư duy sao nghiệp mà tư duy sao trong không trung, nên người ngu si không biết, không đếm công đức và lỗi, không tính kết quả của hai loại nghiệp thiện và bất thiện, lại đi tính sao trong không trung.

Lại nữa, người tư duy về sao thật sự bất thiện, cũng không yên lặng vì cho rằng một ngôi sao mà sinh làm người, hoặc sinh làm súc sinh, hoặc sinh làm ngạ quỷ, sai khác không giống nhau. Như vậy chẳng phải do sức mạnh của sao mà là do sức mạnh của nghiệp khiến chúng sinh sinh vào các đường khác nhau.

Việc tư duy về sao này, không lành mạnh, cũng không yên lặng. Tư duy sao nghiệp mới thật sự tịch tĩnh, lần lần cho đến nhập vào Niết-bàn.

Lại nữa, người tư duy về sao ấy thật sự bất thiện, không yên tĩnh. Đó là ngôi sao ấy có sức lực không nhất định do có sự ngăn ngại, do có hơn có kém. Ngôi sao này lại bị ngôi sao lớn hơn nó che đậy. Vào lúc khác, ngôi sao ấy lại bị ngôi sao khác che đậy. Vì vậy nên biết việc tư duy về sao không thích hợp với thật tế. Nếu có người tư duy về sao cho rằng ngôi sao là nguyên nhân làm có khổ, có vui, chớ không phải là tự mình gây khổ, gây vui. Ngôi sao ấy lại bị ngôi sao khác che đậy thì làm sao có thể ban khổ vui cho người khác.

Do đó nên biết, do nghiệp mà có quả tốt hay xấu chứ chẳng phải do ngôi sao ban cho.

Nếu sinh ra từ ngôi sao thì lại có sự sân hận của ngôi sao, ngôi sao đầu tiên liền chịu khổ não. Như khi mặt trời, mặt trăng bị A-tu-la nuốt mất liền chịu khổ não. Mặt trời, mặt trăng không thể tự cứu thì làm gì có thể cứu người khác, vì vậy Sa-môn nào làm Sa-môn mà tư duy về sao thì nên từ bỏ công việc ấy.

Có ba ngôi sao lớn là bệnh, già, chết. Đó là ba thứ lớn nhất thường trụ ở thế gian. Sa-môn ác ấy không tư duy những thứ này mà lại tư duy về những ngôi sao khác ở thế gian. Người ngu si ấy, không có văn tuệ, tư duy về hai mươi tám ngôi sao xuất thế gian, nếu có thể tư duy quan sát chân thật thì nhập vào thành Niết-bàn.

Hai mươi tám thứ ấy là năm ấm, năm thủ ấm và mười tám giới. Tư duy về các thứ ấy thì đến được Niết-bàn. Do quan sát như thật, lìa dục, trì giới cho nên đắc Niết-bàn; tư duy về sao thì không thể chứng đắc được.

Lại nữa, Sa-môn ấy làm Sa-môn lại có pháp khác là tính mười hai tháng, tính như vậy rồi, không được lợi ích, cũng lại không thể đoạn trừ phiền não, vẫn trôi lăn trong các cõi như xưa và không thể biết tính mười hai nhập. Nếu có thể tư duy tính mười hai nhập, biết nghĩa chân thật rồi, sinh nhàm chán dục, do tịch tĩnh liền đắc Niết-bàn. Sa-môn ác ấy làm Sa-môn, do không thể tính, không thể tư duy nên tư duy về sự ô nhiễm của kẻ khác và tính việc của người khác.

Sa-môn ác ấy làm Sa-môn lại có đủ loại tư duy ác khác làm nhiễm ô là tư duy về sáu thời. Đã tư duy rồi, không được giải thoát khỏi bệnh, già, chết, bị sự ô nhiễm của vô thường làm rối loạn, không tư duy ba mươi sáu thứ ô trược trong thân. Nếu ai tư duy, quan sát chân thật chúng thì có thể xả bỏ mà đạt Niết-bàn.

Lại nữa, Sa-môn ác ấy làm Sa-môn niệm thời của thế gian, tư duy thời ấy và nói rằng: "Lúc này là tốt, lúc kia không tốt, lúc này là được, lúc kia không được". Người niệm ác, tư duy ác như vậy chẳng phải là tịch tĩnh, nên không được an lạc, không gần Niết-bàn, cần niệm thời của tâm, chỗ vin theo của tâm có thiện và bất thiện, hữu ký và vô ký.

Người niệm thời của thế gian tâm không tư duy ba loại thời này. Nếu tư duy tâm thiện, bất thiện có chỗ duyên dựa tư duy như vầy: "Ta sinh tâm này, nếu vin theo điều thiện, vào thời vị lai ta sẽ sinh nơi đường lành, hoặc là đắc Niết-bàn. Nếu ta sinh tâm này, vin theo điều bất thiện, làm nhiễm tâm thì sẽ không được an lạc, chẳng phải là tịch tĩnh, chẳng phải là Niết-bàn, không được Niết-bàn. Nếu ta sinh tâm này vin với vô ký, sẽ được quả báo vô ký.

Sa-môn ác, tương tự Sa-môn, niệm pháp thế gian, tư duy thời của thế gian, chỉ một niệm về thời, không cần lâu xa, hoặc trong một ngày, nửa tháng, một tháng, đạt được quả báo thiện hoặc bất thiện, tư duy trong loài người khi mạng đã hết, mà không tư duy mạng của ta đã chấm dứt trong từng niệm, hết trong khoảng khảy móng tay, không cần lâu xa, hoặc trong

một ngày, nửa tháng, một tháng, mạng của ta diệt hết trong từng niệm mà không thể tránh, không có cách nào để tránh được lúc chết.

Tỳ-kheo ác ấy, lại tư duy pháp tánh thời khác, phế bỏ việc tọa thiền, đọc tụng kinh luật, đó là tư duy pháp ô nhiễm của thế gian, tư duy thời của sao. Người ấy tư duy, thích làm, làm nhiều, niệm ở trong tâm, ghi nhớ và nói như vầy:

–Sao này, hạn này đến che, có thể làm ngăn ngại, có thể tạo điều xấu cho họ.

Trong thế gian này có thể tốt, có thể xấu, tư duy về việc ấy thì không thể lìa suy, già, bệnh, chết, buồn, khóc, than, kêu, rầu, khổ, áo não, không cắt đứt sinh tử, vì vậy không nên tư duy như là bị sao, hạn ngăn che…

Lại có pháp khác bị pháp khác ngăn che là sao sinh bị hạn tử che lấp, sao không bệnh bị hạn bệnh che lấp, sao tuổi trẻ bị hạn tuổi già che lấp, sao thương yêu sum hợp bị hạn thương yêu xa lìa che lấp, sao sinh Thiên bị hạn thoái đọa che lấp, sao sinh làm người bị hạn tạo ác che lấp, sao thọ vui bị hạn thọ khổ che lấp, sao sinh tâm thiện bị hạn sinh tâm bất thiện che lấp, sao quán bất tịnh bị hạn tham dục che lấp, sao Từ tâm bị hạn sân hận che lấp, sao trí tuệ bị hạn ngu si che lấp.

Sa-môn ác ấy làm Sa-môn, không hay tư duy những điều nên tư duy, không chịu tư duy về pháp xuất thế, đó là tư duy về sao xuất thế gian như đã nói ở trên, quán như thật về sao pháp thật bị hạn thật che lấp.

Như đã nói ở trước, đã tư duy rồi quan sát như thật về tám Thánh đạo. Tư duy về sao hạn như vậy sẽ đắc quả, được tịch tĩnh an lạc cho đến Niết-bàn.

Nếu người phàm phu ngu si tư duy về sao, hạn thế gian như vậy, hoặc tư duy hạn, hoặc tư duy sao chính là khiến vô lượng trăm ngàn người rơi vào đường ác, sinh trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Đó là nguyên nhân sinh tử trong thế gian, sinh ra tham, sân, si.

Nếu tư duy sao hạn thời tiết xuất thế gian, hoặc tư duy thời, tư duy sao, hạn, tư duy điều đó rồi, quan sát như thật rồi tu hành thì sẽ khiến cho vô lượng trăm ngàn người được giải thoát khỏi già, bệnh, chết, buồn khóc rên la, sầu khổ, áo não được giải thoát đến nơi bất thoái, không già, không bệnh, không chết, không chấm dứt. Niết-bàn thù thắng là chỗ bất thoái. Nếu học như vậy, Tỳ-kheo Sa-môn là Sa-môn muốn được hết khổ, muốn hết nỗi khổ sinh tử, nên tu tập tư duy về sao, tu tập tư duy về thời theo cách đã nói ở trước.

Việc đó là điều hèn hạ, là điều nhiễm ô, biết như vậy rồi, biết chẳng

phải là rốt ráo, chẳng phải là tịch tĩnh, chẳng phải là đạt Niết-bàn, chỉ ngăn ngại việc tọa thiền, đọc tụng của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo không nên tư duy về sao. Việc tư duy về sao không thích hợp với Tỳ-kheo.

Lại nữa, pháp thứ sáu không nên tư duy đó là Sa-môn làm Sa-môn, ngăn ngại, phế bỏ việc tọa thiền, đọc tụng kinh luật. Pháp thứ sáu không nên tư duy là gì? Đó là xem tướng. Sa-môn không nên tư duy pháp ô nhiễm của thế gian làm tăng tham, sân, si, tư duy tướng ấy làm ngăn ngại, phế bỏ pháp lành. Nếu các Sa-môn, làm Sa-môn, biết tướng động đất, tướng ô nhiễm của thế gian, hoặc ngày hoặc đêm, tư duy như vầy: Sắp có động đất, nay thấy có tướng đó là: Nước ở trên đất vốn đứng yên lặng, bằng phẳng, gió thổi liền lay động, tuy động nhưng không đục, do sắp động đất, gió thổi liền đục, hoặc lúc sắp mưa thì loài kiến vận chuyển trứng; mặt trăng bị xâm thực thì dầu mỡ chìm xuống nước, chim ở trên không bay xuống gần mặt đất; mặt trời sắp bị xâm thực, các phương có màu đỏ; nếu sắp an ổn, gió ẩm ướt thổi, các phương không có bụi xoay chuyển theo chiều phải, thấy tướng như vậy thì biết an ổn.

Nếu sắp có điềm xấu, các phương đỏ, vàng, khô, không có màu mỡ màng, gió khô nổi lên, vừng sáng hình bánh xe của mặt trời có các màu đỏ, vàng, xanh ở trong hư không; mặt trời sắp bị xâm thực các phương có màu đỏ. Nếu sắp có điềm lành phương ấy liền có gió ẩm ướt thổi, trong sạch không nhơ, sương mù không có bụi, lại thấy tướng lành, xoay theo chiều bên phải.

Tướng báo hiệu sẽ có điều chẳng lành là: Thấy các phương có màu đỏ, vàng, màu khô khan không mát mẻ, hoặc thấy phương ấy không có gió ẩm ướt thổi, thấy vừng sáng hình bánh xe của mặt trời có màu đỏ, vàng, xanh xuất hiện ở trên hư không.

Sa-môn ác ấy làm Sa-môn, coi tướng như vậy, do xem như vậy, phế bỏ việc tọa thiền, đọc tụng kinh luật, suy xét ghi nhớ và nói ra để mong cầu của cải và các loại đồ cúng dường. Họ suy tính xem hai vua ai thắng ai thua, để từ đó cầu thắng hay thua nên trong tâm sinh tham, sân, si. Ba loại như vậy, việc ấy là gốc. Tỳ-kheo này mắc ba thứ lỗi, đã không phải Sa-môn, lại không phải thế tục.

Nếu là Sa-môn thiện làm Sa-môn, thì không sử dụng phép coi tướng vì thấy tướng này làm tăng trưởng dục nhiễm.

Lại có sự xấu xa khi tư duy về tướng là: Có thầy xem tướng khi vua muốn tiến hành chiến tranh, hỏi ông ấy về thời tiết. Ông ấy dự đoán: Ở trong thời gian vào ngày đó tiến hành chiến tranh sẽ đánh bại mọi người,

nếu những kẻ muốn chiến đấu ở nơi nào đó giết được vô lượng trăm ngàn chúng sinh, bắt trói và làm tan rã hết.

Ở trong thành hoặc trong nước như vậy, hoặc nơi nhiều người, nơi các vua chiến đấu với nhau, hủy hoại lẫn nhau, có thể khiến cho vô lượng trăm ngàn chúng sinh mất mát thọ khổ.

Sa-môn ác ấy coi ngày cho vua, coi thời tiết cho vua, nói rằng: Ngày đó tốt, thời đó tốt, vua chắc chắn thắng có thể đánh bại các vua khác. Xem tướng rồi họ nói như vậy. Sa-môn ấy tư duy như vầy: "Nếu vua đó thắng ta sẽ được vua cho nhiều của cải, được cúng dường nhiều, sẽ được việc như vậy từ nhà vua".

Sa-môn ác ấy làm Sa-môn, diệt mất pháp lành tọa thiền, đọc tụng kinh luật, hoặc có lúc tăng trưởng pháp bất thiện do họ phân biệt thắng với không thắng. Do tư duy pháp như vậy, khi chết người ấy bị đọa trong đường ác, sinh trong địa ngục.

Do nhân duyên này, nếu Sa-môn lành nào làm Sa-môn thì không tư duy tướng của thế gian, vì tư duy việc này thì ba thứ lỗi phát sinh làm ngăn ngại pháp lành. Nếu không tư duy tướng thế gian này mà tư duy pháp khác sẽ lìa ba thứ lỗi, giữ chánh niệm, tư duy pháp xuất thế gian.

Pháp này thế nào? Đó là như biết tướng động đất nên cả ngày lẫn đêm tư duy như vầy: "Sắp có động đất".

Người này hoặc ngày hoặc đêm sao không tư duy về đất tâm đang động. Như lúc động đất tất cả núi, sông, vườn tược, cây cối, thôn thành trên thế gian đều lay động, cũng như vậy, do đất tâm động, tất cả đại địa pháp thiện và các pháp khác đều lay động. Vì vậy, Sa-môn nào thật là Sa-môn thì nên quan sát đất tâm này trước chắc chắn là do tham dục phát động nên đất tâm lay động, đất tâm chấn động. Đất tâm này bị ba pháp làm lay động. Đó là tham, sân, si khiến đất tâm động. Như đất sắp động ắt có tướng báo trước đó là nước vốn trong, gió thổi liền đục, cũng vậy, kẻ phàm phu khi tham, hoặc sân, hoặc si sắp sinh, sắc mặt người đó liền tái hoặc đỏ như là sự vẩn đục báo trước. Do đó Sa-môn làm Sa-môn nên quán tướng này, giữ lấy tướng Niết-bàn. Người quán tướng này không bị khổ não. Tướng tâm địa này là tướng xuất thế gian.

Lại nữa, quán tướng pháp thế gian, do mưa sắp rơi, đàn kiến liền vận chuyển trứng. Sa-môn này làm Sa-môn quan sát tướng xuất thế gian như vầy: Như ở trong thôn, trong thành nơi có nhiều người, thấy có Đàn-việt hoặc các Sa-môn, Bà-la-môn, các trưởng giả vì tin Phật, vì nghe pháp đi đến gặp Phật. Sa-môn lành ấy làm Sa-môn thấy thật tướng như vậy liền dự

đoán:

–Nay ở xứ ấy có Phật Thế Tôn, sắp nói chánh pháp. Đàn-việt, các Sa-môn, các Bà-la-môn, các trưởng giả đều đến gặp Phật. Đức Phật quyết định chuẩn bị nói chánh pháp. Nay thấy tướng này chẳng phải là tướng thấp kém. Nay biết tướng này là tướng mưa pháp.

Lại nữa, Sa-môn ác ấy làm Sa-môn, thấy tướng ánh sáng mặt trăng, biết chắc mặt trăng sắp bị xâm thực, do đặt dầu trong nước dầu liền chìm xuống, tướng như vậy chẳng tốt, chẳng lành cũng chẳng tịch tĩnh. Tướng như vậy chẳng phải tướng Sa-môn, chẳng phải tướng tịch tĩnh. Tướng của Sa-môn ấy không thích hợp với sự quan sát tướng xuất thế gian. Xem mặt trăng thế gian rốt cuộc là ác, biết mặt trăng chánh pháp chắc chắn bị xâm thực vì dầu chánh pháp bị chìm trong nước tâm của người tà kiến. Tướng này chẳng lành, cũng chẳng mát mẻ. Tướng thứ nhất này chẳng phải là tướng mặt trăng thế gian bị xâm thực.

Lại nữa, Sa-môn ác làm Sa-môn lại quán tướng khác của nguyệt thực ở thế gian như mặt trăng đang bị xâm thực, chim trên không trung bay gần xuống đất, Sa-môn này làm Sa-môn lại quán tướng không thích hợp.

Lại có tướng tốt, tướng xuất thế gian nên quan sát, đó là quán mặt trăng chánh pháp bị xâm thực. Như vậy mới là Sa-môn sống theo chánh pháp.

Hiện tượng chánh pháp bị xâm thực là: Sa-môn ấy hiểu biết thấp kém, hạ mình dưới Đàn-việt, hạ mình đi cạnh người thế tục như chim bay xuống thấp, xuống gần với những kẻ bạch y không đàng hoàng, những kẻ tà kiến, đi đến nhà họ để nói chuyện như chim ở trên không bay xuống gần mặt đất, bị lỗi thoái thất.

Tất cả Sa-môn, nếu làm Sa-môn nên quan sát tướng này là tướng thù thắng nhất, chứ không nên quan sát tướng mặt trăng bị xâm thực kia, vì đó chẳng phải là tướng tốt.

Lại có tướng: Nếu Sa-môn ác làm Sa-môn dùng tướng mặt trời bị xâm thực để quán tướng thế gian. Mặt trời sắp bị xâm thực, các phương liền đỏ. Sắp có điều lành phương ấy liền có gió ẩm ướt thổi, trong sạch không bụi, thấy tướng lành ấy xoay tròn bên phải là tướng thích hợp.

Sa-môn lành ấy làm Sa-môn, không nên xem tướng ấy vì nó là ngăn ngại việc tọa thiền, đọc tụng. Tướng thế gian này chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải an lạc.

Như vậy, như vậy Sa-môn lành ấy làm Sa-môn, muốn được tịch tĩnh hãy quan sát tướng xuất thế gian, quán mặt trời Bồ-tát sẽ được Bồ-tát Nhất

thiết trí bảo hộ hoặc trong một kiếp, hoặc trong hai kiếp, hoặc trong ba kiếp quyết định sẽ được dự vào. Sa-môn này thấy tướng của Bồ-tát xuất thế gian, đó là tinh tấn, bố thí, trí tuệ. Tướng của phương màu đỏ là tâm Từ bi thương xót tất cả chúng sinh. Màu đỏ của thân Bồ-tát sẽ làm chúng sinh yên ổn. Bồ-tát này có đầy đủ công đức lớn nhất, tướng nhất thiết trí chắc chắn sẽ viên mãn, ắt sẽ thuyết pháp. Các phương không có uế tạp, không có bụi mù ngăn che là khi lìa khỏi điều ác. Những thứ ấy báo hiệu sắp có điềm lành là gió mát danh xưng của Như Lai thổi.

Như chỗ nhà coi tướng ở thế gian thấy, nhà coi tướng xuất thế gian này thấy tướng chưa đến tướng Thanh văn, Duyên giác, A-la-hán. Tướng xoay tròn bên phải là sự quan sát chân chánh.

Lại nữa, thầy coi tướng chỉ thấy tướng sinh tử trong pháp thế gian như vậy, khi có điều chẳng lành liền thấy các phương có màu đỏ, vàng, khô, không có sắc ẩm ướt hoặc thấy phương ấy không có gió ẩm thổi, có vầng sáng hình bánh xe màu xanh, vàng, đỏ của mặt trời xuất hiện ở trong không trung. Sa-môn ác ấy quán tướng như vậy làm ngăn ngại, phế bỏ việc tọa thiền, đọc tụng. Nếu Sa-môn lành làm thầy coi tướng xuất thế nói trước cho các tín đồ, sẽ có chỗ chẳng tốt. Cái gì là không tốt? Đó là thấy tướng như vậy làm ngăn ngại chánh pháp. Tướng như vậy là như thấy phương ấy có màu đỏ, chánh pháp sắp diệt có tướng như vầy: Người các phương ưa thích nói lời độc ác, nói dối, nói hai lưỡi, sát sinh, trộm cướp. Gió khô thổi lúc có người ấy là tiếng xấu. Nếu có chúng sinh thực hành phi pháp thì gió tiếng xấu thổi đồn khắp tám phương, phổ biến khắp bốn phương. Do các chúng sinh không thực hành chánh hạnh, tạo nghiệp bất thiện, nên gió tiếng xấu thổi đồn khắp như vậy.

Thầy coi tướng ở thế gian thấy vầng sáng hình bánh xe màu đỏ, xanh, vàng của mặt trời xuất hiện ở trong hư không, thầy coi tướng này là thầy coi tướng thế gian. Thầy coi tướng xuất thế gian thấy vừng sáng hình bánh xe màu xanh, vàng, đỏ của mặt trời là Sa-môn ác, Bà-la-môn ác.

Chúng hội như vậy chẳng phải là Nhất thiết trí mà khởi lên sự kiêu mạn về trí, tự xưng ta là bậc Nhất thiết trí. Người tà kiến này chẳng phải là mặt trời thật, chẳng phải là nhất thiết trí tự xưng là nhất thiết trí, chẳng phải là dòng họ tốt, chẳng phải sinh ra trong dòng họ Phạm. Khi mặt trời tà kiến của người này xuất hiện, tất cả cây cỏ, vườn, lá cây đều khô, như vậy là vườn cây tất cả người thiện và cỏ thuốc chánh kiến đều khô hết.

Như vậy, như vậy mặt trời chánh pháp xuất thế gian này xuất hiện làm tăng trưởng việc tọa thiền, đọc tụng và trí tuệ thù thắng sáng sủa, Đệ

nhất nghĩa đế. Người ấy quan sát tướng thế gian như vậy, quan sát trước rồi sau đó dự đoán, đó là có các vị Sa-môn, trưởng giả có đức tin dự đoán như vậy: Các bạn gặp mặt trời chánh pháp xuất hiện đều nên siêng năng tạo các nghiệp lành chớ để sau này tất cả chánh pháp đều diệt hết mặt trời tà kiến xuất hiện, chẳng phải Sa-môn tự xưng là Sa-môn, chẳng phải Bà-la-môn tự xưng là Bà-la-môn, chẳng phải Nhất thiết trí tự xưng là Nhất thiết trí. Khi vừng sáng mặt trời hình bánh xe Sa-môn ác, Bà-la-môn ác xuất hiện các ông sẽ bị não hại.

Dự đoán về pháp Nhất thiết trí như vậy thì thích hợp. Đó là thầy xem tướng chân thật có ý rất thù thắng. Người có thể tư duy về tướng như vậy không phế bỏ việc tọa thiền, đọc tụng kinh luật. Người tư duy về tướng thế gian thì làm ngăn ngại việc tọa thiền, đọc tụng.

Đường thế gian và đường xuất thế gian hơn kém như vậy. Pháp thế gian thì thuộc về sinh tử. Pháp xuất thế gian thì lần lượt dẫn đến Niết-bàn.

Khi ấy Đức Phật Ca-diếp nói kệ:

Lìa tọa thiền, đọc tụng
Thường ưa thích xem tướng
Người ấy bỏ pháp lành
Không thể đắc Niết-bàn.
Nếu xả bỏ việc mình
Mà ưa thích việc người
Hai pháp ấy hoại mất
Sẽ đi vào đường ác.
Người nào bỏ nhà mình
Mà ưa thích nhà người
Sẽ bị người chê cười
Mau chóng bị bần cùng.
Ý ngu ác như vậy
Tự cho mình hơn hết
Xả bỏ pháp của mình
Để tu tập pháp khác.
Xuất gia mà tà mạng
Mất pháp mất danh xưng
Bị người khinh như cỏ
Vị lai đọa đường ác.
Xả bỏ pháp tịch tĩnh
Mà thực hành nghiệp ác

Người ấy không bao lâu
Do đây mất Phật pháp.
Tâm mong mỏi lìa dục
Không mong cầu gì khác
Siêng năng và biết đủ
Như vậy là hành thiền.
Nếu tâm thích dục lạc
Thường tham ăn và uống
Là giặc đắp ca-sa
Không gọi là Tỳ-kheo.
Nếu Tỳ-kheo nói tướng
Thường tư duy sao hạn
Gần vua, sống phóng dật
Chẳng thích hợp Tỳ-kheo.
Làm thầy thuốc thợ vẽ
Nghe pháp ác tán, vịnh
Sống chung với người ác
Liền mất pháp Tỳ-kheo.
Ghét ngồi thiền, đọc tụng
Ưa thích việc nói nhiều
Ham của cải cúng dường
Liền mất pháp Tỳ-kheo.
Tìm cầu các vật báu
Ưa thích hiểu biết nhiều
Lại tham của cải khác
Thoái thất pháp Tỳ-kheo.
Chỉ tham đồ ăn uống
Ngã mạn không hỏi người
Mong được người ca ngợi
Đánh mất pháp Tỳ-kheo.
Nếu không gần tất cả
Lìa bỏ chúng ác độc
Ăn rau cỏ đạm bạc
Là Tỳ-kheo chân thật.
Đạt các cảnh giới rồi
Bỏ chúng như bỏ lửa
Trừ bỏ lỗi ngã mạn
Là Tỳ-kheo chân thật.

Trong ngoài đều tịch tĩnh
Ánh sáng trí trang nghiêm
Y trì giới che thân
Là Tỳ-kheo chân thật.
Lìa bỏ pháp thế gian
Như Tu-di không động
Thương tất cả thế gian
Là Tỳ-kheo chân thật.
Ở trong thành ba đêm
Nơi đông người đều vậy
Chỉ ở trong hang núi
Là Tỳ-kheo giải thoát.
Sợ ác không gần người
Hạnh chánh tâm không động
Trí xét kỹ vắng lặng
Là Tỳ-kheo độc hành.
Không đọa thường ái ngữ
Lìa bỏ bạn bè ác
Không thích làm lăng xăng
Là Tỳ-kheo giải thoát.
Tỳ-kheo ấy như vậy
Được thoát khỏi các cõi
Biết thế gian, Niết-bàn
Tâm bình không mong cầu.
Tâm thường ưa trí tuệ
Và do khéo tịch tĩnh
Nên thoát nỗi lo sợ
Là sinh lão bệnh tử.

Tỳ-kheo này đắc A-la-hán, nếu không như vậy thì chỉ có tên là Tỳ-kheo vì tự làm ngăn ngại, rơi xuống bờ hiểm. Pháp thứ sáu này gây chướng ngại như vậy, nếu là Sa-môn lành thì không nên làm.

Lại nữa, Sa-môn nào thật là Sa-môn thì không nên phạm pháp thứ bảy. Pháp thứ bảy là gì? Đó là chỉ chuyên ăn uống đầy bụng. Việc này gây ra nhiều tham, sân khiến xả bỏ tất cả việc tọa thiền, đọc tụng, chỉ ngồi không trên giường lớn mà thôi, thọ dụng một cách uổng phí đồ đạc, giường nằm, tọa cụ, thuốc trị bệnh thuộc về chúng Tăng.

Lúc ở nhà, người này bê trễ, biếng nhác, sợ phải làm việc cho nên

xuất gia, người này chỉ tham mùi vị thức ăn, thường tìm đến nơi hội hè để tìm xin đồ ăn uống hoặc cảnh giới vui.

Tỳ-kheo này là Tỳ-kheo tuy sống mà coi như đã chết, tuy được gọi là Tỳ-kheo nhưng không thể tọa thiền, đọc tụng kinh luật, phá hủy tịnh giới. Những người khác khi chết chỉ bỏ xác thân còn Tỳ-kheo hủy giới thì phá hủy tất cả pháp lành.

Tỳ-kheo này chỉ hay ngồi trên giường, tâm sinh kiêu mạn, tự cho là tốt, chỉ là Tỳ-kheo trên hình dáng và y phục mà thôi. Người ấy thực chất không có giới, lìa bỏ giới chân chánh.

Điều được gọi là giới đó là tâm giới thì người này không thể thọ trì, không thể làm theo.

Giới có bảy loại. Những gì là bảy? Đó là khẩu giới. Tỳ-kheo giữ khẩu giới không nói chuyện với Tỳ-kheo hoặc người đời trừ khi có pháp sự. Trừ lúc khất thực, Tỳ-kheo giữ giới không nói chuyện với phụ nữ, hoặc chú nguyện rằng: "Cầu cho cô được an lạc, được Niết-bàn".

Khi gặp mẹ hay chị em gái, Tỳ-kheo này chỉ dòm chân họ, chớ không dòm mặt, y phục và đồ trang sức. Bấy giờ, Đức Thế Tôn Ca-diếp nói kệ:

Tay rờ hoặc gió thổi
Lửa này đốt rất chậm
Thấy phụ nữ lửa phát
Đốt liền không đợi lâu.

Vì vậy Tỳ-kheo nào sợ bị lửa dục thiêu thì không được nói chuyện với tất cả các phụ nữ. Đó là giới thứ nhất.

Lại nữa, giới thứ hai là không gần gũi bạn ác, không ở lâu tại một chỗ, không nhận nhiều tài lợi, xả bỏ đồ cúng dường dư thừa, không bỏ người bệnh, không gặp vợ con, chỗ nào có nhiều lợi dưỡng liền bỏ mà đi vì sợ sinh tâm tham, lìa bỏ không ở cùng chỗ với người phá giới.

Bảy loại như vậy Tỳ-kheo ấy không giữ gìn, chỉ tham ăn uống, nếu thấy hoặc nghe đến của cải hoặc đồ cúng dường của người khác liền sinh buồn rầu và nghĩ như vầy: "Nay ta phải làm gì để được các lợi dưỡng ấy".

Tư duy như vậy, tâm họ liền sinh tham đắm, tâm cấu uế như vậy làm tâm tham sinh trưởng.

Sa-môn ác ấy hủy hoại tất cả pháp lành, ngày đêm thường buồn không được yên ổn. Tỳ-kheo ấy, thấy các Tỳ-kheo trì giới khéo thực hành, được người khác cúng dường liền sinh lòng ganh ghét tham lam và liền đi đến nhà người Đàn-việt, cải trang hình dáng, y phục, ít nói và đi từ từ, tâm không yên tĩnh nhưng bên ngoài trá hiện oai nghi và tướng yên tĩnh, thân

mặc y vá, lại kết bạn cùng với nhiều người không trì giới, chỉ có tiếng rỗng, thực hành pháp ác. Họ cùng bạn bè theo nhau đến nhà Đàn-việt hiện tướng trì giới như vậy tùy theo chỗ toan tính của tâm.

Người Đàn-việt ấy cho rằng Tỳ-kheo này là người giữ giới mới nghĩ: "Những Tỳ-kheo này giữ giới bậc nhất". Các Tỳ-kheo ác trá hiện tướng trì giới này khiến người Đàn-việt sinh tâm tin tưởng kính trọng rồi cùng với bè bạn thường đến nhà người Đàn-việt.

Tỳ-kheo này, tùy theo chỗ hiểu biết ít nhiều về Phật pháp của mình, cùng với bè bạn nói pháp mà mình biết cho Đàn-việt ấy.

Với phương tiện như vậy, họ làm cho Đàn-việt đem những lợi nhuận của mình cho các Tỳ-kheo ấy.

Tỳ-kheo như vậy, tuy hình tướng là Sa-môn nhưng thật ra là kẻ cướp lớn nhất, đến nhà Đàn-việt tạo phương tiện để đoạt của cải nơi người khác dưới hình thức nhận cúng dường. Tỳ-kheo này thấy của cải của người khác, thấy đồ cúng dường của người khác liền sinh tham lam, ganh ghét chưa từng tạo pháp lành trong khoảnh thời gian nháy mắt.

Tỳ-kheo ác phá giới này xả bỏ việc tọa thiền, đọc tụng, chưa từng có một niệm nào không thuộc về địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

-oOo-

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 50

Phẩm 6: Quán thiên (Phần 29)

DẠ-MA THIÊN (Phần 15)

Lại nữa, do tâm lừa dối, Tỳ-kheo ấy cùng với bạn bè của mình, nói lỗi xấu của Tỳ-kheo trì giới với nhà Đàn-việt đã quen biết, hoặc do tâm ghen ghét nói rằng các vị kia phá giới, hoặc do tâm ganh ghét nói rằng các vị kia dốt nát, hoặc nói về hành tướng của các vị ấy với tâm ganh ghét.

Tỳ-kheo ấy nói với Đàn-việt: "Thầy của các ông hủy phá giới cấm, hoặc nói là biếng nhác, không nghe, không trí, ngu si như chim, ít nghe, ít trí tuệ".

Tỳ-kheo ác này nói xấu như vậy với Đàn-việt, thường gần gũi, quen thuộc với cảnh giới phi pháp, làm sao có thể tu thiền, đọc tụng?

Người ấy trống rỗng, không chắc, không thật, khi chết bị đọa vào đường ác, sinh trong địa ngục.

Khi ấy, Đức Thế Tôn Ca-diếp Như Lai nói kệ:

Người nói lời vọng ngữ
Gây hại cho chúng sinh
Người ấy như bóng tối
Tuy sống mà như chết.
Nói tựa dao cắt lưỡi
Làm sao lưỡi không rơi
Ai nói lời vọng ngữ
Mất công đức chân thật.
Người nào nói vọng ngữ
Trong miệng có rắn độc
Dao nằm ở trong miệng
Lửa hừng cháy trong miệng.
Độc trong miệng mới độc
Nọc độc rắn không bằng
Miệng độc hại chúng sinh

Khi chết đọa địa ngục.
Ai nói lời vọng ngữ
Mủ từ miệng chảy ra
Lưỡi liền thành bùn nhơ
Lưỡi cũng như lửa hừng.
Dây trói này như vậy
Đẩy ta vào địa ngục
Cầu pháp bị phá hoại
Đều do lỗi vọng ngữ.
Người nói vọng ngữ ấy
Thì chẳng còn cha mẹ
Cũng không thể giữ giới
Đọa vào trong đường ác.
Người nào nói vọng ngữ
Liền bị người khinh rẻ
Bị người thiện tránh xa
Chư Thiên không hộ trì.
Ai không giữ lời nói
Dễ có nhiều sân hận
Tâm ai ưa nói nhiều
Sẽ thường chịu khổ não.
Thường ganh ghét người khác
Cùng với chúng sinh ác
Tìm cách gây rối người
Do đó đọa địa ngục.

Đức Phật Ca-diếp đã dạy bảo bảy loại pháp ác làm chướng ngại việc tọa thiền, đọc tụng như vậy. Tỳ-kheo ác ấy gây sự bất lợi đối với Tỳ-kheo trì giới cho nên bị chư Thiên xa lánh. Trong miệng họ sinh ra dao, vì món lợi nhỏ mọn mà nói người thật có công đức là không có công đức và nói người thật không có lỗi là có lỗi. Người như vậy là Sa-môn ác, tự xưng là Sa-môn mà nói lời vọng ngữ. Người ấy thường có ý ác, hạnh ác và pháp ác. Về sau, người Đàn-việt biết liền khinh rẻ vì biết sự lừa dối của người ấy. Đây là pháp thứ bảy. Vì vậy, Tỳ-kheo nên xả bỏ pháp ác thứ bảy này, đó là việc nói láo vì muốn đồ ăn thức uống mà thí chủ cúng dường đều thuộc về mình.

Lại nữa, pháp ác gây chướng ngại thứ tám làm ngăn ngại việc tọa thiền, đọc tụng cho nên Sa-môn phải bỏ. Pháp thứ tám là gì? Đó là góp nhặt các loại châu báu để tạo thành các vật báu.

Tỳ-kheo này sợ sinh tử, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y xuất gia với lòng tin. Ở trong sinh tử có nhiều khổ não, tóm lại mà nói thì có hai loại khổ dựa vào ấm, giới, nhập, ở trong ba cõi, nói rộng là năm đường. Lại nói rộng hơn là tám địa ngục lớn, ngạ quỷ, súc sinh, sáu cõi trời Dục giới. Ở trong Dục giới, có đủ các loại khổ chi nhánh khác. Ở trong Sắc giới có nỗi khổ về tâm, ở trong cõi vô sắc có nỗi khổ thoái đọa. Cho nên, lúc sắp thoái thất thì mất chánh định. Tâm này có vô lượng khổ khác nhau. Thiện nam ấy quán xem sự khổ não rồi, tâm sinh chán ghét, sợ vô lượng lỗi xấu xa như vậy, nên cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y, xuất gia với lòng tin Tam bảo.

Sa-môn ấy lại quán xét các khổ khác, tâm sinh lo sợ. Đó là thân khổ. Thân khổ ở hai nơi là Dục giới và Sắc giới, tùy theo chỗ có thân đều chịu khổ não.

Ở trong Sắc giới làm sao thọ khổ? Đó là trong lúc thiền định sự mệt mỏi xuất hiện, nên khi thiền xong thân liền mệt mỏi. Khi họ sắp thoái đọa, oai đức của họ kém cỏi, gió chạm vào thân. Gió này từ trước đến nay không chạm mà bây giờ chạm vào thân cho nên họ thọ khổ. Chỉ trừ nhãn xúc là thọ vui, không khổ vì là vô ký.

Việc thọ khổ không giống nhau, sai khác như vậy, dựa vào sắc thân mà có.

Nghe điều này rồi, người thiện nam ấy biết tất cả khổ não trong sinh tử đều do sự tụ tập của ấm, giới, nhập hòa hợp nên khổ.

Người ấy quán vô lượng vô biên nỗi khổ sinh tử rồi, liền xuất gia. Đã xuất gia rồi họ gần người ác. Do gần người ác nên họ cùng người ác tạo nghiệp khi nghe đến tính chất châu báu. Vì sợ tính chất gì mà họ xuất gia với tín tâm và khi nghe tính chất khác lại sinh tâm tham? Hoặc nghe tính chất của vàng, hoặc nghe tính chất của bạc, hoặc nghe tính chất của châu báu, nghe như vậy rồi, họ không biết chán, biết đủ, bị lửa tham thiêu đốt.

Bị lửa ấy thiêu đốt rồi, họ cùng người bạn ác đi ở trong núi, từ núi đến núi, từ ngọn núi đến ngọn núi. Họ đi khắp như vậy ở những nơi sâu kín, bị lửa tham thiêu đốt, ngày đêm thường thọ khổ không có lúc vui.

Do nhân duyên gì người xuất gia này không niệm tánh xả bỏ thân mạng mà tư duy về tánh khác của vàng bạc,… nghĩa là không tư duy về tính chất của thân mạng như đã nói ở trước.

Với tâm ý bất chánh, rối loạn như vậy, người ấy bị trở ngại việc tọa thiền, đọc tụng, đánh mất pháp lành.

Người ấy chẳng phải là Sa-môn, cũng chẳng phải là người đời, vì muốn cầu Niết-bàn cho nên xuất gia, bị tánh quỷ trói buộc liền sinh tâm

tham, bị dây tham trói buộc nên rơi vào địa ngục.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn Ca-diếp nói kệ:

Người quan sát tánh thân
Là quán tất cả tánh
Ai muốn đắc Niết-bàn
Phải điều phục tánh thân.
Nếu xả bỏ tánh thân
Tham đắm các tánh khác
Nên mê muội chân tánh
Không thoát được khổ não.
Tánh vàng đâu có thể
Trừ bỏ các khổ não
Người ấy rõ chân tánh
Được thoát khổ không nghi.
Trong tất cả các khổ
Khổ này khó thoát được
Đối với vua, giặc, lửa
Tất cả đều lo sợ.
Vì vậy nên xả vật
Như xưa nay không vật
Lìa bỏ thì được vui
Cất giữ thì chịu khổ.
Biết rõ về tánh thân
Lại biết rõ tánh tướng
Ưa thích việc thiền, tụng
Đốt cháy núi phiền não.
Vì vậy người trí tuệ
Quan sát tánh của thân
Chúng sinh biết tự tướng
Liền được vui Niết-bàn.

Người có trí phải siêng năng quán tính chất của thân này, không thích kinh doanh vàng bạc…. Đó là gốc lo sợ của tất cả người tại gia, huống gì là người xuất gia. Người xuất gia phải xả bỏ tất cả. Tất cả tài vật ấy đều đáng sợ, chẳng phải là tài vật chân thật. Thú vui như vậy, tài vật như vậy chẳng phải là tài vật, chẳng phải là tánh của tài vật.

Vậy cái gì là tài vật? Đó là quán tánh của thân. Nếu bỏ tánh của thân mà thích tánh khác thì không siêng năng tọa thiền, tụng kinh. Người như

vậy khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục.

Vì vậy niệm xuất gia phải thường góp nhặt tài vật thiền, tụng, không nên tìm cầu vật tầm thường ở thế gian, vì nhân duyên ấy làm tăng trưởng tham ái. Do đó, biết đủ là tài vật tốt nhất, tài vật khác chỉ hay khiến khổ não.

Pháp thứ tám này làm ngăn ngại việc tọa thiền, đọc tụng, người Sa-môn xuất gia phải nên xả bỏ.

Lại nữa, pháp ác thứ chín gây chướng ngại ngăn cản Tỳ-kheo tọa thiền, đọc tụng vì vậy Sa-môn nên lìa bỏ. Pháp thứ chín là gì? Đó là thân cận nhà vua.

Người xuất gia không nên thân cận vua. Vì sao? Sa-môn gần vua bị tất cả người đời hiềm khích, không cúng dường. Sa-môn ác thân cận vua ấy để mong cầu của cải, thường xin tài vật ở thành hoặc thôn, hoặc nơi nhiều người, không biết chán, không biết đủ. Nếu không tìm xin thì cứ theo nhà vua, bỏ bê việc tọa thiền, đọc tụng. Tỳ-kheo này phát tâm muốn hành đạo giải thoát mà ngược lại đi vào con đường trói buộc.

Vì vậy, Tỳ-kheo không nên gần vua. Lại nữa, Tỳ-kheo không nên gần hạng người nào? Tỳ-kheo không nên gần người ác. Người ác là người gì? Đó là bạn ác, hoặc có lúc đắm nhiễm nơi cảnh giới năm trần, không khéo quan sát sắc, thanh, hương, vị, xúc, lười biếng ngu si, sống trong thôn ấp. Ta phải trừ bỏ hết thảy, không gần tất cả những người lười biếng, không gần tất cả những người dua nịnh, dối trá, không gần tất cả những người tham ăn, không gần tất cả những người buôn bán, không gần tất cả những người đồ tể, thợ săn, sinh sống bằng nghề ác, không gần tất cả những người bản tánh hay ghen ghét, không gần tất cả những người tà kiến, không gần tất cả những người hời hợt, không gần tất cả những người ngã mạn, không gần tất cả những người giàu có, quan quyền, không gần tất cả những người cờ bạc, không gần tất cả những người bán rượu, không gần tất cả những người nghiện rượu, không gần tất cả các quán rượu, không gần những người tham đắm phụ nữ, không gần tất cả tú bà, không gần tất cả người mua bán, tích trữ hàng hóa, không gần tất cả những đầu bếp của vua, không gần tất cả người gác ngục, không gần tất cả người bắt chim, không gần tất cả người ưa lý luận, không gần tất cả người tin ngoại đạo, không gần tất cả người bị mọi người ghét. Tỳ-kheo không nên gần những hạng người này, hoặc cùng ở, cùng nói chuyện, hoặc cùng đi đường, tất cả việc ấy đều không nên làm. Vì sao? Vì làm vậy sẽ bị nhiều người nghi ngờ. Hoặc người xuất gia, hoặc những người trong sạch, xa lìa các tội lỗi đều không nên gần những người

như vậy. Nếu gần sẽ bị nghi là Tỳ-kheo ấy cũng giống như người kia ở gần người kia, hoặc ở cùng chỗ. Tỳ-kheo này bị lỗi của người khác làm cấu nhiễm.

Do đó không nên gần những người như vậy huống gì là gần vua. Người gần vua là người hèn hạ nhất.

Khi ấy, Đức Thế Tôn Ca-diếp nói kệ:

Tỳ-kheo nên ở rừng
Gần vua là hèn nhất
Mặc ca-sa, gần họ
Như nô lệ dựa chủ.
Tỳ-kheo không gần người
Cũng không nên gần trời
Như ngỗng không gần chó
Vì ngỗng rất sạch sẽ.
Vô ngã không tìm cầu
Tâm không mong gì cả
Người sợ hãi sinh tử
Gần vua thì chẳng tốt.
Sống ở rừng, gò mả
Hoặc đất bằng, hoặc núi
Chính là Tỳ-kheo thiện
Gần vua thì chẳng tốt.

Vô lượng phương tiện đủ loại như vậy nhắc ta đừng thân cận vua. Người thân cận vua bị những người có phạm hạnh chê trách. Người mà ta nên gần là vua trí. Gần người này sẽ được đạt đến tịch tĩnh. Do gần vua trí, chắc chắn sẽ đắc Niết-bàn, đắc được đạo quả nào cũng đều không bị thoái chuyển. Gần vua trí ấy liền có điều kiện để tọa thiền, đọc tụng, siêng năng một cách chắc chắn, không tạo nghiệp khác phế bỏ việc tọa thiền, tụng kinh, gần gũi bậc tôn trưởng, tu tập hạnh biết đủ. Tâm điều hòa, không có tham cầu, thường gần gũi các bậc tôn trưởng để tùy thời thưa hỏi, ghi nhớ không quên. Đối với những vật hiếm có, không cầu thấy nghe và cũng không cho đó là lạ. Người gần vua trí sẽ có phương tiện như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn Ca-diếp Như Lai nói kệ:

Gần tôn trưởng cúng dường
Tùy thời siêng thưa hỏi
Tu hành thí, giới, trí
Lại gần gũi vua trí.

Người chỉ chỗ yên ổn
Trong thế giới trời, người
Chẳng bị khổ trói buộc
Vua phàm ở thế gian.
Nếu không có khổ não
Mới được gọi là vua
Nếu thường chịu khổ não
Không được gọi là vua.

Tỳ-kheo nên gần vua trí này, đừng gần vua phàm vì gần vua phàm sẽ làm chướng ngại việc tọa thiền, đọc tụng. Nếu không tọa thiền, tụng kinh sẽ đọa trở lại trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Đây là cảnh giới vua phàm ở thế gian, vì vậy Tỳ-kheo biết lỗi này rồi không gần vua. Người sống trong rừng mà gần vua thì chẳng thích hợp cho nên phải lìa bỏ.

Pháp thứ chín này làm ngăn ngại việc tọa thiền, tụng kinh.

Lại nữa, pháp ác thứ mười gây chướng ngại làm Tỳ-kheo phế bỏ việc tọa thiền, tụng kinh cho nên Sa-môn phải xả bỏ.

Pháp thứ mười là gì? Đó là Tỳ-kheo mong cầu được mời mọc, ham thích mùi vị thức ăn, đã ở trong cảnh giới tu hành chân chánh rồi, về sau lại đi trong nhân gian, xả bỏ nơi đáng ưa là rừng vắng để du hành khắp nơi chốn. Tỳ-kheo này gần với sự phóng dật, đi từng nhà, từng thôn, từ thành đến thành, từ nơi nhiều người đến nơi nhiều người, đi khắp như vậy, thích nói nhiều, đi rong trong nhân gian, thích nói chuyện thế tục, thích gặp người thân, bạn cũ, mời mọc lẫn nhau, để được thức ăn ngon. Đã được đủ loại thức ăn ngon rồi, người này sống một cách hư dối trong rừng, bỏ bê việc tọa thiền, đọc kinh, sống phóng dật, mong cầu ăn uống.

Do thường tham đắm đủ loại thức ăn, không hay biết thân mạng chấm dứt nên họ vướng mắc nơi mùi vị như vậy, mong cầu được mời mọc, tâm cho là vui.

Lại nữa, Tỳ-kheo nào ở trong đời sống của mình không sống như pháp, mắt thấy sắc đẹp, do tâm ưa thích liền sinh dục nhiễm, mong cầu được thấy rồi sinh tham đắm, tâm sinh ưa thích những nơi ấy.

Tỳ-kheo này đi trong nhân gian đánh mất lợi ích của mình do việc tọa thiền, đọc tụng đem lại. Mất như vậy rồi, họ thường mong cầu mùi vị thức ăn, thường đến nhà người khác, do mắt thấy sắc, tâm sinh ưa thích, lần lượt như vậy, tai nghe tiếng, tâm sinh ưa thích; mũi ngửi mùi thơm, tâm sinh ưa thích.

Tham đắm tất cả cảnh giới như vậy, bị tất cả dây trói buộc, bị tất cả lưới ấy siết chặt, nên theo đuổi tất cả dục lạc, chẳng phải là người tại gia, cũng không phải xuất gia. Người này khi chết bị đọa vào đường ác, sinh trong địa ngục. Vì vậy không nên thích được người mời mọc. Thích được người mời mọc có lỗi như thế.

Vì thế Tỳ-kheo nên quán lỗi này không nên thường đi rong trong nhân gian.

Người tu hành có năm nhân duyên được du hành trong nhân gian. Những gì là năm? Đó là:

1. Vì đi tìm thuốc và đồ dùng cho người bệnh.

2. Vì làm lợi ích cho thầy, tổ.

3. Vì sửa chữa tháp Phật và nhà cửa bị hư hoại.

4. Vì tạo lợi ích cho chúng sinh.

5. Vua khác phá hoại nước mình, vì muốn giáo hóa vua kia để cứu mạng muôn dân.

Vì những nguyên nhân như vậy thì được đi du hành trong nhân gian. Nếu không do năm nguyên nhân này, mà đi rong trong nhân gian là đi một cách hư dối, phế bỏ việc tọa thiền, đọc kinh. Người đi như vậy không thể thoát được già, bệnh, chết, buồn khóc, kêu gào, rầu, khổ, áo não.

Sa-môn ác ấy làm Sa-môn, xuất gia một cách hư dối, vì vậy nếu Tỳ-kheo nào muốn đoạn trừ ái dục, tâm nên quan sát chân chánh để làm tịch tĩnh các căn, nương cậy vào sư trưởng, gần gũi Tam bảo, thâu giữ tâm mà đi. Nhờ nương vào Tam bảo mà có thể chặt đứt tất cả phiền não và các gốc rễ kết sử.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn Ca-diếp nói kệ:

Lìa bỏ nghiệp thiền tụng
Chỉ tham vị thức ăn
Chẳng phải là Tỳ-kheo
Tâm họ như ngạ quỷ.
Bỏ thiền thì không vui
Bậc trí nói như vậy
Lìa thú vui thiền định
Thì không còn gì vui.
Người ngu bỏ vui trên
Chỉ tham đắm các vị
Người ngu ác như vậy
Sẽ gặp việc buồn bực.

Người nào thích cảnh giới
Thường vui theo cảnh giới
Làm tăng pháp bất thiện
Chết đọa vào đường ác.
Người nào lìa thiền, tụng
Bỏ trì giới, bố thí
Hung ác khó điều phục
Tuy sống mà như chết.
Ai hành động thuận pháp
Không chết ở thế gian
Lìa pháp thường ngu si
Tuy sống mà như chết.
Tuy là mang hình người
Ngu si giống súc sinh
Do ánh sáng đèn trí
Không chiếu vào tâm họ.
Người nào giữ gìn giới
Mới được gọi là người
Tất cả người phá giới
Thì giống chó không khác.
Nếu tham không bố thí
Làm ác không sửa đổi
Thì không gọi là người
Mà xếp vào ngạ quỷ.
Người nào không giới trí
Lại không báu bố thí
Người ấy tuy còn sống
Mà không khác gì chết.
Nếu hành giới, thí, thiền
Giữ gìn niệm Tam-muội
Người ấy chính là người
Đáng được chư Thiên lễ.
Có công đức là người
Không công đức giống dê
Công đức, biết công đức
Người ấy chính là trời.

Người có công đức phải biết công đức ấy. Người có công đức ở đâu cũng vui. Nếu không có công đức thì thường chịu khổ. Vì vậy Tỳ-kheo đã

nghe công đức thù thắng như vậy rồi, thì không nên tham mùi vị. Pháp thứ mười này làm chướng ngại việc tọa thiền, tụng kinh. Sa-môn nào sợ việc sinh tử phải nên xa tránh nó.

Lại nữa, pháp chướng ngại thứ mười một làm Tỳ-kheo phế bỏ việc tọa thiền, tụng kinh cho nên Sa-môn phải xả bỏ. Pháp thứ mười một là gì?

Đó là Tỳ-kheo ngu si, do tâm ngã mạn không học hỏi người khác, bên trong không mở mang trí tuệ, bên ngoài nói với người khác: "Tôi là bậc Nhất thiết trí, tôi có Nhất thiết trí, nên tôi có thể nói, có thể giải nghĩa, có thể đọc tụng tất cả các pháp tụ, tôi nắm giữ ý nghĩa của trăm ngàn pháp, tôi dạy đệ tử, không ai có thể sánh với tôi!"

Tỳ-kheo tự giữ ý nghĩ đó trong tâm lại nói với người khác như vậy. Người ấy chỉ có trí tăng thượng mạn mà thật chẳng phải là trí. Người ấy thường nói công đức của mình với tất cả mọi người. Vì vậy, tất cả những người thế gian đã nghe họ nói đều quý trọng người ấy.

Tất cả người đời đều nói: Đó là Tỳ-kheo hoàn hảo, đủ Nhất thiết trí. Tỳ-kheo này không ai sánh kịp. Tất cả người đời nói như vậy.

Nhưng Tỳ-kheo ấy thật sự không biết gì, bên trong trống rỗng không biết gì, trong tâm không chứa gì cả giống như thùng rỗng hoặc như mây mùa thu, lìa bỏ việc tọa thiền, đọc tụng.

Nơi mà những người có chút ít trí tuệ muốn cúng dường là người tu thiền, đọc kinh, giữ giới, bố thí, siêng năng tu hành, vin theo pháp lành, trí tuệ, giới luật để sửa chữa, làm trang nghiêm, sống yên trong Phật pháp, siêng năng không ngừng nghỉ, dùng đại bi xông ướp tâm đó là những pháp mà Sa-môn nên làm.

Còn Tỳ-kheo ác ấy bên trong hoàn toàn không trí, nghĩ như vầy: "Nay nếu ta gặp Tỳ-kheo ấy, Tỳ-kheo ấy sẽ khinh chê ta, nhà Đàn-việt ấy thường cúng dường ta, nếu đến học với vị ấy thì Đàn-việt kia sẽ không cúng dường ta nữa, khinh chê ta. Vì vậy nay ta sẽ theo chỗ hiểu biết của mình mà diễn nói cho họ có hiểu hoặc không hiểu. Ta không thể đến học với người kia được".

Bên trong trống rỗng như vậy, sợ người khinh chê, do tâm ngạo mạn, đã tự mình không hiểu, lại không thưa hỏi người khác vì sợ người khinh chê.

Người nói vọng ngữ với tâm ngạo mạn như vậy đánh mất năm học xứ. Những gì là năm?

Một là vọng ngữ. Do người khác chưa biết nên người ấy nói dối với họ. Đó là người ấy đã phá học xứ đầu tiên.

Kế đó người ấy phá học xứ thứ hai là trộm cắp. Người ấy không nên nhận đồ cúng dường của người khác, vậy mà người Đàn-việt lầm tưởng rằng người ấy có trí nên đem đồ cúng dường, nhưng người ấy ngu si, ít trí tuệ mà nhận vật cúng dường. Người ngu si như vậy liền trở thành ăn trộm. Như vậy gọi là phá học xứ thứ hai.

Kế đến là phá học xứ thứ ba. Đó là Tỳ-kheo lúc mới xuất gia, thọ nhận học xứ, sống dựa vào việc trì giới, nương theo việc trì giới phát khởi tâm như vầy: "Ta đã xuất gia!" Nhưng Tỳ-kheo ấy nếu không học hỏi thì biết trì giới như thế nào, lại còn nói với người khác là ta biết nhiều. Như vậy là phá học xứ thứ ba.

Kế tiếp là phá học xứ thứ tư. Đó là khi có ai hỏi điều gì, sợ bị họ khinh rẻ nên hủy báng pháp và thuyết phi pháp, bảo rằng đó là pháp. Đây là phá học xứ lớn nhất. Như vậy gọi là phá học xứ thứ tư.

Tiếp theo là phá học xứ thứ năm. Đó là do người ấy không biết pháp, nên đối với chánh pháp người đồng phạm hạnh đã thuyết lại bảo là phi pháp và nói: Các ông không biết chút gì về pháp sâu xa, những điều các ông thuyết chẳng phải là điều Phật đã thuyết… Người ấy hủy báng chúng Tăng khác như vậy và nói: "Chỉ ta mới có thể biết, tất cả chúng Tăng các ông đều không biết gì!"

Hủy báng tăng như vậy, do sợ người khác khinh, người ấy nói với chúng Tăng là: "Các ông thuyết phi pháp", nhưng pháp chúng Tăng thuyết thật đúng là pháp.

Tỳ-kheo ác ấy đánh mất công đức chánh pháp như vậy, vọng ngữ bậc nhất, khi chết bị đọa vào đường ác, sinh trong địa ngục vì không thưa hỏi người khác nên gây nhân ác.

Không thưa hỏi người khác lại có lỗi lớn là tâm ngã mạn. Do tâm ngã mạn, họ không vào trong rừng, sợ người khinh chê nên không thưa hỏi với bậc đạo sư về cách hành đạo, thế nào là duyên của tâm, thế nào là duyên của trần, thế nào là quên mất, thế nào là thâu giữ tâm? Đối với việc ấy, do tâm ngạo mạn, họ không thưa hỏi người khác nên không thể đắc đạo. Họ sinh tâm mệt mỏi, vừa ngồi kiết già liền đứng ngay dậy, nghĩ: "Pháp này hư dối, các Tỳ-kheo ấy hiểu sai lầm về việc này!" Nên cho rằng đây chẳng phải là đạo, thật không có thiền, không có định cũng không có kết quả của thiền, không có kết quả của định.

Do ngã mạn, sợ người khác khinh chê, họ đã phỉ báng như vậy. Người tà kiến ấy khi qua đời bị đọa vào đường ác, sinh trong địa ngục.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn Ca-diếp nói kệ:

Biết thời lìa ngã mạn
Thưa hỏi bậc tôn trưởng
Tỳ-kheo siêng tinh tấn
Mau đạt được Niết-bàn.
Học hỏi được điều gì
Đều chỉ cho người khác
Tự biết lìa ngã mạn
Tỳ-kheo ấy biết chắc.
Lìa ngã mạn, đại mạn
Biết đạo, biết phi đạo
Biết mình, người như vậy
Là Tỳ-kheo biết đủ.
Tâm ngã mạn, cố chấp
Sợ sệt và ngu dốt
Mong của cải cúng dường
Thì không được tịch tĩnh.

Vì không chịu thưa hỏi người khác, tâm ngã mạn càng thêm chắc nên họ không thể tọa thiền, đọc kinh. Tỳ-kheo này thường ăn thức ăn của người khác để bảo tồn tánh mạng, người ấy chỉ có hình dáng và tên gọi Tỳ-kheo, khi chết bị đọa vào đường ác, sinh trong địa ngục, do tâm ngạo mạn không thưa hỏi người khác. Vì vậy, người học hễ còn sống thì phải thường thưa hỏi người khác. Tỳ-kheo này như thế, tâm thường an lạc, khi chết sinh vào đường lành là cõi trời. Sinh ở chỗ ấy rồi, họ dần dần tiến đến Niết-bàn, nhờ lìa ngã mạn.

Lại nữa, pháp ác chướng ngại thứ mười hai ngăn cản Tỳ-kheo tọa thiền, tụng kinh. Pháp thứ mười hai đó là thích nhiều bạn bè, có tiếng nhiều bạn bè, làm việc không lợi ích.

Tỳ-kheo như vậy chỉ tăng thêm tham ái. Tỳ-kheo nào có nhiều trở ngại, loạn động. Do làm nhiều việc tâm ý bị ngăn ngại, rối loạn. Do tâm ý rối loạn nên không thể tọa thiền, tụng kinh.

Người xuất gia xem kẻ oán, người thân đều bình đẳng, vì vậy không nên thân cận một người bạn, huống gì là có nhiều người bạn hay sao? Người bê trễ chỉ có tên là Tỳ-kheo, do đến nhà người, lúc mắt thấy sắc, tâm loạn động, nhãn thức thay đổi, tâm không nương theo pháp tịch tĩnh, không suy nghĩ, không quan sát, tâm không ngay thẳng, nói chuyện rất nhiều. Gặp bạn bè rồi kế đó nghe tiếng, tâm liền loạn động, có sự quan sát khác, tâm không tịch tĩnh, do không tịch tĩnh nên không quán sự tịch tĩnh, có chỗ nương

theo, nếu gặp bạn bè trong thời gian một niệm cũng bị ngăn ngại, huống chi là gặp bạn bè trong thời gian lâu.

Vì vậy, Sa-môn không được có một người bạn huống gì là nhiều người bạn. Nếu có Tỳ-kheo gần gũi bạn bè, đi vào nơi đông người, từ chỗ đông người đến chỗ đông người, đi chơi như vậy mà không biết mạng đang chấm dứt trong từng niệm liền mất phần tốt đẹp. Nếu mất phần tốt đẹp là tự lừa dối mình nhiều nhất, đến nỗi không thể tọa thiền, tụng kinh trong khoảng một niệm.

Thế nên Tỳ-kheo biết việc ấy tăng ái nhiễm như vậy nên không thân cận người bạn thế tục.

Lại nữa, nếu là người bạn Đạo sư, chỉ đường Niết-bàn, khiến ta được an ổn trong đời vị lai, cùng ta tọa thiền thì ta nên thân cận. Người mà ta nên đi chung là người đã diệt trừ tất cả phiền não, đến thành Niết-bàn. Đó là người bạn tốt nhất. Những người bạn còn lại thì là oan gia, chẳng phải bạn chân thật. Do không chân thật nên không phải là bạn. Nếu gặp gỡ, cùng nói chuyện, cùng đi, cùng làm việc, thì sẽ cùng làm phế bỏ nghiệp lành. Người nào tạo được năng lực như thế trong đời vị lai mới gọi là bạn, hoặc là chỉ bày phạm hạnh, hoặc khiến tu hành, hoặc dạy bảo lo lắng cho đời sau, hoặc khiến cho lo sợ bị sinh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Đó gọi là bạn lành. Còn nếu ai khiến cho thân, khẩu, ý gây ra việc ác, đi vào đường ác thì chớ gần họ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn Ca-diếp nói kệ:

Ai chỉ đời vị lai
Người ấy là bạn lành
Ai hay ngăn nẻo ác
Lại hay cứu tai họa.
Thường thuyết pháp lợi ích
Lợi lạc đời vị lai
Ấy là người bạn lành
Làm bạn được lợi ích.

Người bạn thù thắng này có vô lượng loại, vô lượng sự sai khác, thuyết pháp đủ cách, chẳng tham ăn uống, vào nhà một cách cung kính, không chỉ bày ta ưa thích sắc, thanh, hương, vị, xúc, được gọi là bạn.

Còn người bạn như đã nói ở trước chẳng phải là bạn lành, Tỳ-kheo lành nên lìa bỏ không nên gần gũi một người bạn như vậy, huống chi là gần gũi nhiều người bạn như thế. Nếu gần người như vậy sẽ sinh vô lượng lỗi.

Nếu người bạn nào tạo điều bất lợi cho đời vị lai thì tuy gọi là bạn

nhưng thật ra là oan gia. Tỳ-kheo nào gần người bạn ấy liền phế bỏ việc tọa thiền, đọc tụng.

Lại nữa, pháp ác chướng ngại thứ mười ba làm ngăn cản việc tọa thiền, tụng kinh của Tỳ-kheo cho nên Sa-môn phải lìa bỏ.

Pháp thứ mười ba là Tỳ-kheo cùng ở một chỗ với điều ác. Tất cả Tỳ-kheo đều cùng ở một chỗ với điều ác thì phế bỏ việc tọa thiền, đọc tụng.

Ở cùng chỗ với ác gồm có năm loại. Những gì là năm?

Đó là Tỳ-kheo giữ tịnh giới và pháp lành bậc nhất, có tâm ngay thẳng mà cùng ở một chỗ với người ác, phá giới bậc nhất, tự mình không có quyền lực gì hết. Đó là ở cùng chỗ với điều ác thứ nhất.

Ở cùng chỗ với điều ác thứ hai là: Tỳ-kheo chưa được vững vàng hoặc đã vững vàng mà cùng đi với người tà kiến, hoặc ở thôn, hoặc ở thành, hoặc ở nơi nhiều người, cùng đi, cùng ở. Đó là ở cùng chỗ với điều ác thứ hai.

Lại nữa, ở cùng chỗ với điều ác thứ ba là: Tỳ-kheo thường ưa gặp bạn thân, muốn đến gần họ, cùng đi theo nhau đến nhà trước đây đã ở khi còn tại gia. Đó là ở cùng chỗ với điều ác thứ ba.

Ở cùng chỗ với điều ác thứ tư là: Tỳ-kheo sợ người khác khinh chê, do cần hiểu biết nên đến nơi luận sư ác ở để thân cận làm quen. Đó là cùng ở với điều ác thứ tư.

Ở cùng chỗ với điều ác thứ năm là: Tỳ-kheo tâm ý loạn động, không thể hành động đàng hoàng, đối với đồ ăn, thức uống đã dọn sẵn hoặc ngọa cụ trải sẵn, Tỳ-kheo này hoặc đến ăn trước, hoặc đến uống trước, hoặc nằm trước, đến gần phụ nữ, hoặc là nhớ nghĩ, tư duy về các loại sắc, thanh, hương, vị, xúc đã từng thọ hưởng lúc trước.

Họ nhớ nghĩ cảnh giới và bị việc nhớ nghĩ cảnh giới phá hoại, tất cả chỗ khác đều có thể tránh nhưng cảnh giới này thì không thể tránh. Do việc xấu ác nhất này, tất cả việc tọa thiền, đọc tụng đều bị ngăn ngại rất lớn. Những nơi ác khác đều có thể tránh nhưng chỉ một chỗ này rốt cuộc không thể tránh, đó là thú vui nơi cảnh giới hiện ra từ nơi tâm, việc phân biệt xấu ác rất khó tránh, chỉ trừ tọa thiền, nhập định, quán xét chân chánh mới có thể tránh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn Ca-diếp nói kệ:

Không nhìn kỹ hướng gió
Bị thổi lửa cháy hừng
Biết quan sát trời mưa
Diệt lửa tắt không còn.

Chúng sinh trước đã có
Vô minh tối lâu đời
Nếu thắp đèn trí tuệ
Sẽ diệt hết vô minh.
Lửa si, dục thiêu đốt
Người ngu trong địa ngục
Người trí thì không vậy
Do đó đắc Niết-bàn.
Mười ba pháp như vậy
Ánh sáng trí diệt trừ
Cho nên người sợ tội
Thường phải siêng giữ giới.
Nhổ bậc ra khỏi thân
Ba loại gốc tội lỗi
Dùng lửa lớn trí tuệ
Thiêu cháy củi phiền não.

Như trên đã nói, phải tạo phương tiện để xa lìa việc ở cùng chỗ với điều ác.

Thầy Sa-môn đã xuất gia thà đi một mình, đừng nhớ nghĩ nhiều, cũng đừng bê trễ, đừng nhớ đừng thích thôn cũ, thành cũ, những nơi đông người khi xưa và các việc vui trong quá khứ. Đừng nhớ nghĩ, ưa thích ngày lễ hội khi xưa ở nơi đông người, cũng đừng nhớ nghĩ mong muốn được thấy những chỗ mình đã du ngoạn khi xưa, đừng thu nhận các đệ tử ác, không gần gũi các bạn ác, không ưa thích sắc, thanh, hương, vị, xúc, không sinh tâm ô nhiễm, đừng hành động bất chánh, tâm chớ kinh động, cũng đừng mong cầu đồ ăn, thức uống, thuốc chữa bệnh và đồ đạc cần dùng, đừng mặc ca-sa nhiều màu sắc, cũng đừng tìm cách ũi, hồ cho bóng láng, lúc tắm rửa đừng lấy bàn chân lau chùi, chà đạp thân thể, đừng nói năng bừa bãi đủ thứ chuyện, có như vậy mới thiêu đốt, tiêu diệt được sự tối tăm tích tụ từ vô thỉ đến nay.

Năm căn và cảnh giới sáu trần là cửa của đường sinh tử cực ác. Ngọn lửa phân biệt phát khởi ra địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, thường thiêu đốt tất cả phàm phu ngu si trên thế gian làm họ trôi lăn khắp nơi, bị thiêu đốt, tan rã, vào trong biển khổ. Vậy mà chúng sinh vẫn chưa nhàm chán việc trôi lăn nơi sinh tử nên bỏ bê việc giữ giới.

Nếu người sinh lên trời, phóng dật bậc nhất, về sau thoái đọa khỏi cõi trời ấy, xa lìa những người bạn thù thắng trước đây, sinh trong địa ngục,

ngạ quỷ, súc sinh, thọ khổ vô cùng, bị lửa buồn rầu thiêu đốt, không ai cứu giúp, bị phóng dật phá hoại.

Vì những lý do như vậy, các chúng sinh nào lo sợ bị thoái đọa đều phải tu tập chánh pháp một cách thường xuyên, không gián đoạn. Pháp luật này là do tất cả các Đức Phật dạy để đoạn trừ phóng dật của các vị trời phóng dật.

Người nào được sinh Thiên đều do sức của việc trì giới. Nếu có người nào khéo điều phục tâm thì không được bảo rằng người này chết. Khi thân hoại mạng dứt, người này sinh vào đường lành là cõi trời.

Tất cả Thiên chúng các ông chưa biết nguyên nhân sinh ở cõi trời này là do sự coi trọng hay coi khinh giới. Vì muốn cho các ông được lợi ích nên ta chỉ dạy rõ về nghiệp ấy, thuyết mười ba pháp môn này. Cõi trời, cõi người làm nhân duyên lẫn nhau. Cõi người thì có thể trì giới, cõi trời thì không thể trì giới. Người chết sinh Thiên, nếu không phóng dật, khi thoái đọa sinh trở lại làm người.

Do nhân duyên đó, ta nói kinh này, Đức Phật Ca-diếp Như Lai làm lợi ích cho hàng trời, người, khiến được an lạc cho đến Niết-bàn, tạo lợi ích cho tất cả thế gian như vậy.

Bấy giờ, Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà và Thiên chúng ở nơi ấy rất là nhàm chán, tuy sống ở cõi dục nhưng không buông lung theo dục lạc. Tất cả đều thành tựu hạnh không phóng dật, đảnh lễ tháp Phật Ca-diếp Thế Tôn. Tâm họ thanh tịnh, tất cả chư Thiên ấy đều trở về chỗ cũ.

Kinh thứ sáu là kinh của Đức Phật Ca-diếp đã hết.

Pháp này gọi là sáu kinh được lưu hành ở vùng đất có đầy đủ cây cối.

Khi ấy, tất cả Thiên chúng đều ra khỏi tháp của Phật Ca-diếp, hỏi Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà:

–Vì sao Thiên vương biết được tháp Phật này?

Sau khi Thiên chúng hỏi như vậy, Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà bảo: Tất cả Thiên chúng các ông hãy lắng nghe: Ta có nhân duyên được thấy tháp này trước. Lúc trước, khi mới sinh ở cõi trời này, ta sống buông lung, ưa thích cảnh giới, bị năm sợi dây trói buộc, đi khắp cõi trời Dạ-ma này, vui chơi thọ hưởng công năng của năm dục, đi khắp nơi, từ một vườn đến một vườn, từ núi đến núi, từ hang núi đến hang núi, từ sườn núi đến sườn núi, từ một ao sen đến một ao sen, từ một ngọn núi đến một ngọn núi, có nhiều đến vô lượng trăm ngàn Thiên tử bị chúng Thiên nữ vây quanh. Các Thiên nữ ấy có vô lượng trăm ngàn đồ đạc trang sức, ca múa vui đùa, dạo chơi quây quần phía trước Thiên tử.

Lúc ấy, ta quán khắp như vậy về cõi trời này, ham thích, đắm nhiễm vào cảnh giới năm dục, tâm sinh vui thích, bị tham ái dẫn dắt.

Ta đi ở ba chỗ đều không bị trở ngại. Đó là ở trong nước, trên lưng ngỗng, từ lưng một con ngỗng đến lưng một con ngỗng, kế đến lại trên lưng uyên ương, từ một con uyên ương đến một con uyên ương, kế đó lại cỡi trên lưng vịt, từ lưng một con vịt đến lưng một con vịt, kế đến lại ở trong hoa sen, từ một hoa sen đến một hoa sen, ở trên sóng nước từ ngọn sóng đến ngọn sóng, tùy ý mà dạo chơi khắp nơi, không có trở ngại. Tất cả đều vui chơi ca múa, tươi cười, đi chơi như vậy, tâm rất hoan lạc.

Ta đã dạo chơi đủ cách như vậy rồi, lại nghĩ đến trò chơi khác ở trên đất, cỡi trên cung điện có trăm ngàn cung nữ chung quanh, từ núi đến núi, từ một hang núi đến một hang núi, từ vườn đến vườn, từ khe núi đến khe núi, khi ấy ta đi ở mọi nơi không có trở ngại.

Lần lượt như vậy, ở trong hư không lại cỡi cung điện có trăm ngàn Thiên chúng vây quanh, tạo các loại âm nhạc cõi trời phát ra âm thanh vi diệu, ca múa vui cười, vừa đi vừa chơi, khắp tất cả cõi trời này, thấy đủ loại nơi khác nhau không thể nói, nơi có nhiều bảy báu chiếu ra ánh sáng rất vi diệu. Ở ngọn núi như vậy, chỗ nào cũng thấy có trăm ngàn cây được trang sức bằng bảy báu, lần lượt như vậy lại thấy sông có trăm ngàn hoa sen tập trung trên bờ, nơi nơi đều có hoa sen xinh đẹp. Ta và Thiên chúng đều thấy như vậy ở trên hư không, ngó xuống các thứ dục lạc đầy đủ công đức.

Trên cõi trời này, chỗ nào cũng có trăm ngàn loại cung điện, ta thường đi lại không bị ngăn ngại ở ba nơi là nước, đất liền và hư không, đi chơi như vậy thọ hưởng đủ loại dục lạc.

Lại có lúc ta trông thấy sáu ngọn núi có sáu ánh sáng vọt lên hư không, màu sắc rõ ràng, không biết là vật gì. Thấy rồi ta sinh tâm thán phục và thường nghĩ: "Cái mà ta thấy đây xưa nay chưa từng có, đó là vật gì vậy?"

Nghĩ như vậy rồi, ta liền cùng với cung điện và tất cả Thiên chúng tiến mau về phía trước đến chỗ sáu ánh sáng đó. Khi đến nơi ta và cung điện đều bị rơi xuống, tất cả oai đức và ánh sáng ta có trước đây đều bị giảm sút.

Lúc ấy, ta nghĩ: Đây là vật gì, là thế lực gì mà khiến cho thân ta và Thiên chúng này tất cả đều rơi xuống, tất cả ánh sáng và oai đức đều bị giảm sút!

Sau khi suy nghĩ, ở trong Thiên chúng có một vị trời kỳ cựu tên là Vô Cấu Quảng. Vị Thiên ấy trước kia đã thấy sáu loại ánh sáng của sáu

ngọn núi như vậy mới nói với ta: "Xin Thiên vương đừng có sợ, Thiên vương không có lỗi gì. Lúc này Thiên vương không có gì chẳng lành, xin Thiên vương lắng nghe. Vì lý do gì mà nay Thiên vương và Thiên chúng bị rơi từ trên không xuống. Trong quá khứ từng có vô lượng Thiên vương đã từng đi trên hư không ở nơi này, không thể vượt qua và đều rơi xuống như vậy. Từ trước đến nay, Thiên vương chưa từng được nghe do không biết nên muốn vượt qua như vậy liền bị rơi xuống, tất cả oai đức và ánh sáng đều sắp tắt.

Nay tôi nói lý do này cho Thiên vương nghe: Ở vùng đất cây cối sum suê có tạo sáu bảo tháp của sáu Đức Phật Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Bậc Thiên Trung Thiên là những bậc hiểu biết như thật về tất cả thế gian, để làm lợi ích cho hàng trời, người. Tháp Phật này là nơi nên lễ bái, nên cúng dường. Ai lễ bái, cúng dường đều được sức mạnh. Vì sao? Vì không có gì hơn tháp ấy.

Tháp Phật này không ai được đi qua. Do nhân duyên ấy nên hôm nay Thiên vương bị rơi xuống như vậy.

Khi đó ta bảo với Vô Cấu Quảng:

–Phật ở nơi nào?

Vô Cấu Quảng liền thưa:

–Ngày nay thì không còn, tất cả thế gian đều không có, vị ấy biết tất cả, thấy tất cả, biết tội lỗi xấu xa của tham dục, biết các khổ não ở trong sinh tử rồi, siêng năng tu tập sáu pháp Ba-la-mật, đủ ba a-tăng-kỳ kiếp, được tất cả trí rồi nhập Niết-bàn. Đó là nói tóm lược. Muốn được nghe rộng rãi, hãy xem tháp Phật này sẽ được nói rộng. Sáu tháp Phật này ở tại vùng đất có đầy đủ cây cối.

Khi ấy, nghe vị cựu Thiên tên là Vô Cấu Quảng nói, ta sinh tâm thán phục, thấy thế lực rồi liền cùng vị trời kỳ cựu Vô Cấu Quảng và Thiên chúng đến chỗ tháp Phật. Đến rồi suy nghĩ, vì muốn nghe pháp vượt sinh tử, nên vào tháp Phật. Đã vào tháp rồi, được nghe pháp mà Đức Phật Thế Tôn ấy đã giảng nói.

Bấy giờ, được nghe Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà nói như vậy, Thiên chúng đều từ giã Thiên vương đi về chỗ ở của mình. Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà cũng về chỗ ở từ trước đến nay của mình. Việc nói về tháp Phật đã xong.

-oOo-